

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Danh nhân NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ

II



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. PHẠM THỊ THINH

Biên tập nội dung:	ThS. PHẠM THỊ NGỌC BÍCH TS. VŨ THỊ HƯƠNG TS. NGUYỄN DIỆU LINH NGUYỄN MAI ANH ThS. NGUYỄN THANH HƯƠNG
Trình bày bìa:	ĐƯỜNG HỒNG MAI
Chế bản vi tính:	NGUYỄN THỊ HẰNG
Sửa bản in:	TẠ THU THỦY
Đọc sách mẫu:	MAI ANH - THANH HƯƠNG

Danh nhân
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ

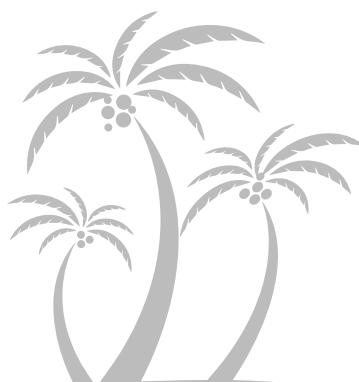


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Danh nhân
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ

II



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2022

TIỂU BAN NỘI DUNG CỦA BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO

Căn cứ Kế hoạch số 260/KH-UBND, ngày 13/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế về Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu;

Căn cứ Quyết định số 98/QĐ-UBND, ngày 17/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc thành lập Ban Tổ chức, các Tiểu ban Hội thảo khoa học quốc tế về Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu;

Căn cứ cuộc họp ngày 16/02/2022, thống nhất phân công nhiệm vụ cụ thể của các thành viên (tổ chức, cá nhân), Ban Tổ chức Hội thảo phân công nhiệm vụ Tiểu ban Nội dung như sau:

BAN TỔ CHỨC

Ông TRẦN NGỌC TAM	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, Trưởng ban
GS.TS. NGUYỄN CHÍ BÈN	Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
PGS.TS. PHẠM LAN OANH	Phó Viện trưởng Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
PGS.TS. NGUYỄN THẾ DŨNG	Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
Ông CAO VĂN DŨNG	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bến Tre
Ông NGUYỄN TRÚC SƠN	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre
Ông NGUYỄN VĂN BÀN	Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre
Ông NGUYỄN VĂN VŨNG	Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bến Tre
Ông VÕ VĂN BÉ HAI	Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bến Tre
Ông NGÔ VĂN TÁN	Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bến Tre
Ông HUỖNH TRUNG TÍNH	Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bến Tre
Ông HỒ VĂN CAM	Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu
Bà TRẦN THỊ BÍCH VÂN	Phó Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Bến Tre (phụ trách công tác đối ngoại)

TỔ GIÚP VIỆC

TS. PHẠM VĂN LUÂN	Trường Cao đẳng Bến Tre
ThS. LÊ THỊ KIM NGỌC	Chuyên viên Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre
TS. NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), tục gọi là Đồ Chiểu, là một nhà thơ, nhà văn hóa lớn của Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX. Khi thực dân Pháp đánh chiếm thành Gia Định, ông đã rời bỏ quê mẹ Gia Định để về sống ở quê vợ Cần Giuộc (tỉnh Long An ngày nay), sau đó về Ba Tri (tỉnh Bến Tre) sống 26 năm cho đến khi an nghỉ tại đây. Ông đã để lại cho đời nhiều tác phẩm văn học bất hủ, tiêu biểu như *Lục Vân Tiên*; *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*; *Dương Từ - Hà Mậu*... Tại Kỳ họp lần thứ 41 của Đại hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) (tháng 11/2021) đã ra Nghị quyết 41C/15 vinh danh Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Đình Chiểu và năm 2022, tổ chức kỷ niệm 200 năm ngày sinh của Cụ Đồ Chiểu. Việc ra Nghị quyết UNESCO cùng tổ chức vinh danh và tham gia kỷ niệm năm sinh, năm mất Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu đã khẳng định tầm quan trọng và sự công nhận trên bình diện thế giới đối với Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, người đã đóng góp to lớn cho sự phát triển văn hóa và tăng cường hiểu biết quốc tế, tạo nên sự gần gũi giữa các dân tộc và đóng góp cho hòa bình thế giới.

Nhân dịp kỷ niệm 200 năm ngày sinh của Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Đình Chiểu, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế ***Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu trong thời đại ngày nay*** với mong muốn là diễn đàn để các nhà nghiên cứu, nhà khoa học trao đổi, thảo luận, tiếp tục làm sáng rõ nhiều vấn đề xung quanh thời đại, quê hương và gia đình của Nguyễn Đình Chiểu; vị thế của nhà văn hóa được UNESCO vinh danh và giá trị các tác phẩm,... từ đó đề xuất các giải pháp tiếp tục bảo vệ và phát huy di sản của Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu.

Hội thảo thu hút sự quan tâm rất lớn của các nhà nghiên cứu, nhà khoa học ở trong và ngoài nước, thể hiện ở số lượng lớn các tham luận gửi về Ban Tổ chức Hội thảo. Để thuận tiện cho bạn đọc theo dõi, chúng tôi trình bày toàn văn Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế thành 2 quyển với số lượng trang phù hợp, được sắp xếp theo các chủ đề mà Ban Tổ chức Hội thảo đã xây dựng. Phần cuối của quyển II, chúng tôi trình bày danh sách tên và tác giả một số tham luận, vì những lý do khách quan và chủ quan, không trình bày toàn văn trong Kỷ yếu. Văn bản tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu có khác nhau. Ban Tổ chức Hội thảo và Nhà xuất bản tôn trọng văn bản các tác giả tham luận sử dụng. Các tham luận gửi đến Hội thảo thể hiện quan điểm riêng của các tác giả với nhiều cách tiếp cận khác nhau xung quanh chủ đề Hội thảo.

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật trân trọng giới thiệu toàn văn các tham luận tại Hội thảo khoa học quốc tế quan trọng này.

Tháng 6 năm 2022

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

PHẦN THỨ TƯ

NHÀ VĂN HÓA

ĐƯỢC UNESCO GHI DANH

QUAN ĐIỂM THIỆN - ÁC TRONG TÁC PHẨM *LỤC VÂN TIÊN* CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU - NHÌN TỪ THUYẾT LỰA CHỌN DUY LÝ

TS. LÊ THUYẾT AN*

Tóm tắt: Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ lớn của dân tộc Việt Nam. Những tác phẩm của ông được nhân dân yêu thích bởi quan điểm tư tưởng rõ ràng, gần gũi, như quan điểm nhân nghĩa, yêu nước, thương dân, v.v.. Trong đó, có một quan điểm được nhân dân Nam Bộ yêu thích là quan điểm thiện - ác, cái thiện luôn chiến thắng cái ác mang đến các kết thúc có hậu. Bài viết này mong muốn góp thêm một nghiên cứu về quan điểm thiện - ác trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu từ thuyết lựa chọn duy lý để làm rõ hơn vì sao các tác phẩm của tác gia Nguyễn Đình Chiểu đi vào lòng nhân dân Nam Bộ.

Từ khóa: Lựa chọn duy lý; Lục Vân Tiên; Nguyễn Đình Chiểu; Quan điểm thiện - ác.

GOOD AND EVIL VIEWPOINT IN WORK *LỤC VÂN TIÊN* OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU - LOOK FROM THEORY OF RATIONAL SELECTION

Abstract: Nguyễn Đình Chiểu is an eminent poet and thinker of Vietnam. His works are loved by the people for clear and close ideological viewpoint such as humanity, patriotism,

* Trường Đại học Trà Vinh. Liên hệ: thuyan@tvu.edu.vn

tolerance, etc. In particular, the viewpoint of tolerance and intolerance is the most loved by the people of Southern Vietnam in which tolerance always wins and brings about happy endings. This paper provides a further study on the viewpoint of tolerance and intolerance in the works by Nguyễn Đình Chiểu from rational choice theory to better clarify why his works entered the hearts of the people of Southern Vietnam.

Keywords: Rational choice; Lục Vân Tiên; Nguyễn Đình Chiểu; Viewpoint of tolerance and intolerance.

Toàn văn

1. Đặt vấn đề

Nguyễn Đình Chiểu là một ngôi sao sáng trên bầu trời thơ văn yêu nước thời kỳ đầu kháng chiến chống thực dân Pháp. Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu được yêu mến không chỉ bởi giọng thơ khảng khái, hào hùng ý chí chống giặc, kiên cường, bất khuất trước mọi thế lực mà còn được yêu mến bởi đạo lý làm người, tinh thần nhân nghĩa và hơn hết là bày tỏ thái độ rạch ròi, thiện ác phân minh. Sự yêu ghét rõ ràng này khắc họa tính cách văn hóa, bản chất chân thật, khảng khái của người dân Nam Bộ. Người dân Nam Bộ yêu mến những tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu bởi nó phản ánh đúng tư tưởng, tinh thần và niềm mơ ước của người dân, đó là tư tưởng nhân đạo, yêu thương con người, sẵn sàng giúp đỡ kẻ yếu thế khi cần thiết mà không cần đền đáp, tinh thần “trọng nghĩa khinh tài” và đặc biệt là cái thiện luôn chiến thắng cái ác.

Lục Vân Tiên là một truyện thơ phản ánh cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, giữa hai loại người chính nghĩa và phi nghĩa. Hai loại người này trong tác phẩm được khắc họa thành hai tuyến nhân vật chính diện và phản diện.

*“Nhớ câu kiến ngãi bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”.*

2. Nội dung

a) Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Thuyết lựa chọn duy lý (Rational Choice Theory) xưa nay được nghiên cứu, tiếp cận bởi các nhà kinh tế học, tâm lý học và nhân học. Thuyết lựa chọn duy lý cho rằng con người thực hiện một hành động nào đó thường có chủ đích, có suy nghĩ lựa chọn, sử dụng các nguồn lực duy lý nhằm đạt được một kết quả, một mong muốn nào đó. Khi quyết định thực hiện, lựa chọn một hành động, con người xã hội sẽ có sự cân nhắc giữa cái mình bỏ ra và kết quả thu lại. Nếu cái bỏ ra lớn hơn kết quả thu lại thì con người sẽ không thực hiện và ngược lại. Thuyết lựa chọn duy lý chỉ ra rằng, các cá nhân dựa trên sự cân nhắc lý trí để đạt được kết quả phù hợp với mục tiêu cá nhân của họ. Những quyết định này cung cấp cho mọi người lợi ích hoặc sự hài lòng lớn nhất dựa trên những lựa chọn có sẵn - và cũng vì lợi ích cá nhân cao nhất cho họ.

Thuyết lựa chọn duy lý cũng cho rằng tất cả các hiện tượng xã hội phức tạp đều được điều khiển bởi các hành động của con người. Một số quan điểm sai lầm đồng nhất thuyết lựa chọn duy lý, sự lựa chọn của con người gần giống với tính ích kỷ hay vị kỷ cá nhân. Điều đó không đúng với quan điểm của thuyết lựa chọn duy lý. Tính lựa chọn duy lý cũng có thể được mang đến từ lòng vị tha và không vụ lợi. Kết quả thu được không chỉ là những dạng vật chất, tiền bạc mà thuyết lựa chọn duy lý còn chỉ ra những cái lợi đến từ mặt nhân văn, xã hội. Kết quả đạt được sau khi cân nhắc, lựa chọn và hành xử, con người có thể đạt được những giá trị về lòng tin, sự thỏa mãn nhu cầu thể hiện cái tôn vinh trong xã hội, sự sĩ diện hay bất kỳ một giá trị về tính nhân văn nào khác.

Hướng sử dụng thuyết lựa chọn duy lý để nghiên cứu trường hợp văn học, mà cụ thể là qua tác phẩm của tác gia lớn Nguyễn Đình Chiểu, theo chúng tôi là hoàn toàn mới. Hướng tiếp cận này mong muốn chỉ ra rằng, sự lựa chọn thiện - ác trong quan điểm tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu là sự lựa chọn duy lý, nó có ý nghĩa nhất định trong bối cảnh lịch sử, bối cảnh văn hóa Nam Bộ lúc bấy giờ. Sự lựa chọn hành xử nhân văn, lối sống

hướng thiện, cái thiện luôn chiến thắng cái ác không chỉ là sự lựa chọn của riêng tuyến nhân vật chính diện trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, sự lựa chọn của tác gia Nguyễn Đình Chiểu mà nó còn là sự lựa chọn chung, tâm lý hướng đến của cư dân Nam Bộ thời bấy giờ.

Phương pháp nghiên cứu được thực hiện trong bài viết này là phương pháp nghiên cứu, phân tích tài liệu cùng với hướng tiếp cận liên ngành văn hóa - văn học. Kết quả nghiên cứu nhằm giải mã tính cách văn hóa, lựa chọn, thói quen văn hóa của con người Nam Bộ thông qua tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, mà cụ thể ở đây là quan điểm thiện - ác.

b) Tuyến nhân vật đại diện cho cái thiện

Lục Vân Tiên là nhân vật tiêu biểu cho lý tưởng sống, đạo đức cao đẹp của nhân dân lúc bấy giờ. Chàng học rộng, tài cao, văn võ song toàn luôn sẵn sàng ra tay cứu giúp người khi gặp hoạn nạn. Lục Vân Tiên thuộc về phe chính diện, là hình tượng kiểu mẫu dùng để giáo dục đạo đức, lý tưởng sống cho nhân dân với lý tưởng: *“Trai thời trung hiếu làm đầu”*. Vân Tiên là kiểu người bộc trực, thẳng thắn, thấy chuyện bất bình không thể nào làm ngơ:

“Vân Tiên ghé lại bên đàng

Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô”.

Hình ảnh Lục Vân Tiên được khắc họa thật đẹp, thật anh dũng. Hành động của chàng dứt khoát, nhanh chóng, không chút do dự, dẫn đến cho thấy tính hào hiệp, trượng nghĩa của Vân Tiên là bản chất thực trong chính con người chàng. Nó bộc lộ tức thì khi gặp phải cảnh bất bình chứ không hề có sự suy tính hay vụ lợi gì ở đây. Vân Tiên không chỉ chính trực, ra tay nghĩa hiệp để cứu người cô thế, mà còn là người có tính hào hiệp, trượng nghĩa, làm ơn không mong đền đáp:

“Vân Tiên nghe nói liền cười

Làm ơn há dễ trông người trả ơn”.

Tính cách “thi ơn bất cầu báo” này của Lục Vân Tiên cũng là tính cách mà người dân Nam Bộ ước mong, mong muốn đạt đến và như một

tượng đài mang tính giáo dục, rắn đẽ. Khi được Nguyệt Nga có ý tặng trâm bày tỏ lòng biết ơn, Vân Tiên đã thể hiện quan điểm chính trực của mình:

*“Nhớ câu trọng nghĩa khinh tài
Nào ai chịu lấy của ai làm gì”.*

Khi cứu giúp Nguyệt Nga, Vân Tiên đã không màng nguy hiểm tính mạng thì đâu cần chi đến vật chất mà cần nàng phải báo đáp. Trong hoàn cảnh Nguyệt Nga cứ khẳng khẳng nhiều lần ngỏ ý mời Vân Tiên về nhà chơi, hay tặng trâm báo đáp thì Vân Tiên vẫn một mực quyết tâm chối từ. Chàng hoàn toàn có thể nhận báo đáp vì chàng xứng đáng với điều đó nhưng Vân Tiên trước sau như một, kiên quyết với cách sống thanh cao, trọng nghĩa của mình. Trước một cô gái đẹp sẵn sàng dùng mọi cách để trả ơn cho mình thì Vân Tiên chỉ nhận một bài thơ mang giá trị tinh thần nhân văn sâu sắc:

*“Đưa trâm chàng đã làm ngơ,
Thiếp xin đưa một bài thơ giả từ
Vân Tiên ngó lại rằng: “Ừ”,
Làm thơ cho kịp bây chừ chớ lâu”.*

Cách lựa chọn của Vân Tiên càng làm hồi lòng hồi dạ của người dân Nam Bộ vốn trọng lối sống “trọng nghĩa khinh tài”, trọng nghĩa tình, coi khinh tiền tài vật chất.

Cùng tuyến nhân vật chính diện với Vân Tiên còn có Hồn Minh. Vốn xuất thân là tầng lớp trên trong xã hội, có lý tưởng, học hành và hơn hết là tính nhân nghĩa và đạo đức, Hồn Minh được miêu tả là một người cương trực, mạnh mẽ, quen dùng hành động để giải quyết vấn đề và có phần nóng tính:

*“Tôi bèn nổi giận một khi
Vật chàng xuống đó bẻ đi một giò”.*

Hồn Minh không chút mảy may do dự đã thẳng tay dạy cho Đặng Sinh bài học vì thói ỷ thế ức hiếp người.

Cùng tuyến nhân vật chính diện, đại diện cho cái thiện trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* còn phải kể đến Tử Trục là một nhân vật điển hình

cho người quân tử, trọng nghĩa tình. Khi đã kết nghĩa với Vân Tiên, Tử Trục giữ lời hứa và xem trọng tình bạn, chàng thẳng thừng từ chối cha con Võ công, Võ Thể Loan:

*“Vợ Tiên là Trục chị dâu,
Chị dâu em bạn dám đâu lỗi nghi
Chẳng hay người học sách chi
Nói sao những tiếng dị kỳ khó nghe?”.*

Không tiếc lời sỉ vả Thể Loan:

*“Hổ hang vậy cũng người ta
So loài cầm thú vậy mà khác chi”.*

Để dệt nên cái đẹp cho tác phẩm *Lục Vân Tiên*, để Lục Vân Tiên xứng đáng là một tấm gương về bài học mang tính giáo dục thì không thể thiếu nhân vật Kiều Nguyệt Nga. Nàng là một người tài sắc vẹn toàn, người con gái có hiếu với cha, trung trinh với người quân tử đã từng cứu giúp mình.

*“Làm con đâu dám cãi cha
Ví dầu ngàn dặm đường xa cũng đành”.*

Chịu ơn phải trả ơn:

*“Hà Khê qua đó cũng gần
Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng
Gặp đây đương lúc giữa đàng
Của tiên chẳng có bạc vàng cũng không”.*

Điều làm nên nét đặc trưng của tác phẩm *Lục Vân Tiên* là không chỉ những nhân vật chính, nhân vật khôi ngô, xuất thân gia đình có học vấn hay địa vị được khắc họa là nhân vật mang tính cách thiện mà cả những nhân vật rất đời bình dân như ông Ngư, ông Tiều cũng được miêu tả là những con người nhân nghĩa, luôn sẵn sàng chìa tay ra cứu người mà không cần đền đáp. Đầu tiên phải kể đến hành động khẩn trương cứu người của ông Ngư (vớt ngay lên bờ), không vụ lợi, không mảy may tính toán thiệt hơn, còn hối thúc người nhà cùng ra tay giúp người:

*“Ông chài xem thấy vớt ngay lên bờ
Hối con vầy lửa một giờ
Ông hơ bụng dạ, mụ hơ mặt mày”.*

Ông Ngư còn giữ Vân Tiên ở lại để chăm sóc, sẵn sàng giúp đỡ, làm việc nghĩa không cần trả ơn:

*“Ngư rằng: Lòng lão chẳng mơ,
Dốc lòng như nghĩa há chờ trả ơn”.*

Và ông Tiều cũng vậy, cũng không màng ơn nghĩa khi cứu giúp Vân Tiên:

*“Lão Tiều mới nói: “Thôi thôi,
Làm ơn mà lại trông người hay sao”.*

Nhân vật ông Ngư, ông Tiều là đại diện cho nhân cách cao thượng, sống trong sạch, không màng danh lợi, tiền tài, cuộc sống giản đơn đạm bạc, hòa mình, bầu bạn với thiên nhiên. Ông Ngư là một người lao động chất phác, trọng nghĩa kinh tài, giàu lòng thương người:

*“Một mình thông thả làm ăn,
Khỏe quơ chài kéo, mệt quăng câu dầm”.*

Ông Tiều cũng chọn cách sống hòa mình với thiên nhiên:

*“Trăng thanh gió mát bạn cùng hươu nai.
Và “Công hầu phú quý mặc ai”.*

Cách chọn cuộc sống thanh bần, hòa mình với thiên nhiên, trọng nhân nghĩa, khinh tiền tài của ông Ngư cũng là cách sống của đại bộ phận dân chúng Nam Bộ. Họ sẵn sàng từ bỏ lợi danh để chọn cuộc sống giản dị mà nhân nghĩa. Họ hoàn toàn có thể mong được trả ơn, được đền đáp nhưng họ không làm vậy. Người Nam Bộ sẵn sàng cứu vớt khi bắt gặp ai đó gặp nạn tai hay chỉ đơn giản cho ở nhờ, cho đi quá giang là điều dễ bắt gặp. Tất cả những điều đó phản ánh khí chất, tính ngay thẳng, trung chính và thật thà của những nhân vật thiện trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* nói riêng và của cư dân Nam Bộ nói chung.

c) Tuyến nhân vật đại diện cho cái ác

Truyện thơ *Lục Vân Tiên* là tác phẩm ngợi ca lòng chung thủy, tính chính nghĩa, hào hiệp, ca ngợi lòng hiếu thảo, tiết hạnh và nổi bật hơn hết là ca ngợi cái đẹp, cái thiện và đạo đức. Để xây dựng và làm nổi bật những nhân vật, những hình tượng cao đẹp đó, tác giả Nguyễn Đình Chiểu đã xây dựng hai tuyến nhân vật đối lập nhau về tính cách, cách

hành xử. Đó là nhân vật *Trịnh Hâm* - một người thuộc tuyến nhân vật đại diện cho sự bất tài, láo xược, cho cái ác, sự xấu xa, tàn nhẫn.

Trịnh Hâm được Nguyễn Đình Chiểu xây dựng là một nhân vật không tài cán gì:

*“Một người ở quận Phan Dương,
Tên Hâm họ Trịnh tâm thường nghề văn”.*

Hắn còn cho thấy là một kẻ cực kỳ láo xược, khinh người khi lên tiếng với ông Quán:

*“Hâm rằng: “Lão Quán nói nhăng,
Dẫu cho trải việc cũng thằng bán cơm...
Gối rơm theo phận gối rơm
Có đâu ở thấp mà trèo lên cao”.*

Trịnh Hâm không chỉ bất tài, láo xược mà còn là một nhân vật mang tính xảo huyệt, đổ kỵ với tài năng của người khác:

*“Kiệm Hâm là đứa so đo,
Thấy Tiên dường ấy âu lo trong lòng.
Khoa này Tiên ắt đầu công,
Hâm dầu có đậu cũng không xong rồi”.*

Nhận thấy Vân Tiên có tài, Trịnh Hâm đã bộc lộ sự lo lắng nhưng hắn vẫn một mặt thân thiện, ngọt nhạt an ủi Vân Tiên, rồi mặt khác rắp tâm ra tay hãm hại bất ngờ.

Ngoài mặt thì hắn:

*“Hâm rằng: “Anh chớ ưu phiền,
Khoa này chẳng gặp, ta nguyên khoa sau”.*

Nhưng cuối cùng thì chờ khi có dịp, Trịnh Hâm đã nhanh chóng ra tay hãm hại Vân Tiên ngay tức khắc. Trịnh Hâm đã có hành động xấu xa, độc ác là giữa lúc đêm tối, Trịnh Hâm xô Lục Vân Tiên xuống vực.

*“Trịnh Hâm khi ấy ra tay,
Vân Tiên bị ngã xô ngay xuống vơi”.*

Hành động này diễn ra nhanh, gọn, tàn nhẫn, không chút đắn đo, lưỡng lự cho thấy cái ác trong Trịnh Hâm rất lớn. Có thể thấy việc hãm hại

người khác được thực hiện thường xuyên nên rất thuần thục, nhanh, gọn, dứt khoát. Chưa dừng lại ở đó, sau hành động tàn nhẫn, hắn còn kêu trời. Hành động vừa ăn cắp vừa la làng để muốn che đậy tội ác cho thấy sự gian xảo, giả nhân giả nghĩa đến tột cùng:

*“Trịnh Hâm giả tiếng kêu trời,
Cho người thức dậy lấy lời phôi pha”.*

Trịnh Hâm là hình tượng nhân vật được Nguyễn Đình Chiểu khắc họa tiêu biểu cho những người thuộc nhân cách xấu xa, ghen ghét, đố kỵ với bạn bè, bản chất độc ác, con người tráo trở, lừa lọc, phản bội, bất nhân bất nghĩa.

Cùng tuyến nhân vật phản diện đại diện cho cái ác còn có cha con Võ công, Võ Thể Loan. Ban đầu, Võ công cho rằng, Vân Tiên là trạng nguyên tương lai nên đón tiếp ân cần, xem như con rể và dặn con gái ứng xử lễ phép để lấy lòng:

*“Công rằng: “Ngãi tể mới sang,
Muốn lo việc nước, hãy toan việc nhà”.*

Võ Thể Loan vội vàng hẹn thề, giữ đạo tào kưong đợi chờ Vân Tiên trở về:

*“Chàng dầu cung quế xuyên dương,
Thiếp xin hai chữ Tào kưong cho bằng”.*

Lời hứa ngọt ngào chẳng mấy chốc đã thay đổi khi thấy Vân Tiên lâm vào cảnh nạn: bỏ lỡ khoa thi, mất bị mù thì cả cha lẫn con đều trở mặt, muốn kết sui gia với họ Vương. Người cha còn tìm cách giết Vân Tiên: *“Ta dầu muốn kết sui gia/Họ Vương họ Võ một nhà mới xinh”*; con thì thẳng thừng chê Vân Tiên là thất phu: *“Nỡ đem mình ngọc dựa kề thất phu”*.

Lợi dụng lúc Vân Tiên mù lòa, họ lừa bỏ chàng vào hang sâu:

*“Ra đi đường lúc tam canh,
Dắt vào hang tối bỏ đành Vân Tiên”.*

Thông qua tác phẩm *Lục Vân Tiên*, người đọc dễ dàng nhận thấy, Nguyễn Đình Chiểu đã phân định một cách rạch ròi ranh giới giữa thiện và ác. Trịnh Hâm, Võ công là tiêu biểu cho cái ác, xấu xa, thấp hèn;

ông Ngự, ông Tiều là đại diện cho cái thiện, cái đẹp, sự cao thượng. Tác giả đã sử dụng nghệ thuật đối lập, tương phản nhằm tô đậm hành động bất nhân, bất nghĩa của Trịnh Hâm và ca ngợi, khẳng định hành động cứu người cao đẹp của ông Ngự, ông Tiều. Quan điểm thiện - ác của Nguyễn Đình Chiểu xuất phát từ quan điểm nhân nghĩa xuyên suốt trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Ông Ngự, ông Tiều là hiện thân cho vẻ đẹp của quần chúng nhân dân lao động, hiện thân cho vẻ đẹp của chính nghĩa. Hình tượng ông Ngự, ông Tiều chính là kết tinh của lý tưởng nhân nghĩa trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.

Cái thiện là những việc làm đẹp đẽ, trong sáng, ngay thẳng, minh bạch; còn cái ác là những việc làm phi nghĩa, đen tối. Người sống thiện là người luôn hướng đến những điều tốt đẹp, không trái với đạo đức, giúp đỡ người khác mà không cần đền đáp. Nhưng người sống theo cái ác là người hướng đến những việc làm gian xảo, xấu xa, luôn tìm cách hãm hại người khác để đạt được cái lợi cho bản thân. Người sống ác thường luôn tìm mọi cách che đậy bằng lớp vỏ bề ngoài giả nhân, giả nghĩa. Chúng luôn dùng mọi thủ đoạn độc ác, mọi mưu ma chước quỷ nhằm tấn công cái thiện để tồn tại. Nhưng dường như có một quy luật cuộc sống, qua bao sóng gió gian truân, bị đầy đọa, vùi dập, thậm chí phải hy sinh thì cái thiện cuối cùng vẫn chiến thắng cái ác, cái ác luôn phải trả giá bằng chính những hành động của mình. Tác phẩm *Lục Vân Tiên* của tác gia Nguyễn Đình Chiểu là một minh chứng cho quy luật ấy. Cái ác phải bị trả giá, bị trừng trị, cái thiện luôn chiến thắng vinh quang rạng rỡ và cuối cùng người tốt sẽ có cuộc sống tốt đẹp, hạnh phúc.

Kết thúc tác phẩm, tuyến nhân vật thiện được sống hạnh phúc, được hưởng thành quả họ đáng nhận. Nguyệt Nga được giải oan, được sắc phong làm Quận chúa kết duyên cùng Vân Tiên với cái kết viên mãn, hạnh phúc. Kiều công được phục chức làm quan Đông Thành. Trong khi đó, tuyến nhân vật ác, nhóm người đại diện cho cái ác trong xã hội phải đền tội. Võ công vì bị Tử Trục sỉ vả đến cảm thấy xấu hổ, nhục nhã mà lâm bệnh chết. Mẹ con Võ Thể Loan bị quả báo nhãn tiền,

bị cộp tha vào hang đá vùi lấp. Trịnh Hâm vốn dĩ bị chém đầu nhưng với tính cách khoan dung nhân đạo của Vân Tiên, hắn chỉ bị đuổi đi. Nhưng trời cũng không giúp hắn, đi tới Hàn Giang thì sóng thần kéo tới làm lật thuyền và cá nuốt. Bùi Kiệm là một nhân vật không có tội trạng lớn, chỉ mỗi tính “máu dê” nhưng kết cục vẫn cảm thấy tự hổ thẹn, nhục nhã. Kết thúc có hậu là cái kết nhận được sự đồng cảm sâu sắc của nhân dân Nam Bộ.

Nam Bộ là một vùng đất tương đối trẻ trong các vùng văn hóa ở Việt Nam. Người dân Nam Bộ đa dạng về tộc người cũng như nguồn gốc di cư. Đây là vùng đất đa dạng văn hóa bởi sự cộng cư của người Việt, Hoa, Khmer, Chăm... Về thành phần xuất thân, họ là những người tứ xứ cùng tụ hội về đây khai hoang, lập làng, làm ăn sinh sống. Từ những ngày đầu tụ cư, các dân tộc phải cùng chung vai đấu cật, nỗ lực chống chọi với sự khắc nghiệt của thiên nhiên như hạn hán, lũ lụt hay sự tấn công của cộp, beo, thú dữ. Với thiên nhiên, họ cùng nhau chống lại thiên tai; với xã hội, họ chung nhau chống lại chiến tranh xâm lược, chống lại cái ác, cái xấu luôn chực chờ. Người dân Nam Bộ thuộc rất nhiều tầng lớp khác nhau. Đó là những con người trốn chạy sự phân tranh của triều đình, sự hà khắc, áp bức, bóc lột của các thế lực, họ là những người nghèo, những người có tội hay là những người theo lệnh triều đình đi khai hoang, lập ấp. Họ đa dạng về xuất thân nhưng có một điểm chung là cần sự yên ổn làm ăn nơi vùng đất mới. Thế nhưng, cuộc sống lại có vô vàn hiểm nguy, bất trắc và các thế lực xấu luôn chực chờ để hãm hại, xâu xé nhằm hưởng lợi. Trong hoàn cảnh đó, không còn con đường nào khác, người dân Nam Bộ phải đứng lên đấu tranh, phải chiến đấu để bảo vệ cuộc sống hòa bình, và từ đó, trong những đặc điểm nổi bật của người dân Nam Bộ dần hình thành nên tính cách phân định rạch ròi. Với họ, chỉ có đen và trắng, tốt và xấu, thiện và ác và hơn hết nữa là cái thiện phải luôn luôn thắng cái ác, chính nghĩa phải thắng gian tà. Điều này được bắt gặp trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu rất rõ nét.

Kết luận

Quan điểm thiện - ác, cái kết có hậu là quan điểm nghệ thuật xuất hiện khá nhiều trong các tác phẩm của tác gia Nguyễn Đình Chiểu. Có thể nói, nguyên nhân khiến những tác phẩm của nhà thơ đi vào lòng người dân Nam Bộ chính là tư tưởng nhân đạo, quan điểm thiện ác phân minh, cái thiện luôn chiến thắng, cái ác phải bị trừng trị và nhân vật chính luôn có được cái kết viên mãn. Tác phẩm *Lục Vân Tiên* hội đủ tất cả những điều đó, nó làm thỏa lòng mơ ước của các cư dân Nam Bộ. Những người nông dân chân chất dù đứng trước muôn vàn khó khăn nhưng họ thà lựa chọn cuộc sống trọng nhân nghĩa, khinh tiền bạc chứ không xu nịnh, độc ác, hại người. Nghiên cứu này góp phần tô rõ hơn quan điểm nghệ thuật của tác gia Nguyễn Đình Chiểu qua tác phẩm *Lục Vân Tiên*, đồng thời, nêu lên một đóng góp mới khi dựa trên thuyết lựa chọn duy lý để phân tích, làm rõ hơn quan điểm, tính cách cư dân Nam Bộ qua tác phẩm./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đình Chiểu: *Lục Vân Tiên*, Nxb. Thanh Hóa, 2011.
- [2] Nhiều tác giả: *Giảng văn Văn học Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002.
- [3] Nhiều tác giả (Bộ sách Phê bình và Bình luận Văn học): *Tác giả trong nhà trường - Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2006.
- [4] Bùi Thúc Phước (Sưu tầm và biên soạn): *Văn học Việt Nam thế kỷ XIX - Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2015.
- [5] Nguyễn Bích Thuận (Nghiên cứu và biên soạn): *Tác giả, tác phẩm cổ điển Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Thanh Hóa, 2011.

-
- [6] <http://nguyendinhchieu.vn/ndc.nsf/gioi-thieu-luc-van-tien.html>
 - [7] <https://www.vanchuongthanhphohochiminh.vn/tinh-cach-va-tam-hon-nguoi-nam-bo-qua-tho-van-nguyen-dinh-chieu>
 - [8] <http://vannghep.vn/wp-content/uploads/2020/10/Chuong-3.pdf>
 - [9] <https://www.investopedia.com/terms/r/rational-choice-theory.asp>

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU NHÀ THƠ PHỔ TRUYỀN ĐẠO LÝ

ThS. BẢO PHÁP LỮ MINH CHÂU*

Tóm tắt: Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), người được UNESCO tôn vinh và ghi nhận những giá trị di sản văn hóa để lại cho hậu thế. Một trong những giá trị đặc biệt đó chính là vị thế được người dân kính ngưỡng tôn thờ xưa nay: Nguyễn Đình Chiểu - nhà thơ phổ truyền đạo lý. Vấn đề phổ truyền đạo lý đặt ra trong điều kiện giao lưu văn hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa, bản sắc dân tộc trước sự suy đồi phong hóa trở nên rất cần thiết và rất hữu ích trong đời sống xã hội hiện nay đang có những biến đổi về mặt đạo đức, nhân luân.

Từ khóa: Cụ Đồ Chiểu; Lục Vân Tiên; Phổ truyền đạo lý.

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU - POET WHO POPULARIZES ETHICS

Abstract: Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) was honored and recognized by UNESCO for having transmitted his cultural heritage values to the next generations. He has been respected by all as an eminent poet who had transmitted ethics. In the context of exchanging, safeguarding, promoting cultures and

* Cao Đài Ban chính đạo. Liên hệ: luvanchau@gmail.com

national identities under the risk of cultural and moral decay, the issue of ethical transmission becomes more urgent and useful in the current social life.

Keywords: Elderly Đồ Chiểu; Lục Vân Tiên; Ethical transmission.

Toàn văn

1. Vài nét về lịch sử Nho giáo Trung Quốc đến Việt Nam - phác thảo hoàn cảnh lịch sử ra đời các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu

Nho giáo thâm nhập vào Việt Nam từ đầu Công nguyên do một số quan lại Trung Hoa như Tích Quang, Nhâm Diên, đặc biệt là Sĩ Nhiếp - người được nhân dân gọi là Sĩ Vương, đã đem Nho giáo vào đời sống người dân Việt. Sĩ Nhiếp còn được hậu học tôn xưng là Nam Giao Học tổ.

Trong quá trình giao lưu, tiếp biến giữa Nho giáo và văn hóa dân tộc đã bộc lộ những nét tương đồng và khác biệt. Qua quá trình tiếp thu có chọn lọc từ Nho giáo mà người Việt biết đến lễ nghi, cưới hỏi, Trung y, tiết lịch, tết xuân và hội hè đình đám, thứ bậc gia môn... Từ đó, nước ta tổ chức triều đình, hệ thống pháp luật, hệ thống thi cử, sử dụng Hán văn làm văn tự nhà nước, sau đó là sự sáng tạo ra chữ Nôm để sáng tác văn chương, thi thơ bằng hơi thở ngôn ngữ, âm vực ngũ âm... Chữ Nôm được nâng lên tầm chữ quốc ngữ thời vua Quang Trung, được sử dụng làm văn tự hưng bang. Thời Nguyễn, vua đầu hàng thực dân Pháp, một số sĩ phu tập hợp nhân dân chống giặc, đặt nước trên vua. Truyền thống dân tộc (đồng bào) sâu sắc tạo nên sự khác biệt khi Nho giáo đặt vua ở vị trí tuyệt đối, thì khi tiếp biến văn hóa, Nho giáo tại Việt Nam cũng biến đổi trong quan niệm, do đó Nguyễn Trãi viết: "*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*".

Nguyễn Đình Chiểu sinh ra và lớn lên trong bối cảnh xã hội Nho giáo phong kiến suy vi, xuất thân từ một nho sĩ thuần thành và lại có tấm lòng muốn đem quan điểm sống theo đạo lý của Nho gia áp dụng vào

xã hội nên quan niệm nghệ thuật của ông trong tác phẩm rõ ràng có phần muốn truyền giảng đạo lý của Nho giáo, nhưng đây là Nho giáo Việt Nam, mà đặc biệt là ở Nam Bộ, hồn cốt chuyển hóa thành đạo đức trong nhân dân.

Trong suốt quá trình sáng tác hầu như tư tưởng nhân nghĩa, ái quốc, trung quân lúc nào cũng được ông đề cập; từ *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu* đến thơ văn yêu nước, ông luôn tỏ ra mình là nho sĩ và tự thấy có trách nhiệm phải bảo giữ đạo lý dân tộc theo kiểu nhà nho. Ông là nhà thơ suốt đời quyết tâm muốn giữ lấy đạo nghĩa và muốn đem cái đạo nghĩa ấy truyền bá cho nhân dân thông qua văn chương của mình. Như trên đã nói, ông sinh ra và lớn lên ở Nam Bộ, lại có điều kiện sống gần gũi nhân dân nên đã thấm nhuần đạo lý dân tộc. Tâm hồn ấy đã cảm nhận Nho giáo, chuyển hóa đạo lý Nho giáo hòa cùng đạo lý nhân dân làm nên một thứ đạo lý đẹp đẽ của riêng ông.

Đọc tác phẩm *Lục Vân Tiên*, ta thấy ông nhắc nhiều đến đạo nghĩa: 6 lần chữ “đạo”, 17 lần chữ “nghĩa”. *Dương Từ - Hà Mậu* nói đến chữ “đạo” 129 lần. Ở thơ và văn tế, ông nói đến chữ “nghĩa” 6 lần và chữ “đạo” 13 lần. Tác phẩm cuối đời là *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, ông nói đến chữ “nghĩa” 3 lần và chữ “đạo” 61 lần. Điều đó, cho thấy, ông là nhà thơ suốt đời quyết tâm muốn giữ lấy đạo nghĩa và muốn đem cái đạo nghĩa ấy truyền bá rộng trong nhân dân thông qua việc lấy văn chương làm phương tiện. Thực ra, đạo mà ông muốn truyền bá và gìn giữ, ấy chính là đạo lý mang màu sắc Nho giáo. Có điều Nho giáo ở Nguyễn Đình Chiểu mang sắc thái riêng, đã có màu sắc Nam Bộ, là bản sắc dân tộc Việt Nam.

Nguyễn Đình Chiểu kết hợp đạo lý dân tộc và đạo lý Nho giáo thành đạo lý thể hiện trong tác phẩm của mình, một quan niệm đạo lý xuất phát từ những năm tháng sống với nhân dân, biểu cảm như nhân dân, đứng về phía nhân dân mà đấu tranh cho chính nghĩa thắng gian tà thông qua tác phẩm độc đáo *Lục Vân Tiên*. Tác phẩm *Lục Vân Tiên* được sáng tác để kể câu chuyện chương hồi bằng lối thơ hơn là để xem, rất bình dị. Hơn nữa, vì chịu ảnh hưởng trực tiếp từ truyện Nôm bình dân và truyền thống qua thơ

văn, nói về của dân gian nên những sáng tác của cụ Đồ Chiểu dễ thuộc, dễ nhớ, dễ truyền cảm hứng, được nhiều người biết đến.

2. Giá trị đạo đức qua *Lục Vân Tiên*

Qua truyện thơ *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu muốn truyền tải đến mọi người bằng một câu chuyện đạo lý. Trong đó tinh thần hướng thiện, khuyến khích việc “lành” được ông đặc biệt quan tâm bằng một tuyên ngôn giáo dục về luân lý đạo đức.

*“Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình”.*

Ông đặt chữ trung thành làm lẽ sống ở đời, sinh ra và lớn lên trong lòng nhân dân, ông lấy yếu tố tích cực của Nho giáo chuyển hóa thành đạo lý của nhân dân nên được nhân dân tiếp nhận, thấm nhuần qua lời ru, điệu nói. Người ta đặt ra lối nói thơ Vân Tiên, rất đặc biệt trong đời sống thường nhật của người dân Nam Bộ và họ thuộc lòng theo lẽ tự nhiên của cha ông họ từ thuở nhỏ qua cách ăn ở, lối sống “*Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã*”. Nếu cần bảo vệ đạo lý, nhân nghĩa thì người biết trọng đạo nghĩa sẵn sàng “*Quên mình làm nên cho người*”. Thế nên, đạo lý ở người nho sĩ này trở thành đạo đức nhân dân là vì vậy.

Người Pháp buổi đầu đặt chân lên đất Việt Nam đã quan tâm đến *Lục Vân Tiên*. Trong số đó có G. Aubaret khi viết lời tựa cho bản sách bằng văn xuôi truyện *Lục Vân Tiên* của ông có đoạn: “Chúng tôi thú thật (tác phẩm) đã luôn luôn làm chúng tôi say thích. Đọc nó, chúng tôi hiểu sâu những tính cách đại thể của một dân tộc, chúng tôi sống chung lâu năm. Chúng tôi xem nó như một trong những sản phẩm rất hiếm của trí óc nhân loại, có cái hay là phô diễn khéo léo tình cảm của cả một nước”¹. Ông Linage, một nhà bán sách ở Sài Gòn, trong bức thư đề nghị Hội đồng trưởng Hội đồng Quản hạt xuất bản truyện *Lục Vân Tiên* có đoạn: “Quyển *Lục Vân Tiên* này là một trong những tập thơ được người An Nam

1. Tuần báo *Nam Kỳ*, số đặc biệt năm 1943.

thích hơn hết”¹. Sở dĩ được như vậy là vì nó vừa có tính bác học, vừa có tính bình dân.

Nguyễn Đình Chiểu sáng tác *Lục Vân Tiên* bằng lý tưởng thẩm mỹ của Nho giáo nhưng là Nho giáo được chuyển hóa thành đạo đức nhân dân. Ông nêu lý tưởng để thực hiện trong cuộc sống, đồng thời tiến tới xây dựng một xã hội tốt đẹp chứ không xa rời nhân dân mà thực sự hòa hợp với nhân dân một cách bản nhiên vốn có.

Tác phẩm *Lục Vân Tiên* thể hiện tính chiến đấu giữa thiện - ác, chính - tà thông qua hai tuyến nhân vật, với mỗi đoạn đời khác nhau, để cuối cùng thực hiện đạo làm người trong xã hội, trong nội bộ nhân dân. Đặc biệt, vì lẽ chiến đấu có tính chất nội bộ nên không có trả thù. Ngay việc quả báo cũng đúng như quan niệm của nhân dân. Tất cả tình cảm, tư tưởng đạo đức trong tác phẩm được thể hiện xuất phát từ đáy lòng của một nhà thơ mù nhưng có tính chiến đấu như một chiến sĩ đạo đức với lòng quyết tâm bảo vệ đạo lý, bảo vệ Tổ quốc như nhân dân mong muốn. Ông đã đáp ứng được nhu cầu đạo đức và nhu cầu thưởng thức nghệ thuật nhân dân, bởi tính bình dân trong phong cách của ông. Vì thế, xét một cách phổ quát, ông là nhà thơ của dân tộc trong tinh thần rộng mở vì đạo lý của con người mà viết văn, làm thơ. Ông không có động cơ nào khác. Ông cho đó là thiên chức của người nghệ sĩ.

3. Giá trị đạo đức qua *Dương Từ - Hà Mậu*

Cái gốc của vấn đề là “Đạo nào làm phải làm lành” là hợp với quy luật sẽ giúp con người noi theo đó mà tiến hóa.

“Xưa nay chữ đạo là đường,

Đường đi nào có một phương hẹp hòi”.

Nguyễn Đình Chiểu hiểu được vấn đề có tầm quan trọng nên để tâm viết gần 4.000 câu thơ nhằm hóa giải nó. Ông muốn người theo đạo tự nhận thức lại sau khi tìm lẽ thật của vấn đề rồi quyết định. Tuy là cách

1. Tuần báo *Nam Kỳ*, số đặc biệt năm 1943.

giải quyết không hoàn thiện nhưng so với triều đình thì hữu lý hơn: *“Theo nghĩa ai đành làm phản nước/Có nhân đâu nữ phụ tình nhà”*.

Sau hết, ông kết thúc tác phẩm bằng tiệc cưới vui tươi có chuyện đạo, chuyện đời hòa hợp: Nguyễn Đình Chiểu để cho tín đồ đạo Phật, đạo Thiên Chúa theo gương *Dương Từ - Hà Mậu* “bỏ vời dị đoan”:

*“Người lui kẻ tới dây dây,
Da Tô thầy sãi cũng vậy theo chơi.
Cùng nhau bàn luận việc đời,
Theo đường nhân nghĩa bỏ vời dị đoan”*.

Nguyễn Đình Chiểu quan niệm về đạo đức rất rạch ròi, bài *Than đạo* viết:

*“Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà”*.

Ông dùng thơ văn để chuyển tải đạo đức theo quan niệm của người xưa. Đầu tiên là đạo đối với nước thì “trung quân ái quốc”, hiếu với mẹ cha, với bạn với thầy thì trọn nghĩa; quan niệm về bình đẳng giới của ông đã có từ rất sớm so với thời đại ngày nay. Nhìn chung, quan niệm đạo đức của cụ Đồ Chiểu tôn trọng người tốt, diệt kẻ ác, kẻ xấu.

Đặc biệt, trong tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu*, ông phê cách tu của hai vị, nhưng cuối cùng, ông tỏ rõ tình thuận hòa, để cho Hà Mậu, Dương Từ kết nghĩa thông gia, ông nghĩ:

*“Xưa nay hể Đạo là đường,
Đường đi nào phải một phương hẹp hòi”*.

4. Phổ truyền đạo lý qua *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* và các bài thơ yêu nước

Khi “tỵ địa” về Ba Tri, Bến Tre sống và sáng tác những câu thơ “thần bí”, viết văn, làm thuốc, làm thầy dạy chữ, dạy người, tích hợp lại ba lĩnh vực ấy chính là Nguyễn Đình Chiểu đã phổ truyền đạo lý - một thứ đạo lý bình dân của người Nam Bộ. Mặc dù “ông Đồ” xa lánh danh lợi thị thành náo nhiệt nhưng khi sáng tác thơ văn có sức ảnh hưởng to lớn thì không phải là việc thường. Người đời sau chỉ cần đọc bài *U Yên sám*

trong tác phẩm *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* đã gọi ra bao điều ẩn ý không thể diễn đạt rành mạch “ý tại ngôn trung” của bài sấm ký này. Không gian nghệ thuật ở *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* là không gian y học của một vùng, một điểm nhỏ ở góc trời Nam do sự tưởng tượng của một danh y với bao nhiêu địa danh khác đời thường như: ải Nhân xu, am Bảo dưỡng, truông Âm chất, bến Ngũ hành, ải Thiên can, non Ngũ vận cộng với các từ thái cực, khí chất, âm dương... toàn là việc trời đất phối hợp với con người pha màu kỳ bí khó hiểu bởi nó hết sức trừu tượng. Nói rõ đó là “thế giới thiên thể” và thế giới của những con người đang sống có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Chuyện đại vũ trụ (trời) và tiểu vũ trụ (người) có sức thống nhất biện chứng đã được đề cập từ xưa, đến thời Nguyễn Đình Chiểu có xu thế mới hơn, “coi chừng trời đất trong hình người ta” là đã nhận ra sự gần gũi hơn trước lắm. Trời có nhật, nguyệt, tinh; đất có thủy, hỏa, phong và người có tinh, khí, thần - hệ thống tam tài này là nhất quán, xuyên suốt.

Ông về Ba Tri quy ẩn làm thuốc, làm thơ, làm thầy dạy học tạm qua ngày nhưng đến lúc mất, lòng vẫn không an vì đây là tấm lòng của người có đạo đức, giàu nhân nghĩa, luôn tự thấy có trách nhiệm với nước, với dân. Chuyện y thuật, yêu nước cứ quện chặt mãi, trị bệnh cho người mà tìm phương trị bệnh cho nước, sau chữ nghĩa hàm ẩn điều ấy. Ông thấy y thuật chỉ có giới hạn cứu một số ít dân, chỉ phần thể xác còn làm thơ, viết văn thì cứu được nhiều hơn, ông kết hợp cả hai phương thức ấy; giữa hai con đường đang đặt ra hợp tác hay bất hợp tác để nuôi chí giữ lòng? Tuy đã yên tiếng súng nhưng không yên đối với ai còn nghĩ đến dân, đến nước, đó là thái độ đạo đức đáng quý nơi cụ Đồ.

Trong tác phẩm *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, Nguyễn Đình Chiểu sáng tạo theo phương pháp truyền thống, tượng trưng nhưng có cách tân qua kết cấu, xây dựng hình tượng độc đáo, từ biện pháp tượng trưng, ước lệ được thay dần bằng hiện thực hóa và không còn khắt khe về khuôn khổ câu đối cũng như bước chuyển hóa trong sáng tác. Thế nên, ta bắt gặp ý thơ rộng mở do cảm hứng sáng tạo thông qua lối diễn đạt hồn nhiên như thực tế cuộc sống người dân Nam Bộ, bộc lộ tâm sự riêng có tính khách

quan, tâm sự của người quy ẩn bằng giọng thơ trầm hẳn, hơi buồn thế nước lòng dân. Tiêu ngâm “Trăm năm ra sự chọn rừng nhu”, Ngự thì “Dù lòng ngao ngán giữ rừng nhu” vì “Lữ Tiên, lữ Phật, lữ nguyên Nho phong” cứ thế uống rượu, ngâm thơ. Người tốt thì vậy, còn kẻ xu thời, cụ Đồ nhận xét họ hết sức mỉa mai:

*“Thấy nay trong nhóm văn chương,
Vóc dê da cạp khôn lường thật hư”.*

Trong bầu trời đen tối, bi sầu lại sáng lên hình ảnh Kỳ Nhân Sư cùng hai người bạn Hưởng Thanh Phong và Ảnh Minh Nguyệt có nét thoát trần, là người am hiểu việc thịnh suy ở đời. Kỳ Nhân Sư quy ẩn ở Thiên Thai hàm dưỡng chí đợi thời chứ không hề buông xuôi, phó mặc việc đời, khi ông tự xông hai mắt cho mù để không tiếp khách nữa, để khỏi thấy việc bất bình, cụ Đồ nghĩ: *“Gặp cơn trời tối thà đui/Khỏi gai con mắt lại nuôi tấm lòng”*; còn người ưu thời, chính trực ưu tư việc nước non, khi nghĩ về thân phận mình ông *“Cam lỗi với thương sanh”*, *“Thẹn với non sông”*, xúc cảm *“Nói ra thì nước mất trào/Tấm lòng ưu thế biết bao giờ rồi”*. Ông nghĩ: *“Thời trời đã vậy, thôi thôi nào cầu”* tiếp nỗi đau mà giàu bản lĩnh:

*“Thà cho trước mắt mù mù,
Chẳng thà ngồi thấy kẻ thù quân thân.
Thà cho trước mắt vô nhân,
Chẳng thà ngồi ngó sinh dân nghiêng nghèo.
... Dù đui mà giữ đạo nhà,
Còn hơn có mắt ông cha không thờ”.*

Trước thực tại một số người sáng mắt đã thỏa ước, hợp tác với giặc đi sai nẻo chánh chơn, cụ Đồ cảnh tỉnh:

*“Sáng mắt chi đắm sắc tham tài,
Lung lòng nhân đục chuốt tay học trời.
Sáng chi dua ninh theo đời,
Nay vinh, mai nhục, mang lời thị phi”.*

Cái rộng lớn nằm ở đoạn thơ này, tình người, tình nhân loại mà cụ Đồ đặt ra ở thế kỷ trước, nay đã hiển lộ rõ dần. Đất U Yên thực tế là

mảnh đất Nam Kỳ lục tỉnh nơi ông sống, sinh ra và chiêm nghiệm “tám câu năm vắn” cũng đã sáng tỏ đôi điều rồi.

Khi đất nước bị xâm lược, Nguyễn Đình Chiểu được xem như ngọn cờ đầu chống giặc ngoại xâm, ông tập trung sáng tác theo ý nghĩa:

*“Ngựa nghĩa còn cứu nhà nước cũ,
Làm người bao nữ phụ quê hương”.*

(Ngựa tiêu sương)

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc đã bộc lộ tấm lòng tôn kính các anh hùng vì nước hy sinh oanh liệt. Tuy xuất thân là nông dân áo vải không được rèn luyện nhưng luôn sẵn sàng đứng lên bảo vệ đất nước khi có ngoại xâm. Rồi tiếp theo, ông viết *Văn tế nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh* tế các nghĩa sĩ ở Nam Kỳ. Ông viết thơ điệu Phan Công Tòng, Trương Công Định ca ngợi tinh thần chống giặc rất dũng cảm của họ. Đặc biệt là hai bài thơ điệu Phan học sĩ với niềm cảm thông sâu sắc! Cụ Đồ cho rằng, cái chết của Phan Tòng, Phan Thanh Giản làm cho trời Ba Tri, ngày xuân mà ử dật “*Gió thổi mưa sầu khá xiết than*”, “*Chạnh lòng trăm họ khóc quan Phan*”. Riêng hai bài thơ viết về Phan Thanh Giản xưa nay có nhiều ý kiến không đồng nhất, xin hãy bình tâm mà nghĩ xem có gì mới chẳng so với trước. Tựa đề *Điếu Đông các Đại học sĩ Phan Công chi thủ* đầy đủ ý nghĩa rất lớn về thái độ. Vấn đề Phan Thanh Giản được bàn luận khá nhiều nhưng chưa có kết luận sau cùng cho đến ngày nay, mở đầu như lời phát vấn:

*“Non nước tan tành hệ bởi đâu,
Dầu dầu mây trắng cõi ngao châu”.*

“Hệ bởi đâu”, chứ đâu phải chỉ có Phan Công? Dĩ nhiên, non nước tan tành ở đây có phần trách nhiệm của Phan Kinh lược sứ và trách nhiệm ấy phải trả giá bằng cái chết, điều này không thường rồi! Trí giả tự xử rất đáng trọng, đáng quý, mấy ai làm được? Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, giờ đến Phan Thanh Giản đều tự xử như vậy, tuy mỗi người mỗi cảnh khác nhau. Chứng kiến áng mây buồn trùm lên bầu trời Nam Kỳ khi Phan Công tuần tiết mà cụ Đồ cảm nhận được, từ mảnh đất Bãi Ngao không khí cũng u buồn, lạnh lẽo. Ông kể về cuộc đời làm quan của

người tuần tiết: *“Ba triệu công cán đôi hàng số”*. Nhà nghiên cứu Bùi Trần Phượng giải thích khá rõ số ấy là khuyên vua: “Xét đến cùng, nguồn gốc của sự trị loạn, gần gũi người hiền cả trong và ngoài triều, kính cẩn oai trời, vỗ về người cùng khổ, tính trước lo sau, đổi dây thay bánh, thì xét ra thế lực vẫn còn có thể làm được”. Phan Thanh Giản thân trải thờ ba triệu, khi đất nước lâm nguy dâng số can vua để rồi bị giáng chức, bị cách và bây giờ *“Sáu tỉnh cương thường một gánh trâu”*! Tất cả người trung liệt, người tốt lúc này chỉ biết lấy cái chết để tỏ bày khí tiết, bị kích thời đại đưa đến bị kích cá nhân. Thúy Kiều, Nguyệt Nga khi vận cùng cũng thế. Cụ Phan chờ viện binh: *“Ái Bắc ngày chiều tin điệp vắng!”* - chờ tin triều đình nhưng không thấy.

Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu tuy gặp nhiều trở ngại, nhưng ông đã vượt qua và làm nên nghiệp lớn trên ba mặt: thầy giáo, thầy thuốc, nhà thơ. Ông là người thầy mẫu mực trong đào tạo môn sinh, sống chết theo ý tưởng cao đẹp. Về nghề thầy thuốc, ông phê phán các lang băm và hết lòng chữa trị cho người bệnh:

*“Thấy người đau tưởng mình đau,
Bệnh còn chữa được mau mau trị lành”.*

Ông là nhà thơ phổ truyền đạo lý, tác phẩm được nhân dân tiếp nhận và làm theo tạo ra sự ảnh hưởng sâu sắc qua nhiều thế hệ. Đối với tác phẩm cuối đời, ông biết thời như vậy mà tự chọn cách quy ẩn với một niềm tin có ngày *“Sông trong bể lặn mất thầy sáng ra”*. Sau cùng, ông có cái nhìn rất sâu, rất xa về tương lai đất nước khi có vị Kỳ Nhân Sư xuất hiện.

Kết luận

Từ khi ra đời, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đã phát huy tác dụng không chỉ đối với người Việt Nam yêu nước, mến chuộng đạo lý mà đối với người Pháp có lương tri cũng xem đó như là những tác phẩm đáng trân trọng, trong đó tiêu biểu là tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Tính phổ quát của văn chương Nguyễn Đình Chiểu đã vượt ra ngoài biên giới Việt Nam. Truyện thơ *Lục Vân Tiên* đã trở thành một điển hình giáo dục đạo lý

trong đời sống gia đình qua cấu hình xã hội về trung hiếu, tiết hạnh, nhưng chủ đề chính là đề cao nhân nghĩa.

Những năm tháng mù lòa, cụ Đồ Chiểu hiểu sâu hơn về lẽ đời, lẽ đạo, nẻo chánh đường tà nên ông bắt đầu sáng tác với mục đích phổ hóa chân lý đạo, truyền đạo, mà cụ thể là đạo làm người. Công trình của ông chưa kịp in thành sách đã được phổ truyền trong nhân dân bằng ánh sáng đạo đức soi rọi vào một xã hội đầy biến động. Trong điều kiện đất nước đổi mới toàn diện như hiện nay, thông tin đa chiều, giao thông thuận lợi trong nước và quốc tế, vận hội của đất nước đã mở, chúng ta cần suy nghĩ về đạo đức và vấn đề phổ truyền đạo lý, khơi lại nguồn mạch sống đạo cho dân tộc làm nền tảng nhân học.

Đối với ông, làm thầy dạy học phải có trách nhiệm, phải gương mẫu, phải có lòng thương lớn, phải học “cho tinh, nghĩ cho chín”. Ông quan niệm viết văn, làm thơ là để nâng cao tư tưởng, tình cảm người đọc, hướng họ tới phục vụ đất nước, nhân dân. Thơ văn ấy phải nói tiếng nói của nhân dân, của dân tộc, tiếng nói đạo lý ở đời. Người cùng thời với ông hầu hết dùng chữ Hán làm phương tiện sáng tác thì ông lại dùng chữ Nôm cuối mùa.

Tìm hiểu quan niệm đạo đức của cụ Đồ Chiểu, ta thấy từ tác phẩm đầu tay cho đến tác phẩm cuối đời, ông đều nhất tâm lo phổ truyền đạo lý, quyết tâm bảo vệ đất nước, bảo vệ đạo lý ở đời.

Có thể nói, Nguyễn Đình Chiểu xứng đáng là danh nhân văn hóa thế giới, bởi vì suốt đời ông hiến dâng cho đời trí tuệ và tài năng của mình, quan niệm đạo đức của ông trải qua năm tháng vẫn phù hợp với cuộc sống hôm nay và cả trong tương lai./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Xuân Diệu: *Nguyễn Đình Chiểu (các nhà thơ cổ điển Việt Nam tập II)*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1982.
- [2] Bảo Định Giang: *Thuyền chở đạo*, Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1994.

- [3] Trần Văn Giàu: *Kỷ yếu Hội nghị khoa học về Nguyễn Đình Chiểu*, 1982.
- [4] Trần Văn Giàu: *Nguyễn Đình Chiểu Đạo làm người*, Sở Văn hóa – Thông tin Long An xuất bản, 1983.
- [5] Dương Quảng Hàm: *Việt Nam Văn học sử yếu*, Hà Nội, 1941.
- [6] Nguyễn Văn Hiền: *Đạo đức và y đức học Việt Nam*, Nxb. Y học Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.
- [7] Phan Văn Hùm: *Nỗi lòng Đồ Chiểu*, soạn lần 2, Tân Việt, Sài Gòn, 1959.
- [8] Vũ Khiêu, Nguyễn Đức Sứt: *Nguyễn Đình Chiểu - ngôi sao sáng của người trí thức Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1982.
- [9] Lạc Thiên (Biên khảo): *Lục Vân Tiên*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.
- [10] Viện Khoa học xã hội và Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử đạo Thiên Chúa trong lịch sử dân tộc Việt Nam*, 1988.
- [11] Cao Tự Thanh, Huỳnh Ngọc Trảng: *Nguyễn Đình Chiểu với văn hóa Việt Nam*, Sở Văn hóa - Thông tin Long An, 1983.
- [12] Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sĩ Lâm, Nguyễn Thạch Giang: *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, t.1, 1980; t.2, 1982.
- [13] Lê Trí Viễn: *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao càng nhìn càng sáng*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1982.

ĐỊA CHÍ TỈNH VÀ DANH NHÂN VĂN HÓA

PGS.TS. NGUYỄN THẾ DŨNG*

Tóm tắt: Từ quan niệm về địa chí, về danh nhân văn hóa, bài viết này nhìn nhận truyền thống biên soạn địa chí của Việt Nam, và phân tích quan hệ giữa địa chí tỉnh và danh nhân sinh ra, gắn bó với tỉnh; từ đó, xem xét các bộ địa chí Bến Tre trong quan hệ với danh nhân Nguyễn Đình Chiểu và bước đầu đưa ra một số giải pháp để phát huy vai trò của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu trong địa chí Bến Tre.

Từ khóa: Danh nhân văn hóa; Địa chí tỉnh; Nguyễn Đình Chiểu.

ADDRESS OF PROVINCE - CULTURAL CELEBRITY

Abstract: From the concept of geographical documents and cultural celebrities, the paper discusses the tradition of compilation of geographical documents of Vietnam, and analyzes the relationship between the province's geographical documents and famous people born in and attached to the province through which, reviews Bến Tre geographical documents in relation to the famous poet Nguyễn Đình Chiểu and initially proposes some solutions to promote his role in Bến Tre geographical documents.

Keywords: Cultural celebrity; Provincial geographical document; Nguyễn Đình Chiểu.

* Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh. Liên hệ: dungnguyen@hcmuc.edu.vn

Toàn văn

Mở đầu

Địa chí là một thể loại có từ xa xưa, là một thuật ngữ chỉ việc ghi chép về một vùng địa lý nào đó, gồm hai từ “địa” và “chí”. Chí, nghĩa chữ Hán là ghi chép. Chính vì vậy, trong một số cuốn từ điển, từ Địa chí được chú giải là: sách viết về địa dư; phạm là phương vực, sơn xuyên, phong tục, sản vật đều được ghi chép, hay sách miêu thuật tường tận về địa hình, khí hậu, dân cư, chính trị, sản vật, văn hóa của một nước hay một vùng, miền. Có thể một số tác giả dùng chữ lục, hay chữ ký, nhưng đều gần bó với ghi chép về một vùng đất.

Bài viết này, tác giả xuất phát từ quan niệm về sách địa chí tỉnh, để bàn về yêu cầu địa chí tỉnh với danh nhân của tỉnh, từ trường hợp của Nguyễn Đình Chiểu với địa chí tỉnh Bến Tre, nhân kỷ niệm 200 năm ngày sinh của nhà thơ, nhà văn hóa Nguyễn Đình Chiểu.

1. Truyền thống biên soạn địa chí và danh nhân trong sách địa chí

Cho đến nay, có thể căn cứ vào phạm vi của cuốn địa chí thể hiện để phân loại: địa chí quốc gia, địa chí tỉnh, địa chí huyện, địa chí xã.

Về địa chí toàn quốc, có thể kể đến: *An Nam chí lược* (1339) của Lê Trắc; *Dư địa chí* (1435) của Nguyễn Trãi; *Hoàng Việt nhất thống địa dư chí* (1806) của Lê Quang Định; *Hoàng Việt nhất thống địa dư chí* (1833) của Phan Huy Chú; *Đại Nam nhất thống chí* (1882); *Đồng Khánh địa dư chí* (1886 - 1888) của Quốc sử quán triều Nguyễn.

Về địa chí cấp tỉnh/vùng, có thể kể đến: *Hải Đông chí lược* (1772) của Ngô Thì Nhậm; *Gia Định thành thông chí* (cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX) của Trịnh Hoài Đức; *Nghệ An ký* (đầu thế kỷ XIX) của Bùi Dương Lịch; *Bắc Thành địa dư chí lục* (1845) của Lê Chất;... Từ năm 1954 đến năm 1975, ở phía Nam, hầu hết các tỉnh đã có tác phẩm địa chí tỉnh được xuất bản như: *Địa phương chí tỉnh Kiên Giang* (1958), *Địa phương chí tỉnh Phước Long* (1960), *Địa phương chí tỉnh An Giang* (1961, 1963),

Địa phương chí tỉnh Phước Tuy (1961, 1965, 1973), *Địa phương chí tỉnh Biên Hòa* (1963, 1972, 1974), *Địa phương chí tỉnh Bến Tre* (1965), *Địa phương chí tỉnh Bạc Liêu* (1965, 1974), *Địa phương chí tỉnh Vĩnh Long* (1966, 1969),... Đáng lưu ý trước năm 1975, tác giả Huỳnh Minh (quê Bến Tre) đã xuất bản nhiều địa chí tỉnh như: *Kiến Hòa xưa và nay* (1965), *Gia Định xưa và nay* (1965, 1973), *Gò Công xưa và nay* (1966), *Cần Thơ xưa và nay* (1966), *Vĩnh Long xưa và nay* (1967), *Định Tường xưa và nay* (1970), *Vũng Tàu xưa và nay* (1970), *Sa Đéc xưa và nay* (1971), *Tây Ninh xưa và nay* (1972).

Sau năm 1975, hầu hết các tỉnh ở Nam Bộ đều đã xuất bản địa chí tỉnh, có thể kể tới *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh* (1998) do Giáo sư Trần Văn Giàu, tác giả Trần Bạch Đằng đồng chủ biên, *Địa chí Bà Rịa - Vũng Tàu* do Thạch Phương, Nguyễn Trọng Minh đồng chủ biên, *Địa chí Long An* (1990) do Thạch Phương, Lưu Quang Tuyến đồng chủ biên, *Địa chí Bến Tre* (1991/2001) do Thạch Phương, Đoàn Tú đồng chủ biên, *Địa chí Tiền Giang* (nhiều tác giả), v.v..

Về địa chí cấp huyện, có thể kể đến *Địa chí huyện Đại Lộc* (tỉnh Quảng Nam, 1992), *Địa chí huyện Nông Cống* (tỉnh Thanh Hóa, 1998), *Địa chí huyện Can Lộc* (tỉnh Hà Tĩnh, 1999), *Địa chí huyện Tương Dương* (tỉnh Nghệ An, 2003), *Địa chí huyện Yên Định* (tỉnh Thanh Hóa, 2010), *Địa chí huyện Triệu Sơn* (tỉnh Thanh Hóa, 2010), *Địa chí huyện Tĩnh Gia* (tỉnh Thanh Hóa, 2010), *Địa chí huyện Yên Định* (tỉnh Thanh Hóa, 2010), *Địa chí huyện Quỳnh Lưu* (tỉnh Nghệ An, 1989), *Địa chí văn hóa Hoằng Hóa* (tỉnh Thanh Hóa, 1995), *Địa chí văn hóa quận Bình Thạnh* (Thành phố Hồ Chí Minh, 1995), *Địa chí văn hóa Quận 5* (Thành phố Hồ Chí Minh, 2000), v.v..

Riêng huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre năm 1987 đã tổ chức nghiên cứu và xuất bản *Bình Đại địa chí*.

Ở cấp xã/phường, năm 1961, trong Hội nghị khoa học “Viết lịch sử địa phương” do Viện Sử học tổ chức tại Hà Nội, Giáo sư Nguyễn Đổng Chi (1915 - 1984) đã trình bày bản tham luận “Vấn đề viết xã chí trên toàn miền Bắc”. Bản tham luận gây tiếng vang tại hội thảo và giành được sự

hưởng ứng cao của các cử tọa. Lúc đó, đại diện các ty văn hóa đương thời tham dự đều đã sao chép bản “Đề án viết xã chí” để tham khảo sử dụng rộng rãi ở địa phương mình. Năm 1986, cuốn địa chí xã đầu tiên trong toàn quốc dựa trên đề án của cố Giáo sư Nguyễn Đổng Chi ra đời, đó là cuốn *Địa chí Bảo Ninh* của tỉnh Quảng Bình (lúc bấy giờ thuộc tỉnh Bình Trị Thiên) của tác giả Nguyễn Tú cho ra mắt bạn đọc.

Như vậy, việc biên soạn địa chí từ cấp quốc gia đến cấp xã là một truyền thống của khoa học xã hội Việt Nam. Thú vị hơn là trong cấu trúc của các sách địa chí, bao giờ cũng có phần viết về các nhân vật lịch sử, văn hóa của vùng đất mà cuốn địa chí thể hiện. Từ xưa, các địa chí do các nhà nho thể hiện đã thực hiện được điều này, chẳng hạn, tác giả Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, sau phần *Dư địa chí* là phần *Nhân vật chí*. Với cấp huyện, có huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã có một chương *Đơn vị anh hùng, gương mặt tiêu biểu*. Như thế, việc viết nhân vật chí trong các sách địa chí là đương nhiên. Trong một cuốn sách địa chí, bao giờ cũng có phần viết về con người của vùng đất mà cuốn sách thể hiện.

2. Địa chí Bến Tre và danh nhân Nguyễn Đình Chiểu

Bến Tre là một tỉnh ở vùng Tây Nam Bộ, từ năm 1900, tỉnh Bến Tre xuất hiện. Theo thư mục chúng tôi tìm hiểu được, không kể trong các sách viết chung, ít nhất đã có những công trình dạng “chí” sau đây:

Địa phương chí tỉnh Bến Tre, bản đánh máy của Tòa Hành chính Bến Tre, 1930 (Monographie de la Province de Bến Tre). Năm 1980, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh đã dịch cuốn sách này. Theo lời giới thiệu của bộ phận dịch và hiệu đính, cuốn sách *Địa phương chí tỉnh Bến Tre* chia làm 4 tập. Tập 1 gồm 4 chương viết về địa lý chung, vị trí của tỉnh, hình thể, địa lý, lịch sử và lịch sử của tỉnh từ năm 1867 đến năm 1930. Tập 2 gồm các chương đề cập tình hình phát triển kinh tế: đất đai, cây cối, các ngành nghề, thương mại và thủ công kỹ nghệ tại địa phương. Tập 3 gồm các chương nói về giáo dục và y tế. Tập 4 ghi chép về vấn đề khai thác giá trị tiềm năng của tỉnh.

Địa dư tỉnh Bến Tre, tác giả Bùi Văn Xuân, Nhà in Van Vo Van Bến Tre, 1930, là cuốn sách viết cho học trò lớp sơ đẳng tiểu học và lớp dự bị nửa năm sau. Cuốn sách có 4 chương: chương I là hình thể, chương II là chính trị, chương III là kinh tế, chương IV là những tỉnh giáp ranh với Bến Tre. *Địa dư tỉnh Bến Tre* là cuốn sách viết ở dạng phổ thông nên các vấn đề chưa được trình bày sâu sắc.

Địa linh nhơn kiệt (Kiến Hòa xưa và nay), tác giả Huỳnh Minh, xuất bản năm 1965. Cuốn sách dày 267 trang gồm các phần sau: *Phần một*: Kiến Hòa dưới triều đại nhà Nguyễn và lúc giao thời, địa lý, lịch sử, khí hậu; *Phần hai*: Huyền sử và di tích của Kiến Hòa; *Phần ba*: Danh nhân; *Phần bốn*: Kiến Hòa xuyên qua các giáo phái; *Phần năm*: không có tiêu đề, trình bày một số vấn đề như: cây dừa, những viên tỉnh trưởng, sự phát triển của các bài thơ văn.

Tỉnh Bến Tre trong lịch sử Việt Nam từ 1757 đến 1945, Nguyễn Duy Oanh, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, 1971. Trong số các công trình dạng “chí” về Bến Tre xuất bản trước năm 1975, đây là công trình tương đối công phu và nghiêm túc. Tác giả kế thừa tất cả các thành tựu của những người đi trước với một thái độ khoa học, có phê phán. Cuốn sách dày 440 trang, khổ 17 x 25cm, gồm ba phần chính: *Phần thứ nhất*: Địa lý tỉnh Bến Tre: gồm các chương: Địa lý hình thể và địa lý nhân văn, Địa lý lịch sử và Phần mở đầu; *Phần thứ hai*: Việc cai trị, hành chính, kinh tế, giáo dục và y tế, gồm ba chương: Hành chính, Kinh tế, Giáo dục và Y tế; *Phần thứ ba*: Lịch sử văn chương gồm các chương: Lịch sử đấu tranh và di tích lịch sử, Tiểu sử các danh nhân trong tỉnh, Văn chương bình dân. Ngoài ra, còn nhiều phụ bản: các bản đồ sông ngòi, đường lộ, bản đồ tỉnh năm 1903, năm 1941, cùng với các di ảnh, các bia mộ, danh nhân, v.v..

Đến năm 1991, khi công bố *Địa chí Bến Tre*, hai đồng chủ biên Thạch Phương và Đoàn Tú đã có những trang viết dành riêng cho danh nhân của tỉnh. Đặc biệt, trong công trình, quan niệm về “danh nhân Bến Tre” đã được mở rộng, đó là những người gắn bó với Bến Tre chứ không nhất thiết là người sinh ra trên đất Bến Tre. Các tác giả đã trình bày

tương đối kỹ về các danh nhân. Nguyễn Đình Chiểu được giới thiệu từ tác phẩm văn chương đến cuộc đời, cũng như uy tín, đóng góp cho lịch sử quê hương và đất nước.

3. Giới thiệu địa phương qua danh nhân

Tiếp nối truyền thống biên soạn địa chí của cha ông, một số địa phương tiếp tục cho nghiên cứu rồi công bố các bộ địa chí của địa phương mình. Khi biên soạn và công bố các bộ địa chí, đương nhiên phải giới thiệu về danh nhân gắn bó với vùng đất. Đến nay, Việt Nam có 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hầu hết đã cho nghiên cứu và công bố sách địa chí của tỉnh mình. Những năm gần đây, Chính phủ đã giao cho Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam xây dựng bộ *Quốc chí* và đang xây dựng địa chí của từng tỉnh. Tỉnh Bến Tre được Ban chủ nhiệm chương trình *Quốc chí* Việt Nam lựa chọn làm đầu tiên ở Nam Bộ do hai giáo sư, tiến sĩ Nguyễn Quang Ngọc và Võ Văn Sen đồng chủ biên. Vì vậy, giới thiệu danh nhân của tỉnh Bến Tre là vấn đề rất đáng để quan tâm. Trong các danh nhân của Bến Tre, Nguyễn Đình Chiểu là danh nhân đặc biệt, dù quê nội, quê ngoại của ông không ở Bến Tre, nhưng nơi đây là vùng đất ông sống suốt 26 năm cuối đời và khi mất, ông được an táng tại đây. Như đã phân tích ở trên, các sách địa chí Bến Tre đều dành một vị trí xứng đáng cho danh nhân Nguyễn Đình Chiểu. Tháng 11/2021, Đại hội đồng UNESCO đã thông qua Nghị quyết 41C/15 vinh danh Nguyễn Đình Chiểu là danh nhân văn hóa thế giới được UNESCO kỷ niệm lần thứ 200 năm sinh. Vì thế, chúng tôi nghĩ rằng cần quan tâm đến một số giải pháp sau:

Tiếp cận từ di sản văn hóa, xem xét việc nghiên cứu, giới thiệu về Nguyễn Đình Chiểu trong địa chí Bến Tre sao cho xứng tầm một trong sáu danh nhân của Việt Nam được UNESCO vinh danh là Danh nhân văn hóa thế giới.

Xây dựng một ngân hàng dữ liệu (data bank) về danh nhân Nguyễn Đình Chiểu, với các tác phẩm của ông, các tác phẩm nghiên cứu về ông, các tác phẩm sáng tác về ông.

Quảng bá các tác phẩm của ông, giới thiệu ở nước ngoài bằng tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Hàn; giới thiệu Nguyễn Đình Chiểu gắn cùng địa chí Bến Tre.

Kết luận

Biên soạn địa chí là một truyền thống của khoa học xã hội Việt Nam, có thể là địa chí quốc gia, địa chí tỉnh, địa chí huyện và địa chí xã. Dù rộng hay hẹp về địa giới, nhưng địa chí bao giờ cũng có phần về nhân vật gắn bó với vùng đất ấy. Bởi nói đất là nói người, những con người gắn bó với vùng đất, trưởng thành từ vùng đất và cũng là nhân tố làm rạng danh vùng đất. Bến Tre không phải là quê nội hay quê ngoại của Nguyễn Đình Chiểu nhưng là nơi ông gắn bó 26 năm cuối đời và được an táng tại đây. Vì thế, địa chí Bến Tre không thể không giới thiệu về ông. Những năm qua, các địa chí Bến Tre đã viết về Nguyễn Đình Chiểu, nhưng trong bối cảnh UNESCO đã vinh danh ông, cùng kỷ niệm lần thứ 200 năm sinh của ông và trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư thì cách giới thiệu Nguyễn Đình Chiểu trong địa chí Bến Tre cần được đổi mới mà bài viết này mong muốn đặt ra một số vấn đề, cần được thảo luận thêm./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, bản dịch của Tổ phiên dịch Viện Sử học Việt Nam, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1961.
- [2] Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch của Phạm Trọng Diễm, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, t.5.
- [3] Huỳnh Minh: *Địa linh nhân kiệt (Kiến Hòa xưa và nay)*, tác giả xuất bản, Sài Gòn, 1965.
- [4] *Monographie de la province de Bến Tre, 1930 (Địa phương chí tỉnh Bến Tre, 1930)*, bản dịch của Nguyễn Văn Bá, Dương Xuân Định hiệu đính, tài liệu in roneo của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh, 1980.

-
- [5] Nguyễn Duy Oanh: *Tỉnh Bến Tre trong lịch sử Việt Nam từ 1757 đến 1945*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn, 1971.
- [6] Thạch Phương, Đoàn Tú (Chủ biên): *Địa chí Bến Tre*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991/2001.
- [7] Nguyễn Chí Bền: *Văn hóa Bến Tre*, tập tiểu luận, tái bản lần thứ nhất, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015.
- [8] Nguyễn Chí Bền: *Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ lớn, danh nhân văn hóa kiệt xuất*; (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Việt), Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2020; (tiếng Nga, tiếng Việt), Nxb. FEFU, Vladivostok, Liên bang Nga, 2021.

NHÂN CÁCH SỐNG NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU VỚI VIỆC XÂY DỰNG NHÂN CÁCH CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. CHỦ THỊ THU HÀ*

Tóm tắt: Nguyễn Đình Chiểu không chỉ là nhà thơ lớn của thế kỷ XIX, mà còn là một nhà tư tưởng, nhà văn hóa kiệt xuất được UNESCO vinh danh là “danh nhân văn hóa thế giới”. Dù cuộc đời gặp nhiều bất hạnh nhưng bằng nghị lực phi thường, tấm lòng tiết nghĩa yêu nước thương nòi, ông đã trở thành tấm gương sáng cho muôn đời sau về những giá trị đạo đức, nhân cách đáng quý. Đồng thời, thông qua các sáng tác thơ văn, Nguyễn Đình Chiểu thể hiện nhiều tư tưởng, triết lý sống cao đẹp. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, phẩm cách thanh cao, tấm lòng nhân hậu, sẻ chia với đồng loại, sự hy sinh quên mình vì nghĩa lớn... Đây là những giá trị đạo đức, nhân cách sống vô cùng đáng quý và cần thiết đối với việc xây dựng đạo đức, nhân cách con người Việt Nam hiện nay theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thông qua phân tích cuộc đời, sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu và một số hình tượng nhân vật được phản ánh trong các sáng tác của ông, nội dung bài viết bước đầu tham góp một số ý kiến để vận dụng, phát huy những giá trị tốt đẹp trong nhân cách của Nguyễn Đình Chiểu đối với xây dựng những giá trị cốt lõi trong nhân cách con người Việt Nam hiện nay.

* Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. Liên hệ: hact@huc.edu.vn

*Từ khóa: Nhân cách con người Việt Nam hiện nay;
Nhân cách Nguyễn Đình Chiểu.*

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU'S LIFE PERSONALITY WITH BUILDING OF PERSONALITY OF VIETNAMESE HUMANS NOWADAYS

Abstract: Nguyễn Đình Chiểu is not only a great poet in the XIX century but also an outstanding thinker and culturer who was acknowledged by UNESCO as a “great cultural personality”. Though his life was full of unfortunates, he overcame them with his extraordinary wills and faithful patriotism and became a bright example for future generations for ethic values and great personalities. It is also found in Nguyễn Đình Chiểu's works many noble thoughts and living values. Those include passionate patriotism, noble dignity, kindheartedness, sharing, and sacrifice for common values. These ethic values and great personalities are so much valuable and essential for the cause of building noble ethic values and personalities of Vietnamese people following the Resolution of the 9th Session of the Central Committee of the XIth Communist Party of Vietnam. By analyzing the life and the career of Nguyễn Đình Chiểu and some characters in his writings, this paper contributes to bringing about some ideas and proposals to apply and bring into full play great values of Nguyễn Đình Chiểu in building core values in personalities of Vietnamese people in the current time.

*Keywords: Personalities of Vietnamese people nowadays;
Nguyễn Đình Chiểu's personalities.*

Toàn văn

Mở đầu

Nhân cách là một từ Hán Việt. Theo học giả Đào Duy Anh, “nhân cách là phẩm cách của con người; cái tính cách riêng của một người; cái tư cách tự chủ độc lập của người ta ở trên pháp luật”¹. Cuốn *Từ điển tiếng Việt* do Trung tâm Từ điển học xuất bản năm 2009 cũng giải nghĩa tương tự: “nhân cách có thể được hiểu là tư cách và phẩm chất con người”². Một số công trình của các nhà nghiên cứu về sau đã đưa ra cách hiểu cụ thể hơn về nhân cách. Nhóm tác giả Hoàng Tuấn Anh, Nguyễn Chí Bền, Từ Thị Loan, Vũ Anh Tú cho rằng “nhân cách là các phẩm chất và năng lực của con người được biểu hiện và thể hiện trong một hệ thống ứng xử nhất định đối với thế giới xung quanh và ngay với chính bản thân mình”³. Nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Thúc trong bài viết “Xây dựng nhân cách con người Việt Nam” đã đưa ra quan niệm về nhân cách cụ thể hơn nữa. Theo đó “nhân cách là phẩm chất của con người, ở đó thể hiện được giá trị đạo đức, giá trị năng lực và giá trị chung sống đối với xã hội qua hệ thống ứng xử đối với thế giới xung quanh và với chính bản thân mình”⁴.

Tiếp cận khái niệm nhân cách theo quan điểm của PGS.TS. Nguyễn Hữu Thúc, bài viết sẽ phân tích một số giá trị tiêu biểu trong nhân cách sống của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu để từ đó tham góp một vài ý kiến nhằm vận dụng, phát huy những giá trị tốt đẹp trong nhân cách sống của Nguyễn Đình Chiểu đối với xây dựng nhân cách con người Việt Nam hiện nay.

1. Đào Duy Anh: *Hán Việt từ điển*, Nxb. Minh Tân, Paris, quyển hạ, tr.60.

2. Trung tâm Từ điển học: *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, 2009, tr.913.

3. Hoàng Tuấn Anh, Nguyễn Chí Bền, Từ Thị Loan, Vũ Anh Tú: *Xây dựng nhân cách văn hóa - Những bài học kinh nghiệm trong lịch sử Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2012: tr.300.

4. Nguyễn Hữu Thúc: “Xây dựng nhân cách con người Việt Nam”, <https://tuyen giao.vn>, cập nhật ngày 05/5/2016.

1. Khái quát về một số giá trị nổi bật trong nhân cách sống của Nguyễn Đình Chiểu

Là một trong những danh nhân tiêu biểu của Việt Nam thế kỷ XIX, Nguyễn Đình Chiểu để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng người dân Nam Bộ nói riêng và người dân Việt Nam nói chung bởi những áng thơ văn bất hủ có sức hiệu triệu toàn dân đứng lên đánh giặc và bởi nhân cách sống cao đẹp như tấm gương sáng cho đời. Ở con người ông hội đủ trung, hiếu, tiết, nghĩa - những phẩm cách cao đẹp của con người đương thời. Trong một bài phỏng vấn của phóng viên Nguyệt Ánh (báo *Đồng Khởi*, tỉnh Bến Tre), GS.TS. Nguyễn Chí Bền - người đã có nhiều năm nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu đã đưa ra nhận định: “Nguyễn Đình Chiểu có một ý chí, nghị lực phi thường. Ông đã vượt qua những biến cố trong cuộc đời và ngời sáng những giá trị về nhân cách. Điểm nổi bật khác người bình thường khi ông là thầy thuốc, thầy giáo mù lòa nhưng đã vượt lên số mệnh. Ông không chỉ có tầm ảnh hưởng lớn trong quần chúng nhân dân mà ông đã trở thành nhà thơ lớn, nhà thơ yêu nước với những tác phẩm văn chương bất hủ, những áng hùng văn về anh hùng chống Pháp... Từ đây, lần đầu tiên người nông dân/nghĩa sĩ quanh năm “côi cút làm ăn; chỉ biết ruộng trâu” bước lên vũ đài lịch sử văn chương Việt Nam”¹. Ý kiến của GS.TS. Nguyễn Chí Bền đã phản ánh những giá trị nhân cách nổi bật và tầm vóc lớn của danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu. Trong phạm vi có hạn của bài viết, tác giả xin nhấn mạnh vào một số giá trị nhân cách nổi bật của Nguyễn Đình Chiểu, đó là: Một người con trung hiếu và giàu lòng yêu thương đồng loại; một con người nghị lực và nghĩa khí.

a) Nguyễn Đình Chiểu - một người con trung hiếu và giàu lòng yêu thương đồng loại

Chữ trung hiếu ở đây không chỉ là trung với vua và hiếu với cha mẹ mà còn là sự trung tín, trung thực, trung trực... có nghĩa là tận tâm và

1. Nguyệt Ánh: “Nhân cách và tầm vóc danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu”, <https://baodongkhoi.vn>, cập nhật ngày 03/7/2020.

thành thực trong lòng mình. Hiếu được coi là một trong những đức tính, tình cảm, lễ tiết của con người, là biểu hiện của thiên tính trong đạo sống của con người¹. Xuất thân từ “cửa Khổng, sân Trình”, Nguyễn Đình Chiểu chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, vì thế trong tư duy và hành động của ông tư tưởng trung hiếu được đề cao và xem là cái gốc của đức nhân.

Chữ hiếu được biểu hiện sáng ngời từ chính con người Nguyễn Đình Chiểu. Đối với bậc nam nhi, sự nghiệp công danh có ý nghĩa quan trọng và họ luôn đau đầu phấn đấu vì nó giống như câu thơ trong bài thơ *Đi thi tự vịnh* của Nguyễn Công Trứ:

*“Đã mang tiếng ở trong trời đất
Phải có danh gì với núi sông”.*

Nhưng vì chữ hiếu, Nguyễn Đình Chiểu sẵn sàng dứt bỏ sự nghiệp công danh đang thuận lợi của mình để bỏ thi về quê chịu tang mẹ. Vì suy nghĩ và thương khóc mẹ nhiều nên sức khỏe không tốt, sau khi lâm bệnh nặng, Nguyễn Đình Chiểu đã mù đôi mắt. Đôi mắt vĩnh viễn không còn ánh sáng nhưng lại bùng sáng lên tấm lòng hiếu nghĩa của người con đối với đấng sinh thành.

Sau khi lo tròn chữ hiếu với cha mẹ, Nguyễn Đình Chiểu đã dành trọn cuộc đời mình để phụng sự nhân dân. Nói cách khác, sau khi mẹ mất, chữ hiếu trong quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu được mở rộng ở tầm lớn lao hơn là chữ hiếu dành cho mẹ quê hương, mẹ Tổ quốc. Chữ hiếu đến lúc này hòa quyện, đồng nhất với chữ trung, trung hiếu với đất nước, với nhân dân. Cá nhân ông và các nhân vật trong sáng tác thơ văn của ông (ông Ngư, ông Tiều, ông Quán, Tử Trục, Hồn Minh, Nguyệt Nga, Kỳ Nhân Sư...) là biểu tượng cao đẹp cho tư tưởng trung hiếu:

*“Trai thời trung, hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình”².*

1. Nguyễn Thị Ngọc: “Phạm trù “trung”, “hiếu” trong Nho giáo và “trung”, “hiếu” theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, tạp chí *Giáo dục và xã hội*, tháng 3/2019, tr.342.

2. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang (Biên soạn): *Tuyển tập Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Văn học, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr.87.

Trong tác phẩm truyện thơ *Lục Vân Tiên*, nhân vật Lục Vân Tiên mà Nguyễn Đình Chiểu xây dựng luôn coi trung, hiếu là đức mục hàng đầu của đấng nam nhi:

*“Làm trai ơn nước nợ nhà
Thảo cha ngay chúa mới là tài danh”¹.*

Tuy nhiên, sau khi nhà Nguyễn đã bại nhược đầu hàng thực dân Pháp, quan điểm về trung quân của ông có sự thay đổi. Chữ “trung” lúc này không bó hẹp phạm vi là trung với một vị vua cụ thể, mà chữ “trung” được mở rộng, đẩy lên ở mức độ cao hơn là trung với đất nước, với nhân dân. Quan điểm và thái độ của ông Quán trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* đối với những vị hôn quân là sự thể hiện gián tiếp quan điểm của Nguyễn Đình Chiểu đối với những ông vua ươn hèn nhà Nguyễn đã vì quyền lợi riêng của vương triều mà bán rẻ Tổ quốc, đẩy nhân dân vào lầm than, cơ cực:

*“Quán rằng: ghét việc tâm phào
Ghét cay ghét đắng, ghét vào tận tâm
Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm
Để dân đến nỗi sa hầm sẩy hang
Ghét đời U, Lệ đa đoan
Khiến dân luống chịu lầm than muôn phần
Ghét đời Ngũ bá phân vân
Chuộng bề dối trá làm dân nhọc nhằn
Ghét đời Thúc quý phân băng
Sớm đầu tối đánh lằng nhằng hại dân”².*

Rõ ràng, tư tưởng trung quân của Nguyễn Đình Chiểu là trung quân có điều kiện, chỉ làm tôi hiền đối với những vị vua sáng, vị vua vì nước vì dân. Còn đối với những ông vua hại dân, hại nước thì ông kịch liệt phê phán.

1, 2. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang (Biên soạn): *Tuyển tập Nguyễn Đình Chiểu, Sđd*, tr.181, 112.

Không chỉ thể hiện rõ tư tưởng, thái độ đối với hai chữ “trung quân”, Nguyễn Đình Chiểu còn làm thơ văn kêu gọi nhân dân đứng lên chống giặc, cứu nước, ông ca ngợi những người anh hùng dám chống lệnh triều đình để đứng về phía nhân dân đánh giặc như Trương Định:

*“Giúp đời dốc trọn trang nam tử
Ngay chúa nào lo tiếng nghịch thần”¹.*

Và:

*“Linh hồn nay đã tách theo thân
Sáu tỉnh còn noi dấu tướng quân”².*

Đối với Phan Tòng, ông cũng dành những lời có cánh để gọi vị lãnh tụ trận Giồng Gạch như “quan Phan”, “người ngọc ở Bình Đông”, “ông hữu đạo”, “người trung nghĩa” và không tiếc lời ngợi ca ông:

*“Làm người trung nghĩa đáng bia son
Đứng giữa càn khôn tiếng chẳng mòn
Cờm áo đèn bồi ơn đất nước
Râu mày giữ vẹn phận tôi con
Tinh thần hai chữ phau sương tuyết
Khí phách ngàn thu rõ núi non”³.*

Sự hy sinh anh dũng của những người anh hùng như Trương Định, Phan Tòng đã được Nguyễn Đình Chiểu tạc tượng thơ văn cho hậu thế muôn đời.

Không chỉ làm văn tế và xây dựng nên tượng đài những tướng sĩ anh hùng như Trương Định, Phan Tòng..., Nguyễn Đình Chiểu còn dùng ngòi bút của mình xây nên tượng đài những người nông dân thân phận thấp kém, ngày thường chỉ biết “cui cút làm ăn, toan lo nghèo khổ”, “chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ”, nhưng khi cần đã không tiếc máu xương, xả thân bảo vệ quê hương, xứ sở. Qua ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu, những người nông dân thấp cổ bé họng, cuộc đời lam lũ, “ngoài cật một

1, 2, 3. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang (Biên soạn): *Tuyển tập Nguyễn Đình Chiểu, Sđd*, tr.562, 576.

manh áo vải”, “*trong tay một ngọn tầm vông*” lần đầu tiên bước lên vũ đài lịch sử trở thành nghĩa binh nông dân bất khuất, đánh giặc tới cùng:

“*Nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào liều mình như chẳng có*

Kẻ đâm ngang, người chém ngược làm cho mã tà, ma ní hồn kinh”¹.

Và khi họ ngã xuống, hồn phách anh linh họ vẫn một lòng đánh giặc “*Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh...*”². Bằng những lời văn bi tráng của mình, Nguyễn Đình Chiểu không chỉ thể hiện sự tiếc thương, cảm phục trước sự hy sinh của những nghĩa sĩ nông dân vô danh, mà ông còn ngợi ca tấm gương chiến đấu hy sinh của họ như những người anh hùng bất tử và từ đó cổ vũ, thôi thúc những người còn sống tiếp tục đứng lên chiến đấu thay họ đền nợ nước, trả thù nhà.

Cá nhân Nguyễn Đình Chiểu, vì mù lòa không thể trực tiếp cầm gươm giáo chiến đấu cùng nhân dân, ông đã chọn đánh giặc theo cách của riêng mình. Trước hết là kiên quyết bất hợp tác với giặc. Khi Pháp đánh chiếm Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu hưởng ứng phong trào “tị địa” của những người trí thức yêu nước không chịu sống chung với kẻ thù. Dù mắt không nhìn thấy, di chuyển khó khăn, nhưng Đồ Chiểu sẵn sàng ba lần chuyển cư để thể hiện rõ thái độ của mình trước kẻ thù xâm lược. Chỉ đến khi ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ rơi vào tay Pháp, ông mới chấp nhận sống ở Bến Tre cho đến cuối đời. Ông mượn hình ảnh nhân vật Kỳ Nhân Sư trong tác phẩm *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* để nói hộ lòng mình. Cũng như Kỳ Nhân Sư, ông nguyện giữ tiết tháo trong sạch:

“*Sự đời thà khuất đôi tròng thịt*

Lòng đạo xin tròn một tấm gương”³.

Nhưng cũng như Kỳ Nhân Sư, Nguyễn Đình Chiểu không bàng quan, trốn tránh trách nhiệm của mình với thời cuộc.

1, 2, 3. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang (Biên soạn): *Tuyển tập Nguyễn Đình Chiểu, Sđd*, tr.559, 561, 802.

Ông chọn làm nghề giáo để góp phần nhỏ bé của mình chấn hưng đạo đức, bồi dưỡng nhân tâm và những giá trị nhân bản cao đẹp của dân tộc:

*“Dù đui mà giữ đạo nhà
Còn hơn có mắt ông cha không thờ
Dù đui mà khỏi danh nhơ.
Còn hơn có mắt ăn dơ tanh rình
Dù đui mà đừng trợn mình
Còn hơn có mắt đổi hình tóc râu”¹.*

Ông kiên quyết cự tuyệt với văn minh phương Tây. Ông không cho con cháu học chữ Quốc ngữ vì coi đó là chữ của ngoại bang và kẻ thù đã dùng thứ chữ này để tuyên truyền đạo và xâm chiếm Việt Nam. Qua tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu*, ông tỏ thái độ với Công giáo bởi cho rằng thực dân Pháp dùng Công giáo để xâm chiếm nước ta. Từ lòng căm thù giặc sâu sắc, ông căm ghét tất cả những gì thuộc về kẻ thù, thậm chí cả khoa học kỹ thuật của văn minh phương Tây:

*“Bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan
Ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ”².*

Từ sự căm ghét đó, Nguyễn Đình Chiểu cố gắng cổ xúy, tôn vinh giá trị đạo đức truyền thống Nho giáo, phát động phong trào bất hợp tác với chính quyền thực dân. Có thể thấy, quan điểm và thái độ bài ngoại của ông được xuất phát từ lòng yêu quê hương đất nước tha thiết, yêu đến mức không chấp nhận những gì được cho là của kẻ thù; yêu đến mức cự tuyệt, căm đoán bởi cho rằng những thứ xa lạ kia sẽ phá vỡ thuần phong, mỹ tục của dân tộc. Ông lấy chính mình làm tấm gương giáo dục con cháu giữ vững đạo nhà và truyền thống yêu nước. Đạo nhà ở đây là phong tục tập quán, đạo lý làm người của ông cha ta. Noi gương cha, các con của ông như Nguyễn Đình Chiêm, Nguyễn Thị Khuê (hiệu Sương Nguyệt Anh) đã trở thành những cá nhân ưu tú có đóng góp cho nền báo chí và

1, 2. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang (Biên soạn): *Tuyển tập Nguyễn Đình Chiểu, Sđd*, tr.800, 558.

nghệ thuật nước nhà bằng những vần thơ, vở kịch thấm đẫm tinh thần yêu nước. Đồng thời danh thơm của Nguyễn Đình Chiểu cũng lan tỏa khắp Gia Định như một tấm gương sáng về giá trị nhân cách cho người đời noi theo.

Với tư cách là nhà thơ, Nguyễn Đình Chiểu dùng ngòi bút của mình làm vũ khí sắc bén tố cáo tội ác của thực dân xâm lược, cổ vũ, khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân ta:

*“Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà”.*

Hai câu thơ cho thấy quan niệm văn chương và sứ mệnh mà ông xác định trước thời cuộc. Mắt ông không sáng nhưng ông nhìn bằng tâm sáng, sức lực không đủ thì ông dùng trí lực và ngòi bút để chiến đấu can trường. Không chỉ tham gia sáng tác, Nguyễn Đình Chiểu còn tích cực đóng góp mưu lược cùng các lãnh tụ nghĩa quân như Đốc binh Là, Trương Định... và ông xứng đáng trở thành một tượng đài nghĩa sĩ trên mặt trận văn thơ yêu nước chống Pháp của dân tộc.

Trong bài thơ *Chạy giặc*, ngòi bút của ông phơi bày thảm kịch nước mất nhà tan và tố cáo danh thép tội ác của thực dân Pháp xâm lược:

*“Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy
Mất ổ bầy chim dáo dác bay
Bến Nghé của tiền tan bọt nước
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây”¹.*

Ở đây không chỉ là nỗi đau đớn, xót xa vì quê nhà bị tàn phá, mà còn là thái độ căm phẫn, lời tố cáo danh thép tội ác của thực dân Pháp xâm lược. Và cuối cùng là tâm trạng, thái độ của nhà thơ trước cảnh ngộ đất nước bị xâm lược với sự khắc khoải mong chờ, thúc giục những người anh hùng đứng lên cứu dân, cứu nước:

*“Hỡi trang dẹp loạn rày đâu vắng?
Ai cứu dân đen khỏi nạn này!”¹.*

1. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang (Biên soạn): *Tuyển tập Nguyễn Đình Chiểu, Sđd*, tr.554-555.

Ngòi bút của ông có lúc sắc bén tựa gươm đao nhưng có khi nhẹ nhàng, tha thiết như lời khuyên của cha mẹ đối với những đứa con trót lầm đường lạc lối nhằm thức tỉnh chúng quay về với chính nghĩa:

“Sống làm chi theo quân tả đạo, quăng vùa hương, xô bàn độc, thấy lại thêm buồn.

Sống làm chi ở lính mã tà, ban rượu chát phát bánh mì, thấy càng thêm hổ

Chẳng thác mà đặt câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh; chẳng hơn còn mà chịu tiếng hàng Tây, ở với man di rất khổ”².

Đây là những lời gan ruột từ đáy lòng của một nhà thơ yêu nước thương dân, nó chứa đựng những triết lý nhân sinh quý giá, răn dạy con người sống đúng và xứng đáng với tổ tiên, đất nước.

Với vai trò là thầy thuốc, Nguyễn Đình Chiểu hết lòng cứu chữa bệnh nhân bằng tất cả y đức của một lương y chân chính:

“Thấy người đau giống mình đau

Phương nào cứuặng, mau mau trị lành

Ăn mầy cũng đưa trời sanh

Bệnh còn cứuặng thuốc đành cho không”³.

Những câu thơ cho thấy, Nguyễn Đình Chiểu làm nghề y để cứu người, xuất phát từ lòng thương người, chứ không phải vì kiếm lợi trên sự đau bệnh của đồng bào. Ông như tự nhủ, thấy người đau thì giống như mình đau, phải tìm mọi cách để chữa lành cho họ. Những kẻ ăn mầy nghèo khó dù không có tiền chữa bệnh nhưng họ cũng là con người nên phải ra tay làm ơn cứu giúp cho họ. Triết lý nhân sinh yêu thương đồng loại của Nguyễn Đình Chiểu được đúc rút trong câu thơ:

“Ai ai cũng vốn đồng bào

Sanh trong trời đất lẽ nào ghét nhau?”⁴.

Ở bất kỳ vai trò nào, thầy thuốc, thầy giáo hay nhà thơ, chúng ta đều thấy ở ông một trái tim thiết tha yêu thương đồng loại. Vì yêu nên

1, 2, 3, 4. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang (Biên soạn): *Tuyển tập Nguyễn Đình Chiểu, Sđd*, tr.555, 560, 730, 288.

ông mới cảm thấu để diễn tả sinh động nỗi sợ hãi, hoang mang tột độ của những đứa trẻ khi phải chạy trốn khỏi mũi súng quân thù. Vì xúc động và cảm phục mà ông mới viết nên những bài văn tế, thơ điếu đối với những người anh hùng hữu danh hoặc vô danh ai oán và bi hùng, có thể chạm đến trái tim của thế hệ muôn đời. Cũng vì yêu mà ông mới thấu cảm được nỗi đau tột độ của bao người mẹ già ngời khóc con, bao người vợ góa, bao đứa con thơ cô cút... vĩnh viễn mất đi tình cha:

*“Đau đớn bấy! Mẹ già ngời khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều
Nào nùng thay! Vợ yếu chạy tìm chồng, cơn bóng xế dật dờ trước ngõ”¹.*

Vậy đó, một nhà thơ, một nhà giáo, một thầy thuốc mù lòa, số phận đầy éo le, gia cảnh luôn nghèo khó nhưng không một tiếng kêu than cho số phận của riêng mình. Ông đau với nỗi đau của người dân mất nước. Ông khóc thay tiếng khóc của nhân dân. Trái tim đỏ máu luôn thốn thức và quặn thắt cũng vì nỗi xót thương cho đồng loại. Tấm lòng rộng lớn, nhân văn của cụ Đồ Chiểu xứng đáng là tấm gương sáng mãi đến muôn đời.

b) Nguyễn Đình Chiểu - một con người nghị lực và nghĩa khí

“Phúc bất trùng lai/Họa vô đơn chí” câu nói này thật đúng với cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu. Ông sinh ra trong thời loạn lạc, gia cảnh nghèo khó sớm chịu cảnh lận đận ngược xuôi. Lớn lên, sự nghiệp công danh chưa thành thì mẹ mất. Vì đường xa cách trở, lại buồn thương khóc mẹ nên ông lâm bệnh mà mù đôi mắt. Chuyện tình duyên từ đó cũng lỡ dở vì bị bội ước... Khó khăn liên tiếp khó khăn, hoạn nạn tiếp nối hoạn nạn. Có lẽ, nhiều người lâm vào cảnh ngộ này thường buông xuôi trước số phận, an phận thủ thường lo dưỡng thân nốt phần đời còn lại. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu lại khác, không cam chịu số phận an bài, bằng ý chí và nghị lực phi thường, ông đã vượt lên số phận để khẳng định với đời mình tàn nhưng không phế. Ông tự học, tự trau dồi trí tuệ và đạo đức để trở thành thầy giáo, thầy thuốc, nhà thơ giúp người, giúp đời. Hơn thế nữa,

1. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang (Biên soạn): *Tuyển tập Nguyễn Đình Chiểu, Sđd*, tr.560.

tài năng và nhân cách sống cao đẹp của ông không chỉ được người đương thời mến mộ mà tiếng thơm mãi còn lưu danh hậu thế.

Không chỉ là tấm gương về ý chí và nghị lực sống, Nguyễn Đình Chiểu còn là biểu tượng cao đẹp cho khí phách của những nhà Nho chân chính đương thời “*Bần hàn bất năng di, phú quý bất năng dâm, uy vũ bất năng khuất*” (đói rét không thể chuyển lay, giàu sang không thể quyến rũ, đe dọa tra tấn không thể khuất phục). Ông là minh chứng sinh động cho nhân cách sống cao đẹp, không chịu khuất phục bởi hoàn cảnh, đấu tranh không mệt mỏi và không khoan nhượng trước cái ác, cái phi lý, cái xấu xa để bảo vệ lẽ phải, bảo vệ chính nghĩa với quyết tâm “*đã vì nước phải đứng về một phía*”.

Kẻ thù nhiều lần tìm đến mua chuộc ông bằng của cải, chức tước nhưng đều bị ông từ chối. Ông sẵn sàng từ bỏ sự an nhàn, sung túc của cá nhân và gia đình để giữ vững khí tiết thanh bạch của nhà nho và một lòng kiên trung với dân, với nước:

*“Giúp người chẳng vụ tiếng danh
Chẳng màng của lợi, chẳng ganh ghét tài
Biết không, không biết mặc ai
Chuyên nghề làm phải, chẳng nài thiệt hơn”¹.*

Trong những sáng tác thơ văn của mình, Nguyễn Đình Chiểu thường xuyên xây dựng nhiều hình tượng nhân vật với tấm lòng vì đại nghĩa, vì lẽ phải; trọng tình nghĩa hơn phú quý lợi danh; yêu ghét rõ ràng, chính tà minh bạch. Để làm nổi bật giá trị của những con người chính nghĩa, trong tác phẩm của ông luôn có hai tuyến nhân vật đối lập là chính diện và phản diện để trên cơ sở đó, nhà thơ mù thỏa sức thể hiện quan điểm yêu ghét của mình và nêu bật lên tuyên ngôn chính nghĩa bao giờ cũng chiến thắng phi nghĩa, ở hiền thì gặp lành, ác giả ác báo.

1. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang (Biên soạn): *Tuyển tập Nguyễn Đình Chiểu, Sđd*, tr.730.

Một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là truyện thơ *Lục Vân Tiên*, ông gửi gắm bao hoài bão, khát vọng của mình vào nhân vật và có thể thấy, nhân vật Lục Vân Tiên chính là hình mẫu lý tưởng của Đồ Chiểu về một con người văn võ song toàn, coi trọng nghĩa khí, thích hành hiệp trượng nghĩa và ghét áp bức, bất công:

*“Vân Tiên nghe nói liền cười
 Làm ơn há dễ trông người trả ơn
 Nay đà rõ dạng nguồn cơn
 Nào ai tính thiệt so hơn làm gì
 Nhớ câu kiến nghĩa bất vi
 Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”*¹.

Hay nhân vật ông Quán, ông Ngư..., họ là những người lao động chất phát, nhân hậu nhưng giàu giá trị đạo đức, nhân văn, yêu ghét rạch ròi, coi thường danh lợi, yêu tự do và sống thanh cao:

*“Ngư rằng: “Lòng lão chẳng mơ
 Dốc lòng như nghĩa há chờ trả ơn
 Nước trong rửa ruột sạch trơn
 Một câu danh lợi chi sồn lòng đây”*².

Nguyễn Đình Chiểu không chỉ xây dựng hình tượng trong văn chương, ông còn gián tiếp tham gia nuôi dưỡng, đào tạo nhiều thế hệ môn sinh như Lê Văn Đẩu, Trần Văn An, Huỳnh Khắc Mẫn... để họ thay thầy thực hiện khát vọng cứu nước, giúp đời.

Nói tóm lại, cụ Đồ Chiểu là một con người có nhiều giá trị nhân cách cao đẹp. Một con người trung hiếu, hết lòng vì nước vì dân; một tấm lòng nghĩa khí không màng danh lợi, yêu ghét phân minh và giàu nghị lực sống; một trái tim chan chứa tình thương đồng loại... Những giá trị nhân văn đó được thể hiện rõ nét qua chính cuộc đời nhà thơ và thể hiện sinh động qua những hình tượng nhân vật mà ông khắc họa dưới ngòi bút

1, 2. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang (Biên soạn): *Tuyển tập Nguyễn Đình Chiểu, Sđd*, tr.96, 137.

“văn dĩ tải đạo” của mình và cho đến nay vẫn sáng ngời giá trị nhân văn cao đẹp.

2. Phát huy giá trị tốt đẹp trong nhân cách của Nguyễn Đình Chiểu với việc xây dựng nhân cách con người Việt Nam hiện nay

a) Tầm quan trọng của xây dựng nhân cách con người Việt Nam hiện nay

Xây dựng nhân cách con người có vai trò đặc biệt quan trọng đối với mọi quốc gia và ở mọi thời kỳ lịch sử, bởi nhân tố con người có ý nghĩa quyết định sự tồn tại và phát triển của chính quốc gia, dân tộc. Một xã hội với những con người có nhân cách tốt, phù hợp với chuẩn mực chung của cộng đồng, hướng tới những mục tiêu tiến bộ của thời đại sẽ tạo nên sức mạnh nội lực to lớn thúc đẩy xã hội phát triển bền vững đi lên. Ngược lại, một dân tộc mà ở đó giá trị đạo đức, nhân cách con người xuống cấp, tha hóa thì giống như khối ung thư trong cơ thể, sớm muộn sẽ đẩy dân tộc đó đến bờ vực thẳm.

Chính vì vậy, việc định hướng giá trị nhân cách, xây dựng chuẩn mực trong nhân cách con người Việt Nam hiện nay được Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm trong quá trình lãnh đạo cách mạng dân tộc, nhất là trong bối cảnh hiện nay khi mà nhiều giá trị đạo đức, nhân cách con người có những biểu hiện xuống cấp trầm trọng.

Công trình nghiên cứu của nhóm tác giả Hoàng Tuấn Anh, Nguyễn Chí Bên, Nguyễn Thị Hiền, Từ Thị Loan, Vũ Anh Tú cho thấy sự xuống cấp đạo đức ở nước ta hiện nay ở mức độ rất nghiêm trọng, chiếm tỷ lệ cao là những biểu hiện như: tham nhũng (71,5%); bệnh thành tích (62,7%); tệ nạn xã hội gia tăng (mại dâm, cờ bạc, trộm cắp, ma túy...) (53,2%); lãng phí (50%)... Nhóm tác giả chỉ ra rằng, sự suy thoái, xuống cấp về đạo đức, lối sống trong xã hội nước ta hiện nay ngày càng diễn biến phức tạp, được biểu hiện ra dưới nhiều mặt của cuộc sống, có ba môi trường mà ở đó sự

xuống cấp đạo đức thể hiện rõ rệt nhất là trong gia đình, trong trường học và ngoài xã hội¹.

Thực trạng đáng lo ngại, xuống cấp về mặt đạo đức, nhân cách của một bộ phận cá nhân trong xã hội hiện nay cũng được Đảng ta thẳng thắn nêu ra trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI như sau: “môi trường văn hóa bị xâm hại, lai căng, thiếu lành mạnh, trái với thuần phong mỹ tục, các tệ nạn xã hội, tội phạm và sự xâm nhập của các sản phẩm và dịch vụ độc hại làm suy đồi đạo đức, nhất là trong thanh, thiếu niên”². Đặc biệt nguy hại là “một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc”³.

Có thể thấy, sự xuống cấp đạo đức ở nước ta hiện nay rất nghiêm trọng. Theo nhóm tác giả Lê Quý Đức, Hoàng Chí Bảo thì: “Trong điều kiện kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập như hiện nay, nếu không giải quyết được tình trạng suy thoái đạo đức, rơi vào nguy cơ đánh mất cả một thế hệ thì có thể nói, hậu quả xã hội sẽ là khôn lường đối với sự tồn tại và phát triển của cả một dân tộc. Đây sẽ là sự đánh mất không tính được bằng vật chất, không thể lấy lại được, có thể đẩy dân tộc vào tình trạng tự đánh mất mình, tự hủy hoại đồ vỡ tất cả”⁴.

1. Xem Hoàng Tuấn Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Hiền, Từ Thị Loan, Vũ Anh Tú: *Sự xuống cấp của đạo đức ở nước ta hiện nay: Nguyên nhân và giải pháp khắc phục*, Nxb. Văn hóa dân tộc, 2016, tr.94.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.169.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.22.

4. Lê Quý Đức, Hoàng Chí Bảo (Chủ biên): *Văn hóa đạo đức ở nước ta hiện nay: Vấn đề và giải pháp*, Nxb. Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội, 2007, tr.100.

Trước thực trạng đó, Đảng ta chủ trương “Xây dựng nhân cách con người Việt Nam về lý tưởng, trí tuệ, đạo đức, lối sống, thể chất, lòng tự tôn dân tộc, trách nhiệm xã hội, ý thức chấp hành pháp luật, nhất là trong thế hệ trẻ”¹. Tại Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI ra Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 *Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, xác định: “xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc. Hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người có thể giới quan khoa học, hướng tới chân - thiện - mỹ. Gắn xây dựng, rèn luyện đạo đức với thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, của kinh tế tri thức và xã hội học tập. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị chuẩn của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”².

Như vậy, trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng nước ta, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, Đảng ta rất quan tâm đến xây dựng nhân cách con người, xác định trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách.

b) Khai thác những giá trị cốt lõi trong nhân cách Nguyễn Đình Chiểu với việc xây dựng nhân cách con người Việt Nam hiện nay

Định hướng và xây dựng hệ giá trị chuẩn về nhân cách con người Việt Nam hiện nay đã được Đảng ta xác định là một trong những nhiệm

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.126.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr.49-50.

vụ trọng tâm. Tuy nhiên, chuẩn mực nhân cách con người ở mỗi thời kỳ lịch sử có sự khác nhau. Nói cách khác, thang giá trị nhân cách con người Việt Nam không phải bất biến mà luôn thay đổi, bổ sung những giá trị mới, phù hợp với bối cảnh của thời đại. Tuy nhiên, những giá trị cốt lõi, cao cả trong nhân cách con người Việt Nam cần được xây dựng và kế thừa từ những giá trị đạo đức, nhân văn của cha ông và có những giá trị nhân cách càng trải qua thời gian càng trường tồn và còn nguyên giá trị trong thời đại mới.

Ở thời đại ngày nay, những giá trị đạo đức, nhân cách cao đẹp của Nguyễn Đình Chiểu còn nguyên giá trị to lớn dù cách chúng ta gần hai thế kỷ. Nhà nghiên cứu Lê Trí Viễn cho rằng: “trừ một đôi tư tưởng đã cũ, văn và người của cụ vẫn là một nguồn suy nghĩ và học tập không bao giờ cạn”¹. Việc học tập giá trị nhân cách của cụ Đồ Chiểu, đặc biệt bộ phận văn thơ yêu nước chống Pháp đã được phát huy mạnh mẽ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc ta. Tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Đình Chiểu là *Lục Vân Tiên* có tác dụng giáo dục mạnh mẽ. Ở một mức độ và khía cạnh nhất định, con người lục tỉnh - nhất là tầng lớp thanh niên, lấy Vân Tiên làm nhân vật lý tưởng, ước mơ làm một Vân Tiên trong cuộc đời, coi mối tình Vân Tiên - Nguyệt Nga là tuyệt đẹp, coi tình bạn giữa Vân Tiên, Hớn Minh, Tử Trực là cao quý; hay tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu* là một tác phẩm lớn toát ra một tinh thần yêu nước và căm thù giặc sâu sắc. Trước nguy cơ đổ vỡ cả nền tảng đạo đức cổ hữu do ý đồ của quân thù xâm lược, *Dương Từ - Hà Mậu* như là một lời kêu gọi mọi người trở về với chính đạo, đủ tạo ra một sức mạnh chống giặc cứu nguy cho Tổ quốc”². “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc trước khi xúc động trái tim cả nước đã làm rơi nước mắt đồng bào Cần Giuộc và thúc giục bao trai tráng khác vì xúc động bởi căm thù và yêu

1. Lê Trí Viễn: *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.218.

2. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang (Biên soạn): *Tuyển tập Nguyễn Đình Chiểu, Sđd*, tr.31, 35.

thương mà hăng hái đầu quân... Từ kháng chiến chống thực dân Pháp trở đi, nhất là trong đấu tranh thống nhất nước nhà và chống Mỹ nguy, trong dân gian có bao nhiêu chuyện nói lên ảnh hưởng của Lục Vân Tiên, của thơ văn cụ Đồ. Có đồng chí cán bộ kể mình nhờ Lục Vân Tiên mà biết cái nghĩa vì nước và ra đi chiến đấu”¹.

Rõ ràng, Nguyễn Đình Chiểu là một trong những hình mẫu nhân cách tiêu biểu của con người Việt Nam và ông đã nêu tấm gương sáng cho toàn xã hội, có sức hấp dẫn, lôi cuốn các cá nhân và toàn cộng đồng vươn tới để hoàn thiện nhân cách của mình và qua đó nâng cao các giá trị nhân cách văn hóa của cộng đồng.

Trong bối cảnh ngày nay, những giá trị cốt lõi trong nhân cách, đạo đức của Nguyễn Đình Chiểu vẫn có ảnh hưởng tích cực, có tác dụng định hướng trong xây dựng nhân cách, đạo đức con người Việt Nam hiện nay. Đó là lòng yêu nước, thương nòi, trọng đạo hiếu, sống có tình nghĩa, không chịu khuất phục trước cái ác, cái xấu xa; sống có lý tưởng, có trách nhiệm, sẵn sàng cống hiến, hy sinh cho cộng đồng. Đó là nghị lực phi thường vượt qua khó khăn và vượt lên chính mình; tinh thần tự tôn, ý thức giữ gìn những giá trị đạo đức văn hóa cao đẹp của dân tộc... Trước thực trạng những giá trị đạo đức trong gia đình truyền thống và ngoài xã hội bị đảo lộn, xuống cấp, chúng ta thêm trân trọng mối quan hệ tốt đẹp trong gia đình và xã hội mà Nguyễn Đình Chiểu đã khắc họa trong tác phẩm của mình về tình cha con, vợ chồng, thầy trò, bạn bè, chủ tớ... Trong bối cảnh nạn tham ô, tham nhũng ngày càng nhức nhối trong đội ngũ cán bộ, đảng viên thì tấm gương giữ trọn tiết tháo, không vì lợi ích cá nhân mà phản bội lại quyền lợi của dân tộc của nhà thơ cần phải được nhân rộng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đồng thời, ông cũng là tấm gương sáng, định hướng sáng tác cho đội ngũ trí thức đương thời, đặc biệt giới văn nghệ sĩ để đem hết sức mình đấu tranh vì lẽ phải, dám dùng ngòi bút của mình để “chở đạo”, “trừ gian”. Khi chủ nghĩa cá nhân vị kỷ được đề cao, sự vô cảm của con người đến mức đáng sợ trước

1. Lê Trí Viễn: *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao càng nhìn càng sáng*, Sđd, tr.208-209.

nỗi đau đồng loại, ta càng trân quý trái tim nhân văn của nhà thơ mù, quên đi nỗi đau của cá nhân để xót thương cho nỗi đau của đồng loại và trọng tình nghĩa hơn của cải vật chất, tích cực làm điều thiện để giúp đỡ những số phận bất hạnh hơn mình trong cuộc sống, sẵn sàng giúp người khác trong cơn nguy biến, hoạn nạn, dũng cảm đấu tranh chống cái ác, cái xấu xa, lên án mọi hành vi sai trái, đi ngược lại với đạo lý làm người. Trước thực trạng nhiều thanh niên sống thiếu lý tưởng, hoài bão, sớm khuất phục trước khó khăn, thử thách, ta lại càng cảm kích trước nghị lực phi thường, lý tưởng và hoài bão lớn của nhà thơ mù “tàn mà không phế”. Trước tâm lý sùng bái nước ngoài, sính ngoại, hám của ngoại, coi thường giá trị văn hóa dân tộc, chúng ta càng thấy trân trọng tinh thần tự tôn dân tộc và sự tích cực tham gia đấu tranh bảo vệ văn hóa Việt Nam trước sự xâm lăng của văn hóa ngoại bang của cụ Đồ Chiểu, để từ đó tiếp thu những giá trị tốt đẹp của văn hóa nhân loại trên tinh thần hòa nhập nhưng không hòa tan...

Vì lẽ đó, cần thiết phải tuyên truyền, lan tỏa những giá trị nhân cách đạo đức tốt đẹp của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu để góp phần giáo dục, xây dựng nhân cách, đạo đức con người Việt Nam. Tuy nhiên, muốn khai thác hiệu quả những giá trị cốt lõi trong nhân cách, đạo đức của cụ Đồ Chiểu thì cần tuyên truyền, giáo dục để mọi người dân thấy được những giá trị cao đẹp trong nhân cách của ông. Cụ thể đó là những giá trị gì? Những giá trị đó có ý nghĩa gì trong bối cảnh thời cuộc của Nguyễn Đình Chiểu lúc đó? Những giá trị đó có điểm nào còn phù hợp và có ý nghĩa đối với con người Việt Nam hiện nay, để từ đó hình thành ý thức tự giáo dục, tự điều chỉnh nhằm hoàn thiện nhân cách của mỗi người?

Để xác định được những giá trị nhân cách cao đẹp của Nguyễn Đình Chiểu, cần tiếp tục tổ chức các hội thảo, diễn đàn khoa học về Nguyễn Đình Chiểu để đúc kết nên những giá trị nhân cách tốt đẹp của cụ nhằm khai thác, học tập và nhân rộng.

Đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, lan tỏa những giá trị nhân cách và đạo đức cao đẹp của Nguyễn Đình Chiểu trong môi trường gia đình, nhà trường và ngoài xã hội.

Những tác phẩm văn học của Nguyễn Đình Chiểu đã sớm được đưa vào giảng dạy ở các cấp học trong nhà trường, từ cấp phổ thông cơ sở, phổ thông trung học cho đến đại học. Tuy nhiên, nghiên cứu của Lê Văn Hỷ về *Lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu* cho thấy: “Ở bậc học phổ thông, tình hình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu đang có khó khăn về nhiều phía, chương trình, sách giáo khoa và người học. Trong đó nổi bật lên là những tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu thuộc một thời đại văn hóa khác, nên gây sự khó khăn nhất định trong tiếp nhận của học sinh. Việc giảng dạy và nghiên cứu tác giả, tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu ở bậc Đại học hiện nay chưa có bước tiến đáng kể so với thế kỷ trước, vì tình trạng thiếu tư liệu gốc. Để việc giảng dạy và nghiên cứu có hiệu quả, cần đầu tư nhiều công sức và kinh phí vào công việc sưu tầm và minh định các văn bản chữ Nôm và cần được các chuyên gia về văn bản học thẩm định lại một cách nghiêm túc, cẩn trọng. Nếu tư liệu gốc không chuẩn xác thì việc nghiên cứu cũng sẽ bế tắc và không có giá trị”¹. Vì vậy, cần đổi mới lại cách biên soạn và giảng dạy tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu ở cấp học phổ thông, sao cho dễ hiểu, dễ nhớ và kích thích sự tương tác của người học. Các bản dịch từ chữ Nôm ra chữ quốc ngữ nên phù hợp với trình độ nhận thức của người học; những điển tích, điển cố, hình ảnh ẩn dụ hay các phương ngữ Nam Bộ cũng cần chú giải cặn kẽ để phù hợp với trình độ người học và phương ngữ từng vùng miền. Còn ở cấp học đại học, chúng ta phải tiếp tục đẩy mạnh công tác sưu tầm, nghiên cứu các tác phẩm chữ Nôm của nhà thơ để người học phát huy tính chủ động trong tiếp nhận và cảm thụ các tác phẩm của nhà thơ nhằm tiếp tục khám phá giá trị mới, làm phong phú thêm những đóng góp của tác gia Nguyễn Đình Chiểu.

Ở lĩnh vực nghệ thuật khác, việc khai thác giá trị và sức sống của các tác phẩm và cuộc đời nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu cũng được đẩy

1. Lê Văn Hỷ: *Lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016, tr.204, 206.

mạnh. Con người và các nhân vật trong sáng tác của ông là cảm hứng để không ít nhà thơ, nhà văn hôm nay cho ra đời những đứa con tinh thần phong phú thuộc nhiều thể loại như: thơ, truyện ngắn, truyện danh nhân, truyện tranh... Ông và các sáng tác của ông cũng là cảm hứng sáng tác của nhiều hình thức nghệ thuật trình diễn như: sân khấu, cải lương, các bài diễn ca, ca dao, dân ca, câu đối, nói thơ, phim truyền hình... Điều đó cho thấy sức ảnh hưởng của cuộc đời và sự nghiệp cụ Đồ Chiểu rất sâu đậm trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân Nam Bộ nói riêng và người dân cả nước nói chung và việc làm này cần tiếp tục được phát huy và mở rộng ở nhiều lĩnh vực hơn nữa.

Hậu thế hôm nay mãi ghi nhớ công lao và đóng góp của Nguyễn Đình Chiểu đối với lịch sử dân tộc bằng các việc làm ý nghĩa như xây dựng khu mộ và đền thờ ông; tổ chức kỷ niệm ngày sinh, ngày mất của ông; tên ông được đặt cho các đường phố, công viên, trường học, bệnh viện, giải thưởng văn học... Những việc làm thiết thực này cần tiếp tục nhân rộng để những di sản văn hóa quý báu mà Nguyễn Đình Chiểu để lại cho chúng ta được lan tỏa hơn nữa, xứng đáng với tầm vóc của một danh nhân văn hóa thế giới. Việc dịch các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, cũng như những công trình nghiên cứu về ông và các tác phẩm của ông càng nên được khai thác nhiều hơn nữa, bằng nhiều thứ tiếng để quảng bá nhân cách văn hóa Nguyễn Đình Chiểu đối với đông đảo bạn bè trên thế giới.

Kết luận

Nhân cách mỗi người không phải từ khi sinh ra đã có mà là kết quả của một quá trình thích nghi với môi trường sống, kết quả của sự giáo dục, tự tu dưỡng, trau dồi của mỗi cá nhân. Nhân cách hình thành nên giá trị của con người. Một nhân cách cao đẹp không chỉ được mọi người yêu mến, quý trọng, mà còn có sức lan tỏa mạnh mẽ đến cộng đồng, khơi gợi và cổ vũ những cá nhân khác vươn tới giá trị cao cả, tốt đẹp.

Mỗi dân tộc trong các thời kỳ lịch sử đều sản sinh ra những danh nhân ưu tú với nhân cách lớn có giá trị vượt thời đại. Nhà thơ mù Nguyễn Đình Chiểu là một trong những danh nhân như vậy. Phân tích những giá trị đạo đức, nhân cách cao đẹp của Nguyễn Đình Chiểu không chỉ thể hiện lòng tự hào, tri ân của hậu thế đối với những đóng góp to lớn của ông trong lịch sử văn hóa và giáo dục nước nhà, mà nhân cách và tư tưởng nhân văn của ông còn là tấm gương sáng để thế hệ chúng ta ngày hôm nay có thể soi chiếu, sửa mình hoàn thiện hơn.

Hội thảo quốc tế “*Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu trong thời đại ngày nay*” là dịp để người dân Việt Nam tri ân công lao và những đóng góp của ông trong lịch sử văn học và tư tưởng văn hóa nước nhà, thế giới tri ân ông về những giá trị văn hóa và nhân văn mà ông để lại cho nhân loại; đồng thời tiếp tục khẳng định những giá trị văn hóa, khoa học và lịch sử của ông đối với bạn bè thế giới. Và hơn thế, đây còn là dịp để các nhà khoa học đưa ra những giải pháp thiết thực, hữu hiệu nhằm kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa, nhân văn cao đẹp của ông, góp phần xây dựng, hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam hôm nay theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Đảng đã đề ra./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đào Duy Anh: *Hán Việt từ điển*, Nxb. Minh Tân, Paris, 1950, quyển hạ.
- [2] Hoàng Tuấn Anh, Nguyễn Chí Bền, Từ Thị Loan, Vũ Anh Tú: *Xây dựng nhân cách văn hóa - những bài học kinh nghiệm trong lịch sử Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2012.
- [3] Hoàng Tuấn Anh (Chủ biên), Nguyễn Chí Bền, Nguyễn Thị Hiền, Từ Thị Loan, Vũ Anh Tú: *Sự xuống cấp đạo đức ở nước ta hiện nay, nguyên nhân và giải pháp khắc phục*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2016.
- [4] Nguyệt Ánh: *Nhân cách và tâm vóc danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu*, <https://baodongkhoei.vn>, ngày 03/7/2020.

- [5] Nguyễn Chí Bền: *Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), nhà thơ lớn, nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2020.
- [6] Hoàng Thị Cương: “Những hình tượng nhân vật cơ bản trong bộ phận văn học chống chủ nghĩa thực dân của Nguyễn Đình Chiểu”, tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 12/2019, tr.35-43.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
- [8] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
- [9] Nguyễn Đình Chú: *Từ lý tưởng nhân nghĩa đến chủ nghĩa yêu nước - Nguyễn Đình Chiểu về tác giả và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- [10] Đoàn Lê Giang: “Nguyễn Đình Chiểu - Nhìn từ thế kỷ XXI”, tạp chí *Xưa và Nay*, số 523 tháng 9/2020, tr.41-45.
- [11] Lê Quý Đức, Hoàng Chí Bảo (Chủ biên): *Văn hóa đạo đức ở nước ta hiện nay: Vấn đề và giải pháp*, Nxb. Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội, 2007.
- [12] Lê Văn Hỷ: *Lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016.
- [13] Nguyễn Thị Ngọc: “Phạm trù “trung”, “hiếu” trong Nho giáo và “trung”, “hiếu” theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, tạp chí *Giáo dục và xã hội*, số đặc biệt tháng 3/2019, tr.341-345.
- [14] Nguyễn Thanh Tuyên: “Những giá trị và hạn chế trong tư tưởng nhân văn của nhà nho yêu nước Nguyễn Đình Chiểu”, tạp chí *Giáo dục*, số đặc biệt tháng 6/2018, tr.151-154.
- [15] Nguyễn Ngọc Thiện: *Nguyễn Đình Chiểu - Về tác giả và tác phẩm (Tuyển tập và giới thiệu)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2003.
- [16] Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang (Biên soạn): *Tuyển tập Nguyễn Đình Chiểu* (tái bản lần thứ 2), Nxb. Văn học, Hà Nội, 2016.

- [17] Nguyễn Hữu Thúc: *Xây dựng nhân cách con người Việt Nam*, <http://tuyengiao.vn>, ngày 05/5/2016.
- [18] Nguyễn Thanh Thùy Trang: “Quan niệm về đạo làm người trong tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu”, tạp chí *Triết học*, số 4/2019.
- [19] Trung tâm Từ điển học: *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, 2009.
- [20] Lê Trí Viễn: *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao càng nhìn càng sáng*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006.

ĐỐI SÁNH HÌNH TƯỢNG LỤC VÂN TIÊN DƯỚI NHÃN QUAN CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU VÀ “HIỆP SĨ ĐƯỜNG PHỐ” Ở VIỆT NAM VỚI VĂN HÓA PHƯƠNG TÂY

PGS.TS. ĐINH HỒNG HẢI*

TS. PHẠM THỊ THỦY CHUNG**

Tóm tắt: Hiệp sĩ (俠士) là người hành động vì nghĩa, chống lại kẻ mạnh giúp người yếu thế. Đây là một danh xưng cổ xưa trong văn hóa Trung Hoa nay chỉ còn sót lại trong truyện kiếm hiệp. Danh từ này tương đương với knight trong tiếng Anh chỉ tước hiệu của người đàn ông được tôn vinh vì có công lớn ở Vương quốc Anh được xếp hạng dưới nam tước (nghĩa 1) hoặc một người đàn ông tận tâm giúp đỡ một phụ nữ lúc hoạn nạn (nghĩa 2). Trong văn hóa phương Tây, hiệp sĩ là người được nguyên thủ quốc gia hoặc giáo hoàng tấn phong để phục vụ nhà vua, nhà thờ hoặc quốc gia trong tư cách những chiến binh xả thân bảo vệ hoàng gia, giáo hoàng hoặc giới quý tộc.

Những lý tưởng về tinh thần hiệp sĩ đã được phổ biến trong văn học thời trung cổ ở Trung Hoa và phương Tây đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến văn hóa Việt Nam. Mặc dù trong lịch sử Việt Nam chưa từng ghi nhận tước hiệu này nhưng tinh thần nghĩa hiệp đã được Nguyễn Đình Chiểu biểu tượng hóa thành một nhân vật kiệt xuất có tên Lục Vân Tiên trong tác phẩm

* Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Liên hệ: dinhhaih@gmail.com

** Viện Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

cùng tên. Gần đây, danh từ “hiệp sĩ đường phố” được sử dụng trở lại vừa tạo nên những cảm hứng cho một số người nhưng đồng thời cũng tạo ra phản ứng trái chiều đối với nhiều người khác. Nghiên cứu này sẽ sử dụng hình tượng Lục Vân Tiên để lý giải tinh thần nghĩa hiệp dưới nhãn quan của Nguyễn Đình Chiểu. Từ đó nhận diện danh xưng “hiệp sĩ đường phố” ở Việt Nam hiện nay đặt trong sự đối sánh với một thuật ngữ tương đương (knight) trong văn hóa phương Tây.

Từ khóa: Lục Vân Tiên; Hiệp sĩ đường phố; Knight; Nguyễn Đình Chiểu.

COMPARING IMAGE OF LỤC VÂN TIÊN UNDER VIEW OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU AND “STREET KNIGHTS” IN VIETNAM WITH WESTERN CULTURE

Abstract: The knight is a warrior of the Middle Ages who fought on horseback, served a king, held a special military rank, and swore to behave in a noble way or a man honored for merit by a king or queen of England and ranking below a baronet [Merriam-Webster]. In Vietnam, the term hiệp sĩ (俠) comes from Chinese culture via literature. The knight spirit appears in ancient literature and poem commonly in China and the West. It influences Vietnamese literature in the pre-modern period by a famous writer, Nguyễn Đình Chiểu with his masterpiece Lục Vân Tiên. Recently, a new term “hiệp sĩ đường phố” [street-knight] appear in newspapers making many controversies. The paper focusses on the symbol of Lục Vân Tiên to decode the knight-spirit in the vision of Nguyễn Đình Chiểu. Thenceforward, it points out the name “hiệp sĩ đường phố” in present-day Vietnam in comparison with the knight in the Western culture.

Keywords: Lục Vân Tiên; Hiệp sĩ đường phố; Knight; Nguyễn Đình Chiểu.

Toàn văn

Mở đầu

Hiệp sĩ là người hành động vì nghĩa, chống lại kẻ mạnh giúp người yếu thế. Đây là một danh xưng cổ xưa trong văn hóa Trung Hoa nay chỉ còn sót lại trong các tác phẩm kiếm hiệp. Danh từ này tương đương với *knight* trong tiếng Anh chỉ tước hiệu của người đàn ông được tôn vinh vì có công lớn ở Vương quốc Anh được xếp hạng dưới nam tước (nghĩa 1) hoặc một người đàn ông tận tâm giúp đỡ một phụ nữ lúc hoạn nạn (nghĩa 2). Theo *Từ điển Oxford*, thời trung cổ, hiệp sĩ là người có địa vị xã hội cao, người có nhiệm vụ chiến đấu cho vị vua của mình. Các hiệp sĩ được thể hiện trong các bức tranh thường cưỡi ngựa và mặc áo giáp. Trong các câu chuyện về những hiệp sĩ thời trung cổ, họ là những con người phiêu lưu với tấm lòng hào hiệp. Trong văn hóa phương Tây, hiệp sĩ là người được nguyên thủ quốc gia hoặc giáo hoàng tấn phong để phục vụ nhà vua, nhà thờ hoặc quốc gia trong tư cách những chiến binh xả thân bảo vệ hoàng gia, giáo hoàng hoặc giới quý tộc.

Những lý tưởng về tinh thần hiệp sĩ phổ biến trong văn học thời trung cổ ở Trung Hoa và phương Tây đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến văn hóa Việt Nam. Mặc dù, trong lịch sử Việt Nam chưa từng ghi nhận tước hiệu này, nhưng tinh thần nghĩa hiệp đã được Nguyễn Đình Chiểu biểu tượng hóa thành một nhân vật kiệt xuất có tên Lục Vân Tiên trong tác phẩm cùng tên. Gần đây, danh từ “hiệp sĩ đường phố” được sử dụng trở lại vừa tạo nên những cảm hứng cho một số người, nhưng đồng thời cũng tạo ra phản ứng trái chiều đối với nhiều người khác. Nghiên cứu này sẽ sử dụng hình tượng Lục Vân Tiên để lý giải tinh thần nghĩa hiệp dưới nhãn quan của Nguyễn Đình Chiểu. Từ đó, nhận diện danh xưng “hiệp sĩ đường phố” ở Việt Nam hiện nay đặt trong sự đối sánh với một thuật ngữ tương đương (*knight*) trong văn hóa phương Tây.

Hiệp sĩ trong các nền văn hóa

Trong văn hóa phương Tây, nguyên nghĩa từ hiệp sĩ là *cniht* là một từ ghép của từ tiếng Đức (Knecht: đầy tớ, nô lệ, chư hầu) đã thay đổi theo thời gian thành “người bảo hộ” chiến đấu trung thành bên cạnh các lãnh chúa của họ trong văn hóa Anglo - Saxon. Tuy nhiên, cho đến khoảng năm 1300 thì động từ “to knight” (làm cho ai đó trở thành hiệp sĩ) mới xuất hiện như một danh xưng cao quý mang phẩm giá của một hiệp sĩ. Đây là thành viên của tầng lớp xã hội thứ hai trong nền Cộng hòa La Mã và thời kỳ đầu của Đế chế La Mã. Về sau, từ hiệp sĩ là người được các nguyên thủ quốc gia (hoặc Đức giáo hoàng) tấn phong để phục vụ hoàng gia, nhà thờ hoặc quốc gia, đặc biệt là trong tư cách chiến binh.

Trong văn hóa phương Đông, hiệp sĩ là những con người hào hiệp có địa vị đặc biệt trong xã hội. Chẳng hạn, trong văn hóa truyền thống Trung Hoa hiệp sĩ thường được mô tả là một người anh hùng chuyên giúp đỡ người khác, chống lại sự bất công bằng những nghĩa cử hào hiệp. Trên thực tế, mặc dù có nhiều cách khác nhau để đạt được công lý, nhưng kể từ khi hiệp sĩ là một đối tượng ngưỡng mộ trong tâm trí của mọi người, nó trở thành một chủ đề quan trọng trong văn học Trung Quốc và có sự ảnh hưởng mạnh mẽ đến văn hóa Việt Nam giai đoạn trung đại đến nay.

Danh từ hiệp sĩ mang nhiều hàm nghĩa khác nhau trong các giai đoạn lịch sử nhưng hàm nghĩa luôn là những người đối đầu với quyền lực, những mô tả về họ trong văn chương luôn là những người lãng mạn, hào hiệp. Thậm chí danh xưng này còn được sánh với “hảo hán” là những con người bị gạt ra bên lề xã hội nhưng có tinh thần dũng cảm, đại nghĩa. Các hiệp sĩ thường dùng sức mạnh cá nhân và tài nghệ võ thuật để hành động. Bản thân họ bất chấp hiểm nguy và không mấy quan tâm đến pháp luật: “Nho thì phạm luật bằng văn, hiệp thì dùng võ là phạm điều cấm” (Hàn Phi). Một hiệp sĩ điển hình trong quan niệm của người Trung Hoa luôn là người văn võ song toàn. Chính tinh thần hiệp sĩ đã thúc đẩy đạo đức của những người luyện tập võ thuật lên mức cao nhất trở thành những người ưu tú nhất trong số những người luyện tập võ thuật.

Có thể tóm lược những đặc trưng của hiệp sĩ là: *người hào hiệp, bản lĩnh trong đối nhân xử thế, có tính cách trong sáng, có ý chí kiên cường, có lòng trung thành và luôn cứu giúp người khác, đặc biệt, họ luôn sẵn sàng giúp đỡ những người yếu thế trong xã hội*. Hiệp sĩ có lòng vị tha, không ngại hy sinh thân mình để cứu giúp người đời, họ có thể cướp của người giàu giúp đỡ người nghèo, dám phá bỏ trật tự xã hội và sẵn sàng hy sinh để bảo vệ lẽ sống của họ cũng như các nguyên tắc đạo đức. Bởi vậy, họ không phục tùng các loại uy quyền của kẻ mạnh. Khác với văn hóa phương Tây, trong các nền văn hóa Á Đông như Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam, các hiệp sĩ không thuộc về một tầng lớp xã hội cụ thể nào. Điển hình cho tinh thần hiệp sĩ hay hảo hán là “đầu lĩnh” ở Lương Sơn Bạc trong tác phẩm *Thủy Hử* của Thi Nại Am.

Câu chuyện về các hiệp sĩ thường mang đầy màu sắc kịch tính và thường tạo ra nhiều huyền thoại về lòng nghĩa hiệp hơn là khía cạnh công lý hay luật pháp. Vì vậy, trong các tiểu thuyết Trung Quốc, các hiệp sĩ thường không kết hôn hoặc thậm chí không yêu đương để kiềm chế cảm xúc cá nhân làm cản trở tinh thần vị nghĩa của họ. Đến cuối đời nhà Thanh, đặc tính hiệp sĩ được thi vị hóa thành những tiểu thuyết kiếm hiệp trong giai đoạn suy tàn của chế độ phong kiến ở Trung Quốc. Đây chính là tiền đề để thể loại phim kiếm hiệp Hồng Kông phát triển mạnh trong nửa đầu thế kỷ XX và tạo nên một trào lưu trong phim truyền hình cổ trang Trung Quốc nửa sau thế kỷ XX. Hình tượng Lục Vân Tiên dưới nhãn quan của Nguyễn Đình Chiểu đã ra đời trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ của các tác phẩm văn học Trung Quốc giai đoạn này nên cũng mang nhiều đặc trưng của các hiệp sĩ Trung Quốc.

Hình tượng Lục Vân Tiên dưới nhãn quan của Nguyễn Đình Chiểu

Nguyễn Đình Chiểu sinh năm 1822, mất năm 1888, còn được gọi là Đồ Chiểu, tự Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ, Hối Trai, quê ở phủ Tân Bình, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định, nay thuộc Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Văn chương của ông thường được dùng chữ Nôm, bằng ngôn ngữ nghệ thuật bình dị, giàu sức biểu cảm khiến cho tác phẩm của

ông có sức hút mạnh mẽ đối với nhiều tầng lớp người đọc. Hình tượng những người nông dân trong văn thơ của ông mang đậm tính cách Nam Bộ. Những con người dung dị đó, trong công cuộc chống thực dân Pháp đã trở thành những người anh hùng, trượng nghĩa. Thông qua ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu, đạo lý và chính nghĩa luôn được tôn vinh, công bằng xã hội luôn được đề cao. Lục Vân Tiên dưới nhãn quan của ông chính là biểu tượng của tinh thần đó.

Có thể nói, cuộc đời, con người, quan niệm sáng tác và đặc điểm thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu chính là di sản kế thừa tư tưởng nhân nghĩa của cha ông chúng ta. Dưới ngòi bút của ông, thơ văn đã trở thành vũ khí chiến đấu mà tác phẩm *Lục Vân Tiên* chính là thành quả to lớn mà ông đã sáng tạo nên. Lục Vân Tiên tiêu biểu cho tinh thần trượng nghĩa của người quân tử, xông vào chốn hiểm nguy cứu người không chút do dự. Hành động nhổ cây ven đường đánh tan bọn cướp, tiêu diệt tướng cướp Phong Lai chính là lý tưởng, là một mơ ước về một xã hội công bằng và tràn ngập yêu thương. Hình tượng Lục Vân Tiên qua bút pháp của Nguyễn Đình Chiểu lột tả hình ảnh lý tưởng của người anh hùng cao đẹp nhưng hết sức dung dị bằng thể loại truyện thơ Nôm.

Mặc dù tác phẩm *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu được lấy cảm hứng từ hình ảnh của các hiệp sĩ Trung Hoa được Việt hóa từ gốc Hán nhưng tác giả đã xây dựng nhân vật này mang đặc trưng của người Việt bằng những từ ngôn ngữ mang sắc thái Nam Bộ. Với một ngôn ngữ bình dân sử dụng nhiều phương ngữ như *bớ đảng, bức thơ, chi, con này, đà, đànng, mây, há dễ, lâu la, lữ kiến chòm ong, tiểu thơ, trai gái, tố - thấy, vi dẫu, vậy, vô,...* Lối kể chuyện mộc mạc, giản dị, gần gũi với đa số người dân đã khiến cho tác phẩm của ông đến với người đọc Việt Nam một cách hết sức tự nhiên. Nó cũng giúp cho việc sử dụng các từ ngữ và điển cố gốc Hán không lấn át nội dung và hình thức của tác phẩm.

Có thể nói, sự kết hợp độc đáo giữa câu truyện dân gian và tự truyện của tác giả đã hòa quyện trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* với một thủ pháp điều luyện bằng việc vận dụng thành ngữ, ca dao, tục ngữ và điển cố để tạo nên một tác phẩm văn học kinh điển của Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Cũng giống như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Lục Vân Tiên* không chỉ tạo nên sức hấp dẫn với người đọc Việt Nam mà tác phẩm này còn hấp dẫn nhiều độc giả nước ngoài. Abel des Michels chính là người đã dịch *Lục Vân Tiên* sang tiếng Pháp với tên gọi *Lục Vân Tiên cổ tích truyện* (*Histoire de Luc Van Tien*) năm 1899. Cuộc đời chìm nổi nhiều gian truân của Nguyễn Đình Chiểu được khắc họa qua nhân vật Lục Vân Tiên hiện ra chân thực giống như lời tự sự của chính tác giả. Nổi bật trong đó là khát vọng hành đạo cứu đời bằng những phẩm chất đẹp đẽ của nhân vật Lục Vân Tiên như một biểu tượng hiệp sĩ trong văn chương.

Vượt lên hết thảy mọi giá trị ngôn từ, *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu phản ánh một giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội Việt Nam đương thời. Đúng như lời giới thiệu trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* như đã được khẳng định: “Nguyễn Đình Chiểu đã dựng lên cả một xã hội trong đó những nhân vật chính diện tiêu biểu là Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga đã tượng trưng cho tài năng, trí tuệ, nhân phẩm của con người. Đó là những con người học rộng, tài cao. Tuy mỗi người mỗi vẻ, mỗi nét mặt khác nhau, nhưng họ đều là những người “cương trực”, “khảng khái”, “vị tha” và “trọng nghĩa hiệp””¹.

“Hiệp sĩ đường phố” ở Việt Nam trong sự đối sánh với văn hóa phương Tây

“Hiệp sĩ đường phố” ở Việt Nam và đặc tính phi chính quy

“Hiệp sĩ đường phố” là tên gọi không chính thức các thành viên của các câu lạc bộ phòng, chống tội phạm tại nhiều thành phố ở Việt Nam. Ban đầu, nhóm hiệp sĩ được thành lập ở Bình Dương, sau mở rộng ra các địa bàn khác trên toàn quốc. Năm 1997, câu lạc bộ đầu tiên được thành lập ở phường Phú Hòa hoạt động không lương nhưng được hỗ trợ tiền

1. Xem: “Giới thiệu Lục Vân Tiên” trong Dự án số hóa thư tịch cổ văn hiến Hán Nôm giữa Thư viện Quốc gia Việt Nam và Hội Bảo tồn Di sản chữ Nôm (mã số số hoá: nlvnpf-0059; mã số R.403) <http://www.nomfoundation.org/nom-project/Luc-Van-Tien?uiLang=vn>, truy cập ngày 21/3/2022.

xăng, được khen thưởng và điều trị khi bị tai nạn do làm nhiệm vụ. Thậm chí nếu tử vong thì được hưởng chính sách giống như người có công với cách mạng theo Nghị định số 31/2013/NĐ-CP của Chính phủ¹.

Năm 2006, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ra Quyết định số 203/2006/QĐ-UBND, ngày 16/8/2006 về “Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm trên địa bàn tỉnh Bình Dương”. Năm 2008, công an Thành phố Hồ Chí Minh ra mắt đội cảnh sát hình sự đặc nhiệm săn bắt cướp (SBC). Năm 2010, thành phố Hà Nội triển khai thí điểm mô hình câu lạc bộ này. Như vậy, các “hiệp sĩ đường phố” là thành viên của các câu lạc bộ phòng, chống tội phạm ở Việt Nam mới được hình thành gần đây. Do không có chức danh và địa vị xã hội cụ thể nên tên gọi “hiệp sĩ đường phố” hoàn toàn là một sản phẩm mang tính văn chương hơn là đời thực. Có thể, danh xưng này được tạo ra như một cách an ủi cho những vất vả, hy sinh của họ.

Trên thực tế, các “hiệp sĩ” do không được trang bị các vũ khí quân dụng như những người làm công tác an ninh chuyên nghiệp, do đó đã xảy ra nhiều vụ việc đáng tiếc, thậm chí, họ đã phải hy sinh tính mạng khi truy bắt tội phạm. Sự hy sinh của họ được nhiều người tiếc thương và truyền thông “vinh danh”. Ví dụ, một câu lạc bộ phòng, chống tội phạm có 4 thành viên được tặng Huy chương tuổi trẻ dũng cảm. Đặc biệt, các hiệp sĩ săn bắt cướp còn được báo điện tử *Vnexpress* vinh danh là nhân vật của năm 2011 và “hiệp sĩ” Nguyễn Thanh Hải nhận Huân chương Chiến công.

Đối sánh với danh xưng hiệp sĩ ở phương Tây

Có lẽ, điểm khác biệt lớn nhất giữa “hiệp sĩ đường phố” ở Việt Nam trong sự đối sánh với văn hóa phương Tây chính là danh phận. Vào giai đoạn đầu của thời Trung cổ ở châu Âu, danh xưng hiệp sĩ được phong cho những chiến binh trung thành nhất. Họ trở thành một thành phần thuộc

1. Nghị định số 31/2013/NĐ-CP, ngày 09/4/2013 của Chính phủ về “Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng”.

giới thượng lưu, được coi như một giai cấp đứng ngay dưới giới quý tộc. Vào giai đoạn huy hoàng nhất, danh xưng này gắn với lý tưởng của tinh thần hiệp sĩ, một quy tắc ứng xử dành cho các chiến binh hào hiệp, dám xả thân vì việc nghĩa.

Trong văn hóa phương Tây, một hiệp sĩ thường là một người trung thành, phục vụ như một vệ sĩ cho các lãnh chúa và giới quý tộc. Vì vậy, họ không chỉ được tấn phong tước hiệu mà còn được ban thưởng đất đai. Các lãnh chúa tin tưởng vào các hiệp sĩ bởi họ là những con người có kỹ năng thiện chiến. Hình ảnh của hiệp sĩ cũng được mô tả như những kỵ sĩ hay kỵ binh oai phong trên lưng ngựa cùng áo giáp và các vũ khí đặc trưng. Những hình ảnh như vậy đã khắc họa những lý tưởng về tinh thần hiệp sĩ đã được phổ biến trong văn học và nghệ thuật thời trung cổ, đặc biệt là ở Pháp và Anh.

Ngày nay, di sản của danh xưng hiệp sĩ vẫn tiếp tục tồn tại ở một số quốc gia theo đạo Kitô và các lãnh thổ trước đây của họ trong lịch sử. Cho đến thời hiện đại, danh xưng này thường chỉ tập trung vào các hoạt động từ thiện, cứu trợ và nghĩa vụ công dân mà không còn gắn với các chiến binh nữa. Mỗi danh xưng có các tiêu chí riêng về điều kiện ban tặng nhưng tước hiệp sĩ thường được ban tặng bởi nguyên thủ quốc gia, quốc vương để công nhận những thành tích đáng khen ngợi, như trong hệ thống danh xưng mang tính danh dự của Hoàng gia để phục vụ cho Giáo hội hoặc quốc gia. Dĩ nhiên, danh xưng này thường đi kèm với các phần thưởng xứng đáng.

Hiệp sĩ - Từ văn chương đến hiện thực đời sống

Trong *Truyện Kiều*, nhân vật Từ Hải, một con người khao khát tự do và bình đẳng đã có một lời tuyên ngôn bất hủ:

“Anh hùng tiếng đã gọi rằng,
Giữa đường dấu thấy bất bằng mà tha...”.

Tinh thần này đã được Nguyễn Đình Chiểu khẳng định lại trong truyện *Lục Vân Tiên*:

*“Nhớ câu kiến ngãi bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng...”.*

Hình ảnh nghĩa hiệp của Từ Hải và Lục Vân Tiên trong văn chương là một lý tưởng cao đẹp mà các tác giả nêu trên đã khắc họa trong lịch sử. Thực tế xã hội càng nhiều nhưng bao nhiêu thì người dân càng mơ ước đến một tinh thần nghĩa hiệp của con người bấy nhiêu. Có lẽ vì vậy mà hình ảnh của những con người nghĩa hiệp như Từ Hải và Lục Vân Tiên mới được điển hình hóa trong đời sống xã hội đương thời của Nguyễn Du và Nguyễn Đình Chiểu. Từ văn chương đến hiện thực đời sống chính là tấm “kính chiếu yêu” để chúng ta có thể nhận rõ thực trạng xã hội. So sánh với hiện thực đời sống xã hội hiện nay, chúng ta có thể nhận ra danh xưng “hiệp sĩ đường phố” cũng chính là niềm mơ ước của người dân trong một giai đoạn mà “đạo đức xuống cấp” đã trở thành một từ khóa được gần 25 triệu kết quả tìm kiếm trên Google chỉ trong 0,47 giây.

Dễ dàng nhận thấy quan niệm về anh hùng luôn mang màu sắc thời đại, “mỗi thời đại lại có một mẫu lý tưởng về anh hùng. Ở Việt Nam, danh xưng “hiệp sĩ đường phố” chưa được đề cập rõ trong bất cứ văn bản pháp luật nào. Pháp luật chỉ cho phép lực lượng công an mới có thẩm quyền điều tra, khám xét và truy bắt các đối tượng phạm tội, trong đó có cướp giật. Đối với người dân cũng như “hiệp sĩ” chỉ có quyền bắt người khi phát hiện và bắt quả tang người có hành vi phạm tội, pháp luật không cho phép họ được quyền trực tiếp bắt người, khám người. Nhà nước đã xây dựng các lực lượng chuyên nghiệp, chuyên trách có bề dày kinh nghiệm trong việc phòng, chống tội phạm như: cảnh sát khu vực, cảnh sát hình sự, đặc nhiệm, dân quân tự vệ, lực lượng phản ứng nhanh, cảnh sát 113,... Còn người dân, “hiệp sĩ” hay lực lượng khác chỉ đóng vai trò hỗ trợ khi có điều kiện phù hợp, không nên đặt vai trò của “hiệp sĩ” là có trách nhiệm truy bắt cướp bởi trách nhiệm này là của công an”¹.

1. Cao Huân, Trần Vương: “Mô hình “Hiệp sĩ” bắt cướp đường phố: Không nên nhân rộng, khuyến khích”, <https://laodong.vn>.

Thực tiễn đời sống và xã hội hiện nay cho thấy việc cổ xúy cho tinh thần “hiệp sĩ” nhưng lại không được trang bị bảo hộ và kỹ năng nghề nghiệp đã khiến cho nhiều người có tinh thần nghĩa hiệp thực sự gặp nguy hiểm, thậm chí mất mạng. Cho dù được công nhận liệt sĩ khi hy sinh nhưng sự ra đi của các “hiệp sĩ” như Nguyễn Hoàng Nam và Nguyễn Văn Thôi trong vụ bắt băng trộm xe gắn máy SH trên đường Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, Quận 3 vào ngày 13/5/2018 chính là một cái giá quá lớn khi chúng ta không phân biệt rõ tinh thần nghĩa hiệp trong văn chương và trong hiện thực đời sống. Đặc biệt, khi vô tình làm bị thương hoặc làm chết tội phạm thì họ không được hưởng quyền miễn trừ.

Kết luận

Đối sánh hình tượng Lục Vân Tiên dưới nhãn quan của Nguyễn Đình Chiểu và “hiệp sĩ đường phố” ở Việt Nam với văn hóa phương Tây để làm rõ tính chính danh của danh từ này ở Việt Nam là điều hết sức cần thiết hiện nay. Việc nhầm lẫn một yếu tố tinh thần (dũng cảm, nghĩa hiệp,...) với một công việc trong thực tại (bắt cướp) cũng như sự nhầm lẫn giữa *văn chương* với *hiện thực đời sống* đã vô tình đẩy những con người nghĩa khí (các “hiệp sĩ đường phố”) đến chỗ nguy hiểm. Sự phân biệt nói trên không chỉ đóng góp về mặt học thuật mà còn là để áp dụng các yếu tố học thuật đó vào đời sống xã hội.

Trong *Từ điển Lạc Việt*, danh từ *knight* có các nghĩa: hiệp sĩ (thời trung cổ ở châu Âu); người được phong tước hầu (ở Anh); (sử học) nghị sĩ đại diện cho một hạt ở Anh (knight of the shire); kỵ sĩ (trong quân đội cổ La Mã); (đánh cờ) quân cờ “đầu ngựa”; knight bachelor - hiệp sĩ thường (chưa được phong tước); knight commander - hiệp sĩ đã được phong tước; knight of the brush - họa sĩ; knight of the cleaver - người bán thịt; knight of the fortune - kẻ phiêu lưu/mạo hiểm; knight of industry - tay đại bộm; knight of the knife - (từ cổ, nghĩa cổ), (đua cợt) kẻ cắp; knight of the needle (shears, thimble) (từ cổ, nghĩa cổ) - (đua cợt) thợ may; knight of

the pencil (pen, quill) - nhà văn, nhà báo; knight of the pestle - (từ cổ, nghĩa cổ) nhà bào chế, dược sĩ; knight of the post - người sống bằng nghề làm nhân chứng láo; knight of the whip - (đùa cợt) người đánh xe ngựa. Đặc biệt: knight of the road có nghĩa là người đi chào hàng hoặc kẻ cướp đường. Vì vậy, danh xưng ‘hiệp sĩ đường phố’ khi dịch ra tiếng Anh rất dễ nhầm lẫn với “knight of the road”.

Hơn 2000 năm trước, Khổng Tử nhấn mạnh tính *chính danh* là để cảnh tỉnh cho con cháu nên làm những công việc có danh phận rõ ràng. Có lẽ, đã đến lúc hãy trả các “hiệp sĩ” về cho văn học và nghệ thuật bởi “*cơm áo không đùa với khách thơ*” (Xuân Diệu). Đừng bắt họ đổi mạng để có một danh xưng không chính thức (hư danh) hoặc nhầm lẫn với “knight of the road”. Bởi trên thực tế, vấn đề đạo đức xã hội không thể chỉ dựa trên “tinh thần nghĩa hiệp” của những con người “tay không tác sắt” như huyền thoại Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu mà phải bằng việc thể chế hóa danh xưng đi kèm với trách nhiệm xã hội (ví dụ như cảnh sát, lính cứu hỏa...). Có như vậy mới thực sự phù hợp với một xã hội phát triển trong thế kỷ XXI thay vì tiếc nuối một danh xưng trong văn học và trong lịch sử thời trung cổ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Anh Thoa: ““Hiệp sĩ” Nguyễn Thanh Hải nhận Huân chương Chiến công”, báo *Tuổi trẻ*, <https://tuoitre.vn/hiep-si-nguyen-thanh-hai-nhan-huan-chuong-chien-cong-416908.htm>, 2010.
- [2] Bumke, Joachim: *Courtly Culture: Literature and Society in the High Middle Ages*, University of California Press, Berkeley, US and Los Angeles, US, 1991.
- [3] Cao Huân, Trần Vương: “Mô hình “Hiệp sĩ” bắt cướp đường phố: Không nên nhân rộng, khuyến khích”, báo *Lao động*, <https://laodong.vn/phap-luat/mo-hinh-hiep-si-bat-cuop-duong-pho-khong-nen-nhan-rong-khuyen-khich-855266.lao>, 2020.

- [4] Coss, Peter R: *The knight in medieval England, 1000-1400*, Combined Books, Conshohocken, PA, 1996.
- [5] Đồ Chiểu: *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Thanh Tâm chú thích theo bản của Trương Vĩnh Ký, Sách Giáo khoa Tân Việt, Sài Gòn xuất bản.
- [6] Fritze, Ronald; Robison, William, eds.: *Historical Dictionary of Late Medieval England: 1272-1485*. Westport, CT: Greenwood Press, 2002.
- [7] Marcia L. Colish: *The Mirror of Language: A Study in the Medieval Theory of Knowledge*, University of Nebraska Press, Nebraska, US, 1983.
- [8] Như Phú: ““Hiệp sĩ” Bình Dương hoạt động theo quy chế của tỉnh”, báo *Người Lao động*, <https://nld.com.vn/ban-doc/hiep-si-binh-duong-hoat-dong-theo-quy-che-cua-tinh-20180517213943413.htm>, báo *Người lao động*, 2018.
- [9] Thanh Phương: “Hai “hiệp sĩ” bị đâm tử vong khi truy đuổi trộm được công nhận liệt sĩ”, báo điện tử *Vietnamnet*, <https://vietnamnet.vn/hai-hiep-si-bi-dam-tu-vong-khi-truy-duoi-trom-duoc-cong-nhan-liet-si-667340.html>, 2020.

LỤC VÂN TIÊN TRONG CHÍNH SÁCH VĂN HÓA CỦA NGƯỜI PHÁP Ở NAM BỘ

TS. TRẦN ĐÌNH HẰNG*

Tóm tắt: Lục Vân Tiên trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu được xây dựng trở thành biểu tượng của hình tượng con người phương Nam: hảo hán trượng nghĩa, đầy bản lĩnh. Tiếp cận vùng đất Nam Kỳ, người Pháp đã sớm nhận thấy giá trị cốt lõi của phong thổ và con người phương Nam, nên họ đã tập trung khai thác, khám phá văn minh bản xứ và đồng thời cũng để giới thiệu cho người Pháp nói riêng và châu Âu nói chung. Trong công cuộc xâm nhập văn hóa, văn minh Việt Nam để xác lập nền thuộc địa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, không phải ngẫu nhiên mà đã có nhiều công trình nghiên cứu, bản dịch tác phẩm nổi tiếng Lục Vân Tiên bằng tiếng Pháp để phục vụ cho chính sách văn hóa của người Pháp đối với vùng đất Nam Kỳ, như bản dịch Luc-Van-Tien, Poeme populaire annamite năm 1864 của Lãnh sự Pháp ở Bangkok (Thái Lan) là G. Aubaret (Journal Asiatique, N°1, Imprimerie Impériale Paris); Lục Vân Tiên, bản thảo Quốc ngữ và Pháp ngữ của G. Janneaux, Sài Gòn, 1867; Lục Vân Tiên ca diễn, Abel Des Michels dịch, ấn phẩm của Trường Sinh ngữ phương Đông, 1883. Đáng chú ý là từ bản dịch của Abel des Michels đã khơi nguồn cho ý tưởng thể hiện tác phẩm bằng bộ tranh ký họa của Eugène Gibert,

* Phân viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia tại thành phố Huế, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam. Liên hệ: navidongkhanh@gmail.com

*Đại đội trưởng Đại đội Pháo binh hải quân, sau đó trao tặng cho Viện Hàn lâm Văn khắc và Văn chương Pháp năm 1899, đã được Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp ấn hành năm 2016 (2 tập). Trong bài viết này, chúng tôi tiếp cận hình tượng và tác phẩm *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu như là một chìa khóa quan trọng trong quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt - Pháp từ thời trung cận đại đến nay, từ đó có thể tham chiếu, rút ra được một số điểm đặc trưng, bài học kinh nghiệm thiết thực trong giai đoạn hiện nay dưới góc nhìn lịch sử và văn hóa.*

*Từ khóa: Chính sách văn hóa; Giao lưu Pháp - Việt; *Lục Vân Tiên*; Nam Bộ; Nam Kỳ; Nguyễn Đình Chiểu.*

***LỤC VÂN TIÊN* IN POLICY OF CULTURE OF THE FRENCH IN NAM BỘ (SOUTHERN PART OF VIETNAM)**

*Abstract: Nguyễn Đình Chiểu was a blind Vietnamese poet and he had a lot of writings against the French colonization in the southern part of Vietnam. He wrote the epic poem *Tale of Lục Vân Tiên*, one of the works in type, in 19th century. *Lục Vân Tiên* in the tale appeared to be an iconic southern Vietnamese person, who represented to be courageous, high-spirited and knightly. The French had soon recognized core values of the land and the people in the region since their first invasion. They then concentrated their exploitation of the values in an attempt to conquer the land and to have a brief profile of the Southern Vietnam to France and Europe at the same time. For a firm colonial foundation in the South in late 19th century and early 20th century, the French conducted a scheme to examine the land's civilization. Through the examination, the French had several literature works translated into French language,*

including the Tale of Lục Vân Tiên. The translated works included Luc-Van-Tien, Poeme populaire annamite published in 1864 by the French Consul to Bangkok, Thailand - G. Aubaret (Journal Asiatique, N°1, Imprimerie Impériale Paris); Lục Vân Tiên, drafted in Vietnamese and French languages by G. Janneaux, Sài Gòn, 1867; Lục Vân Tiên ca diễn, translated by Abel Des Michels and published by Phuong Dong Language School, 1883. Abel des Michels translated work later inspired Eugène Gibert, a French marine, for a sketch book. Gilbert offered the Académie des inscriptions et belles-lettres the book in 1899. In 2016, École française d'Extrême-Orient published the book in two volumes.

In this article, I considered Lục Vân Tiên and the Tale of Luc Van Tien as a key access to the Vietnamese-French acculturation from the middle modern period now. Through this, I expected to have lessons learnt for today situation under the view of history and culture.

Keywords: Cultural policies; Vietnamese - French exchanges; Lục Vân Tiên; Southern Vietnam; Cochinchina; Nguyễn Đình Chiểu.

Toàn văn

1. Mở đầu

Lục Vân Tiên trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu được xây dựng trở thành biểu tượng của hình tượng con người phương Nam: hào sảng, trượng nghĩa, đầy bản lĩnh. Tiếp cận vùng đất Nam Kỳ, người Pháp đã sớm nhận thấy giá trị cốt lõi của phong thổ và con người phương Nam, tập trung khai thác các giá trị này để khám phá văn minh bản xứ và đồng thời cũng để giới thiệu cho người Pháp nói riêng và châu Âu nói chung. Trong công cuộc xâm nhập văn hóa văn minh Việt Nam để xác lập

nên thuộc địa từ cuối thế kỷ XIX, không phải ngẫu nhiên mà đã có nhiều công trình nghiên cứu, bản dịch tác phẩm nổi tiếng *Lục Vân Tiên* bằng tiếng Pháp để phục vụ cho chính sách văn hóa của người Pháp đối với vùng đất Nam Kỳ như các ấn phẩm:

- *Luc-Van-Tien, Poeme populaire annamite* năm 1864 của Lãnh sự Pháp ở Bangkok (Thái Lan) là G. Aubaret (Journal Asiatique, N° 1, Imprimerie Impériale Paris);

- *Lục Vân Tiên*, bản thảo Quốc ngữ và Pháp ngữ của G. Janneaux, Sài Gòn, 1867;

- *Lục Vân Tiên ca diễn*, Abel Des Michels dịch, ấn phẩm của Trường Sinh ngữ phương Đông, 1883, v.v..

Trong các bản dịch đó, đáng chú ý là bản dịch của Abel des Michels đã khơi nguồn cho ý tưởng thể hiện tác phẩm *Lục Vân Tiên* bằng bộ tranh ký họa của Eugène Gibert, Đại đội trưởng Đại đội Pháo binh hải quân, sau đó trao tặng cho Viện Hàn lâm Văn khắc và Văn chương Pháp năm 1899, đã được Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp ấn hành năm 2016 (2 tập)¹.

Trong bài viết này, chúng tôi tiếp cận hình tượng và tác phẩm *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu như là một chìa khóa quan trọng trong quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt - Pháp từ thời trung cận đại đến nay, đặc biệt là đối với không gian văn hóa Nam Bộ. Từ đó có thể tham chiếu, rút ra được một số điểm đặc trưng, bài học kinh nghiệm thiết thực trong giai đoạn hiện nay dưới góc nhìn lịch sử và văn hóa, nhất là từ khía cạnh cốt kết nhân tâm, thu phục lòng người và những giá trị giáo dục nhân bản mang đậm thông điệp, sứ mệnh văn hóa gắn liền với mỗi một vùng đất.

1. Nguyễn Đình Chiểu: *Lục Vân Tiên cổ tích truyện - Histoire de Lục Vân Tiên - The story of Lục Vân Tiên*, Nxb. Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh - École Française d'Extrême-Orient, Thành phố Hồ Chí Minh - Paris, 2016.

2. Không gian văn hóa Nam Bộ với quá trình kiến tạo hình tượng *Lục Vân Tiên*

Từ châu thổ Bắc Bộ, trên bước đường đi về phương Nam của người Việt, Huế là vùng đất đứng chân, bàn đạp chiến lược quan trọng từ thời chúa Nguyễn - Đàng Trong, hướng đến vùng châu thổ lý tưởng, vừa lúa Đồng Nai - Gia Định, môi trường lý tưởng cho truyền thống nông nghiệp lúa nước thể nghiệm. Công thức dân gian “nhất Đồng Nai, nhì hai huyện” đến nay vẫn còn lưu truyền rộng rãi, phản ánh chân xác hành trình gian nan đó của dân tộc.

Thông thường, ở dạng kết cấu “nhất - nhì” này, phổ biến trong lịch sử Việt Nam, thì địa danh “nhì” vốn là “nhất”, có trước, đóng vai trò quan trọng hơn. Do tác động nhiều chiều của các yếu tố tự nhiên và lịch sử - xã hội mà về sau, nó mất đi vai trò và nhường vị trí tiên phong cho một địa danh mới, đáp ứng vai trò của một khu trung tâm mới: “nhất Kinh kỳ, nhì Phố Hiến”, “nhất Huế, nhì Sịa”....

Tìm đến Đồng Nai - Gia Định, vừa lúa phương Nam này lại trở thành hậu cứ vững chắc cho các chúa Nguyễn tái lập vương triều Nguyễn từ năm 1802, là nguồn sinh lực đặc biệt quan trọng cho vương quốc Đại Nam nói chung và kinh đô Huế nói riêng, nổi bật ở câu ca dao:

*“Hết gạo thì có Đồng Nai
Hết củi thì có Tân Sài chở vô”.*

Từ hành trang truyền thống nông nghiệp lúa nước đến khát vọng vươn lên, tìm vùng đất mới với ý chí thay đổi cuộc sống mạnh mẽ của con người miền Trung, đa phần từ gốc Thanh - Nghệ, dường như phù hợp với tính chất mở trên nhiều phương diện của vùng đất mới Nam Bộ. Phương Nam giàu có tài nguyên, dễ có điều kiện quy tụ nhiều thành phần cư dân tụ hội từ mọi miền, kể cả từ bên ngoài mang dáng dấp “Thiên Địa hội” hay “phản Thanh phục Minh”... Tất cả, đã góp phần làm nên diện mạo và bản sắc, bản lĩnh “anh Hai” trong văn hóa Nam Bộ, là hậu cứ vững chắc của thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Từ văn minh miệt vườn Nam Bộ, có thể nhận thấy hai biểu tượng nổi bật được kiến tạo nên, trong thực tế cũng như trong văn học, nhấn mạnh tính chất hào sảng và hảo hán, đầy nghĩa khí, là Lục Vân Tiên trượng nghĩa, “thấy chuyện bất bình chẳng tha” và ở khía cạnh khác, là công tử Bạc Liêu với khát vọng đào tạo, đầu tư làm ăn (ít được cường điệu hóa như những biểu hiện ăn chơi...). Lòng trượng nghĩa, ân oán phân minh trong tính cách hào sảng của con người Nam Bộ đã được các chúa Nguyễn kích thích để tạo dựng nên vùng đất Nam Bộ cũng như hệ giá trị bản sắc và bản lĩnh của văn hóa Nam Bộ biến nơi đây trở thành hậu cứ vững chắc. Nhờ đó mà về sau, vùng đất này lại trở thành nơi dung dưỡng các chúa lúc bôn tẩu, ươm mầm cho quá trình tái lập vương triều Nguyễn của vị hậu duệ kiên cường Nguyễn Phúc Ánh - Gia Long từ đầu thế kỷ XIX.

Có thể thấy bản lĩnh di dân từ miền Bắc khi đến miền Trung như bị giới hạn - “tĩnh” lại, làm kìm nén chất “động” vốn có của nó, để rồi khi đến vùng đất mới phương Nam, với nhiều điều kiện địa lý tự nhiên “hào sảng” và xã hội “hảo hán” đặc thù, tính cách mạng tiên phong đó lại có cơ hội phát huy, tỏa sáng.

Ở vùng đất mới, tân dân di cư người Việt “con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng lo” bởi sự lạ lẫm, hiểm nguy của các loài sơn tinh thủy quái: cá sấu, đỉa, cạp..., dạng “*hung dữ như cạp Vườn Trầu*”¹, cá sấu đầm Gấm, thậm chí đường đi lúc nước cạn thì bùn dính, đường bị úng tắc, lúc mưa thì đầy rẫy ngập bờ, thuyền ghe lướt trên bèo trên cỏ, trông rừng bụi hai bên mà nhận đường lối, không có dân cư, lại nhiều muỗi và đỉa, “rất là gian khổ”², v.v.. Tuy nhiên, với truyền thống nông nghiệp lúa nước bền chặt, ý chí bền bỉ cải tạo, chế ngự cuộc sống, người Việt đã sớm thành công trên vùng đất mới. Những khó khăn đó nhanh chóng được khắc

1. Xem Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, bản dịch Lý Việt Dũng, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2004, tr.41.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, t.5, tr.61, 181.

phục, nhường chỗ cho biết bao thuận lợi của một vùng đất ruộng đồng phì nhiêu, giàu có sản vật “cò bay thẳng cánh”, “đất ruộng màu mỡ, nhìn mùt mắt không thấy ranh bờ”¹.

Hoàn toàn khác với tiềm năng nông nghiệp xứ Thuận - Quảng, ruộng đồng Nam Bộ rộng rãi, phì nhiêu vượt bậc, đến nỗi ở Biên Hòa, Phiên An, gieo một hộc lúa giống, thu hoạch được 100 hộc, thậm chí có nơi còn lên đến 300 hộc². Ở Nam Bộ, yếu tố “tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn” không được đặt ra cấp thiết như ở miền Trung. Sống trong sinh cảnh khoáng đạt đó, người dân không lo đói rét, lại ít dự trữ mà thậm chí còn “quen thói xa hoa, phong cách kẻ sĩ thì hiên ngang, do người từ bốn phương tụ lại nên mỗi nhà đều có riêng phong tục”³. Sách *Đại Nam nhất thống chí* cũng ghi nhận con người đất phương Nam “tính người nhẹ nhõm, ham thích phong lưu. Không ai gian tham, không ai trộm cướp, phần nhiều hào phóng, ưa chuộng xa hoa”⁴, bởi đời sống kinh tế phồn hoa: “trong nhà có vựa chứa trống nấp lúa gạo tràn đầy, lại có đức tính trung hậu cần kiệm, ưa làm việc nghĩa, sống yên vui”⁵. Phong tục xứ Gia Định nổi bật con người chuộng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài, việc nông tang chăm chỉ lúc khởi công, cấy xong thì không làm gì cả, được mùa hay mất nhất thiết nhờ trời. Nhân dân đủ người bốn phương, mỗi nhà mỗi tục⁶.

Vùng đất mới tụ hội mọi thành phần dân cư khắp mọi miền, tính cách con người cũng mang đậm tính chất hào sảng, nghĩa hiệp: “Gia Định ở về phương Nam vị trí Dương Minh người đủ tính trung dũng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài, dẫu phụ nữ cũng thế”, nhờ vào thành phần cư dân phong phú, đa dạng: “Có kẻ ở thuyền gọi là dân giang hồ, có đám xứ khác tụ họp gọi là dân tứ chiếng (chữ *chiếng* là *chánh* nghĩa là người gốc ở bốn phương trôi nổi đến ở, tụ hội thành một chỗ)”⁷.

1. Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, *Sđd*, tr.181.

2, 3, 5, 7. Xem Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, *Sđd*, tr.187, 174, 181, 175, 180.

4. Xem Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, *Sđd*, t.5, tr.10.

6. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, *Sđd*, t.5, tr. 209.

Miền Nam là hậu cứ thời chúa Nguyễn, rồi trở thành môi trường dung dưỡng cho các chúa thời bên Tàu. Tính cách hảo hán của anh Hai Nam Bộ đã sản sinh nên vô số câu chuyện, giai thoại, truyền tích có liên quan đến việc phò giá, hay phổ biến trong việc cứu nhân độ thế, không chỉ có con người mà cả với cỏ cây, núi rừng... Giai thoại cây lớn nghiêng đổ lấp đường đi của quân Tây Sơn, hay cá sấu cản đường giúp Nguyễn Ánh thoát ỏ phục kích của đối phương..., sâu xa, đều thể hiện rõ thông điệp đó. Để rồi về sau, con người có nghĩa phải đáp, có ơn phải đền một cách trượng nghĩa, hảo hán, ân oán phân minh. Sông Xá Hương cũng ghi nhận một trường hợp điển hình từ thời chúa Nguyễn, Xá Sai ty dinh Phiên trấn Mai Công Hương giữ việc tàu vận, bị quân Cao Miên đón đánh, ông đánh đắm thuyền, trầm mình tự vẫn, về sau được phong tử nghĩa thần.

Chỉ có vùng đất đó, con người đó mới sản sinh nên những mẫu hình tiêu biểu như Lục Vân Tiên, hay công tử Bạc Liêu, hay sinh động như sự tích Nhà Bè ghi nhận sự hào sảng của mạnh thường quân Võ Hữu Hoàng, bó tre làm bè ở ngã ba, trên bè dựng nhà, sắm đủ các đồ dùng nấu nướng, để hành khách tự ý lấy dùng, không phải trả tiền. Con người do vậy, rất chú trọng tới danh dự và lòng trượng nghĩa, không dễ bị khuất phục trước khó khăn. Danh hiệu mà Võ Trường Toản khi chết được vua Gia Long sắc chỉ cho hiệu là *Gia Định xử sĩ, Sùng đức tiên sinh* ghi ở lăng mộ, đến năm Tự Đức thứ 15 (1862), cho dựng đình để biểu dương; hay sự định danh Khe thề (sông Lai, huyện Phước Khánh) bởi dân trong vùng, hễ gặp việc gì khó biện phải trái, thì đem nhau ra đứng đầu khe mà thề¹... đã đặc biệt nhấn mạnh điều đó.

3. *Lục Vân Tiên* trong cách nhìn của người Pháp ở Nam Bộ

Từ năm Mậu Ngọ (1858), liên quân Pháp - Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng nhưng không thành, đành rút quân vào đánh Biên Hòa -

1. Xem Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, *Sđđ*, t.5, tr.16, 22, 57, 60, 218, 242.

Gia Định, đó là bước ngoặt mở đầu cho quá trình xâm nhập, đánh chiếm ba tỉnh miền Đông (1862) rồi ba tỉnh miền Tây (1867)¹.

Vậy mà từ rất sớm, ngay năm 1864, vị Lãnh sự Pháp ở Băng Cốc (Thái Lan) là G. Aubaret đã có bản dịch sang tiếng Pháp đầu tiên tác phẩm *Lục Vân Tiên*². Ba năm sau, lại xuất hiện một bản dịch nữa của G. Janneaux về *Lục Vân Tiên*, bản thảo quốc ngữ và Pháp ngữ³. Đến cuối thế kỷ XIX, phải kể đến bản dịch của Abel Des Michels về *Lục Vân Tiên ca diễn* v.v.⁴.

Điểm cần lưu ý về G. Aubaret, quan lại, học giả người Pháp rất giỏi chữ Hán và tiếng Việt khi từ sớm, ngay sau năm 1862, ông đã có nhiều công trình nghiên cứu và phiên dịch ra tiếng Pháp để giúp cho công cuộc cai trị về chính trị cũng như văn hóa trên mảnh đất này. Trước hết về ngữ pháp tiếng Việt, phải kể đến các công trình như *Grammaire annamite suivie d'un vocabulaire français-annamite et annamite-français*⁵, *Grammaire de la langue Annamite*⁶. *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, một địa chí tổng hợp vô cùng quý giá về vùng đất Nam Bộ, đã được ông phiên dịch ra tiếng Pháp từ năm 1863⁷ và sau đó là *Bộ luật Gia Long*, năm 1865⁸.

1. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, t.7, tr.567.

2. G. Aubaret: *Luc-Van-Tien, Poeme populaire annamite*, Journal Asiatique, N°1, Imprimerie Impériale Paris, 1864.

3. G. Janneaux: *Lục Vân Tiên* (bản thảo quốc ngữ và Pháp ngữ), Sài Gòn, 1867.

4. Abel Des Michels: *Lục Vân Tiên ca diễn*, Trường Sinh ngữ phương Đông, 1883.

5. Gabriel Aubaret: *Grammaire annamite suivie d'un vocabulaire français-annamite et annamite-français*, Imprimerie impériale Paris, 1867.

6. Gabriel Aubaret: *Grammaire de la langue Annamite*, Imprimerie impériale, Paris, 1864.

7. Gabriel Aubaret: *Gia-Dinh-Thung-Chi: histoire et description de la basse Cochinchine (pays de Gia-dinh)*, Paris, 1863.

8. Gabriel Aubaret: *Hoang-viet-luat-le. Code annamite, lois et règlements du royaume d'Annam*, Paris, 1865.

Trong “Lưu ý của dịch giả” ở bản dịch năm 1864, G. Aubaret cho biết sự phổ biến của *Lục Vân Tiên* trong đời sống văn hóa Nam Bộ, đặc biệt là ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống bình dân, dù rằng văn tự Hán Nôm đương thời chỉ phổ biến trong số ít những bậc văn nho và giới thượng lưu. Tác giả đã thu thập được chừng 5 - 6 bản thảo, với sự giúp sức của người đồng sự, có thể cả những thuộc cấp người Việt. Tác phẩm hầu như chỉ phổ biến trong đời sống bình dân và có phần ít hơn đối với giai tầng thượng lưu, quan lại. *Lục Vân Tiên* xứng đáng là một trường hợp tiêu biểu cho văn học xứ Nam Kỳ bởi sự ảnh hưởng sâu rộng, phổ quát trong đời sống nhân dân. Ở đây, một người đánh cá hay một người chèo ghe đều thường dễ dàng ngân nga một vài câu quen thuộc cùng với những động tác lúc lao động. Điểm lý thú là theo tác giả, *Lục Vân Tiên* là một trường hợp tốt nhất, điển hình cho sự diễn đạt ngôn ngữ Nam Bộ và để nghiên cứu nó, chắc chắn là một trong những điều tốt nhất cho những ai muốn hiểu biết tường tận về ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam.

Suốt một thời gian dài Việt Nam chịu ảnh hưởng của văn tự và văn minh Trung Hoa, nhưng qua *Lục Vân Tiên*, người Việt vẫn tự hào về tình yêu quê hương xứ sở rất mãnh liệt, nhất là việc sử dụng di sản Hán - Nôm để thể hiện nhiều góc cạnh trong đời sống văn hóa cộng đồng, nêu bật lên những thổ sản, lịch sử và văn hóa thông qua ngôn ngữ, phong tục tập quán địa phương. Đặc biệt từ sự lưu ý này, *Lục Vân Tiên* càng giúp khám phá nhiều điều thú vị thông qua việc phác thảo nên nhiều nhân vật khí khái và đậm đà bản sắc Việt, thoát ra khỏi những chân dung quen thuộc vốn bị ảnh hưởng chi phối bởi văn chương Trung Hoa, thậm chí những lời ca ngợi thiên nhiên tươi đẹp, hay sự dung hợp các yếu tố văn minh khác lạ từ bên ngoài... lại như có nét gì đó của thơ ca Ấn Độ. Trong xã hội Nho giáo phụ quyền từ mô hình Trung Hoa, quyền lực xã hội và của người đàn ông luôn mang tính áp chế, và *Lục Vân Tiên* đã đề cập những chuyện vượt rào, vượt qua khuôn khổ trong cảm xúc và suy nghĩ của những người nhỏ bé và yếu thế.

Dịch giả đã rất kỳ vọng vào tác phẩm *Lục Vân Tiên* bởi ở đó đã chứa đựng nhiều đặc điểm chính của một xứ sở mà người Pháp đã gắn bó trong một thời gian dài; và người Pháp luôn coi nó là một trong những sản phẩm trí tuệ hiếm hoi có lợi thế lớn đại diện trung thực cho cảm xúc của cả một dân tộc. Chính vì vậy mà dịch giả đã cảm thấy rất đáng tiếc khi chỉ đưa ra một bản dịch thuần túy theo nghĩa đen do thiếu thời gian và công sức, kiến thức để lược chú những chi tiết quan trọng của tác phẩm giúp độc giả thấu hiểu, cảm nhận tác phẩm *Lục Vân Tiên* sâu sắc hơn, chính xác hơn. Từ những ghi chú đó, có thể biên soạn nên một tác phẩm lịch sử chân thật về đời sống xã hội ở Nam Kỳ và điều đó sẽ “cung cấp một mẫu văn học” mà đến nay, hoàn toàn chưa được biết đến ở châu Âu¹.

Trong “Lời dẫn” của tác phẩm *Lục Vân Tiên ca diễn*, Abel Des Michels nhấn mạnh sau một thời gian dài, người châu Âu vẫn chưa biết nhiều đến những vùng xa xôi như xứ Nam Kỳ, ngoài sự khám phá của các nhà truyền giáo, các sĩ quan và công chức hoặc người Âu đã đến định cư ở đó, với một số khía cạnh khảo sát về cách cư xử và phong tục tập quán của cư dân, động vật, thực vật, khí tượng học và điều kiện khí hậu của đất nước... Tuy nhiên, vẫn còn nhiều, rất nhiều đề tài và đối tượng nghiên cứu, như trong lĩnh vực văn học, vốn còn bỏ ngỏ. Ngoài những công trình nghiên cứu đã có về tôn giáo và triết học có được suốt hơn hai trăm năm của các nhà truyền giáo Công giáo, vẫn có thể tìm thấy ở Nam Kỳ một số lượng đáng kể các bài thơ và vở kịch được viết bằng tiếng Việt, thể hiện một sự khác biệt hoàn toàn so với Trung Hoa, không giống tiếng Pháp, tiếng Latinh. Đó là những kiệt tác thơ văn thực sự độc đáo, mạnh mẽ và nhân văn. Cuối thế kỷ XIX, người Pháp đến Đông Dương, đặc biệt là ở Nam Kỳ, đã tập hợp một công trình tổng tập tạm gọi là *Les poèmes de l'Annam* (*Thi phẩm An Nam*) là bản dịch của một số công trình nhất định, bắt đầu từ những tác phẩm vốn phổ biến nhất ở Nam Kỳ, trong đó không thể thiếu *Lục Vân Tiên*.

1. G. Aubaret: “Luc-Van-Tien, Poème populaire annamite”, *Journal Asiatique*, *Op.cit.*

Dịch giả cho rằng *Lục Vân Tiên* là thi phẩm rất độc đáo. G. Aubaret sau khi chỉ huy chiến dịch ở Nam Kỳ trong thời gian đầu của cuộc viễn chinh, đã rất hứng khởi, hạnh phúc để công bố trên tạp chí *Châu Á*, một bản dịch viết rất tốt¹. Đây là một công trình rất đáng được trân trọng và khích lệ, bản dịch của G. Aubaret đã đưa ra những khác biệt bất thường tồn tại giữa các phiên bản khác nhau của tác phẩm (văn bản học). G. Aubaret đã đính kèm với bản dịch một văn bản, với sự ghi chú giải thích chi tiết, dù rằng vẫn còn nhiều điểm bỏ ngỏ, đặt ra vấn đề cần phải cố gắng bù đắp sự thiếu hụt này, để đáp ứng yêu cầu khắt khe, đa dạng của độc giả.

Dịch giả còn cung cấp thông tin về một công chức uyên bác đã quá cố là G. Janneaux - người rất thông thạo kiến thức về ngôn ngữ tiếng Việt, cũng khảo cứu về *Lục Vân Tiên*, được xuất bản tại Sài Gòn, năm 1867 có kèm phiên âm bằng quốc ngữ, với các ghi chú rất khoa học, hấp dẫn, tiếc là chưa kịp công bố.

Abel Des Michels quyết định cho xuất bản một bản dịch của *Lục Vân Tiên* cũng đầy bản khoản, trăn trở bởi đây là một thi phẩm An Nam tuyệt vời, lại có nhiều dị bản và nhiều ấn bản đã phát hành, đã xuất hiện, cô đọng nhiều giá trị ngôn ngữ bình dân Nam Kỳ, với nhiều từ Nôm rất khó xác định ý nghĩa chính xác của nó. Trên thực tế, không có gì lạ khi thấy hai hoặc nhiều học giả có cách hiểu hoàn toàn khác nhau về ý nghĩa của một câu thơ hoặc một đoạn văn, và những người trí thức văn nho không phải lúc nào cũng có thể nắm bắt được đầy đủ ý nghĩa trong câu chữ của một thi phẩm nào đó. Chính vì vậy, dịch giả phải chọn lựa giữa ba văn bản đã sưu tập được và mạnh dạn triển khai. Trong đó, có nhiều từ được viết rất xấu, không rõ; một số câu thơ không được phiên âm chính xác, thậm chí không trình bày rõ bất kỳ một ý nghĩa nào cả; thậm chí một số nơi bị khuyết từ.

Qua việc so sánh các văn bản, dịch giả đã cố gắng hoàn chỉnh bản thảo, để có được một ấn bản có thể coi là gần nhất với văn bản nguyên

1. G. Aubaret: "Luc-Van-Tien, Poème populaire annamite", *Journal Asiatique*, *Op.cit.*

thủy, có tính phổ quát ở Nam Kỳ, nhờ sự hỗ trợ tuyệt vời, tiện dụng của chữ quốc ngữ. Hơn nữa, các văn bản in có được luôn bao gồm nhiều đánh dấu những chỗ khó hiểu và không chính xác của các bản viết tay, kết quả của những sửa chữa do một người Việt thực hiện với kinh nghiệm hiếm có về thể loại này của các ký tự trên một văn bản. Có lẽ nhờ vậy mà dịch giả có thể tiếp cận gần hơn tinh thần của tác giả Nguyễn Đình Chiểu muốn gửi gắm qua tác phẩm này.

Trước tiên là những khó khăn khi phiên âm, như trong văn bản của Janneaux, với những từ ngữ Hán - Nôm, cần được bổ sung một cách đầy đủ. Nhờ vậy, tác phẩm cô đọng và súc tích hơn, rồi từ đó mới thực hiện bản dịch sang tiếng Pháp, nhờ vào sự giúp đỡ của ông Trần Ngươn Hạnh - người từng được cử sang Pháp du học, giúp khẳng định ý nghĩa chính xác của một số từ và cách diễn đạt của ngôn ngữ. Khi đã sở hữu một văn bản chuẩn làm nền tảng, dịch giả bắt đầu thiết lập phiên âm chính xác bằng các ký tự quốc ngữ, giúp họ làm việc dễ dàng hơn với tác phẩm của Janneaux với số lượng chỉnh sửa rất đáng kể. Ngoài việc bổ sung các đoạn bị thiếu, họ phải giới thiệu, trong hầu hết mọi câu, ít nhiều có sự thay đổi đáng kể, đưa vào trong dấu ngoặc kép những đối thoại mà tác giả đã soạn, gắn liền với các nhân vật cụ thể trong tác phẩm, bao gồm cả ngắt câu, chấm câu từ văn phạm Hán - Nôm sang quốc ngữ.

Khi đã đủ thông thạo thơ tiếng Việt và viết lại bằng chữ quốc ngữ, dịch giả dần quen với việc đọc không có dấu chấm câu để rồi từng bước có thể tự giải quyết nội dung này, gắn với ghi chú “chúng tôi xuất bản đồng thời với văn bản bằng các ký tự Latinh và trong đó, chúng tôi vì mục đích này, không lặp lại dấu câu mà chúng tôi đã giới thiệu trong phần đầu tiên”. Dịch giả luôn có phần ghi chú, giải thích ngay cạnh bản dịch. Tất cả được trình bày theo đúng từng đoạn, theo từng trang, mang lại sự tiện lợi trong khi đọc, so sánh đối chiếu, giúp họ có thể đưa ra một nhận định, kiến thức rõ ràng hơn về việc xây dựng và ý nghĩa của từng câu thơ của tác phẩm. Từ đó, có thể giúp ích cho việc tái hiện, giải thích lịch sử hoặc giai thoại qua những câu trích dẫn trong *Lục Vân Tiên*.

Dịch giả kế thừa tối đa những kết quả mà Janneaux đã làm, rồi lặp lại những gì ông ta đã nói một cách chi tiết, rõ ràng hơn. Từ đó, dịch giả giới thiệu với người đọc, từ quan điểm này, để nêu lên ý kiến của mình về cuốn sách với những kết quả tốt nhất và giúp làm sáng tỏ một số điểm bị bỏ qua. Tất cả những công việc trên vẫn nhằm gọt giũa bản dịch tiếng Pháp để tác phẩm đến với độc giả Âu châu một cách dễ dàng hơn, cụ thể hơn thông qua các giải thích về việc hình thành tác phẩm, giải thích theo nghĩa đen những câu khó nhất, thực hiện một nghiên cứu nghiêm túc về bài thơ từ góc độ ngữ văn phương Đông. Điều đó sẽ tạo điều kiện cho việc nghiên cứu thơ ca Việt Nam của sinh viên Trường Sinh ngữ Phương Đông, cho các nhà ngữ văn học, các nhà Đông phương học.

Trong một số trường hợp, dịch giả cũng bổ sung một số đoạn văn bị thiếu trong văn bản của Janneaux để đưa vào bản thảo, có thể trình bày ở cuối sách, dưới dạng phụ bản; và đối với những đoạn này, trong phần nội dung của bài thơ, dịch giả đã đưa ra văn bản bằng ký tự, phiên âm bằng chữ cái Latinh, bản dịch và giải thích.

Ngôn ngữ tiếng Việt, nhất là những ẩn dụ trong thơ ca, khác rất nhiều so với ngôn ngữ châu Âu và có khi hoàn toàn không thể dịch được. Dịch giả phải hy sinh sự ngắn gọn rõ ràng, đưa ra cách giải thích theo nghĩa đen để giúp độc giả nắm bắt ý nghĩa tổng thể của câu thơ cũng như nghiên cứu văn bản gốc, từ nguyên.

Dịch giả mong muốn qua cách làm này, có thể cho ra đời một ấn phẩm tốt nhất trong điều kiện có thể để giúp đánh giá chính xác tác giả của một nền văn học có vẻ xa lạ với tinh thần châu Âu, nhưng lại thể hiện một sự độc đáo tuyệt vời, thậm chí là một điểm thu hút thực sự đối với những ai bắt đầu quen thuộc với nó. Điều này rất cần sự đánh giá của các nhà Đông phương học với sự cẩn trọng cần thiết. Dù sao, những khó khăn còn gặp phải trong tác phẩm này là điều dễ hiểu, nhưng cần đánh giá cao sự nỗ lực hết sức mình của dịch giả, với một niềm đam mê, yêu quý di sản văn hóa Nam Bộ¹.

1. Dẫn theo Abel Des Michels: *Lục Vân Tiên ca diễn, Tlđđ*.

4. Vấn đề đặt ra

Rõ ràng quá trình tiếp xúc, giao lưu văn hóa Việt - Pháp ở ba miền Bắc, Trung, Nam của đất nước Đại Nam hồi cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XIX rất đặc thù. Người Pháp xác lập chế độ bảo hộ ở Nam Kỳ từ sau năm Nhâm Tuất (1862), buộc họ phải có chính sách, chương trình khảo cứu bản địa công phu trên nhiều phương diện: địa dư thổ nhưỡng, kinh tế, lịch sử, chính trị và văn hóa, mà việc chuyển dịch các tác phẩm địa chí như *Gia Định thành thông chí*, hay *Hoàng Việt luật lệ*, và nhất là các tác phẩm ngôn ngữ và tự vị tiếng Việt, tiêu biểu như *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu... đã thiết thực giúp giảm thiểu khoảng cách, tăng khả năng tìm hiểu để giúp người Pháp nắm bắt rõ nét vùng đất Nam Kỳ cũng như đáp ứng mong muốn mang thông tin về xứ sở Nam Kỳ đến với người Pháp, với châu Âu một cách cụ thể, rõ nét hơn.

Khảo sát biên mục các ấn phẩm *Lục Vân Tiên* cho đến trước năm 1945, có thể dễ dàng nhận thấy có nhiều bản dịch của người Pháp lẫn người Việt. Đây là một chuyện thơ dân gian đặc sắc Nam Bộ, với nhiều thông tin quý giá về vùng đất và con người, đặc biệt là tính cách hào sảng và nghĩa khí của con người trên vùng đất mới phương Nam cùng một kết thúc có hậu với nhiều hình ảnh đẹp, chứa đựng nhiều thông điệp nhân văn cao cả.

Cũng chính bản dịch của Abel Des Michels, vị giáo sư tài hoa và nhiệt huyết ở Trường Sinh ngữ phương Đông, đã trở thành điểm khởi nguồn cho ý tưởng thể hiện tác phẩm bằng bộ tranh ký họa của Eugène Gibert, Đại đội trưởng Đại đội Pháo binh hải quân, được thực hiện bởi họa công cung đình Huế Lê Đức Trạch, sau đó trao tặng cho Viện Hàn lâm Văn khắc và Văn chương Pháp năm 1899 và đã được tái bản năm 2016.

Tác phẩm *Lục Vân Tiên* có ký họa cung đình này có thể được nhìn nhận, nghiên cứu liên ngành dưới nhiều góc độ: lịch sử, văn hóa, phong tục, mỹ thuật, thư pháp Hán - Nôm, v.v., mở ra một hướng nghiên cứu mới về quá trình tích hợp văn hóa và giải mã thông điệp văn hóa. Đó chính là sứ giả văn hóa quan trọng, giúp gắn kết và khai thác nhiều khía cạnh tích cực trong mối quan hệ bang giao Việt - Pháp, chí ít từ thế kỷ XIX đến nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Abel Des Michels: *Lục Vân Tiên ca diễn*, Trường Sinh ngữ phương Đông, 1883.
- [2] G. Aubaret: *Luc-Van-Tien, Poème populaire annamite*, Journal Asiatique, N°1, Imprimerie Impériale Paris, 1864.
- [3] G. Janneaux: *Lục Vân Tiên* (bản thảo Quốc ngữ và Pháp ngữ), Sài Gòn, 1867.
- [4] Gabriel Aubaret: *Gia-Dinh-Thung-Chi: histoire et description de la basse Cochinchine (pays de Gia-dinh)*, Paris, 1863.
- [5] Gabriel Aubaret: *Grammaire de la langue Annamite*, Imprimerie impériale Paris, 1864.
- [6] Gabriel Aubaret: *Hoang-viet-luat-le. Code annamite, lois et règlements du royaume d'Annam*, Paris, 1865.
- [7] Gabriel Aubaret: *Grammaire annamite suivie d'un vocabulaire français-annamite et annamite-français*, Imprimerie impériale, Paris, 1867.
- [8] Lê Quang Định: *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Nxb. Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Huế, 2005.
- [9] Nguyễn Đình Chiểu: *Lục Vân Tiên cổ tích truyện - Histoire de Lục Vân Tiên - The story of Lục Vân Tiên*, Nxb. Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh - École française d'Extrême-Orient, Thành phố Hồ Chí Minh - Paris, 2016.
- [10] Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997.
- [11] Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, t.VII.
- [12] Trần Đình Hằng: “Từ Cô Gái Áo Xanh ở Ái Tử (Quảng Trị) đến Bà Trời Áo Đỏ ở Thiên Mụ (Huế): Sinh lộ tư tưởng của vùng đất mới Nam hà”, in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa - Hội Khoa

học Lịch sử Việt Nam: *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008.

- [13] Trần Đình Hằng: “Điểm yếu trong tư duy kinh tế truyền thống của người Huế trên diễn trình đi về phương Nam của người Việt”, tham luận tại Hội thảo khoa học *Thành phố Hồ Chí Minh hướng về 1000 năm Thăng Long - Hà Nội*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.
- [14] Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, bản dịch của Lý Việt Dũng, Đồng Nai, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2004.

QUAN NIỆM Y ĐỨC TRONG *NGƯ TIÊU Y THUẬT VẤN ĐÁP* CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

PGS.TS. CAO THỊ HỒNG*

*Tóm tắt: Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) - một “ngôi sao Bắc Đẩu”, một chí sĩ yêu nước, một nhà thơ lớn của dân tộc cuối thế kỷ XIX. Đời sống và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu cho thấy những tác phẩm của ông ngoài giá trị văn nghệ “còn quý giá ở chỗ nó soi sáng tâm hồn trong sáng và cao quý lạ thường của tác giả” (Phạm Văn Đồng). Những quan niệm về đạo lý, đạo đức cùng cách đối nhân xử thế của con người với con người trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu thường được đề cập một cách giản dị nhưng xúc động, có sức thuyết phục, cảm hóa lòng người sâu sắc; và đó cũng là một trong những giá trị khiến thơ văn của cụ Đồ Chiểu sống mãi cùng thời gian và bạn đọc. Trong các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, *Ngư Tiêu y thuật vấn đáp* là tác phẩm lớn kết tinh anh hoa nhất của một đời dạy học và cầm bút của nhà thơ; ngoài nêu cao lòng yêu nước, căm thù giặc, tác phẩm còn hướng đến chuyên môn y học, với tinh thần chữa bệnh cứu giúp con người.*

Quan niệm y đức là một trong những nội dung cơ bản của tác phẩm vừa mang giá trị văn hóa, nhân văn, vừa mang giá trị khoa học.

* Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên. Liên hệ: kaohong5568@gmail.com

Nghiên cứu “Quan niệm y đức trong Ngư Tiều y thuật vấn đáp” chúng tôi muốn luận giải, làm sáng tỏ những nét cơ bản nhất trong quan niệm về y đức của Nguyễn Đình Chiểu. Từ đó góp phần khẳng định, vấn đề y đức có tầm quan trọng, mang giá trị nhân văn và có ý nghĩa thực tiễn to lớn đối với cuộc sống con người, nhất là trong thời đại ngày nay khi việc chăm sóc sức khỏe của con người được đặt lên hàng đầu và trở nên quan thiết hơn bao giờ hết. Quan niệm về y đức của Nguyễn Đình Chiểu trong Ngư Tiều y thuật vấn đáp vì vậy có thể coi như một hệ giá trị văn hóa, cần được tiếp tục phát huy, tỏa sáng, xây dựng nhân cách con người, đặc biệt là nhân cách người thầy thuốc trong xã hội hiện đại.

Trên tinh thần phát huy di sản văn hóa của ông cha trao truyền, bài viết cũng khuyến nghị một số vấn đề để nâng cao chất lượng y tế phục vụ nhân dân mà nền tảng bắt đầu từ vấn đề y đức.

Từ khóa: Nguyễn Đình Chiểu; Ngư Tiều y thuật vấn đáp; Quan niệm y đức.

CONCEPTION OF MEDICAL ETHICS IN QUESTION-ANSWER OF FISHERMEN MEDICAL PROCEDURES OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Abstract: Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) - a “Big Dipper” constellation, a patriotic scholar, and a great national poet in the late 19th century. Nguyễn Đình Chiểu’s literary life and career show that his works, in addition to their artistic value, “are also valuable in that they illuminate the author’s exceptionally pure and noble soul” (Phạm Văn Đồng). The concepts of morality, ethics and the way people treat people in the works of Nguyễn Đình Chiểu are often mentioned in a

simple but touching way, as a result, it convinces and touches people's hearts deeply; and that is also one of the values that make Đỗ Chiêu's poetry and literature live forever with time and readers. In the works of Nguyễn Đình Chiểu, Ngự, Tiều's answers about medicine is the greatest work that crystallizes the quintessence of the poet's life of teaching and writing. In addition to highlighting patriotism and hatred for the enemy, the work also focuses on medical expertise, with the spirit of healing and saving people.

The concept of medical ethics is one of the basic contents of the work that has both cultural, humanistic and scientific values.

In the study "Concept of medicine and ethics in Ngự, Tiều's Answers about medicine", we want to explain and clarify the most basic features of Nguyễn Đình Chiểu's concept of medical ethics. From there, contributing to the affirmation, the issue of medical ethics is important, has human values and has great practical significance for human life, especially in today's era when personal health care is put first and are more important than ever. Nguyễn Đình Chiểu's concept of medical ethics in Ngự, Tiều's answers about medicine therefore, can be considered as a cultural value system, which needs to be further promoted, shined to build human personality, especially doctor's personality in modern society.

In the spirit of promoting the cultural heritage handed down by the ancestors, the paper also recommends a number of issues to improve the quality of health care to serve the people, whose foundation begins with the issue of medical ethics.

Keywords: Nguyễn Đình Chiểu; Ngự, Tiều's answers about medicine; The concept of medical ethics.

Toàn văn

1. Mở đầu

Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) - một “ngôi sao Bắc Đẩu”, một chí sĩ yêu nước, một nhà thơ lớn của dân tộc cuối thế kỷ XIX. Đời sống và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu cho thấy những tác phẩm của ông ngoài giá trị văn nghệ “còn quý giá ở chỗ nó soi sáng tâm hồn trong sáng và cao quý lạ thường của tác giả” (Phạm Văn Đồng). Những quan niệm về đạo lý, đạo đức cùng cách đối nhân xử thế giữa con người với con người trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu thường được đề cập một cách giản dị nhưng xúc động, có sức thuyết phục, cảm hóa lòng người sâu sắc; và đó cũng là những giá trị khiến thơ văn của cụ Đồ Chiểu sống mãi cùng thời gian và bạn đọc. Trong các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* được bạn đọc nhiều thế hệ ghi nhận là tác phẩm lớn kết tinh anh hoa nhất của một đời dạy học và cầm bút của nhà thơ. Bên cạnh giá trị văn chương, giá trị y học của tác phẩm ngày càng được nhiều nhà khoa học đánh giá cao; đặc biệt quan niệm y đức là một trong những nội dung cơ bản của tác phẩm vừa mang giá trị văn hóa, nhân văn, vừa mang giá trị khoa học.

Nghiên cứu “Quan niệm y đức của Nguyễn Đình Chiểu trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”, chúng tôi muốn góp tiếng nói khẳng định vấn đề y đức có tầm quan trọng, mang giá trị nhân văn và có ý nghĩa thực tiễn to lớn đối với cuộc sống con người, nhất là trong thời đại ngày nay nhu cầu y tế tăng cao, việc chăm sóc sức khỏe của con người được đặt lên hàng đầu và trở nên quan thiết hơn bao giờ hết. Quan niệm về y đức của Nguyễn Đình Chiểu trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* vì vậy có thể coi như một hệ giá trị văn hóa, cần được tiếp tục phát huy, tỏa sáng nhằm xây dựng nhân cách con người, đặc biệt là nhân cách người thầy thuốc trong xã hội hiện đại.

2. Nội dung

Theo các nhà nghiên cứu, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* của Nguyễn Đình Chiểu là tác phẩm chịu nhiều ảnh hưởng của *Y học nhập môn* - cuốn sách y học quý, tổng hợp nhiều kiến thức Đông y do tác giả Lý Diên soạn vào đời nhà Minh (1575). Soạn *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, Nguyễn Đình Chiểu cốt để dạy học, truyền bá về nghề làm thầy thuốc, nhưng muốn cho người đọc dễ ngâm nga, dễ nhớ nên tác phẩm được kiến tạo theo lối tiểu thuyết văn vần. Quan niệm y đức của Nguyễn Đình Chiểu được bộc lộ rải rác trong toàn bộ tác phẩm dài hơn 4.600 câu với kết cấu bốn phần kể về hành trình của Mộng Thê Triền (làm tiểu phu), Bào Tử Phược (làm ngư ông) là những người bạn chung nỗi đau thời đất nước loạn ly, chia cắt, đạo đức bị suy đồi, họ cùng tâm huyết rủ nhau bỏ nghề tiểu phu, ngư ông đi tìm thầy để học làm thầy thuốc trị bệnh cứu người. Qua tác phẩm, mượn lời đối thoại của những nhân vật: Mộng Thê Triền, Bào Tử Phược, Chu Đạo Dẫn, Đường Nhập Môn, Kỳ Nhân Sư... Nguyễn Đình Chiểu đã khéo léo chuyển tải những thông điệp về tinh thần y đức mẫu mực, mang giá trị nhân văn sâu sắc.

Y đức là đạo đức, phẩm chất tốt đẹp của người thầy thuốc được biểu hiện ở tinh thần trách nhiệm làm việc tận tụy, hết lòng thương yêu chăm sóc người bệnh; đó là hệ thống các nguyên tắc ứng xử của người thầy thuốc nhằm đạt được ích lợi tối đa cho người bệnh. Xét trong phạm vi tác phẩm *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, quan niệm y đức của Nguyễn Đình Chiểu được phát triển trên cơ sở của truyền thống văn hóa, đạo đức dân tộc, là sự kế thừa và phát huy giá trị tinh thần y đức của các bậc danh y tiền bối. Tuy nhiên, có thể thấy rõ quan niệm y đức của Nguyễn Đình Chiểu được bày tỏ theo một cách riêng, rất giản dị nhưng khúc chiết, sâu sắc; ông không tập trung diễn giải rườm rà mà chỉ “cài” vào nội dung diễn giải các vấn đề kiến thức Đông y những chỉ dẫn, khuyến cáo về đạo đức của người làm nghề thầy thuốc. Tựu trung, theo quan điểm của Nguyễn Đình Chiểu, muốn làm một người thầy thuốc chân chính thì nhất

thiết phải tu tập, sửa mình trong mấy chữ: *thương dân, hiểu biết, và bản lĩnh* - Đây là những yếu tố cơ bản làm nên nhân cách người thầy thuốc, và chỉ khi nào có nhân cách, đạo lý này người thầy thuốc mới có thể xả thân, quên mình cứu người. Y đức trong quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu không phải chỉ là vấn đề ứng xử với người khác mà còn là vấn đề người thầy thuốc phải vượt qua giới hạn của chính mình để luôn luôn giữ thiên chân của mình được “thần sáng, tinh ròng”.

Như một chân lý, xưa nay tình thương giữa con người với con người luôn mang lại cho cuộc sống những giá trị tốt đẹp, chính vì vậy trong lịch sử y học thế giới, nguyên lý chính yếu của y đức là chủ nghĩa nhân đạo. Quan niệm y đức của Nguyễn Đình Chiểu không nằm ngoài nguyên lý này. Theo Nguyễn Đình Chiểu, mọi hành động của người thầy thuốc đều phải hướng về hai chữ: thương dân. Nhiều lần, trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, Nguyễn Đình Chiểu nhắc đến “dân” trong một tình thương yêu đầy trăn trở, xót xa: “*Sinh dân nào xiết bần than*”. Ông luôn nặng lòng với “sinh dân” - đó là đặc điểm xuyên suốt, bao trùm trong văn chương cũng như hành động nghĩa hiệp của Nguyễn Đình Chiểu. Đọc *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, chúng ta nhận thấy rất rõ ẩn sau từng câu chữ là bao đau đáu, tâm huyết của ông với sự nghiệp cứu người. Trong bối cảnh xã hội đương thời chiến tranh loạn lạc, đời sống lạc hậu, cuộc sống người dân luôn trong tình trạng như bị sa xuống “bần than”, bệnh tật lan tràn, đói nghèo đeo đẳng, không ánh sáng, không tương lai... Những “mảnh vỡ” của cuộc sống và bao phận người hẩm hiu luôn là nỗi ám ảnh, nỗi đau nhức nhối tâm can nhà thơ mù thương dân, yêu nước; chính vì thương dân sâu sắc vượt qua hoàn cảnh bi kịch cá nhân, Nguyễn Đình Chiểu quyết tâm chọn lựa con đường học nghề y để cứu người:

Cứu tai muôn họ, dấy dàng lợi sinh

Nghèo thời bất chước xưa thanh

Gặp nàn trút đẫy, cứu sinh mạng người

Tập theo nghề thuốc cứu người.

Đây là lựa chọn của nhân vật “Ngư, Tiều” nhưng cũng là lựa chọn dũng cảm, đầy bản lĩnh của nhà thơ - nhà giáo Nguyễn Đình Chiểu.

Nguyễn Đình Chiểu cho rằng làm nghề y còn là “*thể theo trời đất một lòng hiếu sinh*”. Âm dương giao hòa, ngũ hành phối hợp, vạn vật sinh sinh, hóa hóa không cùng, đó là đức nhân lớn của đất trời. Thầy thuốc phải có tấm lòng bao dung, tình yêu thương vô bờ bến tới tất cả con người thuộc nhiều tầng lớp khác nhau trong xã hội; không phân biệt đẳng cấp sang hèn, giàu nghèo... đã là người bệnh thì đều phải được đối xử công bằng và đặt việc cứu chữa bệnh cho con người lên hàng đầu. Ông viết:

Thấy người đau, giống mình đau

Phương nào cứuặng, mau mau trị lành

Ăn mày cũng dứa trời sinh

Bệnh còn cứuặng, thuốc dành cho không...

Xuất phát từ tấm lòng “thương dân” Nguyễn Đình Chiểu xác quyết chân lý, khi đã làm nghề thầy thuốc thì phải luôn luôn coi nỗi đau của người như nỗi đau của mình, đặt mình vào vị trí người bị bệnh để thấu hiểu, cảm thông, chia sẻ và đứng trước người bệnh, đối với người thầy thuốc không có mệnh lệnh nào khác là phải tìm cách để “*mau mau trị lành*” bệnh tật, mang lại sức khỏe, sự sống cho người bệnh.

Cuộc đời và sự nghiệp đầy ý nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu tỏa rạng một tấm gương và đồng thời cũng là minh chứng sáng rõ cho lòng yêu thương chân thành, sâu sắc đối với con người là yếu tố quan trọng hàng đầu để thành công trong sự nghiệp của người thầy thuốc. Lòng nhân từ, luôn tôn trọng và coi việc cứu chữa người bệnh trên tất cả chính là cội nguồn dẫn dắt, chi phối mọi hành vi ứng xử của người thầy thuốc. Quan niệm y đức của Nguyễn Đình Chiểu đã kế thừa sâu sắc tinh hoa văn hóa của nhân loại và của dân tộc - đúng với tinh thần mà Hippocrates Asclepiades - ông tổ của nền y học nhân loại đã thề: “Mỗi căn nhà tôi bước vào vì lợi ích của bệnh nhân của tôi, giữ gìn tôi khỏi mọi ý đồ xấu xa và mọi cám dỗ”. Điều đó cũng đúng với tâm niệm của danh y tiên bối Hải Thượng Lãn Ông: “Nghề thuốc không phải là nghề cầu danh trục lợi, không phải thấy người giàu sang mà xu phụ để kiếm tiền, thấy người

nghèo khổ, cô đơn mà khinh miệt”. Thực tiễn cho thấy, quan điểm lấy chữ “thương dân” làm kim chỉ nam cho mọi hành động của người thầy thuốc mãi mãi là một chân lý bất biến, nó chính là “gốc” cho mọi hành vi hữu ích, tốt đẹp hướng đến mục tiêu vì con người và cho con người của người thầy thuốc. Thầy thuốc phải có tấm lòng bao dung, tình yêu thương vô bờ bến tới tất cả con người thuộc nhiều tầng lớp khác nhau trong xã hội; không phân biệt đẳng cấp sang hèn, giàu nghèo... đã là người bệnh thì đều phải được đối xử công bằng và đặt việc cứu chữa bệnh cho con người lên hàng trọng yếu. Tinh thần trọng dân, “thương dân” có thể coi là vấn đề mang tính “chìa khoá”, giúp bạn đọc mở tiếp những ô cửa, khám phá, suy ngẫm hệ giá trị y đức mà Nguyễn Đình Chiểu tâm huyết gửi gắm rải rác trong suốt chiều dài tác phẩm *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*.

Sau tinh thần “thương dân”, phẩm hạnh được Nguyễn Đình Chiểu coi như một nét y đức quan trọng tiếp theo của người thầy thuốc là sự “hiểu biết”, có tri thức. Thầy thuốc phải miệt mài tự trui rèn, làm thầy thuốc không thể “lây lắt”, hời hợt được; phải học hỏi không ngừng, không nghỉ suốt đời. Học thầy, học bạn, hỏi cả kẻ dưới: “*Độc thư chẳng khá lênh đênh*”, mà phải ý mình suy ra, kỳ cho “*tốt lẽ*”, kỳ cho “*thấy đạo*”, nghĩa là phải hiểu sâu, nắm vững nguyên tắc, nhưng phải biết lẽ “thường biến” mà linh hoạt, muốn vậy “tri” “hành” phải hợp nhất. Nguyễn Đình Chiểu khẳng định, người thầy thuốc muốn làm công việc được tốt thì người thầy thuốc phải coi việc hiểu biết về cấu trúc thân thể con người là công việc quan trọng để thăm khám người bệnh:

Người biết được chỗ cốt yếu thì một câu là xong

Người không biết chỗ cốt yếu thì man mác vô cùng.

Như vậy, người thầy thuốc thì phải hiểu được con người một cách chi li, thấu đáo. Ngoại hình của nhân thể là tổng quát, bên ngoài da thịt chứa bên trong tạng phủ, khí huyết, ví như cái bầu hồ lô... Vì vậy hiểu được hết con người là rất khó khăn, tựa như phải vượt qua “ải” - những nơi hiểm yếu vậy. Quá trình học, hiểu biết, thấu tỏ “*rừng Y*” “*nhiều non, nhiều nước, nhiều rừng/nhiều đèo, nhiều ải, nhiều chùng động hang*” cũng là một thử thách gian nan, không dễ dàng đối với mỗi thầy thuốc. Y đức của người

thầy thuốc ở đây được xem xét từ góc độ kiên trì nhẫn nại theo đuổi học vấn, cầu thị, ham muốn, khát vọng khám phá những nguyên lý cơ bản về mối quan hệ biện chứng âm dương ngũ hành, mối quan hệ chặt chẽ giữa thiên nhiên trời đất với con người. Ông dạy rằng:

... Muốn thấy phép linh

Coi chừng trời đất trong hình người ta.

Như thế, chỉ có thể trên cơ sở học vấn, tri thức, người làm thầy thuốc mới đi sâu vào chuyên môn y thuật: kinh lạc, ngũ tạng, lục phủ, mạch học, bản thảo, châm cứu, phụ khoa, nhi khoa, chế dược, dụng dược..., như vậy mới có thể “*việc trong trời đất dữ lành trước hay*”. Có tri thức, người thầy thuốc mới linh hoạt chẩn đoán, chữa trị bệnh, theo lẽ thông biến:

Cho hay chỗ diệu hóa công

Trong động có tĩnh, hết cùng lại thông.

Có lẽ, Nguyễn Đình Chiểu đã kế tục tinh thần của bậc tiền bối Hải Thượng Lãn Ông: “Đạo là khắp cả mọi sự vật trong trời đất, cái gì yên dân giúp đời là đạo, nghề thuốc trị bệnh cứu người, y học có tác dụng điều hòa khí hóa, bổ cứu âm dương, chế biến vạn vật, quan hệ đến khí hậu trời đất, tính mạng nhân dân, có thấu suốt được chân lý thiên văn, địa lý và nhân sự thì mới làm được thuốc. Làm thuốc có khác gì làm tướng”.

Quả thật, “y lý là một đạo lý, rất quan trọng đến tính mạng con người” (Hải Thượng Lãn Ông). Làm thuốc không đơn thuần là một xử lý kỹ thuật, vô tình, vô cảm. Nó liên quan đến sinh mệnh, sự sống chết của con người, cho nên người thầy thuốc phải nắm vững tri thức mới có sức mạnh chinh phục mọi gian nan trở ngại. Đầu óc tinh anh, miễn tiếp mới linh hoạt, sáng suốt đoán bệnh và trị bệnh, mới xứng đáng với trách nhiệm lớn lao, nặng nề, cầm nắm vận mệnh “già trẻ trong tay”. Trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, chúng ta bắt gặp những lời bàn sắc sảo về nguyên tắc “gốc/ngọn” trong trị bệnh:

“Phàm kẻ trị bệnh, nên biết gốc ngọn, đem thân người mà bàn, thì ngoài là ngọn, trong là gốc; dương là ngọn, âm là gốc; sáu phủ thuộc dương là ngọn, năm tạng thuộc âm là gốc. Các kinh lạc của tạng phủ thì ở ngoài là ngọn, ở trong là gốc. Cho nên lại như trong thân thể thì khí là

ngọn, huyết là gốc. Dem bệnh người mà bàn, thì các bệnh mắc trước là gốc, biến chứng về sau là ngọn. Phàm việc trị bệnh ắt phải trước trị gốc, sau trị ngọn. Nếu trước trị ngọn, sau trị gốc thì tà khí thêm tăng mà bệnh càng chất chứa, còn nếu trước trị gốc, sau trị ngọn thì dầu bệnh có hàng chục chứng cũng lui. Như trước mắc bệnh nhẹ, sau thành bệnh nặng thì cũng trị bệnh nhẹ trước, trị bệnh nặng sau, như vậy thì tà khí sẽ lui. Đại khái trị gốc trước vì như vậy”.

Như vậy trong quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu, vấn đề “thầy thuốc học thông” - tức là sự học tập để tích lũy tri thức hiểu biết cũng được coi như một phương diện thuộc về y đức. Bởi lẽ chỉ khi có sự hiểu biết sâu rộng, có kiến thức y học vững vàng, người làm thầy thuốc mới có thể “tri nhận” được mọi lẽ, thực hiện công việc thiêng liêng “kê toa vì lợi ích của bệnh nhân theo khả năng và thẩm định” của mình mà “không bao giờ làm hại ai, không bao giờ đưa thuốc giết người cho bất kỳ ai” (Lời thề Hipocrate). Sự học là vô cùng, và đã theo nghiệp làm thầy thuốc thì phải học suốt đời, bởi lẽ đúng như Đường Nhập Môn khuyên hai đồng môn Ngự, Tiêu của mình:

*Sách y lắm chỗ kín sâu
Trước sau trọn đạo phải âu học thầy
Muốn nên tài đức vượt bầy
Xưa nay ai có bỏ thầy mà hay
Hai người phải gắng công dày
Theo thầy mới dạng tài hay đức tuyên
Có câu “y bát chân truyền”
Dạng nghe chúc bí thánh hiền mới hay.*

Vấn đề “bản lĩnh” của người thầy thuốc cũng là một trong những nội dung Nguyễn Đình Chiểu quan tâm. Không phải ngẫu nhiên ông đề nhân vật Đường Nhập Môn nói:

*... Nghề thuốc rộng đường
Trước nêu các phép khuyên chàng chớ quên
Dùng thời tông biến làm trên
Chẳng nên chấp nhất, chẳng nên hiếu kỳ*

Cũng đừng cầu tốc làm chi
 Mau thời sồn sác lỗi nghì âm dương
 Năm mùi thuốc có âm dương
 Dùng bằng lỗi thứ, lập phương nào lành
 Ví như ông tướng dùng binh
 Binh không kỷ luật, trao mình giặc đâm
 Ngàn xưa một đám Y lâm
 Phép lòng hay nhóm, nào lầm lỗi chi
 Dón vào hai chữ “bất khi”
 Khí thời chẳng trợn y quy ở mình
 Học rồi phải tính có hành
 Làm đừng nhút nhát mà danh chẳng tròn
 Thánh y dạy chỗ muốn còn
 Mật to, lòng nhỏ, trí tròn, nét vuông
 Hối ôi, sách thuốc luân tuông
 Chữ “y”, chữ “ý”, tiếng luôn trác bình
 Y là ý vậy, cho mình
 Gẫm qua xét lại nghĩa Kinh mới tường
 Tuy rằng y bất chấp phương,
 Gốc nhờ phương ấy dọn đường trở ra...

Qua lời Đường Nhập Môn, chúng ta thấy Nguyễn Đình Chiểu đề cao nguyên tắc kỷ luật trong nghề làm thuốc. Ông cho rằng làm nghề y cũng chẳng khác dùng binh; binh phải tôn trọng “kỷ luật” nếu không sẽ “trao mình giặc đâm”; tướng phải trí dũng, linh hoạt ứng phó các tình huống biến hóa khác nhau, không nên “cầu tốc”, khám xét sơ sài cho nhanh mà phải “gẫm qua xét lại”, thuốc không trúng là phải khổ công tự vấn để tìm cho ra phương. *Nội kinh* chép “Bệnh là gốc, phép chữa bệnh là ngọn. Nếu hiểu cả gốc ngọn để trị liệu, tà khí sẽ lui”. Người làm thuốc đối với phép xem sắc coi mạch không được quên lãng, không được dùng lầm, đó là phép tắc lớn của việc chữa bệnh. Nếu làm ngược trái lẽ, mỗi làm mỗi sai, sao có thể chữa bệnh cho người. Người bệnh nếu thần bí bị hại thì nên bỏ ông thầy cũ chữa bệnh trái lẽ mà tìm đến ông thầy mới hiểu rõ y lý, được

chữa bằng phép tắc cẩn thận đúng đắn thì mới toàn sinh được. Hai phép ấy là điều chí lý trong việc chữa bệnh, là mẫu mực của nghề làm thuốc. Vậy y đạo vốn nhất quán, định phép tắc nguyên từ các thánh xưa; học tập phải dụng công, dù thông minh chớ nên cậy mình giỏi.

Tìm ra phương thì dừng chân chừ “nhút nhát”, phải bản lĩnh quyết đoán để kịp thời cứu người; “thánh y” đã dạy làm thầy thuốc cần: “*mật to, lòng nhỏ, trí tròn, nét vuông*”; nghĩa là tinh thần trách nhiệm, đức độ nghề nghiệp phải rất cao, suốt đời không ham hố danh lợi, ganh đua đố kỵ tài năng, chỉ một mực “ra ân làm lành”, “thể theo trời đất một lòng hiếu sinh” mà không cần ai biết tới, ghi nhận...

*Muốn cho thân sáng, tinh ròng
Giữ nuôi khí huyết, ngăn lòng dục sâu
Thử coi Tố vấn thiên đầu
Kỳ Hoàng tôi chúa hỏi nhau rõ ràng
Kỳ Hoàng xưa đã mở đàn
Sách y nay có lời bàn Thiên chân
Thiên chân tiết giải rõ phân
Coi vào thấy gốc, giữ thân nuôi lòng.*

Mang danh hai chữ “thầy thuốc”, bên cạnh tinh thần quyết đoán để hồi sinh sự sống cho người bệnh, người thầy thuốc còn phải bản lĩnh giữ lương tâm mình trong sạch trước những cám dỗ dục vọng tầm thường của đời sống, giữ cho mình “thần sáng, tinh ròng” luôn là đạo lý cao nhất của người làm nghề thầy thuốc. Bài học này đặt ra trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* mãi mãi thuộc về hàng số văn hóa mà bất cứ thầy thuốc ở thời đại nào cũng phải tâm niệm, ghi tâm, “giữ thân nuôi lòng” trên hành trình khó nhọc nhưng đầy ý nghĩa.

3. Kết luận

Trong phần giới thiệu *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, Nguyễn Đình Chiểu với tư cách vừa là một người thầy dạy về y thuật, vừa là một thầy thuốc trị bệnh cứu người đã “tuyên ngôn”: “Từ xưa tới nay, sách thuốc rất nhiều. Người thầy thuốc không khỏi phân nản về nổi quá ư man mác.

Nên học không có nơi căn cứ, thì khi xét bệnh không khỏi bỡ ngỡ như vào chỗ không, như ngọn gió mà không biết dừng vào đâu nữa. Vì bệnh thì biến hóa hư hư, thực thực, phương chữa thì nên chính, tòng, gốc, ngọn, công, bổ, cái nào trước, cái nào sau, phải cân nhắc để chọn dùng. Xem xét, chữa trị sai sót sẽ quan hệ đến sự sống chết, để không thể không cẩn thận hay sao? Cho nên người làm thuốc cần phải biết tùy cơ ứng biến mà thôi!”. Từ đó ông đúc kết:

Đạo y ở nửa Dịch kinh

Chưa thông lẽ Dịch sao rành thuốc y?

hay

Học cho thấy Đạo thì lòng mới an.

Là một trí thức yêu nước thương dân sâu sắc, hơn ai hết, Nguyễn Đình Chiểu thấu hiểu vấn đề làm thuốc cứu người, giúp đời là một việc nhân nghĩa. Nó không chỉ là nghề nghiệp, nó còn là một đạo, “đạo y, nho y”.

“*Tưởng là đạo thuốc thâm u/Hay đâu y cũng trong nho một nghề*” nghĩa là Nho thấm vào y, y là theo Nho, mà Nho là đạo làm người chủ yếu theo quan điểm nhân dân. Cho nên trong tác phẩm Tiêu không nói đi học làm thuốc mà nói đi “*Học làm người, đi cầu đạo*”, và rất nhiều lần trong tác phẩm cụm từ “đạo đời”, “nghe đạo”, “thấy đạo”, “bảo đạo”, “lòng đạo”, đạo vị”, “đạo ta” được các nhân vật nhắc đến như một lời nhắc nhở, khuyên nhủ lòng người... Vấn đề này, Nguyễn Đình Chiểu phải chăng đã kế thừa tinh thần học thuật của Hải Thượng Lãn Ông khi bậc tiền nhân quan niệm nghề y bao hàm cả đạo trong trời đất, y học cũng dựng trên nền tảng đạo lý làm người. Đặt trong bối cảnh đương thời đất nước “dưa chia khăn xé”, “bờ cõi qua phân”, kết hợp với tư tưởng yêu nước, chống ngoại xâm cụ thể ở thời điểm này, đạo đức trong nghề y vượt xa khuôn khổ của mình, mang một ý nghĩa cao rộng hơn, không còn giới hạn trong lương tâm, trách nhiệm, trong đạo trời, đạo người, mà đã thấm nhuần tinh thần dân tộc, tính nhân dân, tinh thần chiến đấu.

Bàn về y đức trong *Ngư Tiêu y thuật vấn đáp* là bàn về những vấn đề không còn mới nhưng chưa bao giờ cũ, bởi vì thời gian và sự vận động của cuộc sống dẫu có trôi chảy không ngừng thì những gì thuộc giá trị

văn hóa luôn là một hằng số cần giải mã từ nhiều góc nhìn - quan niệm giản dị nhưng sâu sắc và đầy ý nghĩa về y đức của Nguyễn Đình Chiểu cần được khẳng định như một hệ quan niệm đầy giá trị nhân văn và phát huy trong đời sống hiện đại khi vấn đề giáo dục y đức trở nên khẩn thiết hơn bao giờ hết. *Đối với Nguyễn Đình Chiểu*, y đức là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tâm hồn trong sáng, trí tuệ mẫn tiệp, tinh thần và hành động quyết liệt, đầy bản lĩnh của người thầy thuốc; chỉ có suy nghĩ thôi chưa đủ mà phải hành động, dám vượt qua giới hạn của chính mình để “dấn thân”, thậm chí hy sinh bản thân để cứu người, giúp đời. Y đức là những gì mang đến cho người bệnh sự quan tâm, chăm sóc ân cần, cẩn trọng, chu đáo nhất. Đây chính là “của để dành” quý giá nhất mà Nguyễn Đình Chiểu đã tâm huyết, dốc lòng truyền lại cho con cháu hôm nay. Trong tiến trình phát triển của nhân loại, ngành nghề nào cũng đòi hỏi phải có “đạo đức nghề nghiệp”, tuy nhiên trong ngành y - một ngành có liên quan trực tiếp đến sức khỏe và tính mạng của con người, y đức của người thầy thuốc luôn luôn được coi là tiêu chí hàng đầu mà mỗi người thầy thuốc phải hướng đến khi khám, chữa bệnh cứu người. Tinh thần cao quý này của Cụ Đồ - thầy thuốc Nguyễn Đình Chiểu đến hôm nay vẫn còn nguyên giá trị.

Tất cả những đau khổ và hạnh phúc mà Nguyễn Đình Chiểu đã nếm trải, đã chiêm nghiệm, từ việc dạy học, chữa bệnh, những chống trả âm thầm với số mệnh tàn ác đã kết đọng trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* - tuyên ngôn cuối cùng về lý tưởng sống của ông - đã góp phần đặt nền móng xây dựng, phát triển nền y học nước nhà lấy mục đích phục vụ sức khỏe nhân dân làm sứ mạng của mình. Quan niệm y đức của Nguyễn Đình Chiểu thấm nhuần tinh thần văn hóa nhân văn của nhân loại và dân tộc. Nguyễn Đình Chiểu là một trí thức sống trong thời đại nhiều biến cố của đất nước, ông đã trần trở tìm đường cứu dân bằng cách đặc biệt của mình, ông làm thầy đồ để khai mở trí tuệ cho dân và làm thầy thuốc là để cứu mạng dân. Với chữ “Tâm” trong sáng như pha lê, phẩm hạnh như hoa sen vươn lên giữa bùn nhơ để sống một cuộc đời đầy ý

nghĩa, chỉ chừng đó thôi, cũng đủ để hậu thế kính cẩn nghiêng mình khi nhớ về cụ Đồ - thầy thuốc Nguyễn Đình Chiểu.

Không phải ngẫu nhiên, khi tôn vinh Nguyễn Đình Chiểu - nhà giáo, nhà thơ, nhà văn hóa lớn của dân tộc, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã dành cho ông một hình ảnh so sánh đầy trân trọng: “Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng”¹. Quả thật, nhân cách và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu đã khiến ông như một vì sao bất tử “khác thường” nhấp nháy trên bầu trời vũ trụ bao la và ánh sáng kỳ diệu, nhân văn của nó mãi mãi lan tỏa dịu dàng qua nhiều thế hệ để góp phần làm lành những vết thương cả về thể chất và tinh thần cho con người./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Văn Đồng: *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1973.
- [2] Nguyễn Đình Chiểu: *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* (Lê Quý Ngưu phiên âm chú thích), Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2003.

1. Phạm Văn Đồng: *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1973, tr.320.

NHÀ THƠ NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC VIỆT NAM XƯA VÀ NAY

PGS.TS. NGUYỄN XUÂN HỒNG*

ThS. NGUYỄN HỒ PHONG**

Tóm tắt: Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) là nhà thơ lớn của dân tộc Việt Nam vào thế kỷ XIX. Trong suốt cuộc đời mình, ông đã có nhiều đóng góp quan trọng cho nền văn học nghệ thuật của đất nước ở nhiều khía cạnh khác nhau. Lấy khái niệm “lập trình văn hóa” làm cơ sở lý thuyết chính, thông qua việc phân tích, tổng hợp các tài liệu thứ cấp, trong bài viết này, nhóm tác giả muốn luận bàn hai khía cạnh: (i) những đóng góp của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu với quá trình “lập trình văn hóa” ở Việt Nam trong thế kỷ XIX về những chuẩn mực đạo đức, nhân cách của con người trong xã hội phong kiến Nho giáo; về cổ vũ, ca ngợi và phát huy truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm; (ii) tư tưởng của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu trong mối tương quan với việc “lập trình văn hóa” ở Việt Nam trong xã hội đương đại.

Từ khóa: Dân tộc; Đạo lý; Đời sống văn hóa; Lập trình văn hóa; Nguyễn Đình Chiểu.

*, ** Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh. Liên hệ: hophongdhvh@gmail.com

POET NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU IN LIFE OF NATIONAL CULTURE OF THE THEN AND NOW VIETNAM

Abstract: Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) was a great poet of the Vietnamese nation in the 19th century. He has had important contributions to the country's literature and art in various aspects throughout his lifetime. Using the concept of "cultural programming" as the main theoretical basis, through analysis and synthesis of secondary documents, the authors want to discuss two aspects in this paper including: (i) Nguyễn Đình Chiểu's contributions to the process of "cultural programming" in Vietnam in the 19th century in terms of moral standards and human personality in a Confucian feudal society as well as praising and promoting the patriotic tradition, fighting against foreign invaders; (ii) the thought of poet Nguyễn Đình Chiểu in relation to "cultural programming" in contemporary society of Vietnam.

Keywords: Nation; Ethics; Cultural life; Cultural programming; Nguyễn Đình Chiểu.

Toàn văn

Mở đầu

Con người, sự nghiệp sáng tác và những tác phẩm văn học của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã trở thành đề tài nghiên cứu của các nhà khoa học từ nhiều khía cạnh khác nhau. Nghiên cứu về con người nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu có công trình *Nho y Nguyễn Đình Chiểu*, xuất bản năm 1993 tại Pháp của tác giả Trần Văn Tích. Tiếp cận từ góc độ văn học có công trình *Nguyễn Đình Chiểu: tác phẩm chọn lọc* của Phạm Văn Ánh, xuất bản năm 2009. Tiếp cận từ góc độ ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam có

công trình *Nhân vật Từ Hải và nhân vật Lục Vân Tiên nhìn theo quan điểm giới* của Phạm Thị Mai Hiền, công bố năm 2012; *Tư tưởng Nho giáo trong truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu* của Đặng Văn Tính, công bố năm 2015; “Giá trị đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu với đời sống văn hóa dân tộc” của Trần Thị Thu Hương, công bố năm 2017. Tiếp cận từ góc độ triết học có công trình *Triết lý nhân sinh trong Ngư Tiều y thuật vấn đáp của Nguyễn Đình Chiểu và ý nghĩa hiện thời của nó* của Ngô Thị Loan, công bố năm 2018. Qua khảo cứu một số công trình này, chúng tôi nhận thấy dù tiếp cận ở khía cạnh nào, các nhà nghiên cứu đều khẳng định những cống hiến to lớn của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu với sự nghiệp văn học - nghệ thuật của nước nhà. Tuy nhiên, chúng tôi chưa tìm thấy công trình nào xem xét vai trò của nhà thơ với quá trình “lập trình văn hóa” của dân tộc Việt Nam trong quá khứ, cũng như ở xã hội đương đại. Chúng tôi cho rằng đây là khoảng trống trong nghiên cứu về những đóng góp của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu mà bài viết này có thể góp phần khỏa lấp.

“Lập trình văn hóa” là một trong số khái niệm cốt lõi trong hệ thống lý thuyết về “kiến tạo văn hóa” mà Giáo sư I.E. Zohar tại Đại học Tel Aviv, Ixraen thường đề cập trong các công trình nghiên cứu về văn hóa - văn học của mình. Theo ông, “lập trình một nền văn hóa là trường hợp thiết lập bài bản các lựa chọn mới cho đời sống xã hội và đời sống cá nhân”¹. Theo quan niệm này, vấn đề mà chúng tôi lưu tâm là danh nhân Nguyễn Đình Chiểu đã tham gia quá trình “lập trình văn hóa” như thế nào ở thế kỷ XIX? Những tư tưởng của nhà thơ còn có ý nghĩa gì với việc “lập trình văn hóa” ở Việt Nam trong môi trường xã hội đương đại?

Về phương pháp nghiên cứu, trong bài viết này, nhóm tác giả sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp các nguồn tài liệu thứ cấp như các công trình nghiên cứu về con người, sự nghiệp sáng tác và các tác phẩm của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu; một số tài liệu viết về lý thuyết nghiên

1. I.E. Zohar: *Lý thuyết đa hệ thống trong nghiên cứu văn hóa, văn chương*, bản dịch của Trần Hải Yến, Nguyễn Đào Nguyên, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2014, tr.231.

cứu trong văn hóa, văn học. Ngoài ra, chúng tôi còn xem xét vấn đề được nghiên cứu từ góc độ lịch đại để có cái nhìn so sánh giữa quá khứ - hiện tại và tương lai.

1. Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu - chủ thể tham gia “lập trình văn hóa” ở Việt Nam vào thế kỷ XIX

Theo Giáo sư I.E. Zohar, “lập trình văn hóa” thường được thực hiện bởi các chủ thể với tư cách cá nhân và tổ chức (nhóm người). Ông viết: “nếu một cá nhân hay một nhóm người nhất định không chỉ ủng hộ mà còn tham dự vào việc kiến tạo các lựa chọn mới thì khi đó lập trình rõ ràng đang được thực thi”¹. Thực tiễn lịch sử văn hóa trên thế giới từ Đông sang Tây đã có nhiều ví dụ điển hình về vai trò của cá nhân trong việc cấu trúc/tái cấu trúc, kiến tạo, hay nói cách khác là “lập trình văn hóa” cho một cộng đồng, dân tộc. Các nhà truyền giáo, nhà xã hội học, dân tộc học, nhân học, triết gia; các nghệ sĩ, nhà văn, nhà thơ,... đều là những cá nhân đã góp phần tích cực vào quá trình “lập trình văn hóa” ở nhiều mức độ, phạm vi không gian địa lý khác nhau. Như vậy, với những giá trị đạo lý, tư tưởng được thể hiện qua các tác phẩm văn học của mình, danh nhân Nguyễn Đình Chiểu cần được nhìn nhận là chủ thể có những đóng góp quan trọng vào sự “lập trình văn hóa” trong xã hội Việt Nam từ thế kỷ XIX đến nay.

Tuy nhiên, lịch sử cho thấy những đóng góp vào quá trình “lập trình văn hóa” của các cá nhân thường xảy ra hai khả năng sau:

Thứ nhất, hoặc là những nỗ lực “lập trình văn hóa” của họ được giới cầm quyền ủng hộ, số đông quần chúng tiếp nhận. Trường hợp này xảy ra khi những giá trị về nội dung, tư tưởng của các sản phẩm văn hóa đó phù hợp với những định hướng, mục tiêu “lập trình văn hóa” của nhà cầm quyền; phù hợp với thị hiếu, quan niệm thẩm mỹ, chuẩn mực đạo đức của số đông quần chúng trong xã hội. Khi đó, những kiến tạo văn hóa của họ sẽ

1. I. E. Zohar: *Lý thuyết đa hệ thống trong nghiên cứu văn hóa, văn chương*, bản dịch của Trần Hải Yến, Nguyễn Đào Nguyên, *Sđd*, tr.232.

được nhà cầm quyền ghi nhận và tôn vinh. Nhờ đó, những sản phẩm văn hóa của họ được lan tỏa, phát huy tốt hơn trong đời sống xã hội. I.E. Zohar viết rằng, các nhà cầm quyền ngày càng có khuynh hướng phải vận dụng ngày càng nhiều các hạng mục do những nhà lập trình văn hóa (cá nhân) cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp. Khi đó, “lập trình văn hóa rõ ràng đã tích hợp nên sức mạnh, cường độ và xung năng được gia cố, trở thành một nhân tố chủ đạo trong việc định hình, tái định hình và duy trì các thực thể lớn”¹. Về phía công chúng, họ sẽ tiếp nhận và “nuôi dưỡng” cho sự phát triển của những kiến tạo văn hóa này. Đây chính là những động lực để những hạng mục văn hóa của những cá nhân đóng góp tích cực hơn vào quá trình “lập trình văn hóa” chung của cả cộng đồng, xã hội.

Đặt những kiến tạo văn hóa của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu trong mối tương quan với những định hướng, quan điểm “lập trình văn hóa” của triều đình phong kiến nhà Nguyễn vào thế kỷ XIX cho thấy có sự nhất quán. Điều này cũng hoàn toàn hợp lý khi mà bản thân nhà thơ sinh ra, lớn lên, được giáo dục và trưởng thành trong một gia đình và xã hội mà Nho giáo là tư tưởng chủ đạo. Triều đình phong kiến lúc bấy giờ có rất nhiều nỗ lực nhằm “lập trình” xã hội Việt Nam theo tư tưởng Nho giáo. Mục đích của việc này là nhằm chống lại sự du nhập của các xu hướng văn hóa, tôn giáo từ phương Tây thông qua hoạt động giao thương, truyền đạo của các nhà truyền giáo. Đồng thời, đó cũng là phương cách mà nhà Nguyễn sử dụng để duy trì quyền lực thống trị xã hội của mình. Đúng như I.E. Zohar cho rằng, để duy trì và kéo dài quyền lực thống trị của mình, các nhà cầm quyền luôn cố gắng lập trình lại một nền văn hóa, tạo động lực để kiến tạo ra những giá trị văn hóa mới đối với cộng đồng mà họ đang kiểm soát. Mục đích của quá trình “lập trình văn hóa” là nhằm tạo ra các mô thức cố kết cộng đồng của những nhóm xã hội được gắn kết với nhau bởi những giá trị tinh thần tương đồng như cùng niềm tin tín ngưỡng, cùng lý tưởng sống, cùng sở thích/thị hiếu thẩm mỹ nghệ

1. Xem I. E. Zohar: *Lý thuyết đa hệ thống trong nghiên cứu văn hóa, văn chương*, bản dịch của Trần Hải Yến, Nguyễn Đào Nguyên, *Sđd*, tr.235.

thuật;... Nói ngắn gọn, việc người cai trị triển khai những hành động có chủ đích nhằm tạo nên các hạng mục văn hóa được chấp nhận bởi chỉ ít một bộ phận cư dân mà họ cai trị không phải là hiện tượng gì mới mẻ¹. Quá trình “lập trình văn hóa” này có thể được thực hiện thông qua nhiều phương thức khác nhau, từ “lập trình” cưỡng bức, đến “lập trình” tự nguyện; được thực hiện qua những định dạng văn hóa thiên về vật chất như đền, đài, cung điện, lăng mộ, điện thờ..., đến những định dạng văn hóa thiên về tinh thần như niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; những tác phẩm văn học, nghệ thuật; chuẩn mực về đạo đức, lối sống,...

Với những nỗ lực rất lớn của triều đình phong kiến, phần lớn dân chúng trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ đều thừa nhận và tôn vinh những chuẩn mực đạo đức, luân lý, khí chất, giá trị của con người theo tư tưởng Nho gia thời đó như trung quân ái quốc, hiếu đễ, tín nghĩa, chung thủy. Vì vậy, những nhân vật như Lục Vân Tiên, Hồn Minh, Kiều Nguyệt Nga, Vương Tử Trực, Kỳ Nhân Sư,... trong truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*,... của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu trở thành những hình tượng mẫu mực trong đời sống xã hội thời kỳ đó. Những phẩm chất, nhân cách của những nhân vật này còn là chuẩn mực đạo đức mà mỗi người Việt Nam vào thời kỳ đó cần rèn luyện, trau dồi. Đó cũng là một phần lý do để giải thích vì sao truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên* trở thành một trong những tác phẩm văn học kinh điển, được đông đảo quần chúng chấp nhận và lưu hành, thực hành trong nhân gian rất phổ biến, lâu dài từ thế kỷ XIX. Như vậy, với chính sách văn hóa của triều đình phong kiến đương thời, thông qua những tác phẩm văn học của mình, nhất là hai truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên* và *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã có những đóng góp quan trọng trong quá trình “lập trình văn hóa” theo tư tưởng Nho giáo vào thời kỳ đó.

Thứ hai, hoặc là những nỗ lực “lập trình văn hóa” của cá nhân bị giới cầm quyền ra sức cấm cản. Trường hợp này sẽ đến nếu những hạng

1. Xem I.E. Zohar: *Lý thuyết đa hệ thống trong nghiên cứu văn hóa, văn chương*, bản dịch của Trần Hải Yến, Nguyễn Đào Nguyên, *Sđd*, tr.233-235.

mục văn hóa của họ có nội dung, tư tưởng thể hiện sự đối lập với quan điểm, định hướng chung trong việc “lập trình văn hóa” của nhà cầm quyền đương thời. Khi đó, những hoạt động kiến tạo văn hóa của họ sẽ bị nhà cầm quyền xem là hành vi “phạm pháp”. Những sản phẩm văn hóa do họ tạo ra sẽ bị nhà cầm quyền dán nhãn “phi văn hóa”. Đồng thời, bản thân họ sẽ trở thành đối tượng mà nhà cầm quyền sẽ tìm mọi cách để chấm dứt các hoạt động sáng tạo văn hóa. Đó cũng là sự thể hiện quyền lực trong những nỗ lực để “lập trình” nên một nền văn hóa theo ý muốn của nhà cầm quyền. Điều này Giáo sư I.E. Zohar nhấn mạnh: Để thành công trong việc “lập trình” một nền văn hóa, đòi hỏi một nền tảng quyền lực. Muốn thế, những người thực thi sự “lập trình” đó cần phải có quyền lực, nắm lấy quyền lực, hoặc nhận được sự tán thành của những người sở hữu quyền lực¹. Về phía những cá nhân tham gia kiến tạo văn hóa trong bối cảnh đó, I.E. Zohar cũng cho biết: những người tạo ra các văn bản (tức các sản phẩm văn hóa/hạng mục văn hóa) trong một ngôn ngữ (giá trị nội dung, tư tưởng) mà giới cầm quyền không thừa nhận đều có vẻ đáng thương và thảm hại trong mắt những người đương thời với họ, những người coi những gì họ làm là lãng phí cuộc sống vào những nỗ lực phù phiếm².

Ngược dòng lịch sử Việt Nam, năm 1859, Pháp chính thức xâm lược miền Nam với đòn tấn công đầu tiên tại thành Gia Định. Sau khi chiếm được Gia Định thành, Pháp sử dụng vùng đất này như một bàn đạp để mở rộng tấn công ra nhiều khu vực ở phía Nam. Sau đó, dù quần chúng nhân dân nhiệt thành đứng lên chống Pháp ở khắp Nam Kỳ, nhưng với lợi thế về sức mạnh quân sự nhờ những loại vũ khí hiện đại vượt trội lúc bấy giờ, Pháp từng bước làm chủ và đặt Nam Kỳ dưới sự cai trị của mình. Đặc biệt, sau Hiệp ước giữa Pháp và triều đình nhà Nguyễn ký năm Nhâm Tuất (1862), Pháp đã toàn quyền cai trị ba tỉnh Đông Nam Kỳ lúc bấy giờ là Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và đảo Côn Lôn (tức Côn Đảo

1, 2. Xem I.E. Zohar: *Lý thuyết đa hệ thống trong nghiên cứu văn hóa, văn chương*, bản dịch của Trần Hải Yến, Nguyễn Đào Nguyên, *Sdd*, tr.241, 242.

ngày nay). Trước bối cảnh lịch sử đó của đất nước, là một nhà nho giàu lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, danh nhân Nguyễn Đình Chiểu đã thể hiện rõ quan điểm của mình với triều đình phong kiến, cũng như giặc Pháp xâm lược. Một mặt, ông tham gia cùng nghĩa quân đứng lên chống Pháp; ủng hộ, cổ vũ, ca ngợi tinh thần đấu tranh chống giặc xâm lược của người dân Nam Kỳ. Mặt khác, ông lên án thái độ, quan điểm chống Pháp thiếu dứt khoát, nhiệt thành, nghiêm túc của triều đình phong kiến. Do đó, những tác phẩm của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu ra đời sau thời kỳ Pháp đánh chiếm Nam Kỳ đều thể hiện thái độ căm thù giặc cao độ, lòng yêu nước, thương dân sâu sắc. *Chạy giặc, Điều Trương tướng quân, Điều Ba Tri Đốc binh Phan công trận vong, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Lục tỉnh sĩ dân trận vong văn*,... là những tác phẩm rất điển hình cho tinh thần này của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu. Đó là lý do, phần lớn những tác phẩm văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu vào thời kỳ này đều bị chính quyền Pháp ở Nam Kỳ và triều đình phong kiến ra sức cấm cản phổ biến, lưu hành trong dân chúng. Người Pháp xem ông như một nhân tố cần phải “thu phục” để phục vụ cho quá trình cai trị thuộc địa của mình. Triều đình phong kiến xem ông như thành phần “chống đối” cùng với các lực lượng nghĩa quân bất tuân quan điểm hòa hoãn của triều đình phong kiến mà đứng lên chống Pháp.

Đối với người dân Nam Kỳ, họ vốn được kế thừa truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại bang của dân tộc Việt Nam qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Nên khi Pháp xâm lược, họ “*Nào đợi ai đòi, ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình; Chẳng thèm trồn ngược, trồn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ*” (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*). Tinh thần đó là cơ sở xã hội quan trọng để những tác phẩm văn học chứa chan lòng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, dù bị thực dân Pháp và triều đình phong kiến ra sức cấm cản lưu hành, tuyên truyền, nhưng thực tế nó lại “sống” rất sôi động, mạnh mẽ trong lòng công chúng Nam Kỳ lúc bấy giờ. Điều này phù hợp với cơ sở lý thuyết về “lập trình văn hóa” mà I.E. Zohar đề cập. Ông viết: một khi những sản phẩm/hạng mục văn hóa trái với quan điểm, định hướng chung của nhà cầm quyền tìm

cách thâm nhập được vào một nhóm xã hội nhất định thì một phạm vi rộng hơn có thể được tạo nên. Kết quả là sẽ hình thành nền tảng quyền lực mà họ cần cho các hoạt động vốn sẽ đưa đến những thay đổi mà họ mong muốn trong những nỗ lực “lập trình văn hóa”¹. Như vậy, những tác phẩm văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu đã đóng góp một phần quan trọng vào quá trình “lập trình văn hóa” chống giặc ngoại xâm, cứu nước của dân tộc Việt Nam nói chung, nhân dân Nam Kỳ lúc bấy giờ nói riêng. Tuy nhiên, sự “lập trình” này phải diễn ra trong trạng thái đối lập với những nỗ lực “lập trình văn hóa” của Pháp hòng làm thui chột, mai một những giá trị văn hóa nền tảng, truyền thống của dân tộc ở vùng Nam Kỳ, mà trong đó, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm là điển hình. Không những thế, những kiến tạo văn hóa để góp phần vào quá trình “lập trình văn hóa” của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu lúc này lại ngược với những nỗ lực của triều đình phong kiến nhà Nguyễn nhằm tạo lập một thế hòa hoãn với Pháp để giữ vững ngai vàng chuyên chế của mình. Tuy nhiên, bất luận sự đối lập đó diễn ra ở mức độ nào, thực dân Pháp và triều đình phong kiến đã thực hiện những phương thức gì để loại bỏ những nỗ lực của Nguyễn Đình Chiểu ra khỏi quá trình “lập trình văn hóa” ở Nam Kỳ, thì cho đến ngày nay, hầu hết các nhà nghiên cứu đều thừa nhận những đóng góp của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu về lĩnh vực văn học - nghệ thuật nước nhà từ thế kỷ XIX đến nay. Những đóng góp đó theo quan điểm của I.E. Zohar là đóng góp cho quá trình “lập trình văn hóa”.

2. Tư tưởng của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu trong mối tương quan với việc “lập trình văn hóa” ở Việt Nam trong xã hội đương đại

I.E. Zohar nhấn mạnh rằng, việc thực thi “lập trình văn hóa” tất yếu đem đến sự cố kết văn hóa - xã hội. Đó là trạng thái đoàn kết, thống nhất về tư tưởng, tinh thần tồn tại trong một nhóm người, một

1. Xem I.E. Zohar: *Lý thuyết đa hệ thống trong nghiên cứu văn hóa, văn chương*, bản dịch của Trần Hải Yến, Nguyễn Đào Nguyên, *Sđd*, tr.242.

cộng đồng. Yếu tố quyết định cho sự ra đời và tồn tại của tính cố kết văn hóa - xã hội là xu hướng tâm lý hồi thúc cư dân hành động theo cách thức mà nếu khác đi sẽ đối nghịch lại với các chiều hướng tự nhiên của họ; là những hạng mục văn hóa cho phép hình thành nên những chuẩn mực - giá trị chung của cả cộng đồng. Ông cũng cho rằng, các cộng đồng, vùng lãnh thổ hay một quốc gia không phải “hiển nhiên” mà có. Chúng được hình thành thông qua một quá trình lâu dài, kiên định của những người đã khởi xướng và huy động thành công các nguồn lực cần thiết để thực hiện quá trình “lập trình văn hóa”, kiến tạo nên những giá trị văn hóa. Do đó, ông khẳng định cố kết văn hóa - xã hội là điều kiện thiết yếu cho sự xác lập, tồn vong của một cộng đồng, vùng lãnh thổ, quốc gia¹. Suy rộng ra, chúng ta có thể hiểu để duy trì, phát triển các cộng đồng, vùng lãnh thổ hay quốc gia, thì quá trình “lập trình văn hóa” phải được tiếp tục duy trì và không ngừng đổi mới theo chiều dài của lịch sử phát triển văn hóa của các thực thể đó. Với quá trình này, một đòi hỏi tất yếu là sự thống nhất tương đối giữa những chủ thể tham gia quá trình “lập trình văn hóa”. Trong đó, nhà cầm quyền và những cá nhân tham gia kiến tạo nên những hạng mục văn hóa giữ vai trò đặc biệt quan trọng. I.E. Zohar nói rằng, việc duy trì những thực thể này sẽ gặp nhiều khó khăn nếu như không có những đồng thuận giữa các thành viên của nó. Do đó, nếu không có được hoặc không nỗ lực tạo ra sự đồng thuận thì tất nhiên khả năng tồn vong và phát triển của các thực thể này là đều gặp nhiều thách thức².

Từ quan điểm trên của I.E. Zohar, chúng ta có thể đặt vấn đề liệu rằng những giá trị tư tưởng về đạo lý - đạo đức làm người trong xã hội phong kiến, cũng như tư tưởng yêu nước, thương dân, thái độ phản kháng quyết liệt trước sự xâm lược của các thế lực nước ngoài mà nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu chuyển tải trong các tác phẩm văn học của mình từ thế kỷ XIX còn có ý nghĩa gì trong việc tạo ra sự cố kết văn hóa - xã hội

1, 2. I.E. Zohar: *Lý thuyết đa hệ thống trong nghiên cứu văn hóa, văn chương*, bản dịch của Trần Hải Yến, Nguyễn Đào Nguyên, *Sđđ*, tr.236-237, 241.

từ việc “lập trình văn hóa” ở Việt Nam trong thời hiện đại hay không? Nói cách khác, trong xã hội đương đại, những giá trị tư tưởng của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu có được sự đồng thuận với đại bộ phận người dân Việt Nam, cũng như quan điểm về xây dựng, phát triển nền văn hóa dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam không? Với vấn đề này, chúng ta có thể kết luận là “có”. Bởi lẽ lòng yêu nước, sẵn sàng hy sinh vì độc lập, tự do, hòa bình và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước; lòng bác ái, giúp người gặp khó khăn qua cơn hoạn nạn; lòng thủy chung son sắt trong tình yêu, tình bạn,... mà nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã tôn vinh vốn là “gien” văn hóa, đã được cha ông ta lưu truyền qua bao đời. Trong môi trường xã hội đương đại, Đảng và Nhà nước Việt Nam tiếp tục có những chủ trương, chính sách để bảo tồn, phát huy và phát triển những giá trị văn hóa quý báu đó ở một tầm cao mới, không chỉ trong môi trường quốc nội, mà ngày càng được “quốc tế hóa” một cách sâu sắc, toàn diện. Ở khía cạnh thực tiễn khác, so với nhiều nước trên thế giới, đời sống kinh tế của một bộ phận không nhỏ người dân Việt Nam hiện còn gặp nhiều khó khăn. Những khó khăn này càng nghiêm trọng hơn khi hàng triệu người dân Việt Nam phải đối mặt, ứng phó với tình hình dịch bệnh, thiên tai trong thời gian qua. Mặt khác, dù an ninh quốc gia không ngừng được củng cố, sức mạnh quốc phòng ngày càng được gia tăng, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được cải thiện; tuy nhiên, lãnh thổ quốc gia có nguy cơ bị đe dọa vẫn luôn thường trực, hiện hữu với những mức độ, ở những không gian khác nhau. Từ những cơ sở trên có thể thấy rằng, những tư tưởng mà nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã đặt ra từ thế kỷ XIX sẽ tiếp tục đóng góp tích cực vào quá trình “lập trình văn hóa” của đất nước, dân tộc Việt Nam trong thời đại mới. Theo đó, những tư tưởng của nhà thơ sẽ tiếp tục góp phần tạo lập và duy trì các cốt kết văn hóa - xã hội, hình thành sức mạnh đoàn kết của cả một dân tộc để đất nước có thể ứng phó hiệu quả, thích nghi kịp thời, xử lý đúng đắn những thử thách từ kinh tế - chính trị - xã hội - an ninh quốc gia đang hiện hữu và dạng tiềm năng.

Kết luận

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ - danh nhân - nhà văn hóa lớn của dân tộc Việt Nam. Điều này chắc không cần phải tranh luận nhiều. Các tác phẩm văn thơ của ông đã chuyển tải những tư tưởng nhân văn tốt đẹp, góp phần tạo nên khối đại đoàn kết dân tộc từ quá khứ đến hiện tại. Đó là đạo lý làm người trong xã hội phong kiến, là lòng yêu nước, căm thù giặc ngoại xâm; là tinh thần sẵn sàng hi sinh vì độc lập, tự do và toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc. Những giá trị tư tưởng này khi đặt trong mối tương quan với cơ sở lý thuyết “lập trình văn hóa” của Giáo sư I.E. Zohar, chúng tôi nhận thấy rất hữu dụng trong quá trình kiến tạo những biểu đạt văn hóa, cũng như góp phần tích cực trong việc duy trì, giữ gìn và phát triển nền văn hóa của quốc gia, dân tộc trong xã hội vốn nhiều thách thức như ngày nay.

Trong bài viết này, chúng tôi không có tham vọng sử dụng quan niệm về “lập trình văn hóa” của Giáo sư I.E. Zohar như là một “công thức” chuẩn mực để đánh giá toàn bộ những giá trị tư tưởng mà danh nhân Nguyễn Đình Chiểu đã đặt ra từ thế kỷ XIX. Mục đích khiêm tốn của nhóm tác giả là muốn giới thiệu một cách tiếp cận khác về những đóng góp của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu theo hướng lịch đại từ quá khứ đến hiện tại và trong tương lai trên một nền tảng, cơ sở lý thuyết chưa được nhiều nhà nghiên cứu sử dụng. Chúng tôi rất mong nhận được sự phản biện, đóng góp của các nhà nghiên cứu để hướng tiếp cận của chúng tôi ngày càng hoàn thiện hơn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Văn Ánh: *Nguyễn Đình Chiểu: tác phẩm chọn lọc*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009.
- [2] Phạm Thị Mai Hiền: *Nhân vật Từ Hải và nhân vật Lục Vân Tiên nhìn theo quan điểm giới*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Khoa học ngữ văn, Đại học Thái Nguyên, 2012.

- [3] Lê Ngọc Hùng: *Lịch sử và lý thuyết xã hội học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.
- [4] Trần Thị Thu Hương: *Giá trị đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu với đời sống văn hóa dân tộc*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam, Đại học Thái Nguyên, 2017.
- [5] Lê Văn Hỷ: *Lịch sử tiếp nhận tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, 2015.
- [6] Ngô Thị Loan: *Triết lý nhân sinh trong Ngư Tiều y thuật vấn đáp của Nguyễn Đình Chiểu và ý nghĩa hiện thời của nó*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, 2018.
- [7] Trần Văn Tích: *Nho y Nguyễn Đình Chiểu*, An Tiêm xuất bản, Pháp, 1993.
- [8] Đặng Văn Tính: *Tư tưởng Nho giáo trong truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Đại học Đà Nẵng, 2015.
- [9] I.E. Zohar: *Lý thuyết đa hệ thống trong nghiên cứu văn hóa, văn chương*, bản dịch của Trần Hải Yến, Nguyễn Đào Nguyên, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2014.

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU (1822 - 1888) VÀ ĐẠO NHÀ: TIẾP CẬN Ý THỨC VỀ BẢN SẮC TỪ GÓC NHÌN QUY CHIỂU

TS. NGUYỄN VĂN HIỆU*

Tóm tắt: Bài viết sử dụng cách tiếp cận ý thức về bản sắc nhìn từ các hệ quy chiếu để làm rõ nội hàm và ý nghĩa của khái niệm “đạo nhà” trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu. Bằng việc đặt Nguyễn Đình Chiểu và sáng tác của ông trong bối cảnh xung đột văn hóa Đông - Tây và vận mệnh nước nhà đang bị đe dọa nghiêm trọng trong sự so sánh với quy chiếu có tính truyền thống với văn hóa Trung Hoa. Bài viết khẳng định ý thức về “đạo nhà” của Nguyễn Đình Chiểu đánh dấu một nhận thức mới về bản sắc và nguồn cội của người Việt, qua đó góp phần làm rõ thêm vai trò của ý thức về “đạo nhà” của người Việt trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của mình.

Từ khóa: Bản sắc; Đạo nhà; Hệ quy chiếu; Nguyễn Đình Chiểu.

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU (1822 - 1888) AND MORAL PRINCIPLE OF FAMILY: ACCESS TO CONSCIOUSNESS OF IDENTITY FROM ANGLE OF REFERENCE

Abstract: The paper uses a conscious approach to identity seen from frames of reference to clarify the connotation and

* Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
Liên hệ: nguyenvhieu9@gmail.com

meaning of the concept of “đạo nhà” (ancestor worship) in the works by Nguyễn Đình Chiểu. By placing Nguyễn Đình Chiểu and his works in the context of East - West cultural conflict and the country's destiny was seriously threatened in comparison with traditional frame of reference to Chinese culture, the paper affirms that Nguyễn Đình Chiểu's sense of “ancestor worship” marks a new consciousness of the identity and origin of the Vietnamese people, thereby consolidating the role of “ancestor worship” of the Vietnamese people in the current globalization context as well as in safeguarding and promoting their cultural identity.

Keywords: Identity; Ancestor worship; Frame of reference; Nguyễn Đình Chiểu.

Toàn văn

1. Dẫn nhập

Một nhà văn, nhà thơ lớn thường cũng là một nhà văn hóa lớn, bởi cái lớn của nhà văn, nhà thơ không chỉ ở tài năng văn chương mà còn ở những vấn đề văn hóa lớn mang tầm vóc dân tộc, có tính thời đại và có sức tác động lớn đến dân tộc và thời đại thông qua cuộc đời và nghệ thuật văn chương của mình. Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) của Việt Nam là một trường hợp như vậy. Ngày 23/11/2021, tại Pháp, UNESCO thông qua Nghị quyết vinh danh Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) là nhà thơ, nhà văn hóa lớn của nhân loại và quyết định năm 2022 là năm thế giới tổ chức kỷ niệm 200 năm ngày sinh của ông.

Nguyễn Đình Chiểu Là nhà thơ và là nhà văn hóa lớn, vì thế ông là đối tượng được nghiên cứu khá sâu rộng trên nhiều phương diện, từ thân thế, sự nghiệp, cuộc đời và tư tưởng (Lê Trí Viễn, 1982; Cao Tự Thanh - Huỳnh Ngọc Trảng, 1983; Ca Văn Thỉnh - Nguyễn Sỹ Lâm - Nguyễn Thạch Giang, 1997) đến vị trí văn học sử (N.I. Niculin, 2000; Nguyễn Lộc, 2005)...., tuy nhiên, Nguyễn Đình Chiểu vẫn còn nhiều phương diện cần khám phá mới hoặc làm rõ thêm.

Nhằm bổ sung nhận thức về Nguyễn Đình Chiểu, trong bài viết này, chúng tôi góp phần làm rõ thêm nội hàm và ý nghĩa của khái niệm “đạo nhà” trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu - một hiện tượng khá đặc biệt khi từ một câu thơ trong truyện Nôm của Nguyễn Đình Chiểu trở thành một trong những tư tưởng chủ đạo của ông và đi vào đời sống với sức lay động sâu sắc, lâu dài. Đó cũng là câu thơ được dẫn ra khá nhiều trong các nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu để nói về lòng yêu nước hoặc triết lý nhân sinh của ông nhưng chưa thật sự được chú ý từ góc độ ý thức về bản sắc dân tộc xét trong hệ quy chiếu mới là văn hóa, văn minh phương Tây. Chính bối cảnh thời đại và tầm vóc văn hóa của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu trước hệ quy chiếu mới, đã làm cho câu thơ lục bát tưởng chừng rất nôm na “*Dù đui mà giữ đạo nhà/Còn hơn có mắt ông cha không thờ*”¹ đã trở nên rất hay, rất đẹp vì chứa đựng cả chiều sâu tâm thức của cộng đồng.

2. Cơ sở lý thuyết

Nói đến văn hóa của một cộng đồng thường cũng là nói đến *bản sắc* của cộng đồng đó, bởi bản sắc suy cho cùng không gì khác hơn là “cách chúng ta nhìn nhận bản thân mình như thế nào và những người khác nhìn thấy chúng ta như thế nào”².

Quả vậy, từ góc độ đặc thù lịch sử, có thể thấy một cộng đồng người đúng nghĩa bao giờ cũng là một cộng đồng văn hóa với những đặc trưng có tính khu biệt với cộng đồng khác, bởi “văn hóa là tổng thể các phản ứng của hoạt động thể chất và tinh thần đặc trưng cho các hành vi của cá nhân, hợp thành một nhóm xã hội mang tính tập thể và cá nhân trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên của họ, với các nhóm khác, giữa các

1. Nguyễn Đình Chiểu: *Ngư Tiều vãn đáp y thuật* (Lê Quý Ngưu phiên âm, chú thích), Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006.

2. Chris Barker: *Cultural Studies: Theory and Practice* (third edition), SAGE Publications, USA, 2008.

thành viên của nhóm và của mỗi cá nhân đối với chính mình” (Franz Boas, 1911). Bản sắc văn hóa của một cộng đồng, do đó, trước hết là những gì được những người khác nhìn nhận như là những đặc điểm nổi bật, tương đối ổn định, giúp nhận diện cộng đồng này trong tương quan so sánh với cộng đồng khác. Nói đến văn hóa Việt Nam, người ta hay nói đến những đặc điểm văn hóa có tính truyền thống và tính biểu trưng như áo dài phụ nữ, nón lá, phong tục thờ cúng tổ tiên, truyền thống yêu nước... là nhìn từ góc độ này.

Tuy nhiên, bản sắc văn hóa còn ở cảm thức cộng đồng, ở cách các thành viên nhìn nhận bản thân mình và cộng đồng mình như thế nào - tức ở bình diện chủ quan của chủ thể văn hóa. Đây cũng là một đặc trưng nổi bật của một cộng đồng văn hóa. Từ góc độ xã hội học, có thể thấy một cộng đồng văn hóa cũng luôn là một cộng đồng quan hệ (relational community), được đặc trưng bởi sự cố kết cộng đồng trên cơ sở sự chia sẻ những giá trị chung và ý thức của các thành viên về cộng đồng (sense of community) của mình trong quy chiếu với cộng đồng khác¹. Về phương diện này, Zdzislaw Mach xác định: “Ở cấp độ cá nhân, bản sắc là câu trả lời cho câu hỏi: Tôi là ai trong quan hệ với những người khác? và ở cấp độ xã hội, đó là câu trả lời cho câu hỏi: Chúng tôi là ai trong quan hệ với những nhóm người khác?”². Chính từ ý thức về mình trong quan hệ quy chiếu với cộng đồng khác mà “các tộc người và các dân tộc mới chọn lọc ra những yếu tố gì được coi là thân thương, là thiêng liêng, là đặc trưng để phân biệt bản thân với các tộc người, dân tộc khác”³. Trong lịch sử Việt Nam, các vị vua như Trần Minh Tông, Trần Nghệ Tông hay như danh nhân văn hóa Nguyễn Trãi đều tự hào khẳng định về Nam Bắc phong tục

1. David W. McMillan and David M. Chavis: “Sense of Community: A Definition and Theory”, *American Journal of Community Psychology*, N^o.14 (1), p.9.

2. Zdzislaw Mach: *Symbols, Conflict, and Identity, Essays in Political Anthropology*, State University of New York Press, USA, 1993, p.4.

3. Đặng Nghiêm Vạn: *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2003, tr.61.

khác nhau, về pháp độ riêng hay văn hiến riêng của dân tộc, của đất nước¹ cũng cho thấy điều đó.

Ý thức về mình và về cộng đồng mình, tức ý thức về bản sắc, do vậy, là kết quả của quá trình kiến tạo xã hội, trong đó các hệ quy chiếu đóng vai trò quan trọng, bởi con người chỉ thực sự nhận ra mình trong quan hệ với *kẻ khác* và trên cơ sở đó mới ngày càng có ý thức mạnh mẽ hơn về việc giữ gìn, phát huy và kiến tạo thêm bản sắc của mình, của cộng đồng mình. Khi đứng trước một hệ quy chiếu mới, ý thức về cộng đồng, về những gì thiêng liêng của cộng đồng mình sẽ càng mạnh mẽ, nhất là với những quan hệ đe dọa đến sự tồn vong của dân tộc và của bản sắc văn hóa cộng đồng. Đó cũng là điều kiện và cơ sở giúp cá nhân và cộng đồng có những nhận thức mới mẻ hơn và sâu sắc hơn về truyền thống văn hóa và bản sắc của mình. Nguyễn Đình Chiểu và nhân dân Việt Nam giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX khi đất nước bị thực dân Pháp nổ súng xâm lược và có sự xâm nhập của nhiều yếu tố văn hóa xa lạ từ phương Tây là trường hợp như vậy.

3. Nguyễn Đình Chiểu và các hệ quy chiếu

Trong lịch sử của mình, Việt Nam, cụ thể là người Việt, có nhiều hệ quy chiếu. Trước khi có quy chiếu với phương Tây, theo Trần Quốc Vượng, người Việt thời Hùng Vương chỉ quy chiếu vào chính mình, nhưng từ thời Bắc thuộc Việt Nam có quy chiếu lớn là quy chiếu với Trung Hoa và “người Việt tự định nghĩa mình bằng cách đối lập với cái khác ta (Tàu, Bắc)”². Tiếp đến là hệ quy chiếu lớn thứ hai, quy chiếu với văn hóa và văn minh phương Tây diễn ra mạnh mẽ từ nửa sau thế kỷ XIX khi thực dân Pháp nổ súng ở Nam Kỳ và chiếm thành Gia Định (1859) và chiếm dần ra cả nước, dù Việt Nam đã có tiếp xúc với văn hóa phương Tây từ khoảng giữa thế kỷ XVI.

1. Xem Trần Quốc Vượng: *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2003, tr.55-56.

2. Trần Quốc Vượng: *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, *Sdd*, tr.57.

Có thể thấy đối với Nguyễn Đình Chiểu cũng như nhiều người Việt Nam bấy giờ, hệ quy chiếu phương Tây khác với hệ quy chiếu Trung Hoa về bản chất và cả về cảm thức văn hóa.

Là một trí thức Nho giáo thời trung đại, Nguyễn Đình Chiểu như nhiều trí thức Việt Nam truyền thống hẳn nhiên cũng có lòng yêu nước, có ý thức dân tộc trong quy chiếu với Trung Hoa với tư cách là quy chiếu với một dân tộc khác, một đất nước khác, nhất là với đất nước đã từng nhiều phen xâm chiếm, đô hộ và âm mưu đồng hóa nước ta. Tuy nhiên Nguyễn Đình Chiểu, cũng như nhiều trí thức Nho giáo Việt Nam thời trung đại, có một cảm thức phức hợp đối với văn hóa Trung Hoa. Đó là trí thức Việt Nam trung đại một mặt khẳng định độc lập dân tộc về phương diện chính trị, lãnh thổ và những khác biệt cơ bản về văn hóa như ngôn ngữ, phong tục, trang phục; mặt khác lại vừa cảm thấy gần gũi và như có sự kết nối nào đó về truyền thống tinh thần, nhất là về học thuật và những di sản tinh thần khác được truyền lại từ các bậc “thánh hiền” ngày xưa. Đây là kết quả của quá trình chịu ảnh hưởng lâu dài văn hóa Trung Hoa với tư cách là nền văn hóa có trình độ phát triển cao hơn về nhiều mặt và chịu ảnh hưởng của ý thức tiếp nhận văn hóa thời trung đại, trong đó, nổi bật là tinh thần “hiếu cổ”, là lý tưởng “tu tề trị bình” theo khuôn mẫu của người xưa¹, và đặc biệt là sự thấm thuần chữ “đạo” của Nho gia. Suốt đời mình Nguyễn Đình Chiểu là một nhà nho thuần thành, là một người như một nhân vật có tính biểu trưng trong tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu*:

*Hai chữ cương thường dẫn các nước,
Một câu trung hiếu dựng muôn nhà.*

và nguyện

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà².*

1. A.Ja. Gurêvich: *Các phạm trù văn hóa trung cổ* (Hoàng Ngọc Hiến dịch), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1996, tr.11.

2. Nguyễn Đình Chiểu: *Dương Từ - Hà Mậu*, Nxb. Tổng hợp, Long An, 1982, tr.36.

Chính vì vậy, trong quy chiếu với Trung Hoa, Nguyễn Đình Chiểu nói nhiều đến “đạo” nhưng như sự tiếp nối lý tưởng của thánh hiền chứ không phải để đối trọng và ông hầu như không nói gì về đạo nhà, về đạo thờ cúng ông bà tổ tiên của người Việt như một nét bản sắc trong so sánh với văn hóa Trung Hoa - điều ông thể hiện rất rõ khi đối diện với hệ quy chiếu mới là văn hóa, văn minh phương Tây xa lạ, đối nghịch với nhiều giá trị văn hóa truyền thống của người Việt.

4. “Đạo nhà” của Nguyễn Đình Chiểu trong quy chiếu với “đạo Tây”

Nhà nho hản nhiên đều nói nhiều về đạo lý thánh hiền, về đạo người quân tử, nhưng có lẽ không có nhà nho nào ở Việt Nam lại dùng từ “đạo” nhiều và với nhiều kết hợp, nhiều sắc thái khác với cách dùng từ “đạo” trong truyền thống như Nguyễn Đình Chiểu. Chỉ xét riêng trong ba truyện Nôm là *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu* và *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, Nguyễn Đình Chiểu đã dùng đến 245 lần chữ “đạo” và đáng lưu ý là số lượng chữ “đạo” chiếm phần lớn trong hai truyện Nôm mà Nguyễn Đình Chiểu sáng tác trong giai đoạn thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, trong khi đó tác phẩm *Lục Vân Tiên* vừa có yếu tố tự truyện, vừa nhằm xiển dương đạo lý nhân nghĩa của người theo Nho học nhưng chữ “đạo” xuất hiện với tần suất rất ít, chỉ 8 lần.

Trong tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu* và *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, Nguyễn Đình Chiểu dùng rất nhiều từ “đạo” nhưng chung quy có hai đối lập chính, đó là đối lập giữa “chính đạo” - hay “đạo Nho”, “đạo hàng” - với “tà đạo” và giữa “đạo ta”, “đạo nhà” với “đạo Tây”, “đạo Tây phương”, “đạo Datô”. Hản nhiên “đạo ta”, “đạo nhà” ở đây là chính đạo, đối lập hoàn toàn với “đạo Tây”, “đạo Tây phương” là tà đạo. Nguyễn Đình Chiểu viết:

*Bao nhiêu theo đạo Tây phương,
Phúc lành chưa thấy, tai ương tới mình¹.*

1. Nguyễn Đình Chiểu: *Dương Từ - Hà Mậu*, Sđd, tr.72.

và:

*Dân người về đạo Tây rồi,
Nước người Tây lấy mấy hồi nhọc lo!¹*

hoặc:

*Từ rằng: Theo đạo Datô,
Chuyện không sách vở, nói phô miệng tày.
Chúa Trời đã có đức hay,
Sao giảng thập ác, chân tay đình xiềng².*

Chính trong đối lập chính - tà, ta - người (Tây) này, Nguyễn Đình Chiểu đã đưa ra một khái niệm hoàn toàn mới là “đạo nhà”, tiêu biểu là những câu có tính cách như tuyên ngôn trong tác phẩm *Ngư tiều y thuật vấn đáp*:

*Thà đui mà giữ đạo nhà,
Còn hơn có mắt ông cha chẳng thờ.
Thà đui mà khỏi danh nhơ,
Còn hơn có mắt ăn dơ tanh rình.
Thà đui mà đặng trọn mình,
Còn hơn có mắt đổi hình tóc râu³.*

Những câu thơ trên cho thấy “đạo nhà” chính là đạo thờ cúng ông bà, là phong tục thiêng liêng và lâu đời của người Việt.

Không phải ngẫu nhiên khi đối kháng với phương Tây và văn hóa phương Tây, Nguyễn Đình Chiểu đã lấy đạo thờ cúng tổ tiên của người Việt làm đối trọng như một khẳng định mạnh mẽ và sâu sắc về truyền thống và về bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Đây chính là đặc điểm có tính quy luật trong quan hệ tương tác giữa các nền văn hóa, nhất là trong những hoàn cảnh đặc thù như trường hợp Việt Nam trong bối cảnh bị thực dân Pháp xâm lược.

1, 2. Nguyễn Đình Chiểu: *Dương Từ - Hà Mậu*, Sđd, tr.125, 72.

3. Nguyễn Đình Chiểu: *Ngư Tiều vấn đáp y thuật* (Lê Quý Ngưu phiên âm, chú thích), Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006, tr.607-608.

5. Kết luận

Ý thức về “đạo nhà” của Nguyễn Đình Chiểu đánh dấu một bước nhận thức mới về cội nguồn, về truyền thống và về bản sắc văn hóa của người Việt. Điều này rõ ràng là xuất phát từ nền tảng văn hóa của một nhà thơ, một nhà văn hóa lớn, nhưng cũng rõ ràng là nếu không có hệ quy chiếu mới trong bối cảnh Việt Nam từ nửa sau thế kỷ XIX thì có lẽ Nguyễn Đình Chiểu sẽ khó có những nhận thức mới như vậy. Chính trong quan hệ quy chiếu mới đầy thử thách, Nguyễn Đình Chiểu đã chọn phong tục thờ cúng tổ tiên - một phong tục thiêng liêng từ góc độ nhân sinh quan Nho giáo lẫn từ tâm thức văn hóa dân tộc - như một biểu tượng của bản sắc, của nhân cách và phẩm hạnh cần phải được gìn giữ, trao truyền. Và chính ở đây, Nguyễn Đình Chiểu đã không dừng lại ở “đạo Nho”, “đạo hăng” mà đưa về một quy chiếu hẹp hơn, cụ thể hơn và sâu sắc hơn là “đạo nhà” - đạo thờ cúng ông bà, tổ tiên, xét về ý thức căn tính và tâm thức văn hóa. Đây là một đóng góp đặc biệt lớn của Nguyễn Đình Chiểu trong lịch sử nhận thức về bản sắc dân tộc và có tác động tích cực lâu dài đến nhận thức của các thế hệ sau về đạo thờ cúng tổ tiên - đạo nhà của người Việt.

Không phải ngẫu nhiên trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, người Việt nói riêng, người Việt Nam nói chung càng chú ý nhiều hơn đến truyền thống gia đình, đến phong tục thờ cúng tổ tiên, đến thờ vua Tổ và ý thức nguồn cội như là phần sâu nhất của bản sắc văn hóa cộng đồng để làm căn nền và độ khúc xạ trong tiếp biến và hội nhập văn hóa. Hơn đâu hết, trước yêu cầu hội nhập, khái niệm “đạo nhà” của Nguyễn Đình Chiểu càng có ý nghĩa đặc biệt trong nhận thức, ý thức và tâm thức của người Việt hôm nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chris Barker: *Cultural Studies: Theory and Practice* (third edition), SAGE Publications, USA, 2008.
- [2] Nguyễn Đình Chiểu: *Dương Từ - Hà Mậu*, Nxb. Tổng hợp, Long An, 1982.

- [3] Nguyễn Đình Chiểu (1997): *Toàn tập* (Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang biên khảo và chú giải), Nxb. Văn học, Hà Nội, 1997.
- [4] Nguyễn Đình Chiểu: *Ngư Tiều vãn đáp y thuật* (Lê Quý Ngưu phiên âm, chú thích), Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006.
- [5] A.Ja. Gurêvich: *Các phạm trù văn hóa trung cổ* (Hoàng Ngọc Hiến dịch), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1996.
- [6] Nguyễn Lộc: *Văn học Việt Nam (nửa cuối thế kỷ XVIII - hết thế kỷ XIX)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2005.
- [7] Zdzislaw Mach: *Symbols, Conflict, and Identity, Essays in Political Anthropology*, State University of New York Press, USA, 1993.
- [8] David W. McMillan and David M. Chavis: "Sense of Community: A Definition and Theory", *American Journal of Community Psychology*, N^o.14 (1), pp. 6-23.
- [9] N.I. Niculin: *Văn học Việt Nam giao lưu quốc tế*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2000.
- [10] Cao Tự Thanh, Huỳnh Ngọc Trảng: *Nguyễn Đình Chiểu với văn hóa Việt Nam*, Ty Văn hóa và Thông tin Long An xuất bản, 1983.
- [11] Đặng Nghiêm Vạn: *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2003.
- [12] Lê Trí Viễn: *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao càng nhìn càng sáng*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1982.
- [13] Trần Quốc Vượng: *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2003.

NHÂN LUẬN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU QUA NHÂN BẢN *LỤC VÂN TIÊN* VÀ NHÂN VỊ *VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC*

GS.TS. LÊ HỮU KHÓA*

Tóm tắt: Từ lý thuyết luận, phương pháp luận, khoa học luận, tham luận trình bày từ nhân vị tới nhân luận của Nguyễn Đình Chiểu: kiến thức, tri thức, nhận thức, tâm thức, đồng thời so sánh Nguyễn Đình Chiểu với các tác giả ở châu Âu như Plotin (tự do và nhân cách), Kant (thông minh và thông thái), Jame (ánh sáng và bóng tối), Ricoeur (tri thức và đạo lý), Levinas (người xưa và ngày nay), Derrida (tha lỗi và tha tội), Jullien (văn hóa và văn hiến), Deleuze (xã hội và phong trào).

Từ khóa: Chủ thể; Lý thuyết luận; Nguyễn Đình Chiểu; So sánh.

METHODOLOGICAL INDIVIDUALISM OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU THROUGH HUMANISM IN *LỤC VÂN TIÊN* AND PERSONALISM IN *FUNERAL ORATION OF RIGHTEOUS MAN IN CẦN GIUỘC*

Abstract: Based on theory, methodology and scientific principles, this paper discusses Nguyễn Đình Chiểu's point of view from “nhân bản” (人本 renben, potential values and goodness of human beings) to “nhân vị” (人未, renwei, essential personhood) through knowledge, knowledge, perception and

* Đại học Lille 3, Cộng hòa Pháp. Liên hệ: grisea.lehuukhoa@gmail.com

consciousness. At the same time, the article compares Nguyễn Đình Chiểu with European authors such as Plotin (freedom and personality), Kant (intelligence and wisdom), James (light and darkness), Ricoeur (knowledge and religion), Levinas (the ancients and today's), Derrida (unconditional forgiveness and forgiveness on the unforgivable), Jullien (culture and civilization), Deleuze (society and campaign), etc.

Keywords: Subject; Theory; Nguyễn Đình Chiểu; Comparison.

Toàn văn

1. Phương pháp luận và khoa học luận: nhân văn và xã hội

Phương pháp luận của khoa học nhân văn (văn học, triết học, ngôn ngữ học...) có tư liệu là văn bản tối từ tác phẩm và tác giả; phương pháp luận khoa học xã hội (*nhân học, sử học, xã hội học...*) từ điều tra thực địa tối khảo sát thực nghiệm nơi có dữ kiện và chứng lý ngay trong sinh hoạt xã hội, quan hệ xã hội, đời sống xã hội. Liên kết giữa khoa học nhân văn và khoa học xã hội chính là liên minh giữa phân tích văn bản và giải thích thực địa, nơi mà nghiên cứu, khảo sát, điều tra, điền dã làm nên tổng lực của học thuật.

Khoa học luận của khoa học nhân văn và xã hội mang những đặc tính không nằm trong khoa học mô thức như toán học, mang những đặc điểm không nằm trong khoa học thực nghiệm bằng thí nghiệm như hóa học, lý học, sinh học. Mà đặc thái khoa học luận của khoa học nhân văn và xã hội là một *khoa học sử tính* nơi mà sự kiện được định vị rõ ràng qua thời gian và không gian. Nơi mà tính đặc sắc khoa học luận của khoa học nhân văn và xã hội là *khoa học bối cảnh*, tại đây thực tế xã hội, thực cảnh chính trị, thực trạng kinh tế... xây dựng thực chất của bối cảnh. Khoa học luận của khoa học nhân văn và xã hội còn là *khoa học so sánh*, từ định chất tối định lượng, từ “cân, đo, đong, đếm” để đi tới “so ra mới rõ ngắn dài”.

Và cuối cùng, khoa học luận của khoa học nhân văn và xã hội là *khoa học tổng kết*, nơi đó có tổng kết để có tổng luận, nơi mà tổng thể nhận ra được khuynh hướng của đa số, mà không quên thiểu số.

2. Chủ thể nhân luận

Xin được vào không gian nhân luận của Nguyễn Đình Chiểu qua lý thuyết luận (*lý luận, lập luận, giải luận, diễn luận*) qua hai hệ nhân:

* Hệ *nhân* của *nhân giáo*: nhân tri, nhân trí, nhân tâm, nhân từ, nhân nghĩa, nhân đức.

* Hệ *nhân* của *nhân quyền*: nhân vị, nhân bản, nhân phẩm, nhân ái, nhân đạo, nhân lý.

Để trả lời về sức nội kết giữa nghệ thuật và tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu qua câu hỏi: Hai tác phẩm *Lục Vân Tiên* và *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* có phải là những *tuyệt phẩm, tuyệt tác*? Có nội công của *tuyệt nghệ*? Có bản lĩnh của *tuyệt chiêu*? Có tầm vóc của *tuyệt thuật*? Nơi mà con đường nghệ thuật là dặm đường đi từ *mỹ quan, mỹ xúc, mỹ cảm* để tới *mỹ lý, mỹ luận*, để nhận ra *mỹ thuật*, để tới *mỹ học*. Xa hơn nữa để rõ hơn nữa là một tác phẩm khi trở thành *tuyệt phẩm, tuyệt tác* thì có lực nội kết thứ nhì giữa nghệ thuật và tư tưởng. Nơi mà nghệ thuật tới từ hệ *sáng (sáng kiến, sáng tác, sáng tạo)* sáng lập được tư tưởng của hệ *thức (kiến thức, tri thức, ý thức, nhận thức)* tạo nên tâm thức giúp con người tỉnh thức.

3. Chủ thể tư tưởng

Tư tưởng tổ chức *kiến thức, tri thức* thành hệ thống để *ý thức, nhận thức* cho xuất hiện ngay trong nội dung làm nên tư tưởng với nội nghĩa là ý nghĩa của nội dung này. Một nội nghĩa mang những giá trị không những của hệ *thức (kiến thức, tri thức, ý thức, nhận thức)*, mà còn của hệ *đạo (đạo lý, đạo đức)* với đạo lý những cái hay, đẹp, tốt, lành trong cuộc sống. Từ đây, đạo lý chế tác ra đạo đức, nơi mà quyền lực của một cá thể song hành cùng bốn phận và trách nhiệm của cá thể này đối với tập thể. Vẫn chưa đủ, khi một tư tưởng cho xuất hiện hệ *thức (kiến thức, tri thức,*

ý thức, nhận thức) cùng hệ đạo (đạo lý, đạo đức) qua hệ sáng (sáng kiến, sáng tác, sáng tạo) thì một tư tưởng mới công nhận qua các giá trị mang hệ đặc (đặc thù, đặc tính, đặc thái, đặc sắc) của tư tưởng đó.

Những giá trị của tư tưởng có thể tới từ lý trí, trí tuệ chính là *trí lực* của tác giả, những giá trị của tư tưởng có thể tới từ tâm hồn, tâm linh chính là *tâm lực* của tác giả. Sự hội tụ giữa *trí lực* và *tâm lực* làm nên tuệ giác của tác phẩm, khi được công nhận như tuyệt phẩm, tuyệt tác thì nghệ thuật và tư tưởng không rời nhau nữa. Và khi nghệ thuật và tư tưởng song đôi, song cặp, song lứa thì tuyệt chiêu là đây, nên khi nghệ thuật và tư tưởng song hành trong *chung lưng đấu cật* thì *tuyệt thuật* cùng *tuyệt nghệ*.

4. Chủ thể sáng tạo

Xa hơn nữa, khoa học luận của khoa học nhân văn và xã hội còn đi sâu vào những trường hợp cá biệt để nhận ra các cá thể của hệ sáng (sáng kiến, sáng chế, sáng lập, sáng tác, sáng tạo). Sáng kiến vượt thoát những khó khăn, sáng chế vượt thắng những trở lực, nơi mà cá thể sáng lập cho tập thể những phong trào xã hội, từ đây cá thể đã trở thành chủ thể vận dụng tự do của mình để có sáng tác, nơi mà sáng tạo làm nên tác phẩm, Nguyễn Du rồi Nguyễn Đình Chiểu đã nhận ra đường đi nước bước này của hệ sáng. Chính hệ sáng (sáng kiến, sáng chế, sáng lập, sáng tác, sáng tạo) là hệ quả của tự do, là hệ luận làm nên lý thuyết luận về chủ thể trong khoa học nhân văn, từ cổ triết (Socrates, Platon, Aristote...) tới triết cận đại (Heidegger, Sartre...) cho tới triết hiện đại (Foucault, Deleuze, Derrida, Levinas, Ricoeur...). Khi chúng ta phân tích về tác phẩm và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu chỉ là một tác giả của thi ca hay văn học, thì chính chúng ta đã lao lý hóa các giải thích của chúng ta.

Ngược lại, khi chúng ta nhận ra chủ thể Nguyễn Đình Chiểu hành tác trong hệ sáng (sáng kiến, sáng chế, sáng lập, sáng tác, sáng tạo) thì chúng ta sẽ nhận ra nội công trong nhân sinh quan, bản lĩnh trong thế giới quan, tầm vóc trong vũ trụ quan của chủ thể Nguyễn Đình Chiểu. Một chủ thể đã sử dụng tự do của mình, để vận dụng sự thật của thời

cuộc vào tác phẩm, nơi mà chủ thể chấp nhận những thử thách, những thăng trầm, những áp lực tới từ bạo quyền, tức là tới từ các quyền lực không tôn trọng tự do, sự thật, cụ thể là tìm cách truy cùng diệt tận chủ thể có mặt vì các giá trị của cộng hòa: tự do, công bằng, bác ái.

Qua hai tác phẩm *Lục Vân Tiên* và *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, chúng ta thử đi tìm nhân luận để đi sâu vào nhân bản và nhân vị của Nguyễn Đình Chiểu. Chúng ta có thể vận dụng phương pháp luận so sánh, mà so sánh ở đây là nhận ra tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu qua các tác giả của khoa học xã hội và nhân văn. Khi đó, chúng ta sẽ có một hành trình học thuật nơi *nhân gian, nhân thế, nhân sinh, nhân loại* trong bối cảnh lịch sử của Nguyễn Đình Chiểu, thì ông đã đề nghị một *nhân tri* dẫn tới một *nhân trí*. Và qua hai tác phẩm *Lục Vân Tiên* và *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, độc giả được khám phá bối cảnh lịch sử của Nguyễn Đình Chiểu, cùng lúc được khai thị, khai minh, khai trí, khai phá từ nhân vị tới nhân luận qua ba hệ:

- * Hệ thức (*kiến thức, tri thức, ý thức, nhận thức, tâm thức*) để *tỉnh thức*.
- * Hệ thông (*thông minh, thông thạo, thông thái*).
- * Hệ sáng (*sáng kiến, sáng chế, sáng lập, sáng tác, sáng tạo*).

5. Chủ thể tự do

Trong *Lục Vân Tiên*, ta nhận ra tư tưởng với nhận định rất tự do của Nguyễn Đình Chiểu, đó là “*Việc người chẳng khác việc trăng trên trời*”. Xuất hiện trong cổ triết, triết gia Plotin đã đề nghị: “Tự do là cánh chim, một tự do biết bay cao, rộng, xa, vì tự do chính là chiều cao, chiều rộng của đường xa. Nhưng người ta rất dễ mất tự do, vì khi đói con chim phải xuống mặt đất mà tìm thức ăn, thức uống. Và khi nó ăn uống “ngập mặt, ngập mũi” thì thân nó sẽ nặng. Mà thân nặng quá có khi nó bay không được nữa. Cánh chim mà mất bầu trời, thì nó sẽ mất tự do của nó”.

Trong *Lục Vân Tiên*, ta cũng nhận ra tư tưởng tự do được nội kết với ý chí làm người của Nguyễn Đình Chiểu: “*Xuống sông cũng vững lên đèo cũng an*”. Quán tính của tự do luôn vén màn để mời sự thông

minh nơi mà cá thể giờ đã thành chủ thể. Ngay thế kỷ XVIII, Kant, triết gia người Đức, đã phân giải rành mạch tính liên kết giữa tự do và sáng tạo: “Tự do như một cánh chim giữa trời cao đất rộng, nhưng cánh chim này vẫn bị gió, giông, bão ngăn đường bay của nó. Nhưng khi tự do là động cơ của sáng tạo, thì cánh chim cũng biết bay cùng, bay cao trên đầu ngọn gió, để vận dụng sức gió, giông, bão để bay nhanh mà không hao tổn nhiều năng lực”.

Trong *Lục Vân Tiên*, ta cũng nhận ra tư tưởng tự do được kết nối với tuệ giác để nhận ra thử thách, nhìn ra thăng trầm của Nguyễn Đình Chiểu do: “*Giữ mình cho vẹn việc ai chớ sờn*”. Trong ba phân khoa tâm (tâm lý học, phân tâm học, tâm thần học) chúng ta có tư tưởng của James: “Nếu thật sự tự do là cánh chim, thì tự do phải vừa cao, vừa xa, vừa rộng, mà còn phải vừa sâu. Tự do là cánh chim biết bay sâu vào vực thẳm để nhận ra bóng tối của âm giới, âm địa nơi mà cái thâm, độc, ác, hiểm, đang tạo ra bao cái xấu, tồi, tục, dở cho nhân gian, nhân thế, nhân sinh, nhân loại”.

6. Chủ thể vị tha

Chính cái *tốt* là lõi của đạo lý xây dựng nên cái hay trong sinh hoạt xã hội, cái đẹp trong đời sống xã hội, làm ra cái lành trong quan hệ xã hội, đây chính là sự liên kết của xã hội học và triết học đạo đức, nơi mà con người gây dựng nên ý thức của luân lý có trách nhiệm với đồng loại, có bốn phận với đồng bào. Theo triết gia Ricoeur thì không gian tri thức và không gian đạo lý chỉ là một, trong *Lục Vân Tiên*, ta nhận ra cái tốt của Nguyễn Đình Chiểu: “*Nghĩa xa cũng trọn ơn gần cũng nên*”. Nhưng mọi chuyện trên đời này đều là câu chuyện của trình độ, nơi mà *mật độ kiến thức* kết hợp với *cường độ tri thức* sẽ tạo dựng được *trình độ của nhận thức*, cái tốt cùng là câu chuyện của trình độ, kể cả chiều cao của vị tha, chiều rộng của khoan dung, chiều sâu của khoan hồng, chiều dài của rộng lượng. Đây là nhân lộ của nhân từ biết tha thứ, tha lỗi tới tha tội.

Trong *Lục Vân Tiên*, ta nhận ra cái tốt của Nguyễn Đình Chiểu: “*Xin còn nhân ngãi còn hơn bạc vàng*”. Nhưng triết học hiện đại về tha tội

của Derrida đã đi rất xa: “Tha tội đích thực là tha những tội không thể tha thứ được”. Còn nếu tha tội mà mong cầu được sống yên, mong muốn được sống đúng, mong mỗi được hợp tác với kẻ làm ra tội ác, thì đây không phải là tha tội. Tha tội bằng một toan tính vụ lợi, bằng một tính toán thực dụng thì không đúng là tha tội.

7. Chủ thể thông minh

Trong *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, ta cũng nhận ra hệ thức (*kiến thức, tri thức, ý thức, nhận thức, tâm thức*) để tỉnh thức: “*Kinh luân có sẵn trong tay*”. Nhưng ta cần cho ra hệ thông (*thông minh, thông thạo, thông thái*) dẫn tới hệ sáng (*sáng kiến, sáng chế, sáng lập, sáng tác, sáng tạo*). Nhưng định nghĩa để định vị sự *thông minh*, thì ta có các công trình của triết gia Jullien: “Sự thông minh là hành tác chủ động trong linh động của chủ thể biết đi lại giữa các sự thông minh có trong văn hóa, văn minh, văn hiến của nhân loại”. Từ đây, ta nhận ra một nhân học về văn hóa của tự do, văn minh của dân chủ, văn hiến của nhân quyền, giúp ta thấy cho thấu, thông cho thấm mô thức của Nguyễn Đình Chiểu: “*Tre còn măng mất lẽ nào cho cân*”. Ta sẽ tìm ra mô luận của triết gia Gauchet: “Tự do, dân chủ, nhân quyền chỉ là một không gian của nhân tri được chế tác từ nhân trí, nơi mà nhân quyền là móng, nền, tường, mái của nhân phẩm. Nếu có một dân tộc học, một nhân học về văn hóa, văn minh, văn hiến, thì sẽ có một dân tộc học, một nhân học về văn hóa của tự do, văn minh của dân chủ, văn hiến của nhân quyền”.

8. Chủ thể tự tin

Trong *Lục Vân Tiên*, ta cũng nhận ra tư tưởng tự tin của Nguyễn Đình Chiểu với tự chủ của sáng suốt, tự lập của minh mẫn, đó là tự do luôn biết tỉnh thức: *Chớ tin sông cũ bến xưa mà lằm*. Triết gia Deleuze đã làm rõ mô hình của tự tin bằng tự giác: “Bạo quyền không sợ đạo lý vì nó vận dụng bạo lực để dẹp đạo lý. Bạo quyền không sợ đạo đức vì nó tận dụng bạo hành để bứng đạo đức. Nhưng bạo quyền sợ các phong trào xã

hội được kích hoạt bởi hệ sáng (sáng kiến, sáng chế, sáng lập tới từ sáng tác, sáng tạo) của học thuật và nghệ thuật!”. Chủ thể tự tin đi tìm chủ thể tuệ giác, có trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*: “*Tấm lòng son gửi lại ánh trăng rằm*”. Nơi mà lý trí tìm trí tuệ để đạo lý xây dựng được đạo đức của Nguyễn Đình Chiểu làm sáng lên trí lực của mình: “*Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo*”; tại đây, ta nhận ra cả tâm lực của cụ Đồ Chiểu./.

VAI TRÒ CỦA CÁC TÁC PHẨM NÔM CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG TÌM HIỂU QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHƯƠNG NGỮ NAM BỘ

TS. KONDO MIKA*

Tóm tắt: Với phương ngữ Nam Bộ, mặc dù đó là một phương ngữ tương đối mới được sử dụng ở vùng đất mới được khai thác và phát triển trong mấy thế kỷ nay, nhưng có rất nhiều đặc trưng khác so với các phương ngữ khác, đặc biệt là về ngữ âm. Điều này khiến cho chúng ta quan tâm đến quá trình hình thành phương ngữ Nam Bộ. Mấy năm gần đây, do nhiều tư liệu cổ đã trở nên dễ tiếp cận hơn nên việc tìm hiểu về vấn đề này đã trở nên thuận lợi hơn trước. Một trong những tư liệu quý báu có thể cho chúng ta biết về một giai đoạn trong quá trình hình thành phương ngữ Nam Bộ chính là các tác phẩm Nôm của Nguyễn Đình Chiểu. Bài viết này sẽ chủ yếu lấy một số chữ Nôm được sử dụng trong truyện Lục Vân Tiên để xem lại chữ Nôm Nam Bộ phản ánh ngữ âm Nam Bộ như thế nào, qua đó khẳng định giá trị về mặt ngôn ngữ học lịch sử của tác phẩm Nôm của Nguyễn Đình Chiểu.

Từ khóa: Chữ Nôm Nam Bộ; Phương ngữ Nam Bộ; Phương ngữ tiếng Việt.

* Trường Đại học Osaka, Nhật Bản. Liên hệ: kondo@migiai.com

ROLE OF WORKS IN NÔM (ANCIENT VIETNAMESE SCRIPT) OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU IN GETTING AN INSIGHT OF PROCESS OF FORMING DIALECT OF NAM BỘ (SOUTHERN PART OF VIETNAM)

Abstract: Although Southern dialect is a relatively new one used in a newly exploited and developed land in the past few centuries, it has many characteristics different from other dialects, in particular phonetics. This makes us think of the process of forming dialect of Southern Vietnam. In recent years, thanks to easy of ancient documents access, the relevant study has become easier than before. One of the valuable documents that can tell us about a period in the formation of Southern dialect is the Nom works by Nguyễn Đình Chiểu. This paper takes some Nom character used in the story of Lục Vân Tiên to review how Southern Nom character reflects Southern phonetics, thereby affirming historically linguistic value of Nom works by Nguyễn Đình Chiểu.

Keywords: Southern Vietnam Nôm character; Southern Vietnam dialect; Vietnamese dialect.

Toàn văn

1. Mở đầu

Maspéro (1912) đã từng chia phương ngữ Việt Nam thành hai nhóm: phương ngữ Bắc - Nam và phương ngữ Trung. Đó là vì giọng nói ở miền Nam là do sự di dân đến từ miền Bắc mang lại, nên về cơ bản giọng nói ở hai miền Bắc và Nam có một tính chất chung, còn giọng nói ở miền Trung thì lại khác vì nó được giữ lại nhiều yếu tố cổ. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu sau này cho rằng phương ngữ Việt Nam có thể chia thành ba nhóm: phương ngữ Bắc Bộ, phương ngữ Trung Bộ và

phương ngữ Nam Bộ. Miền Nam Việt Nam là vùng đất mới, lịch sử của miền này với tư cách là một bộ phận của Việt Nam chỉ mới bốn, năm thế kỷ và phương ngữ Nam Bộ cũng hình thành và phát triển trong vòng thời gian này¹. Mặc dù chỉ có lịch sử ngắn nhưng hệ thống ngữ âm phương ngữ Nam Bộ có nhiều sự khác biệt với hệ thống ngữ âm phương ngữ tiếng Việt khác, nhất là hệ thống vần². Gần đây điều kiện để tìm hiểu về vấn đề phương ngữ Nam Bộ đã trở nên thuận lợi hơn trước do việc nghiên cứu mô tả các phương ngữ ở Việt Nam trở nên phong phú, và có nhiều tư liệu cổ đã trở nên dễ tiếp cận hơn. Đặc biệt, một trong những tư liệu quý báu có thể cho chúng ta biết về một giai đoạn trong quá trình hình thành phương ngữ Nam Bộ chính là các tác phẩm Nôm của Nguyễn Đình Chiểu.

Bài viết này sẽ tập trung sử dụng một số chữ Nôm được dùng trong truyện *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu để xem lại chữ Nôm Nam Bộ phản ánh ngữ âm Nam Bộ như thế nào. Sau đó, tác giả đưa ra một số ví dụ của cách dùng chữ Nôm trong truyện *Lục Vân Tiên*. Cuối cùng, trình bày kết quả phân tích chữ Nôm Nam Bộ có thể góp phần như thế nào vào việc nghiên cứu quá trình hình thành phương ngữ Nam Bộ.

2. Những yếu tố ngữ âm Nam Bộ được phản ánh ở chữ Nôm trong truyện *Lục Vân Tiên*

Nguyễn Ngọc Quận (2018) cho rằng: “Do vì chưa từng được Nhà nước thực hiện điển chế chữ viết, nên nhìn chung chữ Nôm phát triển có khuynh hướng phản ánh đặc điểm ngữ âm vùng miền mà không buộc phải tuân theo những quy tắc chính tả nghiêm ngặt nhất định nào”. Trong truyện *Lục Vân Tiên* cũng có một số chữ Nôm có dạng khác với

1. Bùi Khánh Thế: “Từ tiếng Sài Gòn đến tiếng nói Thành phố Hồ Chí Minh” trong *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, Tập 2: Văn học - Báo chí - Giáo dục*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1998; Hoàng Thị Châu: *Phương ngữ học tiếng Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004; Trần Thị Ngọc Lang: *Phương ngữ Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995.

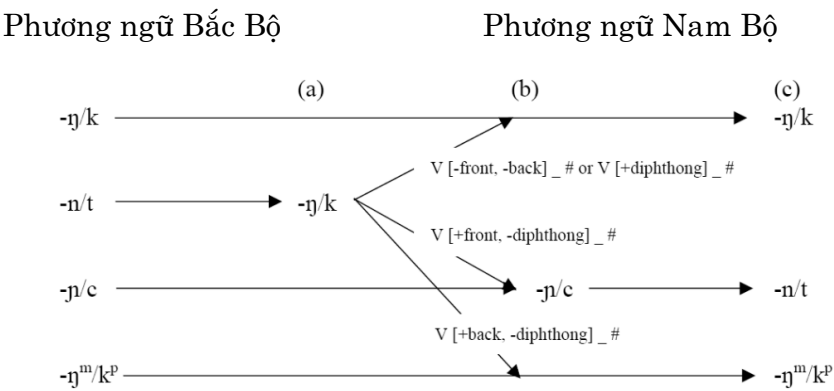
2. Xem Hoàng Thị Châu: *Phương ngữ học tiếng Việt*, Sdd.

Như vậy, chúng ta có thể thấy yếu tố Hán - Việt biểu âm được chọn dựa theo cách phát âm ở miền Nam để cấu tạo chữ Nôm.

3. Vai trò của chữ Nôm Nam Bộ trong tìm hiểu quá trình hình thành phương ngữ Nam Bộ

Dựa vào kết quả phân tích tình hình phân bố âm cuối [ŋ, k] trên các miền Việt Nam và quá trình biến đổi của chúng, Shimizu¹, đã chỉ ra rằng biến đổi âm cuối của phương ngữ Nam Bộ đã xảy ra dựa trên hệ thống âm cuối của phương ngữ Bắc Bộ, tức là sự kết hợp nguyên âm trước và âm cuối /ŋ, k/ biến thành [ŋ, k] và sự kết hợp nguyên âm sau và âm cuối /ŋ, k/ biến thành [ŋ̃, k̃].

Biểu đồ 1: Sự phát triển của phụ âm cuối đầu lưỡi và gốc lưỡi²



1. Xem:

- Masaaki Shimizu: “The Quảng Nam dialect of Vietnamese in Historical perspective”, Papers from the First International Conference on Asian Geolinguistics, Aoyama Gakuin University, 2012, pp.65-78.
- Masaaki Shimizu: “The Diversity of Quang Nam - Da Nang Dialect in Vietnamese”, The Second International Conference on Research and Teaching Vietnamese: “Changes and challenges in research and teaching Vietnamese”, Australian National University.
- Masaaki Shimizu: “The Distribution of Final Palatals in Vietnamese Dialects”, The Second International Conference on Asian Geolinguistics, Bangkok, Thailand, May 24-25th, 2014.

2. Dẫn theo Masaaki Shimizu: Philological Study of Vietnamese Historical Phonology - Nôm Materials for 19th Century Southern Dialect”, *JSEALS Special Publication N^o9 Vietnamese Linguistics: state of the field*, University of Hawai’i Press, 2021, pp.1-14.

Theo Masaaki Shimizu (2022), chữ Nôm được viết vào thế kỷ XIX gồm truyện *Lục Vân Tiên* đã trải qua hiện tượng lẫn lộn phụ âm cuối -n/t và -ŋ/k. Tuy nhiên, khi xem xét kỹ về điều kiện xảy ra hiện tượng lẫn lộn đó thì hiện tượng đó chủ yếu xảy ra trong trường hợp nguyên âm đứng trước âm cuối là nguyên âm đơn dòng giữa và nguyên âm đôi, còn sau nguyên âm dòng sau thì ít và sau nguyên âm dòng trước thì hiện tượng này chưa xảy ra. Mặt khác, Nguyễn Ngọc Quận (2018) chỉ ra sự tồn tại cả trường hợp lẫn lộn xảy ra sau nguyên âm đơn dòng trước trong bộ sách Nôm Kim cổ kỳ quan được sáng tác bởi Nguyễn Văn Thối vào đầu thế kỷ XX. Vì vậy Shimizu kết luận rằng không phải tất cả các âm tiết có phụ âm cuối -n/t đều trải qua hiện tượng biến thành âm tiết có phụ âm cuối -ŋ/k đồng thời, mà đã mất khoảng 100 năm từ thế kỷ XIX đến thế kỷ XX để hoàn thành.

Như vậy nếu chúng ta tiếp tục làm sáng tỏ tình hình phân bố âm cuối đầu lưỡi và gốc lưỡi sau các loại nguyên âm dòng sau và dòng trước trong các loại dữ liệu Nôm Nam Bộ thì qua đó ta có thể làm rõ hơn quá trình biến đổi này. Hơn nữa, việc áp dụng phương pháp nghiên cứu như thế này với các loại văn bản Nôm Nam Bộ lâu đời hơn sẽ có thể xác định chính xác thời đại bắt đầu xảy ra biến đổi âm cuối. Các tác phẩm Nôm Nam Bộ có vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu quá trình hình thành phương ngữ Nam Bộ.

5. Kết luận

Trong bài viết này, tôi đã giới thiệu một số ví dụ của cách dùng chữ Nôm trong truyện *Lục Vân Tiên*, sau đó trình bày kết quả phân tích chữ Nôm Nam Bộ có thể góp phần như thế nào vào việc nghiên cứu quá trình hình thành phương ngữ Nam Bộ. Như vậy, chúng ta có thể tìm hiểu thêm về lịch sử của phương ngữ Nam Bộ bằng cách phân tích thêm cách dùng chữ Nôm Nam Bộ. Các tác phẩm Nôm của Nguyễn Đình Chiểu không chỉ có giá trị về văn học mà còn có giá trị quý báu về mặt ngôn ngữ học lịch sử./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

- [1] Hoàng Thị Châu: *Phương ngữ học tiếng Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.
- [2] Cao Xuân Hạo: *Tiếng Việt mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2003.
- [3] Trần Thị Ngọc Lang: *Phương ngữ Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995.
- [4] Nguyễn Ngọc Quận: “Chữ Nôm ghi âm Nam Bộ trong tương quan với ngữ âm vùng miền - trường hợp văn bản Nôm *Kim cổ kỳ quan* của Nguyễn Văn Thối”, tạp chí *Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*, số 5, 2018, tr.34-45.
- [5] Bùi Khánh Thế: “Từ tiếng Sài Gòn đến tiếng nói Thành phố Hồ Chí Minh” trong *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, Tập 2: Văn học - Báo chí - Giáo dục*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1998.
- [6] Nguyễn Quảng Tuân: “Mấy nhận xét về cách viết chữ Nôm ở miền Nam trong truyện *Lục Vân Tiên*”, <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/h%C3%A1n-n%C3%B4m/297-my-nhn-xet-v-cach-vit-ch-nom-min-nam-trong-truyn-lc-van-tien.html>, truy cập ngày 23/3/2009.

Tài liệu ngôn ngữ khác

- [7] Mika Kondo: “Vietnamese Dialect Maps on Vocabulary”, <http://agsj.jimdo.com/monograph/>.
- [8] Mika Kondo: “Khảo sát về quá trình hình thành phương ngữ Nam Bộ của tiếng Việt” [ベトナム語南部方言の形成過程に関する一考察], Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kyoto, 2017.
- [9] Henri Maspero: *Études sur la phonétique historique de la langue annamite*, Les initiales, BEFEO, 1912, t.XII.

- [10] Naomitsu Mikami: “Bản ghi nhớ về phương ngữ Sài Gòn trong tiếng Việt” [ヴェトナム語サイゴン方言に関する覚え書], 慶應義塾大学言語文化研究所紀要, số 20, 1988, pp.149-167.
- [11] Masaaki Shimizu: “The Quảng Nam dialect of Vietnamese in Historical perspective”, Papers from the First International Conference on Asian Geolinguistics, Aoyama Gakuin University, 2012, pp.65-78.
- [12] Masaaki Shimizu: “The Diversity of Quang Nam - Da Nang Dialect in Vietnamese”, The Second International Conference on Research and Teaching Vietnamese: “Changes and challenges in research and teaching Vietnamese”, Australian National University.
- [13] Masaaki Shimizu: “The Distribution of Final Palatals in Vietnamese Dialects”, The Second International Conference on Asian Geolinguistics, Bangkok, Thailand, May 24-25th, 2014.
- [14] Masaaki Shimizu: “Philological Study of Vietnamese Historical Phonology - New Materials for 19th - Century Southern Dialect”, *JSEALS Special Publication N^o9 Vietnamese Linguistics: state of the field*, University of Hawai'i Press, 2021, pp.1-14.
- [15] Laurence C. Thompson.: “Saigon Phonemics”, *Language*, N^o35 (3), 1959, pp.454-476.

DANH NHÂN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HÓA DÂN TỘC

GS.TS. TỪ THỊ LOAN*

Tóm tắt: Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ lớn, danh nhân văn hóa không chỉ của vùng đất Nam Bộ và dân tộc Việt Nam, mà đã được biết đến ở tầm quốc tế.

Bài viết góp phần làm rõ những đóng góp to lớn của Nguyễn Đình Chiểu vào sự phát triển của văn hóa Việt Nam với tư cách là một nhà thơ, nhà văn hóa, nhà giáo và thầy thuốc.

Thông qua phân tích, tìm hiểu sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, tác giả cho thấy sự vận động trong tư tưởng sáng tác, quan niệm văn chương, hệ thống chủ đề, hình tượng văn học trung tâm, hệ thống thể loại cũng như ngôn ngữ văn học của ông, từ đó nhận diện tâm vóc, giá trị và những đóng góp của ông vào sự phát triển của văn học Việt Nam.

Bài viết cũng nhìn nhận Nguyễn Đình Chiểu trên phương diện một nhân cách văn hóa. Cả cuộc đời ông là tấm gương mẫu mực về thực hành “đạo làm người” cũng như thực thi quan điểm sáng tác “văn dĩ tải đạo”. Ông cũng là tấm gương sáng của một thầy giáo mù vượt lên những khó khăn, nghịch cảnh của số phận để tự học, tự kiếm sống và trở thành một người thầy uyên bác truyền đạt kiến thức và đạo lý cho nhiều thế hệ học trò. Bất chấp hoàn cảnh mù lòa, Nguyễn Đình Chiểu trở thành thầy

* Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam. Liên hệ: tuthiloanhn@yahoo.com

thuốc để chữa bệnh cứu người. Không những uyên thông về y thuật, ông còn là người cổ xúy, quảng bá cho y đức và y đạo trong cả tác phẩm lẫn cuộc đời mình.

Bằng cuộc đời và sáng tác văn chương, Nguyễn Đình Chiểu đã có những đóng góp to lớn vào sự phát triển của văn học Việt Nam nói riêng, văn hóa dân tộc nói chung.

Từ khóa: Danh nhân văn hóa; Nhà thơ lớn; Nguyễn Đình Chiểu; Văn hóa dân tộc; Văn học Nam Bộ.

CULTURAL CELEBRITY NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU AND HIS CONTRIBUTIONS TO DEVELOPMENT OF NATIONAL CULTURE

Abstract: Nguyễn Đình Chiểu is a great poet, a cultural celebrity not only of the South and Vietnam, but now known in the world.

The article contributes to clarifying the great contributions of Nguyễn Đình Chiểu to the development of Vietnamese culture as a poet, culturalist, teacher and doctor.

Through studying and analyzing the writing process of Nguyễn Đình Chiểu, the author shows the movement in creative thought, literary conception, thematic system, central literary image, genre system as well as his literary language, thereby identifying his stature, values and contributions to the development of Vietnamese literature.

The article also explores Nguyễn Đình Chiểu as a cultural personality. Throughout his life, he was a typical example of practicing “ethics to be a person” and implementing the concept of “writing to practice morality”. He is also a shining example of a blind teacher who overcame the difficulties and adversities of fate to self-study, earn a living and become a erudite teacher

imparting knowledge and morality to many generations of students. Despite his blindness, Nguyễn Đình Chiểu became a doctor to cure diseases and save lives. Not only is he knowledgeable in medical arts, he is also an advocate and promoter of medical ethics in both his work and his life.

With his life and literary creation, Nguyễn Đình Chiểu has made great contributions to the development of Vietnamese literature in particular and national culture in general.

Keywords: Cultural celebrity; Great poet; Nguyễn Đình Chiểu; National culture; Southern literature.

Toàn văn

Mở đầu

Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ lớn, danh nhân văn hóa không chỉ của vùng đất Nam Bộ và dân tộc Việt Nam, mà đã được biết đến ở tầm quốc tế. Đánh giá về sự nghiệp sáng tác của ông, giáo sư Phan Ngọc đã nhận xét rất xác đáng: “Ông không phải là hạng “thần Siêu, thánh Quát”, không thuộc vào những người “vô tiền Hán, thất thịnh Đường”, không được liệt vào nhóm “An Nam ngũ tuyệt”, ông chỉ là một ông đồ mù lòa, tuy nắm vững điển tịch, ngôn ngữ, nhưng chưa vận dụng được nó thực biến hóa để sánh với những bậc đại khoa. Tuy vậy, ông có điều mà người ta không có: cái khí phách Việt Nam”¹.

Về cơ bản, có thể phân chia tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu thành ba giai đoạn sáng tác chính. *Giai đoạn thứ nhất* là những sáng tác trước khi thực dân Pháp xâm lược, tập trung vào chủ đề đạo đức, luân lý, quan

1. Phan Ngọc: “Tính nhân dân của Nguyễn Đình Chiểu”, in trong *Nguyễn Đình Chiểu* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học năm 1982), Sở Văn hóa - Thông tin, Hội Văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre xuất bản, 1984.

niệm “trung, hiếu, tiết, nghĩa” mang đậm tư tưởng Nho giáo truyền thống, tiêu biểu là truyện thơ *Lục Vân Tiên*. *Giai đoạn thứ hai* là bộ phận thơ văn yêu nước chống Pháp, tương ứng với thời kỳ thực dân Pháp xâm lược Nam Bộ, cũng là giai đoạn phản kháng quật cường của nhân dân Lục tỉnh với những bài phú, văn tế, thơ Đường luật, truyện thơ *Dương Từ - Hà Mậu*. *Giai đoạn thứ ba*, ngọn lửa đấu tranh ở Nam Bộ bị dập tắt, thực dân Pháp mở rộng xâm lược ra toàn bờ cõi, ông tập trung vào việc dạy học và làm thuốc, công trình tiêu biểu nhất là *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* ông sáng tác vừa để dạy nghề thuốc, vừa gửi gắm những tâm sự sâu kín của mình.

Càng đi sâu vào cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta càng thấy rõ giá trị, tầm vóc và những đóng góp to lớn của ông đối với sự phát triển của văn học Việt Nam nói riêng, văn hóa dân tộc nói chung.

1. Những đóng góp của Nguyễn Đình Chiểu vào sự phát triển của văn học Việt Nam

a) Người mang đến một sắc thái mới cho truyện thơ Nôm Việt Nam

Trong lịch sử văn học Việt Nam, xu hướng sáng tác truyện thơ Nôm đã xuất hiện từ cuối thế kỷ XVII. Đến cuối thế kỷ XIX, các truyện thơ *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* của Nguyễn Đình Chiểu thuộc vào số những truyện thơ Nôm cuối cùng, bởi sau *Giai nhân kỳ ngộ* của Phan Châu Trinh, thể loại truyện thơ Nôm gần như mất hẳn. Tuy nhiên, Nguyễn Đình Chiểu lại có những đóng góp đặc biệt vào sự phát triển trên phương diện thể loại, góp phần tạo ra những tiền đề dẫn tới sự xuất hiện của văn xuôi Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Không như đại đa số các truyện thơ Nôm đi trước, thường dựa vào một cốt truyện có sẵn của Trung Quốc hoặc truyện ngắn truyền kỳ lấy từ văn học dân gian, Nguyễn Đình Chiểu đã sáng tạo ra một cốt truyện hoàn toàn mới. Nó vừa mang dáng dấp của tự truyện, vừa xen lẫn những yếu tố thần kỳ, vừa có tính lớp lang như trong các vở tuồng, hát bội Nam Bộ.

Trong truyện thơ *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu đã thành công trong việc xây dựng một thế giới nghệ thuật mới, hoàn toàn khác với các

tác giả đi trước như Nguyễn Huy Tụ, Phạm Thái hay Nguyễn Du... Nhìn thoáng qua, *Lục Vân Tiên* có vẻ mang hơi hướng của tiểu thuyết tài tử giai nhân Trung Quốc, giống như *Hoa Tiên*, *Truyện Kiều*, *Sơ kính tân trang*... Tuy nhiên, nếu xem xét kỹ, chúng ta có thể thấy giữa chúng có sự khác biệt lớn. Truyện thơ Nôm giai đoạn trước thường là những tác phẩm tự sự về tình yêu nam nữ, những khao khát yêu đương, hò hẹn, những trắc trở và cuối cùng là đại đoàn viên. Nhân vật chính thường thuộc hàng trai tài gái sắc, xuất thân từ môi trường quý tộc phong kiến hay ít ra cũng thuộc dạng “thường thường bậc trung”. Tuy được xây dựng theo kết cấu đặc trưng “gặp gỡ - tai biến - ly biệt - đoàn viên”, nhưng hệ thống nhân vật của *Lục Vân Tiên* có nhiều điểm khác hẳn. *Lục Vân Tiên* không chỉ giỏi văn mà còn giỏi võ, kết hợp được các phẩm chất của cả Kim Trọng và Từ Hải. Chàng quan tâm nhiều đến “nghĩa”, “dũng”, “lẽ” mà ít chú ý đến “sắc”. Kiều Nguyệt Nga cũng rất xinh đẹp và giỏi thi ca, hội họa, nhưng nàng không phải người đa tình và đam mê nghệ thuật. Nàng cư xử với *Lục Vân Tiên* theo đạo vợ chồng chứ không có nhiều cảm xúc yêu đương, tình ái. Nếu các nhân vật tài tử giai nhân trong *Hoa Tiên*, *Truyện Kiều*, *Nhị độ mai* là thuộc “nồi tình”, khao khát yêu đương và trăn trở tìm kiếm tình yêu, thì các nhân vật trong *Lục Vân Tiên* quan tâm nhiều hơn đến nghĩa cử, đạo lý, chứ không phải là tài năng, dung mạo. *Lục Vân Tiên* không phải là câu chuyện phiêu lưu của tài và sắc, mà là câu chuyện về thế thái nhân tình; không phải tấn bi kịch về tài mệnh tương đố, mà là lời ca ngợi sức mạnh, vẻ đẹp của đạo đức “trung, hiếu, tiết, hạnh”. Qua đó, Nguyễn Đình Chiểu muốn xác lập một quan niệm sáng tác mới, một “đạo làm người” nhấn mạnh khía cạnh nhân nghĩa, vị tha, tín nghĩa, thủy chung trên nền tảng Nho giáo kết hợp với văn hóa dân gian. *Lục Vân Tiên* có hơi hướng của một thiên tự truyện, ở đó Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm những suy tư về nỗi buồn nhân thế cũng như những ước mơ, hoài bão, tâm sự của ông. Ông hướng cảm hứng sáng tạo về phía những mơ mộng khác, những tâm sự khác, như tuyên ngôn mà ông đưa ra ở ngay đầu tác phẩm:

*Trước đèn xem truyện Tây minh
Gẫm cười hai chữ như tình éo le.*

Ở *Lục Vân Tiên* toát lên một âm hưởng thi ca tươi sáng, khỏe khoắn, chứ không ai oán, bi lụy, buồn thương như dòng văn chương trước đó. Các nhân vật nữ như nàng cung nữ trong *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều, nàng Kiều của Nguyễn Du luôn gắn liền với buồn đau, thổn thức, nước mắt. Các nhân vật nam thì thường ẻo lả, yếu đuối, thư sinh. Trong *Hoa tiên*, chàng Lương Sinh chờ đợi tin tức người yêu mà vô vàng chỉ còn nắm xương. Trong *Truyện Kiều*, Kim Trọng nhớ người yêu mà “máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm bao”. Còn *Lục Vân Tiên* xuất hiện mạnh mẽ, rắn rỏi, ra dáng một “nam nhi đại trượng phu”.

Nguyễn Đình Chiểu chính là người có công lớn trong việc kế thừa những giá trị tinh hoa của truyền thống văn chương bác học trước đó, kết hợp với những giá trị đặc sắc trong văn hóa dân gian Việt Nam để nâng truyện thơ Nôm lên một bước phát triển mới, đưa nó đến gần với đời sống hiện thực sống động của nhân dân. Đây là những tiền đề quan trọng để tới cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, cộng hưởng với những ảnh hưởng sâu rộng của văn hóa Pháp, những tác phẩm văn xuôi đầu tiên đã xuất hiện trong văn học Việt Nam.

Sự phổ biến của các sáng tác của ông trong đời sống người dân Nam Bộ là minh chứng thuyết phục về những giá trị đặc sắc của chúng. Nhân vật của ông đã đi vào hò vè *Lục Vân Tiên*, nói thơ *Vân Tiên*, bài chòi *Lục Vân Tiên*, tuồng *Lục Vân Tiên*, cải lương *Vân Tiên*... Không phải vô cớ mà *Lục Vân Tiên* được in đi in lại tới gần 70 lần, đồng thời là tác phẩm được dịch ra tiếng nước ngoài nhiều nhất, chỉ xếp sau *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và *Nhật ký trong tù* của Hồ Chí Minh.

b) Nhà thơ tiên phong trong dòng văn học yêu nước chống thực dân

Nằm ở tâm điểm cơn lốc bi thương của lịch sử vùng đất Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX, Nguyễn Đình Chiểu là ngọn cờ đầu trong phong trào văn thơ yêu nước, chống thực dân Pháp. Năm 1862, ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ rơi vào tay người Pháp; năm 1867, ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ tiếp tục mất; năm 1873, thực dân Pháp đánh Hà Nội lần thứ nhất; năm 1882, đánh Hà Nội lần thứ hai; năm 1883, người Pháp chiếm Thuận An; năm 1885, Kinh thành Huế thất thủ. Từ *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu* đến *Văn tế*

nghĩa sĩ Cần Giuộc và các tác phẩm giai đoạn sau, Nguyễn Đình Chiểu chuyển hẳn từ tư tưởng nhân nghĩa, đạo đức sang tư tưởng yêu nước, đánh đuổi ngoại xâm.

Trước Nguyễn Đình Chiểu, văn chương Việt Nam từng là vũ khí sắc bén chống xâm lăng như thơ Lý Thường Kiệt, phú Trương Hán Siêu, hịch Trần Quốc Tuấn, *Quân trung từ mệnh tập*, *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi... Nguyễn Đình Chiểu đã kế thừa vốn tinh thần quý báu ấy và phát triển thêm một bước mới. Đối mặt với làn sóng xâm lược của chủ nghĩa thực dân, giới trí thức Nam Kỳ có những thái độ ứng xử khác nhau. Một số quan lại, trí thức Nho học có số phận gắn liền với triều đình nhà Nguyễn đã đi ngược lại ý chí của nhân dân, chủ hòa với thực dân Pháp và phải mang bia miệng muôn đời “Phan Lâm mãi quốc, triều đình khí dân” (như Trương Vĩnh Ký). Một bộ phận trí thức Tây học cởi mở tiếp thu tinh hoa văn hóa Pháp, mong muốn hợp tác với chính quyền thực dân để phát triển đất nước, thì hứng chịu đủ lời khen tiếng chê trong suốt nhiều thập kỷ về sau (như Trương Vĩnh Ký). Riêng Nguyễn Đình Chiểu có thái độ rất rõ ràng, dứt khoát: chống thực dân không khoan nhượng, chiến đấu đến cùng và bằng mọi giá. Đó là chân lý và cũng là đạo lý được ông thể hiện nhất quán trong toàn bộ sáng tác văn chương của mình. Những bài văn tế của ông (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Văn tế nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh*, *Văn tế Trương Công Định*), các bài điệu (*Thơ điệu Trương Công Định*, *Thơ điệu Phan Công Tòng*, *Thơ điệu Phan Thanh Giản*) và các bài thơ Đường luật (*Từ biệt cố nhân*, *Chạy giặc*, *Xúc cảnh*, *Than đạo*, *Trời bão...*) đều toát lên tinh thần đấu tranh quyết liệt đó. Trong số các nhà văn chống Pháp đương thời như Phan Văn Trị (Củ Trị), Nguyễn Hữu Huân (Thủ khoa Huân), Hồ Huân Nghiệp, Nguyễn Duy Cung..., có thể nói, Nguyễn Đình Chiểu chính là ngôi sao sáng nhất của dòng thơ văn yêu nước. Tinh thần ấy của ông phù hợp với tâm tư, nguyện vọng, tình cảm của người dân Nam Bộ, nên được nhân dân vô cùng yêu mến và ngợi ca.

Yêu nước vốn là truyền thống quý báu, là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, từng được thể hiện đậm nét

trong thơ văn các triều đại Lý, Trần, Lê trước đó. Nhưng nhân vật trung tâm trong các sáng tác đó chủ yếu là vua quan, danh tướng, hào kiệt, tầng lớp trên trong xã hội. Hình tượng nhân dân từng được đề cập, nhưng rất mờ nhạt. Chỉ đến Nguyễn Đình Chiểu, lần đầu tiên trong văn chương Việt Nam, những người nông dân chân đất được bước lên vũ đài lịch sử, trở thành những anh hùng chiến trận chống giặc ngoại xâm. Mặc dù là tầng lớp đông đảo nhất trong xã hội, song họ thường xuyên bị lãng quên trong đáy sâu của lịch sử phong kiến. Vốn đứng ở bậc thấp nhất trong nấc thang xã hội, họ luôn là những người “thấp cổ bé họng” trong văn học. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu đã để những người nông dân quanh năm “*côi cút làm ăn, toan lo nghèo khó,... chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ*” hiện ra rực rỡ trong văn chương chống Pháp. Phát hiện ra vị thế của lực lượng xã hội vĩ đại này là một đóng góp lớn của Nguyễn Đình Chiểu. Chắc hẳn phải có một sự từ bỏ hệ tư tưởng phong kiến ở mức độ mãnh liệt mới có thể bộc lộ tư tưởng nhân dân sâu sắc đến thế. Trong khuôn khổ của xã hội cũ, của hệ tư tưởng cũ, Nguyễn Đình Chiểu là người đã đi xa nhất về mặt đánh giá vai trò, sức mạnh của nhân dân lao động. Ông đã xây dựng một tượng đài sừng sững về những nghĩa binh yêu nước đánh đuổi ngoại xâm.

Để thấy hết giá trị về mặt lịch sử các sáng tác của ông giai đoạn này, phải đối chiếu với các bài tấu, phú, văn chương trường ốc cũng ở giai đoạn đó của tầng lớp sĩ tử. Theo đánh giá của Phan Châu Trinh, chưa bao giờ trong văn học Việt Nam thói nịnh hót, tâng bốc lại lên cao đến thế. Nước đang mất, nhà đang tan mà các bài viết ra sức tán dương thánh quân, thánh ý “tôn vua như thánh, như thần”. Nguyễn Đình Chiểu đã là người mở đầu thể văn châm biếm, phê phán trực diện, “*đâm mấy thằng gian bút chẳng tà*”. Văn học yêu nước Nam Bộ đã trở thành ngọn cờ đầu của văn thơ yêu nước của cả nước trong thời kỳ chống Pháp mà cụ Đồ Chiểu là người cầm cờ đi tiên phong.

Với văn thơ yêu nước chống thực dân, tư duy nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu đã bước sang một giai đoạn mới và chính nó cũng tạo nên một bước nhảy vọt cho văn học Nam Bộ. Ông chính là đại diện chân thực,

sinh động của tư tưởng phi thực dân hóa ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX, mà không phải ở quốc gia nào cũng xuất hiện.

c) Góp phần Việt hóa và bình dân hóa Nho giáo ở Nam Bộ

Nguyễn Đình Chiểu có những đóng góp lớn vào sự vận động của tư tưởng Nho giáo ở Việt Nam giai đoạn chế độ phong kiến suy tàn. Bằng sáng tác của mình ông đã góp phần Việt hóa và bình dân hóa Nho giáo trong những điều kiện mới một cách sâu sắc, cho thấy quá trình chuyển biến của tư tưởng Tống Nho ở vùng đất Nam Bộ.

Vào thế kỷ XVIII, Nho giáo ở Việt Nam đã bắt đầu trên con đường suy tàn, nhưng đến thế kỷ XIX lại được nhà Nguyễn (1802 - 1945) nỗ lực phục hưng sau khi đánh bại nhà Tây Sơn (1778 - 1802). Là người được gia đình cho theo đòi “cửa Khổng sân Trình”, mười năm đèn sách (“thập niên đăng hỏa”) đi thi, gắn bó cả với kinh đô Huế lẫn Gia Định từ tuổi ấu thơ và thời đi học, chứng kiến sự phục hưng Nho giáo của vương triều Nguyễn và bản thân hấp thụ nền học vấn Nho giáo đó, đương nhiên Nguyễn Đình Chiểu thấm nhuần sâu sắc những nội dung nền tảng của Nho giáo. Về cơ bản, tư tưởng “tôn quân” có dấu ấn khá đậm trong những sáng tác của ông. Theo ông, con người phải có vua để tôn thờ: “*Sống thờ vua, thác cũng thờ vua*”; mọi thứ sở hữu đều là của vua: “*Tấc đất ngọn rau ơn chúa*”... Ông cho rằng, “*Học cho biết lễ quân thân, biết phân phụ tử, biết phân hiếu trung*”...

Tuy nhiên, tư tưởng tôn quân ở ông không phải là vô điều kiện, là bằng mọi giá. Tinh thần trung quân theo Nho giáo Trung Hoa đòi hỏi sự phục tùng tuyệt đối và mù quáng của dân đối với vua. Nhưng với Nguyễn Đình Chiểu, trung quân phải gắn với ái quốc, với thương dân, vì dân. Trung hiếu là đạo quân thân, nhưng trung hiếu trước hết phải lấy dân, lấy nước làm gốc. Thơ Nguyễn Đình Chiểu luôn nói đến “*ơn đất nước*”, “*nghĩa giúp đời*”. Tư tưởng soi sáng quá trình sáng tác của ông là tư tưởng vì nước, vì dân, chứ không chủ yếu vì vua. Tôn quân với ông chỉ là phương tiện, không phải là cứu cánh. Khi chế độ phong kiến ngày càng thối nát, vua quan chuyên chế bạo tàn, đời sống nhân dân đói khổ, lòng người khắp nơi oán thán, thì lòng tôn quân của ông bắt đầu lung lay. Khi triều đình

đốn hèn, khiếp nhục, dâng ba tỉnh và sau đó là sáu tỉnh Nam Bộ cho giặc, việc làm của vua trái với ý dân, hành vi của quân vương phản lại lợi ích của đất nước, thì tư tưởng tôn quân của ông đã hoàn toàn thay đổi.

Trước tình cảnh “*Bến Nghé của tiền tan bọt nước/Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây*”, giặc mang “tàu thiếc, tàu đồng” đến giày xéo đất nước, những bạn bè thân thiết của ông như Trương Định, Phan Công Tòng, Đốc binh Là lần lượt hy sinh..., ông đã gọi thẳng những kẻ đầu hàng giặc, cam tâm theo giặc là “lũ vô quân” và gạt chúng ra khỏi hàng ngũ những người yêu nước chân chính: “*Cõi phạm hồ ngó lũ vô quân...*”. Ông dám công nhiên ca ngợi những kẻ “nghịch thần”, chống lệnh vua đánh giặc như Trương Công Định: “Tôi thà chịu tội với triều đình, chứ không nỡ ngồi nhìn núi sông chìm đắm vào tay giặc”. Ông cổ xúy tư tưởng cho rằng nước không phải là của riêng vua, mà là của chung tất cả mọi người (“Thiên hạ là thiên hạ của thiên hạ, không phải là thiên hạ của bệ hạ, sao có thể một mình tự chuyên được”?). Sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đã tạc những kẻ chống lệnh triều đình đánh Pháp như Trương Công Định, Phan Công Tòng vào lịch sử như những vị anh hùng.

Trong *Lục Vân Tiên*, đến cuối truyện ông còn dám cho Lục Vân Tiên lên làm vua thay Sở Vương. Bằng cách đó, ông muốn khẳng định, người có tài có đức, cứu nước giúp dân thì dù xuất thân bình thường vẫn có thể được tôn làm vua.

Các quan niệm “trung, hiếu, tiết, nghĩa” của ông cũng có màu sắc riêng. Ông đã thể hiện rất rõ bản chất “vỏ Tàu lõi Việt” của Nho giáo Việt Nam. Trong quan niệm Nho giáo chính thống, các quan hệ quân - thần, phụ - tử, phụ - phụ là quan hệ một chiều tuyệt đối và đầy lý trí. Nhưng những quan hệ này khi vào đến vùng đất Nam Bộ đã mang đậm màu sắc nhân dân. So với những sáng tác của thời kỳ trước, chữ “hiếu” trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện mối quan hệ hai chiều và đầy tình cảm. Nó rất xa lạ với chữ hiếu kiểu “Quách Cự chôn con” trong *Nhị thập tứ hiếu* của Lý Văn Phức. Và nếu *Nhị độ mai* lấy việc đấu tranh cho một đạo “trung” chân chính là cảm hứng chủ đạo, thì trong cuộc đấu tranh giữa “trung” và “tiết”, Nguyễn Đình Chiểu không tuyệt đối tuân

thủ “trung” mà tìm cách xử lý hài hòa. Ông không để Kiều Nguyệt Nga vì “trung” mà hy sinh “tiết”, “nghĩa” và tìm cho nàng một lối thoát “vẹn cả đôi đường”.

Khái niệm “nhân”, “nghĩa” của Nguyễn Đình Chiểu cũng mang đậm tính cách “trọng nghĩa khinh tài” của người Nam Bộ. Chữ nghĩa của họ là nhân nghĩa của những con người coi thường danh lợi, sống ung dung tự tại, luôn cứu giúp mọi người trong cơn hoạn nạn.

Nho giáo Trung Hoa luôn đề cao chuyện “phu xướng phụ tùy”, nhưng ở Nguyễn Đình Chiểu đó lại là cảnh đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi, “chồng cày vợ cấy”. Nguyễn Đình Chiểu không dùng “quyền huynh thế phụ” trong ứng xử với anh em. Đạo thánh dạy “bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại”, nhưng trong thư gửi cho em ông lại lấy điển tích lịch sử ra để khuyên không có con cũng không sao. Lục Vân Tiên khi biết Kiều Nguyệt Nga giữ tiết với mình, đã quỳ xuống lạy nàng ba lạy, không phải giữ thể diện của một vị quan đồ trạng nguyên.

Nhìn chung, trong quan niệm về đạo đức Nho giáo, về tam cương, ngũ thường, tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu đã hòa cùng với mạch nguồn dân tộc, mang tính nhân dân sâu sắc, không còn là đạo lý cứng nhắc của Khổng Mạnh và Tống Nho. Ông đã cố gắng cải tạo Nho giáo trên lập trường dân tộc và dân chủ, đã phú cho học thuyết này sức mạnh của dân, của nước và đặt vấn đề tìm một thế giới quan, nhân sinh quan mới cho dân tộc.

d) Những đóng góp mới trên phương diện nghệ thuật

Nguyễn Đình Chiểu cũng có nhiều đóng góp trên phương diện biểu đạt nghệ thuật, góp phần thúc đẩy sự phát triển của văn học Nam Bộ cũng như văn học Việt Nam.

Về mặt thể loại, đối với *thể loại truyện thơ Nôm*, ông có nhiều đóng góp ở thể thơ lục bát, một thể thơ thuần khiết Việt Nam. Sự phổ biến của thơ ông trong lòng dân chúng Nam Bộ cho thấy sự hấp dẫn và sức sống của chúng. Theo một nghiên cứu, trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, thơ lục bát chiếm nhiều nhất: 9.276 câu lục bát (*Lục Vân Tiên*: 2.082 câu, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*: 3.642 câu và *Dương Từ - Hà Mậu*: 3.460 câu). Kế đó

là thất ngôn bát cú: 70 bài (*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*: 9 bài, *Dương Từ - Hà Mậu*: 20 bài và thơ văn yêu nước: 41 bài); thất ngôn liên cú: 1 bài với 24 câu, trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*; 17 bài tứ tuyệt (*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*: 11 bài và *Dương Từ - Hà Mậu*: 6 bài); 6 bài văn biên ngẫu (*Dương Từ - Hà Mậu*: 1 bài văn tế, thơ văn yêu nước: 3 bài văn tế, 1 bài hịch và 1 bức thư gửi em); 5 bài hát, 2 đôi câu đối và 3 đôi liên¹. Là đại biểu cuối cùng của dòng truyện thơ Nôm, nhưng Nguyễn Đình Chiểu đã ghi những dấu ấn mới khác biệt, những sáng tạo nghệ thuật của một nhà thơ lớn.

Với thể loại văn tế, Nguyễn Đình Chiểu cũng có những đóng góp không nhỏ. Thông thường, văn tế được viết để kể về công tích của người đã khuất, động viên an ủi người đã mất, thể hiện lòng tiếc thương của người đang sống. Nhưng văn tế của Nguyễn Đình Chiểu lại mang một tính chất khác hẳn. Nhận xét về vấn đề này, giáo sư Phan Ngọc đã đánh giá rất chuẩn xác: “Những bài văn tế của Nguyễn Đình Chiểu là những trang “thiên cổ hùng văn” mà mọi người đều phải thán phục. Ông đã mở đầu một loại văn tế mới, sau này chỉ lập lại với thời Xôviết Nghệ - Tĩnh. Đó là những bài văn tế anh hùng ca”². Văn tế của ông thường được làm theo lối phú Đường luật với cách đặt vần, đặt câu, luật bằng trắc tuân thủ yêu cầu nghiêm ngặt. Thể phú ở Trung Quốc chủ yếu dùng để thờ phụng, tán dương vua chúa, nhưng Nguyễn Đình Chiểu lại dùng nó để ca ngợi, tán dương các nghĩa sĩ Cần Giuộc, nghĩa sĩ lục tỉnh, các nghĩa tướng “nghịch thần” như Trương Định. Đó là một hành động dũng cảm, can trường, ngang nhiên chống lại triều đình và các nhà thực dân cai trị.

Về thơ Đường luật, đề tài ngâm vịnh hầu như vắng bóng trong thơ ông. Ông không quan tâm đến “mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông”, mà chủ yếu quan tâm đến vẻ đẹp tinh thần của con người, đạo lý ở đời, lòng yêu nước, cuộc đấu tranh chống ngoại xâm. Đó là sự khác biệt lớn giữa

1. Xem Hồ Lê: “Phép điệp và đối với ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu”, in trong *Nguyễn Đình Chiểu* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học năm 1982), *Sdd.*

2. Phan Ngọc: “Tính nhân dân của Nguyễn Đình Chiểu”, in trong *Nguyễn Đình Chiểu* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học năm 1982), *Sdd.*

thơ ông với thơ của các thi sĩ cổ điển. Ông dùng thi ca không phải để thỏa mãn nhu cầu thưởng ngoạn cá nhân, mà để phục vụ đất nước. Ông đã kéo những thể loại thơ chìm đắm trong thiên nhiên trở về với thực tế đời sống. Ông làm thơ không phải để ngâm vịnh, tiêu dao, mà là để bàn luận thế sự, những điều hay lẽ phải, những suy tư về tình nhà nổi nước.

Trên phương diện ngôn ngữ, Nguyễn Đình Chiểu là tác giả có nhiều đóng góp cho việc đổi mới ngôn ngữ văn học Nam Bộ. Ông chính là cầu nối quan trọng giữa văn chương bác học và văn học dân gian trong giai đoạn bản lề cuối thế kỷ XIX. Toàn bộ tác phẩm của ông hầu hết được viết bằng chữ Nôm, chỉ có một bài thơ chữ Hán trong số hai bài thơ điệu Phan Thanh Giản. Các nhà thơ lớp trước Nguyễn Đình Chiểu, bên cạnh những tác phẩm bằng tiếng Việt thường có các sáng tác chữ Hán. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu nhất quán kiên định sử dụng tiếng Việt. Điều này thể hiện chủ ý, lập trường của ông. Với ý thức dân tộc cao độ ở một người yêu nước mãnh liệt như ông, điều đó chắc chắn xuất phát từ sự đề cao ngôn ngữ dân tộc, sự ý thức về tiếng mẹ đẻ.

Nếu đem so sánh các truyện thơ của Nguyễn Đình Chiểu với các sáng tác thời kỳ trước, lượng từ Hán - Việt trong tác phẩm của ông ít hơn rất nhiều. Chẳng hạn, trong 100 câu thơ đầu của *Truyện Kiều* có đến 82 từ Hán - Việt, thì cũng với số câu như vậy, ở *Lục Vân Tiên* chỉ có 54 từ. Ông đã có những cố gắng trong việc hạn chế dùng tiếng Hán và dịch sát nhiều từ ra tiếng Việt, chẳng hạn, để dịch từ “thiên cơ”, ông dùng các từ: máy, máy tạo, máy trời. Một số điển đạt được ông Việt hóa rất nhuần nhuyễn và nhập vào tiếng Việt một cách tự nhiên, làm giàu thêm cho tiếng nói dân tộc như: chín trùng, chặn dân, sâu dân một nước, dân gây nước ốm, vóc dê da cộp, thờ trên nuôi dưới, vòng danh xiềng lợi, ngồi giếng xem trời, hình hươu lột chó,...

Sáng tác của ông cũng rất giàu các thành ngữ, ngôn ngữ được rút ra từ lời ăn tiếng nói của nhân dân như: tứ tung linh tàng, bảng lảng bơ lơ, bá vợ bá vất, ở thấp chồm cao, đòi cuộc đòi đàn, tre còn măng măt, tham đó bỏ đặng, chơi lê quên lựu, chơi trăng quên đèn...; những đoản ngữ ví von dân gian độc đáo như: đau như dầm, nổi như cồn, lộn nhàu như

tương, kiểng xinh như vẽ, người tươi như dãi, mặt như sê thịt trâu, liến hơn cha khỉ...

Ngôn ngữ văn chương của Nguyễn Đình Chiểu là một cột mốc quan trọng báo hiệu một giai đoạn mới trong quá trình phát triển tiếng Việt văn học. Tiếng Hán từng bước mất dần địa vị thượng phong, tiếng Việt từng bước phát huy sự ưu thắng, để sau đó, nhờ sự hỗ trợ của vỏ bọc Latinh hóa, sẽ trở thành ngôn ngữ văn học duy nhất của quốc gia Việt Nam từ sau năm 1945.

Về mặt từ ngữ, các tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam trước thế kỷ XIX thường có ngôn từ rất trau chuốt, óng ả, được tinh luyện, mài giũa công phu. Tuy nhiên, chúng có phần cao siêu, đậm chất văn chương bác học, xa lạ với ngôn ngữ sinh động, tươi mới của đời sống nhân dân. Nguyễn Đình Chiểu là chiếc cầu nối cần thiết và đúng lúc giữa văn chương bác học và văn học dân gian. Ông đã thể hiện những vấn đề nhân sinh của quần chúng bằng chính suy nghĩ, cảm xúc, tiếng nói của họ. Theo một kết quả thống kê, trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu có khoảng 400 từ phương ngữ Nam Bộ¹. Có thể nói, nếu cái đẹp của ngôn từ trong *Cung oán ngâm khúc*, *Truyện Kiều*... là cái đẹp của thứ cây kiểng được chăm chút, cắt tỉa, vun xới trong vườn thượng uyển, thì cái đẹp trong ngôn từ tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu lại có vẻ đẹp hồn nhiên, thuần hậu, tươi tắn của cỏ hoa đồng nội.

Một trong những thủ pháp nghệ thuật nổi trội ở Nguyễn Đình Chiểu là phép đối xứng. Trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, các hình thức đối xứng như đối xứng ngữ nghĩa, đối xứng thanh điệu được ông khai thác triệt để, làm nổi rõ những mâu thuẫn, đối lập trong cuộc sống và sự nghiệp của người nghĩa binh, những tình cảm mến mộ, đau xót, tiếc thương của người đang sống.

Thủ pháp điệp và đối được ông chú trọng sử dụng. Tác dụng nghệ thuật của điệp và đối là tạo ra những liên tưởng bất ngờ, táo bạo và nhờ thế,

1. Xem Hồ Lê: “Phép điệp và đối với ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu”, in trong *Nguyễn Đình Chiểu* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học năm 1982), *Sđd*.

mang lại cho tác phẩm sức sống lâu bền trong cảm xúc và trí nhớ của người đọc, người nghe. Theo một kết quả khảo sát, tần số sử dụng phép điệp và đối trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu rất cao. Trong *Lục Vân Tiên*, ông đã 248 lần sử dụng phép điệp và đối trên cấu trúc 4-4, 118 lần trên cấu trúc 2-2 và 9 lần trong đoạn trên câu. *Lục Vân Tiên* dài 2.080 câu lục bát, gồm 14.560 tiếng, thì những đoạn điệp và đối chiếm đến 3.386 tiếng¹. Dưới ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu, phép điệp và đối đã trở thành một vũ khí nghệ thuật sắc bén và tạo nên một trong những nét độc đáo riêng của ông.

Về mặt từ loại, Nguyễn Đình Chiểu thường dùng những động từ, danh từ, tính từ rất mạnh để diễn đạt tính chất gai góc, gồ ghề, khốc liệt của hiện thực. Cũng có ý kiến chê bai văn thơ Nguyễn Đình Chiểu là còn “nôm na”, bình dân, lời văn không được chải chuốt. Tuy nhiên, cần hiểu đó là chủ ý của ông. Ông cố ý viết một lối văn dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thuộc để có thể truyền bá rộng rãi trong nhân dân. Đặt trong bối cảnh triều Nguyễn không chú trọng phát triển chữ Nôm như triều Tây Sơn thì sự cố gắng của Nguyễn Đình Chiểu là một nỗ lực đáng ca ngợi. Chính vì thế, tác phẩm của ông được đông đảo quần chúng đón nhận và có sức sống lâu bền. Các sáng tác của ông, nhất là *Lục Vân Tiên* đã đi vào dân ca Bình Trị Thiên, dân ca Nam Trung Bộ, hát đúm Bắc Bộ, hò chèo ghe Rạch Giá, hát đối Cần Thơ, hò mái dãi Long An, hò Cấy ở Gò Công, Đồng Tháp, Cà Mau...

Trong trào lưu dân chủ hóa văn chương, Nguyễn Đình Chiểu chính là người tiếp bước Hồ Xuân Hương, đưa văn chương xích lại gần hơn với đời sống, khẳng định địa vị ưu thắng của tiếng Việt đối với tiếng Hán, mở đường cho một giai đoạn phát triển mới của ngôn ngữ văn học dân tộc.

1. Xem Hồ Lê: “Phép điệp và đối với ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu”, in trong *Nguyễn Đình Chiểu* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học năm 1982), *Sđd*.

2. Đóng góp của Nguyễn Đình Chiểu vào sự phát triển của văn hóa, giáo dục và y học dân tộc

a) *Hiện thân của một nhân cách văn hóa lớn*

Đối với nhiều người, văn và nhân thường bất nhất, nhưng ở Nguyễn Đình Chiểu, văn chính là nhân, văn với người là một. Không chỉ là người lập ngôn xuất sắc, Nguyễn Đình Chiểu còn là tấm gương sáng trong hành ngôn.

Là một người cầm bút, ông luôn cho rằng làm văn để chở đạo, làm thơ để thể hiện cái chí của mình: “Văn dĩ tải đạo, thi dĩ ngôn chí”. Quan điểm sáng tác văn chương của ông rất rõ ràng:

Học theo ngòi bút chí công

Trong thơ cho ngụ tấm lòng Xuân Thu.

Và cả cuộc đời ông là tấm gương mẫu mực về việc thực hành cái lý tưởng sống đó. Với phương châm viết văn để chở đạo, trừ gian, Nguyễn Đình Chiểu cho rằng sáng tác văn chương phải có thái độ chê, khen, đồng tình hay phê phán một cách rõ ràng, kiên định, tách bạch trắng đen. Và ông đã thể hiện xuyên suốt quan niệm đó trong sáng tác của mình. Ông luôn bưng bưng phần nộ với những cái xấu xa, thấp hèn, phản bội và luôn tha thiết, nâng niu những cái đẹp, cái hay, cái cao cả, tốt lành. Từ những tác phẩm của ông, ta luôn thấy rõ ông đề cao cái gì, đả phá cái gì, ủng hộ, ca ngợi cái gì, tất thấy đều một mực nhất quán, phân minh.

Vì bị mù, Nguyễn Đình Chiểu không thể dùng gươm giáo để đánh giặc, ông đã dùng ngòi bút để trực tiếp chống giặc. Trong bài *Than đạo*, ông khẳng định:

Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm

Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.

Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tạm thời thất bại, kẻ thù ngang nhiên hoành hành trên đất nước, ông đã thể hiện tâm trạng phần uất và cũng là ý chí trước sau như một của mình:

Thà cho trước mắt mù mù

Chẳng thà ngòi ngó kẻ thù quân thân.

Trong thái độ đối với thực dân Pháp, ông kiên quyết cự tuyệt mọi quan hệ hợp tác. Ông không màng phú quý, vinh hoa, bổng lộc mà người Pháp dùng làm mồi nhử để mua chuộc ông. Chủ tỉnh Michel Ponchon đã hứa trả lại ông những ruộng đất bị tịch thu để đảm bảo cho ông một cuộc sống an nhàn khi tuổi già và con cháu được sống sung túc để dụ dỗ ông. Nhưng ông ta đã được nghe một lời khước từ kiêu hãnh mà sau này người đời vẫn còn truyền tụng: “Nước chung đã mất, đất riêng còn có được sao?”. Trong khi đó, ông đang mắc bệnh nặng, phải tự kiếm sống bằng sức lao động khó nhọc hàng ngày.

Ông không ăn bánh mì, uống rượu vang, thậm chí không dùng xà bông, phản đối Thiên Chúa giáo, không dùng chữ quốc ngữ..., tức là tất cả những gì liên quan đến người Pháp. Có thể, từ góc nhìn của con người thời nay, những hành động của ông tỏ ra cực đoan, vô ích. Nhưng phải đặt trong bối cảnh cuộc sống lầm than của người dân mất nước khi đó, chúng ta mới thấu hiểu và càng trân trọng thái độ yêu nước quyết liệt không khoan nhượng của ông.

b) Tám gương sáng của một thầy giáo mù

Nguyễn Đình Chiểu là tám gương sáng của một người tàn tật kiên cường vượt lên nghịch cảnh để trở thành người có ích, không những thế còn để lại cho đời những tác phẩm bất hủ.

Trước số phận không may mắn, ông đã không cam chịu khuất phục. Mặc dù mất mù lòa, ông tiếp tục tự học thêm tri thức Nho giáo, văn chương, y học nhờ sự trợ giúp của người thân bằng cách nghe họ đọc và ghi nhớ. Nhờ đó, ông có nền tảng kiến thức phong phú về Nho, y, lý, số. Với người bình thường, việc học như thế đã là một cố gắng lớn, với một người mù lòa, đó quả là một cố gắng phi thường.

Ông cũng cố gắng tự lao động để duy trì cuộc sống, không muốn trở thành kẻ ăn bám, gánh nặng cho gia đình. Những thầy đồ mất sáng muốn mở trường dạy học đã khó, người bị khiếm thị như ông để thu phục được học trò lại càng khó khăn bội phần. Vậy mà nhờ có kiến thức am tường, tài năng, đức độ, suốt nhiều năm ông đã thu hút được số môn sinh

theo học rất đông. Theo bà Mai Huỳnh Hoa (1910 - 1987), chất ngoại của Nguyễn Đình Chiểu viết năm 1935 trên báo *Tân văn*, ông chủ yếu dạy học bằng truyền khẩu, trí nhớ: “Học trò ước có hai trăm người, ngồi ra hai hàng tả hữu nghe giảng. Tiên sinh mắt đã mù, không còn xem sách được, nhưng mỗi bữa hỏi học trò tới đoạn nào, thì tiên sinh giảng đoạn ấy, như ngó thấy sách, vì tiên sinh thuộc lòng các sách”¹.

Đến nay, nhiều người dân ở Ba Tri, Bến Tre vẫn nhớ ông nội hoặc thân sinh của mình là học trò của Nguyễn Đình Chiểu. Tương truyền, khi Nguyễn Đình Chiểu mất, học trò chít khăn tang tiễn đưa ông đông tới cả ngàn người, trắng cả cánh đồng.

c) Đóng góp vào sự phát triển của nền y học dân tộc

Điều đáng khâm phục nữa là khi đã bị mù, Nguyễn Đình Chiểu mới học làm thầy thuốc và trở thành một thầy thuốc giỏi, một lương y uyên thông về y lý và đặc biệt là y đức và y đạo. Trên đường đi thi, nghe tin mẹ mất, ông phải quay về chịu tang. Do khóc thương mẹ và dọc đường gặp sơn lam chướng khí, ông bị ốm nặng, mắt trở thành mù lòa. Trong thời gian chữa bệnh ở Quảng Nam, tại nhà một thầy thuốc vốn dòng dõi ngự y, tuy bệnh không hết, ông đã học được nghề thuốc. Về đến quê mẹ ở Gia Định, cùng với việc mở trường dạy học, ông tiếp tục tìm hiểu về đông y và bốc thuốc chữa bệnh.

Nguyễn Đình Chiểu cũng là tấm gương mẫu mực về thực hành y thuật và thực thi y đức. Theo tác giả Đoàn Tứ: “Với một chiếc tráp và vài đệp tử, cùng ngồi trên một chiếc xuồng con, cụ có thể đi đó đây cùng khắp”². Đoàn Tứ cũng kể lại lời của một y sĩ đông y: “Cụ đã đi khắp các tỉnh miền Nam, người ta đều đón rước Cụ xem mạch, bốc thuốc, nhất là các bệnh nguy hiểm mà các ông lang đều chạy cả, đến Cụ chữa thì phần nhiều đều lành, những bài thuốc mà Cụ chữa nguy thì rất mãnh

1. Tư liệu này do bà Mai Huỳnh Hoa nghe được từ bà Nguyễn Thị Xuân Khuê, tức Năm Hạnh, con gái cụ Nguyễn Đình Chiểu.

2. Đoàn Tứ: “Dõi theo vết chân cụ Đồ trên vùng đất Ba Tri”, in trong *Nguyễn Đình Chiểu* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học năm 1982), *Sđd*, tr.38-39.

liệt, các ông lang không thể nào dùng đến, thế mới biết cái kiến thức của Cụ siêu thoát hơn người. Cụ có đặc tính phàm chữa bệnh lành rồi, ai đến ơn bao nhiêu cũng đặn, người bệnh nào nghèo Cụ còn cho thêm tiền uống thuốc”¹.

Nguyễn Đình Chiểu không chỉ viết sách để dạy y đức, ông còn là người tận tâm thực hành cái y đức ấy. Đó là làm thầy thuốc thì phải hết lòng cứu chữa người bệnh, làm việc thiện, răn điều ác trong suốt cuộc đời nghề nghiệp của mình:

*Giúp người chẳng vụ tiếng danh
Chẳng màng của lợi, chẳng ganh ghét tà².*

Là một thầy thuốc Đông y, ông rất thông cảm với chuyện thai nghén, sinh nở của người phụ nữ. Ông luôn thể hiện sự đồng cảm sâu xa cho thân phận đàn bà của họ. Ông còn ví sự sinh nở với “trái muôi ngát thơm”, nâng sự sinh đẻ thành một thiên chức cao cả đến thơm tho. Đó quả là một tư tưởng nhân văn hiếm có trong văn học Việt Nam thời kỳ đó.

Từ năm 27 tuổi đến khi qua đời năm 66 tuổi, gần 40 năm, Nguyễn Đình Chiểu là thầy thuốc trị bệnh cứu người. Với một thầy thuốc bình thường, điều ấy đã là một đóng góp, nhưng với một thầy thuốc mù lòa như Nguyễn Đình Chiểu, điều này càng đáng ghi nhận hơn. Khi ông mất, đã có rất nhiều bệnh nhân được ông chữa khỏi đến xin chịu tang.

Ông còn viết tác phẩm *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* (*Ngư Tiều vấn đáp Nho y điển ca*) gồm 3.642 câu, trong đó có các câu trích từ các sách thuốc của Trung Hoa. Đây là công trình viết dưới hình thức thơ để dạy nghề làm thuốc chữa bệnh, “nhằm chấn hưng y học cổ truyền, xây dựng một

1. Đoàn Tử: “Đôi theo vết chân cụ Đồ trên vùng đất Ba Trĩ”, in trong *Nguyễn Đình Chiểu* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học năm 1982), *Sđd*, tr.38-39.

2. Nguyễn Đình Chiểu: *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1980.

nghề y chân chính”¹. Trong tác phẩm này, ông cũng lồng ghép những chuyện giáo dục đạo đức, luân lý, lên án các việc làm bất chính phương hại đến tính mạng con người. Ông đã thể hiện tất cả sự uyên thông về y lý, những tâm huyết về nghề y và tấm lòng đối với đất nước trong tác phẩm “dạy đạo cứu người và đạo làm người” này. Nhận xét về công trình này, nhà Việt Nam học nổi tiếng người Nga N.I. Niculin đã đánh giá: “Cuốn sách mang lại lợi ích thiết thực cho những người nông dân Việt Nam thất học. Họ đã từng học thuộc lòng tác phẩm đó bởi vì thời bấy giờ họ không tìm đâu ra cách chữa bệnh cả”².

Bác sĩ Trần Hữu Nghiệp (1911 - 2006) thì nhấn mạnh, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* của Nguyễn Đình Chiểu là tác phẩm khẳng định y đức học Việt Nam: “Về y đức học, Nguyễn Đình Chiểu không ngừng lại ở chỗ săn sóc miễn phí cho người nghèo mà đi xa hơn, quên mọi quyền lợi riêng tư,... Từ chối lễ vật quả là tốt, nhưng y đức học Nguyễn Đình Chiểu bảo khi cần, phải chịu hy sinh thân thể mình”³.

Trong số 500 tác phẩm y học cổ truyền Việt Nam bằng chữ Hán - Nôm, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* của Nguyễn Đình Chiểu có một vị trí xứng đáng. Nguyễn Đình Chiểu sinh thời chắc chắn chưa thể biết, chưa thể chịu ảnh hưởng từ các tác phẩm *Hồng Nghĩa giác tư y thư* của Tuệ Tĩnh (1330 - 1400) và *Hải Thượng y tông tâm lĩnh* của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1720 - 1791) do khoảng cách về thời gian và địa lý. Do vậy, có thể khẳng định, người thầy thuốc khác thường Nguyễn Đình Chiểu

1. Lê Trần Đức: “Tìm hiểu *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”, in trong *Nguyễn Đình Chiểu*, Sở Văn hóa và Thông tin, Hội Văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre xuất bản, 1984, tr.65.

2. N.I. Niculin: “Nhà thơ thân yêu của miền Nam Việt Nam”, in trong *Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973, tr.395.

3. Trần Hữu Nghiệp: “Y đức học Việt Nam trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”, in trong *Nguyễn Đình Chiểu* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học năm 1982), *Sđd*, tr.147-148.

là gương mặt lớn thứ ba của nền Đông y Việt Nam, và là gương mặt lớn thứ nhất của Đông y Nam Bộ trong lịch sử hơn 300 năm qua.

Kết luận

Qua phân tích, tìm hiểu sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu chúng ta có thể thấy rõ sự vận động trong tư tưởng sáng tác, quan niệm văn chương, hệ thống chủ đề, hình tượng văn học trung tâm, hệ thống thể loại cũng như ngôn ngữ văn học của ông, từ đó thấy được tầm vóc, giá trị và những đóng góp của ông vào sự phát triển của văn học dân tộc.

Qua những thăng trầm của cuộc đời, số phận éo le của ông, chúng ta cảm kích trước một nhân cách văn hóa lớn, sự đóng góp không nhỏ của ông vào nền giáo dục và nền y học nước nhà.

Thay cho lời kết, xin được dẫn lại những câu chữ trân trọng và chuẩn xác mà nhà thơ Xuân Diệu đã dành cho ông: “Chúng ta nhận món quà mà Nam Bộ đã cho Tổ quốc hơn một trăm năm nay: đó là của quý của Việt Nam, do miền Nam sản xuất, có một hương vị rất là miền Nam, mà vì vậy nên rất Việt Nam”¹./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Chí Bền: *Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) - Nhà thơ lớn, nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2020.
- [2] *Nguyễn Đình Chiểu* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học năm 1982), Sở Văn hóa - Thông tin, Hội Văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre xuất bản, 1984.
- [3] *Nguyễn Đình Chiểu - tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.
- [4] Vũ Khiêu: *Người trí thức Việt Nam qua các chặng đường lịch sử*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1987.

1. Báo Văn nghệ, ngày 04/8/1955.

- [5] Hồ Lê: “Phép điệp và đối với ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu”, in trong *Nguyễn Đình Chiểu* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học năm 1982), Sở Văn hóa - Thông tin, Hội Văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre xuất bản, 1984.
- [6] Lê Trần Đức: “Tìm hiểu *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”, in trong *Nguyễn Đình Chiểu*, Sở Văn hóa - Thông tin, Hội Văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre xuất bản, 1984.
- [7] Phan Ngọc: “Tính nhân dân của Nguyễn Đình Chiểu”, in trong *Nguyễn Đình Chiểu* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học năm 1982), Sở Văn hóa - Thông tin, Hội Văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre xuất bản, 1984.
- [8] Nguyễn Đình Chiểu: *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1980.
- [9] N.I. Niculin: “Nhà thơ thân yêu của miền Nam Việt Nam”, in trong *Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.
- [10] Đoàn Tú: “Dõi theo vết chân cụ Đồ trên vùng đất Ba Tri”, in trong *Nguyễn Đình Chiểu* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học năm 1982), Sở Văn hóa - Thông tin, Hội Văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre xuất bản, 1984.

DANH NHÂN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG TÂM THỨC NGƯỜI DÂN NAM BỘ VÀ VẤN ĐỀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA KHU DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

PGS.TS. LÂM NHÂN*

Tóm tắt: Bài viết này tìm hiểu về nhà văn, nhà thơ, nhà giáo Nguyễn Đình Chiểu trong tâm thức người dân Nam Bộ. Dựa trên các thao tác quan sát, tham dự và phỏng vấn sâu, bài viết góp phần tìm hiểu thêm về tâm thức người dân Nam Bộ đối với danh nhân Nguyễn Đình Chiểu và việc trưng bày, thực hành văn hóa của Khu di tích Nguyễn Đình Chiểu. Đồng thời, bài viết đưa ra những vấn đề về việc phát huy vai trò của khu di tích như là một bảo tàng trong đời sống xã hội.

Từ khóa: Di tích; Nam Bộ; Nguyễn Đình Chiểu; Tâm thức; Trưng bày.

CULTURAL CELEBRITY NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU IN CONSCIOUSNESS OF NAM BỘ PEOPLE AND ISSUE OF PROMOTING ROLE OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU SPECIAL NATIONAL RELIC SITE IN SOCIAL LIFE

Abstract: This article researched about writer, poet and teacher Nguyễn Đình Chiểu in the minds of Mekong delta's

* Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh. Liên hệ: lam_nhan@yahoo.com

people. Based on participate observations and in-depth interviews. The article contributes to learn more about the people's consciousness towards Nguyễn Đình Chiểu and the exhibition and cultural practice of the Nguyễn Đình Chiểu relic site. At the same time, the writer raises issues of promoting the role of the relic site as a museum in social life.

Keywords: Relics; Mekong delta; Nguyễn Đình Chiểu; Consciousness; Exhibition.

Toàn văn

1. Mở đầu

Khi nhắc đến Nguyễn Đình Chiểu, người dân thường nghĩ ngay đến tác phẩm truyện thơ *Lục Vân Tiên* và các tác phẩm văn thơ thể hiện tinh thần yêu nước của người thầy giáo mù. Những tác phẩm của ông đi vào lòng người dân và được lưu truyền phổ biến rộng rãi trong dân gian. Truyện thơ của ông khi đọc người dân đều thấy chính mình ở trong đó. Truyện thơ *Lục Vân Tiên* được lưu truyền trong dân gian Nam Bộ từ khi tác phẩm ra đời. Giáo sư Trần Văn Giàu đã nhận định: “Truyện thơ tiêu biểu của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu có một vị trí đặc biệt quan trọng trong tâm thức tiếp nhận của công chúng, độc giả Nam Bộ”¹. Tác giả Đăng Huỳnh, khi nghiên cứu về tầm ảnh hưởng, sức lan tỏa của *Lục Vân Tiên* ở phương Nam đã đi vào cụ thể các câu đố, ca dao, tục ngữ, dân nhạc lấy cảm hứng từ tác phẩm này.

Tác phẩm này cũng làm nên một hiện tượng, lần đầu tiên xuất hiện ở Nam Bộ: ra đời một làn điệu dân ca Nam Bộ - nói thơ Vân Tiên. Từ truyện thơ này, dân gian đã thêm vào những giai điệu ngân nga, trữ tình để học đạo làm người từ những câu thơ cụ Đồ; để răn dạy con cháu đạo

1. “Truyện thơ “Lục Vân Tiên” trong dân gian Nam Bộ”, <https://vovlive.vn/truyen-tho-luc-van-tien-trong-dan-gian-nam-bo-f33958.html>, ngày 06/01/2022.

nghĩa ở đời phải biết “Ghét việc tầm phào” và biết “*Thương là thương đức thánh nhân*” (trích *Lục Vân Tiên*). Ngay khi tác phẩm được in lần đầu khoảng năm 1865, người dân khắp vùng lục tỉnh Nam Kỳ đã truyền tai nhau truyện thơ này¹.

Về văn thơ yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, ngay từ khi ra đời các tác phẩm đã tác động sâu sắc đến quảng đại quần chúng nhân dân như *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Văn tế nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh*, *Dương Từ - Hà Mậu*, *Chạy giặc*, *Thảo thử hịch*, *Thư gửi cho em*,... Trải qua các giai đoạn thăng trầm của lịch sử, các biến động xã hội, thơ văn thể hiện tinh thần yêu nước, thương dân của Nguyễn Đình Chiểu vẫn còn lưu truyền trong dân gian, đặc biệt là hình ảnh cụ Đồ vẫn còn mãi trong tâm thức của người dân Nam Bộ.

2. Khái lược về cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu và giá trị văn hóa Nguyễn Đình Chiểu trong tâm thức người dân Nam Bộ

Nguyễn Đình Chiểu sinh ngày 01/7/1822, tự là Mạnh Trạch, hiệu là Trọng Phủ, Hối Trai, tại làng Tân Thới, phủ Tân Bình, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay). Cha ông tên Nguyễn Đình Huy, người xã Bồ Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên (nay là xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế), làm thư lại Văn hàn ty của Tổng trấn Lê Văn Duyệt. Mẹ ông là Trương Thị Thiệt, người làng Tân Thới, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay thuộc phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Tuổi niên thiếu, Nguyễn Đình Chiểu từng chứng kiến cảnh loạn lạc của xã hội lúc bấy giờ, đặc biệt là cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi tại Gia Định. Cuộc nổi dậy này đã khiến cha ông lâm vào cảnh tiến thoái lưỡng nan, là công chức nhỏ (thư ký hành chính), ông nghĩ cách tản cư về Huế để tránh xa binh lửa, việc học hành của Nguyễn Đình Chiểu bị

1. Xem Đăng Huỳnh: “Sức sống thơ văn Đồ Chiểu trong đời sống dân gian Nam Bộ”, <https://baocantho.com.vn/suc-song-tho-van-do-chieu-trong-doi-song-dan-gian-nam-bo-a21031.html>, ngày 05/7/2015.

gián đoạn. Nguyễn Đình Chiểu đậu Tú tài năm 21 tuổi ở trường thi Gia Định. Tuy không hoàn toàn mãn nguyện nhưng bước đầu tiên ấy đã đem lại nhiều khích lệ. Sau khi thi đậu, gia đình hỏi vợ cho ông nhưng chỉ mới đính hôn, chờ ông công thành danh toại. Theo lời truyền lại thì gia đình đính hôn tại Cầu Kho (Gia Định). Năm 1847, Nguyễn Đình Chiểu trở ra kinh đô Huế học, chờ thi. Đến khoa thi Hương năm Kỷ Dậu (1849), ông chưa kịp thi thì được tin mẹ mất tại Gia Định. Nguyễn Đình Chiểu đành bỏ dở việc thi để trở về Gia Định chịu tang mẹ. Dọc đường đi, ông mang bệnh nặng cộng với khóc thương sâu thẳm vì mất mẹ nên bị mù cả hai mắt. Trong thời gian nghỉ lại Quảng Nam chữa bệnh, tuy bệnh không hết, nhưng ông đã được vị danh y truyền dạy nghề thuốc. Sau khi mãn tang mẹ, ông lại phải chịu nỗi buồn phiền khác khi bị nhà gái bội ước hôn. Gia đình họ Võ không muốn gả con gái cho người lỡ khoa thi, lại bị mù đôi mắt.

Năm 1851, ông mở trường dạy học và làm thuốc. Năm 1854, một người học trò tên là Lê Tăng Quýnh vì cảm phục và mến thương ông, nên đã xin gia đình gả cô em gái thứ năm của mình tên là Lê Thị Điền (1835 - 1886), người ở ấp Thanh Ba, quận Cần Giuộc, tỉnh Gia Định (nay thuộc xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An) cho thầy. Ngày 17/02/1859, Pháp chiếm thành Gia Định. Ông cùng gia đình chạy về quê vợ ở làng Thanh Ba, huyện Cần Giuộc. Cũng tại nơi đây, ông đã sáng tác *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, được nhiều người đánh giá cao.

Khi ba tỉnh miền Đông rơi vào tay quân Pháp, không chịu sống trong vùng bị chiếm đóng, Nguyễn Đình Chiểu cùng gia đình xuôi thuyền về làng An Đức, tổng Bảo An, tỉnh Vĩnh Long (nay là huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre). Tại đây, ông tiếp tục dạy học, bốc thuốc, đồng thời vẫn giữ mối liên hệ với những sĩ phu yêu nước như Phan Văn Trị, Nguyễn Thông và các lực lượng kháng chiến; từ chối mọi cám dỗ của Pháp. Thời gian này, Nguyễn Đình Chiểu sáng tác nhiều áng thơ văn bi tráng nhất, tiếc thương những đồng bào, bạn bè, nghĩa sĩ đã mất. Ngày 03/7/1888, ông mất tại huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Trong dân gian, người dân Kiến Hòa xưa thường lưu

truyền lại rằng ngày đưa đi an táng, cả cánh đồng An Bình Đông, nay là An Đức, trắng xóa khăn tang của những người mến mộ ông¹.

Lăng mộ Nguyễn Đình Chiểu được dân làng xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, chăm nom, hương khói. Ban đầu mộ được xây dựng đơn giản, năm 1958 được tôn tạo lại, gồm mộ cụ Đồ Chiểu, mộ vợ ông và mộ con gái Nguyễn Thị Ngọc Khuê (Sương Nguyệt Anh) - nữ sĩ, chủ bút báo *Nữ giới chung* - tờ báo phụ nữ đầu tiên của Việt Nam. Mộ Nguyễn Đình Chiểu trên bia có khắc chữ Nhật (日), mộ vợ ông trên bia có khắc chữ Nguyệt (月)². Sau này, người dân và chính quyền địa phương phối hợp đầu tư, mở rộng phát triển khu di tích trở thành Di tích quốc gia đặc biệt, trở thành nơi thờ và an táng nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu, cùng vợ là Lê Thị Điền và con gái là Nguyễn Thị Ngọc Khuê (Sương Nguyệt Anh). Hiện tại, đây cũng là điểm đến của các du khách trong và ngoài nước khi ghé thăm Bến Tre. Ngày nay, khu vực bảo vệ Di tích quốc gia đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu có tổng diện tích 4.190,5ha, trong đó: Khu vực bảo vệ 1: Khu mộ và đền thờ mới gồm đền thờ, nhà tả vu - hữu vu, sân lễ, nhà bia, nghi môn, bình phong, lăng mộ, hậu chẩm và gò trúc; Khu vực nhà bảo tàng văn học nghệ thuật và khu trưng bày vườn tượng ngoài trời, cổng vào khu trưng bày). Khu vực bảo vệ 2 có ranh giới trùng với ranh giới mở rộng di tích theo điều chỉnh quy hoạch mở rộng thị trấn Ba Tri đã được phê duyệt bao gồm các khu vực: Đồi Văn (có Tháp Bút và các Lầu Thơ); Sân vườn thuốc nam và khu vực phục dựng vườn thuốc, nhà dạy học và làm thuốc; Nhà biểu diễn cải lương và nghệ thuật truyền thống Nam Bộ cùng với cụm nhà lưu niệm, dịch vụ văn hóa, ẩm thực; Trạm vệ tinh Ngân hàng dữ liệu di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc Việt Nam; Hội trường viết văn; Trung tâm lưu trữ, nghiên cứu và truyền bá y học cổ truyền; Các công trình dịch vụ hỗ trợ: nhà quản lý và điều hành, sân lễ,

1. Lược dẫn theo Huỳnh Minh: *Kiến Hòa xưa và nay (Bến Tre) Địa linh nhân kiệt*, Nxb. Tổng phát hành Cánh Bằng, Sài Gòn, 1965, tr.149-157.

2. Theo hồ sơ di tích, Cục Di sản văn hóa, 2016.

bãi đỗ xe, công di tích, hồ sương nguyệt, thủy đình, cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật liên quan. Ngoài ra, tại khu vực nhà cũ nơi Nguyễn Đình Chiểu sinh sống và hoạt động tại thị trấn Ba Tri sẽ được quy hoạch mở rộng, phục dựng nhà tưởng niệm Nguyễn Đình Chiểu diện tích khoảng 0,650ha (diện tích hiện trạng 68,6m²)¹. Di tích Mộ và Khu tưởng niệm Nguyễn Đình Chiểu (lăng, mộ Nguyễn Đình Chiểu), thuộc địa bàn xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, là nơi thờ và an táng nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu, cùng vợ là Lê Thị Điền và con gái là Nguyễn Thị Ngọc Khuê (Sương Nguyệt Anh).

Hàng năm, chính quyền và nhân dân tỉnh Bến Tre đều tổ chức lễ hội truyền thống văn hóa vào ngày 1 và ngày 3 tháng Bảy (ngày sinh và ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu). Lễ hội với nhiều chương trình phong phú như: lễ dâng hương, đọc văn tế, tổ chức các hội thi, sự kiện về văn học nghệ thuật của huyện Ba Tri và tỉnh Bến Tre như: hội thi sáng tác thơ, hội thi viết văn, làm thơ, ngâm thơ, nói thơ Văn Tiên, thi hóa trang Lục Vân Tiên - Kiều Nguyệt Nga, trích đoạn cải lương Lục Vân Tiên - Kiều Nguyệt Nga... cùng các cuộc thi như: mâm xôi ngày hội, mâm cơm ngày giỗ, kéo co, nhảy bao bố, đập niêu... Lễ hội là dịp để ôn lại truyền thống yêu nước của dân tộc cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau noi theo, học tập về sự nghiệp, những giá trị tư tưởng, nhân cách, đạo đức của nhà giáo, người thầy thuốc và nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu. Đây cũng là dịp để nhân dân vui chơi, giải trí, sinh hoạt văn hóa, bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các bậc tiền nhân, đồng thời, góp phần tích cực vào việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, truyền thống văn hóa của địa phương.

Ngay từ khi ra đời, tác phẩm *Lục Vân Tiên* đã được lưu truyền rộng rãi trong lòng người dân Nam Bộ. Thời bấy giờ, sách in ấn rất khó khăn, nên lưu truyền bằng truyền miệng là chủ yếu. Người dân chép lại và đọc

1. Xem Phạm Văn Luân: “Quản lý di tích lịch sử - văn hóa trong phát triển du lịch ở tỉnh Bến Tre”, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý văn hóa, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 2021, Phụ lục 13.

cho nhau nghe. Nhiều người không biết chữ nhưng thuộc lòng cả tác phẩm của ông. Truyện thơ của Nguyễn Đình Chiểu có giá trị ngay trong lòng người dân lúc ông còn sống bởi đã phác họa bản tính mộc mạc, chất phác của cư dân Nam Bộ, họ đều tìm thấy trong thơ của ông những gì thân thuộc với cuộc sống xã hội hiện tại. Chính vì vậy, nhiều người đã dành cả đời để sưu tầm và nghiên cứu văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu. Trong đó phải kể đến nhà nghiên cứu Châu Anh Phụng¹. Bà đã sưu tập được trên 200 đầu sách, báo, tạp chí, bài nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm của ông bao gồm nhiều tác phẩm chép bằng tay, in bằng chữ Nôm, khắc trên gỗ,...

Trong đời sống hằng ngày, người dân thường hay sử dụng các câu từ trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu để răn dạy con cháu. *“Thà đui mà giữ đạo nhà/Còn hơn sáng mắt ông cha không thờ”*, biến tấu để răn dạy nhau trong các cuộc giao tiếp xã hội *“Thà đui mà sống thiệt tình/Còn hơn sáng mắt mà rình hại nhau”*² và còn nhiều sự sáng tạo trong đời sống dân gian, trong lúc “trà dư tửu hậu”.

Khu di tích lăng mộ Nguyễn Đình Chiểu là nơi sinh hoạt văn hóa của cư dân, ngày thường, người dân lui tới thờ phụng, lau dọn. Sau khi được công nhận là di tích cấp quốc gia, được trùng tu, sửa chữa. Nơi đây trở thành trung tâm sinh hoạt văn hóa, lịch sử, nghệ thuật của huyện Ba Tri và cả tỉnh Bến Tre như: Bên trái khu lăng mộ và đền thờ đắp đất tạo thành Đồi Văn (thanh long). Trên đỉnh Đồi Văn được xây dựng một ngọn Tháp Bút làm biểu tượng cho sự nghiệp thơ văn kiên cường của Nguyễn Đình Chiểu, kế bên được đầu tư xây dựng hội trường viết văn và các lầu thơ để làm nơi tổ chức các hội thi, sự kiện về văn học nghệ thuật của huyện Ba Tri và tỉnh Bến Tre như: hội thi sáng tác thơ, hội thi viết văn, làm thơ, ngâm thơ... Bên phải khu lăng mộ và đền thờ được bố trí một

1. Xem Phạm Văn Luân: “Quản lý di tích lịch sử - văn hóa trong phát triển du lịch ở tỉnh Bến Tre”, *Tlđđ*, Phụ lục 16.

2. Trích ghi chép quan sát tham dự ngày 01 và 02/7/2020 tại huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

khu vườn trồng cây thuốc nam, giữa khu vườn là sân Âm - Dương biểu tượng của y học cổ truyền vì sinh thời Nguyễn Đình Chiểu đã bốc thuốc chữa bệnh cho nhân dân; Trung tâm lưu trữ, nghiên cứu, truyền bá y học cổ truyền. Đây cũng là nơi bảo tồn các loại cây thuốc nam quý của vùng Nam Bộ.

Trong thời gian tới, do đền thờ cũ (xây năm 1972) hiện đã xuống cấp, sẽ được cải tạo; phần kết hợp trưng bày xây dựng năm 2002 sẽ được giữ lại, cải tạo, chuyển đổi thành Bảo tàng văn học nghệ thuật của tỉnh Bến Tre - nơi trưng bày những hiện vật, tài liệu, tác phẩm văn học nổi tiếng của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu. Toàn bộ khu vực phía trước nhà bảo tàng sẽ là không gian biểu diễn các loại hình nghệ thuật truyền thống Nam Bộ, khu trưng bày, vườn tượng ngoài trời, nhà bán hàng lưu niệm, dịch vụ văn hóa ẩm thực¹... Tỉnh Bến Tre chủ trương sẽ đầu tư phát huy giá trị Khu di tích Nguyễn Đình Chiểu thành trung tâm sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật và trưng bày bảo tàng nhằm đáp ứng nhu cầu giáo dục và thưởng thức của công chúng.

3. Một số vấn đề đặt ra trong hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Nguyễn Đình Chiểu của tỉnh Bến Tre trong bối cảnh hiện nay

Hiện nay, Khu di tích quốc gia đặc biệt đã tiến hành trưng bày các hiện vật, chủ yếu là các tác phẩm của cụ Đồ Chiểu. Dự kiến phát triển phần trưng bày thành Bảo tàng văn học nghệ thuật của tỉnh Bến Tre, tập trung trưng bày những hiện vật, tài liệu, tác phẩm văn học nổi tiếng của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu, góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa và phổ biến tri thức khoa học trong hoạt động giáo dục, phục vụ công chúng.

a) Một số hạn chế của Khu di tích Nguyễn Đình Chiểu

- Vấn đề gắn kết giữa bảo tàng và cộng đồng.

Từ khi tiến hành trùng tu, tôn tạo khu di tích, xây dựng các tường rào để bảo vệ di tích và tiến hành trưng bày trong di tích đã vô tình làm

1. Xem Phạm Văn Luân: “Quản lý di tích lịch sử - văn hóa trong phát triển du lịch ở tỉnh Bến Tre”, *Tlđđ*, Phụ lục 13.

cho di tích và cộng đồng cư dân có một khoảng cách, người dân cảm thấy ái ngại khi bước vào¹, và kín cổng cao tường sẽ hạn chế không gian sinh hoạt thường ngày của người dân. Việc phát triển bảo tàng, bảo vệ gìn giữ di tích dựa vào cộng đồng cần nhìn nhận và phát huy vai trò của cộng đồng một cách tích cực và hiệu quả hơn.

- Vấn đề bảo quản hiện vật.

Phần trưng bày bên trong khu di tích với mục đích giới thiệu các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu và sách viết về ông. Tuy nhiên, trên thực tế nếu các hiện vật có giá trị không được gìn giữ, bảo quản phục chế rất dễ bị hư hại nặng. Theo ghi chép của Phạm Văn Luân, tổng cộng có 32 đầu sách, 33 quyển; trong đó 6 quyển sách chữ Hán - Nôm đã rách mất bìa, mực nát không thể lật ra đọc, không rõ nội dung, lai lịch tương truyền là sách về Nguyễn Đình Chiểu và của Nguyễn Đình Chiểu đang rất cần được hỗ trợ nghiên cứu bảo tồn, dịch thuật². Di tích có 54 ảnh, 46 ảnh đoàn khách nước ngoài đến viếng lăng. Tại đền thờ cũ có 8 tấm ảnh/tranh lớn (5 sơ đồ, bảng thông tin và 3 tấm ảnh chụp từ tranh vẽ lại chân dung các lãnh tụ nghĩa quân chống thực dân Pháp) chưa được lập danh mục và các loại phim tư liệu giới thiệu về lịch sử di tích và văn hóa Bến Tre. Những hiện vật này, từ góc độ bảo quản cần được nhìn nhận một cách tích cực hơn.

- Vấn đề tích hợp du lịch.

Hiện nay, tỉnh Bến Tre có hai khu di tích quốc gia đặc biệt là Khu di tích Nguyễn Đình Chiểu và Khu di tích Đồng Khởi. Vấn đề tích hợp du lịch càng đặt ra nhiều thách thức hơn. Du khách về Bến Tre không chỉ để đi thăm hai khu di tích này, mà việc tham quan thắng cảnh, thưởng thức văn hóa và cảnh quan thiên nhiên thường mới là mục đích chính của chuyến tham quan. Tuy nhiên, vấn đề gắn kết, tích hợp để quảng bá di sản, văn hóa Bến Tre đến công chúng vẫn còn nhiều hạn chế.

1. Qua phỏng vấn người dân địa phương năm 2021.

2. Xem Phạm Văn Luân: “Quản lý di tích lịch sử - văn hóa trong phát triển du lịch ở tỉnh Bến Tre”, *Tlđđ*, Phụ lục 13.

b) Đổi mới hoạt động trưng bày

Mục đích của trưng bày trong khu di tích là truyền đạt những giá trị, câu chuyện văn hóa. Nơi đây thu hút khách tham quan hay không phụ thuộc rất nhiều vào phần trưng bày của thiết chế văn hóa này. Trên con đường hội nhập và phát triển, các di tích không chỉ trưng bày những sưu tập lưu giữ trong kho của bảo tàng mà còn mở rộng, hợp tác với các bảo tàng khác trong phạm vi quốc gia và quốc tế. Một trong những mục tiêu cơ bản khẳng định chức năng xã hội quan trọng của mình - bảo tàng phải đóng vai trò là nhịp cầu văn hóa gắn bó cộng đồng các dân tộc trong cùng một quốc gia, tạo cơ hội cho sự giao lưu văn hóa.

Trưng bày bảo tàng nhằm mục đích giáo dục, mở rộng sự hiểu biết của công chúng đối với xã hội. Trưng bày là một hình thức giải thích, một sự giới thiệu trọn vẹn không chỉ gồm các hiện vật, mà còn kèm theo cả bối cảnh, ý nghĩa, lịch sử, tầm quan trọng của hiện vật.

Trong trưng bày, quan trọng không phải ở hiện vật nhiều hay ít, mà hiện vật đó được trưng bày như thế nào và mục đích của việc trưng bày đó.

Trưng bày là ngôn ngữ, là cầu nối của bảo tàng đối với xã hội. Xã hội phát triển không ngừng và nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân cũng thay đổi, người dân ngày càng có nhu cầu, đòi hỏi cao hơn về thẩm mỹ, kỹ thuật, văn hóa... Vì vậy, để đáp ứng được nhu cầu của xã hội và để thực hiện được chức năng của mình, bảo tàng cần phải đổi mới việc trưng bày, ứng dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong trưng bày, phối hợp trưng bày với các bảo tàng khác trong nước và quốc tế, tổ chức các trưng bày chuyên đề... Việc đổi mới trưng bày là cần thiết, nhưng đổi mới như thế nào thì cần phải tham khảo và lắng nghe ý kiến của các chuyên gia trong và ngoài nước.

Khi trưng bày, giới thiệu về lịch sử cuộc đời nhà văn, nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu, nên chăng cần trưng bày tái hiện bối cảnh lịch sử xã hội Việt Nam thời kỳ cận đại. Chính việc tái hiện bối cảnh lịch sử, gắn kết các câu chuyện lịch sử sẽ thu hút, hấp dẫn người xem.

c) Vấn đề tuyên truyền, quảng cáo

Có rất nhiều hình thức để tuyên truyền về bảo tàng/di tích, trong đó có thể kể đến một số phương pháp chính sau đây áp dụng phù hợp với từng trường hợp cụ thể.

Báo chí: báo tuần, báo ngày, báo tết, báo nước ngoài, mục quảng cáo.

Tạp chí: tạp chí tháng, quý, tạp chí in màu, tạp chí xuất bản vào những dịp đặc biệt, tạp chí trong nước, tạp chí quốc tế, tạp chí chuyên ngành.

Phát thanh, truyền hình: chương trình thời sự, chương trình chuyên đề, phỏng vấn chuyên đề, quảng cáo, thi, đồ vui.

Xuất bản các ấn phẩm của bảo tàng: tờ rơi, sách dành cho trẻ em, sách giới thiệu về bảo tàng và các chuyên đề, sách kèm catalogue hình ảnh, sách chuyên khảo...

Trong bối cảnh hiện nay, sự cạnh tranh giữa các bảo tàng/di tích diễn ra khá mạnh mẽ. Tổ chức tuyên truyền, quảng cáo và điều tra nhu cầu khách tham quan phải thu hút được sự chú ý, đưa ra được những lợi ích cơ bản đặc trưng của bảo tàng. Bảo tàng/di tích thành công được là dựa trên cơ sở nghiên cứu tốt thị trường, sử dụng những ý tưởng sáng tạo. Đặc biệt, phải duy trì được tính riêng biệt, độc đáo, mang bản sắc địa phương.

d) Tăng cường công tác giáo dục và xây dựng các mối quan hệ hợp tác

Mục đích của công tác giáo dục thông qua bảo tàng/di tích là nhằm thu hút rộng rãi và đông đảo tầng lớp khách tham quan trong cộng đồng, khuyến khích khách tham quan tham gia tích cực vào các hoạt động cũng như ủng hộ những mục đích và chính sách của khu di tích. Trong đó, các bước để phát triển một chương trình giáo dục bao gồm:

- Xác định những điểm ưu tiên về giáo dục tuyên truyền, xây dựng kế hoạch tổ chức và thực hiện những điểm ưu tiên đó.

- Xác định mục đích, nêu lý do để tồn tại của mục đích và mối quan hệ của nó với những sứ mệnh chung của các bảo tàng/di tích.

- Tiến hành công việc một cách có tổ chức, trọng tâm; đánh giá chương trình dựa trên phù hợp mục tiêu đề ra, đáp ứng yêu cầu của du khách.

- Rút ra bài học kinh nghiệm và cách thức phát triển chương trình tương lai.

Đặc biệt, một số điểm cần lưu ý trong việc đổi mới hoạt động giáo dục tại khu di tích:

Về hiện vật: Khách tham quan đến khu di tích để tìm hiểu ý nghĩa, cách thức sản xuất, tính thẩm mỹ, cách sử dụng và ý nghĩa của các hiện vật trong môi trường văn hóa cụ thể. Nguyễn Đình Chiểu không chỉ là nhà văn, nhà thơ, nhà giáo mà còn là thầy thuốc. Vì vậy, các hiện vật và vấn đề trưng bày, thực hành các hoạt động cần đa dạng, phong phú hơn.

Cách thức khuyến khích người xem tự liên hệ giữa cuộc sống và những kinh nghiệm của họ với cuộc sống và những vấn đề được giới thiệu trong trưng bày. Chẳng hạn: miêu tả những điều họ cảm nhận được; so sánh những điều họ nhìn thấy trong bảo tàng với môi trường sống hay kinh nghiệm của bản thân họ; miêu tả những điều họ nhìn thấy để khuyến khích họ xem hiện vật gần hơn; chia sẻ một vài điều về mối quan tâm của họ và khả năng thích ứng của họ trong một hoàn cảnh hay bối cảnh đặc biệt; giới thiệu hiện vật một cách nhạy cảm sẽ khơi gợi người xem khám phá, tham gia và hiểu những kinh nghiệm của con người sâu sắc hơn.

Cách thức kết hợp các chương trình và hoạt động giáo dục bảo tàng với những mong đợi và nhu cầu của các đối tượng khách khác nhau (ví dụ: chương trình dành cho học sinh/sinh viên phải kết hợp với việc học lịch sử về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu cũng như bối cảnh xã hội Việt Nam, bối cảnh Nam Bộ lúc bấy giờ; các hoạt động dành cho gia đình làm tăng thêm những cuộc đối thoại giữa các thế hệ khác nhau).

Bảo tàng/di tích trong những chương trình trường học (liên quan tới chương trình giảng dạy các cấp khác nhau; gắn liền với những kỳ nghỉ đặc biệt, lễ kỷ niệm, tết...; khuyến khích học tập ở trường trước khi đến thăm bảo tàng; thông qua những chuyến tham quan và thuyết trình của nhân viên bảo tàng...); chương trình dành cho công chúng (trình diễn

nghề thủ công, nghề thuốc; tổ chức các buổi thi văn hóa, văn nghệ, ẩm thực, hội thảo khoa học, chương trình phim...).

Bảo tàng là nơi gặp gỡ tuyệt vời, lý tưởng với những hiện vật và những ý tưởng cho mọi người thuộc nhiều lứa tuổi, có những mối quan tâm khác nhau, có năng lực và hiểu biết khác nhau. Giáo dục của bảo tàng/di tích củng cố sự gặp gỡ đó bằng cách xây dựng cầu nối giữa những kinh nghiệm và mong đợi của người xem với kinh nghiệm và ý tưởng nổi bật lên trong những trưng bày của khu di tích.

e) Xây dựng các mối quan hệ, hợp tác

Xác định những đối tượng khách tham quan (theo lứa tuổi, mối quan tâm, trình độ hiểu biết...); nuôi dưỡng mối quan hệ hợp tác trong đội ngũ nhân viên bảo tàng, xây dựng mạng lưới với các trường học, địa phương...

- *Thiết lập mối quan hệ với các tổ chức, cơ quan:* Không một bảo tàng/di tích nào lại tự cô lập với thế giới bên ngoài. Tất cả các bảo tàng/di tích đều phải phối hợp, làm việc với các tổ chức, cơ quan (các bảo tàng, di tích khác, cơ quan du lịch, cơ quan giáo dục, đoàn thể...) theo nhiều phương thức khác nhau. Việc hợp tác với các tổ chức góp phần gia tăng trách nhiệm, làm sâu sắc mối quan hệ so với quan hệ với cá nhân. Các bảo tàng/khu di tích cần phải tìm các đối tác tích cực để hỗ trợ thực hiện các dự án, mục tiêu và các chương trình phát triển.

- *Thiết lập các nhóm hỗ trợ tình nguyện:* Những người tình nguyện sẽ hỗ trợ tích cực cho đội ngũ nhân viên nghiệp vụ của bảo tàng. Hoạt động của người tình nguyện sẽ mang tính chất bổ sung chứ không lặp lại giống hoạt động của các cán bộ bảo tàng. Vì vậy, đội ngũ tình nguyện sẽ mang đến cho bảo tàng nhiều kinh nghiệm và các điểm mới sáng tạo. Tuy nhiên, cần chú trọng công tác tuyển chọn tình nguyện viên, có thể tiến hành thông qua các bước sau:

- + Xác định công việc cụ thể cho tình nguyện viên;
- + Tuyển mộ tình nguyện viên qua nhiều hình thức, báo, đài, internet...;
- + Lựa chọn tình nguyện viên;

+ Đào tạo tình nguyện viên.

- *Thiết lập nhóm những người bạn của khu di tích*: Sự khác nhau cơ bản giữa nhóm tình nguyện viên và nhóm những người bạn của khu di tích thể hiện ở hình thức họ ủng hộ: Nhóm tình nguyện viên: họ làm việc tình nguyện *trong* khu di tích. Nhóm những người bạn: họ làm việc *cho* khu di tích.

Nhóm những người bạn sẽ giúp khu di tích mở rộng mối quan hệ với cộng đồng. Vì vậy, để đạt hiệu quả cao nhất thì nhóm này cần tập hợp nhiều thành phần trong xã hội và khu di tích cũng cần phải có chế độ khuyến khích nhóm này nhận được sự hỗ trợ của khu di tích như: được quyền tổ chức tham gia các buổi diễn thuyết, các chương trình nghiên cứu, giáo dục hoặc học tập, dã ngoại. Cần khuyến khích việc tổ chức những người bạn của khu di tích ngày càng được nhiều nơi áp dụng với quy mô lớn, nhỏ khác nhau.

Ngày nay, trong xu hướng toàn cầu hóa của thế giới, bảo tàng/di tích cũng không thể đứng ngoài cuộc. Bên cạnh đó, các nguồn hiện vật ngày càng suy giảm thì vấn đề hợp tác giữa các bên liên quan trong cùng địa phương, cùng khu vực, trong nước và quốc tế sẽ ngày càng trở nên cần thiết.

g) Phát triển các dịch vụ

Có thể nói đây là khâu yếu nhất của các bảo tàng/di tích ở Việt Nam. Các dịch vụ hiện nay tuy có nhưng đơn điệu, nghèo nàn, bán các sản phẩm thiếu bản sắc. Để thu hút khách tham quan, đặc biệt là du khách nước ngoài, Khu di tích Nguyễn Đình Chiểu phải chú trọng phát triển các dịch vụ văn hóa, đáp ứng nhu cầu của khách.

Bên cạnh đó, cửa hàng lưu niệm đóng vai trò thiết yếu trong việc hỗ trợ nhiệm vụ giáo dục, tuyên truyền của di tích; cung cấp cho khách tham quan những sản phẩm, tài liệu liên quan trực tiếp đến Nguyễn Đình Chiểu và những nhân vật lịch sử gắn với ông. Sản phẩm lưu niệm có thể là một sự tái sản xuất, sao chép lại hình dáng, kích cỡ và cách sử dụng của các hiện vật sưu tập. Thêm vào đó, cửa hàng lưu niệm cần có các sản phẩm thủ công cần thiết khác mang bản sắc của địa phương.

Sứ mệnh của bảo tàng/di tích là lưu truyền tri thức. Vấn đề khó khăn là phải thu hút sự chú ý của du khách, mời họ tham gia vào hành trình của mỗi bảo tàng/di tích. Để khẳng định vai trò và vị trí của Khu di tích Nguyễn Đình Chiểu trong đời sống xã hội của người dân địa phương cũng như khách tham quan, bản thân khu di tích cần không ngừng sáng tạo và đổi mới, đáp ứng nhu cầu của công chúng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Chí Bền: *Văn hóa dân gian Bến Tre*, Nxb. Mỹ Thuật, Hà Nội, 2017.
- [2] Lữ Văn Châu: *Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ đạo lý*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 1996.
- [3] Phạm Mai Hùng: “Vai trò của các bảo tàng Việt Nam trong việc bảo tồn di sản văn hóa dân tộc”, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia: *Việt Nam học: Kỷ yếu Hội thảo quốc tế lần thứ 1*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2001, t.V.
- [4] Phạm Văn Luân: *Quản lý di tích lịch sử - văn hóa trong phát triển du lịch ở tỉnh Bến Tre*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý văn hóa, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 2021.
- [5] Lê Thị Minh Lý: *Bảo tàng Việt Nam: Thực trạng và những giải pháp chính nhằm kiện toàn hệ thống bảo tàng trong phạm vi cả nước*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2006.
- [6] Huỳnh Minh: *Kiến Hòa xưa và nay (Bến Tre) Địa linh nhơn kiệt*, Nxb. Tổng phát hành Cánh Bàng, Sài Gòn, 1965.
- [7] Gary Edson - David Dean: *Cẩm nang bảo tàng* (bản dịch của Lê Thị Thúy Hoàn), Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Hà Nội, 2001.

- [8] Timothy Ambrose - Crispin Paine: *Cơ sở bảo tàng* (bản dịch của Lê Thị Thúy Hoàn), Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Hà Nội, 2000.
- [9] Trương Văn Tài: *Hành trình đến với bảo tàng* (Giới thiệu hệ thống các bảo tàng tại Thành phố Hồ Chí Minh), Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.

TƯ TƯỞNG NHO GIÁO TRONG TRUYỆN *LỤC VÂN TIÊN* CỦA NHÀ THƠ NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

ThS. LÊ THỊ VƯƠNG NGUYỆT*

Tóm tắt: Vào cuối thế kỷ XIX, ở phía Nam đất nước Việt Nam xuất hiện một nhà thơ lỗi lạc - đó là nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu. Ông sinh năm 1822 tại Gia Định (tức Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay) và mất ngày 03/7/1888 tại huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Trong sự nghiệp sáng tác của mình, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã để lại cho hậu thế một kho tàng đồ sộ tác phẩm văn học với nhiều thể loại: thơ, văn tế, hịch, truyện Nôm. Chúng ta có thể kể đến một số tác phẩm nổi tiếng của ông như: Chạy giặc (thơ), Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (văn tế), Lục Vân Tiên (truyện Nôm), Ngư Tiều y thuật vấn đáp (truyện Nôm),... Các tác phẩm của ông luôn chứa đựng những giá trị nghệ thuật, tư tưởng, nội dung nhân văn sâu sắc. Ông vốn xuất thân là một thầy đồ và được giáo dục bởi hệ tư tưởng Nho gia, nên rất nhiều tác phẩm của ông thể hiện rõ nét tư tưởng truyền thống của Nho giáo. Truyện thơ Lục Vân Tiên là tiêu biểu trong số đó. Trong giới hạn bài viết này, tác giả đề cập tư tưởng Nho giáo trong tác phẩm này ở các bình diện như khắc họa hình tượng nhân vật qua ngôn ngữ, điển cố - thi hiệu.

Từ khoá: Lục Vân Tiên; Nguyễn Đình Chiểu; Nho giáo.

* Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh. Liên hệ: nguyetvuonglethi@gmail.com

IDEOLOGY OF CONFUCIANISM IN TALES OF *LỤC VÂN TIÊN* OF POET NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Abstract: At the end of the 19th century, the outstanding poet Nguyễn Đình Chiểu appeared in southern Vietnam. He was born in Gia Định (now Ho Chi Minh City) in 1822 and died on July 3, 1888 in Ba Tri District, Bến Tre Province. During his writing career, the poet Nguyễn Đình Chiểu left behind a huge treasure trove of various literary works: poetry, exhortation, oration, Nôm-script stories. It is worth mentioning some of Nguyễn Đình Chiểu's famous works, such as: Chạy giặc (poetry), Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (văn tế oration), Lục Vân Tiên (Nôm-script poetic story), Ngư tiều y thuật vấn đáp (Nôm-script story), etc. His works contain profound artistic, ideological, and humanistic values. As a Confucian scholar, he absorbed traditional Confucian values in his works. The Nôm poetic story Lục Vân Tiên is a representative. This study explores the Confucian values presented in this book from the following aspects: language depicting characters, linguistic arts, literary quotation, and poetic title.

Keywords: Confucianism; Lục Vân Tiên; Nguyễn Đình Chiểu.

Toàn văn

Mở đầu

Nho giáo có nguồn gốc từ Trung Quốc và du nhập vào Việt Nam trong một thời gian dài, qua nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, và bằng nhiều phương thức không giống nhau. Trong xã hội phong kiến, các triều đại ở Việt Nam đã nhiều lần xem Nho giáo là quốc giáo và ứng dụng hệ thống triết lý của Nho giáo vào nhiều khía cạnh, lĩnh vực trong quá trình quản trị đất nước. Trong số đó, triều đại nhà Nguyễn (1802 - 1945) là một

ví dụ điển hình. Từ một hệ tư tưởng chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến tầng lớp quan lại phong kiến, sau hàng nghìn năm du nhập vào Việt Nam, Nho giáo đã ảnh hưởng một cách sâu sắc đến nếp sống của nhiều tầng lớp dân cư người Việt. Điển hình cho ảnh hưởng đó là các sáng tác văn thơ của nhiều thi sĩ trong xã hội phong kiến. Nguyễn Đình Chiểu - một trong những “ngôi sao sáng” trên bầu trời văn học nghệ thuật Việt Nam ở thế kỷ XIX là một trong những nhà nho - thi sĩ có nhiều tác phẩm văn học phản ánh rõ nét những tư tưởng Nho gia. Từ sự kế thừa các nghiên cứu trước đó, trong bài viết dưới đây, tác giả phân tích những dấu ấn của tư tưởng Nho giáo được nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu để lại trong truyện Nôm *Lục Vân Tiên* - một trong số các tác phẩm văn học xuất sắc nhất của nhà thơ.

Những giá trị tư tưởng Nho giáo được thể hiện trong *Lục Vân Tiên*

Nguyễn Đình Chiểu sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống Nho học ở vùng đất Nam Bộ. Ngay từ nhỏ, ông đã được “tắm mình” trong lối sống văn hóa của một gia đình nhà nho, bởi cha ông là một quan lại của triều đình nhà Nguyễn. Khi đến tuổi đi học, ông cũng được giáo dục bởi hệ thống triết lý của Nho gia là chủ đạo. Vì vậy, việc tác phẩm văn học của ông, trong đó có truyện thơ *Lục Vân Tiên* thể hiện tư tưởng Nho giáo là điều hiển nhiên. Tuy nhiên, thực tế phân tích tác phẩm truyện Nôm *Lục Vân Tiên*, nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng tác phẩm này không chỉ chứa đựng tư tưởng Nho giáo, mà còn có cả Phật giáo, Đạo giáo và cả những dạng thức tín ngưỡng dân gian truyền thống vốn đã lâu đời của người Việt. Tuy nhiên, bài viết này chỉ giới hạn phân tích những giá trị nhân văn được thể hiện qua tư tưởng Nho giáo.

- Tư tưởng Nho giáo được thể hiện qua hình tượng nhân vật

Kiểu mẫu hình tượng nhân vật trong các tác phẩm chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo đều có những đặc trưng mà trong các tác phẩm văn học hiện đại không có. Đó là những con người nhân, nghĩa, hào hiệp, luôn có lý tưởng muốn hành đạo, giúp vua, cứu đời và cứu dân.

Trong truyện Nôm *Lục Vân Tiên*, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã xây dựng hình tượng của một loạt nhân vật theo đúng chuẩn mực này như: Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, Tiểu đồng, Hồn Minh, Vương Tử Trực... Đại diện trước hết cho tư tưởng này là nhân vật Lục Vân Tiên. Tác giả đã khắc họa hình tượng nhân vật này là một thanh niên có đạo đức cao đẹp, thấm nhuần chữ nhân. Ngay sự ra đời của Vân Tiên đã là kết quả của quá trình tu nhân, tích đức của cha, mẹ.

*Có người ở quận Đông Thành,
Tu nhân tích đức sớm sinh con hiền.
Đặt tên là Lục Vân Tiên,
Tuổi vừa hai tám nghề chuyên học hành.*

Vì là một người nhân đức, thương người, nên khi thấy bọn cướp phá làng, phá xóm, hại người dân, Lục Vân Tiên đã:

*Vân Tiên nổi giận lôi đình,
Hỏi thăm lũ nó còn đình nơi nao.
Tôi xin ra sức anh hào,
Cứu người cho khỏi lao đao buổi này.*

Thấy người lâm nạn, dẫu chỉ có một mình, Lục Vân tiên cũng “tả đột, hữu xung” ra tay cứu giúp không hề nao núng, dù dân làng hết sức khuyên ngăn. Hành động đánh và thắng bọn cướp, không chỉ bộc lộ tính cách dũng cảm, tài năng - giỏi võ, mà trên hết đó là tấm lòng nhân nghĩa của Lục Vân Tiên.

Một mình xông pha vào giữa bọn “lâu la” làm cho chúng phải quăng cả vũ khí để chạy tháo thân, còn tên đầu đảng thì:

*Phong Lai trở chẳng kịp tay,
Bị Tiên một gậy thác rày thân vong.*

Thế nhưng sau khi đánh tan bọn cướp manh động, Lục Vân Tiên đã trở về với thái độ của một môn sinh chuẩn mực theo tư tưởng của Nho giáo khi tiếp xúc với nữ giới:

*Khoan khoan ngời đó chớ ra,
Nàng là phận gái, ta là phận trai.*

Là người thấm nhuần sách thánh hiền của đạo Khổng nên cách thể hiện của Lục Vân Tiên trước Kiều Nguyệt Nga là hoàn toàn hợp lý ở bối cảnh xã hội thời kỳ đó. Không những thế, xong việc nghĩa, khi nghe Kiều Nguyệt Nga ngỏ lời đền đáp:

*Hà Khê qua đó cũng gần,
Xin theo cùng thiếp đền ơn cho chàng.
Gặp đây đương lúc giữa đàng,
Của tiền không có, bạc vàng cũng không.
Gấm câu báo đức thù công,
Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng người”.*

thì ngay lập tức:

*Vân Tiên nghe nói liền cười:
“Làm ơn há dễ trông người trả ơn.
Này đà rõ đặng nguồn cơn,
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì?
Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.*

Điều đó cho thấy nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu xây dựng hình tượng nhân vật Lục Vân Tiên luôn kiên định với tư tưởng làm một người đàn ông trong xã hội Nho giáo chuẩn mực là hành hiệp trượng nghĩa với tinh thần “thi ân bất cầu báo”.

Trong truyện *Lục Vân Tiên*, ngay từ đầu, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã nhấn mạnh các phẩm chất đạo đức cơ bản của trai, gái thời phong kiến với tư tưởng Nho gia - trung hiếu, tiết hạnh:

*Trai thời trung hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình.*

và:

*... Trọn đời một tấm lòng son
Chí lăm trả nợ nước non cho rồi
... Làm trai ơn nước, nợ nhà
Thảo cha, ngay chúa mới là tài danh.*

Với những triều đại phong kiến lấy Nho giáo làm trọng, hoặc lấy Nho giáo làm quốc giáo để cai trị đất nước, thì yêu nước chính là trung với vua - “trung quân ái quốc”. Vì lòng trung, nên người quân tử theo tư tưởng Nho giáo thường có mục đích, lý tưởng là tham gia thi cử và mong muốn được đỗ đạt để giúp vua, giúp đời. Với tân Trạng nguyên Lục Vân Tiên, trước việc đất nước bị giặc xâm lược, chàng đã sẵn sàng gác lại niềm hạnh phúc cá nhân, gia đình để lãnh binh ra trận đánh tan kẻ cướp nước.

Kiều Nguyệt Nga và người hầu của nàng lại có cách thể hiện lòng trung quân ái quốc khác với đấng nam nhi trong thời phong kiến. Theo đó, Kiều Nguyệt Nga đã tuân lệnh vua để đi cống cho giặc. Và khi Kiều Nguyệt Nga nhảy sông tự vẫn, người hầu của nàng đã sẵn sàng thay thế tiểu thư của mình để tiếp tục làm trọn nghĩa vụ với non sông, đất nước, góp phần giữ yên bờ cõi nước nhà.

Bên cạnh chữ trung, đạo hiếu cũng là một trong những phẩm chất đạo đức được đề cao, ca ngợi trong xã hội phong kiến theo tư tưởng Nho gia. Triết lý Nho giáo cho rằng: “Nếu hiếu là điều trước tiên của trăm nét, nét hiếu thấu đến trời thì gió mưa thuận mùa, nét hiếu thấu đến đất thì muôn vật thịnh tốt, nét hiếu thấu đến người thì mọi phúc đều đem lại”¹. Và trong truyện *Lục Vân Tiên* của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, hình tượng nhân vật đại diện cho đạo hiếu là Lục Vân Tiên. Khi hay tin mẹ mất, vì thương yêu mẹ hết mực, nên Lục Vân Tiên đã:

*Hai hàng lụy ngọc rờn rờn,
Tưởng bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu.
Cánh buồm bao quản gió xiêu,
Ngàn trùng biển rộng chín chiu ruột đau.
Thương thay chín chữ cù lao,
Ba năm nhũ bộ biết bao nhiêu tình.*

1. Phạm Thị Mai Hiền: *Nhân vật Từ Hải và nhân vật Lục Vân Tiên nhìn theo quan điểm giới*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, 2012, tr.71.

Cũng chính vì chữ hiếu, Lục Vân Tiên đã quyết định không tham gia cuộc thi, quay về quê nhà chịu tang mẹ. Trên đường đi, vì quá thương nhớ mẹ mà ông khóc đến kiệt sức và ngã bệnh dẫn đến mù cả đôi mắt. Chúng ta hiểu rằng, thời phong kiến, khoảng cách thời gian giữa các khoá thi trạng là vài ba năm. Việc đi lại để tham gia cuộc thi cũng không phải là điều dễ dàng. Mặt khác, với nam giới thời phong kiến theo tư tưởng Nho gia, việc thi đỗ, làm quan được xem là một trong những chuẩn mực cao nhất cho sự thành công. Đặt quyết định bỏ thi để về chịu tang mẹ của Lục Vân Tiên trong bối cảnh chế độ khoa cử thời đó mới thấy được rằng Lục Vân Tiên chính là hình tượng tiêu biểu và cao cả nhất cho đạo hiếu của tư tưởng Nho gia.

Theo quan điểm Nho giáo, nam giới có thể được quyền “năm thê bảy thiếp”, nhưng “*Gái thời tiết hạnh là câu trau mình*”. Tiết hạnh của người phụ nữ theo tư tưởng Nho giáo là tam tông (tại gia tông phụ, xuất giá tông phu, phu tử tông tử) và tứ đức (công, dung, ngôn, hạnh). Trong truyện Nôm *Lục Vân Tiên*, biểu tượng cho tiết hạnh của người phụ nữ thời phong kiến Nho giáo chính là nhân vật Kiều Nguyệt Nga. Vì chịu ơn cứu mạng và những tình cảm đầu đời sâu sắc với Lục Vân Tiên, Nguyệt Nga tự nguyện đến chăm sóc cha Lục Vân Tiên như là một người con dâu thật sự:

*Bảy ngày rồi việc làm chay
Lại đem tiền bạc tạ rày Lục ông
Trông chồng mà chẳng thấy chồng
Đã đành một nỗi má hồng vô duyên.*

Khi chuẩn bị lên đường đi cống nạp cho giặc, Kiều Nguyệt Nga đã sang nhà cha Lục Vân Tiên làm lễ tiễn biệt như một người dâu thảo, vợ hiền dù giữa nàng với Lục Vân Tiên chỉ mới là hôn ước cá nhân. Và rồi cũng vì giữ hai chữ “tiết hạnh” với Lục Vân Tiên, mà Kiều Nguyệt Nga nhảy sông tự vẫn khi trên đường đi cống cho giặc, và sau đó là tìm mọi cách để trốn khỏi nhà Bùi Kiệm, khi tên này đòi lấy nàng làm vợ. Qua hình tượng nhân vật Kiều Nguyệt Nga, chúng ta thấy rất rõ quan niệm sâu sắc của Nho giáo về “tiết hạnh” của người phụ nữ xưa.

- *Tư tưởng Nho giáo được thể hiện qua ngôn ngữ, điển cố*

Cũng như nhiều tác phẩm văn học chịu ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo khác, trong truyện Nôm *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu đã sử dụng một lượng rất lớn từ Hán - Việt. Các từ này xuất hiện dưới nhiều dạng thức khác nhau như: từ đơn, từ ghép, điển cố, điển tích, thuật ngữ trong y học, bói toán hay thành ngữ... tất cả góp phần thể hiện sự đa dạng và phong phú trong ngôn từ của Nguyễn Đình Chiểu. Nhận định về điều này, tác giả Đặng Văn Tính viết: “Từ ngữ Hán - Việt trong truyện *Lục Vân Tiên* có một sức hút thật mãnh liệt đối với người đọc. Điều này được thể hiện thông qua những dạng thức khác nhau của ngôn ngữ Hán - Việt như: hệ thống các thành ngữ, điển cố phù hợp... được vận dụng một cách linh hoạt và khéo léo nhằm thể hiện nhân sinh quan của nhà thơ về những giá trị tư tưởng nhân nghĩa, đạo đức ở đời”¹.

- *Ý nghĩa của tư tưởng Nho giáo trong tác phẩm Lục Vân Tiên trong đời sống hiện đại ngày nay*

Tư tưởng Nho giáo được Nguyễn Đình Chiểu chuyển tải trong truyện Nôm *Lục Vân Tiên* là sản phẩm của xã hội phong kiến ở Việt Nam vào thế kỷ XIX. Do đó, không phải toàn bộ tư tưởng Nho giáo đó còn phù hợp với xã hội đương đại. Tuy nhiên, xét từ nhiều phương diện khác nhau, một số tư tưởng Nho giáo vẫn còn giá trị trong đời sống xã hội hiện nay. Điển hình như tư tưởng về đạo hiếu. Đây rõ ràng là một trong những giá trị cốt lõi, căn bản của con người phương Đông. Tư tưởng này không chỉ có trong hệ thống triết lý Nho giáo, mà nó còn xuất hiện từ rất lâu trong văn hóa truyền thống của người Việt Nam ngay cả trước khi Nho giáo xuất hiện. Minh chứng là trong kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam có nhiều câu chuyện về đạo hiếu. Trong đời sống xã hội ngày nay, khi mà nhiều giá trị nhân bản của con người có dấu hiệu suy đồi,

1. Đặng Văn Tính: *Tư tưởng Nho giáo trong truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu*, Tóm tắt Luận văn Thạc sĩ Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Đà Nẵng, 2015, tr.19.

mai một, thì việc đề cao đạo hiếu được thể hiện trong truyện *Nôm Lục Vân Tiên* cũng là điều nên làm.

Một tư tưởng Nho giáo khác trong truyện *Lục Vân Tiên* cũng cần được phát huy sống động hơn trong xã hội ngày nay là sự hào hiệp, nhân nghĩa, tinh thần xả thân cứu giúp người hoạn nạn. Tất nhiên, ngày nay, xã hội vẫn có rất nhiều người hành hiệp trượng nghĩa, và tất nhiên vẫn còn rất nhiều người sẵn sàng cứu giúp người khác khi họ gặp khó khăn. Điều này được thể hiện qua rất nhiều quỹ từ thiện được thành lập với số tiền đóng góp nhiều tỷ đồng. Đặc biệt, trong những năm dịch bệnh phức tạp gần đây, rất nhiều người đã sẵn sàng bỏ công sức, tiền của ra để giúp người, giúp đời. Nhưng bên cạnh đó, chúng ta cũng thấy rất nhiều cái xấu, cái ác “lên ngôi”, thậm chí có xu hướng gia tăng theo từng năm. Vì vậy, sự hào hiệp, nhân nghĩa của mỗi con người không chỉ cần tồn tại trong xã hội phong kiến, mà bất kỳ xã hội nào cũng vô cùng cần thiết.

Đối với những phẩm chất đạo đức có tính chất Nho giáo của người phụ nữ thông qua hình tượng nhân vật Kiều Nguyệt Nga, sự thủy chung, đoan chính là những giá trị cần được tôn vinh, phát huy đối với người phụ nữ ngày nay và ngày sau. Bởi dù trong xã hội nào, lòng chung thủy, sự đoan chính cũng là những giá trị nhân văn sâu sắc, đáng được ca ngợi, giữ gìn và tôn vinh. Ngày nay, người phụ nữ có môi trường sống, lao động rộng mở hơn. Họ không còn bị giới hạn bởi không gian gia đình, làng xóm. Nhờ đó, họ có nhiều cơ hội tiếp xúc, giao lưu với nhiều người, nhiều mối quan hệ xã hội hơn. Điều đó cũng đồng nghĩa rằng, người phụ nữ sẽ gặp nhiều thử thách trong việc giữ gìn lòng thủy chung, sự đoan chính của chính bản thân mình, cũng là góp phần giữ gìn hạnh phúc gia đình.

Thay lời kết

Nhiều nhà nghiên cứu đã nhận định, trong kho tàng truyện Nôm của Việt Nam được sáng tác vào thế kỷ XIX, không nhiều tác phẩm có thể so sánh với truyện thơ *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu về mặt giá trị

nghệ thuật, cũng như phản ánh xã hội hiện thực đương thời. Tuy nhiên, sau hơn 100 năm, những giá trị to lớn mang tư tưởng Nho giáo sâu sắc của tác phẩm vẫn bền bỉ sức sống trong xã hội đương đại ngày nay. Hình tượng những nhân vật Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, Tiểu đồng, Vương Tử Trực, Hồn Minh,... vẫn có những chất liệu rất sống động trong đời sống văn hóa mới. Người đời nay vẫn nhận thấy đâu đó hình bóng của mình trong những nhân vật này. Phải chăng, đó chính là điều làm nên sức sống của tác phẩm truyện Nôm *Lục Vân Tiên*. Với tâm tình của một người làm công tác giảng dạy trong ngành văn hóa, bản thân tác giả bài viết này rất mong muốn những giá trị nhân văn mang màu sắc triết học Nho giáo được Nguyễn Đình Chiểu chuyển tải trong hệ thống nhân vật của ông qua tác phẩm này được tiếp tục bảo tồn, phát huy, phát triển./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Văn Ánh: *Nguyễn Đình Chiểu: Tác phẩm chọn lọc*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009.
- [2] Phạm Thị Mai Hiền: *Nhân vật Từ Hải và nhân vật Lục Vân Tiên nhìn theo quan điểm giới*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, 2012.
- [3] Trần Thị Thu Hương: *Giá trị đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu với đời sống văn hóa dân tộc*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, 2017.
- [4] Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh Bến Tre: *Bến Tre: đất và người*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2020.
- [5] Công Nam: “Người thầy thuốc có tám lòng mẫu mực”, <http://baolamdong.vn/xahoi/202002/nguyen-dinh-chieu-nguoi-thay-thuoc-co-tam-long-mau-muc-2990240/>, truy cập ngày 19/02/2022.

-
- [6] Lê Bình Nguyên: “Triết học Nho gia trong truyện *Lục Vân Tiên* và trong văn chương của Nguyễn Công Trứ”: <http://lienhiephoi.soctrang.gov.vn/index.php/di-n-dan/281-tri-t-h-c-nho-gia-trong-truy-n-l-c-van-tien-va-trong-van-chuong-nguy-n-cong-tr>, truy cập ngày 20/02/2022
- [7] Thạch Phương, Đoàn Tứ (Chủ biên): *Địa chí Bến Tre* (Tái bản lần thứ hai), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.
- [8] Lê Minh Quốc: *Người Bến Tre*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2020.
- [9] Trần Văn Tích: *Nho y Nguyễn Đình Chiểu*, An Tiêm xuất bản lần thứ nhất, Pari, Pháp, 1993.
- [10] Đặng Văn Tính: *Tư tưởng Nho giáo trong truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu*, Tóm tắt Luận văn Thạc sĩ Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Đà Nẵng, 2015.

**DANH NHÂN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU (1822 - 1888),
TIẾP CẬN TỪ VĂN HÓA HỌC**

PGS.TS. PHẠM LAN OANH*

Tóm tắt: Đã có nhiều nghiên cứu chuyên luận, tiểu luận của các nhà khoa học trong và ngoài nước nghiên cứu về con người và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu từ nhiều góc độ tiếp cận, khẳng định Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ lớn, một thầy giáo giỏi, một thầy thuốc tâm đức. Tiếp cận từ Văn hóa học, trong bài viết này, tác giả trình bày những ảnh hưởng của Nguyễn Đình Chiểu từ phương diện cuộc đời và tác phẩm tới đời sống văn hóa, nghệ thuật, ảnh hưởng tới lối sống của người dân Bến Tre nói riêng, người dân Nam Bộ nói chung gần 200 năm qua. Đồng thời, bài viết phân tích vị thế, đóng góp của Nguyễn Đình Chiểu trong lịch sử - văn hóa Nam Bộ và lịch sử - văn hóa Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XIX đến nay; bước đầu đề xuất giải pháp để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu được UNESCO vinh danh nhân kỷ niệm 200 năm ngày sinh.

Từ khóa: Danh nhân văn hóa; Nguyễn Đình Chiểu; Văn hóa học.

**CELEBRITY NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU (1822 - 1888),
FROM CULTURAL APPROACH**

Abstract: There have been many types of research and essays by domestic and foreign researchers studying

* Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam. Liên hệ: lanoanhvht@gmail.com

Nguyễn Đình Chiểu's life and career from different perspectives to affirm that Nguyễn Đình Chiểu is a famous poet, a great teacher, and a reputed healer. From a cultural studies approach, the author of this paper presents the influences of celebrity Nguyễn Đình Chiểu on the cultural life of the community living in Ben Tre province in particular and the communities living in the South of Vietnam over the past two hundred years.

At the same time, this essay analyses Nguyễn Đình Chiểu's contribution as well as his position in the cultural history of Southern Vietnam and the second half of the 19th-century Vietnamese history to the present; Therefore, initiating to provide preservation proposal solutions and promote the cultural heritage value of cultural celebrity Nguyễn Đình Chiểu honoured by UNESCO on the 200th anniversary of his birth.

Keywords: Personality great; Nguyễn Đình Chiểu; Cultural studies.

Toàn văn

1. Mở đầu

Đã có hàng trăm nghiên cứu chuyên luận, tiểu luận của các nhà khoa học trong và ngoài nước nghiên cứu về con người và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu dưới góc độ nghệ thuật ngôn từ, tri thức đông y, khẳng định Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ lớn, có vị trí đặc biệt trong lịch sử văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX; đồng thời cũng là người thầy giáo mẫu mực, người thầy thuốc hết lòng vì sức khỏe cộng đồng. Tiếp cận từ Văn hóa học với Nguyễn Đình Chiểu là cần thiết vì rõ ràng, những ảnh hưởng của Nguyễn Đình Chiểu trong đời sống văn hóa, nghệ thuật đã tác động đến lối sống của người dân Bến Tre nói riêng, người dân Nam Bộ nói chung gần 200 năm qua một cách trực

tiếp và gián tiếp. Nguyễn Đình Chiểu đã đi về thế giới bên kia, nhưng những giá trị văn hóa để lại cho hậu thế vẫn được người đời ngợi ca, trân trọng.

2. Khái niệm “danh nhân” và “danh nhân văn hóa”

Khái niệm “danh nhân” là một khái niệm xuất hiện muộn trong đời sống khoa học Việt Nam. Các nhà nho thời quân chủ khi viết sách địa chí đều dành những trang viết về các danh nhân và các vị ấy gọi là nhân vật chí.

Trong *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Paulus Của xuất bản năm 1895, không có mục từ “danh nhân”. Thuật ngữ “danh nhân” xuất hiện từ trước năm 1945 trong *Hán Việt từ điển* của tác giả Đào Duy Anh, được hiểu là: “Người có tiếng ai cũng biết”¹. Nội hàm của thuật ngữ này đến năm 2005, trong *Từ điển tiếng Việt*, vẫn giữ như vậy: “Người có tiếng tăm lừng lẫy”².

Năm 1993, trong Nghị quyết 142 EX/18 về *Thiết lập hệ thống bảo vật nhân văn sống*, UNESCO giải thích: “Bảo vật nhân văn sống là chỉ một người trội hơn người khác trong việc biểu diễn âm nhạc, múa, trò chơi, kịch và nghi thức có giá trị nghệ thuật và lịch sử nổi bật của các nước...”³.

Khi các quốc gia thành viên của UNESCO có danh nhân được kỷ niệm năm mất/năm sinh theo danh sách được ghi danh, khái niệm “danh nhân” - dùng từ tiếng Anh: personality để chỉ “danh nhân văn hóa”. Theo *Từ điển bách khoa toàn thư* của Mỹ, nội hàm cụm từ “danh nhân văn hóa” của UNESCO được hiểu: Danh nhân văn hóa - một con người như là hiện thân của những nét đặc thù của trí tuệ và của nhân cách

1. *Hán Việt từ điển*, Nxb. Trường Thi, Sài Gòn, 1958, tr.196.

2. Nhiều tác giả: *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2005, tr.243.

3. Bản dịch của Nguyễn Thị Thu Hương in trong sách *Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam*, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, tái bản lần thứ hai có bổ sung, 2009, tr.274.

(Personality - a person as the embodiment of distinctive traits of mind and behaviour)¹.

Ở Việt Nam, *Luật di sản văn hóa* năm 2001 và *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa* năm 2009 chưa đề cập danh nhân và danh nhân văn hóa. Vì thế, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi sử dụng nội hàm khái niệm “danh nhân” trong *Hán Việt từ điển* và *Từ điển tiếng Việt* như đã dẫn ở trên và kết hợp với cách hiểu của quốc tế.

Trong lịch sử văn hóa Việt Nam, việc tôn vinh những người nổi tiếng, có công với dân, với nước như một phương thức bảo tồn và phát triển văn hóa đã được quan tâm từ thời phong kiến. Xuất phát từ quan điểm coi danh nhân văn hóa là những con người có nhân cách văn hóa, là bộ phận đáng tự hào của di sản văn hóa dân tộc, là nguồn tư liệu phong phú để nhận biết về lịch sử văn hóa truyền thống, “Nhân cách văn hóa là hệ thống những phẩm giá của một người được đánh giá từ mối quan hệ qua lại của người đó với thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh, trong cái nhìn xuyên suốt quá khứ, hiện tại và tương lai. Nhân cách văn hóa được xây dựng và hình thành trong toàn bộ thời gian con người tồn tại trong thế giới và vẫn còn lưu lại sau khi người đó đã mất đi”².

3. Nguyễn Đình Chiểu trong tâm thức dân gian và đời sống văn hóa

Trong đời sống văn hóa hôm nay của các tỉnh Nam Bộ nói riêng, cả nước nói chung, Nguyễn Đình Chiểu đã được khẳng định như một danh nhân văn hóa, có tiếng tăm lừng lẫy.

a) Trong tâm thức dân gian

Nhìn nhận vị thế của Nguyễn Đình Chiểu trong tâm thức dân gian có một hoạt động mà giới nghiên cứu khoa học thường sử dụng là điều tra

1. Xem Phan Tử Phùng: “Nên gọi họ là vĩ nhân văn hóa”, Báo *Tiền phong*, ngày 22/02/2015, nguồn <https://tienphong.vn/nen-goi-ho-la-vi-nhan-van-hoa-post759750>. amp, truy cập ngày 19/3/2022.

2. Hoàng Tuấn Anh, Nguyễn Chí Bền, Từ Thị Loan, Vũ Anh Tú: *Xây dựng nhân cách văn hóa, những bài học kinh nghiệm trong lịch sử Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2012, tr.19.

xã hội học. Năm 2015, tác giả Lê Văn Hỷ thực hiện điều tra xã hội học ở một số địa phương, trong đó có tỉnh Bến Tre. Trong 694 phiếu điều tra bảng hỏi thì có 663 phiếu người trả lời “có biết Nguyễn Đình Chiểu”. “Có 31/694, chiếm 4,5% “không biết Nguyễn Đình Chiểu”, không có trường hợp nào trong số này có học lực giỏi. Trong số những ý kiến cho biết không thích Nguyễn Đình Chiểu thì không có trường hợp nào của tỉnh Bến Tre, trường hợp này cho thấy, đến tại thời điểm này trong lòng người dân nơi ông sống những năm cuối đời và mất ở đó vẫn dành cho ông sự yêu thích và tình cảm trân trọng nhất”¹. Như thế, một cứ liệu điều tra bảng hỏi tại một thời điểm, đã khẳng định Nguyễn Đình Chiểu là một “người có tiếng, ai cũng biết”.

Các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu được phổ biến đã lâu, trong đó truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên* đã sống trong đời sống văn hóa của người dân Nam Bộ gần 200 năm nay. Các nhân vật Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, Vương Tử Trực, Hồn Minh đã bước ra khỏi trang sách, hòa nhập vào cuộc sống như những con người thực ngoài đời.

Sức sống của truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên*, ngay từ năm 1864, nghĩa là mới 2 năm cai trị Nam Kỳ lục tỉnh, người Pháp đã nhận ra: “... tập truyện thơ Lục Vân Tiên lại được lưu truyền rất rộng rãi trong nhân dân, đến nỗi ở Nam Kỳ lục tỉnh, có lẽ không một người chài lưới hay người lái đò nào lại không ngâm nga vài ba câu trong khi đưa đẩy mái chèo”² và “... trên các ngã đường, người An Nam ngồi xõm xung quanh một người cùng khổ quần áo rách rưới, thường là một kẻ mù lòa, kể chuyện Lục Vân Tiên, có khi đến hàng giờ mà người nghe không biết chán, gõ nhịp bằng mấy cái sanh đồng gồm mấy đồng tiền xâu vào chiếc

1. Lê Văn Hỷ: *Lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017, tr.173.

2. G. Aubaret: *Lời nói đầu bản dịch Lục Vân Tiên ra tiếng Pháp*, in trên Báo *Châu Á*, loại thứ 6, tập III, tháng Giêng và Hai, 1864, bản dịch của Lê Xuân Ninh, chuyển dẫn từ *Một số tư liệu về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1965, tr.8.

đũa: lúc đó mới hiểu ảnh hưởng của Lục Vân Tiên đối với dân tộc An Nam như thế nào”¹.

Người dân Nam Bộ, cả người bình dân và cả nhà nho, sử dụng các câu thơ trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu để từ đó sáng tác thành những câu hát, tạo ra một thể loại trong loại hình dân ca: *Nói thơ Vân Tiên*. Đây là một thể loại biểu diễn dân gian thu hút sự quan tâm của nhiều nhà folklore mà phạm vi bài viết này, chúng tôi xin không đi sâu nghiên cứu.

Liên tục gần 160 năm qua, ở cả miền Nam, miền Bắc, truyện thơ *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu được xuất bản và tái bản nhiều lần. Có nhà xuất bản trong hai, ba năm liên tục xuất bản truyện thơ này. Đương nhiên, sách có người đọc thì nhà xuất bản mới in ra và bán được. Ở nước ngoài, truyện thơ *Lục Vân Tiên* đã được dịch sang tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nhật và tiếng Hàn..., nghĩa là tác phẩm có một sức sống và thật sự là hành trang tinh thần của người Nam Bộ nói riêng, Việt Nam nói chung, cũng như người nước ngoài gần 200 năm qua. Đồng thời, cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là một mẫu hình văn hóa, có thể nói, hằn vết trong tâm thức người dân. Từ Phan Văn Hùm trong chuyên luận *Nỗi lòng Đồ Chiểu* năm 1938 cho đến gần 100 tác giả tham luận trong Hội nghị khoa học về Nguyễn Đình Chiểu² năm 1982... đều khẳng định người thầy thuốc, thầy giáo Nguyễn Đình Chiểu có một vị trí đặc biệt trong tâm thức người dân Bến Tre cũng như người dân cả nước. “Các cụ bô lão ở vùng Ba Tri kể lại rằng khi cụ Nguyễn Đình Chiểu chết..., ngoài những người thân và môn đệ của thầy còn có những thân chủ của những bệnh nhân được thầy cứu

1. Eug. Bajot: Lời ghi ở đầu quyển *Truyện trạng nguyên Lục Vân Tiên*, Nxb. Challamel, Paris, 1887, bản dịch của Lê Xuân Ninh, chuyển dẫn từ *Một số tư liệu về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Sdd, tr.28, 29.

2. Nhiều tác giả: *Nguyễn Đình Chiểu*, Kỷ yếu Hội nghị khoa học về nhân kỷ niệm lần thứ 160 ngày sinh của nhà thơ (1822 - 1982), Ty Văn hóa - Thông tin, Hội Văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre, 1984.

sống đến trước bàn thờ chịu tang coi như những người ruột rà máu mủ của mình vậy... ngày ấy, cánh đồng An Bình Đông, nơi ông yên nghỉ cuối cùng, trắng xóa khăn tang của các cháu con cụ Đồ, của những môn đệ, của những thân chủ xa gần thọ ơn cụ, của đông đảo quần chúng mến mộ tài và đức của cụ”¹. Vì thế, cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu trở thành đề tài cho rất nhiều các tác giả viết kịch bản cải lương, kịch nói, tuồng đã được xuất hiện trên sân khấu hơn 100 năm qua như V.C., Cao Hoài Sang, Hồ Biểu Chánh, Ngọc Cung, Đỗ Văn Rỡ, Ngô Mạn, Hà Văn Cầu, Hoàng Như Mai, v.v..². Các nhà thơ, nhà văn đã có những sáng tác văn chương về cuộc đời và sự nghiệp hay nhân vật trong tác phẩm của ông, người thân của ông, chẳng hạn nhà thơ Thanh Thảo có trường ca *Những nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Trò chuyện với nhân vật của mình*, nhà văn Hoài Anh có truyện lịch sử *Đuốc lá dừa*, nhà văn Thái Vũ có *Tuổi xanh Nguyễn Đình Chiểu*, tác giả Nguyễn Phương Thảo có *Nữ sĩ Sương Nguyệt Anh*.

Như thế, Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu đã thực sự “sống cùng” và “sống trong” đời sống tinh thần của người dân với những biểu hiện đa dạng khác nhau. Nói cách khác, Nguyễn Đình Chiểu đã thông qua các sáng tác và lịch sử cuộc đời của mình, hòa quyện vào tâm thức của dân, đặc biệt là người dân Nam Bộ.

b) Trong đời sống văn hóa

Với một danh nhân văn hóa, không thể không xem xét vị thế của tác giả trong lịch sử văn hóa Việt Nam. Ở phương diện văn chương, đánh giá của Thủ tướng Phạm Văn Đồng vào năm 1963 trong bài viết *Nguyễn Đình Chiểu - ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* vẫn nguyên giá trị. Năm 1982, tác giả Lê Trí Viễn tiếp tục khẳng định:

1. Đoàn Tút: “Đôi theo vết chân cụ Đồ trên vùng đất Ba Trĩ”, in trong *Nguyễn Đình Chiểu*, Kỷ yếu Hội nghị khoa học năm 1982, Sở Văn hóa và Thông tin, Hội Văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre, 1984, tr.37, 39.

2. Xem *Sáng tạo văn hóa nghệ thuật về Nguyễn Đình Chiểu*, Hội Văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre, 2022.

Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao càng nhìn càng sáng trong một chuyên luận¹. Năm 2001, tác giả Đoàn Lê Giang lại tiếp tục khẳng định khi ông dùng nhóm từ “ngôi sao sáng” trong cuốn sách do ông tuyển chọn và biên soạn dày 170 trang: *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc*². Thực ra, đó là cách diễn đạt vị thế của Nguyễn Đình Chiểu trong lịch sử văn học Việt Nam của các tác giả từ Phạm Văn Đồng đến Lê Trí Viễn và Đoàn Lê Giang. Văn chương là một thành tố của văn hóa, cho nên những năm qua, một số tác giả đã bước đầu tiếp cận Nguyễn Đình Chiểu từ góc nhìn văn hóa. Năm 1998, tác giả Nguyễn Văn Châu có bài viết *Nguyễn Đình Chiểu nhân cách một nhà văn hóa lớn* rồi ông sửa chữa và công bố trên tạp chí *Văn nghệ Bến Tre* năm 2002. Năm 2020, tác giả Nguyễn Chí Bền, trên cơ sở báo cáo khoa học trình UNESCO đã chuyển thành sách in ba thứ tiếng Việt, Anh, Pháp: *Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), nhà thơ lớn, nhà văn hóa kiệt xuất*³ và sách in hai thứ tiếng Việt, Nga⁴. Trong cuốn sách, tác giả Nguyễn Chí Bền đã khẳng định, Nguyễn Đình Chiểu là một nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam trong thế kỷ XIX.

Nguyễn Đình Chiểu đã rời xa thế giới này 134 năm. Những năm qua, có thể còn những tranh luận về bài thơ này hay văn bản tác phẩm kia, nhưng tất cả đều thống nhất nhận định Nguyễn Đình Chiểu là một Danh nhân văn hóa tiêu biểu của Việt Nam trong thế kỷ XIX. Ngày 23/11/2021, Đại hội đồng UNESCO đã thông qua Nghị quyết 41C/15 kỷ niệm 200 năm ngày sinh của Nguyễn Đình Chiểu.

1. Lê Trí Viễn: *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao càng nhìn càng sáng*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1982; Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002.

2. Đoàn Lê Giang: *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.

3. Nguyễn Chí Bền: *Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), nhà thơ lớn, nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2020.

4. Nguyễn Chí Bền: *Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), nhà thơ lớn, nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb. FEFU, Vladivostok, 2021.

4. Bảo vệ và phát huy giá trị của danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu

a) Thực trạng

Nhìn lại việc bảo tồn, phát huy các giá trị của Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, chúng tôi nhận thấy đã đạt được những nội dung chủ yếu như sau:

Thứ nhất, trên khu đất mà người học trò đã hiến tặng, dòng họ, cộng đồng địa phương và các thể chế xã hội đã xây dựng Mộ và Nhà lưu niệm tương đối khang trang tại xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Nhà nước đã công nhận Khu mộ và Nhà lưu niệm là Di tích lịch sử - văn hóa quốc gia. Năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã công nhận Khu mộ và Nhà lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu là Di tích quốc gia đặc biệt. Mộ và Nhà lưu niệm trở thành một điểm trong tour du lịch Bến Tre nói riêng, Nam Bộ và cả nước nói chung. Những năm qua, nhiều du khách trong nước, nước ngoài khi đến Bến Tre đều về đây viếng ông và tham quan nhà trưng bày về ông.

Thứ hai, khác nhau về mục đích tổ chức kỷ niệm. Năm 1943, chính quyền Pháp ở Nam Bộ đã tổ chức kỷ niệm 55 ngày mất của ông. Năm 1971, chính quyền Việt Nam Cộng hòa tại Sài Gòn tổ chức 150 năm ngày sinh của ông. Năm 1963, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tổ chức kỷ niệm 75 năm ngày mất của ông, năm 1972 kỷ niệm 150 năm ngày sinh của ông. Sau năm 1975, đất nước thống nhất, năm 1982, tỉnh Bến Tre thay mặt cả nước kỷ niệm lần thứ 160 ngày sinh của ông. Từ năm 1992, tỉnh Bến Tre đã tổ chức ngày hội văn hóa Bến Tre nhân ngày sinh, ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu vào những ngày đầu tháng 7 hằng năm.

Thứ ba, các nhà xuất bản trong nước, nước ngoài ngay khi Nguyễn Đình Chiểu còn sống đã xuất bản tác phẩm của ông và những công trình nghiên cứu, cả chuyên luận và tiểu luận về con người và sự nghiệp của

Nguyễn Đình Chiểu¹. Chỉ tính riêng truyện thơ *Lục Vân Tiên* đã có hơn 70 lần được xuất bản bằng tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Hàn. Đã có 22 tác giả công bố các chuyên luận về Nguyễn Đình Chiểu từ năm 1938 đến nay như Phan Văn Hùm, Nguyễn Bá Thế, Thái Bạch, Trần Văn Giàu, Lê Trí Viễn, Nguyễn Chí Bền, Nguyễn Phong Nam, Nguyễn Phước Hoàng, v.v.. Đã 8 tuyển tập tiểu luận, 133 tiểu luận riêng lẻ về Nguyễn Đình Chiểu. Trong số các tác phẩm này, có những tác phẩm mới công bố bằng tiếng nước ngoài hoặc xuất bản bằng tiếng nước ngoài ở nước ngoài mà bạn đọc Việt Nam chưa được tiếp cận. Trong số hàng trăm tác giả công bố các tiểu luận về Nguyễn Đình Chiểu bằng tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nga mà một số nhà xuất bản đã tuyển lựa thành các tập tiểu luận xuất bản trong những năm qua được giới khoa học đánh giá cao như: *Một số vấn đề về cuộc đời và sự nghiệp Nguyễn Đình Chiểu* (1964/1969), *Sưu tập các bài báo về Nguyễn Đình Chiểu* (1971), *Sưu tập bổ túc các bài báo về Nguyễn Đình Chiểu* (1971), *Nguyễn Đình Chiểu tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật* (1973), *Nguyễn Đình Chiểu, về tác giả và tác phẩm* (1998)...

Thứ tư, năm 1982, Hội nghị khoa học quốc gia nhân 160 năm ngày sinh của Nguyễn Đình Chiểu đã được tổ chức tại Bến Tre. Cuối tháng 6 năm 2022, Hội thảo khoa học quốc tế về Nguyễn Đình Chiểu với tên gọi *Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu trong thời đại ngày nay* sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan hữu trách tổ chức.

1. Bài viết này có kế thừa kết quả nghiên cứu khoa học từ đề tài cấp tỉnh năm 2022: *Sưu tầm, số hóa những công trình nghiên cứu về nhà thơ, nhà văn hóa Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888)*, Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Chí Bền, thư ký: Nguyễn Thị Hồng Thắm, thành viên tham gia: Từ Thị Loan, Trần Hoài Anh, Nguyễn Thế Dũng, Phạm Lan Oanh, Phan Phương Anh, Phạm Văn Luân, Vũ Anh Tú, Lý Hồng Phượng, Nguyễn Mạnh Tú. Đề tài cho biết có 1.110 đầu tài liệu trong và ngoài nước liên quan tới Nguyễn Đình Chiểu.

Thứ năm, trước năm 1975, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam đã có Giải thưởng Nguyễn Đình Chiểu cho các tác giả hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật. Sau năm 1975, tỉnh Bến Tre có Giải thưởng Nguyễn Đình Chiểu trao tặng cho các tác giả hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật. Đã qua hai lần trao giải thưởng, nhiều tác giả đã vinh dự được nhận giải thưởng này của tỉnh Bến Tre.

Thứ sáu, truyện thơ *Lục Vân Tiên* và bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* đã được đưa vào giảng dạy trong nhà trường, cấp trung học phổ thông. Tác giả Nguyễn Đình Chiểu đã được đưa vào giáo trình lịch sử văn học Việt Nam ở các trường đại học Sư phạm, đại học Khoa học xã hội và Nhân văn. Nhiều sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh đã làm khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án về con người và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu.

Thứ bảy, trong cộng đồng, việc chuyển hóa tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu thành một loại hình dân ca: *Nói thơ Vân Tiên* có sức sống lan tỏa khắp địa bàn Nam Bộ. Nhân vật của Nguyễn Đình Chiểu trở thành nhân vật trong lời của các bài ca dao, các giai thoại lưu hành ở Nam Bộ, đặc biệt là vùng Tây Nam Bộ. Các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác như Tuồng, Cải lương, Kịch cũng tái hiện cuộc đời, sự nghiệp văn thơ, các nhân vật trong các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu trở thành các sáng tạo văn hóa nghệ thuật góp phần làm phong phú hơn đời sống tinh thần của người dân hơn 100 năm qua.

b) Một số giải pháp và khuyến nghị

Trước hết, bối cảnh hiện nay, Nguyễn Đình Chiểu từ xứ Dừa của tỉnh Bến Tre bước ra thế giới, là danh nhân mà các nước thành viên của UNESCO cùng kỷ niệm 200 năm ngày sinh đã cho thấy sự thay đổi với một danh nhân văn hóa. Mặt khác, nhân loại bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0). Vậy, công việc bảo tồn, phát huy giá trị của Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu cần quan tâm tới các giải pháp sau:

Với các cơ quan quản lý văn hóa - xã hội ở Bến Tre:

- Tiếp cận tổng thể cả phần vật thể lẫn phần phi vật thể di sản văn hóa của Nguyễn Đình Chiểu: Khu mộ và Nhà lưu niệm cũng như tác phẩm, nghiên cứu về tác phẩm phải được bảo tồn theo quan điểm và nguyên tắc của UNESCO. Di sản văn hóa vật thể của Nguyễn Đình Chiểu, về Nguyễn Đình Chiểu đã được Nhà nước Việt Nam xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt, do đó cần tuân thủ Luật di sản văn hóa, nghị định, các thông tư liên quan. Tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu cần được sưu tầm, bảo quản tại khu lưu niệm hiện tại. Không thể không nghĩ đến Bảo tàng Nguyễn Đình Chiểu tại huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; triển khai một phòng Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu tại Bảo tàng tỉnh Bến Tre trong tương lai. Các chuyên luận, tiểu luận nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu cần được tập hợp, lưu trữ tại đây.

- Ứng dụng thành tựu của công nghệ thông tin, số hóa di sản văn hóa của Nguyễn Đình Chiểu, về Nguyễn Đình Chiểu cả vật thể lẫn phi vật thể thành một Data bank Nguyễn Đình Chiểu, con người và sự nghiệp. Xây dựng phần mềm quản lý Data bank này, cũng như APP về Nguyễn Đình Chiểu, nối kết với di sản của các danh nhân văn hóa, ít nhất cũng là những danh nhân văn hóa Việt Nam mà UNESCO đã vinh danh như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Chí Minh, Chu Văn An và Hồ Xuân Hương. Nâng cao chất lượng của truyền thông và truyền thông mới (new media) trong việc giới thiệu các tác phẩm nghệ thuật về Nguyễn Đình Chiểu, các công trình nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu trong đời sống văn hóa.

- Phát động các cuộc thi sáng tác về Nguyễn Đình Chiểu cũng như nhân vật trong sáng tác của ông; duy trì và đổi mới việc xét tặng Giải thưởng Nguyễn Đình Chiểu cho các tác giả sáng tạo văn hóa nghệ thuật theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. Giải thưởng Nguyễn Đình Chiểu nên mở rộng thêm đối tượng được nhận giải là các thầy thuốc, nhà giáo.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giảng dạy, học tập tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu, về Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường các cấp ở trong nước, tiếp tục phối hợp với ngành Việt Nam học ở một số nước như Liên bang Nga, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, v.v. để phát triển việc dạy và học Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu. Trước mắt, đổi mới việc giảng dạy học tập Nguyễn Đình Chiểu trong chương trình giáo dục địa phương tại tỉnh Bến Tre.

Với cộng đồng:

- Nâng cao và đổi mới hoạt động của cộng đồng đối với Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, làm cho nhân cách văn hóa Nguyễn Đình Chiểu và các nhân vật của ông thành nhân cách, lẽ sống của người dân Bến Tre nói riêng, Nam Bộ nói chung trong hệ giá trị và nhân cách văn hóa và con người Việt Nam.

- Phát triển loại hình dân ca *Nói thơ Văn Tiên* cả về đội ngũ nghệ nhân cũng như hoạt động trình diễn; gắn kết việc trình diễn *Nói thơ Văn Tiên* với các tour du lịch ở Bến Tre và các tỉnh Tây Nam Bộ. Phấn đấu để có nghệ nhân *Nói thơ Văn Tiên* được trao tặng Nghệ nhân dân gian, Nghệ nhân nhân dân theo Luật thi đua, khen thưởng.

Đổi mới các hoạt động:

- Tiếp tục triển khai việc nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu để bảo tồn và phát huy các di sản đó được hiệu quả hơn. Chẳng hạn gia phả ở quê nội, gia phả tại Bến Tre, con cháu, học trò của ông cần được bảo quản, nghiên cứu, tôn trọng quyền lợi của dòng họ Nguyễn Đình với gia phả của dòng họ; sưu tầm các tác phẩm của các con, cháu của Nguyễn Đình Chiểu như các bài thơ, bài báo của Nguyễn Thị Xuân Khuê, tức Sương Nguyệt Anh, Tổng biên tập/Chủ bút đầu tiên của tờ báo đầu tiên của phụ nữ Việt Nam tờ *Nữ giới chung*, hoặc các vở tuồng của Nguyễn Đình Chiêm, v.v..

- Tăng cường công tác quảng bá giá trị Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu ra nước ngoài, nghiên cứu dịch thuật các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, về Nguyễn Đình Chiểu để bạn đọc nước ngoài hiểu biết về danh nhân Nguyễn Đình Chiểu.

- Thực hiện trưng bày Nguyễn Đình Chiểu, con người và sự nghiệp tại Nhà lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu ở huyện Ba Tri sao cho hấp dẫn du khách. Học tập kinh nghiệm của các bảo tàng tiên tiến trên thế giới để đổi mới hoạt động trưng bày này. Đồng thời thực hiện trưng bày ảo Nguyễn Đình Chiểu, con người và sự nghiệp, để gửi tới UNESCO như trong cam kết của Việt Nam khi đệ trình báo cáo khoa học về danh nhân Nguyễn Đình Chiểu.

5. Kết luận

Hai trăm năm qua, từ khi cất tiếng khóc chào đến khi già biệt cõi đời, Nguyễn Đình Chiểu đã sống, làm việc, cống hiến như một con người có nhân cách cao đẹp. Vượt lên nghịch cảnh khiếm khuyết nội tại, vượt lên ngoại cảnh đất nước bị mất chủ quyền, nhà nho yêu nước, người thầy giáo, người thầy thuốc ở xứ Dừa Bến Tre cả đời phấn đấu và thực sự trở thành một người có sức lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng, *ai cũng biết* - mà hiện nay đã được UNESCO ghi danh là Danh nhân văn hóa thế giới. Thế hệ kế tiếp đã làm khá nhiều các công việc như xuất bản, quảng bá tác phẩm của ông, viết về ông, xây dựng Nhà lưu niệm tại Khu mộ của ông ở xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Tiếp cận từ Văn hóa học, sẽ thấy nhiều vấn đề đang đặt ra, nhất là Nguyễn Đình Chiểu được UNESCO cùng kỷ niệm lần thứ 200 năm ngày sinh của ông, trong bối cảnh thế giới đang biến đổi và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Những vấn đề đó cần được con cháu hôm nay quan tâm sâu sắc và có hành động như những tri ân cụ thể với Danh nhân - Công dân tiêu biểu xuất sắc của tỉnh Bến Tre, của vùng đất Nam Bộ, của Việt Nam cũng như công dân của thế giới hòa bình và phát triển./.

**SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
VÀ NHỮNG DẤU ẤN CỦA ĐA TÔN GIÁO THẾ KỶ XIX**

TS. NGUYỄN THỊ MAI QUYÊN*

Tóm tắt: Nguyễn Đình Chiểu có vai trò và vị trí đặc biệt trong lịch sử và văn hóa Việt Nam thời trung đại. Bởi ông đã trải qua một giai đoạn lịch sử anh hùng mà bi thảm do sự thất thế quân sự của Việt Nam trước sức mạnh của thực dân Pháp, cùng với sự suy tàn của nền Nho học và sự xâm nhập của Thiên Chúa giáo. Chính vì vậy, sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu phần nào đó có những dấu ấn đa giáo. Chúng ta dễ dàng nhận thấy trong các tác phẩm của ông có âm hưởng của Đạo giáo, có niềm tin của Phật giáo, có tôn chỉ của Nho giáo, có tinh thần hiệp đạo dân gian và có dấu tích của Thiên Chúa giáo. Bài viết này hướng đến nhận diện và phân tích phần nào dấu ấn của những dòng chảy văn hóa khác nhau trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu. Đồng thời soi chiếu những dấu ấn văn hóa này trong bối cảnh đầy biến động của thời đại, để hiểu hơn về một nhân cách văn hóa lớn của dân tộc.

Từ khóa: Nguyễn Đình Chiểu; Đa tôn giáo.

**COMPOSITION OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
AND IMPRINTS OF MULTIRELIGION IN 19TH CENTURY**

Abstract: Nguyễn Đình Chiểu was considered to have a special role and position in medieval Vietnamese history and culture.

* Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Liên hệ: maiquyenmc@gmail.com

Because he underwent a heroically but tragically period of history due to Vietnam's military defeat to the power of the French, along with the decline of Confucianism and the invasion of Christianity. We can easily observe in his works that there are colors of Taoism, beliefs of Buddhism, principles of Confucianism, the spirit of folk chivalry, and traces of Christianity. This article purposes to identify and partially analyze the different cultural imprints of the works of Đỗ Chiểu. Simultaneously, throw into light these cultural imprints by volatile contextual history, to better understand a unique cultural personality.

Keywords: Nguyễn Đình Chiểu; Multi religion.

Toàn văn

Nguyễn Đình Chiểu không chỉ là một nhà thơ nổi tiếng, một nhà nho yêu nước, mà còn là một tấm gương sáng về nhân cách đạo đức, tiêu biểu cho văn hóa người dân Nam Bộ nói riêng và Việt Nam nói chung. Cuộc đời ông trải qua bao thăng trầm, biến động nhưng luôn giữ đạo trung hiếu làm đầu. Ông học sâu hiểu rộng, từ nhỏ đã sớm được tiếp xúc với nền giáo dục Nho học, điều đó giải thích vì sao các tác phẩm của ông dù sáng tác bằng chữ Hán hay chữ Nôm cũng đều mang đậm dấu ấn Nho giáo. Tuy vậy, ông sống trong thời kỳ loạn lạc, trong bầu không khí bi thương của lịch sử giữa thế kỷ XIX với bối cảnh xã hội Việt Nam đầy biến động khiến ảnh hưởng của Nho giáo thời này đến xã hội cũng đổi thay, đồng thời với sự phát triển của các hệ tư tưởng khác như Đạo giáo, Phật giáo, Kitô giáo..., đã để lại dấu ấn sâu sắc trong sự nghiệp sáng tác thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu. Bài viết này hướng đến nhận diện và phân tích phần nào dấu ấn của những dòng chảy văn hóa khác nhau trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, đồng thời soi chiếu nó trong những biến động của thời đại, để chúng ta hiểu hơn về một con người tâm vóc dân tộc, danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu.

1. Bối cảnh “đa giáo” vào thế kỷ XIX

Nguyễn Đình Chiểu được sinh ra vào đầu thập niên 30 của thế kỷ XIX, đây là thời kỳ mà đạo Nho - dưới sự bảo hộ của vương quyền, giữ vai trò thống lĩnh. Song bên cạnh đó, các tôn giáo khác như Phật giáo, Đạo giáo, Thiên chúa giáo... vẫn thể hiện được chỗ đứng của mình trong xã hội.

Trước hết, về Nho giáo, trong giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX, tư tưởng chủ đạo chi phối toàn bộ xã hội có liên quan mật thiết với sự thiết lập và tồn tại của vương triều Nguyễn. Cụ thể, đây là giai đoạn mà tư tưởng triết học Nho gia giữ vai trò thống trị tuyệt đối với sự hậu thuẫn của người đứng đầu nhà nước phong kiến. Nguyễn Ánh lên ngôi vua và trị vì từ năm 1802 đến năm 1819. Từ khi dựng vương triều, Nguyễn Ánh một mặt cố gắng dứt bỏ những ràng buộc trước kia với người Pháp và nhà Thanh, mặt khác quay lại củng cố nền chính trị trong nước. Và để đối mặt với những khủng hoảng xã hội sau nhiều thế kỷ chia rẽ và chiến tranh, nhằm thiết lập lại kỷ cương, ông đã thi hành nhiều biện pháp như tăng cường sức áp chế hành chính - quân sự, đẩy mạnh kiểm soát và can thiệp của Nhà nước vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội..., và đặc biệt là thúc đẩy kỷ cương hóa xã hội dựa trên nền tảng tinh thần Nho giáo thông qua thi hành các chính sách về giáo dục và khoa cử. Nối tiếp ông, các triều đại về sau đều chú trọng đạo Nho, giáo dục Nho học được thiết lập thành một hệ thống từ trung ương đến địa phương¹. Việc giáo dục này một mặt nhằm hình thành nên các nền tảng tư tưởng xã hội, mặt khác nhằm đào tạo nhân tài, “dùng khoa mục để kén lấy kẻ sĩ, vẫn là đường chính”². Triều đình đặt ra các khoa thi để chọn lấy người tài giúp nước. Đặc biệt dưới thời Minh Mệnh, ông chủ trương giáo hóa khắp mọi tầng lớp, giáo dục đạo Nho một cách sâu rộng để làm nền tảng xã hội,

1. Xem <https://vnu.edu.vn/home/C1635/N4178/Vai-net-ve-he-thong-giao-duc-va-khoa-cu-Viet-Nam-thoi-Nguyen.htm>.

2. Trương Hữu Quýnh (Chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập từ thời nguyên thủy đến năm 2006*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2006.

thiết lập lại kỷ cương. Sách *Đại Nam thực lục chính biên* chép lời vua Minh Mệnh về vai trò của giáo hóa: “Muốn có nhân tài trước phải giáo hóa. Nay ở kinh sư số học giả còn ít bởi phép dạy chưa đầy đủ. Trẫm muốn dựng nhà Quốc học và quán Sùng văn để tỏ bày giáo hóa, khiến cho học giả bốn phương nhóm họp ở kinh sư, ai học tiến ích thì ưu cấp lương lẫn, học lâu không tiến thì trách phạt, như thế học trò biết sự khuyên răn, mà nhân tài ngày thêm thịnh vượng”¹. Với chủ trương đó, tiếp nối kỳ thi Hương mà vua Gia Long mở lần đầu vào năm 1807, năm 1822 (đúng năm Nguyễn Đình Chiểu ra đời), vua Minh Mệnh đã mở lại các kỳ thi Hội và thi Đình. Nhà vua còn từng nghị mở Ân khoa, dụ rằng “Làm cho đời được thịnh trị, đào tạo lấy nhân tài là thịnh điển của nước nhà. Trẫm lưu tâm chuộng việc văn học, đặt khoa thi lấy người có học thức, đã ấn định lệ cứ 3 năm một lần thi, làm phép nhất định. Sang năm gặp tiết thọ ngũ tuần của trẫm, đáng nên làm điển lễ vui mừng, thi ân cho bọn học trò... Vậy bộ Lễ truyền bảo cho học trò các hạt biết để chúng tự rèn giũa trước, để đáp lại cái ý tốt của ta sùng thượng văn học”².

Những chính sách trên tất yếu dẫn đến một hệ quả, đó là tư tưởng Nho gia sau mấy thế kỷ đã ít nhiều phai nhạt lại được củng cố sâu rộng trong xã hội. Nguyễn Đình Chiểu sinh đúng vào đầu thời Minh Mệnh. Lúc này, những định chế của Nho gia được xây dựng từ thời Gia Long đã ít nhiều trở nên vững chắc đồng thời lại được vua Minh Mệnh tiếp tục củng cố, trở thành “phong khí” của xã hội. Bên cạnh yếu tố xã hội, gia đình cũng là cái nôi hình thành nên tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu. Cha ông là Nguyễn Đình Huy, làm Thư lại Văn hàn ty của Tổng trấn Lê Văn Duyệt, là một người có học vấn, đã chú tâm cho con theo học đạo Nho từ sớm. Thuở thiếu thời, Nguyễn Đình Chiểu theo cha ra kinh đô Huế rồi ở lại đây theo học từ năm 1833 (12 tuổi) cho đến năm 1840 (19 tuổi). Năm 1843, ông đỗ Tú tài ở Trường thi Gia Định, năm 1847 Nguyễn Đình Chiểu

1, 2. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*, tập IV, 162. Bản dịch của Viện sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.933, 500-501.

lại trở ra Huế học để chờ khoa thi năm Kỷ Dậu (1849). Có thể nói, con đường học vấn của Nguyễn Đình Chiểu gắn liền với giáo dục Nho học trong một thời kỳ mà chế độ phong kiến đang dần sức chấn hưng và mong muốn nó trở thành trụ cột xã hội. Và bởi thế, tư tưởng ấy đã thấm sâu trong con người ông, khiến ông dù sau này đã mù đôi mắt nhưng vẫn viết nên những câu chuyện đời, chuyện người, những áng thơ, văn chương bất hủ mang đậm tư tưởng Nho gia, mà nếu xem xét trong nền thi ca giai đoạn từ thế kỷ XVI đến trước thế kỷ XIX sẽ khó lòng tìm thấy.

Tuy nhiên, xã hội Việt Nam vốn luôn song song tồn tại nhiều luồng tư tưởng: Nho giáo - Phật giáo - Đạo giáo, ba luồng tư tưởng lớn, ở từng thời kỳ khác nhau, lúc đấu tranh, lúc thống nhất nhưng vẫn luôn tồn tại khách quan. Từ thế kỷ XVI, dù triều đình phong kiến ra sức ngăn cản, nhưng đạo Thiên Chúa theo chân các giáo sĩ cũng đã dần dần bén rễ và dần trở thành một trong những luồng tư tưởng chủ đạo có sức ảnh hưởng không nhỏ trong xã hội, đó là chưa kể đến vai trò của các tôn giáo dân gian như đạo Mẫu cũng phát triển rất mạnh mẽ dưới thời Nguyễn.

2. Dòng chảy “đa giáo” thế kỷ XIX trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu

Tiếp cận với các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, điều dễ thấy nhất, hay nói cách khác là “phần nổi”, chính là tư tưởng Nho giáo. Trong những bài thơ ngắn, tác giả dùng dày đặc các điển tích của Nho gia để tổ chức, gửi tình như bài *Đơn đao phó hội* (Một mình đem đao đến hội):

*Hiểm nguy đâu núng chí anh hào,
Phó hội mình đeo một lưỡi đao.
Chén rượu vội vàng khi tiếp rước,
Ngọn gươm thông thả lúc ra vào.
Oai hùng gặp gió đưa hơi mạnh,
Lũ chó rừng mình nép trí cao.
Theo gót Kinh Châu nên nghiệp cả,
Ngàn năm còn để tiếng vườn đào.*

Bài thơ nhắc lại điển tích Quan Vũ một mình một đao đến gặp Tôn Quyền, dù biết âm mưu mà Tôn Quyền giăng sẵn vẫn chẳng hề e sợ.

Cách ví von bọn Tôn Quyền như “lũ chó” cho thấy tình cảm mến mộ của tác giả dành cho người anh em kết nghĩa của Lưu Bị. Những bài thơ lấy cảm hứng trực tiếp từ tên tuổi các anh hùng hoặc những nhân vật được ca ngợi trong kinh điển Nho gia như bài *Đơn đao phó hội* không hiếm trong thơ Nguyễn Đình Chiểu, và không lạ khi chúng đều thể hiện rất rõ quan điểm của nhà thơ về việc đề cao các phạm trù kinh điển nhân, nghĩa, lễ, trí, tín của Nho gia. Đặc biệt, trong rất nhiều bài thơ khác, dù tác giả lấy chủ đề từ thực tế cuộc sống nhưng thứ linh hồn cốt tủy của Nho gia vẫn hiển hiện. Trong đó, bài *Nước lụt thi* (bài thơ về nước lụt) là một ví dụ:

*Trời mưa từng trận gió từng hồi,
Thế giới bao nhiêu nước khỏa rồi.
Lũ kiến bắt tài đòi chỗ bỏ,
Đấu bè vô dụng kết bè trôi.
Lao xao rừng cụm nghe chim chíp,
Lôm xôm giường cao thấy chó ngồi.
Nỡ để dân đen trên gác yếu,
Này ông Hạ Vũ ở đâu ôi!*

Bài thơ vừa tả cảnh dân chúng tang thương vì nước lụt vừa thể hiện niềm mong mỏi về một bàn tay cứu giúp dân lành. Và niềm mong mỏi ấy, trong thơ, được gửi vào Hạ Vũ, người được vua Thuấn nhường ngôi cho, lập ra nhà Hạ mà sách vở Nho gia vẫn ngợi ca là có tài trị thủy. Có thể thấy, tư tưởng Nho gia đã ăn sâu vào trong tâm thức của nhà thơ và trở thành thứ giá trị thường trực, xuất hiện trở đi trở lại trong các sáng tác của ông. Dù viết về chủ đề nào thì sau cùng ông vẫn trở về với những con người, những mực thước, tiêu chuẩn đã được định sẵn.

Bên cạnh những bài thơ ngắn, một bộ phận sáng tác quan trọng làm nên tên tuổi của Nguyễn Đình Chiểu là những tác phẩm lớn như *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*... Trong phạm vi bài viết chỉ tập trung phân tích vấn đề đặt ra trên cơ sở khảo sát hai tác phẩm là *Lục Vân Tiên* và *Dương Từ - Hà Mậu*.

Cho đến nay, đã có rất nhiều những nghiên cứu bàn về các khía cạnh khác nhau của tư tưởng Nho giáo trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*,

các phạm trù triết học của Nho giáo thể hiện sâu sắc trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, “Như bao kẻ sĩ có lý tưởng, Nguyễn Đình Chiểu vẫn đi trên con đường mòn Nho giáo. Nhưng ông không bằng lòng với cái đá sỏi giáo lý trải đường, không hài lòng với cảnh quan khuôn mẫu phong kiến cỗi cằn. Ông vừa đi, vừa trồng trên đó thảm cây xanh rờ rọi của truyền thống đạo lý dân tộc. Nhân nghĩa của Nho giáo, vì thế, hòa quyện vào nhân nghĩa của nhân dân. Nó trở thành thứ tài sản tinh thần của quần chúng nhân dân”¹.

Giống như *Lục Vân Tiên*, truyện thơ *Dương Từ - Hà Mậu* cũng đề cao Nho giáo. Trong câu chuyện, hai nhân vật chính là Dương Từ và Hà Mậu đều là những người theo tôn giáo khác. Dương Từ theo đạo Phật còn Hà Mậu theo đạo Giatô (hay còn gọi là Kitô giáo ở Nam Bộ thời bấy giờ). Cuộc đời của họ trải qua biết bao thăng trầm để rồi cuối cùng đều từ bỏ tôn giáo của mình mà quay về với đạo Nho. Trong truyện, rất nhiều chi tiết kể về việc kẻ không theo đạo Nho thì khi chết sẽ phải xuống địa ngục, chịu các loại nhục hình, hoặc trong mơ gặp cảnh mình bị luận tội do rời bỏ lễ cương thường của Nho gia. Một lần khi Dương Từ ngủ đêm trong miếu thờ Hàn Dũ, ông ta nằm mộng bị phán xử: “*Quan rằng: Thằng sãi bên ba/Tối nằm của miếu vậy mà hỏi ai?/Dám xưng rằng hiệu Thiện Trai/Người trong Hoa hạ, hay người man di?/Tóc râu là dạng nam nhi/Của cha mẹ đúc, can gì cạo đi?/Tổ tiên chút đã đền chi/ Vừa hương bát nước, nào khi phụng thờ?/Áo cơm còn nợ sờ sờ/Lá rau con cá, ở nhờ đất vua/Trốn sâu, trốn thuế, vô chùa/Trong đời những sãi: thời vua nhờ gì?/Vợ chồng sao bỏ nhau đi?/Lời nguyên dường ấy dám khi quỷ thần!/Ba giềng chẳng đặt một phần/Như vậy cũng tiếng là thân con người/Để bây sống cũng như đời/Truyền quân đao phủ dẫn nơi pháp đình*”².

1. Võ Phúc Châu: “Truyện thơ Lục Vân Tiên - sự tiếp biến ba tư tưởng Nho, Phật, Đạo”, <http://www.vanchuongviet.org>.

2. *Dương Từ - Hà Mậu*, Phan Văn Hùm sao lục và hiệu đính, Nxb. Tân Việt, 1964, bản do Nguyễn Văn Sơn sưu tầm, bổ sung phần giới thiệu.

Như vậy không có gì để nghi ngờ khi nói tư tưởng Nho giáo là thứ làm nên cốt tủy trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, nhưng không phải vì thế mà ông tuyệt đối hóa đạo Nho và bài xích hoàn toàn các tư tưởng khác.

Độc giả ngày nay được tiếp xúc với tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu* bằng chữ quốc ngữ là bản được học giả Phan Văn Hùm soạn và chú dẫn. Trong lời của Nguyễn Văn Sơn, người sưu tầm lại bản dịch của Phan Văn Hùm cho rằng sở dĩ tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu* ít được phổ biến hơn truyện thơ *Lục Vân Tiên* là bởi nó tuyệt đối hóa Nho giáo, bài xích Phật giáo và Kitô giáo¹. Hoặc trong sách *Nguyễn Đình Chiểu tuyển tập*, soạn giả Phạm Văn Ánh khi đề cập tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu* cũng có nhận xét: “Nhận thấy thực dân Pháp đang lợi dụng lòng kính Chúa tin đạo của người dân Công giáo để phục vụ cho ý đồ xâm lược của chúng, trong *Dương Từ - Hà Mậu*, Nguyễn Đình Chiểu đã đứng trên lập trường đạo Nho để phê phán gay gắt tín đồ đạo Phật và đạo Giatô, kêu gọi họ tỉnh ngộ trước những luận điệu lừa bịp của quân xâm lược, trở về với truyền thống tốt đẹp của cha ông. Là một nhà nho, Nguyễn Đình Chiểu cũng như các nhà nho nói chung vốn coi Nho giáo là chính đạo, các tôn giáo khác là những đạo nhỏ (tiểu đạo), dị đoan, tà thuyết... thấy đều dối trời lừa dân, làm lu mờ nhân nghĩa”². Như vậy nhìn chung, cái nhìn của hậu thế về tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu vẫn đọng ở chỗ khẳng định ông đứng vững trên lập trường Nho giáo, từ đó mà có những hành xử với các luồng tư tưởng khác, đồng thời chọn cách hành xử cho chính mình.

3. Dấu ấn của Đạo giáo, Phật giáo và Kitô giáo trong các tác phẩm lớn của Nguyễn Đình Chiểu

Trong toàn bộ sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, dấu ấn của Đạo giáo, Phật giáo và Kitô giáo được thể hiện rõ nét ở những tác phẩm có

1. *Dương Từ - Hà Mậu*, Phan Văn Hùm sao lục và hiệu đính, *Sđd*.

2. Phạm Văn Ánh (giới thiệu và tuyển chọn): *Nguyễn Đình Chiểu tuyển tập*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2009, tr.18.

dung lượng lớn trong đó tiêu biểu nhất là hai tác phẩm *Lục Vân Tiên* và *Dương Từ - Hà Mậu*.

Với truyện thơ *Lục Vân Tiên*, khi khảo sát về ảnh hưởng của Phật giáo, tác giả Võ Phúc Châu cho rằng: “Ông đối lập với Phật giáo, chủ trương xuất thế, dẹp bỏ hỉ, nộ, ái, ố. Ông yêu, ghét đều quyết liệt, chiến đấu triệt để, truy đuổi cái ác tận cùng. Bởi vậy, Phật giáo không là điểm tựa tinh thần của ông. Tuy nhiên, mỗi khi nhắc đến Phật, ông có một lòng trân trọng, một niềm tin son sắt vào cái thiện. Đó là câu chuyện chào đời của Vân Tiên, nói theo ngôn ngữ nhân quả nhà Phật: “*Có người ở quận Đông Thành/Tu nhân tích đức sớm sinh con hiền*”. Đó còn là sự xuất hiện của Phật Quan âm độ trì Kiều Nguyệt Nga khi nàng trầm mình tự vẫn: “*Quan Âm thương đáng thảo ngay/Bèn đem nàng lại bỏ rày vườn hoa*”. Đó cũng là sự báo mộng của Quan Âm, khuyên lão bà cứu người mắc nạn: “*Khi khuya nằm thấy Phật bà/Người đà mách bảo nên già tới đây*”¹. Sau khi phân tích những dấu ấn của Phật giáo trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, ông cũng khẳng định: “Rõ ràng, Nguyễn Đình Chiểu không đứng trên tinh thần Phật giáo để lý giải cuộc đời. Nhưng cũng phải thấy, ông đã mượn phần vỏ bọc bác ái, nhân - quả, sự mầu nhiệm của Phật giáo để diễn đạt đầy thuyết phục. Tinh thần tương thân tương ái, ở hiền gặp lành, ác giả ác báo,... của quần chúng nhân dân”². Quan điểm của Võ Phúc Châu giống như một gợi ý để từ đó chúng ta có những suy ngẫm, đối chiếu trong quá trình tiếp nhận, đặc biệt khi đặt trong mối tương quan so sánh với những biểu hiện của Phật giáo trong tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu*.

Trong truyện thơ *Dương Từ - Hà Mậu*, Dương Từ là người ở Nam Khang, vốn biết đôi chút chữ nghĩa, làm nghề nông, lấy vợ là con gái họ Đỗ ở Trà Thạch Khê. Hai vợ chồng sống gắn bó với nhau đến lúc Dương Từ gần 60 tuổi mà vẫn chưa có con. Tuy thế: “*Họ Dương cùng vợ nguyện rằng: Trăm năm xin giữ đạo hằng cùng nhau/Đã năm mươi mấy tuổi đầu/*

1, 2. Võ Phúc Châu: “Truyện thơ Lục Vân Tiên - sự tiếp biến ba tư tưởng Nho, Phật, Đạo”, *Tlđđ*.

*Không con nối nghiệp, nhữ sâu thon von/Bao nhiêu chùa miếu cung son/
Ngõ nguyên cầu đặng chút con nối đời/Liên ngày vái Phật, vái Trời/Tám
lòng tin, cúng khắp nơi miếu chùa/Cửa nhà có việc bán mua/Ra ơn làm
phước, hơn thua chẳng nài/Phút đâu họ Đổ thọ thai/Tới kỳ sanh đặng hai
trai một lần/Phước đà liên nối gót lân/Phận mình: giàu có, thanh bần,
cũng ưng/Người trong làng xóm đều mừng/Ai hay lão bạng, có chừng
sanh châu”. Như vậy, có thể thấy Nguyễn Đình Chiểu không hề do dự khi
để nhân vật của mình nhận được những bù đắp, linh ứng khi cúng cầu
nơi chùa miếu hoặc ra tay làm phước. Điều này có phần tương đồng với
quan điểm của ông khi nói về sự ra đời của *Lục Vân Tiên*, thậm chí tương
đồng với mô típ về cuộc đời của hai vợ chồng Dương Từ - Hà Mậu: “*Họ Hà,
tên Mậu, người khôn/Ở đời Hậu Tấn, Long môn quê nhà./Sáu mươi tuổi
tác hầu già,/Tuy là giàu có, trong nhà không con/Rạng giời một tám lòng
son/Của tiền bố thí, không còn so đo/Vợ chồng giữ đạo bo bo/Ơn trời ngỏ
đặng chút cho phước lành./Hôm mai luống những đọc kinh/Amen! Đức
Chúa có linh chẳng là/Liễu Thơ là vợ họ Hà/Chiêm bao nằm thấy nguyệt
sa trên mình/Tự nhiên có ghé thành linh/Khiến người Hà Mậu thấy
tình sanh nghi*”. Ở đây, vợ chồng *Dương Từ - Hà Mậu* là những người
theo đạo Kitô. Gặp cảnh hiếm muộn con cái, họ một mặt làm việc thiện,
mặt khác cầu xin đức Chúa và cuối cùng điều cầu xin ấy đã được ứng
nghiệm. Khi bàn về điểm này, nhiều nghiên cứu cho rằng, Nguyễn Đình
Chiểu tuy là người có xuất thân Nho học nhưng quan điểm của ông rất
cởi mở, sáng tác của ông vì thế mang đậm tinh thần “tam giáo đồng
nguyên”. Nhưng nếu xét như vậy thì việc ông cho rằng vợ chồng *Dương
Từ - Hà Mậu* tin vào đạo Thiên Chúa, cầu nguyện và làm phước mà có con
cũng có thể xét vào phạm trù “đồng nguyên”?*

Quay lại với những câu thơ trong phần mở đầu tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu*:

*Trải xem mấy truyện chư gia,
Chuyên vì đạo học, soạn ra để đời.
Dị đoan xưa đã bởi bởi,
Lại thêm đạo Phật, đạo trời, lãng nhãng,*

*Thói đời nhiều việc băng xăng,
Đố ai biết đặt đạo hằng người ta.*

*Dua nhau kính chuộng đạo tà,
Một câu “quả báo”, muôn nhà đều tin.*

Rõ ràng đạo Phật và đạo trời (đạo Thiên Chúa) được tác giả xếp chung vào hàng “lãng nhãng”, được gắn liền với một chữ “tà”. Với một người thẳng thắn và quyết liệt như Nguyễn Đình Chiểu, có chẳng chuyện ông chấp nhận cả những ảnh hưởng của Phật giáo và Kitô giáo? Hay phải chăng, trong vô thức, chính việc “muôn nhà đều tin” vào quả báo, vào phật pháp đã gây ra những ảnh hưởng nhất định đến việc xây dựng các nhân vật trong truyện?

Bên cạnh Phật giáo và Nho giáo, trong các sáng tác lớn của Nguyễn Đình Chiểu còn có dấu ấn ảnh hưởng sâu sắc của Đạo giáo. Xem xét cả hai tác phẩm *Lục Vân Tiên* và *Dương Từ - Hà Mậu*, chúng ta đều có thể nhận ra Nguyễn Đình Chiểu đều xây dựng các nhân vật và bối cảnh có liên quan mật thiết đến Đạo giáo. Trong *Lục Vân Tiên*, đó là “kiểu ẩn dật, tu tiên” được nhà thơ liên tưởng khi tả cảnh hữu tình:

*Người hay lại gặp cảnh hay
Khác nào tiên tử chơi rày Bồng Lai.*

Thế giới bồng lai luôn là ước mơ của những ai muốn tránh cõi đời ô trọc. Và biết bao người đã tự tu tiên, tạo cảnh bồng lai ngay trên cõi hồng trần. Nguyễn Đình Chiểu nhắc đến họ bằng xúc cảm say sưa, ngưỡng mộ. Họ là ai? Đó là một Nghiêm Lăng cày mây câu nguyệt, một Trần Đoàn gió trắng một túi công hầu chiêm bao, là bảy người hiền vui trong rừng trúc... Cuộc sống của họ là hình mẫu những con người chán cảnh đua chen trong vòng danh lợi¹. Hay trong truyện *Dương Từ - Hà Mậu*, sẽ thấy Lý Tri Niên khuyên Hà Mậu tìm đến với các bậc thần tiên Đạo giáo: “Gần đây có núi Thiên Thai,/Có chùa Linh Diệu, có đài Âm dương/Trong chùa lại có hai hang/Một đàn Bích lạc, một đàn Diêm la/Có ông tiên

1. Võ Phúc Châu: “Truyện thơ Lục Vân Tiên - sự tiếp biến ba tư tưởng Nho, Phật, Đạo”, *Tlđđ*.

trưởng, Thầy ta/Hiệu là Tứ Thất, tên là lão Nhan/Thường ngày luyện thuốc kim đan/Một mình gồm đủ ba ngàn xuân thu/Đảng nhân một cõi thanh u/Nay chơi sông thánh, mai du non thần/Phép hay: trời đất thấu gần/Sai đồng, đánh thiệp, có phần linh thông/Theo ta lên đó thời xong/Hỏi điều căn số, rõ trong sự tình/Bao nhiêu những việc tiền trình/Lòng tiên, một tấm, gương minh soi rõ”.

Việc Hà Mậu gặp được Lý Tri Niên, Nam Tào, Bắc Đẩu hay gặp được tiên ông... chẳng phải là chuyện lạ. Khi Hà Mậu đến hỏi về bệnh tình của vợ, Nam Tào, Bắc Đẩu thậm chí còn biết trước và sai người ra đón Hà Mậu cùng Lý Tri Niên vào gặp. Sau khi nghe lời phán bảo, Hà Mậu thắc mắc về thân phận của hai vị tiên ông vừa cuối hạc vân du thì được đáp rằng: *“Niên rằng chẳng giấu chi người/Hai ông lão ấy thật người thiên công/Phép hay biến hóa, thần thông/Một ông Bắc Đẩu, một ông Nam Tào/Hai ông giữ sổ Thiên tào/Mạng dân sanh tử đều vào trong tay/Hai người về kíp ngày nay/Tới nhà mới thấy lời hai ông truyền”*. Tiếp theo mạch truyện, hình ảnh lão Nhan, thầy của Lý Tri Niên cũng chính là hình ảnh hết sức đặc trưng của Đạo giáo dòng tu tiên. Theo lời kể, ông sống đến mấy ngàn năm, thường ngày luyện tiên đan và có thể qua lại khắp các cõi.

Nếu đọc trong kinh sách Nho gia, chắc hẳn ta không bao giờ gặp kiểu thế giới quan này. Và đến đây, nếu nói Nguyễn Đình Chiểu đứng trên lập trường Nho gia để bài xích các tư tưởng khác thì có lẽ lại càng khiên cưỡng. Bởi lẽ trong phần đầu tác phẩm, khi vợ Hà Mậu có mang, sợ rằng vợ tuổi đã cao mà có mang là quý thai nên ông rất lo lắng mà tìm đến Châu Kỳ. Châu Kỳ khuyên Hà Mậu: *“Ta nghe đồn phía Sơn tây/Rằng non Tùng lãnh có thầy địa tiên/Tên người là Lý Tri Niên/Thường ngày luyện thuốc thần tiên đan kỳ/Ta xin ra sức đem đi/Tới nơi cầu thuốc diệu y rõ ràng/Mậu rằng: Ta đạo Hòa lan/Tiên là đạo khác, có màng chi nhau/Kỳ rằng: Sách đặt có câu: “Tế sanh hoạt mạng” sách đầu đạo y/Làm thầy đâu có hẹp suy/Bệnh đau thời cứu, đạo gì tại sao?/Ai ai cũng vốn đồng bào/Sanh trong trời đất lẽ nào ghét nhau”*. Qua lời Châu Kỳ, có thể thấy Nguyễn Đình Chiểu bộc lộ niềm tin sâu sắc vào sự dung

hòa đa đạo, niềm tin vào việc Lý Tri Niên có thể giúp được cho Hà Mậu, một người theo “đạo Hòa lan” với phương châm “*Bệnh đau thời cứu, đạo gì tại sao?*”.

Như vậy, Nguyễn Đình Chiểu phải chăng tin tưởng tuyệt đối vào đạo Nho? Hay ông là người có tư tưởng rộng rãi, “tam giáo đồng nguyên”? Trước hết cần thấy, nếu một lòng tin tưởng vào đạo Nho, hẳn trong nhiều cảnh huống ông đã tìm đến Nho giáo như một sự cứu rỗi. Có điều không khó để nhận ra, càng về sau các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu càng bộc lộ mâu thuẫn. Khi ông sáng tác *Lục Vân Tiên*, trời đất vẫn thái bình, lòng tin vào nhân, nghĩa, lễ, trí, tín được gửi gắm qua hình tượng người anh hùng chuộng nghĩa còn đầy vững chắc. Dầu thế, nhưng khi gặp tai ương, đạo Nho vẫn chẳng thể cứu được người hiền. Lục Vân Tiên bởi được tiên cứu giúp mà sáng mắt:

Nửa đêm nằm thấy ông tiên,

Dem cho chén thuốc mắt liền sáng ra.

Còn Kiều Nguyệt Nga thì phải nhờ đến bàn tay của Phật bà Quan Âm:

Quan âm thương đáng thảo ngay,

Bèn đem nàng lại bỏ rày vườn hoa.

Đến tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu* thì xu hướng xa cách với niềm tin vào Nho giáo càng hiện rõ. Có thể thấy tác phẩm này của Nguyễn Đình Chiểu không tuyệt đối hóa đạo Nho, mà trái lại, đây là tác phẩm thể hiện rõ nhất mỗi băn khoăn của người trí thức. Một mặt, ông mong muốn về một xã hội vững vàng trên nền tảng Nho học, rồi bỏ tất cả các thứ đạo “tà”, “lãng nhăng” để trở về với Nho giáo; nhưng mặt khác, trong nhiều cảnh huống gian nan, thấy được cái suy, cái bất lực của Nho giáo, niềm tin của ông cũng gửi gắm vào Đạo giáo, Phật giáo, thậm chí cả Kitô giáo.

Ở một phương diện nào đó, có thể coi đây là sự “tiến bộ” của nhà thơ, bởi lẽ ông không quá cứng nhắc hủ Nho mà nhận ra chỗ dựa tinh thần của nhiều người ở những tư tưởng, tôn giáo khác. Đây là lý do vì sao có những quan điểm cho rằng, Nguyễn Đình Chiểu chủ trương dung hòa Nho - Phật - Đạo. Tuy thế, việc ông không đứng được trên lập trường

Nho giáo, không hoàn toàn đặt được lòng tin ở Nho giáo trong hành xử không phải thể hiện của chủ trương dung hòa, mà trái lại là nỗi đau, là sự giằng xé của một người vốn bắt rễ sâu trong nền tảng Nho gia mà càng về cuối đời càng chẳng thể dựa vào nguồn dinh dưỡng ấy. Những lời kết luận rằng đạo Phật hay đạo Giatô là tà đạo, phải chăng chỉ là tiếng kêu cuối cùng của con người đau đáu vì đời mà đành bất lực, mong muốn cứu vãn lấy chính lập trường Nho giáo của mình.

Thay lời kết

Có thể nói, Nguyễn Đình Chiểu sống trong thời đại đầy biến động. Bản thân ông cũng trải qua đủ mọi thăng trầm của cuộc đời, từ cảnh loạn ly nhà tan, nước mất đến bệnh tật và cả những giày vò, bất lực, đón đau vì chí lớn chẳng thành. Đọc những sáng tác của ông, độc giả thấy rõ bên cạnh những điều ông gửi gắm, tin tưởng vào đạo lý thánh hiền còn có những niềm tin rất rõ ràng vào số phận và những ước mong về phép nhiệm màu, qua đó cũng có thể thấy Nguyễn Đình Chiểu không đơn thuần là người mang thế giới quan Nho giáo. Trong con người ông là tất cả những giằng xé, đấu tranh phức tạp về lẽ đời, về luân lý, về những điều va vấp trong thực tế. Điều này khiến ông gần gũi hơn với những con người Nam Bộ chất phác, hiền lành, chuộng nhân trượng nghĩa nhưng không hề cứng nhắc, lên gân và có lẽ cũng chính là lý do khiến Nguyễn Đình Chiểu trở thành tấm gương sáng trong lòng nhân dân Nam Bộ nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] <https://vnu.edu.vn/home/C1635/N4178/Vai-net-ve-he-thong-giao-duc-va-khoa-cu-Viet-Nam-thoi-Nguyen.htm>.
- [2] Phạm Văn Ánh (giới thiệu và tuyển chọn): *Nguyễn Đình Chiểu tuyển tập*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2009.
- [3] Võ Phúc Châu: “Truyện thơ Lục Vân Tiên - sự tiếp biến ba tư tưởng Nho, Phật, Đạo”, <http://www.vanchuongviet.org>.

- [4] Nguyễn Đăng Duy: *Đạo giáo với văn hóa Việt Nam*, Nxb. Hà Nội, 2001.
- [5] Phan Văn Hùm (sao lục và hiệu đính): *Dương Từ - Hà Mậu*, bản do Nguyễn Văn Sơn sưu tầm, bổ sung phần giới thiệu, Nxb. Tân Việt, 1964.
- [6] Lê Văn Hỷ: *Lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017.
- [7] Nguyễn Lang: *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Lá Bối, 1973.
- [8] Trương Hữu Quýnh (Chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập từ thời nguyên thủy đến năm 2006*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2006.
- [9] Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*, tập IV, 162, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007.

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU: NGUỒN CẢM HỨNG SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT

PGS.TS. KIỀU TRUNG SƠN*

Tóm tắt: Nguyễn Đình Chiểu là người con ưu tú mà dân tộc Việt Nam sản sinh ra. Ông là nhà sư phạm (thầy đồ), là nhà chí sĩ yêu nước, nhà văn hóa, nhà thơ lỗi lạc. Nguyễn Đình Chiểu đã có đóng góp không nhỏ đối với nền văn học, văn hóa dân tộc ở thế kỷ XIX, được nhân dân yêu kính, tôn thờ.

Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu đã trở thành huyền thoại thấm sâu vào văn hóa phương Nam, là di sản quý giá được người Việt Nam bảo tồn và phát huy trong suốt dòng chảy lịch sử, phục vụ cho công cuộc giải phóng và xây dựng đất nước, xây dựng con người và bản sắc văn hóa dân tộc.

Tiếp cận nghệ thuật đối với nhân cách và tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu, bài viết hướng tới tầm quan trọng, vai trò của ông đối với văn hóa Việt Nam qua một góc nhìn mới: cảm hứng sáng tạo nghệ thuật.

Từ khóa: Nhân cách và tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu; Nguồn cảm hứng sáng tạo; Sáng tạo nghệ thuật.

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU: SOURCE OF ARTISTIC CREATIVE INSPIRATION

Abstract: Nguyễn Đình Chiểu is an outstanding son of the Vietnamese people. He was an educator (teacher), a patriotic

* Viện Nghiên cứu văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Liên hệ: sontrungkieu@gmail.com

scholar, a poet, and more. From the mid-19th century to the present, the Vietnamese have never forgotten to mention him. Nguyễn Đình Chiểu's life and career have been deeply rooted in the legendary story of southern Vietnamese culture, and have become a precious heritage preserved and promoted in the history of Vietnam's liberation and development.

This article explores Nguyễn Đình Chiểu's artistic personality and thought, with a view to seeing what he means to Vietnamese culture from a new perspective: artistic inspiration.

Key words: Nguyễn Đình Chiểu's character; Creative inspiration; Artistic creativity.

Toàn văn

Mở đầu

Theo số liệu thống kê, trong hơn một thế kỷ, có đến hàng nghìn công trình, bài viết, trong đó có hàng trăm khóa luận tốt nghiệp đại học và luận văn thạc sĩ, có đến 4 luận án tiến sĩ nghiên cứu về đề tài Nguyễn Đình Chiểu¹, nhìn nhận ông như một tác gia văn học và một nhà yêu nước. Các công trình ở các lĩnh vực nghiên cứu văn học và nghiên cứu văn hóa (chủ yếu là tiếp cận văn học, văn học sử và tiếp cận văn hóa). Liên quan đến ý tưởng “cảm hứng sáng tạo nghệ thuật” trong bài viết này có tham khảo Luận án Tiến sĩ *Lịch sử tiếp nhận tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu*² của Lê Văn Hỷ. Luận án trình bày sự tiếp nhận (cách hiểu/nhận thức) về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu qua các chuyên đề giảng dạy bậc Đại học, sách Ngữ văn lớp 9 và lớp 11

1. Xem Hoàng Thị Cương: “Lịch sử nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu - Nhìn lại và hướng tới”, *Hnue journal of Science social sciences*, 2020, Vol.65, Issue2, pp.43-50.

2. Năm 2015, Lê Văn Hỷ bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ *Lịch sử tiếp nhận tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu* tại Học viện Khoa học xã hội. Công trình do Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2017.

chương trình giáo dục phổ thông, các tác phẩm văn học và một số loại hình nghệ thuật khác lấy cảm hứng sáng tác từ cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu.

Trong quá trình tìm kiếm nguồn tư liệu, chúng ta sẽ phải giật mình vì có đến hơn 40 trang web hướng dẫn làm văn ở cấp học phổ thông về đề tài Nguyễn Đình Chiểu. Từ góc độ tâm lý sáng tạo nghệ thuật, thực trạng hướng dẫn làm văn phổ thông như trên có nguy cơ khiến hầu hết các học sinh làm bài luận về Nguyễn Đình Chiểu theo những khuôn mẫu hình thức, trở nên dễ vô cảm, khó mà có được cảm hứng sáng tạo. Những đề cương bài làm, hướng dẫn phương pháp tư duy trên internet có thể sẽ triệt tiêu cảm xúc, cảm hứng về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Học sinh không chủ động khám phá về lịch sử, con người, xã hội, bối cảnh thời đại Nguyễn Đình Chiểu, không chú tâm nghe hay đọc trọn vẹn *Lục Vân Tiên*, sẽ khó có cảm xúc, hứng thú; từ đó không thể nảy sinh cảm hứng sáng tạo nghệ thuật.

Theo tác giả Lê Văn Hỷ: “Tiếp nhận di sản Nguyễn Đình Chiểu trong sáng tác nghệ thuật rất phong phú và đa dạng, từ các sáng tác dân gian đến đưa con tinh thần của các tác giả thuộc dòng văn học viết qua các giai đoạn khác nhau (...), lòng yêu nước bất khuất và gương sáng từ cuộc đời và trang sách của Nguyễn Đình Chiểu đã trở thành nguồn cảm hứng sáng tạo cho các thế hệ cầm bút tiếp theo”¹. Xét từ góc nhìn “tiếp nhận di sản Nguyễn Đình Chiểu” qua lĩnh vực nghệ thuật, diễn ngôn ở đây thực ra xuất phát từ điểm tựa lý luận giáo dục, luận giải nghệ thuật từ mục tiêu giáo dục, không dựa trên lý luận nghệ thuật. Các yếu tố “lòng yêu nước bất khuất” hay “gương sáng từ cuộc đời và trang sách” chưa đủ để trở thành “nguồn cảm hứng sáng tạo nghệ thuật”, bởi còn thiếu một yếu tố mang tính quyết định, đó là cảm xúc. Nếu tiếp nhận di sản Nguyễn Đình Chiểu như một “tấm gương sáng” về lòng yêu nước, “gương sáng” từ cuộc đời và tác phẩm của ông, thì người tiếp nhận sẽ được đặt

1. Lê Văn Hỷ: “Lịch sử tiếp nhận tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu”, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015.

vào trạng thái tâm lý giống như học sinh đứng trước người thầy kính yêu hoặc một thanh niên ngưỡng mộ thần tượng của mình, hơn là trong tâm thế một nghệ sĩ tìm ý tưởng sáng tạo. Sự ngưỡng mộ, thần tượng khó mà chuyển hóa thành cảm xúc mãnh liệt, đến mức thôi thúc một người bình thường trở thành nghệ sĩ sáng tạo.

Thực tế, trong số các tác phẩm văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu chỉ có *Lục Vân Tiên* tạo cảm hứng sáng tạo nghệ thuật một cách rõ ràng, mà trong tác phẩm này “lòng yêu nước bất khuất” lại không biểu hiện rõ bằng các tác phẩm khác. Vấn đề đặt ra là tại sao các sáng tạo nghệ thuật (ở nhiều loại hình khác nhau) sau này chỉ lấy cảm hứng sáng tạo từ tác phẩm *Lục Vân Tiên* mà không phải từ *Dương Từ - Hà Mậu*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, hay các bài văn tế như *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Văn tế Trương tướng quân*, *Văn tế nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh*, hay *Hịch kêu gọi nghĩa binh đánh Tây*...?

Như vậy, để bàn về vấn đề cảm hứng sáng tạo nghệ thuật từ danh nhân Nguyễn Đình Chiểu và sự nghiệp của ông, góc nhìn “tiếp nhận di sản” có lẽ không phù hợp, do đó chúng tôi chọn góc nhìn lý luận nghệ thuật và phương pháp phân tích nghệ thuật.

1. Khái quát về nghệ thuật và cảm hứng sáng tạo nghệ thuật

Nghệ thuật là gì? Từ thời cổ đại đến nay, loài người vẫn tìm câu trả lời và dường như chưa bao giờ thật sự hài lòng với đáp án. Đó là điều nan giải nhưng vô cùng thú vị, bởi nó vẫn dành phần hy vọng và cơ hội cho các thế hệ tương lai.

Mỹ học Trung Quốc, theo Khổng Tử (551 - 479 TCN) cho rằng, nghệ thuật là kết quả của sự “tương cảm, tương ứng” giữa con người với tự nhiên, trời đất.

Mỹ học Aritstote (384 - 322) coi nghệ thuật là sự mô phỏng/bắt chước tự nhiên, nhưng không bao giờ nhìn thấy nghệ thuật ở chính tự nhiên. Đối với Aritstote, nghệ thuật luôn đứng trên hoặc đứng dưới tự nhiên. Do đó, đặc tính của nghệ thuật là làm cho tự nhiên bị “mất tự nhiên”, là hạ thấp hoặc đề cao con người.

Mỹ học Kant (1724 - 1804) coi nghệ thuật là một “sáng tạo có ý thức về các đối tượng”. Đặc tính riêng của nghệ thuật là tài năng. Từ quan điểm này, ông phân loại nghệ thuật dựa trên tài năng con người. Theo đó, có các loại nghệ thuật: bằng *lời* (hùng biện, thơ ca), bằng *hình* (tạo hình: điêu khắc, kiến trúc, hội họa), bằng *âm thanh* (âm nhạc)...

Mỹ học Hegel (1770 - 1831) cho rằng, nghệ thuật là hành trình của tinh thần con người tìm kiếm cái tuyệt đối. Mức độ cao nhất của đời sống tinh thần là cái được Hegel gọi là *tinh thần tuyệt đối*. Nội dung của nghệ thuật là ý niệm, hình thức của nó, là hình dáng dễ cảm nhận và giàu sức tưởng tượng. Để hai mặt của nghệ thuật thâm nhập vào nhau, thì nội dung khi trở thành tác phẩm nghệ thuật phải tự nó có thể có một sự biến đổi.

Theo Denis Huisman (1929 - 2021), một nhà triết học, mỹ học đương đại người Pháp¹ thì “nghệ thuật là sự cách điệu hóa cái hiện thực, là sự đề xướng một sự tồn tại, là sự sáng tạo các hình thức”².

Mặc dù định nghĩa nghệ thuật của Denis Huisman, một nhà mỹ học gần như cùng thời với chúng ta khá rõ ràng, nhưng chỉ khảo sát định nghĩa thì vẫn chưa giúp trả lời câu hỏi “cảm hứng sáng tạo nghệ thuật” là gì? Tại sao sáng tạo nghệ thuật lại cần có “cảm hứng”? Vì vậy, người nghiên cứu cần tham khảo thêm về Tâm lý học nghệ thuật. Sách *Mỹ học* của Denis Huisman có một phần phân tích về Tâm lý học nghệ thuật, ông chia lĩnh vực này thành ba bộ phận tâm lý: sự thưởng thức; sự sáng tạo và sự biểu diễn, trong đó yếu tố “cảm hứng” có ở cả ba bộ phận, nhưng thể hiện rõ nhất và mang tính quyết định nhất thuộc về sáng tạo nghệ thuật. Trong sáng tạo nghệ thuật, “cảm hứng” là yếu tố không thể thiếu, bên cạnh trí tưởng tượng, tài năng và sự lao động miệt mài của người nghệ sĩ.

1. Denis Huisman sinh ngày 13/4/1929, mất ngày 02/02/2021 tại Pari, Pháp. Ông từng là Chủ tịch Học viện cấp cao về nghệ thuật (ICART), Tổng Thư ký Hội Mỹ học Pháp, hội viên danh dự của Hội Mỹ học Hoa Kỳ. Một trong những công trình quan trọng của ông phải kể đến tác phẩm *Mỹ học* đã được Nhà xuất bản Thế giới chọn dịch ra tiếng Việt năm 1999 (dựa theo nguyên bản tiếng Pháp *L'esthétique* in lần thứ 13, tháng 9/1998).

2. Denis Huisman: *Mỹ học*, Huyền Giang dịch từ nguyên bản tiếng Pháp *L'esthétique*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1999.

Về sự sáng tạo, Denis Huisman viết: “Không một cách thức nào, không một phương pháp nào có thể dùng để sáng tạo một tác phẩm có giá trị mà không có nhân tố hàng đầu là cảm hứng, hơi thở gốc”¹.

Tâm lý học nghệ thuật cho rằng, cảm hứng là bước/giai đoạn đầu tiên của quá trình sáng tạo nghệ thuật, tạo nên một sản phẩm nghệ thuật. Không có cảm hứng thì khó có thể sáng tạo. Cảm hứng bắt đầu từ sự nảy nở cảm xúc, ấn tượng của người sáng tạo trước một hiện thực nhất định. Cảm xúc nảy nở trong quá trình tương tác với thế giới hiện thực một cách nhạy cảm và tinh tế của người nghệ sĩ mà Khổng Tử coi đó là hiện tượng “tương cảm, tương ứng” dẫn đến sự bắt đầu sáng tạo “nghệ thuật”. Trong mỗi người, cảm xúc xuất hiện và tồn tại có thể không đồng nhất, bất biến mà trong nó có sự vận động, đối thoại/“dồn vật” giữa các mặt đối lập yêu - ghét; tôn thờ - khinh鄙; giận - thương; đau buồn - hạnh phúc... Bởi thế, khi cảm xúc tồn tại mãnh liệt trong người nghệ sĩ sẽ trở thành động lực thôi thúc sự sáng tạo, tất yếu sẽ xuất hiện nhu cầu bộc lộ cảm xúc và tư tưởng ra bên ngoài bằng một hình thức nghệ thuật.

Như vậy, cảm hứng sáng tạo là cảm xúc ám ảnh người nghệ sĩ, thôi thúc người đó phải biến nó thành một thực thể/tác phẩm văn học nghệ thuật. Nếu chỉ là cảm xúc thông thường mà ai cũng có, chưa thể gọi là cảm hứng. Cảm xúc đó phải trở nên mãnh liệt, thôi thúc người ta hành động mới chuyển hóa nên trạng thái tâm lý gọi là “cảm hứng”. Sự ám ảnh, thôi thúc của một dạng cảm xúc vào tâm trí của nhà sáng tạo được ví như “thai nghén”, và sự lao động sáng tạo chuyển hóa cái cảm hứng thành kết quả/sản phẩm nghệ thuật được ví với “sinh đẻ”. Đây là một quá trình không hề dễ dàng, đầy những yếu tố rủi ro mà người “thai nghén” phải vượt qua trước khi đầu đón vật vã đẻ cho ra đời đứa con tinh thần là tác phẩm nghệ thuật. Không phải sự “thai nghén” nào cũng “sinh đẻ” được sản phẩm nghệ thuật, mà còn cần phải có tài năng, có tri thức nghệ thuật và sự đam mê cống hiến, lao động kiên trì mới thành. Mặt khác, quá trình từ cảm

1. Denis Huisman: *Mỹ học*, Sdd, tr.102.

húng đến lao động sáng tạo cho đến đạt tới thành quả nghệ thuật không theo thời gian nhất định nào (giống như quá trình thụ thai - sinh nở 9 tháng 10 ngày); nó có thể rất ngắn, chỉ một vài ngày, hoặc cũng có thể rất dài, ấp ủ nhiều năm, tùy theo từng cá nhân nghệ sĩ, tùy từng loại hình nghệ thuật. Có những nhà thơ, nhạc sĩ, họa sĩ tạo nên tác phẩm nghệ thuật gần như ngay tức thì gọi là “bật ra” hay “tức húng” do một sự tác động tâm lý đột phá trong bối cảnh nào đó. Chẳng hạn, nhạc sĩ Phạm Tuyên sáng tác ca khúc *Như có Bác trong ngày đại thắng* chỉ trong không đầy 2 giờ (từ 9h30 đến 11h tối 28/4/1975)¹ được dàn dựng thu thanh trong sáng 30/4/1975, kịp phát hành ngay buổi tối hôm đó. Ngay sáng hôm sau, bài hát vang lên trên đài phát thanh và hầu như ai cũng nhớ, cũng hát được, hết sức tự nhiên. Đó là bởi sự kiện/thời điểm đất nước được giải phóng khiến bao nhiêu dồn nén tâm lý, cảm xúc trước mọi khó khăn, gian khổ, đau thương chia cắt bao năm tháng được giải tỏa trong niềm vui vô bờ. Bài hát tức húng “bật ra” trong khoảnh khắc lịch sử thiêng liêng đó. Những sản phẩm nghệ thuật ra đời theo kiểu “tức húng” như vậy thường khởi nguồn từ cảm hứng sáng tạo được ấp ủ lâu dài, ẩn sâu trong lòng nghệ sĩ cho đến khi bật ra một cách tự nhiên. Bản thân tác giả tự cảm thấy không thể không bắt tay vào viết/sáng tạo ra tác phẩm nghệ thuật.

Từ cảm hứng sáng tạo đến sự ra đời tác phẩm nghệ thuật còn một khoảng cách khó khăn, bởi khoảng cách đó là sự lao động nặng nhọc với tư duy nhất quán. Bởi vì “người ta có thể đầy cảm xúc mà không diễn đạt được gì cả” và “Rõ ràng là cần phải cảm thấy sâu sắc để sáng tạo, nhưng cũng phải cảm thấy một cách sáng rõ: không có sự nhất quán thì không thể có nghệ thuật”².

1. Nhạc sĩ Phạm Tuyên kể rằng một lần, khi được một người đồng nghiệp Nhật Bản hỏi: “Ông sáng tác ca khúc trong thời gian bao lâu?”, ông trả lời: “Chỉ có 2 giờ. Nói đúng hơn là chỉ có 2 giờ cho cả cuộc đời”, theo Mai Thắng, VOV, 2010.

2. Denis Huisman: *Mỹ học*, Sđd, tr.104.

2. Tác phẩm *Lục Vân Tiên* và nhân cách Nguyễn Đình Chiểu

Có thể khẳng định, trong số các tác phẩm thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu, chỉ có tác phẩm truyện thơ *Lục Vân Tiên* tạo nhiều “cảm hứng sáng tạo” cho giới văn nghệ sĩ Việt Nam, trong suốt thời gian qua, ở nhiều lĩnh vực khác nhau, có lẽ bởi sáng tạo nghệ thuật ở mọi thời đại, mọi loại hình đều tập trung khai thác chữ “tình”. Cảm xúc hay cảm hứng sáng tạo thường nảy sinh từ chữ “tình”; mọi người trên trái đất đều say mê “tình”; đau khổ, hạnh phúc cũng từ cái “tình”; các ca khúc hay nhất, bộ phim hay nhất, vở diễn hay nhất đều gắn với cái “tình”. Nếu xét về nội dung tư tưởng, *Lục Vân Tiên* là tiểu thuyết tình - nghĩa, nhưng các tác phẩm nghệ thuật sau này lấy cảm hứng (trở thành động cơ sáng tạo nghệ thuật) chủ yếu khai thác từ “tình” nhiều hơn “nghĩa”. Cái “tình” ở đây bao gồm nhiều khía cạnh xuất phát từ mối liên hệ tình ái, duyên ái nam nữ, với những trắc trở éo le xuất phát từ nó. *Lục Vân Tiên* cứu Kiều Nguyệt Nga nảy sinh tình yêu son sắt của Kiều Nguyệt Nga; *Lục Vân Tiên* bị mù là xúc tác bộc lộ sự bạc tình của Võ Thê Loan; Thái sư đương triều muốn hỏi Kiều Nguyệt Nga cho con trai, bị cự tuyệt mà trở nên tàn ác đày đoạ người đẹp; Bùi Kiệm mê (say tình) Kiều Nguyệt Nga đến nỗi sẵn sàng bắt nghĩa... Hầu hết các tác phẩm nghệ thuật hình thành từ *Lục Vân Tiên* đều có cảm hứng từ các mối liên hệ gắn với cái “tình” trong đó. Cái “tình” rõ ràng khiến người ta dễ cảm động hơn, mọi sự kiện phát sinh từ nó hấp dẫn, lôi cuốn khán giả hơn. Mỗi loại hình nghệ thuật khai thác cái “tình” trong *Lục Vân Tiên* bằng phương pháp nghệ thuật, ngôn ngữ nghệ thuật đặc trưng. Nghệ thuật sân khấu cải lương khai thác cái “tình” khác với sân khấu kịch nói, khác với phim và tất nhiên, rất khác với hợp xướng (âm nhạc). Dù khai thác cái “tình” như một động lực quan trọng, nội dung tư tưởng của tác phẩm và tác giả trong các loại hình nghệ thuật không hề bị coi nhẹ; mỗi loại hình nghệ thuật giúp cho khán giả tiếp cận nội dung tư tưởng đó thông qua cái “tình” ở một trạng thái, góc nhìn khác nhau. Nhưng đó là cảm hứng sáng tạo nghệ thuật của các thế hệ sau có được từ tác phẩm *Lục Vân Tiên*; vậy cảm hứng sáng tạo của Nguyễn Đình Chiểu

cho ra đời tác phẩm bất hủ này có từ đâu? Có thể trả lời ngay rằng, cảm hứng sáng tạo *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu có được từ chính trải nghiệm của bản thân ông và từ nhân cách, cá tính Nam Bộ của ông.

Nam Bộ là vùng đất mới, nơi cộng cư khai khẩn đất đai hoang hóa của các dân tộc Khmer, Kinh, Chăm, Hoa và một số tộc người bản địa khác; chỉ khoảng từ đầu thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XVIII¹ đã giao lưu, dung hợp và phát triển tạo nên vùng văn hóa có đặc trưng riêng. Môi trường sống hoang dã, hệ thống sông ngòi chằng chịt, sinh lầy mênh mông, trên cạn đầy rắn rết, cạp beo, dưới nước đầy cá sấu, con người phải dựa vào nhau mà sống, không kể người Khmer, người Kinh hay người Hoa, người Chăm, đã hình thành bản tính người Nam Bộ hiếu khách, nhân hậu, khảng khái, bộc trực, “ăn to nói lớn”, ghét sự xu nịnh luồn cúi. Nguyễn Đình Chiểu sinh ra và lớn lên ở Gia Định, ra Huế học vài năm rồi trở về Gia Định học tiếp, thi đỗ Tú tài tại Gia Định năm 21 tuổi (1843). Phần lớn thời gian cuộc đời ông gắn với Nam Bộ, mang trong mình bản tính người Nam Bộ, khảng khái, yêu ghét rõ ràng, giản dị, mộc mạc. Văn thơ của ông truyền tải rõ ràng tư tưởng, nhân cách của ông, đặc biệt trong *Lục Vân Tiên*, tác phẩm được sáng tác cuối năm 1848 sau khi đã trải qua cú sốc mang tính bước ngoặt khi mẹ của ông qua đời, ông đành bỏ dở khoa thi Hội² ở Kinh đô Huế (khoa thi năm Kỷ Dậu 1849).

1. Theo *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim, trong Chương 7 “Công việc họ Nguyễn làm ở xứ Nam”, tr.265-275, người Việt chạy chiến tranh Trịnh - Nguyễn vào vùng đất hoang Nam Bộ từ đầu thế kỷ XII (thời điểm đó đã có người Khmer và một số tộc người bản địa cư trú rải rác); người Minh Hương/họ Dương, họ Hoàng (Hoa) chạy nhà Thanh xin nhà Nguyễn làm dân An Nam, được phép ở đất Gia Định (1679); họ Mạc (Hoa) chạy nhà Thanh tập hợp lưu dân lập ra phủ Hà Tiên, xin thuộc về chúa Nguyễn năm 1708. Trần Trọng Kim nhận xét: “Công việc họ Nguyễn làm ở phía nam quan trọng cho nước Nam ta hơn cả là việc mở mang bờ cõi, khiến cho nước lớn lên, người nhiều ra, và nhất là chiêu mộ những người nghèo khổ trong nước đưa đi khai hóa những đất phì nhiêu bỏ hoang, làm thành ra một xứ Nam Việt bây giờ phồn phú hơn cả mọi nơi, ấy là cái công họ Nguyễn với nước Nam thật là to lớn”.

2. Thời vua Tự Đức (1847 - 1883), khoa thi ở địa phương là thi Hương, khoa thi ở kinh đô là thi Hội, thi Hương đỗ mới được thi Hội, theo Trần Trọng Kim: *Việt Nam sử lược*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2015, tr.383.

Vì quá đau buồn, xót thương mẹ mà Nguyễn Đình Chiểu lâm bệnh, bị mù cả hai mắt, bị bội ước hôn lễ. Năm 1851, sau khi mất mẹ, ông quyết định mở lớp dạy học, và làm thuốc chữa bệnh cho dân chúng tại Gia Định đã thể hiện nghị lực can trường, tấm lòng nhân hậu, vị tha với lý tưởng sống cống hiến giúp dân giúp nước của ông. Bên cạnh đó, việc sáng tạo văn thơ cũng góp phần giúp ông giải tỏa dồn nén cảm xúc lấy lại thăng bằng, bộc lộ quan điểm nhân sinh qua nội dung và hệ thống các nhân vật trong tác phẩm truyện thơ *Lục Vân Tiên*. Tác phẩm đầu tay này khẳng định nhân cách Nguyễn Đình Chiểu, qua toàn bộ câu chuyện tình - nghĩa trắc trở và cái kết có hậu với hệ thống nhân vật đã trở thành biểu tượng cho những tính cách rõ ràng (chính - tà) và kết cục tương ứng (tốt - xấu). Chính cảm xúc mãnh liệt dồn nén trong một nhân cách đậm chất Nam Bộ đã trở thành động lực/cảm hứng sáng tạo chứ không phải “văn dĩ tải đạo” là động lực sáng tạo nên *Lục Vân Tiên*, cho dù những câu thơ mở đầu có vẻ như vậy¹. Có thể nói, nhân vật Lục Vân Tiên chính là hiện thân của Nguyễn Đình Chiểu. Người ta yêu quý, trân trọng Lục Vân Tiên cũng tức là trân quý, yêu mến Nguyễn Đình Chiểu. Những ai nghe truyện thơ *Lục Vân Tiên*, tại thời điểm vừa mới hình thành (thời ít người biết chữ nên nghe chuyện là chính), cũng như về sau khi tác phẩm đã được biên tập xuất bản, đều xúc động và lập tức bị lây truyền các cảm xúc, thái độ, phản ứng tâm lý từ các nhân vật và từ các tình tiết câu chuyện; bởi những nội dung đó được truyền tải bằng những vần thơ bình dị, đậm chất Nam Bộ. Đó cũng là lý do tại sao *Lục Vân Tiên* lại được người dân Nam Bộ lập tức đón nhận, yêu mến, lưu giữ đến tận bây giờ. Kiệt tác này được xuất bản đầu tiên năm 1864 bằng chữ quốc ngữ và được dịch sang tiếng Pháp năm 1868², được dịch ra nhiều thứ tiếng trên

1. Mở đầu truyện thơ: “*Trước đèn xem truyện Tây minh/Gãi cười hai chữ nhân tình éo le/Hỏi ai lắng lắng mà nghe/Dữ răn việc trước, lành dè thân sau/Trai thời trung hiếu làm đầu/Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình*”.

2. Lâm Văn Bé: “Nguyễn Đình Chiểu qua lăng kính của thực dân Pháp và cộng sản Việt Nam”, <http://viethocjournal.com/2019/04/nguyen-dinh-chieu-qua-lang-kinh-cua-thuc-dan-phap-va-cong-san-viet-nam/>, truy cập ngày 30/01/2022.

thế giới, riêng tiếng Pháp có đến 7 bản¹. Tác phẩm *Lục Vân Tiên* ra đời vào những năm 50 của thế kỷ XIX, vậy mà chỉ khoảng 10 năm đã được xuất bản và phát hành rộng rãi. Có thể khẳng định rằng rất hiếm tác phẩm văn thơ nào nổi tiếng nhanh đến thế ở thời đại Nguyễn Đình Chiểu còn sống, và có thể ở ngay cả thời đại ngày nay.

Bên cạnh những phân tích từ góc nhìn nghệ thuật ở trên, có thể nêu thêm một số lý do để trả lời câu hỏi đưa ra ở đầu bài viết: tại sao trong số các tác phẩm văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu, chỉ có *Lục Vân Tiên* tạo cảm hứng sáng tạo nghệ thuật.

Lý do thứ nhất, *Lục Vân Tiên* mang đặc trưng của văn hóa dân gian, mà văn hóa dân gian ở bất cứ quốc gia nào cũng là nền tảng, là nguồn cảm hứng bất tận cho sáng tạo nghệ thuật. Một đặc trưng đáng kể của văn hóa/văn học dân gian là có nhiều dị bản, lưu truyền bằng miệng (đọc thơ, hát thơ). *Lục Vân Tiên* mang đặc trưng này ngay khi tác giả thực hiện sáng tạo nên nó, đến nỗi có những nhà nghiên cứu đời sau ngỡ rằng tác phẩm này khuyết danh, Nguyễn Đình Chiểu chỉ là người chấp bút, biên tập lại. Ý kiến đó làm dấy lên cuộc tranh luận, khảo cứu sâu về tác giả của *Lục Vân Tiên*, mà kết quả là tác giả Nguyễn Đình Chiểu đã được khẳng định bằng những luận cứ khoa học. Giải thích lý do có nhiều dị bản *Lục Vân Tiên*, có nhà nghiên cứu nêu các ý sau: 1- Nguyễn Đình Chiểu sáng tác *Lục Vân Tiên* trong hoàn cảnh đã bị mù, đọc cho môn sinh của mình chép ở nhiều thời điểm khác nhau, trong thời gian dài; và không phải một môn sinh chép mà nhiều người thay nhau chép, mỗi người một khả năng nhận thức khác nhau. Cũng vì thế, không rõ Nguyễn Đình Chiểu bắt đầu sáng tác *Lục Vân Tiên* năm nào và hoàn thành tác phẩm vào thời gian nào, chỉ biết ở khoảng đầu những năm 50 của thế kỷ XIX. Dĩ kiện có thể dựa vào để phỏng đoán thời điểm sáng tác là khoảng

1. Xem Đoàn Lê Giang: “Nguyễn Đình Chiểu - nhìn từ thế kỷ XXI”, Website Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, chuyên trang *Văn hóa - Văn học Việt Nam*, ngày 14/10/2020, <http://www.vns.edu.vn/index.php/vi/nghien-cuu/van-hoa-viet-nam/2013-nguyen-dinh-chieu-nhin-tu-the-ky-xxi>.

thời gian sau 1851, khi ông mở lớp dạy học và làm thuốc chữa bệnh, bởi có lẽ khi đó ông mới đào tạo được trò đủ năng lực chép lại những gì mình đọc. 2- Cũng có thể do cách sáng tác như vậy, mỗi môn sinh nhớ được từng phần truyện, truyền khẩu ra ngoài dân gian, và được dân gian đón nhận, yêu thích, thuộc lòng ngay từ khi tác phẩm đang được sáng tác, chưa hoàn thành. Sau này có những bản được ghi chép lại từ trí nhớ của những người thuộc lòng tác phẩm *Lục Vân Tiên*, tất nhiên sẽ tạo nên nhiều dị bản. 3- Bối cảnh thời điểm “nóng”, chiến tranh với quá trình thuộc địa hóa của thực dân Pháp ở Nam Bộ buộc Nguyễn Đình Chiểu phải chuyển chỗ ở, di tản nhiều lần, lại thêm đợt thiên tai cháy nhà, lũ lụt khiến hầu hết các tài sản văn học của cụ Đồ Chiểu bị mất hoặc thất lạc. 4- Khi chuyển *Lục Vân Tiên* từ chữ Nôm sang chữ quốc ngữ để xuất bản thành sách, mỗi nhà xuất bản chuyển ngữ tác phẩm bởi người có nền tảng học thức và thành phần xuất thân khác nhau, dẫn đến có nhiều dị bản. Bản chữ Quốc ngữ của Trương Vĩnh Ký (xuất bản năm 1889) được cho là gần với nguyên tác hơn cả; mà “nguyên tác” ở đây là bản được hoàn chỉnh sau chắp nối các phần truyền khẩu hoặc ghi chép bằng chữ Nôm trong dân gian chứ không phải bản “khai sinh” từ tác giả Nguyễn Đình Chiểu, chỉ còn “nội dung chính yếu vẫn là ý tình, lời văn của Nguyễn Đình Chiểu” mà thôi¹.

Lý do thứ hai, nhân vật chính Lục Vân Tiên chính là hiện thân của Nguyễn Đình Chiểu thời trai trẻ. Chi tiết số tử vi của Lục Vân Tiên trùng hợp với các dữ kiện về năm sinh (năm Ngọ/Ngựa), năm thi đỗ tú tài (Mão/Thỏ), năm bỏ dở khoa thi (năm Dậu/Gà) của Nguyễn Đình Chiểu.

*Số con hai chữ khoa kỳ,
Khuê tinh đã rạng, tử vi thêm hòa.
Hiềm vì Ngựa chạy còn xa,
Thỏ vừa ló bóng, Gà đà gáy tan...*

1. Xem Lâm Văn Bé: “Nguyễn Đình Chiểu qua lăng kính của thực dân Pháp và cộng sản Việt Nam”, *Tlđđ*.

Bên cạnh đó, chi tiết Lục Vân Tiên bị mù vì khóc mẹ trên đường về quê chịu tang, bị hôn thê Võ Thể Loan bội ước cũng chính là sự kiện, nỗi đau mà Nguyễn Đình Chiểu từng chịu. Những trùng hợp kể trên giữa tác giả với nhân vật chính của tác phẩm chắc chắn không phải là ngẫu nhiên.

Lý do thứ ba, về hình thức nghệ thuật, tác phẩm thơ *Lục Vân Tiên* bình dị, mộc mạc như tính cách người Nam Bộ mà bao chứa được tình tiết nội dung câu chuyện ly kỳ hấp dẫn, dễ dàng đi vào lòng người dân Nam Bộ một cách tự nhiên. Nhờ đó *Lục Vân Tiên* phổ biến rộng khắp miền Nam, hầu như mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi, mọi vùng quê đều biết đến truyện thơ này của tác giả Nguyễn Đình Chiểu. Sự phổ biến của *Lục Vân Tiên* cộng với các tình huống câu chuyện bất ngờ, éo le, hấp dẫn là điều kiện thuận lợi cho các loại hình nghệ thuật biểu diễn khai thác, tạo chỗ đứng, hấp dẫn công chúng. Điều này có thể giải thích tại sao lời ca bài “Bùi Kiệm gheo Nguyệt Nga” theo bản “Tứ đại oán” trong đờn ca tài tử lại dễ dàng chuyển thành màn ca kịch Bùi Kiệm - Nguyệt Nga. Chỉ cần thêm động tác, nét mặt biểu cảm và sự đối thoại lời ca có hành động và nhạc đệm kèm theo, tính cách nhân vật sẽ nổi bật hơn, khán giả sẽ khinh ghét Bùi Kiệm và cảm thương Kiều Nguyệt Nga nhiều hơn. Các soạn giả kịch bản cải lương sau này hoàn toàn thoải mái sáng tạo định hướng cảm xúc cho khán giả dựa trên tích truyện *Lục Vân Tiên*.

Lý do thứ tư, xét về nội dung tư tưởng *Lục Vân Tiên* là thiên tiểu thuyết *tình - nghĩa*, bởi tất cả tính cách nhân vật và diễn trình éo le của câu chuyện đều xoay quanh *tình - nghĩa*; sức hấp dẫn đặc biệt của các tình tiết câu chuyện cũng gắn với *tình - nghĩa*, và cả cái kết có hậu, Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga được hạnh phúc bên nhau cũng không chỉ là tình yêu nam nữ thủy chung mà còn là *tình - nghĩa*. Những kẻ như cha con Võ công, Trịnh Hâm, Bùi Kiệm là những kẻ phải chịu hậu quả tội tệ là bởi *vô tình bất nghĩa*. Võ công từng hứa hẹn gả con gái Võ Thể Loan cho Lục Vân Tiên nhưng khi chàng bị mù, hai cha con đồng lòng hãm hại, bỏ chàng trong hang núi; Trịnh Hâm dù kết bạn với Lục Vân Tiên nhưng do đố kỵ, nhân cơ hội chàng bị mù đã lừa đẩy chàng xuống sông; Bùi Kiệm -

con Bùi công (người nhận Kiều Nguyệt Nga làm con nuôi), đáng lý là anh nuôi nhưng một mực đòi lấy Kiều Nguyệt Nga làm vợ. Ngược lại, những nhân vật như Lục Vân Tiên, Hồn Minh, Tử Trục và Kiều Nguyệt Nga kết cục đều được hạnh phúc là bởi họ *chung tình trọng nghĩa*. Lục Vân Tiên nghĩa khí quên mình đánh kẻ cướp cứu người; Hồn Minh bẻ giò Đặng Sinh, trừng trị thói nông nhênh càn rỡ của con nhà quan; Tử Trục cự tuyệt lời đề nghị gả con của Võ công và mắng Võ công vì chàng biết rõ chuyện ông ta từng hứa gả con cho Lục Vân Tiên; Kiều Nguyệt Nga chung thủy, thủ tiết chờ Lục Vân Tiên cho dù gặp bao trắc trở, hiểm nguy. *Trọng tình, trọng nghĩa* được biết đến là đặc tính nổi bật của người Nam Bộ. Đây cũng là một trong những lý do giải thích tại sao thiên tiểu thuyết *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu lại được người Nam Bộ truyền miệng và yêu quý, trân trọng đến thế.

Các tác phẩm thơ văn khác của Nguyễn Đình Chiểu như *Dương Từ - Hà Mậu*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* không có đủ các lý do nêu trên, thật khó để giới nghệ sĩ lựa chọn tác phẩm nào khác ngoài *Lục Vân Tiên* để khai thác chất liệu cho sáng tạo nghệ thuật.

3. Các hình thức nghệ thuật lấy cảm hứng sáng tạo từ *Lục Vân Tiên*

Trước hết, phải kể đến hình thức nghệ thuật *Nói thơ Vân Tiên* phổ biến trong dân gian vùng Nam Bộ xuất hiện gần như ngay sau khi tác phẩm *Lục Vân Tiên* ra đời và vẫn tồn tại đến ngày nay. Hình thức nghệ thuật mang tên “Nói thơ” nhưng qua cách trình diễn, có thể thấy đây là một loại nghệ thuật diễn xướng. Nghệ thuật *nói thơ Vân Tiên* đã góp phần quan trọng phổ biến, quảng bá rộng rãi cũng như lưu giữ giá trị nhân cách Nguyễn Đình Chiểu trong suốt chiều dài lịch sử đầy biến động của đất nước nói chung, vùng đất Nam Bộ nói riêng.

Đầu thế kỷ XX, *Lục Vân Tiên* được ông Huỳnh Văn Ngà (tự Long Ẩn), quê ở Trà Vinh chuyển soạn thành kịch bản sân khấu gọi là *Tuồng Lục Vân Tiên*, đã được Nhà xuất bản F-H Schneider Imprimeur - Editeur, in lần thứ nhất 2.000 cuốn vào năm 1915. Lời tựa đầu văn bản vở tuồng có ghi lời tự bạch của tác giả: “Tôi học hành không bao nhiêu mà

thông chữ nghĩa. Song thấy thơ *Vân Tiên* hay lắm, nên dịch ra một bản tuồng cho chư tôn nhân lãm”¹. Chưa có tư liệu nào cho biết kịch bản này có được dựng vở ra mắt công chúng hay chưa, nhưng căn cứ vào sự hâm mộ của dân chúng, có thể đoán rằng ít nhiều thì kịch bản *Tuồng Lục Vân Tiên* cũng có ảnh hưởng đến các vở diễn Cải lương dựa trên tích truyện *Lục Vân Tiên* sau này.

Theo lịch sử hình thành loại hình nghệ thuật Cải lương được ghi lại trong nhiều tư liệu, vào năm 1917, bài Đờn ca tài tử “Tứ đại oán Bùi Kiệm ghẹo Nguyệt Nga” được trình diễn theo hình thức ca ra bộ tại tư gia ông Tống Hữu Định ở Vĩnh Long (còn gọi là Phó Mười Hai) chính là một trong những mầm mống đầu tiên sinh ra nghệ thuật sân khấu Cải lương.

Khi nghệ thuật Cải lương đã được khẳng định và trở nên phổ biến, khoảng giữa thế kỷ XX (1947 - 1954), soạn giả Nguyễn Ngọc Cung chuyển soạn *Lục Vân Tiên* thành vở diễn hoàn chỉnh đầu tiên trên sân khấu, gọi là *Tuồng cải lương “Lục Vân Tiên - Kiều Nguyệt Nga”* lần đầu tiên ra mắt trên sân khấu miền Bắc vào năm 1955. Sau khi đất nước thống nhất, vào đầu những năm 80, vở cải lương này được Nhà hát Trần Hữu Trang dàn dựng và biểu diễn liên tục mà các buổi diễn vẫn đông khán giả. Với hai nghệ sĩ Cải lương: Bạch Tuyết vai Kiều Nguyệt Nga, Thanh Sang vai Lục Vân Tiên, vở cải lương trở nên nổi tiếng đến nỗi về sau, Hãng phim Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh quay phim vở diễn này gọi là “Phim ca kịch cải lương Kiều Nguyệt Nga”², phát hành ở các rạp chiếu phim, đạt doanh thu tốt trong một thời gian dài. Những năm đầu thế kỷ XXI đến nay, khi độ dài của vở diễn có vẻ như không còn phù hợp, để thích ứng, sân khấu chuyển sang biểu diễn các trích đoạn. Trích đoạn “Lục Vân Tiên - Kiều Nguyệt Nga” vẫn được khán giả đón nhận

1. Xem Nguyễn Thị Huyền Trang: “Tổng quan tình hình nghiên cứu và tư liệu về kịch bản tuồng Nam Bộ trước năm 1945”, Website Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21/10/2018.

2. Xem Phim ca kịch cải lương “Kiều Nguyệt Nga”, Xí nghiệp Phim tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, phát trên YouTube ngày 18/5/2016, truy cập ngày 24/01/2022.

nồng nhiệt. Năm 2021, trích đoạn này được nghệ sĩ Bạch Tuyết và nghệ sĩ Kim Tử Long (thay nghệ sĩ Thanh Sang đóng vai Lục Vân Tiên) lưu diễn ở Mỹ phục vụ cộng đồng người Việt và đã được chào đón.

Trong lĩnh vực điện ảnh, bộ phim màu đầu tiên của Việt Nam chính là phim *Lục Vân Tiên* do Tống Ngọc Hạp, một nhà sản xuất kiêm diễn viên điện ảnh thực hiện, hoàn thành và công chiếu ở miền Nam năm 1957. Tống Ngọc Hạp vừa là tác giả kịch bản, vừa là đạo diễn, là người soạn nhạc và cũng chính ông vào vai Lục Vân Tiên; còn vai Kiều Nguyệt Nga do hoa hậu - nhà báo Thu Trang đảm nhiệm. Những năm 90 của thế kỷ XX còn xuất hiện bộ phim truyện hai tập *Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga* do hai diễn viên Lý Hùng và Diễm Hương đóng hai vai chính. Chưa dừng ở đó, các nhà làm phim tiếp tục khai thác tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Hãng phim truyền hình TFS tiến hành sản xuất bộ phim truyền hình nhiều tập mang tên “Lục Vân Tiên”. Vai Lục Vân Tiên do diễn viên Chi Bảo đóng¹.

Trong lĩnh vực âm nhạc, một sự kiện rất đáng chú ý đã diễn ra vào tối 08/9/2009, đó là *Hợp xướng Lục Vân Tiên* được công diễn và được truyền hình trực tiếp tại Nhà hát Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, tác giả Vũ Đình Ân đã dành 4 năm (2005 - 2008) để viết tác phẩm hợp xướng này. Hợp xướng gồm bốn chương: Chương 1: *Xem truyện Tây minh*; Chương 2: *Tình đời - tình người*; Chương 3: *Chữ tình chung thủy*; Chương 4: *Trai tài gái sắc*, được 140 người trong dàn hợp xướng thể hiện chủ yếu qua các làn điệu dân ca Nam Bộ và những giai điệu mới được phối khí công phu (kết hợp với dàn nhạc và múa phụ họa). GS. Ca Lê Thuần phát biểu mở đầu buổi diễn giới thiệu rằng: “Lục Vân Tiên là bản trường ca về đạo lý và Nguyễn Đình Chiểu là một ngôi sao sáng của bầu trời phía Nam”; “Ở thành phố chúng ta đã từng biết tác phẩm *Lục Vân Tiên* qua điện ảnh, *Lục Vân Tiên* qua cải lương, *Lục Vân Tiên* qua kịch nói và kể cả

1. Xem Lê Quang Thanh Tâm: “Tác phẩm Lục Vân Tiên trong nghệ thuật Việt Nam”, ngày 09/7/2019.

Lục Vân Tiên qua vũ kịch. Hôm nay chúng ta sẽ thưởng thức *Lục Vân Tiên* qua hình thức hát hợp xướng”.

Kết luận

Ngày nay, các nghiên cứu tiếp cận giáo dục, tiếp cận văn học phân tích, chủ yếu hướng đến mục tiêu “văn dĩ tải đạo” trong văn thơ Nguyễn Đình Chiểu khiến các thế hệ sau chưa thực sự quan tâm đến khía cạnh động cơ, cảm hứng sáng tạo nghệ thuật của ông. Không có động cơ, không có cảm xúc nghệ thuật thì không có hình thức nghệ thuật để mà truyền tải mục đích, truyền tải tư tưởng của tác giả. Tất nhiên, cảm xúc của một con người có tư tưởng nhân văn cao cả là cảm xúc sâu sắc hơn mức bình thường. Tư tưởng nhân văn cao cả của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện ở lòng yêu thương con người, đề cao phẩm giá con người, phê phán những suy nghĩ, hành vi vị kỷ thấp hèn, đi ngược lại phẩm giá con người. Nếu chỉ phân tích văn bản, ngữ nghĩa tuyên ngôn tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu thì không có gì khó khăn, bởi nó được thể hiện rất rõ trong văn thơ của ông, nhưng không dễ để lý giải tại sao Nguyễn Đình Chiểu, đặc biệt là truyện thơ *Lục Vân Tiên* được yêu mến và được dân gian phổ biến, lưu giữ bên lâu đến thế. Cần có tiếp cận nghệ thuật/tâm lý sáng tạo nghệ thuật mới thấy được tác phẩm *Lục Vân Tiên* thấm sâu vào lòng người một cách tự nhiên như thế nào. Thông qua hệ thống giáo dục phổ thông, *Lục Vân Tiên* - Nguyễn Đình Chiểu chỉ là bài tập làm văn, bài học đạo đức, bài văn học sử, bài học làm người, bài học/tấm gương yêu nước, tinh thần bất khuất, tư tưởng nhân văn cao cả. Tất cả những ý nghĩa đó hoàn toàn cần thiết để phổ biến cho các thế hệ người Việt Nam ngày nay và trong tương lai. Tuy nhiên, trong vai trò người học, tiếp nhận các ý nghĩa *Lục Vân Tiên* - Nguyễn Đình Chiểu nêu trên qua lời giảng/bài giảng trên lớp học rất khó để các học trò nảy sinh cảm xúc mãnh liệt, cơ sở cốt lõi của cảm hứng sáng tạo nghệ thuật. Khác với nhiều tác phẩm văn thơ, trước khi *Lục Vân Tiên* được chọn đưa vào sách giáo khoa phổ thông để dạy trong nhà trường, nó đã được phổ biến ở Nam Bộ theo cách dân gian truyền miệng. Người dân

nghe nói thơ/kể thơ/hát thơ *Lục Vân Tiên* một cách thích thú, say mê, nhuần nhuyễn, đến thuộc lòng, tự mình thấm, tự mình rút ra ý nghĩa, bài học cuộc đời. Sự gần gũi, giản dị mà hấp dẫn, sâu sắc từ tình tiết của thiên tiểu thuyết tình - nghĩa đến lời thơ, tính cách nhân vật làm cảm xúc của người nghe, người đọc nảy nở tự nhiên, trở thành nguồn cảm hứng tiềm ẩn cho những tác phẩm nghệ thuật tương lai.

Xét từ tâm lý sáng tạo nghệ thuật, Nguyễn Đình Chiểu cũng trải qua các trạng thái tâm lý thôi thúc sáng tạo trước khi hoàn thành những tác phẩm của mình mà truyện thơ *Lục Vân Tiên* là ví dụ tiêu biểu. Cuộc đời ông trải nhiều nỗi đau dồn nén trong một tâm hồn nghệ sĩ đa cảm, một tình yêu trong sáng, một thái độ căm ghét sự bất nhân, bất nghĩa, một khao khát cống hiến những gì tốt đẹp nhất cho cuộc đời, cho con người và nhân dân... tất cả tạo nên cảm xúc, cảm hứng mãnh liệt thôi thúc ông sáng tạo nên tác phẩm truyện thơ *Lục Vân Tiên* bất hủ. Tác phẩm của ông bao chứa các cung bậc cảm xúc từng trải nghiệm, chuyển tải tư tưởng của ông, của thời đại ông một cách chân thực, mãnh liệt, khiến cho bất cứ ai đọc hay nghe đọc/hát về nó không thể không bị lây nhiễm cảm xúc. Cảm xúc do tác phẩm nghệ thuật tạo nên như một thứ dễ bị “lây nhiễm”, lan truyền, lớn dần, và với một số nghệ sĩ, nhất là nghệ sĩ xuất thân từ vùng văn hóa Nam Bộ, cảm xúc từ *Lục Vân Tiên* chuyển hóa thành sự đồng cảm sâu sắc trong tâm hồn, từ đó tiếp tục trở thành cảm hứng, thôi thúc sáng tạo nghệ thuật, tạo nên các tác phẩm nghệ thuật mới.

Trên thực tế, nhân cách, tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu sống mãi trong lòng người dân Nam Bộ nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung không chỉ qua giáo dục phổ thông, mà còn một con đường/phương cách thú vị khác, đó là sáng tạo nghệ thuật với nguồn cảm hứng Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm *Lục Vân Tiên*./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lâm Văn Bé: “Nguyễn Đình Chiểu qua lăng kính của thực dân Pháp và cộng sản Việt Nam”, <http://viethocjournal.com/2019/04/nguyen-dinh-chieu-qua-lang-kinh-cua-thuc-dan-phap-va-cong-san-viet-nam/>, truy cập ngày 30/01/2022.
- [2] Hoàng Thị Cương: “Lịch sử nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu - nhìn lại và hướng tới”, *HNUE JOURNAL OF SCIENCE social sciences*, 2020, Volume 65, Issue 2.
- [3] Denis Huisman: *Mỹ học* (Huyền Giang dịch từ nguyên bản tiếng Pháp *L'esthétique*, xuất bản lần thứ nhất năm 1954 tại Pari, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1999.
- [4] Đoàn Lê Giang: “Nguyễn Đình Chiểu - nhìn từ thế kỷ XXI”, Website khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, chuyên trang *Văn hóa - Văn học Việt Nam*, ngày 14/10/2020, <http://www.vns.edu.vn/index.php/vi/nghien-cuu/van-hoa-viet-nam/2013-nguyen-dinh-chieu-nhin-tu-the-ky-xxi>.
- [5] Vũ Duy Giang: “Hợp xướng Lục Vân Tiên - một táo bạo mới của Vũ Đình Ân”, Báo *Công giáo và dân tộc*, <http://www.vudinhhan.com/pages/newsdetails.aspx?id=79&cat=3>, ngày 23/02/2010.
- [6] Dương Thu Hằng: “Nghiên cứu giá trị văn hóa truyền thống trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Tú Xương”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.
- [7] Phan Tấn Hải: “Bước đường của cải lương: dò tìm một thời âm nhạc”, trang điện tử *vietbao.com*, ngày 28/6/2014.
- [8] Nguyễn Hữu Hiệp: “Nói thơ: Một sản phẩm văn nghệ dân gian độc đáo của Nam Bộ”, trang điện tử *vanchuongviet.org*, ngày 04/5/2006.
- [9] Lê Văn Hỷ: “Lịch sử tiếp nhận tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu”, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015.
- [10] Lê Hữu Khải: *Thẩm mỹ học*, Nhà sách Khai trí, Sài Gòn, 1973.

- [11] Trần Trọng Kim: *Việt Nam sử lược*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2015.
- [12] Phim Ca kịch cải lương *Kiều Nguyệt Nga*, tập thể soạn giả nhà hát Trần Hữu Trang dựa theo kịch bản của Ngọc Cung, phát hành trên YouTube ngày 18/5/2016.
- [13] Hồng Sơn: “Ca múa hợp xướng Lục Vân Tiên”, tạp chí *Tuổi trẻ* điện tử, <https://tuoitre.vn/ca-mua-hop-xuong-luc-van-tien-335074.htm>, ngày 04/9/2009.
- [14] Lê Quang Thanh Tâm: “Tác phẩm Lục Vân Tiên trong nghệ thuật Việt Nam”, trang điện tử *tranvankhe-tranquanhai.com*, ngày 09/7/2019.
- [15] Mai Thắng: ““Như có Bác trong ngày đại thắng” - Ca khúc cuộc đời sau 30 năm dồn nén””, trang điện tử *vov.vn*, ngày 29/4/2010.
- [16] Nguyễn Thị Huyền Trang: “Tổng quan tình hình nghiên cứu và tư liệu về kịch bản tuồng Nam Bộ trước năm 1945”, Website Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21/10/2018.
- [17] Thùy Trang: “Thêm nhiều công trình nghiên cứu về danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu”, trang *Văn hóa* điện tử, <http://baovanhoa.vn/van-hoa/artmid/428/articleid/51453/them-nhieu-cong-trinh-nghien-cuu-ve-danh-nhan-van-hoa-nguyen-dinh-chieu>), ngày 25/3/2022.
- [18] Nguyễn Thanh Tú: ““Lục Vân Tiên”, viên ngọc sáng của văn hóa nhân loại””, Báo *Công an nhân dân* điện tử, ngày 16/12/2021.

**NHỮNG TƯ TƯỞNG THẨM MỸ CỦA NHO GIÁO
TRONG TRUYỆN *LỤC VÂN TIÊN* ***

PGS.TS. SUNJIN (TÔN TIẾN)**

Tóm tắt: Từ quan niệm về Nho giáo của Khổng Tử, Mạnh Tử qua các sách Tứ thư, Ngũ kinh, dựa vào các chi tiết trong cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu và tương quan với cuộc đời của nhân vật chính diện Lục Vân Tiên ở truyện thơ Nôm cùng tên, tác giả tham luận phân tích các khía cạnh đạo đức ở Nguyễn Đình Chiểu và nhân vật Lục Vân Tiên, nhân vật phản phát bóng dáng cuộc đời tác giả. Từ đó, tác giả trình bày về quan hệ giữa Nho giáo ở Trung Quốc và Nho giáo ở Việt Nam thời nhà Nguyễn (1802 - 1945), để thấy sự sáng tạo của nhà nho Việt Nam khi tiếp thu tư tưởng Khổng Mạnh mà Nguyễn Đình Chiểu là một trường hợp điển hình.

Từ khóa: Đạo đức; Khổng Tử; Mạnh Tử; Nguyễn Đình Chiểu; Nho giáo.

**AESTHETIC IDEAS OF CONFUCIANISM
IN TALES OF *LỤC VÂN TIÊN***

Abstract: Through the analysis of the Confucian concepts of Confucius and Mencius through the Four Books and Five Classics, and compare the details of the life of Nguyễn Đình Chiểu

* Nguyên bản tiếng Trung, tác giả dịch sang tiếng Việt.

* Đại học Dân tộc Quảng Tây, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Liên hệ: 371081152@qq.com

*and the life of the main character in **Lục Vân Tiên**, the author of this paper analyzes the moral aspects of Nguyễn Đình Chiểu and the character **Lục Vân Tiên** - a character with a shadow of the author's life. This study takes Nguyễn Đình Chiểu as an example to further introduce the relationship between Chinese Confucianism and Vietnamese Confucianism during the Nguyễn Dynasty (1802 - 1945), and to understand the creativity of the Vietnamese in absorbing Confucius and Mencius thoughts.*

Keywords: Confucianism; Ethics; Confucius; Mencius; Nguyễn Đình Chiểu.

Toàn văn

Lục Vân Tiên là tác phẩm tiêu biểu của thi nhân Việt Nam - Nguyễn Đình Chiểu. Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ có vai trò quan trọng trong việc thừa kế tiền nhân, tiếp chân hậu thế trong tiến trình lịch sử văn học Việt Nam từ cổ đại đến cận đại. Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu đã trải qua giai đoạn lịch sử đầy biến động của miền Nam Việt Nam. Thơ ca của ông phần lớn đều thể hiện hiện trạng lịch sử của một thời kỳ. Ông sinh ra trong một gia đình khoa bảng, chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho giáo, tư duy Nho giáo của ông cũng còn được phản ánh ngay trong cách ứng xử làm người, giáo dục dạy dỗ con người, và ngay trong các tác phẩm mà Nguyễn Đình Chiểu sáng tác.

Nhìn vào những sáng tác văn học của Nguyễn Đình Chiểu, có thể chia thành hai giai đoạn: Lấy năm 1858 làm đường trục, các tác phẩm ra đời trước 1858 đều lấy chủ nghĩa cổ điển là phong cách chủ đạo, tác phẩm tiêu biểu là truyện thơ lục bát dài *Lục Vân Tiên*; đến sau năm 1858, thì các tác phẩm của ông chủ yếu lại phản ánh tình hình chống Pháp của nhân dân Việt Nam, như điệu Trương Định gồm 1 bài văn tế và 12 bài thơ,

*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*¹,... Trong các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta có thể thấy môi trường xã hội ở Việt Nam thời kỳ đó đã có ảnh hưởng đến tâm thái và tác phẩm của ông, đồng thời chúng ta có thể tìm tòi và phân tích những tư tưởng “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín” do Nho giáo đề xuất trong các tác phẩm của ông.

Giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX ở Việt Nam, tư tưởng Nho gia do Khổng Tử và Mạnh Tử đề xướng không ngừng được đề cao và khẳng định, triều đại phong kiến Việt Nam còn coi Nho giáo là chuẩn mực tư tưởng và hành vi chính thống. Ở giai đoạn này, *Lục Vân Tiên* như một bài thơ tự sự có thể phản ánh được đầy đủ đời sống, quan niệm xã hội Việt Nam trong thời kỳ này. Đây cũng là một tác phẩm tự truyện về cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu, hay là một sự biểu đạt lý tưởng trong nội tâm của chính ông.

Các Nho gia trí sĩ của Việt Nam thích vận dụng chữ Nôm Việt Nam khi sáng tác các tác phẩm văn học. Thể thơ là thể thơ lục bát gieo vần toàn là thanh bằng hoàn chỉnh nhất. Kết cấu cũng đơn giản, âm luật cũng tương đối linh hoạt, khá phù hợp với đặc trưng đa thanh điệu biến hóa của ngữ âm tiếng Việt; cũng phù hợp với thói quen ngôn ngữ thường ngày của người Việt nên rất được người dân yêu thích. Phong cách thơ này đã trở thành một trong những phong cách chính của thơ ca chữ Nôm, độ dài của bài thơ cũng linh hoạt, rất thích hợp để viết thành câu truyện dài, các Nho gia trí sĩ đã sử dụng nó để viết những bài thơ tự sự. *Lục Vân Tiên* càng là một bài thơ tự sự dài xuất sắc.

Lục Vân Tiên thể hiện truyền thống tư tưởng, đạo lý tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, là một tác phẩm đề cao phẩm chất nghị lực kiên cường, ca ngợi tình bạn, tình yêu thủy chung, thiện ác phân minh. Một phần nội dung trong tác phẩm này chính là cuộc đời thực của tác giả Nguyễn Đình Chiểu. Ở một mức độ nào đó, nó cũng phản ánh được cái sức quynh rũ rất riêng của Nguyễn Đình Chiểu và cảnh giới của tư tưởng

1. Xem Yu Zaizhao: *Việt Nam văn học sử*, Nxb. Đồ họa Thế giới - Công ty trách nhiệm hữu hạn Quảng Đông, tr.257.

Nho gia. Đồng thời, chúng ta cũng có thể tìm hiểu được ảnh hưởng của thẩm mỹ Nho gia đối với tư tưởng của dân tộc Việt Nam qua tác phẩm.

Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu đầy thăng trầm. Ông sinh năm 1822, trong một gia đình nền nếp thi thư. Cho dù thời điểm đó thế sự loạn lạc, cha của ông từ chức và lánh nạn, nhưng ông được gửi vào Huế để tiếp tục học tập tại nhà người bạn của cha. Điều này thể hiện sự chấp trước đối với việc học tập tư tưởng Nho gia của gia đình ông. Mặc dù tư tưởng Nho gia không bàn nhiều về nội hàm của việc học tập, nhưng hai chữ “học tập” là hai chữ đầu tiên được Khổng Tử ghép lại với nhau, tức là “học nhi thời tập chi”, “học” là chỉ tri thức và kỹ năng, và “tập” là chỉ việc ôn tập, luyện tập và thực hành. Tư tưởng Nho gia đa phần đàm luận về giá trị và ý nghĩa của việc học tập. Trong cuốn *Đại học* chỉ ra rằng vai trò của học tập nằm ở nhiều khía cạnh: “Cách vật (hiểu rõ sự vật), trí tri (nhận thức đúng đắn), thành ý, chính tâm (tâm tư ngay thẳng), tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Tư tưởng Nho gia cho rằng trước khó khăn vẫn phải kiên trì học tập, khó khăn chính là nguồn động lực để học tập và trưởng thành. Trong hoàn cảnh bị đày ải, nhưng năm 1843 Nguyễn Đình Chiểu vẫn thi đỗ tú tài, điều đó đủ chứng tỏ sự thông minh, tài trí của ông. Nguyễn Đình Chiểu vẫn bất chấp khó khăn, kiên trì không ngừng học tập tư tưởng Nho gia và dần trở thành một nhà nho xuất sắc.

Nếu cứ theo đà phát triển như vậy, thì khi Nguyễn Đình Chiểu ra Huế dự thi, rất có thể đã đỗ đầu khoa bảng, và cũng sẽ được phong quan tiến chức trong triều đình, phục vụ triều đình. Nhưng cuộc đời dường như đã thử thách ông, năm 1846, Nguyễn Đình Chiểu vào kinh đô Huế để chuẩn bị tham gia kỳ thi, nhưng sắp đến ngày thi thì bất ngờ nhận được tin dữ là mẹ mất. Nguyễn Đình Chiểu lập tức bỏ thi trở về quê chịu tang. Do quá đau buồn và thời tiết nắng nóng, Nguyễn Đình Chiểu mắc bệnh hiểm nghèo và bị mù đôi mắt.

Ở đây, chúng ta có thể thấy sự ảnh hưởng và hội nhập lẫn nhau của đạo đức Nho giáo và văn hóa Việt Nam, ảnh hưởng tinh tế đến thuần

phong mỹ tục và nếp nghĩ của người Việt Nam. Nhân dân Việt Nam quan niệm “đạo hiếu làm đầu”, trong số rất nhiều tín ngưỡng của Nho giáo, cái quan trọng nhất chính là “đạo hiếu”. Con cái phải tận tâm hiếu thảo với cha mẹ, bất hiếu là một hành động đại nghịch bất đạo, sẽ bị dư luận xã hội cười chê và lên án. Những nhân vật trung hiếu, tiết nghĩa được đáp nặn trong *Lục Vân Tiên* như chàng học trò nghèo Lục Vân Tiên coi trọng đạo hiếu, bỏ thi trở về nhà để chịu tang mẹ, rồi khóc đến mù đôi mắt. Đây không chỉ là miêu tả trong một bài thơ tự sự, mà còn phản chiếu rất chân thực chân dung của thi hào Nguyễn Đình Chiểu.

Sau khi bị mù, Nguyễn Đình Chiểu đã cảm nhận sâu sắc được sự lạnh nhạt của thói đời là lòng người. Khi ông đỗ tú tài và chuẩn bị khởi hành vào kinh thi tài, từng có nhà phú hộ cầu thân với Nguyễn Đình Chiểu, hứa gả con gái cho ông. Nhưng khi biết Nguyễn Đình Chiểu đã bỏ thi giữa chừng và trở về quê nhà, công chưa thành, danh chưa toại, lại bị tàn tật thì nhà phú hộ đó lại công khai bội ước.

Tất cả những điều này chính là câu chuyện mà tác giả muốn kể về chính mình, một chàng thư sinh sau khi trải qua những thăng trầm của cuộc sống, đã có sự giác ngộ triệt để, biến đau buồn thành sức mạnh, dồn tâm huyết cả vào giáo dục, bào chế thuốc và sáng tác, rồi đạt được những thành công rực rỡ.

Mạnh Tử đã từng nói: Khi trời sẽ giao sứ mệnh trọng đại cho người nào, thì nhất định trước hết phải tôi rèn tâm trí của họ, khiến gân cốt của họ phải nhọc mệt, thân xác của họ phải đói khát, cho rằng phải để người học trò trải qua một quá trình đau khổ nhưng lại có ý nghĩa, mới có thể giữ được không gian cho người học trò suy nghĩ tích cực. Câu nói này đã truyền cảm hứng cho biết bao người có lý tưởng cao cả vươn lên trong nghịch cảnh. Cơ sở tư tưởng của nó là một quan niệm anh hùng tối cao và một ý thức mạnh mẽ về bi kịch cuộc đời, một tinh thần cống hiến cao cả, cũng là sự chấp nhận với những đau khổ của cuộc sống và đề cao tinh thần đấu tranh gian khổ để có được chiến thắng.

Nguyễn Đình Chiểu đã lồng ghép lý tưởng tinh thần này vào trong câu chuyện, đó là cuối cùng Lục Vân Tiên cũng có được đôi mắt sáng, thi đỗ trạng nguyên, dẹp tan giặc ngoại xâm, trừ gian diệt ác, cứu giúp người dân. Đây cũng là tư tưởng Nho học lạc quan của một nhà nho bị mù đôi mắt vẫn luôn khao khát có một ngày có thể tiêu trừ tai họa, có cơ hội “phò vua, giúp nước”...

Trong câu chuyện có sự liên kết giữa nhân vật trong truyện và đời thực, đó là hình ảnh nhân vật Kiều Nguyệt Nga và tình yêu chân thành của cô cũng phần nào liên quan đến người vợ hiền đứng sau Lục Vân Tiên. Hay trong cuộc sống hiện thực, một người học trò của Nguyễn Đình Chiểu - nho sinh Lê Tăng Quýnh, do thương cảm với nỗi đau khổ và hoàn cảnh của Nguyễn Đình Chiểu, và ái mộ nhân cách con người ông, nên đã bàn bạc với cha mẹ, gả em gái của mình là Lê Thị Điền cho ông. Người vợ đức hạnh và nhân hậu này cũng chính là sự thể hiện tiết hạnh cao cả...

Đạo đức mà Nguyễn Đình Chiểu đề cao trong *Lục Vân Tiên* mang đậm tinh thần chính nghĩa. Câu chuyện giữa thiện và ác, cuộc đấu tranh giữa chính nghĩa và phi nghĩa. Sau khi trải qua bao nhiêu khó khăn gian khổ, lương thiện và chính nghĩa cuối cùng cũng đã giành được thắng lợi; còn kết cục của cái ác và phi nghĩa tất nhiên là thất bại thảm hại hoặc chịu sự trừng phạt đích đáng.

“Năm thường” (“Ngũ thường”) trong tư tưởng Nho giáo là cách người xưa gọi năm mối quan hệ của con người là: quân thần, phụ tử, huynh đệ, phu thê, bằng hữu. Đây là đạo lý và quy tắc hành vi xử sự trong quan hệ đạo đức giữa con người với nhau. Mạnh Tử cho rằng: Giữa quân và thần cần có đạo lễ nghĩa, cho nên ứng với Trung; trong quan hệ cha con thì cần có trật tự tôn ti, nên ứng với Hiếu; giữa anh em như chân với tay là tình thân cốt nhục, nên ứng với Đễ (kính trên nhường dưới). Trong truyện thơ, Lục Vân Tiên - “*Trai trung hiếu làm đầu*” là hình tượng tiêu biểu của người anh hùng hiệp nghĩa, hiếu kính với cha mẹ, trung thành với quân vương, cứu giúp nhân dân.

Trong tư tưởng Nho giáo, tình nghĩa vợ chồng trong và ngoài có khác nhau, nên được ứng với Nhẫn: Kiều Nguyệt Nga là hóa thân của tình yêu trung thành và đạo đức cao thượng. Trong bài thơ, tác giả cho rằng người phụ nữ phải tự lấy phẩm đức để giáo huấn chính mình (*"Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình"*). Tư tưởng Nho gia còn cho rằng, đức thành tín trung thực giữa bạn bè nên ứng với Thiện: Hồn Minh và Tử Trục là bạn tốt đồng cam cộng khổ, còn những người như ông chủ tiệm, ngư ông, tiểu phu và những nhân vật như tiểu đồng trung nghĩa sẵn sàng giúp đỡ người khác, cũng phản ánh được bản chất lương thiện của nhân dân lao động. Còn những nhân vật phản diện khác, như Trịnh Hâm là một nhân vật đại diện cho sự nham hiểm, ác độc, Bùi Kiệm đại diện cho những kẻ xấu tham lam, cuối cùng cũng đều có những kết cục không tốt. Để đề cao chính nghĩa, một lần nữa lại nhấn mạnh tư tưởng Nho giáo.

Nguyễn Đình Chiểu không phải mượn câu chuyện tự sự *Lục Vân Tiên*, chỉ là để phản ánh bi kịch cá nhân hoặc tận dụng cơ hội để biểu lộ tâm tư, tình cảm của mình, mà thông qua thơ ca, Nguyễn Đình Chiểu muốn đề xướng tư tưởng của Khổng Tử và Mạnh Tử: Nam lấy trung, hiếu làm đầu, nữ lấy tiết, đức làm trọng để giáo dục con người. Tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu có giá trị và ý nghĩa to lớn, người Pháp đã từng đem tác phẩm *Lục Vân Tiên* dịch sang tiếng Pháp, đăng tải trên một tờ báo ở Pari. Ở Trung Quốc, chúng tôi cũng đã thấy một số bài bình luận về sử truyện thơ *Lục Vân Tiên*.

Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng về tinh thần làm việc kiên nhẫn không mệt mỏi và lòng yêu nước kiên cường, bất khuất. Ông bất chấp tất cả từ bệnh tật đến nghèo khó, dành cả cuộc đời cho sự nghiệp giáo dục, y học và sáng tác văn học và ông đã đạt được những thành tựu rực rỡ và được người đời kính trọng. Theo ghi chép, thì ông mất vào ngày 03/7/1888, toàn miền Nam đã chìm đắm trong đau thương buồn bã: "Ngày đưa tang ông, vành tang trắng đã biến cả cánh đồng thành một màu trắng xóa".

Năm nay đánh dấu tròn 134 năm ngày mất của thi nhân vĩ đại Nguyễn Đình Chiểu. Là một người nước ngoài, tôi đã đọc nhiều lần bản hùng ca *Lục Vân Tiên*. Mặc dù tôi không thể hiểu sâu và hiểu hết bản chất của những tư tưởng tinh thần mà ông muốn truyền đạt, nhưng tôi có thể cảm nhận nó một cách đại khái tầm cao tư tưởng và tâm tình nhà nho chứa đựng trong tác phẩm của ông./.

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU VÀ SỰ VẬN ĐỘNG CỦA TƯ TƯỞNG NHÂN NGHĨA YÊU NƯỚC

PGS.TS. VŨ THANH*

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu, tìm hiểu những đóng góp lớn lao trong sự nghiệp văn học của Nguyễn Đình Chiểu từ truyện thơ Lục Vân Tiên đến thơ văn yêu nước chống Pháp của ông, chỉ ra những giá trị văn hóa, tư tưởng, từ tư tưởng nhân nghĩa đến tinh thần yêu nước, vì dân của nhà thơ mù xứ Gia Định - Đồng Nai.

Ông là nhà thơ duy nhất trong văn học giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX phát hiện ra nhân vật người anh hùng của thời đại và xây dựng thành công hình tượng nghệ thuật về người anh hùng mới. Phát hiện nghệ thuật quan trọng đó là một quá trình không hề giản đơn trong cuộc đời văn học nghệ thuật cống hiến cho đất nước, nhân dân của Nguyễn Đình Chiểu.

Bài viết này tập trung lý giải các nguyên nhân: điều kiện lịch sử - thời đại, cuộc đời và tiến trình vận động trong sự nghiệp văn học của Nguyễn Đình Chiểu dẫn đến những thành tựu nghệ thuật độc đáo của ông.

Từ khóa: Lục Vân Tiên; Nguyễn Đình Chiểu; Nhân nghĩa; Thơ văn yêu nước chống Pháp; Yêu nước.

* Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Liên hệ: vuthanhvvh@yahoo.com

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU AND MOVEMENT OF BENEVOLENT, RIGHTEOUS AND PATRIOTIC IDEOLOGY

Abstract: The paper explores the great contributions of Nguyễn Đình Chiểu's literary career, from the story of Lục Vân Tiên to his patriotic and anti-French poems, showing a spirit of patriotism and tolerance of a blind poet from Gia Định - Đồng Nai.

He was the only poet in the literature of the second half of the nineteenth century who discovered the hero of the time and successfully built an artistic image of the new hero. It is not a simple process in his life bringing literature and art dedicated to the country and people.

Our paper explains the reasons: historical conditions - the time, life and movement process in Nguyễn Đình Chiểu's literary career leading to his unique artistic achievements.

Keywords: Lục Vân Tiên; Nguyễn Đình Chiểu; Tolerance; Patriotism; Patriotic and anti-French poems.

Toàn văn

1. Cuộc đời và sáng tác văn chương của Nguyễn Đình Chiểu có một vị trí đặc biệt quan trọng trong lịch sử và trong sự phát triển văn hóa, văn học của miền đất Nam Bộ giai đoạn giữa và nửa sau thế kỷ XIX. Ông là tác giả quan trọng nhất mở đầu cho văn học Việt Nam giai đoạn này và cũng là nhà thơ tiêu biểu nhất cho dòng văn học yêu nước chống Pháp - dòng văn học chủ lưu cuối thế kỷ XIX. Thơ văn của ông là những trang in đậm dấu ấn của vùng sinh thái - văn hóa Nam Bộ thế kỷ XIX, là những trang sử ngời ca con người, ngời ca tinh thần yêu quê hương, đất nước của người dân đất phương Nam.

Nguyễn Đình Chiểu có một cuộc đời, một số phận khá đặc biệt so với những người cầm bút khác. Sự kiện ông bị mù sau lần từ Kinh đô trở về Gia Định chịu tang mẹ đã khiến cuộc đời ông chuyển hẳn sang một hướng khác. Nếu Nguyễn Đình Chiểu không gặp phải những hoạn nạn của cuộc đời, thi đỗ cao và làm quan thì có thể ông đã lựa chọn một con đường khác chẳng? Không tiếp tục sự nghiệp khoa cử được nữa, ông chuyển sang làm nghề dạy học và bốc thuốc. Hoàn cảnh mù lòa, đỗ đạt không cao, không làm quan, không giữ những trọng trách, không giàu có như những người có vai vế khác trong xã hội Nam Bộ khi đó, đã khiến Tú tài Nguyễn Đình Chiểu vốn đã sống gần gũi với người dân nay càng trở nên gần gũi hơn, hiểu được hoàn cảnh sống và nỗi niềm của những người dân nghèo khổ mà giàu nghĩa khí quanh ông. Điều đó giải thích vì sao so với các trí thức khác Nguyễn Đình Chiểu lại dứt khoát chọn con đường đi về với nhân dân, vị dân, vệ quốc một cách thủy chung như vậy và việc ông xây dựng nên những người anh hùng mới của thời đại hết sức gần gũi với người lao động là một việc dễ hiểu. Sự lựa chọn đó cũng giải thích vì sao sáng tác và đời sống tinh thần của Nguyễn Đình Chiểu lại gắn bó, lại mang đậm màu sắc đặc trưng của môi trường sinh thái - văn hóa Nam Bộ giai đoạn lịch sử của ông đến vậy.

2. Sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu chính là sự kết nối ở những mức độ nhất định của dòng văn học Bắc Hà, văn học cung đình Huế - Thuận Quảng với văn học của vùng Gia Định - Đồng Nai. Ông cũng đã hòa hợp ở những mức độ nhất định những giá trị của văn học chính thống Kinh đô Huế, Gia Định với văn hóa, văn học dân gian Nam Bộ để tạo nên bản sắc của riêng mình. Trong so sánh với các tác giả Nam Bộ khác cùng thời có thể thấy rõ tư tưởng thân dân, sáng tác gần gũi với văn học dân gian của nhà nho nổi tiếng này.

Khi Nguyễn Đình Chiểu sáng tác *Lục Vân Tiên* thì trong văn hóa Nam Bộ, chữ Nôm đã tồn tại ở một trình độ nhất định, góp phần quy định và gây ảnh hưởng đến xu hướng sáng tác của tác giả *Lục Vân Tiên* - điều mà lâu nay khi chỉ nhìn cục bộ từ hiện tượng tác giả thuần Nôm như Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta chưa thấy được. Tuy nhiên đó có thể mới là

thứ chữ Nôm nôm na hoặc vẫn lại quá sách vở mà chưa phải là chữ Nôm đã được văn học hóa ở mức độ nhất định. Với xu thế gần dân, vì dân, coi trọng vai trò của người dân, mong muốn truyền thụ đạo đức thánh hiền đến đông đảo người dân, xuất thân và lựa chọn cuộc đời từ vị trí của một trí thức bình dân, việc Nguyễn Đình Chiểu sáng tác hoàn toàn bằng chữ Nôm là một điều dễ hiểu. Nói ra điều đó không có nghĩa là hạ thấp vị trí đã được các nhà nghiên cứu xác định lâu nay về Nguyễn Đình Chiểu đối với sự vận động của văn học miền Nam. Có thể thấy truyện thơ *Lục Vân Tiên* và toàn bộ sáng tác của ông rõ ràng đã có ảnh hưởng rộng lớn đến sự phát triển của văn hóa và văn học nghệ thuật Nam Bộ như thế nào, trong đó có sự phát triển của chữ Nôm. Với một tác giả lớn như Nguyễn Đình Chiểu, chắc chắn ông đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của chữ Nôm đối với văn học miền Nam không thua kém gì Nguyễn Du với *Truyện Kiều* của văn học ở miền Bắc.

Lục Vân Tiên là một sáng tác hết sức gần gũi với cuộc sống của người dân lao động, phù hợp với môi trường sinh thái - văn hóa Nam Bộ, nơi hội tụ của nhiều sắc dân từ nhiều vùng, miền đến sinh sống, nơi văn hóa tuồng hát bội dân gian rất phổ biến. Kết cấu giàu tính kịch, chất chứa mâu thuẫn kiểu *Lục Vân Tiên* có nhiều tương đồng thích đáng với kết cấu và việc xây dựng xung đột đưa đến cao trào trong tuồng - vốn là nghệ thuật sân khấu xây dựng dựa trên các xung đột kịch tính. Có lẽ khi sáng tác *Lục Vân Tiên* Nguyễn Đình Chiểu đã hướng đến việc tác phẩm của ông không chỉ được kể mà còn được trình diễn ngoài đường phố, ngõ chợ bởi các nghệ nhân dân gian hát bội.

Phẩm chất văn võ song toàn và thế mạnh nghiêng về võ nghệ cũng là một đặc điểm mang yếu tố Nam Bộ của Vân Tiên, khác biệt với những người anh hùng khác trong truyện thơ Nôm vốn chỉ nổi bật ở một phương diện nào đó. Vân Tiên là “con người hành động”, “con người đạo lý” mang đậm “đặc tính văn chương Nam Hà” (theo cách nói của học giả Phạm Thế Ngũ). Hành động bảo dân, vệ quốc của Lục Vân Tiên chính là ước mơ về một người anh hùng của những người dân thường luôn bị các thế lực xã hội đè nén, áp bức. Từ xuất thân cho đến hành động, người anh hùng Vân

Tiên mang đậm chất bình dân mộc mạc, chàng mang bản sắc là người anh hùng của nhân dân, hết lòng vì dân, vì nước. Không phải ngẫu nhiên mà người dân Nam Bộ lại say mê nhân vật Lục Vân Tiên đến vậy, bởi ở chàng hội tụ đầy đủ mọi phẩm chất lý tưởng mà họ yêu thích và gần gũi như chính con người họ.

Trong tứ phẩm: *trung, hiếu, tiết, nghĩa* và ngũ thường *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín* thì *nhân, nghĩa* và đặc biệt là *nghĩa* mới là phẩm chất được truyện thơ *Lục Vân Tiên* đặc biệt đề cao. Đây cũng là những phẩm chất đạo đức trong thực tiễn được các cư dân Nam Bộ, vốn là những người đi mở đất ở phương Nam hết sức tôn vinh. Tinh thần trượng nghĩa, “*giữa đường dầu thấy bất bằng chẳng tha*” là nghĩa cử cao quý nhất của người Nam Bộ. Các nhân vật trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu đã thể hiện phẩm chất đạo đức đó một cách tự nhiên, xuất phát từ những nhu cầu tình cảm yêu thương chứ không phải là bị ràng buộc bởi những nguyên lý đạo đức sách vở cứng nhắc.

Tinh thần nghĩa hiệp, sẵn sàng quên mình để cứu khốn, phò nguy, bênh vực những con người bất hạnh mới chính là linh hồn của *Lục Vân Tiên*. Đây cũng chính là phẩm chất của các nghĩa sĩ Cần Giuộc và các lãnh tụ nghĩa quân chống Pháp sau này sẽ được Nguyễn Đình Chiểu phản ánh trong cuộc chiến đấu một mất một còn với kẻ thù xâm lược.

Tư tưởng và tính cách của những con người này tiêu biểu cho tư tưởng, tình cảm, tính cách của người dân Nam Bộ, những con người do hoàn cảnh và điều kiện sống trên những vùng đất mới đã hình thành nên những nét tính cách trên, đặc biệt là truyền thống trọng nghĩa khí ghét gian tà, cho thấy tư tưởng thân dân, gần dân của Nguyễn Đình Chiểu. Tư tưởng bình dân của quan niệm này còn biểu hiện ở chỗ nó được thể hiện một cách rất tự nhiên qua việc sử dụng khẩu ngữ, phương ngữ, qua cách xưng hô gần gũi của tác giả với những nhân vật lịch sử.

Qua tác phẩm của mình, Nguyễn Đình Chiểu đã cho thấy ai cũng có thể làm được việc nghĩa, miễn là có tình thương và lòng nhân hậu. Làm việc nghĩa không phân biệt dù đó là kẻ sĩ, quyền quý, người bình dân, thậm chí kẻ nghèo hèn cũng có thể làm được. Không phải chỉ những

người anh hùng như Lục Vân Tiên, Hồn Minh, Tử Trục mới làm việc nghĩa mà những người bình dân như chú Tiểu đồng, ông Quán, ông Ngư, ông Tiêu... cũng làm việc nghĩa; họ hết sức đông đảo và là những người vô danh. Hành động trượng nghĩa mà không chờ báo đáp rõ ràng là một phẩm chất truyền thống của người dân Nam Bộ. *Lục Vân Tiên* chính là tác phẩm ca ngợi sự nhân nghĩa, thủy chung và phê phán tất cả những gì là bất nhân, bất nghĩa. Những người nhân nghĩa, thủy chung nhất định sẽ được báo đáp bằng ân tình, còn những kẻ bất nhân, bất nghĩa trước sau cũng sẽ bị trừng phạt - đó là thông điệp mang tính triết lý của *Lục Vân Tiên*.

Các phẩm chất, đạo đức Nho giáo ở xứ Gia Định - Đồng Nai được khúc xạ qua lăng kính của người dân thường trở nên tự nhiên, mang hơi thở cuộc sống dân dã và ít nhiều mang tính dân chủ, chứ không gò bó mang màu sắc giáo điều chặt chẽ như ở các trung tâm văn hóa khác ở phía Nam đất nước.

Có một số nhà nghiên cứu chưa công bằng khi đánh giá Nguyễn Đình Chiểu, cho rằng sự phát triển của truyện thơ Nôm từ *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) đến *Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu) là một sự đi xuống. Họ chưa quan tâm thích đáng đến tính lịch sử - cụ thể mang đặc điểm sinh thái - văn hóa vùng, miền của văn học dân tộc. *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu là một bước tiến vượt bậc của văn học Nam Bộ, là một cống hiến mới của tác giả cho kho tàng văn học dân tộc nói chung và thể loại truyện thơ Nôm nói riêng. Nguyễn Đình Chiểu đã sáng tạo ra một hình thức mới của truyện thơ Nôm khi kết hợp một cách nhuần nhuyễn nghệ thuật của truyện thơ và thế mạnh của nghệ thuật tuồng hát bội Nam Bộ, kết hợp giữa văn học với các hình thức trình diễn sân khấu, góp phần chuyển tải một cách nghệ thuật những ý tưởng đạo đức, tư tưởng chân chính đến các độc giả thuộc mọi tầng lớp khác nhau trong xã hội, đặc biệt là người bình dân (nơi mà ngay cả *Truyện Kiều* vĩ đại cũng không tồn tại dưới dạng nguyên bản mà chỉ được tiếp nhận dưới hình thức của các tích tuồng). Tác giả truyện Nôm *Lục Vân Tiên* đã có những sáng tạo mới, phù hợp với không gian sinh thái - văn hóa mà ông sáng

tác, với thực tế của một vùng đất mà độc giả chủ yếu là khán giả, thưởng thức nghệ thuật chủ yếu qua thị giác và thính giác. Rõ ràng là môi trường sinh thái đã góp phần làm thay đổi hệ thống thể loại văn học, cụ thể ở đây là thể loại truyện thơ Nôm, vốn có nguồn gốc từ miền Bắc. Xét từ góc độ đó thì *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu chính là một sự sáng tạo mới về mặt thể loại của tác giả này ở miền đất nơi ông sinh ra và sáng tác.

Tư tưởng nhân nghĩa mang tính dân chủ đã được hình thành sâu đậm từ *Lục Vân Tiên* sẽ trở nên hiện thực hơn, sâu sắc hơn, mang tinh thần của tư tưởng nhân nghĩa yêu nước trong giai đoạn sáng tác thứ hai của Nguyễn Đình Chiểu.

3. Nội dung quan trọng nhất trong bộ phận thơ văn yêu nước chống Pháp của Nguyễn Đình Chiểu là sự quan tâm đến vận mệnh của người dân. Ngay khi thực dân Pháp tấn công Gia Định - Đồng Nai, Nguyễn Đình Chiểu đã có bài thơ *Chạy giặc*. Đó là tiếng kêu đầy thất vọng của người trí thức trước nỗi đau mất nước, nỗi đau trước thảm cảnh của người dân và nỗi thất vọng vì sự vô trách nhiệm của những kẻ đứng đầu đất nước. Người dân ở đây xuất hiện như những nạn nhân chiến tranh và nạn nhân từ sự vô trách nhiệm của triều đình. Kết thúc bài thơ là một câu hỏi lớn không lời đáp:

*Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng
Nỡ để dân đen mắc nạn này?*

Không thấy đâu đội “quân điếu phạt” của triều đình, cũng không thấy đâu những Lục Vân Tiên, Hồn Minh, Tử Trục từ trong trang sách bước ra. “*Trang dẹp loạn*” là ai, nếu không phải là người sẵn sàng “*tả đột hữu xông*”, “*giữa đường dẫu thấy bất bằng chẳng tha*” nhưng nay thì giữa cảnh “*Bến Nghé của tiên tan bọt nước*” mà chẳng thấy họ đâu? Trong tư tưởng của nhà thơ xứ Đồng Nai phải chăng đã có lúc sụp đổ niềm tin vào những người anh hùng mà từ lâu ông đã tôn thờ trước hiện thực đau đớn của lịch sử dân tộc và từ đó ở ông đã bắt đầu phai mờ những lý tưởng thẩm mỹ mang tính sách vở và một cuộc tìm kiếm những giá trị thẩm mỹ mới trong điều kiện không còn đôi mắt sáng?

Con người mù lòa ấy kỳ lạ thay lại có mặt ở chính những nơi chiến sự diễn ra ác liệt nhất lúc bấy giờ. Ông ở Gia Định khi giặc Pháp đánh chiếm nơi này. Khi thành Gia Định thất thủ, Nguyễn Đình Chiểu dời về Cần Giuộc quê vợ. Ông có mặt trong cuộc chiến ở Cần Giuộc, sống trong chùa Tân Thạnh trước đêm nghĩa binh công đồn giặc và viết nên bài *Văn tế* bất hủ ca ngợi và khóc thương những người anh hùng. Cần Giuộc mất vào tay giặc, Đồ Chiểu về Ba Tri (Bến Tre), hưởng ứng phong trào “tị địa” do Phan Văn Trị, Nguyễn Thông khởi xướng, quyết không chịu đội trời chung với kẻ thù. Ông liên lạc với các lãnh tụ nghĩa quân chống Pháp như Đốc binh Là, Trương Định, Phan Tòng và sáng tác văn chương cổ vũ kháng chiến. Năm 1883, Ponchon, Tỉnh trưởng Bến Tre hứa sẽ trả lại đất đai, nhà cửa cho ông nhưng Nguyễn Đình Chiểu đã kiên quyết từ chối mọi sự chu cấp mua chuộc của thực dân.

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc là một trong những tác phẩm mở đầu cho giai đoạn văn học nửa cuối thế kỷ XIX, cũng là bài văn đánh dấu sự trưởng thành về mặt tư tưởng và nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu. Sau khi chiếm được thành Gia Định, thực dân Pháp bắt đầu đánh chiếm các vùng lân cận. Người dân Nam Bộ vô cùng căm phẫn và sục sôi tinh thần đánh giặc. Ngày 14/12/1861, thực dân Pháp đánh úp Tân An, Gò Công và Cần Giuộc. Đêm 16/12/1861 (đúng rằm tháng Một năm Tân Dậu), nghĩa quân Cần Giuộc nổi dậy tấn công đồn giặc, phá nhà lao, giết được tên quan hai Pháp và một số lính thuộc địa người Mã Lai (Malaixia) và Phi Luật Tân (Philíppin). Nghĩa quân làm chủ đồn trong hai ngày rồi bị phản công và thất bại, hy sinh khoảng hai mươi người. Đỗ Quang - Tuần phủ Gia Định, bạn của Nguyễn Đình Chiểu, sai Bùi Quang Diệu, người chỉ huy trận đánh tổ chức lễ tế các nghĩa sĩ đã hy sinh, đồng thời nhờ Nguyễn Đình Chiểu viết văn tế. Tác giả *Lục Vân Tiên* khi đó đã là một chí sĩ nổi tiếng về lòng yêu nước, có uy tín khắp Nam Bộ. Tại Cần Giuộc ông được chứng kiến (tất nhiên qua cảm giác trực tiếp và qua nghe kể lại) không khí hừng hực của buổi xuất quân, chứng kiến những hành động xả thân vì nước của các nghĩa sĩ, cảm thấu nỗi lo chờ tuyệt vọng tin tức từ triều đình và nỗi bi thương tang tóc trước sự hy sinh của những người

anh hùng chân đất. Với uy tín và tài năng văn chương của Nguyễn Đình Chiểu, bài văn tế viết về cuộc chiến đấu không cân sức “thà chết vinh còn hơn sống nhục” và sự hy sinh quả cảm vì đại nghĩa của những người nông dân nghĩa sĩ ngay lập tức đã làm xúc động bao người thuộc mọi tầng lớp xã hội khác nhau, khích lệ họ hãy đoàn kết bên nhau trong cuộc chiến đấu với kẻ thù xâm lược.

Chất sử thi hào hùng, chất anh hùng ca bi tráng và chất trữ tình thấm đẫm từng lời văn chính là nét mới mẻ mà Nguyễn Đình Chiểu đã đem lại cho thể văn vốn ít có thành tựu trong văn chương trung đại này.

Sự hy sinh vì đại nghĩa của những người nông dân tuy không thành công và cũng không được vua và triều đình ghi nhận, nhưng đã để lại tiếng vang và danh thơm muôn thuở. Nguyễn Đình Chiểu đã so sánh giữa việc đánh giặc và công việc âm thầm vô danh của người nông dân nơi đồng ruộng để làm nổi bật ý nghĩa lớn lao của hành động hy sinh vì nước của họ. Nhà thơ đã tập trung mô tả cả quá trình từ người nông dân trở thành anh hùng của người nghĩa sĩ.

Côi cút làm ăn; toan lo nghèo khó.

*Chưa quen cung ngựa, đâu tới trường nhung; chỉ biết ruộng trâu,
ở trong làng bộ.*

*Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm; tập khiên
tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó.*

Lai lịch và hoàn cảnh sinh sống của các nghĩa sĩ được Nguyễn Đình Chiểu mô tả một cách rõ nét. Họ có đặc trưng và phẩm chất của người nông dân Nam Bộ chính gốc. Quan tâm một cách có ý thức đến cái gốc *nông dân* của người nghĩa sĩ - người anh hùng của thời đại cũng là một nét mới, một bước tiến của Nguyễn Đình Chiểu so với thời đại ông. Cái gốc gác vốn bị coi là thấp hèn, không đáng được thơ văn ca ngợi ấy nay bỗng trở nên chói sáng dưới ngòi bút của nhà thơ yêu nước lớn nhất Nam Bộ đương thời. Hình ảnh của những người nông dân hiền lành, chất phác, chỉ mong muốn suốt đời được làm ăn lương thiện nhưng vẫn suốt đời nghèo khó, không quen với việc chiến trận, đã được khắc họa bằng những ngôn từ mộc mạc, gần gũi, chứ không phải bằng những từ ngữ, điển cố cao xa, đầy

những ước lệ, tượng trưng. Nhà phê bình Hoài Thanh đã viết: “Biết bao nhiêu yêu thương trong một chữ *côi cút*”¹. Nguyễn Đình Chiểu đã thể hiện niềm yêu thương và cảm thông vô hạn tới hoàn cảnh của người nông dân, những người chỉ vì “*mến nghĩa làm quân chiêu mộ*”, chứ không hề vì ham danh, háms lợi. Chính vì yêu công việc cấy cấy, yêu sự yên lành trong cảnh đầm ấm nơi thôn dã mà họ đã hết sức căm hận khi kẻ thù đến phá hoại cuộc sống thanh bình, cho dù lòng tin vào sự giúp sức, ủng hộ của triều đình ở họ đã bị tổn thương sau bao ngày mòn mỏi chờ mong: “*Trông tin quan như trời hạn trông mưa...*”.

Việc đề cao người nông dân, ca ngợi họ như những người anh hùng của thời đại là một điểm mới, chứng tỏ bản lĩnh nghệ thuật của tác giả Nguyễn Đình Chiểu. Bởi điều đó chưa từng có tiền lệ trong văn học trung đại. Người anh hùng trong văn học truyền thống phải là người anh hùng nghĩa hiệp: khi hành động họ có đầy đủ những điều kiện cần thiết về phẩm chất trượng phu, tinh thần trượng nghĩa, tài năng, trí tuệ, khí thế nuốt sao trời (mà chỉ có kẻ quân tử mới có)... Họ phải là những con người có tài năng xuất chúng, phải là những cá nhân nổi trội. Dần dần hình tượng người anh hùng kiểu ấy trở nên mơ hồ, trừu tượng, xa rời thực tiễn đời sống, thành sách vở, lý thuyết. Quan niệm về người anh hùng mang phẩm chất của người nông dân, xuất thân từ tầng lớp dưới như vậy đã thực sự khác xa với nhận thức về anh hùng theo ý thức hệ phong kiến. Nguyễn Đình Chiểu đã vượt lên khỏi khuôn mẫu về người anh hùng trong văn học trung đại, và cũng đã vượt lên chính quan niệm xưa cũ của mình. Rõ ràng những giá trị thẩm mỹ mới đang từng bước biến đổi trong con người nghệ sĩ Nguyễn Đình Chiểu, và đóng góp của ông cho quan niệm về người anh hùng trong lịch sử văn học là hết sức to lớn.

Tất nhiên, trong quá trình xây dựng hình tượng người anh hùng mới, Nguyễn Đình Chiểu vẫn không tránh khỏi những hạn chế của quan niệm cũ. Bằng nhãn quan của một nhà nho ông đã gán cho người nông dân những xúc cảm cao siêu xa lạ với họ: “*Một mối xa thư đồ sộ, há để ai*

1. Nguyễn Đình Chiểu - về tác gia và tác phẩm, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.90.

chém rắn đuổi hươu”, rồi *“hai vàng nhật nguyệt chói lòà...”*, hoặc ý nghĩ *“Sống thờ vua, thác cũng thờ vua”*, *“Tấc đất ngọn rau ơn chúa”*, cho họ hiểu *“chữ thiên dân, câu vương thổ”* như một người anh hùng theo lăng kính quan niệm Nho gia. Ở đây, về chủ quan, Nguyễn Đình Chiểu muốn qua những từ ngữ to tát đó để khẳng định tính tư tưởng, khẳng định sự chính đáng trong hành động của những người nông dân, những người có địa vị rất thấp kém trong xã hội, và cũng là khẳng định hành động của họ là việc làm rất có ý thức, hoàn toàn không phải là sự chống đối lại triều đình. Nếu có gọi đó là hạn chế của Đồ Chiểu, thì đó cũng là điều tất yếu lịch sử, điều quan trọng hơn là nhờ vào lòng thương cảm vô bờ và thái độ gần gũi, thấu hiểu mà rất nhiều khoảng cách giữa nhà nho Nguyễn Đình Chiểu và người nông dân - nghĩa sĩ đã được xóa bỏ để chúng ta còn được chiêm ngưỡng những hình tượng văn học chân thực và đầy xúc động đến như vậy qua bài văn tế.

Không phải ngẫu nhiên mà đến giai đoạn lịch sử này những người nông dân bình thường, giản dị lại trở thành hình tượng văn học trung tâm nổi bật như vậy trong thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu. Phải đến giai đoạn này khi hệ tư tưởng chính thống, những quan niệm văn chương thẩm mỹ tồn tại hàng mấy trăm năm đã bắt đầu rạn vỡ, khi mà giai cấp thống trị đã đầu hàng kẻ thù, nhu nhược trước vận mệnh đất nước, ra mặt chống đối các cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân, lúc mà người nông dân phải đứng lên tự vũ trang để bảo vệ ruộng nương, làng xóm, quê hương mình thì vai trò chủ động, tự nhiệm của họ trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm mới thật sự nổi bật. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, người nông dân, không có sự lãnh đạo của giai cấp thống trị, đã tự đặt lên vai mình trọng trách đấu tranh vì Tổ quốc. Đó chính là tiền đề cho sự xuất hiện một cách rực rỡ hình tượng người nông dân đánh giặc trong văn học yêu nước giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX.

Bước vào văn học như một hình tượng trung tâm nổi bật nhưng cũng không phải tự nhiên mà hình tượng người nông dân đánh giặc trong bài văn tế của Nguyễn Đình Chiểu lại trở nên hoành tráng, đẹp đẽ và gần gũi đến như vậy. Thực ra đó là cả một quá trình, quá trình thay đổi quan

niệm, tư tưởng, cách tiếp cận với hiện thực, với cuộc đời trong người nghệ sĩ nhân dân Nguyễn Đình Chiểu. Nhưng đó cũng là một sự đột khởi, rất khác biệt so với lịch sử mà chỉ có Nguyễn Đình Chiểu mới làm được. Vì vậy cần phải nói rằng: hình tượng người nông dân đánh giặc trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là hình tượng văn học độc nhất trong giai đoạn văn học này. Chúng ta không hề thấy chúng xuất hiện trong sáng tác của các tác giả khác cùng thời, cho dù đó là những con người nặng lòng với dân, với nước không kém gì nhà thơ mù đất Đồng Nai.

Như đã trình bày ở phần trên, ngay từ *Lục Vân Tiên*, hình tượng nhân dân đã khá nổi bật. Tất cả các nhân vật chính diện đều rất giàu lòng nghĩa hiệp, sẵn sàng quên mình vì đại nghĩa. So với các truyện thơ Nôm trước đó, có thể nói hình tượng nhân dân trong *Lục Vân Tiên* đã trở nên rõ nét hơn và là một bước tiến trên nhiều phương diện. Nhưng từ *Lục Vân Tiên* đến thơ văn yêu nước chống Pháp còn là một bước tiến rõ rệt hơn. Trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, nhân dân không còn đóng vai trò của nhân vật phụ, hỗ trợ cho các nhân vật hiền nhân, quân tử, liệt nữ nữa mà đã trở thành hình tượng trung tâm của văn học. Họ không còn là những đám đông luôn luôn đón đợi ở những chỗ cần thiết để phò trợ cho các nhân vật chính nữa, mà đã trở thành những thực thể có ý thức, tự giác, tự nguyện đảm lãnh trách nhiệm cao quý mà lịch sử giao phó. Tuy họ vẫn là “nhân vật đám đông”, chưa được khắc họa với tư cách của những cá thể nhưng đó lại là những đám đông được tô đậm, được khắc họa rõ nét thành một bức tượng đài, rất cụ thể và chân thực. Họ là những con người có thực, hiện thực, không còn là một hình tượng mờ nhạt, một khái niệm trừu tượng như trong các sáng tác giai đoạn trước. Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* cùng với thời gian và sự từng trải đã trở nên sáng rõ hơn, hiện thực hơn.

Nguyễn Đình Chiểu đã nhân danh lịch sử, nhân danh vận mệnh dân tộc mà khóc những người anh hùng xả thân vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Những cảm xúc nghệ thuật nơi ông luôn được đẩy tới tận cùng và mục đích truyền đạt đạo lý trong các trang văn thơ của ông đã bị lấn át bởi những

cảm xúc chân thành và mãnh liệt từ hiện thực lịch sử, từ cuộc sống, từ khát vọng vì dân và vì sự tồn vong, thống nhất của dân tộc.

Trong văn học trung đại Việt Nam cũng chưa có tác phẩm nào viết về chiến tranh có được những hình ảnh sâu sắc như vậy khi nói về cái chết, về nỗi thống khổ của con người: Chết như vậy là xứng, bi mà không lụy, bởi đó là cái chết vinh quang sẽ còn lại mãi với cỏ cây non nước, xứng đáng với phương châm sống của cả một thời đại: “Thà chết vinh còn hơn sống nhục!”.

Nguyễn Đình Chiểu khẳng định: đó là cái chết trả “nợ nước” nên hết sức vinh quang, tinh thần chiến đấu bất khuất đó sẽ để lại danh thơm muôn thuở với dân tộc, trong lòng người và như vậy thì chết mà vẫn có thể tiếp tục đánh giặc, vẫn khích lệ những người sống tiếp tục sự nghiệp chiến đấu cho độc lập tự do của Tổ quốc: “*Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia*”. Họ trở thành những linh hồn bất tử, phù trợ cho non sông, cho dân tộc.

Từ *Lục Vân Tiên* đến thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, rõ ràng, có sự vận động từ tư tưởng Nhân nghĩa thân dân đến tư tưởng Nhân nghĩa yêu nước, Nhân nghĩa bảo dân, vệ quốc của Nguyễn Đình Chiểu. So với các nhà nho trước ông và đương thời, Nguyễn Đình Chiểu đã vận dụng và phát triển được những yếu tố tích cực của tư tưởng Nho giáo, bởi ông đã luôn đứng về phía người dân, vì lợi ích của đất nước và dân tộc, bởi ông đã nhận ra sức mạnh quyết định của người dân trước vận mệnh dân tộc, trong khi các tác giả khác chỉ nhìn thấy sự thụ động của họ hoặc chỉ coi người dân là một phần tạo nên thắng lợi.

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ có đôi mắt sáng nhất thời đại lúc bấy giờ, nhà thơ duy nhất đã tìm thấy người anh hùng của thời đại mình./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Lộc: *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII - hết thế kỷ XIX*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997.
- [2] Li Tana: *Xứ Đàng Trong: Lịch sử, kinh tế, xã hội Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII*, bản dịch, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.

- [3] Nguyễn Nam: “Một dòng chảy bị lãng quên: Đối tượng, mục đích của trào lưu phiên âm từ quốc ngữ sang Nôm ở cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX”, tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 1/2019.
- [4] Nhiều tác giả: *Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1973.
- [5] Nhiều tác giả: *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1980, t.I.
- [6] Nguyễn Thanh Phong: *Truyện Kiều ở Nam Bộ*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2021.
- [7] Thạch Phương (Chủ biên): *Nguyễn Đình Chiểu trong cuộc đời*, Ty Văn hóa và Thông tin Bến Tre xuất bản, 1982.
- [8] Cao Tự Thanh: *Nho giáo ở Gia Định*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1996.
- [9] Cao Tự Thanh: “Văn học Đảng Trong”, in trong Trần Ngọc Vương (Chủ biên): *Văn học Việt Nam thế kỷ X - XIX: Những vấn đề lý luận và lịch sử*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007.
- [10] Nguyễn Ngọc Thiện (Tuyển chọn và giới thiệu): *Nguyễn Đình Chiểu - về tác gia và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- [11] Lã Nhâm Thìn - Vũ Thanh đồng chủ biên: *Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2015.
- [12] Nguyễn Văn Xuân: *Tuyển tập Nguyễn Văn Xuân*, Nxb. Đà Nẵng. In lần đầu dưới nhan đề *Khi những lưu dân trở lại* (1976), Nxb. Văn nghệ, 2002.
- [13] Trần Ngọc Vương: “Những đặc điểm mang tính quy luật của sự phát triển văn học nhìn nhận qua sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu”, tạp chí *Văn học*, số 3/1992.

TƯ TƯỞNG CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU - DÒNG CHUNG, DÒNG RIÊNG TRONG DÒNG CHẢY TƯ TƯỞNG VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX, ĐẦU THẾ KỶ XX

TS. BÙI THỊ THỦY*

Tóm tắt: Từ giữa thế kỷ XIX, lịch sử Việt Nam trải qua những cơn sóng dữ dội. Những biến đổi mạnh mẽ từ kinh tế, văn hóa, chính trị đã tạo ra tiền đề quan trọng tạo nên những bước chuyển biến lớn về tư tưởng của dân tộc. Là một nhà nho với mong muốn thi đỗ đạt làm quan thực hiện sứ mệnh của một bậc quân tử, Nguyễn Đình Chiểu đã có nhiều sự nỗ lực, cố gắng cùng với tài năng thiên phú đã không ngừng bôn ba, học hỏi. Cũng chính vì vậy, chứng kiến cảnh “nước mất, nhà tan” đã trở thành những trải nghiệm để một tấm lòng yêu nước, thương dân có nhiều trăn trở. Bên cạnh số phận của bản thân, suy nghĩ về vận mệnh dân tộc, nghĩ về những thân phận con người là những tư tưởng xuyên suốt trong các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu. Bài viết đề cập Nguyễn Đình Chiểu bên cạnh tư tưởng của một nhà nho yêu nước còn cho chúng ta thấy một người đi đến tận cùng của tinh thần nhân đạo, vượt lên những tư tưởng của thời đại để mong muốn giải phóng con người, hướng đến một cuộc cách mạng cho dân tộc, mang lại hạnh phúc cho nhân dân.

Từ khóa: Chủ nghĩa nhân đạo mới; Con người; Giải phóng

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Liên hệ: hoangkhanhthuy@gmail.com

con người, giải phóng dân tộc; Thời đại; Tư tưởng triết học Việt Nam; Tư tưởng Việt Nam.

IDEOLOGY OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU - COMMON CURRENT, PRIVATE CURRENT IN IDEOLOGICAL CURRENT OF VIETNAM IN 19TH CENTURY AND EARLY 20TH CENTURY

Abstract: Since the mid-nineteenth century, Vietnam's history has experienced violent waves. Significant changes in economy, culture and politics had created a fundamental premise for great changes in the nation's ideology. As a Confucian with the desire to pass the feudal exam with flying colors to become a mandarin to fulfill the mission of a typical gentleman at the time, Nguyễn Đình Chiểu had made a lot of efforts, along with his natural talent, he had been constantly exploring new things. For that reason, witnessing “the colonization of his own country” has become an experience for a patriotic heart to have many concerns. Besides one's own destiny, thinking about the nation's destiny, thinking about the human condition are the thoughts throughout the works of Nguyễn Đình Chiểu. The article will not only mention Nguyễn Đình Chiểu besides the thought of a patriotic Confucian, but also shows us a person who went to the end of the humanitarian spirit, transcending the ideas of the times in order to liberate his people, to lead the nation towards a revolution, to bring happiness to the people.

Keywords: New humanitarianism; People; Human liberation, national liberation; Era; Vietnamese philosophy; Vietnamese ideology.

Toàn văn

Đặt vấn đề

Những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, đất nước ta đứng trước những cơn địa chấn lớn ảnh hưởng trực tiếp đến vận mệnh lịch sử. Những hành động, những quyết định của các tầng lớp xã hội lúc bấy giờ đều có thể ảnh hưởng ít nhiều đến tính chất, con đường mà nước Việt Nam chúng ta sẽ đi. Nguyễn Đình Chiểu, một con người, bằng ngòi bút, bằng tấm lòng của mình đã khơi dậy những khát khao của dân tộc - một dân tộc luôn khao khát độc lập, đánh đuổi kẻ thù và một dân tộc quả cảm trong tình yêu nước đến cháy bỏng. Những tư tưởng về yêu nước, về lòng căm thù giặc, về ý chí quật cường của dân tộc Việt Nam nói chung, của đồng bào nhân dân lục tỉnh nói riêng đã thức tỉnh lương tri và lòng yêu nước của hàng triệu lớp lớp người dân Việt Nam. Hơn nữa, ta có thể tìm trong di sản tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu những nét riêng bên cạnh nét chung trong dòng chảy lịch sử tư tưởng của nhân loại.

1. Bối cảnh đất nước và con người

Sẽ là thiếu sót khi không nhắc đến bối cảnh cho sự hình thành tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu. Với một lượng vừa đủ, bài viết chỉ đề cập những khía cạnh cơ bản nhất, cũng là những căn cứ để lý giải cho những tư tưởng của cụ Đồ Chiểu.

Sinh ra và lớn lên trong cảnh đất nước loạn lạc, chế độ phong kiến nhà Nguyễn đã bắt đầu có những dấu hiệu của sự suy vong. Nhà Nguyễn thi hành chính sách chuyên chế và tàn bạo, quan lại thì cướp bóc, vợ vét khắp nơi,... khiến cho nhân dân khắp nơi đều rơi vào cảnh đói khổ triền miên, lòng dân oán thán. Hơn thế nữa, sau khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam, năm 1862, chúng đã chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ; năm 1867, chúng chiếm nốt 3 tỉnh miền Tây. Năm 1873, thực dân Pháp mở rộng sự ảnh hưởng, âm mưu xâm chiếm toàn bộ Việt Nam, chúng đã mở những đợt tấn công, đánh chiếm Hà Nội lần thứ nhất. Chưa hết, cho

đến năm 1884, thực dân Pháp buộc triều đình nhà Nguyễn phải đầu hàng. Như vậy, trong một thời gian ngắn, thực dân Pháp đã đánh chiếm đất nước ta, nhân dân ta đứng trước sự lựa chọn một thời vận mới: chấp nhận là dân tộc được thực dân Pháp bảo hộ hay tự đứng lên, đấu tranh giành quyền tự quyết định cho dân tộc mình? Một câu hỏi lớn và một thời đại mới báo hiệu những sự thay đổi trong lịch sử của dân tộc.

Tâm lý dân tộc như là một nhân tố ảnh hưởng lớn đến suy nghĩ, hành động của con người. Trong bối cảnh đất nước nguy nan, tinh thần dân tộc trở thành nhân tố quyết định và chính nhân tố đó đã ảnh hưởng đến tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu. Tâm lý dân tộc cũng như tâm lý Nam Bộ vừa là cơ sở góp phần nảy sinh tính cách Nam Bộ trong các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, đồng thời cũng lý giải được vì sao những sáng tác ấy lại có một sức mạnh lay động lớn đến nhân dân và con người Nam Bộ đến vậy.

Theo sử sách, vùng đất Nam Bộ - Lục tỉnh là vùng đất vươn ra, là nơi đến của rất nhiều người có hoàn cảnh éo le, từ rất nhiều nơi về đây xây dựng cuộc sống. Có một số người dân nghèo khổ bất mãn với sự phân tranh Trịnh - Nguyễn, tự mình vượt biển trèo non vào sinh cơ lập nghiệp trên đất Chân Lạp miền biển sinh lầy và rừng rú. Một bộ phận người Minh không chịu hàng phục nhà Thanh, nhưng không đánh bại, phải kéo bầu đoàn thể tử, thà bỏ nơi “cát rốn chôn nhau” hơn là hàng phục kẻ xâm lăng, xuống miền Nam, lập nghiệp tại Biên Hòa, Định Tường rồi Hà Tiên rồi sau này Việt hóa. Số người dân lưu tán đông đảo mà chúa Nguyễn và vua Nguyễn tập hợp lại, đưa vào lưu vực Đồng Nai, Cửu Long, lập trại ấp, mở đồn điền. Số người phạm tội, chủ yếu là tội phạm có tính chất chính trị như dân chúng “làm giặc” nơi này nơi khác khắp Bắc, Trung, bị đầy từng người, từng nhóm hay hàng loạt vào Nam Bộ - nơi được coi là xa xăm, khắc nghiệt nhất lúc bấy giờ. Dĩ nhiên còn có binh lính, quan lại, thương gia...

Có thể nói rằng, trải sóng gió, vượt núi băng đèo, người Việt cực Nam dường như đã bỏ lại đằng sau mình những cái gì quá nặng nề, quá

ràng buộc của Nho giáo. Tính tình người dân nơi đây đơn giản, thẳng thắn, có khi “nguyên thủy”¹.

“Thời nọ, cả Lục tỉnh Nam Kỳ, số người đồ đạt chưa nhiều, chắc đã bằng một huyện của Nghệ An, Nam Định, Hải Dương. Chữ Nho và sách thánh hiền thì ít ai biết cho đến nơi, những chuyện “Tàu” thì lại nhiều và phổ biến, chiếm một góc khá rộng trong tâm trí của thường dân. Nên như La Thành không ai phục: chịu chết như Đon Hùng Tín, nhiều người ca ngợi; giá Nhạc Phi không biết trước sẽ bị giết mà về kinh thì chỉ là một nhân vật tầm thường trong mắt người Lục tỉnh; Uất Trì Cung được mến bởi vì là một ông soái “i tờ” và ngay thẳng. Những truyện ấy, người ấy “thấm” lắm và có sẵn đất để mà thấm”².

Chúng ta cũng bắt đầu thấy sự gặp gỡ, va chạm giữa các luồng tư tưởng văn hóa của phương Đông và phương Tây. Lẽ dĩ nhiên, sự va chạm này còn yếu, vì chỉ khi thực dân Pháp nổ tiếng súng và sau khi hoàn thành xâm chiếm Việt Nam thiết lập sự thống trị thì sự ảnh hưởng của nó mới lớn.

Chính những điều kiện lịch sử và đặc điểm tính cách dân tộc miền Nam, đã làm nên một tâm hồn, một tấm lòng Nguyễn Đình Chiểu: bộc trực, ngay thẳng, quyết liệt và vô cùng hiên ngang. Đồng thời, chính yếu tố thời cuộc và sự rộng mở của “vùng đất chín rồng” đã mang đến cho ông sự khoáng đạt trong cái nhìn và tiếp thu giá trị của nhân loại.

2. Những dòng chung - dòng riêng trong tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu

a) Nỗi khổ riêng và nỗi khổ chung, nỗi đau riêng và nỗi đau chung

Chúng ta biết đến cuộc đời bi thương của Đồ Chiểu, một người không may mắn khi bị mất đi đôi mắt, một người không may mắn khi bị

1, 2. Theo ý kiến của GS. Trần Văn Giàu được trích trong Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Văn học: *Mấy vấn đề cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1969, tr.51, 52.

người được đính hôn bội ước, một người sớm phải trưởng thành, phải mạnh mẽ khi lần lượt những chỗ dựa về vật chất và tinh thần đều lần lượt rời cõi tạm, để lại Nguyễn Đình Chiểu và đàn em thơ, với vai trò của người anh lớn. Một cuộc sống bình thường có lẽ đó đã là điều khó khăn, với Đỗ Chiểu còn khó khăn hơn nhiều. Người bình thường, nếu bị mù mắt, chỉ có thể quanh quẩn ở trong nhà. Người bình thường, nếu bị mù mắt, kiệt quệ về tài chính, tất cả những dự định bị đóng lại chỉ có thể sống với niềm uất hận với số phận. Nhưng không, với cụ Đỗ, đó là thử thách sự kiên cường, thử thách lòng kiên nhẫn. Con người ấy, tự có một nguồn động lực mạnh mẽ để vươn lên: “qua cơn thử lửa gian nan, chí lớn của Nguyễn Đình Chiểu càng thêm vững, tâm trí của Nguyễn Đình Chiểu càng thêm sáng suốt”¹. Chắc hẳn rằng, đó ắt hẳn phải là một tấm lòng xót xa cho những người dân vốn đã khốn khổ vì sự bóc lột của quan lại triều Nguyễn, đó là sự căm phẫn đối với sự bạc nhược của chính quyền nhà Nguyễn, là tinh thần chiến đấu chống thực dân Pháp. Một người mà “*Thà đui mà giữ đạo nhà*” thì cái sự “giữ” đó mới mạnh mẽ làm sao! Nỗi đau mất nước, nỗi lo mất nhà đã thôi thúc ông đứng lên thực hiện sứ mệnh của mình. Không hoảng sợ, không trốn tránh mà thông qua tài văn thơ, ông đã xác định rõ ràng con đường tất yếu đi lên của dân tộc - chỉ có đánh đuổi kẻ thù mới có được sự hạnh phúc bền vững muôn đời.

Không ai đương thời hỏi ông rằng vậy thì nỗi đau mất nước sẽ lớn hơn hay nỗi đau mất đi người thân và những dự định tương lai sáng lạn của ông lớn hơn. Cũng không ai hỏi ông về nỗi đau khổ khi bị mù mắt hay nỗi đau khổ khi chứng kiến cảnh đất nước lâm than, tằm tối bởi thực dân Pháp thực hiện chính sách nô dịch ở Việt Nam. Nhìn lại những hành động, việc làm của Nguyễn Đình Chiểu đã cho chúng ta thấy thái độ đáp trả thật mạnh mẽ với một nhận định của người Pháp về tinh thần của xứ An Nam: “Trong khuôn khổ bó chặt, trong nhà tù ngột ngạt, tinh thần An Nam sâu thẳm, lay lắt, thiếu sức sống. Tất cả sự giàu có văn chương chứa trong một

1. Dẫn theo ý kiến của Phạm Văn Đồng được trích trong Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Văn học: *Mấy vấn đề cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Sđd, tr.41.

vài bài thơ hiếm hoi, đôi khi thể hiện một sự u sầu nhất định,...”¹. Chính Nguyễn Đình Chiểu cho chúng ta một lời khẳng định về một dân tộc bất khuất, một dân tộc giàu nghị lực mà lòng căm thù giặc sẽ mãi mãi chảy trong trái tim mỗi người Việt, đặc biệt khi đất nước rơi vào cảnh nước mất nhà tan.

Đó là những khó khăn để rồi từ đây, động lực “Độc Chiểu của chúng ta đã không ở lại mà cũng không lánh xa, Độc Chiểu về với Đốc binh Là cầm đầu nghĩa quân Cần Giuộc và giúp sức Trương Định dựng cờ khởi nghĩa tại Tân Hòa. Cái dũng ấy của người mù là tấm gương xử thế trong sáng khiến mỗi người trai máu nóng không thể nào điềm nhiên tọa thị trước cảnh ngựa mình người ta cưỡi, dân tộc mình lũ quỷ giày xéo... Thua cuộc rồi, Nguyễn Đình Chiểu lưng vẫn thẳng, đầu vẫn cao, ngay kẻ thù cũng phải kính nể. Pháp định trả lại nhà đất của cụ ở Gia Định chẳng, cụ rằng nước chung đã mất nhà riêng còn đâu! Pháp toan kế đưa tiền cho cụ chẳng, lấy danh nghĩa lạc cớ giúp nhà thơ cón túng thiếu, hoặc lấy cớ trả tiền nhuận bút bản quyền, cụ rằng không cần thiết vì đã sống đầy đủ và vinh dự trong lòng thương của môn đệ và đồng bào. Tiết ấy, ai hơn!”².

b) Chủ nghĩa yêu nước mang sắc thái riêng của Nguyễn Đình Chiểu

Yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu khác gì với yêu nước của người đương thời cũng là một câu hỏi hay. Với tư tưởng yêu nước, và đặc biệt, truyền thống đó được nâng lên thành chủ nghĩa yêu nước thì trong chiều dài lịch sử của dân tộc, tư tưởng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu có điều đặc biệt. Chắc hẳn rằng, tư tưởng đó cũng được hun đúc bởi một tấm lòng thương dân, nhưng ngoài tình thương và sự thấu cảm với nỗi khổ của nhân dân còn là sự ca ngợi tinh thần của nhân dân, làm cho vẻ đẹp của người dân bình dị được làm nổi bật lên. Có thể trước đó, các nhà nho đã nói về vai trò của nhân dân, nhưng mà thấy được hết sức mạnh của

1. Paul Giran: *Tâm lý dân tộc An Nam - đặc điểm quốc gia: sự tiến hóa lịch sử, trí tuệ, xã hội và chính trị*, Phan Tín Dục (dịch), Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2019, tr.126.

2. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Văn học: *Mấy vấn đề cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Sđd, tr.46.

quần chúng nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước thì phải đến Nguyễn Đình Chiểu (điều này được phân tích kỹ ở mục c) *Vai trò của quần chúng nhân dân*).

Là một nhà nho, một bề tôi sinh ra trong triều đại phong kiến với hai chữ “hiếu trung” làm đầu, nhưng với Nguyễn Đình Chiểu với một tấm lòng yêu nước vô hạn thì một ông vua mà ông mong muốn phải là một ông vua sáng, là một minh quân, phải biết hy sinh và bảo vệ nhân dân, đó là vua của nhà Trần, là vua thời nhà Lê chứ không phải là ông vua bán nước của nhà Nguyễn. Đó là một sự vượt lên những khuôn khổ nhất định trong triều đại phong kiến với giới hạn của tư tưởng Nho giáo điển hình.

Phải nói đến điều này, với cái nhìn của người phương Tây, đặc biệt những tham biện ở An Nam, họ đánh giá thấp văn chương của Việt Nam, từ nội dung, hình thức và thủ pháp nghệ thuật. Họ cho rằng văn chương Việt Nam bị chi phối bởi văn chương Trung Quốc quá nhiều: “Ở đây, tôi không nói văn chương An Nam không tồn tại để ta có thể đề cập. Mà nói, người An Nam cảm thấy hài lòng với kinh điển Trung Hoa, phần lớn đủ cho nhu cầu trí tuệ của họ... số lượng các tác phẩm của nó là phi thường; nhưng giá trị thì mỏng manh, giống như tâm trí không rộng lớn”¹. Rõ ràng là người Pháp xem nhẹ những giá trị tinh thần của người Việt, nói cách khác, thậm chí họ còn cho rằng, chúng ta không có nền văn hóa, chúng ta là một dân tộc man di cần phải “khai hóa” - điều này không mới, nhưng chúng ta cũng lưu ý, trên bình diện nhận định chung về nền tư tưởng nước nhà. Nhưng có một điều đặc biệt, khi đồng thời phê phán đời sống tinh thần của An Nam, Paul Giran đã ca ngợi truyện thơ của Nguyễn Đình Chiểu và cho rằng: “Truyện thơ nổi tiếng nhất trong số này là Lục Vân Tiên. Câu chuyện kể về một anh hùng nhân dân, có nhân cách cao thượng”². Cũng có thể, đây là một sự giả dối của chính quyền

1, 2. Paul Giran: *Tâm lý dân tộc An Nam - Đặc điểm quốc gia: sự tiến hóa lịch sử, trí tuệ, xã hội và chính trị*, Sdd, tr.125, 127.

thực dân như một học giả đã bóc trần: “chúng ta thừa biết đó chỉ là một thủ đoạn giáo quyệt. Chúng cố tình xuyên tạc ý nghĩa chính của truyện Lục Vân Tiên, lờ đi cái giá trị nhân đạo,...”. Và cụ Đồ của chúng ta thì không bị mấy lời hoa mỹ đó đánh lừa, cụ còn tỉnh táo khi từ chối nhận khoản tiền được cho là bản quyền những sáng tác mà chính quyền thực dân muốn gửi cho cụ. Đó thực sự là một sự tỉnh táo chính trị và một tấm lòng vàng vạc với non sông, đất nước.

“Thời kỳ lịch sử giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, Nguyễn Đình Chiểu chiếm đỉnh cao nhất trong lĩnh vực văn chương yêu nước, một loại văn chương cao quý mà chính Nguyễn Đình Chiểu là vị khai sáng. Văn chương yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu được tiêu biểu rạch ròi bởi các bài văn tế và hịch. So sánh thì dễ lệch lạc; nhưng các bạn đọc cho phép tôi tự hỏi: số tú tài, cử nhân, tiến sĩ trong nửa phần thứ hai thế kỷ XIX này đông biết mấy, giỏi biết mấy; và khắp non sông, nơi nào lại không có nghĩa sĩ chết vì nước một cách anh hùng? Vậy mà có văn tế, hịch nào sánh được với văn tế, hịch của thi sĩ mù Bến Nghé về mặt hình thức nghệ thuật cũng như mặt nội dung tư tưởng? Dĩ nhiên, phong trào kháng Pháp của toàn dân Lục tỉnh là ngọn sóng thần đưa văn chương yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu lên cao theo bề cao của sóng; tuy vậy, không thể không thấy con người Nguyễn Đình Chiểu phải được cấu thành bởi những chất đạo đức nào, phải được tôi luyện bằng công phu nào thì mới vươn lên nổi trên đầu sóng chứ không bị trôi dạt vào bên hay chìm sâu dưới đáy vực”¹.

c) Sự khác nhau giữa nhân nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu và nhân nghĩa của Nho giáo, nhân nghĩa nói chung

Chúng ta thấy, ở Nguyễn Đình Chiểu là một sự rõ ràng, rành mạch trong yêu ghét và vì vậy nhân nghĩa cũng rất khẳng khái, tường minh. Nhân nghĩa ở đây không chỉ là chuẩn mực đạo đức của những người học Nho giáo, mà điều đặc biệt ở cụ Đồ Chiểu là nhân nghĩa với những người

1. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Văn học: *Mấy vấn đề cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Sđd, tr.48.

thường dân, với nhân dân, nhưng không nhân nghĩa với kẻ bất nhân phi nghĩa. Nghĩa ở đây là sự mến mộ nghĩa quân, là dám đối đầu với vua khi vua đi ngược lại với lợi ích của nhân dân đó mới là nghĩa. Trương Định cưỡng lại chiếu vua là vì nghĩa với dân, dân cản đầu ngựa tướng quân là vì nghĩa với nước. Nhân nghĩa với yêu nước là một. Và quan trọng, ở cụ Đồ, nhân nghĩa là tận tụy với người dân, với dân nghèo, là chữa bệnh, là cứu giúp nhân dân: “Có thể khẳng định, trừ phi phát hiện những văn liệu mới, thì từ sau Nguyễn Trãi cho đến trước Nguyễn Đình Chiểu chưa có ai có chủ trương một thứ nhân nghĩa tiến bộ như nhà thơ mù đất Lục tỉnh. Nhân nghĩa như một sợi tơ điều xuyên qua văn chương”¹.

d) Vai trò của quần chúng nhân dân

Có lẽ, hơn ai hết, khi chúng kiến những hy sinh, mất mát của dân tộc và những tấm gương hy sinh vì dân tộc của những người miền Nam Lục tỉnh, Nguyễn Đình Chiểu hơn ai hết thấy được sức mạnh của nhân dân. Nhân dân, trong tư tưởng chung - dưới cái nhìn của tầng lớp quan lại chỉ là “dân đen”, chỉ là “con đỏ”. Với thực dân Pháp, các phóng viên Pháp đã ví những người dân ta bị bắt đi phu là những “con ma kinh tởm”, “có hàng trăm, hàng trăm những cặp cu ly ấy, tất cả đều giống nhau một cách thảm hại, giống nhau một cách kinh tởm”². Với Nguyễn Đình Chiểu, họ vừa hồn hậu, vừa đáng yêu, nhưng hơn hết, họ vô cùng anh dũng, họ dám chiến đấu, dám hy sinh bản thân mình để bảo vệ quê hương, bảo vệ đất đai, mùa màng xứ sở. Nguyễn Đình Chiểu với những năm tháng bôn ba từ Huế về Bến Tre, bị mù,... được nhân dân cứu mang, chính nhờ có những người dân tốt bụng nên ông mới được cứu giúp, vừa được chữa bệnh và lại trở thành thầy thuốc để cứu chữa cho mọi người. Ông lại sống cùng nhân dân và người thưởng thức tác phẩm của ông cũng là nhân dân, ông đã nhìn thấy và ca ngợi sức mạnh của quần chúng nhân dân, của những người lao động nghèo khổ. Nhân dân đã trở thành một

1. Theo ý kiến của GS. Trần Văn Giàu, được trích trong Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Văn học: *Mấy vấn đề cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Sđd, tr.57.

2. Paul Bonnetr: *Au Tonkin* (Ở Bắc Kỳ).

nhân tố chủ yếu để tạo nên con người và sự nghiệp của ông. Nhà thơ Hoài Thanh cũng đã từng nói rằng: “Cái nhìn của Nguyễn Đình Chiểu là cái nhìn của quần chúng, tấm lòng của quần chúng. Không có cái nhìn ấy, tấm lòng ấy hay chưa có cái nhìn ấy, tấm lòng ấy đến một mức nhất định, khó mà hiểu được Nguyễn Đình Chiểu”¹.

Lẽ dĩ nhiên, ai nghiên cứu về Nho giáo chắc cũng sẽ nói rằng, tư tưởng “dân vi bản” là tư tưởng của Nho giáo, bởi Mạnh Tử cũng đã từng nhấn mạnh: “dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”. Tuy nhiên, sau này Nho giáo cũng có những sự thay đổi khi nhấn mạnh đến vai trò của mối quan hệ vua - tôi, đặc biệt là vị trí, vai trò của ông vua, cho nên với các hàng ngũ Nho sĩ được đào tạo từ sản phẩm của Nho giáo thường nhấn mạnh đến ông vua - đó là “Thiên tử” và đồng thời xem nhẹ người dân - “tiểu nhân”. Chế độ nhà Nguyễn với những chính sách của Đảng Trong cho thấy mình rất coi trọng Nho gia và coi trọng tầng lớp phong kiến thống trị, những ông vua, những người binh sĩ: “Tôi đã nói rằng người Đảng Trong không chỉ có tục lệ coi trọng Nho gia bằng cách thưởng thức cho sự thông tuệ của họ những phẩm trật cao quý và những chức vụ bổng lộc cao, mà họ còn coi trọng nhà binh vô cùng, dù bằng một cách thức khác với ta. Thay vì thưởng cho các công thần một vùng đất, một bá tước địa, một thái ấp hầu tước thì nhà vua lại cấp cho họ một số dân, một số suất đinh nào đó thuộc vùng mà họ cư ngụ... họ sẵn sàng phục dịch và bảo vệ người này trong mọi trường hợp và nộp đủ thuế má như đã nộp trước đây cho nhà vua”²,... và đến mức này thì chúng ta cũng thấy được tình cảnh của những người dân, đặc biệt là những người nông dân: “Chính quyền ở đây quản lý dân linh hoạt và khắc nghiệt hơn so với cách quản lý bằng quan tòa, công chứng viên, biện lý với các vụ kiện ở châu Âu”³.

1. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Văn học: *Mấy vấn đề cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Sđd, tr.44.

2, 3. Cristoforo Borri: *Xứ Đảng Trong*, Thanh Thư dịch, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr.105-106, 107.

Dẫn ra những nhận định của người Pháp về cái nhìn của họ đối với người Việt Nam để như một minh chứng cho chúng ta thấy người dân hiện ra với những góc cạnh khác với điều mà chúng ta được biết đến với triết thuyết chính trị của Nho giáo. Khi triều đình chỉ coi dân chúng như miếng mồi ngon để bóc lột thì những lời hoa mỹ trong triết lý kia chỉ còn đẹp trên những trang giấy. Sống giữa nhân dân, Nguyễn Đình Chiểu không nhìn và thuộc lòng trơn tru cái lễ của nhà Nho thông thường, ông đã thấy được sức mạnh của nhân dân. Điều tuyệt vời hơn, khi mà trách nhiệm giữ chủ quyền của đất nước thuộc về triều đại phong kiến, khi mà nhiệm vụ giữ gìn trật tự xã hội thuộc về quân đội của triều đình, những người ăn bổng lộc của triều đình, được huấn luyện tinh nhuệ thì ở Lục tỉnh thời đó, những trách nhiệm ấy lại được đặt lên vai những người nông dân nghèo, hiền lành mà chất phác. Họ không một ngày được học binh pháp. Khi được huấn luyện gươm đao, họ không có áo giáp, cái mà họ có là gì? “*Nhớ lính xưa: Côi cút làm ăn/Toan lo nghèo khổ*”, người “dân đen” họ phải tự vùng lên để bảo vệ mình, bảo vệ đất nước:

Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu, bầu ngòi

Trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu, nón gõ.

Chính những hành động đó đã đi vào bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. Những hình ảnh gan dạ, kiên trung đã được Nguyễn Đình Chiểu nói rất đúng và ca ngợi tấm lòng yêu nước của họ:

Nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà, ma ní hồn kinh

Bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ¹.

Qua đó, chúng ta có thể thấy, Nguyễn Đình Chiểu đã nhìn đúng - ít nhất trong bối cảnh của Lục tỉnh lúc bấy giờ về vai trò của nhân dân. Những tình cảm đẹp đẽ nhất, chân thành nhất, bi thương nhất, anh hùng nhất đã được Nguyễn Đình Chiểu miêu tả trong hình ảnh những con

1. Xem Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Văn học: *Mấy vấn đề cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, Sđd*, tr.33.

người bình dị nhất của xã hội. Điều đó lý giải vì sao thơ văn Nguyễn Đình Chiểu nói riêng và ảnh hưởng Nguyễn Đình Chiểu nói chung lên đời sống tinh thần - đặc biệt là tinh thần kháng chiến chống Pháp lại mạnh mẽ đến vậy. Bài học ở đây là khi chúng ta đánh giá đúng được vai trò của quần chúng nhân dân, thì họ sẽ có thể phát huy được hết sức mạnh tiềm tàng trong con người họ, làm thay đổi được vận mệnh của quốc gia, dân tộc. Để có thể thấu hiểu và ngợi ca lớp người ấy, cần có một tấm lòng trong sáng như Nguyễn Đình Chiểu.

Kết luận

Nhà thơ Xuân Diệu viết: “Chúng ta nhận món quà mà Nam Bộ đã cho Tổ quốc hơn một trăm năm nay: đó là của quý của Việt Nam, do miền Nam sản xuất, có một hương vị rất là miền Nam, mà vì vậy nên rất Việt Nam”¹. Đến với Nguyễn Đình Chiểu những gì là bình dị nhất, dung dị nhất, con người nhất sẽ được hiện ra, sẽ được làm bừng sáng lên và làm cho chúng ta sống đẹp đẽ hơn. Ở hoàn cảnh nào, tấm gương về một người chiến sĩ mù bằng tất cả tài hoa và tấm lòng của mình sẽ luôn làm trời dậy, sống lại và truyền động lực cho phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp nói riêng, chống giặc ngoại xâm nói chung. Những nét riêng trong dòng chung tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu giúp cho chúng ta dễ dàng nhận ra cụ trong dòng chảy hơn bốn nghìn năm lịch sử của dân tộc, nó mãi mãi là ngôi sao chiếu sáng chiều dài và chiều rộng của dân tộc Việt Nam ta./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cristoforo Borri: *Xứ Đàng Trong*, Thanh Thư dịch, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019.
- [2] G. Coulet: *Hội kín xứ An Nam*, Nguyễn Thanh Xuân và Phan Tín Dung dịch và bổ chú, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2019.

1. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Văn học: *Mấy vấn đề cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Sđd, tr.28.

- [3] P. Cultru: *Lịch sử Nam Kỳ thuộc Pháp (Từ sơ khởi đến năm 1883)*, Ninh Xuân Thao dịch và bổ chú, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2020.
- [4] Trần Văn Giàu: *Sự phát triển của hệ tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám, Tập 1- Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ của lịch sử*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2019.
- [5] Paul Giran: *Tâm lý dân tộc An Nam - đặc điểm quốc gia: sự tiến hóa lịch sử, trí tuệ, xã hội và chính trị*, Phan Tín Dụng dịch, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 1973.
- [6] Nguyễn Văn Kiệm: *Sự du nhập của đạo Thiên Chúa giáo vào Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX*, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Trung tâm UNESCO bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc Việt Nam, Hà Nội, 2001.
- [7] Nguyễn Thừa Hỷ (Tuyển dịch, giới thiệu và bổ chú): *Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII - XIX (Qua các nguồn tư liệu phương Tây)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2020.
- [8] Lương Ninh (Chủ biên), Đỗ Thanh Bình, Trần Thị Vinh: *Đông Nam Á lịch sử từ nguyên thủy đến ngày nay*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018.
- [9] Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Văn học: *Mấy vấn đề cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1969.

**PHÁT HUY GIÁ TRỊ TRIẾT LÝ NHÂN SINH
TRONG TRUYỆN THƠ *LỤC VÂN TIÊN* CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**

PGS.TS. LÊ THỊ BÍCH THỦY*

Tóm tắt: Nguyễn Đình Chiểu là tấm gương sáng về lòng yêu nước, thương dân và tinh thần kiên cường, bất khuất. Bằng ngòi bút sắc bén, Nguyễn Đình Chiểu đã gửi gắm ý chí kiên cường “mắt mù tâm sáng”, tinh thần yêu nước, thương dân, tư tưởng về đạo làm người, tư tưởng nhân nghĩa vào những áng thơ văn mang tính thời sự, không chỉ thúc giục nhân dân đứng lên chiến đấu chống quân xâm lược mà còn thể hiện tinh thần chống ngoại xâm, căm thù giặc của chính mình. Truyện thơ Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu là tác phẩm văn học đặc sắc chứa đựng nhiều giá trị triết lý nhân sinh quan, thế giới quan của con người trong xã hội thời bấy giờ và những giá trị đạo đức tốt đẹp cần được phát huy trong xây dựng con người Việt Nam thời đại mới.

Từ khóa: Lục Vân Tiên; Nguyễn Đình Chiểu; Triết lý nhân sinh.

**PROMOPTING VALUE OF PHILOSOPHY OF HUMAN LIFE
IN VERSE TALES OF *LỤC VÂN TIÊN* BY NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**

Abstract: Nguyễn Đình Chiểu is a shining example of patriotism, love of the people and perseverance. With sharpen,

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Liên hệ: Lebichthuyhcm@gmail.com

*Nguyễn Đình Chiểu conveys the "blind but conscious" and tenacious will, patriotism and love for the people in his works. He demonstrated the moral and humanistic thinking and strong noble-man spirit of Vietnamese contextual poetry and literature in the second half of the 19th century. It not only calls on the people to stand up and fight against the aggressors, but also expresses the author's own spirit of anti-foreign aggression and enemies. The poetic Nôm work *Lục Vân Tiên* by Nguyễn Đình Chiểu is a unique literary work that contains many philosophical values, human outlook, world outlook of the people of the society at that time and good moral values for building a new era of Vietnamese people.*

*Keywords: *Lục Vân Tiên*; Nguyễn Đình Chiểu; Philosophy of life.*

Toàn văn

Nguyễn Đình Chiểu là tấm gương sáng về lòng yêu nước, thương dân và tinh thần kiên cường, bất khuất. Bằng ngòi bút sắc bén, Nguyễn Đình Chiểu đã gửi gắm ý chí kiên cường “mắt mù tâm sáng”, tinh thần yêu nước, thương dân, tư tưởng về đạo làm người, tư tưởng nhân nghĩa vào những áng thơ văn mang tính thời sự, không chỉ thúc giục nhân dân đứng lên chiến đấu chống quân xâm lược mà còn nói lên tinh thần chống ngoại xâm, căm thù giặc của chính mình. “Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn, một tấm gương chói ngời tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam. Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là gương sáng ngời tinh thần bất khuất. Tinh thần ấy trải qua hơn một thế kỷ chống ách thống trị thực dân đã đứng giữa tất cả mọi thứ phong ba bão táp. Tinh thần ấy giờ đây đã và đang càng kiên cường, càng rực sáng hơn bao giờ hết”¹. Truyện thơ *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu là tác

1. Viện Văn học: *Nguyễn Đình Chiểu tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973, tr.97-98.

phẩm văn học đặc sắc ngợi ca những người anh hùng nghĩa sĩ đã sống trọn nghĩa với nước, với dân, đã chiến đấu và hy sinh thân mình để bảo vệ chủ quyền của dân tộc. “Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, một phần lớn là những bài văn tế, ca ngợi những anh hùng suốt đời tận trung với nước và than khóc những liệt sĩ đã trọn nghĩa với dân”¹. Tác phẩm chứa đựng nhiều giá trị triết lý nhân sinh quan, thế giới quan của con người trong xã hội thời bấy giờ và những giá trị đạo đức tốt đẹp cần được phát huy trong xây dựng con người Việt Nam thời đại mới.

1. Giá trị triết lý nhân sinh trong truyện thơ *Lục Vân Tiên*

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà văn chân chính, một nhà yêu nước lớn không chịu khuất phục trước uy vũ của kẻ thù, một chiến sĩ xuất sắc của tư tưởng nhân văn, luôn đề cao khí phách của một nhà nho chân chính. Ông được đánh giá là một trong những ngôi sao sáng giá nhất trong bầu trời văn học nghệ thuật của dân tộc Việt Nam thời cận đại: “Đó là một vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy và càng nhìn càng thấy sáng”². Nguyễn Đình Chiểu đã dùng thơ văn để làm vũ khí chiến đấu với kẻ thù cho chính nghĩa, cho đạo đức con người và hạnh phúc của nhân dân. Trong những tác phẩm của ông luôn thể hiện rõ tư tưởng nhân văn, tinh thần yêu nước, thương dân sâu sắc. “Trong thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu đã luôn tỏa sáng một tinh thần lạc quan, lòng yêu quý nhân dân, niềm tin sâu sắc ở thắng lợi của chính nghĩa, ở tài năng và đạo đức của con người”³. Chứng kiến sự mục nát, nhu nhược của triều đình nhà Nguyễn lùi bước trước sự xâm lược của thực dân Pháp, Nguyễn Đình Chiểu đã nhiều lần đề cập câu “*Kiến nghĩa bất vi vô dũng giả*” và phải thốt lên:

1, 3. Nguyễn Ngọc Thiện: *Nguyễn Đình Chiểu về tác gia và tác phẩm (Tuyển tập và giới thiệu)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2003, tr.71, 23.

2. Vũ Khiêu, Nguyễn Đức Sự: *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng của người trí thức Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1982, tr.35.

*Trời Đông mà gió Tây qua
Hai hơi ấm mát chẳng hòa, đau dân.*

Sinh ra và lớn lên trong giai đoạn đất nước có nhiều biến động, Nguyễn Đình Chiểu đã dùng ngòi bút sắc bén của mình làm vũ khí để bảo vệ cho văn hóa và độc lập dân tộc. Ông đã lên án sự thối nát của triều đình nhà Nguyễn đẩy đất nước vào cảnh lầm than, người dân thì bị áp bức, bóc lột và rơi vào cảnh nước mất nhà tan. Đồng thời, ông ngợi ca, cổ vũ những lãnh tụ kháng chiến hy sinh vì đất nước như biểu dương các chiến sĩ Cần Giuộc, nghĩa sĩ lục tỉnh,... Ông vạch tội bọn Việt gian bán nước và nêu gương những người kiên cường bất khuất trước kẻ thù xâm lược... Mặc dù đôi mắt không còn sáng nhưng Nguyễn Đình Chiểu vẫn luôn theo sát cuộc đấu tranh của dân tộc và cổ vũ phong trào đấu tranh của nhân dân. Trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, ông đã thể hiện rõ tư tưởng yêu nước, tinh thần nhân đạo và những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc nhằm cổ vũ, khuyến khích người dân đứng lên chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước.

*Quan sơn ngàn dặm đang trình,
Lãnh cò bình tặc phá thành Ô Qua.
Làm trai ơn nước nợ nhà,
Thảo cha ngay chúa mới là tài danh.*

Có thể khẳng định, lòng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu luôn gắn liền với lòng thương dân. Trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, ông xây dựng hệ thống các nhân vật thể hiện rõ tư tưởng đạo đức con người trên nền tảng của Nho giáo và luôn lấy quyền lợi của người dân làm điểm xuất phát. Ông đấu tranh cho lý tưởng nhân nghĩa không phải nhằm củng cố địa vị thống trị của nhà Nguyễn đương thời mà thể hiện ước mong về một xã hội phong kiến lý tưởng vì con người, vì hạnh phúc của nhân dân. Ông đau xót trước cảnh đất nước bị giày xéo, người dân tan tác trong lửa đạn của giặc và thể hiện thái độ căm ghét những kẻ cai trị đất nước, đám bè lũ tay sai cho giặc đã khiến cho người dân phải chịu bao nỗi khổ cực, lầm than:

*Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm,
 Để dân đến nỗi sa hãm sẩy hang.
 Ghét đời U, Lệ đa đoan,
 Khiến dân luống chịu lầm than muôn phần.
 Ghét đời Ngũ bá phân vân,
 Chuộng bề dối trá làm dân nhọc nhằn.
 Ghét đời thúc quý phân băng,
 Sớm đầu tối đánh lằng nhằng rối dân.*

Tình yêu nước thương dân của Nguyễn Đình Chiểu còn gắn liền với ý thức bảo vệ chính nghĩa và được thể hiện thông qua việc ngợi ca những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tinh thần bất khuất dám xả thân vì nước, vì dân, sức mạnh tinh thần và tinh thần đoàn kết của nhân dân,... Ông miêu tả hình ảnh những dân lao động, những nghĩa sĩ và du kích sẵn sàng chiến đấu dũng cảm chống giặc ngoại xâm. Nguyễn Đình Chiểu đã ca ngợi Lục Vân Tiên với khí phách anh hùng luôn hiên ngang, kiên cường đấu tranh vì nước, vì dân.

*Vân Tiên đầu đội kim khôi,
 Tay cầm siêu bạc mình ngồi ngựa ô.*

Nguyễn Đình Chiểu luôn đề cao sức mạnh tinh thần, những giá trị truyền thống tốt đẹp của nhân dân và coi đó là những nhân tố quyết định sự thành hay bại của sự nghiệp đấu tranh cứu nước. Những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc cũng được thể hiện qua những hành động hiếu thảo với cha mẹ, sẵn sàng chiến đấu vì việc nghĩa, làm việc tốt không mong muốn đáp đền được trả ơn, nặng nghĩa tình, công bằng, chính trực,... của các nhân vật Lục Vân Tiên, Hồn Minh, Kiều Nguyệt Nga, Vương Tử Trực. Khi Kiều Nguyệt Nga ngỏ ý muốn cảm ơn Lục Vân Tiên đã cứu nàng thì chàng đã cười rằng:

*Làm ơn há dễ trông người trả ơn.
 Nay đà rõ đặng nguồn cơn,
 Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.
 Nhớ câu kiến nghĩa bất vi.
 Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.*

Nhân vật Hồn Minh là người hào sảng, nặng tình, nặng nghĩa dù đang có cuộc sống khổ sở những vẫn đón người bạn bệnh tật mù lòa Lục Vân Tiên về trong am chùa để chăm sóc. Khi thấy con quan huyện Đặng Sinh giở trò hà hiếp dân lành đã không chịu được bất công thì nổi giận:

*Tôi bèn nổi giận một khi,
Vật chàng xuống đó bẻ đi một giò.*

Trong khi đó, nhân vật Kiều Nguyệt Nga là đại diện tiêu biểu cho tấm lòng chung thủy kiên trinh của người phụ nữ Việt Nam. Nàng không những đẹp cả người cả nét mà có tấm lòng trung nghĩa cao cả và tinh thần trách nhiệm. Nàng không hề khuất phục số phận nghiệt ngã, sẵn sàng chống lại sự áp bức của các thế lực vô đạo và dũng cảm vượt qua số phận để tìm lối thoát cho bản thân.

*Ai dè sức gái tài cao bực này
Đã mau mà lại thêm hay
Chẳng phen Tạ nữ cũng tày Từ phi.*

Nguyễn Đình Chiểu là tấm gương tiêu biểu thể hiện thái độ rõ ràng của một con người yêu nước chân chính, kiên cường, bất khuất đấu tranh chống quân xâm lược. Ông hòa mình vào quần chúng nhân dân, theo sát cuộc đấu tranh của nhân dân và bộc lộ nỗi căm thù giặc sâu sắc, cổ vũ phong trào đấu tranh của nhân dân. Qua những tác phẩm, ông ngợi ca những con người vì nước, vì dân và thể hiện lòng yêu nước, ý thức tự cường dân tộc, đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước. Trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, khi giặc Ô Qua kéo vào xâm chiếm đất nước thì Vân Tiên xuất hiện như người anh hùng cứu nước:

*Vân Tiên đầu đội kim khôi,
Tay cầm siêu bạc mình ngồi ngựa ô.*

Thông qua hành động của các nhân vật xuyên suốt trong tác phẩm đã thể hiện rõ tư tưởng yêu nước thương dân, ý thức tự cường dân tộc của nhà thơ. Đồng thời, phản ánh những phẩm chất đáng quý, những tâm hồn cao đẹp, những giá trị truyền thống tốt đẹp của người dân Việt Nam và tinh thần bất khuất dám xả thân vì nước của những con người yêu nước ấy. Bên cạnh đó, nhà thơ cũng đã thể hiện ước mơ, khát vọng về một

xã hội luôn tràn ngập điều tốt lành, mọi người yêu thương, giúp đỡ nhau những lúc khó khăn, hoạn nạn và giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Bên cạnh đó, triết lý nhân sinh về lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý làm người cũng được thể hiện rõ trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* qua hình tượng các nhân vật trong tác phẩm. Triết lý nhân sinh về đạo làm người của Nguyễn Đình Chiểu có sự ảnh hưởng trực tiếp từ tư tưởng Nho giáo về vấn đề con người. Tư tưởng Nho giáo chú trọng tư tưởng trị nước là trọng dân, thân dân và lấy dân làm gốc, đề cao giá trị đạo đức và nhân văn, nêu rõ yêu cầu, trách nhiệm của bản thân với gia đình và xã hội. Nho giáo chủ trương giáo dục con người phụng sự xã hội theo hình mẫu thánh nhân, quân tử, kẻ sĩ, đại trượng phu. Trong suốt cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu, ông luôn quan tâm và bày tỏ lòng thương cảm đối với những người lao động, những người nông dân yêu nước, ông xem xét, đánh giá con người trong những thân phận và các mối quan hệ khác nhau, trên nhiều phương diện đạo đức, chính trị - xã hội...

Chứng kiến sự thối nát của triều đình đã cắt đất cho giặc và đẩy đất nước vào cảnh lầm than, thực dân Pháp và bè lũ tay sai tàn sát dân chúng, áp bức, bóc lột nhân dân, Nguyễn Đình Chiểu đã mượn lời của nhân vật để lên án những kẻ làm cho người dân khổ cực, lầm than và bày tỏ sự cảm thông với nỗi khổ đau mà nhân dân phải gánh chịu:

Thương dân sao chẳng lập thân,

Để khi nắng hạ toan phần làm mưa.

Lục Vân Tiên là tác phẩm ca ngợi về đạo làm người với những phẩm chất tốt đẹp, những con người luôn sẵn sàng suy nghĩ và hành động vì mọi người. Nguyễn Đình Chiểu ngợi ca và đề cao những phẩm chất đạo đức tốt đẹp thông qua hành động của các nhân vật như: Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, Hồn Minh, Kim Liên, Tiểu Đồng, ông Ngư, ông Tiều,... Trong đó, nhân vật Lục Vân Tiên được xây dựng một cách lý tưởng về tinh thần nhân đạo, lòng hiếu nghĩa, cách ứng xử của một đấng quân tử trong các mối quan hệ khác. Thông qua nhân vật Lục Vân Tiên, tác giả muốn thể hiện nguyện vọng về con người với lý tưởng nhân nghĩa, luôn

sẵn sàng chiến đấu và hy sinh vì mọi người. Do đó, trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu đã răn rằng:

*Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình.*

Bên cạnh đó, nhân vật tiểu đồng dù bị chối nơi rừng sâu nhưng vẫn luôn lo lắng cho người chủ mù lòa. Hồn Minh “mặt mũi đen sì” nhưng khi thấy chuyện bất bình sẵn sàng ra tay nghĩa hiệp. Vương Trực là người có tấm lòng trung nghĩa, sẵn sàng lên tiếng đối với những việc làm trái với luân thường, đạo lý,...

Theo quan điểm của Nguyễn Đình Chiểu, tiết hạnh là phẩm giá quan trọng hàng đầu đối với người phụ nữ. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga với tấm lòng chung thủy sắt son đã đại diện cho vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam. Mối tình Kiều Nguyệt Nga và Lục Vân Tiên là một mối tình cao đẹp không chỉ vì “tình” mà còn có cả vì “nghĩa”. Khi hay tin Vân Tiên gặp nạn, nàng quyết tâm thủ tiết với người mình yêu, vẹn nghĩa tình với người đã cứu giúp mình và đặt mình vào vị trí người con dâu để chăm sóc người cha già của Lục Vân Tiên.

*Trông chồng mà chẳng thấy chồng,
Đã đành một nỗi má hồng vô duyên.
Rày vua gả thiệp về Phiên,
Quyết lòng xuống chốn cửu tuyền thấy nhau.
Chẳng chi cũng gọi là dâu,
Muốn lo việc nước phải âu đạo nhà.
Một ngày một bước một xa,
Của này để lại cho cha dưỡng già.*

Theo quan niệm truyền thống, mối tình Kiều Nguyệt Nga và Lục Vân Tiên là mối tình cao đẹp của trai anh hùng và gái tiết hạnh. Kết thúc tác phẩm có hậu đối của những nhân vật có đức tính tốt đẹp, luôn sẵn sàng đấu tranh vì lẽ phải và hy sinh cho người khác đã thể hiện triết lý về đạo làm người của Nguyễn Đình Chiểu. Tác giả đã phản ánh các khía cạnh của đạo làm người và mong muốn con người luôn giữ gìn những đạo lý tốt đẹp ấy trong cuộc sống.

Dựa trên nền tảng đạo đức Nho giáo, Nguyễn Đình Chiểu đã xây dựng hệ thống nhân vật trong tác phẩm với những yếu tố cốt lõi của hệ tư tưởng này và tập trung vào các yếu tố “nhân”, “nghĩa”, “hiếu”, “tiết” và xem đó là gốc của đạo đức làm người. Trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, vấn đề nhân nghĩa được tác giả đề cập rất nhiều lần và nhấn mạnh “noi nghĩa ở nhân”. Thông qua các nhân vật trong tác phẩm, tác giả luôn ngợi ca vẻ đẹp của những hành động chính nghĩa và đấu tranh cho lý tưởng nhân nghĩa.

Hỡi ai lẳng lặng mà nghe,

Dữ răn việc trước lành dè thân sau.

Đạo lý nhân nghĩa chính là những quy phạm đạo đức hàm chứa ý nghĩa về bổn phận, trách nhiệm của mỗi cá nhân với cộng đồng. “Dưới ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu, sức hút của cái đẹp vì nghĩa cảm kích sâu xa đến rơi nước mắt, và sức đẩy của phi nghĩa gây nên một nỗi căm hận đến mức phải tuốt gươm ra mà hành nghĩa. Hành vi lựa chọn quyết liệt đầy một tinh thần tự giác, một tinh thần trách nhiệm rất cao đó chính là “nghĩa” chứ không phải là “nhân”. Cái nghĩa của dám nghĩ, dám làm, của chiến đấu dũng cảm, chứ không phải là nhân tính tại, tiêu cực. Để tăng “thế áp” cho cái đẹp của “nghĩa”, một mặt Nguyễn Đình Chiểu khơi sâu cái mạch nhân đạo đầy chính nghĩa, mặt khác ông tăng kịch tính của cái đẹp ngang tàn, băng qua muôn trùng thử thách. Người nghĩa sĩ Cần Giuộc dựng nên dưới góc độ thẩm mỹ của chữ “nghĩa”, đã nổi cao lồng lộng trên vũ đài của lịch sử bằng cái phép đối lập - với chức năng bồi thêm thế áp cho nghĩa - giữa tình huống “côi cút” nghèo nàn, bị lãng quên đi trong lịch sử, trần trụi về trang bị một cách tối đa, và sự vùng lên đột ngột của cái nghĩa anh hùng với một tinh thần phụ trách lớn trước số phận của dân tộc”¹. Theo Nguyễn Đình Chiểu, “nghĩa” là chính nghĩa, lẽ phải, là sự quyết tâm đấu tranh để bảo vệ cái tốt, cái đúng, cái đẹp của nhân dân và đấu tranh không khoan nhượng để bảo vệ đất nước. “Nghĩa”

1. Nguyễn Trung Hiếu: *Nguyễn Đình Chiểu tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973, tr.328.

được xem là cái gốc của tình cảm và mọi hành vi nghĩa hiệp, hào hiệp với bạn bè, chung thủy với ân nhân, với người yêu, hiếu thuận với cha mẹ, tổ tiên và dân tộc,...

Theo quan điểm của Nho giáo, “hiếu” được coi là gốc của nhân nghĩa, là nguồn gốc của đạo đức và đạo hiếu là nền tảng của “tam cương, ngũ thường”, được giáo dục và phổ biến trong nhân dân. Nguyễn Đình Chiểu cho rằng, cần phải giáo dục những phẩm chất đầu tiên cho con người là “trung”, “hiếu”, trong đó “hiếu” trước hết là với cha mẹ. Trong *Lục Vân Tiên*, “hiếu” là nét đẹp đạo đức nổi bật của Vân Tiên trong mối quan hệ tình cảm của người con hiếu kính đối với cha mẹ và sự cảm thông, nâng niu của cha mẹ đối với con. Khi hay tin mẹ mất, Vân Tiên quá thương xót mẹ mà khóc lóc thảm thiết đến thành bệnh mà mù mắt nhưng nỗi sầu vẫn không nguôi ngoai:

Ôi thôi! Con mắt đã mang lấy sầu

Mịt mù nào thấy gì đâu.

Nguyễn Đình Chiểu cho rằng, tiết hạnh là phẩm giá quan trọng hàng đầu của người phụ nữ. Trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, Kiều Nguyệt Nga đã thể hiện những giá trị tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam gắn liền với chữ “tiết”. Khi nàng được Lục Vân Tiên giải cứu khỏi bọn cướp đã bày tỏ sự cảm kích và ân tình đối với chàng:

Lâm nguy chẳng gặp giải nguy

Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi.

Có thể thấy, Kiều Nguyệt Nga là người phụ nữ điển hình cho lòng chung thủy sắt son của người phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ phong kiến. Nàng không chỉ là người phụ nữ trung hậu mà còn dũng cảm đấu tranh chống lại và đã chiến thắng sự áp bức, số phận. Khi Nguyệt Nga gặp nạn, nàng vẫn luôn coi Vân Tiên như người chồng của mình và giữ trọn chữ “tiết”, sự thủy chung với chàng. Khi nghe tin Vân Tiên qua đời, nàng quyết định tự vẫn để giữ trọn đạo phu thê:

Tới nay phận bạc là ta,

Nguyện cùng bức tượng trót đà chung thân.

Tình phu phụ nghĩa quân thân,

*Nghĩa xa cũng trọn ơn gần cũng nên.
Nghĩa tình nặng cả hai bên,
Nếu ngay cùng chúa lại quên ơn chồng.
Sao sao một thác thời xong,
Lấy mình báo chúa lấy lòng sự phu.*

Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là tấm gương sáng về đạo đức và tư tưởng về con người vì chính nghĩa, hạnh phúc của nhân dân. Những giá trị triết lý nhân sinh trong các sáng tác của ông đã thể hiện được tình yêu nước, thương dân, những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc cần tiếp tục được bảo tồn, phát huy sức mạnh nội sinh của dân tộc để xây dựng con người Việt Nam hiện nay và thực hiện thành công mục tiêu xây dựng đất nước ta cường thịnh, phồn vinh và hạnh phúc.

2. Kế thừa và phát huy giá trị triết lý nhân sinh trong xây dựng con người Việt Nam thời đại mới

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn luôn xác định lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là động lực, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững đất nước. Trong xây dựng văn hóa cần phải chăm lo xây dựng con người có nhân cách, có lối sống cao đẹp với những đặc tính như trung thực, trí tuệ, nhân văn, tự chủ và sáng tạo. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định: “*Động lực và nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc*”¹. Theo đó, để phát triển nhanh và bền vững đất nước cần phát huy tối đa nhân tố con người, lấy con người là trung tâm, mục tiêu, động lực phát triển quan trọng nhất và “xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại”². Do đó, phát huy giá trị triết lý nhân sinh trong tác phẩm

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.34, 143.

Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu có vai trò quan trọng trong xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, trở thành nguồn lực nội sinh, là động lực quan trọng nhất để thực hiện thành công mục tiêu phát triển bền vững đất nước cường thịnh, phồn vinh, hạnh phúc.

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, yêu nước là giá trị nhân văn, đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam. “Chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại. Ở đây, bản chất Việt Nam biểu lộ đầy đủ và tập trung nhất, hơn bất cứ chỗ nào khác. Yêu nước trở thành một triết lý xã hội và nhân sinh của con người Việt Nam và nếu dùng từ “đạo” với nguyên nghĩa của nó là “đường”, là hướng đi thì chủ nghĩa yêu nước đích thị là đạo Việt Nam”¹. Để phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, là động lực cho phát triển đất nước và hội nhập quốc tế, Đảng ta luôn “coi trọng giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội. Bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp, bền vững trong truyền thống văn hóa dân tộc”².

Lòng yêu nước là tình cảm thiêng liêng gắn liền với ý thức dân tộc, niềm tự hào dân tộc trải qua hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Quan niệm yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu là phải có tấm lòng yêu nhân dân, thương những người dân lao động nghèo khó và có tinh thần đấu tranh chống giặc ngoại xâm để bảo vệ Tổ quốc. Ông tin tưởng rằng cuộc kháng chiến của nhân dân ta sẽ thắng lợi bởi đó là cuộc đấu tranh của chính nghĩa và chính nghĩa sẽ chiến thắng phi nghĩa. Tác phẩm *Lục Vân Tiên* đã xây dựng các nhân vật “nghĩa hiệp” đại diện cho chính nghĩa, lòng yêu nước, thương dân, ý thức tự cường

1. Trần Văn Giàu: *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr.115-116.

2. Nguyễn Duy Bắc: “Quan điểm, chủ trương mới về phát triển văn hóa con người Việt Nam trong Văn kiện đại hội XIII của Đảng”, tạp chí *Tuyên giáo*, ngày 25/4/2022.

dân tộc, luôn đấu tranh cho những điều tốt đẹp, không cam chịu trước bất cứ thế lực gian ác nào, dũng cảm đứng lên bảo vệ nhân dân và dân tộc, luôn luôn sống yêu thương chan hòa, có lòng trắc ẩn, tình nghĩa và thủy chung,... Đây là những giá trị cốt lõi trong hệ thống giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam và trường tồn, phát triển trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã chứng minh những cuộc chiến tranh vệ quốc của dân tộc đã chiến thắng những thế lực thù địch xâm chiếm, cướp bóc, tàn sát và giày xéo quê hương Việt Nam. Với tinh thần yêu nước, ý thức tự cường dân tộc, người dân Việt Nam đã đồng lòng nhất trí đem tất cả tinh thần, lực lượng, của cải vật chất và tính mạng của mình để bảo vệ độc lập dân tộc. Những giá trị văn hóa truyền thống về lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý làm người cũng là những truyền thống quý báu của dân tộc ta, thấm nhuần tình thương yêu, đùm bọc lẫn nhau trong sản xuất, đấu tranh anh dũng chống ngoại xâm cứu dân, cứu nước, chống lại mọi bất công trong sinh hoạt thường ngày và tình hữu nghị, yêu chuộng hòa bình giữa các dân tộc tạo nên sức mạnh của nhân dân. Kế thừa những giá trị tư tưởng tích cực của Nho giáo nói chung và tư tưởng về lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý làm người trong truyền thống văn hóa dân tộc nói riêng, Đảng và Nhà nước ta đã xây dựng nên tư tưởng mới trong xây dựng con người Việt Nam cho phù hợp với điều kiện chính trị - xã hội, hệ tư tưởng Nho giáo được thay đổi bằng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển tư tưởng về con người “trung”, “hiếu”, “tiết”, “nghĩa” thành hệ tư tưởng đạo đức “trung với nước, hiếu với dân”, “trung với Đảng, hiếu với dân” và yêu nước gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển thành đạo đức cách mạng và tùy theo từng đối tượng, Người xác định nội dung “trung”, “hiếu” phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng. Người nhấn mạnh phải tôn trọng nhân dân, lấy dân làm gốc, vì nhân dân phục vụ và làm đầy tớ của nhân dân: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ

máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân”¹. Đối với đội ngũ cán bộ, công chức, Người căn dặn phải trau dồi những phẩm chất cao đẹp về tư cách đạo đức và năng lực, phải hết lòng phụng sự Tổ quốc và phụng sự nhân dân. “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”².

Trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, xác định yêu nước và xây dựng lòng yêu nước là giá trị hàng đầu của con người Việt Nam, Nghị quyết số 09/NQ-TW, ngày 18/02/1995 của Bộ Chính trị khóa VII *Về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay* nêu rõ: “Những giá trị văn hóa truyền thống vững bền của dân tộc Việt Nam là lòng yêu nước nồng nàn, ý thức cộng đồng sâu sắc, đạo lý “thương người như thể thương thân”, đức tính cần cù, vượt khó, sáng tạo trong lao động... Đó là nền tảng và sức mạnh tinh thần to lớn để nhân dân ta xây dựng một xã hội phát triển, tiến bộ, công bằng, nhân ái”. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII *Về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* đã nêu những giá trị bền vững, tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam bao gồm: Lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc; Tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; Lòng nhân ái khoan dung, trọng tình nghĩa, đạo lý; Cần cù sáng tạo trong lao động; Sự tinh tế trong ứng xử, giản dị trong lối sống. Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI đã kế thừa 5 quan điểm mà Nghị quyết Trung ương 5 khóa XIII và bổ sung, phát triển thành 5 quan điểm chỉ đạo mới, trong đó nhấn mạnh phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng phát triển con người toàn diện, thấm nhuần tinh thần dân tộc, dân chủ và khoa học để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, Nghị quyết nhấn mạnh cần tập trung chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Trong đó, nhiệm vụ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.7, tr.434.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.64-65.

hàng đầu, trọng tâm trong xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc. Giáo dục lòng yêu nước, ý thức tự cường dân tộc trở thành một giá trị văn hóa thấm sâu vào nhận thức và trở thành ý thức, sức mạnh tinh thần, tình cảm, tâm hồn của mỗi người dân Việt Nam để tạo nên sức mạnh nội sinh quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, để bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc, nhất là các giá trị văn hóa truyền thống thì trong việc giáo dục lòng yêu nước cần nỗ lực chuyển hóa giáo dục thành tự giáo dục, kết nối thành phong trào và lực lượng của toàn dân, lấy thực hành làm mục đích và lấy hiệu quả, sức lan tỏa rộng khắp của tình cảm, hành động thi đua yêu nước, phục vụ nhân dân làm thước đo theo tư tưởng Hồ Chí Minh: *“Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua. Và những người thi đua là những người yêu nước nhất”*¹. Thực hiện khát vọng phát triển đất nước cường thịnh, phồn vinh, nhân dân ấm no và hạnh phúc, Đảng ta xác định cần phải phát huy tối đa nhân tố con người, lấy con người là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển bền vững đất nước. Đảng ta khẳng định cần phải thường xuyên chăm lo giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo, ý thức trách nhiệm cho mọi tầng lớp nhân dân. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh: *“Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”*². Theo đó, Đảng ta xác định: *“Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Quan tâm chăm lo công tác giáo dục, bồi dưỡng và bảo vệ trẻ em, thiếu niên, nhi đồng. Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.7, tr.407.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sdd*, t.I, tr.116.

dân, nhất là thanh niên. Thực hiện những giải pháp đột phá nhằm ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, đẩy lùi tiêu cực xã hội và các tệ nạn xã hội. Bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp, bền vững trong truyền thống văn hóa Việt Nam”¹.

Nguyễn Đình Chiểu là nhà tư tưởng, nhà văn hóa tiêu biểu của Việt Nam thế kỷ XIX đã có những ảnh hưởng tích cực đối với quá trình hình thành, phát triển tư tưởng, văn hóa và giáo dục của dân tộc. Những triết lý nhân sinh về tư tưởng yêu nước, thương dân, ý thức tự cường dân tộc, lòng nhân ái, đạo lý làm người trong các sáng tác của ông đã có giá trị rất lớn trong việc giáo dục, xây dựng và phát triển con người trong thời đại mới. Những giá trị văn hóa đó đã trở thành nền tảng vững chắc của dân tộc Việt Nam và cần phải tiếp tục “giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế”²./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đình Chiểu: *Lục Vân Tiên*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2017.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị khóa VII, ngày 18/02/1995 về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I.
- [5] *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.4, 7.
- [6] Nguyễn Trung Hiếu: *Nguyễn Đình Chiểu tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.143, 202.

-
- [7] Trần Văn Giàu: *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.
- [8] Vũ Khiêu, Nguyễn Đức Sự: *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng của người trí thức Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1982.
- [9] Nguyễn Ngọc Thiện: *Nguyễn Đình Chiểu về tác gia và tác phẩm* (Tuyển tập và giới thiệu), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2003.
- [10] Viện Văn học: *Nguyễn Đình Chiểu tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

**QUAN ĐIỂM Y ĐỨC CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
TRONG TÁC PHẨM *NGƯ TIỂU Y THUẬT VẤN ĐÁP***

TS. NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG*

Tóm tắt: Mượn tích xưa từ thời nhà Đường của Trung Hoa, qua cuộc trò chuyện của hai nhân vật Ngư (người làm nghề câu cá) và Tiều (người làm nghề đốn củi), nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã tái hiện những vấn đề nhân sinh, thời cuộc có ý nghĩa vô cùng sâu sắc. Với dung lượng dài 3.622 câu lục bát cùng các bài thơ phú chữ Hán, chữ Nôm xen kẽ, đây là một sáng tạo văn chương độc đáo cuối thế kỷ XIX. Qua sáng tác, bên cạnh nỗi lòng đau đáu hướng về những kiếp nhân sinh bé mọn dưới ách áp bức đô hộ của thực dân, tác giả còn thẳng thắn bộc lộ những lời răn dạy về đạo đức y khoa mà đến nay vẫn vẹn nguyên tính thời sự.

Từ khóa: Đạo đức; Nguyễn Đình Chiểu; Nhân cách người làm nghề y.

**CONCEPTION OF MEDICAL ETHICS
OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU IN HIS WORK
*QUESTION-ANSWER OF FISHERMEN'S MEDICAL
PROCEDURES***

Abstract: Borrowing an ancient legend from China's Tang Dynasty, through the conversation between Mr. Ngư (a fisherman)

* Trường Đại học Sài Gòn.

and Mr. Tiêu (a woodcutter), poet Nguyễn Đình Chiểu recreated deeply humanistic issues of the time. The work of Conversation between Mr. Ngư and Mr. Tiêu about medical treatment (Ngư Tiêu y thuật vấn đáp) consists of 3.622 verses written in a distich meter with one 6 - word line followed by one 8- word line. Besides, the work includes poems in Chinese and Nom characters alternated, which was known as a unique literary creation of the late 19th century. The work not only reflects the sorrowful feelings of the author towards miserable lives under colonial domination, but expresses the teachings on medical ethics that remain valuable at the present time.

Keywords: Ethics; Nguyễn Đình Chiểu; Personality of medical professional.

Toàn văn

Dẫn nhập

Ra đời vào khoảng thời gian sau khi Nam Kỳ bị thực dân Pháp chiếm đóng hoàn toàn, *Ngư Tiêu y thuật vấn đáp* (ông Ngư, ông Tiêu hỏi đáp về thuật chữa bệnh) là một truyện thơ dài nhất trong sự nghiệp của nhà thơ yêu nước và nhân đạo Nguyễn Đình Chiểu. Ông đã gửi gắm vào tác phẩm nỗi niềm u uẩn vì tình cảnh đất nước bị xâm lăng, “dân đen con đỏ” bơ vơ, oán hận muốn tìm lại cuộc sống thanh bình. Ông phần uất trước tình cảnh thương vong, chết chóc, bệnh tật của họ bởi hành động chém giết, đàn áp của thực dân Pháp. Từ thực tiễn của một người hành nghề y khoa, bốc thuốc chữa bệnh cho nhân dân, của một người giàu khát vọng cống hiến nhưng rơi vào hoàn cảnh “*hiền sĩ sinh không gặp đời*”, nhà thơ đã chuyển tải trọn vẹn vốn hiểu biết của bản thân về cách thức chữa bệnh, đồng thời tâm thế và nhân cách cao đẹp của người thầy thuốc được gửi gắm và răn dạy một cách nhẹ nhàng cho đến hôm nay vẫn vẹn nguyên giá trị và mang tính thời sự độc đáo.

Ngư Tiều y thuật vấn đáp là một sáng tác rất độc đáo của Nguyễn Đình Chiểu. Đây là sự kết hợp nhuần nhuyễn của nhiều hình thức thơ ca: lục bát, thất ngôn bát cú, tự do; của chữ Hán và chữ Nôm; của tự sự và trữ tình. Tác phẩm không chỉ gián tiếp tái hiện số phận của nhân dân Việt Nam trong buổi đầu bị thực dân Pháp xâm lược mà còn là bản tự thuật về vốn kiến thức uyên thâm một đời trau dồi tích lũy của tác giả trên các lĩnh vực: nho - y - lý - số. Vì thế, không phải ai cũng dễ dàng đọc, hiểu, cảm nhận và đánh giá giá trị của tác phẩm. Truyện thơ không chỉ phản ánh đời sống và thế sự mà chủ yếu tập trung diễn giải các kiến thức y học, các loại thảo dược điều chế thành thuốc... Trong đó, đạo đức của người hành nghề y là nội dung trọng tâm được diễn đạt bằng nhiều hình thức nghệ thuật như: lời đối thoại trực tiếp, thông qua kết cấu cốt truyện; biểu đạt bằng hệ thống hình tượng; bằng các thủ pháp đặc trưng của thi pháp văn chương trung đại.

1. Quan điểm về nghề y được bộc lộ qua kết cấu cốt truyện

Trước hết về cốt truyện, truyện thơ mượn bối cảnh nước U Yên bị quân Khiết Đan xâm lược (vào thời nhà Đường ở Trung Hoa) đã ngầm ẩn dụ cho tình cảnh nước Việt đương thời: nước mất, nhà tan, kẻ sĩ ly tán buộc phải mai danh ẩn tích: Mộng Thê Triền đổi tên thành ông Tiều và Bào Tử Phược đổi tên thành ông Ngư. Trên đường tha hương tìm nơi sinh sống và cách cứu dân, cứu nước, họ tình cờ gặp Đạo Dẫn và Nhập Môn (vốn có một chút kiến thức y học). Tất cả đều tìm cách đến với Kỳ Nhân Sư là người thầy thuốc nổi tiếng vì bất hợp tác với giặc cũng trở thành một ẩn sĩ. Như vậy, dù chưa chính thức có màn đối thoại, gặp gỡ với bậc lương y, nhưng từ những dòng thơ khởi đầu Nguyễn Đình Chiểu đã gián tiếp ngợi ca nhân cách chính trực, trung trinh của người thầy thuốc.

Vẫn nằm trong mạch tự sự của khúc đoạn mở đầu, hoàn cảnh xuất thân của Mộng Thê Triền và Bào Tử Phược một lần nữa được nhấn mạnh về phẩm chất cốt lõi để thực hành nghề chữa bệnh cứu người. Từ xuất thân hàn hàn nhưng chăm chỉ, siêng năng và không ngừng tự rèn luyện

bản thân, Mộng Thê Triền (*Đẹp vẫn theo võ, đốn củi rừng Nghiêu/Hái rau non Thuấn, phận nhiều lao đao*) cùng Bào Tử Phục (*Ngược xuôi trên nước một chèo/Nay doi mai vịnh, nghề theo lưới chài*) kết giao bằng hữu từ hơn mười năm trước. Tình cảm của đôi bạn vẫn vẹn nguyên và vô tình hội ngộ trong cảnh chạy loạn cùng mục đích tâm sự học đạo. Cảm thức về con người trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu vốn dĩ không coi trọng dòng dõi, ông hoàn toàn đặt niềm tin vào nhân dân, vào tầng lớp người lao động.

Đúng như tiêu đề, xương sống nâng đỡ tác phẩm chính là cuộc trò chuyện đối đáp, xướng - họa của hai người bạn cũ nay có tên mới là Ngư và Tiêu. Cấu trúc luân phiên lượt lời (*Ngư Tiêu mở tiệc vui vầy/Ngâm thơ, uống rượu, đều bày chí xưa*) đã giúp cho từng nhân vật tự giới thiệu cảnh ngộ và nỗi niềm tâm trạng riêng, đồng thời bày tỏ quan điểm ưu thời mẫn thế để tìm mối đồng cảm từ người cùng “đôi ả”. Cuộc trò chuyện nhanh chóng đề cập những căn bệnh được xem là kỳ lạ, khó chữa trị để cứu vớt sinh mệnh người bình dân. Ví như, đó là căn bệnh hậu sản của bốn người vợ mà Mộng Thê Triền đau đầu và bất lực không thể chữa trị: “*Nằm hoài, biếng nói biếng cười/Rề rề đau máu, da tươi bàu nhàu/Bốn người trước thác theo nhau/Người đau sản hậu, người đau thai tiền*”. Tình cảnh của Bào Tử Phục cũng xót xa không kém, mười đứa con lần lượt mắc bệnh khó chữa trị: “*Đứa thời đau chứng cấp kinh/Đứa thời cam tích, bụng bình rĩnh ra/Đứa thời hai mắt quáng gà/Đứa thời tím miệng, khóc la rốn lồi/Đứa thời đau bụng lã chòi/Đứa thời ỉa kiết, rặn lòi trôn trê/Đứa thời sài ghẻ, nóng mê/Đứa thời hoa trái, độc về hông, va*”. Tình cảnh của Ngư và Tiêu cũng trở nên đáng thương khi đặt niềm tin vào những “thầy tục” (tức người hành nghề y không học hành, dựa vào chút kinh nghiệm dân gian và lẽ lặt mê tín) không có kiến thức và y đức nên dẫn tới hậu quả: “*Thầy hay thời ở xa đường/Tin theo thầy tục, giúp phương hại người*”. Trong cảnh loạn ly, đói khổ, nhu cầu được sống bình an, khỏe mạnh, khát vọng chữa bệnh cứu người được tác giả Nguyễn Đình Chiểu gián tiếp gửi gắm vào những dòng tâm sự này.

Mạch truyện tiếp tục được khai triển qua hành trình tâm sư học đạo của hai nhân vật Ngư và Tiêu. Danh tiếng của Kỳ Nhân Sư được lan truyền trong dân gian càng làm gia tăng danh tiếng cho nhân vật bí ẩn và gợi lên khát khao tìm gặp của hai nhân vật Ngư - Tiêu. Gợi nhắc về đường đi tìm Kỳ Nhân Sư trùng trùng khó khăn cách trở (*Nhiều non, nhiều núi, nhiều rừng/Nhiều đèo, nhiều ải, nhiều chùng động hang*), tác giả càng có cơ hội đề cao danh tiếng của Kỳ Nhân Sư đồng thời gửi gắm một triết lý sâu xa: để tiệm cận với nền tảng tri thức và tìm cách để học tập (trong lĩnh vực y khoa), mỗi cá nhân phải tự khắc phục muôn vàn khó khăn, thử thách. Dù phải vượt qua con đường hiểm trở đó, Ngư và Tiêu vẫn quyết tâm để tâm sư học đạo. Qua đó khẳng định con đường học vấn và hành nghề y không hề bằng phẳng, dễ dàng.

Chỉ bằng vài nét chấm phá, tác phẩm đã phác họa hình ảnh bảy “lục tặc” nhiều nhường, là một trong những nguồn cơn gây nên nổi thống khổ của nhân dân: “*Ngư rằng: tai mất nhiều tình/Tai tham tiếng nhạc, mất giành gái xinh/Mũi thời tham vị hương hình/Miệng thời tham béo, ngọt, thanh, rượu, trà*”. Bọn chúng không từ bất cứ thủ đoạn nào để hãm hại người lương thiện. Tuy không trực tiếp đả kích nhưng từ giọng điệu oán thán, Nguyễn Đình Chiểu đã gián tiếp bày tỏ thái độ căm giận bè lũ tham quan nhũn nhủi của triều đình phong kiến đương thời. Vị Kỳ Nhân Sư mà Ngư và Tiêu muốn tìm gặp, vì bọn “lục tặc” chặn đường mà càng lánh mình nơi chốn thâm sơn cùng cốc. Đó là cảnh ngộ chung của nhiều kẻ sĩ chân chính, của tầng lớp nho sĩ Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX không chấp nhận luồn cúi, tìm cách sống ẩn dật để gìn giữ sự thanh cao, nhân cách không bị vấy bẩn.

Nhu cầu, khát vọng, niềm mong ngóng có được người hiền tài ra giúp đời, cứu dân chính là nội dung chính trong hầu hết các sáng tác của Đồ Chiểu. Ở truyện thơ này, bằng thủ pháp tả cảnh ngụ tình, nhà thơ thường mượn hình ảnh thiên nhiên để bày tỏ khát vọng đó: “*Trăm hoa nửa khóc nửa cười/Như tuồng xiêu lạc gặp người cố hương/Cỏ cây gieo nhánh đón đường/Như tuồng nín hỏi Đông Hoàng ở đâu?/Bên non đá cùm cúi đầu/Như tuồng oan khúc lay cầu cứu sinh/Lú lo chim hót trên*

cảnh/Như tường kể mách tình hình dân đau". Hình ảnh cỏ cây, núi non, chim muông... là ẩn dụ cho toàn thể quần chúng đang phải đối diện với cảnh chiến tranh, ly tán, đói khổ, bệnh tật. Trong đó, bệnh tật là nguyên nhân gây thảm cảnh chết chóc không thua gì súng đạn nã phá của thực dân Pháp xâm lược vào cuối thế kỷ XIX. Hơn nữa, chết vì bệnh thường kéo dài với nhiều vật vã, đau đớn về thể xác, khiến cho người chăm bệnh cảm thấy bất lực, ám ảnh. Tuy đôi mắt sớm bị mù lòa nhưng bằng trái tim đồng cảm và sự nhạy cảm, Nguyễn Đình Chiểu vẫn như nhìn thấu được mọi cõi nhân sinh, cảm hứng "đồng bệnh tương lân" ở truyện thơ trở thành nguồn mạch cảm xúc dạt dào, gợi xúc cảm chân thành từ nhiều nhân vật truyện, phá tan đi cảm giác xơ cứng, khô khan của vấn đề đối thoại về y thuật.

2. Nhân cách, đạo đức lương y được thể hiện qua hình tượng nghệ thuật

Mượn lời quần chúng lưu truyền trong nhân gian, Nguyễn Đình Chiểu đã gián tiếp phác họa tổng quát về tài năng và đạo đức của người lương y Kỳ Nhân Sư một cách ngắn gọn, rõ ràng: "*Trong mình đủ chước kinh luân/Thêm trau đạo đức, mười phân rõ ràng/Chẳng may gặp thuở nước loan/Thương câu "dân mặc" về làng Y Lâm*". Vận dụng triệt để kho tàng điển tích điển cố như câu chuyện của Gia Cát, Sứ Lỗ (vốn có tài năng hơn người nhưng lánh tục về trong khi thời cuộc loạn lạc) nhà thơ tiếp tục làm nổi bật "tiết tháo" của Kỳ Nhân Sư: "*Tiết thay đời có Nhân Sư/Lại theo bốn chữ vô như chi hà*". Nguyễn Đình Chiểu chiêm nghiệm rằng, người hiền tài chỉ phát huy được năng lực khi gặp đúng thời vận hưng thịnh của quốc gia, nghĩa là sẽ có được đấng minh quân lãnh đạo để tạo nên bầu không khí: "*Vua tôi hòa hợp theo loài/Đừng cho phản úy làm tai hại người*". Trích đoạn "Ngóng gió Đông" là một bài thơ thất ngôn bát cú được đan xen vào giữa truyện thơ này nhằm thể hiện cảm xúc tha thiết, bi thương của Đồ Chiểu mong mỗi một vị quân vương sáng suốt, tài đức vẹn toàn cứu đời, giúp dân: "*Bờ cõi xưa đà chia đất khác/Nắng sương nay há đội trời chung/Chừng nào thánh đế ân soi thấu/Một trận mưa*

nhuân rửa núi sông”. Chỉ khi đất nước thái bình độc lập; nhân dân không phải chạy loạn thì tất yếu bệnh tật dần đẩy lui và người thầy thuốc cũng không còn nhiều gánh nặng trong việc cứu chữa bệnh tật. Kỳ Nhân Sư là hình tượng được nhắc đến qua những câu chuyện kể, những lời bình luận của nhân dân, của Nhập Môn, Đạo Dẫn; chưa cần xuất hiện từ những đoạn mở đầu là một dụng ý nghệ thuật của tác giả. Bởi lẽ, người hiền tài cũng như kho báu, là một dạng tài nguyên phải kiếm tìm, biết trân trọng, nâng niu, biết sử dụng vào những mục đích cao cả mới mong phát huy mọi ưu điểm và năng lực.

Trong diễn tiến của truyện kể, khi đã tìm được những người thân cận của Kỳ Nhân Sư là Đạo Dẫn và Nhập Môn, hai nhân vật Ngư - Tiêu tiếp tục đặt câu hỏi cùng nhiều tranh luận để tìm được chân lý, bí kíp học thuật y khoa. Những chỉ dẫn tỉ mỉ về việc thăm hỏi khám bệnh ban đầu được Đồ Chiểu diễn đạt mạch lạc trong nhiều đoạn, điển hình là: *“Vọng là xem sắc người đau/Vấn là nghe tiếng nói màu thấp cao/Vấn là hỏi chứng làm sao/Thiết là coi mạch bộ nào thật hư”*. Việc thăm hỏi tận tình, quan sát tỉ mỉ, bắt mạch cân nhắc kỹ lưỡng là gốc của việc trị bệnh. Đó là cơ sở để đi đến chẩn bệnh đúng đồng thời thể hiện trách nhiệm cao cả của người thầy thuốc. Đạo Dẫn và Nhập Môn tuy chỉ là đệ tử của Kỳ Nhân Sư nhưng đã noi gương sư phụ, chỉ dẫn tận tình cho Ngư, Tiêu khiến cả hai chấp tay bái lạy nể phục, kính trọng. Vốn là người trung thành với giáo lý Nho gia, Nguyễn Đình Chiểu chiếu ứng quan điểm răn dạy về lễ “ngũ thường” trong việc hình thành, trau dồi đức nhân ở con người nói chung và bậc lương y nói riêng: *“Dẫn rằng: bằng hữu giúp nhau/Miễn cho trọn nghĩa theo câu ngũ thường”*. Ý tứ của nhiều câu thơ tiếp tục đề cao cốt cách trong sáng, thanh cao, nhân ái, khoan dung, từ tâm của hai nhân vật này: *“Hai người tài trí vượt thầy/Chẳng tham danh lợi, buổi này khá khen/Dẫn rằng: mấy mặt như sen/Đứng trong bùn lấm mà bèn sạch trơn”*. Thủ pháp “vẽ mây nảy trăng” được vận dụng hiệu quả, tinh tế vừa ngợi ca học trò vừa kín đáo tôn vinh phẩm hạnh, tài năng của người thầy Nhân Sư.

Lời răn dạy về đạo đức hành nghề y của Nguyễn Đình Chiểu được lồng ghép tinh tế qua các tiểu đoạn chỉ dẫn về việc điều chế thuốc: *“Làm thang, làm tán, làm hoàn/Ít nhiều cân lượng, dón bàn phân minh./Phải coi vị thuốc cho rành,/Gạn màu thật, giả, xét hình mới, lâu”*. Những câu thơ giản đơn, bình dị mà hàm chứa ý tứ sâu xa, nhắc nhở, nhấn mạnh tinh thần trách nhiệm và sự tập trung cao độ của lương y khi bốc thuốc, điều chế từng loại thuốc. Bởi nếu chỉ một chút bất cẩn, chủ quan, sơ suất, thầy thuốc sẽ gây hại đến sự hồi phục sức khỏe hoặc tính mạng của bệnh nhân.

Bên cạnh danh tiếng của Kỳ Nhân Sư, cốt truyện còn đề cập nhiều tên tuổi lương y được lưu truyền trong dân gian như Biển Thước (thầy thuốc trứ danh thời Chiến Quốc), Hoàng Phủ (danh y thời Tây Tấn), Trương Trọng Cảnh, (danh y thời Đông Hán), Đông Viên (danh y thời Nguyên)... Cùng tài y thuật xuất chúng, điểm chung đáng ngưỡng vọng ở các nhân vật là sự tận tâm, dốc lòng chữa bệnh cho người nghèo khó, cho quần chúng nhân dân, không màng vật chất. Đồng thời, họ còn cố gắng biên soạn các sách y thuật để lưu truyền cho hậu thế. Kinh nghiệm trị bệnh của những danh y nổi tiếng nêu trên được tác giả nhấn mạnh từng ưu điểm để học tập: *“Muốn xây thang dịch cho ròng/Phép ông Y Doãn tới trong lo lường/Bệnh người ngoại cảm nhiều phương/Học ông Trọng Cảnh một đường cho chuyên/Nội thương học phép Đông Viên/Bao nhiêu chứng nhiệt học quyền Hà Gian/Kìa như tập bệnh nhột nhàng/Đan Khê phép cũ, khuyên chàng sử đương”*. Dưới góc nhìn của Nguyễn Đình Chiểu, nghề y vốn không dễ dàng để học hỏi và thực hành, vì vậy càng cần phải tăng cường việc đọc sách và vận dụng kinh nghiệm của tiền nhân. Đồng thời, phẩm chất cần thiết nhất của một lương y trong quan niệm của nhà thơ chính là: *“Đều người kinh sử dày công học hành”*. Hơn tất cả mọi ngành nghề khác, ngành y cần phải trau dồi, rèn luyện học tập suốt đời, không chỉ học một giai đoạn ngắn ngủi mà dốc cả đời để học hỏi, thực luyện.

Thấm nhuần tư tưởng Nho giáo, Đồ Chiểu “chuyên chở” rất nhiều đạo lý của Nho gia qua từng hình tượng, từng sáng tác văn chương. Ông

đặc biệt coi trọng giáo huấn của học thuyết chính trị - đạo đức này về năm đức tính căn bản của người có “lòng nhân”: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Theo đó, trong tác phẩm *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, nhà thơ đã dành hơn 500 dòng thơ cuối cùng để bàn luận về rường cột đạo đức Nho giáo trong việc hành nghề y. Người thầy thuốc lý tưởng trong quan niệm của ông phải luôn trọng nghĩa khinh tài, không màng vật chất; xem việc cứu người là lẽ sống, là niềm vui của mình: “*Giúp đời chẳng vụ tiếng danh/Chẳng màng của lợi, chẳng ganh ghét tài/Biết không, không biết mặc ai/Chuyện nghề làm phải, chẳng mài thiệt hơn*”. Hình tượng Nhập Môn, Đạo Dẫn và sáng chói nhất là Kỳ Nhân Sư được ca tụng như kiểu mẫu của y đức. Mượn câu đáp của Nhập Môn, lời khuyên răn của tác giả dung dị mà có ý nghĩa rất sâu sắc: “*Thấy người đau giống mình đau/Phương nào cứu đặng, mau mau trị lành*”. Nếu người thầy thuốc không có sự đồng cảm, trái tim biết xót xa cho thân thể đón đau của người bệnh thì sẽ không dốc toàn tâm để chữa trị. Trong sự đối sánh giữa tài năng và lương y, nhà thơ vẫn nhấn mạnh y đức phải đặt lên hàng đầu, khi lòng yêu thương đối với dân chúng đủ đầy, bệnh nhân dù gặp phải bệnh hiểm nghèo cũng sẽ phần nào được xoa dịu. Trong quan niệm của nhà thơ, y đức là sự thấu hiểu, đồng cảm với nỗi đau của con người; lương y trước hết là người giàu tình yêu thương, trân trọng con người, đặc biệt không bỏ mặc người bình dân nghèo khổ, thấp kém về địa vị xã hội.

Mặc dù vào cuối thế kỷ XIX, triều đình phong kiến nhà Nguyễn mục ruỗng cản trở bước tiến của xã hội, chưa từng có khái niệm “hoạt động cứu trợ nhân đạo”, thế nhưng ở truyện thơ này, Nguyễn Đình Chiểu đã tập trung làm rõ sự nhất quán, tương hỗ của hai thuật ngữ: *y tế* và *nhân đạo*. Đây chính là điểm độc đáo của nhà thơ trong việc thể hiện góc nhìn về vấn đề y đức: “*Thấy người đói khổ chớ nguôi/Chỗ cho cơm áo, chỗ giới tiền lương/Chỗ thời thí được, thí quan/Chỗ thời giúp tang, trợ tang vương tròn*”. Không chỉ chữa bệnh, lương y còn có thể hỗ trợ cả sinh kế, làm tròn vẹn tình nghĩa phút sinh ly tử biệt đối với bệnh nhân, đối với nhân quần. Mở rộng thêm vấn đề trong trường kiến giải về hoạt động nhân đạo, Nhập Môn đã vạch rõ ranh giới giữa người từ thiện từ tâm và từ thiện

háo danh: “Xưa nay nhiều kẻ làm lành hết duyên/Những người cúng Phật, cúng Tiên/Cất chùa, cất miếu bạc tiền chia nhau”. Rõ ràng, từ thiện như trên không thành tâm, chỉ để che mắt người đời hòng trục lợi sẽ không được coi là người có lòng nhân, cũng như người thầy thuốc làm mọi cách để kiếm tiền trên nỗi đau thân xác của dân sinh. Nguyên nhân của tình trạng này chính là vì danh và lợi: “Môn rằng: đời lăm danh hư/Sơ câu tích thiện hữu dư sao nhằm? Kẻ giàu muốn đặng nghìn trăm/Cho vay một vốn, bốn năm mười lời”. Nguyễn Đình Chiểu với ngòi bút sắc sảo, danh thép đã vạch trần bản chất xấu xa này. Đả kích cái xấu, cái bất nhân cũng là một phương thức để tiến tới xây dựng lại đạo đức nhân sinh nói chung và y đức của người thầy thuốc nói riêng.

Kết luận

Sinh thời, Nguyễn Đình Chiểu từng là một bệnh nhân, vì xót thương mẫu thân qua đời không kịp về hộ tang mà dẫn đến cảnh mù lòa. Gia cảnh loạn ly và đất nước bị thực dân Pháp xâm chiếm không cản được lòng quyết tâm, ý chí học tập để trở thành một lương y. Nguyễn Đình Chiểu viết *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* có dấu ấn của sự tự thuật ghi lại quá trình học hành, lĩnh hội kiến thức và kinh nghiệm hành nghề y. Từ đó, những lời răn dạy, quan điểm y đức của ông có tính thực tế, xuất phát từ sự chiêm nghiệm, chất chứa nhiều trăn trở hòa cùng nhiệt huyết cứu giúp nhân dân. Qua tác phẩm, ông đã chỉ rõ lương y cần phải trau dồi, học hành chuyên tâm, cẩn trọng; phải khắc phục mọi khó khăn để học, lĩnh hội tri thức và hành nghề. Người thầy thuốc cần có tinh thần nhân đạo cao cả, lòng hướng thiện từ tâm, rũ bỏ mọi mưu cầu vật chất. Đặc biệt, y tế không tách rời với hoạt động từ thiện, nhân đạo là một điểm sáng có tính thời sự trong nhận thức vượt thời đại của Đồ Chiểu. Để đạo đức y khoa được phát huy tối đa, nhà thơ bày tỏ mong muốn có một cuộc sống bình yên, một nhà quản lý xã hội (được ông gọi là *Thánh Đế, chúa xuân, minh quân*) sáng suốt và công tâm, dẹp đi bầy *lục tặc*, bảo vệ cho quần chúng nhân dân được sống trong cảnh thái bình.

Trong quá trình xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trải qua nhiều giai đoạn biến động, ngành y tế và người làm nghề y không tránh khỏi nhiều bất cập, đứng trước cám dỗ vật chất không phải ai cũng vượt qua, không ít những câu chuyện vô cảm của các y, bác sĩ đã có lúc làm nản lòng người bệnh, xói mòn niềm tin trong dân chúng. Thế nhưng, bên cạnh những mảng tối vẫn còn rất nhiều những tấm gương y đức sáng chói được truyền tụng. Đặc biệt trong 3 năm vừa qua, nhân dân Việt Nam và thế giới đã phải gồng mình chống đại dịch Covid-19. Trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến vô cùng phức tạp, tính mạng nhân sinh bị đe dọa, đội ngũ y, bác sĩ trong nước đã dốc hết sức, nỗ lực để cứu chữa, giành giật từng mạng sống. Dẫu cho cuộc chiến chống dịch bệnh không hoàn toàn bằng phẳng, không hoàn toàn màu hồng nhưng họ đã làm hết sức mình để giúp xã hội và nhân dân từng bước trở lại với cuộc sống ổn định, đẩy lùi dịch bệnh. Thiết nghĩ, quan điểm y đức của Nguyễn Đình Chiểu cùng nhân cách cao đẹp của ông cần được lan tỏa cho nhiều thế hệ noi theo./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lại Nguyên Ân: *Từ điển văn học Việt Nam từ nguồn gốc đến hết thế kỷ XIX*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.
- [2] Nguyễn Chí Bền: *Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ lớn, nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2020.
- [3] Nguyễn Đình Chiểu: *Ngư Tiều vấn đáp y thuật*, Lê Quý Ngừu phiên âm chú thích, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế, 2005.
- [4] Nguyễn Phong Nam: *Nguyễn Đình Chiểu từ góc nhìn thi pháp học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997.
- [5] Lê Trí Viễn: *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao càng nhìn càng sáng*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1982.

TRUYỆN *LỤC VÂN TIÊN* GÓP PHẦN HOÀN THIỆN BẢN SẮC VĂN HÓA NGƯỜI VIỆT Ở NAM BỘ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA GẮN VỚI VIỆC VINH DANH NHÀ VĂN HÓA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU Ở TÂM THẾ GIỚI

ThS. ĐẶNG VĂN TUẤN*

Tóm tắt: Giá trị văn hóa của truyện Lục Vân Tiên đã đưa tác giả trở thành nhà văn hóa lớn của Nam Bộ. Ngay từ khi mới ra đời, tác phẩm đã làm sản sinh ở Nam Kỳ nhiều hình thức diễn xướng mới, đó là Nói thơ Vân Tiên, Kể Vân Tiên, Hò Vân Tiên,... và đi vào các loại hình văn học nghệ thuật dân gian như ca dao, dân ca, hò, vè, câu đố, trò chơi dân gian,... Đến nay, truyện Lục Vân Tiên đã có tác dụng như một tượng đài văn hóa, tuyên ngôn về đạo làm người, về trung - hiếu - tiết - nghĩa đậm chất nhân văn, góp phần hoàn thiện bản sắc văn hóa người Việt ở vùng đất mới Nam Bộ những năm nửa cuối thế kỷ XIX và ổn định cho đến hôm nay. Việc tổ chức UNESCO vinh danh nhà văn hóa Nguyễn Đình Chiểu ở tầm vóc thế giới là niềm vinh dự, tự hào của đất nước và nhân dân Việt Nam, trong đó có Đảng bộ và nhân dân tỉnh Bến Tre, đồng thời đặt ra nhiều vấn đề mới cần phải giải quyết để ngang tầm với danh hiệu cao quý này.

Từ khóa: Bản sắc văn hóa; Nhà văn hóa; Người Việt ở Nam Bộ; Nguyễn Đình Chiểu; Truyện Lục Vân Tiên.

* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bến Tre. Liên hệ: dvtuantuan83@gmail.com

**TALES OF *LỤC VÂN TIÊN* CONTRIBUTES TO PERFECTING
CULTURAL IDENTITY OF VIETNAMESE PEOPLE IN NAM BỘ
AND PROPOSED ISSUES IN COMBINATION WITH
HONOURING CULTURAL CELEBRITY NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
OF WORLD STATURE**

Abstract: The cultural value of the story of Lục Vân Tiên has made its author a great cultural house of the Souththorn. Since its inception, this work has generated many new forms of performance in Cochinchina, such as Say Vân Tiên poetry, Tell Vân Tiên, Ho Vân Tiên and other literary and artistic forms, since its start. Folk songs, ho, ve, riddles, folk games, etc,.. Until now, Lục Vân Tiên's story has served as a cultural landmark, a credo on human virtue, about loyal to the country - filial piety - chastity - sentimental, saturated with compassion, contributing to the perfection of the Vietnamese people's cultural identity in the new country of the South in the second half of the 19th century and stabilizing till today. The UNESCO organization honouring the cultural house Nguyễn Đình Chiểu in the globe is an honour and pride for the country and people of Vietnam, especially the Party Committee and people of Ben Tre. At the same time, many new problems are raised that need to be resolved to be on par with noble title.

Keywords: Story of Lục Vân Tiên; Cultural identity; Vietnamese people in the South; Cultural house; Nguyễn Đình Chiểu.

Toàn văn

1. Truyện *Lục Vân Tiên* đối với việc hoàn thiện bản sắc văn hóa của người Việt ở Nam Bộ

Hơn một trăm năm nay, người dân Bến Tre nói riêng, Nam Bộ và cả nước nói chung luôn ngưỡng vọng, xem Nguyễn Đình Chiểu không chỉ là thầy thuốc, thầy giáo, nhà thơ yêu nước mà trên hết là một nhà văn hóa lớn, tấm gương sáng cho nhiều thế hệ. Ông là tiêu biểu cho nhân cách Việt Nam trong thời kỳ đất nước đầy biến cố, đau thương, nhưng vô cùng oanh liệt vào nửa cuối thế kỷ XIX.

Bước vào đời trong nghịch cảnh, bị phụ bạc rồi phải sống trong bối cảnh đất nước bị thực dân Pháp từ đánh chiếm đến đô hộ nhưng không vì thế mà ông buông xuôi, ngược lại luôn vươn lên, vượt qua số phận, đem lý tưởng của cuộc đời mình vào trong các tác phẩm như một tấm gương trong. Ông sống lạc quan, thủy chung, trong sạch, thanh cao “trong sự tôn kính đầy đủ của các môn đệ và sự quý mến của đồng bào”¹. Đó là thái độ sống của một nhân cách văn hóa lớn.

Hình ảnh và chí hướng của ông được hóa thân gần như trọn vẹn vào đứa con tinh thần của mình là *Lục Vân Tiên* trong tập truyện thơ Nôm cùng tên được sáng tác khoảng năm 1851. Ngay từ khi ra đời, tác phẩm đã có ảnh hưởng sâu đậm trong đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân², tác động mạnh mẽ đến tinh thần yêu nước, yêu chính nghĩa, ghét hung tàn, trân trọng đức hạnh người con gái,... Truyện thơ theo thể lục bát có vần điệu, lớp lang, kết thúc có hậu, vừa dễ nhớ lại vừa thu hút người thưởng thức. Tính đại chúng của nó đã làm sản sinh ra các hình thức diễn xướng mới ở Nam Bộ như *Nói thơ Vân Tiên*, *Kể Vân Tiên*,

1. Nhiều tác giả: *Nguyễn Đình Chiểu - Về tác gia và tác phẩm*, Nguyễn Ngọc Thiện tuyển chọn và giới thiệu, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2003, tr.620.

2. Năm 1864, Gabriel Aubaret đánh giá: “Truyện thơ *Lục Vân Tiên* này phổ biến trong dân gian đến mức là ở Nam Kỳ không có một người đánh cá hay một người lái đò nào không hát một vài câu thơ ấy khi họ chèo thuyền”, trong Nhiều tác giả: *Nguyễn Đình Chiểu - Về tác gia và tác phẩm*, Sđd, tr.623.

Hồ Vân Tiên,... Đặc biệt là “Nói thơ Vân Tiên” từng một thời vang danh mà đến nay các cụ cao niên vẫn thường hay ngâm ngợi. Tác phẩm được in và tái bản nhiều lần bằng chữ Nôm, quốc ngữ và tiếng Pháp¹, tiếng Thái cổ²,... Tác phẩm *Lục Vân Tiên* còn đi vào các loại hình văn học, thơ ca dân gian (ca dao, dân ca, hò, vè, câu đố, trò chơi dân gian,...), ca cổ, cải lương, phim ảnh... Đầu thế kỷ XX, nhiều tác giả còn dựa vào nội dung truyện, đã sáng tác các tuồng cải lương như *Lục Vân Tiên* (tuồng), *Bài ca Lục Vân Tiên* (theo điệu cải lương), *Bùi Kiệm dặm, thơ Bùi Kiệm, vè Bùi Kiệm, Nguyệt Nga gặp Bùi Kiệm* (ca vọng cổ), *Nguyệt Nga cồng Hồ* (tuồng),... Bên cạnh đó, tác giả Trần Phong Sắc còn dựa vào truyện để sáng tác và xuất bản thêm tập truyện *Hậu Vân Tiên diễn ca* (Sài Gòn, 1925), tác giả Nguyễn Bá Thời viết *Hậu Vân Tiên* (Sài Gòn, 1932), tác giả Hoành Sơn cũng có tập *Hậu Vân Tiên* (Sài Gòn, 1933),... Thời gian gần đây, đạo diễn Phương Điền dựng thành phim *Lục Vân Tiên*, ca sĩ Bùi Tiến Đạt ra mắt vở nhạc kịch *Tiên Nga*, v.v.. Ngoài ra, từ đầu thế kỷ XX, có nhiều học giả, nhà nghiên cứu đã so sánh tâm vóc của truyện *Lục Vân Tiên* với *Truyện Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du và đưa ra được nhiều hướng nghiên cứu mới, mà cho đến nay việc này vẫn còn đang tiếp tục.

Suy cho cùng, giá trị của truyện *Lục Vân Tiên* trên hết đó là giá trị văn hóa, giúp hoàn thiện lối sống, nhân cách, đổi nhân xử thế của người nông dân tứ phương, tám hướng, trong đó có một bộ phận là dân “tứ chiếng” quy tụ về vùng đất mới phương Nam trong thế kỷ XIX. Bối cảnh lịch sử

1. Năm 1864, Gabriel Aubaret cho xuất bản tại Pari bản dịch *Lục Vân Tiên* ra Pháp văn với nhan đề *Lục Vân Tiên, poème populaire annamite* (*Lục Vân Tiên, truyện thơ bình dân Việt Nam*); năm 1883, Abel des Michels cho xuất bản truyện *Lục Vân Tiên* bằng tiếng Pháp với tựa đề *Lục Vân Tiên ca diễn, poème populaire annamite*; năm 1874, Duy Minh Thị (xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre) xuất bản *Lục Vân Tiên* bằng chữ Nôm dài 2.174 câu, khắc in ở Quảng Đông - Trung Quốc, do Bảo Hoa Các tàng bản và Quảng Thạnh Nam phát thụ (đây là bản chữ Nôm cổ nhất); năm 1889, Trương Vĩnh Ký cho in truyện *Lục Vân Tiên* bằng chữ quốc ngữ dài 2.076 câu, in tại Sài Gòn, Nhà in Aug. Bookk (đây được xem là bản chữ quốc ngữ cổ nhất), v.v..

2. Hiện ở Bảo tàng Sơn La còn lưu một bản truyện thơ *Lục Vân Tiên* bằng tiếng Thái cổ.

lúc bấy giờ đặt ra yêu cầu cần có một hệ giá trị đạo đức, văn hóa để làm giềng mối giúp ổn định đời sống tinh thần cho nhân dân thì những giá trị từ các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, trong đó có truyện *Lục Vân Tiên* đã có tác dụng như một tượng đài văn hóa, tuyên ngôn về đạo làm người, về trung - hiếu - tiết - nghĩa,... đậm chất nhân văn đã đáp ứng kịp thời nhu cầu và trở thành tác phẩm độc tôn góp phần định hình, hoàn thiện và ổn định văn hóa, bản sắc con người phương Nam. Đến nay, không ai ở vùng đất này mà không thuộc nằm lòng vài câu phương ngôn đối nhân xử thế đúc rút ra từ tác phẩm của ông. Đó có thể là các sáng tác dân gian như ca dao, tục ngữ, phương ngôn, hò, vè,... ra đời từ nguồn cảm hứng của truyện *Lục Vân Tiên*; hay có thể là từ Nói thơ Vân Tiên hoặc các tác phẩm tuồng cổ, cải lương, tân nhạc, cổ nhạc chuyển thể từ truyện thơ *Lục Vân Tiên* như đã kể ở trên. Đây chính là cái hay, cái tài của nhà văn hóa Nguyễn Đình Chiểu đối với vùng đất phương Nam này, đúng như nhận định của E. Hoeffel (Hopphen), Thống đốc Nam Kỳ (1942 - 1945): "... cụ soạn ra quyển *Lục Vân Tiên* cốt ý là để giáo huấn bọn môn sinh. Sau nữa để khuyên đời, răn chúng, cho nên từ đầu chí cuối, cụ đem cái học thuyết Khổng - Mạnh và cái luật nhân quả báo ứng ra mà phô diễn... Nói tóm lại, quyển *Lục Vân Tiên* gồm cả *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, hay là một quyển "phong hóa tập giải" rất linh hoạt vậy"¹.

Nguyễn Đình Chiểu dùng lẽ ghét - thương "*Vì chưng hay ghét cũng là hay thương*", các phạm trù đạo đức tốt - xấu, chính - tà, thiện - ác để thể hiện quan điểm ca ngợi, bảo vệ cái tốt, cái hay, cái đẹp và phê phán "ghét cay, ghét đắng" cái xấu, cái ác. Đồng thời, qua cốt truyện, nói lên cốt cách con người trượng nghĩa, trọng nghĩa khinh tài mà người Nam Bộ rất thích đó là thấy việc bất bình phải ra tay can thiệp:

"Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã

Lâm nguy bất cứu mặc anh hùng".

Vì việc nghĩa, người ta không nề hà khó nhọc, chẳng quản gian lao, kể cả hy sinh quyền lợi của mình, xả thân vì nghĩa mà không cần

1. Nhiều tác giả: *Nguyễn Đình Chiểu - Về tác gia và tác phẩm*, Sđd, tr.621.

một sự đền đáp nào như chàng Hồn Minh, ông Tiêu, ông Chài,... Trên thực tế, vùng đất phương Nam đã từng có những sự kiện như thế, như ông Thái Hữu Kiểm vì bất bình đã vượt đường xa ngàn dặm đi bộ ra Huế để kiện xã Hạc đắp đập, ngăn dòng chảy con sông khiến dân không vào chợ Trong (chợ Ba Tri) họp chợ được, được vua Minh Mệnh xử thắng kiện, từ đó ông nổi danh “ông già Ba Tri”. Hay gương bà Nguyễn Thị Tồn (Cần Thơ) cũng đi bộ ra Huế để kêu oan cho chồng là Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa. Hoặc *Thơ Sáu Trọng* kể về nhân vật Sáu Trọng (Lê Văn Trọng) là một chính nhân quân tử, dám làm dám nhận, xử vợ tội lăng loàn xong thì thú tội và sẵn sàng chịu án tử, v.v.. Đặc biệt, tinh thần vì nước quên thân cũng được Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi và được sĩ phu, nhân dân Nam Bộ và cả nước đồng tình. Đây chính là đạo lý ngàn đời của dân tộc.

Trong *Lục Vân Tiên*, người ta thấy được nét nổi bật của tinh thần Khổng - Mạnh với những nguyên tắc trung - hiếu - tiết - nghĩa; tu, tề, trị, bình; hành, tàng, xuất, xử; tam cương, ngũ thường; công, dung, ngôn, hạnh; tam tông, tứ đức, v.v. vốn là hệ tư tưởng chủ đạo thời phong kiến mà những lưu dân hoặc ít hoặc nhiều mang theo trong quá trình đến vùng đất phương Nam để xây dựng cuộc sống mới. Các yếu tố trung, hiếu (Vân Tiên), tiết hạnh (Kiều Nguyệt Nga), trượng nghĩa (Hồn Minh, ông Tiêu, ông Chài,...), ẩn sĩ (ông Quán, ông Chài),... đều có đầy đủ trong tác phẩm. Nhưng trung ở đây đã mang dáng dấp mới, thoáng mở hơn so với tinh thần nho gia phong kiến đương thời, trung gắn liền với nghĩa, chứ không còn là “ngu trung” nữa. Đó là điểm mới tiến bộ ở ông khi cho nhân vật Kiều Nguyệt Nga một mực thủy chung với Lục Vân Tiên, trái lệnh vua khi giữa đường cống Hồ gieo mình xuống biển nhưng cuối cùng vẫn được triều đình miễn tội, Kiều công - thân phụ Kiều Nguyệt Nga thì được phục chức,... Bên cạnh đó, mỗi nhân vật đều có một nét độc đáo riêng, có khi là một cá tính nhưng không trùng lặp, khiến người ta nhớ mãi. Đây là một trong những giềng mối giúp người Nam Bộ dễ dàng tiếp nhận *Lục Vân Tiên*. Vì vậy, người ta dễ dàng tâm đắc những câu tuyên ngôn về tu thân và xử thế:

*“Trai thời trung hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình”;
“Nhớ câu trọng nghĩa khinh tài
Nào ai chịu lấy của ai làm gì”*

Đặc biệt, tinh thần “Gái chính chuyên chỉ có một chồng”, chồng mất thì thủ tiết ở vậy nuôi con được tác giả rất đề cao và nhân dân thấy đó là việc phải, nên làm. Và trong thực tế, đã có nhiều tấm gương như thế như bà Lê Thị Mẫn (1782 - 1862), sau khi chồng mất, quyết định ở vậy nuôi con ăn học thành tài hay Nguyễn Thị Khuê (1864 - 1921) theo gương Kiều Nguyệt Nga sương cư thủ tiết, ở vậy nuôi con, thế nên trong bút hiệu mới có chữ Sương: Sương Nguyệt Anh, v.v..

Ở *Lục Vân Tiên*, người ta tìm thấy tinh thần Phật giáo với thuyết nhân quả và câu chuyện kết thúc có hậu. Đây chính là yếu tố thu hút người đọc bởi lẽ, họ đã quen với những câu chuyện như thế để làm điểm tựa, cứu cánh cho đời sống tinh thần của mình nơi vùng đất mới. Thậm chí, tác giả còn cho nhân vật chính diện nương nhờ cửa Phật theo tinh thần từ bi, cứu khổ, cứu nạn để chờ ngày gặp lại Vân Tiên, cùng ra trận giết giặc thỏa chí tang bồng. Kết cục đều được ân đền oán trả, người tốt như Tiểu đồng, Hồn Minh, Tử Trục, Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga,... thì được danh thơm, sống hạnh phúc, còn những kẻ làm ác như Bùi Kiệm, Trịnh Hâm, cha con Võ Thê Loan, quan Thái sư... đều nhận hình phạt thích đáng. Bên cạnh đó, tinh thần Lão giáo thời kỳ bấy giờ đã hòa nhập vào tín ngưỡng dân gian cũng xuất hiện trong tác phẩm. Đó có thể là chi tiết thầy của Lục Vân Tiên bói quẻ biết chàng “khoa tràng còn xa”; Tiểu đồng vì thương chủ bị mù tìm mọi cách để cứu chữa, kể cả nhờ ông thầy bói để rồi tiên thì mất, mà tật vẫn mang,... Do vậy, truyện *Lục Vân Tiên* chính là một tập đại thành về tư tưởng, về “phong hóa” người Việt, thỏa mãn mọi tầng lớp nhân dân, kể cả các nhà nho hay những bậc thức giả khó tính nhất.

Ngoài ra, trong *Lục Vân Tiên*, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu sử dụng nhiều ngôn ngữ dân gian kết hợp với văn học bác học (dẫn nhiều điển tích sách xưa). Hơi văn tự nhiên, lời văn không gọt giũa mà gần gũi với lời ca,

lời kẻ dân dã, mộc mạc, mang phong cách bình dân như lời ăn tiếng nói hằng ngày nên được nhiều tầng lớp nhân dân tiếp nhận, lưu truyền rộng rãi. Vả lại, có những chỗ, cách hành xử của nhân vật dù có lúc thô cứng, bộc trực, dân dã kiểu Nam Bộ, hàm chứa những vấn đề nổi cộm của xã hội Nam Bộ đương thời về luân lý, đạo đức, về đạo làm người. Chính vì vậy, trong *Lục Vân Tiên*, người ta thấy được hơi thở của cuộc sống ở vùng đất mới và thấy mình trong đó, và vì lẽ đó, *Lục Vân Tiên* sống mãi trong lòng nhân dân Nam Bộ.

Hình tượng chàng Lục Vân Tiên hiếu trung, nghĩa hiệp, Kiều Nguyệt Nga nét na, tiết hạnh đã từ tác phẩm đi vào cuộc sống, trở thành “hiện tượng” văn hóa, hình mẫu lý tưởng của người Nam Bộ¹. Từ cuối thế kỷ XIX đến nay, đã có nhiều hình tượng như thế. Điển hình là ở Bến Tre, đồng chí Nguyễn Văn Giai² là một chiến sĩ cách mạng bị địch bắt, giam cầm, tra tấn đến mức bị mù mắt nhưng ra tù, đồng chí vẫn tiếp tục hoạt động cách mạng, được nhân dân yêu mến gọi là “ông Vân Tiên”, v.v..

Trong thời kỳ đấu tranh chống giặc ngoại xâm, chủ nghĩa yêu nước trong truyện *Lục Vân Tiên* đã tạo nguồn cảm hứng hành động, tiếp thêm sức mạnh để các chiến sĩ nêu cao quyết tâm đánh giặc và thắng giặc. Chính vì thế mà trong Thu Đông năm 1968, chiến sĩ cách mạng Trần Bạch Đằng với bút danh Hương Triều đã cảm tác:

1. Ca dao Nam Bộ có câu:

Đôi lứa ta như Nguyệt Nga ngày trước/Đã trao lời nguyện ước với Vân Tiên

Liều mình qua cống Tây Phiên

Vai mang bức tượng giữ lời nguyện không phai;

Dầu ai gieo tiếng ngọc

Dù ai đọc lời vàng

Bông sen hết nhụy bông tàn

Em đây giữ tiết như nàng Nguyệt Nga”.

2. Đồng chí Nguyễn Văn Giai (1898 - 1959), người quê xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, bị địch bắt năm 1935. Những năm 1936 - 1939, đồng chí được đưa về quản thúc ở Bến Tre. Dù bị mù lòa nhưng đồng chí vẫn tích cực hoạt động cách mạng. Những năm 1947 - 1948, đồng chí là Bí thư Chi bộ Phước Long. Năm 1959, đồng chí qua đời vì già yếu và hậu quả của những năm tháng bị tra tấn trong nhà tù thực dân, chân bị liệt, mắt bị mù lòa.

*“Dưới hầm đọc Lục Vân Tiên
Còn nghe vó ngựa bình Phiên thuở nào
Tàu dừa gió động xôn xao
Như hồn Đồ Chiểu trắng sao hiện về...
Cụ Đồ ơi những vần thơ
Trăm năm thành đạt giấc mơ anh hùng
Đọc Vân Tiên giữa Thu Đông
Mùa xuân sắp đến chiến công lấy lòng...
Việt Nam dân tộc anh hùng
Mỗi người dân một anh hùng Vân Tiên...”¹.*

Trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay, giá trị tư tưởng, đạo đức, văn hóa mà Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm trong *Lục Vân Tiên* vẫn còn nguyên vẹn và được phát huy đến các địa phương trong cả nước, trong đó có Bến Tre thực hiện tốt hơn phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; xây dựng con người Bến Tre phát triển toàn diện, gia đình hạnh phúc, tiến bộ (theo Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 29/01/2021 của Tỉnh ủy Bến Tre “Về xây dựng con người Bến Tre phát triển toàn diện; gia đình hạnh phúc, tiến bộ”); các phong trào thi đua “Đồng khởi mới”, xây dựng xã văn hóa, nông thôn mới và đô thị văn minh,... Đó còn là tinh thần tiến công trong công việc và cuộc sống, luôn chiến đấu vượt qua mọi thử thách, khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Đặc biệt là đạo trừ gian cùng lẽ “ghét - thương” của ông; nếu trước đây kẻ gian là bè lũ xâm lăng cùng bọn phản dân, hại nước, thì nay, kẻ gian đó có thể là những kẻ tham nhũng, sâu dân một nước, là những thói hư tật xấu mà con người mắc phải.

Như vậy, truyện *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu không chỉ dừng lại ở giá trị nghệ thuật, văn chương thông thường mà hàm chứa trong đó là cả một hệ tư tưởng với rất nhiều giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc về đạo làm người, về đối nhân xử thế,... Giá trị đó không chỉ dừng lại ở một giai đoạn lịch sử, tiếng nói của ông thông qua tác phẩm không còn là của cá nhân nữa mà là tiếng nói của thời đại khi vùng đất

1. Nhiều tác giả: *Ba Tri và thơ văn*, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ba Tri xuất bản, lưu hành nội bộ, tr.250-251.

phương Nam vừa được khai phá xong, đang ổn định cuộc sống mới và định hình, hoàn thiện đời sống văn hóa. Những giá trị đạo đức, văn hóa của tác phẩm hàm chứa hồn cốt của cá tính con người miền Nam mà sau này người ta tổng hợp, khái quát và lưu giữ cho đến hôm nay. Đó mới thật sự là giá trị bền vững của tác phẩm *Lục Vân Tiên* và những giá trị đạo đức mà Nguyễn Đình Chiểu xiển dương thông qua sáng tác của mình. Đúng như nhận định của GS. Ca Văn Thỉnh: “Thơ *Vân Tiên* còn, thì thình danh cụ Đồ Chiểu vẫn còn. Mà thình danh cụ còn thì tấm gương tài hoa, tiết tháo của cụ không bao giờ tan vỡ”¹. Và đúc kết của TS. Tạ Thị Thanh Huyền trong Luận án Tiến sĩ của mình: “Tóm lại, thời đại và hoàn cảnh cá nhân đã đưa Nguyễn Đình Chiểu vào vị trí của nhà đạo đức, nhà văn hóa và người nghệ sĩ của quảng đại quần chúng Nam Bộ và trao cho ông vai trò của người chọn lọc và tổng hợp các giá trị văn hóa đã có để sáng tạo nên những kiểu mẫu nhân cách theo lý tưởng Nho giáo nhằm dẫn dắt lối sống cho người dân ở miền đất còn sơ khai về văn hóa này... Văn hóa Nam Bộ sau khi tiếp nhận những hạt giống đạo lý mà Nguyễn Đình Chiểu gieo đã có thêm nhiều giá trị tinh thần cao thượng, đồng thời khẳng định được bản sắc riêng của mình. Và dấu ấn của Nguyễn Đình Chiểu trong không gian văn hóa Nam Bộ, vì thế, không bao giờ phai nhạt”².

2. Vấn đề đặt ra gắn với việc vinh danh nhà văn hóa Nguyễn Đình Chiểu ở tầm thế giới

Hiện nay, việc Nguyễn Đình Chiểu được UNESCO thông qua Nghị quyết tổ chức kỷ niệm 200 năm ngày sinh (01/7/1822 - 01/7/2022) là niềm tự hào, vinh dự cho đất nước và nhân dân Việt Nam, trong đó có Đảng bộ và nhân dân Bến Tre. Vinh dự này đồng thời cũng đặt ra trách nhiệm nặng nề cho các địa phương Bến Tre, Thừa Thiên Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An nói riêng, cả nước nói chung là nghiên cứu thực hiện các

1. Ca Văn Thỉnh: *Tổng tập*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2017, tr.72.

2. Tạ Thị Thanh Huyền: *Nguyễn Đình Chiểu trong không gian văn hóa Nam Bộ*, Luận án Tiến sĩ Văn học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019, tr.183.

sản phẩm văn hóa vật thể và phi vật thể tương xứng với vị thế danh nhân văn hóa thế giới của ông. Trong khuôn khổ tham luận này, tác giả đề xuất một số nội dung như sau:

Một là, tổ chức biên soạn Tổng tập Nguyễn Đình Chiểu¹ với đầy đủ các tác phẩm của ông và chọn lọc đưa vào những bài viết, bài đăng, tác phẩm đặc sắc về Nguyễn Đình Chiểu từ trước cho đến khi vinh danh ông ở tầm thế giới dưới dạng sách giấy và sách điện tử để vừa phục vụ tuyên truyền, giáo dục vừa phục vụ nhu cầu tìm hiểu của đông đảo bạn đọc cả nước và trên thế giới.

Hai là, đề xuất trùng tu, tôn tạo và vinh danh những nơi từng gắn với cuộc đời và hoạt động của Nguyễn Đình Chiểu:

- Lập hồ sơ tiến tới công nhận di tích lịch sử - văn hóa hoặc dựng bia lưu niệm tại đình An Bình Đông (cạnh Bệnh viện đa khoa khu vực Ba Tri, thuộc khu phố 6, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri). Ngày 09/11/1867, hay tin giặc Pháp kéo xuống Hương Diễm, Phan Ngọc Tông, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Liêm, Phan Tôn đã họp dân tại đình làng An Bình Đông. Hai anh em Phan Liêm, Phan Tôn với vai trò thủ lĩnh nghĩa quân, dưới sự chứng kiến, đồng thuận của Nguyễn Đình Chiểu và nhân dân địa phương đã tiến cử một người có mối thâm giao với Nguyễn Đình Chiểu và có uy tín trong thôn là Phan Ngọc Tông trực tiếp lãnh đạo nghĩa quân².

1. Trước đây đã xuất bản hai bộ *Nguyễn Đình Chiểu Toàn tập* là: *Nguyễn Đình Chiểu: Toàn tập*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1980 t.1, 1982, t.2; *Nguyễn Đình Chiểu, Toàn tập*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1997, t.1, t.2.

2. Một trong những căn cứ xác định ngày 09/11, Phan Ngọc Tông được phong chức Đốc binh là câu thơ trong bài điệu thứ năm của Nguyễn Đình Chiểu:

Sanh năm mươi tuổi ăn chơi mấy

Quan bảy tám ngày sướng ít chi

và theo Nguyễn Duy Oanh: “Ngày 09/11/1867, Toàn quyền De Lagrandière được tin hai anh em họ Phan rời khỏi làng Bảo Thạnh, tụ họp nghĩa quân trong vùng. De Champeuax có báo cáo về thượng cấp ở Sài Gòn cho biết là Tôn và Liêm có phát bằng cho nghĩa quân ở Ba Tri và Liêm đã đi Phan Rí, Bình Thuận lãnh bị đạn. Do đó có thể Phan Liêm phong cho Phan Ngọc Tông chức Đốc binh từ ngày 09/11, rồi đến ngày 15/11/1867, Tông tử trận là một tuần”, trong Nguyễn Duy Oanh: *Quân dân Nam Kỳ kháng Pháp trên mặt trận quân sự và văn chương (1859 - 1885)*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018, tr.238-239.

- Nghiên cứu đặt bia lưu niệm và khắc bài *Văn tế nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh* tại công viên chợ Ba Tri (cũ) để phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển du lịch địa phương. Tại chợ Đập (tức chợ Ba Tri cũ), năm 1883¹, Nguyễn Đình Chiểu đã tổ chức lễ chiêu hồn và đọc *Văn tế nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh* với niềm xúc động và vô cùng thương tiếc. Đồng thời, có thể lập hồ sơ công nhận di tích lịch sử - văn hóa để vinh danh sự kiện này, qua đó nhắc nhở công lao lập chợ của ông Thái Hữu Kiểm - ông già Ba Tri.

- Nghiên cứu dựng lại căn nhà và mở rộng, trưng bày thêm hiện vật tại di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh tại nơi ở cụ Nguyễn Đình Chiểu, bổ sung hình ảnh tái hiện cuộc sống của gia đình cụ Nguyễn Đình Chiểu lúc sinh thời tại nền nhà này.

- Nghiên cứu, tìm hiểu và xác minh để tiến tới đặt bia lưu niệm nơi ở lúc nhỏ hay kỷ niệm của gia đình Nguyễn Đình Chiểu ở Gia Định (có tư liệu cho rằng khu đất gia đình ông nay thuộc khu vực Công viên Tao Đàn tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Ba là, tôn tạo, mở rộng và bổ sung hạng mục trong Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu:

- Nghiên cứu di dời Thư viện Ba Tri về khu di tích gắn với quản lý thư mục số hóa tài liệu về Nguyễn Đình Chiểu để giới thiệu và phục vụ nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước khi đến nghiên cứu, học tập, tham quan.

- Cải táng, đưa hài cốt thân mẫu của Nguyễn Đình Chiểu là bà Trương Thị Thiệt về nơi đây - việc làm mà lúc sinh thời cụ Đồ chưa thể làm được. Nội dung này, cơ quan chức năng của tỉnh Bến Tre cũng đã họp và nhận được sự đồng thuận của một bộ phận gia đình dòng họ là cháu nhiều đời của Nguyễn Đình Chiểu.

- Nghiên cứu giới thiệu thêm hình ảnh, tiểu sử các danh nhân giáo dục, y tế, văn học nghệ thuật trong khuôn viên để cho thấy sự di lưu

1. Michel Ponchon: “Cuộc gặp gỡ giữa cụ Nguyễn Đình Chiểu và Misen Pôngsông, chủ tỉnh Bến Tre”, báo *L’In dé pendant de Saigon*, 1883 (*Nam kỳ tuần báo* đăng lại ngày 26/6/1943).

truyền thống văn hóa tốt đẹp dưới ảnh hưởng của Nguyễn Đình Chiểu đối với vùng đất Bến Tre “địa linh nhân kiệt”. Về danh nhân giáo dục, Bến Tre có nhà bác học Trương Vĩnh Ký, nhà giáo Nguyễn Văn Vinh, Giáo sư Ca Văn Thỉnh, học giả Lê Thọ Xuân,... Danh nhân về y tế có bác sĩ Henriette Bùi Quang Chiêu, bác sĩ Trần Hữu Nghiệp, bác sĩ Đoàn Thúc Ba, bác sĩ Tạ Thị Chung, bác sĩ Trần Thị Trung Chiến, ... Danh nhân văn học nghệ thuật có họa sĩ Lê Văn Đệ, họa sĩ Diệp Minh Châu, kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát, nhà thơ Lê Anh Xuân,... Ban đầu, có thể lập phòng trưng bày, sau này có điều kiện có thể dựng bia lưu niệm như ý kiến đề xuất của một số cán bộ lão thành cách mạng của tỉnh.

- Chỉnh sửa nội dung trên bia mộ nữ sĩ Sương Nguyệt Anh. Hiện nay, thông tin trên bia mộ về tên thật, câu thơ trích trong bài thơ trả lời thầy Bảy Nguyen, số tuổi lúc mất và ngày tháng năm mất của nữ sĩ Sương Nguyệt Anh ghi trên bia mộ là chưa chính xác.

Bốn là, bổ sung nội hàm “Danh nhân văn hóa thế giới” vào các sản phẩm, công trình liên quan đến Nguyễn Đình Chiểu. Cụ thể là, nghiên cứu điều chỉnh về mặt nội dung bia tượng, mở rộng khu trưng bày hoặc nơi lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu ở tỉnh Long An nội hàm “Danh nhân văn hóa thế giới”. Tương tự, đối với các địa phương khác trong cả nước hay nước ngoài có công trình, tên đường, tên trường học, tên bệnh viện, tên nội dung trưng bày (trong các bảo tàng, viện triễn lãm,...), nội dung giới thiệu trong các tuyến du lịch, tài liệu giáo dục địa phương dành cho học sinh trong hệ thống giáo dục quốc dân... về Nguyễn Đình Chiểu cần bổ sung nội hàm “Danh nhân văn hóa thế giới”.

Năm là, tiếp tục nghiên cứu về địa điểm ở hai xã Mỹ Chánh và Mỹ Hòa (huyện Ba Tri) - nơi Nguyễn Đình Chiểu định cư những năm tháng cuối đời và cải táng hài cốt cụ bà Trương Thị Thiệt về vùng đất Mỹ Chánh Hòa (nay thuộc hai xã Mỹ Chánh và Mỹ Hòa). Tương truyền, nền mộ cũ của cụ bà Trương Thị Thiệt là do cụ Đồ Chiểu trực tiếp xem địa lý và lo việc cải táng. Do vậy, nơi Nguyễn Đình Chiểu sống cuối đời cũng được xem là một trong những nhà thờ của dòng họ Nguyễn Đình ở

Bến Tre, nên cần có sự hỗ trợ từ phía cơ quan chức năng để hoạt động vinh danh được đồng bộ.

3. Một số giải pháp thực hiện để công tác vinh danh tương xứng với vị thế Danh nhân văn hóa thế giới của Nguyễn Đình Chiểu

Để các nội dung đề xuất gắn với việc vinh danh Nguyễn Đình Chiểu ở tầm thế giới đi vào hiện thực, chúng tôi đề xuất một số giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, lãnh đạo từ Trung ương đến địa phương, của cả hệ thống chính trị về ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của việc Tổ chức UNESCO vinh danh danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu và các hoạt động liên quan trong khuôn khổ quy định của Tổ chức này.

Thứ hai, tiếp tục tăng cường hợp tác quốc tế, nhất là đối với các quốc gia ủng hộ hồ sơ trình UNESCO về danh nhân Nguyễn Đình Chiểu thông qua Văn phòng UNESCO tại Việt Nam, các bộ, ngành Trung ương và các địa phương để tăng cường các hoạt động nghiên cứu, tuyên truyền, giới thiệu về cuộc đời, sự nghiệp và cống hiến của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu với nhân dân các nước trên thế giới.

Thứ ba, ngành văn hóa, thể thao và du lịch chủ trì phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và địa phương liên quan nghiên cứu có đề án, kế hoạch tổng thể trong trung hạn và dài hạn để nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động vinh danh danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, trong đó bao gồm các sản phẩm văn hóa vật chất và phi vật chất như đã nêu ở phần trên.

Thứ tư, tăng cường các hoạt động tuyên truyền, quảng bá tiêu chuẩn, quy định của Tổ chức UNESCO về công nhận danh nhân văn hóa ở tầm thế giới và về danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu để qua đó giúp các tầng lớp nhân dân trong nước và thế giới nắm bắt và tăng cường các hoạt động thực tiễn, trong đó có hoạt động du lịch, về nguồn,...

Thứ năm, nâng cao vai trò, trách nhiệm giữ gìn, bảo quản và phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể gắn với danh nhân

văn hóa thế giới Nguyễn Đình Chiểu trong các tầng lớp nhân dân của cả nước, nhất là đối với chính quyền và nhân dân các địa phương, trong đó có Bến Tre, Long An, Thành phố Hồ Chí Minh và Thừa Thiên Huế.

4. Kết luận

Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là tấm gương sáng, là niềm tự hào của nhiều thế hệ nhân dân cả nước nói chung, nhân dân Nam Bộ và Bến Tre nói riêng. Từ thời đại của mình, ông đã tiên phong nêu cao địa vị và sức ảnh hưởng của văn học nghệ thuật, người cầm bút thực sự trở thành người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa và tư tưởng. Trong đó, truyện *Lục Vân Tiên* đã đi vào đời sống tinh thần của người Nam Bộ và cả nước như một tượng đài văn học nghệ thuật, có tác dụng và ảnh hưởng lớn, lâu dài đến việc hoàn thiện bản sắc văn hóa của người Việt ở Nam Bộ. Giá trị tư tưởng, nhân cách sống của ông trở thành di sản đại diện cho thế hệ ở thời kỳ đất nước trải qua nhiều đau thương nhưng vô cùng oanh liệt vào nửa cuối thế kỷ XIX. Đạo đức, văn hóa của cá nhân ông đã hòa quyện thành đạo đức của cả dân tộc không chỉ ở thời đại ông mà cho đến cả hôm nay. Ông xứng đáng là một trong số ít nhà văn hóa tiêu biểu của nước ta được Tổ chức UNESCO vinh danh nhân kỷ niệm 200 năm ngày sinh và xứng đáng là nhà văn hóa lớn đầu tiên của vùng đất Nam Bộ được vinh danh ở tầm vóc thế giới. Các thế hệ nhân dân cả nước, trong đó có Nam Bộ và Bến Tre có quyền tự hào, hãnh diện về ông, đồng thời có trách nhiệm để biến việc vinh danh của Tổ chức UNESCO trở thành động lực, nền tảng sao cho xứng đáng với danh hiệu cao quý này./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đình Chiểu: *Toàn tập*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1997, t.1, t.2.
- [2] Nguyễn Đình Chiểu: *Toàn tập*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1980, t.1, 1982, t.2.
- [3] Nhiều tác giả: *Nguyễn Đình Chiểu - Kỷ yếu Hội nghị khoa học về*

Nguyễn Đình Chiểu do Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bến Tre phối hợp tổ chức nhân kỷ niệm lần thứ 160 ngày sinh của nhà thơ (1822 - 1982), Sở Văn hóa - Thông tin và Hội Văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre xuất bản, 1984.

- [4] Nhiều tác giả: *Ba Tri và thơ văn*, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ba Tri xuất bản, 1988.
- [5] Nhiều tác giả: *Nguyễn Đình Chiểu - Về tác gia và tác phẩm*, Nguyễn Ngọc Thiện tuyển chọn và giới thiệu, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2003.
- [6] Lê Văn Hỷ: *Lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017.
- [7] Tạ Thị Thanh Huyền: *Nguyễn Đình Chiểu trong không gian văn hóa Nam Bộ*, Luận án Tiến sĩ Văn học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Lưu hành nội bộ, 2019.
- [8] Nguyễn Duy Oanh: *Quân dân Nam Kỳ kháng Pháp trên mặt trận quân sự và văn chương (1859 - 1885)*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018.
- [9] Nguyễn Phương Thảo: *Nữ sĩ Sương Nguyệt Anh*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 1994.
- [10] Ca Văn Thỉnh: *Tổng tập*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2017
- [11] Huỳnh Ngọc Trảng: *Sài Gòn - Gia Định: Ký ức lịch sử - văn hóa*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018.
- [12] Viện Văn học - Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam: *Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

LỊCH SỬ TIẾP NHẬN NHÀ VĂN HÓA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU QUA CÁC LẦN TỔ CHỨC KỶ NIỆM VINH DANH Ở VIỆT NAM

ThS. TRẦN THÀNH TRUNG*

Tóm tắt: Nguyễn Đình Chiểu đã từng được nhiều lần tổ chức vinh danh ở mức độ khác nhau, trong đó tiêu biểu có kỷ niệm 55 năm ngày giỗ cụ Đồ Chiểu do Hội Khuyến học Nam Kỳ tổ chức năm 1943; lễ kỷ niệm 83 năm ngày giỗ Nguyễn Đình Chiểu do chính quyền Việt Nam Cộng hoà tổ chức năm 1971; lễ kỷ niệm 150 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu do Ủy ban Khoa học xã hội tổ chức năm 1972 và lễ kỷ niệm 160 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, Ủy ban Khoa học xã hội tổ chức năm 1982. Quá trình đó ghi nhận thành tựu và đóng góp của cụ Đồ Chiểu đối với văn hóa Việt Nam cũng như thể hiện quan điểm trong từng giai đoạn lịch sử dân tộc. Việc nhìn nhận lại quá trình tiếp nhận thông qua các lần tôn vinh, kỷ niệm trong lịch sử như một cách tiếp cận văn hóa đối với giá trị văn hóa và nhân văn của cụ Đồ Chiểu.

Từ khóa: Lễ kỷ niệm vinh danh; Nguyễn Đình Chiểu.

* Phân viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam. Liên hệ: thanhtrungbc@gmail.com

HISTORY OF RECEIVING NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU CULTURE HOUSE THROUGH ORGANIZATIONS OF THE HONOURING CEREMONY IN VIETNAM

Abstract: Nguyễn Đình Chiểu has been honored many times at different levels. Typically, the 55th anniversary celebration of elderly Đồ Chiểu's death organized by the Southern Study Promotion Association in 1943; the 83rd anniversary celebration of Nguyễn Đình Chiểu's death organized by the government of Republic of Vietnam in 1971, the 150th anniversary celebration of his birth organized by Social Science Committee in 1972 and the 160th anniversary celebration of his birth co - organized by the People's Committee of Ben Tre Province and Social Science Committee in 1982. These anniversary celebrations both recognized the achievements and contributions of elderly Đồ Chiểu to Vietnamese culture and expressed viewpoints in each historical period of nation. Reviewing these anniversary celebrations in Vietnamese history is understood as a cultural approach to study cultural and humanistic values of elderly Đồ Chiểu.

Keywords: Anniversary celebration; Nguyễn Đình Chiểu.

Toàn văn

Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), tục gọi là Đồ Chiểu, là một nhà nho yêu nước. Cuộc sống của ông đầy những bi kịch: mẹ mất trong lúc đi thi, bệnh tật, đau thương khiến ông bị mù loà, đường công danh dang dở, hôn thê bội ước, gia cảnh sa sút. Năm 1862, triều đình nhà Nguyễn ký Hoà ước Nhâm Tuất, ba tỉnh miền

Đông Nam kỳ rơi vào tay Pháp, ông về Bến Tre theo phong trào tỵ địa. Ở đây, ông làm nghề dạy học, nghề y và sống đến cuối đời. Sự nghiệp sáng tác văn học của ông tuy không quá nhiều, song có những tác phẩm đặc biệt xuất sắc, tiêu biểu như *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu*, *Ngư Tiều vấn đáp Nho y điển ca* và một số bài thơ, văn tế khác. Trong đó tác phẩm *Lục Vân Tiên* có vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa ở Nam Bộ. Ông được xem là một nhân vật tiêu biểu, có tầm ảnh hưởng lớn ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX. Trong lịch sử, Nguyễn Đình Chiểu đã từng được nhiều lần tổ chức vinh danh ở mức độ và quy mô khác nhau.

1. Lễ kỷ niệm 55 năm ngày giỗ Nguyễn Đình Chiểu năm 1943 tại Sài Gòn

Năm 1940, Pháp thất bại trước Đức trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, Thống chế Philippe Pétain thành lập Chính phủ Vichy thân Đức nhằm bảo toàn một số quyền lợi của Pháp trong đó có thuộc địa ở Đông Dương. Nhật tranh thủ lúc Pháp suy yếu đã nhảy vào Đông Dương. Tuy nhiên, Nhật Bản không hất cẳng Pháp ra khỏi Đông Dương mà vẫn giữ nguyên cơ cấu tổ chức hành chính của người Pháp; phát triển phong trào chống Pháp ở Đông Dương và tìm cách loại trừ ảnh hưởng của Pháp. Trước tình hình đó, chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương đã có nhiều chính sách trong đó có chủ trương “Pháp - Việt phục hưng” nhằm văn hóa tình thế. Với chủ trương này, Pháp thực hiện nhiều sách lược nêu cao tinh thần dân tộc, truyền thống Á Đông của người Việt. Toàn quyền Đông Dương Decoux ban hành nghị định ngày 05/5/1942 “Lập ra nền học cổ điển Á Đông” với nội dung “ban trung học trong xứ Đông Pháp sẽ có một chương trình học cổ điển mà trong đó sự dạy chữ nho chiếm một địa vị khả quan... Trong chương trình nền cổ học Á Đông nói trên đây, ngoài Hán tự, còn học: Nam Bắc sử, Kinh truyện (Kinh thi, Luận ngữ, Mạnh Tử, Đại học, Đường thi, cổ văn...)... Sự cải cách trên đây sẽ duy trì cho thanh niên những tinh hoa của một nền cổ học nó đã tạo cho cha ông ta

hồi xưa một tinh thần đạo đức khiến cho các dân tộc khác phải thêm thuồng, kính trọng...”¹.

Năm 1943, nhân dịp kỷ niệm 55 năm ngày giỗ cụ Đồ Chiểu, Đốc phủ sứ Hồ Văn Trung, Nghị viên Hội đồng liên bang Đông Dương, tức nhà văn Hồ Biểu Chánh đã vận động tổ chức lễ kỷ niệm cụ Nguyễn Đình Chiểu. Lúc 19h30 ngày 25/6/1943, Hồ Văn Trung đã có bài phát biểu trên Sài Gòn Vô tuyến Đài và được các báo *Sài Gòn*, *Dân báo* ra ngày 28/6/1943 ghi lại: “... Vì bấy lâu nay ôm ấp cái chủ hướng nâng cao luân lý tổ tiên và sùng bái hiền nhưn quá cố, nên nhưn dịp này tôi cậy Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí yêu cầu giùm với quan Thống Đốc Nam Kỳ ban phép, rồi tôi nhờ các nhà thân hào trí thức ở Bến Tre và Ba Tri, nhờ ông Đoàn Quan Tấn, Hội trưởng Hội khuyến học Nam Kỳ, nhờ ông Nguyễn Thành Diễm, Giám đốc Quốc gia kịch đoàn và nhờ các bạn trong toà soạn của Nam kỳ Tuần báo và Đại Việt Tập chí hiệp lực đồng tâm với tôi mà tổ chức lễ kỷ niệm cụ Nguyễn Đình Chiểu”.

Chương trình lễ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu này được diễn ra trong 3 ngày từ ngày 27/6 đến ngày 29/6/1943. Ngày 27/6, Thống đốc Nam Kỳ Ernest Thimothée Hoeffel đích thân về Bến Tre dự buổi lễ kỷ niệm 55 năm ngày mất của cụ Đồ Chiểu. Sau khi ông Ngạc Xuyên Ca Văn Thỉnh - Giám đốc các trường sơ học Bến Tre đứng trước mộ đọc bài diễn văn về thân thế, sự nghiệp của cụ Đồ, Hoeffel đã đọc bài diễn văn bằng tiếng Việt (bài diễn văn này được đăng trên *Đại Việt tạp chí* và một số báo khác như *Saigon*, *Dân báo*, *Phóng sự*). Tờ *Dân báo* bộ mới số 46, ngày 29/6/1943 lúc bấy giờ có bài “Tại Ba Tri, Quan Thống đốc nghiêng mình trước mộ cụ Đồ Chiểu”. Bài diễn văn có đoạn như sau:

“... Xưa kia, nhưn - dân trong xứ Việt - Nam hằng tuân theo luân lý Khổng - Mạnh mà sửa nết trau thân, dồi mài trí thức, gây dựng nên cái nhân cách, cái gia đình, cái xã hội mình được tốt đẹp khiến cho dân tộc khác phải thêm thuồng, kính trọng. Cái luân lý ấy đã đào tạo được biết bao trai lành, gái tốt, sản xuất biết bao thực nữ anh hào.

1. Trần Văn Hanh: “Quay về cổ học”, *Dân báo* bộ mới số 49, ngày 02/7/1943.

Còn ngày nay, cái phong trào vật chất, cái chủ nghĩa cá nhân rất thịnh hành làm cho: nào nhân xưa, nào đức trước, nào sách Thánh, nào lời Hiền, dường như bị chôn chặt dưới đồng rêu phong mấy lớp, mà rồi luân lý Khổng Mạnh là nền tảng nhân phẩm, gia đình, xã hội cũng vì đó mà lung lay sắp đổ.

Cái hiện trạng như thế, ai là người ưu thế mãi mãi, ai có chút tâm hồn đạo đức, đều phải nhìn nhận hiển nhiên là thế.

May thay, trong lúc nguy ngập ấy, lại có một mạng linh chấn hưng phong hóa, văn cứu tinh thần, do nơi Thống chế PETAIN ban hành ra, rồi từ Pháp truyền Nam, không mấy chốc mà được phát dương bành trướng. Đó cũng nhờ nhiều vị trong bậc thượng lưu trí thức, từ bấy lâu, nuôi nấng tấm lòng vẫn có hồi phong, được Chánh - phủ hướng dẫn, tán trợ, khuyến khích, rồi đua nhau, tom góp tài liệu đăng gây dựng lại cái nền luân lý quý báu kia, chỉ mong thiết hành cái chủ nghĩa PHỤC HƯNG của Quốc trưởng.

Hôm nay, cuộc lễ kỷ niệm cụ NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, một bậc văn nhân tài hoa đất Việt mà lại là tác giả quyển LỤC VÂN TIÊN, Bốn chúc ví như một tảng đá trụ cột đã giúp vào cuộc kiến lập nền phục hưng ấy cho quốc dân nhờ...”¹.

Bài diễn văn của Thống đốc Hoeffel được báo chí thân Pháp ở Sài Gòn ca ngợi là “đã chánh thức và công khai nhìn nhận sự tốt đẹp của nền luân lý Việt Nam” và “*một vị thống đốc Pháp đã đứng trước người Việt Nam đọc diễn văn bằng tiếng Việt Nam. Một cử chỉ tỏ ra lòng muốn hiệp tác thành thật của nhà cầm quyền với dân chúng... Quan Thống đốc Hoeffel đã tỏ ra rằng người Pháp với người Nam đã chung kết một số phần vận mạng lại với nhau, người Pháp, người Nam đều một dạ chung lòng cùng nhau chia ngọt xẻ bùi, đắng cay cùng chịu*”².

1. Hoeffel: “Bài diễn văn của quan Thống đốc Hoeffel”, *Đại Việt tạp chí*, số 19, ngày 16/7/1943, tr.5-6.

2. Saigon số 16.334, ngày 30/6/1943.

Trong chương trình lễ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu, các hoạt động diễn thuyết của Hội Khuyến học Nam kỳ và các buổi trình diễn nghệ thuật như nói thơ Lục Vân Tiên, tuồng cải lương *Nguyệt Nga cồng Hồ* (do Hồ Biểu Chánh soạn), vai Nguyệt Nga do nghệ sĩ Năm Phỉ thủ vai. *Nam Kỳ Tuần báo* của Hồ Biểu Chánh phát hành số đặc biệt kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu với nhiều bài viết về cụ Đồ Chiểu và tác phẩm Lục Vân Tiên. *Đại Việt tập chí* số 19, ngày 16/7/1943 cũng dành một số lượng trang nhất định để đăng lại bài diễn văn của ông Ca Văn Thỉnh và bài diễn văn của Thống đốc Nam Kỳ Ernest Thimothée Hoeffel. Sự kiện lễ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu năm 1943 được xem là lần kỷ niệm vinh danh Nguyễn Đình Chiểu đầu tiên ở Việt Nam. Cùng dịp đó còn một cuộc triển lãm về sách báo và văn nhân, thi nhân Việt Nam được tổ chức tại nhà sách Nguyễn Khánh Đàm trên đường Sabourain mà theo Ngọc Hồ thì “... Thầy giáo, học sinh, ký giả, học giả đi xem cũng khá đông. Thỉnh thoảng cũng có thấy một vài ông bạn thôn dân và phu xe vào lặn xem các tài liệu về Nguyễn Đình Chiểu, cũng đều ra chiều đặc ý. Đủ thấy lúc đó thiên hạ vẫn còn hoài niệm ông Đồ không phải ít”¹. Ngày 27/6/1943, ở Tân An, chính quyền Pháp cũng tổ chức một buổi kỷ niệm với sự chủ tọa của Chánh chủ tỉnh Sylvestre, Chủ quận Châu Thành Tân An Nguyễn Ngọc Chỉ, và đông đảo quan chức, học sinh tham dự². Cùng ngày, ở chùa Vĩnh An (Mỏ Cày, Bến Tre), nhóm văn đoàn Trung Tân, Giồng Vần, Tuổi Trẻ cũng tổ chức lễ truy niệm cụ Đồ Chiểu, và có tổ chức chương trình diễn thuyết ở quy mô nhỏ³.

Từ các bài vở và tin tức của báo chí Sài Gòn lúc bấy giờ như *Saigon*, *Dân báo*, *Nam Kỳ tuần báo*, *Đại Việt tập chí*... cho thấy lễ kỷ niệm vinh danh nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu năm 1943 được chính quyền thực dân Pháp rất quan tâm. Từ bài diễn văn của Thống đốc Nam Kỳ Ernest

1. Ngọc Hồ, Nhất Tâm: *Lục Vân Tiên tường giải*, Nxb. Sống Mới, Sài Gòn, 1974, tr.35.

2. *Saigon* số 16.394, ngày 12/7/1943.

3. Thanh Tuyên: “*Lễ truy niệm cụ Đồ Chiểu ở chùa Vĩnh An*”, *Báo Phóng sự*, số 338, ngày 22/7/1943.

Thimothée Hoeffel cho thấy việc tổ chức lễ kỷ niệm vinh danh này phù hợp với chủ trương Pháp - Việt phục hưng của Petain đề ra từ năm 1940. Hoeffel ca ngợi tinh thần trung hiếu, tiết nghĩa của Lục Vân Tiên và khuyên thanh niên “nên dùng quyển *Lục Vân Tiên* là kinh nhật tụng, mỗi ngày đem ra thiết hành” để phụng sự gia đình, xã hội và quốc gia với ngụ ý là trung thành với mẫu quốc. Theo Lê Văn Hỷ thì “Ý đồ chính trị của thực dân Pháp lúc bấy giờ đã thể hiện khá rõ qua bài diễn văn này và mục đích của nó là thực hiện chủ trương Pháp - Việt phục hưng do thống chế Pétain ban hành lúc đó, nhằm lôi kéo các tầng lớp thanh niên xa rời các phong trào yêu nước, ru ngủ và hướng họ vào các khái niệm thịnh hành lúc đó như gia đình, cần lao và Tổ quốc”¹. Sự kiện này đã thu hút được giới trí thức quan tâm và sau đó là nhiều nghiên cứu, khảo luận về Nguyễn Đình Chiểu được ra đời, mặc dù các nghiên cứu vẫn tập trung vào ca ngợi Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Các tác phẩm yêu nước, chống Pháp tiêu biểu của ông như *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Dương Từ - Hà Mậu*... đều bị tránh nhắc đến.

Lễ kỷ niệm vinh danh Nguyễn Đình Chiểu năm 1943 được xem như lần thứ hai người Pháp “tiếp xúc” với Nguyễn Đình Chiểu. Lần thứ nhất là việc Michel Ponchon tìm gặp Nguyễn Đình Chiểu năm 1883 và các bản dịch ra tiếng Pháp cũng như phát hành tác phẩm *Lục Vân Tiên* ra chữ quốc ngữ đều có ý đồ chính trị rõ ràng là tiếp cận nhân sĩ có tầm ảnh hưởng lớn, “thu phục nhân tâm”, tìm hiểu những đặc điểm văn hóa Việt Nam có lợi cho mưu đồ cai trị của mình. Lần “tiếp xúc” thứ hai vào năm 1943 với việc ca ngợi Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm *Lục Vân Tiên*, mục tiêu là kêu gọi lòng trung thành của người Việt với Đại Pháp trước sự uy hiếp của Nhật Bản ở Đông Dương.

1. Lê Văn Hỷ: *Lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017, tr.64.

2. Lễ kỷ niệm 83 năm ngày giỗ Nguyễn Đình Chiểu năm 1971 tại Sài Gòn

Sau lần kỷ niệm lớn năm 1943, Nguyễn Đình Chiểu còn được vinh danh thêm một số lần với quy mô khác nhau, như ngày 01/7/1955, Đảng Xã hội Việt Nam tổ chức Lễ kỷ niệm 75 năm ngày mất Nguyễn Đình Chiểu (1963) tại Hà Nội. Bên cạnh đó, một số tạp chí đã dành số đặc biệt viết về ông nhân dịp năm sinh năm mất như *Văn Đàn* (1962), *Đồng Nai văn tập* (1966)... Các lần kỷ niệm này góp phần không nhỏ cho việc nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu cùng các tác phẩm của ông.

Từ năm 1969, Hội nghị Pari bắt đầu bàn thảo về vấn đề hòa bình ở Việt Nam. Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh cũng được người Mỹ khởi động, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã phải toan tính về một hệ thống chính sách hậu chiến. Từ đó, đã có một số thay đổi quan trọng về chính sách, về mọi mặt từ kinh tế, văn hóa và xã hội. Chính sách văn hóa được hoạch định với chiến lược lâu dài, theo đó, nhiều cơ quan chuyên trách văn hóa cũng được thành lập và tái cơ cấu trong tình hình mới. Trong thông điệp đọc trước Quốc hội ngày 06/10/1969, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu đã nêu quan điểm về văn hóa “... Chúng ta đừng quên đặt văn hóa - giáo dục trong khung cảnh chiến đấu trường kỳ và sống còn của dân tộc hiện nay. Bởi thế nên chính sách văn hóa - giáo dục phải được đặt trong khuôn khổ của chính sách cứu quốc và kiến quốc chung. Và do đó, tôi chủ trương cần phải bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc... Trong chiều hướng đó, chánh phủ sẽ dành một ngân khoản xứng đáng để trùng tu những di tích lịch sử, sưu tầm, nghiên cứu di sản văn hóa của tiền nhân, phục hưng nền ca nhạc kịch cổ điển...”¹. Theo đó, chính quyền Sài Gòn đã sáp nhập nhiều đơn vị như Nha Văn hóa, Nha Mỹ thuật, Thư viện Quốc gia... và thành lập Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa - một cơ quan ngang bộ để chuyên trách các

1. Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh Niên: *Hoạt động văn hóa chương trình 1975 - 1976*, tài liệu roneo (lưu trữ tại Phân viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh), 1975, tr.41.

hoạt động văn hoá. Năm 1971, Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa tổ chức trọng thể kỷ niệm 83 năm ngày mất cụ Đồ trong chủ trương và chính sách văn hóa đặc thù ở miền Nam.

Báo *Dân ý* số 377 có bài viết: “Kể ra thì dân thành thị đã lần quên cụ Đồ, hay đúng hơn là quên lần tư tưởng của cụ. Chớ đồng bào nông thôn thì vẫn dùng các tư tưởng của cụ để làm chuẩn mực cho cuộc sống hằng ngày. Do đó mà nảy sinh một cái mà nhà văn Sơn Nam gọi là văn minh miệt vườn. Cái văn minh mộc mạc và chân thành, cái văn minh có hiệu lực hội nhập được con người vào một cộng đồng bất vụ lợi và liên đới vô hạn định.

Theo cụ Quốc vụ khanh, tình trạng tinh thần của dân thành thị rất lấy làm đáng lo ngại, vì vậy mà cần nhắc nhở với mọi người những tư tưởng cao đẹp của cụ Đồ Chiểu. Bài Chòi mong ông Quốc vụ khanh sẽ thành công với cái mong ước đẹp đẽ như vậy, chớ còn xã hội phải nghe bà Kim Thoa chửi tục ở Hạ viện và thấy con trai bà bề hội đồng con người ta hoài thì mệt quá”.

Mở đầu cho tuần lễ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu, ngày 11/7/1971, ông Mai Thọ Truyền, Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa của chính quyền Sài Gòn cùng nhiều nhà văn, nhà báo nổi tiếng lúc bấy giờ như Lê Thọ Xuân, Sơn Nam, Kiên Giang, Dương Nghiễm Mậu, Bàn Bá Lân, Nguyễn Vỹ, Mộng Tuyết, giáo sư Võ Văn Dung, Đinh Bằng Phi, nghệ sĩ Năm Châu... đã đến Bến Tre viếng mộ cụ Đồ. Ông Mai Thọ Truyền ca ngợi cụ Đồ Chiểu là “một thi sĩ bình dân đã nêu gương sáng của một bậc quân tử tri hành hợp nhất, đem văn hóa để phục vụ quốc gia dân tộc”¹. Theo báo *Tiền tuyến* ghi nhận thì tại đây ông Mai Thọ Truyền đã hứa xem xét đề nghị cấp 950.000 đồng để trùng tu ngôi mộ và xây cất đền thờ cụ Đồ Chiểu và xem “đây là bổn phận của chính phủ”. Đài Phát thanh quốc gia Sài Gòn liên tiếp trong 2 ngày 13, 14/7/1971 đã tổ chức tuyên truyền cho sự kiện này với 2 chương trình là Gia đình Bác Tám tìm hiểu về công

1. Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa: *Kỷ yếu lễ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu*, Sài Gòn, 1971, tr.10.

nghiệp của cụ Đồ Chiểu và Gia đình Bác Tám tìm hiểu về tinh thần sĩ phu và chủ trương Lễ giáo trong các danh phẩm của cụ Đồ Chiểu.

Liên tiếp trong các ngày 16 đến ngày 19/7/1971, các hoạt động chính của tuần lễ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu được diễn ra chủ yếu tại Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ (nay là Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh) với các nội dung là tổ chức diễn thuyết và trình diễn văn nghệ. Trong buổi diễn thuyết đầu tiên, Phó Thủ tướng chính quyền Sài Gòn - Nguyễn Lưu Viên đích thân đến dự và ngồi ghế chủ tọa. Diễn giả đầu tiên là giáo sư Nguyễn Duy Cần với bài diễn thuyết “con người toàn diện của Nguyễn Đình Chiểu”. Bài diễn thuyết nhấn mạnh: Nguyễn Đình Chiểu là một người chiến sĩ văn hóa với triết lý lạc quan “thiện ác đão đầu chung hữu báo” đang nung nấu tâm lòng cương quyết chiến đấu của hàng triệu chiến sĩ. Cùng tinh thần đó, bài diễn thuyết của ông Võ Văn Dung - giáo sư trường Petrus Ký với chủ đề “Nguyễn Đình Chiểu chiến sĩ” cho rằng Đồ Chiểu đã đánh giặc suốt đời, thanh xuân thắng giặc danh lợi, giặc ái tình, đứng tuổi đánh giặc xâm lăng. Trong đêm thứ 3 ngày 18/7/1971 với chủ đề diễn thuyết người phụ nữ trong thi phẩm *Lục Vân Tiên* do nữ sĩ Ái Lan làm diễn giả, có lẽ với chủ đề phụ nữ nên đã có mặt các bà Đinh Thùy Yến - phu nhân của Thủ tướng Trần Thiện Khiêm, bà Nguyễn Thị Trinh - phu nhân Phó Thủ tướng Nguyễn Lưu Viên... đến dâng hương và dự khán.

Bên cạnh các hoạt động diễn thuyết, nghệ thuật như hát tuồng, ngâm thơ, kịch thơ..., Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa còn tổ chức nhiều sự kiện khác như công bố 2 tập sưu tầm các bài báo về Nguyễn Đình Chiểu từ trước đến nay, triển lãm sách báo, tem thơ về Nguyễn Đình Chiểu, phát hành 2 bộ tem và phong bì Nguyễn Đình Chiểu. Toàn bộ hoạt động của lễ kỷ niệm này được in thành quyển kỷ yếu 142 trang với đầy đủ nội dung các hoạt động, các bài diễn thuyết và dư luận báo chí lúc bấy giờ. *Văn hóa tập san* cũng dành 2 số gộp 3, 4 để in lại các bài diễn thuyết và một số bài viết nhân dịp này. Ngày 21/9/1971, Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa thành lập Ủy ban san định các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu quy tụ các học giả có tên tuổi lúc bấy giờ như Lê Thọ Xuân (Chủ tịch Ủy ban), Đỗ Thiệu Lãng,

Tăng Văn Hỷ, Lê Ngọc Trụ, Nguyễn Văn Y, Ngọc Hồ, Trần Văn Mai, Ái Lan, Vũ Văn Kính..., Ủy ban này chỉ mới hoàn thành và xuất bản được quyển *Lục Vân Tiên* vào năm 1973.

Thạch Phương đã nhận xét gay gắt về lần kỷ niệm này như sau: "... việc xuyên tạc tư tưởng yêu nước, thương dân, tinh thần kiên quyết chống xâm lăng của Nguyễn Đình Chiểu là một việc rất khó. Ngụy quyền nghiên cứu về "tâm lý chiến có thể nêu ra chiêu bài "chống cộng" và giả vờ nên ngọn cờ "dân tộc". Nhưng chúng chỉ dám nói một cách chung chung. Còn việc chúng làm tay sai cho giặc Mỹ, cùng với giặc Mỹ giết chóc tàn tệ đồng bào ta thì rõ quá, che đậy sao nổi"¹. Trên thực tế, thời Đế nhị Cộng hoà đã có những chính sách văn hóa mới với khẩu hiệu truyền thống, về nguồn và hàng loạt các hoạt động của ngành văn hóa nhằm phục vụ cho chính sách hậu chiến giai đoạn 1969 - 1975 đã có những thành tựu đáng kể và vẫn còn giá trị tham khảo cho đến ngày nay. Những thành tựu đó là công sức của những trí thức, học giả chứ không hẳn đến từ hệ thống chính sách chống cộng của Việt Nam Cộng hoà.

3. Lễ kỷ niệm 150 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu ở Hà Nội năm 1972

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ Nam Bộ. Tuy nhiên, tên tuổi và tác phẩm của ông đã được lan truyền ra Bắc từ khá sớm. Tác phẩm *Lục Vân Tiên* đã được in ấn và xuất bản nhiều lần ở Hà Nội và Hải Phòng. Nhà văn Vũ Bằng đã đọc tác phẩm *Lục Vân Tiên* từ khi lên 8 tuổi². Trước 1954, báo chí miền Bắc, nhất là tờ Tri Tân đã dành nhiều bài vở khảo cứu về Nguyễn Đình Chiểu cùng tác phẩm *Lục Vân Tiên*.

Sau Hội nghị Giơnevơ 1954, miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng

1. Thạch Phương: "Nguyễn Đình Chiểu và những người cầm bút ở thành thị miền Nam", Tạp chí *Văn học*, số 4 tháng 7 và 8/1972, tr.96-102.

2. Vũ Bằng: "Ba thời kỳ, ba nhận xét về truyện *Lục Vân Tiên*", in trên tạp chí *Văn học*, số 133, 1971, tr.75-89.

miền Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quan niệm *Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận* đã chi phối toàn bộ nền văn học nghệ thuật của miền Bắc lúc bấy giờ. Do đó Nguyễn Đình Chiểu và các tác phẩm của ông cũng được định hướng nghiên cứu nhằm phục vụ cho mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng miền Nam. Chúng tôi không đủ tư liệu để khảo cứu những lần kỷ niệm tôn vinh Nguyễn Đình Chiểu ở miền Bắc và cũng chỉ được biết ít nhất Đảng Xã hội Việt Nam đã từng tổ chức kỷ niệm lần đầu tiên vào năm 1955, lần kỷ niệm tiếp theo vào năm 1963 và 1972.

Năm 1972, tình hình chiến tranh ở Việt Nam đang tiến vào giai đoạn khốc liệt. Nhân dịp kỷ niệm 150 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã có chỉ thị giao cho Bộ Văn hóa phối hợp với các đơn vị khác tổ chức lễ kỷ niệm này một cách trang trọng, thiết thực và thích hợp hoàn cảnh thời chiến với mục đích được nêu rõ trong bản chỉ thị: "... Thông qua kỷ niệm lần này cần động viên mọi người học tập và phát huy tinh thần yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, củng cố lòng tin sắt đá vào tiền đồ của Tổ quốc, nâng cao ý chí chiến đấu, bảo vệ và tăng cường miền Bắc xã hội chủ nghĩa, ra sức chi viện tiền tuyến lớn đánh thắng giặc Mỹ xâm lược"¹.

Chúng tôi không có nhiều tư liệu về lễ kỷ niệm này ngoài hai ấn phẩm được xuất bản sau đó là tạp chí *Văn học* số 4, tháng 7 và 8/1972, số kỷ niệm 150 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu và quyển *Nguyễn Đình Chiểu tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật* do Viện Văn học xuất bản năm 1973. Trong hai ấn phẩm này có khá đầy đủ từ chỉ thị của Thủ tướng Phạm Văn Đồng đến các hoạt động lễ kỷ niệm bao gồm các hoạt động mít tinh, diễn thuyết, hoạt động của các cơ quan báo chí trong đó đáng chú ý nhất là hoạt động của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. Từ tháng 6/1972, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam đã triệu tập hội nghị để bàn về công tác tổ chức Lễ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu. Hội nghị này đã nhận định "Những điểm nổi bật ở Nguyễn Đình Chiểu là lòng yêu nước

1. Phạm Văn Đồng: "Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1972)", tạp chí *Văn học* số 4, 1972, tr.2.

thương dân, là tinh thần đấu tranh đến cùng chống bọn đế quốc cướp nước và bọn phong kiến bán nước, là nghệ thuật bình dân, giản dị, gắn bó chặt chẽ với văn học dân gian... Hội nghị nhất trí cần tổ chức kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu một cách xứng đáng và có nội dung thiết thực phù hợp với hoàn cảnh đất nước đang có chiến tranh”.

Sau đó, Viện Văn học đã tập hợp các kết quả nghiên cứu và in thành cuốn sách *Nguyễn Đình Chiểu tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật* (1973) với 3 phần. Phần thứ nhất là Kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu đăng lại chỉ thị của Thủ tướng Phạm Văn Đồng về việc tổ chức lễ kỷ niệm, tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu do Nguyễn Văn Hoàn biên soạn, bài diễn văn của Thứ trưởng Bộ Văn hóa Hà Huy Giáp đọc trong lễ kỷ niệm với nhan đề “Bài học sống, chiến đấu và sáng tạo của nhà thơ lớn Nguyễn Đình Chiểu”. Những hoạt động kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu do Nguyễn Văn Hoàn biên soạn. Đặc biệt, trong phần kỷ niệm này, Ban biên tập đã đăng lại bài “Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc” của Thủ tướng Phạm Văn Đồng viết nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày mất Nguyễn Đình Chiểu. Phần thứ hai là 27 bài nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu trong đó có một số bài đăng lại từ lần kỷ niệm năm 1963. Phần phụ lục gồm niên biểu và thư mục Nguyễn Đình Chiểu do Nguyễn Văn Hoàn thực hiện.

Như vậy, có thể xem lần kỷ niệm 150 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu 1972 ở Hà Nội là một cột mốc quan trọng trong việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu. Lần kỷ niệm này đã hệ thống và tổng kết lại các thành tựu chính trong việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu và thơ văn của ông ở miền Bắc, nhất là sau năm 1963; đồng thời, nhấn mạnh cuộc đời và sự nghiệp của nhà thơ yêu nước tiêu biểu là tấm gương sáng về tinh thần bất khuất chống ngoại xâm.

4. Lễ kỷ niệm 160 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu tại Bến Tre năm 1982

Năm 1982, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam ủy nhiệm cho Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Văn học phối hợp với

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre tổ chức Hội nghị khoa học kỷ niệm 160 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu. Hội nghị được tổ chức trong hoàn cảnh đất nước hoàn toàn thống nhất và trên chính mảnh đất mà Nguyễn Đình Chiểu đã sinh sống và an nghỉ cuối cùng. Để chuẩn bị cho Hội nghị, Tổ Văn học cận đại, Ban Văn học của Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm 5 người là: Vũ Văn Kính, Đoàn Khoách, Tạ Quang Phát, Nguyễn Thị Thanh Xuân và Cao Tự Thanh đã tiến hành khảo sát điền dã và hiệu đính để kịp xuất bản 4 quyển sách bao gồm: *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu*, *Thơ văn yêu nước chống Pháp*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* chào mừng hội nghị. 4 quyển sách của Tổ Văn học cận đại này cũng có thể xem là một bộ Nguyễn Đình Chiểu toàn tập.

Hội nghị tổ chức trong 2 ngày 29 - 30/6/1982, với sự tham gia của hơn 200 nhà nhiên cứu, nhà văn, giảng viên các trường đại học trong cả nước. Kết quả Hội nghị được in thành tập *Kỷ yếu hội nghị khoa học về Nguyễn Đình Chiểu nhân kỷ niệm lần thứ 160 ngày sinh của nhà thơ (1822 - 1982)* (do Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Văn hóa và Thông tin Bến Tre xuất bản năm 1983). Tập Kỷ yếu được chia làm 5 đề mục gồm: Những vấn đề về tiểu sử tác giả; Những vấn đề chung; Những vấn đề về phương pháp và nghệ thuật; Những vấn đề về ngôn ngữ và những vấn đề về văn bản. Trong lời khai mạc Hội nghị, ông Nguyễn Khánh Toàn - Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội có bài “Nguyễn Đình Chiểu, người chiến sĩ nổi hời trống xuất trận đầu tiên của nhân dân Nam Bộ đánh đuổi giặc cướp nước phương Tây”, một lần nữa nhấn mạnh vai trò văn thơ yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu đối với sứ mệnh chống xâm lược của nhân dân Việt Nam. Số lượng bài viết tập trung vào chủ đề này có thể kể đến như: “Nguyễn Đình Chiểu: những tia sáng đầu tiên của chủ nghĩa dân tộc và dân chủ chống đế quốc” (Bùi Đăng Duy), “Nguyễn Đình Chiểu với sự tiếp cận chân lý “nhân dân làm nên lịch sử”” (Hoài Anh), “*Lục Vân Tiên* - một tác phẩm đề cao chủ nghĩa yêu nước, cuộc đấu tranh một mất một còn giữa thiện và ác, chính và tà” (Bảo Định Giang), “Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc, khúc ca về người anh hùng nông dân cứu nước” (Mai Quốc Liên). Bên cạnh đó còn có

17 bài viết về phương pháp và nghệ thuật và 17 bài về vấn đề ngôn ngữ trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu.

Có thể nói, đây là Hội nghị khoa học về Nguyễn Đình Chiểu có quy mô lớn nhất từ trước đến bây giờ. Các vấn đề nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu và các tác phẩm của ông được đào xới một lần nữa. Tuy nhiên, 10 năm trước đó, Vũ Đức Phúc đã đặt câu hỏi: "... phải chăng chúng ta đã nghiên cứu đầy đủ về Nguyễn Đình Chiểu... hay là chúng ta chỉ mới bàn nhiều về một số khía cạnh, bỏ đi một số khía cạnh không kém phần quan trọng, gây ra tình trạng là nghiên cứu vừa thừa quá lại vừa thiếu quá?"¹. Mặc dù Nguyễn Đình Chiểu và các tác phẩm của ông được nghiên cứu nhiều lần, tuy nhiên các nhà nghiên cứu Việt Nam cho đến nay vẫn chưa thống nhất về văn bản các tác phẩm của ông. Bên cạnh đó, sự kế thừa các giá trị của Nguyễn Đình Chiểu chưa được xây dựng trên một cơ sở căn bản thống nhất, có khi nhấn mạnh về đạo đức Nho giáo, có khi nhấn mạnh về chính trị, đôi lúc nhấn mạnh về văn chương nên chúng ta có tới vài Nguyễn Đình Chiểu khác nhau. Có thể nói, lần kỷ niệm 160 năm ngày sinh cụ Đồ Chiểu năm 1982 chưa có sự thay đổi về chất so với những lần trước đó, nhất là khi Hội nghị được tổ chức trong hoàn cảnh mới là đất nước được thống nhất.

*

* *

Từ năm 1943 đến nay, quá trình tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu qua các cột mốc là lần kỷ niệm, tôn vinh đã ghi nhận thành tựu và đóng góp của cụ Đồ Chiểu đối với văn hóa Việt Nam, cũng như thể hiện quan điểm trong từng giai đoạn lịch sử khác nhau của dân tộc. Việc nhìn nhận lại quá trình tiếp nhận thông qua các lần tôn vinh, kỷ niệm trong lịch sử Việt Nam như một cách tiếp cận văn hóa đối với giá trị văn hóa và nhân văn của cụ Đồ Chiểu và ý nghĩa của nó với thời đại.

1. Vũ Đức Phúc: "Mở rộng việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu", in trong *Nguyễn Đình Chiểu tám gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973, tr.584.

Đối với Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm của ông, hiểu đúng câu chữ trong tác phẩm đã là không dễ và đặt ông vào bối cảnh lịch sử và xã hội Việt Nam hiện nay để nghiên cứu tìm ra được cái gì mới còn khó hơn. Điều đáng lưu ý cho đến nay, các học giả Việt Nam vẫn còn nhiều điểm chưa thống nhất về văn bản các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu cũng như các giá trị của ông vẫn chưa được xây dựng trên một nền tảng căn bản thống nhất, khi thì nhấn mạnh yếu tố đạo đức Nho giáo, khi thì nhấn mạnh yếu tố chính trị, khi thì nhấn mạnh yếu tố văn chương nên chúng ta có nhớ Nguyễn Đình Chiểu, chiến sĩ Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu... Có lẽ Cao Tự Thanh, Huỳnh Ngọc Trảng đã có lý khi đặt vấn đề xác định đặc điểm, vị trí và tầm cao Nguyễn Đình Chiểu trong lịch sử phát triển của nền văn hóa Việt Nam từ những năm 1982 - 1983.

Tại hội thảo khoa học này, nhân dịp kỷ niệm 200 năm ngày sinh của ông, chúng ta một lần nữa vinh danh Nguyễn Đình Chiểu - nhà văn hóa thế giới. Hy vọng những giá trị văn hóa và nhân văn của Nguyễn Đình Chiểu sẽ được nhìn nhận và tiếp nối trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, các khuynh hướng nghiên cứu sẽ được xác định và làm rõ tại hội thảo lần này và hơn cả các kết quả nghiên cứu sớm được vận dụng và đưa vào sinh hoạt xã hội nhất là việc giảng dạy ở nhà trường - nơi thể hiện tập trung các kết quả nghiên cứu mới nhất, đúng nhất. Nếu không thì mọi nỗ lực của các nhà nghiên cứu cũng chỉ phục vụ cho nghiên cứu./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Vũ Bằng: “Ba thời kỳ, ba nhận xét về truyện *Lục Vân Tiên*”, in trên tạp chí *Văn học*, số 133, 1971.
- [2] Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh Niên: *Hoạt động văn hóa chương trình 1975 - 1976*, tài liệu roneo (lưu trữ tại Phân viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh), 1975.

- [3] Bài Chòi: “Nhớ cụ Đồ Chiểu”, Báo *Dân ý*, số 337, ngày 07/7/1971.
- [4] Phạm Văn Đồng: “Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1972)”, tạp chí *Văn học*, số 4, 1972.
- [5] Trần Văn Hanh: “Quay về cổ học”, *Dân báo* bộ mới số 49, ngày 02/7/1943.
- [6] Ngọc Hồ, Nhất Tâm: *Lục Vân Tiên tường giải*, Nxb. Sống Mới, Sài Gòn, 1974.
- [7] Hoeffel: “Bài diễn văn của quan Thống đốc Hoeffel”, *Đại Việt tập chí*, số 19, ngày 16/7/1943.
- [8] Lê Văn Hỷ: *Lịch sử tiếp nhận Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017.
- [9] Nhiều tác giả: *Kỷ yếu Hội nghị khoa học về Nguyễn Đình Chiểu nhân kỷ niệm lần thứ 160 ngày sinh của nhà thơ (1822 -1982)*, Sở Văn hóa và Thông tin Bến Tre xuất bản, 1984.
- [10] Vũ Đức Phúc: “Mở rộng việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu”, in trong *Nguyễn Đình Chiểu tám gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.
- [11] Thạch Phương: “Nguyễn Đình Chiểu và những người cầm bút ở thành thị miền Nam”, tạp chí *Văn học*, số 4, tháng 7 và 8/1972.
- [12] Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa: *Kỷ yếu lễ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu*, Sài Gòn, 1971.
- [13] Phạm Phúc Thái: *Cuộc đảo chánh ngày 9 tháng 3 năm 1945 của Nhật tại Đông Dương*, Luận văn cao học sử học, Trường Đại học Văn khoa, Viện Đại học Sài Gòn, 1971.
- [14] Cao Tự Thanh, Huỳnh Ngọc Trảng: *Nguyễn Đình Chiểu với văn hóa Việt Nam*, Sở Văn hóa và Thông tin Long An xuất bản, 1983.
- [15] Thanh Tuyên: “Lễ truy niệm cụ Đồ Chiểu ở chùa Vĩnh An”, Báo *Phóng sự*, số 338, ngày 22/7/1943.

- [16] *Saigon* báo ra hằng ngày: số 16.382, ngày 28/6/1943; số 16.334, ngày 30/6/1943; số 16.394, ngày 12/7/1943.
- [17] *Dân báo* bộ mới, số 45, ngày 28/6/1943; số 46, ngày 29/6/1943.
- [18] *Nam Kỳ* tuần báo số 41 đặc biệt, kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu, ngày 26/6/1943.
- [19] *Đại Việt* tập chí, số 19, ngày 16/7/1943.

**NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU - TÁC GIA BÁCH KHOA THƯ VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN NỬA SAU THẾ KỶ XIX**

TS. TRẦN VĂN TRỌNG*

Tóm tắt: Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), còn gọi là Đồ Chiểu, tự Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ, Hối Trai, là một nhà thơ, nhà văn hóa lớn ở Nam Bộ giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX. Năm 2021, ông được UNESCO vinh danh là “Danh nhân văn hóa thế giới” và Lễ kỷ niệm 200 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu được tổ chức trọng thể vào năm 2022. Lâu nay, các nhà nghiên cứu chủ yếu nhìn nhận, đánh giá Nguyễn Đình Chiểu từ góc nhìn văn chương, tư tưởng. Bài viết này từ lý luận của bách khoa thư học nhìn nhận, đánh giá sự nghiệp trước tác của ông trên tư cách một tác gia bách khoa thư Việt Nam giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX. Từ đó, hướng đến nghiên cứu, biên soạn một công trình bách khoa thư nhỏ về Nguyễn Đình Chiểu.

Từ khóa: Bách khoa thư; Nửa sau thế kỷ XIX; Nguyễn Đình Chiểu; Tác gia bách khoa thư; Việt Nam.

**NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU - VIETNAM ENCYCLOPAEDIC
AUTHOR IN SECOND HALF OF 19TH CENTURY**

Abstract: Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) was under the name of Mạnh Trạch, Trọng Phủ, and later on Hoi Trai.

* Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Liên hệ: tranvantrong9683@gmail.com

People respectfully called him elderly Đồ Chiểu. He was a great poet and culturalist in the South of Vietnam in the second half of the 19th century. In 2021, he was honored by UNESCO as “World Cultural Celebrity” and the bicentenary anniversary celebration of his birth will be held in 2022. Researchers have researched on Nguyễn Đình Chiểu mainly from literary and ideological perspectives so far. By using method of encyclopedia study, this paper reviews and evaluates his career as a Vietnamese encyclopedia author in the second half of the 19th century, through which, aiming at compilation of a small encyclopedia (one volume) on Nguyễn Đình Chiểu.

Keywords: Encyclopedia; Second half of the nineteenth century; Nguyễn Đình Chiểu; Encyclopedia author; Vietnam.

Toàn văn

Từ trước đến nay, các nhà nghiên cứu chủ yếu nhìn nhận Nguyễn Đình Chiểu dưới góc độ nhà thơ yêu nước. Trong bài viết này, dưới góc nhìn của bách khoa thư học, chúng tôi nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu trên tư cách một tác gia bách khoa thư Việt Nam giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX. Tác gia bách khoa thư là loại tác gia thường thấy trong thời cổ trung đại, cận đại và thậm chí cả ở thời hiện đại. Đây là loại tác gia biên soạn, trước tác nhiều công trình, tác phẩm ở nhiều bộ môn khác nhau, hay là những tác phẩm của họ bao quát nhiều lĩnh vực. Có tác gia vừa là nhà văn, nhà thơ vừa là nhà sử học, nhà địa lý học,... Có tác gia vừa biên soạn các công trình có tính triết học vừa là nhà giáo dục, nhà văn hóa,... Điều đó xuất phát từ thực tiễn trong lịch sử và truyền thống văn hóa, học thuật mang tính phổ quát tồn tại ở cả phương Tây và phương Đông. Nằm trong quy luật chung đó, các tác gia bách khoa thư ở Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ.

Bên cạnh đó, theo nhà nghiên cứu Lại Văn Hùng, cũng có thể nhìn thấy nằm rất sâu ở quan niệm về văn trong quá khứ: “Tiên học lễ, hậu

học văn”. Đây là câu nói ai cũng biết nhưng để lý giải cặn kẽ gốc nghĩa của chữ “văn” trong đó không phải ai cũng hiểu. Theo *Từ điển Từ nguyên*, chữ “văn” (文) bao gồm 28 nghĩa, trong đó có những nghĩa chỉ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và cả lĩnh vực kinh tế (văn là một loại tiền chẳng hạn). Như vậy, chữ “văn” ở đây là văn hóa, là khoa học, là kinh tế chính trị, là luật pháp,... nên có giai đoạn người ta còn đề cập hai chữ “Văn trị”, có thể hiểu khái quát là trị nước bằng văn hóa, học vấn, đạo đức, lễ nghĩa,... Từ khái niệm như trên, đã xuất hiện hàng loạt các khái niệm khác nhau về sử học, triết học và một số bộ môn học thuật khác. Sĩ tử thời cổ trung đại đi học là học cái văn đó (được chắt lọc thành trường quy, sau khi đỗ đạt đem cái văn đó thực hành lý tưởng tu thân, tề gia, trị quốc,...). Trong đó, việc lập ngôn, lập đức là những việc rất quan trọng đối với kẻ sĩ. Điều đó kéo dài hàng nghìn năm, dẫn đến tình trạng mà người ta thường gọi là văn, sử, triết bất phân. Trong đó văn sử triết được định danh như những môn loại lớn, mang tính điển hình và khái quát chứ không chỉ có văn, sử, triết được hiểu theo nghĩa hẹp; nghĩa là còn rất nhiều môn loại nữa bao hàm trong đó mà văn, sử, triết chỉ mang tính chất biểu tượng, hạt nhân¹. Xét trên khía cạnh đó, có thể thấy trong lịch sử Việt Nam từ thời cổ trung đại đến nay có rất nhiều nhà văn, nhà thơ cũng đồng thời là nhà bách khoa thư như: Lê Văn Hưu, Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú, Nguyễn Văn Siêu, Đào Đăng Vỹ, Hoàng Xuân Hãn,... và cả Nguyễn Đình Chiểu cũng có thể xem là tác gia bách khoa thư. Nói đến tác gia tức là nói đến những người cầm bút, cụ thể là những người theo đuổi lý tưởng trước thư, lập ngôn. Từ đó, các tác phẩm của họ rất đa dạng và phong phú về nội dung, tư tưởng. Các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, ngoài giá trị chính là văn học thì hàm chứa trong nó là tri thức của các lĩnh vực khác. Chẳng hạn như *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu*, về thể loại là truyện thơ Nôm song trong đó lại

1. Lại Văn Hùng (Chủ nhiệm): *Biên soạn Bách khoa thư về các tác gia bách khoa thư Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, 2020.

cũng bao gồm cả những vấn đề về tư tưởng, triết lý, lịch sử, văn hóa,... còn trong các bài văn tế (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Văn tế nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh*,...) là thể loại văn tế nhưng nội dung cũng bao hàm cả về tư tưởng, lịch sử, xã hội,... hay trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* là truyện thơ nhưng cũng bao hàm cả những tri thức về triết lý, về y học, dược học,...

1. Nguyễn Đình Chiểu - nhà tư tưởng của nhân dân Việt Nam

Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), tự là Mạnh Trạch, hiệu là Trọng Phủ, Hối Trai. Ông sinh tại làng Tân Khánh, phủ Tân Bình, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay thuộc Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông xuất thân trong một gia đình có truyền thống Nho học. Tuy nhiên những biến cố lớn trong cuộc đời đã làm thay đổi nhận thức và quan niệm của ông.

Khi Nguyễn Ánh đánh bại Tây Sơn, đất nước thống nhất sau bao phen chia cắt, nhà Nguyễn sử dụng nho thần thay thế các công thần. Tư tưởng độc tôn Nho giáo chỉ dần bị đung độ khi có sự tác động của phương Tây (qua hoạt động giao lưu buôn bán, truyền giáo). Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, yêu nước trở thành một tư trào mạnh mẽ, Nguyễn Đình Chiểu lúc này trở thành người mở đường ở Nam Bộ.

Học thuyết của Nho giáo khi du nhập vào nước ta đã ít nhiều được cải biến cho phù hợp với thể chế chính trị, cơ cấu xã hội, tâm lý và tính cách người Việt Nam. Trải qua bao thăng trầm, biến đổi của lịch sử, Nho giáo ngày càng ăn sâu, bám rễ vào trong tư tưởng, tâm hồn của người dân đất Việt qua nhiều thế hệ, nhiều thời kỳ. Có nhiều quan niệm trở thành thứ “luật bất thành văn” trong xã hội, nhất là ở các làng xã như “phép vua thua lệ làng” và các thiết chế đạo đức phong kiến như “tam cương ngũ thường”, “tam tông tứ đức”. Tư tưởng “trung quân ái quốc”, lý tưởng “kinh bang tế thế”, triết thuyết “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” của đảng nam nhi... đã trở thành lý tưởng, là ý chí và mục đích phấn đấu suốt đời của các nhà nho. Ở giai đoạn đầu, các tác giả của văn học thời kỳ

này chủ yếu vẫn là các nhà nho, vì thế, “đạo lý chính thống qua những quan niệm về dân tộc, gia đình, bổn phận cá nhân là cảm hứng chủ đạo” (nhận định của GS. Hà Minh Đức), là một trong những nội dung cơ bản, được phản ánh khá đậm nét trong văn học. Tuy vậy, càng về sau, xu hướng ca ngợi đã ít đi và nhường chỗ cho xu hướng phê phán những hiện tượng đi ngược với đạo lý truyền thống của dân tộc.

Trước đây, vai trò của người dân chưa được đề cao trong văn chương. Trong giai đoạn trước Nguyễn Đình Chiểu, người dân cũng giữ vai trò quan trọng nhưng chưa mang yếu tố quyết định như giai đoạn này. Nhân dân chỉ là lực lượng phục tùng, số phận của họ được định đoạt bởi nhà nước phong kiến. Trong thơ văn yêu nước, vai trò của nhân dân nổi bật hơn trước. Họ trở thành người dân mộ nghĩa, thành trang dẹp loạn. Trong số ấy có người là dân ấp, dân lân, những người nông dân Nam Bộ cùng khổ lúc bấy giờ. Họ trở thành nhân vật chính mà sử sách gọi là người nghĩa sĩ nông dân và Nguyễn Đình Chiểu đã viết về họ như những người anh hùng của thời đại. Ông đã có cái nhìn mới mẻ về người nông dân trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp anh dũng của dân tộc. Từ *Chạy giặc* đến *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, người dân Nam Bộ đã đi những bước lớn và cái nhìn của Đồ Chiểu cũng tiến những bước thật dài: Ở *Chạy giặc* là nhân dân và ở *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là người nông dân. Nguyễn Đình Chiểu đã khái quát về thời cuộc và đánh giá khái quát về cuộc đời nhân vật, kể về cuộc đời nhân vật là người nông dân nghèo khổ, chưa quen với việc cung kiếm binh đao bỗng chốc trở thành người nông dân đánh Tây. Họ yêu nước, tự ý thức được nghĩa vụ của mình nên chiến đấu rất dũng cảm, kiên cường và lập nên những chiến công hiển hách. Nói như nhà nghiên cứu Nguyễn Lộc: “Có quan điểm nhân dân, Nguyễn Đình Chiểu thấy được nhân dân và những người chiến đấu vì dân là những anh hùng chân chính. Và có quan điểm dân tộc đúng đắn, nhà thơ lại thấy được kẻ thù rất rõ”¹. Đây là điểm mà

1. Nguyễn Lộc: *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1971, tr.24.

Nguyễn Đình Chiểu khác với các nhà văn yêu nước trước cũng như cùng thời với ông.

Một trong những cảm hứng mạnh mẽ và chủ đạo của nhiều sáng tác ở giai đoạn này và kéo dài tới đầu thế kỷ XX là sự ca ngợi tư tưởng đề cao nhân nghĩa và thái độ phê phán, tố cáo, căm thù, chế giễu, mỉa mai các hiện tượng phi nghĩa. Nghĩa là một khái niệm của Nho giáo, nằm trong cặp phạm trù đạo đức *nhân - nghĩa* đã có từ nghìn đời nay. Đạo đức nhà Nho coi trọng nhân nghĩa, coi trọng “tam cương, ngũ thường” hàng nghìn năm đã ăn sâu trong tâm thức xã hội. Trong thời đoạn tiếp xúc và va chạm với văn hóa, tư tưởng phương Tây, thì đạo đức Nho gia càng thể hiện tính hai mặt: cái lạc hậu, lỗi thời và cái còn khả thủ. Sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu ngay từ giai đoạn trước đã thể hiện tư tưởng xuất xử theo đạo, nghĩa một cách tích cực và nhiệt thành. Sau này, trong các sáng tác của Nguyễn Xuân Ôn, Nguyễn Quang Bích, Phan Đình Phùng,... tư tưởng Nho giáo cũng được dùng như một công cụ chống ngoại xâm, đề cao trách nhiệm của vua với sĩ phu và nhân dân.

2. Nguyễn Đình Chiểu - nhà thơ nhân nghĩa của nhân dân

Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện tư tưởng nhân nghĩa. Nguyễn Đình Chiểu đã kế thừa tư tưởng nhân nghĩa của cha ông trong kháng chiến chống ngoại xâm. Tiêu biểu là tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi trong *Bình Ngô đại cáo*. Tuy nhiên, để phù hợp hơn với hoàn cảnh thời đại, trong thơ văn của mình, Nguyễn Đình Chiểu mở rộng tư tưởng nhân nghĩa và nó đã thành lời kêu gọi động viên cứu nước: “*Mến nghĩa bao đành làm phản nước/Có nhân nào nỡ phụ tình nhà*” (Dương Từ - Hà Mậu). Chính vì vậy, Nguyễn Đình Chiểu đã xác định vị trí chiến đấu của mình, vị trí vinh quang gắn liền với truyền thống của người trí thức Việt Nam. Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu giữ vai trò tiên phong của thời đại, cả mở đầu lẫn dẫn đầu, cả về chiều sâu lẫn độ cao, độ chín. Đó là bước phát triển vượt bậc nhưng vẫn nhất quán và liên mạch. Nguyễn Đình Chiểu đã sử dụng thơ văn yêu nước làm vũ khí đấu tranh sắc bén: “*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm/Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà*”.

Văn học yêu nước một mặt đề cao tư tưởng sẵn sàng hy sinh vì nghĩa lớn, một mặt đề cao tư tưởng không nên lấy việc thành bại để đánh giá người anh hùng. Và đó là cách nghĩ của các sĩ phu và nhân dân thời bấy giờ. Chính vì tư tưởng như vậy mà cho đến ngày nay chúng ta mới có những bài văn tế bất hủ về những người anh hùng, nghĩa sĩ trung cường trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Trong bài *Văn tế Trương Định*, ông viết:

“Vì nước tấm thân đã gửi còn mất cũng cam;

Giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào ngại”.

Nhìn lại văn học trong quá khứ, ta thấy vấn đề sống - chết chưa bao giờ được đặt ra một cách cụ thể, thiết thực và giải quyết theo một quan niệm đẹp đẽ như ở giai đoạn này. Trong thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu, những người nông dân bình dị chân chất, họ chiến đấu không phải bởi vì coi thường cuộc sống của mình mà họ chiến đấu vì họ đã hiểu được giá trị của việc giành lại độc lập, tự do cho dân tộc. Hình ảnh của họ hiện lên trong văn thơ Nguyễn Đình Chiểu mang vẻ đẹp đời thường mà cao cả.

Những năm nửa sau thế kỷ XIX là giai đoạn đen tối nhất của lịch sử dân tộc. Trong điều kiện ta bại, địch thắng, nước ta bị làm thuộc địa, dân ta bị làm trâu ngựa cho kẻ thù suốt một thời gian dài quá nửa thế kỷ, thì anh hùng tất nhiên không phải là những người đánh thắng địch, đem lại độc lập, thống nhất cho núi sông, mà trước hết là những người chiến thắng mọi sự hèn nhát, nêu gương bất khuất, bảo toàn vinh dự dân tộc ngay trong khi chúng ta chiến bại. Và, như một quy luật đã được GS. Trần Văn Giàu khái quát: “Tự cổ chí kim người Việt Nam là những người lên ngựa cầm thương, xuống ngựa cầm bút. Sĩ phu làm thơ văn, quần chúng cũng làm thơ văn. Thắng trận làm thơ văn; trước giờ hành hình cũng đủ can đảm, đủ bình tĩnh và cảm hứng để làm thơ văn. Có giấy bút hay không có giấy bút đều có thể làm thơ văn hay để vận động cứu nước và để cho tiết nghĩa được lưu truyền”¹. Tấm gương hy sinh lâm

1. Trần Văn Giàu: *Trong dòng chủ lưu của văn học Việt Nam: Tư tưởng yêu nước*, Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1983, tr.188.

liệt của các anh hùng nghĩa sĩ lại có sức thúc tỉnh hàng nghìn người sống, đưa họ xung vào hàng ngũ cứu nước. Chúng ta có thể bắt gặp những hình tượng bất khuất ấy qua khá nhiều các bài thơ, các câu đối của nhiều tác giả - trong đó chủ yếu tác giả là lãnh tụ của nghĩa quân: *Lâm chung thời tác* (Phan Đình Phùng), các bài thơ có nhan đề *Lâm hình thời tác* của Hồ Huân Nghiệp, Đặng Hữu Phổ, Nguyễn Duy Hiệu, Lê Trung Đình, Nguyễn Đức Huy... Nguyễn Đình Chiểu cũng đã viết những áng thơ văn xúc động và thật hay để ca ngợi: *Văn tế Trương Định*, *Mười hai bài thơ điếu Trương Định* (1864), *Mười bài thơ điếu Phan Tông* (1868),... Ông ca ngợi Trương Định, Phan Tông “vì nước, giúp đời, xem thường cái chết/Anh hùng thà thác chẳng đầu Tây”. Hình ảnh của họ rất hiên ngang, đẹp đẽ, đi vào lịch sử và mang đậm nét bi hùng. Với những sáng tác “chở đạo” của mình, Nguyễn Đình Chiểu đã dựng nên hình tượng người sĩ phu tiêu biểu cho cả một tầng lớp kẻ sĩ ưu tú nhất của thời đại lúc bấy giờ. Nhưng có lẽ, thành công hơn cả là việc ông đã xây dựng được mẫu người nông dân Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX.

3. Nguyễn Đình Chiểu - người thầy thuốc tận tâm của nhân dân

Như đã biết, năm Mậu Thân (1848), được tin mẹ mất ở Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu bỏ thi cùng em theo đường bộ trở về Nam chịu tang mẹ. Trên đường đi vì quá bi thương cùng với thời tiết khắc nghiệt, nên khi đến Quảng Nam, ông bị ốm nặng và được một thầy thuốc vốn dòng ngự y điều trị. Dù bệnh khỏi nhưng Nguyễn Đình Chiểu bị mù cả hai mắt. Cũng trong khoảng thời gian trị bệnh, ông học được nghề thuốc. Về đến quê nhà, vì mất bị mù, công danh dang dở nên ông bị gia đình hôn thê bội ước. Nguyễn Đình Chiểu đóng cửa chịu tang mẹ cho đến năm 1851 thì mở trường dạy học và làm thuốc ở Bình Vi, Gia Định (nay là Thành phố Hồ Chí Minh).

Tác phẩm *Ngư Tiều vấn đáp y thuật* (còn có tên là *Ngư Tiều vấn đáp Nho y diễn ca* hay được biết đến rộng rãi với cái tên *Ngư tiều y thuật vấn đáp*) ra đời năm 1867 (?) cũng là sự kết tinh tư tưởng, kinh nghiệm và

tâm huyết của Nguyễn Đình Chiểu đối với nhân dân, dân tộc. Tác phẩm gồm 3.642 câu trong đó phần lớn là thơ lục bát, có xen 21 bài thơ và một số bài thơ ca, phú... trích từ các sách thuốc Trung Quốc. Đây là một quyển sách dạy nghề làm thuốc chữa bệnh mang tính nhập môn được viết dưới hình thức truyện thơ Nôm. *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* kể chuyện hai người bạn ẩn sĩ là Mộng Thê Triền, làm nghề đốn củi (tiều phu), và Bào Tử Phước, làm nghề chài lưới (ngư phủ), đều là kẻ sĩ đất U, Yên thuộc thời nhà Tấn ở Trung Quốc. Vì hoàn cảnh đất nước loạn ly, gia đình khốn khó nên rủ nhau đi tìm Kỳ Nhân Sư để học nghề thuốc. Kỳ Nhân Sư là một danh y, đồng thời cũng là một nhà yêu nước chân chính đã tự xông mù mắt để khỏi trông thấy cảnh nước mất nhà tan, và để từ chối hợp tác với quân Liêu xâm lược. Trải qua hành trình gian nan, hai ông cũng được hai người đệ tử của Kỳ Nhân Sư là Chu Đạo Dẫn và Đường Nhập Môn truyền dạy cho nghề làm thuốc và đạo đức làm người. Sau đó, hai ông trở về hành y để cứu dân độ thế. Trong tác phẩm, ta thấy nhân vật Kỳ Nhân Sư cũng chính là hiện thân của Nguyễn Đình Chiểu. Theo các nhà nghiên cứu, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* chịu nhiều ảnh hưởng từ sách *Y học nhập môn* của Lý Diên. Tuy nhiên, giá trị chủ yếu của tác phẩm còn ở chỗ lồng ghép tư tưởng yêu nước vào nội dung y thuật. Đặc biệt, trong tác phẩm này Nguyễn Đình Chiểu nhấn mạnh đến đạo đức của nghề y, coi đó là yếu tố cốt lõi của người thầy thuốc. Đúng như đánh giá của Lương y Lê Quý Ngưu: “*Ngư Tiều vấn đáp y thuật* được nhìn dưới góc độ y học thì ít hơn” mà chủ yếu “đem đến cho các đồng nghiệp Đông y có tài liệu để học thêm chữ Nôm trong ngành Đông y; đồng thời thừa kế được kiến thức Đông y của thầy thuốc Việt Nam”.

4. Đề xuất biên soạn công trình *Bách khoa thư về Nguyễn Đình Chiểu*

Từ những phân tích ở trên, chúng ta hoàn toàn có thể xem Nguyễn Đình Chiểu là tác gia bách khoa thư Việt Nam giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX. Trong bối cảnh năm 2021, ông được UNESCO vinh danh là Danh nhân văn hóa thế giới và trong năm 2022, Lễ kỷ niệm 200 năm ngày sinh của Nguyễn Đình Chiểu sẽ được tổ chức trọng thể, việc hướng

tối biên soạn công trình *Bách khoa thư về Nguyễn Đình Chiểu* là việc làm cần thiết, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao bởi xuất phát từ những lý do sau:

- Nguyễn Đình Chiểu được UNESCO công nhận là Danh nhân văn hóa thế giới.

- Nguyễn Đình Chiểu là tác gia bách khoa thư Việt Nam giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX.

- Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ lớn và tiêu biểu của văn học Nam Bộ nói riêng, của Việt Nam nói chung.

- Tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới; và đã được giảng dạy trong các trường phổ thông, đại học ở Việt Nam trong một thời gian dài.

- Tên Nguyễn Đình Chiểu đã được dùng để đặt cho nhiều trường học và đường phố ở Việt Nam.

Theo đó, bách khoa thư hay bách khoa toàn thư, theo nghĩa gốc là bộ sách chứa đựng hàm lượng tri thức một cách tổng thể, toàn diện, có hệ thống, hướng tới giáo dục một cách toàn diện. Theo nghĩa hiện đại, bách khoa toàn thư thường được biên soạn dưới dạng từ điển, nghĩa là các mục từ được sắp xếp theo trật tự chữ cái từ A đến Z. Theo nghĩa rộng, có thể hiểu bách khoa toàn thư là sách của các loại sách, cung cấp kiến thức về trăm nghề, trăm ngành, trăm lĩnh vực. Bách khoa toàn thư cũng có một lịch sử biên soạn lâu đời và xuất hiện dưới nhiều dạng thức khác nhau.

Về cơ bản, các nhà nghiên cứu cho đến nay đều đồng thuận với quan niệm cho rằng, bách khoa toàn thư có bốn loại hình cơ bản như sau: 1- Loại bách khoa toàn thư tổng hợp; 2- Loại bách khoa toàn thư địa phương; 3- Loại bách khoa toàn thư chuyên ngành; 4- Loại bách khoa toàn thư về các chủ đề và các lĩnh vực. Đối chiếu với sự phân loại này, có thể thấy bách khoa toàn thư về Nguyễn Đình Chiểu là bách khoa thư về tác gia thuộc loại thứ tư. Nghĩa là, bách khoa toàn thư về chủ đề nhân danh. Mặt khác, theo sự phân loại của các loại hình mục từ trong bách khoa toàn thư thì có thể thấy có loại hình mục từ nhân danh. Tuy vậy, nhân danh ở đây được hiểu là tập hợp các nhân vật và các tác gia, theo một tiêu loại nhỏ

thuộc loại hình thứ tư chứ không phải các tác gia được biên soạn từ bách khoa toàn thư tổng hợp, bách khoa toàn thư địa phương và bách khoa toàn thư chuyên ngành.

Về việc biên soạn bách khoa thư về tác gia, trên thế giới đã có nhiều công trình, đặc biệt là ở Liên Xô trước đây và nước Nga hiện nay. Chẳng hạn như *Bách khoa toàn thư Lermontov* (1981), *Bách khoa toàn thư Akhmatov*, *Bách khoa toàn thư S.D. Umnikov* (1991); *Bách khoa toàn thư Bulgakov* (1996, 2007), *Bách khoa toàn thư B.V. Sokolova* (2007), *Bách khoa toàn thư L.N. Tolstoj*, *Bách khoa toàn thư N.I. Burnasheva* (2009), *Bách khoa toàn thư F.M. Dostoevskij*, *Bách khoa toàn thư S.V. Belova* (2010),... Tiêu biểu là công trình *Bách khoa toàn thư Lermontov* có khoảng 1.600 mục từ, trong đó đa số liên quan đến cá nhân nhà thơ. Kinh nghiệm của *Bách khoa toàn thư Lermontov* cho thấy khi chuẩn bị loại ấn phẩm này là cần kết hợp yếu tố từ điển và bách khoa toàn thư. Hơn nữa, sự lựa chọn tài liệu để đưa vào *Bách khoa toàn thư Lermontov* chủ yếu làm sáng tỏ các sự kiện có mối quan hệ đặc biệt quan trọng đối với Lermontov.

Từ kinh nghiệm đó, chúng tôi đề xuất phương án biên soạn một công trình *Bách khoa thư về Nguyễn Đình Chiểu* với dung lượng mục từ khoảng từ 300 - 500 mục từ bao hàm các chủ đề:

- *Về gia đình, họ tộc*: các mục từ liên quan đến cha mẹ, vợ con, anh chị em như: cha ông là Nguyễn Đình Huy, mẹ ông là Trương Thị Thiệt, vợ ông là Lê Thị Diên, em trai ông là Nguyễn Đình Huân, con gái ông là Sương Nguyệt Anh, con trai ông là Nguyễn Đình Chiêm,...

- *Về tác phẩm*: gồm các mục từ địa danh và mục từ nhân vật trong tác phẩm:

- + *Địa danh* (lựa chọn chủ yếu các địa danh của Việt Nam, đối với các địa danh Trung Quốc thì chỉ lựa chọn các địa danh mang tính biểu tượng có tác động lớn đến nhân vật chính của tác phẩm): Cần Giuộc, Trường Bình, chùa Tân Thạnh, đồn Lang Sa, Lục tỉnh,...

- + *Nhân vật* (lựa chọn những nhân vật chính tiêu biểu, những nhân vật có ảnh hưởng tới cốt truyện): Trương Định, Phan Tòng, Lục Vân Tiên,

Kiều Nguyệt Nga, Hồn Minh, Vương Tử Trực, Trịnh Hâm, Bùi Kiệm, Mộng Thê Triền, Bào Tử Phục, Dương Từ, Hà Mậu,...

- Về các khái niệm, thuật ngữ, hình tượng trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu như: quan niệm nhân nghĩa, đạo nghĩa, hình tượng người nông dân - nghĩa sĩ,...

- Về quê hương, nơi sinh sống: các địa danh gắn với cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu như: làng Tân Thới, phủ Tân Bình, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay thuộc phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh); Cần Giuộc, Long An và nhất là huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, Khu di tích và đền thờ Nguyễn Đình Chiểu, các trường học, đường phố mang tên Nguyễn Đình Chiểu,...

Tóm lại, nhằm xác định tư cách tác gia bách khoa thư của Nguyễn Đình Chiểu và trong bối cảnh Nguyễn Đình Chiểu được UNESCO công nhận là Danh nhân văn hóa thế giới cần thiết phải biên soạn công trình *Bách khoa thư về Nguyễn Đình Chiểu*. Qua đó không chỉ góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị nội dung, tư tưởng và nghệ thuật các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu mà còn giúp giáo dục các thế hệ mai sau về chủ nghĩa nhân đạo và tư tưởng yêu nước, yêu nhân dân. Mặt khác, công trình còn góp phần quảng bá du lịch cho tỉnh Bến Tre nói riêng, cho Việt Nam nói chung./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Văn Đồng: *Ngôi sao sáng trong bầu trời văn nghệ dân tộc*, tạp chí *Văn học*, số 7/1963.
- [2] Đoàn Lê Giang: Nguyễn Đình Chiểu và những lý tưởng, sứ mệnh của UNESCO, báo *Tuổi trẻ online*, <https://tuoitre.vn/nguyen-dinh-chieu-va-nhung-ly-tuong-su-menh-cua-unesco-20211125210315409.htm>, truy cập ngày 26/12/2021.
- [3] Trần Văn Giàu: *Trong dòng chủ lưu của văn học Việt Nam: Tư tưởng yêu nước*, Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1983.

- [4] Lại Văn Hùng (Chủ nhiệm): *Biên soạn Bách khoa thư về các tác gia bách khoa thư Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, 2020.
- [5] Nguyễn Lộc: *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1971.
- [6] Nguyễn Ngọc Thiện: *Nguyễn Đình Chiểu về tác gia và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999.
- [7] Hà Học Trạc: *Lịch sử - lý luận và thực tiễn biên soạn Bách khoa toàn thư*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2004.
- [8] Trần Văn Trọng: “Nguyễn Đình Chiểu và chủ nghĩa yêu nước giai đoạn cuối thế kỷ XIX”, tạp chí *Nhịp cầu tri thức*, số 4, tháng 7 và 8/2017.
- [9] <http://nguyendinhchieu.vn/ndc.nsf/trang-chu.html>.

HÌNH TƯỢNG LỤC VÂN TIÊN VÀ LỐI SỐNG NAM BỘ TRONG CỘNG ĐỒNG ẤN KIỀU TẠI VIỆT NAM VÀ NGƯỜI ẤN GỐC VIỆT Ở ẤN ĐỘ

GS.TS. VENKAT REDDY KONATHAM*

ThS.NCS. VÕ THÀNH TÂM**

Tóm tắt: Người Ấn Độ đã đến Việt Nam (chủ yếu ở Nam Bộ) nói riêng và Đông Nam Á nói chung sinh sống và làm việc, tạo thành một cộng đồng độc đáo và có nhiều đóng góp vào đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội tại Sài Gòn và Nam Bộ. Bên cạnh bản sắc văn hóa truyền thống Ấn Độ được gìn giữ qua trang phục, ẩm thực, tôn giáo, lễ hội..., cộng đồng Ấn kiều tại đây đã tiếp xúc và giao lưu với văn hóa, con người và lối sống Nam Bộ như tinh thần trọng nghĩa, tính đoàn kết cộng đồng có trước có sau, luôn luôn sẵn sàng đùm bọc cứu giúp nhau trong cơn hoạn nạn, lúc khó khăn, có hiếu với cha mẹ, có chí tiến thủ, trọng nghĩa khinh tài, không quá chú trọng đến nhà cửa, yêu chuộng người tài, người có học, giáo dục truyền thống lễ nghĩa, trọng chữ tín trong làm ăn buôn bán. Đó chính là phẩm chất, lối sống Nam Bộ đã được khắc họa hết sức rõ nét trong tác phẩm Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu. Quá trình cộng cư đã hình thành những gia đình Ấn - Việt, sự ảnh hưởng của lối sống này ngày một rõ nét hơn. Sau năm 1954 và năm 1975, do

* Đại học Tiếng Anh và Ngoại ngữ (EFLU), Ấn Độ. Liên hệ: venkonreddy@gmail.com

** Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

nhiều biến động của thời cuộc, nhiều gia đình Ấn kiều và Ấn - Việt hồi hương, đem theo cả gia đình trở về Ấn Độ cùng với truyền thống này. Từ đó hình thành nên một cộng đồng người Ấn gốc Việt trên đất Ấn, phân bố rải rác khắp tiểu lục địa mênh mông ở Nam Á này nhưng đông nhất là ở các khu vực ảnh hưởng của Pháp trước đây tại Ấn Độ là Madras (nay là Chennai) và Pondicherry, bang Tamil Nadu, phía Nam Ấn Độ. Cộng đồng này không quá đông xét về lượng, nhưng họ tạo nên một ảnh hưởng về chất tại vùng đất này với một bản sắc độc đáo rất riêng biệt, có thể dễ dàng nhận ra ngay từ cái nhìn đầu tiên khi bước chân đến đây: những mái nhà mang đậm chất Nam Bộ Việt Nam, lũy tre, khóm trúc, rặng dừa, những pho tượng đem từ Sài Gòn còn lưu dấu, những nhà hàng ẩm thực Việt, những cộng đồng cư dân Ấn - Việt nhiều thế hệ vẫn còn nói được tiếng Việt với phương ngữ Nam Bộ. Đó là các nội dung chính trong bài nghiên cứu của chúng tôi với những chuyến đi điền dã, phỏng vấn tại Ấn Độ về thực trạng của cộng đồng Ấn kiều và người Ấn gốc Việt, qua đó đề xuất những giải pháp quan tâm đến đời sống của cộng đồng nhằm giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, làm cầu nối cho mối quan hệ hữu nghị giữa Ấn Độ và Việt Nam, đặc biệt trong năm 2022 - kỷ niệm tròn 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước.

Từ khóa: Ấn Độ; Ấn kiều; Lục Vân Tiên; Nam Bộ; Nguyễn Đình Chiểu.

IMAGE OF LỤC VÂN TIÊN AND NAM BỘ LIFE STYLE IN INDIAN COMMUNITY IN VIETNAM AND VIETNAMESE-INDIANS IN INDIA

Abstract: Indians have come to Vietnam (mainly in the South) and Southeast Asia to live and work, forming a unique

community and making many contributions to the economic, cultural and social life there. In addition to the traditional cultural identity of India which is preserved through costumes, cuisine, religion, festivals... the Indian diaspora community has interacted with and exchanged with culture, people and lifestyle of the South such as: solidarity, helping each other in times of need, being filial to parents, having the will to overcome adversity, respecting educated people, respecting credibility in business, etc. That is the quality and lifestyle of the South that has been portrayed very clearly in the image Lục Vân Tiên by Nguyễn Đình Chiểu. The process of coexistence has formed Indo-Vietnamese families, the influence of this lifestyle is becoming more and more obvious. After 1954 and 1975, due to many changes of the times, many Indian and Indo-Vietnamese families repatriated, bringing the whole family back to India along with this tradition. Since then, the Vietnamese-Indian community has been formed in India, scattered throughout this vast subcontinent in South Asia, but the largest is in the former French colonial areas such as Madras (now Chennai) and Pondicherry, Tamil Nadu state, South India. This community is not too large in terms of quantity, but they make a qualitative impact in this land with a very distinct unique identity, easily recognizable: the roofs of Southern Vietnam, bamboo and coconut trees, the statues brought from Saigon are still preserved, the restaurants with Vietnamese cuisine, the Indo-Vietnamese community for many generations still speak Vietnamese with Southern dialect. Those are the main contents of our research through survey trips and interviews in India about the current situation of the Indian diaspora community and Vietnamese Indians. Thereby, we propose solutions to preserve and promote traditional cultural values, as a bridge for the friendly relationship

between India and Vietnam, especially in 2022 - the 50th anniversary of the establishment of friendly diplomatic relations between the two countries.

Keywords: India; Indian diaspora; South Vietnam; Lục Vân Tiên; Nguyễn Đình Chiểu.

Toàn văn

I- CỘNG ĐỒNG ẤN KIỀU Ở VIỆT NAM

1. Quá trình di cư của người Ấn đến Đông Nam Á và Việt Nam

Người Ấn Độ đến Đông Nam Á từ rất sớm khi họ gọi nơi đây là vùng đất vàng (Suvarnabhumi) hay đảo vàng (Savarnadvipa). Dựa trên lòng dũng cảm của các thương nhân và nhà truyền giáo Ấn Độ trong những chuyến đi đầy bất trắc, Đông Nam Á đã tiếp thu văn hóa Ấn Độ từ những người Ấn Độ đầu tiên đến định cư trong khu vực. George Coedès, Ramesh Chandra Majumdar và nhiều học giả cho rằng văn hóa Ấn Độ du nhập vào Đông Nam Á vào khoảng thế kỷ I và II trước Công nguyên. Từ xa xưa, Đông Nam Á được các thương nhân người Ấn tìm và biết đến như vùng đất của hương liệu, gia vị và của cải trù phú. Liên tiếp nhiều đoàn người, trong đó có những nhà truyền giáo rồi những thương nhân lần lượt cập “bến cảng” Đông Nam Á. Trong *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, G. Coedès đã nêu lên rất cụ thể tình hình, bối cảnh lịch sử và những ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ trong khu vực¹. Tuy nhiên, ông vẫn luôn phản đối mọi cách gọi Đông Nam Á là “Ấn Độ bên ngoài”, “Ấn Độ rộng lớn hơn”, “Đại Ấn Độ”, “Thế giới Ấn Độ hóa hay Hindu hóa” vì gọi như thế là cố ý hạ thấp cốt cách riêng của khu vực này. Đông Nam Á tiếp thu văn hóa Ấn Độ một cách chọn lọc, và theo thời gian, lớp văn

1. Xem G. Coedès: *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, Nguyễn Thừa Hỷ dịch, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008, tr.28.

hóa Ấn hóa này bị hòa tan vào các lớp văn hóa bản địa khác. Trên cơ sở tiếp biến văn hóa Ấn Độ, cư dân Đông Nam Á đã xây dựng hàng loạt quốc gia cổ, những di sản văn hóa cũng như phong tục tập quán, tôn giáo, triết học,... vẫn tồn tại đến nay.

Nam Bộ Việt Nam là vùng có lịch sử lâu đời, vốn là địa bàn của các vương quốc cổ từng tồn tại như Phù Nam, Chân Lạp. Với vị trí chiến lược của mình, vùng đất này giống như cửa ngõ tiến sâu vào Đông Nam Á lục địa lẫn hải đảo, là nơi giao thoa của các luồng di dân, các nền văn hoá. Ngay từ đầu Công nguyên, nơi đây đã có điều kiện tiếp xúc, giao lưu với Ấn Độ - một trong những cái nôi của văn minh nhân loại, với sự hiện diện, làm ăn buôn bán, định cư của người Ấn Độ khá trù phú và thịnh vượng. Chính người Ấn Độ đã lan tỏa nền văn minh rực rỡ của mình, đặc biệt là các giá trị văn hóa, tôn giáo, các tri thức, triết lý... đến vùng đất này: *“Chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ thì trước hết là tiếp thu tôn giáo Ấn Độ. Bởi vì người Ấn Độ mới đến thường truyền bá tôn giáo của mình để có thêm một cộng đồng đồng đạo, để có sự cảm thông gần gũi ở đất nước xa lạ”*¹.

Bằng đi một thời gian khá dài, chính sách khai thác thuộc địa của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á đã đưa người Ấn tiếp tục sang khu vực này, như nhận xét của Bộ Ngoại giao Ấn Độ: *“Cộng đồng người Ấn Độ di cư đến các thuộc địa của Anh, Pháp và Hà Lan trong thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX đã trở thành một hiện tượng chưa từng có trong lịch sử”*². Hình thức di cư đầu tiên là theo hợp đồng lao động theo “chế độ khoán”. Về bản chất, đây là chế độ hợp đồng ra đời ở Anh khi Liên hiệp Anh ban hành Đạo luật xóa bỏ chế độ nô lệ vào năm 1833 và kết thúc vào giữa thập niên 20 của thế kỷ XX. Trong thời kỳ này, một lượng lớn công nhân Ấn Độ đã được đưa đến nhiều thuộc địa của thực dân phương Tây tại

1. Lương Ninh: *Nước Phù Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr.26.

2. Ministry of External Affairs: *Engaging the Diaspora: the way forward*, Pravasi Bharatiya Divas, New Delhi, 2008, p.251.

Đông Nam Á để phục vụ trong các đồn điền cao su, mía đường, cà phê... Từ năm 1852 đến năm 1937, hơn 2 triệu người Ấn Độ đã đến khu vực Đông Nam Á. Do sự gần gũi về địa lý giữa Ấn Độ với Đông Nam Á, và theo chế độ *kangani* (một dạng khoán việc), lao động Ấn Độ là tự do, nên sau một thời gian làm việc, tuyệt đại đa số công nhân đã ở lại và hình thành cộng đồng người Ấn ở Đông Nam Á bao gồm rất nhiều nhóm người Baniya từ Uttar Pradesh, Marwari từ Rajputana, Chettiyar từ Madras, Gujarati, Maharastra và Punjab.

Bán đảo Đông Dương được người Ấn Độ tìm đến bởi các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và trước đó nữa. Một bằng chứng rõ nét đã có sự hiện diện từ sớm của người Ấn ở Nam Kỳ là bức tranh khắc năm 1872 dưới triều Tự Đức miêu tả một ngôi chợ ở Sài Gòn, có hai người Tamil quán xà rộng và dải khăn vắt vai, được D. Maillart in trong tạp chí *Le Tour du Monde* (1875) gồm những minh họa cho cuốn du ký *Voyage en Cochinchine 1872 - 1874* của bác sĩ Albert Morice¹. Đặc biệt ở Bến Tre dấu ấn của văn hóa Ấn Độ đã có từ lâu đời, “*kết quả khai quật di tích kiến trúc cổ An Phong cho thấy, từ xa xưa người Bến Tre cổ đã biết sản xuất vật liệu phục vụ ngành xây dựng, phong cách kiến trúc chịu ảnh hưởng của Ấn Độ giáo, họ đã kiến tạo những công trình kiến trúc tôn giáo đầu tiên ở vùng đất này. Di sản kiến trúc truyền thống trong đô thị ở Bến Tre có lẽ phải đặt dấu mốc từ đây*”². Đây là những cứ liệu quan trọng đặt nền móng cho những mối quan hệ, hợp tác về văn hóa, giáo dục và khoa học, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Bến Tre trong cuộc sống đương đại lấy “cây dừa” là trục kết nối Việt Nam - Ấn Độ³.

1. Xem Hà Vũ Trọng: “Cộng đồng “Chà Chetty” ở Sài Gòn xưa”, *Sài Gòn phong lưu*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2018, tr.3.

2. Nhiều tác giả: *Bảo tồn di sản kiến trúc truyền thống trong đô thị Việt Nam: Cơ sở lý luận và bài học kinh nghiệm từ các nước ASEAN*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội, 2021, tr.341-358.

3. Phạm Văn Luân: *Quản lý di tích lịch sử - văn hóa trong phát triển du lịch ở tỉnh Bến Tre*, Luận án Tiến sĩ Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội, 2020, tr.137.

Đa số người Ấn đến đây có nguồn gốc từ các thuộc địa Pháp ở Ấn như Pondicherry, Karaikal và Mahe, rời bỏ bản quán để tìm kiếm cơ hội đổi đời, đặc biệt là cởi bỏ những trói buộc về đẳng cấp vô cùng nghiêm ngặt trong xã hội Ấn Độ¹. Đến đầu thập niên 1910, trên toàn Đông Dương ước tính có khoảng 1.000 người Ấn, tăng lên đến 6.000 người vào cuối thập niên 1930, phần lớn tập trung ở Campuchia (3.000 người) và miền Nam Việt Nam, đặc biệt là tại Sài Gòn. Năm 1954, sau thất bại của Pháp tại Điện Biên Phủ, có thêm 400 người Ấn rời miền Bắc để vào Nam, làm cho bức tranh về cộng đồng Ấn kiều nơi này thêm phong phú. Cho đến tháng 5/1975, tổng số người Ấn ở miền Nam Việt Nam là khoảng 1.500 người (lúc cao điểm chỉ riêng Sài Gòn có tới 2.000 Ấn kiều sinh sống)².

2. Cộng đồng Ấn kiều và các gia đình Ấn - Việt ở Việt Nam

Từng bước, người đi trước rước kẻ đi sau, số lượng người Ấn Độ di cư và đến sinh sống, làm ăn tại Nam Kỳ và kéo theo đó, hình thành cộng đồng Ấn kiều và các cuộc hôn nhân kết hợp đã tạo thành những gia đình Ấn - Việt nhiều thế hệ. Hôn nhân kết hợp là một hiện tượng độc đáo, diễn ra khá phổ biến ở Nam Kỳ với số lượng nhiều hơn hẳn ở miền Bắc và miền Trung bởi lẽ đây là miền đất mới, rộng mở và cởi bỏ nhiều tập tục trói buộc về hôn nhân. Nam Kỳ cũng là nơi phồn hoa đô hội, quy tụ nhiều sắc dân, nhiều luồng di cư về nhiều cộng đồng kiều cư dần sinh tụ thành dân cư nơi đây.

Người Ấn Độ thường được giới chức Pháp gọi là người Malabar (chỉ nơi xuất cư của họ: đến từ bờ biển Malabar phía Tây Nam của tiểu lục địa Ấn Độ) và Pondicherry (vùng ven biển của bang Tamil Nadu ngày nay),

1. Jayanta Kumar Ray: “Class, Caste and the Indian Diaspora: The Story of Tamil Migration in the Late Nineteenth and Early Twentieth Centuries”, *History of Science, Philosophy and Culture in Indian Civilization*, Volume X Part 8: Interpreting the Indian Diaspora - Lessons from History and Contemporary Politics, Centre for Studies in Civilizations, Munshiram Manoharlal Publishers Pvt. Ltd, New Delhi, India, 2018, p.13-15.

2. K.S. Sandhu, A. Mani: *Indian Communities in Southeast Asia*, ISEAS, Time Academic Press, Singapore, 1993, tr.30.

vốn là các thuộc địa của người Pháp nằm xen kẽ với các thương điểm thực dân khác như Bồ Đào Nha, Anh. Họ di cư sang Nam Kỳ, lúc đầu còn lẻ tẻ, sau tăng dần về số lượng với một lý do mãnh liệt: đổi đời. Việc di cư của họ dần được tổ chức, có nơi xuất cư và nơi định cư, có bố trí công việc, chỗ ở do chính quyền thuộc địa ở Sài Gòn cần sử dụng nhiều nhân công có sức khỏe, sẵn sàng chấp nhận mức lương thấp và không đòi hỏi nhiều, đáng tin cậy (hơn một số lao động người Hoa) và không chống đối (theo cái nhìn của thực dân Pháp về người Việt). Họ được tuyển mộ vào các văn phòng, sở thu thuế, ngân hàng, làm các ngành nghề khác nhau,... và số lượng ngày càng gia tăng đáng kể ở Nam Kỳ. Thống kê dân số Sài Gòn - Chợ Lớn năm 1870, vùng Sài Gòn có 796 người Ấn, chiếm tỷ lệ khá cao trong dân số; vùng Chợ Lớn có 102 người Ấn¹. Họ thường định cư ở Sài Gòn và các trung tâm lớn của Nam Kỳ. Bác sĩ Baurac (1894) miêu tả họ như sau: *“Những người này có kiểu đặc trưng của chủng Ấn, các nét đều cân đối và đẹp, râu đen và sậm, nước da nâu sẫm. Họ đội một chiếc khăn xếp lớn màu trắng trên đầu và che thân bằng một mảnh vải mousseline trắng và cân đối, họ có sở thích đeo các hạt và vòng ở chân, ngón chân, tai và lỗ mũi, quần áo của họ bao gồm một chiếc áo chên bó lấy phần ngực trong khi để hở phần bụng và thắt lưng, quần một tấm vải dài màu sắc sỡ”* (Baurac 2022, tr.76).

Bảng 1: Thống kê số lượng người Ấn ở Nam Kỳ, năm 1894

Hạt Tham biện	Người Ấn	Tổng dân số
Miền Tây		
Bến Tre	6	162.834
Trà Vinh	5	125.655
Vĩnh Long	7	124.896
Sa Đéc	6	136.312

1. Nguyễn Đức Hiệp: *Sài Gòn - Chợ Lớn: Ký ức đô thị và con người*, tái bản lần thứ nhất có bổ sung, Nxb. Văn hóa văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2018, tr.454-455.

Hạt Tham biện	Người Ấn	Tổng dân số
Long Xuyên	12	217.612
Cần Thơ	8	136.268
Sóc Trăng	22	67.267
Bạc Liêu	4	39.961
Miền Đông		
Mỹ Tho	62	232.628
Gò Công	8	68.023
Tân An	15	69.800
Chợ Lớn	20	292.100
Gia Định	7	178.129
Thủ Dầu Một	12	57.500
Tây Ninh	9	48.864
Cap St. Jacques	6	2.183
TỔNG CỘNG	209	1.960.032

Nguồn: Tổng hợp từ J.C. Baurac: *Nam Kỳ và cư dân: 2 tập - Các tỉnh miền Đông và các tỉnh miền Tây*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2022.

Bảng 2: Thống kê số lượng người Ấn ở Nam Kỳ, các năm 1917, 1925 và 1939

Tỉnh	Năm 1917		Năm 1925		Năm 1939	
	Người Ấn	Tổng dân số	Người Ấn	Tổng dân số	Người Ấn	Tổng dân số
Bà Rịa	19	52.964	6	58.923	12	62.977
Bạc Liêu	30	96.230	82	195.755	41	245.958
Bến Tre	18	315.012	36	288.181	112	303.636
Biên Hòa	38	103.681	50	134.534	38	216.016
Cần Thơ	//	241.987	//	382.788	65	372.670
Châu Đốc	44	169.269	20	204.203	8	253.798

Tỉnh	Năm 1917		Năm 1925		Năm 1939	
	Người Ấn	Tổng dân số	Người Ấn	Tổng dân số	Người Ấn	Tổng dân số
Chợ Lớn	33 (gồm Mã Lai)	189.622	10	203.519	33 (gồm Mã Lai)	232.268
Gia Định	13	249.709	40	270.362	1.127 (người Âu và Ấn)	298.055
Gò Công	30	93.533	27	110.096	3	115.000
Hà Tiên	57 (gồm Mã Lai)	15.855	7	17.601	0	26.000
Long Xuyên	13	158.677	50	202.412	//	252.050
Mỹ Tho	120	295.523	80	334.945	70	380.077
Rạch Giá	29	131.597	//	203.039	47	354.664
Sa Đéc	14	181.175	45	206.962	187	233.908
Sóc Trăng	44	142.542	36	188.190	24	208.556
Tân An	16	98.142	10	118.501	0	135.000
Tây Ninh	47	87.743	31	92.990	40	132.540
Thủ Dầu Một	8	118.678	45	126.750	27	189.106
Trà Vinh	23	187.024	51	253.597	86	254.460
Vĩnh Long	15	139.221	3	170.348	//	195.888

Nguồn: Tổng hợp từ: (1) Nguyễn Đình Tư: *Địa chí hành chính các tỉnh Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1859 - 1954)*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2017.

(2) Natasha Pairaudeau: *Indians as French Citizens in Colonial Indochina 1858 - 1940*, A thesis submitted for the degree of Doctor of Philosophy, University of London, UK, 2009.

Qua các bảng thống kê trên, ta thấy người Ấn đến và định cư tại Nam Kỳ ngày càng gia tăng theo thời gian. Nếu như cuối thế kỷ XIX, ở mỗi vùng chỉ có vài người Ấn hiện diện thì sang thế kỷ XX, họ dần tạo thành một cộng đồng Ấn kiều, có sự hợp tác làm ăn, kết hôn với người Việt tạo nên những gia đình Ấn - Việt với các thế hệ con lai, sinh tụ tại Nam Kỳ, tập trung đông đảo ở các trung tâm, tỉnh lỵ. Con số này có lúc tăng (khi làm ăn thuận lợi), lúc giảm (năm 1917 Chiến tranh thế giới thứ nhất đang hồi quyết liệt, Pháp gặp nhiều tổn thất và bắt lính thuộc địa; năm 1939 là những khởi đầu cho Chiến tranh thế giới thứ hai) tùy theo thời cuộc, song người Ấn vẫn hiện diện tại Nam Kỳ và góp phần làm cho bức tranh kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội nơi đây thêm sinh động. Đặc biệt là năm 1897, số người Ấn làm ăn phát đạt ở Sài Gòn tăng vọt, có tới 19 tiệm buôn bán đổi tiền ở đường Catinat (Đồng Khởi), Vannier (Ngô Đức Kế) và 29 cửa hàng làm dịch vụ nhà băng ở đường d'Adran (Hồ Tùng Mậu), có 9 nhà cung cấp sữa ở Sài Gòn, 6 nhà ở vùng Chợ Lớn¹.

Cộng đồng Ấn tuy không đông nhưng lại bật lên sự đa dạng về chủng tộc, ngôn ngữ, phong tục, tôn giáo, nghề nghiệp, văn hoá. Người Tamil ở Nam Ấn là nhóm chiếm đa số nhập cư vào Đông Dương, họ quần cư nhiều tại Sài Gòn với tộc Chettiar mà ta quen gọi là Chà Chetty chuyên cho vay lãi. Nhóm từ bờ biển Coromandel lại làm các nghề như thương mại, chủ tiệm tạp hóa, buôn bán sữa; họ định cư lâu dài và kết hôn với người Việt. Ngoài ra còn một số nhóm Ấn khác như nhóm Ấn Hồi (chuyên đổi tiền, bán đồ trang sức); nhóm Bombay (chuyên bán vải lụa), nhóm Pondicherry theo Công giáo làm viên chức cho chính quyền thuộc địa Pháp; nhóm Pathan chuyên bán thịt, sữa; nhóm Punjab theo đạo Sikh làm nghề bảo vệ; nhóm Malabar chuyên nuôi ngựa, đánh xe ngựa rong ruổi khắp Nam Kỳ. Họ đã để lại nhiều công trình còn tồn tại đến nay như dãy nhà *kittangi* (dùng để kinh doanh, cho vay) quanh chợ Bến Thành, đường Hồ Tùng Mậu, Tôn Thất Thiệp, Hai Bà Trưng thuộc Quận 1; các đền thờ nữ thần Mariamman ở

1. *La Revue Indochinoise*, 07/5/1906.

đường Trương Định, đền Thendayuthapani ở Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay¹.

II- HÌNH TƯỢNG LỤC VÂN TIỀN VÀ LỐI SỐNG NAM BỘ TRONG CỘNG ĐỒNG ẤN KIỀU TẠI VIỆT NAM VÀ NGƯỜI ẤN GỐC VIỆT Ở ẤN ĐỘ

1. Hồi cư cố quốc

Pháp thất bại ở Điện Biên Phủ năm 1954 khiến một lượng khá lớn người Ấn (đặc biệt là nhóm Ấn làm viên chức cho Pháp) hồi hương hoặc xuất cư đến vùng khác. Sau năm 1975, người Ấn cùng với gia đình Ấn - Việt nhiều thế hệ của họ di tản khỏi Sài Gòn trên những chuyến bay do chính phủ Ấn sắp đặt hay các con đường khác, chỉ còn vài nhóm nhỏ người Ấn Hồi tìm cách ở lại. Con số Ấn kiều trụ lại sau năm 1975 chỉ còn khoảng 100 gia đình, họ là thế hệ thứ hai, thứ ba của các gia đình Ấn - Việt, hay nói cách khác, là người Việt gốc Ấn.

Bản thân người Ấn Độ, tuy rời bỏ quê hương Ấn, nhưng vẫn không cắt lìa các mối liên hệ giữa nơi nhập cư và bản quán. Có nhóm di cư đến trước, tìm được việc làm, chỗ ở ổn định, có thu nhập và nâng cao đời sống, thì tìm cách đưa thêm thân nhân, bạn hữu đến lập nghiệp, củng cố thêm sức mạnh cố kết cộng đồng ở nơi xa lạ mà họ đã chọn để sinh tụ. Mặt khác, họ cũng tìm cách gửi những nguồn tiền về quê hương Ấn Độ xây dựng lại nhà cửa, làng mạc. Vì thế, sau hai thời điểm năm 1954 và nhất là năm 1975, người Ấn phần lớn chọn đem theo cả gia đình Ấn - Việt nhiều thế hệ trở về Ấn Độ, một số khác ít hơn sẽ đi tới vùng đất khác, số ít còn lại chọn giải pháp ở lại Việt Nam, gia nhập quốc tịch Việt Nam và sống như người Việt, thay đổi tên họ Việt (phần lớn là người Ấn Hồi). Chính vì mối dây liên hệ luôn mật thiết nên con đường hồi cư cố quốc của

1. Võ Thành Tâm: "Little India in Singapore: Multicultural city for People", *Cities for People from theory to practice*, Vietnamese National University - Ho Chi Minh Press, 2021, p.297.

họ diễn ra khá thuận lợi, quê hương dang rộng vòng tay chào đón, đặc biệt là tại vùng Madras (Chennai), Pondicherry ở bang Tamil Nadu.

2. Hình tượng Lục Vân Tiên và lối sống Nam Bộ trong cộng đồng Ấn kiều và người Ấn gốc Việt tại Ấn Độ

a) Hình tượng Lục Vân Tiên và lối sống Nam Bộ

Nam Bộ, Việt Nam là vùng đất mới lập nghiệp của di dân người Việt với nhiều điều lạ lẫm, hiểm nguy luôn rình rập. Vì thế, để có thể tồn tại, khai khẩn vùng đất này, các lưu dân người Việt từ khắp nơi tụ về đây không còn con đường nào khác ngoài việc đoàn kết lại, tạo nên sức mạnh tập thể, đặc biệt là sự cố kết về tinh thần qua những câu hò, điệu lý, vè, ca dao, chuyện kể, thơ văn. *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu là một trong những tác phẩm có giá trị vô cùng lớn lao, gây tiếng vang khắp miền Nam và vẫn còn giá trị cộng đồng cho đến ngày nay, không những không bị sứt giảm bởi thời gian mà còn được tăng thêm mạnh mẽ. Điều đó đã được thế giới công nhận tại Kỳ họp Đại hội đồng UNESCO lần thứ 41 diễn ra tại Pari, Pháp từ ngày 09 - 24/11/2021 vinh danh Nguyễn Đình Chiểu là một nhà văn hóa, nhà thơ lớn của dân tộc Việt Nam. Ông là một tấm gương tiêu biểu vượt lên những khó khăn của cuộc sống và theo đuổi lý tưởng học tập suốt đời, thể hiện đúng tinh thần Hiến chương của UNESCO. Bên cạnh đó, ông còn hành nghề y để chữa bệnh cứu người. Thơ văn của ông đậm tính nhân văn, khích lệ lòng yêu nước, ca ngợi những con người sẵn sàng làm việc nghĩa, vì lợi ích cộng đồng. Các tác phẩm chính của ông đều được sáng tác bằng chữ Nôm, trong đó nổi tiếng nhất là truyện thơ *Lục Vân Tiên*, chứa đựng nhiều ý nghĩa về đạo lý và truyền thống tốt đẹp của dân tộc¹.

Ngay từ lúc mới ra đời, truyện *Lục Vân Tiên* đã gây xúc cảm lớn trong công chúng, đúng với nhận xét: “Truyện thơ *Lục Vân Tiên* phổ biến trong dân gian đến mức là ở Nam Kỳ không một người đánh cá hay người lái đò

1. Xem Nguyễn Chí Bền: *Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), nhà thơ lớn, nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2021, tr.12.

nào không hát một vài câu thơ ấy khi họ chèo đờ”¹. Một điều đặc biệt mà hiếm tác phẩm nào có được nữa là ngay từ thuở sinh tiền, khi tác phẩm chưa được in thành sách một cách trọn vẹn, tác giả Nguyễn Đình Chiểu đã chứng kiến được những ảnh hưởng từ tác phẩm của mình đối với quần chúng Nam Kỳ lục tỉnh to lớn như thế nào.

Tại sao hình tượng Lục Vân Tiên lan tỏa khắp thôn xóm Nam Kỳ? Câu trả lời đơn giản nhất là bởi vì nó phản ánh hết sức trung thực lối sống, tâm hồn người dân nơi đây: trọng nghĩa khinh tài, chân chất giản dị, bộc trực khảng khái. Hầu như nhân vật, tình tiết nào trong *Lục Vân Tiên* cũng phảng phất một bối cảnh, một tình huống nào đó mà bất cứ người dân Nam Bộ nào cũng có thể soi mình vào đó để rút ra bài học, về lối đối nhân xử thế, giáo dục con cháu. Hơn thế nữa, tác phẩm còn đi vào từng ngóc ngách đời sống Nam Bộ qua rất nhiều hình thức từ hò, vè, nói thơ, ca cổ, cải lương, kịch thơ, Vân Tiên tuồng, Vân Tiên phú, cho đến những tình tiết trong *Lục Vân Tiên* được tái tạo hiện đại hóa như *Thơ Bùi Kiệm dậm*, *Lục Vân Tiên ghiền*, *Đơn Nguyệt Nga minh oan cho Bùi Kiệm*,...².

b) Hình tượng Lục Vân Tiên và lối sống Nam Bộ trong cộng đồng Ấn kiều và Ấn gốc Việt tại Ấn Độ

Quá trình cộng cư, làm ăn buôn bán, tiếp xúc và giao lưu, nhất là qua các mối dây liên kết hôn nhân với người Việt, cộng đồng Ấn kiều đã thêm hiểu biết và thấm nhuần hình tượng Lục Vân Tiên cũng như lối sống Nam Bộ. Ngay khi còn sống ở Việt Nam, cộng đồng người Ấn (bao gồm Ấn kiều và các gia đình Ấn - Việt nhiều thế hệ) luôn đặt chữ tín lên hàng đầu trong các giao dịch làm ăn, tính khảng khái, không hoa mỹ khuôn sáo, tình đoàn kết giúp đỡ cộng đồng, ý chí cầu tiến, vươn lên trong cuộc sống, hội nhập vào thời cuộc và xã hội Nam Kỳ lúc bấy giờ. Có thể thấy rõ điều này qua sự điều hành của các Hội người Ấn, các lễ hội cộng

1. Gabriel Aubaret: *Lục Vân Tiên - Poème Populaire Annamite*, Imprimerie Imperiale, Paris, 1864, p.69.

2. Xem Huỳnh Ngọc Trảng: *Sài Gòn - Gia Định: Ký ức lịch sử - văn hóa*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018.

đồng, quản lý các đền thờ, và nhất là ngay trong một sự kiện nổi bật: đón Thi hào Tagore sang thăm Sài Gòn năm 1929, khi đó cộng đồng người Ấn gồm nhiều giáo phái đã đóng góp vào quỹ tiếp đón, điều đó cho thấy mặc dù người Ấn có nhiều nhóm khác nhau nhưng đã khá đoàn kết ở Nam Kỳ¹.

Từ sau năm 1975, khi trở về cố quốc, cộng đồng người Ấn và các gia đình Ấn - Việt luôn tiếp tục phát huy tinh thần Lục Vân Tiên và lối sống Nam Bộ đó ngay trên đất Ấn Độ. Chennai là thủ phủ của bang Tamil Nadu, nằm phía nam Ấn Độ, cách Delhi 3 giờ máy bay. Khí hậu và điều kiện sống tại Chennai có nhiều điểm tương đồng với miền Nam Việt Nam, bản thân Chennai (Madras khi xưa) cũng là nơi xuất cư của hàng loạt gia đình người Ấn đến Việt Nam sinh sống nên tập trung nhiều bà con người Việt sinh sống. Hiện có khoảng hơn 100 bà con người Việt (trong đó có đông đảo người thuộc gia đình Ấn - Việt) sinh sống tại đây. Các thế hệ người Việt vẫn gìn giữ văn hóa truyền thống và phong tục tập quán của Việt Nam. Bang Tamil Nadu còn có nhiều khu vực tập trung đông người Việt và người Ấn gốc Việt xuất thân từ các gia đình Ấn - Việt từng định cư tại miền Nam Việt Nam trước kia, nhiều nhất là tại thành phố Pondicherry - vốn là thuộc địa Pháp ở Ấn Độ, nơi thực dân Pháp chiêu mộ nhân công Ấn sang Việt Nam làm việc. Đặc biệt, Pondicherry còn có chi nhánh Ngân hàng Đông Dương được thành lập ngày 08/01/1877, lúc đầu hoạt động cầm chừng và có nguy cơ thua lỗ, đóng cửa; nhưng nhờ các điều chỉnh quan trọng, Ngân hàng Đông Dương chi nhánh tại Pondicherry đã liên tục tăng trưởng với nhiều nghiệp vụ được mở rộng, đặc biệt là “ứng trước tín dụng” cho các thương gia Ấn Độ vận chuyển ngũ cốc, vải lụa đến buôn bán tại Sài Gòn và các thuộc địa Pháp ở Việt Nam². Chính nhờ đó vô hình trung đã

1. Xem Nguyễn Đức Hiệp: *Sài Gòn - Chợ Lớn: Ký ức đô thị và con người*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2018, tr.314.

2. Marc Meuleau: *Des pionniers en Extrême-Orient: Histoire de la Banque de l'Indochine 1875 - 1975*, Fayard Pub, Paris, 1990, p.114-116.

thúc đẩy quá trình giao lưu văn hóa giữa hai dân tộc Ấn - Việt, là tác nhân quan trọng tạo điều kiện cho nhân dân hai nước hiểu biết hơn về văn hóa, lịch sử của nhau, đoàn kết các cộng đồng dân cư với nhau.

Trong thời gian du học theo học bổng toàn phần của Chính phủ Ấn Độ, tôi cùng Giáo sư Venkat Reddy Konatham của Đại học EFLU, một người rất yêu mến Việt Nam và đã sang Việt Nam nhiều lần, tìm đến các khu vực có đông người Ấn gốc Việt sinh sống. Tại Hyderabad, thành phố nơi tôi học tập, khi đi mua sắm ở khu phố cổ, tôi thật sự ngạc nhiên khi ông bà chủ người Ấn biết tôi đến từ Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh, đã ứng khẩu đọc ngay câu thơ Vân Tiên bằng giọng Việt miền Nam lơ lớ:

*“Vân Tiên công mẹ chạy ra,
Đụng phải cột nhà, công mẹ chạy dô (vô).
Vân Tiên công mẹ chạy dô (vô),
Đụng phải cái bờ, công mẹ chạy ra”.*

Ông là thế hệ người Ấn gốc Việt (cha Ấn mẹ Việt, từng sống tại Sài Gòn, nơi nào thì ông không còn nhớ rõ nhưng vẫn yêu thích nói thơ Vân Tiên như thế). Các con cháu của ông hiện nay hầu như không còn nói được tiếng Việt nhưng ông vẫn dành thời gian kể về Việt Nam, về những ký ức tại đây.

Chúng tôi đến Pondicherry nhiều lần, đây là thuộc địa của Pháp ở Ấn Độ nên còn nhiều di tích lịch sử có liên quan đến cộng đồng Ấn kiều tại Việt Nam cũng như người Ấn gốc Việt sinh sống tại đây khá đông. Hệ thống đường sá được quy hoạch bài bản, hình ô cò dọc theo dòng sông uốn lượn, khiến ta có cảm giác như đang ở tại Sài Gòn. Những ngôi nhà rất Việt Nam, xây dựng theo lối kiến trúc khác hẳn với nhà Ấn, nép mình yên ả sau rặng tre, những hàng cây xanh mát, ngập tràn lối đi là hoa cỏ, tường rào với màu sơn quen thuộc của những ngôi nhà Việt và chúng tôi nghe đâu đó điệu ru bằng những câu ca dao Việt Nam, tôi nhớ mãi câu ngâm bằng giọng đặc sệt Nam Bộ của một người bà Việt dành cho đứa cháu Ấn lai của mình, từ trong *Lục Vân Tiên*, như lời giáo hóa trẻ thơ từ thuở nài nôi:

“Nhớ câu kiến ngãi bất di (vi)

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”.

Pondicherry còn có những chiếc xe lô, xe xích lô y hệt ở miền Nam Việt Nam, cách bố trí không gian đi bộ, hàng quán, các nhà hàng với phong cách ẩm thực Việt, khách sạn được thiết kế kiểu Việt Nam (mái lá dừa nước, chợ búa, bến xe, bệnh viện, trường học, đường phố... tất cả tạo nên một không gian rất Việt Nam ngay giữa lòng Ấn Độ, mà nếu không đọc thấy những bảng hiệu chữ Tamil, chắc chắn ta khó lòng phân biệt được. Pondicherry có các trường học với khá nhiều học sinh là thế hệ thứ ba, thứ tư của các gia đình Ấn - Việt hồi hương. Chúng tôi đặc biệt chú ý đến ngôi trường tiểu học ở trung tâm thành phố, rất rộng rãi, nằm cạnh Vườn Bách thảo (nó gợi lại hình ảnh đường Nguyễn Bình Khiêm ở Quận 1 với những ngôi trường đủ các cấp nằm cạnh bên Thảo Cầm Viên Sài Gòn với hàng cây cổ thụ rợp bóng). Thật bất ngờ khi được chúng tôi vào thăm, một số em học sinh có thể nói và hiểu được một vài từ tiếng Việt đơn giản (xin chào, cảm ơn), thì ra các em là hậu duệ của các gia đình Ấn - Việt hồi hương. Trao đổi với giáo viên thì được biết, các em chỉ có thể nói tiếng Việt ở nhà nếu cha mẹ, ông bà gốc Việt quan tâm, còn ở trường thì tuyệt đối phải nói tiếng Anh và tiếng Tamil. Vẫn có các lớp dạy tiếng Việt nhưng rất ít ỏi, do các nữ tu nhà thờ quy tụ.

Chúng tôi tìm đến đường Nhà Thờ, nằm ngay trung tâm thành phố, trong khu phố cổ do chính các Thừa sai Hải ngoại Pari (MEP) thiết kế, quy hoạch hết sức bài bản và khoa học, ta có thể như gặp lại một trung tâm Sài Gòn tại Ấn Độ với Tòa Tổng Giám mục, Nhà thờ Chánh Tòa, Vương cung thánh đường, Nhà hưu và Nghĩ trang linh mục, Chứng viện, Xưởng in, Tu viện, Trường học nam và nữ (tách biệt), Viện mô côi do các nữ tu phụ trách... nằm liên kề nhau tạo thành một khu vực rộng lớn rợp bóng cây râm mát, với những loại cây hết sức quen thuộc của người Việt: cau, dừa, mít, đa, bồ đề, tre, trúc, cọ, trầu bà, hoàng yến, lài,... Vì cùng là thuộc địa Pháp nên Pondicherry cũng do các Thừa sai MEP truyền giáo và xây dựng cơ sở giống như ở Nam Kỳ,

cách bố trí khuôn viên nhà thờ, vị trí xếp đặt tranh tượng, các Chặng dâng Thánh giá cùng một khuôn mẫu như tại Sài Gòn. Điều bất ngờ là ngay giữa trung tâm tiền đường nhà thờ Chánh Tòa có cùng Thánh Bồn mạng với Nhà thờ Chánh Tòa Đức Bà Sài Gòn là Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội (xây dựng lần đầu năm 1691, xây dựng mới nhà thờ hiện còn tồn tại vào năm 1791) là tượng Chúa Kitô Vua cùng hai tượng Đức Mẹ và Thánh Joseph hai bên được các thương nhân Ấn Độ là giáo dân sinh sống tại Sài Gòn kính dâng, vận chuyển bằng tàu biển về Ấn Độ và dựng tại đây từ năm 1933. Tìm đến Văn phòng Tòa Tổng Giám mục, chúng tôi được tiếp cận kho lưu trữ còn ghi rõ thời điểm có nhiều tín hữu Ấn di cư sang Nam Kỳ (Việt Nam) làm ăn, lập gia đình và không quên gửi tiền, giúp đỡ quê nhà Ấn Độ, tu sửa nhà thờ, dâng cúng tiền và dựng các tượng thánh mà ngày nay vẫn còn lưu lại trong sử liệu và bia đá ghi ơn¹.

Sau bữa cơm trưa với Đức Tổng Giám mục Anandarayar, chúng tôi phỏng vấn các linh mục và những nữ tu, giáo dân Ấn có nguồn gốc Việt Nam. Tất cả họ vẫn có thể nói được tương đối tiếng Việt với giọng Nam Bộ, họ vẫn nhớ phần lớn rằng cha mình người Ấn, sang Sài Gòn làm ăn và kết hôn với phụ nữ Việt Nam, xây dựng gia đình, cho đến khi phải trở về Ấn Độ. Chúng tôi đến thăm gia đình anh trưởng ca đoàn có bà ngoại là người Việt Nam, từng sống ở khu Lý Thái Tổ, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh kết hôn với người Ấn làm nghề bán sữa. Bà cụ vẫn minh mẫn và hóm hỉnh, rất mừng khi có người Việt Nam đến thăm, bà hát những bài hát Việt Nam, bà vẫn thuộc *Truyện Kiều*, nhất là nói thơ Lục Vân Tiên.

Ở gần đó là Tu viện của các nữ tu người Ấn gốc Việt, do xơ Anne de Rossie làm Bề trên (lãnh đạo), xơ vẫn đi - về giữa Ấn và Việt Nam, có mối liên hệ mật thiết với Tu hội Nước Hằng Sống ở quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Xơ kể về cha người Ấn, mẹ người Sài Gòn,

1. The Archbishop Office of Pondicherry: 325th Jubilee year of The Immaculate Conception Cathedral Pondicherry 1691 - 2016, Mission Press, Pondicherry, 2017, p.20.

sống bằng nghề đánh xe ngựa và giao sữa, ông cù sang Sài Gòn để tìm cơ hội đổi đời vì bản thân là người Dalit (bị đặt ngoài lề chế độ đẳng cấp khắc nghiệt của Ấn Độ). Điều làm chúng tôi ngạc nhiên là xơ nói và hát tiếng Việt rất tốt, nấu ăn món Việt, mở lớp dạy tiếng Việt miễn phí cho con em giáo dân gốc Việt trong vùng tại Tu viện được thiết kế như một ngôi nhà vườn Nam Bộ Việt Nam, có ao cá, nước chảy róc rách, hàng dừa, cây cau, khóm trúc, các chú vẹt cũng được tập câu chào bằng tiếng Việt. Điều mà xơ tâm đắc là nhờ có các câu thơ có vần điệu, lời hát mà có thể dễ dàng khơi gợi cách học tiếng Việt cho bọn trẻ, giáo dục về truyền thống văn hóa Việt, khiến các em có được lối sống trọng nghĩa khinh tài, trung thực, giúp đỡ người gặp hoạn nạn, có đạo đức, như tư tưởng “*Làm ơn há dễ trông người trả ơn*” trong thơ *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu rất gần gũi với sứ điệp Tin mừng mà Chúa Jesus rao giảng. Bữa cơm tối chúng tôi được xơ khoản đãi với món chuối chiên, chả giò, nem nướng, ăn với rau sống (các thứ rau rất quen thuộc của Việt Nam) do chính các xơ trồng trong vườn Tu viện, tráng miệng bằng kem chuối, bữa ăn rất Việt Nam, trò chuyện bằng tiếng Việt cùng các linh mục và nữ tu Ấn gốc Việt tại Pondicherry với những thao thức, trăn trở gìn giữ văn hóa Việt cho thế hệ trẻ.

III- MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Cộng đồng Ấn kiều, Ấn gốc Việt từng sống ở Việt Nam và nay hồi cư Ấn Độ chỉ là nhóm nhỏ tại bang Tamil Nadu miền Nam Ấn. Họ luôn trân quý và thực hành những giá trị của lối sống Nam Bộ với hình tượng *Lục Vân Tiên* đã được biết đến và thấm nhuần khi sống tại Việt Nam và mang theo các giá trị đó khi trở về Ấn Độ. Tinh thần trọng nghĩa, giúp đỡ người khác mà chẳng trông mong tư lợi hay trả ơn (nhất là trong đại dịch Covid-19 thảm khốc ở Ấn Độ, các linh mục, nữ tu và giáo dân trong cộng đồng đã không quản ngại nguy hiểm đến tính mạng, tình nguyện phục vụ bệnh nhân tạo được rất nhiều cảm phục

nơi dân Ấn), thấy việc bất bình ra tay tương trợ, thái độ cầu tiến, ham học hỏi, giữ lễ độ đạo đức cần có. Đây là điều mà các giáo viên Ấn nhận xét về những học sinh Ấn gốc Việt tại Pondicherry: chăm ngoan, lễ phép hơn, đoàn kết và tham gia rất nhiệt tình vào các việc chung, các gia đình gốc Việt có sự liên kết giúp đỡ nhau.



TS. Madan Mohan Sethi - Tổng lãnh sự Ấn Độ tại Thành phố Hồ Chí Minh trao đổi với đại diện Trường Cao đẳng Bến Tre về Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu trong quá trình vận động trình hồ sơ khoa học Nguyễn Đình Chiểu lên UNESCO - tháng 3/2021. Nguồn ảnh: Phòng Nghiên cứu khoa học - quan hệ quốc tế, Trường Cao đẳng Bến Tre

Trong bối cảnh tăng cường hợp tác sâu rộng, phát xuất từ mối quan hệ hữu hảo tốt đẹp từ xưa đến nay, đặc biệt trong năm 2022, mừng kỷ niệm tròn 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Ấn Độ - Việt Nam, rất cần thúc đẩy hợp tác, hiểu biết sâu rộng giữa nhân dân hai nước. Theo đó, chúng tôi cho rằng, việc UNESCO vinh danh Nguyễn Đình Chiểu là nhà

văn hóa, nhà thơ lớn của dân tộc Việt Nam, một tấm gương tiêu biểu vượt lên những khó khăn của cuộc sống và theo đuổi lý tưởng học tập suốt đời, thể hiện đúng tinh thần Hiến chương của UNESCO là một tiền đề hết sức quan trọng tăng cường mối hợp tác này. Vì thế, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị như sau:

1. Dịch thuật, nghiên cứu và ứng dụng - thực hành - diễn xướng nói thơ Vân Tiên và các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu dưới góc nhìn của văn hóa Ấn Độ, trong đó kiều bào Việt Nam tại Ấn Độ và nhất là cộng đồng Ấn kiều cùng với các gia đình Ấn - Việt từng sống tại Việt Nam mà nay hồi cư Ấn Độ là nhịp cầu kết nối hết sức hữu hiệu. Việc dạy tiếng Việt và văn hóa Việt cho con em trong cộng đồng đã được chú trọng, song bước đầu chỉ là tự phát trong các nhóm gia đình và trong nhà thờ, tu viện do các nữ tu mở lớp miễn phí. Các giáo viên (chủ yếu là nữ tu) dạy tiếng Việt ở đây phải mầy mò (bằng sự không chuyên), ao ước có thêm nhiều phương tiện để dạy và lan tỏa văn hóa Việt, đặc biệt đi từ những điều đơn giản nhất: đọc thuộc lòng và nhận diện mặt chữ qua các bài ca dao, đoạn thơ mà trong đó, những đoạn trích *Lục Vân Tiên* thể hiện dưới dạng thức diễn xướng dân gian nói thơ Vân Tiên theo các vị, là rất dễ học, dễ đọc, dễ nhớ, lại có thể ứng dụng thành những trò chơi tập thể ngoài trời có tác dụng giáo dục, thực hành. Tác phẩm *Lục Vân Tiên* tuy xoay quanh quan niệm Nho giáo về lễ nghĩa, trung hiếu có một số khác biệt với các định chế Hindu, Islam tại Ấn Độ, song ở một mức độ nào đó vẫn thấm đượm những giá trị phổ quát của nhân loại, đặc biệt là tinh thần hiếu học, học tập suốt đời, vươn lên những khó khăn để đạt được thành tựu. Ở đây có sự trùng khớp rất lớn với truyền thống vượt khó hiếu học và sáng tạo của người Tamil nói riêng và người Ấn nói chung với tác phẩm *Lục Vân Tiên*.

2. Biên soạn bộ sách giảng dạy tiếng Việt hoàn chỉnh, lấy *Lục Vân Tiên* và một số tác phẩm dễ đọc, dễ nhớ làm ngữ liệu giảng dạy với nhiều hình ảnh sống động. Việc thực hành lối sống

Nam Bộ với hình tượng Lục Vân Tiên trong một bộ phận cộng đồng Ấn kiều và gốc Ấn tại Ấn Độ đa số là tự phát, chưa tạo thành lối sống, chuẩn mực hành vi mà phụ thuộc vào sự quan tâm của các thế hệ ông - bà gốc Việt có mong muốn giáo dục nguồn cội cho con cháu. Khi thế hệ này qua đi, những truyền thống văn hóa tốt đẹp đó sẽ mai một dần theo năm tháng. Vì thế, việc đầu tư mở các lớp dạy tiếng Việt, thực hành các truyền thống văn hóa Việt cho cộng đồng, nhất là con em thế hệ thứ ba, thứ tư (như tại Hoa Kỳ, Pháp, Đức) là một kiến nghị bức thiết, khởi đi từ những điều nhỏ nhất nhất: có bộ sách dạy tiếng Việt phù hợp cho cộng đồng ở Ấn Độ; tập hợp những lời ru, điệu hát, trò chơi ngoài trời thành những giáo án giảng dạy; dịch trọn vẹn tác phẩm *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu ra tiếng Tamil (ngôn ngữ đa số tại bang Tamil Nadu có nhiều người Ấn gốc Việt sinh sống), tiếng Anh (để đối chiếu và dễ hiểu); thực hiện nhiều dự án cộng đồng thiết thực gây thiện cảm với người Ấn bản xứ, từ đó lan tỏa các giá trị tốt đẹp của lối sống Nam Bộ, hình tượng Lục Vân Tiên nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung ra khắp vùng. Đây là điều mà Đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ hoàn toàn có thể thực hiện, phối kết hợp với lực lượng có sẵn, huy động nguồn lực từ các tôn giáo, đặc biệt là các linh mục, nữ tu thiện chí, thiện nguyện.

3. Phối hợp thực hiện các dự án văn hóa Ấn - Việt với vai trò nòng cốt từ Hội Hữu nghị Việt - Ấn, thành lập thêm các Chi hội Hữu nghị Việt - Ấn tại các địa phương không những ở Việt Nam mà ở tại Ấn Độ, thực hiện các công trình thiết thực chào mừng 200 năm ngày sinh danh nhân Nguyễn Đình Chiểu như Chi hội Sáng tạo trẻ Bến Tre đang thực hiện với *Sách Lục Vân Tiên tiếng Thái*, biên soạn *Sổ tay học tiếng Việt qua Lục Vân Tiên*, *Sưu tầm dược liệu cây cỏ Ấn Độ - Việt Nam trong Lục Vân Tiên*,... Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu còn là một danh y, bác thuốc cứu dân nên những áng thơ *Lục Vân Tiên* và trong các tác phẩm của ông đều thấm đượm tinh thần nhân văn, cứu người hoạn nạn, bệnh tật (bản thân cụ Đồ Chiểu cũng là người khiếm thị và không ngừng vươn lên, vượt qua nghịch cảnh).

4. Thiết kế các tour du lịch học tập Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu với điểm khởi đầu là từ các cộng đồng Ấn - Việt ở Ấn Độ và điểm kết thúc là Khu mộ cụ Đồ Chiểu ở tỉnh Bến Tre, Việt Nam, như một sự hưởng ứng kế hoạch hợp tác Cộng đồng sông Hằng - sông Mekong (MGC) nhằm phát huy hơn nữa tiềm năng và lợi thế của hai nước. Bản thân người Ấn rất khao khát du lịch, tìm hiểu về Việt Nam, nhất là cộng đồng người Ấn gốc Việt luôn mong mỏi trở về vùng đất mà tổ tiên họ từng gắn bó, “về nguồn”. Ẩm thực Ấn Độ và Việt Nam tìm thấy điểm tương đồng đặc biệt nơi cây lúa và cây dừa, khéo léo lồng ghép giới thiệu các đặc sắc của ẩm thực Việt Nam, nhất là những món ăn được chế biến từ dừa đang được tỉnh Bến Tre - nơi có Khu tưởng niệm Nguyễn Đình Chiểu, đẩy mạnh quảng bá, làm cho ẩm thực, du lịch và danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu của Việt Nam được bạn bè quốc tế nói chung và Ấn Độ nói riêng biết đến nhiều hơn.

5. Thiết lập các kênh truyền thông hữu hiệu trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư như website, fanpage, youtube: dạy tiếng Việt và văn hóa Việt, nhất là đưa thơ *Lục Vân Tiên* thành nhạc hiệu bởi cộng đồng tại đây rất thích âm điệu của nhịp điệu nói thơ Vân Tiên, các đứa trẻ cũng được hát ru bằng nói thơ Vân Tiên. Có sự liên kết chặt chẽ hơn, giới thiệu văn hóa ẩm thực Việt qua hệ thống nhà hàng Việt Nam đã có và đã tạo được uy tín ở Pondicherry, thúc đẩy du lịch và hợp tác phát triển kinh tế giữa hai nước.

6. Mở Văn phòng đại diện Việt Nam tại Chennai - thủ phủ bang Tamil Nadu, hay tại Pondicherry là nơi có đông đảo cộng đồng Ấn kiều và Ấn gốc Việt từng sống tại Việt Nam, đây là điều Đại sứ quán Việt Nam có thể thực hiện trong tương lai gần nhằm góp tiếng nói với chính quyền bang và tại địa phương để nâng cao vị thế của cộng đồng, góp phần thúc đẩy hiểu biết, tăng cường hợp tác giữa hai nước, hai dân tộc (như các chuyến thăm của Đại sứ Phạm Sanh Châu đến Chennai cùng cộng đồng đón Tết Việt năm 2022 tạo tiếng vang rất lớn), nhất là trong năm nay 2022 - kỷ niệm tròn 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước.

7. Tăng cường hợp tác giữa các địa phương, đặc biệt là tỉnh Bến Tre - nơi có Khu lưu niệm danh nhân Nguyễn Đình Chiểu - với Lãnh sự quán Ấn Độ tại Thành phố Hồ Chí Minh vốn đã và đang có nhiều hoạt động rất đa dạng về kinh tế, văn hóa, xã hội, đặc biệt trong năm 2022 kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Ấn Độ - Việt Nam và 200 năm ngày sinh danh nhân Nguyễn Đình Chiểu đã được UNESCO vinh danh.

IV- KẾT LUẬN

Cộng đồng Ấn kiều và Ấn - Việt là một thực thể lịch sử đã được hình thành và tồn tại từ hàng trăm năm nay. Khởi nguồn từ các nhóm thương nhân, người lao động Ấn Độ sang Việt Nam (chủ yếu ở Sài Gòn và Nam Kỳ) nhằm tìm kiếm cơ hội đổi đời, không có sự phân biệt đẳng cấp nghiêm ngặt như ở Ấn Độ. Bằng chính sức lao động, uy tín và nỗ lực của mình, họ dần vươn lên, không những gia tăng về số lượng mà ngày càng có tiếng nói tại Sài Gòn và Nam Kỳ. Chính trong quá trình sinh sống, làm ăn và nhất là kết hôn với người Việt, cộng đồng ngày một mở rộng, tiếp thu nhiều truyền thống văn hóa tốt đẹp của Việt Nam, trong đó không thể không nhắc tới lối sống Nam Bộ như trọng nghĩa khinh tài, đoàn kết, trọng chữ tín, giúp đỡ người gặp hoạn nạn mà không mong đền đáp,... từ trong thực tế cuộc sống tại Việt Nam và qua các bài thơ, nhất là lối nói thơ Vân Tiên rất thịnh hành vào thời điểm đó. Để rồi do nhiều biến động của thời cuộc, khi trở về cố quốc, họ mang theo gia quyến, hình thành cộng đồng Ấn gốc Việt tại Ấn Độ (chủ yếu ở bang Tamil Nadu phía Nam Ấn với thủ phủ Chennai (Madras xưa), và Pondicherry là thuộc địa cũ của Pháp) và cũng mang theo lối sống Nam Bộ, hình tượng Lục Vân Tiên đó sang Ấn Độ.

Tuy chỉ là thiểu số nhưng cộng đồng Ấn gốc Việt tại Ấn Độ luôn hướng về nguồn cội, giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống, cụ thể qua

việc học và thực hành tiếng Việt từ các đoạn thơ *Lục Vân Tiên*, *Truyện Kiều*, ca dao tục ngữ, lời hát... nơi gia đình từ ông bà và từ các lớp học tiếng Việt của các nữ tu. Đó là những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt được cộng đồng Ấn - Việt gìn giữ, nhưng cũng rất cần sự chung tay, quan tâm từ Đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ, bằng những chương trình cụ thể, nhằm thúc đẩy hơn nữa những hoạt động thiết thực chào mừng tròn 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước (1972 - 2022) mà chính cộng đồng Ấn kiều và Ấn gốc Việt là một cầu nối trong mối quan hệ vốn từ lâu đã tốt đẹp của hai nước, hai dân tộc./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Gabriel Aubaret: *Luc Van Tien - Poème Populaire Annamite*, Imprièrie Imperiale, Paris, 1864.
- [2] J.C. Baurac: *Nam Kỳ và cư dân: Các tỉnh miền Tây và miền Đông*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2022.
- [3] Nguyễn Chí Bền: *Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) nhà thơ lớn, nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2021.
- [4] G. Coedès: *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, Nguyễn Thừa Hỷ dịch, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008.
- [5] Nguyễn Đức Hiệp: *Sài Gòn - Chợ Lớn: Ký ức đô thị và con người*, tái bản lần thứ nhất có bổ sung, Nxb. Văn hóa văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2018.
- [6] Nguyễn Đức Hiệp: *Lịch sử doanh nghiệp và công nghiệp ở Sài Gòn và Nam Kỳ từ giữa thế kỷ XIX đến năm 1945*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019.
- [7] *La Revue Indochinoise*, 07/5/1906.
- [8] Brij V. Lal: *The Encyclopedia of the Indian Diaspora*, Editions Didier Millet, National University of Singapore, 2006.

- [9] Phạm Văn Luân: Luận án Tiến sĩ *Quản lý di tích lịch sử - văn hóa trong phát triển du lịch ở tỉnh Bến Tre*, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội, 2020.
- [10] Marc Meuleau: *Des pionniers en Extrême-Orient: Histoire de la Banque de l'Indochine 1875 - 1975*, Fayard Pub, Paris, 1990.
- [11] Ministry of External Affairs: *Engaging the Diaspora: the way forward*, Pravasi Bharatiya Divas, New Delhi, 2008.
- [12] Lương Ninh: *Nước Phù Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2005.
- [13] Nhiều tác giả: *Bảo tồn di sản kiến trúc truyền thống trong đô thị Việt Nam: Cơ sở lý luận và bài học kinh nghiệm từ các nước ASEAN*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội, 2021.
- [14] Natasha Pairaudeau: *Indians as French Citizens in Colonial Indochina 1858 - 1940*, A thesis submitted for the degree of Doctor of Philosophy, University of London, 2009.
- [15] Jayanta Kumar Ray: "Class, Caste and the Indian Diaspora: The Story of Tamil Migration in the Late Nineteenth and Early Twentieth Centuries", *History of Science, Philosophy and Culture in Indian Civilization*, Volume X Part 8: Interpreting the Indian Diaspora - Lessons from History and Contemporary Politics, Centre for Studies in Civilizations, Munshiram Manoharlal Publishers Pvt. Ltd, New Delhi, India, 2018.
- [16] K.S. Sandhu, A. Mani: *Indian Communities in Southeast Asia*, ISEAS, Time Academic Press, Singapore, 1993.
- [17] Võ Thành Tâm: "Little India in Singapore: Multicultural city for People", *Cities for People from theory to practice*, Vietnamese National University - Ho Chi Minh Press, 2021.

- [18] The Archbishop Office of Pondicherry: *325th Jubilee year of The Immaculate Conception Cathedral Pondicherry 1691 - 2016*, Mission Press, Pondicherry, 2017.
- [19] Huỳnh Ngọc Trảng: *Sài Gòn - Gia Định: Ký ức lịch sử - văn hóa*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018.
- [20] Hà Vũ Trọng: “Cộng đồng ‘Chà Chetty’ ở Sài Gòn xưa”, in trong *Sài Gòn phong lưu*, Nxb. Văn hóa văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2018.

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC DÂN GIAN TRONG NÓI THƠ LỤC VÂN TIÊN

VÕ QUỐC VIỆT*

Tóm tắt: Khởi nguồn từ nói thơ Lục Vân Tiên - hình thức diễn xướng dân gian Nam Bộ - bài viết làm rõ giá trị tư tưởng trong thơ ca của Nguyễn Đình Chiểu. Giá trị triết lý trong tác phẩm Lục Vân Tiên là nguồn “văn bản” cho sự hình thành nói thơ Lục Vân Tiên. Theo đó, quan niệm đạo đức của Nguyễn Đình Chiểu lưu truyền trong đời sống thường ngày, góp phần bổ sung nền luân lý bình dân. Từ đó, quan niệm đạo đức Nguyễn Đình Chiểu trở thành cốt lõi triết lý giáo dục trong nói thơ Lục Vân Tiên, được người bình dân “Nam Kỳ lục tỉnh” sử dụng như phương tiện giáo hóa nhận thức cộng đồng. Đúng hơn, nói thơ Lục Vân Tiên ẩn chứa triết lý giáo dục dân gian từ dấu ấn tư tưởng Đồ Chiểu. Thế nên, triết lý giáo dục dân gian qua hình thức nói thơ Lục Vân Tiên cần được tìm hiểu, giữ gìn và phát huy trong hoạt động giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội đương thời.

Từ khóa: Dân gian tính; Nguyễn Đình Chiểu; Nói thơ Lục Vân Tiên; Triết lý giáo dục; Văn hóa Nam Bộ.

**PHYLOSOPHY OF FOLK EDUCATION
IN RHYTHMIC VERSES OF LỤC VÂN TIÊN**

Abstract: Starting from “Nói thơ Lục Vân Tiên” - the manner of Southern folk performance - the article clarifies the

* Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Tuệ Quang. Liên hệ: voquocviet.trietdinh@gmail.com

ideological value of Nguyễn Đình Chiểu's poetry. The philosophical value of "truyện thơ Lục Vân Tiên" is the source of material for constituting of "nói thơ Lục Vân Tiên". Therefore, the moral conception of Nguyễn Đình Chiểu is handed down in daily life, contributing to supplementing popular morality. Since then, Nguyễn Đình Chiểu's moral conception has become the core of the educational philosophy in "nói thơ Lục Vân Tiên", and has used by the popular people in "Nam Kỳ lục tỉnh" as a means of educating the awareness of community. Rather, it's said that "nói thơ Lục Vân Tiên" contains folk educational philosophy in connecting with the imprint of Đồ Chiểu thought. For this reason, the folk educational philosophy and/in "nói thơ Lục Vân Tiên" needs to be understood, preserved and promoted learning in the educational activities of families, schools and contemporary society.

Keywords: Popularity; Nguyễn Đình Chiểu; Nói thơ Lục Vân Tiên; Philosophy of education; Southern Culture.

Toàn văn

Mở đầu

Di sản văn chương Nguyễn Đình Chiểu không thuần túy thuộc về địa hạt sáng tạo văn học mà đã thuộc về/trở thành "sinh thể văn hóa" trong toàn cảnh "diễn ngôn dân gian" Nam Kỳ nói chung. Suy ngẫm về sức sống bền bỉ của truyện thơ *Lục Vân Tiên*, Thủ tướng Phạm Văn Đồng từng nhận định: "Về văn chương của Lục Vân Tiên, phải để ý đây là một chuyện "kể", chuyện "nói". Tác giả cố ý viết một lối văn "nôm na", dễ hiểu, dễ nhớ, có thể truyền bá rộng rãi trong dân gian"¹.

1. Phạm Văn Đồng: "Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc", in trong Phan Trọng Luận (Tổng chủ biên): *Ngữ văn lớp 12*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 1963, t.1, tr.52-53.

Truyện thơ trở thành nói thơ Lục Vân Tiên không đơn thuần hình thức diễn xướng dân gian mà nhờ khả năng “truyền bá rộng rãi” có thể thâm nhập vào đời sống thường ngày của người dân và quan niệm nhân sinh, rộng hơn là triết lý dân gian - đặc trưng văn hóa của người bình dân Nam Kỳ xưa. Thậm chí, có thể dựa trên sức sống bền bỉ của nói thơ Lục Vân Tiên để nhận diện “gen tư tưởng” di truyền của dân tộc Việt Nam sau nhiều lần thiên di, từ đó nhận thức dòng chảy (dẫu có lúc minh hiển có lúc ẩn tàng) của nền minh triết Việt - văn minh Nước¹ trên đường Nam tiến mở mang bờ cõi.

1. Nói thơ - hình thức sinh hoạt văn nghệ dân gian Nam Bộ

Cũng như nhiều hình thức diễn xướng dân gian khác, nói thơ có nguồn gốc hình thành và phát triển song hành cùng dòng chảy phát triển tộc Việt qua nhiều lần thiên di. Song song tiếp nối, người dân Nam Bộ còn sáng tạo và biến tấu sao cho phù hợp với hai yếu tố “thiên” - “địa”/vùng đất mới, cùng với nhân tính lập thành Tam tài. Thiết chế văn hóa Nam Bộ nói chung, diễn xướng dân gian Nam Bộ nói riêng có thể xem như “phiên bản mới”, hoặc “sự nối dài” văn hóa truyền thống dân tộc Việt trong điều kiện “*cơ sở hạ tầng*” và “*kiến trúc thượng tầng*” vùng đất mới. Thực tế, sự sáng tạo này có phần bắt buộc bởi người lưu dân Nam tiến phải thích nghi và tạo dựng đời sống mới trên vùng đất mới. Sự thích nghi và sáng tạo này đồng thời minh chứng sức sống bền bỉ và căn cơ triết lý thấm nhuần mọi ngóc ngách đời sống thường ngày của người bình dân. Sáng tạo trên nguyên tắc sống còn và thích nghi, bảo tồn và biến tấu.

“Từ thế kỷ XVIII, truyện thơ Nôm ở nước ta đã xuất hiện, nhưng cho đến giữa thế kỷ XIX mới phát triển rực rỡ. Sau đó, hình thức nói thơ

1. Kim Định còn cho rằng, nền minh triết Việt sau nhiều lần thiên di, cho tới nay, chỉ còn trú ngụ tại vùng bình nguyên Cửu Long nước Việt bây giờ. Gạn lọc một số luận cứ chưa thật sự vững chắc, nhưng sức sống của “tình lối xóm” và mô hình làng xã Nam Bộ hơn 300 năm qua đã chứng minh nhận định của Kim Định.

Nam Bộ mới nảy nở, tức là khoảng đầu thế kỷ XX là thời kỳ thịnh hành truyện thơ quốc ngữ. Hình thức nói thơ Nam Bộ có lẽ xuất xứ từ lối nói thơ trong hát sắc bùa lối hô bài chòi (hô thai), lối nói thơ quân phường (của những người đi ăn xin), được du nhập theo các đợt sóng di dân từ Trung Bộ về phía nam đất nước”¹.

Rõ ràng, người lưu dân Nam tiến chính là chủ thể của “sinh thể văn hóa” nói thơ. Xác định chủ thể, cũng cần phải định vị nói thơ trong bối cảnh sinh hoạt của lối diễn xướng này. Nói thơ - hình thức diễn xướng dân gian rất độc đáo và đặc trưng cho văn hóa người Việt vùng Nam Bộ. Hình thức diễn xướng này gắn liền với không gian sinh hoạt của người bình dân. Trong lúc làm đồng, cấy hái, ở bến đò, bến phà, từ ruộng lúa đến vườn cây, ngoài đồng hay dưới hiên nhà, lúc chòm xóm bà con bạn bè thân thuộc gặp gỡ giao lưu, bên chén rượu tâm tình có người cao hứng nói thơ.

“Sau một thời gian, nhân dân đã kế thừa các lối nói thơ trên, đã sáng tạo điệu nói thơ Vân Tiên có sức hấp dẫn và được phổ biến mạnh mẽ khắp Nam Kỳ lục tỉnh thời bấy giờ. Có thể nói truyện thơ Nôm của cụ Nguyễn Đình Chiểu là nguồn cung cấp “văn bản” cho phong trào nói thơ ở Nam Bộ”².

Như vậy, nói thơ Lục Vân Tiên không xuất phát từ Lục Vân Tiên mà là sự gặp gỡ giữa sinh hoạt văn nghệ của người bình dân và tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu. Cũng có thể nói, đó là sự gặp gỡ giữa tư tưởng nhân bản Nguyễn Đình Chiểu với “dân gian tính - minh triết Việt”³. Sức hấp dẫn của nói thơ Lục Vân Tiên giao hòa giữa quan niệm nhân nghĩa của người Việt ở Nam Kỳ kết tinh trong chữ nghĩa Đồ Chiểu và sức sáng tạo linh hoạt của người lao động bình dân. Chính người lao động bình dân đưa tư tưởng Đồ Chiểu trở thành “triết” đã “minh”, biến tư tưởng nhân

1, 2. Lư Nhất Vũ, Lê Giang: *Tìm hiểu dân ca Nam Bộ (chuyên khảo)*, Nxb. Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh, 1983, tr.122.

3. Võ Quốc Việt: *Hạt phù sa sông nước Cửu Long*, Nxb. Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh, 2021, tr.189-204.

nghĩa của Đồ Chiểu triển nở sinh khí sống động lưu truyền trong cõi dân gian sông nước Cửu Long.

Thấm nhuần đời sống sinh hoạt và tâm tư, tình cảm của người dân, hình thức nói thơ ngày càng phát triển đa dạng, độc đáo, từ cách thức diễn xướng đến “văn bản”: “Ít lâu sau, hàng loạt truyện thơ ra đời: thơ Sáu Trọng, thơ Thầy Thông Chánh, thơ Hai Miêng, thơ Năm Ty, thơ Sáu Nhỏ... đã phản ánh cuộc sống xã hội đương thời, phê phán và đả kích chế độ thực dân phong kiến. Dựa vào âm hưởng nói thơ Vân Tiên và có ít nhiều biến hóa, được hát với tên truyện thơ nào thì người ta đặt tên đó như nói thơ Sáu Trọng, nói thơ Hai Miêng, nói thơ Thầy Thông Chánh, nói thơ Mười Chúc, v.v.”¹.

Điều này xác thực thêm giá trị, vị trí nói thơ trong đời sống. Không chỉ là phương tiện biểu lộ tâm tình tư tưởng, nói thơ còn góp phần phản ánh hiện thực xã hội. Hình thức diễn xướng này còn là “bản tường trình” thời cuộc và biến cố xã hội từng xảy ra trên dải đất “*An Nam*” đau thương, lâm than.

Về mặt thể thức làn điệu, nói thơ được xem như diễn xướng dân gian, cũng tức là “diễn” và “xướng”. Theo Lư Nhất Vũ, nói thơ Bạc Liêu dựa trên lối vè (vè nói ngược, vè mười hai con giáp, vè vợ chồng làm biếng). Ngoài ra còn có điệu nói thơ ở Vĩnh Long, điệu nói thơ Trà Vinh (dựa trên làn điệu vè cô vợ ăn hàng, vè con gái hư, vè mười hai con giáp). Nói thơ Vân Tiên lại có đặc trưng cấu trúc âm nhạc riêng: “Nói thơ Vân Tiên dùng tiếng đệm gần như hát sắc bùa, thỉnh thoảng giậm vào tiếng “mà” hoặc tiếng đưa hơi “Ồ ớ”. Nói thơ Vân Tiên ở Nam Bộ sử dụng điệu thức Nam hơi Ai (rêphasonladô), tầm cỡ từ đô 1 đến pha 2. [...] Điệu thức trên khiến cho nói thơ Vân Tiên phẳng phát nổi buồn dịu nhẹ, nghe thấm thía thâm trầm, chất chứa niềm lạc quan và lòng nhân đạo như các nhân vật mà cụ Đồ Chiểu đã “ném ra giữa cuộc đời” trong một bối cảnh lịch sử nhất định”². Có nhiều điệu nói thơ, song nổi tiếng hơn cả là điệu nói thơ

1, 2. Lư Nhất Vũ, Lê Giang: *Tìm hiểu dân ca Nam Bộ (chuyên khảo)*, Sđd, tr.123, 123-124.

Lục Vân Tiên. Thậm chí, chính truyện thơ *Lục Vân Tiên* là khởi nguồn cung cấp chất liệu “ca từ” cho hình thức nói thơ hình thành, phát triển ngày càng phong phú, đa dạng về chất liệu ngôn ngữ và giai điệu. Những biến tấu của nói thơ so với hát bài chòi, hát sắc bùa cũng phần nào cho thấy khả năng tùy nghi ứng biến đa dạng và tính chất phóng khoáng, cởi mở của người dân Nam Bộ. Rộng hơn, đó là kết quả vận động sinh thể văn hóa Việt Nam trong hoàn cảnh mới hay quá trình “xuyên văn hóa”¹ tộc Việt.

Nói thơ còn thể hiện sức sáng tạo và tinh thần dân tộc của người dân Nam Bộ. Lối diễn xướng mộc mạc bằng cách thêm giai điệu, luyến láy và đệm từ vào sáng tác thơ. Hình thức diễn xướng này còn thể hiện tâm tính con người vùng bình nguyên Cửu Long: giản dị, chân thành, đầm thắm nhưng cũng rất tinh tế, sâu sắc và thâm trầm; được sáng tạo dựa trên vốn “văn bản” sẵn có. Nhưng thay vì lấy tích truyện Trung Quốc, họ sử dụng chất liệu cuộc sống tươi mới trong chốn dân gian. Chính vì gần gũi với tâm hồn người bình dân, truyện thơ của Đồ Chiểu được phổ truyền, ngâm ngợi khắp nẻo sông quê. Tinh thần dân tộc và dân gian tính trong thể đối lập với xu hướng “bác học” và “chính thể”.

Cũng như nhiều hình thức diễn xướng dân gian khác, nói thơ là tiếng lòng của người dân nên giàu tính tự sự. Làn điệu đa phần mang âm hưởng u buồn man mác, đôi khi như tiếng thở dài ảo não của thân phận. Trong hình thức diễn xướng này, có thể thấy sự kết hợp giữa tự sự dân gian và trữ tình dân gian. Thông qua “kể, diễn, nói”, người dân bộc lộ tâm tư và quan niệm nhân sinh thời thế - một hình thức triết lý thâm trầm, biểu hiện đặc trưng phương thức tư duy dân gian. Phần vì, người dân vốn không quen (không thạo) triết lý, nhưng thông qua nói thơ, họ bộc lộ tâm tư, tình cảm, trong đó đã cho thấy lối cảm nghiệm đời sống và thân phận con người - triết lý chính là ở chỗ không triết lý nhưng vẫn ngầm thể hiện suy tưởng về người và đời. Tư tưởng bộc lộ trong cách thể nhuận nhuyễn thiết thực gần gũi như vậy.

1. Xem Võ Quốc Việt: *Hạt phù sa sông nước Cửu Long*, Sđd, tr.149-188.

Có thể thấy, sáng tác chữ Nôm nói chung, truyện thơ *Lục Vân Tiên* nói riêng trong sự nghiệp Nguyễn Đình Chiểu thể hiện khuynh hướng thoát ly đặc tính trường ốc/hàn lâm/bác học để trở về đời sống người bình dân. Tư tưởng nhân bản Nguyễn Đình Chiểu không phải như “cá chép hóa rồng” mà trở về làm “con trùn đất/địa long” trong đời sống người lao động chân lấm tay bùn dẫu chân chất, dân dã mà thấm thía. Khuynh hướng tư duy nghệ thuật này đưa tâm hồn Đồ Chiểu trở về chốn dân gian quê nhà. Chính bởi vậy, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu nói chung, tác phẩm truyện thơ *Lục Vân Tiên* nói riêng rất gần gũi với tâm hồn người dân.

Vì vậy, tư duy nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu nối liền vào kho tàng triết lý dân gian, đồng điệu với lẽ sống của người lao khổ. *Lục Vân Tiên* và tư tưởng Đồ Chiểu trở thành di sản chung của triết lý dân gian miền lục tỉnh, được nhân dân sáu tỉnh Nam Kỳ giữ gìn và lưu truyền đến ngày nay. Nói thơ *Lục Vân Tiên* là một trong nhiều biểu hiện của việc kế thừa và phát huy giá trị triết lý dân gian của người dân Nam Kỳ xưa nay.

Có thể khẳng định những gì hướng đến và hòa mình vào đời sống tâm hồn tình cảm của nhân dân sẽ có sức sống bền bỉ, trường tồn cùng nhân dân. Đặc biệt, gia tài văn chương đồ sộ của Nguyễn Đình Chiểu đã trở thành di sản văn hóa chung của sinh thể văn hóa dân tộc Việt phương Nam.

2. Từ nói thơ *Lục Vân Tiên* đến quan niệm luân lý bình dân Nam Kỳ xưa nay

Trước hết, chúng ta cần xác định sự đối nghịch giữa khuynh hướng luân lý hàn lâm và luân lý bình dân. Trong khi giới sĩ phu chịu sự ràng buộc của luân lý trường ốc - kết quả nền giáo dục Hán học thì người lao động bình dân sống theo lẽ thói luân lý thông tục thuộc sinh thể văn hóa dân gian không cứng nhắc, bảo thủ.

Không thể phủ nhận dấu ấn Hán học trong tư duy nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu nhưng cùng với biến cố đời sống cá nhân và thời đại, càng có xu hướng trở về nền luân lý bình dân thông tục trong địa hạt trước tác chữ Nôm của cụ Đồ. Từ đó có thể xác lập mối liên hệ giữa quan niệm

đạo đức trong trước tác chữ Nôm (trong đó có tác phẩm *Lục Vân Tiên*) và nền luân lý bình dân. Bởi lẽ, nói thơ *Lục Vân Tiên* đã thoát ly luân lý Nho học, trở về luân lý bình dân để gặp gỡ tâm hồn người lao động trên phương diện nhưng cốt lõi là hệ giá trị đạo đức. Sự thông tục trong quan niệm luân lý *Đồ Chiểu* được biểu hiện trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* đáp ứng yêu cầu xử thế của người bình dân trong các mối quan hệ khác nhau của đời sống thường nhật. Tính chất thông tục trong quan niệm đạo đức khiến cho truyện thơ *Lục Vân Tiên* hòa mình vào nền luân lý bình dân sẵn có (mà vốn dĩ nền luân lý bình dân này đã “rạch đường đất chia đôi cương thổ” với nền luân lý hàn lâm sĩ phu từ thuở lưu dân theo chúa Nguyễn vào Nam). Bên cạnh đó, hai nền luân lý ấy đồng thời biểu lộ hai khuynh hướng vận động văn hóa: Khuynh hướng văn hóa quy phạm chính thể và khuynh hướng văn hóa thông tục bình dân. Việc xác định hai khuynh hướng vận động văn hóa này có thể góp phần lý giải vì sao đất Nam Kỳ luôn sẵn sàng đón luồng gió mới, cởi mở, phóng khoáng, tự do nhưng cũng là mảnh đất giữ được hàng số cổ cội của nền văn hóa Việt truyền thống trước nguy cơ xâm thực văn hóa qua bao thời kỳ lịch sử khác nhau.

Từ quan niệm luân lý bình dân, rõ ràng nhân dân chỉ cởi mở ôm vào lòng những “đứa con chánh hiệu” của quê hương, mà theo Aubaret là những người sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ, viết cho người dân quê, hướng đến và ủa vào lòng đất đai cố thổ¹. Dẫu trải qua bao thời kỳ “kề cận” với nền văn hóa “thiên triều”, dẫu rằng nền văn hóa quy phạm chính thể nằm trong vòng lệ thuộc và chịu cảnh xâm thực văn hóa ngoại lai, nhưng trái tim và khối óc người bình dân vẫn tường tận soi thấy hồn cốt quê nhà trong “những đứa con khát sữa tìm về đất mẹ”. Việc tiếp thu và phát triển hình thức nói thơ *Lục Vân Tiên* do đó có hai ý nghĩa: (i) đón nhận nền luân lý bình dân trong truyện thơ *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu và (ii) củng cố bồi tụ nền luân lý bình dân đối kháng rạch ròi với nền quy

1. Xem Aubaret, G.: *Lục Vân Tiên - Poème populaire Annamite*, Imprimerie Impériale, Paris, 1864, p.2.

phạm luân lý chính thể. Vì vậy, Trần Bảo Định có lý khi cho rằng: vua phong chưa chắc ăn, “cái gì dân thờ, cái đó chắc ăn và vĩnh cửu!”¹.

Truyện thơ *Lục Vân Tiên* có sức dung chứa đạo lý sâu rộng với hầu hết mọi quan hệ xã hội giữa người với người như quan hệ gia đình, thầy trò, vợ chồng, bạn bè, vua tôi,... Người bình dân có thể tìm thấy trong tác phẩm này chất liệu ngôn từ phù hợp để họ bộc lộ quan niệm đạo đức trong đời sống. Khởi nguồn từ cuộc sống con người phương Nam, Nguyễn Đình Chiểu kết tinh thành ngôn từ nghệ thuật, thu phục được lòng yêu mến của người bình dân Nam Bộ. Từ đó, người bình dân Nam Bộ góp phần nối dài quan niệm đạo đức dung chứa trong truyện thơ *Lục Vân Tiên*. Nói thơ *Lục Vân Tiên* lưu truyền như bài huấn ca, nhằm khuyên bảo, răn dạy, chia sẻ tâm tư, thể hiện quan niệm sống.

Sở dĩ, quan niệm đạo đức trong truyện thơ *Lục Vân Tiên* có thể đi sâu vào lòng người bình dân Nam Bộ bởi đó là những vấn đề đức lý hết sức đơn sơ, gần gũi, phù hợp với cuộc sống bình dân. Đặc biệt, tinh thần đề cao đức lý trong nói thơ *Lục Vân Tiên* có khả năng khích lệ tinh thần vui sống, sự tin tưởng lạc quan, giúp con người sống thanh sạch, tốt đẹp. Đó là nguồn năng lượng tích cực, trong sạch mà người bình dân dành cho nhau trong những khi làm đồng, chèo ghe, nghỉ ngơi tụ tập,... Truyền miệng rồi nhập tâm, tâm biểu ra tính, lấy đó để sống với nhau quần xã hội!

Như vậy, nói thơ *Lục Vân Tiên* không chỉ là hình thức diễn xướng dân gian mà còn là hình thức lưu hoạt đức lý của người dân. Khoa đạo đức của giới hàn lâm rào vuông đức lý trong vách trường ốc không thể sánh với nền đức lý sống động phổ quát lưu truyền khắp đầu thôn cuối xóm. Cùng với những giá trị nhân sinh khác, nói thơ *Lục Vân Tiên* mang lại niềm tin về nền đức lý bình dân, có thể đủ sức cứu chuộc nguy cơ “nhân hóa vật, diệt thiên lý nhi cùng nhân dục”. Vậy thì độc giả chẳng cần phải tìm kiếm đâu xa xôi một nền đức lý khả dụng cho quê hương xứ sở. Tẩy trừ cấu nhiễm nhân sinh Nam Bộ, tẩy trừ tật hoạn nhân tính

1. Trần Bảo Định: *Bóng chiều quê (tập truyện ngắn)*, Nxb. Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh, 2018, tr.242.

đương thời, có thể tìm lấy bài thuốc từ con trùn đất ngày đêm luồn lách cây xối màu mỡ đất quê, chứ không phải bài thuốc tiên viển đích cao xa của loài rồng lượn mình trên chín tầng không. *Lục Vân Tiên* - kết tinh truyền thống nhân tính phương Nam; cho tới nói thơ *Lục Vân Tiên* là biểu hiện tươi sáng của nền nhân tính phương Nam âm thầm mà bền bỉ chuyển dịch qua từng biến cố thời cuộc. Không giữ lấy mạch nước ngọt nhân tính này, đất quê khổ kiệt. Đất chết, người làm sao sống nổi!

Người nghĩa Nam Kỳ xưa nay đã không còn lạ gì những câu thơ rạng ngời đức lý nhân sinh của Đỗ Chiểu. Trong đó, nhân ái, hòa đồng, trượng nghĩa, tự do, thủy chung, coi thường địa vị, danh lợi... là những giá trị cốt lõi.

- *Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình*¹.

- *Tôi xin ra sức anh hào,
Cứu người cho khỏi lao đao buổi này!* (tr.20)

- *Vân Tiên nghe nói mỉm cười:
Làm ơn, há để trông người trả ơn?
Nay đà rõ đặng nguồn cơn,
Nào ai tính thiệt so hơn? Làm gì?
Có câu “Kiến ngãi bất vi”,
Làm người dường ấy cũng phi anh hùng!* (tr.28)

- *Nhớ câu “trọng nghĩa khinh tài”
Nào ai chịu lấy của ai? Làm gì?* (tr.32)

- *Xin đừng tham đó bỏ đặng,
Chơi lê quên lự chơi trắng quên đèn*” (tr.62-64)

1. Abel des Michels: *Lục Vân Tiên ca diễn (poème Populaire Annamite)*, Ernest Leroux, Éditeur, Paris, 1883, tr.4.

- Quán rằng: Ghét việc tâm phào
 Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tới tâm!
 Ghét đòi Kiệt Trụ đa dân,
 Để dân đến nổi sa hầm sủa hang! (tr.72-74)

- Thương thay hai chữ cù lao
 Ba nam nhũ bộ, biết bao nhiêu tình? (tr.86)

- Dốc lòng trả nợ áo cơm;
 Sống mà trọn nghĩa; thác thơm danh hiền! (tr.132)

- Ngư rằng: Lòng lão chẳng mơ!
 Dốc làm nhơn nghĩa, há chờ trả ơn?
 Nước trong rửa ruột sạch trơn;
 Một câu “danh lợi” chẳng sờn lòng đây! (tr.138)

- Lão tiêu mới nói: Thôi! Thôi!
 Làm ơn mà lại trông hồi sao hay?¹ (tr.156)

Với những câu chữ/văn bốn của Lục Vân Tiên, người dân sử dụng đa dạng trong tình huống khác nhau với dụng ý tùy theo tương quan giữa mình và người trong cuộc sống hằng ngày. Vì vậy, chữ nghĩa Lục Vân Tiên vốn có ngữ nghĩa/ngữ cảnh văn bản ra đời bởi chủ thể sáng tạo nhất định, nhưng đã trở thành những hằng số/mẫu thức đạo lý mà người dân sử dụng tùy thuộc hoàn cảnh cá nhân tức thời. Các nhân vật Lục Vân Tiên, Tiểu Đồng, Hồn Minh, Tử Trực, ông Quán, ông Ngư, ông Tiêu... trong truyện thơ được người dân xem là những hình mẫu lý tưởng về đạo lý ở đời/biểu tượng luân lý bình dân. Ở đây, sự đối lập quan niệm đức lý giữa giới quý tộc (Võ Công, Võ Thê Loan, Trịnh Hâm, Bùi Kiệm) bạc ác, gian hiểm và hạng bình dân (ông Quán, ông Ngư, ông Tiêu) sống nhân nghĩa, là minh chứng đối kháng và khẳng định nền luân lý bình dân vượt

1. Xem Abel des Michels: *Lục Vân Tiên ca diễn (poème Populaire Annamite)*, Sđd.

lên trên giới hạn địa vị tư lợi của luân lý chính thể. Điều này càng làm rõ thêm xu hướng vận động thoát ly nền luân lý quy củ của giới nho sĩ hàn lâm phục tùng chính thể, trở về “dân gian tính” của người lao động bình dân. Tìm kiếm trong nền luân lý bình dân nhằm xác lập cách nghĩ, lối sống cho bản thân giữa thế cuộc đảo điên, Nguyễn Đình Chiểu vô hình trung đã trở thành đại diện tiêu biểu cho nền luân lý bình dân trên mảnh đất Nam Kỳ xưa nay. *Lục Vân Tiên* và nói thơ *Lục Vân Tiên* chính là tiếng nói phản kháng cũng như đề cao, ca ngợi xiển dương nền luân lý bình dân - một trong số biểu hiện căn cơ học phong phương Nam và minh triết Việt trên tiến trình phát triển văn hóa dân tộc.

Những quan niệm đức lý này khiến ta liên tưởng tới nhận định của Kim Định về hằng số tâm tính Việt (Hòa/Huê)¹. Chưa vội xác quyết luân lý bình dân Nam Kỳ ở vị trí tiên phong đại diện cho văn hóa đạo đức Việt nhưng không thể phủ nhận mối liên hệ sâu bền giữa tâm tính đức lý Nam Kỳ xưa nay và hằng số Việt tộc trên phương diện văn hóa tư tưởng, đạo đức.

3. Nói thơ *Lục Vân Tiên*: từ triết lý đến triết lý giáo dục

Giáo dục với triết lý giáo dục không còn là vấn đề thời thượng, mà đã trở thành vấn đề cốt lõi của việc xây dựng nền giáo dục quốc dân, tức trên phạm vi tổng hòa bởi hai khái niệm quốc gia và dân tộc. Vậy có thể xác định vấn đề triết lý giáo dục như là hoạt động mang tính tự phát, rời rạc hay không? Thực tiễn đương thời cho thấy, nhiều cơ sở đào tạo nhầm lẫn giữa khái niệm triết lý giáo dục và “định hướng giáo dục cục bộ”. Trên dải đất “Annam”, “đáng cầm cân” vẫn thả nổi vấn đề triết lý giáo dục của nền giáo dục quốc dân, khiến những ưu tư của học giả Phan Sào Nam trong *Cao đẳng quốc dân*² vẫn còn nguyên giá trị đối với người đương thời suy ngẫm.

1. Xem Kim Định: *Tinh hoa ngũ điển*, Nguồn Sáng xuất bản, Thành phố Hồ Chí Minh, 1973, tr.106.

2. Xem Phan Sào Nam: *Cao đẳng quốc dân*, Anh Minh xuất bản, Huế, 1957.

Trước hết, triết lý giáo dục được xem là triết lý của nền đạo học¹. Triết lý giáo dục với nghĩa lý đó cũng tức là triết lý nhân sinh. Hiểu một cách đơn giản, đó là triết lý trong cõi nhân sinh, triết lý về nhân sinh, triết lý về phía nhân sinh. Và hình thức diễn xướng dân gian nói thơ (cũng như nhiều hình thức diễn xướng dân gian khác) chính là một hình thức hướng tới nhân sinh của triết lý. Khả thể triết lý (vốn có trong văn bản) của nói thơ rõ ràng có thể đưa triết lý trở thành “hữu tại” sống động bởi đưa “nhân” trở về trong “sinh”, hay “nhân” thể như “sinh”, và là cuộc “sinh” của “nhân”. Như vậy, tính khả dụng của nói thơ (trong đó có hình thức nói thơ Lục Vân Tiên) không đơn thuần là hình thức sinh hoạt văn nghệ dân gian mà còn có khả năng thức tỉnh nhận thức người tiếp nhận. Bên cạnh chức năng giáo dục, nói thơ còn có chức năng nhận thức và chức năng thẩm mỹ. Vừa có ý than thân vừa có ý khuyên răn, giáo hóa, vừa thể hiện cảm nhận về nhân sinh thế sự, nói thơ “giáo” bằng “thế giới quan” và “nhân sinh quan” trong văn bản sẵn có để rồi “cảm hóa” lòng người. Giá trị giáo dục của nói thơ, nhất là nói thơ Lục Vân Tiên, chính là ở chỗ này.

Đối với các nước Tây phương, triết lý giáo dục hiện sinh đề cao vai trò các môn triết lý và văn nghệ trong chương trình giáo dục². Hơn nữa, triết lý trong chương trình đào tạo nền giáo dục quốc dân từ cựu học Hán Nho cho tới tân học Tây phương, triết lý hoặc hạn hẹp hoặc sơ sài, manh mún quanh quẩn Tống Nho hoặc giới hạn ở bậc học nào đó mà không phổ quát thấm nhuần toàn diện trên toàn bộ nền giáo dục quốc dân.

Theo nhạc sĩ Lư Nhất Vũ - nguyên Viện trưởng Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, nói thơ xuất phát từ các lối nói thơ và xa hơn từ hát bài chòi, hát sắc bùa³. Các lối hát này theo lưu

1. Xem Kim Định: *Triết lý giáo dục*, Nhân Ái xuất bản, Thành phố Hồ Chí Minh, 1965, tr.36.

2. Xem Võ Quốc Việt: “Triết lý giáo dục hiện sinh và quan niệm “Thành nhân trước thành danh””, Tạp chí *Khoa học Đại học Văn Hiến*, tập 6, số 5, tr.125.

3. Theo Phim tài liệu “Suối nguồn văn chảy”, tập 3 của TFS sản xuất năm 2016.

dân vào Nam khai khẩn. Với hoàn cảnh sống mới, người dân Nam Kỳ lục tỉnh dần hình thành lối nói thơ đặc trưng cho vùng văn hóa này. Nói thơ mà tiêu biểu là nói thơ Lục Vân Tiên không chỉ đặc trưng bởi làn điệu, cách diễn xướng; mà trên hết, đặc trưng nói thơ nói chung và nói thơ Vân Tiên nói riêng, còn đặc trưng cho tâm hồn, cốt cách con người. Bởi cách thể tùy nghi diễn và xướng nên nói thơ gián tiếp bộc lộ thế giới quan, nhân sinh quan của người bình dân Nam Bộ. Thậm chí có thể nói, diễn xướng dân gian Nam Bộ nằm trong chỉnh thể “kiến trúc thượng tầng”, liên hệ mật thiết tới triết lý sống và cơ tầng văn hóa - xã hội vùng đất này. Công việc cứu xét của người trí giả thường triết với sự lý, ngược lại, người bình dân không triết mà minh cái sự triết. Trong quá trình đó, tự thân triết lý đã trở thành minh triết, ẩn chứa quan niệm thẩm mỹ, cũng như triết lý đã trở thành triết lý giáo dục.

Về hình thức diễn xướng, “người dân Nam Bộ thường thức truyện thơ không thông qua cách đọc thơ hoặc ngâm thơ mà bằng phương thức diễn xướng. Đó là tâm lý thưởng ngoạn thơ ca (chủ yếu cốt truyện) của người dân Nam Bộ. Những năm đầu thế kỷ XX, trong dân gian và trong thư mục của các nhà xuất bản ở Sài Gòn còn thấy nhiều bản thơ như “Ông Trọng - Tiên Bửu”, “Bạch Viên - Tôn Các”, “Phạm Công - Cúc Hoa”, “Thạch Sanh - Lý Thông”, “Nam Kinh - Bắc Kinh”, “Thoại Khanh - Châu Tuấn”, “Nàng Út”, “Lâm Sanh - Xuân Nương”, v.v.”¹. Người bình dân Nam Bộ có lối thưởng thức truyện thơ rất riêng theo phong cách “tài tử miệt vườn”. Chẳng giống hình thức ngâm ngợi của hàng “tao nhân mặc khách”, cũng không phải hình thức thuộc lòng của kẻ “dài lưng tốn vải”, mà diễn! Diễn tức kết hợp tình và cảnh, kết hợp giữa âm thanh (nói, đọc, ca, hát) và hình ảnh (động tác, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt). Sự sống động của nói thơ Nam Bộ chính là ở chỗ ấy. Cũng bởi vậy hình thức diễn xướng dân gian này có sức thu hút kỳ lạ, mà bất cứ tầng lớp nào trong xã hội cũng dễ tiếp nhận rồi yêu mến. Nói thơ Nam Bộ dựa trên “tâm đón đợi” của người tiếp nhận để tương ứng và thích nghi với tâm thế tiếp nhận. Do đó,

1. Lư Nhất Vũ, Lê Giang: *Tìm hiểu dân ca Nam Bộ (chuyên khảo)*, Sđd, tr.123.

nói thơ dễ đi vào lòng người, và dễ nhập tâm thì có sức lay động, chuyển biến tâm hồn. Ấy chính là “hóa” để “giáo”. Sức “giáo hóa” của nói thơ Nam Bộ không ở chỗ ăn trước ngồi trên dạy đời thiên hạ, mà từ chỗ thấp hèn bình dân, khiến thiên hạ cảm hoài tỉnh ngộ, đánh động nhận thức và nhân tâm. Cho nên, nói thơ Nam Bộ xét trên phương diện chức năng, mục đích, thực sự là phương thức/phương tiện giáo dục dân gian. Và truyện thơ *Lục Vân Tiên*, cung cấp văn bản cho nói thơ cũng tức là cung cấp nghĩa lý nhân sinh, cho phép nói thơ trở thành hình thức giáo dục dân gian có chiều sâu triết lý. Hay nói cách khác, từ triết lý trong văn bản *Lục Vân Tiên* đã trở thành triết lý giáo hóa/triết lý giáo dục của người bình dân trong cõi dân gian sông nước hữu tình.

Với khả năng dung chứa, chuyển tải đạo đức nhân sinh, biểu hiện lưu hoạt gần gũi thuận tiện, *Lục Vân Tiên* của Đồ Chiểu trở thành nói thơ *Lục Vân Tiên* đã vận động từ chỗ triết lý trở thành triết lý giáo dục về nhân sinh. Hay, nói thơ *Lục Vân Tiên* là một trong số hình thức triết lý giáo dục dân gian.

Bên cạnh đó, nếu triết lý chẳng đi tới nổi nền đạo học thì coi như triết lý đã bị biến thành thứ “xác sống”, triết lý chỉ còn là triết học. Và triết gia bây giờ là những cậu “học trò” chăm ngoan rí rả trên bục giảng. Triết lý của người bình dân Nam Bộ nên được hiểu theo thể cách “minh triết”, chứ không phải triết học. Triết lý là cảm biết về lý siêu hình của người lao động bình dân trong việc tương tác với đời sống xã hội. Triết lý biểu hiện và bao trùm nhiều mối quan hệ: người với người, người với mình, người với trời đất vạn vật,... Triết lý vì thế là thứ “triết” đã “minh”, thấm nhuần mọi ngóc ngách, phương diện đời sống, chứ không phải lối lý luận trường quy mang tính hàn lâm bác học. Người bình dân Nam Bộ không quen dùng “lý” để “luận”. Họ thường “luận” ra “lý”, cũng tức là xuất phát từ thực tiễn đời sống để rút kết kinh nghiệm sống. Bởi vậy, triết lý trong nhận thức tâm hồn bình dân là “hình nhi thượng học” lẫn “hình nhi hạ học”, vừa “thể” vừa “dụng”, sống động, thiết thực, gần gũi. Túc cách thể tổng hòa thống nhất của “triết” chứ không phải cách thể chia biệt của phường trí giả chủ cả triết học. Người bình dân Nam Bộ

không ưa lối luận lý siêu hình mà chỉ bàn chuyện “ở đây và bây giờ”¹. Nói vậy không có nghĩa “nhận thức luận” của người bình dân Nam Bộ hạn hẹp, phiến diện. Ngược lại, những triết lý sống hiện lặn trở qua thực nghiệm đời sống, đã trở nên chín muồi và trọn vẹn. Nhận ra điều này, Hai Khánh trong câu chuyện Trần Bảo Định thuật lại, cảm thấy xấu hổ bởi chẳng bằng người đàn bà mù chữ quê mùa trên Vàm Kỳ Hôn. Người thầy ngày đêm rao rả trên giảng đường kỳ thực không hà hơi cho triết lý trong tác phẩm *Đồ Chiểu* sống động mà người đàn bà nhà quê tay làm hàm nhai có thể thức tỉnh câu thơ “kiến ngãi bất vi” trong lòng người, để người biết giúp người trong cơn nguy khó chẳng nề hà tính mạng. Đại tá Nguyễn Hoàng Kiếm² giữ toàn mạng sống trước sự truy đuổi của giặc dữ có lẽ cũng nhờ một vài câu nói thơ Lục Vân Tiên của người đàn bà trên Vàm Kỳ Hôn đã thúc giục lòng người làm việc nhân nghĩa.

Truyền thống nhân nghĩa hay nền đạo học trong tác phẩm *Đồ Chiểu* ngỡ rằng bồi tụ trong năm tháng “theo thầy nấu sủ sôi kinh”³, kỳ thực bắt nguồn từ chính cuộc sống của người lưu dân Việt trên đường Nam tiến, biểu hiện qua tính trượng nghĩa khinh tài, rộng rãi tấm lòng, ưa cứu giúp kẻ khó, “phò suy chẳng phò thịnh”, bênh vực kẻ yếu thế, đứng về phía cuộc sống con người, đề cao giá trị nhân tính hơn giá trị vật chất của người lục tỉnh, càng không run sợ cường quyền, bởi “vua phong chưa chắc ăn”, “dân thờ mới chắc ăn”! Cung điện Lý thị giờ chỉ còn mớ bào ảnh đổ nát nhờ khai quật phục dựng. Lỗ Giang hành cung đã vùi sâu dưới ba tấc đất. Ly cung thành Hồ chợ vợ phé tích u buồn. Kinh Vạn Lại câm tiếng nằm chết trong cô tịch. Trấn Hải thành loang lổ sụp đổ rêu phong,...

1. Kim Định: *Cơ cấu Việt Nho*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2017, tr.235.

2. Dẫn theo Trần Bảo Định: *Hồi ký Đại tá Nguyễn Hoàng Kiếm*, “Người đàn bà nói thơ Lục Vân Tiên trên sông nước Vàm Kỳ Hôn”, Tạp chí *Người đô thị*, số 116, tháng 01/2022, tr.66-68.

3. Phan Văn Hùm: *Nỗi lòng Đồ Chiểu (in lần thứ hai)* (Bạt của Kim Ba Mai Huỳnh Hoa), Tân Việt ấn hành, Thành phố Hồ Chí Minh, 1957, tr.14.

Xem Trần Bảo Định: *Dấu thời gian - Khát vọng của người xưa*, Nxb. Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh, 2022, tr.201-240.

thế mà nhựa sống dân tộc Việt vẫn sinh sôi nảy nở, trở thêm lộc lá xanh tươi trên khắp dải đất quê hương. Hướng đến nhân sinh, *Lục Vân Tiên* của Đồ Chiểu đến nay vẫn còn lưu hoạt khắp nẻo sông quê.

Xuất phát từ cách hiểu này, triết lý sống biểu thị qua hình thức diễn xướng dân gian nói thơ, trong đó có nói thơ *Lục Vân Tiên*, là một trong số những biểu hiện thấm nhuần triết lý dân gian trong nhận thức người bình dân. Luận xét từ triết lý dân gian đến nói thơ *Lục Vân Tiên*, hay nói thơ *Lục Vân Tiên* góp phần làm rõ triết lý dân gian, việc này cơ hồ không còn quá quan trọng nữa. Vì triết lý dân gian và nói thơ *Lục Vân Tiên* vừa là căn cơ vừa là biểu hiện của chỉnh thể “diễn ngôn dân gian” bàng bạc bao trùm xuyên suốt đời sống bình dân lục tỉnh. Như vậy, triết lý dân gian biểu hiện trong diễn xướng dân gian bao trùm mọi phương diện đời sống. Triết lý dân gian được người bình dân sử dụng như phương thức lý luận đạo đức. Giá trị cốt lõi nổi bật chính là giá trị giáo dục. Triết lý dân gian đã trở thành và được sử dụng như là triết lý giáo dục dân gian. Vừa để răn mình, khuyên người, vừa góp phần lan tỏa năng lượng văn hóa phi vật thể (tác phẩm *Lục Vân Tiên* và di sản văn chương Đồ Chiểu nói chung) - cũng chính là nối dài sinh mệnh chữ nghĩa Nguyễn Đình Chiểu, để giá trị đức lý và giá trị giáo dục được gìn giữ lưu truyền qua nhiều thế hệ. Nói thơ là hình thức nối dài tư tưởng Đồ Chiểu, vượt qua khỏi phạm vi cá nhân, vượt qua khỏi phạm vi không gian và thời gian. Đó là sức sống bền bỉ đáng kinh ngạc của ý hướng tinh thần một con người hạn hữu. Nói thơ *Lục Vân Tiên* là minh chứng cho sức sống tâm hồn Nguyễn Đình Chiểu.

Từ triết lý sống trong “văn bốn” *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu sau khi trở thành triết lý giáo dục dân gian trong đời sống thường ngày, nói thơ *Lục Vân Tiên* đã hòa mình vào văn hóa dân gian của tộc Việt phương Nam. Đó là sự thống nhất hài hòa tương hỗ giữa triết lý giáo dục dân gian và văn hóa dân gian, tạo thành nội lực tinh thần/khả thể sống động cho sự sinh sôi của dân tộc Việt - tạo thành kháng thể mạnh mẽ trước nguy cơ xâm thực văn hóa của thời đại toàn cầu hóa.

Kết luận

Bàn luận về sự nghiệp văn chương và tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu hơn 100 năm qua tạo thành nguồn tư liệu phong phú cho hậu thế “soi chung”. Đây là thuận lợi cũng là khó khăn, bởi kẻ tiểu bối không khỏi đắm đuối trong nguồn tư liệu dồi dào ấy. Thế nên, “tôi chẳng quản phận bất tài, phải bỏ thái độ khiêm tốn cố hữu mà tỏ lộ ra đây, chỉ vì niềm riêng yêu mến quốc văn quá nồng nàn, không thể ôm ấp mãi trong lòng được, bởi vậy tôi phải tỏ vẻ ít lời, mong được bức kiến thức cao minh chiêm nghiệm”¹.

Thứ nhất, giá trị văn chương tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu được người lao động bình dân đưa vào cuộc sống, nối dài sự sống chữ nghĩa, triết lý đã trở thành minh triết. Không phải “triết học” của giới thượng đẳng trí thức, hình thức “minh triết” này đạt đến mức chân phương, mộc giản, tối giản và thiết thực. Nói thơ - diễn xướng văn nghệ dân gian, đứng về phía đối lập với xu hướng bác học. Xuất phát từ tâm tính người lưu dân thuở nào mở cuộc Nam tiến đến vùng đất mới sinh cơ lập nghiệp, sức sống văn chương Nguyễn Đình Chiểu trong lòng người bình dân lục tỉnh khiến hậu thế nghiêm túc suy ngẫm về vai trò sáng tạo chữ nghĩa và vị trí của người trí thức trong đời sống xã hội. Từ đó tiếp tục suy ngẫm về việc làm chữ nghĩa hôm nay nên hướng đến văn học thời trang, văn học vị kỷ, văn học phản ánh, văn học phê phán hay văn học tư tưởng để từ đó tự ngẫm lại thực trạng đương thời, tự lòng phân định.

Thứ hai, nói thơ Lục Vân Tiên với giá trị văn chương, văn hóa - xã hội, với tư cách triết lý giáo dục trong chốn dân gian Nam Bộ, cần được gìn giữ và phát huy. Tuy nhiên, việc này đòi hỏi hậu thế phải nhận thức sâu sắc giá trị nói thơ Lục Vân Tiên liên hệ với toàn bộ tư tưởng văn chương Nguyễn Đình Chiểu và học phong phương Nam, nhất là học phong phương Nam có lúc minh hiển có khi ẩn tàng, cần được chấp

1. Hồ Biểu Chánh: “Chấn hưng Văn học Việt Nam”, *Đại Việt tạp chí*, số 53-54, 16 Déc 1944 - 1er Janvier 1945, 1944, tr.32.

nổi khơi dòng, khai thông giáo hóa dân gian trong gia đình, nhà trường và xã hội. Bấy giờ tự khắc có nền giáo dục quốc dân tu trợ cho nền giáo dục chính thể (mới hoàn thành trách nhiệm với thể chế mà chưa hoàn thành trách nhiệm với dân tộc). Hậu thế tiếp nối, sinh khí Việt ở phương Nam nước Việt mới được tưới tắm, vun bón ngày càng nảy nở lộc lá tốt lành.

Thứ ba, bên cạnh việc kiến thiết nền tảng triết lý giáo dục toàn diện thống nhất, hệ thống giáo dục quốc dân có lẽ không nên thiên lệch sang khuynh hướng ca ngợi và ghi công, mà cần chú trọng đến những tác phẩm có giá trị nhân bản phổ quát hài hòa cùng văn hóa dân tộc; đồng thời tôn trọng, xác lập và dành cho văn chương tư tưởng đạo đức nhân nghĩa phương Nam địa vị xứng đáng hơn; lấy đó làm đường hướng tái thiết nhân tâm - nhân tính trong xã hội đương thời. Con nước miền Nam vẫn còn đó, hồn nước Cửu Long vẫn linh láng hai buổi lớn ròng, người Việt ở Nam Kỳ xưa và nay có trách nhiệm khai thông những chỗ bế tắc, nạo vét những chỗ trầm lắng tù đọng, chạy chữa những tật hoạn ung nhọt dị hợm có nguy cơ mạn tính.

Thứ tư, nói thơ Lục Vân Tiên có thể là con đường hẹp nhưng là con đường khả thi trở về triết lý giáo dục dân gian hài hòa cùng văn hóa Việt ở Nam Kỳ xưa nay. Lấy đó làm đường trở về nhận diện bản dạng triết lý nhân sinh con người Nam Bộ, đi tới văn hóa dân gian Nam Bộ với khả năng đại diện cho sinh thể văn hóa Việt nguyên bản với “gen thuần chủng” đúng nghĩa văn hóa Việt (chẳng phải khi không mà Kim Định nhìn thấy *thanh giang sứ giả* làm cuộc Bắc tiến hay “con lân què mà không chết”¹ vẫn còn tung tẩy trên vùng đất bình nguyên Cửu Long).

Thứ năm, quá trình kiến tạo học phong phương Nam và dịch chuyển hệ hình đấu tranh yêu nước²... liệu thế hệ sau có thể xây dựng văn học

1. Xem Kim Định: *Việt lý tổ nguyên*, An Tiêm xuất bản, Thành phố Hồ Chí Minh, 1970, tr.387, 389-390.

2. Xem “Thanh niên cao vọng Nguyễn An Ninh”, in trong Trần Bảo Định: *Dấu thời gian - Khát vọng của người xưa*, Sdd, tr.354.

Nam Bộ trở thành nền văn học độc lập tương đối trong văn học quốc gia và khu vực. Theo đó, có thể xác định hệ thống giá trị văn hóa “đất Việt trời Nam” từ công cuộc chấn hưng giáo dục quốc dân mà tiền nhân hằng mong mỏi hay không./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Aubaret, G.: *Luc Van Tien - Poeme populaire Annamite*, Imprimerie Impériale, Paris, 1864.
- [2] Hồ Biểu Chánh: “Chấn hưng văn học Việt Nam”, *Đại Việt tạp chí*, số 53-54, 1944.
- [3] Trần Bảo Định: *Bóng chiều quê* (tập truyện ngắn), Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018.
- [4] Trần Bảo Định: “Người đàn bà nói thơ Lục Vân Tiên trên sông nước Vàm Kỳ Hôn”, tạp chí *Người đô thị*, số 116, tháng 01/2022.
- [5] Trần Bảo Định: *Dấu thời gian - Khát vọng của người xưa*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2022.
- [6] Kim Định: *Triết lý giáo dục*, Nhân Ái xuất bản, Thành phố Hồ Chí Minh, 1965.
- [7] Kim Định: *Việt lý tố nguyên*, An Tiêm xuất bản, Thành phố Hồ Chí Minh, 1970.
- [8] Kim Định: *Tinh hoa ngũ điển*, Nguồn Sáng xuất bản, Thành phố Hồ Chí Minh, 1973.
- [9] Kim Định: *Cơ cấu Việt Nho*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2017.
- [10] Phạm Văn Đồng: “Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc”, in trong Phan Trọng Luận (Tổng chủ biên): *Ngữ văn 12 - Tập 1* (tái bản lần thứ 3), Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2011.
- [11] Phan Văn Hùm: *Nỗi lòng Đồ Chiểu* (in lần thứ hai) (Bạt của Kim Ba Mai Huỳnh Hoa), Tân Việt ấn hành, Thành phố Hồ Chí Minh, 1957.
- [12] Michels, A.: *Lục Vân Tiên ca diễn (poème Populaire Annamite)*, Ernest Leroux, Éditeur, Paris, 1883.
- [13] Phan Sào Nam: *Cao đẳng quốc dân*, Anh Minh xuất bản, Huế, 1957.

-
- [14] Võ Quốc Việt: “Triết lý giáo dục hiện sinh và quan niệm “Thành nhân trước thành danh””, Tạp chí *Khoa học Đại học Văn Hiến*, tập 6, số 5, 2019.
- [15] Võ Quốc Việt: *Hạt phù sa sông nước Cửu Long*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2021.
- [16] Lữ Nhất Vũ, Lê Giang: *Tìm hiểu dân ca Nam Bộ (chuyên khảo)*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1983.
- [17] Phim tài liệu “Suối nguồn vẫn chảy”, tập 3 của TFS sản xuất năm 2016.

MỘT VÀI Ý KIẾN GÓP PHẦN PHÁT HUY TƯ TƯỞNG, NHÂN CÁCH CỦA DANH NHÂN VĂN HÓA THẾ GIỚI NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG CỘNG ĐỒNG ASEAN

PGS.TS. PHAN THỊ HỒNG XUÂN*

Tóm tắt: Vận dụng sức mạnh mềm và đối ngoại nhân dân trên tinh thần Hiến chương ASEAN có đề cập bảo tồn di sản văn hóa; đề cao bản sắc ASEAN thông qua việc nâng cao hơn nữa nhận thức về sự đa dạng văn hóa và các di sản của khu vực; cũng như chất lượng cuộc sống tốt đẹp của người dân ASEAN,... (trích Điều 1, Các mục tiêu, Hiến chương của hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, 2007). Bằng việc phân tích tư tưởng của nhà nho yêu nước Nguyễn Đình Chiểu thể hiện qua những sáng tác bất hủ và lối sống, nhân cách của ông ở nhiều vai trò: nhà thơ, nhà giáo, thầy thuốc,... bài viết đề xuất một vài ý kiến góp phần phát huy tư tưởng, nhân cách của danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam trong cộng đồng ASEAN.

Từ khóa: ASEAN; Danh nhân văn hóa thế giới; Nhân cách; Nguyễn Đình Chiểu; Tư tưởng.

* Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Liên hệ: xuan.pth@hcmussh.edu.vn

A NUMBER OF OPINIONS TO CONTRIBUTE TO PROMOTING IDEOLOGY, PERSONALITY OF WORLD CULTURAL CELEBRITY NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU IN CONTEXT OF INTERNATIONAL INTEGRATION OF VIETNAM IN ASEAN COMMUNITY

Abstract: Applying soft power and people-to-people diplomacy in the spirit of the ASEAN Charter that mentions the preservation of cultural heritage; promoting ASEAN identity through further raising awareness of the cultural diversity and heritage of the region; as well as the good quality of life of ASEAN's people,... (Article 1, Objectives and Charter of the Association of Southeast Asian Nations, 2007). By analyzing the thought of the patriotic Confucius Nguyễn Đình Chiểu, which is reflected in the timeless poem and his lifestyle and personality in many roles such as poet, teacher, physician,... the author offers a few ideas to contribute to promoting the ideology and personality of the famous Nguyễn Đình Chiểu in the context of international integration of Vietnam in the ASEAN Community.

Keywords: ASEAN; World cultural celebrity by UNESCO; Personality; Nguyễn Đình Chiểu; Ideology.

Toàn văn

Dẫn nhập

Nguyễn Đình Chiểu là một trong những nhà nho yêu nước tiêu biểu của Việt Nam thế kỷ XIX. Nhân cách, tài năng và những cống hiến của ông đối với quá trình hình thành và phát triển tư tưởng

nhân văn, văn hóa và giáo dục của dân tộc đã được lịch sử ghi nhận thể hiện qua những tác phẩm của ông được giảng dạy trong các nhà trường; nhiều địa phương trong cả nước có tên đường và tên trường mang tên ông - Nguyễn Đình Chiểu. Riêng tại Bến Tre - nơi ông gắn bó hơn một phần tư thế kỷ để làm nghề bốc thuốc, chữa bệnh, dạy học còn có thêm thư viện mang tên ông, Di tích lịch sử Mộ và Khu tưởng niệm Nguyễn Đình Chiểu,... Dấu ấn tư tưởng của ông đã vượt qua không gian địa giới hành chính Việt Nam, chính thức có tên trong danh sách các danh nhân văn hóa thế giới khi mà ngày 23/11/2021, tại Kỳ họp Đại hội đồng UNESCO lần thứ 41 tại Pari (Pháp), UNESCO đã thông qua Danh sách Danh nhân văn hóa và sự kiện lịch sử niên khóa 2022 - 2023 trong đó có danh nhân Nguyễn Đình Chiểu của Việt Nam nhân kỷ niệm 200 năm ngày sinh của ông.

Rõ ràng rằng bằng những nỗ lực của bản thân, với tinh thần yêu nước thương dân sâu sắc, Nguyễn Đình Chiểu đã góp phần vào việc giữ vững ổn định xã hội và bảo vệ nền độc lập dân tộc theo cách riêng của mình. Nhân cách và tư tưởng nhân văn của nhà nho yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã ảnh hưởng tích cực tới sự phát triển của nền giáo dục dân tộc nói riêng cũng như truyền thống lịch sử, văn hóa Việt Nam nói chung.

Trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm của đất nước, đến nay nhà nho yêu nước Nguyễn Đình Chiểu vẫn luôn được người dân Việt Nam, đặc biệt là người dân Bến Tre tôn kính. Những tư tưởng nhân văn của ông đã đóng góp to lớn vào kho tàng văn hóa quý giá của dân tộc, không chỉ ở hiện tại mà cả cho thế hệ mai sau.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế của Việt Nam trong Cộng đồng ASEAN; kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), thiết nghĩ việc tổ chức hội thảo quốc tế “Giá trị văn hóa và nhân văn của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu trong thời đại ngày nay” có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, bởi các nước ASEAN ủng hộ UNESCO thông qua hồ sơ Nguyễn Đình Chiểu có tên trong Danh sách Danh nhân văn hóa và sự kiện lịch sử niên khóa 2022 - 2023 nhân kỷ niệm 200 năm

ngày sinh. Bên cạnh đó, quan điểm bao trùm trong việc xây dựng cộng đồng ASEAN là đặt người dân vào trung tâm của quá trình xây dựng cộng đồng ASEAN¹ mà khi vai trò nhân tố con người được đề cao thì những giá trị tích cực qua tấm gương của những bậc danh nhân thế giới như nhà Nho yêu nước Nguyễn Đình Chiểu sẽ có ý nghĩa lớn trong việc giáo dục, phát triển con người hiện nay trong cộng đồng ASEAN vì “Một tầm nhìn, một bản sắc, một cộng đồng đùm bọc và sẻ chia”².

1. Tư tưởng, nhân cách của danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu trong những sáng tác thơ văn bất hủ

a) Giá trị tư tưởng về phẩm chất con người “trung”, “hiếu”, “tiết”, “nghĩa” trong các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu

Quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ trên khắp thế giới kéo theo những hệ giá trị mới như nhân quyền, dân quyền, dân chủ, tự do,... Các thuật ngữ như quốc tế hóa giáo dục, hội nhập quốc tế, giao lưu, tiếp biến văn hóa... dần trở nên phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng. Trước bối cảnh của thời đại, trong đó có cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, một số người cho rằng, hệ tư tưởng truyền thống của các quốc gia chỉ còn là những giá trị lịch sử bởi không còn tương thích với sự phát triển của thế giới hiện đại. Tuy nhiên, việc UNESCO thông qua hồ sơ nhà nho yêu nước Nguyễn Đình Chiểu nằm trong Danh sách Danh nhân văn hóa và sự kiện lịch sử niên khóa 2022 - 2023 cho thấy hệ tư tưởng Nho giáo vẫn còn có ảnh hưởng nhất định trong đời sống tinh thần, trong đạo đức, lối sống của các tầng lớp nhân dân. Những bài giảng của thầy, cô giáo về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu gắn với các

1. Xem Phạm Bình Minh: “Cộng đồng ASEAN: Gắn kết để vững bước”, 2019, <https://dangcongsan.vn/thoi-su/cong-dong-asean-gan-ket-de-vung-buoc-531092.html>, truy cập ngày 05/02/2022.

2. Xem Phạm Bình Minh: “Vì “một tầm nhìn, một bản sắc, một cộng đồng đùm bọc và sẻ chia””, 2017, <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/cac-van-de/vi-mot-tam-nhin-mot-ban-sac-mot-cong-dong-dum-boc-va-se chia-513910>, truy cập ngày 05/02/2022.

tác phẩm *Lục Vân Tiên*, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*,... đã dẫn dắt nhiều lớp học sinh thấm đượm tinh thần “trung”, “hiếu”, “tiết”, “nghĩa”, luôn đấu tranh bảo vệ cái thiện, chống lại cái ác... Tinh thần này đến nay vẫn còn nguyên giá trị như hằng số văn hóa của con người Việt Nam. Vận dụng chữ “trung” theo quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu vào đời sống hôm nay chính là lòng yêu nước. Ông đã từng tâm niệm: “*Đã vì nước phải theo một phía*”; “*Xưa nay đều chọn đường trung hiếu/Sách vở còn ghi lẽ chánh tà*”.

“Hiếu” trong giai đoạn hiện nay là hiếu với nhân dân, hiếu với cha mẹ¹.

*Đạo trời nào phải ở đâu xa,
Gọi tấm lòng người có giải ra.
Mến nghĩa bao đành làm phản nước,
Có nhân nào nỡ phụ tình nhà.*

(Đạo trời)

Trong bài *Từ biệt cố nhân*, Nguyễn Đình Chiểu bộc bạch:

*Biết ơn phụ tử nghĩa quân thân,
Nhờ có trời sinh đức thánh nhân.*

Dù xã hội phát triển hiện đại như thế nào thì gia đình vẫn là tế bào, là cái nôi đầu tiên của con người, theo đó việc giáo dục chữ “hiếu” giúp con cái thấy được nghĩa vụ và trách nhiệm làm con, cần yêu thương, chăm sóc cha mẹ khi về già². Nghĩa vụ của con cái đối với cha, mẹ được pháp luật quy định tại Điều 70, 71 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Con cái có bốn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình. Có nghĩa vụ

1. Xem Nguyễn Thanh Tuyên: “Những giá trị và hạn chế trong tư tưởng nhân văn của nhà Nho yêu nước Nguyễn Đình Chiểu”, tạp chí *Giáo dục*, số đặc biệt tháng 6/2018, tr.151-154.

2. Xem Phan Thị Hồng Xuân: “Tầm quan trọng của giáo dục gia đình đối với việc hình thành, nuôi dưỡng và phát triển nhân cách con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, 2020.

tham gia sản xuất, tạo thu nhập, đóng góp nhằm đảm bảo đời sống chung của gia đình theo khả năng của mình. Con đã thành niên không sống chung với cha, mẹ, có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cha, mẹ trong trường hợp cha, mẹ không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Bên cạnh đó Nghị định số 144/2021/NĐ-CP, ngày 31/12/2021 của Chính phủ “Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình”, Điều 53 quy định: “Bỏ mặc không chăm sóc thành viên gia đình là người cao tuổi có thể bị phạt đến 20 triệu đồng”. Những quy định của pháp luật hiện hành là những minh chứng cho tư tưởng “trung” và “hiếu” đã hiện diện trong các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu cách đây hơn một thế kỷ.

Bàn về chữ “tiết”. Trong xã hội hiện nay, mặc dù bối cảnh xã hội có nhiều đổi thay theo thời gian nhưng chữ “tiết” của Nguyễn Đình Chiểu vẫn còn giá trị rất lớn đối với người phụ nữ hiện đại. Nguyễn Đình Chiểu đã xây dựng nhân vật Kiều Nguyệt Nga thủy chung, son sắt, tiết hạnh, một lòng một dạ với người mình yêu thương. Cũng có ý kiến cho rằng, nếu chỉ đặt ra vấn đề “tiết hạnh” đối với phụ nữ là chưa bình đẳng. Ở một góc nhìn rộng hơn, tôi đồng tình và thiên về ý kiến cho rằng đức hạnh của người phụ nữ chính là sự nết na, chung thủy, lòng nhân hậu, cách xử sự đúng mực, có tình, có lý đối với chồng con, gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và cộng đồng; sự tận tâm với công việc chuyên môn mà người phụ nữ được giao phó. Danh hiệu “giỏi việc nước, đảm việc nhà” theo đó chính là tư tưởng “tiết” mà Nguyễn Đình Chiểu đã luôn đề cập trong các tác phẩm của mình gắn với bối cảnh bình đẳng giới và xã hội hiện đại ngày nay.

Chữ “nghĩa” trong tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu là chính nghĩa, thủy chung với đất nước, nhân dân; là việc đáng làm, nên làm, giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn, hoạn nạn hay nói cách khác nhân nghĩa là đạo đức của nhân dân, là gốc rễ để trau dồi, rèn giũa con người. Tư tưởng cao đẹp ấy được Nguyễn Đình Chiểu chuyển tải vào trong truyện thơ rất gần gũi với nhân dân Việt Nam nói chung và người dân Nam Bộ nói

riêng. Những câu thơ trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* là những minh chứng cho nghĩa khí “*trai thời trung hiếu làm đầu*” của ông; và tư tưởng nhân nghĩa được mở rộng thành lời kêu gọi động viên đứng lên cứu dân, cứu nước trong *Dương Từ - Hà Mậu*: “*Mến nghĩa bao đành làm phản nước/Có nhân nào nỡ phụ tình nhà*”,... Trong xã hội hiện nay, “nghĩa” là nghĩa vụ và trách nhiệm của con người với cuộc đời, giữa con người với xã hội. Sống ở đời cần phải có trách nhiệm với cuộc đời, có trách nhiệm với quê hương, đất nước, với gia đình, vợ chồng, anh em, bạn bè,... Chữ “nghĩa tình” trong khẩu hiệu xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh “*văn minh - hiện đại - nghĩa tình*” phải chăng là sự tiếp nối của truyền thống đạo lý con người Việt Nam nói chung, người dân Nam Bộ nói riêng với sự phát triển hiện đại của đô thị hôm nay.

b) Nhân cách của Nguyễn Đình Chiểu là một minh chứng sống động về tính năng động của con người Việt Nam

Vượt dòng thời gian quay lại giai đoạn đất nước đầy biến cố, đau thương khi bị thực dân Pháp đô hộ, với Nguyễn Đình Chiểu, dù cuộc đời có nghiệt ngã, nhưng ông luôn thể hiện bản lĩnh, vai trò của người trí thức trước thời cuộc “*Quốc gia lâm nguy thất phu hữu trách*” để vượt qua số phận, đứng vững trước sóng gió của cuộc đời, chọn cho mình con đường sống, chiến đấu bằng ngòi bút “*chí công*” với cái tâm “*đã vì nước phải đứng về một phía*”¹. Chính là thái độ sống có trách nhiệm với vận mệnh quốc gia dân tộc, hợp đạo lý, thuận tình người, thương ghét rõ ràng, chính tà minh bạch theo truyền thống văn hóa Việt Nam, đã hình thành nên nhân cách cao đẹp của Nguyễn Đình Chiểu.

Trong hoàn cảnh đất nước lâm nguy, không tránh khỏi một số phần tử phản bội đất nước. Bất bình trước hành động đê hèn, phản văn hóa ấy, Nguyễn Đình Chiểu là người sớm biểu lộ thái độ khinh miệt, phê phán qua ngòi bút của mình:

1. Xem Nguyễn Văn Châu: “Nguyễn Đình Chiểu nhân cách của một nhà văn hóa lớn”, 2005, https://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/nguyen_dinh_chieu_nhan_cach_cua_mot_nha_van_hoa_lon-f.html, truy cập ngày 06/02/2022.

*Dù đui mà giữ đạo nhà
Còn hơn có mắt ông cha không thờ.
Dù đui mà khỏi danh nhơ
Còn hơn có mắt ăn dơ tanh rình.*

Bút tích của Nguyễn Đình Chiểu “*Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà*”; lý tưởng thẩm mỹ ở các nhân vật anh hùng trong các tác phẩm văn thơ tiêu biểu của ông đã nêu bật một lối sống có bản lĩnh văn hóa và khí phách anh hùng đậm chất Nam Bộ nói riêng, dân tộc Việt Nam nói chung.

Trên lĩnh vực giáo dục, là một nhà giáo, trọn đời thầy Đồ Chiểu chăm lo dạy dỗ môn sinh, truyền thụ cho thế hệ tương lai những điều cốt lõi của văn hóa Việt Nam về đạo lý truyền thống của dân tộc và nhân cách của một bậc trí thức. Những dấu ấn trên văn đàn và các đóng góp của nữ chủ bút Sương Nguyệt Anh - người con gái thứ tư của cụ Đồ Chiểu giúp cho chúng ta có thêm minh chứng về phong cách giáo dục toàn diện của cụ Đồ Chiểu. Sự kiện nữ sĩ Sương Nguyệt Anh làm nữ chủ bút được dân gian truyền tụng qua hai câu ca dao:

*Dem chuông lên đánh Sài Gòn
Để cho nữ giới biết con ông Đồ.*

Thật vậy, được giáo dục trong gia đình giàu truyền thống văn hóa, yêu nước, bà Sương Nguyệt Anh đã xây dựng tờ báo đầu tiên của nữ giới như tiếng chuông của giới nữ, cho thấy vai trò của phụ nữ trong xã hội đương thời với tôn chỉ: “*Nâng cao lý luận đạo đức; Dạy chị em đọc giả của mình biết cách sống hằng ngày; Cổ vũ cho thương mại, tiểu công nghệ; Tạo sự nghiệp tiếp xúc giữa con người*”, ngày càng mở rộng vấn đề “nữ quyền”. Vào thời đó, tư tưởng này rất tiến bộ cho thấy tầm nhìn đi trước thời đại của bà Sương Nguyệt Anh. Hiện nay, phụ nữ Việt Nam không chỉ có riêng tờ báo đại diện tiếng nói của nữ giới mà còn có Liên hiệp các Hội Phụ nữ Việt Nam, Hội Nữ trí thức Việt Nam,... phát huy vai trò của phụ nữ đóng góp vào sự phát triển bền vững của Việt Nam hội nhập khu vực và thế giới.

Ngoài bà Sương Nguyệt Anh, nhiều thế hệ môn sinh của cụ Đồ Chiểu đã tiếp thu sự giáo dục của thầy, nuôi dưỡng ý chí, rèn luyện tinh thần để sẵn sàng trở thành “trang dẹp loạn” như: Nhiêu Đẩu, Nhiêu Gương ở Mỏ Cày cuối thế kỷ XIX; các trí thức Nho học Lê Văn Đẩu, Trần Văn An, Huỳnh Khắc Mẫn ở Ba Tri nửa đầu thế kỷ XX, đều là những thế hệ môn sinh đầy nhiệt huyết mang đậm dấu ấn giáo dục của thầy giáo Nguyễn Đình Chiểu. Nhân cách của nhà giáo Nguyễn Đình Chiểu có ảnh hưởng rất lớn đối với vùng đất Bến Tre và xa hơn nữa. Đất anh hùng từng sản sinh ra nhiều nhân vật anh hùng trong sự nghiệp chống giặc, cứu nước. Ngày nay, nói đến mảnh đất Bến Tre - quê hương của cụ Đồ Chiểu chính là nói đến truyền thống văn hóa Việt Nam mà Nguyễn Đình Chiểu là một con người tiêu biểu và là người có công bảo vệ và truyền lại cho các thế hệ sau này những gì tốt đẹp nhất của truyền thống văn hóa ấy¹.

Bên cạnh là nhà thơ, nhà nho, Nguyễn Đình Chiểu còn được biết đến là một thầy thuốc giỏi, một lương y thông hiểu sâu sắc y lý phương Đông và y lý Việt Nam cả về y thuật và y đức, mà y đức của cụ chính là đạo cứu người lòng trong nghĩa vụ cứu dân, cứu nước. Tác phẩm lớn của Nguyễn Đình Chiểu là quyển *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, là một quyển sách thơ với 3.642 câu theo lối vấn đáp cốt để dạy cách làm thuốc chữa bệnh, tập trung vào các phần: mạch, chế dược, vận khí, thương hàn, sản phụ, nhi khoa,... Qua tác phẩm, Nguyễn Đình Chiểu đã truyền thụ lại không chỉ những tri thức bốc thuốc chữa bệnh mà còn nêu cao tinh thần y đức của người thầy thuốc dạy đạo làm người và đạo làm thầy thuốc cứu người:

Xưa rằng quốc thử lời khen phải

Giúp sống dân ta trọn lẽ trời.

Đối với lương y Nguyễn Đình Chiểu, y đạo tức là nhân đạo:

Thấy người đau giống mình đau

Phương nào cứu đặng, mau mau trị lành.

Đứa ăn mày cũng trời sanh

Bệnh còn cứu đặng thuốc dành cho không.

1. Xem Nguyễn Văn Châu: “Nguyễn Đình Chiểu nhân cách của một nhà văn hóa lớn”, *Tlđđ*.

Theo đó, ông luôn đề cao lương tâm của những người thầy thuốc: sẵn lòng “sẵn sóc miễn phí cho người nghèo”, “thương người như thể thương thân” - một đạo lý vốn có giá trị ngàn đời của dân tộc. Việc cứu chữa cho những người nghèo khổ và chu cấp thuốc men, giúp đỡ họ với sự tận tình từ tấm lòng người thầy thuốc mà không có sự phân biệt đối xử giữa kẻ giàu - người nghèo hay bất cứ giai cấp, tầng lớp nào trong xã hội. Ngành y tế Việt Nam trong đại dịch Covid-19 đã thể hiện tinh thần “Nhân - Nghĩa” trong tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu khi đã huy động mọi nguồn lực, không quản khó khăn, gian khổ, thực hiện tốt nhất các chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ để phòng, chống dịch bệnh, vì sức khỏe của người dân, vì lợi ích quốc gia, dân tộc¹.

Là thế hệ con cháu của quê hương Bến Tre “Đồng Khởi”, nhân kỷ niệm 200 năm ngày sinh của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu (01/7/1822 - 01/7/2022), có cơ hội ôn lại các tư liệu lịch sử viết về ông, đọc lại những tác phẩm kinh điển gắn với cuộc đời và sự nghiệp của ông, tôi càng thêm ngưỡng mộ nhân cách, trân trọng tinh thần yêu nước, thương dân của cụ Đồ Chiểu. Nguyễn Đình Chiểu làm thơ để biểu lộ lòng yêu nước, thương dân và lấy đó làm vũ khí chống giặc; làm ông đồ dạy học vì sự nghiệp nuôi dưỡng hiền tài và giữ gìn bản sắc Việt Nam trong giai đoạn loạn ly của quốc gia - dân tộc; làm thầy thuốc vì đạo cứu người và nhân nghĩa ở đời. Đó là lối sống đẹp với lòng tự hào dân tộc, lòng tự trọng của một người trí thức chân chính, biết trân trọng phẩm giá của con người, giữ đúng khí tiết của một kẻ sĩ.

2. Một vài ý kiến góp phần phát huy tư tưởng, nhân cách của danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu trong bối cảnh hội nhập quốc tế

“Việc UNESCO thông qua nghị quyết cùng kỷ niệm 200 năm ngày sinh của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu khẳng định sự đánh giá cao của

1. Đỗ Thoa: “Điểm sáng nổi bật nhất của ngành y tế”, 2022, <https://dangcongsan.vn/thoi-su/diem-sang-noi-bat-nhat-cua-nganh-y-te-602592.html>, truy cập ngày 06/02/2022.

quốc tế đối với những giá trị về văn hóa, đạo đức, truyền thống học tập của con người Việt Nam. Đồng thời, việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm nhằm tôn vinh và ghi nhận những thành tựu của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu theo yêu cầu của UNESCO, góp phần quảng bá hình ảnh con người và văn hóa của Bến Tre nói riêng và của Việt Nam nói chung với bạn bè quốc tế” (thư Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Bùi Thanh Sơn gửi lãnh đạo tỉnh Bến Tre).

Cũng trên tinh thần của UNESCO và ý kiến của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Bùi Thanh Sơn, tôi xin góp một số ý kiến góp phần truyền thông, phát huy tư tưởng, nhân cách của nhà yêu nước Nguyễn Đình Chiểu trong bối cảnh hội nhập quốc tế, xây dựng thành công cộng đồng ASEAN, tầm nhìn đến năm 2025 “Cùng vững vàng tiến bước”.

- Sưu tầm, biên soạn và phiên dịch các câu thơ nổi tiếng của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu về giáo dục tư tưởng đạo đức “trung”, “hiếu”, “tiết”, “nghĩa”.

Tuyển tập này có thể làm quà tặng cho bạn bè quốc tế thông qua những chuyến công du của lãnh đạo Việt Nam cũng như bạn bè quốc tế đến thăm Việt Nam trong năm 2022 - kỷ niệm 200 năm ngày sinh của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu có tên trong danh sách các danh nhân văn hóa và sự kiện lịch sử niên khóa 2022 - 2023 do UNESCO công nhận.

Bên cạnh đó, các trường đại học, các trung tâm nghiên cứu quốc tế có thể đưa thông tin giới thiệu về nhân cách, tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu (song ngữ Việt - Anh) lên website, fanpage,... giúp cho sinh viên, giảng viên Việt Nam và quốc tế có thêm thông tin về danh nhân văn hóa tiêu biểu của Việt Nam được thế giới công nhận, từ đó nuôi dưỡng thêm lòng tự hào về những người con ưu tú của Việt Nam, tu dưỡng đạo đức, lối sống tốt đẹp “trung”, “hiếu”, “tiết”, “nghĩa” - đã là hàng số văn hóa của dân tộc.

- Các trường đại học giảng dạy về khoa học xã hội và nhân văn; các trường phổ thông, đặc biệt là Thư viện Nguyễn Đình Chiểu - Bến Tre có

thể tổ chức Cuộc thi sưu tầm sách, tư liệu lịch sử về danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu. Việc tổ chức cuộc thi sẽ giúp các em học sinh, sinh viên có cơ hội “ôn cố tri tân”, yêu thích kho tàng văn hóa, văn học phong phú của dân tộc, qua đó tiếp thu được những bài học có ý nghĩa về nhân cách Nguyễn Đình Chiểu: một nhà thơ yêu nước; một nhà giáo yêu nghề, và một thầy thuốc tận tụy hết lòng vì người bệnh không phân biệt địa vị, giàu nghèo...

- *Đưa những nội dung hay, cần thiết và quan trọng trong các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vào chương trình giảng dạy Việt Nam học.* Chuyên đề đặc biệt về danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Đình Chiểu trong năm 2022 thiết nghĩ sẽ góp phần lan tỏa bản sắc văn hóa Nam Bộ nói riêng, Việt Nam nói chung, giá trị đạo đức và nền giáo dục toàn diện hiện thực hóa tinh thần Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 26/3/2004 “Về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài” và Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 19/5/2015 “Về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới”.

- *Chọn lọc các câu thơ hay của các danh nhân văn hóa Việt Nam được UNESCO công nhận, trong đó có Nguyễn Đình Chiểu, dịch ra tiếng Anh đưa lên các trang thông tin điện tử của các bộ, ngành, trường học hữu quan.* Trung tâm nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực ASEAN từ khi mới thành lập đến nay đã sưu tầm, đưa lên các trang web những câu nói nổi tiếng (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) của các vị lãnh tụ như Hồ Chí Minh, Lý Quang Diệu... Trong năm 2022, Trung tâm dự định sẽ tiếp tục giới thiệu các câu nói nổi tiếng của vua Bhumibol Adulyadej của Thái Lan, cựu Thủ tướng Mohathir Bin Mohamad và danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu nhân sự kiện kỷ niệm 200 năm ngày sinh của ông và UNESCO thông qua hồ sơ Danh sách Danh nhân văn hóa và sự kiện lịch sử niên khóa 2022 - 2023.

- *Tỉnh Bến Tre có thể đăng cai tổ chức chương trình Trại hè Sinh viên Y khoa ASEAN nhân kỷ niệm 55 năm thành lập ASEAN,* trong đó

có tọa đàm các vị thuốc nam ở Đông Nam Á trị bệnh cho người dân ASEAN. Qua hội thảo, các bài thuốc và cách chữa trị bệnh, y đức của thầy thuốc Nguyễn Đình Chiểu sẽ được chia sẻ trong cộng đồng đội ngũ y bác sĩ tương lai của Việt Nam và ASEAN.

3. Kết luận

Bằng cuộc đời và sự nghiệp của mình, Nguyễn Đình Chiểu đã góp phần xứng đáng cho đời sống văn hóa dân tộc trải qua thử thách nghiệt ngã được bảo tồn và phát triển qua gần hai thế kỷ. Sống trong tình thương và sự kính trọng của nhân dân, cụ đồ Nguyễn Đình Chiểu mãi mãi là một nhân cách lớn, một nhà văn hóa chân chính của nhân dân mang tầm quốc tế.

Sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu đã góp phần bồi đắp tâm hồn dân tộc, nâng vị trí của văn học miền Nam lên ngang tầm văn học cả nước. Ông được xem là người đã mở đầu cho dòng văn chương yêu nước chống xâm lược. Bên cạnh đó, ông còn là một nhà giáo dục và một thầy thuốc với một nhân cách lớn “thương người như thể thương thân”.

Đối với Bến Tre nói riêng, Nguyễn Đình Chiểu đã có một tầm ảnh hưởng lớn lao trong các tầng lớp nhân dân. Mặt khác, cũng chính vùng đất giàu truyền thống hiếu học, tinh thần yêu nước với phong trào Đồng Khởi - nơi ông đã gắn bó một phần tư thế kỷ đầy biến động - đã góp phần nuôi dưỡng, hun đúc thêm tài năng nghệ thuật của một nhà thơ lớn, một nhà giáo ưu tú, một thầy thuốc của nhân dân.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, qua bài viết này, tôi muốn góp thêm một số ý kiến góp phần phát huy tư tưởng, nhân cách của nhà nho yêu nước Nguyễn Đình Chiểu cũng là hiện thực hóa tinh thần của Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26/3/2004 “Về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài” và Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 19/5/2015 “Về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX

về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới”; Hiến chương và mục tiêu xây dựng cộng đồng ASEAN 2025 trên nền tảng và sức mạnh của văn hóa./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] ASEAN: Hiến chương của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, 2007, <https://www.asean.org/wp-content/uploads/images/archive/AC-Vietnam.pdf>), truy cập ngày 05/02/2022.
- [2] Nguyễn Văn Châu: “Nguyễn Đình Chiểu nhân cách của một nhà văn hóa lớn”, 2005, https://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/nguyen_dinh_chieu_nhan_cach_cua_mot_nha_van_hoa_lon-f.html, truy cập ngày 06/02/2022.
- [3] Phạm Bình Minh: “Cộng đồng ASEAN: Gắn kết để vững bước”, 2019, <https://dangcongsan.vn/thoi-su/cong-dong-asean-gan-ket-de-vung-buoc-531092.html>, truy cập ngày 05/02/2022.
- [4] Phạm Bình Minh: “Vì “một tầm nhìn, một bản sắc, một cộng đồng đùm bọc và sẻ chia””, 2017, <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/cac-van-de/vi-mot-tam-nhin-mot-ban-sac-mot-cong-dong-dum-boc-va-se chia-513910>, truy cập ngày 05/02/2022.
- [5] Ánh Nguyệt: “Hướng đến các hoạt động kỷ niệm 200 năm ngày sinh danh nhân Nguyễn Đình Chiểu”, 2021, <https://baodongkhoi.vn/huong-den-cac-hoat-dong-ky-niem-200-nam-ngay-sinh-danh-nhan-nguyen-inh-chieu-29112021-a94009.html>, truy cập ngày 04/02/2022.
- [6] Luật Long Phan: “Ngược đãi cha mẹ bị xử phạt như thế nào”, <https://luatlongphan.vn/nguoc-dai-cha-me-bi-xu-phat-nhu-the-nao>, truy cập ngày 04/02/2022.
- [7] Đỗ Thoa: “Điểm sáng nổi bật nhất của ngành y tế”, 2022, <https://dangcongsan.vn/thoi-su/diem-sang-noi-bat-nhat-cua-nganh-y-te-602592.html>, truy cập ngày 06/02/2022.

- [8] Nguyễn Thanh Tuyên: “Những giá trị và hạn chế trong tư tưởng nhân văn của nhà Nho yêu nước Nguyễn Đình Chiểu”, tạp chí *Giáo dục*, số đặc biệt tháng 6/2018, tr.151-154.
- [9] Phan Thị Hồng Xuân: “Tầm quan trọng của giáo dục gia đình đối với việc hình thành, nuôi dưỡng và phát triển nhân cách con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, 2020.

Phần thứ năm

**BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY DI SẢN CỦA
DANH NHÂN VĂN HÓA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**

CUỘC ĐỜI VÀ THƠ VĂN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG SÁCH GIÁO KHOA QUỐC VĂN TRUNG HỌC Ở MIỀN NAM GIAI ĐOẠN 1954 - 1975

PGS.TS. TRẦN HOÀI ANH*

Tóm tắt: Trong chương trình Quốc văn bậc trung học giảng dạy ở miền Nam 1954 - 1975, Nguyễn Đình Chiểu hiện hữu với tư cách một tác gia văn học Việt Nam thế kỷ XIX. Cùng với Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương..., Nguyễn Đình Chiểu được giới thiệu trang trọng trong sách giáo khoa quốc văn bậc trung học. Bên cạnh việc khảo cứu về cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu với những nét chính về thân thế, văn nghiệp là việc giảng bình các tác phẩm của ông với hai khuynh hướng: thơ văn đạo lý với Lục Vân Tiên; Dương Từ - Hà Mậu; Ngư Tiều y thuật vấn đáp... và thơ văn thời thế với Điều Phan Công Tòng; Văn tế Trương Công Định; Văn tế sĩ dân lục tỉnh; Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc; Chạy giặc; Hịch thảo thủ...

Bài viết này góp phần luận giải việc thẩm bình, giảng dạy về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu qua ý kiến của các nhà biên soạn sách giáo khoa nhằm xác định nhân vị của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu trong nền văn học nước nhà nhìn từ bình diện văn hóa, đạo đức, luân lý và tấm lòng yêu nước, niềm

* Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh. Liên hệ: anhhoai1108@gmail.com

tự hào dân tộc thể hiện ở sách giáo khoa Quốc văn trung học vốn thấm nhuần triết lý giáo dục: dân tộc, nhân bản và khai phóng của nền giáo dục miền Nam giai đoạn 1954 - 1975.

Từ khóa: Bậc trung học; Miền Nam giai đoạn 1954 - 1975; Sách giáo khoa Quốc văn; Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.

LIFE AND POETRY AND PROSE OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU IN LITERARY TEXT BOOKS FOR SECONDARY EDUCATION IN SOUTH VIETNAM IN 1954 - 1975

Abstract: Nguyễn Đình Chiểu was known as a 19th century Vietnamese literary author in high school textbooks of Vietnam's literature and language where he was respectfully introduced in line with such celebrities as Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, etc. Nguyễn Đình Chiểu's life and career together with the reviews of his works such as Lục Vân Tiên; conversation between Dương Từ and Hà Mậu about Confucianism; conversation between Mr. Ngư and Mr. Tiều about medical treatment and some orations: An oration to Cần Giuộc fighters, an oration to fighters of the six provinces, an oration to Phan Công Tòng; an oration to Trương Công Định; Runaways from enemy, Sympathy for the country's situation etc will be discussed. This paper focuses on interpretation and review of Nguyễn Đình Chiểu's life and his poetry through opinions of textbooks' authors to identify personhood (nhân vị) of poet Nguyễn Đình Chiểu in national literature from perspectives of culture, morality, patriotism, national pride reflected in the textbooks imbued with the educational philosophy of ethnicity, humanity and liberation of Southern education from 1954 - 1975.

Keywords: High school; The South from 1954 - 1975; Textbook of Vietnam's literature and language; Nguyễn Đình Chiểu's poetry and literature.

Toàn văn

1. Dẫn nhập

Không phải ngẫu nhiên, Phan Văn Hùm trong công trình nghiên cứu đầy tâm huyết về nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu: *Nỗi lòng Đồ Chiểu* đã xác quyết: “Thử đọc những bài văn tế của tiên sinh, ta sẽ thấy tiên sinh không phải là không có văn học và văn tài. Duy cái văn tâm thì thật là không thấy tiên sinh có dấu gì nuôi nấng nó. Mà ba cái văn tâm, văn học, văn tài, nếu vắng đi một, nếu không kết thành ba, thì khó nên áng văn hay, bất hủ. Trong buổi nước nhà đa sự, bờ cõi qua phân, các bậc văn thần còn lòng nào chơi văn gọt chữ? Thời cái văn tâm sao đem được vào lòng?”¹. Vì vậy, trong chương trình Quốc văn bậc trung học giảng dạy ở miền Nam 1954 - 1975, Nguyễn Đình Chiểu hiện diện với tư cách là một tác giả lớn của văn học Việt Nam thế kỷ XIX. Và cùng với Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương... Nguyễn Đình Chiểu được giới thiệu trang trọng trong sách giáo khoa Quốc văn bậc trung học. Bên cạnh việc khảo cứu về cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu với những nét chính về thân thế và văn nghiệp là việc giảng bình các tác phẩm tiêu biểu của ông với hai khuynh hướng: thơ văn đạo lý với *Lục Vân Tiên; Dương Từ - Hà Mậu; Ngư Tiều y thuật vấn đáp...* và thơ văn thời thế với *Điếu Phan Công Tòng; Văn tế Trương Công Định; Văn tế sĩ dân lục tỉnh; Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc; Chạy giặc; Hịch thảo tử...* Ngoài ra, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu cũng hiện diện ở sách *ng nghị luận văn chương*, là đề thi môn Quốc văn ở các kỳ thi Trung học Đệ nhất

1. Phan Văn Hùm: *Nỗi lòng Đồ Chiểu*, Tân Việt xuất bản, Sài Gòn, 1957, tr.4.

cấp và kỳ thi Tú tài I, II cho học sinh bậc trung học. Điều này cho thấy, Nguyễn Đình Chiểu và thơ văn của ông có một vị thế quan trọng trong đời sống văn học miền Nam, trong đó có lĩnh vực sách giáo khoa văn học. Đây là nơi nhân cách Nguyễn Đình Chiểu luôn tỏa sáng trong tâm thức bao thế hệ học sinh ở nhà trường miền Nam trước năm 1975, những người sẽ tiếp nối thế hệ cha ông thấp sáng truyền thống đạo lý cao đẹp và tinh thần yêu nước thiết tha được kết tinh từ thơ văn Đồ Chiểu để đáp bồi những giá trị nhân văn cho nền văn học nước nhà.

2. Khái quát về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu ở sách giáo khoa Quốc văn

a) Về cuộc đời và văn nghiệp Nguyễn Đình Chiểu

Có thể nói, bầu khí quyền văn hóa, chính trị, xã hội ở miền Nam giai đoạn 1954 - 1975 là khá cởi mở. Đó là một xã hội được xây dựng trên nền tảng tư tưởng dân chủ, đa nguyên, tự do tiếp nhận nhiều hệ hình lý thuyết tư tưởng Đông - Tây và văn hóa Mỹ. Tình hình đó đã đặt miền Nam trước một cuộc đấu tranh để bảo vệ nền văn hóa truyền thống của dân tộc. Vì thế, tư tưởng triết lý của phương Đông như Nho giáo, Lão giáo, Phật giáo vẫn tiếp tục được duy trì và trao truyền như một trong những hệ giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc để mong đáp một “con đê” ngăn chặn sự xâm lăng của văn hóa ngoại lai, nhất là từ sau năm 1965, khi người Mỹ mang quân vào miền Nam chỉ viện cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa thì phong trào chống Mỹ trong các đô thị miền Nam như một biểu hiện của tinh thần chống xâm lược để bảo vệ nền độc lập cho Tổ quốc. Chính bối cảnh xã hội này là mảnh đất màu mỡ để tinh thần đạo lý truyền thống của dân tộc qua *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu* và tinh thần yêu nước, chống ngoại xâm trong *Điếu Phan Công Tòng*; *Văn tế Trương Công Định*; *Văn tế sĩ dân lục tỉnh*; *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*; *Chạy giặc*; *Ngóng gió đông...* của Nguyễn Đình Chiểu nảy mầm và phát triển trong tâm thức của thế hệ trẻ miền Nam, nhất là học sinh qua những trang sách giáo khoa viết về cuộc đời và văn nghiệp của

Nguyễn Đình Chiểu, một nhân cách, một biểu tượng cao đẹp cho những giá trị đạo lý và tinh thần đấu tranh chống ngoại xâm, để thực thi lòng yêu nước, thương dân theo truyền thống dân tộc mà Nguyễn Trãi đã xác quyết trong *Bình Ngô đại cáo*: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân/Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”. Đây cũng là tinh thần được các nhà viết sách giáo khoa quan tâm lý giải khi luận bàn về cuộc đời và văn nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu. Vì thế, khi giới thiệu về cuộc đời đầy giông bão và bất hạnh của Nguyễn Đình Chiểu, trong *Việt Nam thi văn giảng luận*, Hà Như Chi đã xác quyết: “Nguyễn Đình Chiểu là một nhà nho không ham công danh nhưng muốn làm người hữu ích. Cái mù lòa của ông đã ngăn trở chí hướng của ông rất nhiều chứ không bẻ gãy nó được. Lòng hăng hái nhiệt thành vẫn sống mãi dưới ngòi bút của ông mà ông đã đem dùng vào hai công việc cao quý như nhau: phục vụ vào công cuộc chống giữ giang sơn và dạy đời. Nói đến Nguyễn Đình Chiểu trước hết không nên quên rằng ông là một nhà chí sĩ, tâm hồn hướng theo chính nghĩa, tư cách cao thượng khiến người Pháp cũng phải kính phục. Trong những bài văn của ông làm trong những lúc bôn ba theo cuộc rủi may của chiến trận, ta nhận thấy một lòng yêu nước thương dân sâu rộng. (...) Nhưng Nguyễn Đình Chiểu không chỉ chống giữ giang sơn, ông còn dùng tài học của mình để giáo hóa cho dân, dạy dân tránh gian tà, sống theo đạo nghĩa. Ông là người sẵn sàng hy sinh cho một chủ nghĩa vị tha, lòng thương người của ông rộng lớn đi đôi với một căn bản luân lý thật vững chắc”¹. Đó chính là giá trị nhân văn trong thơ văn Đồ Chiểu.

Trong cái nhìn của các nhà soạn sách giáo khoa ở miền Nam trước năm 1975, Nguyễn Đình Chiểu là một người có niềm tin sắt son vào sự chiến thắng của đạo lý, của lẽ sống chân, thiện, mỹ ở đời. Đây là một hệ giá trị trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu mà *Lục Vân Tiên* là minh chứng, đúng như Phạm Thế Ngũ trong *Việt Nam - Văn học sử giản ước*

1. Hà Như Chi: *Việt Nam - Thi văn giảng luận*, Nxb. Sách Giáo khoa Tân Việt, Sài Gòn, 1956, t.2, tr.373 -375.

tân biên đã chia sẻ: “Bên cạnh ý nghĩa của bài học luân lý, *Lục Vân Tiên* còn có ý nghĩa của một tâm sự. Nguyễn Đình Chiểu viết truyện *Lục Vân Tiên* vừa làm công việc giáo huấn, truyền bá tư tưởng Nho học lại vừa gởi vào tác phẩm một nỗi lòng. Nhân vật chính trong truyện gọi ta nghĩ đến và thấy nhiều tương tự với chính tác giả... Tuy nhiên cũng nên nhận xét rằng *Lục Vân Tiên* chẳng phải chỉ mang hình ảnh của một Nguyễn Đình Chiểu tàn tật đau khổ tức là một Nguyễn Đình Chiểu hiện hữu mà còn mang hình ảnh của một Nguyễn Đình Chiểu dự phóng, ước mơ. Nguyễn Đình Chiểu cùng cực trong cảnh đui lò, nạn nhân bất lực của bệnh tật và bạc tình ấy, đã để tưởng tượng siêu lên, tạo ra người anh hùng lý tưởng. Vân Tiên mù đã được thuốc tiên chữa khỏi, rồi vượt bao nhiêu gian khổ trở ngại, vươn lên hạnh phúc vinh quang... Ông đã đem nghệ thuật để trả thù thực tại, tạo cho chính mình trước hết một huyền ảnh để tự say mê. Song cũng nên nhận xét rằng cái huyền ảnh của tác giả ấy đầy đức độ thanh cao, chứng tỏ tác giả mặc dù bị tật nguyên đầy ải, thất bại nhận chìm mà vẫn giữ lòng tin rất mạnh vào đạo lý, vào cuộc đời”¹.

Tinh thần yêu nước thương dân cùng lý tưởng về một xã hội với nền đạo lý cao đẹp thấm nhuần tư tưởng Nho giáo và đạo đức truyền thống của dân tộc mà cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là một minh chứng sinh động của việc thực hành lý tưởng này không chỉ được Hà Như Chi, Phạm Thế Ngũ đề cao mà còn tìm thấy trong *Việt văn, Đề nghị ABCD* của Võ Thu Tịnh, khi ông cho rằng với tấm lòng: “Chí hiếu và ái quốc chân chính”, Nguyễn Đình Chiểu: “là mẫu nhà nho giữ vững khí tiết trong giai đoạn suy tàn của Nho giáo, ông đau khổ vì vận nước điêu linh và khóc than cái chết của các chiến sĩ cách mạng chống Pháp (văn tế). Ông đề cao tam cương ngũ thường mà ông đã thực hiện được trong đời sống”².

1. Phạm Thế Ngũ: *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* (tập 2), Quốc học Tùng thư xuất bản, Sài Gòn, 1962, tr.478.

2. Võ Thu Tịnh: *Việt văn, Đề nghị ABCD* (in lần thứ 4), Nxb. Hải Vân, Sài Gòn, 1965, t.I, tr.12.

Không những thế, tinh thần ái quốc và lý tưởng đạo lý của Nguyễn Đình Chiểu, trong cái nhìn của Võ Thu Tịnh khá cởi mở và đa chiều khi ông tìm thấy trong lý tưởng bảo vệ đạo lý Nho giáo của Nguyễn Đình Chiểu có cả tinh thần đấu tranh cho “độc lập của quốc gia”, là “hình thức yêu nước và kháng chiến”. Với Võ Thu Tịnh: “Nguyễn Đình Chiểu là một nhà nho thuần túy nhiều hơn là một đạo sĩ. Cụ đã sống theo đạo Nho và cụ đã dùng thơ văn để tuyên truyền bảo vệ đạo Nho mà theo cụ là tiêu biểu cho nền độc lập của quốc gia. Tranh đấu cho đạo Nho ở đây cũng là một hình thức yêu nước và kháng chiến vậy”¹.

Đỗ Văn Tú trong *Giảng văn lớp 11 ABCD (Đệ nhị)*, ở phần lược khảo về tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu, sau khi nêu diễn biến về quê hương, gia đình, cuộc đời, văn nghiệp và những dấu mốc quan trọng về bối cảnh lịch sử xã hội mà Nguyễn Đình Chiểu phải trải qua, Đỗ Văn Tú đã nhìn nhận về con người Nguyễn Đình Chiểu có điểm tương đồng nhưng cũng có điểm dị biệt với ý kiến của Hà Như Chi, Võ Thu Tịnh, khi ông cho rằng: “Là một nhà nho chân chính, Nguyễn Đình Chiểu luôn lưu tâm phổ biến luân lý Khổng Mạnh, nhưng đôi khi, ông cũng có những tư tưởng siêu thoát, phóng khoáng (ảnh hưởng Phật, Lão giáo). Đáng chú ý là ông không bao giờ chú ý đến hành lạc như Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát... Trước quốc biến, ông bộc lộ cái khí tiết bất khuất và thanh cao của một nhà nho ái quốc”². Và trong cảm nhận của Đỗ Văn Tú: “Là một nhà nho khí tiết, không màng danh lợi nhưng rất nặng lòng yêu nước và rất quan tâm đến việc “phù thế giáo” và duy trì chính đạo, Nguyễn Đình Chiểu sáng tác những tác phẩm đạo lý và thời thế rất được phổ biến trong dân chúng. *Lục Vân Tiên*, tác phẩm chính của ông (có trong chương trình giảng văn đệ ngũ) được sáng tác sau khi ông bị mù lòa, không những có mục đích bệnh vực cho nền đạo lý cổ truyền đang bị lung lay vì một biến cố lớn lao là việc Pháp xâm lăng mà còn mang tâm sự hoài bão của ông”³.

1. Võ Thu Tịnh: *Việt văn, Đệ nhị ABCD* (in lần thứ 4), *Sđd*, t.I, tr.189.

2, 3. Đỗ Văn Tú: *Giảng văn lớp 11 ABCD (Đệ nhị)*, Văn Hào xuất bản, Sài Gòn, 1970, tr.185, 311.

Đồng quan điểm với Đỗ Văn Tú khi bàn về khuynh hướng văn thơ đạo lý của Nguyễn Đình Chiểu, Đàm Xuân Thiều - Trần Trọng San trong *Việt văn độc bản*, lớp 11, khi luận bàn về cuộc đời và văn nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu, các tác giả cũng cho rằng: “Nguyễn Đình Chiểu là nhà nho chân chính, bao giờ cũng nhiệt tình bênh vực đạo lý khổng giáo. Tuy nhiên cũng như các nhà nho khác, ông còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng Lão Trang và đôi khi cũng giải bày những tư tưởng phóng khoáng, siêu thoát. Nhưng đặc điểm của ông là vẫn giữ được phong độ thanh cao chứ không đi vào “con đường hành lạc” của đa số nho sĩ. Từ khi gặp quốc biến, ông đã tỏ rõ cái khí tiết bất khuất của một nhà nho nặng lòng yêu nước”¹. Bắc Phong, trong *Quốc văn tổng giảng, Tú tài I ABCD*, trong phần luận giải về thân thế Nguyễn Đình Chiểu, đã xác quyết: “Là một nhà thơ chân chính, ông triệt để bênh vực luân lý Khổng Mạnh và một nhà ái quốc nhiệt thành, ông đã dùng thơ văn kháng chiến, cũng như hô hào lòng ái quốc. Vì vậy, thơ văn ông có hai loại rõ rệt: thời thế và đạo lý. Văn học sử xếp ông vào khuynh hướng đạo lý”².

Có thể thấy, qua ý kiến của các tác giả sách giáo khoa khi luận bàn về cuộc đời và văn nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu đều đánh giá cao sự kết hợp hài hòa giữa đạo lý Nho giáo và đạo lý truyền thống dân tộc thể hiện qua thơ văn của ông mà phẩm tính quan trọng trong lý tưởng đạo lý này là sự kết tinh của giá trị chân - thiện - mỹ. Ở Nguyễn Đình Chiểu, lý tưởng đạo lý và tinh thần yêu nước thương dân, đấu tranh chống xâm lược quỳên hòa làm một, tác động tương hỗ nhau để làm nên nhân cách của một chí sĩ, một trí thức yêu nước luôn xem sự dân thân cho việc hành đạo cứu đời là lẽ sống chứ không chỉ dừng lại ở những mô “lý thuyết suông” “sáo rỗng” và “thiếu tính thực tiễn”, xa rời cuộc sống khổ đau của nhân quần. Và đây là một phẩm tính làm nên hệ giá trị trong cuộc đời và

1. Đàm Xuân Thiều - Trần Trọng San: *Việt văn độc bản, lớp 11*, Bộ Giáo dục - Trung tâm học liệu xuất bản, Sài Gòn, 1971, tr.62.

2. Bắc Phong: *Quốc văn tổng giảng, Tú tài I ABCD*, Tủ sách tự học Sài Gòn xuất bản, 1972, tr.258.

văn nghiệp Nguyễn Đình Chiểu thể hiện qua sự luận giải của các tác giả biên soạn sách giáo khoa Quốc văn giảng dạy ở miền Nam giai đoạn 1954 - 1975 mà chúng tôi sẽ minh chứng tiếp theo sau khi giới thiệu khái quát về cuộc đời và văn nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu.

b) Nguyễn Đình Chiểu với khuynh hướng văn thơ ca ngợi đạo lý

Các nhà biên soạn sách giáo khoa trung học ở miền Nam giai đoạn 1954 -1975, đều thống nhất chia thơ văn Nguyễn Đình Chiểu thành hai khuynh hướng chính là thơ văn đạo lý với các tác phẩm: *Đạo người; Chạnh tưởng Khổng Tử; Lục Vân Tiên; Dương Từ - Hà Mậu* và thơ văn thời thế với các tác phẩm: *Chạy giặc; Điếu Phan Công Tòng* (10 bài); *Điếu cụ Phan Thanh Giản* (2 bài); *Điếu Trương Công Định* (12 bài); *Văn tế sĩ dân lục tỉnh; Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc; Hịch dẹp chuột...* Song, trong hành trình sáng tạo văn học của Nguyễn Đình Chiểu, thơ văn đạo lý được sáng tác đầu tiên, ẩn chứa nhiều tâm sự và khát vọng của ông về một xã hội mà ở đó công lý và đạo lý được thực thi theo lẽ công bằng của truyền thống đạo đức dân tộc “ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ” như một quy luật tất yếu trong triết lý nhân quả của nhà Phật: “tác thiện phùng thiện, tác ác phùng ương” mà chắc chắn Nguyễn Đình Chiểu phần nào đã chịu ảnh hưởng. Thông điệp và khát vọng nhân văn ấy đã được Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* được viết ra bằng sự nghiệm sinh của cuộc đời cay đắng và bất hạnh của mình. Vì thế, có thể xem *Lục Vân Tiên* như là một “tự truyện” về cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu, ở đó chuyển tải lý tưởng đạo đức mà ông hướng tới và khát khao được hiện thực hóa trong cuộc đời. Thế nên Hà Như Chi, trong *Việt Nam - Thi văn giảng luận*, khi phẩm bình về giá trị *Lục Vân Tiên* đã cho rằng: “*Lục Vân Tiên* tuy giọng điệu không lâm ly, tình ý không cảm động bằng *Truyện Kiều*, nhưng qua cái trầm tĩnh của nó ta nhận thấy một tâm sự chứa chan. Ấy là tâm sự của một người con hiếu thảo đau lòng vì mất mẹ, tâm sự của một người có tài đức mà gian nan khổ sở, đường xa bệnh tật, mù lòa, tâm sự uất ức của một người đầy hăng hái nhiệt thành mà không thi thố được việc gì, tâm sự của một người tôi trung “tri quân hay chữ mơ màng năm canh”, tâm sự của một người khí tiết nhưng nhiều tình cảm

bình dị và biết thương người, sống trong cảnh tối tăm vĩnh viễn mà vẫn muốn đem ánh sáng tinh thần của mình cải hóa người đồng loại”¹. Và theo Hà Như Chi, *Lục Vân Tiên* là tác phẩm tiêu biểu cho khuynh hướng văn thơ đạo lý của Nguyễn Đình Chiểu: “Trong *Lục Vân Tiên* tư tưởng Nho học có tính cách luân lý hơn là triết lý. Tác giả không thuyết dụ về thuyết thiên mệnh như trong *Truyện Kiều* mà chú trọng khuyên người đời sống theo đạo đức, giữ gìn tam cương, ngũ thường... Cách bênh vực luân lý cổ truyền trong *Lục Vân Tiên* có hơi thật thà, kém sắc sảo, nhưng cái tinh thần Nho học trong tác phẩm lại rất lành mạnh chất phác, dễ cảm hóa người bình dân”². Và “Vì mục đích giáo hóa ông có ý dùng một giọng điệu không quá cao đối với trình độ bình dân, do đó mà *Lục Vân Tiên* rất dễ được phổ thông và nơi lũy tre bờ ruộng ngày nay, nhất là ở miền Nam, ta vẫn còn thoang thoảng được nghe vang dậy những lời thơ giọng giả nhiệt thành của nhà nho Nguyễn Đình Chiểu: “*Trai thời trung hiếu làm đầu/Gái thời tiết hạnh là câu trau mình*”, “*Dốc lòng trả nợ áo cơm/Sống vang tiết nghĩa, thác thơm danh hiền*”, “*Làm trai trong cõi thế gian/Nước non biết mặt, thị trào biết tên*”³.

Đồng quan điểm với Hà Như Chi, khi nhận định về bộ phận thơ đạo lý của Nguyễn Đình Chiểu, tiêu biểu là *Lục Vân Tiên*, Phạm Thế Ngũ trong *Việt Nam - Văn học sử giản ước tân biên* cũng cho rằng: “Cái ý nghĩa dễ nhận ra qua tác phẩm là bài học luân lý, chủ trương giáo huấn của tác giả. *Lục Vân Tiên* cũng có thể coi như *Nhị Độ Mai* là một truyện Nho chính tông. Vai chính *Lục Vân Tiên*, thể hiện cái lý tưởng trượng phu tài kiêm văn võ, giúp vua trừ gian đuổi giặc. Tất cả những nghĩa cả luân thường: cha con, vua tôi, thầy trò, bạn bè, vợ chồng, chủ tớ, trưởng ấu đều được biểu dương. Ngoài ra đạo họa phúc, luật quả báo, luật tuần hoàn, những nguyên tắc “tích thiện, phùng thiện, tích ác phùng ác” vào truyện đã thấy nêu ra, qua truyện được ứng nghiệm, dẫn giải, hết truyện lại ân cần nhắc nhở, lời cảnh cáo hùng hồn như tiếng kèn đồng đồng bên tai: “*Hỡi ai lẳng lặng mà*

1, 2, 3. Hà Như Chi: *Việt Nam - Thi văn giảng luận, Sđd*, t.2, tr.366, 368, 373.

nghe/Giữ rắn việc trước lánh dê thân sau”. Tác giả đã bình vực đạo lý với lập trường của một tín đồ và ý chí của một chiến sĩ”¹.

Thơ văn đạo lý của Nguyễn Đình Chiểu trong cái nhìn của các nhà soạn sách giáo khoa ở miền Nam sở dĩ có tác dụng mạnh mẽ trong đời sống của nhân dân, bởi vì, nó không chỉ đơn thuần là “khẩu hiệu” mà được minh chứng, được thực hành bằng chính cuộc đời, sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu nên thuyết phục người đọc và có tác dụng giáo dục cao. Đây cũng là cái nhìn của Đỗ Văn Tú trong *Giảng văn lớp 11 ABCD (Đệ nhị)*, khi tác giả cho rằng: “Danh tiếng của ông, đức độ của ông là một yếu tố quan trọng khiến các tác phẩm đạo lý của ông như *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu* và *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* được yêu chuộng hơn nhiều tác phẩm khác có giá trị hơn. Nguyễn Đình Chiểu khuyến khích người dân sống theo luân lý Khổng Mạnh, làm lành, lánh dữ. Lời văn phần nào rất nôm na, giản dị và dễ hiểu đối với người bình dân. Có lẽ ông đã dụng tâm làm như vậy”².

Còn khi đi tìm nguyên nhân hình thành khuynh hướng đạo đức trong sự nghiệp thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu, Bắc Phong, trong *Quốc văn tổng giảng tú tài ABCD* đã luận giải: “Văn minh vật chất Tây phương và trào lưu tư tưởng phóng khoáng của họ đã làm nền cương thường Khổng Mạnh suy sụp, các văn gia cố gắng nói lại điều Trung, Hiếu. Đại diện có hai nhân vật: Nguyễn Đình Chiểu với tác phẩm *Lục Vân Tiên*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, *Dương Từ - Hà Mậu* đề cao trung nghĩa hiếu lễ và các đức tính của người đàn bà, của người quân tử...”³. Vì thế, theo Bắc Phong: “Để khuyên răn người đời sống đúng đạo nghĩa, Nguyễn Đình Chiểu đã sáng tác truyện dài *Lục Vân Tiên* trong đó quan niệm luân lý của ông thể hiện khá rõ rệt: “*Trai thời trung hiếu làm đầu/Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình*”. Đạo tiết hạnh được Nguyễn Đình Chiểu thể hiện qua vai trò của Kiều Nguyệt Nga. Trong *Lục Vân Tiên*,

1. Phạm Thế Ngũ: *Việt Nam - Văn học sử giản lược tân biên*, Sđd, t.2, tr.477-478.

2. Đỗ Văn Tú: *Giảng văn lớp 11 ABCD (Đệ nhị)*, Sđd, tr.313.

3. Bắc Phong: *Quốc văn tổng giảng Tú tài I ABCD*, Sđd, tr.43.

Nguyễn Đình Chiểu đã phân làm hai thứ người: lành được gặp may mắn, thành công hiển hách; kẻ dữ, người ác bị khổ sở, khốn nạn. Luân lý của Nguyễn Đình Chiểu là luân thường của Nho giáo vậy¹. Và “Dưới ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu, luân lý khổng mạnh rất đẹp, rất hữu ích để xây dựng một xã hội mới”². Rồi, Bắc Phong đi đến kết luận về những giá trị và ý nghĩa của bộ phận thơ văn đạo lý của Nguyễn Đình Chiểu với những lý lẽ khá thuyết phục: “Giữa lúc Nho học suy tàn, nhân tâm phân tán vì loạn lạc, vì thời cuộc, Nguyễn Đình Chiểu đã dùng thơ văn để cảnh tỉnh người ta nhớ lại điều luân thường. Chúng ta không xét giá trị những bài học này để xem tính cách hợp thời của nó lúc đó. Ở hoàn cảnh của ông người ta chỉ còn biết an hưởng qua ngày, hay tìm quên lãng vào cuộc cờ chén rượu, thú hành lạc, Nguyễn Đình Chiểu đã hành động ngược lại, bằng cách không yếm thế, bi quan như ai, mà lại dùng thi văn giáo hóa người đời. Hình ảnh của ông thật đáng kính cao cả, đáng được muôn đời ca tụng, nhắc nhở đến mãi”³. Có thể nói, thơ văn đạo lý của Nguyễn Đình Chiểu có một ý nghĩa giáo hóa rất sâu sắc trong nhân dân, bởi tính chân thật và bình dị của nó chính vì vậy, khi đưa vào giảng dạy trong nhà trường tác dụng giáo dục về phương diện đạo đức của nó lại càng được nhân lên gấp bội, bởi tâm hồn thơ ngây trong trắng của lứa tuổi học sinh rất dễ tiếp nhận những cái hay cái đẹp. Và nói như Võ Thu Tịnh, trong *Việt văn, Đề nghị ABCD*: “Khi định giá trị thi văn của Nguyễn Đình Chiểu, ta nên dựa vào tư tưởng hơn văn từ, nên chú trọng đến sự thành thực tự nhiên hơn sự vẽ vời hoa mỹ và không nên quên là chính cái tính cách vị đời và tự nhiên đó đã làm thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, phổ thông và được rất nhiều người ưa chuộng”⁴. Còn Đỗ Văn Tú, trong *Giảng văn lớp 11*, khi nhận định về giá trị của tác phẩm *Lục Vân Tiên* trong phần viết về người Pháp và Lục Vân Tiên, Đỗ Văn Tú đã trích ý kiến của ông Gabriel Aubaret, lãnh sự Pháp tại Thái Lan, người đã dịch *Lục Vân Tiên* ra Pháp ngữ để đăng trên tạp chí *Journal Asiatique* ở Paris với những lời

1, 2, 3. Bắc Phong: *Quốc văn tổng giảng Tú tài I ABCD, Sđd*, tr.261-262, 264, 264.

4. Võ Thu Tịnh: *Việt văn, Đề nghị ABCD* (in lần thứ 4), *Sđd*, t.I, tr.198.

ca tụng có cánh, khi ông viết: “Xin đọc giả lượng thứ cho chúng tôi đã có thiên kiến đối với sách này. Chúng tôi xin thú nhận rằng chúng tôi luôn luôn hết sức chú ý đến sách này. Trong sách chúng tôi nhận thấy rõ rệt những đặc tính chính yếu của một quốc gia mà chúng tôi đã sống lâu năm, ở đó chúng tôi cũng nhận thấy như một cách rõ rệt đến nỗi chúng tôi luôn coi cuốn sách là một trong những sáng tác hiếm hoi của trí óc con người có được cái ưu điểm, lớn lao là diễn đạt một cách trung thực tình cảm của cả một dân tộc”¹.

Khuynh hướng thơ văn đạo lý trong văn nghiệp Nguyễn Đình Chiểu, vì thế có một ý nghĩa lớn trong việc giáo dục nhân cách thế hệ trẻ nước nhà nên rất được các nhà soạn sách giáo khoa Quốc văn trung học xem như một chuẩn giá trị giảng dạy trong nhà trường để rèn luyện nhân cách học sinh theo tinh thần triết lý giáo dục: “Dân tộc, nhân bản và khai phóng” vốn chi phối hệ thống giáo dục miền Nam giai đoạn 1954 - 1975, trong đó có chương trình môn Quốc văn bậc trung học.

c) Nguyễn Đình Chiểu với khuynh hướng văn thơ thời thế

Cùng với khuynh hướng văn thơ đạo lý, *khuynh hướng văn thơ thời thế* cũng là một bộ phận quan trọng góp phần làm nên hệ giá trị của văn nghiệp Nguyễn Đình Chiểu. Nội dung của khuynh hướng thơ văn này chủ yếu ca ngợi tinh thần chiến đấu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân và các lãnh binh ở Nam Bộ thể hiện ở các tác phẩm: *Điếu Phan Công Tòng; Văn tế Trương Công Định; Văn tế sĩ dân lục tỉnh; Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc; Chạy giặc; Ngóng gió đông...* Và qua những tác phẩm này, ta thấy hiện lên hình ảnh chiến đấu ngoan cường của nhân dân Nam Bộ trong những năm kháng Pháp mà nói như Võ Thu Tịnh trong *Việt văn, Đề nghị ABCD*: “là một nhân chứng trước quá trình xâm lăng của thực dân Pháp tại miền Nam, Nguyễn Đình Chiểu đã ghi lại những điều tai nghe mắt thấy rải rác trong thi ca của cụ: Từ các cảnh tàn khốc của chiến tranh, đến cuộc kháng chiến oanh liệt của nhân dân, cho đến các vị anh hùng cứu quốc đã hy sinh cho chính nghĩa mà cụ đã

1. Đỗ Văn Tú: *Giảng văn lớp 11 ABCD (Đề nghị)*, Sđd, tr.324.

khóc một cách chân thành thống thiết... Thơ của cụ không những không khiến chúng ta chua xót thành đốn hèn vì hận sử của một thời chiến bại, trái lại, đã đề cao tinh thần dân tộc tự chủ nêu cao tinh thần tranh đấu bất khuất và lưu lại hậu thế những gương hy sinh cao đẹp của một miền Nam kháng chiến oai hùng”¹. Còn Đỗ Văn Tú, trong *Giảng văn lớp 11 ABCD (Đệ nhị)*, khi giảng bình nội dung bài thơ *Chạy giặc* của Nguyễn Đình Chiểu, với sự thấu cảm nỗi lòng đau đốn của ông trước cảnh tang thương của nhân dân bởi giặc ngoại xâm, Đỗ Văn Tú đã luận giải: “Bằng một giọng chân thành, trong lúc cảm hứng dồi dào, nhà thơ đạo lý Nguyễn Đình Chiểu đã sáng tác một bài thơ thời thế phản ánh trung thực cảnh loạn lạc, cho thấy tác giả là một nhà nho yêu nước, thương dân...”². Không chỉ thấu cảm với nỗi lòng của Nguyễn Đình Chiểu trước cảnh đau thương của nhân dân, đất nước bị xâm lăng, Đỗ Văn Tú còn luận giải “thấu lý đạt tình” sự chia sẻ của nhà thơ trước cái chết đầy bi kịch của nhà chí sĩ nặng lòng với dân, với nước Phan Thanh Giản qua bài thơ *Viếng cụ Phan Thanh Giản* mà theo Đỗ Văn Tú đó là: “Một bài thơ thuộc loại thời thế mà Nguyễn Đình Chiểu sáng tác để viếng mộ cụ Phan Thanh Giản. Không thể bảo vệ được ba tỉnh miền Tây trước súng đạn tối tân của Pháp, cụ Phan uống thuốc độc tự tử vào năm 1867, khi Nguyễn Đình Chiểu, đã 45 tuổi. Bài thơ ca tụng sự nghiệp và tiết tháo của Phan Thanh Giản”³. Thơ văn thời thế của Nguyễn Đình Chiểu, trong cái nhìn của Đỗ Văn Tú, vì thế, là thơ văn chuyên chở tấm lòng yêu nước, thương dân sâu nặng, ở đó Nguyễn Đình Chiểu “đã tỏ ra vô cùng xúc động trước cảnh nhà tan nước mất, dân chúng lầm than, điêu đứng. Trong những bài văn tế, ông đã bày tỏ tâm sự một trung thần trước cảnh nước nhà bị xâm lăng. Ông rất hiểu và rất phục những người dám hy sinh vì đại nghĩa. Và ông luôn luôn nói lên lòng tin tưởng của ông đối với tiền đồ đất nước. Vì mục tât ông không thể trực tiếp tham gia vào công cuộc kháng chiến chống Pháp. Nhưng ông cũng không được yên thân. Nhiều lần ông đã

1. Võ Thu Tịnh: *Việt văn, Đệ nhị ABCD, Sdd*, tr.192-195.

2, 3. Đỗ Văn Tú: *Giảng văn lớp 11 ABCD (Đệ nhị), Sdd*, tr.287-288, 291-292.

phải chạy giặc. Lòng uất hận của ông đã bộc lộ qua những lời văn hào hùng, bi thiết”¹. Có thể nói, qua những luận giải trên, Đỗ Văn Tú đã dựng nên bức chân dung nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu và bức chân dung này được tô bồi thêm qua cảm nhận của Phạm Văn Diêu, trong *Việt Nam văn học giảng bình*, khi phân tích bài thơ *Trung thân nghĩa sĩ* mà theo Phạm Văn Diêu: “Bài thơ này, có thể chứng minh với ta rằng nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, mỗi khi nêu cao đức nhân nghĩa thì lời thơ ông rất hùng hồn, khí thơ thực mãnh liệt nồng nàn vì nguồn thơ với ông đích thực phát ra từ nguồn luân lý vậy. Trong văn học cổ điển nước ta, văn chương Nguyễn Đình Chiểu rất được hoan nghênh và yêu quý trong nhân dân miền Nam cũng như khắp cả nước là vì lẽ đó. Những tác phẩm cao đẹp kia sẽ còn truyền vang mãi trong lòng núi sông, cũng như hình ảnh cao quý bất diệt của nhà văn ái quốc mù lòa Nguyễn Đình Chiểu”².

Song chân dung Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ yêu nước tiêu biểu của Nam Bộ không chỉ dừng lại ở những phác họa của Võ Thu Tịnh, Đỗ Văn Tú, Phạm Văn Diêu mà còn được bồi đắp rực rỡ hơn qua những trang viết của Bắc Phong, trong *Quốc văn tổng giảng Tú tài I ABCD*, khi Bắc Phong xưng danh “Nguyễn Đình Chiểu chí sĩ” và xác quyết: “Nói đến nhà nho ái quốc trong Nam lúc thực dân xâm lăng không ai quên được cụ Nguyễn Đình Chiểu một con người mà nghĩa khí làm cho Tây phải kính phục, nể vì. Tinh thần ái quốc của cụ được nhà văn Nhượng Tống viết bằng những lời đầy cảm kích...”³. Và “Mặc dù không có sức khỏe chiến đấu như các anh hùng khác, Nguyễn Đình Chiểu vẫn xứng đáng là một nhà nho kháng chiến tích cực vì cụ đã dùng thơ văn để nhắc nhở đồng bào yêu nước và ủng hộ tinh thần kháng chiến của các nghĩa sĩ”⁴. Trong cái nhìn của Bắc Phong, Nguyễn Đình Chiểu không chỉ là một chí

1. Đỗ Văn Tú: *Giảng văn lớp 11 ABCD (Đệ nhị)*, Sđd, tr.311-312.

2. Phạm Văn Diêu: *Việt Nam văn học giảng bình*, Hoành Sơn xuất bản, Sài Gòn, 1970, tr.243.

3, 4. Bắc Phong: *Quốc văn tổng giảng Tú tài I ABCD*, Sđd, tr.264, 267.

sĩ yêu nước có “tinh thần nghĩa khí làm cho Tây phải kính phục, nể vì” mà còn là một nhà chí sĩ có lòng thương dân tha thiết, luôn trăn trở trước nỗi đau khổ, lầm than của nhân dân. Vì thế, trong cảm thức của Bắc Phong: “Nguyễn Đình Chiểu là một nhà nho chân chính, một bậc “phụ mẫu chi dân”. Cụ không phải là một tướng quân hào hùng, nên trong khi cảm khái tinh thần dũng chiến của nghĩa quân, cụ để lại những lời thơ thương hại xót xa nhất đến đám dân khốn khổ vì chiến cuộc, những người vô tội như trẻ thơ mà phải chịu nỗi cơ hàn “Đoái sông Cần Giuộc... rồi bỏ làm phân đất”¹. “Nhưng dù thương khóc, Nguyễn Đình Chiểu vẫn một dạ tin tưởng vào sự trường tồn của dân tộc từng quật khởi kiêu hùng chống ngoại xâm cướp bóc: “*Muôn dặm giang san triều thánh đó, giang sơn còn hơi thánh hầy còn/Ngàn năm hồn phách nạn dân này, hồn phách mất tiếng dân nào mất*”. Chưa nhà thơ nào trong lịch sử để lại lòng thương dân thương nước dạt dào, đậm đà như Nguyễn Đình Chiểu. Cụ như người cha hiền của dân chúng, trước cảnh huống con cái phải chịu, không biết làm gì hơn ngoài việc nhỏ đôi dòng lệ sầu thương cho các con phải khốn khó. Chúng ta cảm phục mối thương tâm này biết bao”². Rồi Bắc Phong đi đến kết luận: “Nguyễn Đình Chiểu đã sống sát với đám dân khổ sở vì quốc nạn, dầu cụ bị bệnh tật đui lòa và hòa mình với nghĩa khí can cường của toàn dân để chống lại quân cướp nước, quyết một phen gìn giữ giang sơn gấm vóc, công khó cha ông bao đời vun xới. Giữa lúc hàng ngũ sĩ phu thất bại đã tìm cách lẩn tránh cho qua mối sầu nhân thế, hay là tiêu cực dùng thơ văn kín đáo giải bày tâm sự, hoặc đón hèn đến nỗi cộng tác với thực dân, Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ kháng chiến hào hùng, mạnh dạn tỏ bày nỗi niềm mong mỏi của mình và can đảm hô hào dân chúng nổi dậy chống thực dân, cũng như đề cao công nghiệp của các anh hùng kháng chiến giữa cơ đồ xâm lăng thực dân! Cụ là nhà nho tiết tháo, và văn thơ đầy hào khí quật khởi của cụ cho phép ta xếp cụ ngang hàng với những chiến sĩ ái quốc bậc nhất thế kỷ XIX. Danh cụ không bao giờ mất

1, 2. Bắc Phong: *Quốc văn tổng giảng Tú tài I ABCD*, Sđd, tr.270, 271.

trên giải đất này, giải đất mà cụ đã tích cực dùng sức hơi tàn vun xới, tài bồi cho”¹.

3. Thay lời kết

Trong cuộc đời của mỗi con người, sống, chết là quy luật tất yếu, là chuyện vô thường. Nhưng vấn đề đặt ra là sống và chết như thế nào để xứng đáng với hai tiếng “con người”, xứng đáng là một *Nhân vị* chứ không phải là một *Phóng thể* theo quan điểm của triết học hiện sinh. Vì thế, trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, khi luận về sự sống và cái chết, nhân tưởng niệm sự hy sinh của các nghĩa sĩ Cần Giuộc, Nguyễn Đình Chiểu đã viết những lời gan ruột để tôn vinh sự hy sinh vì nghĩa lớn của những người “dân ấp, dân lân” “chân lấm tay bùn” nhưng cũng đồng thời thể hiện quan niệm của ông về lẽ tử sinh: “*Sống làm chi theo quân tà đạo, quăng vùa hương, xô bàn độc, thấy lại thêm buồn/Sống làm chi ở lính mã tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ/Thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh/Hơn còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di rất khổ*”. Như vậy, suy niệm của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu về sự sống và cái chết đã rõ ràng. Nguyễn Đình Chiểu vẫn “trung thành” với quan niệm truyền thống của dân tộc: “Chết vinh hơn sống nhục” và những điều này được thể hiện rõ trong khuynh hướng *thơ đạo lý và thơ thời thế* cũng như sự chọn lựa thái độ và hành động sống của Nguyễn Đình Chiểu mà các nhà biên soạn sách giáo khoa ở miền Nam giai đoạn 1954 - 1975 đã tập trung luận giải qua cuộc đời - thơ văn của ông và xem như một chuẩn giá trị làm người để giáo dục cho thế hệ trẻ trong nhà trường. Sách giáo khoa môn Quốc văn bậc trung học trong nền giáo dục miền Nam, vì thế cũng là một tài liệu có ý nghĩa khoa học và thực tiễn mà các nhà nghiên cứu văn học nước nhà không thể không quan tâm. Bởi, ở đây chứa đựng nhiều bài học quý giá về việc tu rèn đạo đức, ý thức công dân và tinh thần phụng sự đất nước cho thế hệ trẻ. Không những thế, các bộ sách giáo khoa môn Quốc văn bậc trung học còn là những tư

1. Bắc Phong: *Quốc văn tổng giảng Tú tài I ABCD, Sđd*, tr.272.

liệu văn học cần thiết để nghiên cứu về tiến trình văn học nước nhà từ văn học dân gian, văn học trung đại đến văn học hiện đại cũng như nghiên cứu về cuộc đời và văn nghiệp của các nhà văn, nhà thơ qua các thời kỳ, trong đó cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu được các nhà soạn sách giáo khoa ghi lại như đã luận giải ở trên là một minh chứng. Thế nên, nếu biết khai thác những bộ sách giáo khoa Quốc văn ở miền Nam giai đoạn 1954 - 1975, chắc chắn chúng ta sẽ tìm được nhiều tư liệu quý giá, làm giàu cho nền văn học nước nhà vốn vẫn còn nhiều khoảng trống cần được bù đắp, nhất là về lĩnh vực lý thuyết và tư liệu văn học mà trường hợp Nguyễn Đình Chiểu là một điển hình. Bởi, để xứng đáng với danh xưng nhà văn hóa của nhân loại mà UNESCO đã tôn vinh, việc nghiên cứu về cuộc đời và văn nghiệp Nguyễn Đình Chiểu vẫn còn nhiều câu hỏi cần được giải đáp một cách tường minh trong đời sống văn học hôm nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Võ Văn Dung: “Nguyễn Đình Chiểu, Chiến sĩ”, tạp chí *Văn học* số 133/1971.
- [2] Thu Giang, Nguyễn Duy Cần: “Con người toàn diện của Nguyễn Đình Chiểu”, tạp chí *Văn học* số 133/1971.
- [3] Lê Văn Siêu: *Văn học sử thời chống Pháp (1858 - 1945)*, Trí Đăng xuất bản, Sài Gòn, 1974.
- [4] Ái Lan: “Người phụ nữ trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*”, tạp chí *Văn học*, số 133, 1971.
- [5] Nguyễn Đăng Thục: “Tinh thần truyền thống với *Lục Vân Tiên*”, *Văn nghệ tập san*, số 8, 1955.
- [6] Vũ Quế Viên: *Quốc văn lớp 8*, Sài Gòn, 1974.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG VIỆC XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

ThS. VINH QUỐC BẢO*
ThS. NGUYỄN VĂN CU**

Tóm tắt: Việc ứng dụng công nghệ số đã giúp cho các thư viện, bảo tàng thực hiện hiệu quả được công tác sưu tầm, tổ chức cơ sở dữ liệu phục vụ tra cứu cho các nhà nghiên cứu. Đồng thời thuận tiện trong việc phát huy giá trị di sản thông qua hoạt động nghiên cứu và xuất bản của các cơ quan, nhà nghiên cứu trong lĩnh vực liên quan.

Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác nghiệp vụ và phục vụ từ khoảng thập niên 1990. Chương trình sưu tầm, số hóa và phát huy giá trị tài liệu Hán Nôm là chương trình được Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện từ năm 2009 đến nay. Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã phối hợp với các thư viện tỉnh ở phía bắc miền Trung Việt Nam trong hoạt động sưu tầm; việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sưu tầm, số hóa tài liệu Hán Nôm tại các gia đình, dòng họ tại các địa phương.

Thư viện sẽ thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu về Nguyễn Đình Chiểu dựa trên kinh nghiệm đã tích lũy được từ chương trình sưu tầm, số hóa tài liệu Hán Nôm những năm qua.

Từ khóa: Công nghệ số; Hán Nôm; Nhân văn số; Nguyễn Đình Chiểu.

*, ** Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

APPLYING DIGITAL TECHNOLOGY IN BUILDING DATA BASE ON NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Abstract: The application of digital technology has facilitated libraries and museums to effectively collect and develop databases to serve researchers and, at the same time, to help promote heritage values through research and re-publishing activities of publishers/researchers in related fields.

The General Science Library of Ho Chi Minh City has applied Information and Technology (IT) to professional and service work since 1990s, in particular, the program of collecting, digitizing and promoting the value of Sino-Nôm documents has been implemented from 2009 up to now. The General Science Library of Ho Chi Minh City has cooperated with provincial libraries in Northern Central Vietnam in the application of digital technology to the collection and digitization of Sino Nôm documents in families and clans of localities.

The library plans to build a Database (a Collection) of Nguyễn Đình Chiểu based on the experience gained from the program of collecting and digitizing Sino Nom documents in the past years.

Keywords: Digital technology; Sino Nôm; Digital humanity; Nguyễn Đình Chiểu.

Toàn văn

1. Khái quát về Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh là một thư viện công cộng được xem là lớn nhất khu vực phía nam Việt Nam. Trước năm 1975, nơi đây vốn là thư viện quốc gia của miền Nam Việt Nam,

hiện nay thư viện đang sở hữu một vốn tài liệu rất đồ sộ, trong đó có số lượng lớn các tài liệu quý hiếm, có giá trị nghiên cứu cao.

Bên cạnh các nhiệm vụ chính của một thư viện công cộng ở một thành phố đông dân cư, hiện nay thư viện rất quan tâm đến việc sưu tầm, bảo quản và phát huy vốn tài liệu quý hiếm - được xem là di sản văn hóa của dân tộc. Từ năm 2009 đến nay, Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đơn vị tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ số hóa thực hiện chương trình sưu tầm, số hóa, bảo quản và phát huy vốn tài liệu Hán Nôm. Chương trình được phối hợp chặt chẽ giữa Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh với các thư viện, bảo tàng các tỉnh có cùng mối quan tâm.

2. Sự cần thiết của việc bảo tồn và phổ biến các giá trị văn hóa của tài liệu về Nguyễn Đình Chiểu bằng việc ứng dụng công nghệ số

Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) là nhà thơ, nhà văn hóa lớn của dân tộc Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX. Vì vậy cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu được nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm. Những tác phẩm của ông đã trở thành kinh điển, có giá trị văn hóa dân tộc.

Ngày 23/11/2021 tại Pari (Pháp), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) thông qua Nghị quyết vinh danh Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ, nhà văn hóa lớn của nhân loại. Năm 2022, UNESCO tổ chức vinh danh Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu nhân kỷ niệm 200 năm ngày sinh của ông. Sự kiện này đã trở thành niềm tự hào, vinh dự của người dân tỉnh Bến Tre nói riêng và của dân tộc Việt Nam nói chung.

Theo ông Nguyễn Quang Trị, Chủ tịch Hội Di sản Văn hóa tỉnh Bến Tre, công việc cần thiết hiện nay là đưa vào số hóa những nội dung của người đời ca ngợi cuộc đời con người, sự nghiệp và những tác phẩm thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu. Những nội dung này rất phong phú và được lưu truyền tản mát trong nhân dân hoặc trong các bài viết rất cần hệ thống lại một cách bài bản. Bên cạnh đó, cần quan tâm

mảng sáng tác ngẫu hứng trong dân gian dựa trên các tác phẩm thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, tiếp tục sưu tầm và số hóa để lưu truyền không những cho Việt Nam mà còn cho thế giới nghiên cứu.

Hiện nay, tại Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đang lưu trữ hơn 600 tài liệu bao gồm sách, bài báo, tác phẩm thơ văn, thư mục, tài liệu hội thảo... về Nguyễn Đình Chiểu, bên cạnh tổng Nôm và một số tài liệu Hán Nôm quý hiếm hiện được lưu trữ và bảo quản cẩn thận. Trong thực tế, các tài liệu quý hiếm này hiện được lưu trữ ở nhiều kho của thư viện, nằm phân tán. Một số tài liệu được cho là quý hiếm nhưng chất lượng giấy không còn bảo đảm, giấy giòn vàng do điều kiện khí hậu khắc nghiệt làm giấy mau hỏng, do vậy đã làm hạn chế khả năng tiếp cận, khai thác của bạn đọc.

Thông qua các chương trình sưu tầm và số hóa tài liệu Hán Nôm tại các tỉnh phía bắc miền Trung, đến nay, có thể thấy việc sưu tầm, số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu về Nguyễn Đình Chiểu là rất cần thiết, vì sẽ giúp cho chúng ta tập hợp một cách đầy đủ, có hệ thống tất cả tài nguyên thông tin liên quan đến thân thế, sự nghiệp, tác phẩm văn chương, các công trình nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu,... Thêm vào đó, xây dựng bộ sưu tập số trên nền tảng internet sẽ giúp cho bạn đọc, các nhà nghiên cứu thuận tiện trong việc tiếp cận, tra cứu, chia sẻ thông tin liên quan đến Nguyễn Đình Chiểu.

3. Kế hoạch xây dựng bộ sưu tập số về Nguyễn Đình Chiểu

- Về nội dung tài liệu Nôm được số hóa

Tài liệu ưu tiên chọn lựa sưu tầm bao gồm các mảng tài liệu sau: Thân thế và tiểu sử; sự nghiệp văn chương; giai thoại; nghiên cứu, lý luận, phê bình; giải thưởng; tin tức, sự kiện liên quan đến Nguyễn Đình Chiểu.

- Kỹ thuật số hóa được áp dụng cho tài liệu quý hiếm

Thiết bị phù hợp:

Đặc thù loại hình tài liệu khá đa dạng về kích thước, niên đại, tình trạng,... hơn nữa, việc sưu tầm và số hóa cần các thiết bị chuẩn bị đa

dạng, linh động để có thể đáp ứng với tính đa dạng của tài liệu. Trong đó có một số thiết bị được sử dụng trong chương trình như:

- Máy scan chuyên dụng ProServ; máy scan chụp trên xuống (không lật úp tài liệu) Zeutschel.
- Máy chụp hình kỹ thuật số chất lượng cao Canon có giá đỡ máy và hệ thống đèn chuyên nghiệp.



*Hệ thống máy scan chuyên dụng tại Thư viện
Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh*

Quy trình số hóa:

- Lập phiếu tài liệu (phiếu dây chuyền).
- Phân loại nhanh loại hình; đánh giá tình trạng tài liệu (điền vào phiếu dây chuyền).
- Tiến hành tu bổ, phục chế cẩn thận tài liệu trước khi scan đối với tài liệu không bảo đảm chất lượng.
- Lấy mẫu chọn độ phân giải thích hợp với tùy từng loại tài liệu.
- Số hóa và lưu trữ với định dạng file thích hợp.
- Xử lý file sau số hóa.
- Thực hiện việc lưu trữ các định dạng tùy tính chất và đặc thù tài liệu.

Xây dựng bộ sưu tập/Cơ sở dữ liệu toàn văn

- Ứng dụng phần mềm thích hợp cho từng mục đích sử dụng vốn tài liệu số này. Có thể sử dụng phần mềm quản lý bộ sưu tập số có thể truy cập trực tuyến lẫn ngoại tuyến hoặc trích xuất dạng CD/DVD, như một số phần mềm Greenstone, Dpace, Phân hệ quản trị nội dung số EmicLib.

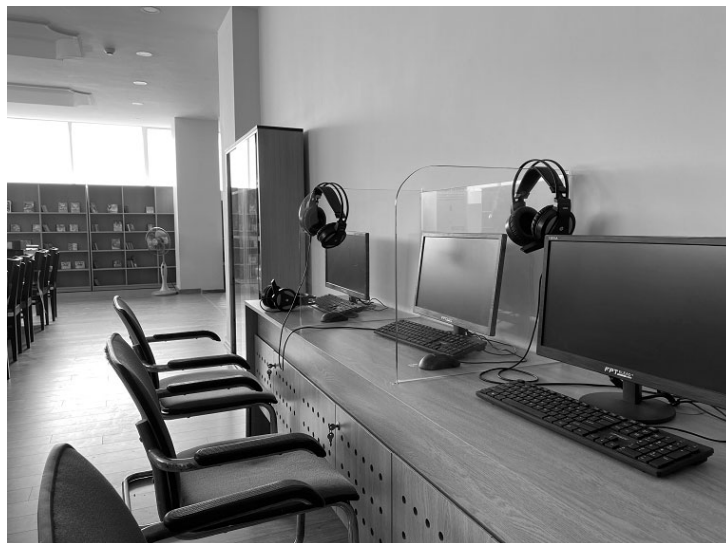
- Biên mục chi tiết cho tài liệu số (biên mục toàn văn) vào phần mềm quản lý.

- Tổ chức cơ sở dữ liệu tra cứu trực tiếp qua môi trường mạng LAN, mạng internet hoặc xuất dạng CD/DVD.

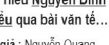
4. Tuyên truyền, quảng bá các ứng dụng công nghệ số

Nhằm tạo điều kiện thuận tiện cho bạn đọc và các nhà nghiên cứu tiếp cận, sử dụng vốn tài liệu quý giá này, Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh cần thực hiện các hoạt động truyền thông quảng bá và tổ chức không gian phù hợp.

Không gian đọc: Phòng Nghiên cứu chuyên đề được tích hợp từ ba phòng phục vụ trước đây: Phòng đọc Hán Nôm; Phòng Nghiên cứu chuyên đề; Bộ sưu tập của nhà nghiên cứu Trần Trọng Đăng Đàn; Tài liệu nghiên cứu về âm nhạc với sức chứa 50 chỗ ngồi.



Bộ sưu tập Nguyễn Đình Chiểu cũng sẽ được phục vụ tại không gian các phòng đọc cũng như được dễ dàng truy cập qua môi trường mạng, tại địa chỉ website của thư viện <https://phucvu.thuvientphcm.gov.vn/>.

Bảo Định Giang (3) Trần Hữu Nghiệp (3) Cà Văn Thỉnh (3) Hà Huy Giáp (2) Phạm Văn Đồng (2) Xem Thêm >>>	 Tinh thần bất khuất của Nguyễn Đình Chiểu Tác giả: Nguyễn Hữu Năng  	 Nhân cách lớn: Nguyễn Đình Chiểu Tác giả: Trúc Chi  	 Nguyễn Đình Chiểu với những bài văn t... Tác giả: Hải Chu  	 Tìm hiểu Nguyễn Đình Chiểu qua bài văn t... Tác giả: Nguyễn Quang TÔ  
Từ Khôá Cư Xá Tự Do (1) Dương Tử - Hà Mậu (1) Sự Nghiệp Giáo Dục (1) Nghiên Cứu (1) Lê Văn Duyệt (1) Xem Thêm >>>	 Tiểu Đề Đề Mục Anh (4)	 Loại Tài Liệu		

Trang chủ » Kết quả tìm kiếm

The image shows a scanned document, likely a library card or a book's title page. At the top, there is a header in Vietnamese: "Tài liệu này không có mục lục." Below this, the title of the work is printed in large, bold, black letters: "TÌM HIỂU NGUYỄN - ĐÌNH - CHIỀU Qua bài văn 16 NGHĨA-SĨ CẦN-GIUỘC". The author's name, "NGUYỄN-QUANG-TÔ", is printed below the title. To the left of the author's name, there is a handwritten note: "Số 249 (15/7/1970)". At the bottom of the page, there is a small, faint stamp that reads "Thư viện Quốc gia Việt Nam".

5. Kết luận

Trong những năm gần đây, Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị di sản của dân tộc bằng các chương trình cụ thể. Đặc biệt, việc ứng dụng công nghệ số giúp cho chương trình đạt được các mục tiêu quan trọng:

- Sưu tầm, tập hợp một cách có hệ thống, đầy đủ các tài liệu với định dạng số (digital) có giá trị từ các thư viện, cơ quan bạn...

- Hỗ trợ các thư viện và cơ quan, người dân lưu trữ lâu dài tài liệu của dòng họ dưới dạng số hóa.

- Tăng cường hoạt động trao đổi, chia sẻ nguồn lực thông tin số giữa các đơn vị thư viện, bảo tàng... trong hoạt động lưu trữ, phục vụ tài liệu quý hiếm.

- Với kỹ thuật số hóa phù hợp, có thể dễ dàng phục dựng, xuất bản, tổ chức khai thác và giới thiệu đến công chúng, các nhà nghiên cứu vốn tài liệu quý giá này./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] “Bài nói chuyện về tài liệu Hán Nôm, di sản văn hóa quốc gia” tại Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11/2009.
- [2] Hội thảo “Bảo quản và số hóa tài liệu Hán Nôm”, Huế.
- [3] Kế hoạch chiến lược của Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4] Chương trình dịch tuồng cổ Hán - Nôm.
- [5] Chương trình sưu tầm và số hóa tài liệu cổ các tỉnh miền Trung, Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [6] Báo cáo hàng năm của Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 đến nay.

ỨNG DỤNG CÁC DI SẢN CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU VÀO MÔ HÌNH DU LỊCH DI SẢN SINH THÁI*

GS. CHUNG HOÀNG CHUƠNG**

Tóm tắt: Tỉnh Bến Tre được biết đến là một vùng đất “địa linh nhân kiệt” với nhiều di tích lịch sử góp phần tạo nên bề dày văn hóa lịch sử của một địa phương nổi tiếng ở Tây Nam Bộ. Dựa trên hành trình di sản văn của nhà thơ, nhà giáo, thầy thuốc Nguyễn Đình Chiểu trong bối cảnh mới - được cả thế giới tôn vinh; bài viết này đề cập nhu cầu và tiềm năng kết hợp giữa các đặc điểm sinh thái và các danh nhân văn hóa ở tâm thế giới trong lĩnh vực du lịch, đặc biệt là những đóng góp của Nguyễn Đình Chiểu cho tỉnh Bến Tre nói riêng và vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Chỉ cách trung tâm đô thị Thành phố Hồ Chí Minh khoảng một giờ đi xe ô tô, Bến Tre nằm trong “tâm tay” của du khách và hứa hẹn mang đến nhiều điểm tham quan và trải nghiệm lý tưởng cho du khách trong nước và quốc tế. Kết nối câu chuyện Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu và du lịch qua kênh trải nghiệm mới, đưa ra mô hình du lịch sinh thái - nhân văn ở một điểm đến cuối nguồn sông Mekong là tâm điểm của bài viết này.

Từ khóa: Bến Tre; Di sản văn hóa; Mekong; Nguyễn Đình Chiểu; Sinh thái - nhân văn.

* Nguyên bản tiếng Anh, TS. Nguyễn Thị Thu Hà dịch sang tiếng Việt.

** Nguyên Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Việt Mỹ, Đại học bang San Francisco, Hoa Kỳ. Liên hệ: mekong4ever@gmail.com

APPLYING HERITAGES OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TO MODEL OF ECOLOGICAL HERITAGE TOURISM

Abstract: As a province Ben Tre is known for a range of historical personalities that contribute to the thickness of local history and culture. Adapting the legacies of the literary, pharmacist Nguyễn Đình Chiểu, this short paper addresses the need for a combined ecological features and the historical figures, in particular the contributions of Nguyễn Đình Chiểu to the Province of Ben Tre and to the overall Mekong Delta. Only an hour away from the megalopolis of Saigon, Ben Tre is within reach and presents various attractions and experiences to both national and international tourism.

Keywords: Bến Tre; Cultural heritage; Mekong; Nguyễn Đình Chiểu; Ecology - humanities.

Toàn văn

1. Giới thiệu

Tôi biết đến tỉnh Bến Tre cách đây không lâu, có thể là vào năm 2017 khi một trong những hội thảo quốc tế do Stiftung của Đức tổ chức đã giới thiệu cho tôi về vùng đất này của châu thổ sông Cửu Long. Ít ai biết rằng Bến Tre được coi là nơi sản sinh ra các phong trào cách mạng trong lịch sử cận hiện đại, cũng là trung tâm dừa của Việt Nam hay của lục địa Đông Nam Á. Chẳng bao lâu sau, đó là sự khởi đầu của một mối quan hệ thân thiết khi tôi trở thành khách quen của tỉnh. Châu thổ sông Cửu Long cũng là nơi tôi thường xuyên thực hiện các hoạt động điền dã.

Bến Tre đã mở rộng vòng tay với tôi và tôi được biết sự đa dạng của từng hòn đảo tạo nên toàn bộ tỉnh, nơi có ba nhánh chính của sông Mekong hùng vĩ xác định vị trí địa lý. Đó là sự khởi đầu của một mối

quan hệ lâu dài, kéo dài cho đến dịp đặc biệt này khi chúng ta kỷ niệm một sự kiện của UNESCO vinh danh Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu, người đã đưa Bến Tre lên bản đồ. Một nhà thơ, một nhà thảo dược học và là một người dân Bến Tre cho đến tận cùng. Nguyễn Đình Chiểu đã làm cho mọi người dân Bến Tre tự hào về những đóng góp của ông với tư cách là một nhà giáo, một thầy thuốc nam và những di sản của ông để lại. Trong phạm vi bài viết này, tôi cố gắng khám phá ý tưởng về mô hình du lịch kết hợp trọng tâm kép giữa trải nghiệm di sản và sinh thái. Bến Tre đã và đang thu hút khách trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, với việc đại dịch Covid-19 đã làm ngưng trệ các hoạt động du lịch trong một thời gian dài, có lẽ những ý tưởng mới có thể góp phần phục hồi ngành công nghiệp không khói này cũng như nối lại thân tình với tỉnh đảo thuộc châu thổ sông Cửu Long này.

Tôi chọn địa điểm an nghỉ của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu là huyện Ba Tri để đưa vào mô hình du lịch với hy vọng có thể góp phần đổi mới nỗ lực chung để đưa du khách trở lại Bến Tre cũng như châu thổ sông Cửu Long. Đó là khoảng thời gian rất khó khăn khi đại dịch đã làm dừng mọi hoạt động du lịch. Tôi nhanh chóng đưa ra một kế hoạch bao gồm các ý tưởng và đề xuất một mô hình cho phép công nhận các yếu tố sinh thái và các di sản hoặc di tích lịch sử hiện có để tạo thành một vòng lặp có thể được xem xét cho một chuyến thăm một ngày hoặc một chuyến phiêu lưu hai ngày, khi mà khoảng cách giữa Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Bến Tre là khoảng 90 phút di chuyển. Theo hướng đó, điểm nhấn của tôi sẽ là hệ sinh thái của khu vực có thể cung cấp những gì và nếu vậy, một số lựa chọn hiện có có thể được đưa vào trọng tâm chính: thăm nơi an nghỉ của Nguyễn Đình Chiểu để tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp và những đóng góp của ông cho tỉnh Bến Tre và cho vùng châu thổ sông Cửu Long rộng lớn cộng với trải nghiệm về hệ sinh thái sông Cửu Long mà một trung tâm có thể cung cấp trong phạm vi di chuyển giữa hai địa điểm.

Tôi đã học được gì về nhà yêu nước và cũng là một nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu? Ông là một nhà giáo, một nhà thơ, một nhà thảo dược học và

hơn hết là một nhà văn Việt Nam xuất sắc. Từ một nhà thơ thuần túy, ông đã có được những kỹ năng mới về y học và hành nghề như một chuyên gia thảo dược, điều này đã khiến ông được người dân huyện Ba Tri ngưỡng mộ và kính trọng, ngay cả khi việc mù lòa cũng không ngăn được ông làm việc hiệu quả trong giai đoạn cuối của cuộc đời. Thiên nhiên ở ngoài kia có thể cung cấp các thành phần cần thiết để chữa bệnh, giúp đỡ, giảm bớt bệnh tật trong cộng đồng một cách hiệu quả. Sự có mặt của thảo dược đã rất phổ biến trong cuộc sống của nông dân miền Nam. Liệu hệ sinh thái đặc biệt của Bến Tre có thể cung cấp một sự lựa chọn tự nhiên của các loại thuốc vẫn được sử dụng trong điều trị thường xuyên? Liệu chúng có thể được hồi sinh? Do đó, tôi cho rằng thực sự chúng ta có thể liên kết du lịch sinh thái với nhân vật văn học/y học này trong việc tôn vinh cuộc đời và đóng góp của ông cho sức khỏe cộng đồng. Tôi rất do dự khi dẫn thân vào một lĩnh vực mà tôi biết rất ít khi mà cái tên Nguyễn Đình Chiểu đến với tôi sau nhiều năm dạy một môn học hoàn toàn khác ở Hoa Kỳ. Tôi trân trọng cơ hội được tiếp xúc lại với văn hóa quê hương, đã cho phép tôi học hỏi những điều mới mẻ về quê hương Việt Nam của tôi. Khu vực sông Mekong hiện đang là trọng tâm của tôi và Bến Tre là bước đi đầu tiên của tôi vài năm trở lại đây.

Với suy nghĩ này, tôi sẽ bắt đầu đánh giá khái niệm “sinh thái” trong bối cảnh Việt Nam nói chung và sau đó tìm hiểu xem Bến Tre có thể cung cấp những gì để lựa chọn cho một trung tâm sinh thái, đáp ứng không chỉ sự tò mò của du khách mà còn giúp họ tìm hiểu thêm về môi trường tự nhiên của tỉnh. Tôi may mắn được kết bạn với Tiến sĩ Phạm Văn Luân, người đã dành nhiều thời gian cho công việc của tôi về châu thổ. Thông qua anh, tôi đã tích lũy được khá khá thông tin và làm quen với văn hóa địa phương cũng như các vị trí địa lý, sự quan tâm đặc biệt và thể hiện trong hệ sinh thái nói chung của vùng và gắn kết với chuyến viếng thăm nơi yên nghỉ của nhà thơ nổi tiếng. Đây là một nỗ lực mới nhằm đa dạng hóa quy hoạch du lịch cho Bến Tre vì tỉnh đảo này có nhiều đặc điểm có thể đáp ứng nhu cầu của du khách muốn thưởng thức hương vị của vùng châu thổ ven biển, cách Thành phố Hồ Chí Minh chỉ

hơn 1 giờ di chuyển. Bằng việc đề xuất lộ trình này trong huyện Ba Tri, nơi nhà thơ và con gái của ông đã yên nghỉ và mang đến cho bạn đọc mô hình này với sự bảo lưu rằng nó mang tính khám phá và cần nhiều phản hồi, đóng góp của các độc giả cũng như các nhà nghiên cứu có kinh nghiệm. Tôi rất biết ơn vì điều đó.

2. Nước, nước mọi nơi

Châu thổ sông Cửu Long Việt Nam khá rộng với diện tích khoảng 40.000km², có tổng dân số gần 18 triệu người. Nó vẫn ổn định dù có một phong trào rời làng để có cơ hội tốt hơn trong thành phố. Từng được biết đến với cuộc sống đủ đầy, vùng châu thổ đã phải hứng chịu gấp đôi do đại dịch Covid-19. Nơi đây chủ yếu là một xã hội dựa trên nông nghiệp kể từ khi hình thành, khi vùng châu thổ chỉ có dân cư nông thôn là người dân tộc Khmer. Khoảng 300 năm trước, những cuộc di dân mới kéo theo những người di cư mới từ miền Trung Việt Nam, cùng với người Hoa từ các tỉnh phía nam Trung Quốc xuất hiện. Các cộng đồng dân tộc này cùng nhau xây dựng một nền kinh tế dựa vào nông nghiệp vững mạnh. Thông tin chi tiết về tầng lớp nông dân miền Nam này có thể tham khảo các tác phẩm của James Scott và Samuel Popkin. Hai mô hình đã được giải thích và có thể cung cấp cho bạn một số ý tưởng về xã hội này với các tác phẩm gần đây của David Biggs. Trên thực tế, giai cấp nông dân phía nam của châu thổ khá khác biệt so với phần còn lại của đất nước với sự hiện diện của một mạng lưới đường thủy rộng khắp vùng châu thổ. Mạng lưới này cho phép sự tương tác giữa các tỉnh trước đây bị lãng quên trong chiến tranh với sự quan tâm mới trong việc cải thiện hệ thống thông tin liên lạc trên mặt nước này. Bến Tre là tỉnh đảo tiêu biểu tận dụng được ba nhánh của dòng sông Mekong hùng vĩ. Do đó, nó khá độc đáo về mặt sinh thái và môi trường, khá lý tưởng cho bất kỳ nghiên cứu xã hội học sinh thái nào về môi trường châu thổ tiêu biểu.

Gần đây, dòng chảy của sông Mekong bị suy yếu do các con đập ở thượng nguồn giữ lại một lượng nước khổng lồ, nó sẽ trộn các dòng nước mặn thượng lưu vào các cửa sông, do đó có hàm lượng muối cao và trở

thành nước lợ. Dọc theo đường bờ biển tất nhiên nước mặn sẽ làm thay đổi hệ sinh thái của đường bờ biển và các cửa sông. Ba loại nước này chi phối hệ sinh thái của vùng đất bằng phẳng này và dựa vào dòng chảy đều đặn của sông Mekong mang phù sa hằng năm, châu thổ tích tụ những trầm tích quan trọng này để trở thành vùng màu mỡ nhất và dân số phát triển khá nhanh cùng với sự gia tăng di cư nội địa. Người Chăm Hồi giáo mới đến từ Campuchia và có lẽ cả từ Malaixia. Đó là biểu hiện hiện nay của châu thổ đa văn hóa này. Phù sa đóng vai trò quan trọng và sự chăm chỉ của cộng đồng tái định cư đã khiến châu thổ trở thành vùng nông nghiệp hàng đầu của Việt Nam, nơi có thời điểm GDP của châu thổ dẫn đầu cả nước. Tóm lại, châu thổ thực sự cần được giúp đỡ về mọi mặt vì công trình nghiên cứu gần đây của Tiến sĩ Vũ Thành Tự Anh từ Đại học Fulbright đã gióng lên hồi chuông báo động và vấn đề về nước không nên bị bỏ qua.

3. Khái niệm về sinh thái trong lịch sử Việt Nam cận hiện đại

Để liên kết các tác phẩm của nhà thơ với chủ đề sinh thái phải đối mặt với một số thách thức. Ông ấy đã viết gì về tự nhiên và sinh thái? Có phải bài thơ/truyện *Lục Vân Tiên* gồm nhiều đoạn mà ông coi trọng việc bảo tồn thế giới xanh? Do đó, việc tập trung xác định một số yếu tố trong phần tác phẩm này sẽ mất thời gian và vì thời hạn đã được ấn định, tôi chủ yếu dựa vào tóm tắt như những nguồn mà tôi có thể sử dụng để hỗ trợ quan niệm về sinh thái và sự tôn trọng thế giới tự nhiên của một tác giả văn học nổi tiếng viết phần lớn bằng chữ Nôm (Demotic script). Tuy nhiên, từ việc nghiên cứu ngôn ngữ hoặc giải mã ẩn dụ và những ý tưởng đề xuất việc bảo tồn môi trường tự nhiên, hầu như không có gì mà tôi có thể thấy là liên quan. Tác giả chủ yếu tập trung vào việc chống lại chủ nghĩa thực dân và nêu cao lòng yêu nước bằng cách kêu gọi đấu tranh vũ trang hoặc tưởng niệm những người đã hy sinh cho dân tộc. Qua truyện *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, câu chuyện kể về chuyện tình yêu của hai nhân vật trải qua những thử thách chứ không dựa trên bất kỳ khung cảnh thiên

nhiên hay cảnh vật xung quanh nào. Do đó, để tạo mối liên hệ giữa tác phẩm *Lục Vân Tiên* và *Dương Từ - Hà Mậu* về đề tài bảo tồn sinh thái này là điều khó khăn trong khi trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du chứa đựng sự hài hòa, gắn bó với thiên nhiên với sự lồng ghép và nhiều miêu tả ngoại cảnh về hệ động vật và thực vật mặc dù câu chuyện diễn ra vào thời nhà Minh ở Trung Quốc (Huỳnh Sanh Thông).

Nếu chúng ta có thể nhìn lại các tài liệu hiện có về chủ đề sinh thái Việt Nam, tôi đã xem qua một số nguồn hoặc tài liệu nhận thấy tầm quan trọng của chủ đề này trong cả nội dung tiếng Việt và tiếng Anh. Nhưng so với các khu vực khác của Đông Nam Á lục địa, chúng ta không ở cùng quy mô. Nội dung nghiên cứu là khá hạn chế. Vì vậy, tôi gợi ý rằng hoạt động của thầy thuốc Nguyễn Đình Chiểu là để làm nổi bật yếu tố thiên nhiên trong quá trình thực hành sau này của ông. Khái niệm thuốc nam và thực sự có tới 70 loại thảo dược khác nhau được sử dụng trong nhiều phương pháp điều trị bệnh tật mà thầy thuốc đã sử dụng để chữa bệnh cho bệnh nhân. Tôi thận trọng về mối liên hệ này trong khi vẫn hy vọng rằng các nhà nghiên cứu có trình độ cao hơn sẽ tiếp tục đưa ra ý kiến về tính hữu ích của ý tưởng này.

Để tăng cường tuyến du lịch di sản sinh thái này, tôi đề nghị trong phạm vi xung quanh các khu tưởng niệm và khu mộ phức hợp, huyện Ba Tri có thể tổ chức một vườn thảo mộc thể hiện đặc tính của những loài cây này. Đây không phải là một dự án lớn hay tốn kém và nó có thể làm nổi bật những kiến thức và kỹ năng có được mà nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu có thể cung cấp cho cộng đồng của mình. Việc viếng thăm di tích có thêm một nguồn thông tin sinh động khác về cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu bằng cách bổ sung thuốc bào chế với một số mẫu mà khách tham quan có thể tìm hiểu. Tôi không phải là nhà thảo dược học để xác định danh sách này nhưng chắc chắn có những nguồn đủ điều kiện ở Bến Tre có thể đưa ra lựa chọn các đơn thuốc tự nhiên.

Việc sử dụng thuốc nam không chỉ phổ biến ở bộ phận nông dân mà cả người dân thành phố. Tự nhiên được coi trọng và có mối quan hệ

chặt chẽ giữa con người và thế giới tự nhiên. Trở lại những năm cuối thập niên 1990, tôi đã có dịp gặp gỡ nhiều phái đoàn đến từ Việt Nam. Các cuộc trao đổi học thuật diễn ra thường xuyên với mối quan hệ ngoại giao mới giữa hai nước và chủ đề bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam đã đến với chuyến thăm của GS.TS. Võ Quý, một nhà điều học nổi tiếng mà tôi đã gặp khi ông đến Đại học California, Berkeley trong một chương trình trao đổi. Với tư cách là người có nhiều hiểu biết sâu sắc về hệ động vật Việt Nam, các tác phẩm của ông đã góp phần bảo tồn thiên nhiên ở nhiều vùng khác nhau của Việt Nam. Tôi sau đó được mời đến Khu bảo tồn quốc gia Cúc Phương khi có dịp. Những cuộc gặp gỡ và trao đổi đó cho tôi thấy Việt Nam rất nghiêm túc trong nỗ lực bảo tồn thiên nhiên thông qua nỗ lực không ngừng của GS.TS. Võ Quý và các cộng sự của ông như PGS.TS. Lê Trọng Cúc cũng có mặt trong đoàn. Không cần phải nói, tôi đã bị thu hút bởi nỗ lực không ngừng của một nhà khoa học đã cống hiến cho việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam. PGS.TS. Lê Trọng Cúc nhiều lần trở lại cộng tác với người cộng sự Terry Rambo. Đã có danh sách về sự hợp tác chung của họ với nhiều dự án mới giúp Việt Nam phục hồi sau tác động của chiến tranh đối với môi trường.

Chúng tôi không liên lạc được trong một thời gian dài nhưng tôi thấy trong nghiên cứu của mình, ông là người đọc chính luận án của tiến sĩ Cúc, cuộc tra cứu ngắn gọn cho thấy các nghiên cứu của Lê Trọng Cúc và Terry Rambo chủ yếu tập trung vào miền Bắc Việt Nam và châu thổ sông Cửu Long. Luận án tiến sĩ của Nguyễn Thị Phương Loan là về nuôi tôm. Tình cờ, công việc của cô dưới sự giám sát của PGS.TS. Lê Trọng Cúc. Võ Quang Yên cũng đề cập vấn đề về châu thổ phát cùng với công trình của các tiến sĩ Lê Anh Tuấn, Dương Văn Ni, Nguyễn Hữu Thiên. Những nỗ lực này góp phần cho sự hiểu biết về những khó khăn trong công việc của GS.TS. Nguyễn Ngọc Trân, một người thường xuyên đóng góp vào chủ đề châu thổ sông Cửu Long. Đây là những người đóng góp chính trong việc bảo vệ môi trường ở miền Nam Việt Nam mà tôi đã có cơ hội gặp gỡ và học hỏi từ công việc của họ.

Các báo cáo từ nhiều tổ chức quốc tế như UNDP, WB, ADB đã cảnh báo về tình trạng lạm dụng tài nguyên thiên nhiên và đặc biệt là ở châu thổ, nơi có khoảng 18 triệu người đang sinh sống. Sinh kế của họ gắn liền trực tiếp với nước là thành phần sống chính và dòng chảy của sông phải được duy trì. May mắn thay, nhận thức được vấn đề đang diễn ra này, Nghị quyết số 120/NQ-CP, ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu là một bước đi đúng hướng. Một số tỉnh bắt đầu thay đổi và cần có một kế hoạch phù hợp để khuyến khích sự hợp tác từ tất cả các ngành để ngăn chặn sự suy thoái hơn nữa của châu thổ trong thời gian tới.

4. Du lịch di sản

Du lịch di sản ở Việt Nam đã trở thành thế mạnh từ những ngày đất nước mở cửa đón du khách sau nhiều năm bị cô lập. Từ những năm 1990, một Việt Nam thân thiện đón hàng triệu lượt khách du lịch quốc tế đến từ các châu lục xa xôi như Bắc Mỹ và Ôxtrâyliia. Ngành công nghiệp không khói này đã và đang là thế mạnh của nền kinh tế. Bị thu hút bởi vẻ đẹp của các vùng, miền và sự thân thiện của người dân từ Bắc vào Nam, Việt Nam là điểm đến mới. Cùng với những chuyến du ngoạn thiên nhiên, du khách có thể tận hưởng bề dày lịch sử của những địa danh, di tích cổ, và cả những khu phố cổ đang được nâng tầm như Hội An, một địa danh được UNESCO công nhận, tiêu biểu cho lịch sử lâu đời, nhiều thành tựu về kiến trúc và nghệ thuật truyền thống.

Các yếu tố phong phú và đa dạng của văn hóa từ Bắc vào Nam chào đón du khách tham quan tìm hiểu và khách du lịch di sản là một phần của chương trình mà nhiều công ty du lịch cung cấp. Ngoài ra, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hiện đang sống rải rác trên khắp thế giới có thể kết nối lại và xem các địa điểm mới đối với họ. Trong khi miền Bắc Việt Nam có vô số địa danh lịch sử cũng như truyền thống văn hóa thì miền Nam, trẻ hơn nhiều, cũng có thể là lựa chọn của những du khách đặc biệt yêu thích văn hóa sông nước, nét đặc trưng của vùng châu thổ sông Cửu Long. Nhiều chuyến đi kéo dài từ một đến vài ngày cho phép du

khách tìm hiểu những nét đặc trưng của 13 tỉnh với sự đa dạng về sắc tộc. Tôi nhanh chóng trở thành một du khách thường xuyên đến Bến Tre và biết đến vùng đất “Đồng Khởi” qua nhiều chuyến đi. Trà Vinh cũng là một trong những điểm dừng chân yêu thích của tôi khi tôi tham gia vào một số dự án trong vài năm gần đây. Tôi bây giờ là một người bạn tốt của các tỉnh và tiếp tục mở rộng hoạt động của mình cho quá trình học tập lâu dài này.

Từ cuối những năm 1990, mối quan tâm chính của tôi là châu thổ sông Cửu Long với các hoạt động học thuật định kỳ đưa sinh viên và giảng viên từ một số trường ở Hoa Kỳ đến trải nghiệm không chỉ Việt Nam mà còn cả Đông Nam Á và Đông Á. Sự tiếp xúc này khiến tôi cảm kích về nơi sinh của mình là tỉnh Tiền Giang, địa điểm trước khi đến Bến Tre. Kể từ khi tôi quyết định nghỉ hưu ở Việt Nam, sức hấp dẫn của phong cảnh miền Nam là yếu tố khiến tôi luôn bận rộn. Càng ngày tôi càng thấy Bến Tre thật tuyệt vời khi tôi biết đến tỉnh này sau nhiều chuyến thăm, giúp tôi hiểu biết nhiều vấn đề, từ thách thức của biến đổi khí hậu đến sự đa dạng của tín ngưỡng Bến Tre, dù so với các vùng khác thì đây là một tỉnh khá non trẻ về bề dày lịch sử. Nguyễn Đình Chiểu là một trong những khám phá mới của tôi với mô tả dài hơn về cuộc đời của ông khi tôi đến thăm nơi an nghỉ. Tôi cũng đánh giá cao nỗ lực của tỉnh để tên tuổi, sự nghiệp của ông được UNESCO vinh danh. Vì vậy, vào thời điểm này, chúng ta ở đây để tôn vinh nhân vật văn học này và cũng là dịp để chia sẻ ý kiến về những gì chúng ta có thể làm tiếp theo trong việc học hỏi những di sản của ông cho Bến Tre.

5. Bến Tre có thể cung cấp gì?

Bến Tre có thể cung cấp nhiều điều. Châu thổ sông Cửu Long được cả thế giới biết đến. Nơi đây đã là điểm đến của không chỉ du khách mà cả những cựu quân nhân Mỹ đã từng tham chiến ở Việt Nam và còn của rất nhiều Việt kiều đang sinh sống ở nhiều nơi trên thế giới. Hiện tại, họ sẽ tìm thấy một bầu không khí thân thiện, một hệ thống giao thông được cải thiện và sự sẵn có của nơi lưu trú hiện đại. Khoảng cách giữa

Thành phố Hồ Chí Minh và Bến Tre khoảng 90km và chỉ mất hơn 1 giờ để đi qua cầu Rạch Miễu, tuyến đường chính nối với thành phố Bến Tre. Vào một ngày nắng đẹp, người ta có thể tham gia chuyến du ngoạn này để thưởng thức hương vị của trung tâm dừa Việt Nam nếu không muốn nói là trên thế giới.

Khi có thêm thông tin về châu thổ sông Cửu Long đến với nhiều đối tượng hơn, thu hút nhiều loại khách du lịch đến từ các nước láng giềng Đông Nam Á cũng như nhiều nhóm hơn trên toàn thế giới đến từ các nước Scandinavia đến các thành phố ở Liên bang Nga như Vladivostok, nền kinh tế của các tỉnh có chuyển biến tích cực. Trong những năm qua, các điểm dừng chân được yêu thích từ phía Bắc là Vịnh Hạ Long, ở miền Trung là Hội An luôn hấp dẫn và về phía nam, châu thổ sông Cửu Long là lựa chọn tiếp theo của du khách. Bến Tre giáp với tỉnh Tiền Giang do khá gần với Thành phố Hồ Chí Minh nhưng khi cầu Rạch Miễu hoàn thành, Bến Tre nhanh chóng trở thành một điểm đến hấp dẫn với những du khách ham mê tìm hiểu.

Trên thực tế, ba loại nước chắc chắn sẽ là các đặc điểm sinh thái khi mà nền kinh tế vùng có thể thích ứng và điều chỉnh theo đặc điểm tự nhiên này. Đặc điểm địa lý của Bến Tre cũng rất đặc biệt với ba hòn đảo lớn tạo thành toàn bộ tỉnh, cùng với nhau, chúng thể hiện sự đa dạng về các lựa chọn nông nghiệp. Nếu Giồng Trôm đặc trưng dừa là sản phẩm chính thì Chợ Lách liền kề được biết đến với trái cây và cây cảnh trong nhà và ngoài trời. Khi nhà văn Sơn Nam gọi đây là “miệt vườn” trên thực tế ông ấy đã chỉ ra sự khác biệt giữa châu thổ Nam Bộ khác hẳn với châu thổ sông Hồng. Thật không may, không nhiều người nhận ra sự khác biệt này. Tôi nói rằng những người nông dân miền Nam “làm ruộng và làm vườn” (làm ruộng lúa và tổ chức các trang trại trồng cây ăn trái) trong khi trong nghiên cứu của Pierre Gourou, người nông dân ở Bắc Bộ thể hiện những đặc điểm khác với nghiên cứu của ông vào những năm 1950.

Đọc nhiều nhánh sông như Ba Lai, Cổ Chiên, tôi quen dần với các đặc điểm sông nước của khu vực và tôi sớm hiểu hơn về các đặc điểm của một tỉnh có bề dày lịch sử tương tác sông với số lượng đường thủy nối các

nhánh chính của sông Mekong. Một mạng lưới như vậy đã là phương tiện giao thông chính. Nhìn trên bản đồ cho thấy mỗi nhánh đổ ra Biển Đông với các cửa sông lớn có thể phát triển thành cảng biển thương mại. Các nghiên cứu cần được tiến hành để xác định tính khả thi của nó. Với đường bờ biển dài nhiều kilômét, Bến Tre có thể tiếp cận với đại dương và tận dụng những gì đại dương có thể mang lại. Tuy nhiên, phần bờ biển phía nam này vẫn chưa phát triển đầy đủ. Các huyện Bình Đại, Thạnh Phú và Ba Tri có đội tàu cá đang hoạt động nhưng chưa được trang bị đầy đủ để đánh bắt sâu dưới đáy biển. Tuy nhiên, đường bờ biển cho thấy vô số lợi ích có thể được khai phá.

6. Kết hợp nơi nghỉ dưỡng với sân chim Vàm Hồ

Ba Tri và Bến Tre gộp lại là một địa điểm bên sông đủ rộng để có thể đón những đoàn khách lớn. Vị trí lý tưởng vì nằm chung một đoạn sông Ba Lai. Một hệ sinh thái ven sông cần được bảo vệ và các chủ sở hữu tài sản đã đầu tư. Tôi đã đến nơi này vài lần để đề xuất và đóng góp ý kiến cho một trung tâm giáo dục tập trung vào các đặc điểm của vùng đất ngập nước và sân chim Vàm Hồ có thể phát triển thành một điểm dừng chân lý tưởng cho những du khách đang tìm kiếm một nơi để dành thời gian, tận hưởng đơn giá địa phương và tìm hiểu về dòng sông Mekong chảy gần đó.

Tôi đã có vài lần trao đổi với người phụ trách trung tâm sinh thái này. Tôi nhận thức được rằng tiềm năng Vàm Hồ có thể là một điểm dừng chân đáng lựa chọn cho huyện Ba Tri. Khoảng cách không quá xa tính từ nơi yên nghỉ của Nguyễn Đình Chiểu. Sự dễ dàng tiếp cận và diện tích rộng lớn của sân chim có thể tiếp nhận các đoàn lớn với chương trình giáo dục kéo dài vài ngày. Cơ sở vật chất khá đầy đủ với một số cải tiến cần thực hiện. Có các cơ sở lưu trú qua đêm và cũng có những tuyến đường mòn cho một số chuyến khám phá ven sông. Một chiếc thuyền trên sông có sẵn cho các hoạt động dưới nước đưa người tham gia trải nghiệm hệ sinh thái của cửa sông. Trung tâm có đầy đủ các dịch vụ có sẵn và họ rất mong muốn lắng nghe các đề xuất cho các dịch vụ của họ. Trong suy nghĩ

của tôi, một khu vườn thảo dược với diện tích rộng hơn có thể là mối liên kết với nhà thuốc chữa bệnh tại khu yên nghỉ của Nguyễn Đình Chiểu nằm ngay gần nơi đó.

Bất kỳ nhóm nào muốn mở rộng trải nghiệm Bến Tre có thể có các chuyến đi đến các huyện ven biển khác của tỉnh như Thạnh Phú và Bình Đại để thưởng thức hương vị của bờ biển phía nam. Du khách có thể khám phá vùng Cái Mơn, Chợ Lách nơi Trương Vĩnh Ký uyên bác đã đóng góp vào sự phát triển của chữ quốc ngữ latin, một dạng chữ viết của tiếng Việt. Nhà ngôn ngữ học nổi tiếng này là một trong những người làm cho Bến Tre rất tự hào về sự đóng góp to lớn của ông cho chữ quốc ngữ.

7. Một chuyến du ngoạn thưởng thức hương vị châu thổ

Nếu một người được nghỉ một ngày và trọng tâm chính là khu vực châu thổ thì đây có thể là các hoạt động cho một chuyến du ngoạn trong ngày. Thời gian di chuyển từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Bến Tre khoảng 1 tiếng rưỡi. Khi qua cầu Rạch Miễu, bạn đang hướng về thành phố Bến Tre. Con đường cao tốc thẳng tắp kết thúc ở đây và xe cộ trở nên tắc nghẽn. Một cổng chào chào đón du khách và chẳng bao lâu bạn sẽ đến khu vực trung tâm với tất cả các hoạt động kinh doanh thường xuyên. Biển báo cho biết bạn đang đi về hướng huyện Giồng Trôm và đó là hướng đi chính xác. Chẳng mấy chốc, độ dày của những tán cọ bao phủ những mái nhà và chính nơi đây, bạn mới thấy tại sao Bến Tre được biết đến với món nước dừa. Chúng tôi đang trên đường đến với Ba Tri, vùng quê hiền hòa mang đủ hương vị của vùng châu thổ với những cây cầu, đường thủy và những ngôi nhà nhỏ san sát dọc quốc lộ.

Khi bạn vượt qua Giồng Trôm đến huyện Ba Tri sẽ có một số điểm dừng dọc quốc lộ. Các bảo tàng lịch sử và trung tâm tôn giáo mang đến đặc trưng của một hệ thống tín ngưỡng khá đồng bộ. Bến Trà là quê hương của đạo Cao Đài, Phật giáo Nam Tông, Bửu Sơn Kỳ Hương và Sư Ông Dừa được biết đến với cái tên Ông Đạo Dừa. Có thể coi đó là di sản của khu vực. Sẽ mất rất nhiều trang viết nếu tôi mô tả tất cả các đặc

trưng này. Có lẽ, trong một tài liệu khác về vùng châu thổ, tôi có thể thông tin nhiều hơn về khía cạnh văn hóa này.

8. Thảo luận và kết luận

Với hy vọng mang đến một ý tưởng mới trong việc mở rộng du lịch cho tỉnh Bến Tre trong dịp đặc biệt này, tôi không có tham vọng về một mô hình du lịch di sản sinh thái hoàn chỉnh mà chỉ là có một ý tưởng liên kết hai địa điểm trên bản đồ Ba Tri cho một thử nghiệm. Sự kết hợp được thảo luận như vậy là một ý tưởng để thử và cần một số cải tiến khi biết rõ rằng có các đồng nghiệp và nhà nghiên cứu khác đang nghiên cứu chủ đề này. Bến Tre là một tỉnh có nhiều huyện, nhiều đặc điểm chưa được khám phá hết về sự biến đổi của các đặc điểm sinh thái và vẫn là một địa điểm thú vị để phát huy những gì tốt nhất của tỉnh. Trong biểu đồ kết hợp này, tôi hy vọng rằng khách du lịch hoặc nhà cung cấp tour du lịch có thể thấy giá trị hoặc ít nhất là thích cách tiếp cận. Ngoài ra, sân chim Vàm Hồ với tư cách là một trung tâm sinh thái sẽ phát triển thành một điểm đất ngập nước hoàn chỉnh với các hoạt động giáo dục có thể thúc đẩy ý tưởng về một hệ sinh thái cân bằng với vị trí gần sông Ba Lai. Với việc không ngừng cải tiến, học hỏi và áp dụng những ý tưởng, Bến Tre có thể là một địa điểm thu hút được cả khách du lịch quốc tế cũng như đông đảo dân cư Việt Nam đang rất mong muốn được khám phá những nét đặc trưng của một vùng đất mà họ thuộc về.

Trong bài viết này tôi đang trình bày một ý tưởng. Nó đã được bạn bè và đồng nghiệp của tôi ở Bến Tre khuyến khích, cũng như từ các nhà cung cấp dịch vụ du lịch đang tìm kiếm những ý tưởng mới. Theo nghĩa đó, đây không phải là một lý thuyết hay một nỗ lực học thuật thuần túy. Nó chỉ gợi ý một kế hoạch du lịch, một chuyến đi và một vài địa điểm để thưởng ngoạn châu thổ sông Cửu Long. Và nếu điều này phù hợp với trải nghiệm du lịch trong tương lai của bạn, tôi rất vui./.

BẢO TỒN, PHÁT HUY VÀ KẾT NỐI HỆ THỐNG DI SẢN LIÊN QUAN ĐẾN DANH NHÂN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TỪ CỐ ĐÔ HUẾ ĐẾN BẾN TRE

TS. PHAN THANH HẢI*

TS. TRẦN VĂN DŨNG**

Tóm tắt: Cố đô Huế là quê nội của nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888). Vùng đất này đã ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành, phát triển nhân cách và tinh thần yêu nước, thương dân của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu. Hiện nay, Cố đô Huế còn lưu giữ một số di sản liên quan đến thân thế, dòng họ của nhà thơ và thân phụ của ông. Để khai thác, phát huy một cách toàn diện, hiệu quả các di sản về nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, việc kết nối, phối hợp giữa các địa phương có các di sản liên quan, đặc biệt là giữa Thừa Thiên Huế với Bến Tre là điều hết sức cần thiết. Bài viết này đề cập quê hương, gia thế và các di sản liên quan đến nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, đồng thời đưa ra một số định hướng, giải pháp kết nối nhằm khai thác, phát huy hiệu quả các di sản trên trong sự gắn bó với các địa phương: Thành phố Hồ Chí Minh, Long An và Bến Tre trong bối cảnh đương đại.

Từ khóa: Bến Tre; Bảo tồn, phát huy và kết nối; Cố đô Huế; Di sản.

* Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế.

** Hội Văn nghệ dân gian tỉnh Thừa Thiên Huế. Liên hệ: tranvandzung.dsvh@gmail.com

PRESERVING, PROMOTING AND CONNECTING HERITAGE SYSTEM RELATING TO CULTURAL CELERITY NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU FROM ENCIENT CITY OF HUẾ TO BẾN TRE

Abstract: Huế ancient capital is Nguyễn Đình Chiểu's paternal hometown. This land has greatly influenced the formation and development of the personality, spirit of patriotism and love for the people of poet Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888). Today, a number of legacies related to his career, his family and his father is preserved in Huế ancient capital. In order to fully and effectively exploit and promote the heritage of poet Nguyễn Đình Chiểu, the connection among localities owing related legacies, especially between Thừa Thiên Huế and Bến Tre provinces, is very necessary. This paper presents the hometown and legacies related to poet Nguyễn Đình Chiểu and recommend some orientations and solutions to connect such localities as Hồ Chí Minh city, Long An and Bến Tre provinces for effectice exploitation of the relevant legacies in the contemporary context.

Keywords: Bến Tre; Preserve, promote and connect; Hue ancient capital; Heritage.

Toàn văn

1. Đặt vấn đề

Huế là kinh đô cuối cùng của Việt Nam dưới thời quân chủ, được các chúa Nguyễn chọn làm thủ phủ của Đàng Trong (1636 - 1775), rồi kinh đô của vương triều Tây Sơn (1788 - 1801) và triều Nguyễn (1802 - 1945). Vùng đất này đã có quá trình hội tụ, bồi đắp và tỏa sáng các giá trị đặc

sắc khi đóng vai trò là trung tâm chính trị, văn hóa của Việt Nam suốt giai đoạn từ cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XX. Chính những năm tháng sinh sống và học tập trên quê nội là vùng đất Thừa Thiên (nay là Thừa Thiên Huế) đã góp phần quan trọng nuôi dưỡng, hun đúc và bước đầu hình thành tư tưởng yêu nước, nhân văn của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888). Có thể nói, Nguyễn Đình Chiểu mà dân gian thường gọi một cách kính trọng và thân thương là cụ Đồ Chiểu là đại diện tiêu biểu cho tầng lớp sĩ phu yêu nước, đã lựa chọn con đường đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược bằng tư tưởng, lấy thơ văn làm phương tiện chống ngoại xâm. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nhận xét: “Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ yêu nước mà tác phẩm là những trang bất hủ ca ngợi cuộc đấu tranh oanh liệt của nhân dân ta chống bọn xâm lược phương Tây ngay buổi đầu lúc chúng đặt chân lên đất nước chúng ta”¹.

Vào ngày 23/11/2021, tại Kỳ họp Đại hội đồng UNESCO lần thứ 41 diễn ra tại Pari (Pháp), UNESCO đã thông qua danh sách các Danh nhân văn hóa và sự kiện lịch sử niên khóa 2022 - 2023 để UNESCO cùng vinh danh và tham gia kỷ niệm năm sinh/năm mất²; Việt Nam đã có hai danh nhân được vinh danh trong đợt này là Nguyễn Đình Chiểu và Hồ Xuân Hương. Hiện nay, cùng với nhà thờ họ Nguyễn Đình ở làng Bồ Điền, phần mộ của cụ Nguyễn Đình Huy,... đã trở thành hệ thống di sản lưu dấu ấn đặc biệt về danh nhân Nguyễn Đình Chiểu tại Cố đô Huế. Việc bảo tồn, phát huy và kết nối hiệu quả các di sản liên quan đến

1. Phạm Văn Đồng: “Nguyễn Đình Chiểu - Ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc Việt Nam”, in trong cuốn *Nguyễn Đình Chiểu - Tám gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Viện Văn học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973, tr.24.

2. UNESCO đã thông qua Nghị quyết vinh danh và cùng kỷ niệm năm sinh/năm mất của các Danh nhân Việt Nam như kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (1990), 600 năm Ngày sinh Nguyễn Trãi (1980), 250 năm Ngày sinh Nguyễn Du (2015), 650 năm Ngày mất của nhà giáo Chu Văn An (2019).

danh nhân Nguyễn Đình Chiểu từ Cố đô Huế đến Bến Tre sẽ tạo dựng sự phát triển bền vững của tương lai mỗi địa phương từ những mối liên kết đặc thù của quá khứ và hiện tại. Đây là những di sản vật chất và tinh thần quý giá mà Thừa Thiên Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An và Bến Tre vinh dự có trách nhiệm giữ gìn, phát huy giá trị.



Toàn cảnh nhà thờ họ Nguyễn Đình ở làng Bô Điền

2. Cố đô Huế - nơi ươm mầm nhân cách, tài năng của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu

Nguyễn Đình Chiểu, tục gọi là Đồ Chiểu, tự Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ, Hối Trai. Ông sinh ngày 13 tháng Năm năm Nhâm Ngọ (tức ngày 01/7/1822) tại quê mẹ là làng Tân Thới, phủ Tân Bình, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay thuộc phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh). Cụ Nguyễn Đình Chiểu xuất thân trong gia đình nhà nho, có nguyên quán tại làng Bô Điền (nay thuộc xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế). Ông cố Nguyễn Đình Chiểu là cụ Nguyễn Đình Vân giữ chức Đội trưởng trong Vệ Long Võ, chuyên trông coi một đơn vị trong quân đội ở Long Thọ thượng khổ (nơi tích trữ lương thảo của

triều đình). Ông có người con là Nguyễn Đình Huy làm Thư lại trong Ty Văn hàn của dinh Tả quân Lê Văn Duyệt ở Gia Định. Năm 1820, cụ Nguyễn Đình Huy để lại vợ và hai con ở làng Bồ Điền, còn ông theo Tả quân Lê Văn Duyệt vào Gia Định tiếp tục làm Thư lại trong Ty Văn hàn thuộc dinh Tổng trấn. Lúc này, cụ Nguyễn Đình Huy có thêm người vợ thứ là cụ bà Trương Thị Thiệt, người làng Tân Thới, sinh ra 7 người con (4 trai, 3 gái) và Nguyễn Đình Chiểu chính là con đầu lòng.

Thừa Thiên Huế là vùng đất đã có hơn 700 năm phát triển, tiếp biến từ văn hóa bản địa Sa Huỳnh - Chăm-pa, qua thời kỳ Thuận Hóa, Phú Xuân đến văn hóa kinh kỳ triều Nguyễn. Vì vậy, vùng đất này đã hội tụ nhiều giá trị tinh hoa văn hóa đất nước nên đã hình thành lối sống, nền nếp gia phong, tính cách, giao tiếp... khá đặc biệt. Trong cuộc đời 66 năm của mình, cụ Nguyễn Đình Chiểu có hai giai đoạn ở Huế với tổng cộng 8 năm. Giai đoạn đầu vào năm 1833, khi ông 11 tuổi được cha đưa về làng Bồ Điền để học tập, đến năm 1840, lúc 18 tuổi, ông trở lại quê mẹ Gia Định. Năm 1843, lúc 21 tuổi, ông đỗ Tú tài ở trường thi Gia Định. Giai đoạn thứ hai là vào năm 1847, ông ra Huế chờ khoa thi năm Kỷ Dậu (1849) nhưng mới chỉ ở Huế được một năm thì năm 1848 được tin mẹ mất nên ông trở về Gia Định chịu tang, trên đường trở về, vì quá thương khóc mẹ và ốm nặng nên ông bị mù cả hai mắt. Có thể nói, trong thời gian 8 năm sống và học tập ở Kinh đô Huế, đặc biệt là điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, con người và thiên nhiên, các truyền thống, giá trị văn hóa đã ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành và phát triển nhân cách, tài năng của Nguyễn Đình Chiểu, đặc biệt là giai đoạn đầu (từ 11 đến 18 tuổi). Nhân cách Nguyễn Đình Chiểu thực sự được hình thành và phát triển cơ bản ở xứ Huế gắn với sự phát triển về trí tuệ, bản lĩnh, phẩm chất của cá nhân Nguyễn Đình Chiểu và sự cộng hưởng của những giá trị đặc sắc văn hóa Huế.

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà văn hóa, nhà yêu nước, nhà thơ lớn của dân tộc Việt Nam¹. Tư tưởng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu tiêu

1. Xem Nguyễn Q Thắng, Nguyễn Bá Thế: *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1999, tr.515.

biểu cho ý chí độc lập, chủ quyền của nhân dân ta ở thế kỷ XIX và cũng tiêu biểu cho khát vọng hòa bình, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc Việt Nam. Ông là một trong những người mở đầu cho dòng văn chương yêu nước chống Pháp ở Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX. Thơ văn của cụ Đồ Chiểu mang đậm tính nhân văn, khích lệ tinh thần yêu nước, ca ngợi những tấm gương làm việc chính nghĩa, vì lợi ích của cộng đồng xã hội. Các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu gắn bó chặt chẽ với những biến cố của đất nước lúc bấy giờ, có ảnh hưởng sâu sắc và sức sống mãnh liệt trong xã hội đương thời. Vì vậy, “văn thơ yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu lúc này có giá trị như một lời hiệu triệu, một bản tuyên ngôn của nhân dân Nam bộ - dân của nước Việt Nam chống chiến tranh phi nghĩa của chủ nghĩa thực dân phương Tây”¹. Các tác phẩm chính của cụ Đồ Chiểu đều được sáng tác bằng chữ Nôm, trong đó nổi tiếng nhất là tập thơ *Lục Vân Tiên*, chứa đựng nhiều ý nghĩa, giá trị về đạo lý, truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Chính tác phẩm *Lục Vân Tiên* và *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của cụ, qua các bản dịch ra tiếng nước ngoài đã làm cho nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu nổi tiếng trên thế giới.

Bên cạnh đó, cụ Nguyễn Đình Chiểu còn hành nghề đông y để chữa bệnh cứu người. Cố đô Huế là nơi đặt Thái y viện của triều Nguyễn, với những thành tựu về y học cổ truyền, nơi hội tụ nhiều thế hệ ngự y nổi tiếng. Bên cạnh Thái y viện chuyên trách khám, chữa bệnh cho nhà vua, hoàng tộc, nội cung, quan lại trong triều đình và quản lý ngành y tế của cả nước thì ngoài cộng đồng xã hội, công việc chăm lo sức khỏe được gửi gắm vào tài năng của những lương y xuất thân từ các gia đình và dòng họ có truyền thống đông y. Với những năm tháng sống ở Huế, Nguyễn Đình Chiểu đã có cơ hội học tập y thuật xem mạch, bốc thuốc của những

1. Nguyễn Khánh Toàn: “Nguyễn Đình Chiểu - Người chiến sĩ yêu nước nổi bật trong xuất trận đầu tiên của nhân dân Nam Bộ đánh đuổi quân giặc cướp nước phương Tây”, Kỷ yếu Hội nghị khoa học về *Nguyễn Đình Chiểu nhân kỷ niệm lần thứ 160 ngày sinh của nhà thơ (1822 - 1982)*, Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Văn hóa và Thông tin Bến Tre, 1983, tr.12.

vị danh y nổi tiếng ở đất kinh thành. Sau này, Nguyễn Đình Chiểu đã cho ra đời tập truyện thơ *Nôm Ngư Tiều y thuật vấn đáp* (*Ông Ngư, ông Tiều hỏi đáp về thuật chữa bệnh*) nổi tiếng. Các nhân vật chính trong tác phẩm gồm Bào Tử Phược và Mộng Thê Triền vì gặp cảnh mất nước nên đã đi ở ẩn làm ngư, làm tiều, sau đó gặp được Đạo Dẫn, Nhập Môn và Kỳ Nhân Sư truyền cho y thuật trị bệnh cứu đời. Đây là “một tác phẩm ngoài nêu cao lòng yêu nước, căm thù giặc còn là một tác phẩm chuyên môn nhằm phổ biến y học, với tinh thần giúp đời cứu người”¹.

Trong cuộc đời của mình, danh nhân Nguyễn Đình Chiểu đã sống tại nhiều nơi, trong đó có Cố đô Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An và Bến Tre. Và mỗi nơi ông đi qua đều để lại những dấu ấn di sản riêng biệt.

3. Hệ thống di sản liên quan đến danh nhân Nguyễn Đình Chiểu: nhìn từ Cố đô Huế đến Bến Tre

Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế. Vì vậy, Thừa Thiên Huế luôn ý thức sâu sắc di sản văn hóa là tài sản vô giá của các thế hệ tiền nhân để lại cho thế hệ hôm nay và mai sau, có ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống lịch sử - văn hóa, là phương tiện để quảng bá về hình ảnh địa phương cho du khách, tạo nền tảng cho việc xây dựng chiến lược phát triển du lịch, góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế - xã hội.

Huế là cố đô duy nhất ở Việt Nam còn bảo lưu được khá nguyên vẹn tổng thể kiến trúc thành quách, cung điện, lăng tẩm, đàn miếu...; cùng hàng vạn hiện vật, cổ vật đặc biệt quý hiếm. Di sản Huế là nơi hội tụ trí tuệ của cả dân tộc mà đỉnh cao là 7 di sản đã được UNESCO vinh danh: Quần thể Di tích Cố đô Huế (1993); Âm nhạc cung đình Việt Nam -

1. Nguyễn Đình Chiểu: *Ngư Tiều vấn đáp y thuật*, Lê Quý Ngưu phiên âm, chú thích, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006, tr.5.

Nhã nhạc (2003); Mộc bản triều Nguyễn (2009); Châu bản triều Nguyễn (2014); Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế (2016); Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ (2016); Nghệ thuật Bài Chòi Trung Bộ (2017). Đồng thời có 3 quần thể/hệ thống di tích cấp quốc gia đặc biệt là Quần thể Di tích Cố đô Huế, hệ thống đường Trường Sơn (Hồ Chí Minh) đoạn đi qua tỉnh Thừa Thiên Huế và hệ thống di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Thừa Thiên Huế; có 89 di tích cấp quốc gia, 90 di tích cấp tỉnh và 205 công trình, địa điểm lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh tiêu biểu thuộc Danh mục kiểm kê di tích của tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngoài ra còn có hệ thống di tích lưu niệm về các danh nhân Đặng Tất, Nguyễn Khoa Chiêm, Tôn Thất Thuyết, Đặng Huy Trứ, Phan Bội Châu, Ung Bình,... đặc biệt là danh nhân Nguyễn Đình Chiểu.



Hậu duệ cụ Nguyễn Đình Chiểu dâng hương tại nhà thờ

Nhà thờ họ Nguyễn Đình (thuộc xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế) là nơi thờ tự các đời tổ tiên của họ Nguyễn Đình ở làng Bồ Điền, trong đó có phôi thờ danh nhân Nguyễn Đình Chiểu. Từ đường được xây dựng dưới triều vua Gia Long, sau đó được con cháu hậu duệ trùng tu, tôn tạo nhiều lần nhưng vẫn giữ nét kiến trúc truyền thống Huế. Về kết cấu kiến trúc nhà thờ gồm: cổng tam quan, bình phong, sân vườn và nhà thờ.

Bên cạnh nhà thờ họ Nguyễn Đình còn có nhà thờ nhánh họ Nguyễn Đình - nhà thờ trực hệ danh nhân Nguyễn Đình Chiểu. Đây là không gian linh thiêng để các thành viên trong dòng họ Nguyễn Đình thể hiện, gửi gắm lòng tưởng nhớ, biết ơn đến lịch đại tổ tiên. Cách quốc lộ 1A khoảng 2km, phần mộ ông Nguyễn Đình Huy - thân sinh Nguyễn Đình Chiểu được con cháu cải táng tại xứ đất Cồn Họ. Đây cũng chính là khuôn viên nghĩa địa an táng các thành viên trong dòng họ Nguyễn Đình ở làng Bồ Điền sau khi qua đời. Phần mộ cụ Nguyễn Đình Huy có một tấm bia khắc ghi dòng chữ: “Nguyễn Đình tộc, Đệ Nhất phái, Đệ Nhất chi. Hiển Cao tổ khảo Nguyễn Đình Huy. Kỵ ngày 21/10 Âm lịch. Đồng bốn chi phụng lập 1994”.

Hiện nay, danh nhân Nguyễn Đình Chiểu đã được đặt tên đường ở thành phố Huế và đặt tên cho một ngôi trường trung học phổ thông ở huyện Phong Điền nhằm giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ hôm nay và mai sau.



Trường Trung học cơ sở Nguyễn Đình Chiểu ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

Nguyễn Đình Chiểu sau khi mất tang mẹ, đã không chịu sống chung với giặc Pháp, mà đưa gia đình về quê vợ, ẩn cư tại ngôi chùa cổ Tôn Thạnh (tọa lạc ở ấp Thanh Ba, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An) trong những năm 1859 - 1861. Tại đây, Nguyễn Đình Chiểu

đã để lại dấu ấn đặc biệt qua sự ra đời bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* và tập truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên*. Cũng tại ngôi cổ tự này, cụ Đồ Chiểu vừa mở lớp dạy học, chữa bệnh cứu người, lại vừa làm thơ văn yêu nước. Hiện nay trong khuôn viên chùa Tôn Thạnh hiện còn hai tấm bia kỷ niệm được xây dựng vào năm 1973 và năm 1997 để lưu lại dấu tích của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu. Ngôi chùa này được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng là di tích cấp Quốc gia theo Quyết định số 2890-VH/QĐ, ngày 27/11/1997.

Năm 1862, Nguyễn Đình Chiểu chuyển về ở làng An Đức, tổng Bảo An, tỉnh Vĩnh Long (nay là huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre). Tại đây, cụ Đồ Chiểu tiếp tục dạy học trò, bốc thuốc chữa bệnh cho dân, đồng thời vẫn giữ mối liên hệ chặt chẽ với những sĩ phu yêu nước lúc bấy giờ như Nguyễn Thông, Phan Văn Trị... Ngày 24 tháng Năm năm Mậu Tý (tức ngày 03/7/1888), danh nhân Nguyễn Đình Chiểu qua đời, nhân dân Ba Tri cùng với bạn bè, học trò, con cháu đến tiễn đưa cụ rất đông. Để tôn kính và giáo dục cho hậu thế về tấm gương sáng của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu, năm 1972, nhân dân đã xây dựng khu tưởng niệm ngay tại khu lăng mộ ông tại xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Đây là nơi thờ phụng và an táng danh nhân Nguyễn Đình Chiểu, cùng vợ là bà Lê Thị Điền và con gái là Nguyễn Thị Ngọc Khuê (Sương Nguyệt Anh). Di tích này có tổng diện tích là 14.187,9m², bao gồm các hạng mục chính: nhà bia, đền thờ mới, đền thờ cũ, khu mộ. Hằng năm, chính quyền và nhân dân tỉnh Bến Tre đều tổ chức lễ hội truyền thống văn hóa vào ngày 01 và 03/7 (ngày sinh và ngày mất của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu). Với các giá trị lịch sử, văn hóa đặc biệt, di tích Mộ và Khu tưởng niệm Nguyễn Đình Chiểu đã được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng là di tích Quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 2499/QĐ-TTg, ngày 22/12/2016.

4. Giải pháp bảo tồn, phát huy và kết nối các di sản liên quan đến danh nhân Nguyễn Đình Chiểu từ Cố đô Huế đến Bến Tre

Để các di tích, địa điểm liên quan đến danh nhân Nguyễn Đình Chiểu được quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị một cách có hiệu quả

trong đời sống xã hội đương đại, chúng tôi đề xuất triển khai thực hiện một số giải pháp cơ bản như sau:

Thứ nhất, tiến hành kiểm kê các di tích, địa điểm liên quan đến danh nhân Nguyễn Đình Chiểu làm cơ sở nghiên cứu, đánh giá giá trị của mỗi di tích, địa điểm, từ đó có cơ sở định hướng kế hoạch trùng tu, bảo tồn, lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích phù hợp với từng giai đoạn. Tại mỗi di tích cần nghiên cứu lắp đặt bảng chỉ dẫn đường vào di tích và dựng tấm bia ở vị trí thích hợp để ghi dấu và cung cấp thông tin về di tích. Đối với những di tích còn nguyên vẹn cần lập kế hoạch, ưu tiên trùng tu nhằm giữ lại tính nguyên gốc để đưa vào phát triển du lịch bền vững. Đối với những di tích chỉ còn là dấu tích cần nghiên cứu xây dựng hồ sơ lưu trữ phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và phục hồi khi có điều kiện. Ngoài ra cần có giải pháp bảo vệ diện tích đất xung quanh các di tích, địa điểm liên quan đến danh nhân Nguyễn Đình Chiểu một cách phù hợp nhằm tránh sự xâm lấn, vi phạm, tranh giành sở hữu quyền đất đai trong khu vực gần di tích. Trong thời gian sắp tới, Sở Văn hóa và Thể thao sẽ chỉ đạo Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế nghiên cứu khảo sát lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích cấp tỉnh về hệ thống di tích lưu niệm danh nhân Nguyễn Đình Chiểu tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thứ hai, phát huy vai trò giám sát của xã hội, của cộng đồng. Hệ thống di sản liên quan đến danh nhân Nguyễn Đình Chiểu tồn tại trong đời sống cộng đồng và chỉ có thể được bảo vệ, gìn giữ bởi cộng đồng. Nhân dân là chủ thể đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản về danh nhân Nguyễn Đình Chiểu một cách bền vững. Bởi vậy, điều quan trọng là phải xây dựng kế hoạch tuyên truyền quảng bá, giới thiệu về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống di tích danh nhân Nguyễn Đình Chiểu, qua đó nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ; nâng cao niềm tự hào, vinh dự của người dân, để cả cộng đồng cùng chung tay bảo vệ hệ thống di sản liên quan đến danh nhân Nguyễn Đình Chiểu.

Thứ ba, chính quyền địa phương cần phối hợp cùng nhà trường để lựa chọn những di tích liên quan đến danh nhân Nguyễn Đình Chiểu có

tâm quan trọng và mang nhiều ý nghĩa lịch sử - văn hóa để đưa vào thực hiện Chương trình “*Phong trào trường học thân thiện, học sinh tích cực*” hoặc tổ chức các chuyến tham quan thực tế đến các di tích này để tạo môi trường cho học sinh, sinh viên tham gia bảo vệ di tích, đây là một trong những giải pháp mang tính lâu dài và bền vững. Từ việc tìm hiểu, chăm sóc các di tích lưu niệm danh nhân Nguyễn Đình Chiểu sẽ giáo dục cho thế hệ trẻ hôm nay biết yêu lịch sử quê hương, có tinh thần yêu nước và lòng tự hào dân tộc.

Thứ tư, cần xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển du lịch với việc bảo tồn, phát huy giá trị di tích lưu niệm danh nhân Nguyễn Đình Chiểu. Tạo điều kiện cho các công ty lữ hành du lịch khảo sát xây dựng các tour du lịch di sản, du lịch tâm linh liên quan đến hệ thống di tích lưu niệm danh nhân Nguyễn Đình Chiểu. Kết nối các di tích liên quan đến cụ Đồ Chiểu với Quần thể di tích Cố đô Huế để thu hút du khách và các nhà khoa học quan tâm tham quan nghiên cứu. Đồng thời chú trọng tôn tạo cảnh quan, xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phục vụ du lịch để di tích trở thành một điểm đến hấp dẫn cho du khách. Tổ chức tốt sản phẩm du lịch không chỉ tăng doanh thu cho ngành du lịch mà còn quay trở lại đầu tư một phần cho di sản như việc bảo vệ, tôn tạo, tu bổ, gìn giữ và phát huy những giá trị di sản về danh nhân Nguyễn Đình Chiểu.

Thứ năm, các cơ quan, ban, ngành cần phối hợp với các công ty du lịch, lữ hành thực hiện ý tưởng xây dựng tour du lịch “*Hành trình theo bước chân Cụ Đồ*” nhằm đưa du khách trong và ngoài nước đến tham quan, dâng hương tưởng niệm tại các địa điểm thờ tự, mộ, nơi đặt bia/tượng có liên quan đến thân sinh danh nhân Nguyễn Đình Chiểu, các địa điểm lưu dấu cụ Đồ Chiểu tại các địa phương: Thừa Thiên Huế, Long An, Bến Tre và Thành phố Hồ Chí Minh, qua đó nhằm tôn vinh và tuyên truyền các giá trị nhân văn tốt đẹp của di sản danh nhân Nguyễn Đình Chiểu trên các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, giáo dục, y học. Điều này cũng tạo ra cơ hội phát huy có hiệu quả công tác hợp tác liên kết phát triển du lịch giữa các địa phương.

Thứ sáu, ngành văn hóa, du lịch tại các địa phương: Thừa Thiên Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bến Tre cần xem xét ký kết hợp tác trên lĩnh vực nghiên cứu, quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản liên quan đến danh nhân Nguyễn Đình Chiểu, cụ thể phối hợp nghiên cứu khảo sát sưu tầm tư liệu, trưng bày triển lãm, sáng tác văn học nghệ thuật, chia sẻ kinh nghiệm bảo tồn di sản, khai thác phát triển du lịch bền vững. Đồng thời, ngành y tế, Hội Đông y cũng cần có kế hoạch hợp tác, nghiên cứu khảo sát về y lý, y thuật của lương y Nguyễn Đình Chiểu nói riêng và nền y học cổ truyền nói chung để ứng dụng, nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

5. Kết luận

Thừa Thiên Huế là một vùng đất giàu truyền thống văn hóa của Việt Nam, nơi đã từng gắn bó với cuộc đời và sự nghiệp của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu. Trong thời gian ở Huế, văn hóa Huế với những giá trị đặc trưng của nó đã ảnh hưởng sâu sắc và góp phần hình thành nhân cách, tài năng Nguyễn Đình Chiểu - Danh nhân văn hóa thế giới. Việc bảo tồn, phát huy và kết nối các di sản từ Cố đô Huế đến Bến Tre là một việc làm rất cần thiết nhằm tạo ra sự liên kết bảo tồn và phát triển bền vững. Đồng thời, công tác bảo tồn di sản Huế nói chung và di sản liên quan đến danh nhân Nguyễn Đình Chiểu nói riêng sẽ góp phần thiết thực “xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường”./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đình Chiểu: *Ngư Tiều vãn đáp y thuật*, Lê Quý Ngưu phiên âm, chú thích, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006.
- [2] Phạm Văn Đồng: “Nguyễn Đình Chiểu - Ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc Việt Nam”, in trong cuốn *Nguyễn Đình Chiểu -*

Tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật, Viện Văn học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

- [3] Dương Quảng Hàm: *Việt Nam văn học sử yếu*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2019.
- [4] Vũ Khiêu, Nguyễn Đức Sự: *Nguyễn Đình Chiểu - Ngôi sao sáng của người trí thức Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1982.
- [5] Nguyễn Q Thắng, Nguyễn Bá Thế: *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1999.
- [6] Nguyễn Khánh Toàn: “Nguyễn Đình Chiểu - Người chiến sĩ yêu nước nổi hời trống xuất trận đầu tiên của nhân dân Nam Bộ đánh đuổi quân giặc cướp nước phương Tây”, Kỷ yếu Hội nghị khoa học về *Nguyễn Đình Chiểu nhân kỷ niệm lần thứ 160 ngày sinh của nhà thơ (1822 - 1982)*, Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Văn hóa và Thông tin Bến Tre, 1983.

SỨC SỐNG THƠ VĂN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG TRẢI QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

TS. NGUYỄN PHƯỚC HOÀNG*

Tóm tắt: Nguyễn Đình Chiểu là một trong chín tác gia tiêu biểu của nền văn học Việt Nam. Thơ văn của ông đã khẳng định được giá trị vô cùng quý giá và đóng góp to lớn cho nền văn học trung đại Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX nói riêng, nền văn học dân tộc nói chung. Chính vì thế, thơ văn của ông được các nhà biên soạn sách giáo khoa đưa vào chương trình giảng dạy ở trường phổ thông từ thời Pháp thuộc đến hiện nay, từ đó tạo nên sức hấp dẫn, lôi cuốn đối với bao thế hệ hôm qua và hôm nay. Bài viết tập trung làm rõ cuộc đời, sự nghiệp thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu cũng như các tác phẩm của ông được các nhà biên soạn sách giáo khoa tuyển chọn giảng dạy trong nhà trường trải qua các giai đoạn lịch sử. Từ đó nhằm khẳng định giá trị thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu như những viên ngọc quý góp cho nền văn học dân tộc sáng ngời hơn, cũng như sự mến mộ của công chúng đối với thơ văn của ông.

Từ khóa: Giai đoạn lịch sử; Giá trị; Sách giáo khoa; Thơ văn; Trường phổ thông;.

* Trường Đại học Bạc Liêu. Liên hệ: phuchoangdhbl@gmail.com

VITALITY OF POETRY AND PROSE OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU IN PROGRAM AND VIETNAMESE LITERATURE TEXT BOOKS IN SECONDARY SCHOOLS THROUGH HISTORICAL PERIODS

Abstract: Nguyễn Đình Chiểu is one of nine typical writers of Vietnamese literature. His literary works and poetry are of great value and contributions to Vietnam's medieval literature in the late nineteenth century in particular, and national literature in general. His literary works and poetry, therefore, have been included in curricula of schools from the French colonial period to the present time, which has attracted many generations so far. The paper focuses on clarifying the life and career of poet Nguyễn Đình Chiểu, his poetry and literary works that have been compiled and taught in schools through historical periods and affirming the value of his poetry and literature as precious gems in national literature, the readers' love for his poetry.

Keywords: Historical period; Value; Textbook; Poetry; School.

Toàn văn

1. Đặt vấn đề

Nguyễn Đình Chiểu là một trong những tác gia tiêu biểu của nền văn học Việt Nam. Ông hiện thân cho văn hóa Nam Bộ nói riêng, văn hóa dân tộc Việt Nam nói chung. Thơ văn của ông được tuyển chọn đưa vào chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn ở cấp phổ thông trải qua các thời kỳ lịch sử từ thời Pháp thuộc cho đến ngày nay. Có thể khẳng định, sự nghiệp thơ văn của ông hết sức đặc biệt, giữa con người và thơ văn hòa quyện thành một và đóng góp to lớn cho nền văn học trung đại

Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX nói riêng, nền văn học dân tộc nước nhà nói chung.

Có nhiều cách hiểu khác nhau về chương trình giáo dục phổ thông. Có thể hiểu một cách khái quát chương trình giáo dục phổ thông là “*văn bản chính sách của Nhà nước thể hiện mục tiêu giáo dục phổ thông, quy định các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và phương pháp đánh giá kết quả giáo dục, làm căn cứ quản lý chất lượng giáo dục phổ thông; đồng thời là cam kết của Nhà nước bảo đảm chất lượng của cả hệ thống và từng cơ sở giáo dục phổ thông*”¹. Chương trình môn Ngữ văn là được cụ thể hóa từ kế hoạch tổng thể của chương trình giáo dục phổ thông.

Theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT, ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì sách giáo khoa được định nghĩa là “*xuất bản phẩm cụ thể hóa các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông; được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, cho phép sử dụng làm tài liệu dạy học chính thức trong các cơ sở giáo dục phổ thông*”.

Có thể nói, chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa luôn song hành nhằm phục vụ cho những mục tiêu, định hướng nội dung học tập, nghiên cứu của học sinh.

Ngữ văn là môn học thuộc lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ và văn học, được học từ lớp 1 đến lớp 12. Ở cấp tiểu học, môn học này có tên gọi là Tiếng Việt, còn ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông thì có tên là Ngữ văn, được hiểu là môn học ngôn ngữ và văn chương.

Việc tuyển chọn tác phẩm thơ văn nói chung, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu nói riêng đưa vào chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn để phục vụ giảng dạy trong nhà trường phổ thông phải được trải qua sự sàng lọc, lựa chọn hết sức kỹ lưỡng của các nhà sư phạm, nhà nghiên cứu. Bởi chính những tác phẩm được tuyển chọn đưa vào chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn trong trường phổ thông phải là những áng văn chương có giá trị

1. Luật giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019.

và tầm quan trọng bậc nhất về tư tưởng yêu nước, giá trị nhân văn; có vị trí và ý nghĩa đặc biệt trong đời sống tinh thần của dân tộc cũng như có tác động lâu bền đối với nhiều thế hệ. Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đã khẳng định được các giá trị và đáp ứng được những yêu cầu khắt khe ấy. Chính vì thế, các tác phẩm thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu như những viên ngọc quý “càng nhìn càng thấy sáng” đã vượt qua bao lớp bụi thời gian để trở nên bất hủ và mang nhiều giá trị đặc sắc của lịch sử văn học dân tộc, ảnh hưởng sâu sắc, đặc biệt là truyền được cảm hứng cho bao giới trẻ hôm qua và hôm nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, người viết sử dụng phương pháp thu thập các tài liệu về chương trình, sách giáo khoa từ thời Pháp thuộc đến nay, cũng như các tài liệu liên quan về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu, đồng thời sử dụng phương pháp phân tích, đối chiếu, so sánh để làm rõ giá trị, sức sống thơ văn của ông luôn xuất hiện trong chương trình, sách giáo khoa trải qua các giai đoạn lịch sử.

3. Kết quả và bàn luận

a) Cuộc đời và sự nghiệp thơ văn Nguyễn Đình Chiểu

Nguyễn Đình Chiểu sinh ra và lớn lên tại quê mẹ ở làng Tân Thới, tỉnh Gia Định. Cuộc đời ông gặp nhiều hoàn cảnh đau thương, nhất là vào năm 1848 mẹ mất, ông phải bỏ dở việc thi cử ở Huế để trở về Nam chịu tang mẹ. Trên đường về vì quá khóc thương mẹ kết hợp với cơ thể bị nhiễm gió sương nên lâm bệnh nặng dẫn đến đôi mắt mù lòa vĩnh viễn. Trở về quê nhà trong tình cảnh mù lòa, ông mở trường dạy học, làm thuốc cứu người và sáng tác thơ văn. Ở giai đoạn này, ông đã sáng tác các tác phẩm bất hủ như *Lục Vân Tiên* và *Dương Từ - Hà Mậu*. Thông qua các tác phẩm này, Nguyễn Đình Chiểu luôn mong muốn làm sao truyền được cái đạo làm người: yêu cái thiện, ghét cái ác, hoài bão nhân nghĩa công bằng cho nhân dân: “*Trai thời trung hiếu làm đầu/Gái thời tiết hạnh là*

câu trau mình” (Lục Vân Tiên); “*Nhớ câu kiến ngãi bất vi/Làm người thế ấy cũng phi anh hùng*” (Lục Vân Tiên), đồng thời phê phán mạnh mẽ Nho giáo và Công giáo lạc hậu, làm u mê con người. Ông chỉ ra chân lý là phải biết tiếp thu những truyền thống đạo đức nhân nghĩa của dân tộc, lấy đạo “*làm người*” để thực hành nhằm giúp cho xã hội an yên, tốt đẹp.

Đến năm 1858 - 1859, thực dân Pháp đánh chiếm Đà Nẵng và kéo quân vào Sài Gòn, Nguyễn Đình Chiểu là chí sĩ đã chứng kiến bao nỗi đau thương tang tóc mà kẻ thù gây ra cho đồng bào vô tội “*Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy/Mất ổ đàn chim dáo dác bay*” (*Chạy giặc*), cho nên ngòi bút của ông chuyển hướng để ghi nhận những sự kiện bi hùng của thời đại. Từ đó mảng thơ văn yêu nước của ông ra đời và trở thành vũ khí sắc bén đâm thẳng vào kẻ thù xâm lăng cướp nước và bán nước “*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm/Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà*” (*Dương Từ - Hà Mậu*). Các tác phẩm yêu nước như *Chạy giặc*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Văn tế Trương Định*,... tất cả đều thể hiện lòng căm thù sôi sục của tác giả trước sự xâm lăng tàn bạo của giặc đang ngày đêm nện gót giày đing giày xéo quê hương, đất nước thân yêu, đồng thời thể hiện lòng yêu nước, thương dân vô hạn, nhất là những người nông dân áo vải dốc một lòng sống mái với kẻ thù xâm lược. Lòng yêu nước, căm thù giặc của ông không chỉ được thể hiện qua thơ văn mà ngay trong lối sống, ông luôn tỏ thái độ bất hợp tác với giặc, không chấp nhận sống trong vùng giặc chiếm đóng, dứt khoát cùng gia đình trôi dạt nhiều nơi để ẩn dật, nung nấu thêm khí tiết: “*Vì câu danh nghĩa phải đi xa/Day mũi thuyền nan dạ xót xa*” (*Từ biệt cố nhân*), đồng thời khước từ mọi ân sủng của chính quyền thực dân, phong kiến dành cho ông. Có thể khẳng định, con người và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu luôn hòa quyện, thống nhất với nhau. Chính điều đó đã đưa ông lên tầm cao của một nhà chí sĩ mở đầu cho dòng văn học yêu nước trong thời cận đại.

Nhìn chung, hành trình sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu không chỉ gắn liền với những vẻ đẹp văn hóa của vùng đất giàu truyền thống của con người và quê hương Nam Bộ, mà còn phản ánh trực diện tinh thần yêu nước, thương dân nồng nàn, thể hiện sự kiên cường chống giặc Pháp của

người dân Nam Bộ nói riêng, người dân Việt Nam nói chung. Do đó, nhắc đến ông là nhắc đến “*hào khí Đồng Nai*”, tức là muốn nói đến phẩm chất con người, truyền thống đạo đức, truyền thống văn học, truyền thống đấu tranh chống giặc kiên cường của vùng đất Đồng Nai nói riêng, của nhân dân Nam Bộ nói chung. Có thể khẳng định, Nguyễn Đình Chiểu là nhà văn Nam Bộ đầu tiên thổi cái “*hào khí Đồng Nai*” vào tác phẩm của mình qua những nhân vật mang tính cách hết sức đẹp đẽ: phóng khoáng, hào hiệp, trọng nhân nghĩa, sống hết lòng vì đời, vì người, đặc biệt là thẳng thắn, căm ghét cái xấu xa, bạo ngược, luôn có tấm lòng yêu nước nồng nàn và sẵn sàng xả thân vì nước, nhất quyết chống kẻ thù xâm lược đến hơi thở cuối cùng. Đằng sau mỗi tác phẩm của ông là đời sống cá nhân, nỗi lòng của chính tác giả và cũng là đời sống, tâm hồn, nhân cách của người dân Nam Bộ nói riêng, người dân Việt Nam nói chung. Vẻ đẹp đời sống tâm hồn ấy đã khiến Nguyễn Đình Chiểu trở thành nhà văn hóa lớn. Chính từ những tác phẩm của ông, giá trị văn hóa ấy được thẩm thấu, chất lọc hết sức tự nhiên, làm nên vẻ đẹp của những hình tượng nghệ thuật với một ngôn ngữ rất riêng, phản ánh được tính cách, tâm hồn con người Nam Bộ nói riêng, con người Việt Nam nói chung trong thời cận đại. Vì thế, hơn 150 năm qua, thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu vẫn luôn tỏa sáng mãi trên văn đàn dân tộc, đặc biệt được các nhà biên soạn chương trình sách giáo khoa Ngữ văn tuyển chọn đưa vào giảng dạy ở trường phổ thông để cho nhiều thế hệ học tập cũng như đón nhận biết bao tình cảm yêu quý của người dân trên mọi miền đất nước, kể cả ngoài nước.

b) Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu được tuyển chọn đưa vào chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn để phục vụ giảng dạy trong nhà trường phổ thông trải qua các giai đoạn lịch sử

- Thời kỳ Pháp thuộc:

Ngay từ thời Pháp thuộc, chính quyền thực dân, phong kiến đã chú ý tuyển chọn thơ văn Nguyễn Đình Chiểu để đưa vào chương trình sách giáo khoa môn Việt văn (môn Ngữ văn hiện nay) giảng dạy ở trường phổ thông. Cụ thể:

Ở các trường trung học thời Pháp - Việt hệ 4 năm, chủ yếu là dạy chữ Pháp mỗi tuần học 2 giờ 30 phút; chữ quốc ngữ và chữ Nho không được dạy quá 3 giờ (180 phút) mỗi tuần. Chương trình, sách giáo khoa trung học bao gồm 2 cấp: Cao đẳng Tiểu học (tương đương với bậc trung học cơ sở) và Tú tài.

Đối với chương trình sách giáo khoa môn Việt văn cho cả 4 năm Cao đẳng tiểu học (từ lớp 6 đến lớp 9). Đến năm thứ tư: nói qua các điều cốt yếu về văn học lịch sử nước ta: Hán văn và Quốc văn; các thời đại lớn, các nhà văn sĩ có tiếng. Trích lục các truyện nôm: *Kim Vân Kiều*, *Lục Vân Tiên*, *Hoa Tiên*...

Đối với bậc Trung học (Tú tài), trong chương trình, sách giáo khoa Việt văn Ban Trung học Việt Nam (Pháp Việt) thì đến năm thứ nhì Ban Trung học Việt Nam (lớp 11) ở thời kỳ cận kim: *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Các truyện nôm khác: *Lục Vân Tiên*, *Bích câu kỳ ngộ*, *Nhị độ mai*, *Phan Trần*,...¹.

Ngoài ra, ở giai đoạn này, trên lĩnh vực lý luận, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đã được các nhà nghiên cứu, nhà sư phạm như: Phan Văn Hùm, Dương Quảng Hàm, Lê Thuộc,... là những người đầu tiên nghiên cứu và khẳng định những giá trị của tác phẩm thơ văn ông, đặc biệt là truyện thơ nôm *Lục Vân Tiên*.

Như vậy, trong suốt thời kỳ Pháp thuộc, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu được tuyển chọn đưa vào chương trình sách giáo khoa môn Việt văn cả hai cấp Cao đẳng tiểu học và Tú tài. Tuy nhiên, chính quyền thực dân, phong kiến chỉ tập trung vào tác phẩm *Lục Vân Tiên* nhằm giải thích *Lục Vân Tiên* theo quan điểm đạo đức phong kiến lạc hậu để hòng duy trì tinh thần nô dịch đối với nhân dân Việt Nam. Còn toàn bộ thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, chúng lơ đi và tuyệt nhiên không được đề cập. Có thể nói, việc chính quyền thực dân, phong kiến đưa tác phẩm *Lục Vân Tiên* vào giảng dạy ở các trường trung học là có

1. Xem Đỗ Ngọc Thống: *Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2011, tr.66-67.

mưu đồ, “một mặt tỏ ra thái độ trân trọng với di sản văn hóa của “dân thuộc địa”, mặt khác nhằm tìm hiểu ở đây cái tinh thần dân tộc Việt Nam để tiện bề cai trị”¹. Ngay cả sau này thời Ngô Đình Diệm ở miền Nam cũng không quên học tập kinh nghiệm của chính quyền cũ làm ra vẻ tôn trọng di sản thơ văn Nguyễn Đình Chiểu nhưng lại rất sợ thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, một nhà chí sĩ cả cuộc đời trung trinh với nước, với dân: “*Sự đòi thà khuất đòi trông thẹn/Lòng đạo xin tròn một tấm gương*” (*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*).

- *Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945:*

Khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nhân dân được làm chủ đất nước và vận mệnh của mình thì thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu cũng được nhìn nhận một cách xứng đáng trên văn đàn dân tộc. Do đó, các nhà biên soạn chương trình sách giáo khoa Ngữ văn đã quan tâm nhiều và tuyển chọn thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, nhất là các tác phẩm yêu nước được đưa vào dạy học ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông, trải qua các giai đoạn sau:

+ *Chương trình sách giáo khoa Ngữ văn từ năm 1945 đến năm 1954:*

Chương trình, sách giáo khoa môn Quốc văn do nhà biên soạn Hoàng Xuân Hãn (Chủ biên):

1) Lớp Độ nhất A và B (Lớp 6, A là Ban Cổ văn, B là Ban Kim văn)

Giảng văn: Những đoạn trích trong *Trê cóc*, *Lục Vân Tiên*, *Nhị thập tứ hiếu*,...

2) Lớp Độ tứ A và B (lớp 9)

Giảng văn: Thơ văn sau *Đoạn trường tân thanh* của các tác giả Lý Văn Phức, Cao Bá Quát, Cao Bá Nhạ, Nguyễn Đình Chiểu (trừ *Lục Vân Tiên*),...².

+ *Chương trình sách giáo khoa Ngữ văn ở miền Bắc từ năm 1955 đến năm 1975:*

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Chương trình giáo dục phổ thông Ngữ văn*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2018.

2. Xem Đỗ Ngọc Thống: *Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam*, Sdd, tr.69-70.

Đến năm 1954, miền Nam bị chia cắt bởi chính quyền Mỹ - Diệm nên đến năm 1955, chương trình sách giáo khoa Ngữ văn ở hai miền Nam - Bắc có sự khác nhau. Chương trình sách giáo khoa Ngữ văn trường trung học phổ thông ở miền Nam không đề cập thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Còn chương trình sách giáo khoa Ngữ văn trường trung học phổ thông ở miền Bắc theo các năm đều có tuyển chọn đưa thơ văn Nguyễn Đình Chiểu vào giảng dạy. Cụ thể:

Năm 1961, chương trình sách giáo khoa Ngữ văn, cấp II, lớp 9, học kỳ II: Văn học cận đại (từ giữa thế kỷ XIX đến năm 1930) có học nhiều tác giả như Nguyễn Đình Chiểu, Tú Xương, Phan Bội Châu,...

Năm 1965, chương trình sách giáo khoa Ngữ văn, cấp II được chia làm hai vùng: Vùng A: Vùng phòng thủ bình thường; Vùng B: Vùng trực tiếp bị uy hiếp. Ở vùng phòng thủ bình thường thì lớp 7 học các nội dung lớp sau: I. Văn thơ cổ điển (*Hịch tướng sĩ*, *Đại cáo bình Ngô*, *Truyện Kiều*; trích thơ văn Nguyễn Đình Chiểu;... Còn ở cấp III, trong phần văn học lớp 9 (Vùng A) có Văn học Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX: bài khái quát; Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương)¹.

+ *Chương trình sách giáo khoa Ngữ văn Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000:*

Năm 1975, đất nước thống nhất, nhưng phải đến năm 1980 mới bắt đầu thực hiện cải cách giáo dục nhằm thống nhất chương trình giáo dục phổ thông cho cả nước, trong đó có chương trình sách giáo khoa môn Ngữ văn. Tuy nhiên, từ năm 1980 đến năm 1985, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ yếu tập trung biên soạn chương trình giáo dục dành cho cấp Tiểu học, đến năm 1986 thì đến cấp Trung học cơ sở và năm 1989 đến cấp Phổ thông giáo dục trung học.

1) Chương trình sách giáo khoa môn Văn phổ thông cơ sở năm 1986

1. Xem Đỗ Ngọc Thống: *Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam*, Sdd, tr.91.

Lớp 8

I. Thơ văn Việt Nam

1. Thơ văn yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

...

Lớp 9

I. Thơ văn Việt Nam

1. Thơ văn cổ điển: a) Thơ; b) Văn; c) Truyện Nôm.
- 2) Chương trình sách giáo khoa môn Văn học trường phổ thông trung học năm 1989

Lớp 11

1. Văn học Việt Nam

a) Văn học (viết) thời kỳ từ thế kỷ XI đến hết thế kỷ XIX (tiếp theo lớp 10): Ngô gia văn phái, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu (Giới thiệu tác gia, *Lục Vân Tiên*, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Xúc cảnh*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*),...

3) Chương trình sách giáo khoa môn Văn học trường phổ thông trung học phân ban năm 1993

Năm 1993, Bộ Giáo dục và Đào tạo giao cho Viện Khoa học Giáo dục biên soạn chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn cho trường trung học phổ thông phân ban. Chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn ở trung học phổ thông phân ban về cơ bản nối tiếp các tư tưởng, quan niệm và cấu trúc chương trình, sách giáo khoa môn Văn học cải cách giáo dục năm 1989, chỉ khác là do số tiết phân hóa giữa các ban nên số lượng tác phẩm và nội dung học ở các ban khác nhau.

Nội dung chương trình sách giáo khoa Ban Khoa học xã hội, ở lớp 11, phần Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX có học tác giả Nguyễn Đình Chiểu. Còn ở chương trình, sách giáo khoa Ban Khoa học tự nhiên và Ban Khoa học kỹ thuật, lớp 11, phần Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX cũng có học tác giả Nguyễn Đình Chiểu nhưng với số tiết giảm hơn¹.

1. Xem Đỗ Ngọc Thống: *Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam*, Sdd, tr.91.

+ *Chương trình sách giáo khoa Ngữ văn Việt Nam năm 2006:*

Để tiếp tục triển khai đổi mới giáo dục phổ thông, năm 2006, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai chương trình giáo dục phổ thông. Kế thừa các giai đoạn trước, nhà biên soạn chương trình sách giáo khoa môn Ngữ văn tiếp tục tuyển chọn thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đưa vào giảng dạy ở trung học cơ sở và trung học phổ thông, cụ thể như sau:

1) Chương trình sách giáo khoa Ngữ văn trung học cơ sở năm 2006

Các nhà biên soạn chương trình sách giáo khoa Ngữ văn lớp 9 đã đưa hai đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* và *Lục Vân Tiên gặp nạn* của tác phẩm *Lục Vân Tiên* vào giảng dạy và được đặt cuối cùng trong phần giới thiệu thơ văn những tác giả thuộc dòng văn học trung đại Việt Nam. Đây cũng là ý đồ của người viết chương trình sách giáo khoa Ngữ văn lớp 9 nhằm giúp cho học sinh nhận thấy được thơ văn Nguyễn Đình Chiểu sẽ kết thúc cho dòng văn học trung đại Việt Nam ở giai đoạn cuối thế kỷ XIX. Mức độ cần đạt gồm: tinh thần nhân văn, số phận và khát vọng hạnh phúc con người, ước mơ về tự do, sự phê phán những thế lực hắc ám trong xã hội phong kiến; nghệ thuật tự sự.

Tuy nhiên, để giảm tải chương trình sách giáo khoa Ngữ văn, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giảm tải đoạn trích *Lục Vân Tiên gặp nạn*, chỉ còn lại đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*. Nội dung đoạn trích này là nhằm nhấn mạnh cách khắc họa nhân vật, cách dùng ngôn ngữ bình dị cũng như khát vọng cứu đời, giúp người của Nguyễn Đình Chiểu.

2) Chương trình sách giáo khoa Ngữ văn trung học phổ thông năm 2006

- Trong chương trình sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11 (cơ bản), ở phần văn học Việt Nam giai đoạn từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX, các nhà biên soạn đã đưa thơ văn Nguyễn Đình Chiểu tuyển chọn đoạn trích *Lẽ ghét thương* trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* và tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu được đưa vào giảng dạy. Ở bài học đoạn trích *Lẽ ghét thương*, được các nhà biên soạn giới thiệu đầu tiên, sau đó xen kẽ với bài đọc thêm *Chạy giặc*, rồi mới giới thiệu tiếp bài học về *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* và sau cùng mới giới thiệu về cuộc đời và sự

nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu. Thông qua việc giới thiệu một số đoạn trích và tác phẩm tiêu biểu trước khi giới thiệu về bài học tác gia như vậy, có thể xem đây là ý đồ của các nhà biên soạn chương trình sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11 (cơ bản) nhằm muốn giúp cho học sinh nhận thấy được cả hai sáng tác tiêu biểu của ông ở giai đoạn trước và sau khi Pháp xâm lược. Từ đó, giúp người học hiểu sâu sắc hơn về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.

Để đáp ứng yêu cầu giảm tải chương trình sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11 (cơ bản), Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cắt bài học đoạn trích *Lẽ ghét thương* và chỉ giữ lại bài học *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*.

Tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* được thể hiện mức độ cần đạt gồm: tinh thần yêu nước thiết tha, vẻ đẹp bi tráng của hình tượng người nông dân nghĩa sĩ; kết hợp chất hiện thực và trữ tình, cách khắc họa hình tượng.

- Trong chương trình sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11 (nâng cao)

Ở chương trình sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11 (nâng cao) cũng giống như chương trình sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11 (cơ bản), các nhà biên soạn đã tuyển chọn đoạn trích *Lẽ ghét thương* trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, tác phẩm *Chạy giặc* (đọc thêm) và tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. Đương nhiên, số tiết sẽ nhiều hơn so với chương trình sách giáo khoa lớp 11 (cơ bản)¹.

Như vậy, sau Cách mạng Tháng Tám, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu được tuyển chọn đưa vào chương trình sách giáo khoa Ngữ văn cả cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông để phục vụ cho giáo dục, đào tạo con người mới với tinh thần yêu nước, tự chủ, tự cường. Không những vậy, trên diễn đàn học thuật xuất hiện rất nhiều công trình, bài viết nghiên cứu có tên tuổi lớn đánh giá toàn diện và rất xứng đáng về thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường như Nguyễn Đình Chú, Cao Huy Đình, Bảo Định Giang, Trần Thanh Lãng, Nguyễn Lộc, Nguyễn Thạch Giang,... Đặc biệt, nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày mất của

1. Xem Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn, Tlđd.*

Nguyễn Đình Chiểu, Thủ tướng Phạm Văn Đồng có bài viết *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc*. Bài viết đề cao Nguyễn Đình Chiểu và xem ông như một chiến sĩ trên mặt trận văn hóa tư tưởng: “*Nguyễn Đình Chiểu là một chí sĩ yêu nước, một nhà thơ lớn của nước ta. Đời sống và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng, nêu cao địa vị và tác dụng của văn học, nghệ thuật, nêu cao sứ mạng của người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa tư tưởng*”¹. Có thể nói, đây là một trong những công trình sau Cách mạng Tháng Tám mở đầu cho cách nhìn nhận, đánh giá mới mẻ, khẳng định vị trí cao quý con người Nguyễn Đình Chiểu cũng như khẳng định những giá trị đích thực của thơ văn ông.

Năm 2016, bản thân người viết cũng đã bảo vệ thành công Luận án nghiên cứu sinh với đề tài: “*Dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu dưới góc nhìn văn hóa Nam Bộ*”. Đây là niềm vui lớn của tác giả với mong muốn đóng góp thêm hướng tiếp cận mới trong việc dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông nhằm mang lại hiệu quả cao hơn theo yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Những tác phẩm sáng ngời về tinh thần yêu nước, thương nòi của Nguyễn Đình Chiểu đã trở thành tiếng kèn hiệu triệu, cổ vũ cho bao lớp thanh niên sẵn sàng lên đường chiến đấu để bảo vệ tấc đất của quê hương, đất nước. Chính những giá trị sáng ngời ấy đã làm nên sức sống mãnh liệt cho thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, vì thế mà luôn xuất hiện trong các chương trình sách giáo khoa Ngữ văn trong trường phổ thông từ thời Pháp thuộc đến nay.

+ *Chương trình sách giáo khoa Ngữ văn Việt Nam năm 2018:*

Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 ra đời có sự đổi mới hơn so với chương trình giáo dục phổ thông năm 2006 nhằm đáp ứng yêu cầu mới về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong thời kỳ hội nhập. Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 được triển khai từ năm học 2020 - 2021 đối

1. Phạm Văn Đồng: “Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc”, tạp chí *Văn học*, tháng 7/1963.

với đầu cấp của tiểu học, từ năm học 2021 - 2022 đối với đầu cấp của trung học cơ sở và từ năm học 2022 - 2023 đối với đầu cấp của trung học phổ thông. Mặc dù, chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, trong đó chương trình sách giáo khoa Ngữ văn năm 2018 có sự đổi mới nhưng vẫn kế thừa khá nhiều chương trình sách giáo khoa Ngữ văn năm 2006 về ngữ liệu các tác phẩm văn học. Mặc dù chương trình Ngữ văn có định hướng mở về ngữ liệu, tuy vậy để bảo đảm nội dung giáo dục cốt lõi, thống nhất trên cả nước, bên cạnh những văn bản gợi ý để cho tác giả sách giáo khoa và giáo viên lựa chọn, chương trình Ngữ văn quy định một số văn bản bắt buộc, trong đó có bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu. Còn thơ văn ông được tiếp tục tuyển chọn ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông. Cụ thể như:

LỚP 8 VÀ LỚP 9

Thơ, ca dao, truyện thơ Nôm

...

- *Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu)

LỚP 10, LỚP 11 VÀ LỚP 12

Thơ, truyện thơ, phú, văn tế

...

- *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Chạy giặc* (Nguyễn Đình Chiểu)¹.

Như vậy, chương trình sách giáo khoa Ngữ văn năm 2018 đã kế thừa ngữ liệu về Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm thơ văn của ông từ chương trình sách giáo khoa Ngữ văn năm 2006. Điều này minh chứng giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật cũng như phản ánh được tư tưởng, văn học, văn hóa dân tộc,... từ các tác phẩm của ông. Những giá trị này nhằm đáp ứng yêu cầu cho việc hình thành và phát triển năng lực cũng như đặc điểm tâm - sinh lý của học sinh ở từng lớp học, cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông trong giai đoạn mới hiện nay.

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006.

4. Kết luận

Mặc dù trải qua bao sự khắc nghiệt của thời gian, hơn 150 năm đã trôi qua nhưng giá trị thơ văn Nguyễn Đình Chiểu vẫn sáng ngời, “*một ánh sáng khác thường, càng nhìn lâu, càng thấy sáng*” (Phạm Văn Đồng). Từ đó tạo nên sức lôi cuốn mãnh liệt và gieo vào lòng người một tình cảm đặc biệt khó quên. Với những giá trị lớn lao ấy, Nguyễn Đình Chiểu “*xứng đáng danh hiệu người Thi sĩ của nhân dân, suốt đời luôn gắn bó cuộc đời mình với vận mệnh của Tổ quốc, của nhân dân, tận tụy đem nghệ thuật của mình để phục vụ sự nghiệp chiến đấu của nhân dân*”¹.

Như vậy, có thể khẳng định, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, nhất là những tác phẩm được các nhà biên soạn chương trình sách giáo khoa Ngữ văn tuyển chọn đưa vào nhà trường phổ thông là những tác phẩm hết sức đặc sắc và có giá trị lớn về chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân văn gắn liền với đặc điểm văn hóa con người Nam Bộ nói riêng, người Việt Nam nói chung. Điều đó đã làm cho thơ văn Nguyễn Đình Chiểu luôn mang sự thu hút kỳ lạ, làm say mê bao thế hệ người Việt, cũng như cả người nước ngoài hơn 150 năm qua./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2018.
- [3] Đặng Thai Mai: *Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ yêu nước lớn của dân tộc Việt Nam*, tập II, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1965.
- [4] Đỗ Ngọc Thống: *Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2011.
- [5] Luật giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019.

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Sdd.

- [6] Nguyễn Ngọc Thiện: *Nguyễn Đình Chiểu về tác gia và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2003.
- [7] Phạm Văn Đồng: “Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc”, tạp chí *Văn học*, tháng 7/1963.
- [8] Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT, ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [9] Nguyễn Phước Hoàng: *Dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu từ góc nhìn văn hóa Nam Bộ*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2017.

DANH NHÂN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU VỚI VÙNG ĐẤT SÀI GÒN - CHỢ LỚN - GIA ĐỊNH

ThS. PHẠM DƯƠNG MỸ THU HUYỀN*

Tóm tắt: Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) là nhà thơ lớn của nhân dân Việt Nam, nhà thơ nhân đạo - thân dân, yêu hòa bình và là nhà tư tưởng lớn, luôn vượt qua nghịch cảnh giúp ích cho nhân dân. Mặc dù mang trên mình nhiều vai trò, sứ mệnh: nhà thơ, nhà giáo, thầy thuốc, chiến sĩ yêu nước,... nhưng suốt cuộc đời ông đã kiên cường vượt qua số phận, để lại cho đời sau tấm gương sáng ngời về nhân cách sống. Nhân cách sống của ông cũng là một nhân chứng sống động về tính năng động của con người. Cuộc đời ông là cuộc đời của người chiến sĩ đã phấn đấu hết mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Nguyễn Đình Chiểu là một người trọng đạo lý, nặng nghĩa tình. Vì người, ông sẵn sàng hy sinh xả thân không màng danh lợi. Vì đời, ông chấp nhận mọi thử thách trước nghèo khó, khổ cực, không hám lợi, không khuất phục cường quyền. Qua những tác phẩm của ông, hình ảnh những con người hào hiệp, nghĩa khí, vượt qua bao gian nan, thử thách để thực hiện lý tưởng phò vua, giúp nước luôn nhắc nhở chúng ta về trách nhiệm công dân với Tổ quốc. Xoay quanh hình tượng những nhân vật được khắc họa qua các tác phẩm, chúng ta thấy được đạo lý trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu cũng như quan niệm của ông về con người, cuộc đời. Về khía cạnh đề cao đạo lý của dân tộc,

* Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Đình Chiểu tập trung vào việc khẳng định, đề cao bốn giá trị đạo lý lớn, đó là: đạo đức nhân nghĩa; tinh thần hào hiệp, trọng nghĩa khí; lòng vị tha, chung thủy, tiết hạnh; tinh thần xả thân vì nước. Về khía cạnh trân trọng, ngợi ca tình cảm tốt đẹp, Nguyễn Đình Chiểu nhấn mạnh nghĩa vua - tôi, đạo vợ - chồng, tình cha - con. Tất cả những giá trị tốt đẹp đó kết tinh thành kim chỉ nam, hình thành lối sống cao đẹp cho bao thế hệ người Việt Nam. Cùng với nhân cách đáng kính trọng, sự nghiệp văn chương có tầm ảnh hưởng lớn lao, lâu dài, Nguyễn Đình Chiểu đã trở thành bậc thầy đáng kính của người dân khắp cả nước.

Từ khóa: Gia Định; Nguyễn Đình Chiểu; Quê ngoại.

CULTURAL CELEBRITY NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU WITH LANDS OF SAIGON - CHỢ LỚN - GIA ĐỊNH

Abstract: Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) is a distinguished poet of the Vietnamese, humanitarian poet, peace loving and a visionary, always overcome any obstacle for the sake of the people. Despite carrying an insurmountable responsibility, duty as a poet, teacher, doctor, patriot,... Yet he stands firm against adversity to leave behind a shining example. His personal quality set a life exemplary of human resilience. His life story is a biography of a patriot who sacrificed his life for the liberation of his people.

Nguyễn Đình Chiểu is a person with principle and sentimental, this is because he his sacrifice and righteousness, for other he willing to face poverty, hardship and he is incorruptible and unsubmitable. Through his work he expresses a role model in many aspect of life, facing and overcoming life challenge to serve the king and his people. His

tale shows his courage and responsibility to the nation. Through the avatar of Chiếu's story he can have a glimpse into his physique and his view on life and humanity. Nguyễn Đình Chiếu work mostly focuses on four virtues: honor, compassion, faithful, patriotism. For the aspect of honor he emphasis on kingship, marriage, kinship. All of those qualities distilled into a moral compass guiding many Vietnamese generations. Through his virtuous persona and far reaching and long lasting literature work Nguyễn Đình Chiếu become a great exemplary of the nation.

Keywords: Gia Định; Nguyễn Đình Chiếu; Mother's hometown.

Toàn văn

Đặt vấn đề

Nguyễn Đình Chiếu (1822 - 1888) là nhà thơ, nhà văn hóa lớn của nhân loại, suốt cuộc đời ông là tấm gương sáng ngời cho nghị lực sống, cho lòng kiên trung và những giá trị đạo lý cao cả, luôn hướng đến chân - thiện - mỹ. Dù bị mù lòa nhưng đi đến đâu ông dạy học đến đó, làm thuốc cứu người, thể hiện chính kiến của một nhà nho yêu nước chân chính, chống những người đạo đức giả, tham danh lợi, thể hiện tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước và dùng văn chương làm vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh chống xâm lược, phục vụ đất nước. Nguyễn Đình Chiếu không chỉ lặn lội ngược xuôi mà cuộc đời ông còn là chuỗi ngày đau khổ ít ai phải chịu đựng. Thế nhưng bằng ý chí và nghị lực phi thường, ông đã vượt qua mọi khó khăn, biến đau thương thành sức mạnh vươn lên làm chủ số phận của mình chứng minh rằng “tàn nhưng không phế”. Nguyễn Đình Chiếu là một chiến sĩ trên mặt trận văn hóa và cũng là chiến sĩ trên mặt trận giáo dục, trở thành bậc thầy đáng kính trong lòng người dân Nam Bộ nói riêng và Việt Nam nói chung.

1. Cuộc đời và sự nghiệp

Nguyễn Đình Chiểu sinh năm 1822 tại làng Tân Thới, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay là phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh), tục gọi là Đồ Chiểu, tự Mịch Trạch, hiệu Trọng Phủ, Hối Trai. Cha của ông là Nguyễn Đình Huy, người xã Bồ Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên (nay là tỉnh Thừa Thiên Huế) làm Thư lại Văn hàn ty trong dinh Tổng trấn Lê Văn Duyệt. Mẹ ông là bà Trương Thị Thiệt, người làng Tân Thới, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định.

Nguyễn Đình Chiểu được sống và học tập nên nếp tại quê mẹ (Gia Định), được nghe những câu truyện cổ dân gian, được đi xem hát và được mẹ dạy dỗ từ nhỏ lẽ thiện ác ở đời. Năm 1833, Nguyễn Đình Chiểu được cha đưa ra Huế học, nhờ đó, ông đã có điều kiện tiếp thu tinh hoa Nho học và văn chương chốn kinh đô một cách bài bản. Nguyễn Đình Chiểu là người học rộng tài cao, trở về Gia Định năm 1840 và thi Hương đậu tú tài tại trường thi Gia Định năm 1843. Đến năm 1847, ông ra Huế học để chờ thi khoa Kỷ Dậu (1849) nhưng sau đó, năm 1848 nghe tin mẹ mất, trên đường về quê vì đường sá xa xôi, đau buồn lo nghĩ thương tiếc người mẹ quá cố mà khóc đến nỗi đôi mắt ông bị mù. Sau khi mãn tang mẹ, tại Gia Định, ông làm nghề dạy học, làm thuốc, tham gia kháng chiến cùng với nhân dân.

Năm 1854, ông lấy vợ là bà Lê Thị Điền. Sau khi thực dân Pháp xâm chiếm Gia Định, ông cùng gia đình về lánh nạn ở quê vợ tại ấp Thanh Ba, quận Cần Giuộc, tỉnh Gia Định (nay là xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An). Sau đó về Ba Tri, tỉnh Bến Tre tiếp tục dạy học và làm thuốc, sáng tác thơ văn. Ông mất năm 1888 tại Bến Tre.

Ngày 23/11/2021, tại Thủ đô Paris (Pháp), Tổ chức Giáo dục, khoa học và văn hóa thuộc Liên hợp quốc (UNESCO) đã thông qua nghị quyết: Năm 2022 sẽ tổ chức kỷ niệm 200 năm ngày sinh danh nhân Nguyễn Đình Chiểu.

Con người và sự nghiệp của ông gần 200 năm qua đã được nhiều tác giả với nhiều thể hệ nghiên cứu, tôn vinh như một nhân cách truyền

cảm hứng lớn lao. Riêng đối với vùng đất Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu được nhiều thế hệ tôn kính không chỉ vì văn thơ của ông mà bởi chính nhân cách con người ông, con người Nam Bộ - sống nghĩa tình, xem trọng hành động; năng động, dễ dàng thích nghi với hoàn cảnh mới, dám đương đầu với thử thách; lý tưởng và hành động luôn thống nhất. Chính vì vậy, ông trở thành một tượng đài đạo đức trong lòng người dân Nam Bộ nói chung và người dân Sài Gòn - Gia Định nói riêng.

2. Khí chất khảng khái, trọng nghĩa, sẵn sàng xả thân vì nước

Mặc dù bị mù đôi mắt, không thể trực tiếp cầm gươm, cầm súng đánh giặc nhưng Nguyễn Đình Chiểu đã dùng văn chương như một vũ khí sắc bén để chống kẻ thù, ca ngợi những tấm gương hy sinh vì nghĩa. Khí phách của ông toát lên từ những câu chuyện mà người dân Sài Gòn - Gia Định lưu truyền hàng trăm năm qua.

Năm 1851, ông viết truyện thơ *Lục Vân Tiên* để tỏ rõ lòng yêu chính nghĩa, ghét gian tà. Nguyễn Đình Chiểu được coi là nhà nho thành công trong việc đưa tính cách người Sài Gòn - Gia Định nói riêng và Nam Bộ nói chung vào trong tác phẩm của mình. Đọc *Lục Vân Tiên*, có thể thấy những con người của vùng đất Gia Định được điển hình hóa, được thấy chính mình trong đó. Người lục tỉnh cũng vì vậy mà thấy họ ở Vân Tiên, Tử Trục, Hớn Quản, Tiểu Đồng, ông Quán, ông Tiêu; Nguyệt Nga, Kim Liên,... Năm 1859, thực dân Pháp đánh chiếm Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu đã thể hiện lòng yêu nước bằng cách dùng ngòi bút làm vũ khí chiến đấu với kẻ thù. Tuy sống trong cảnh nghèo khó nhưng trước sau như một, ông luôn thể hiện tấm lòng son sắt, kiên trung. Thực dân Pháp nhiều lần mua chuộc, dụ dỗ bằng cách đặt vấn đề trả lại đất đai cũ nơi quê nhà của ông ở Gia Định, cấp tiền cho ông lúc tuổi già,... nhưng đều vấp phải sự từ chối quyết liệt của ông: “Nước chung đã mất, đất riêng còn có được sao?”. Cũng chính vì vậy, ông trở thành tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật hết mình của Nam Bộ những ngày đầu chống thực dân Pháp xâm lược. Nguyễn Đình Chiểu làm thơ để biểu lộ lòng yêu nước,

thương dân, thơ văn của ông đã làm sống lại phong trào kháng Pháp oanh liệt, bền bỉ của nhân dân Nam Bộ. Ông quan niệm văn chương phải có sức chiến đấu, có tác dụng cao là “chở đạo”, “đâm tà”. Trái tim ông như đập theo từng thăng trầm của đất nước nên văn chương cũng kết tinh thành một tấm lòng yêu nước, thương dân vô bờ bến. Văn chương của Nguyễn Đình Chiểu không chỉ giáo dục đạo lý làm người mà còn là lời kêu gọi, cổ vũ tinh thần đấu tranh:

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.*

Khi thực dân Pháp đến xâm lược, ông ca ngợi những con người sẵn sàng xả thân vì non sông đất nước, thương xót cho những đau thương mất mát của họ. Trước họa xâm lăng, Nguyễn Đình Chiểu đã viết bài thơ *Chạy giặc*. Bài thơ viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật, phản ánh nỗi đau thương của dân tộc, căm thù, lên án tội ác của quân Pháp xâm lược và thể hiện lòng thương xót nhân dân:

*Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,
Một bàn cờ thế phút sa tay.
Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy
Mất ổ đàn chim dáo dác bay.
Bến Nghé của tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây.
Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng,
Nỡ để dân đen mắc nạn này?*

Không phải chỉ là một câu hỏi gay gắt và lời phê phán nghiêm khắc những trang dẹp loạn của triều đình, câu thơ còn là một tiếng khóc nghẹn tràn đầy nước mắt của con người mù lòa hết lòng yêu nước thương dân mà không thể làm gì cho dân trong cơn loạn lạc. Những câu thơ chan chứa một tấm lòng yêu nước, thương dân tha thiết, chan chứa một sự xót xa sâu sắc đến quặn đau cho số phận những người dân vô tội, đồng thời bày tỏ lòng căm phẫn với kẻ thù xâm lược đã giày xéo lên mảnh đất của dân tộc. Một bài thơ ngắn nhưng đã khái quát được cả một sự kiện lịch sử lớn của dân tộc, đồng thời thể hiện được tấm lòng yêu nước, thương dân

sâu sắc của Nguyễn Đình Chiểu. Những vần thơ của ông luôn nêu bật lối sống có văn hóa và khí phách anh hùng đặc trưng của con người Nam Bộ, là lối sống trọng đạo lý và công bằng! Sự nghiệp thơ ca của ông cũng là minh chứng hùng hồn cho vị trí và tác dụng to lớn của trách nhiệm người cầm bút trước cuộc đời.

Thơ văn yêu nước của ông đã tái hiện chân thực một giai đoạn đau thương của đất nước, của dân tộc, đồng thời khích lệ lòng căm thù giặc và ý chí phấn đấu của nhân dân. Giá trị của những áng văn thơ đó đến nay vẫn còn nguyên giá trị trong lòng người đọc bởi lý tưởng đạo đức, nhân nghĩa và tấm lòng yêu nước, thương dân, là lý tưởng “phò đời giúp nước”, là những con người vì nước quên thân, thủy chung trong sáng, luôn đứng về lẽ phải, không hám danh lợi, không bất nhân bất nghĩa. Cuộc đời của ông là một tấm gương sáng ngời về tinh thần yêu nước, sự bất khuất trước quân thù. Tuy không nhìn thấy ánh sáng, không thể trực tiếp tham gia kháng chiến chống giặc ngoài chiến trường nhưng ông vẫn luôn bàn bạc việc nước, trao đổi thư tín với các chí sĩ yêu nước, sáng tác những bài thơ phục vụ kháng chiến, động viên tinh thần chiến đấu của các chiến sĩ ngoài sa trường. Dù trong hoàn cảnh nào (nước mất nhà tan, bản thân bị mù, bị tù hôn,...) ông cũng nêu cao khí tiết của người chí sĩ yêu nước, có nghị lực phi thường, vượt qua những bất hạnh của cá nhân và thời cuộc.

3. Nghị lực và nhân nghĩa của người thầy đáng kính

Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu là một minh chứng sống động về nghị lực và ý chí, vượt qua số phận để đứng trước những sóng gió của chính cuộc đời mình, vượt lên chính nỗi đau của riêng mình. Bài học lớn về cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu là tấm gương đạo đức, nghị lực, là thái độ suốt đời gắn bó, chiến đấu không ngơi nghỉ cho lẽ phải, cho công bằng mặc dù số phận đã định cho Nguyễn Đình Chiểu một cuộc đời đầy thử thách.

Là một nhà nho, cả cuộc đời thầy Đồ Chiểu chăm lo dạy dỗ môn sinh, truyền lại cho thế hệ tương lai những điều tốt đẹp nhất về đạo lý,

truyền thống của dân tộc và nhân cách của một kẻ sĩ. Nghe tiếng ông hay chữ, tính nết điềm đạm, giàu lòng thương người nên học trò theo ông ngày càng đông. Ông tận tụy thực hiện vai trò cao quý của mình bằng tất cả trí tuệ và lòng nhiệt huyết. Theo Nguyễn Đình Chiểu, có “nhân” mới có “dũng”, có “trí”. Cho nên cái tâm - cứ cho dễ hiểu là lòng mình, bụng dạ mình - càng được nuôi dưỡng thì càng thêm sáng suốt, phân được điều chính điều tà; biết việc mình làm đúng, sai là biết trọng nghĩa, đã trọng nghĩa thì tất khinh tài, không tham của bất chính; nghĩa là “rèn luyện” trí não mình không lệch lạc, vừa có “trí”, lại có cả “dũng” để nhận ra cái sai. Nét đẹp văn hóa của con người Nam Bộ hiện nay, phải chăng cũng được nuôi dưỡng và phát huy chính nhờ sự nghiệp giáo dục của biết bao thế hệ người thầy tâm huyết, trong đó có thầy Đồ Chiểu. Và thầy cũng là học trò xuất sắc của nhà giáo Võ Trường Toản - một nhà trí thức không màng danh lợi, suốt đời chăm lo đào tạo thế hệ môn sinh có chí khí, có tài, biết lấy “thảo ngay làm nghĩa cả”. Nhiều thế hệ môn sinh tiếp thu sự giáo dục của thầy đã nuôi dưỡng ý chí, rèn luyện tinh thần nhiệt huyết mang đậm dấu ấn giáo dục của thầy giáo Nguyễn Đình Chiểu, đã thấm nhuần tư tưởng được thầy truyền thụ để trở thành những con người có nghĩa khí. Nguyễn Đình Chiểu làm thơ để biểu thị lòng yêu nước, thương dân, lấy đó làm vũ khí chống giặc; dạy học để nuôi dưỡng, giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam trong đời sống văn hóa của nhân dân giữa thời loạn lạc. Đó còn là lối sống có văn hóa, có lòng tự hào dân tộc, biết tự trọng của một trí thức chân chính, giữ đúng tiết đạo của một kẻ sĩ. Với Nguyễn Đình Chiểu, văn chương còn thể hiện thái độ khen, chê, đồng tình hay phản đối, phần nộ với cái xấu, tha thiết với cái đẹp, cái cao cả. Tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu là dùng văn chớ đạo nên nhân cách của nhà giáo Nguyễn Đình Chiểu có ảnh hưởng rất lớn đối với người dân vùng đất Nam Bộ!

Nguyễn Đình Chiểu còn là một thầy thuốc giỏi, một lương y thông hiểu sâu sắc về y thuật và y đức, kết hợp hài hòa đạo cứu người trong nghĩa vụ cứu dân, cứu nước. Đối với lương y Nguyễn Đình Chiểu, y đạo tức là nhân đạo, chủ nghĩa nhân đạo của ông là chủ nghĩa nhân đạo rất

nhân dân, rất gần gũi. Người ta kể rằng, ông thường ngồi dò đi nhiều nơi xem bệnh, kê đơn cho người dân, nhân việc cứu giúp người mà kín đáo tuyên truyền lòng yêu nước. Tấm gương về người thầy thuốc cùng nhân cách cao thượng ấy của Nguyễn Đình Chiểu còn để lại dấu ấn sâu sắc cho thế hệ lương y sau này:

*Thấy người đau giống mình đau,
Phương nào cứu đặng, mau mau trị lành.
Đứa ăn mày cũng trời sanh,
Bệnh còn cứu đặng thuốc dành cho không.*

Tư tưởng nhân nghĩa của thầy được thể hiện rõ nét qua tác phẩm lớn cuối đời *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* với chủ đề xuyên suốt tác phẩm là yêu nước và yêu thương con người, dạy đạo làm người, đạo làm thầy thuốc cứu người. Trong lời tựa cuốn sách *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* xuất bản năm 1982, Giáo sư Lê Trí Viễn cho rằng: “Y thuật ấy là kết tinh nghề thuốc trong hàng trăm bộ sách của mấy mươi thế kỷ. Yêu nước ấy có chiều sâu cá nhân một đời người và chiều sâu lịch sử dân tộc hàng mấy ngàn năm. Nhưng cả hai đều đúc lại thành một thang thuốc hồi sinh, một đạo lý sống, một con đường phù hợp cho những con người yêu nước bình thường trong tình hình quê hương rơi vào tay giặc: giữ vững khí tiết không phục vụ quân thù, làm một công việc vừa có ý nghĩa vừa giúp dân, vừa giúp nước...”. Nguyễn Đình Chiểu luôn đề cao lương tâm của những người thầy thuốc và ở con người ông luôn toát lên hình ảnh cao đẹp của một người thầy thuốc chân chính sẵn sàng quên đi mọi quyền lợi riêng tư cá nhân bởi vì “nhân” không thể tách rời “nghĩa”. Vì vậy, càng yêu thương nhân dân bao nhiêu, Nguyễn Đình Chiểu càng căm ghét và lên án những kẻ “khoác áo lương y” quên đi trách nhiệm của mình. Ở bất cứ mọi việc đều cần đặt chữ “Tâm” và trách nhiệm lên hàng đầu. Đặc biệt trong nghề y thì chữ “Tâm” lại càng ngời sáng và quan trọng - “Lương y như từ mẫu”. Tư tưởng nhân đạo cao quý đó của Nguyễn Đình Chiểu cùng bản lĩnh liêm chính, tinh thần trách nhiệm và sự tận tụy trong nghề của người thầy Nguyễn Đình Chiểu trở thành tấm gương sáng để hậu thế noi theo và học tập. Cũng chính vì vậy, khi cụ

Đồ mất, không chỉ học trò mà nhiều bệnh nhân được cụ chữa bệnh đều đến xin chịu tang.

4. Tôn vinh và phát huy giá trị tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu trong giai đoạn hiện nay

Con người Việt Nam từ xưa đến nay luôn *“Chung lưng đấu cật”*, luôn ý thức *“Đông tay hơn hay làm”* để tạo ra sức mạnh *“Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao”*.

Trong bối cảnh xã hội của vùng đất mới phương Nam, tập quán trọng nghĩa tình lại càng được thể hiện rõ một cách hài hòa mà sâu sắc qua cách ứng xử của con người với thiên nhiên, với xã hội, cộng đồng và công cuộc khẩn hoang thời kỳ đầu cũng phải đối mặt với rất nhiều thú dữ (cá sấu, hổ...) khiến cho con người Nam Bộ buộc phải trở nên can đảm, sẵn sàng xả thân bảo vệ gia đình và cộng đồng, hình thành truyền thống nghĩa hiệp, giúp người chẳng kể thân sơ của người dân Nam Bộ. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, do tác động của nền kinh tế thị trường, của hội nhập mở cửa, việc giữ gìn và phát huy giá trị đạo đức truyền thống cũng gặp không ít khó khăn, thử thách. Để tôn vinh và phát huy giá trị tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu, góp phần giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, cần tiếp tục triển khai thực hiện một số giải pháp cụ thể như:

Một là, nghiên cứu, sưu tầm những tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu và sưu tầm những công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về ông. Nghiên cứu, giảng dạy tại các trường trong việc giáo dục nhân cách thế hệ trẻ nhằm khẳng định và đề cao giá trị đạo lý của dân tộc vì mỗi tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu luôn chứa đựng trong đó những bài học về nhân sinh, đạo đức, trung thực, dũng cảm, sống có trách nhiệm. Với một nhân cách đáng kính trọng, cùng sự nghiệp văn chương có tầm ảnh hưởng lớn lao, lâu dài, việc nghiên cứu, sưu tầm và đưa vào giảng dạy những tác phẩm của ông là điều cần thiết vì những tác phẩm đó luôn hướng tới độc giả đại chúng, rất gần gũi và mang giá trị văn hóa cốt lõi tiêu biểu của con người Nam Bộ.

Hai là, xuất bản các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu bằng nhiều hình thức, trong đó chú trọng việc số hóa những công trình đã đánh giá, nghiên cứu, chọn lọc nhằm tuyên truyền, phổ biến rộng rãi cho người dân, vì những sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu luôn có giá trị kết nối đạo lý của dân tộc từ truyền thống đến hiện đại, góp phần giáo dục, hình thành những phẩm chất cần có của con người như sống yêu thương, nhân nghĩa. Ông luôn lấy nguyên lý đạo đức làm chuẩn mực cho mọi hành vi của con người và ông cho thấy rằng đạo đức và đạo lý con người được thể hiện một cách gần gũi, giản dị ngay trong cuộc sống hằng ngày bởi chính những người dân lao động lam lũ, vất vả mà hết rất anh hùng.

Ba là, xây dựng nhà lưu niệm về Nguyễn Đình Chiểu. Cuộc đời, sự nghiệp, đạo đức trong sáng của ông đã được ghi trong sử sách, việc xây dựng nhà tưởng niệm là nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng của dân tộc ta và góp phần tạo nên nội lực gắn kết, biểu dương sức mạnh cộng đồng góp phần đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược; thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, trân trọng giữ gìn, trao truyền cho các thế hệ mai sau những giá trị nhân văn sâu sắc.

Bốn là, tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm ngày sinh, ngày mất của ông nhằm giáo dục truyền thống uống nước nhớ nguồn, tôn vinh người thầy tài đức vẹn toàn đã góp phần quan trọng vào xây dựng không gian văn hóa Nam Bộ trong gần hai thế kỷ qua. Để hậu thế mãi khắc ghi một nhà nho tiết tháo, luôn sống theo đạo nghĩa của nhân dân, không chỉ là người con hiếu thảo, người thầy mẫu mực, người chiến sĩ yêu nước mà còn là một cây bút có công lớn trong việc viết văn tuyên truyền cổ vũ chiến đấu.

Gần 200 năm trôi qua nhưng cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu đã để lại dấu ấn sâu đậm trong không gian văn hóa, con người vùng đất Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định. Những nghịch cảnh, mất mát của cuộc đời riêng hóa ra lại là cơ hội để ông rèn ý chí và mài giũa tài năng thực hiện sứ mệnh của kẻ sĩ mà lẽ ra ông đã có

thể hoàn thành thông qua con đường chính thống là thi đỗ và ra làm quan. Thuở thanh bình, ông nguyện làm người thầy không biết mỏi, truyền bá sâu rộng đạo lý làm người trên khắp Nam Bộ. Khi thực dân Pháp xâm lược, ông dùng thơ văn để ca ngợi, cổ vũ tinh thần chiến đấu của nhân dân Nam Bộ, đồng thời tiếp tục làm việc nghĩa cứu đời. Sự nhất quán giữa lý tưởng và hành động cao cả trong suốt cuộc đời đầy những biến cố và thử thách của ông đã làm nên một nhân cách lớn được nhân dân Nam Bộ kính trọng, ngưỡng mộ. Có thể nói, Nguyễn Đình Chiểu cũng chính là một nhân vật văn hóa đại diện cho những phẩm chất và khí phách của một bậc quân tử.

Kết luận

Sinh ra và lớn lên ở Gia Định - vùng đất đã trở thành máu thịt để hình thành tư tưởng, tình cảm, đạo đức, tài năng của Nguyễn Đình Chiểu mang đậm tính cách nhân dân lục tỉnh. Thơ văn của ông đều bắt nguồn từ lý tưởng đạo nghĩa đến chủ nghĩa yêu nước, thể hiện qua lòng yêu nước gắn với lòng căm thù giặc, lòng tiếc thương những người đã xả thân vì nghĩa lớn. Các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu được đánh giá cao ở giá trị nhân văn, thể hiện lòng yêu nước gắn liền với lòng căm thù giặc, lòng tiếc thương những người đã xả thân, hy sinh vì nghĩa lớn. Thông qua ngòi bút của mình, Nguyễn Đình Chiểu đã thể hiện đạo đức của người cầm bút, yêu ghét phân minh, ủng hộ chính nghĩa. Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu thể hiện giá trị chiến đấu và gắn bó với nông dân, ngợi ca tinh thần yêu nước, sẵn sàng hy sinh để bảo vệ đất nước của người dân.

Bài học Nguyễn Đình Chiểu để lại cho hậu thế là phải có thái độ dứt khoát trong cuộc đời. Ông là tấm gương vươn lên từ khó khăn, không ngừng chiến đấu và học tập - để lại cho hậu thế những trang sử về đạo đức và lòng yêu nước mãi mãi được tôn vinh và noi theo. Có thể nói, Nguyễn Đình Chiểu đã dạy người bằng hành động thực tế, bằng lối sống của chính ông chứ không phải bằng những lời giáo huấn suông. Và, điều quan trọng là những tư tưởng đó không chỉ được nói đến một cách

cứng nhắc, rập khuôn mà luôn có sự phù hợp với đạo đức nhân dân, đề cao nghĩa vua - tôi, đạo vợ - chồng, tình cha - con, tình chủ - tớ... tất cả đều được khắc họa vô cùng chân thực và xúc động.

Cả cuộc đời, trừ thời gian đi học, Nguyễn Đình Chiểu đều dạy học và làm thuốc. Dù mù lòa nhưng bằng nghị lực phi thường, Nguyễn Đình Chiểu đã vượt lên hoàn cảnh, để lại cho đương thời và hậu thế sự nghiệp văn chương lớn lao. Ngoài những tác phẩm thể hiện lòng yêu nước nồng nàn, Nguyễn Đình Chiểu đã viết ba tác phẩm dài là *Dương Từ - Hà Mậu*, *Lục Vân Tiên*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* có nội dung tiêu biểu cho một đạo đức cao quý, thể hiện lập trường của nhà nho yêu nước, yêu chính nghĩa, ghét thói tà gian. Có thể thấy, qua những tác phẩm của mình, Nguyễn Đình Chiểu đã làm được một việc vô cùng lớn lao, mang đến sợi dây liên kết mỗi tâm hồn với nhau bằng chất keo đạo lý truyền thống, đó cũng là sức mạnh tinh thần to lớn cho cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược ngay từ những ngày đầu và tiếp tục được giữ gìn, phát huy trong mọi bối cảnh, thời đại hiện nay của đất nước. Ông và những tuyệt tác của ông sẽ luôn sống mãi với thời gian và trong trái tim mỗi người Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tạ Thị Thanh Huyền: *Nguyễn Đình Chiểu trong không gian văn hóa Nam Bộ*, Luận án Tiến sĩ Văn học, 2019.
- [2] Trần Thị Thu Hương: *Giá trị đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu với đời sống văn hóa dân tộc*, Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam, 2017.
- [3] Châu Anh Phụng: *Sưu tập và Nguyễn Đình Chiểu*, Sở Văn hóa - Thông tin Long An, 1998.
- [4] Thái Vũ: *Tuổi xanh Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2000.
- [5] Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa: *Kỷ yếu Lễ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu*, 1971.

GIÁ TRỊ VĂN HÓA VÀ HƯỚNG TIẾP CẬN DẠY HỌC THƠ VĂN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG HIỆN NAY

TS. VÕ THỊ NGỌC KIỀU*

Tóm tắt: Nguyễn Đình Chiểu là một danh nhân văn hóa của dân tộc, một tác gia văn học có những đóng góp to lớn cho nền văn học Việt Nam. Cuộc đời và sự nghiệp thơ văn của ông vừa đặc biệt, vừa có ý nghĩa tiên phong, tiêu biểu cho những giá trị nội dung và nghệ thuật văn học trung đại Việt Nam ở giai đoạn cuối thế kỷ XIX. Dù trải qua hơn 150 năm, thơ văn của ông vẫn luôn làm say đắm lòng người không chỉ bởi giá trị văn học đặc trưng, mà còn bởi những giá trị văn hóa Nam Bộ được kết tinh trong từng hình tượng nghệ thuật. Các hướng tiếp cận nghiên cứu như: văn học sử, thể loại, thi pháp học, văn hóa học,... đã được các thế hệ nhà nghiên cứu trước đây cũng như đương thời vận dụng, từ đó đã mở ra những cách nhìn đa chiều, sâu sắc về tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu. Bên cạnh đó, với vị trí của một tác gia văn học tiêu biểu được đưa vào giảng dạy trong nhà trường từ thời Pháp thuộc, và trong bối cảnh đổi mới chương trình giáo dục phổ thông nói chung, Ngữ văn nói riêng như hiện nay, cần có những cách tiếp cận nghiên cứu và dạy học phù hợp với các giá trị cao đẹp trong những sáng tác của Đồ Chiểu. Bài viết khái quát những giá trị văn hóa và đánh giá vai trò, vị trí của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trong chương trình

* Trường Đại học Trà Vinh. Liên hệ: vothingockieu@gmail.com

phổ thông hiện hành và chương trình mới. Từ đó, tác giả đề xuất những hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để góp phần khai thác cái đặc sắc, cái hay, cái đẹp riêng từ hình tượng nghệ thuật, ngôn ngữ,... trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu từ góc nhìn văn hóa theo hướng phát triển năng lực người học.

Từ khóa: Dạy học; Giá trị văn hóa; Phát triển năng lực; Nguyễn Đình Chiểu; Văn hóa Nam Bộ.

CULTURAL VALUES AND DIRECTION OF GETTING ACCESS TO TEACHING POETRY-PROSE OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU IN CURRENT SECONDARY SCHOOLS

Abstract: Nguyễn Đình Chiểu was a cultural celebrity and literary author of the nation, who made great contributions to Vietnamese literature. His life and career are of special significance, representing literary and artistic values of Vietnamese medieval literature at the end of the 19th century. His poetry and literature have been interested for more than 150 years thanks to unique literary values of Southern culture crystallized in each artistic image. Research approaches of historical literature, poetics, culturology, etc. have been applied by previous and contemporary generations of researchers to review Nguyễn Đình Chiểu's works in diverse perspectives.

In addition, with the position of a typical literary author being taught in schools since the French colonial period, and in the context of reforming the general education program in general, and literature curricula in particular, it is necessary to have proper research and teaching methods in line with noble values of the works by elderly Đỗ Chiểu. The paper gives a brief of cultural values of his works in the current and new

teaching programs of schools in order to propose appropriate teaching methods to discover the uniqueness and artistic beauty in Nguyễn Đình Chiểu's poetry and literature to improve students' capacity.

Keywords: Teaching; Cultural value; Capacity improvement; Nguyễn Đình Chiểu; Southern culture.

Toàn văn

1. Đặt vấn đề

Là thành tố cơ bản của văn hóa, văn học có vai trò vô cùng quan trọng trong việc phản ánh nền văn hóa dân tộc trên nhiều bình diện như phong tục tập quán, lễ hội, tôn giáo, tín ngưỡng, tri thức dân gian,... Và trong quá trình lưu giữ những giá trị văn hóa của dân tộc, thời đại, văn học sẽ góp phần sáng tạo văn hóa, là cầu nối giữa các thế hệ với nhau. Từ mối quan hệ này có thể khẳng định rằng việc nghiên cứu, giảng dạy văn học nói chung cũng là quá trình tìm đến với văn hóa, với đặc thù dân tộc và phổ quát nhân loại.

Nguyễn Đình Chiểu là một danh nhân văn hóa của dân tộc, một tác gia văn học có những đóng góp to lớn cho nền văn học Việt Nam. Cuộc đời và sự nghiệp của ông là cả một trang sử hào hùng minh chứng cho tinh thần yêu nước bất diệt của nhân dân Việt Nam. Qua những trang viết đầy máu và nước mắt nhưng cũng không kém phần oanh liệt, chúng ta sẽ được sống lại thời kỳ đất nước đầy biến cố, và đặc biệt là được đắm mình trong những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

Dạy học Ngữ văn nói chung, dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu nói riêng theo định hướng năng lực trong bối cảnh hiện nay có nhiều lý do để tin vào khả năng, triển vọng thực hiện nhưng cũng có nhiều thách thức cần được nhận thức một cách đầy đủ và sâu sắc. Góp thêm vào việc nâng cao hiệu quả trong dạy học tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu ở trường

phổ thông, bài viết khái quát những giá trị văn hóa và đánh giá vai trò, vị trí của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trong chương trình phổ thông hiện hành và chương trình mới. Từ đó, tác giả đề xuất những hình thức tổ chức, phương pháp dạy học để góp phần khai thác cái đặc sắc, cái hay, cái đẹp riêng từ hình tượng nghệ thuật, ngôn ngữ,... trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu từ góc nhìn văn hóa theo hướng phát triển năng lực người học.

2. Nội dung

2.1. Những giá trị văn hóa trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu

a) Tính cách văn hóa truyền thống và dấu ấn văn hóa Nam Bộ

Với tư cách là một nhà nho, Nguyễn Đình Chiểu đã gửi gắm tư tưởng, đạo lý, những điều giáo huấn đáng quý trọng trong từng nhân vật của mình. Trước tiên, ông ngợi ca con người, xây dựng nên tượng đài chính nghĩa, là hình mẫu đạo đức cho bao thế hệ noi theo: Hồn Minh khảng khái, chí tình; Vương Tử Trực ân tình, ân nghĩa; Lục Vân Tiên văn võ song toàn, trọng nghĩa khinh tài, phò đời giúp nước, đối nhân xử thế theo quan điểm của nhân dân; Kiều Nguyệt Nga tiết hạnh, thủy chung, kiên trinh. Bên cạnh đó, không gian văn hóa Nam Bộ, quá trình cộng cư hòa nhã, gắn kết của các tộc người trên vùng đất mới cũng là nhân tố quan trọng góp phần hình thành nên lối sống, tính cách của người Nam Bộ, trong đó có Nguyễn Đình Chiểu và các nhân vật trong tác phẩm của ông. Đó là những con người đáng kính, đáng yêu, những con người trọng nghĩa khinh tài trước sau như một; mặc dù gặp khổ cực, gian nguy, nhưng quyết phấn đấu vì nghĩa lớn và họ đã thẳng thắn đứng lên chống lại cái xấu, cái ác để bảo vệ công lý.

Tính cách nổi bật của các nhân vật trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu là những con người đạo đức, nhân nghĩa, tạo nên dấu ấn riêng, độc đáo trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu. Những biểu hiện cụ thể của vẻ đẹp nhân nghĩa là tình cảm yêu thương con người, là

những cách hành xử hợp lẽ phải giữa con người với con người, là việc đề cao những hành động cao thượng, chính trực, đề cao những đạo lý tốt đẹp của dân tộc. Đó là những con người thấy việc nghĩa mà làm, không nghĩ đến thiệt hơn, tai họa cho bản thân,... như Lục Vân Tiên; ghét bọn vua chúa tàn ác, thương người dân phải sống trong cảnh lầm than,... như ông Quán; là những hành xử, suy nghĩ và lựa chọn vì nghĩa, vì tình, trọn vẹn trước sau của Kiều Nguyệt Nga: “*Tình phu phụ nghĩa quân thân/Nghĩa xa cũng trọn ơn gần cũng nên*”; hay nhân vật Kỳ Nhân Sư xông hai mắt cho mù để không phải hợp tác với kẻ thù; hay những người nông dân nghĩa binh xả thân tiêu diệt giặc;... hay khi cười chê không kiêng dè đối với hai tên Trịnh Hâm, Bùi Kiệm, những kẻ bất tài đồ thơ của ông Quán;...

Dạy văn ở nhà trường phổ thông là dạy người, là truyền đạt tình yêu cái đẹp, là giáo dục tình cảm. Vì vậy, còn gì có thể phù hợp hơn là dạy cách sống đẹp, hành động đẹp như những nhân vật trong tác phẩm của Đồ Chiểu. Dạy học tác phẩm văn học trung đại nói chung, tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu nói riêng, chúng ta không chỉ giảng về những điển cố mà phải làm cho học sinh cảm được thần thái của một bài văn đọc giữa khói hương tưởng nhớ đến những người đã hy sinh vì nghĩa cả; vận dụng được hệ thống ngôn từ giản dị, gần gũi; nhận thấy mình, mong muốn hướng mình đến những hành động đẹp, suy nghĩ đẹp trong vô vàn những mối quan hệ mới, những mối quan hệ ảo của giới trẻ hiện nay.

b) Ứng xử văn hóa với môi trường tự nhiên và xã hội

“Văn hóa ứng xử là sự phản ánh các nội dung vấn đề có tính chất văn hóa một cách có ý thức bộc lộ tư duy của một đối tượng chủ thể trao đổi tiếp xúc với một hoặc nhiều đối tượng liên quan, được thực hiện bằng lời nói, thái độ, hành động để đạt một mục đích nhất định”¹. Như vậy, có thể hiểu sự trao đổi, tiếp xúc giữa đối tượng chủ thể với các đối tượng

1. Nguyễn Nghĩa Dân: *Văn hóa giao tiếp, ứng xử trong tục ngữ - ca dao Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2013, tr.24.

khách thể được thực hiện bằng lời nói, thái độ, hành động để đạt được một mục đích nhất định một cách văn hóa được xem là văn hóa ứng xử. Trong văn học, văn hóa ứng xử được phản ánh rõ nét và trở thành một nội dung quan trọng của các thể loại này, đặc biệt được biểu lộ qua những mối quan hệ giữa người với người, giữa người với môi trường tự nhiên. Nổi bật lên trong văn hóa ứng xử của người Nam Bộ, những lưu dân đến vùng đất Nam Bộ dù đa phần là những lưu dân ít chữ nghĩa,... nhưng những hành vi ứng xử của họ thì hết sức nghĩa tình và có văn hóa. Từ đó đã tạo nên vẻ đẹp rất riêng ở tính cách của người Nam Bộ nói chung.

Là người con của vùng đất Nam Bộ, Nguyễn Đình Chiểu cũng thấm nhuần những cung cách ứng xử mang đậm tình người của người dân nơi đây. Ngay trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, thông qua hành vi ứng xử của các hình tượng nhân vật, tác giả đã làm nổi bật vẻ đẹp ứng xử có văn hóa, hợp tình, hợp nghĩa của người dân Nam Bộ. Cụ thể như cách ứng xử của Lục Vân Tiên sau khi đánh bọn cướp: *“Hỏi ai than khóc ở trong xe này... Khoan khoan ngồi đó chờ ra/Nàng là phận gái ta là phận trai”*. Ngoài lối ứng xử chính trực, nhân từ của Lục Vân Tiên, trong *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu còn xây dựng nhân vật Hồn Minh sẵn lòng cứu mang, chăm sóc thuốc thang và an ủi bạn như người thân ruột thịt trong nhà; ông Ngư cứu vớt, cứu mang Lục Vân Tiên;... Có thể nói, những hành động và lời nói của các hình tượng nhân vật trên đều thể hiện hành vi, ứng xử lịch thiệp, nhân từ, trọng tình, trọng nghĩa của người Nam Bộ.

Bên cạnh đó, theo nhà nghiên cứu Ngô Đức Thịnh, người dân Nam Bộ không chỉ xem thiên nhiên là nguồn sống mà còn là nơi để họ gửi gắm nỗi niềm: “Nếu ở vùng trung du, đồng bằng Bắc Bộ, cái ghi đậm dấu ấn là những huyền thoại, thần thoại, truyền thuyết lịch sử gắn với cội nguồn dân tộc và các triều đại, nhân vật lịch sử, thì với vùng đất mới này cái không khí lịch sử ấy không còn nữa, mà thế giới tự nhiên với cả hai mặt vừa quyến rũ vừa đe dọa của nó đã là những mẫu đề chính trong truyện cổ và thơ ca dân gian”¹.

1. Ngô Đức Thịnh: *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2004, tr.287.

Trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, các nhân vật ông Quán, ông Ngư, ông Tiều dù là những người làm những công việc hết sức bình thường nhưng thông kinh sử, vì thời cuộc nhiều nhương, họ đành phải ẩn mình vào thiên nhiên để giữ khí tiết, trau dồi phẩm chất trong sạch, chờ có cơ hội ra giúp dân, cứu nước. Cụ thể, ông Quán tìm đến với thiên nhiên là để kết bạn tâm giao, tìm đến thiên nhiên bao la tươi đẹp để bộc bạch những nỗi niềm của chính mình. Bên cạnh việc miêu tả sự gắn bó của con người với thiên nhiên nơi đây, Nguyễn Đình Chiểu còn miêu tả, khắc họa bao tình cảm, cảm xúc của họ hòa quyện trước cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp của vùng đất Nam Bộ. Qua đó khẳng định và đề cao thái độ sống ở những trí thức Nam Bộ luôn hết lòng vì dân, vì nước trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX.

2.2. Vai trò, vị trí của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trong chương trình phổ thông hiện hành và chương trình mới

Trong chương trình Ngữ văn trung học cơ sở, trung học phổ thông, cao đẳng, đại học thì Nguyễn Đình Chiểu là một trong những tác gia có nhiều tác phẩm được đưa vào giảng dạy như Truyện thơ *Lục Vân Tiên*, của các bài thơ *Chạy giặc*, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*,... Trong chương trình Ngữ văn trung học cơ sở, trung học phổ thông, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu được giảng dạy ở chương trình Ngữ văn lớp 9 và Ngữ văn lớp 11. Cụ thể:

TT	Sách giáo khoa	Tên bài	Ghi chú
1	Ngữ văn lớp 9	Đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”	
2		Đoạn trích “Lục Vân Tiên gặp nạn” của tác phẩm <i>Lục Vân Tiên</i>	<i>Giảm tải</i>
3	Ngữ văn lớp 11 (bộ cơ bản)	Đoạn trích “Lẽ ghét thương” của tác phẩm <i>Lục Vân Tiên</i>	
4		<i>Chạy giặc</i>	<i>Bài đọc thêm</i>
5		<i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i>	

(Nguồn: Tác giả thống kê)

Mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 là phát triển năng lực và phẩm chất người học. Việc phát triển năng lực trong dạy học Ngữ văn, mà cụ thể là phát triển các năng lực chung và năng lực đặc thù, phải dựa sự tương tác tích cực giữa các khâu, các bước, các yếu tố trên nền tảng tổng thể. Trong đó, việc xây dựng hệ thống chuẩn năng lực và ngữ liệu thích hợp; biên soạn sách giáo khoa, đổi mới phương pháp dạy học, đánh giá,... phải được tiến hành đồng bộ. Về ngữ liệu, Chương trình Ngữ văn (2018) chỉ nêu định hướng về các kiểu văn bản và thể loại được dạy ở từng lớp; riêng ở cấp tiểu học có quy định độ dài của văn bản. Chương trình có định hướng mở về ngữ liệu. Tuy vậy, để bảo đảm nội dung giáo dục cốt lõi, thống nhất trên cả nước, bên cạnh những văn bản gợi ý tác giả sách giáo khoa và giáo viên lựa chọn, chương trình quy định một số văn bản bắt buộc và văn bản bắt buộc lựa chọn¹. Trong đó, tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu được đưa vào nhóm tác phẩm bắt buộc. Trong nhóm tác phẩm bắt buộc lựa chọn, ở phần Văn học viết Việt Nam (chọn ít nhất 1 tác phẩm) cũng có đề xuất đưa thơ nôm Nguyễn Đình Chiểu vào lựa chọn.

Căn cứ tiêu chí lựa chọn văn bản và yêu cầu lựa chọn văn bản, Chương trình Ngữ văn (2018) xây dựng danh mục văn bản (ngữ liệu) gợi ý lựa chọn ở các lớp. Danh mục văn bản này không phải là tất cả ngữ liệu của các lớp mà chỉ là những ví dụ minh họa về thể loại, kiểu văn bản, đề tài và sự phù hợp với nhận thức, tâm lý lứa tuổi; nhằm đáp ứng các yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói, nghe ở mỗi lớp...². Cụ thể, tác phẩm *Lục Vân Tiên* được gợi ý lựa chọn ở lớp 8, lớp 9; *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Chạy giặc* được gợi ý lựa chọn ở lớp 10, lớp 11 và lớp 12.

Việc dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu ở trong nhà trường ở nước ta đã có từ thời Pháp thuộc. Các nhà nghiên cứu, nhà sư phạm, như Dương Quảng Hàm, Lê Thuộc,... đã bước đầu khám phá và khẳng định những giá trị của tác phẩm thơ văn ông, đặc biệt là truyện thơ nôm

1, 2. Xem Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Hà Nội, 2018, tr.16, 92.

Lục Vân Tiên. Từ khi Cách mạng Tháng Tám thành công cho đến nay đã xuất hiện rất nhiều công trình, bài viết nghiên cứu về việc dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường, mang đến một diện mạo tươi mới cho bức tranh nghiên cứu, dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Trong bối cảnh hiện nay, xét từ đặc trưng thể loại, từ giá trị văn hóa trong tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu, đặc biệt là từ yêu cầu phát triển năng lực của chương trình mới thì việc dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu từ việc khai thác các giá trị văn hóa trên là hướng tiếp cận cần thiết và có thể vận dụng trong bối cảnh hiện nay.

2.3. Đề xuất những hình thức, phương pháp dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường phổ thông hiện nay

Tiếp cận khai thác các giá trị văn hóa trong dạy học không chỉ giúp đạt được những mục tiêu về nội dung và giá trị nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm, mà còn góp phần giúp học sinh biết cách đọc văn bản theo từng thể loại và biết dựa vào các yếu tố văn hóa trong tác phẩm để khám phá, tiếp nhận, biết trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, cộng đồng mà tác giả gửi gắm, ký thác vào tác phẩm.

Để tổ chức dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trên cơ sở khai thác các giá trị văn hóa, chúng tôi xác định và phân tích tình hình thực tế địa phương; nghiên cứu đề xuất nhóm các vấn đề phù hợp với đặc điểm người học và môi trường, điều kiện giáo dục trong nhà trường. Các giá trị văn hóa cần khai thác trong dạy học tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu gồm:

- (1) Không gian văn hóa cũng như những nhân tố thời đại tác động.
- (2) Tinh thần yêu nước và phát triển phẩm chất yêu nước, nhân ái, và trách nhiệm, nhân cách và phát triển cá tính.
- (3) Tính cách, tâm hồn con người Nam Bộ và bài học đối với giới trẻ ngày nay.
- (4) Mối liên hệ giữa tác phẩm với thời đại.

Các giá trị văn hóa này được thể hiện ở các trạng thái: lịch sử, hiện trạng, mong muốn và nỗ lực để đạt được tốt đẹp hơn trong tương lai. Tuy nhiên, chúng chỉ mang tính chất tương đối; khi sử dụng vào điều

kiện cụ thể ở địa phương, ở các nhóm đối tượng người học khác nhau và ở những thời điểm khác nhau thì sẽ có những điều chỉnh cho phù hợp. Ở đây, tác giả khuyến khích giáo viên nên sử dụng các hình thức dạy học như: dự án nghiên cứu, phỏng vấn, tham quan thực địa,... với các hoạt động tự học có hướng dẫn và tự học không có hướng dẫn. Cụ thể trong tham luận này, tác giả đề xuất quy trình tổ chức dạy học tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu theo hướng phát triển năng lực bằng hình thức dạy học dựa trên dự án nghiên cứu và hoạt động trải nghiệm. Các hoạt động tổ chức được đề xuất, ngoài những quy định, hướng dẫn triển khai chương trình Ngữ văn, cơ sở lý luận về lý luận dạy học, phương pháp dạy học, thì đều dựa trên nền tảng các giá trị văn hóa trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu.

Dạy học dựa trên dự án

Là một phương pháp dạy học dựa trên cơ sở đề cao tính tự quyết, tự hoạt động, khả năng sáng tạo và kỹ năng làm việc nhóm của học sinh. Trong đó học sinh thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu, trình bày.

Giai đoạn 1: Chuẩn bị dự án

- Đề xuất ý tưởng và chọn đề tài dự án: Giáo viên phổ biến chủ đề dự án, các đề tài cụ thể và gợi ý các đề tài cho chủ đề dự án. Giáo viên có thể cân nhắc các chủ đề sau:

- (1) Văn hóa Nam Bộ trong tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu.
- (2) Sức sống của Nguyễn Đình Chiểu trong cuộc đời và trong văn học Việt Nam.
- (3) Con người truyền thống trong tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu và bài học đạo đức cho giới trẻ hiện nay.
- (4) Truyền thống yêu nước và tinh thần yêu nước trong tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu.

(5)...

- Chia nhóm và nhận nhiệm vụ dự án:

+ Chia nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm, hướng dẫn thực hiện.

+ Phổ biến quy định về thời gian, hình thức báo cáo; hình thức đánh giá.

- Hướng dẫn các nhóm lập kế hoạch thực hiện dự án.

Giai đoạn 2: Thực hiện dự án giai đoạn này

- Các nhóm tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ được giao với các hoạt động như: nghiên cứu tài liệu, sưu tầm, phỏng vấn, lên ý tưởng, trình bày kết quả,...

- Giáo viên hỗ trợ, ủng hộ, cổ vũ,...

Giai đoạn 3: Báo cáo và đánh giá dự án

- Các nhóm công bố sản phẩm trước lớp.

- Các nhóm khác và giáo viên tiến hành đánh giá.

- Các nhóm tự nhận xét quá trình thực hiện dự án và tự đánh giá sản phẩm nhóm mình.

- Giáo viên đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án của các nhóm, đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm để thực hiện những dự án tiếp theo.

Tổ chức hoạt động trải nghiệm:

Là một trong những hình thức tổ chức hoạt động góp phần tạo được hứng thú, tích cực, hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất người học. Đối với môn Ngữ văn, nội dung luôn mang tính tổng hợp, bao gồm cả tri thức văn hóa, đạo đức, triết học,... liên quan tới nhiều môn học và các hoạt động giáo dục khác như Lịch sử, Địa lý, Nghệ thuật, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ, Tự nhiên và Xã hội, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp,... Vì vậy, tổ chức linh hoạt cho học sinh tiếp cận kiến thức bằng kinh nghiệm, bằng vốn sống, học đi đôi với hành, học gắn với giải quyết các vấn đề thực tiễn của cộng đồng,... qua các hình thức trải nghiệm cụ thể là cần thiết và có ý nghĩa. Hình thức trải nghiệm trong dạy học rất đa dạng: tham quan, sân khấu hóa, hội thi,... Tùy vào điều kiện thực tế mà giáo viên có thể linh hoạt lựa chọn. Về quy trình tổ chức, chúng tôi đề xuất như sau:

Bước 1. Xác định vấn đề

- Giáo viên/học sinh đề xuất địa điểm, nội dung, mục đích và kết quả tham quan; các hình thức và tác phẩm sân khấu hóa;...

- Giáo viên/học sinh xây dựng các câu hỏi chính để gợi ý xác định vấn đề; các nguồn tài liệu tham khảo;...

Bước 2. Giải quyết vấn đề

- Tổ chức lớp học để nghiên cứu vấn đề: chia nhóm/hoặc xác định cá nhân người học, giao vấn đề, thống nhất các quy định về thời gian, phân công, trình bày, đánh giá;

- Các nhóm/cá nhân học sinh tổ chức nghiên cứu tài liệu; thảo luận thống nhất nội dung, bố cục và hình thức trình bày, báo cáo,...; đi thực tế, gặp gỡ/phỏng vấn nghệ nhân, chuyên gia, người dân địa phương; dàn dựng, biểu diễn;...

- Các nhóm/cá nhân học sinh thống nhất kết quả nghiên cứu trải nghiệm và hình thức trình bày.

Bước 3. Tổ chức báo cáo và đánh giá

- Các nhóm/cá nhân học sinh trình bày kết quả nghiên cứu (trên lớp bằng hình thức báo cáo trực tiếp, chiếu video thu sẵn, bài thu hoạch...);

- Thảo luận, góp ý cả lớp;

- Các nhóm/cá nhân học sinh trình bày tiếp nhận, phản hồi thông tin;

- Giáo viên góp ý, đánh giá.

Có thể nói, thông qua các hoạt động trải nghiệm từ tham quan tìm hiểu thực tế, sân khấu hóa giúp học sinh có cơ hội hình thành và phát triển những giá trị sống và các năng lực cần thiết. Việc cụ thể hóa các bước nói trên phụ thuộc rất nhiều vào năng lực, tính tích cực của cả người học, người dạy; các điều kiện học tập, giảng dạy hiện hữu (tài liệu, trang thiết bị,...). Trong các hoạt động cụ thể, giáo viên có thể linh hoạt thêm bớt một số bước, đồng thời có những tác động, hỗ trợ kịp thời cho học sinh hoàn thành nhiệm vụ.

3. Kết luận

Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là một vấn đề lớn được mọi người rất quan tâm. Như đã trình bày, cuộc đời, sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng về đạo đức, về tài nghệ, đặc biệt là về tư tưởng sống và chiến đấu không biết mệt

mỗi cho chính nghĩa, cho hạnh phúc của nhân dân. Và các giá trị văn hóa trong các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu là hết sức to lớn. Trong thời đại ngày nay, đối với con người Việt Nam, những tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Đình Chiểu vẫn còn nguyên giá trị. Chính vì vậy, việc tiếp cận dạy học tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường theo hướng khai thác các giá trị văn hóa là một hướng đi cần thiết, rất phù hợp với môi trường và quan điểm giáo dục Việt Nam hiện nay. Đó là việc sử dụng các bối cảnh, tư liệu, nguồn giá trị văn hóa truyền thống, những liên hệ thực tế sinh động ở địa phương,... để tạo nên các tình huống trên lớp hoặc các hoạt động ngoại khóa, các dự án nghiên cứu của người học. Thông qua các hoạt động này, người học có cơ hội củng cố các bài học trên lớp, học thêm các bài học thực tế, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề của thực tế địa phương, thông qua đó rèn luyện được các kỹ năng phân tích, tổng hợp,... và đặc biệt là hình thành hành vi và lối sống vì cộng đồng, hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hà Nội, 2018.
- [2] Hoàng Thị Cương: “Lịch sử nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu - Nhìn lại và Hướng tới”, Tạp chí *Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 65, 2020.
- [3] Nguyễn Nghĩa Dân: *Văn hóa giao tiếp, ứng xử trong tục ngữ - ca dao Việt Nam*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2013.
- [4] Nguyễn Phước Hoàng: *Dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu dưới góc nhìn văn hóa Nam Bộ*, Luận án Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2015.
- [5] Nguyễn Phước Hoàng: “Đặc điểm tâm lý Nam Bộ trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu”, tạp chí *Giáo dục*, số 326, tháng 01/2014.
- [6] Ngô Đức Thịnh: *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2004.

TRUYỀN DẠY NÓI THƠ VÂN TIÊN VÀ TIỀM NĂNG ĐƯA VÀO HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA TRONG CÁC TRƯỜNG QUỐC TẾ CỦA HÀN QUỐC TẠI VIỆT NAM

TS. KIMKYU*

Tóm tắt: Theo thống kê từ Văn phòng Di trú Hàn Quốc (số liệu năm 2017), cô dâu Việt chiếm 28% trong các cặp hôn nhân đa văn hóa, đứng thứ hai sau Trung Quốc (37%). Hiện nay, ngoài phần lớn gia đình Việt - Hàn cư trú ở Hàn Quốc, không ít gia đình chọn định cư ở Việt Nam mà Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những lựa chọn hàng đầu. Hầu hết trẻ em trong gia đình đa văn hóa Việt - Hàn đều học tập ở các cơ sở giáo dục quốc tế của Hàn Quốc. Bên cạnh chương trình phổ thông theo quy định, các em cũng có những hoạt động ngoại khóa về văn hóa - nghệ thuật... Từ thực tiễn hoạt động ngoại khóa của Trường Quốc tế Saigon Hangeul ở Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi nhận thấy, một trong những chuyên đề ngoại khóa có tiềm năng phát triển là Nói thơ Vân Tiên. Nói thơ Vân Tiên là hình thức diễn xướng dân gian được khởi phát từ tác phẩm Lục Vân Tiên của danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Đình Chiểu. Nói thơ Vân Tiên là một “nhịp cầu” kỳ diệu giúp cộng đồng người Hàn Quốc tại Việt Nam, cũng như ở các nước khác có cơ hội hiểu thêm về văn hóa nghệ thuật Việt Nam,

* Trường Quốc tế Saigon Hangeul, Thành phố Hồ Chí Minh. Liên hệ: jhk8069@hanmail.net

qua đó thúc đẩy việc học tiếng Việt và đạo lý làm người, lòng yêu chuộng hòa bình - một trong những giá trị phổ biến mà UNESCO đã khẳng định khi vinh danh Nguyễn Đình Chiểu nhân dịp kỷ niệm 200 năm ngày sinh của ông.

Từ khóa: Gia đình đa văn hóa; Hoạt động ngoại khóa; Nói thơ Vân Tiên; Nguyễn Đình Chiểu; Trường Quốc tế Hàn Quốc.

TEACHING RHYTHMIC VERSES OF VÂN TIÊN AND POTENTIAL TO BRING EXTRAMURAL ACTIVITIES IN INTERNATIONAL SCHOOLS OF REPUBLIC OF KOREA IN VIETNAM

Abstract: According to statistics from the Korea Immigration Office (data of 2017 year), Vietnamese brides make up 28% of multicultural couples, ranking second behind China (37%). Currently, in addition to the majority of Vietnamese-Korean multicultural families residing in Korea, many families choose to settle in Vietnam and Ho Chi Minh City is one of the top choices. Most children in Vietnamese-Korean multicultural families study in Korean international educational institutions. In addition to the prescribed high school program, they also have extracurricular activities in culture, art... One of their favorite extracurricular topics is “Nói thơ Vân Tiên” (Speaking Vân Tiên poetry). “Nói thơ Vân Tiên” (Speaking Vân Tiên poetry) is a form of immersion of Lục Vân Tiên story, composed by Nguyễn Đình Chiểu. “Speaking of Vân Tiên’s poetry” is a wonderful “bridge” that helps the Korean in Vietnam as well as in other countries have the opportunity to understand more about Vietnamese cultural, thereby promoting the learning of Vietnamese languages. Humanities,

loving peace... one of the common values that UNESCO has affirmed when honoring Nguyễn Đình Chiểu on the 200th anniversary of his birth.

Keywords: Vân Tiên Poetry; Nguyễn Đình Chiểu; Korean International School; Vietnamese - Korean multicultural families; Extracurricular activities.

Toàn văn

Dẫn nhập

Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường trong những năm gần đây không chỉ làm thay đổi diện mạo xã hội Việt Nam, mà còn thay đổi cả nhận thức của người dân. Trong quá khứ, hình mẫu “người phụ nữ truyền thống” của Việt Nam được thể hiện bằng việc đưa tiễn chồng, con ra chiến trường trong thời kỳ chiến tranh, âm thầm chờ đợi, vượt qua gian khổ, bảo vệ quê hương. Nhưng hiện nay, với quá trình công nghiệp hóa, phụ nữ không còn bị gắn với hình mẫu đó nữa, mà thay vào đó là những hình ảnh hiện đại hướng về gia đình và lợi ích kinh tế, mưu cầu hạnh phúc bản thân. Và một trong những khuynh hướng mưu cầu hạnh phúc, bên cạnh mong ước thăng tiến trong công việc và sự nghiệp là hôn nhân và kết hôn đa văn hóa. Trong khuôn khổ của nghiên cứu này, chúng tôi mạn phép chỉ đề cập các thông tin liên quan gia đình đa văn hóa Hàn - Việt.

Hiện tại, các bà mẹ Việt Nam chiếm 1/3 các gia đình đa văn hóa ở Hàn Quốc. Theo thống kê từ Văn phòng Di trú Hàn Quốc (số liệu năm 2017), cô dâu Việt chiếm 28% trong các cặp hôn nhân đa văn hóa, đứng thứ hai sau Trung Quốc (37%). Hiện nay, ngoài phần lớn gia đình Việt - Hàn cư trú ở Hàn Quốc, không ít gia đình chọn định cư ở Việt Nam mà Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những lựa chọn hàng đầu. Trẻ em từ các gia đình đa văn hóa thường phản ứng tích cực, nói “bình thường” (54,3%) và “tự hào” (33,5%) với những người xung quanh khi biết rằng mình là con của các gia đình đa văn hóa, nhưng khi lớn lên, các em cảm thấy ít tự

hào hơn, và có một số trường hợp trẻ em của gia đình đa văn hóa cho biết bị kỳ thị ở trường học.

Để khắc phục tình trạng trên, Chính phủ Hàn Quốc và khu vực tư nhân đang tiếp tục nỗ lực nâng cao nhận thức về xã hội đa văn hóa, thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau bằng cách xuất bản các ấn phẩm giới thiệu về xã hội và văn hóa của các quốc gia trong khu vực. Ví dụ như những câu chuyện cổ tích, các tác phẩm văn học cổ truyền và hiện đại, các ấn phẩm nghiên cứu... Thư viện Thanh thiếu niên quốc gia đã xuất bản các tác phẩm văn học thiếu nhi của Hàn Quốc bằng tiếng Việt để có thể sử dụng trong việc giáo dục trẻ em của các gia đình đa văn hóa. Trung tâm Văn hóa Hàn Quốc tại Hà Nội cũng đã xuất bản nhiều truyện cổ tích Hàn - Việt song ngữ. Đồng thời, một số công ty xuất bản chuyên về sách thiếu nhi đã xuất bản sách văn học thiếu nhi Hàn Quốc bằng tiếng Việt và phân phối nó cho các gia đình đa văn hóa như một phần trong các hoạt động đóng góp xã hội của mình. Trong nỗ lực giới thiệu và giao lưu văn hóa, tác phẩm *Lục Vân Tiên* của nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã được dịch sang tiếng Hàn và sẽ được giới thiệu trong sự kiện kỷ niệm 200 năm ngày sinh cụ Đồ Chiểu được UNESCO vinh danh vào tháng 7 sắp tới¹.

1. Nguyễn Đình Chiểu và Nói thơ Vân Tiên

Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) là một nhà thơ yêu nước, một hiện tượng văn hóa đặc biệt của Việt Nam trong nửa cuối thế kỷ XIX. Mặc dù sống trong cảnh mù lòa, cơ cực lại trong giai đoạn đất nước loạn lạc, lầm than, ông vẫn giữ gìn khí tiết của nhà nho thanh sạch, kiên định dùng ngòi bút của mình làm vũ khí trừ gian diệt tà và cổ vũ tinh thần đấu tranh của người dân cần lao. Trên thi đàn Việt Nam, ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị về văn học, tư tưởng và mang tính lịch sử như: *Lục Vân Tiên*,

1. Dự án sách *Truyện thơ nôm Lục Vân Tiên và tác giả Nguyễn Đình Chiểu* tiếng Hàn Quốc, Chi hội Sáng tạo Trẻ, Hội Di sản văn hóa Bến Tre thực hiện với sự tài trợ của 3 Công ty Hàn Quốc: Công ty trách nhiệm hữu hạn Accendus; Công ty trách nhiệm hữu hạn VK Link và Công ty trách nhiệm hữu hạn SNA Việt Nam.

Ngư Tiên y thuật vấn đáp, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Dương Từ - Hà Mậu, Chạy giặc, v.v.. Thơ văn của ông mang đậm tính nhân văn, ca ngợi những con người sẵn sàng làm việc nghĩa, vì lợi ích cộng đồng, chứa đựng nhiều ý nghĩa về đạo lý cổ truyền của dân tộc Việt Nam.

Nguyễn Đình Chiểu là nhà nho mang nặng tư tưởng Khổng Tử. Đồng thời, ông còn là người con của quê hương Nam Bộ, giàu tình yêu quê hương, yêu lao động, sống chan hòa với mọi người xung quanh. Việc học hành thi cử dở dang, ông trở về quê hương bốc thuốc chữa bệnh, cứu người, dạy học để truyền tri thức và đạo lý cho các thế hệ. Chính vì thế mà nội dung tư tưởng “trung - hiếu - tiết - nghĩa” theo tư tưởng của Nho giáo lại trở nên gần gũi với đạo lý “nhân - nghĩa” trong dân gian. Nguyễn Đình Chiểu sáng tác *Lục Vân Tiên* nhằm tuyên truyền cho đạo lý tốt đẹp ấy.

Có thể nói, đi qua bao thập niên, một trong những tác phẩm tiêu biểu của ông - truyện thơ nôm *Lục Vân Tiên*, sáng tác vào khoảng năm 1852, vẫn được nhiều thế hệ nhắc đến, không chỉ vì giá trị nghệ thuật thơ văn mà còn là giá trị về đạo nghĩa làm người. Đó là những giá trị cốt lõi có sức sống qua các thời đại. Đó chính là tinh thần yêu nước, những đạo lý, phẩm chất tốt đẹp của con người, mà hàng đầu là chữ “trung”, chữ “hiếu” vẫn vẹn nguyên ý nghĩa.

Nhân nghĩa là gốc rễ để rèn giũa con người đã được nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu truyền tải vào trong truyện thơ rất gần gũi với người dân cần lao. Vẻ đẹp của tư tưởng ấy tỏa sáng qua những hình tượng nhân vật trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*.

Tư tưởng ác giả ác báo, thiện giả thiện lai, ở hiền gặp lành đã có từ trong dân gian, trong truyền thống cổ truyền của dân tộc nhưng được Nguyễn Đình Chiểu đưa vào tác phẩm bằng cả trái tim nhiệt huyết, bằng cả tài năng nghệ thuật. Vì vậy nó có một sức sống mãnh liệt trong lòng nhân dân. Thời xưa, chưa có các phương tiện truyền thông đại chúng và mạng internet như hiện nay, thêm nữa số lượng người biết chữ và có thể đọc sách là rất ít. Và Việt Nam khi đó lại bắt đầu giai đoạn thuộc địa, việc truyền bá các tác phẩm thơ văn yêu nước lại càng thêm khó khăn,

vậy bằng cách nào truyện thơ *Lục Vân Tiên* lại lưu truyền trong dân gian và có sức sống mạnh mẽ cho đến tận hôm nay?

Ở Nam Bộ, việc kể chuyện *Lục Vân Tiên* trong dân gian rất phổ biến, nhưng được kể theo hình thức rất khác biệt. Đây là hình thức nghệ thuật diễn xướng dân gian ở Việt Nam - “Nói thơ Vân Tiên”. Hầu như ai cũng có thể biểu diễn “Nói thơ” và có thể biểu diễn ở bất kỳ đâu. Có những nghệ sĩ lang thang “nói thơ” ở góc phố, đầu chợ, bến đò... với cây đàn bầu hay đàn kìm, họ có thể “Nói thơ” kèm theo điệu bộ. Cũng có vài người chèo ghe, anh lái đò cũng ngâm nga vài câu; bác nông phu ngồi nghỉ ngoài đồng sau buổi cấy lúa cũng cất tiếng sang sảng một đoạn thơ... Rồi lúc trà dư tửu hậu trong ánh đuốc lá dừa lập lòe, vài chú nha lại cũng gảy đàn kìm hay gõ trống theo điệu “nói thơ”. Đây là hình thức truyện thơ Nôm chủ yếu được kể, đọc to cho nhiều người nghe, vì thế mới có tên gọi là “Nói thơ”.

Nói thơ là một loại hình diễn xướng, nằm trong kho tàng âm nhạc nghệ thuật dân gian Nam Bộ. Trên cơ sở các truyện thơ, người bình dân thêm vào đó giai điệu, cách ngân nga, đưa hơi, tiếng đệm đặc trưng của Nam Bộ để trở thành những giai điệu riêng. Những truyện thơ được người bình dân biến tấu thành điệu nói thơ trữ tình, nên nã là nhờ ngôn từ bình dân, dễ thổ lộ theo kiểu “nghĩ sao nói vậy”. Việc các điệu nói thơ Nam Bộ ra đời đầu thế kỷ XX còn ghi nhận bước tiến trong quá trình sáng tạo văn hóa của dân gian: nghệ thuật quần chúng lấy cảm hứng từ cuộc sống thường ngày. Hình thức nói thơ Nam Bộ có lẽ xuất xứ từ lối thơ trong hát sắc bùa, lối hô bài chòi, nói thơ quân phường của những người hành khất thuở xưa ở vùng Trung Bộ trở ra Bắc Bộ, du nhập vào miền Nam từ những lưu dân miền Trung trong quá trình Nam tiến. Từ những truyện thơ, người Nam Bộ thưởng thức không bằng cách đọc, ngâm và cũng không phải hát mà là nói! Đó là cách thưởng ngoạn thơ ca trong tâm thế đặt tâm trí của người nói vào những vần thơ. Nói thơ là nói tiếng lòng của mình. Đa phần các điệu nói thơ thường từ những truyện thơ theo thể lục bát, có làn điệu da diết, suy tư.



Các nghệ nhân Long An trình diễn nói thơ Vân Tiên

Ảnh: Duy Khôi

Nói thơ Vân Tiên là hình thức diễn xướng truyện thơ *Lục Vân Tiên*, Chính nhờ nghệ thuật nói thơ này mà tác phẩm *Lục Vân Tiên* nhanh chóng được phổ biến rộng rãi. Nói thơ Vân Tiên được diễn đạt theo nhịp điệu chậm đều thay đổi từ khoan thai đến dồn dập. Giai điệu thường bắt đầu ở âm vực cao của đầu đoạn nhạc rồi lên xuống giữa âm vực trung và âm vực trầm và chậm dần để kết thúc mỗi đoạn. Âm vực không quá cao và không quá thấp, buông rơi ở quãng trung, các tiết tấu lặp đi lặp lại. Sáu thanh điệu của tiếng Việt được luyến láy rõ lời, phát âm tròn vành rõ chữ, dứt điểm từng câu chữ. Chính vì lối lặp đi lặp lại ở âm vực trung bình, phổ biến này mà “Nói thơ” rất dễ bắt chước hát theo chỉ sau một, hai lần nghe.

Nói thơ Vân Tiên xuất hiện từ khi tác phẩm ra đời và được bảo tồn, lưu giữ đến ngày nay. Chưa ai biết chính xác thời điểm ra đời của loại hình nghệ thuật này chỉ ước chừng thời điểm sau khi tác phẩm được sáng tác và góp phần lưu truyền, phổ biến tác phẩm trong dân gian. Điều ấy cho thấy sức sống mạnh mẽ của tác phẩm *Lục Vân Tiên* trong lòng người dân Nam Bộ nói riêng và người dân Việt Nam nói chung, được diễn xướng dân gian “Nói thơ Vân Tiên” lưu truyền và phổ biến. Với ý nghĩa và tính phổ quát trong truyền dạy đạo lý, nhất là đạo lý, ứng xử trong quan hệ gia đình, chúng tôi từ thực tiễn hoạt động của Trường Quốc tế Saigon Hangeul nhận

thấy đa phần trẻ em trong gia đình đa văn hóa Việt - Hàn được học tập ở các cơ sở giáo dục quốc tế của Hàn Quốc tại Việt Nam đều có nhu cầu và có nhiều thuận lợi trong kết nối khai thác, ứng dụng Nói thơ Vân Tiên trong các hoạt động ngoại khóa về văn hóa - nghệ thuật và giáo dục gia đình. Chúng tôi đã có ý tưởng và thử nghiệm chuyên đề ngoại khóa “Nói thơ Vân Tiên”, nhằm giúp cộng đồng người Hàn Quốc tại Việt Nam có nhiều cơ hội tiếp cận và hiểu sâu hơn về văn hóa nghệ thuật truyền thống và đạo lý của người Việt Nam với tư cách là một bài học bổ ích cho hoạt động giáo dục theo mô hình trường quốc tế của Hàn Quốc tại Việt Nam.

2. Khuyến nghị

Do đặc thù là trường quốc tế, đối tượng học sinh là người nước ngoài (có quốc tịch nước ngoài) nên chúng tôi gặp một vài hạn chế trong các hoạt động. Tuy nhiên, với mong muốn lan tỏa giá trị văn hóa Việt Nam mà đặc trưng là loại hình nghệ thuật Nói thơ Vân Tiên, chúng tôi đang nỗ lực khắc phục và có một số khuyến nghị như sau:

Một là, kết hợp các hoạt động sinh hoạt chuyên đề văn hóa với giáo dục truyền thống lịch sử địa phương; giới thiệu cho học sinh hiểu biết những đóng góp to lớn của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu, về lịch sử, truyền thống văn hóa tỉnh Bến Tre. Các hoạt động này cần triển khai theo hướng gắn kết với du lịch học tập danh nhân, du lịch di sản tại các địa bàn có di tích, có như vậy mới thúc đẩy phát triển hoạt động của các di tích vệ tinh, làng nghề truyền thống, các điểm, khu du lịch, dịch vụ đi kèm ở địa phương sẽ sôi nổi, giúp cho nhiều người lao động có việc làm ổn định, tăng thêm lợi ích kinh tế cho xã hội, cho người dân và các đơn vị kinh doanh du lịch, góp phần phát triển kinh tế và làm phong phú thêm sản phẩm du lịch của Bến Tre.

Hai là, việc khai thác các di tích phải làm nổi bật được những giá trị đặc sắc của di tích. Đây chính là việc tạo ra sức thu hút đối với khách tham quan, khách du lịch và cũng là linh hồn của hoạt động du lịch, đối tượng học sinh cũng không ngoại lệ. Cần chú trọng nhấn mạnh các giá trị riêng có của Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm

Nguyễn Đình Chiểu. Bến Tre vinh dự, tự hào có Nguyễn Đình Chiểu. Bằng cuộc đời và sự nghiệp của mình, Nguyễn Đình Chiểu đã góp phần xứng đáng vào đời sống văn hóa dân tộc, mãi là một nhân cách lớn, một nhà văn hóa chân chính.

Ba là, chúng tôi rất mong muốn được hưởng những chính sách, những cơ chế đặc thù cho hoạt động giáo dục quốc tế, để hệ thống nhà trường phát triển và cung cấp thêm nhiều dịch vụ cho học sinh cũng như mở rộng các hoạt động/chương trình giao lưu văn hóa của loại hình trường quốc tế gắn với Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu mà theo chúng tôi hiện có nhiều tiềm năng như chúng tôi có thể đưa học sinh về Bến Tre trải nghiệm tại Di tích Nguyễn Đình Chiểu, sau đó sinh hoạt ngoại khóa tại Nông trại sân chim Vàm Hồ, xã Tân Mỹ, huyện Ba Tri - một doanh nghiệp du lịch nằm trong “*tuyến du lịch về với Cù Đờ*” duy nhất tại Bến Tre và cả nước có Câu lạc bộ Nói thơ Vân Tiên¹.

Kết luận

Hàn Quốc và Việt Nam có những nét tương đồng văn hóa, từ quá trình lịch sử kháng chiến chống quân xâm lược, ảnh hưởng Nho giáo Khổng Tử cho đến quá trình đất nước bị chia cắt. Các tác phẩm văn học đều phản ánh quá trình đấu tranh gian khổ với nghịch cảnh và luôn hướng con người đến chân - thiện - mỹ. Chính vì những nét đặc trưng và tương đồng văn hóa như thế chúng tôi đã chọn Nói thơ Vân Tiên như một hình thức nghệ thuật đặc biệt để giới thiệu trong hoạt động ngoại khóa cho học sinh trong các trường quốc tế tại Việt Nam. Thông qua diễn xướng dân gian Nói thơ Vân Tiên nói riêng và tác phẩm truyện thơ nôm *Lục Vân Tiên* nói chung, các em sẽ có thêm nhiều hiểu biết về văn hóa truyền thống Việt Nam./.

1. Xem <https://baodongkhoei.vn/ra-mat-cau-lac-bo-noi-tho-van-tien-27012021-a82559.html>, truy cập ngày 25/4/2022.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Chí Bền: *Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), nhà thơ lớn, nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2021.
- [2] Lữ Văn Châu: *Nguyễn Đình Chiểu - Nhà thơ đạo lý*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 1996.
- [3] Nguyễn Đình Chiểu: *Thơ văn yêu nước và truyện thơ Lục Vân Tiên*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2020.
- [4] Cục Thống kê: *Thống kê hôn nhân và ly hôn 2011*, Thống kê Hàn Quốc, [http //kostat.go.kr](http://kostat.go.kr), 2012.
- [5] Lữ Văn Hội: *Các hình thức diễn xướng dân gian ở Bến Tre*, Sở Văn hóa - Thông tin Bến Tre, 2005.
- [6] Hội Văn học nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre: *Nguyễn Đình Chiểu - Thơ văn yêu nước và truyện thơ Lục Vân Tiên*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2020.
- [7] Hyunmi Kim: *Di cư theo tình yêu? Quá trình di cư kết hôn của phụ nữ Việt Nam*, Jay Park, Nxb. Đại học Ewha Womans: “Phân tích các yếu tố liên quan đến thích ứng với cuộc sống nông thôn của phụ nữ nhập cư thông qua kết hôn quốc tế”, 2009.
- [8] Kyu Kim: *Kỷ niệm 20 năm quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2013.
- [9] Phạm Văn Luân: *Quản lý di tích lịch sử - văn hóa trong phát triển du lịch ở tỉnh Bến Tre*, Luận án Tiến sĩ Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội, 2020.
- [10] Seungkwon Kim, Kim Yoo-kyung, Joe Azer, Hye-Ryun Kim, Hyekyung Lee, Sal Dong-Hoon: *Nghiên cứu khảo sát các gia đình đa văn hóa quốc gia*, Bộ Y tế và Phúc lợi Seoul, Bộ Bình đẳng giới và Gia đình, Bộ Tư pháp Hàn Quốc, 2010.
- [11] *Tài liệu Chương trình Truyền cảm hứng, Giáo dục đạo lý cho giới trẻ qua Nói thơ Vân Tiên* của Công ty Du lịch sinh thái Hải Vân - Nông trại sân chim Vàm Hồ và Tạp chí Cao Đài, tháng 12/2020.

-
- [12] Ánh Nguyệt: “Tổ chức truyền dạy nghệ thuật Nói thơ Vân Tiên”, <https://baodongkhoi.vn/to-chuc-truyen-day-nghe-thuat-noi-tho-van-tien-19122019-a68310.html>, 2019.
- [13] K. Kỳ - A. Nguyệt: “Ra mắt Câu lạc bộ Nói thơ Vân Tiên”, <https://baodongkhoi.vn/ra-mat-cau-lac-bo-noi-tho-van-tien-27012021-a82559.html>.
- [14] “Nói thơ Vân Tiên - Liên hoan dân ca Việt Nam 2013 khu vực Nam Bộ tại Long An”, <https://dotchuoinon.com/2015/01/28/dan-ca-dan-nhac-vn-noi-tho-van-tien/>.

**DU LỊCH VĂN HỌC NGHỆ THUẬT GẮN VỚI BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY
DI SẢN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU: KINH NGHIỆM THẾ GIỚI VÀ GỢI MỞ
CHO TỈNH BẾN TRE**

NCS.ThS. NGÔ HOÀNG ĐẠI LONG*

TS. PHẠM MẠNH HÙNG**

ThS. HUỖNH NHƯ AN***

Tóm tắt: Để bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống của địa phương trong quá trình hiện đại hóa, yêu cầu đặt ra là cần học tập kinh nghiệm thành công của các nước, trong đó có Hàn Quốc, Campuchia, Nepal. Đây là các quốc gia ngày càng nổi bật trên thế giới với những thành tựu tăng trưởng kinh tế từ du lịch, đồng thời cũng ngày càng được biết đến thông qua sự thu hút quan tâm của khu vực và quốc tế đối với văn hóa thơ ca dân tộc của mình, điều đó như một sức mạnh cho việc phát triển bền vững để đi tới toàn cầu. Đối với phát triển sản phẩm du lịch văn học nghệ thuật gắn với bảo tồn và phát huy di sản Nguyễn Đình Chiểu ở tỉnh Bến Tre với sự thành công của các nước Hàn Quốc, Campuchia, Nepal như một hình mẫu tham chiếu với các giải pháp hữu ích nên tham khảo.

* Phân hiệu Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Bến Tre. Liên hệ: nhdlong@vnuhcm.edu.vn

,* Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Bến Tre; Di sản; Du lịch văn học; Nghệ thuật; Nguyễn Đình Chiểu.

TOURISM OF LITERATURE AND ARTS IN COMBINATION WITH PRESERVATION AND PROMOTION OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU HERITAGE AND SUGGESTIONS FOR BẾN TRE PROVINCE

Abstract: For the preservation and promotion of traditional culture in the process of modernization, according to the research authors, it is necessary to learn from successful experiences in other countries, such as Korea, Cambodia, Nepal these are the countries that are becoming increasingly prominent in the world due to their economic growth from tourism, as well as the attraction of regional and international inter-regional visitors. In the context of sustainable development, this poem represents the country's national identity and serves as a rallying cry. Bến Tre province should look to Korea, Cambodia and Nepal as a model for producing literary and artistic tourism products linked to the preservation and promotion of Nguyễn Đình Chiểu's history.

Keywords: Bến Tre; Heritage; Literature tourism; Art; Nguyễn Đình Chiểu.

Toàn văn

Tổng quát chung

Du lịch văn học là loại hình du lịch chuyên biệt đang ngày một phát triển ở nhiều nước trên thế giới nhằm tái hiện hình ảnh với không gian và thời gian hồi cố nhằm giúp du khách hiểu hơn về bối

cảnh nào đó. Ở Việt Nam cũng đã có một số địa phương khai thác mô hình du lịch văn học như một sản phẩm du lịch để phục vụ du khách, trong đó tiêu biểu là tỉnh Hà Nam với tour du lịch “Làng Vũ Đại ngày ấy”. Đây là mô hình du lịch văn học đầu tiên ở Việt Nam do Liên hiệp Khoa học phát triển du lịch bền vững sáng tạo và đưa vào thử nghiệm năm 2012. Đến với tour du lịch “Làng Vũ Đại ngày ấy”, du khách sẽ được trải nghiệm không gian làng quê Bắc Bộ những năm đầu thế kỷ XX với những nhân vật nổi tiếng trong tác phẩm của nhà văn Nam Cao như: Chí Phèo, Thị Nở, Bá Kiến...

Hay như tại các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long có nói tiếng Khmer, dù kê kịch hát truyền thống của nghệ thuật sân khấu hát và múa của dân tộc Khmer. Những câu chuyện thường là về nhiều bản sinh kinh khác nhau hoặc những câu chuyện về cuộc đời của đức Phật. Các buổi biểu diễn câu chuyện về Tum Tiêu được biên soạn thành kịch hát dù kê cũng rất phổ biến cũng đưa vào khai thác trong lĩnh vực du lịch, tiêu biểu có tỉnh Trà Vinh. Ngoài ra, các khu di tích Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Huy Tự ở Hà Tĩnh; Từ đường Nguyễn Khuyến ở Hà Nam; Khu lưu niệm Hàn Mặc Tử ở Quy Nhơn... Hiện nay, những điểm di tích này là nơi dừng chân ghé thăm của nhiều du khách. Đây chính là những sản phẩm du lịch không chỉ thể hiện sự ngưỡng mộ, biết ơn các văn sĩ, thi sĩ mà còn là sự lan tỏa những giá trị văn học phi hình hài, chất liệu từ văn học ra cuộc sống. Tuy nhiên, nếu dừng lại ở quy mô điểm di tích có ý nghĩa ghi danh, tưởng niệm hoặc nằm trên đường tour khách du lịch thường tranh thủ ghé thăm viếng, mua vài món đồ lưu niệm thì thực sự chưa phát huy được tính chuyên biệt gắn với văn học, có khả năng hấp dẫn du khách.

1. Sản phẩm du lịch từ du lịch văn học

Hiện nay Tổng cục Thống kê Việt Nam vẫn xem du lịch và khách sạn, nhà hàng là một. Luật du lịch số 09/2017/QH14, ngày 19/6/2017 của Quốc hội, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 quy định: “Sản phẩm du lịch là tập hợp các dịch vụ cần thiết để thỏa mãn nhu cầu của khách

du lịch trong chuyến đi du lịch”. Các dịch vụ đó bao gồm dịch vụ lễ hành, vận chuyển, lưu trú ăn uống; vui chơi giải trí, thông tin hướng dẫn và những dịch vụ khác nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

Bên cạnh đó, quan điểm khác nhau sẽ ảnh hưởng khác nhau tới việc phát triển sản phẩm du lịch. Nếu theo Luật du lịch thì sản phẩm du lịch vẫn chỉ đơn thuần là hoạt động của các ngành dịch vụ. Trên thực tế, nội dung của hoạt động du lịch đa dạng và phong phú hơn nhiều.

Theo Michael M. Coltman (1989): “Sản phẩm du lịch là một tổng thể bao gồm các thành phần không đồng nhất hữu hình và vô hình. Sản phẩm du lịch có thể là một món hàng cụ thể như thức ăn, hoặc một món hàng không cụ thể như chất lượng phục vụ, bầu không khí tại nơi nghỉ mát”¹.

Hiện nay, khái niệm sản phẩm du lịch đã được mở rộng hơn rất nhiều. Theo E. Heath và G. Wall (1991) quan niệm: “Một khi điểm đến được mời chào bán tức là một điểm mà khách du lịch mong muốn được đến thăm, thì phải được phát triển sản phẩm một cách tổng thể”².

Nói cách khác, du lịch với tính chất là một ngành du lịch tổng hợp, phát triển không chỉ dựa trên cơ sở vật chất của bản thân nó mà còn phải dựa trên điều kiện kinh tế - xã hội cũng như trình độ phát triển của nhiều ngành kinh tế khác nữa như: thương mại, hàng không, cảng biển,... Quá trình đi du lịch, du khách không chỉ hưởng thụ các giá trị của ngành du lịch thông qua các tuyến và điểm tham quan du lịch mà còn được tiếp cận với rất nhiều hoạt động khác nhau, các môi trường không gian khác nhau tại điểm đến như: các trung tâm chính trị và văn hóa của đô thị; các khu ở và hoạt động sinh sống của dân cư; các khu công nghiệp và hoạt động khai thác... đó là các giá trị mà du khách được cảm nhận và hưởng thụ một cách tự nhiên mà không phải trả tiền, trong thưởng thức nhu cầu nghệ thuật văn học là một nhu cầu tìm hiểu về bản sắc của điểm đến.

1. Michael M. Coltman: *Tourism Marketing*, New York, USA, 1989, p.167.

2. E. Heath, G. Wall: *Marketing Tourism Destinations*, John Wiley & Sons, Inc., New York, 1992, pp.174-196.

Do đó, nếu các hoạt động này tốt sẽ làm tăng rất nhiều giá trị hấp dẫn cho một điểm đến, tạo ra khả năng kích thích nhu cầu của thị trường khách và ngành du lịch sẽ thu được lợi nhuận lớn từ du khách thông qua các hoạt động hỗ trợ này.

Vì vậy, sự phát triển của ngành du lịch đòi hỏi sự đầu tư một cách đồng bộ cho các điều kiện kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất cho điểm đến, bao gồm các công trình và phi công trình. Ngược lại, sự phát triển của du lịch sẽ thúc đẩy sự phát triển của những ngành kinh tế liên quan và sự phát triển của các ngành kinh tế khác cũng có tác động trở lại đối với du lịch. Mặt khác, ngoài doanh thu trực tiếp của ngành du lịch, các ngành kinh tế khác cũng gián tiếp thu được lợi nhuận từ du khách.

Như vậy, theo thời gian, khái niệm về sản phẩm du lịch đã có góc nhìn ngày càng mở rộng hơn: từ chỗ chỉ xem sản phẩm du lịch là một số loại hình kinh doanh dịch vụ, đến nay sản phẩm du lịch đã trở thành một khái niệm rất rộng, được cấu thành bởi nhiều yếu tố vật chất và phi vật chất có khả năng đáp ứng nhu cầu du lịch ngày càng đa dạng của con người đương đại¹.

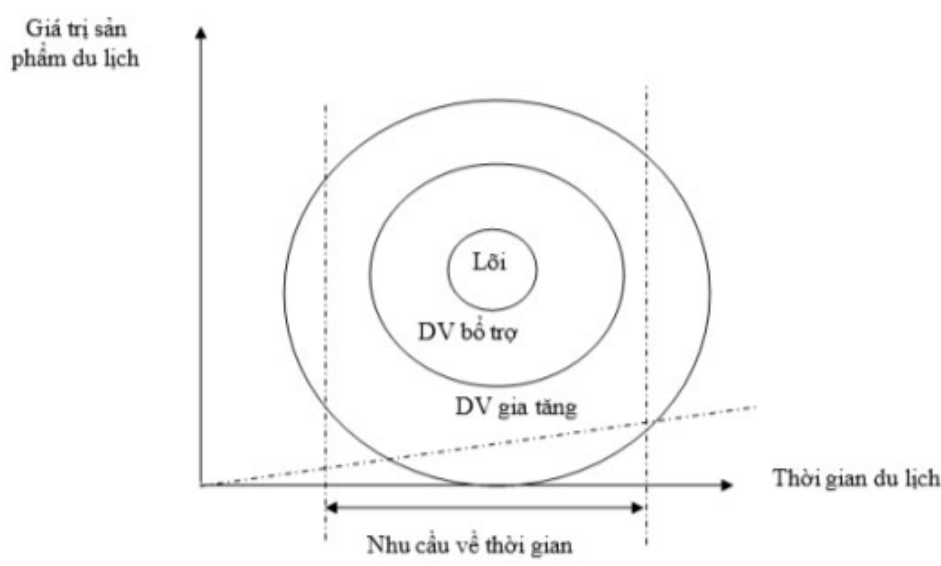
Trên cơ sở phân tích các khái niệm về sản phẩm du lịch dựa vào bản chất của hoạt động du lịch là đáp ứng nhu cầu thay đổi không gian sống hiện tại để khám phá các không gian mới lạ của con người. Vì vậy, yêu cầu thiết yếu nhất đối với các sản phẩm du lịch là phải thể hiện được nét đặc trưng độc đáo của không gian du lịch (hay còn gọi là không gian của điểm đến), giúp cho du khách cảm nhận được sâu sắc các giá trị văn hóa và tự nhiên của không gian đó.

Nếu tiếp cận ở khía cạnh của du khách chúng ta sẽ nhận thấy: sản phẩm du lịch là khái niệm rất rộng, nó không đơn thuần chỉ là tập hợp các dịch vụ du lịch đơn lẻ, mà còn bao hàm tất cả những giá trị vật chất và tinh thần chứa đựng trong không gian của điểm đến mà có thể thỏa

1. Xem Dương Đức Minh, Ngô Hoàng Đại Long: “Bước đầu xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù cho các tỉnh phía nam tỉnh Lâm Đồng”, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.17.

mãn nhu cầu của du khách. Tất cả những cảm xúc đơn lẻ và đa dạng đó với những mức độ đóng góp khác nhau của mình, góp nhặt lại sẽ tạo ra ấn tượng, cảm xúc đặc trưng cho du khách về không gian của điểm đến và được gọi là sản phẩm du lịch tổng thể.

Ở đây, sản phẩm du lịch tổng thể của một điểm đến là sự hòa trộn mang tính quy luật của các giá trị tự nhiên và nhân văn, các giá trị vật thể và phi vật thể chứa đựng trong không gian của một điểm đến. Sản phẩm du lịch tổng thể sẽ đem lại cho du khách những ấn tượng và cảm xúc đặc trưng nhất về một điểm đến. Theo Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), “sản phẩm du lịch là tổng hợp của ba yếu tố cấu thành: (1) tài nguyên du lịch đặc thù; (2) các dịch vụ hỗ trợ từ các cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động và quản lý du lịch; (3) dịch vụ gia tăng du lịch từ điểm đến”. Sản phẩm du lịch được thể hiện trong sơ đồ sau:



Trong đó:

Phần lõi: lấy hệ sinh thái tự nhiên sông nước miệt vườn, vườn dừa, cây ăn trái, các văn hóa tín ngưỡng địa phương làm điểm nhấn thu hút du khách.

Phần dịch vụ hỗ trợ: hệ thống các nhà hàng - khách sạn, bến tàu, điểm vui chơi giải trí...

Phần dịch vụ gia tăng: nhằm kéo dài thời gian lưu trú và tăng giá trị của du lịch tỉnh Bến Tre, đó là các sản phẩm từ chính các dịch vụ

“chất lượng” do con người nơi đây tạo ra hoặc các sản phẩm tinh thần từ nghệ thuật tạo nên¹.

Như vậy, sản phẩm du lịch của tỉnh Bến Tre sẽ là một “*bức tranh tổng thể của điểm đến*”, trong đó tài nguyên du lịch sinh thái tự nhiên và nhân văn đóng vai trò chủ đạo. Còn các yếu tố môi trường và dịch vụ chỉ mang tính phụ trợ, góp phần tô điểm, tôn vinh bản sắc đặc trưng của tài nguyên để tạo ra một sự hài hòa, sức hút riêng biệt cho điểm đến. Việc xây dựng sản phẩm du lịch tổng thể hay không gian của điểm đến của vùng đất như Bến Tre với các điểm tài nguyên sinh thái, di sản văn hóa mang tính bản địa và dịch vụ chất lượng cao, có bản sắc sẽ tạo được cảm xúc mạnh cho du khách thì càng hấp dẫn và kéo dài được thời gian lưu trú, khiến du khách nhớ lâu, muốn quay trở lại và sẽ quảng bá cho điểm đến. Những không gian như vậy sẽ tạo ra được thương hiệu riêng cho vùng đất xứ Dừa.

2. Mô hình văn học du lịch trên thế giới và tham chiếu cho tỉnh Bến Tre

Việc nghiên cứu, học hỏi tham chiếu các hình thức du lịch văn học ở các quốc gia có nền du lịch phát triển trong khu vực châu Á như Nepal, Campuchia, Hàn Quốc... là vô cùng cần thiết để đúc rút một “công thức” riêng cho vùng đất xứ Dừa Bến Tre.

- Phố hội họa Thamel (Nepal)²: Thamel là một nơi tuyệt vời để du khách mua sắm các vật dụng như thảm, đồ thủ công mỹ nghệ và quần áo, vải vóc..., đặc biệt là tất cả đều lấy chất liệu từ văn học nghệ thuật. Bởi ở đây có rất nhiều loại vải được dệt bằng tay có chất lượng cao với đủ các loại hoa văn và màu sắc phong phú. Ở Thamel, du khách có thể sẽ bị hút

1. Ngô Hoàng Đại Long: “Khai thác sản phẩm du lịch đảo Lý Sơn trong bối cảnh hội nhập tiếp cận từ địa văn hóa”, tạp chí *Phát triển Khoa học và công nghệ*, tập 19, X5, 2016, tr.89-90.

2. Xem Morimoto, I.: “Tourism, consumption and the transformation of Thamel”, Kathmandu, in *Cities in South Asia*, pp.325-341.

hồn vào những tấm thảm thổ cẩm thêu những nét hoa văn tinh tế và độc đáo, những bộ đồ len thổ cẩm xinh xinh, những món đồ đồng chạm khắc tinh tế vang lên những thanh âm réo rắt kỳ lạ, những chiếc dreamcatcher hoang dã nhiều màu sắc,... Tất cả đều khiến Thamel trở thành một khu phố bắt mắt, ấm cúng, hoang dã và đầy sức hút. Trường hợp điển hình Thamel - Nêpan cho thấy, nơi đây có sự phát triển từ nghệ thuật trong hoạt động du lịch là trường hợp Nêpan và điểm khám phá Thamel phổ biến hiện nay. Nghệ thuật và hội họa có thể được tìm thấy ở mọi đường phố Thamel. Điều này hấp dẫn nhiều khách du lịch quan tâm các loại hình nghệ thuật và tranh vẽ.



Phố hội họa Thamel (Nêpan)

Nguồn: Internet

- Làng nghệ thuật Jirye (Hàn Quốc)¹: Bảo tàng văn học Jirye, trước đây có tên là Bảo tàng văn học (Munhakgwan), hay còn gọi là Bảo tàng Jichon (nay là làng nghệ thuật Jirye) do hậu duệ của học giả kiêm đại

1. Xem Lee, A.H., Lee, D.B., Shin, Y., & Wall, G.: “Creativity and traditional cultural accommodations in sustainable community development: The case of ‘Hanok stay’ program in South Korea”, *The Journal of Rural and Community Development*, 11 (1), 2016, pp.16-29.

thần thời Choson là Ji Chon thành lập từ năm 1988. Nơi đây được xem như một làng văn học nghệ thuật, đóng vai trò như trại sáng tác hơn là bảo tàng văn học. Tiêu biểu nhất là kịch múa mặt nạ Hahoe càng tăng phần cuốn hút khi trở thành sự kiện “đỉnh” trong lễ hội hằng năm, với các hoạt động đa dạng như chế tác và trang trí mặt nạ, trải nghiệm trang phục múa mặt nạ, cùng nhiều trò chơi dân gian, diễn xướng dân ca, hò vè... Những hoạt động này được xem như là một di sản văn học - văn hóa dân gian quan trọng của Hàn Quốc.



Múa mặt nạ Hàn Quốc

Nguồn: <https://creatrip.com/vi/blog/11324>

- Siem Reap (Campuchia)¹: Với chương trình “Smile of Angkor” (Nụ cười Ăngko) là show diễn mang đậm chất sử thi, kết hợp nhuần nhuyễn giữa các loại hình nghệ thuật (tạp kỹ), xuyên suốt lại chiều dài lịch sử - văn hóa của đất nước Campuchia khởi đầu từ đế chế Khmer. Nụ cười ấy, không cụ thể ở một con người mà bí ẩn, huyền hoặc nhưng cũng đầy thân

1. Xem Chi, K.: “Công tác quản lý và bảo tồn di sản thế giới Ăngko tại Campuchia”, 2015.

thiện, chào đón tất cả những ai khi đặt chân đến đất nước còn nghèo nhưng cũng đầy sự mê hoặc, quyến rũ này.



Ảnh 3. Smile of Angkor - nụ cười Ăngkô

Nguồn: Tripadvisor

Bằng sự kết hợp giữa các loại hình nghệ thuật trình diễn như múa (truyền thống và đương đại), xiếc nhào lộn, võ thuật... cùng với âm thanh sống động, hình ảnh 3D trên sân khấu phong nền, lửa khói, nước, gió trên sân khấu thật... Show “Smile of Angkor” đã thực sự tạo được cảm giác lôi cuốn, gây ấn tượng mạnh đối với những người thưởng thức. Dàn diễn viên trên sân khấu là những trẻ em mồ côi, những người bị tai nạn bom mìn còn sót lại sau chiến tranh nhưng trình diễn vô cùng chuyên nghiệp đã tạo ra cho “Nụ cười Ăngkô” trở thành một điểm nhấn văn hóa, khó có thể bỏ qua với nhiều du khách, dù giá vé cao nhất lên tới 30USD/ghế.

3. Một số đề xuất và giải pháp

Khi cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra, quá trình này đã mang đến cho nhân loại nhiều công nghệ mới tân tiến, tác động tích cực

đến các khía cạnh của kinh tế - xã hội. Riêng đối với sản phẩm du lịch là văn học, những xu hướng mới như du lịch thực tế ảo, du lịch thông minh cũng được biết đến với sự đóng góp chủ chốt của công nghệ thì chất liệu văn học sẽ được lan tỏa hơn. Các quốc gia phát triển mạnh mẽ về du lịch trong khu vực như: Thái Lan, Xingapo cũng đã ban hành nhiều chính sách trong việc ứng dụng công nghệ 4.0 vào việc phát triển du lịch. Thực tế, qua các kinh nghiệm từ Hàn Quốc hay Campuchia cho thấy, công nghệ “Thực tế ảo/VirtualReality” vừa tác động lên thị giác thậm chí còn có thể tác động lên các giác quan như: thính giác, xúc tác khiến trải nghiệm chân thực và thú vị. Điển hình như buổi trình diễn Smile of Angkor đã làm cho du khách rất ấn tượng khi đến Campuchia.

Còn tại làng nghệ thuật Jirye (Hàn Quốc), các tổ chức văn hóa và các Hội bảo tồn di sản địa phương đóng vai trò trực tiếp trong tổ chức và vận hành các bảo tàng văn học. Mặt khác, vai trò của giới học giả cũng hết sức quan trọng trong thành công của các bảo tàng như đã đề cập ở trên. Trong đó, sự cạnh tranh thân thiện (friendly rivalry) giữa các địa phương để thu hút khách du lịch, phát triển khu vực. Vì vậy, các bảo tàng văn học ở địa phương chỉ thành công khi mang lại lợi ích cho cộng đồng và nhận được sự quan tâm, đóng góp và ủng hộ rộng rãi của dân chúng.

Ở Việt Nam, “Chương trình Tour du lịch làng Vũ Đại ngày ấy - Hà Nam đang thu hút nhiều khách du lịch trong những năm gần đây. Đặc biệt là kể từ khi món cá kho cổ truyền của làng Vũ Đại với thương hiệu cá kho Bá Kiến được đông đảo khách hàng cả nước biết đến. Khách du lịch muốn được tận mắt chứng kiến những cảnh có trong văn học như lò gạch cũ, chỗ Chí Phèo rạch mặt ăn vạ, nhà Bá Kiến. Đồng thời khách du lịch cũng có thể kết hợp thăm viếng nhà tưởng niệm nhà văn - liệt sĩ Nam Cao, thăm viếng đền Trần, Nam Định. Còn một điều rất đặc biệt nữa khiến khách du lịch thích thú là họ được tận mắt chứng kiến cảnh chế biến món cá kho làng Vũ Đại nổi tiếng, thậm chí du khách có thể trực tiếp thực hiện để trải nghiệm công việc chế biến món cá kho nổi tiếng trứ danh, có một không hai này.

Công ty Du lịch Khát Vọng Việt là đơn vị đầu tiên tổ chức chương trình tour du lịch tham quan về làng Vũ Đại ngày ấy đã được sự đón nhận tích cực từ phía khách du lịch bởi phong cảnh làng quê hữu tình, món ăn đặc sản độc đáo và nổi tiếng, người dân thân thiện nơi đây”.

Kết luận

Để tôn vinh những cống hiến, đóng góp của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn xuất sắc nhất và tiêu biểu nhất, được xem như lá cờ đầu của nền thơ văn yêu nước từ cuối thế kỷ XIX kết hợp hài hòa giữa tư tưởng Nho gia với đạo nghĩa nhân dân, với ý thức trách nhiệm đối với vận mệnh của đất nước. Việc tái hiện những nhân vật nổi tiếng trong tác phẩm của cụ Đồ Chiểu sẽ là “mô hình du lịch văn học” tiêu biểu được kết hợp từ nghiên cứu và ứng dụng văn học tại tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

Sản phẩm du lịch thông qua chương trình tour du lịch văn học lấy cảm hứng từ những tác phẩm thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu sẽ giúp cho khách du lịch ngược về quá khứ của không gian làng quê Việt Nam cuối thế kỷ XIX để trải nghiệm với các nhân vật và sự kiện trong tác phẩm văn học của Nguyễn Đình Chiểu như: Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga,... Qua đó, du khách sẽ được hiểu thêm về ý nghĩa nhân văn, giá trị của dòng văn hiện thực phê phán và cuộc đời, sự nghiệp của cụ Đồ Chiểu. Đặc biệt, nó truyền tải về luân lý, cốt bản đạo làm người với quan niệm “văn dĩ tải đạo”, đem gương người xưa mà khuyên người ta về cương thường - đạo nghĩa. Ý tưởng về sản phẩm du lịch văn học này vừa mang tính cộng đồng rộng rãi, rất khả thi vì khai thác được tài nguyên và thế mạnh sẵn có của địa phương, vừa hiệu quả vì có sự kế thừa các mô hình có sẵn trên thế giới để tham chiếu áp dụng tại địa phương sẽ mở ra một hướng đi mới từ du lịch độc đáo này./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Agarwal, S., & Shaw, G.: “Heritage, screen and literary tourism”, In Heritage, Screen and Literary Tourism, *Channel View Publications*, 2017.

- [2] Hendrix, H.: “From early modern to romantic literary tourism: a diachronical perspective”, In *Literary tourism and nineteenth-century culture*, Palgrave Macmillan, London, 2009.
- [3] E. Heath, G. Wall: *Marketing Tourism Destinations*, John Wiley & Sons, Inc., New York, 1992.
- [4] Hoppen, A., Brown, L., & Fyall, A.: “Literary tourism: Opportunities and challenges for the marketing and branding of destinations?”, *Journal of Destination Marketing & Management*, 3(1), 2014.
- [5] Liên hiệp Phát triển Khoa học bền vững: *Quy hoạch mô hình du lịch văn học “Làng Vũ Đại ngày ấy”*, Nxb. Khoa học kỹ thuật, Hà Nội, 2017.
- [6] Ngô Hoàng Đại Long: “Bước đầu xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù cho các tỉnh phía Nam tỉnh Lâm Đồng”, *Đề tài khoa học cấp cơ sở*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.
- [7] Mansfield, C.: *Researching literary tourism*, Shadows, 2015.
- [8] Squire, S.J.: “The cultural values of literary tourism”, *Annals of Tourism Research*, 21(1), 1994.
- [9] Squire, S.J.: “Literary tourism and sustainable tourism: promoting 'Anne of Green Gables' in Prince Edward Island”, *Journal of Sustainable Tourism*, 4(3), 1996.
- [10] Watson, N. (Ed.): *Literary tourism and nineteenth-century culture*, Springer, 2009.

CHÚ TRỌNG PHÁT TRIỂN HƠN NỮA LOẠI HÌNH DU LỊCH HỌC TẬP DANH NHÂN

(Nghiên cứu trường hợp
Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu)

TS. NGUYỄN VĂN LƯU*

Tóm tắt: Ở bài viết này, trên cơ sở tổng hợp, phân tích, dựa chủ yếu vào nguồn dữ liệu thứ cấp khá phong phú về học tập, giáo dục, du lịch, danh nhân và du lịch học tập, chúng tôi chưa thấy có những nội dung liên quan trực tiếp đến du lịch học tập danh nhân và du lịch học tập Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Đình Chiểu; đồng thời qua khảo sát ở mức độ giới hạn và qua trao đổi với các bên liên quan ở Bến Tre, bài viết tập trung: một là, xác định nội hàm và vai trò của loại hình du lịch học tập danh nhân; hai là, khái quát thực trạng loại hình du lịch học tập Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu ở Bến Tre; và ba là, đề xuất các giải pháp và kiến nghị góp phần chú trọng phát triển hơn nữa loại hình du lịch học tập danh nhân (trường hợp danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu).

Từ khóa: Bến Tre; Du lịch học tập; Danh nhân; Nguyễn Đình Chiểu; Việt Nam.

* Viện Nghiên cứu Du lịch. Liên hệ: nguyenvanluuhien53@gmail.com

PAYING ATTENTION TO FURTHER DEVELOPING FORM OF TOURISM THROUGH STUDY OF CULTURAL CELEBRITY

(Study case of cultural celebrity

Nguyễn Đình Chiểu)

Abstract: Although there is a great source of secondary data on education, tourism, celebrity and study tourism, the data on the type of celebrity study tourism in general and of world culturalist Nguyễn Đình Chiểu in particular has not been available. On the basis of synthesis and analysis of relevant data and through a survey and interviews with our partners in Bến Tre province, the paper focuses on: firstly, determining the content and role of celebrity study tourism; secondly, overview of the current situation of the type of study tourism of celebrity Nguyễn Đình Chiểu in Bến Tre; and thirdly, proposing solutions and recommendations to the further development of celebrity study tourism (the case of celebrity Nguyễn Đình Chiểu).

Keywords: Bến Tre; Study tourism; Celebrity; Nguyễn Đình Chiểu; Vietnam.

Toàn văn

1. Những khái niệm và vấn đề lý luận liên quan đến du lịch học tập danh nhân

a) Một số khái niệm

- *Du lịch*: Điều 3, Luật du lịch quy định: Du lịch là các hoạt động liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên trong thời gian không quá 1 năm liên tục nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí, tìm hiểu, khám phá tài nguyên du lịch hoặc

kết hợp với mục đích hợp pháp khác. Hoạt động du lịch là hoạt động của khách du lịch, tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch và cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến du lịch.

- *Học tập*: Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng thuật ngữ “học tập” với nghĩa là quá trình tiếp nhận tri thức của con người một cách có ý thức, chủ động, bằng nhiều hình thức như được học, tự học, trong nhà trường, trong một tổ chức, trong gia đình và trong xã hội, diễn ra liên tục, thông qua sách vở, máy móc, thiết bị..., có chọn lọc và có sáng tạo trong suốt cuộc đời mỗi người.

- *Danh nhân*: Lịch sử dựng nước và giữ nước ở các quốc gia, dân tộc trên thế giới đều trải qua hàng trăm, hàng nghìn năm, đã sản sinh ra nhiều bậc anh hùng, danh nhân kiệt xuất và chính họ đã làm rạng rỡ non sông, đất nước, dân tộc đó, thậm chí vượt ra khỏi biên giới quốc gia, vươn đến tầm nhân loại. Cuộc đời, sự nghiệp, sự cống hiến và đạo đức cao cả của họ đã được ghi trong sử sách. Tên tuổi, hình ảnh của họ được ghi trên biển đồng, bia đá; được tạc thành những tượng đài ngoài thực tế và trong lòng dân; được tôn thờ như bậc thánh nhân, như thành hoàng làng ở các nơi thờ tự tín ngưỡng, tôn giáo những di tích lưu niệm danh nhân ở từng địa phương trong toàn quốc tạo nên đạo lý truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây”. Truyền thống của người Việt Nam luôn đánh giá cao chức năng của giáo dục, học tập, trong việc hình thành và phát triển nhân cách, đặc biệt là giáo dục, học tập danh nhân dưới nhiều hình thức.

Trên thế giới, UNESCO tôn vinh các danh nhân thuộc lĩnh vực văn hóa, khoa học, giáo dục của tất cả các quốc gia và tổ chức thành viên. Theo quy chế của UNESCO, những người được lựa chọn và giới thiệu để tôn vinh được gọi là danh nhân văn hóa. Họ là người kiệt xuất có những hoạt động, những công trình, tác phẩm kiệt xuất, có giá trị làm phong phú thêm nền văn hóa chung của nhân loại, có tác dụng động viên khuyến khích lòng khoan dung, độ lượng và tính vị tha của con người, làm cho con người thêm hiểu biết nhau, thêm gần gũi gắn bó, bao dung với nhau, gắn bó với hòa bình hữu nghị.

b) Du lịch học tập danh nhân

Du lịch học tập (study tourism) là loại hình du lịch mà khách tham quan, du lịch vừa được đi tham quan, du lịch, vừa học được nội dung học tập có chủ đích trong chuyến đi đó. Có thể hiểu du lịch học tập là loại hình du lịch mà trong đó chương trình du lịch với mục tiêu học tập cụ thể được xác định; các yếu tố trải nghiệm học tập lồng ghép trong trải nghiệm tham quan du lịch, giúp người học khám phá giá trị tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa, đất nước, con người ở điểm đến du lịch.

Phát triển du lịch học tập giúp khách vừa được tham quan, du lịch vừa đạt được mục tiêu học tập, giúp chính quyền, cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp liên quan đến du lịch, giáo dục, tuyên truyền bảo vệ tài nguyên môi trường và giá trị văn hóa một cách bền vững.

Tiếp định ngữ “danh nhân” sau loại hình du lịch học tập thể hiện rõ mục đích, đối tượng và sự hình thành loại hình du lịch học tập danh nhân. Có thể hiểu du lịch học tập danh nhân là tổng thể các hiện tượng và các mối quan hệ phát sinh từ việc rời nơi ở hằng ngày của con người trong các cuộc hành trình và lưu trú của người ngoài địa phương đến với các nơi lưu niệm danh nhân, vì mục đích học tập danh nhân, không phải để định cư, kiếm việc làm.

Những điểm đến tham quan, du lịch trong loại hình du lịch học tập danh nhân có thể là những di tích lịch sử văn hóa liên quan đến danh nhân được xếp hạng hoặc chưa xếp hạng; các nhà lưu niệm, tưởng niệm, bia lưu niệm, tượng đài danh nhân nơi công cộng hoặc gia đình dòng họ danh nhân, quê hương bản quán của danh nhân; các bảo tàng danh nhân; các đường, phố, công trình công cộng mang tên danh nhân, các sự kiện công bố các giải thưởng và các quỹ xã hội liên quan đến danh nhân; các lễ hội, sự kiện tổ chức kỷ niệm danh nhân, vinh danh danh nhân...

Mục đích hướng tới của du lịch học tập danh nhân: *Một là*, có những định hướng tích cực trong giáo dục cộng đồng về danh nhân, hiểu rõ cuộc đời, sự nghiệp, sự cống hiến và đạo đức trong sáng của danh nhân để kế thừa, phát huy các giá trị mang tính văn hóa tốt đẹp đó, tiếp thu những tinh hoa, những hạt nhân hợp lý để làm phong phú thêm cuộc sống của

từng cá nhân, mỗi tập thể, từng cộng đồng và nền văn hóa đương đại, phục vụ tốt nhất cho mục tiêu phát triển của cộng đồng, cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, quê hương, gia đình và toàn xã hội. *Hai là*, nâng cao những giá trị truyền thống để phát huy tác dụng đối với sự phát triển của cá nhân, cộng đồng phù hợp với hoàn cảnh hiện tại. *Ba là*, phát triển sự sáng tạo các giá trị mà danh nhân tạo ra, các công đức của danh nhân, nhằm tạo ra nhận thức mới, những nét văn hóa mới vừa mang bản sắc dân tộc, vừa mang tính thời đại, để tạo ra môi trường thuận lợi cho giao lưu, hội nhập quốc tế, trong tiếp biến văn hóa, toàn cầu hóa, khu vực hóa. Những định hướng đó là một trong những nhân tố quan trọng để du lịch học tập danh nhân góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và góp phần phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Hoạt động du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu trên địa bàn tỉnh Bến Tre

a) Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu và di tích lưu niệm Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu

- Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu:

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà văn hóa, nhà thơ lớn của Việt Nam, một tấm gương đại hiếu, vượt lên những khó khăn của cuộc sống và theo đuổi lý tưởng học tập suốt đời. Biến cố cuộc đời khiến ông bị mù cả hai mắt, con đường thi cử công danh dang dở, song bằng nghị lực phi thường, ông vẫn không buông bỏ ngòi bút và còn học nghề y để chữa bệnh cứu người. Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu đậm tính nhân văn, khích lệ lòng yêu nước, ca ngợi những con người sẵn sàng làm việc nghĩa, vì lợi ích cộng đồng. Các tác phẩm chính của Nguyễn Đình Chiểu đều được sáng tác bằng chữ Nôm, trong đó nổi tiếng nhất là truyện thơ *Lục Vân Tiên*.

- *Các di tích lưu niệm về danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu ở Bến Tre:*

+ *Nơi ở của danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu và gia đình:* Đây là di tích cấp tỉnh (được công nhận tháng 12/2017) tại thị trấn Ba Tri, nơi Nguyễn Đình Chiểu đã sinh sống, dạy học, bốc thuốc, sáng tác thơ văn từ năm 1862 đến năm 1888; và được nâng cấp sau khi xếp hạng cấp tỉnh thêm cổng, bia lưu niệm, hòn non bộ, tường rào.

+ *Khu mộ gia đình danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu:* Tọa lạc tại xã An Đức, gồm mộ cụ Đồ Chiểu, vợ và con gái là Nguyễn Thị Ngọc Khuê, (nữ sĩ Sương Nguyệt Anh, chủ bút tờ báo *Nữ giới chung* - tờ báo phụ nữ đầu tiên của Việt Nam. Trong khu mộ còn có một số ngôi mộ hình tròn, tương truyền của chủ đất và người không rõ danh tính giữ mộ danh nhân. Rất tiếc trong khu mộ này lại không có mộ cụ bà Trương Thị Thiệt, người mẹ mà Nguyễn Đình Chiểu hết lòng yêu kính, khi “tỵ địa” vẫn mang theo hài cốt về Ba Tri cải táng.

+ *Các hạng mục khác:* Cổng tam quan với phong cách kiến trúc truyền thống của đình, chùa Việt Nam; Tòa nhà tiền đình có tấm bia khắc văn bia ca ngợi công đức và bảng tóm tắt tiểu sử danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu; Chính điện có kiến trúc bề thế, hình khối lăng trụ với ba tầng lợp ngói âm dương, trưng bày hình ảnh lãnh đạo Đảng, Nhà nước, khách nước ngoài, nhân dân đến viếng thăm di tích; có bàn thờ với tượng danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu bằng đồng; sau tượng là bức phù điêu chạm khắc hoa văn tứ linh và hoa lá cách điệu sống động và tinh tế; Chính điện có kiến trúc đặc biệt với tính tư tưởng văn hóa cao, ba tầng mái tượng trưng cho “ba tầng trí thức”: dạy học, bốc thuốc và sáng tác thơ văn; Đền thờ cũ trưng bày một số hình ảnh, tư liệu về các vị thủ lĩnh nghĩa quân và một số phong trào kháng Pháp của nghĩa quân Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX, trên hai cột cái đắp nổi hai câu thơ viết theo kiểu thư pháp: “*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm/Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà*”. Ngoài ra, trong khuôn viên Khu lưu niệm danh nhân Nguyễn Đình Chiểu còn có Trạm vệ tinh Ngân hàng dữ liệu di sản văn hóa phi

vật thể các dân tộc Việt Nam hoạt động từ ngày 16/01/2010 đến nay. Khu mộ và nhà lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu đã được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt năm 2017.

b) Hoạt động du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu - Về khách tham quan, du lịch:

Hoạt động du lịch chính thức kể từ khi Tổ quản lý Di tích Nguyễn Đình Chiểu mở sổ theo dõi khách đến viếng thăm Di tích - đầu năm 2014. Tính đến năm 2019, so với tổng lượng khách du lịch đến Bến Tre tăng vọt trong năm này (1.882.025 lượt khách), lượng khách đến Di tích Nguyễn Đình Chiểu đạt cao nhất (51.573) nhưng vẫn chỉ chiếm 2,74% tổng lượt khách du lịch đến Bến Tre¹. Cơ cấu khách gồm: khách ngoài tỉnh chiếm 60%, khách trong tỉnh chiếm 40%. Thành phần khách gồm đoàn cấp cao các nước, Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Quốc hội, các bộ, ban, ngành Trung ương; phần lớn khách còn lại là giới nghiên cứu, học sinh, sinh viên đến tham quan, học tập, tín đồ đạo Cao Đài... Mọi hoạt động của di tích chủ yếu do ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu từ du khách, tiền công đức, bán hàng lưu niệm không đáng kể, chỉ đủ chi tiền nhang đèn và đưa vào Quỹ công đoàn Tổ quản lý Di tích².

- Hoạt động phục vụ du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu:

Các hoạt động phục vụ du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu trên địa bàn tỉnh Bến Tre đã được chú trọng, tập trung chủ yếu vào:

- Trưng bày hiện vật về danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu;
- Hướng dẫn tham quan khu lưu niệm danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu;
- Lễ hội về danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu;

1, 2. Xem Phạm Văn Luân: Luận án Tiến sĩ “Quản lý di tích lịch sử - văn hóa trong phát triển du lịch ở tỉnh Bến Tre”, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 2020, Phụ lục 8A, tr.202.

- Bán hàng lưu niệm liên quan đến danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu;

- Hoạt động hợp tác, liên kết, tích hợp du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu.

c) Nhận xét

- *Những điểm mạnh và thành công:*

Một là, Bến Tre là địa phương có nhiều tiềm năng phát triển du lịch với các sản phẩm du lịch hấp dẫn, đa dạng như: du lịch sông nước miệt vườn; du lịch về nguồn gắn với văn hóa - lịch sử; du lịch gắn với làng nghề truyền thống nổi tiếng, làng hoa kiểng, trái cây Chợ Lách; du lịch biển Ba Tri, Bình Đại, Thạnh Phú; du lịch chợ nổi xứ Dừa, sản phẩm du lịch gắn với ẩm thực xứ Dừa..., và có thể mạnh là một điểm đến đặc biệt của du lịch di sản. Với những nỗ lực sớm tiếp cận hoạt động du lịch học tập danh nhân, Di tích Nguyễn Đình Chiểu bước đầu đã hình thành được loại hình du lịch học tập danh nhân.

Hai là, tuy kết quả loại hình du lịch học tập danh nhân ở Bến Tre chưa lớn, nhưng qua gắn kết với du lịch, giá trị Khu lưu niệm danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu ở Bến Tre được lan tỏa, cho thấy tín hiệu tốt của quá trình vận dụng kết quả bảo tồn và phát huy giá trị, nhất là giá trị kinh tế từ Khu lưu niệm danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Đình Chiểu trong phát triển du lịch xứ Dừa.

Ba là, Bến Tre với Di tích Nguyễn Đình Chiểu hội đủ các điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch học tập danh nhân, hoàn toàn có thể trở thành một điểm đến hấp dẫn của loại hình du lịch học tập, trong đó có du lịch học tập danh nhân của các địa phương trong nước và các nước trên thế giới.

Bốn là, các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, du lịch và giáo dục - đào tạo tại tỉnh Bến Tre luôn tiếp nhận, ủng hộ những tư tưởng tiến bộ và có những hoạt động khả thi thiết thực thúc đẩy sự phát triển chung của các ngành liên quan đến du lịch học tập danh nhân. Đây là một ưu điểm thuận lợi rất lớn cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh, nhất là kinh doanh trong lĩnh vực liên quan đến văn hóa, du lịch

và giáo dục - đào tạo, có những cơ hội được sự đồng hành hỗ trợ của các cơ quan nhà nước để phát triển du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu.

Năm là, với những nỗ lực to lớn của tỉnh Bến Tre và sự hỗ trợ của Trung ương, hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch đã phát triển. Bến Tre có nhiều nguồn tài nguyên du lịch, nhất là du lịch văn hóa có tính đặc hữu, chỉ có ở Bến Tre. Đây là những nguồn lực không thể thiếu trong phát triển du lịch học tập, trong đó có du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu.

Sáu là, văn hóa, du lịch, giáo dục - đào tạo luôn được cả tỉnh quan tâm và đổi mới, liên tục nhận được sự ủng hộ từ các cấp quản lý nhà nước đến người dân. Đây là một trong những yếu tố then chốt nhất tạo nên cầu và cung cho loại hình du lịch học tập, nhất là du lịch học tập danh nhân. Khi con người có nhu cầu học tập và chịu đầu tư chi phí cho học tập, sẽ không ngừng đổi mới áp dụng các phương pháp học tập hiện đại, trong đó có phương pháp tổ chức du lịch học tập, du lịch học tập danh nhân.

Bảy là, nhiều doanh nghiệp du lịch, lữ hành trong và ngoài tỉnh, nhất là ở Thành phố Hồ Chí Minh, quan tâm đến điểm đến du lịch Bến Tre, đưa khách đến Bến Tre, trong đó có cả khách tham quan, du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, tạo nên sự cạnh tranh du lịch, thúc đẩy các bên liên quan không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng sản phẩm và tạo ra các sản phẩm du lịch đặc thù Bến Tre, trong đó có sản phẩm du lịch học tập danh nhân, đáp ứng nhu cầu du khách ngày một tốt hơn.

Tám là, sản phẩm du lịch học tập danh nhân ở Bến Tre, trong đó có sản phẩm du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, đang trong giai đoạn hình thành và phát triển. Thị trường mới thu hút nhiều nhà kinh doanh tham gia ngày càng nhiều chương trình tour và dịch vụ du lịch học tập phong phú và đa dạng. Bước đầu thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, giao lưu và cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ, sản phẩm du lịch học tập mới của thế giới và trong nước,

không chỉ đáp ứng nhu cầu cho du khách mà còn kích thích tạo ra nhu cầu du lịch học tập danh nhân. Sản phẩm du lịch học tập danh nhân, trong đó có du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu phát triển, bước đầu đã giúp kéo dài thời vụ du lịch, thêm đối tượng du khách và tăng thêm hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ du lịch, và một phần nào đó giúp giảm bớt nhu cầu du lịch vào các thời gian cao điểm, giảm áp lực quá tải và giúp cho chất lượng phục vụ không bị giảm sút.

Chín là, nguồn nhân lực du lịch của Bến Tre và của các doanh nghiệp du lịch tham gia tổ chức loại hình du lịch học tập danh nhân trong những năm qua đã tăng số lượng, nâng dần chất lượng và hợp lý hơn trước về cơ cấu, đáp ứng cơ bản được yêu cầu phát triển du lịch Bến Tre nói chung và loại hình du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu nói riêng. Một số cơ sở giáo dục ở Bến Tre đã chú trọng hơn đến việc tham gia giáo dục thông qua du lịch và đào tạo nguồn nhân lực cho ngành du lịch Bến Tre.

- Những hạn chế:

Một là, sự phối hợp thu hút khách đến với Di tích lưu niệm danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu chưa nhuần nhuyễn. Thông tin, điểm nhấn về Di tích lưu niệm danh nhân còn sơ lược, mới khái quát một số nét về điểm đến Di tích lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu trong chương trình du lịch. Tuy hiện nay Di tích lưu niệm danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu là điểm đến ưu tiên trong tour du lịch Bến Tre của nhiều doanh nghiệp lữ hành, nhưng thông tin trong chương trình du lịch liên quan đến học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu chưa cụ thể và chưa đáp ứng nhu cầu thực tế.

Hai là, chương trình du lịch chuyên biệt cho du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu cần gia tăng sự hợp tác và tương tác hơn nữa giữa các bên tham gia ngay từ khởi nguồn để tích hợp đúng nghĩa là tham quan, du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu. Qua nghiên cứu, khảo sát và xin ý kiến chuyên gia, cho thấy chưa có sự phối hợp khảo sát, nghiên cứu đánh giá nhu cầu và khả năng đáp

ứng du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu của khách du lịch tương lai.

Ba là, Tổ quản lý Di tích Nguyễn Đình Chiểu có chức năng, nhiệm vụ chính là bảo tồn, do nguồn lực hạn chế nên gặp khó khăn và không tự triển khai được hoạt động nghiên cứu nhu cầu khách tham quan du lịch học tập danh nhân. Việc nghiên cứu nhu cầu của khách tham quan, du lịch đã được đề cập gần đây, tuy nhiên chưa có một nội dung cụ thể nào được triển khai. Tổ quản lý mới chỉ dựa trên đặc điểm, chức năng của di tích để đáp ứng nhu cầu chủ yếu của khách tham quan, du lịch, tập trung vào việc hướng dẫn tham quan, bán hàng lưu niệm, hoạt động lễ hội theo định kỳ.

Bốn là, sự phối hợp tổ chức hoạt động du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu giữa doanh nghiệp lữ hành với Tổ quản lý Di tích Nguyễn Đình Chiểu trong tổ chức thiết kế các hoạt động đặc thù thường xuyên cho từng đối tượng khách, đặc biệt là xây dựng các quy định điều kiện đảm bảo giao tiếp với khách quốc tế, an toàn, vệ sinh môi trường chưa thật tốt.

Năm là, hoạt động hợp tác, liên kết, tích hợp du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu chưa thật tốt. Chưa có sự phối hợp lựa chọn phương tiện truyền thông phù hợp về di tích lưu niệm danh nhân. Chưa phối hợp tổ chức tốt hoạt động tham quan, du lịch tại các di tích lưu niệm danh nhân như: đăng ký đoàn khách, loại hình hoạt động, đánh giá kết quả, trưng cầu ý kiến khách tham quan, du lịch. Việc phối hợp xây dựng phương án xử lý phát sinh tại di tích chưa được chú trọng. Phối hợp thống kê, quản lý hồ sơ khách tham quan, du lịch sử dụng dịch vụ tại di tích chưa bài bản. Phối hợp tổ chức hoạt động và dịch vụ hỗ trợ chưa đảm bảo. Chưa có sự phối hợp chuẩn bị nguồn lực trong quản lý, phối hợp tổ chức các hoạt động du lịch tại di tích lưu niệm danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu như: đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo nhân lực thực hiện (hướng dẫn viên, quy trình đăng ký đón tiếp, phục vụ khách du lịch)...

Sáu là, vì là giai đoạn đầu của sự hình thành và phát triển nên các sản phẩm du lịch học tập danh nhân, cụ thể là du lịch học tập danh nhân

văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, tuy phong phú, đa dạng với nhiều hình thức khác nhau, nhưng chưa chuyên nghiệp. Vì thế chưa phân định rõ đâu là sản phẩm du lịch thông thường, đâu là sản phẩm du lịch học tập, trong đó có du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu.

Bấy là, Bến Tre cũng như cả nước, chưa có đơn vị chức năng hay tổ chức nào có thể đánh giá hoặc thẩm định sản phẩm du lịch học tập danh nhân. Chưa chỉ rõ sản phẩm du lịch học tập, trong đó có du lịch học tập danh nhân, rất đặc thù, phục vụ đa mục tiêu về văn hóa, du lịch, giáo dục đào tạo. Đối với giáo dục, du lịch học tập danh nhân giống như một dụng cụ học tập, hay một quyển sách ngoài đời, cần có sự đánh giá chất lượng về mặt khoa học đảm bảo tính giáo dục và đào tạo là phù hợp với các quy định và chủ trương chung của Nhà nước và của tỉnh Bến Tre về xây dựng con người mới. Bên cạnh đó, các sản phẩm du lịch học tập danh nhân, cụ thể là học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, dành cho người nước ngoài lại càng quan trọng. Mọi vấn đề trong khâu tổ chức và thiết kế nội dung vừa phải đáp ứng nhu cầu học tập của khách vừa phải đảm bảo yếu tố chính trị, ngoại giao, giao lưu văn hóa. Hiện nay, ở Bến Tre và trong cả nước chưa có những định hướng rõ ràng và những cơ sở khoa học làm căn cứ cho việc thiết kế chương trình, sản phẩm du lịch học tập danh nhân, trong đó có học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, đảm bảo đúng tính chất, chất lượng và nội dung.

3. Đề xuất giải pháp và kiến nghị góp phần chú trọng phát triển hơn nữa loại hình du lịch học tập danh nhân

a) Định hướng, quan điểm và bối cảnh phát triển du lịch học tập danh nhân

- Định hướng:

Ngay từ năm 2003, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã giao cho Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì, nghiên cứu xây dựng “Đề án tổng thể về những hình thức tưởng niệm, lưu niệm danh nhân, nhân vật lịch sử và các đồng chí lãnh đạo tiên bối tiêu biểu của Đảng, Nhà nước” với mục đích: Hệ thống hóa của hình thức tưởng niệm, lưu niệm

danh nhân, anh hùng dân tộc mà cha ông chúng ta đã dày công xây đắp, trân trọng giữ gìn, trao truyền cho các thế hệ mai sau; tiếp thu có chọn lọc các hình thức lưu niệm, tưởng niệm danh nhân có tính phổ biến mà nhiều quốc gia trên thế giới đã làm, trên cơ sở đó đưa ra các hình thức lưu niệm, tưởng niệm danh nhân và thực thi có hiệu quả quản lý nhà nước các hình thức tưởng niệm, lưu niệm danh nhân.

Chấp hành chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin đã tiến hành nghiên cứu, khảo sát, sưu tầm tư liệu, hình ảnh, tổ chức các hội thảo khoa học, tọa đàm khoa học nhằm làm sáng rõ các khái niệm danh nhân, anh hùng dân tộc, các hình thức tưởng niệm, lưu niệm danh nhân... Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, khảo sát, phân tích, tổng hợp các nguồn tài liệu, tiếp thu ý kiến của các nhà khoa học, các cơ quan có liên quan, năm 2006, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin đã trình Ban Bí thư Đề án và báo cáo xin ý kiến trực tiếp của Bộ Chính trị.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, ý kiến đóng góp của các bộ, ngành và các nhà khoa học, Bộ Văn hóa - Thông tin đã hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ Đề án “Tổng thể về các hình thức lưu niệm, tưởng niệm danh nhân”. Đề án đề cập, làm rõ khái niệm danh nhân, cấp độ danh nhân, các hình thức tưởng niệm, lưu niệm danh nhân và nhấn mạnh: “Nhà nước suy tôn và tổ chức lưu niệm, tưởng niệm danh nhân bằng các hình thức: Xếp hạng di tích lịch sử văn hóa; xây dựng nhà lưu niệm, tưởng niệm, bia lưu niệm, tượng đài danh nhân nơi công cộng; giới thiệu sự nghiệp của danh nhân trong bảo tàng; đặt tên danh nhân cho đường, phố, công trình công cộng, các giải thưởng và các quỹ xã hội; tổ chức kỷ niệm danh nhân; các hình thức khác về lưu niệm, tưởng niệm danh nhân”¹. Định hướng này đến nay còn nguyên giá trị.

Phát triển du lịch học tập danh nhân, trong đó có du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, phải bám sát định hướng của

1. Tờ trình số 78/TTr.BVHTT, ngày 24/5/2007 của Bộ Văn hóa - Thông tin về Đề án “Tổng thể về các hình thức lưu niệm, tưởng niệm danh nhân”.

Hội nghị Đảng và Nhà nước trong Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Định hướng phát triển du lịch học tập, trong đó có du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, là một bước cụ thể hóa, làm sâu sắc và phong phú đường lối phát triển văn hóa, giáo dục, du lịch của Đảng và Nhà nước, thực hiện đúng quy định tại Luật di sản văn hóa sửa đổi (2009), Luật du lịch (2017) và Luật giáo dục (2019).

Ở Bến Tre, phát triển du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu và các danh nhân khác, cần bám sát định hướng của tỉnh trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới với quan điểm là: Phát triển sự nghiệp văn hóa phải tương xứng với phát triển kinh tế; phát triển đồng bộ văn hóa vật thể và phi vật thể, xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đồng thời phải giữ gìn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống; gắn phát triển văn hóa với xúc tiến du lịch, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững. Tầm nhìn chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre đến năm 2030 và năm 2045 và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Bến Tre lần thứ XI (2020 - 2025) đã nhấn mạnh tài nguyên phát triển kinh tế - xã hội của Bến Tre có tài nguyên du lịch văn hóa. Trong nguồn tài nguyên này có di tích lịch sử - văn hóa, di tích lưu niệm danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu cần được xem là tài nguyên quan trọng hàng đầu và định hướng phát triển du lịch nói chung và du lịch học tập danh nhân văn hóa nói riêng, hình thành các tuyến du lịch giữa Bến Tre với các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh, thành phố trong cả nước thông qua kết nối, liên kết phát triển loại hình

du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu nói riêng và danh nhân Việt Nam nói chung.

- *Quan điểm phát triển du lịch học tập danh nhân:*

Quan điểm phát triển du lịch học tập danh nhân trong cả nước, trong đó có phát triển du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu ở Bến Tre nằm trong quan điểm phát triển du lịch chung đã được nêu trong các Nghị quyết của Đảng, văn bản của Nhà nước và chính quyền các cấp.

Chúng tôi thấy có bốn quan điểm nổi trội trong phát triển du lịch học tập danh nhân trong cả nước, trong đó có phát triển du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu ở Bến Tre:

Một là, phát triển du lịch học tập danh nhân trong cả nước và trên địa bàn tỉnh Bến Tre, trong đó có phát triển du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, cần quán triệt đầy đủ quan điểm phát triển du lịch của cả nước và địa phương, gắn với chiến lược, quy hoạch phát triển văn hóa; giáo dục - đào tạo; chiến lược phát triển du lịch quốc gia và chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội mỗi địa phương.

Hai là, bất cứ hoạt động nào của loại hình du lịch học tập danh nhân cũng phải chú trọng cân bằng ba mục tiêu kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường, đảm bảo phát triển du lịch học tập danh nhân có trách nhiệm và bền vững. Từ quan điểm này cần lựa chọn phương pháp quản lý thích hợp: Quản lý sức chứa; Xây dựng và áp dụng bộ tiêu chuẩn hoạt động du lịch tại di tích theo hướng phát triển bền vững.

Ba là, phát triển du lịch học tập danh nhân, trong đó có du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, rất cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, cơ quan nhà nước về quản lý văn hóa, du lịch và giáo dục - đào tạo ở địa phương, cộng đồng dân cư với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp du lịch. Việc tổ chức các hoạt động du lịch học tập danh nhân phải chú trọng tính đặc thù ở từng địa phương, ở mỗi khu lưu niệm danh nhân để tổ chức hội nghị khách hàng, hoạt động tham quan, lễ dâng hương tưởng niệm danh nhân, tiệc chiêu đãi,

thụ lộc, các chương trình du lịch trải nghiệm cho du khách, cần tham khảo ý kiến giới nghiên cứu và chức sắc tôn giáo... để đảm bảo thống nhất về mọi mặt và an toàn, an ninh, trật tự xã hội.

Bốn là, hợp tác liên kết chặt chẽ các cấp, các ngành, các địa phương, trong đó ngành Văn hóa, ngành Du lịch, ngành Giáo dục - Đào tạo và Tổ quản lý di tích lưu niệm danh nhân phải đi đầu làm nòng cốt huy động nguồn lực trong và ngoài nước, trong và ngoài địa phương, cả tài chính, kinh nghiệm và công nghệ; chú trọng xã hội hóa trong phát triển du lịch học tập danh nhân để đạt kết quả toàn diện.

- *Bối cảnh phát triển:*

Từ định hướng của Đảng và Nhà nước đến quan điểm phát triển du lịch học tập danh nhân đều phải rất chú ý đến xu hướng và bối cảnh kinh tế, văn hóa - xã hội, khoa học và công nghệ.

Khi yêu cầu tăng trưởng kinh tế phải theo hướng tăng trưởng xanh được coi là một chỉ số phát triển, du lịch được quan tâm và xác định phát triển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Khi văn hóa đã trở thành nguồn lực quan trọng, xây dựng con người mới với vai trò là yếu tố quyết định cho sự phát triển chung, do con người và vì con người. Bối cảnh mới với những yếu tố như vậy thúc đẩy nhu cầu du lịch học tập, trong đó có du lịch học tập danh nhân và học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu. Văn hóa, danh nhân là nguồn tài nguyên vô tận cho du lịch phát triển để đem lại những trải nghiệm luôn luôn mới lạ, hấp dẫn du khách và giúp các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, từ chính quyền đến doanh nghiệp, từ du lịch đến cộng đồng địa phương kiểm soát được các hoạt động, hành vi và hành động của mình. Tác động có tính nền tảng và bao trùm của loại hình du lịch học tập, trong đó có du lịch học tập danh nhân là nguồn gốc cơ bản sâu xa dẫn đến các tác động khác, từ đó dẫn đến sự biến đổi từ nhận thức đến hành vi của cộng đồng dân cư và du khách.

Mặt khác, sự phát triển của khoa học và công nghệ, bối cảnh kỷ nguyên số cũng đã tạo ra những đòn bẩy giúp du lịch học tập, trong đó có du lịch học tập danh nhân trong cả nước và du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu ở Bến Tre, có thể khai thác giá trị của di tích

lưu niệm danh nhân để gắn kết và phát triển bền vững du lịch, đưa giá trị di tích lưu niệm danh nhân, văn hóa và con người của quê hương bản quán danh nhân đi xa hơn, rộng hơn đến với nhiều người và nhiều thế hệ ở các địa phương, vùng, miền, quốc gia khác.

4. Đề xuất nhiệm vụ và giải pháp góp phần chú trọng phát triển hơn nữa du lịch học tập danh nhân

a) Đề xuất nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch học tập Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu trên địa bàn tỉnh Bến Tre

Một là, tổ chức hoạt động trưng bày hiện vật tại Di tích lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu theo hướng phát triển thành Bảo tàng danh nhân: Khẩn trương xây dựng đề án bảo tồn, phát huy giá trị 6 cuốn sách viết tay bằng chữ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu đang trưng bày, nhưng bị xuống cấp ở mộ Nguyễn Đình Chiểu.

Hai là, phát triển hoạt động của Di tích lưu niệm danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu phong phú hơn thông qua: đổi mới tư duy đánh giá về văn hóa Nguyễn Đình Chiểu theo những giá trị phổ quát mang tính nhân loại mà người Pháp đã thể hiện cách nay gần 150 năm; xây dựng hồ sơ ghi danh nói thơ Vân Tiên là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; tập hợp những người yêu nói thơ Vân Tiên tiến tới hình thành Hội Nói thơ Vân Tiên; mở đợt vận động nghiên cứu, sáng tác về danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu nhân sự kiện ông được UNESCO tôn vinh.

Ba là, nghiên cứu hoàn chỉnh gia phả, kết nối hai nhánh hậu duệ Nguyễn Đình Chiểu ở Bến Tre và Thừa Thiên Huế, hỗ trợ quy tập mộ thân mẫu danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu hiện nay ở huyện Châu Thành về khu Di tích lưu niệm danh nhân ở Ba Tri hoặc kiểm kê, đưa vào danh mục di tích được bảo tồn như một di tích vệ tinh của quần thể Di tích lưu niệm danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu.

Bốn là, khai thác khu vực hồ sen bên cạnh Trạm vệ tinh Ngân hàng dữ liệu di sản phi vật thể và phòng bốc thuốc nam: Kết nối Di tích lưu niệm danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu với Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh Nơi ở của Nguyễn Đình Chiểu tại thị trấn Ba Tri theo đúng

quy định một di tích gốc của Di tích lưu niệm danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu và các di tích ngoài tỉnh liên quan như Di tích quốc gia chùa Tôn Thạnh, Long An. Phục dựng nơi ở cũ của danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu thành một điểm du lịch danh nhân, có mô hình lớp học của cụ Đồ Chiểu với hoạt động đặc trưng là truyền dạy nói thơ Vân Tiên, thư pháp chữ Nôm qua *Lục Vân Tiên*...

Năm là, kết nối du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu với các loại hình du lịch khác: Kết nối với du lịch chăm sóc sức khỏe thông qua khai thác phòng thuốc đông y, nghề bốc thuốc nam trong khuôn viên Khu di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu. Kết nối tổ chức dịch vụ phục vụ nhu cầu tâm linh, chữa bệnh, tưởng niệm: dịch vụ đáp ứng nhu cầu cúng viếng, tín ngưỡng, dịch vụ chụp ảnh, quay phim, hàng lưu niệm. Dịch vụ dâng hương, cúng viếng là một thế mạnh của Di tích lưu niệm danh nhân Nguyễn Đình Chiểu do tính chất và giá trị phi vật thể của di tích, vừa là di tích có tính chất tín ngưỡng, lại là biểu tượng cho văn hóa, y đức Việt Nam, nơi lưu giữ truyền thống quý báu của dân tộc, nên thu hút mọi loại hình du khách đến tham quan tìm hiểu, thực hành tín ngưỡng tôn kính danh nhân văn hóa, tổ tiên. Cần bổ sung Lễ dâng hương khuyến học trước khi thi cử, báo công khi thi cử thành đạt; Lễ trao Giải thưởng văn học nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu - giải thưởng lớn nhất tỉnh Bến Tre theo hướng tiếp biến sáng tạo trên nền truyền thống, phù hợp đối tượng, bối cảnh, có tính văn hóa, nhân văn, đúng thuần phong mỹ tục.

Sáu là, nâng cao năng lực cho nguồn nhân lực liên quan đến du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu: Tăng cường nghiệp vụ chuyên môn, năng lực ngoại ngữ và tin học của hướng dẫn viên đủ để diễn tả về di tích, về danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, giải đáp thấu đáo các câu hỏi của khách tham quan, thông tin trước cho khách trên các ấn phẩm, tăng cường phương tiện thông tin hỗ trợ như màn hình, biển giới thiệu. Tập huấn cho cộng đồng dân cư tham gia hoạt động kết nối với Khu di tích về cách giao tiếp, phục vụ khách tham quan, du lịch, biết cách duy trì nâng cấp vườn hoa thăm cỏ,

giữ gìn di tích sạch đẹp và thực hiện tốt công tác đón tiếp khách tham quan, du lịch.

Bảy là, xây dựng mô hình du lịch tích hợp: Kết hợp tổ chức du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu với loại hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch biển, du lịch văn hóa, du lịch nông nghiệp (du lịch trồng cây), du lịch tôn giáo, du lịch MICE với các hoạt động nghiên cứu, đổi mới nhận thức, đánh giá về giá trị văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu sau khi cụ Đồ Chiểu được vinh danh là danh nhân văn hóa thế giới, lan tỏa các giá trị nhân bản, nhân văn, tư tưởng hòa bình và phương châm học tập suốt đời có tính toàn cầu... để thu hút du khách. Nâng cấp các phòng, hội trường tại các khu di tích cho các đoàn khách thuê tổ chức các sự kiện. Kêu gọi đầu tư mở thêm các kiốt phục vụ giải khát, ăn uống, bán hàng lưu niệm, chữa bệnh bằng thuốc nam,...

- *Đề xuất nhiệm vụ và giải pháp góp phần phát triển du lịch học tập, du lịch học tập danh nhân áp dụng cho cả nước:*

Một là, nâng cao nhận thức về du lịch học tập danh nhân: Cần nhận thức đầy đủ và xác định rõ hơn du lịch học tập, du lịch học tập danh nhân đóng vai trò quan trọng là cách thức tổ chức giảng dạy hiện đại để truyền đạt kiến thức, nhận thức của người học một cách trực quan và sinh động. Đẩy mạnh giáo dục du lịch học tập danh nhân đối với học sinh, sinh viên là học tập ngoại khóa, đối với người trưởng thành là hình thức giáo dục vừa mang tính tự nguyện, vừa là cách nâng cao nhận thức về hành vi, tri thức và thái độ về nhiều mặt; lồng ghép, tích hợp các môn xã hội, học ở môi trường thiên nhiên, địa danh lịch sử, văn hóa, truyền thống và danh nhân, công đức các bậc tiền nhân; gắn chặt lý thuyết với thực hành, ứng dụng thực tiễn tại địa phương. Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất, chăm sóc sức khỏe. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, hướng dẫn phương pháp tự học, nghiên cứu khoa học, làm việc nhóm, vận dụng kiến thức vào thực tế... Coi trọng nâng cao nhận thức về du lịch học tập danh nhân cho toàn dân và đặc biệt đối với hệ thống quản lý du lịch và quản lý giáo dục.

Đưa du lịch học tập danh nhân trở thành một cách tiếp cận mới để góp phần tạo nên một xã hội học tập, quốc gia học tập, tự hào và tự tôn dân tộc, danh nhân.

Hai là, xây dựng hệ thống chương trình du lịch học tập danh nhân: Để phát triển du lịch học tập danh nhân đúng theo định hướng cần phải xây dựng các chương trình du lịch học tập danh nhân bao gồm du lịch giáo dục về danh nhân, du lịch học tập chuyên đề danh nhân, du lịch học tập trọn đời...

Các chương trình du lịch học tập danh nhân gắn liền với giáo dục từ cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học. Mỗi đối tượng đều có yêu cầu, mục tiêu riêng là cơ sở chính để xây dựng các chương trình du lịch học tập danh nhân phù hợp. Việc thiết kế này cần có sự tham gia của cả các nhà chuyên môn về văn hóa, du lịch và giáo dục.

Các chương trình du lịch học tập danh nhân chuyên đề gắn với các chuyên đề trong đời sống như lịch sử, văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng, ẩm thực..., gắn với lao động sản xuất như công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp,...

Các chương trình du lịch học tập danh nhân trọn đời được thiết kế theo các giai đoạn của cuộc đời mỗi người. Tiêu chí chính làm căn cứ để xây dựng đó là khả năng của du khách về độ tuổi, sức khỏe, tài chính, văn hóa. Các chương trình du lịch này sẽ giúp con người lên kế hoạch du lịch với mục đích học tập nâng cao tri thức cho cả cuộc đời, và vì thế họ có mục tiêu để phấn đấu và trải nghiệm cuộc sống.

Bộ chương trình du lịch học tập danh nhân có thể thay đổi và phát triển theo từng trường học, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Tuy nhiên cần bám theo chương trình “khung” đã có sự thống nhất và chấp thuận của cơ quan quản lý về giáo dục.

Ba là, phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyên nghiệp cho du lịch học tập danh nhân: Nâng cao năng lực cán bộ, nhân viên làm du lịch học tập danh nhân là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển du lịch học tập thời gian tới. Công chức quản lý nhà nước về lĩnh vực liên quan cần có các

chương trình nâng cao trình độ nghiệp vụ quản lý nhà nước về du lịch giáo dục, về ngoại ngữ và tin học. Đối với nguồn nhân lực của doanh nghiệp du lịch và cộng đồng dân cư, nên chú trọng bồi dưỡng kiến thức về danh nhân, về thị trường du lịch học tập, về sản phẩm du lịch học tập danh nhân, về ngoại ngữ, tin học và nghiệp vụ chuyên sâu, nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường.

Bốn là, chuyên biệt hóa quy trình tổ chức, điều hành các chương trình du lịch học tập danh nhân: Thiết kế chương trình du lịch học tập danh nhân phải căn cứ các chương trình giáo dục, đào tạo, chuyên đề... để làm chất liệu cho việc thiết kế. Phải nghiên cứu mục đích chuyến đi, đối tượng chuyến đi để có những biện pháp phù hợp. Điểm đến của các chương trình du lịch học tập danh nhân rất đặc biệt, thường gắn mục đích học tập, thông thường là các di tích lưu niệm danh nhân, bảo tàng, các di tích lịch sử, các làng nghề, các danh lam thắng cảnh gắn liền với văn hóa đặc trưng vùng miền quê hương, bản quán của danh nhân. Công tác tổ chức chương trình du lịch học tập danh nhân thường phải đủ các bên, nhất là đơn vị tổ chức du lịch và đơn vị tổ chức học tập tham gia. Việc đánh giá kết quả chuyến đi thường do các đơn vị tổ chức đào tạo trực tiếp đánh giá hoặc hiệp hội du lịch địa phương chứ không phải là doanh nghiệp du lịch.

Vấn đề về an toàn tính mạng, sức khỏe, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và việc đảm bảo thực hiện quy định pháp luật, quy định mang tính cộng đồng, những điều kiêng kỵ tôn giáo, tín ngưỡng, tôn trọng, thành kính danh nhân... đóng vai trò quan trọng, phải được chú ý trong công tác tổ chức du lịch học tập danh nhân. Đây là một khó khăn nhưng cần phải được thực hiện.

Năm là, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm du lịch học tập danh nhân: Các sản phẩm du lịch học tập phải không chỉ nhắm đến mục tiêu là thị trường trong nước mà còn cả thị trường khách quốc tế. Sản phẩm du lịch không những hình thành trên cơ sở giá trị di tích lưu niệm danh nhân, công đức, tấm gương danh nhân mà còn phải dựa trên các nguồn tài nguyên du lịch ở bản quán của danh nhân và phải

chú trọng khai thác các nội dung giáo dục cần truyền tải. Các doanh nghiệp kinh doanh du lịch học tập danh nhân cần liên kết hợp tác chặt chẽ với các nhà cung ứng dịch vụ liên quan đến du lịch học tập danh nhân và điểm đến của du lịch học tập danh nhân để có chế độ giảm giá cho đối tượng khách du lịch học tập danh nhân. Bên cạnh đó, những chiến lược hợp tác tài trợ đồng phát triển thương hiệu sẽ giúp có được những khoản tiền tài trợ, từ đó giúp giảm giá thành sản phẩm.

Sáu là, tăng cường liên kết, hợp tác phát triển du lịch học tập danh nhân: Mục đích phát triển du lịch học tập danh nhân nhất quán toàn quốc, gồm bốn nội dung:

- Tạo nguyên tắc và cơ chế liên kết, hợp tác phát triển du lịch học tập danh nhân. 6 nguyên tắc cơ bản là bình đẳng, tự nguyện, cùng có lợi, cùng tham gia, chất lượng và hiệu quả. 4 cơ chế chính: 1) Kết hợp hài hòa việc liên kết giữa các địa phương trong một vùng, tiểu vùng nói riêng và sự hợp tác với các địa phương khác trong cả nước và với quốc tế; 2) Liên kết trên tất cả các bình diện (cấp tỉnh, cấp huyện, các đô thị du lịch và các khu du lịch lớn, các sở, doanh nghiệp, hiệp hội du lịch) và lĩnh vực, ưu tiên những việc cấp thiết trước; 3) Liên kết cấp tỉnh với nhau bằng một thỏa thuận phân công cụ thể; và 4) Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo nhà nước về phát triển du lịch và ban chỉ đạo phát triển du lịch địa phương trong phối hợp điều hành các hoạt động liên kết, hợp tác phát triển du lịch học tập danh nhân.

- Liên kết, hợp tác trong công tác xúc tiến quảng bá du lịch học tập danh nhân. Tổ chức xúc tiến quảng bá du lịch học tập danh nhân ở trong và ngoài nước, chú trọng liên kết với các cơ quan truyền thông có uy tín trong và ngoài nước.

- Liên kết, hợp tác khai thác và phát triển thị trường giữa các sở liên quan đến văn hóa, giáo dục, du lịch của các tỉnh, giữa các sở với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch học tập danh nhân trên địa bàn tỉnh hoặc ngoài tỉnh, liên kết và hợp tác giữa các doanh nghiệp kinh doanh du lịch học tập danh nhân với nhau hoặc giữa các doanh nghiệp kinh doanh du lịch học tập tại mỗi tỉnh, thành phố...

- Liên kết, hợp tác phát triển sản phẩm du lịch học tập danh nhân: Kết nối các sản phẩm du lịch học tập danh nhân đặc trưng của từng địa phương để tạo ra sản phẩm liên vùng, đa dạng và phong phú hấp dẫn du khách. Trong phát triển sản phẩm du lịch học tập danh nhân, cần phát triển cho được các sản phẩm đặc trưng vùng, tiểu vùng và địa phương, và kết nối thành tour, tuyến du lịch học tập danh nhân. Tăng cường đầu tư cho xúc tiến quảng bá và xây dựng thương hiệu du lịch học tập danh nhân, thực hiện tập trung theo chương trình, chiến dịch quảng bá thương hiệu.

b) Một số kiến nghị

Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các ban, sở, ngành của tỉnh Bến Tre:

Để du lịch học tập danh nhân, trong đó có học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, trên địa bàn tỉnh Bến Tre phát triển một cách bền vững, mang lại hiệu quả kinh tế cao, bảo vệ môi trường sinh thái và các giá trị văn hóa của người dân địa phương và phát huy công đức của các danh nhân khác, xin kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban ngành liên quan chỉ đạo:

Một là, nâng cao nhận thức về du lịch học tập danh nhân, trong đó có danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, coi du lịch học tập danh nhân không chỉ mang lại giá trị cao về mặt kinh tế mà quan trọng hơn là về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, giáo dục, xây dựng con người mới và phát triển xã hội bền vững.

Hai là, có những chủ trương khuyến khích hoạt động du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu và danh nhân trên địa bàn tỉnh, trong công tác giáo dục và đào tạo, dạy nghề và nâng cao trình độ. Có chính sách ưu tiên và hỗ trợ cho du khách quốc tế đến Việt Nam với mục đích học tập.

Ba là, cần phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, tập trung nhất quán giữa các cơ quan, ban ngành để có chính sách, cơ chế quản lý phù hợp góp phần

phát triển du lịch học tập danh nhân đảm bảo các nguyên tắc phát triển du lịch bền vững, có trách nhiệm.

Bốn là, cần tích hợp quy hoạch hệ thống du lịch, trong đó có du lịch học tập và du lịch học tập danh nhân, trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trước hết chọn mô hình du lịch học tập danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu làm điểm để xây dựng quy hoạch hệ thống du lịch và nhân rộng mô hình này ra toàn tỉnh.

Kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo:

Một là, triển khai mạnh mẽ hơn định hướng phát triển giáo dục và đào tạo của Chính phủ với quan điểm đẩy mạnh giáo dục ngoại khóa, lồng ghép, tích hợp các môn xã hội, học ở môi trường thiên nhiên, địa danh lịch sử, văn hóa; gắn lý thuyết với thực hành, ứng dụng thực tiễn tại địa phương.

Hai là, sớm phối hợp với các cơ quan liên quan có hướng dẫn cụ thể cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục gắn với du lịch, trong đó có du lịch học tập danh nhân trong quản lý hoạt động học tập ngoại khóa.

Ba là, chủ trì phối hợp với các bên liên quan tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học về học tập danh nhân thông qua du lịch. Chỉ đạo nâng cao nhận thức về du lịch học tập danh nhân để định hướng và đề ra các giải pháp quy định cụ thể góp phần phát triển đúng hướng du lịch học tập danh nhân. Xây dựng bộ tiêu chuẩn chuyên biệt cho học tập danh nhân gắn với du lịch.

Bốn là, xem xét đầu tư ngân sách cho việc nghiên cứu sản phẩm du lịch học tập danh nhân. Phối hợp cùng với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch học tập danh nhân nghiên cứu xây dựng bộ khung chương trình du lịch học tập, trong đó có học tập danh nhân, đạt chuẩn và có thông qua kiểm định để làm căn cứ cho các doanh nghiệp thiết kế chương trình du lịch học tập, trong đó có du lịch học tập danh nhân, và cho khách tham gia du lịch học tập an tâm là sản phẩm du lịch học tập chuẩn.

Năm là, có các chính sách hỗ trợ du lịch học tập, trong đó có du lịch học tập danh nhân, như tổ chức giới thiệu cho các cơ sở giáo dục, khuyến

khích sử dụng các chương trình du lịch học tập, trong đó có du lịch học tập danh nhân đã được công nhận.

Kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa và về du lịch:

Một là, công nhận loại hình du lịch học tập, du lịch học tập danh nhân là loại hình du lịch rất cần thiết, có tiềm năng phát triển, có giá trị bền vững, hiệu quả nhiều mặt và cần được đầu tư phát triển.

Hai là, đưa sản phẩm du lịch học tập, du lịch học tập danh nhân vào các chương trình xúc tiến, quảng bá du lịch của ngành. Tổ chức các hội nghị, hội thảo liên ngành với các bên liên quan như các cơ quan, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ quan lao động - thương binh và xã hội, nội vụ, các hội và hiệp hội chính trị - xã hội, nghề nghiệp về du lịch học tập, du lịch học tập danh nhân để có thể phối hợp phát triển.

Ba là, chỉ đạo các doanh nghiệp du lịch chú trọng phát triển hơn loại hình du lịch học tập, du lịch học tập danh nhân; lồng ghép vào các tour du lịch khác.

Kiến nghị các cơ sở giáo dục:

Một là, khuyến khích giảng viên, giáo viên nghiên cứu và áp dụng phương pháp giảng dạy mới trong đó có tổ chức dạy học ngoài lớp học, lồng ghép với hoạt động tham quan du lịch phù hợp cho từng môn, từng cấp học, từng đối tượng học viên.

Hai là, phân biệt hoạt động du lịch có mục đích vui chơi với du lịch học tập, du lịch học tập danh nhân giúp cho du lịch học tập đạt mục đích mà nhà trường đề ra.

Ba là, đóng góp ý kiến và phối hợp cùng các doanh nghiệp du lịch lành hành trong việc xây dựng bộ sản phẩm du lịch học tập, du lịch học tập danh nhân.

Kiến nghị các doanh nghiệp du lịch lành hành:

Một là, cần xác định rõ du lịch học tập, du lịch học tập danh nhân là loại hình du lịch đặc thù, cần nghiên cứu và xây dựng sản phẩm du lịch học tập, du lịch học tập danh nhân một cách nghiêm túc và chuyên nghiệp. Phát huy vai trò và nâng cao trách nhiệm thiết kế chương trình du lịch học tập, du lịch học tập danh nhân theo yêu cầu của ngành giáo

dục - đào tạo và xã hội, làm căn cứ xây dựng quy trình điều hành và tổ chức phù hợp chương trình du lịch học tập, du lịch học tập danh nhân.

Hai là, tăng cường huấn luyện kỹ năng nghiệp vụ, chuyên môn, ngoại ngữ, tin học cho nhân viên, nhất là kỹ năng sư phạm và kiến thức để thiết kế và tổ chức thực hiện chương trình du lịch học tập, du lịch học tập danh nhân; đảm bảo tính chính xác về nội dung, tính hệ thống về kiến thức và tính khoa học trong tổ chức và điều hành.

Ba là, thiết lập các mối quan hệ tốt với các doanh nghiệp, đơn vị tài trợ nhằm giúp giảm giá thành tour du lịch nhưng vẫn bảo đảm chất lượng tốt. Không chạy theo lợi nhuận, hay cạnh tranh không lành mạnh mà giảm giá tour du lịch sử dụng dịch vụ kém chất lượng cho loại hình du lịch học tập, du lịch học tập danh nhân.

Kiến nghị các điểm du lịch, các khu lưu niệm, các đơn vị cung ứng dịch vụ:

Một là, cần có các hoạt động riêng cụ thể cho đối tượng của du lịch học tập, du lịch học tập danh nhân, có những chính sách hướng dẫn tham quan phục vụ đặc thù, có chế độ hỗ trợ về giá vé, giảm giá các dịch vụ...

Hai là, tăng cường nội dung thông tin điểm đến, thông tin về danh nhân, bảng hướng dẫn, và các hoạt động hỗ trợ giáo dục.

Ba là, liên kết với các doanh nghiệp lữ hành kinh doanh du lịch học tập, du lịch học tập danh nhân, huy động sự tham gia của hậu duệ các danh nhân để có những thỏa thuận cụ thể cho công tác phối hợp tổ chức các hoạt động du lịch học tập, du lịch học tập danh nhân một cách thiết thực, có những sản phẩm đặc sắc, hấp dẫn du khách.

5. Kết luận

Du lịch học tập danh nhân có một vai trò rất quan trọng trong tôn vinh, nhớ ơn các danh nhân, nâng cao ý thức tự hào và tự tôn dân tộc, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, trong giáo dục, học tập, nghiên cứu theo nghĩa rộng, trong phát triển du lịch... của một địa phương có danh nhân và của cả nước.

Câu hỏi lớn đặt ra là: Làm thế nào để du lịch học tập danh nhân ở Việt Nam thực hiện được nhiệm vụ kép, vừa góp phần phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, vừa hoàn thành được nhiệm vụ đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, trong đó có giáo dục văn hóa, giáo dục du lịch để phát huy được vai trò của danh nhân, trong đó có danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu vừa được UNESCO vinh danh trên địa bàn tỉnh Bến Tre và ở Việt Nam?

Với ba nội dung đã trình bày, hy vọng đã trả lời được câu hỏi nêu trên và cơ bản thực hiện được mục đích cung cấp một số thông tin hữu ích cho các nhà hoạch định, quản lý văn hóa, du lịch và giáo dục, chính quyền địa phương các cấp, các cơ sở giáo dục các cấp trình độ, cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp du lịch và những người quan tâm về du lịch học tập danh nhân, trong đó có danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu và các giải pháp, kiến nghị góp phần chú trọng phát triển hơn nữa loại hình du lịch học tập danh nhân trên địa bàn tỉnh Bến Tre và ở Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Chí Bền: *Văn hóa dân gian Bến Tre*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội, 2017.
- [2] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đối với lĩnh vực văn hóa nghệ thuật”*, Huế, 2018.
- [3] Lữ Văn Châu: *Nguyễn Đình Chiểu - Nhà thơ đạo lý*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 1996.
- [4] Chi cục Thống kê tỉnh Bến Tre: *Niên giám thống kê Bến Tre năm 2020*.
- [5] *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045* (Tài liệu của Tỉnh ủy Bến Tre, tháng 8/2020).

- [6] Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và cách mạng Việt Nam: *Huỳnh Tấn Phát - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019.
- [7] Phạm Lan Hương (Chủ nhiệm): *Nghiên cứu các giải pháp phát huy giá trị di sản Hán - Nôm ở các di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia khu vực Tây Nam Bộ*, Đề tài cấp Bộ Văn hóa, Thông tin và Du lịch, 2017.
- [8] Trần Duy Phương (Chủ nhiệm): *Nâng cao chất lượng điểm du lịch tỉnh Bến Tre*, Đề tài cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ Bến Tre, 2013. Cơ quan chủ trì: Trung tâm Thông tin Xúc tiến Du lịch tỉnh Bến Tre.
- [9] Lê Quốc Hùng (Chủ nhiệm): *Nghiên cứu giải pháp xây dựng thương hiệu làm công cụ Marketing các sản phẩm chủ lực và du lịch tỉnh Bến Tre*, Đề tài cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ Bến Tre, 2018, Cơ quan chủ trì: Công ty trách nhiệm hữu hạn Tin học Thương mại và Tư vấn ICT, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [10] Võ Thị Ngọc Giàu: *Phát triển du lịch làng nghề tại Bến Tre*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [11] Thích Nhất Hạnh: “Bến Tre”, Tập san *Giữ thơm quê mẹ*, số 2, tháng 8/1965.
- [12] Phạm Văn Luân: “Quản lý di tích lịch sử - văn hóa trong phát triển du lịch ở tỉnh Bến Tre”, Luận án Tiến sĩ Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 2020.
- [13] Nguyễn Văn Lưu: *Bài giảng Kinh tế Du lịch*, Trường Đại học Thủy lợi, Hà Nội, 2022.
- [14] Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Bến Tre lần thứ XI (2020 - 2025).

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TỪ TRUYỀN DẠY NÓI THƠ VÂN TIÊN

TS. PHẠM VĂN LUÂN*

Tóm tắt: Ngày 23/11/2021, tại Pari, Pháp, UNESCO đã chính thức thông qua Nghị quyết số 41/15C ghi nhận danh nhân Nguyễn Đình Chiểu, Việt Nam trong Danh sách Danh nhân văn hóa và sự kiện lịch sử có tầm vóc quốc tế niên khóa 2022 - 2023 được UNESCO cùng tổ chức vinh danh và tham gia kỷ niệm năm sinh, năm mất. Sự kiện vinh danh Nguyễn Đình Chiểu ở tầm thế giới sẽ tạo hiệu ứng cho nhiều tác phẩm thơ văn nổi tiếng của ông như: Lục Vân Tiên, Văn tế nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Dương Từ - Hà Mậu, Ngư Tiều y thuật vấn đáp... được cả thế giới biết đến. Trong số này, tác phẩm truyện thơ Nôm Lục Vân Tiên là một trong những tác phẩm lớn và danh tiếng nhất, có sức sống kỳ lạ, vượt qua cả rào cản ngôn ngữ trường tồn với không gian và thời gian qua hình thức diễn xướng dân gian mới: Nói thơ Vân Tiên - một trong bảy dạng thức diễn xướng dân gian ở Bến Tre¹.

Bằng con đường truyền dạy bình dân, theo lối tổ chức học tập cộng đồng, học suốt đời của người dân, Lục Vân Tiên đã vượt khỏi khuôn khổ có giới hạn của một tác phẩm văn học, không chỉ được sử dụng phổ biến trong nhà trường ở Việt Nam

* Trường Cao đẳng Bến Tre. Liên hệ: pvluan8@yahoo.com

1. Lư Hội: *Di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Bến Tre*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2009, tr.153.

và một số nước mà còn được truyền dạy rộng rãi trong cộng đồng ở Bến Tre và các tỉnh Nam Bộ từ trước đến nay. Nói thơ Vân Tiên đã trở thành một “từ khóa” khi đề cập truyện thơ Nôm Lục Vân Tiên và nói đến Nguyễn Đình Chiểu - nhà thơ đạo lý.

Với phương pháp khảo cứu tư liệu, điền dã, gặp gỡ các nhân chứng, hậu duệ Nguyễn Đình Chiểu, nghệ nhân Nói thơ Vân Tiên và cộng đồng Nói thơ Vân Tiên, người dân Bến Tre, Nam Bộ, trao đổi, tham vấn chuyên gia trong và ngoài nước, bài viết này góp phần làm phong phú và sâu sắc hơn giá trị đặc biệt của tác phẩm Lục Vân Tiên theo cách tiếp cận mới - từ góc nhìn của diễn xướng dân gian nói thơ Vân Tiên và hoạt động truyền dạy nói thơ Vân Tiên trong cuộc sống đương đại. Đây là cơ sở để chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Nguyễn Đình Chiểu một cách toàn diện từ di sản văn hóa vật thể đến phi vật thể.

Từ khóa: Lục Vân Tiên; Nguyễn Đình Chiểu; Nói thơ Vân Tiên; Truyền dạy.

PRESERVATION AND PROMOTION OF VALUES OF CULTURAL HERITAGE NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU FROM TEACHING RHYTHMIC VERSES VÂN TIÊN

Abstract: On November 23, 2021 in Paris, France, UNESCO officially approved Resolution No. 41/15C recognizing Vietnamese cultural figure Nguyễn Đình Chiểu in the list of cultural figure and historical events of international stature. The academic year 2022 - 2023 was jointly honored by UNESCO and participated in celebrating the year of Nguyễn Đình Chiểu's birth and death. The event honoring Nguyen Dinh Chieu at the world level will create effects for many of his

famous poetic works such as: Lục Vân Tiên, Eulogy for the Righteous People of Can Giuoc, Dương Từ - Hà Mậu, Treatise on Chinese medicine... are known to the whole world. Among those, Lục Vân Tiên a poem written in Nôm is one of the largest and most famous works, with a strange vitality, overcoming both the language barrier and enduring space and time through the form of performance. new folklore: - Reciting Van Tien - one of 7 forms of folk performance in Ben Tre¹.

By the way of popular teaching, according to the way of organizing community learning, lifelong learning of the people, Lục Vân Tiên has gone beyond the limited framework of a literary work, not only widely used in schools in Vietnam and a number of countries, but also widely taught in the community in Ben Tre and Southern provinces so far. Reciting Vân Tiên poem has become a “keyword” when referring to the Nom story of Lục Vân Tiên and referring to Nguyễn Đình Chiểu - the moral poet.

With the method of documentary research, fieldwork, meeting witnesses, descendants of Nguyễn Đình Chiểu, artist who recited Vân Tiên poem and community, the people of Ben Tre, Southern Vietnam, exchange and consult experts. domestic and foreign countries; This study shares the special values of Lục Vân Tiên in a new approach - from the perspective of the folk performance of Vân Tiên poem and Teaching of Vân Tiên reciting; This is the foundation for us to make some recommendations to preserve and promote the value of Nguyễn Đình Chiểu cultural heritage comprehensively from tangible to intangible cultural heritage.

Keywords: Lục Vân Tiên; Nguyễn Đình Chiểu; Reciting Vân Tiên poetry; Teaching.

1. Lu Hoi: *Intangible Cultural Heritage of Ben Tre Province*, National Culture Publishing House, 2009, p.153.

Toàn văn

1. Nhà văn hóa kiệt xuất Nguyễn Đình Chiểu

Nguyễn Đình Chiểu sinh ngày 01/7/1822 tại làng Tân Thới, Gia Định (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Năm 1846, ông ra Huế học chờ dự khoa thi Hội, nhưng chưa đến ngày thi thì nhận tin mẹ mất. Ông quyết định bỏ thi trở về Nam chịu tang mẹ, trên đường đi vì quá thương khóc mẹ và bị ốm nặng khiến ông bị mù mắt. Sau khi mãn tang mẹ, Nguyễn Đình Chiểu mở trường dạy học ở Gia Định, nghiên cứu nghề bốc thuốc Nam và bắt đầu sáng tác thơ văn. Đây là thời kỳ ông vừa dạy học vừa bốc thuốc và sáng tác truyện *Lục Vân Tiên* nổi tiếng. Năm 1858, sau khi Việt Nam là thuộc địa của Pháp, Nguyễn Đình Chiểu sáng tác thơ văn, dùng ngòi bút chống giặc, là nhà thơ dẫn đầu dòng văn học yêu nước nửa cuối thế kỷ XIX. Năm 1862, Nguyễn Đình Chiểu và gia quyến rời Cần Giuộc (Long An ngày nay) “tị địa” về Ba Tri, Bến Tre dạy học, bốc thuốc và sáng tác thơ văn. Những năm cuối đời, ông sống trong cảnh nghèo khó, thanh bạch với sự yêu thương, đùm bọc của nhân dân, *Nguyễn Đình Chiểu - Nhà thơ đạo lý* mất ngày 03/7/1888, tại làng An Bình Đông (thị trấn Ba Tri ngày nay), thọ 66 tuổi, an táng tại xã An Đức, huyện Ba Tri. Ngày 27/4/1990, Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng là di tích quốc gia, đây là khu lưu niệm văn hóa danh nhân nổi tiếng và lớn nhất Bến Tre. Ngày 22/12/2016, Di tích Nguyễn Đình Chiểu được công nhận là Di tích quốc gia đặc biệt.

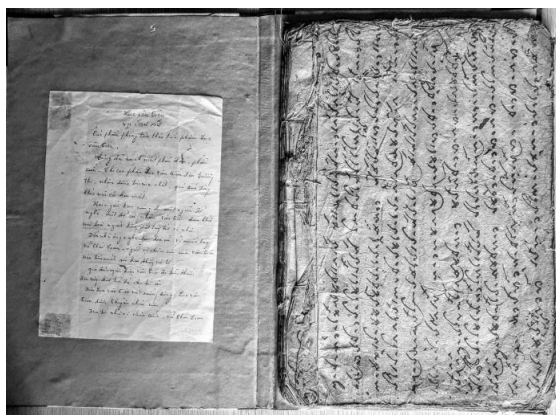
Ngày nay, di sản Nguyễn Đình Chiểu để lại không chỉ ở một khu di tích đã được xếp hạng với bậc cao nhất của Việt Nam, ở những địa danh mà còn có cả một kho tàng di sản văn hóa dưới năm hình thức ở các lĩnh vực: biên dịch, hội họa, diễn xướng, âm nhạc, cải biên (phóng tác) với cách tiếp cận liên ngành đã đem đến những tư duy mới, cách nhìn mới đối với di sản văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, nhất là ở phương diện phi vật thể rất đặc biệt: diễn xướng dân gian nói thơ Vân Tiên đúng với tinh thần “*Trăm năm bia đá cũng mòn/Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ*”. Nói thơ

Vân Tiên là sản phẩm độc đáo của phương pháp dạy học bình dân, đặt trên nền tảng tư tưởng học tập suốt đời, học tập ở mọi lúc, mọi nơi của Nguyễn Đình Chiểu. Với phong cách khẩu ngữ dân gian đặc trưng, Nguyễn Đình Chiểu sử dụng những từ ngữ mộc mạc, dễ hiểu, có lúc là từ ngữ mạnh mẽ để thực hiện mục đích nói năng, dùng nhiều cách ví von cụ thể giàu hình tượng, cách nói ngắn gọn, đơn giản, sử dụng ngôn ngữ bản địa, âm hưởng của diễn xướng dân gian... Tất cả đã làm nên phong cách khẩu ngữ phong phú, đa dạng xuyên suốt tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Nguyễn Đình Chiểu là người đã sử dụng rất thành công phong cách khẩu ngữ trong một tác phẩm nghệ thuật; chính hiệu ứng của phong cách khẩu ngữ đã làm nên diễn xướng dân gian nói thơ Vân Tiên - một trong 7 hình thức diễn xướng dân gian ở Bến Tre.

Lục Vân Tiên là một tác phẩm truyện thơ nhưng thể hiện rất rõ cách ăn nói, cách kể chuyện của người dân Nam Bộ chân chất, thật thà, mang đậm dấu ấn ngôn ngữ kể chuyện của quần chúng. Nguyễn Đình Chiểu đã mượn cách nói, cách kêu gọi, cách khuyên răn trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân để thể hiện tâm trạng của mình cũng như các nhân vật trong tác phẩm. Cách tác phẩm *Lục Vân Tiên* đi vào lòng người qua nhịp cầu nói thơ Vân Tiên đã minh chứng hùng hồn cho một tượng đài của nhà văn hóa kiệt xuất Nguyễn Đình Chiểu trong lòng người dân Bến Tre, Việt Nam. Đó là tượng đài Nguyễn Đình Chiểu - *Người thầy giáo đặc biệt*, mắt mù, dạy học bằng trí nhớ, bằng truyền khẩu, tập hợp học trò, truyền thụ một lối học tập mới - học tập bình dân, học tập suốt đời, học tập cho mọi người. Một thầy đồ (Đồ Chiểu) có uy tín cao nhờ lối sống rất thanh bạch, không màng danh lợi, sống vì mọi người. Tượng đài Nguyễn Đình Chiểu - *Người thầy thuốc lớn*, có trách nhiệm với con người và đề cao y đức, chữa bệnh cứu người bằng thuốc nam (thảo dược). Và sau cùng là tượng đài Nguyễn Đình Chiểu - *Nhà thơ lớn, nhà văn hóa kiệt xuất* luôn thể hiện tư tưởng yêu nước, thương dân, yêu chuộng hòa bình trong tâm thế của một người mù lòa nhưng luôn ngồi sáng thông điệp giáo dục đạo lý làm người, sống nhân ái, nghĩa tình, sống có hoài bão.

Nguyễn Đình Chiểu là một hiện tượng văn hóa của Việt Nam thế kỷ XIX, sáng tác thơ văn của ông đã ảnh hưởng sâu sắc và có sức sống kỳ lạ trong lòng nhân dân. Nguyễn Đình Chiểu không chỉ là một trong những người khai sáng dòng văn học yêu nước kháng Pháp ở Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX mà còn là tác gia tiêu biểu cho dòng văn học này. Hiện tượng tư tưởng và văn chương Nguyễn Đình Chiểu trong văn hóa Việt Nam có ý nghĩa quan trọng và đặc biệt trên nhiều phương diện, năm 1945 nhân dân Bến Tre tôn vinh ông đặt tên Bến Tre là *tỉnh Đô Chiểu*. Nguyễn Đình Chiểu là người đã biến văn tế vốn mang âm hưởng tang thương, đau buồn du nhập từ Trung Quốc trở thành những lời hịch mạnh mẽ, hiệu triệu lòng yêu nước của người dân Nam Bộ. Tư tưởng nhân nghĩa, đạo đức của Nguyễn Đình Chiểu là sự tiếp nối truyền thống dân chủ và nhân đạo của dân tộc trong một bối cảnh đặc biệt. Đặc điểm này góp phần xác lập giá trị thẩm mỹ - văn học trong các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu với sự ra đời của *Lục Vân Tiên* - một sản phẩm mang đậm dấu ấn tiếp biến sáng tạo văn hóa cộng đồng.

Ảnh hưởng của *Lục Vân Tiên* rất sâu rộng từ năm dạng thức biểu đạt: ở trong nước không chỉ phổ biến trong cộng đồng người Kinh ở Nam Bộ mà còn lan rộng ra các tỉnh miền núi phía Bắc trong cộng đồng các đồng bào dân tộc với các bản *Lục Vân Tiên* viết bằng chữ Thái cổ ở Sơn La, chữ Nôm Tày ở Cao Bằng...



Lục Vân Tiên viết bằng chữ Thái cổ

Nguồn: Bảo tàng Sơn La

Ở ngoài nước, *Lục Vân Tiên* đã trở thành một điển hình của thể loại truyện thơ Nôm của bộ môn tiếng Việt, khoa Nghiên cứu Ngôn ngữ và Văn hóa, Đại học Osaka, Nhật Bản; GS.TS. Shimizu Masaaki¹ đã phân tích chữ Nôm trong *Lục Vân Tiên* từ góc độ văn tự học giảng dạy tiếng Việt. Nói thơ Vân Tiên - loại hình diễn xướng dân gian mới được hình thành, duy trì đến nay ở Bến Tre; từ nói thơ Vân Tiên có “Hậu Vân Tiên”; truyện thơ Nguyệt Nga, điển cố Vân Tiên, Nguyệt Nga, Trịnh Hâm, Bùi Kiệm trong văn học. Đặc biệt trong sân khấu truyền thống, bài ca “Bùi Kiệm thi rớt” là bản “Tứ đại oán” mở đầu cho hình thức ca có diễn “Ca ra bộ”², đánh dấu sự phát triển của ca cổ nhạc Nam Bộ nay là đờn ca tài tử, tiền thân của sân khấu cải lương. *Lục Vân Tiên* còn được chuyển thể thành các loại hình nghệ thuật: tranh Đông Hồ, tranh Hàng Trống *Lục Vân Tiên*, tranh giấy Dừa *Lục Vân Tiên*; lịch Tết *Lục Vân Tiên*; tuồng *Lục Vân Tiên*, múa rối nước *Vân Tiên*; một trong những vở cải lương đầu tiên ở Nam Bộ cũng từ *Lục Vân Tiên*... Đây là điều mà ngoài *Truyện Kiều* ra thì chỉ có *Lục Vân Tiên* mới có được. *Lục Vân Tiên* được dịch ra 4 thứ tiếng Pháp, Nhật, Anh, Hàn, là tác phẩm được dịch ở nước ngoài nhiều thứ ba sau *Truyện Kiều* và *Nhật ký trong tù*... Xét về ảnh hưởng ở nước ngoài, trừ *Truyện Kiều* thì không có tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam nào sánh với *Lục Vân Tiên*. Sức sống và tầm ảnh hưởng của nhà văn hóa Nguyễn Đình Chiểu được thể hiện sinh động qua sự kiện hồ sơ khoa học danh nhân Nguyễn Đình Chiểu trình UNESCO vinh danh có đến bốn nước: Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ và Thái Lan đồng đề nghị với Việt Nam. TS. Olivier, Giám đốc Viện Viễn Đông bác cổ Pháp tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: Nguyễn Đình Chiểu rất xứng đáng được UNESCO vinh danh nhân kỷ niệm 200 năm ngày sinh vào năm 2022³.

1. Phỏng vấn ngày 17/11/2021. Nhân đây chúng tôi xin bày tỏ lòng tri ân đến GS. Shimizu đã dành thời gian, tâm huyết trao đổi với chúng tôi về vấn đề này.

2. Xem Võ Trường Kỳ: *Đờn ca tài tử Nam Bộ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015, tr.25.

3. Tạp chí *Cao Đài*, số 33, tháng 8/2020, tr.45.

2. Truyện thơ *Lục Vân Tiên* và truyền dạy nói thơ Vân Tiên

Một trong những tác phẩm ưu tú của nền văn học Việt Nam có ảnh hưởng sâu sắc từ nền văn hóa dân gian các tỉnh phía Nam là truyện thơ *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu. Đây là tác phẩm được viết (vào khoảng năm 1851), trước khi Việt Nam là thuộc địa của Pháp với thông điệp truyền dạy đạo lý làm người bao trùm ở Nam Bộ lúc bấy giờ: “*Trai thời trung hiếu làm đầu/Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình*”. Tác phẩm có 2.082 câu thơ lục bát (chia làm 4 phần¹) với hình thức truyện kể văn vần (còn gọi là truyện thơ) viết bằng chữ Nôm cùng nhiều hình tượng nghệ thuật đẹp trong văn chương đã được nhân dân tiếp nhận và tin theo đạo lý chính nghĩa do Nguyễn Đình Chiểu khởi xướng.

Truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên* có sức sống đặc biệt và tạo được hiệu ứng lan tỏa kỳ diệu qua làn điệu nói thơ Vân Tiên. Bằng cách truyền khẩu rất dân dã này, nói thơ Vân Tiên không chỉ là thú vui, sở thích của nhiều thế hệ người dân Bến Tre, Nam Bộ, mà còn là kênh chuyển tải thông điệp đề cao cương thường đạo lý, tinh thần nghĩa hiệp. Do đó, tác phẩm *Lục Vân Tiên* không chỉ được người dân yêu chuộng, truyền dạy mà “tinh thần *Lục Vân Tiên*” đã được hiện thực hóa, đi vào đời sống người dân ngày nay với các “hiệp sĩ đường phố” “giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha” ở Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bến Tre...

Sống có “nghĩa khí” là “từ khóa” xuyên suốt được Nguyễn Đình Chiểu thể hiện trong *Lục Vân Tiên*, qua đó làm ngời sáng văn hóa Việt Nam với không gian văn hóa trải rộng từ Gia Định đến Kinh đô Huế. Trên phong nền văn hóa đó nổi bật lên truyện thơ *Lục Vân Tiên* - một bản trường ca, ca ngợi chính nghĩa, đạo lý đáng quý, đáng trọng ở đời bên cạnh nhiều nội dung góp phần tạc dựng tượng đài Nguyễn Đình Chiểu trong lòng dân: y học cổ truyền - y đức; phong thủy; tôn giáo... Trong *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu tuy không nghị luận nhiều về văn chương nhưng đã thể hiện quan điểm “văn dĩ tải đạo” khác với quan niệm của

1. Theo Nguyễn Đình Chiểu: *Thơ văn yêu nước và truyện thơ Lục Vân Tiên*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2020.

nhà nho chính thống đương thời. Nhà nho quan niệm, “Đạo” là đạo của trời, với Nguyễn Đình Chiểu trên nguyên tắc đề cao *đạo trời* nhưng trong thực tế *đạo làm người* đáng quý hơn nhiều. Đó là quan niệm bao trùm, sáng tỏ khí tiết người Nam Bộ trong văn chương Nguyễn Đình Chiểu. Năm 1883, Tỉnh trưởng Bến Tre Michel Ponchon với lòng ngưỡng mộ tài năng văn chương và đức độ Đồ Chiểu đã đích thân đến tận nhà đề nghị Nguyễn Đình Chiểu nhuận chính truyện thơ *Lục Vân Tiên* để đánh giá việc chuyển ngữ tác phẩm này sang tiếng Pháp¹. Đây là một sự kiện văn hóa hiếm hoi ở các nước thuộc địa của Pháp trên thế giới lúc bấy giờ.

Quan điểm văn chương Nguyễn Đình Chiểu tuy không được tuyên ngôn chính thức nhưng đây là quan điểm tiến bộ có tầm vóc nhân loại và gần gũi với văn chương dân tộc: Văn chương tạo nên “sức mạnh mềm” từ tư tưởng vị nhân sinh, tinh thần nghĩa khí và lòng nhân ái, bao dung. *Lục Vân Tiên* là truyện thơ nêu cao nhân nghĩa, đạo lý làm người, tác phẩm đã làm cho tên tuổi Nguyễn Đình Chiểu trở thành bất tử. Nguyễn Đình Chiểu đã khắc họa nhân vật *Lục Vân Tiên* trong cốt cách tráng sĩ thời loạn, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, trọng nghĩa khinh tài. Sống và hành động theo phương châm “*Lộ kiến bất bình, bạt đao tương trợ*”. *Vân Tiên* cũng như người anh hùng Từ Hải trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, nhưng với tinh thần *trung, hiếu, tiết, nghĩa* đã chiếu sáng lung linh những vần thơ đẹp, đi vào lời ăn, tiếng nói hằng ngày của người dân, làm nên một hình thức diễn xướng dân gian độc đáo - *nói thơ Vân Tiên*.

Từ truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, ở Bến Tre, hình thức *nói thơ Vân Tiên* đã ra đời vào cuối thế kỷ XIX. Cũng trong thời điểm này, *nói thơ Nam Bộ* hình thành cùng với phong trào nói thơ Quốc ngữ ở đất Đồng Nai², nhưng khi xuất hiện nói thơ *Vân Tiên* thì

1. Phỏng vấn ông Lê Văn Ty, cháu ngoại ông Nguyễn Đình Chiêm (một trong ba người con nổi nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu) ngày 27/3/2021. Nhân đây chúng tôi xin bày tỏ lòng tri ân đến một hậu duệ của Nguyễn Đình Chiểu đã quá cố (tháng 7/2021), người rất tâm huyết trao đổi với chúng tôi.

2. Xem Lư Hội: *Di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Bến Tre*, Sdd, tr.234.

nói thơ Nam Bộ dần đi vào quên lãng và đến nay gần như không còn. Nói thơ là một sản phẩm văn nghệ dân gian đặc thù Nam Bộ, là một “bảo vật” di sản văn hóa phi vật thể đậm đà bản sắc dân tộc. Là hiện thân của nói thơ Nam Bộ, nói thơ Vân Tiên từ tiết điệu, âm vận, đến cung đoạn và cách thức ngân nga, ngừng nghỉ... luôn được người cao niên trân quý giữ gìn, ai cũng thực hành rất nhuần nhuyễn, nhất là trong những trường hợp diễn xướng truyện thơ truyền thống, kiểu “bổn cũ soạn lại” như *Thầy Thông chánh*¹ được diễn xướng theo điệu “nói thơ Vân Tiên” là một minh chứng cho sự vận động, phát triển của nói thơ Vân Tiên thời thuộc Pháp.

Nói thơ Vân Tiên trở thành một loại hình diễn xướng đặc trưng của Bến Tre và đi liền với danh xưng Nguyễn Đình Chiểu. Nhà nghiên cứu Lư Hội² đưa ra hai khả năng của diễn trình ra đời nói thơ Vân Tiên: *Trước hết*, do Nguyễn Đình Chiểu khởi xướng hoặc do học trò, người thư ký đọc lại cho thầy nghe sau khi chép lại được một đoạn văn nhằm tạo sự hứng khởi và liên mạch thơ; *Thứ hai*, do học trò khởi xướng, sau khi chép bài giảng xong đọc lại cho thầy kiểm tra, cả hai khả năng này đã làm nên một quá trình tương tác, trao đổi và tiếp biến sáng tạo văn hóa dân gian. Nhờ có nói thơ Vân Tiên mà đạo lý làm người, tinh thần nghĩa hiệp, trung hiếu, tiết hạnh được gửi gắm vào tác phẩm đã đi vào đời sống của người dân Nam Bộ và góp phần gìn giữ những truyền thống cao đẹp của dân tộc. Theo TS. Mai Mỹ Duyên, trường Đại học Sài Gòn³: Từ nửa cuối thế kỷ XIX, cùng với sự phát triển của phong trào yêu nước chống thực dân Pháp, hình thức nói thơ Vân Tiên ra đời và nhanh chóng lan tỏa khắp Nam Bộ. Nói thơ Vân Tiên đã đi vào tâm hồn, là niềm tự hào của người dân Bến Tre và Nam Bộ. Nói thơ Vân Tiên đã chuyển tải thành công giá trị tư tưởng cao đẹp của truyện thơ Lục Vân Tiên: nêu cao phẩm chất tốt đẹp của nam giới,

1. Xem Nguyễn Hữu Hiệp - Lê Minh Quốc: *Thơ Thầy Thông chánh*, Sáu Trọng, Hai Miêng, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.

2. Xem Lư Hội: *Các hình thức diễn xướng dân gian ở Bến Tre*, Sở Văn hóa - Thông tin Bến Tre, 2005.

3. Xem Ánh Nguyệt: “Nói thơ Vân Tiên được lưu truyền qua nhiều thế hệ”, <https://baodongkhoi.vn/noi-tho-van-tien-duoc-luu-giu-qua-nhieu-the-he-02092020-a77401.html>, truy cập ngày 26/11/2021.

ca ngợi phẩm hạnh của người phụ nữ, góp phần gìn giữ đạo lý làm người trong hoàn cảnh nước mất nhà tan. Kết quả điều tra xã hội học ở Bến Tre cho thấy có đến 82,1% người dân thuộc lòng hai câu thơ “*Trai thời trung hiếu làm đầu/Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình*” và cho rằng đây là tiêu chí đạo đức để giáo dục thế hệ trẻ, Lục Vân Tiên được xác định là một tấm gương để giáo dục con cái trong gia đình¹.

Theo ThS. Lữ Minh Châu²: Nói thơ Vân Tiên là một loại hình diễn xướng dân gian đặc thù ở Bến Tre, loại hình đặc biệt này không phải chỉ có ngâm thơ như thường thấy mà có nói thơ, ở đây là “nửa ngâm, nửa nói, có đoạn, có thứ, có lớp lang...”. Có thể hình dung, nói thơ Vân Tiên gần với hát nói mang tính chất ngâm ngợi, với lối diễn xướng “có ca vắn” biểu đạt tự nhiên, hấp dẫn đặc thù (nói như hát, hát như nói - nhưng không phải là “hát nói”) nên được xem như một trường phái mới - mang tính “hát kể”. Trong nói thơ Vân Tiên không có ngâm thơ mà chỉ là nói thơ, dù người nói thơ Vân Tiên chưa thuộc lòng, có cầm văn bản tác phẩm cũng chỉ thể hiện bằng cách “nói thơ” chứ không “đọc thơ”.

Ở Nam Bộ, ngoài *nói thơ Nam Bộ* còn có *nói thơ Bạc Liêu* (xuất hiện ở Bạc Liêu) - một loại hình diễn xướng dân gian có màu sắc dân ca trữ tình với làn điệu êm nhẹ. So với *nói thơ Bạc Liêu*, nói thơ Vân Tiên có phần “lớn tiếng” hơn, nhưng không quá mạnh mẽ như *hát bội*, cũng không nhấn đi nhấn lại những tiếng đệm “ư, ư” sau một vài tiếng hoặc cuối câu như hát bội; không xen đều đều những tiếng “a” hay “nga” sau từng tiếng (chữ) như khi *đọc truyện Tàu*; không lặp lại vài tiếng hay cả câu ở “khổ trước” để kéo dài thời gian như *hò*; cũng không thôi thúc, bươn bả như *nói vè*, hoặc kiểu *kêu lô tô*... Trái lại, nói thơ Vân Tiên điềm tĩnh truyền đạt đến người nghe rõ chắc từng tiếng một, nhưng không rời rạc nhờ ở giai điệu và cơ cấu nhịp điệu, cùng là âm điệu rung ngâm vừa phải, đủ để tạo không khí đồng cảm

1. Nguyễn Chí Bền: Báo cáo tư vấn chiến lược cho Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre về Xây dựng, phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Phụ lục, 2018, tr.22.

2. Phỏng vấn ngày 27/8/2018. Nhân đây, chúng tôi xin bày tỏ lòng tri ân đến thầy đã dành thời gian, tâm huyết trao đổi với chúng tôi về vấn đề này.

và hấp dẫn người nghe. Có thể khái quát, nói thơ Vân Tiên tích hợp vừa nói, vừa ngâm, vừa hát, đan xen hài hòa để diễn đạt cái thần, cái hồn là nội dung của tác phẩm *Lục Vân Tiên* trong đời sống của người dân.

Nội dung đó chính là phổ biến, giáo huấn đạo lý từ truyện thơ Nôm nổi tiếng của Nguyễn Đình Chiểu - tác phẩm *Lục Vân Tiên*, diễn đạt theo nhịp điệu không buông rơi đều đặn như hát bài chòi, hoặc hát sắc bùa, mà luôn luôn thay đổi từ khoan thai đến dồn dập theo “hơi thở” của nội dung tư tưởng chuyển tải trong lời thơ. Dấu ấn cộng đồng, phương pháp dạy - học cùng nhau¹, học suốt đời trong nói thơ Vân Tiên thể hiện rất sinh động: “*cứ giọng người này mệt, người khác thay, người này vắng, người kia thế vào...*”. Tất cả truyền dạy từ đời này sang đời khác, *Lục Vân Tiên* vì vậy hằn sâu trong tâm trí người dân, nhiều bậc cao niên ngày trước tuy không biết chữ nhưng vẫn thuộc lòng *Lục Vân Tiên*².



Nghệ nhân Nguyễn Thị Tuyết (giữa) trong một buổi truyền dạy nói thơ Vân Tiên

Nguồn: Sáng tạo Trẻ

1. Ngày nay gọi là học nhóm, làm việc nhóm (theo tác giả).

2. Lưu Hội: *Di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Bến Tre*, Sdd, tr.237.

Về kỹ thuật nói thơ Vân Tiên, theo nghệ nhân Nguyễn Thị Tuyết, thành phố Bến Tre¹: giai điệu thường bắt đầu ở âm khu cao của đầu điệp khúc rồi lên xuống giữa âm khu trung và âm khu trầm, và chậm dần để kết thúc mỗi điệp khúc. Khác với hiện tượng “cưỡng âm” ở lý, sáu thanh điệu của tiếng Việt trong nói thơ Vân Tiên bao giờ cũng được tôn trọng. Các dấu giọng (hỏi, ngã, nặng) đều được luyện lách rõ lời. Nói thơ Vân Tiên không sử dụng tiếng đệm lót, hãn hữu mới thấy tiếng “mà” dặm vào, hoặc tiếng đưa hơi “ơ... ơ...” tùy theo lối nói thơ của từng người. Ở khía cạnh âm nhạc cổ truyền Nam Bộ, nói thơ Vân Tiên là sự kết hợp cả ba hơi/giọng ở điệu thức Nam - Nam phổ biến của ca nhạc tài tử Nam Bộ (hơi Xuân: vui, nhẹ nhàng; hơi Ai: buồn bã và hơi Đảo: hào sảng, khí thế) để diễn tả một cách đầy đủ tính chất, đặc điểm và cảm xúc của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* - một tác phẩm mang dấu ấn cộng đồng, thể hiện rõ nét tính chất văn nghệ dân gian. Nếu văn hóa truyền thống là tiền đề khách quan, thì tài năng của Nguyễn Đình Chiểu là yếu tố chủ quan quyết định thành công của tác phẩm. Nói thơ Vân Tiên là một minh chứng cho sức ảnh hưởng sâu rộng của *Lục Vân Tiên* - loại hình diễn xướng dân gian được tiếp biến sáng tạo theo hình thức văn hóa cộng đồng vượt qua rào cản ngôn ngữ, không gian, thời gian. Dịch giả Jeon Hye Kyung, Khoa Tiếng Việt, Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc trong lời giới thiệu bản dịch *Lục Vân Tiên* (tiếng Hàn) đầu tiên năm 2017 cho rằng: *Lục Vân Tiên* có tính truyền khẩu và tính văn học mạnh mẽ về thể loại, khiến người nghe dễ nhớ và điều này tạo nên ưu điểm thu hút được một lượng lớn độc giả².

Nói thơ Vân Tiên khác với những loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian khác, có sự trầm bổng âm điệu tạo được cảm xúc ở người nghe và dễ đi vào lòng người. Đây vừa là hình thức giải trí vừa trở thành

1. Phỏng vấn ngày 21/3/2021. Nhân đây, chúng tôi xin bày tỏ lòng tri ân đến nghệ nhân đã dành thời gian, tâm huyết trao đổi với chúng tôi về vấn đề này.

2. https://books.google.com.vn/books/about/%EC%9C%A1%EC%9A%B4%EC%84%A0.html?id=uVmXswEACAAJ&redir_esc=y, truy cập ngày 27/3/2022.

phương tiện truyền tải luân thường đạo lý đến đông đảo quần chúng nhân dân. Nói thơ Vân Tiên đã giúp từ ngữ chuyển tải thông điệp sống ở đời cần ăn ở có đạo đức; đạo đức lại chính là điều mà nhân dân muốn truyền lại cho con cháu: làm trai phải trung phải hiếu, làm gái phải tiết hạnh đầy đủ: công, dung, ngôn, hạnh. Từ đó bậc cha mẹ muốn lan tỏa, truyền dạy đạo lý cho các thế hệ con cháu trong gia đình, trong xã hội: tất cả mọi người được sống và sống có đạo đức, nhân ái, nghĩa tình, liêm khiết, chính trực.

Dần theo năm tháng, sau năm 1975, nói thơ Vân Tiên không được phổ biến mạnh mẽ như trước và có nguy cơ dần nhạt phai. Đây là một thực tế trong sinh hoạt văn hóa của người dân thời phong trào ca nhạc tài tử ra đời, ca nhạc sân khấu cải lương thịnh hành lấn át, nói thơ Vân Tiên có nguy cơ bị quên lãng... Có người cho rằng nhịp điệu nói thơ chỉ phù hợp với xã hội thuần nông trước đây, không còn thích ứng với tâm lý con người thời đại công nghiệp hóa, với nhịp sống “tốc độ”. Về phương diện thẩm mỹ, công chúng ngày nay, nhất là thế hệ trẻ, có lẽ không chấp nhận sự lặp đi lặp lại những hình tượng nghệ thuật cũ kỹ, dù cho nó đã từng một thời làm say mê lòng người. Trong bối cảnh nói thơ Vân Tiên có nguy cơ mai một rất cao, từ cuối những năm 1990, được sự hỗ trợ của Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, ngành Văn hóa Bến Tre đã tổ chức điền dã, khảo sát và nhận thấy sức sống âm ỉ của nói thơ Vân Tiên khi ở các làng quê của Bến Tre vẫn còn những cụ già nằm lắc lư theo nhịp văng ngâm nga một cách say sưa làn điệu nói thơ Vân Tiên cho con cháu nghe và qua đó dạy dỗ chúng sống nhân nghĩa, đạo đức ở đời. Năm 2008, Quỹ Ford tài trợ cho một giảng viên Trường Cao đẳng Bến Tre thực hiện dự án “*Sưu tầm truyền dạy dân ca Mỏ Cày, Bến Tre*”¹, trong các hoạt động của dự án có khảo sát, thu thập dữ liệu về nói thơ Vân Tiên - một loại hình diễn xướng dân gian ở Bến Tre. Câu lạc bộ thơ Ba Tri là nơi tập hợp sinh hoạt từ khá sớm khi nói thơ Vân Tiên được phục hồi với các vị cao niên từ 70 - 100 tuổi nhưng rất tâm huyết, am hiểu và biết cách thực hành nói

1. Dự án do quỹ Ford tài trợ năm 2008, Phạm Văn Luân làm chủ nhiệm.

thơ Vân Tiên: thi hữu Nguyễn Thị Ngọc Nhã, nghệ nhân Lê Quang Lượng, nghệ nhân Nguyễn Ngọc Du, ông Châu Văn Nhà, ông Phạm Minh Diễn, ông Nguyễn Hữu Thoại, ông Võ Văn Hạnh... Xuất phát từ thực tiễn này, khi Bến Tre tổ chức ngày Hội truyền thống văn hóa (ngày 01/7 - ngày sinh của Nguyễn Đình Chiểu) nói thơ Vân Tiên lần đầu tiên đã được đưa vào như một nội dung chính của Liên hoan đờn ca tài tử - hát dân ca tỉnh Bến Tre năm 2012.

Bên cạnh nói thơ Vân Tiên trên “sân khấu” trong tỉnh, lần đầu tiên ở Liên hoan dân ca Việt Nam năm 2013 khu vực Nam Bộ, tại Long An, đã xuất hiện nói thơ Vân Tiên. Qua các kỳ liên hoan hằng năm, trong cộng đồng nhiều nghệ nhân nói thơ Vân Tiên ở Bến Tre đã xuất hiện từ các sinh hoạt diễn xướng dân gian hằng ngày được tập hợp bởi Hội Di sản văn hóa tỉnh Bến Tre. Đến năm 2018, phong trào truyền dạy nói thơ Vân Tiên đã phát triển trở lại ở Trường Trung học phổ thông Phan Liêm, huyện Ba Tri với sự tham gia của nghệ nhân Lữ Hội và các hội viên nòng cốt của Chi hội Sáng tạo Trẻ, Hội Di sản văn hóa tỉnh Bến Tre. Đến năm 2020, phong trào phát triển với sự kiện Tạp chí *Cao Đài*, Bến Tre, Công ty Du lịch sinh thái Hải Vân - Nông trại sân chim Vàm Hồ - Chi hội Di sản văn hóa Sáng tạo Trẻ đã ký kết giao ước thực hiện Chương trình *Truyền cảm hứng, Giáo dục đạo lý cho giới trẻ qua nói thơ Vân Tiên* và hình thành Câu lạc bộ nói thơ Vân Tiên đầu tiên ở Bến Tre với các nghệ nhân Lữ Minh Châu, Nguyễn Thị Tuyết, Lê Quang Lượng, Nguyễn Ngọc Du, Nguyễn Văn Chấn, Đặng Ngọc Anh, Vương Đức Bình...

Nói thơ Vân Tiên từ cộng đồng đi vào nhà trường với sự tham gia của các trường: Cao đẳng Bến Tre, Trung học phổ thông Phan Liêm, Trung học cơ sở Phú Lễ, huyện Ba Tri; Trung học phổ thông Lạc Long Quân, Trung học cơ sở thành phố Bến Tre; Trung học cơ sở An Thạnh, huyện Thạnh Phú và đội Hát sắc bùa Phú Lễ, xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm, đã góp phần vào tiến trình phục hồi, duy trì và phát triển nói thơ Vân Tiên theo cách tiếp cận mới: tiếp biến văn hóa, gắn kết giao hòa giữa nghệ nhân hát sắc bùa và nói thơ Vân Tiên. Hoạt động này đã thu hút các nhà nghiên cứu và sinh viên Trường Đại học Fulbright

Việt Nam đến Bến Tre tìm hiểu, thực hành nói thơ Vân Tiên trong 4 năm 2019 - 2022. Song song với truyền dạy nói thơ Vân Tiên, từ năm 2018 Phòng Nghiên cứu khoa học và quan hệ quốc tế, Trường Cao đẳng Bến Tre đã tổ chức chương trình nghiên cứu khoa học sinh viên với các đề tài nghiên cứu nhằm *đưa nói thơ Vân Tiên vào nhà trường* được sự hưởng ứng mạnh mẽ từ nhà trường đến cộng đồng di sản, doanh nghiệp và Mạng lưới học giả vì cộng đồng Việt Nam (VNES). Sinh viên Đặng Thị Cẩm Tiên Trường Cao đẳng Bến Tre cho biết: “Là người con trên đất Bến Tre, chúng em muốn các thế hệ tương lai hiểu rõ và biết thêm về một nét đẹp văn hóa truyền thống của quê hương là nói thơ Vân Tiên và đưa di sản xuống dân gian độc đáo này vào trường mầm non góp phần giáo dục đạo đức, nhân cách và tinh thần nghĩa hiệp cho trẻ”¹. Hiệu ứng của chương trình này là sự kết hợp nghiên cứu, thể nghiệm giúp trẻ em Bến Tre tiếp cận nói thơ Vân Tiên qua múa rối nước của Đoàn Nghệ thuật múa rối nước Dừa Xanh² được GS. Shimizu, Đại học Osaka, Nhật Bản đánh giá rất cao³.

Quá trình diễn dã, sưu tầm, tập hợp nghệ nhân phục hồi và phát triển sinh hoạt nói thơ Vân Tiên giai đoạn 1990 - 2000 được tiếp nối bên cạnh các hoạt động truyền dạy nói thơ Vân Tiên ở cộng đồng, đưa nói thơ Vân Tiên lên sân khấu, liên hoan nói thơ Vân Tiên trong ngày Hội truyền thống văn hóa tỉnh Bến Tre từ năm 2012 đến nay với các hội thi hóa trang Lục Vân Tiên - Kiều Nguyệt Nga kết hợp nói thơ Vân Tiên, diễn kịch... Đến năm 2018, các Nghiên cứu sinh thuộc Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, giảng viên các trường Đại học Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh, Cao đẳng Bến Tre có đợt khảo sát, diễn dã nói thơ

1. Phỏng vấn ngày 27/11/2020. Nhân đây, chúng tôi xin cảm ơn sinh viên đã dành thời gian, tâm huyết trao đổi với chúng tôi về vấn đề này.

2. Ánh Nguyệt: “Chuẩn bị ra mắt Đoàn Nghệ thuật múa rối nước Dừa Xanh”, <https://baodongkhoi.vn/chuan-bi-ra-mat-doan-nghe-thuat-mua-roi-nuoc-dua-xanh-17082020-a76830.html>, truy cập ngày 27/3/2022.

3. Phỏng vấn ngày 17/11/2021. Nhân đây, chúng tôi xin bày tỏ lòng tri ân đến Giáo sư đã dành thời gian, tâm huyết trao đổi với chúng tôi về vấn đề này.

Vân Tiên. Năm 2019, Trung tâm Văn hóa tỉnh Bến Tre tổ chức khảo sát, điền dã nói thơ Vân Tiên tại huyện Ba Tri và mở lớp tập huấn truyền dạy nói thơ Vân Tiên cho cán bộ văn hóa cơ sở trong tỉnh. Đây là những hoạt động khảo sát quy mô nhất sau năm 1998 với sự tham gia của các nhà nghiên cứu và những người làm công tác quản lý văn hóa cấp tỉnh, huyện Ba Tri nhằm xác lập cơ sở dữ liệu thực hiện bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân gian nói thơ Vân Tiên.

Trên thực tế, một khó khăn khi tiếp nhận, thực hành nói thơ Vân Tiên là khâu thống nhất văn bản, việc phân đoạn phù hợp cho từng bối cảnh nói thơ Vân Tiên, việc so sánh, đối chiếu các dị bản để chọn lựa văn bản tối ưu nhất, bổ sung chú giải hợp lý nhất là rất quan trọng nhằm tạo ra nhịp cầu kết nối mọi người tiếp cận nói thơ Vân Tiên một cách gần gũi nhất. Theo nghệ nhân Lê Quang Lượng, Chủ nhiệm Câu lạc bộ Thơ Ba Tri: “Hiện nay, số người biết diễn ngâm thơ Vân Tiên theo đúng bài bản không nhiều, chủ yếu chỉ đọc suông qua. Để bảo tồn hình thức này cần phải có các giải pháp thích hợp. Trong đó, cần chú ý phải thuộc và diễn ngâm đúng các câu thơ trong tác phẩm”¹. Điều đó cho thấy việc nghiên cứu, truyền dạy nói thơ Vân Tiên đã được các trường học quan tâm và đã trở thành một xu thế. Tuy nhiên, đáng tiếc là cho đến nay hoạt động truyền dạy nói thơ Vân Tiên vẫn chưa được xác định trong khuôn khổ một chương trình phối hợp chính thức của hai ngành Văn hóa và Giáo dục ở Bến Tre. Các cuộc tọa đàm, hội thảo bàn chuyên đề về nói thơ Vân Tiên chưa được quan tâm, chưa là tâm điểm của giới nghiên cứu, cho đến nay chưa có một sự kiện học thuật nào được tổ chức để giải quyết những khó khăn, bất cập trong truyền dạy nói thơ Vân Tiên ở cộng đồng.

3. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Nguyễn Đình Chiểu qua truyền dạy nói thơ Vân Tiên

Trong bối cảnh mới, khi Nguyễn Đình Chiểu được vinh danh ở

1. Phỏng vấn ngày 08/4/2022. Nhân đây, chúng tôi xin bày tỏ lòng tri ân đến nghệ nhân đã dành thời gian, tâm huyết trao đổi với chúng tôi.

tâm thế giới, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa Nguyễn Đình Chiểu chính là làm sao phải lan tỏa, nhân rộng, phát triển thêm những giá trị văn hóa, giá trị di sản độc đáo từ sự nghiệp và công đức của Nguyễn Đình Chiểu đến cộng đồng trong và ngoài nước. Công cuộc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Nguyễn Đình Chiểu vì vậy mà phù hợp với quy luật phát triển xã hội và thời đại. Nói thơ Vân Tiên là phương thức hữu hiệu nhất để bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị di sản văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - văn hóa của Việt Nam nói chung và tỉnh Bến Tre nói riêng. Với mong muốn rút ra được những bài học bổ ích cho cuộc sống hôm nay và định hướng cho cả mai sau từ truyền dạy nói thơ Vân Tiên, biểu diễn nói thơ Vân Tiên để lan tỏa, phát huy giá trị di sản văn hóa Nguyễn Đình Chiểu một cách sâu sắc, thiết thực, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, xác lập, thống nhất nhận thức về mặt lý luận, chuyên môn của loại hình diễn xướng dân gian nói thơ Vân Tiên, với đặc tính “truyền miệng” dân gian, có nhiều dị bản so với “tài liệu gốc”... hoạt động truyền dạy nói thơ Vân Tiên đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tổ chức kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể nói thơ Vân Tiên và tổ chức hội thảo tham vấn chuyên gia, tham vấn cộng đồng, gặt gở các hậu duệ của Nguyễn Đình Chiểu trao đổi, giải quyết những khác biệt trong nhận thức lý luận và chuyên môn về nói thơ Vân Tiên từ góc độ văn bản tác phẩm và vận hành văn bản pháp luật về bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong thực tế. Quá trình xây dựng hồ sơ khoa học danh nhân Nguyễn Đình Chiểu trình UNESCO năm 2020 - 2021 đã phản ánh phần nào bức tranh sinh động về một danh nhân văn hóa tâm vóc thế giới; góp phần xác định dạng thức tồn tại của nói thơ Vân Tiên trong cuộc sống đương đại. Đây là cơ sở để Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bến Tre, Sở Giáo dục và Đào tạo Bến Tre, Hội Văn học nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu, Hội Di sản văn hóa Bến Tre và các cơ quan chuyên môn cấp trung ương, các trường đại học,

cao đẳng phối hợp tổ chức hội thảo, chọn lọc, tiếp tục nghiên cứu, thống nhất xây dựng tài liệu, số hóa và phát triển hệ thống tài liệu phục vụ truyền dạy nói thơ Vân Tiên. Tiến tới xây dựng hồ sơ ghi danh *nói thơ Vân Tiên là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia*, mở ra cơ hội mới bảo tồn và phát huy giá trị nói thơ Vân Tiên trong bối cảnh hiện nay.

Thứ hai, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, trang bị kiến thức và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa, quản lý giáo dục, nghệ nhân cộng đồng, giáo viên các bộ môn: Văn, Giáo dục công dân (Đạo đức)... ở trường phổ thông có chuyên môn sâu về nói thơ Vân Tiên, am tường thực hành diễn xướng và biết linh hoạt vận dụng pháp luật trong giáo dục, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể trong trường hợp nói thơ Vân Tiên. Khi được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nói thơ Vân Tiên, lực lượng cán bộ quản lý văn hóa, quản lý giáo dục, giáo viên, nghệ nhân nói thơ Vân Tiên mới có đủ nhiệt tình, đam mê và khả năng quản lý, tổ chức sự kiện văn hóa, giáo dục mang đậm dấu ấn nói thơ Vân Tiên. Cần xác định tính chất “kép”, “hai trong một” của nói thơ Vân Tiên là từ hình thức diễn xướng dân gian đến nội dung giáo dục đạo lý làm người đã tạo nên “chuỗi giá trị” văn hóa - giáo dục của di sản văn hóa Nguyễn Đình Chiểu khi được UNESCO vinh danh ở tầm thế giới. Trên cơ sở kết quả tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý văn hóa, quản lý giáo dục, nghệ nhân cộng đồng, giáo viên có chuyên môn sâu về nói thơ Vân Tiên, hình thành mạng lưới các tổ chức cộng đồng, câu lạc bộ nói thơ Vân Tiên, tiến tới hình thành *Hội nói thơ Vân Tiên* với “sứ mệnh kép”, vừa bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể nói thơ Vân Tiên, vừa góp sức chăm lo giáo dục đạo đức, gắn kết “*dạy chữ, dạy nghề, dạy người*” cho thế hệ trẻ thông qua các mô hình, dự án giáo dục đã thực hiện thành công ở Bến Tre như: Dự án “*Giáo dục liên chính*”; Dự án “*Dạy chữ, dạy người*” do nhóm Sáng tạo Trẻ, Trường Cao đẳng Bến Tre chủ trì thực hiện trong các trường học ở hai tỉnh Bến Tre và Vĩnh Long từ những năm 2011 - 2014; Câu lạc bộ Nói thơ Vân Tiên do Công ty du lịch sinh thái Hải Vân, Nông trại sân chim Vàm Hồ, tạp chí *Cao Đài* và chi hội Sáng tạo Trẻ, Hội Di sản văn hóa

tỉnh Bến Tre khởi xướng và vận hành từ năm 2021¹. Với mô hình mới này sẽ mở ra cơ hội thúc đẩy tiếp cận, ứng dụng thành tựu Cách mạng công nghiệp 4.0, công nghiệp văn hóa vào công cuộc bảo tồn, phát huy giá trị của nói thơ Vân Tiên nói riêng và di sản văn hóa Nguyễn Đình Chiểu nói chung.

Thứ ba, xây dựng, bồi dưỡng các đối tượng công chúng thưởng thức, hưởng thụ và thực hành nói thơ Vân Tiên rộng rãi trong cộng đồng. Từ sự phát triển thăng trầm của nói thơ Vân Tiên, trong bối cảnh phát triển mới cho thấy một thực trạng đáng quan tâm là nói thơ Vân Tiên có nguy cơ dần bị mai một bởi sự chi phối của các hình thức sinh hoạt văn hóa có phần hiện đại hơn. Để có thể phục hồi phương thức truyền khẩu dân gian khi phổ biến nói thơ Vân Tiên từ xa xưa theo phương pháp dạy học của thầy Đồ Chiểu “*Từ gia đình lan tỏa ra cộng đồng*”, nên dù trình độ nhận thức, thị hiếu thẩm mỹ nghệ thuật dẫu còn sơ giản, bình dân nhưng có một nền tảng chắc chắn, thể hiện qua thái độ tiếp nhận, sự khắc sâu, “nhớ dai” đến từng câu thơ, tình tiết trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* ở người dân dù chưa biết chữ... Vấn đề cấp bách đặt ra là cần quan tâm đào tạo, bồi dưỡng các đối tượng biết thưởng thức, hưởng thụ nói thơ Vân Tiên để kế thừa lớp người đi trước đã thực hành nói thơ Vân Tiên vốn ngày càng thưa thớt. Đối tượng phù hợp nhất cho hoạt động này là học sinh các trường phổ thông, thậm chí cả trường mầm non, cần sớm cho học sinh tiếp cận thưởng thức, hưởng thụ nói thơ Vân Tiên. Tổ chức nghiên cứu lồng ghép, tích hợp trong từng bài học ở các bộ môn có tiềm năng tiếp cận theo truyền dạy nói thơ Vân Tiên. Qua đó phát hiện, chọn lựa số có năng khiếu nói thơ Vân Tiên, tuyển sinh vào các trường đào tạo khối ngành văn hóa nghệ thuật. Song song với hoạt động quan trọng này là việc nghiên cứu xây dựng nội dung, chương trình của một bộ môn mới - *Diễn xướng dân gian nói thơ Vân Tiên* trong các trường văn hóa - nghệ thuật ở Việt Nam.

1. K. Kỳ - Ánh Nguyệt: “Ra mắt Câu lạc bộ Nói thơ Vân Tiên”, <https://baodongkhoi.vn/ra-mat-cau-lac-bo-noi-tho-van-tien-27012021-a82559.html>, truy cập ngày 26/3/2022.

4. Thay lời kết

Lục Vân Tiên là một trong những tác phẩm lớn và nổi tiếng rất sớm của Nguyễn Đình Chiểu, tác phẩm có sức sống qua nhiều thế hệ cả trong và ngoài nước. Ngày 27/6/1943, E.T. Hoeffel, Thống đốc Nam Kỳ, trong diễn văn đọc khi viếng mộ nhân kỷ niệm 121 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu tại khu mộ của ông ở Ba Tri, đã nhấn mạnh: “Nguyễn Đình Chiểu là một bậc văn nhân tài hoa đất Việt, (lại là tác giả của *Lục Vân Tiên*) ví như một tảng đá trụ cột giúp vào công cuộc kiến lập nền phục hưng”¹. Nói thơ *Vân Tiên* là hình thức diễn xướng dân gian độc đáo, là một trong những bằng chứng thuyết phục về sự lan tỏa của tác phẩm *Lục Vân Tiên* trong cuộc sống đương đại. Còn mãi với thời gian, nói thơ *Vân Tiên* đã làm sâu sắc và phong phú kho tàng di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc Việt Nam. Với nói thơ *Vân Tiên*, tên tuổi Nguyễn Đình Chiểu, tác phẩm *Lục Vân Tiên*, luôn được nhiều thế hệ nhắc đến không chỉ vì giá trị nghệ thuật thơ văn, mà còn là giá trị về đạo lý làm người với những chuẩn mực: lòng yêu nước, thủy chung, hiếu nghĩa... có giá trị vững bền trong mọi thời đại - những giá trị đã làm nên “sức mạnh mềm” của Bến Tre, Việt Nam.

Trong bối cảnh mới, khi UNESCO cùng kỷ niệm 200 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu, một trong những giá trị có tính lan tỏa và kết nối sâu rộng ở tầm thế giới được khởi phát từ nói thơ *Vân Tiên*. Đây là thời cơ lớn cho các hoạt động nghiên cứu, phổ biến và truyền dạy nói thơ *Vân Tiên* vốn hiện nay chưa được thực hiện bài bản và thường xuyên sẽ được nghiên cứu, đúc kết và tư liệu hóa một cách chính thức. Cộng đồng những người yêu thích nói thơ *Vân Tiên* ở Bến Tre luôn mong muốn nhận được sự quan tâm hợp tác của các cơ quan chức năng, các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trong và ngoài nước, sớm có những chương trình hành động thiết thực giúp giới nghiên cứu, thực hành, thưởng thức nghệ thuật diễn xướng dân gian tiếp cận nghệ thuật nói thơ *Vân Tiên*; từ đó

1. Xem Nguyễn Bá Thế: *Nguyễn Đình Chiểu thân thế và thi văn 1822 - 1888*, Tân Việt xuất bản, Sài Gòn, 1957.

cung cấp cho các nhà khoa học nguồn tư liệu phong phú, giàu giá trị của nói thơ Vân Tiên, nhất là lĩnh vực giảng dạy tiếng Việt, đạo đức trong và ngoài nhà trường ở một tác phẩm độc đáo, có giá trị về “... ngôn ngữ, thơ ca, văn minh vật thể và cả mỹ học Việt Nam thế kỷ XIX” như nhà nghiên cứu Michel Zink, Thư ký Thường trực Viện Hàn lâm Văn khắc và Văn chương Pháp¹ đã khẳng định. Những việc làm có ý nghĩa này sẽ góp phần làm phong phú và sâu sắc những giá trị trường tồn của nói thơ Vân Tiên - một đóng góp to lớn và rất quan trọng của di sản văn hóa Nguyễn Đình Chiểu mà các thế hệ hôm nay và mai sau luôn hãnh diện, tự hào, trân trọng bảo tồn và phát huy./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Chí Bền: *Văn hóa dân gian Bến Tre*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội, 2017.
- [2] Lữ Văn Châu: *Nguyễn Đình Chiểu - Nhà thơ đạo lý*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 1996.
- [3] Nguyễn Đình Chiểu: *Thơ văn yêu nước và Truyện thơ Lục Vân Tiên*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2020.
- [4] Lư Hội: *Các hình thức diễn xướng dân gian ở Bến Tre*, Sở Văn hóa - Thông tin Bến Tre, 2005.
- [5] Nguyễn Hữu Hiệp - Lê Minh Quốc: *Thơ Thầy Thông chánh, Sáu Trọng, Hai Miêng*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.
- [6] “Nói thơ Vân Tiên - Liên hoan dân ca Việt Nam 2013 khu vực Nam Bộ tại Long An”, <https://dotchuoinon.com/2015/01/28/dan-ca-dan-nhac-vn-noi-tho-van-tien>, truy cập ngày 27/3/2022.

1. Thanh Đồng: “Những điều chưa biết về Lục Vân Tiên cổ tích truyện”, <https://baodongkhoi.vn/nhung-dieu-chua-biet-ve-luc-van-tien-co-tich-truyen--25042019-a59398.html>, truy cập ngày 27/3/2022.

- [7] Sở Giáo dục và Đào tạo Bến Tre - Hội Cựu giáo chức Bến Tre: *Kỷ yếu nhà giáo tiêu biểu tỉnh Bến Tre*, 2016, q.1.
- [8] Tài liệu Chương trình *Truyền cảm hứng*, *Giáo dục đạo lý cho giới trẻ qua Nói thơ Vân Tiên* của Công ty Du lịch sinh thái Hải Vân - Nông trại sân chim Vàm Hồ và Tạp chí Cao Đài, tháng 12/2020.
- [9] Tài liệu Tổng kết *Chương trình nghiên cứu khoa học sinh viên thuộc bộ môn Phương pháp nghiên cứu khoa học năm 2020 - 2021*, Phòng Nghiên cứu khoa học - Quan hệ quốc tế, Trường Cao đẳng Bến Tre.
- [10] Ánh Nguyệt: “Tổ chức truyền dạy nghệ thuật nói thơ Vân Tiên”, <https://baodongkhoi.vn/to-chuc-truyen-day-nghe-thuat-noi-tho-van-tien-19122019-a68310.html>, truy cập ngày 27/3/2022

ỨNG DỤNG TRUYỀN DẠY NÓI THƠ LỤC VÂN TIÊN TRONG DẠY HỌC TIẾNG ANH CHO NGƯỜI VIỆT NAM VÀ TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

ThS. JACK VICTOR GILBEY*

PHẠM NGUYỄN KHÔI NGUYỄN**

TRẦN ĐÔNG PHÚ***

Tóm tắt: Truyện thơ Nôm Lục Vân Tiên là tác phẩm lớn và danh tiếng nhất của Nguyễn Đình Chiểu, tác phẩm này có sức sống bền bỉ, vượt qua cả rào cản ngôn ngữ chính là nhờ các thế hệ người dân Bến Tre đã truyền dạy nói thơ Lục Vân Tiên theo một phương pháp học tập mới được Nguyễn Đình Chiểu khởi xướng và thực hành phổ biến, truyền dạy bình dân, theo lối tổ chức học tập cộng đồng, học suốt đời được người dân chấp nhận. Qua khảo cứu tư liệu, tham vấn các nghệ nhân nói thơ Lục Vân Tiên, các hậu duệ Nguyễn Đình Chiểu và người dân, trao đổi với các học giả trong và ngoài nước; từ đó đề xuất giải pháp ứng dụng phương pháp truyền dạy nói thơ Lục Vân Tiên ở Bến Tre trong dạy học tiếng Anh cho người Việt và dạy tiếng Việt cho người nước ngoài từ nguồn ngữ liệu chính là tác phẩm Lục Vân Tiên và cách tiếp cận giáo dục rất độc đáo của truyền dạy nói thơ Lục Vân Tiên. Trong phạm vi bài viết, tác giả mong muốn được đưa một tác phẩm văn học vốn chỉ được sử dụng phổ biến

* Nhà nghiên cứu ở Vương quốc Bỉ. Liên hệ: jgilbey7@gmail.com

, * Hội Di sản văn hóa Bến Tre.

trong nhà trường ở Việt Nam trở thành một kho ngữ liệu quý giá và là một cẩm nang dạy học tiếng Anh - tiếng Việt đặc biệt từ phương pháp đến nội dung giáo dục không chỉ chuyển tải vấn đề học thuật mà cả những câu chuyện luân lý, đạo làm người đang rất cần thiết trong cuộc sống đương đại.

Từ khóa: Dạy ngâm thơ Vân Tiên; Dạy tiếng Anh - Việt; Nguyễn Đình Chiểu.

APPLYING TEACHING OF RHYTHMIC VERSES VÂN TIÊN IN TEACHING ENGLISH TO VIETNAMESE PEOPLE AND VIETNAMESE TO FOREIGNERS

Abstract: The Nom poem Lục Vân Tiên is the greatest and most famous poem written by Nguyễn Đình Chiểu, this work has enduring vitality, overcoming even the language barrier, thanks to generations of Ben Tre people who have taught reciting. Vân Tiên was written in a new style initiated by Nguyễn Đình Chiểu and popularized and taught it, following the way of organizing community learning and lifelong learning that was accepted by the people. Through studying documents, consulting Vân Tiên poetic artists, Nguyễn Đình Chiểu descendants and people, exchanging with domestic and foreign scholars; We boldly propose a solution to apply the method of Teaching Vân Tiên reciting in Bến Tre in teaching English to Vietnamese and teaching Vietnamese to foreigners from the main source material, which is Lục Vân Tiên's work and how to teach Vietnamese to foreigners with the unique educational approach of teaching Vân Tiên Poet. With this research paper, we hope to turn a literary work that is only commonly used in schools in Vietnam into a valuable corpus and a manual for teaching English - Vietnamese. Especially, from the method to

the content of education, it not only conveys academic problems but also moral and ethical stories, which are very necessary in contemporary life.

Keywords: Teaching English - Vietnamese; Nguyễn Đình Chiểu; Teaching Văn Tiên reciting.

Toàn văn

1. Khái quát về Nguyễn Đình Chiểu và truyền dạy nói thơ Lục Vân Tiên

a) Khái quát về cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu

Nguyễn Đình Chiểu, tự là Mạnh Trạch, hiệu là Trọng Phủ, Hối Trai sinh ngày 13 tháng Năm năm Nhâm Ngọ, tức ngày 01/7/1822 tại làng Tân Thới, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định (nay thuộc phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh). Nguyễn Đình Chiểu sinh ra trong thời kỳ chế độ phong kiến đang suy thoái, mâu thuẫn xã hội gay gắt. Năm 1843, Nguyễn Đình Chiểu đỗ Tú tài ở Trường thi Gia Định. Năm 1847, Nguyễn Đình Chiểu trở ra kinh đô Huế học, chờ dự khoa thi Hội, nhưng chưa đến ngày thi thì nhận tin mẹ mất. Nguyễn Đình Chiểu quyết định bỏ thi trở về Gia Định chịu tang mẹ. Trên đường đi, vì quá đau buồn, thương khóc mẹ và bị bệnh xảy ra dọc đường khiến Nguyễn Đình Chiểu bị mù lòa cả hai mắt. Năm 1851, sau khi mãn tang mẹ, Nguyễn Đình Chiểu mở trường dạy học ở Gia Định, nghiên cứu nghề bốc thuốc Nam và bắt đầu sáng tác thơ văn. Đây là thời kỳ Nguyễn Đình Chiểu vừa dạy học vừa bốc thuốc và sáng tác truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên* nổi tiếng.

Năm 1858, Pháp đánh chiếm Đà Nẵng mở đầu cuộc chiến và thiết lập quyền cai trị Việt Nam, Nguyễn Đình Chiểu sáng tác thơ văn, dùng ngòi bút đấu tranh vì hòa bình cho quê hương và độc lập dân tộc. Ông đã trở thành nhà thơ dẫn đầu dòng văn học yêu nước nửa cuối thế kỷ XIX. Năm 1859, thực dân Pháp đánh chiếm Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu

cùng gia đình phải tản cư về quê vợ ở ấp Thanh Ba, quận Cần Giuộc, tỉnh Gia Định (nay thuộc xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An). Sau đó, Pháp lần lượt đánh chiếm các tỉnh Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long. Năm 1862, Nguyễn Đình Chiểu cùng vợ con lại lánh nạn, rời huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An “tỵ địa” về ấp An Đức, tổng Bảo An, phủ Hoàng Tri, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre) là nơi còn khá yên ổn, tiếp tục dạy học, bốc thuốc và sáng tác thơ văn. Năm 1886, sau khi bà Lê Thị Điền - người vợ thảo hiền, tận tảo của Nguyễn Đình Chiểu mất, bệnh tình của ông ngày càng trầm trọng. Trong những ngày cuối đời, ông sống trong cảnh nghèo nàn, thanh bạch với sự yêu thương đùm bọc của nhân dân. Ngày 24 tháng Năm năm Mậu Tý (tức ngày 03/7/1888) Nguyễn Đình Chiểu mất tại làng An Bình Đông (huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ngày nay), thọ 66 tuổi. Nguyễn Đình Chiểu được an táng trên phần đất mà ông đã chọn trước và cũng là phần đất của người học trò thân tín tên là Nhứt Xước, tọa lạc tại xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

b) Khái quát về truyện thơ Nôm Lục Vân Tiên

Lục Vân Tiên là một trong những tác phẩm lớn và nổi tiếng nhất của Nguyễn Đình Chiểu, và khi nói đến Nguyễn Đình Chiểu là người ta nghĩ ngay đến *Lục Vân Tiên*. *Lục Vân Tiên* được sáng tác theo thể thơ lục bát với độ dài 2.082 câu (theo ấn phẩm của Nxb. Hồng Đức) vào đầu những năm 50 của thế kỷ XIX và được Trương Vĩnh Ký xuất bản lần đầu tiên vào năm 1889. Như vậy, tính đến nay, theo nghiên cứu của nhóm tác giả có 2 bản *Lục Vân Tiên* được xem là cổ nhất trong các bản *Lục Vân Tiên* được xuất bản, đó là bản tiếng Nôm dài 2.174 câu của Duy Minh Thị đính chính, khắc in ở Quảng Đông, Trung Quốc, do Bảo Hoa Các tàng bản và Quảng Thạnh Nam phát thụ. Sách không đề năm khắc in nhưng được giới nghiên cứu đánh giá là cổ nhất và bản quốc ngữ dài 2.076 câu do Trương Vĩnh Ký là người Việt Nam đầu tiên đã sưu tầm, phiên âm, chỉnh lý và xuất bản năm 1889 tại Sài Gòn. Do nhận được sự quan tâm, đón nhận của đông đảo bạn đọc, quyển sách này đã được in tới lần thứ 5, vào năm 1901, Sài Gòn Claud & Cie xuất bản.



Phiên bản chữ Quốc ngữ được Trương Vĩnh Ký xuất bản năm 1889

Nguồn: Hội Ái Hữu Petrus Trương Vĩnh Ký Úc châu



Ảnh bìa chữ Nôm tác phẩm Lục Vân Tiên

Nguồn: Thư viện Hán Nôm

Có thể khẳng định tác phẩm truyện thơ *Lục Vân Tiên* có sức ảnh hưởng lớn cả trong nước và quốc tế, đã được chuyển thể thành các loại hình nghệ thuật khác như: tranh Đông Hồ, tranh Hàng Trống, tức là một “trường văn hóa” về *Lục Vân Tiên* - đó là điều ngoài *Truyện Kiều* ra, ít tác phẩm nào có được¹.



Tranh khắc gỗ về đề tài “*Lục Vân Tiên*”

Nguồn: Nhóm tác giả

Truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên* là tác phẩm có sức sống mạnh mẽ, bền bỉ kỳ lạ qua nhịp cầu diễn xướng dân gian nói thơ *Lục Vân Tiên*. Bằng phương pháp truyền dạy bình dân, học tập cộng đồng, học suốt đời của Nguyễn Đình Chiểu, *Lục Vân Tiên* đã vượt khỏi khuôn khổ có giới hạn của một tác phẩm văn học, không chỉ được sử dụng phổ biến trong nhà trường ở Việt Nam mà còn được truyền dạy rộng rãi trong cộng đồng

1. Xem Đoàn Lê Giang: “Có một “trường văn hóa” *Lục Vân Tiên*”, tạp chí *Thể thao và văn hóa*, <https://thethaovanhoa.vn/van-hoa/co-mot-truong-van-hoa-luc-van-tien-n20220122154526851.htm>, ngày 27/4/2022.

ở Bến Tre từ trước đến nay và lan tỏa ra thế giới. *Lục Vân Tiên* là tác phẩm văn học Việt Nam được dịch sang nhiều thứ tiếng, nên được nhiều độc giả nước ngoài biết đến. Theo học giả Hữu Đức¹, *Lục Vân Tiên* được dịch sang tiếng Pháp: bản dịch đầu tiên của G. Aubaret (1864) in trên tạp chí *Á châu (Journal Asiatique)*, trong lời đề tựa của dịch giả đã ghi rõ: “Truyện thơ Lục Vân Tiên này phổ biến trong dân gian đến mức là ở Nam Kỳ không một người đánh cá hay người lái đò nào không hát một vài câu thơ ấy khi họ chèo thuyền”², từ đó có bản dịch của các học giả Janneau (1873), Abel des Michels (1883), E. Bajot (1886), Nghiêm Liễn (1927), Dương Quảng Hàm (1944), Lê Trọng Bổng (1997)... Đến nay có 7 bản dịch *Lục Vân Tiên* tiếng Pháp, trong số này có bản dịch của nhà bác học Trương Vĩnh Ký.



Bìa sách *Lục Vân Tiên* ba thứ tiếng xuất bản năm 2016 (trái)
và TS. Olivier đồng tác giả sách trong buổi làm việc với nhóm Sáng tạo Trẻ
tại tỉnh Bến Tre, ngày 31/3/2022

Nguồn: Nhóm tác giả

1. Xem Hữu Đức: “Di sản quý báu của Nguyễn Đình Chiểu”, tạp chí *Người đô thị*, <https://nguoidothi.net.vn/di-san-quy-bau-cua-nguyen-dinh-chieu-33388.html>, ngày 27/4/2022.

2. Bùi Văn Tiêng: “Người Đà Nẵng với Nguyễn Đình Chiểu”, tạp chí *Đà Nẵng cuối tuần*, <https://baodanang.vn/channel/5433/202202/nguoi-da-nang-voi-nguyen-dinh-chieu-3905725/>, ngày 27/4/2022.

Năm 1985, tác phẩm *Lục Vân Tiên* được dịch sang tiếng Nhật với bản dịch của Giáo sư Takeuchi Yonosuke. Sau đó, đến năm 2016, Éric Rosencrantz đã dịch tác phẩm *Lục Vân Tiên* sang tiếng Anh. Năm 2017, truyện thơ *Lục Vân Tiên* được dịch sang tiếng Hàn với bản dịch của dịch giả Jeon Hye Kyeong.



Phiên bản tiếng Hàn và tiếng Nhật của Truyện thơ Lục Vân Tiên

Nguồn: Nhóm Sáng tạo trẻ

Đặc biệt, năm 2021, Nhà xuất bản Đại học Tổng hợp Viễn Đông (Liên bang Nga) đã cho xuất bản cuốn sách *Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) Nhà thơ lớn, nhà văn hóa kiệt xuất* bằng hai thứ tiếng Nga và tiếng Việt của GS.TS. Nguyễn Chí Bền. Theo Tiến sĩ Ngữ văn A.Ia. Sokolovsky, Giáo sư Khoa Châu Á - Thái Bình Dương, Giám đốc Trung tâm Văn hóa và Giáo dục Việt Nam thuộc Trường Đại học Tổng hợp Liên bang Viễn Đông (FEFU), việc xuất bản cuốn sách *Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) Nhà thơ lớn, nhà văn hóa kiệt xuất* của tác giả Nguyễn Chí Bền giúp cho bạn đọc Nga có thêm cơ hội để tìm hiểu con người và sự nghiệp sáng tác của nhà thơ, nhà văn hóa lỗi lạc Nguyễn Đình Chiểu, từ đó góp phần thắt chặt tình đoàn kết hữu nghị giữa hai nước Việt Nam - Liên bang Nga.



*Bìa sách có bản tiếng Việt của GS.TS. Nguyễn Chí Bền
và bản dịch tiếng Nga của N. Sokolovsky*

Nguồn: Nhóm Sáng tạo trẻ

Như vậy, với 5 thứ tiếng và 9 bản dịch, *Lục Vân Tiên* là tác phẩm văn học Việt Nam được dịch ra tiếng nước ngoài nhiều thứ ba, sau *Truyện Kiều* của Nguyễn Du (16 ngôn ngữ¹) và *Nhật ký trong tù* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (13 ngôn ngữ²).

Kể từ khi truyện thơ *Lục Vân Tiên* được Éric Rosencrantz dịch sang tiếng Anh năm 2016 việc tiếp cận bản dịch này và có ý tưởng khai thác, ứng dụng từ phương pháp đến nội dung của tác phẩm và quá trình sáng tác, thực hành trong đời sống đương đại dưới hình thức nói thơ *Lục Vân Tiên* vào dạy học tiếng Anh cho người Việt Nam và tiếng Việt cho người nước ngoài... đã được quan tâm nghiên cứu. Trong quá trình tiếp cận,

1. Theo số liệu thống kê của GS. Nguyễn Minh Hoàng, *Truyện Kiều* được dịch ra 16 thứ tiếng bao gồm tiếng Anh, Pháp, Đức, Trung, Nhật, Hàn đến những thứ tiếng khác mà chúng ta không bao giờ ngờ đến như tiếng Hy Lạp, Mông Cổ, Ả-rập... với 48 bản dịch.

2. Theo khảo cứu của chúng tôi, tính đến nay, tác phẩm *Nhật ký trong tù* (Ngục trung nhật ký) của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được dịch ra 13 ngôn ngữ bao gồm tiếng Nga, Mông Cổ, Ba Lan, Anh, Pháp, Hunggari, Quốc tế ngữ, Đan Mạch, Praha, Phần Lan, Na Uy,...

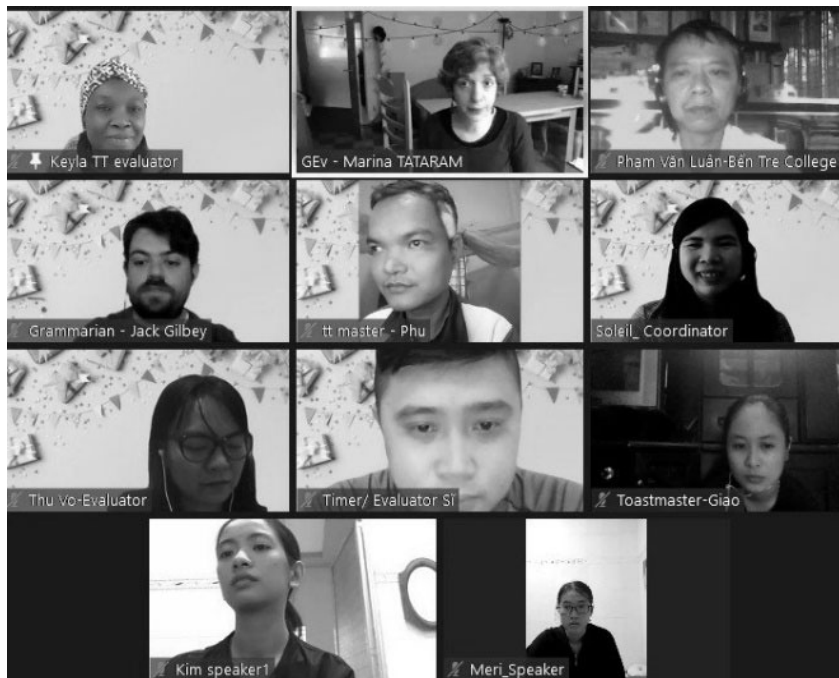
thể nghiệm qua các lớp học ở Bỉ, Việt Nam¹... cho thấy đã đến lúc cần khám phá những giá trị mới từ sáng tác văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu sang nhiều lĩnh vực rộng lớn, căn bản của giáo dục và ngôn ngữ nghệ thuật, để xứng với tầm vóc của một bậc vĩ nhân - danh nhân văn hóa thế giới.

Về nguồn gốc của nói thơ Lục Vân Tiên, theo TS. Lữ Minh Châu, nói thơ là một hình thức diễn xướng đã có từ lâu đời. Trước khi Nguyễn Đình Chiểu sáng tác truyện thơ *Lục Vân Tiên* đã có những truyện thơ nôm khuyết danh ra đời. Trên cơ sở các truyện thơ, người bình dân thêm vào đó giai điệu, cách ngân nga, đưa hơi, tiếng đệm đặc trưng của Nam Bộ để trở thành những điệu nói thơ riêng. Tuy chưa có một quy chuẩn nào để gọi là “nói đúng chất thơ Lục Vân Tiên” nhưng về cơ bản, nói thơ Lục Vân Tiên người ta thường ngân lên với nhịp 2 - 2 hoặc đôi khi 3 - 3.

2. Truyền dạy nói thơ Lục Vân Tiên và ứng dụng trong dạy học tiếng Anh - tiếng Việt

Người nước ngoài học tiếng Việt không chỉ để biết và sử dụng tiếng Việt mà còn để hiểu thêm về văn hóa, lịch sử và con người Việt Nam và những nét văn hóa độc đáo được đặc tả trong tiếng Việt. Dạy tiếng Việt cho người nước ngoài chính là truyền bá văn hóa Việt Nam cho bạn bè quốc tế khắp năm châu. Người dạy tiếng Việt cũng đồng thời là sứ giả của văn hóa Việt Nam, vì vậy họ không chỉ phải có kiến thức sư phạm và cái nhìn sâu sắc mà còn phải có niềm tự hào dân tộc. Bên cạnh đó, việc học tiếng Anh không chỉ đơn thuần học để biết “nhại” lại tiếng của người khác mà cần phải biết chắt lọc những tinh hoa trí tuệ của các nước, mang về áp dụng cho nước nhà; không phải sao chép y như bản gốc mà phải “gạn đục khơi trong” để tìm ra cái hay và cái dở của “xứ người”, từ đó linh hoạt áp dụng cho đất nước ở từng thời điểm khác nhau.

1 . <https://xudua.com/phat-bieu-cua-anh-luan-co-van-nhom-stt-ben-tre-nhan-trien-khai-clb-tieng-anh.html>.



TS. Phạm Văn Luân (phải, trên cùng) trao đổi với nhóm tác giả về ứng dụng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài và tiếng Anh cho người Việt

Nguồn: Nhóm tác giả

Song song đó, việc bảo tồn những giá trị văn hóa của dân tộc cần được quan tâm một cách đặc biệt, và hơn hết là di sản văn hóa phi vật thể. Nghệ thuật nói thơ Lục Vân Tiên là một trường phái mang tính “hát kể”. G. Aubaret ghi nhận trong lần đầu tiên xuất bản *Lục Vân Tiên*: “Ở Nam Kỳ, có lẽ không một người thuyền chài hay người lái đò nào lại không ngâm nga vài ba câu trong khi đưa đẩy mái chèo”, và cũng trên các nẻo đường bộ, chợ búa, bến tàu, bến xe, đâu đâu người ta cũng thấy “những đám người ngồi xồm, xúm quanh một người ăn mặc rách rưới, thường là một kẻ mù lòa, đề nghị anh ta gân cổ lên kể chuyện *Lục Vân Tiên* có khi đến hàng giờ mà người nghe không biết chán”¹.

- *Giá trị văn học của tác phẩm Lục Vân Tiên*: Theo PGS.TS. Đoàn Lê Giang, truyện thơ *Lục Vân Tiên* hàm chứa bốn giá trị lớn: *Thứ nhất*,

1. Nguyễn Hữu Hiệp: “Nói thơ: Một sản phẩm văn nghệ dân gian độc đáo của Nam Bộ”, tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ*, tháng 02/2016, tr.10.

Lục Vân Tiên đề cao tình nghĩa đạo lý ở đời: tình cha con (Lục Vân Tiên với cha mẹ), tình vợ chồng (Lục Vân Tiên - Kiều Nguyệt Nga), tình bạn bè (Lục Vân Tiên - Hồn Minh, Tử Trục), tình thầy trò (Lục Vân Tiên - Tiểu Đồng, Kiều Nguyệt Nga - Kim Liên)... *Thứ hai*, *Lục Vân Tiên* đề cao tinh thần nghĩa hiệp (trọng nghĩa khinh tài) thông qua hình tượng Lục Vân Tiên đánh cướp, giúp nước, giúp dân... Đó là tinh thần xả thân giúp cộng đồng được cả xã hội đề cao. *Thứ ba*, *Lục Vân Tiên* thể hiện ước mơ của người bình dân về công lý trong cuộc sống: ở hiền gặp lành, ác giả ác báo, về một xã hội bình đẳng, công bằng và văn minh. *Thứ tư*, *Lục Vân Tiên* là truyện thơ viết bằng chữ Nôm, viết bằng tiếng nói bình dân, kể chuyện cho dân nghe, rất được dân chúng ưa thích.

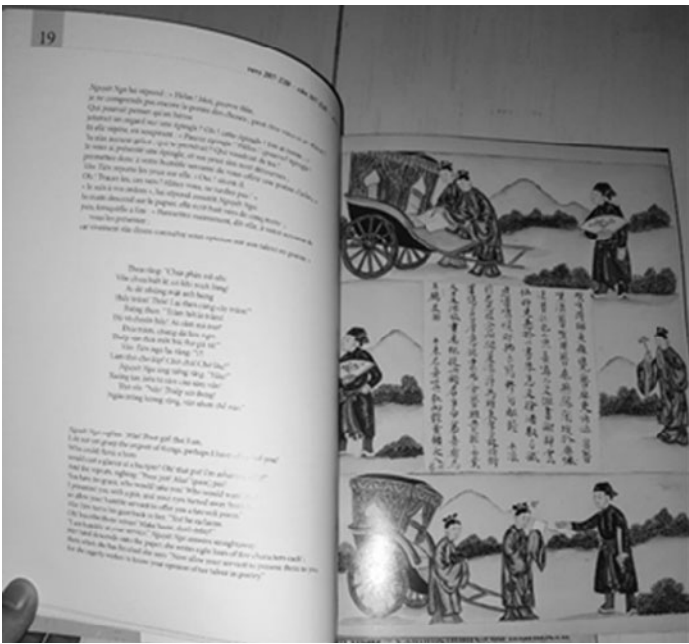
- *Về bản dịch*: Trong bài viết này, nhóm tác giả sử dụng tác phẩm *Lục Vân Tiên* bản tiếng Anh của Éric Rosencrantz và có so sánh, đối chiếu với bản Việt ngữ mới nhất của dự án sách *Truyện thơ Nôm Lục Vân Tiên và tác giả Nguyễn Đình Chiểu* bản tiếng Hàn¹. Đánh giá bản dịch, ông Michel Zink - Thư ký Thường trực Viện Hàn lâm Văn khắc và Văn chương nhận xét: “Chắc chắn ấn phẩm này sẽ cho phép giới trí thức tiếp cận nghệ thuật Việt Nam, đồng thời giúp các nhà khoa học có nguồn tư liệu phong phú trong công tác giảng dạy ngôn ngữ, thơ ca, văn minh vật thể và cả mỹ học Việt Nam thế kỷ XIX”². Khi mới ra đời, *Lục Vân Tiên* là một “hiện tượng” của tiếp nhận văn học Đảng Trong. Ông Bagiô - một nhà nghiên cứu Pháp, năm 1886 thuật kể: “Những đám người ngồi xỏm, xúm xung quanh một người ăn mặc rách rưới, thường là kẻ mù lòa để nghe anh ta gân cổ lên kể chuyện *Lục Vân Tiên*, có khi hàng giờ mà không biết chán”³. Theo khảo sát xã hội học ban đầu, ở các nước lưu hành bản dịch tác phẩm đều được giới nghiên cứu và độc giả đón nhận. Họ tìm

1. Dự án thực hiện năm 2022 bởi Chi hội Sáng tạo trẻ, Hội Di sản văn hóa tỉnh Bến Tre với sự tham gia của ba nhà tài trợ Hàn Quốc.

2. Phan Huy Lê: *Lục Vân Tiên cổ tích truyện*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Hà Nội, 2016.

3. Nguyễn Hữu Hiệp: “Nói thơ: Một sản phẩm văn nghệ dân gian độc đáo của Nam Bộ”, *Tlđđ*.

thấy ở đó một “mẫu số chung” vì con người, ca ngợi vẻ đẹp nhân tính, nhân văn, chống lại những gì phản nhân văn. Người ta còn tìm thấy ở đó một quan niệm mỹ học về cái đẹp: là sự hài hòa, tương xứng (Lục Vân Tiên/Kiều Nguyệt Nga), là khát vọng vươn lên vẻ đẹp tận thiện, tận mỹ (Kiều Nguyệt Nga, Hồn Minh)...



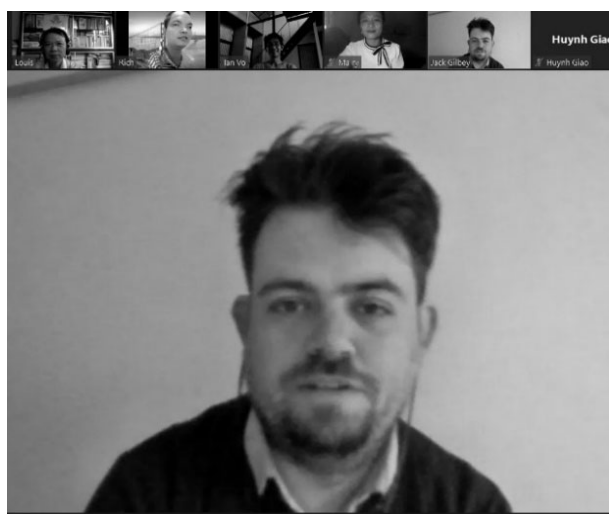
Phần tiếng Anh được sử dụng trong dạy tiếng Việt cho người nước ngoài

Tuy nhiên, trên thực tế tồn tại không ít khó khăn khi dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. Người Việt Nam vẫn có câu “Phong ba bão táp không bằng ngữ pháp Việt Nam”. Việc giải thích ngữ pháp tiếng Việt rõ ràng cho người nước ngoài, tại sao cùng một từ, chính tả, cách phát âm lại giống nhau trong các ngữ cảnh khác chúng có những ý nghĩa khác nhau sẽ là một thách thức lớn với người dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. Thông qua tác phẩm *Lục Vân Tiên*, bằng hình thức sử dụng vốn từ, tranh ảnh... phong phú đã dẫn dắt... người học tiếng Việt dần dần tìm hiểu vốn từ đa dạng trong thơ văn Việt Nam, từ đó có một cái nhìn sâu sắc hơn về văn hóa và con người Việt Nam mà *Lục Vân Tiên* là một trường hợp. Ngoài ra, đối với sinh viên ngoại ngữ Việt Nam nói chung và người nước ngoài học tiếng Việt nói riêng, việc luyện phát âm luôn cần thiết và là yêu cầu cơ bản

ở mọi trình độ. Với tiếng Việt, một ngôn ngữ có thanh điệu, việc thể hiện âm vị thanh điệu luôn là một thách thức lớn đối với học sinh, đặc biệt là học sinh có ngôn ngữ thứ nhất là ngôn ngữ không thanh điệu. Việc thể hiện đúng thanh điệu trong cách phát âm tiếng Việt không chỉ cần thiết đối với từng âm tiết riêng lẻ, mà còn đòi hỏi ở trình tự kết hợp một số âm tiết. Bằng việc lồng ghép nói thơ Lục Vân Tiên và học từ vựng tiếng Việt thông qua các hoạt động thực hành diễn xướng dân gian nói thơ Lục Vân Tiên cho người nước ngoài nhằm tạo bầu không khí giao lưu văn hóa một cách cởi mở theo phương pháp giao tiếp cộng đồng dân gian.

- Các hoạt động thử nghiệm khai thác, ứng dụng tác phẩm *Lục Vân Tiên* dạy học tiếng Anh cho người Việt Nam và tiếng Việt cho người nước ngoài.

+ Tạo môi trường giao tiếp cởi mở, mạnh dạn, gần gũi cho học viên khi lấy bối cảnh của tác phẩm, hình thức diễn xướng nói thơ Lục Vân Tiên tạo không khí cho học viên học tiếng Anh/tiếng Việt (có thể dùng một số ngữ liệu thay thế được trích ra từ tác phẩm văn học của Anh hoặc của thế giới tương tự như *Lục Vân Tiên* nhằm so sánh kết nối thành nhịp cầu ngôn ngữ...).



*Jack Victor Glibey hướng dẫn thực hành nói thơ Lục Vân Tiên
bằng tiếng Anh cho các học viên câu lạc bộ tiếng Anh*

Nguồn: Nhóm tác giả

+ Sử dụng ngữ liệu của tác phẩm *Lục Vân Tiên* và hình thức diễn xướng nói thơ Lục Vân Tiên trong dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài và dạy học tiếng Anh cho người Việt Nam thông qua các từ ngữ dễ vận dụng, phát âm, luyện ngữ điệu, đố vui chơi chữ, giải nghĩa tiếng Việt bằng tranh trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*... liên kết với App ứng dụng Nguyễn Đình Chiểu tổ chức học nói thơ Lục Vân Tiên.



*Báo cáo nghiệm thu App ứng dụng Nguyễn Đình Chiểu
của nhóm tác giả Nguyễn Quốc Hải - sinh viên Trường Cao đẳng Bến Tre*

Nguồn: Nhóm tác giả

+ Vận dụng văn cảnh và biên, phiên dịch, gắn dạy đạo lý làm người của Nguyễn Đình Chiểu vào học ngoại ngữ. Ứng dụng truyền dạy nói thơ Lục Vân Tiên trong dạy học tiếng Anh - tiếng Việt.

+ Tiếp tục cập nhật bản dịch tiếng Anh *Lục Vân Tiên* mới nhất (Chi hội Sáng tạo trẻ) để có bản dịch tiếng Anh đầy đủ và hoàn thiện nhất nhân dịp kỷ niệm 200 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu...

+ Biên soạn sổ tay học tiếng Việt/Anh qua tác phẩm *Lục Vân Tiên* và nói thơ Lục Vân Tiên.

+ Tổ chức các cuộc liên hoan/giao lưu dạy - học tiếng Anh/Việt có sử dụng ngữ liệu từ *Lục Vân Tiên*.

- + Phổ biến, truyền dạy nói thơ Lục Vân Tiên ra nước ngoài.
- + Đưa hình thức học tiếng Việt/Anh đến với du khách tham gia loại hình du lịch học tập danh nhân văn hóa thế giới.

3. Kết luận

Cuộc đời và sự nghiệp của nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu luôn là một tấm gương sáng cho hậu thế noi theo. Ông thể hiện bản thân thông qua các nhân vật chính và bày tỏ một cách chân thành những ước mơ, suy nghĩ của mình. Thành công của tác phẩm *Lục Vân Tiên* dựa trên sự chân chất, bộc trực của một tâm hồn đẹp. Nhận xét về con người và tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, năm 1864, G. Aubaret khi bàn luận về truyện thơ *Lục Vân Tiên* đăng trên Tạp chí *Châu Á*¹ cho rằng, truyện thơ *Lục Vân Tiên* “chứa đựng những tình cảm, những khát vọng chẳng mấy khi tìm thấy trong tinh thần Trung Quốc... Trong quyển sách này, chúng tôi đã nhận ra những đặc điểm chính của một dân tộc,... coi nó như là một trong những sản phẩm hiếm có của trí tuệ con người, có cái ưu điểm lớn là diễn tả được trung thực những tình cảm của cả một dân tộc”. Năm 1883, Abel des Michels cho rằng *Lục Vân Tiên* là một trong “những tập truyện thơ có một giá trị lớn và người ta có thể nêu lên một số có thể xem là những kiệt tác thật sự, rất độc đáo, mạnh mẽ và có duyên... Quyển *Lục Vân Tiên*, tập truyện thơ bình dân vào bậc nhất của xứ này”². Tháng 11/2021, kỳ họp Đại hội đồng UNESCO lần thứ 41 đã diễn ra tại Paris và ra Nghị quyết vinh danh Nguyễn Đình Chiểu, đại thi hào, nhà văn hóa lớn của Việt Nam vào danh sách Danh nhân văn hóa và sự kiện lịch sử niên khóa 2022 - 2023 nhân kỷ niệm 200 năm ngày sinh của ông. Sự kiện này sẽ mở ra những cơ hội mới quảng bá văn hóa Nguyễn Đình Chiểu rộng và mạnh hơn với nhiều cách tiếp cận khác nhau, trong đó có ứng dụng từ phương pháp đến nội dung giáo dục của truyền dạy nói thơ

1. Lê Xuân Ninh: “Nguyễn Đình Chiểu và Lục Vân Tiên”, tạp chí *Châu Á*, loại thứ 6, tập III, Paris, ngày 08/01/1864, tr.12.

2. Lê Xuân Ninh: *Lục Vân Tiên*, Nxb. Ernest Leroux, Paris, 1883.

Lục Vân Tiên vào dạy học tiếng Anh cho người Việt Nam và tiếng Việt cho người nước ngoài, đặc biệt không chỉ chuyển tải vấn đề học thuật mà cả những câu chuyện luân lý, đạo làm người. Thông qua đó khẳng định sự đánh giá cao của quốc tế đối với những giá trị văn hóa, giáo dục của Việt Nam, đồng thời góp phần quảng bá cho các mục tiêu phát triển tự do, bình đẳng vì một cuộc sống tốt đẹp hơn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Hữu Hiệp: “Nói thơ: Một sản phẩm văn nghệ dân gian độc đáo của Nam Bộ”, tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ*, tháng 02/2016.
- [2] Phan Huy Lê: *Lục Vân Tiên cổ tích truyện*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Hà Nội, 2016.
- [3] Lê Xuân Ninh: “Nguyễn Đình Chiểu và Lục Vân Tiên”, tạp chí *Châu Á*, loại thứ 6, tập III, tháng Giêng và tháng Hai, Paris, ngày 08/01/1864.
- [4] Lê Xuân Ninh: *Lục Vân Tiên*, Nxb. Ernest Leroux, Paris, 1883.
- [5] Hữu Đức: “Di sản quý báu của Nguyễn Đình Chiểu”, tạp chí *Người đô thị*, <https://nguoidothi.net.vn/di-san-quy-bau-cua-nguyen-dinh-chieu-33388.html>, ngày 27/4/2022.
- [6] Đoàn Lê Giang: “Có một “trường văn hóa” Lục Vân Tiên”, tạp chí *Thể thao và văn hóa*, <https://thethaovanhoa.vn/van-hoa/co-mot-truong-van-hoa-luc-van-tien-n20220122154526851.htm>, ngày 27/4/2022.
- [7] Bùi Văn Tiếng: “Người Đà Nẵng với Nguyễn Đình Chiểu”, tạp chí *Đà Nẵng cuối tuần*, <https://baodanang.vn/channel/5433/202202/nguoi-da-nang-voi-nguyen-dinh-chieu-3905725/>, ngày 27/4/2022.

**DẤU ẤN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG VIỆT
TẠI MIỀN ĐÔNG BẮC THÁI LAN: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

ThS. NCS. PHATCHARAPHONG PHUBETPEERAWAT*

ThS. NCS. JIRAYOOT SEEMUNG**

ThS.NCS. NGUYỄN LƯU BÍCH TRÂM***

Tóm tắt: Bài viết này sẽ điểm qua những dấu ấn của Nguyễn Đình Chiểu trong giảng dạy tiếng Việt tại miền Đông Bắc Thái Lan, đặc biệt là trường hợp cụ thể khi vận dụng ngữ liệu của tác phẩm Lục Vân Tiên trong giảng dạy tiếng Việt trong các tỉnh có cộng đồng người Việt kiều như tỉnh Nakhon Phanom. Cuối cùng, từ thực tiễn sinh động này, bài viết đã đưa ra các giải pháp cụ thể để góp phần đẩy mạnh nghiên cứu, giảng dạy tiếng Việt ở Thái Lan như giao lưu văn hóa - du lịch thông qua phổ biến, truyền dạy tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu.

Từ khóa: Lục Vân Tiên; Nghiên cứu - Dạy tiếng Việt ở Thái Lan; Nguyễn Đình Chiểu.

**IMPRINTS OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU IN TEACHING
VIETNAMESE IN NORTHEASTERN PART OF THAILAND:
STATE OF AFFAIRS AND SOLUTION**

Abstract: Our essay, after reviewing the values that have an important impact on the field of research and teaching - learning

* Đại học Nakhon Phanom, Thái Lan. Liên hệ: tomphubetpeerawat@gmail.com

** Đại học Burapha, Thái Lan.

*** Đại học Nguyễn Tất Thành, Thành phố Hồ Chí Minh; thành viên Nhóm Sáng tạo Trẻ Bến Tre.

Vietnamese for Thai people (a specific case when applying the data of Lục Vân Tiên poetry in Teaching Vietnamese language at Northeast Thailand area). From this vivid reality, we come up with specific solutions and projects that contribute to promoting Vietnamese language research and teaching in Thailand and cultural and tourism exchanges through popularizing and teaching the works of Vietnamese artists.

Keywords: Lục Vân Tiên; Research-Teaching Vietnamese in Thailand; Nguyễn Đình Chiểu.

Toàn văn

Dẫn nhập

Ở Thái Lan, cộng đồng Việt kiều chịu ảnh hưởng sâu sắc của Nguyễn Đình Chiểu qua cốt cách, bản lĩnh, đạo làm người: trung hiếu, tiết nghĩa thể hiện trong tác phẩm nổi tiếng *Lục Vân Tiên*; những giá trị có tính nhân bản và nhân loại này đã đem đến nhiều tác động tích cực đối với hoạt động nghiên cứu và dạy - học tiếng Việt tại miền Đông Bắc Thái Lan. Đặc biệt, trong bối cảnh Nguyễn Đình Chiểu vừa được UNESCO tôn vinh là danh nhân văn hóa thế giới, việc khai thác những ảnh hưởng tích cực từ các tác phẩm nổi tiếng của ông trong nghiên cứu - giảng dạy tiếng Việt là một cách tiếp cận mới vừa góp phần đổi mới và nâng cao hiệu quả lĩnh vực hoạt động quan trọng này, vừa thúc đẩy tăng cường giao lưu, trao đổi văn hóa - khoa học giữa Việt Nam và Thái Lan theo tinh thần Nghị quyết UNESCO về việc kỷ niệm 200 năm ngày sinh danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu mà Thái Lan là một trong bốn nước đồng đề nghị hồ sơ khoa học cùng với Việt Nam.

Bài viết của chúng tôi sau khi điểm qua những giá trị có tác động quan trọng đến lĩnh vực nghiên cứu và dạy - học tiếng Việt cho người Thái Lan (trường hợp cụ thể khi vận dụng ngữ liệu của tác phẩm *Lục Vân Tiên* trong giảng dạy tiếng Việt ở Đông Bắc Thái Lan), từ thực tiễn sinh động này, chúng tôi đưa ra các giải pháp, dự án cụ thể góp phần đẩy mạnh nghiên cứu, giảng dạy tiếng Việt ở Thái Lan và giao lưu văn hóa - du lịch thông qua phổ biến, truyền dạy tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu.

1. Khái quát về dấu ấn của Nguyễn Đình Chiểu ở Thái Lan

Dấu ấn của nhà văn hóa lớn Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) ở Thái Lan phần lớn thể hiện trong dòng ký ức của các thế hệ Việt kiều, dài theo năm tháng khó có thể đánh giá hay nhận diện ký ức về ông ở một bài viết với giới hạn nhất định trong khuôn khổ một hội thảo quốc tế. Tuy nhiên, với tấm lòng ngưỡng mộ danh nhân văn hóa được UNESCO tôn vinh, chúng tôi xin được chia sẻ những suy nghĩ của mình về ảnh hưởng của Nguyễn Đình Chiểu ở Thái Lan mà trước hết là cộng đồng bà con Việt kiều Thái Lan, dấu ấn Nguyễn Đình Chiểu, một nhà nho yêu nước, một đời đấu tranh miệt mài cho chính nghĩa và tự do cho dân tộc, người chiến sĩ chiến đấu bằng ngòi bút trên mặt trận tư tưởng văn hóa đã tạo cảm hứng cho Vương quốc Thái Lan mạnh dạn, tự tin đồng đứng tên đề nghị hồ sơ khoa học danh nhân Nguyễn Đình Chiểu của Bến Tre, Việt Nam trình UNESCO vinh danh nhân kỷ niệm 200 năm ngày sinh của ông.



Trao tặng sách về Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu trong hồ sơ khoa học trình UNESCO cho ngài Apirat Sugondhabhirom, Tổng lãnh sự Vương quốc Thái Lan tại Thành phố Hồ Chí Minh (trái).

Nguồn: Phạm Văn Luân

Cộng đồng Việt kiều ở Thái Lan hiện có khoảng 100.000 người, phần lớn tập trung sinh sống tại khu vực miền Đông Bắc Thái Lan, cụ thể là tại các tỉnh biên giới giáp sông Mekong như Nong Khai, Beung Kan, Nakhon Phanom, Mukdahan, UbonRatchathani. Ngoài ra, bà con Việt kiều còn sinh sống tại các tỉnh lớn như Udon Thani, Sakon Nakhon, KhonKaen và thủ đô Bangkok, v.v..

Trải qua nhiều thế hệ, cộng đồng Việt kiều ở Thái Lan luôn đoàn kết, sống nhân ái, nghĩa tình, hội nhập ngày càng sâu rộng ở nước sở tại nhưng vẫn giữ vững phẩm chất, khí tiết của người Việt Nam, luôn hướng về cội nguồn, nhất là các cộng đồng Việt kiều xuất xứ từ Nam Bộ, họ luôn xem trọng khí tiết, tinh thần trượng phu, trung hiếu, tiết nghĩa mà Nguyễn Đình Chiểu răn dạy:

Trai thời trung hiếu làm đầu

Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình.

và

Thà đui mà giữ đạo nhà.

Để có được tinh thần thượng tôn đạo lý đó, có sự đóng góp không nhỏ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy ngôn ngữ - đạo lý trong các cộng đồng Việt kiều ở Đông Bắc Thái Lan. Theo khảo cứu của chúng tôi, các tác phẩm được sử dụng trong quá trình dạy học tiếng Việt ở Thái Lan phần lớn dựa vào giáo trình dạy tiếng Việt là hai bộ sách *Tiếng Việt vui* và *Quê Việt* do Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam biên soạn và nhiều giáo trình khác.



Giáo trình tiếng Việt tại Thái Lan

Nguồn: Báo Dân sinh ngày 24/12/2021.

Đến thời điểm hiện nay, đây là hai bộ giáo trình đầu tiên do các chuyên gia trong nước biên soạn, để hỗ trợ việc dạy tiếng Việt cho người Việt ở nước ngoài, theo định hướng như dạy một ngoại ngữ. Một chương trình dành cho thanh, thiếu niên từ 9 - 18 tuổi và một chương trình cho người lớn trên 18 tuổi. Mỗi bộ sách có 18 cuốn, phân chia thành 6 trình độ. Mỗi trình độ gồm có sách cho học sinh, sách cho giáo viên và sách bài tập. Ngoài ra, một số nội dung trong hai bộ sách còn được thể hiện trên đĩa CD. Bên cạnh việc học ngôn ngữ, trong giáo trình còn có nhiều chuyên đề văn hóa, nghệ thuật để giúp các học viên hiểu thêm về đất nước Việt Nam.

Ngoài ra, các trường học đều soạn thêm bài giảng cho phù hợp với từng môn học. Vì phần lớn mục đích dạy tiếng Việt cho học sinh, sinh viên Thái Lan để giao tiếp là chính, cho nên nội dung không quá chuyên sâu và phần lớn các bài giảng thêm cũng dựa vào các giáo trình trên. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy, giáo viên có thể minh họa bằng ngữ liệu từ các tác phẩm văn học quen thuộc của Việt Nam như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu.

Đặc biệt truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên* là tác phẩm nổi tiếng thể hiện tinh thần học suốt đời của Nguyễn Đình Chiểu, tác phẩm này đã được dịch ra các thứ tiếng Pháp, Nhật, Anh và Hàn. Tuy đến nay, tác phẩm này chưa được dịch sang tiếng Thái, nhưng đã được đề cập trong quá trình dạy tiếng Việt ở các cộng đồng Việt kiều tại tỉnh Nakhon Phanom, nơi có đồng bào Việt kiều tập trung sinh sống đông nhất và được coi là thành phố của Việt kiều ở Thái Lan. Quá trình tiếp cận, thể nghiệm qua các lớp dạy tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy tác phẩm *Lục Vân Tiên* và hình thức diễn xướng *Nói thơ Vân Tiên* có tiềm năng to lớn trong nghiên cứu, giảng dạy tiếng Việt ở Thái Lan.

2. Tiếng Việt trong cộng đồng người Thái gốc Việt ở huyện Muang, tỉnh Nakhon Phanom gợi mở câu chuyện dạy học theo cụ Đồ Chiểu

a) Quá trình giảng dạy tiếng Việt ở huyện Muang, tỉnh Nakhon Phanom

Sự có mặt của người Việt Nam ở Thái Lan nói chung và ở huyện Muang, tỉnh Nakhon Phanom nói riêng đã mang theo tiếng Việt vào

nơi đây. Quá trình di cư của người Việt Nam vào tỉnh Nakhon Phanom chia thành hai đợt lớn: đợt thứ nhất kéo dài từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX được gọi là người “Việt cũ”. Đợt di cư thứ hai bắt đầu từ những năm 1945 - 1948 được gọi là người “Việt mới”. Người Việt cũ phần lớn có gốc ở vùng Bắc Trung Bộ của Việt Nam như Nghệ An và Hà Tĩnh, còn người Việt mới phần lớn là người gốc miền Bắc Việt Nam như Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam và Hà Tây (nay là Hà Nội).

Người Việt cũ là những người có hiểu biết sâu sắc và thông thạo chữ Nho/Nôm. Ngay từ khi di cư vào Thái Lan, người Việt cũ đã thành lập nên các làng tập trung sinh sống cùng nhau và xây dựng văn hóa làng xã Việt Nam tại huyện Muang, tỉnh Nakhon Phanom. Trong các làng đều có Ban làng để quản lý mọi việc trong làng. Ngoài ra, trong các làng của người Việt cũ còn lập đền thờ để làm chỗ nương tựa về mặt tín ngưỡng tâm linh như đền Đức Đại vương ở làng Bản Mạy (Na Chok), đền thờ Đức Thánh Hoàng ở làng Ton Phueng - Don Mong và đền thờ Đức Phật ở làng Phon Bok, v.v.. Việc xây dựng các đền thờ trong làng chứa đựng trong đó cả một nền văn hóa và ngôn ngữ họ mang theo. Những bài văn cúng, văn tế lúc đầu sử dụng chữ Nho/Nôm để ghi chép. Chữ người Việt dùng trong các văn bản ở Việt Nam được gọi bằng danh từ “chữ Nho” là để chỉ chữ Hán cổ. Tuy vậy, người Việt không phát âm chữ Hán như là người Trung Quốc mà đọc bằng âm Hán Việt. Như vậy, âm Hán Việt đã được người Việt tạo ra và củng cố phát âm chữ Hán. Và do nhu cầu phát triển, nên người Việt đã sử dụng chữ Hán để tạo chữ viết riêng được gọi là chữ Nôm. Chữ Nôm là hệ thống văn tự ngữ tố dùng để viết tiếng Việt, được tạo nên trên cơ sở của chữ Hán, chủ yếu là chữ Hán phần thể. Vận dụng từ những phương thức tạo chữ hình thanh, hội ý, giả tá của chữ Hán. Để từ đó tạo nên các chữ mới và bổ sung cho việc viết. Cũng như là biểu đạt các từ thuần Việt mà không có trong bộ chữ Hán ban đầu. Cần phân biệt chữ Hán/Nho, chữ Nôm và chữ quốc ngữ. Một trong những điều đơn giản để phân biệt chữ Hán là ngôn ngữ của người Trung Quốc. Vì thế nên người Hoa có thể đọc được ngôn ngữ này. Chữ Hán còn được gọi là chữ Nho vào ngày xưa. Tức là chữ dùng để dạy cho đạo, hay còn gọi là Khổng giáo. Bên cạnh đó còn được gọi là chữ Hoa, chữ Trung hay là chữ Tàu. Còn chữ Nôm do người Việt

ngày xưa chế tác nên để ghi chữ bằng tiếng Việt. Chữ Nôm có phần được tạo nên khi dựa vào chữ Hán. Cho đến đầu thế kỷ XX cùng với sự ra đời của chữ quốc ngữ, đã xóa bỏ hoàn toàn chữ Nho/Nôm ra khỏi hệ thống học hành và thi cử của Việt Nam dẫn đến sự đứt gãy chuỗi giao tiếp bằng ngôn ngữ viết giữa các thế hệ kiều bào đầu tiên (vẫn sử dụng chữ Nho/Nôm) và các thế hệ kiều bào sau này (sử dụng chữ quốc ngữ).

Theo khảo cứu của chúng tôi, một vấn đề mới phát hiện nhưng rất cần được nghiên cứu thỏa đáng, cần làm sáng tỏ về sự liên hệ, giao thoa giữa chữ Thái cổ (Tây Bắc Việt Nam) và văn hóa - ngôn ngữ của người Thái Lan. Hiện nay, Bảo tàng tỉnh Sơn La đang bảo quản 11 tác phẩm *Lục Vân Tiên* viết bằng chữ Thái cổ với nhiều tên gọi như: *Quám, Vân Tiên, Lục Vân Tiên, Vân Tiên...* có tập được đóng gộp chung với truyện *Trạng Công, Hoàng Trừu, Chiêu Quân...* Các tập *Lục Vân Tiên* ở đây được viết trên giấy dương và giấy dó với nhiều khổ giấy khác nhau: 14x24cm; 16x29cm; 21x21cm; 27x34cm; 20x26cm; 15x27cm; 21x34cm; 15x24cm..., trong đó, dày nhất là tập *Quám Vân Tiên* mang số hiệu GI128, viết bằng giấy dó mỏng, khổ 16x29cm, 170 trang. Như vậy, tác phẩm *Lục Vân Tiên* viết bằng chữ Thái cổ đã từng được các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc Việt Nam lưu truyền và sao chép, phóng tác thành nhiều bản và lưu hành rộng khắp.



Truyện thơ Lục Vân Tiên bản tiếng Thái cổ lưu hành trong các cộng đồng người Thái bằng hình thức diễn xướng thơ (khắp xư)

Nguồn: Bảo tàng Sơn La

Không chỉ được sử dụng trong các đền, miếu cổ, chữ Nho/Nôm còn được sử dụng trong các nghi thức tang lễ trước đây. Nhưng việc sử dụng chữ Nho cũng chỉ nằm trong một phạm vi rất hẹp, không phổ biến với công chúng, đặc biệt là thế hệ của con cháu người Việt cũ cũng không được học chữ viết (chữ Nho/Nôm). Họ chỉ học được tiếng nói từ thế hệ trên cho nên thế hệ của con cháu người Việt cũ được coi là người mù chữ. Hơn nữa, con cháu của người Việt cũ đã được nhập quốc tịch Thái nên họ được hưởng những quyền lợi như người dân bản địa, do đó họ được phép học hành theo chế độ giáo dục của Thái Lan. Từ đó chữ Nho dần dần biến mất, nhưng tiếng nói vẫn được sử dụng trong cộng đồng người Thái gốc Việt ở huyện Muang, tỉnh Nakhon Phanom.



Đám tang cụ Hoe Lợi (Nguyễn Bằng Cát) những năm giữa thế kỷ XX tại huyện Muang, tỉnh Nakhon Phanom; có thể thấy việc sử dụng chữ Nho/Nôm trong bức trướng theo nghi thức tang lễ ngày xưa một cách phổ biến hơn chữ quốc ngữ

*Nguồn: Khoá luận tốt nghiệp của Nguyễn Hồng Dung:
Quan hệ Việt Nam - Thái Lan 1945 - 1954*

Một số làng điển hình như làng Phon Bok, được coi là làng người Thái gốc Việt lâu đời và giữ được văn hóa làng xã Việt Nam nhiều nhất ở huyện Muang, tỉnh Nakhon Phanom. Trước tình hình quan ngại về sự biến mất mãi mãi của tiếng Việt trên đất Thái, làng Phon Bok đã đưa ra tục lệ: “Nếu vào trong làng thì phải nói tiếng Việt, không được phép nói

tiếng Thái”. Từ khi luật lệ này được ban hành, dù trẻ hay già, nam hay nữ đều phải tuân theo. Vì thế, mặc dù thế hệ con cháu ở làng Phon Bok nhiều người làm cán bộ, viên chức nhà nước ở Thái Lan, nhưng vẫn giữ được tiếng nói của cha ông. Điều đáng tiếc là họ không biết chữ vì thế hệ cha ông chỉ biết chữ Nho, không biết chữ Quốc ngữ.

Cho đến đợt di cư vào những năm 1945 - 1948 của những người Việt mới hay còn gọi là người Việt tản cư. Việc di cư vào tỉnh Nakhon Phanom đã có tác động tích cực cho cộng đồng người Thái gốc Việt ở tỉnh Nakhon Phanom nói chung và ở huyện Muang, tỉnh Nakhon Phanom nói riêng. Việc quan trọng mà người Việt mới đã tiến hành ở huyện Muang, tỉnh Nakhon Phanom là thành lập nên hệ thống giáo dục tiếng Việt với mục đích là “xóa nạn mù chữ” làm cho con cháu người Việt cũ và con cháu của người Việt mới được học và biết chữ Quốc ngữ.

Theo hệ thống giáo dục tiếng Việt của người Thái gốc Việt ở huyện Muang, mỗi làng sẽ có lớp học tiếng Việt nhỏ và có trung tâm ở làng Muang. Lúc bấy giờ do quan hệ giữa hai nước vẫn trong giai đoạn căng thẳng, nên đã ảnh hưởng đến việc giáo dục tiếng Việt trong cộng đồng người Thái gốc Việt.

Mục đích chính của việc giảng dạy tiếng Việt của người Việt mới là để xóa nạn mù chữ cho thế hệ con cháu biết tiếng Việt. Người Việt mới di cư vào Thái Lan lúc đó luôn tâm niệm sẽ chỉ tạm thời sinh sống cho tới khi tình hình căng thẳng qua đi sẽ quay về Việt Nam. Ý thức được điều đó, nên họ phải dạy dỗ con cháu học hành để khi quay về Việt Nam không mất thời gian học lại. Không chỉ thế hệ con cháu của người Việt mới đã tham gia vào việc học tiếng Việt, những người mù chữ như một số người Việt mới và người Thái gốc Việt thế hệ trước (con cháu của người Việt cũ) cũng được tham gia chương trình học này. Lúc này, trong các làng người Thái gốc Việt không còn phân biệt là Việt mới hay Việt cũ mà làng nào cũng chung tay xây dựng một hệ thống giáo dục cơ bản cho con em thế hệ sau. Không chỉ được học môn tiếng Việt, người Việt ở đây còn được học cả các môn học khác như Toán, Văn, Lịch sử, Địa lý, Đại số,

Đạo đức, v.v.. Đặc biệt ở môn Đạo đức, tinh thần trung hiếu, tiết tháo làm trai, lối sống cương trực theo tấm gương Lục Vân Tiên luôn được đề cao, nêu gương sáng!



Đoàn giáo viên làng Watsrithep (làng Pà) năm 1956

Nguồn: Vương Đình Chính - cựu giáo viên làng Muang

Hệ thống giáo dục trong cộng đồng người Thái gốc Việt hình thành chính thức vào những năm 1950 - 1960 và kết thúc vào năm 1975. Lúc đó, trong mỗi làng sau khi trẻ 7 tuổi, bố mẹ sẽ gửi con cái đến nhà giáo viên và tham gia lớp học đầu tiên gọi là “Lớp vỡ lòng”. Trong lớp này, giáo viên sẽ dạy học sinh biết viết và đọc tiếng Việt. Khi được trang bị đầy đủ những kiến thức cơ bản, học sinh sẽ phải tham gia một kỳ thi lên lớp 1. Đề thi do Ban quản lý chung của các làng ra đề. Sau khi lên lớp cao hơn sẽ có các môn khác như: Toán, Văn, Lịch sử v.v.. Lớp học cao nhất lúc đó là lớp 9 (tương đương với lớp 12 hiện nay), nhưng số lượng học sinh

học lớp cao rất ít vì phần lớn hoàn cảnh gia đình người Thái gốc Việt lúc bấy giờ gặp nhiều khó khăn.

Lớp giảng dạy tiếng Việt trong cộng đồng người Thái gốc Việt ở huyện Muang, tỉnh Nakhon Phanom mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng rất thành công khi số lượng người Thái gốc Việt mù chữ giảm nhiều. Vào cuối những năm 1950, Chính phủ Thái Lan và Chính phủ Việt Nam đã ký hiệp định đưa người Việt Nam ở Thái Lan hồi hương. Chuyến hồi hương đầu tiên bắt đầu từ năm 1960 - 1964 đã đưa nhiều người Việt mới về Việt Nam. Tuy nhiên, một lượng lớn còn lại phải ở lại Thái Lan vì chuyến hồi hương cuối cùng đã bị hủy do chiến tranh ở Việt Nam. Những người Việt kiều và người Thái gốc Việt còn lại vẫn tiếp tục theo học hệ thống giáo dục cơ bản cho đến năm 1975. Sau khi Việt Nam thống nhất hai miền Nam - Bắc và không có chuyến hồi hương nữa nên các lớp học cũng dừng giảng dạy. Ban quản lý hội người Việt Nam ở huyện Muang, tỉnh Nakhon Phanom lúc đó ra lệnh cho các lớp ngừng hoạt động. Học sinh tự học ở nhà. Người Thái gốc Việt gọi lệnh đó là “Lớp học đi vào chiều sâu”.

Từ đó việc giảng dạy tiếng Việt trong cộng đồng người Việt Nam ở huyện Muang, tỉnh Nakhon Phanom kết thúc. Việc ngưng các lớp học cộng đồng đã tác động nặng nề đến dạy và học tiếng Việt trong cộng đồng người Việt. Vốn dĩ nhiều bậc phụ huynh rất khó khăn trong việc thu xếp thời gian cho con cái tham gia lớp học vì những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, do hoàn cảnh sống trên đất khách quê người, nên việc giao tiếp chủ yếu diễn ra bằng ngôn ngữ nước sở tại, tiếng Việt ít được dùng đến.

Thứ hai, khi các thế hệ con cháu được sinh ra, ngoài việc phải giao tiếp bằng ngôn ngữ bản địa hằng ngày, thì họ cũng ít được các bậc ông bà, cha mẹ dạy, nói cho nghe về tiếng Việt cũng như văn hóa Việt. Vì thế, họ lại càng không biết.

Thứ ba, có gia đình lại cho rằng, con cháu học hành trong các trường học bản xứ nơi mình sinh sống trên đất bạn, nên chỉ cần học và biết tiếng bạn là đủ. Chính quan niệm sai lầm đó đã làm mất đi ý thức về tổ tiên

con *Lạc cháu Hồng* trong họ. Tiếng Việt đối với các thế hệ con cháu Việt trở thành một ngoại ngữ như bao ngôn ngữ khác mà họ chưa hề hay biết.

Ngoài ra, cũng phải kể đến quỹ thời gian của bà con phần nhiều dành cho làm ăn buôn bán, phát triển kinh tế nên ít quan tâm, để ý đến việc truyền dạy tiếng Việt cho con cháu. Bên cạnh đó là tâm lý e ngại, tự ti của một số người - nhất là lớp trẻ - khi phải học và nói tiếng Việt tại nơi mình sinh sống. Tất cả, đã và đang từng ngày nói rộng khoảng cách giữa con em kiều bào với tiếng Việt và văn hóa Việt của chúng ta.

b) Tiếng Việt hiện nay ở tỉnh Nakhon Phanom và một số tỉnh miền Đông Bắc Thái Lan

Sau khi kết thúc các lớp học tiếng Việt cộng đồng vào năm 1975, người Thái gốc Việt thế hệ sau cũng chỉ biết tiếng Việt thông qua giao tiếp trong gia đình. Tuy vẫn có một bộ phận các gia đình hiếu học vẫn cố gắng duy trì dạy cho con cháu biết đọc và viết tiếng Việt, nhưng phần lớn người Thái gốc Việt khuyến khích con cháu tập trung vào học tập theo hệ thống giáo dục Thái Lan để có nhiều cơ hội tìm kiếm công việc trong tương lai. Chính nguyên nhân này đã làm cho các thế hệ con cháu, tức những thanh niên từ 20 - 40 tuổi hiện nay, chỉ biết giao tiếp tiếng Việt cơ bản nhưng khả năng cũng rất kém.

Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận các kiều bào tâm huyết bền chí như nhân vật *Lục Vân Tiên* trong tác phẩm cùng tên, dù trong nghịch cảnh tối tăm mịt mù vẫn vững tin vào ngày mai tươi sáng, vẫn cố gắng không buông xuôi để tiếng nói dân tộc không chìm vào quên lãng. Chính vì vậy, họ thấp ngọn đuốc lá dừa như Nguyễn Đình Chiểu khi xưa nêu cao tinh thần đấu tranh của người nghĩa binh “ngoài cật chỉ một manh áo vải”, “trong tay cầm một ngọn tầm vông” chỉ với “khí giới” đơn sơ, nghèo nàn là bảng đen, phấn trắng vẫn miệt mài vận động học sinh đến lớp và duy trì việc giảng dạy.

Có thể nhận thấy, sự lớn mạnh của cộng đồng người Việt tại Thái Lan hôm nay đi cùng với sự lan tỏa của phong trào “*Dạy và học tiếng Việt*” khi ấy, phong trào này đã được đông đảo bà con hưởng ứng với phương châm “*tiếng Việt còn thì người Việt còn*”. Và những đốm lửa ấy đã được

nhóm lên mạnh mẽ ở cộng đồng Việt kiều tỉnh Udon Thani và tỉnh Nakhon Phanom.



*Giáo viên kiều bào chụp ảnh trước Đại sứ quán Thái Lan
trong chuyến viếng thăm Việt Nam, năm 2016*

Nguồn: Đài Truyền hình VOV, năm 2017

Tại đây, các lớp dạy tiếng Việt đều do các cựu giáo viên Việt kiều tình nguyện tham gia giảng dạy không lương với tinh thần phục vụ cộng đồng. Các cơ sở dạy tiếng Việt dần được trang bị bàn ghế và địa điểm học với sự hỗ trợ của Hiệp hội doanh nghiệp và Hội người Việt Nam ở các địa phương. Nhờ vậy, lớp học thu hút cả người lớn và con em người bản địa tới học tiếng Việt, học hát, múa và tìm hiểu về lịch sử, văn hóa truyền thống Việt Nam.

Dựa trên chương trình khuyến học tiếng nước láng giềng của Chính phủ Thái Lan, nhiều trường học ở miền Đông Bắc Thái Lan nói chung và ở trong tỉnh Nakhon Phanom nói riêng đã chọn tiếng Việt nằm trong nhóm ngôn ngữ thứ hai cho các học sinh. Tỉnh Nong Khai, từ chỗ phải

dạy học đơn lẻ tại từng gia đình, tiếng Việt giờ đã bước chân vào một trường trung học cấp II, cấp III tốt nhất tại đây. Bên cạnh đó, một trung tâm ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam khang trang được xây dựng bằng kinh phí của bà con kiều bào Nong Khai. Giờ đây, những lớp học tiếng Việt ngày càng được mở nhiều hơn, nhiều trường học tại Thái Lan có nhu cầu cao về học tập văn hóa, phong tục tập quán của Việt Nam. Việc này đã làm cho tiếng Việt phổ biến không chỉ trong cộng đồng người Thái gốc Việt mà lan tràn khắp miền Đông Bắc Thái Lan, từ đó tinh thần đạo lý của Nguyễn Đình Chiểu thông qua tác phẩm *Lục Vân Tiên* có được hiệu ứng lan tỏa.



Một lớp học tiếng Việt ở tỉnh Nakhon Phanom, Thái Lan

Nguồn: Boonthida Phansuvandee, chụp ngày 12/6/2011.

c) *Đề xuất giải pháp khai thác, ứng dụng tác phẩm Lục Vân Tiên vào dạy học tiếng Việt ở Thái Lan*

Hiện nay, việc giảng dạy tiếng Việt đã được đưa vào giờ học chính khóa và được thực hiện như là một ngoại ngữ tại một số trường vùng Đông Bắc Thái Lan, như tỉnh Nakhon Phanom có huyện Muang và tỉnh Nong Khai, tiêu biểu là trường Pathumthepwitthayakarn, kết quả ban đầu thu được rất tích cực. Từ chỗ phải dạy học đơn lẻ tại từng gia đình, tiếng Việt đã bước chân vào trường trung học cấp II, cấp III bậc nhất tại Nong Khai. Ban đầu trường chỉ có khoảng 35 học sinh, qua nhiều năm phát triển, đến nay, mỗi năm trường có trung bình 100 học sinh từ lớp 7 đến lớp 12. Bên cạnh đó, một trung tâm ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam khang trang, đẹp đẽ đã được xây dựng tại ngôi trường này bằng kinh phí của bà con kiều bào Nong Khai. Cũng chính từ đây, tiếng Việt và văn hóa Việt được mọi người biết đến, đón nhận và quảng bá trên khắp các phương tiện thông tin đại chúng.

Bộ môn tiếng Việt đã được Bộ Giáo dục Thái Lan công nhận, khuyến khích mở rộng trên phạm vi cả nước và trở thành một môn học chính khóa giảng dạy lâu dài. Hiện nay Thái Lan đang xúc tiến nghiên cứu, tìm hiểu sâu về văn hóa, phong tục tập quán và ngôn ngữ của các nước thành viên ASEAN, nổi bật là nhu cầu học tiếng Việt và tìm hiểu về văn hóa Việt Nam trong quá trình hợp tác, hội nhập và xây dựng cộng đồng ASEAN. Cũng vì thế hiện nay, nhiều trường học tại Thái Lan đang có nhu cầu về học tập văn hóa, phong tục tập quán Việt Nam. Đây là cơ hội hiếm có để phổ biến tiếng Việt cho kiều bào, giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam trên đất Thái Lan thông qua tác phẩm *Lục Vân Tiên* và hình thức truyền dạy *Nói thơ Vân Tiên*. Tuy nhiên, nếu vẫn chỉ dừng lại ở những cách tiếp cận và một số hoạt động như đã tiến hành vẫn khó tạo nên hiệu quả thiết thực cho công cuộc dạy học tiếng Việt và văn hóa Việt Nam trên phạm vi rộng lớn hơn, phổ cập hơn và hệ thống hơn.

Dựa trên bối cảnh phát triển quan hệ hợp tác và hội nhập khu vực giữa các nước ASEAN như hiện nay, Thái Lan và Việt Nam là hai nước có quan hệ lâu đời cũng như là hai nước thành viên có đóng góp quan trọng trong hợp tác khu vực. Việc bổ sung sự hiểu biết về văn hóa sẽ giúp nhân dân giữa hai quốc gia tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, giúp quan hệ quốc tế giữa hai nước nói riêng và quá trình hội nhập khu vực ASEAN thêm hiệu quả. Trong xu thế đó, theo chúng tôi việc chọn lựa những điểm đột phá, có tiềm năng khai mở như tác phẩm *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu là rất hợp lý và sự kiện vinh danh danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu là một thời cơ lớn để triển khai những hoạt động có ý nghĩa thiết thực này. Trên tinh thần đó, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau đây:

- Từ “trường văn hóa” trong các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu tiếp tục nghiên cứu từ góc nhìn của người Thái Lan, trong đó kiều bào Việt Nam tại Thái Lan là nhịp cầu xác lập, tạo ra môi trường giao tiếp thân tình, gần gũi cho học viên khi lấy bối cảnh của tác phẩm, hình thức diễn xướng dân gian *Nói thơ Vân Tiên*, xây dựng không gian văn hóa Việt - văn hóa Nguyễn Đình Chiểu - Danh nhân văn hóa thế giới trong các lớp học tiếng Việt ở Thái Lan.

- Sử dụng ngữ liệu của tác phẩm *Lục Vân Tiên* và hình thức diễn xướng nói thơ Vân Tiên trong dạy học tiếng Việt. *Lục Vân Tiên* không phải là một câu chuyện về tình yêu đôi lứa, không có những khung cảnh lãng mạn hay là những lời thoại ướm át bi thương. *Lục Vân Tiên* là câu truyện trung - hiếu - tiết - nghĩa gắn với tư tưởng Nho học của Khổng giáo, tuy điều này có một số khác biệt nhất định với văn hóa Phật giáo Nam Tông - Bà la môn của Thái Lan nhưng vẫn thấm đượm những giá trị phổ quát của nhân loại từ tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu. Đây là một gợi ý quan trọng cho các chương trình phối hợp đưa các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vào giảng dạy thông qua bộ môn tiếng Việt nói

chung và tạo ra sự hiểu biết về tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu cho Việt kiều ở Đông Bắc Thái Lan nói riêng.

- Theo các Chương trình giảng dạy mới phối hợp giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Thái Lan, cần tăng cường lồng ghép giảng dạy ngôn ngữ và văn hóa. Gắn dạy đạo lý làm người của Nguyễn Đình Chiểu vào việc học tiếng Việt bằng tranh ảnh về *Lục Vân Tiên*. Với đặc tính liên kết với mỹ thuật, hội họa từ trên 120 năm nay, *Lục Vân Tiên* là một tập đại thành đa sắc màu văn hóa Việt Nam, theo khảo cứu của chúng tôi hiện có gần 1.500 phiên bản tranh, ảnh khác nhau, tác phẩm truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên* là vùng đất màu mỡ để khai thác kênh tranh, ảnh vào dạy học tiếng Việt và văn hóa Việt Nam. Bên cạnh đó, cần tổ chức các Hội thảo nghiên cứu khoa học, nói chuyện chuyên đề, liên hoan, giao lưu với giáo viên dạy tiếng Việt có sử dụng ngữ liệu từ tác phẩm truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên*.

- Thử nghiệm và ứng dụng giải pháp truyền dạy *Nói thơ Vân Tiên* trong dạy học tiếng Việt. *Nói thơ Vân Tiên* - loại hình nghệ thuật đặc trưng của vùng đất Nam Bộ, mang đậm nét đặc trưng văn hóa Việt, có một số nét khác biệt so với nghệ thuật biểu diễn của Thái Lan. *Nói thơ Vân Tiên* là một loại hình diễn xướng, nằm trong kho tàng âm nhạc dân gian Nam Bộ. Trên cơ sở các câu truyện, người bình dân thêm vào đó giai điệu, cách ngân nga, đưa hơi, tiếng đệm đặc trưng của Nam Bộ để trở thành những điệu nói thơ riêng. Truyện thơ *Lục Vân Tiên* được người bình dân biến tấu thành điệu nói thơ trữ tình, nên nã là nhờ ngôn từ bình dân, dễ thổ lộ theo kiểu “nghĩ sao nói vậy”. Tuy nhiên, với khẩu khí bình dân, đây là hình thức diễn xướng có tiềm năng trong quá trình rèn luyện, thực hành phát âm, luyện ngữ điệu,... cho bà con Việt kiều, từ đó mở rộng ra cộng đồng người dân Thái Lan có nhu cầu tìm hiểu thêm về văn hóa Nam Bộ Việt Nam.

- Phối hợp thực hiện các dự án văn hóa Thái - Việt với vai trò nòng cốt của Hội Hữu nghị Việt Nam - Thái Lan tỉnh Bến Tre và Chi hội Sáng tạo Trẻ Bến Tre như: *Sách Lục Vân Tiên tiếng Thái Lan*, trước hết cần hợp tác, tiếp tục cập nhật bản gốc *Lục Vân Tiên* tiếng Việt mới nhất (Chi hội Sáng tạo Trẻ Bến Tre đang thực hiện)¹ để có bản dịch tiếng Thái đầu tiên nhân kỷ niệm 200 năm ngày sinh cụ Đồ Chiểu...; biên soạn *Sổ tay học tiếng Việt qua Lục Vân Tiên và nói thơ Vân Tiên* dành cho bà con Việt kiều tại Thái Lan; phổ biến, truyền dạy *Nói thơ Vân Tiên* trong cộng đồng Việt kiều ở Thái Lan.

- Thiết kế các tour *du lịch học tập danh nhân* có tính quốc tế, lấy trục sông Mekong làm hành trình chính với điểm đến cuối nguồn là Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu. Trên hải trình này đưa hình thức học tiếng Việt qua tác phẩm *Lục Vân Tiên* đến với du khách tham gia loại hình du lịch học tập danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Đình Chiểu, tổ chức giao lưu văn hóa nghệ thuật, mở các lớp truyền dạy và hội thi *Nói thơ Vân Tiên* cho du khách và người dân địa phương.

3. Kết luận

Tác phẩm *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu đã có những dấu ấn văn hóa đặc biệt ở Thái Lan, đây là điểm nhấn có tính biểu tượng cao trong quá trình xây dựng và phát triển lâu dài tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài, cũng như phát triển ngôn ngữ Việt Nam trên đất Thái Lan. Với sự kiện UNESCO vinh danh Nguyễn Đình Chiểu ở tầm thế giới, vấn đề đặt ra là cần nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí, tầm quan trọng

1. Dự án sách *Truyện thơ Nôm Lục Vân Tiên và tác giả Nguyễn Đình Chiểu* tiếng Hàn Quốc, Chi hội Sáng tạo Trẻ, Hội Di sản văn hóa Bến Tre thực hiện với sự tài trợ của ba Công ty Hàn Quốc: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Accendus; Công ty Trách nhiệm hữu hạn VK Link và Công ty Trách nhiệm hữu hạn SNA Việt Nam và Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam.

của Nguyễn Đình Chiểu - danh nhân văn hóa thế giới trong cộng đồng kiều bào Việt Nam tại Thái Lan, từ đó lan tỏa các giá trị ngôn ngữ và văn hóa Việt đối với người Thái.

Với truyền thống tốt đẹp luôn hướng về quê hương, đất nước, bà con kiều bào Việt Nam tại Thái Lan luôn nêu cao ý thức trách nhiệm trong việc truyền dạy tiếng mẹ đẻ và văn hóa dân tộc cho con cháu và quảng bá văn hóa ngôn ngữ Việt Nam đến với nhân dân Thái Lan. Chúng tôi tin rằng, những đề xuất giải pháp trong bài viết này sẽ sớm biến thành những kế hoạch, chiến lược cụ thể, khoa học góp phần thúc đẩy và nâng cao hiệu quả việc giảng dạy tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho kiều bào Việt Nam đang sinh sống và làm việc ở Thái Lan, từ đó có những đóng góp hữu hiệu vào công cuộc xây dựng, phát triển cộng đồng ASEAN vững mạnh, đoàn kết và mở rộng tầm ảnh hưởng văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Chí Bền: *Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) nhà thơ lớn, nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2021.
- [2] Phạm Văn Luân: *Quản lý di tích lịch sử - văn hóa trong phát triển du lịch ở tỉnh Bến Tre*, Luận án Tiến sĩ, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 2021.
- [3] Phatcharaphong Phubetpeerawat: *Khảo sát hệ thống ngữ âm tiếng Việt của người Thái Lan gốc Việt ở huyện Muang, tỉnh Nakhon Phanom (có liên hệ với tiếng Việt ở Việt Nam)*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014.
- [4] Thanyatip Sripana: *Người Việt Nam di cư vào miền Đông Bắc Thái Lan*, Viện Châu Á học, Đại học Chulalongkorn, Bangkok, 2005.

- [5] Thanyatip Sripana và Trịnh Diệu Thìn: *Việt kiều in Thailand in Thai - Vietnamese Relationship*, Viện Châu Á học, Đại học Chulalongkorn, Bangkok, 2005.
- [6] Thouchanok Sattayavinit: *Việc giảng dạy về Việt Nam ở Đông Bắc Thái Lan trường hợp tỉnh Nakhon Phanom (giai đoạn 1946 - 2013)*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014.

DẠY TIẾNG VIỆT QUA TRUYỆN THƠ NÔM *LỤC VÂN TIÊN* CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU Ở ĐẠI HỌC OSAKA, NHẬT BẢN

GS.TS. SHIMIZU MASAOKI*

Tóm tắt: Bài viết này nhằm mục đích giới thiệu và mô tả kinh nghiệm dạy tiếng Việt qua một số tác phẩm văn học Nôm như Lục Vân Tiên và Truyện Kiều. Đối tượng giảng dạy là sinh viên năm ba và năm thuộc bộ môn tiếng Việt, khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Osaka, Nhật Bản. Bài viết này đặc biệt tập trung vào tác phẩm Lục Vân Tiên. Sau khi giới thiệu khái quát về tác giả, nội dung và bối cảnh lịch sử sự ra đời tác phẩm, giảng viên giải thích thể loại lục bát, quy luật gieo vần và quy luật bằng - trắc của văn học Nôm. Một trong những mục đích chính trong việc dạy văn học Nôm cho sinh viên Nhật Bản là tạo cho sinh viên cơ hội tiếp xúc với chữ Nôm và học tiếng Việt qua chữ Nôm. Đặc điểm nổi bật của sinh viên Nhật Bản là đều sử dụng chữ Hán trong cuộc sống hằng ngày và có vốn từ gốc Hán với số lượng nhất định. Chúng tôi giả định rằng đặc điểm đó có tác dụng tích cực khi sinh viên Nhật Bản học tiếng Việt qua chữ Nôm. Đối với sinh viên Nhật Bản, việc thuộc lòng từ Hán - Việt là việc tương đối dễ dàng vì các bạn có thể suy đoán ý nghĩa của từ Hán - Việt qua việc so sánh cách đọc Hán - Việt và Hán - Nhật. Ngược lại, việc thuộc

* Trường Đại học Osaka. Liên hệ: qingshui2018@gmail.com

lòng từ thuần Việt khó khăn hơn nhiều so với từ gốc Hán vì chúng không có điểm nào chung với từ vựng tiếng Nhật. Theo thống kê của chúng tôi, tỷ lệ chữ hình thanh là loại chữ Nôm có cả yếu tố biểu âm và biểu ý trong các chữ Nôm trong Truyện Kiều và Lục Vân Tiên cao hơn so với các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam. Vì vậy, bằng cách nhận thức cấu trúc của từng chữ Nôm biểu hiện âm và nghĩa của các từ thuần Việt, việc thuộc lòng những từ vựng ấy sẽ trở nên dễ dàng hơn đối với sinh viên Nhật Bản. Trong bài viết này, chúng tôi mô tả chi tiết về phương pháp giảng dạy tiếng Việt qua chữ Nôm từ tác phẩm Lục Vân Tiên như một phương pháp phù hợp nhất dành cho sinh viên sử dụng chữ Hán như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Trung Quốc, v.v. Theo chúng tôi, đây chính là một giá trị mới trong lĩnh vực giáo dục và ngôn ngữ của văn thơ Nguyễn Đình Chiểu - người được tôn vinh là danh nhân văn hóa thế giới.

Từ khóa: Chữ Nôm; Dạy tiếng Việt; Lục Vân Tiên; Nguyễn Đình Chiểu.

TEACHING VIETNAMESE THROUGH TALES OF LỤC VÂN TIÊN IN NÔM VERSES AT OSAKA UNIVERSITY, JAPAN

Abstract: The paper aims to introduce and describe the experience of teaching Vietnamese through some Nôm literary works such as story Lục Vân Tiên and the tale of Kiều to the third and fifth-year students of the Vietnamese language department, Faculty of Foreign Languages, Osaka University, Japan. Especially, the paper focuses on story Lục Vân Tiên. Such issues as giving an overview of the author, the content

and the historical background of the work, six - eight meter poetry verse, the rhyme and tone rules of Nôm literature, ect are explained to sutuents by lecturers. One of the main purposes of teaching Nôm literature to Japanese students is to give students the opportunity to come into contact with the Nôm script and learn Vietnamese through the Nôm script. Notably, Japanese students use Chinese in daily life and have a certain amount of Chinese vocabulary. We assume that this helps them a lot to learn Vietnamese through Nôm script. For Japanese students, memorizing Sino-Vietnamese words is relatively easy because they can infer the meaning of Sino-Vietnamese words by comparing how to read Sino-Vietnamese and Sino-Japanese words. In contrast, memorizing pure Vietnamese words is much more difficult than Chinese words because they have nothing in common with Japanese. According to our statistics, the proportion of Nôm script that has both phonetic and meaning elements in the tale of Kiều and story Lục Vân Tiên is higher than that in the works of Vietnamese Medieval Literature. Therefore, by perceiving the structure of each Nôm script expressing both phonetic and meaning of pure Vietnamese words, memorizing vocabulary become easier for Japanese students. In this paper, we describe in detail the method of teaching Vietnamese through Nôm script through story Lục Vân Tiên as the best method for students using Chinese such as: Japanese, Korean, Taiwan and Chinese, etc. In our opinion, this is a new value in the field of education and language of Nguyễn Đình Chiểu's poetry - who is honored as a world cultural celebrity.

Keywords: Nôm script; Teaching Vietnamese; Lục Vân Tiên; Nguyễn Đình Chiểu.

Toàn văn

1. Lời nói đầu

Theo dữ liệu thống kê của Bộ Tư pháp Nhật Bản được cập nhập vào tháng 6/2019, trong số người nước ngoài ở Nhật Bản xếp theo loại tư cách cư trú, số người đang tăng với tốc độ đáng kể là người có tư cách thực tập kỹ năng. Tổng số người nước ngoài có tư cách thực tập kỹ năng tại thời điểm đó là khoảng 360 nghìn người, nhiều hơn so với số lượng du học sinh (du học sinh là 350 nghìn người). Trong số thực tập sinh kỹ năng đó, người có quốc tịch Việt Nam chiếm khoảng 51% (190 nghìn người). Trong tình hình người Việt Nam ở Nhật Bản đang tăng nhanh chóng như vậy, các công ty và trường học Nhật ngữ tại Nhật Bản bắt đầu có nhu cầu dạy và học tiếng Việt và tìm hiểu về văn hóa Việt Nam. Có nhiều công ty cử nhân viên đi học thêm tiếng Việt để có thể đón tiếp và làm việc với thực tập sinh kỹ năng một cách có hiệu quả. Các trường Nhật ngữ cũng cử giáo viên đi học và nghiên cứu về tiếng Việt và văn hóa Việt Nam để dạy tiếng Nhật Bản cho du học sinh Việt Nam một cách có hiệu quả nhất. Trường học các cấp ở Nhật cũng bắt đầu quan tâm đến việc dạy và học tiếng Việt, đặc biệt là các trường đại học có các khoa về khoa học xã hội, khoa ngoại ngữ, v.v.. Các tổ chức phi lợi nhuận cũng bắt đầu tổ chức các hoạt động liên quan đến học tập tiếng Việt, trong đó điển hình nhất là việc tổ chức kỳ thi năng lực tiếng Việt, như Kỳ thi năng lực tiếng Việt thực dụng và Kỳ thi năng lực tiếng Việt quốc tế.

Trong khi nhu cầu dạy và học tiếng Việt bắt đầu tăng lên ở Nhật Bản, các trường đại học quốc gia vốn có chuyên ngành tiếng Việt bắt đầu đóng vai trò hết sức quan trọng và thu hút sự chú ý của các nhà giáo dục và nghiên cứu viên tiếp xúc với người Việt hằng ngày. Trường Đại học Osaka chúng tôi cũng là một trong các trường đại học quốc gia có chuyên ngành tiếng Việt có lịch sử lâu dài. Năm nay cũng là năm thứ 45 kể từ khi thành lập Bộ môn tiếng Việt.

Trong bài này, chúng tôi nhìn lại phương pháp giảng dạy tiếng Việt ở Nhật Bản trong quá khứ, sau đó đề xuất một phương pháp mới đang được áp dụng ở Đại học Osaka để dạy tiếng Việt cho người Nhật một cách có hiệu quả. Khi giới thiệu về phương pháp này, chủ trương của chúng tôi là tập trung tầm quan trọng của vai trò chữ Hán và chữ Nôm trong việc giảng dạy tiếng Việt cho người Nhật Bản. Việc thực hiện điều đó như là bước đầu khảo sát về tính khả thi phương pháp này, chúng tôi đã và đang dạy thử tiếng Việt qua các bài thơ Nôm trong giờ văn học Trung đại Việt Nam. Bài viết này nhằm mục đích khảo sát sơ bộ về phương pháp giảng dạy tiếng Việt thích hợp với người Nhật, còn việc đánh giá kết quả áp dụng phương pháp này thì chúng tôi sẽ chờ một dịp khác. Sau đây, chúng tôi sẽ nhìn lại các thành tựu về việc giảng dạy tiếng Việt tại Nhật Bản trong quá khứ. Sau đó, chúng tôi giới thiệu phương pháp mới và một phần thành tựu sau khi áp dụng phương pháp đó.

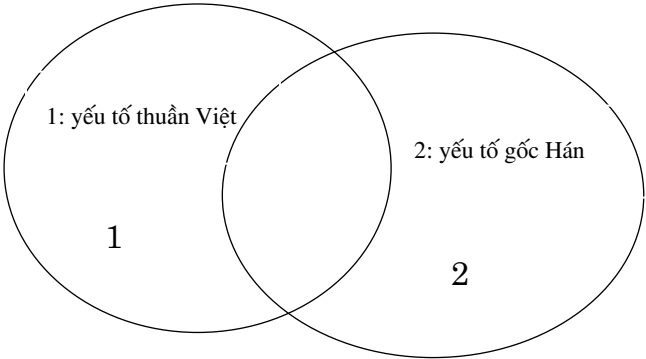
2. Từ Hán - Việt và phương pháp giảng dạy tiếng Việt tại Nhật Bản

Nhìn lại lịch sử giảng dạy tiếng Việt ở Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai, trong số các nhà giảng dạy và nghiên cứu tiếng Việt chiếm tỷ lệ cao nhất là các nhà nghiên cứu vốn là chuyên gia về Hán ngữ học, điển hình nhất là ba vị cố Giáo sư Kawamoto Kunie, Hashimoto Mantaro và Mineya Toru. Điều đó có nhiều lý do, trong đó lý do quan trọng nhất là cả Việt Nam và Nhật Bản đều nằm trong khối văn hóa chữ Hán. Do đó, trong ngành giáo dục tiếng Việt, người Nhật có thể áp dụng những kiến thức về chữ Hán và từ gốc Hán khi học tiếng Việt. Trong khi nghiên cứu tiếng Việt về mặt cả đồng đại và lịch đại, các nhà nghiên cứu không thể thiếu các kiến thức về Hán ngữ học, đặc biệt là ngữ âm lịch sử và cách đọc chữ Hán. Nhìn chung, Nhật Bản có một lịch sử lâu dài về giảng dạy và nghiên cứu Hán ngữ, khiến cho giới nghiên cứu về tiếng Việt không thể tách rời khỏi giới nghiên cứu Hán ngữ học. Ba học giả trên chính là được đặt trong điều kiện của giới học thuật như vậy.

Ngoài ra còn có cố Giáo sư Takeuchi Yonosuke với nhiều công trình nghiên cứu về Việt ngữ học và văn học Việt Nam. Sau đó phải kể đến hai học giả đã kế thừa giới Việt ngữ học tại Nhật Bản, đó là Giáo sư Kawaguchi Kenichi và Giáo sư Tomita Kenji (Shimizu 2021). Giáo sư Kawaguchi có nhiều công trình nghiên cứu về văn học Việt Nam cận hiện đại, còn Giáo sư Tomita đã có nhiều công trình đóng góp về Việt ngữ học. Đặc biệt Giáo sư Tomita đã soạn khá nhiều giáo trình dạy và học tiếng Việt cho học viên Nhật Bản. Nhìn chung, các Giáo sư Kawaguchi, Tomita và Giáo sư Takeuchi là thế hệ nhà nghiên cứu đi trước đều có quan niệm chung khi dạy tiếng Việt, đó là coi trọng vai trò của từ Hán - Việt trong vốn từ tiếng Việt khi dạy tiếng Việt và soạn giáo trình, từ điển tiếng Việt dành cho học viên Nhật Bản. Trong 3 bộ từ điển Việt - Nhật được xuất bản ở Nhật Bản gần đây, những từ Hán - Việt đều được ghi thêm chữ Hán tương đương ở bên cạnh các mục từ (Ảnh 1). Điều đó chứng tỏ rằng các học giả thế hệ sau cũng coi trọng các yếu tố gốc Hán trong tiếng Việt.

Lý do thật đơn giản là tiếng Nhật là ngôn ngữ thứ nhất của học viên cũng có nhiều từ vựng gốc Hán. Đó là yếu tố chung giữa tiếng Việt và tiếng Nhật nên các từ gốc Hán đóng vai trò thúc đẩy giao thoa tích cực (positive transfer) với học viên Nhật Bản học tiếng Việt và học viên Việt Nam học tiếng Nhật. Chúng tôi có thể minh họa như sơ đồ dưới.

Sơ đồ 1



Trong Sơ đồ 1, yếu tố thúc đẩy giao thoa tích cực chính là vị trí số 2, là các yếu tố gốc Hán. Còn vị trí số 1 tương đương với yếu tố gọi là từ

thuần Việt. Chúng tôi tìm ra một số công trình nghiên cứu chủ trương về tính hiệu quả của yếu tố 2 khi học viên người Việt học tiếng Nhật (Matsuda et al, 2008). Khi đánh giá hiệu lực thúc đẩy giao thoa tích cực của yếu tố 2, chúng ta cần phải nhìn từ các góc độ khác nhau. Về tính tương đồng ngữ âm giữa cách đọc Hán - Việt và cách đọc Hán - Nhật thì có bài nghiên cứu của Nagano (2017). Bài này phân tích tính tương đồng ngữ âm (phonological similarity) bằng cách sử dụng bảng từ gốc Hán chung trong tiếng Việt và tiếng Nhật (Matsuda et al, 2008) để phỏng vấn cho người Việt Nam chưa từng học tiếng Nhật đánh giá tính tương đồng ngữ âm giữa từ Hán - Việt và từ Hán - Nhật tương đương. Sau đó để xác nhận lại tính tin cậy của mức tương đồng được quy ra, tác giả đã cho học viên Việt Nam đang học tiếng Nhật thuộc lòng những từ vựng ấy rồi kiểm tra kết quả thuộc lòng của họ. Kết quả cho thấy mức tương đồng về mặt ngữ âm của những từ gốc Hán ảnh hưởng đáng kể tới mức độ thụ đắc từ vựng gốc Hán của học viên Việt Nam. Tiếc rằng vấn đề tương tự như vậy chưa được khảo sát về mối quan hệ giữa từ Hán - Việt và học viên người Nhật. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy tiếng Việt cho học viên Nhật Bản từ trình độ sơ cấp đến cao cấp, chúng tôi cảm nhận được hiệu lực của các từ gốc Hán trong việc người Nhật học tiếng Việt (*Ảnh 5*). Tóm lại, giả định về sự giao thoa ngôn ngữ tích cực qua từ vựng gốc Hán giữa tiếng Nhật và tiếng Việt sẽ được ủng hộ bởi các công trình nghiên cứu và kinh nghiệm giảng dạy như trên. Chúng tôi thường cung cấp cho học viên bảng đối chiếu cách đọc Hán - Việt và Hán - Nhật (*Bảng Phụ lục*).

3. Phương pháp đề xuất trong bài

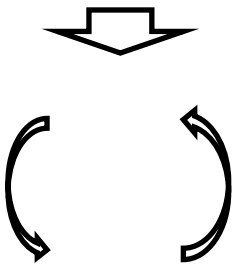
Ngoài các yếu tố thuộc phần 2 trong *Sơ đồ 1* ra, còn có các yếu tố thuộc phần 1, tức là từ vựng thuần Việt, chứa vấn đề lớn hơn đối với học viên Nhật Bản so với yếu tố gốc Hán. Về phương pháp dạy từ vựng thuần Việt cho học viên Nhật Bản một cách có hiệu quả, Giáo sư Tomita đã đưa ra một phương pháp rất đặc biệt, đó là việc áp dụng khái niệm Word Family vốn được đề xuất cho hệ thống từ vựng tiếng Hán thượng cổ

(Karlgren, 1933; Pulleyblank, 1973). Giống như tiếng Hán thượng cổ, trong tiếng Việt cũng có một số nhóm từ vựng cùng có một vần chung và có ý nghĩa giống hoặc gần nhau, ví dụ như *cắt, ngắt, tắt, xắt, chặt, gặt* đều biểu hiện các hành động làm cho đối tượng trở nên bị đứt, hoặc, *ngăn, chặn, gằn, cấn, dẫn* đều biểu hiện các hành động làm cho đối tượng chấm dứt hoặc tách ra, v.v.. Những học viên Nhật Bản chưa quen đặc trưng ngữ âm của từ vựng tiếng Việt có thể thuộc lòng số vốn từ tiếng Việt nhất định bằng cách suy đoán ý nghĩa của nhóm từ vựng có đặc trưng ngữ âm chung, sau khi quen dần với mối quan hệ giữa đặc trưng ngữ âm và ý nghĩa của nhóm từ vựng đó (Tomita, 2013).

Trong bài viết này, chúng tôi đề xuất một phương pháp khác cho học viên Nhật Bản thuộc lòng từ vựng thuần Việt một cách có hiệu quả. Đó là phương pháp áp dụng chữ Nôm khi học từ vựng thuần Việt mới. Đầu tiên, chúng tôi chủ trương tầm quan trọng của chữ Hán khi học viên Nhật Bản thuộc lòng từ vựng gốc Hán. Thông qua mặt chữ, học viên liên tưởng âm đọc Hán - Nhật của chữ đó rồi tạo ra mối liên quan giữa cách đọc Hán - Nhật và cách đọc Hán - Việt một cách vô ý thức. Đó là quá trình cụ thể khi sinh viên thuộc lòng từ Hán - Việt (*Sơ đồ 2*). Bảng phụ lục là một công cụ giúp sinh viên liên tưởng âm đọc Hán - Nhật một cách dễ dàng và có hệ thống.

Sơ đồ 2

- (1) “Nhân tình” [人 情]: qua mặt chữ 人情, liên tưởng
nín jouâm đọc Hán - Nhật ‘nín jou’

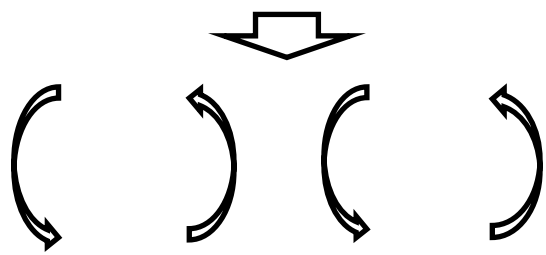


- (2) “Nhân tình”: tạo ra mối liên quan giữa cách đọc
Hán - Việt và cách đọc Hán - Nhật
“nín jou”

Trong khi đó, những từ thuần Việt thì thông qua mặt chữ của chữ Nôm tương đương, học viên Nhật Bản có thể liên tưởng âm đọc Hán - Nhật của bộ phận biểu âm của chữ Nôm rồi tạo ra mối liên quan giữa cách đọc chữ Nôm và cách đọc Hán - Nhật phần biểu âm cùng với mối liên quan giữa ý nghĩa của chữ và ý nghĩa của phần biểu nghĩa của chữ (Sơ đồ 3).

Sơ đồ 3

- (1) “Xem” [𠬞]: qua mặt chữ 𠬞, liên tưởng
Sen âm đọc chữ Hán - Nhật “sen”



- (2) Xem 見る (xem): tạo ra mối liên quan giữa cách
đọc chữ Nôm và cách đọc chữ Hán sen 目 (mắt)Nhật, giữa “bộ mục” và
nghĩa [âm đọc] [ý nghĩa] “xem”

Sự khác biệt giữa Sơ đồ 2 và Sơ đồ 3 là có hay không có mặt quá trình tạo ra sự liên quan giữa ý nghĩa của chữ và ý nghĩa của phần biểu nghĩa của chữ. Lý do có sự khác biệt này là vì trong trường hợp từ Hán - Việt, học viên Nhật Bản có thể suy đoán ý nghĩa của từ trực tiếp qua mặt chữ luôn, nhưng trong trường hợp chữ Nôm thì mặc dù nhiều khi gồm có yếu tố biểu nghĩa trong một chữ nhưng nó không hoàn toàn biểu hiện ý nghĩa của từ đó, khiến cho học viên Nhật Bản phải liên tưởng ý nghĩa của từ qua phần biểu nghĩa. Vậy thì tại sao chúng tôi vẫn chủ trương nên dùng chữ Nôm khi học viên thuộc lòng từ thuần Việt mới, mặc dù học viên phải trải qua quá trình phức tạp hơn so với trường hợp của từ Hán - Việt? Đó là vì cả chữ Hán và chữ Nôm đều thuộc về loại hình chữ khối vuông.

Cả chữ Hán và chữ Nôm đều là văn tự ngữ tố (morphographic writing) với hình thức khối vuông, tức là một đơn vị chữ với hình khối vuông biểu hiện một hình vị là đơn vị tối thiểu mang ý nghĩa. Trong khi đó, hệ thống văn tự tiếng Nhật có cả chữ Hán và chữ Hiragana - Katakana. Mặc dù chữ Hiragana và Katakana là loại văn tự âm tiết, nhưng người Nhật rất quen sử dụng chữ Hán khi ghi các hình vị có ý nghĩa từ vựng nên khi tiếp cận ý nghĩa từ vựng (lexical access), họ thường nhờ vào các đặc trưng của chữ Hán, đặc biệt là đặc trưng biểu hiện hình vị (Coulmas, 2003). Theo chúng tôi, thói quen như vậy của người Nhật rất phù hợp với việc sử dụng chữ khối vuông khi học thuộc từ vựng của ngoại ngữ, đặc biệt là khi học ngôn ngữ đơn âm tiết như tiếng Việt. Dưới đây là phần mô tả thực tiễn phương pháp này.

4. Dạy thử tiếng Việt qua thơ Nôm *Lục Vân Tiên* và *Truyện Kiều*

Để khảo sát và đánh giá phương pháp trên, chúng tôi đã tiến hành một môn dạy thơ Nôm dành cho sinh viên chuyên ngành tiếng Việt tại Khoa Ngoại ngữ Đại học Osaka, Nhật Bản. Môn học có tên là “Xã hội và Văn hóa Đông Nam Á - Văn học Cận đại Việt Nam”, được bắt đầu dạy từ tháng 4/2020, năm nay là năm thứ ba chúng tôi giảng dạy môn học này. Đối tượng tham gia là sinh viên năm ba và năm tư đã học tiếng Việt hai hoặc ba năm. Như đã trình bày ở trên, các sinh viên này đều có kiến thức cơ bản về cách đọc Hán - Việt thông qua các môn học khác theo chương trình của khoa. Sau đây chúng tôi mô tả khái quát về môn học văn học Trung đại này.

Trong giờ dạy, chúng tôi sử dụng tài liệu thơ Nôm *Lục Vân Tiên* và *Truyện Kiều* như là hai tác phẩm thơ Nôm tiêu biểu ở miền Nam và miền Bắc qua văn bản chữ Nôm kèm theo phần phiên âm bằng chữ Quốc ngữ (Ảnh 2). Ban đầu, chúng tôi giới thiệu về tác giả Nguyễn Đình Chiểu và Nguyễn Du qua các tác phẩm dịch của cố Giáo sư Takeuchi Yonosuke (Ảnh 3), sau đó giới thiệu khái quát về cấu trúc của chữ Nôm qua mấy chữ trong phần đầu của *Truyện Kiều* (Ảnh 4).

Sau khi cảm nhận được nhịp điệu đặc biệt của thơ lục bát, sinh viên vừa tham khảo sách giải thích nội dung hai tác phẩm vừa dịch từng chữ sang tiếng Nhật rồi dịch cả câu sang tiếng Nhật. Nếu sinh viên gặp câu nào thật khó hiểu thì chúng tôi sẽ cho sinh viên tham khảo bản dịch của cố Giáo sư Takeuchi. Sau khi hiểu nội dung thơ Nôm, chúng tôi cho sinh viên xem tiếp nguyên bản chữ Nôm, đồng thời, chúng tôi cũng cho các bạn xem bảng phân tích từng chữ Nôm do một số sinh viên quan tâm đến chữ Nôm đã chủ động làm sẵn (*Sơ đồ 4*).

Sơ đồ 4

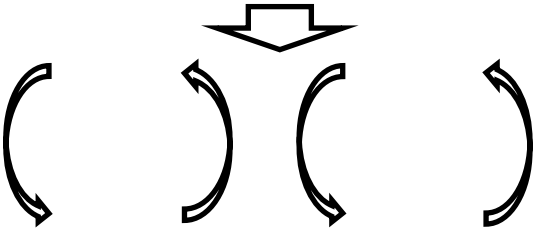
署	trước	署	lược
畑	đèn	田	điền
祐	xem	占	chiếm
吟	ngâm	吟	ngâm
嗤	cười	其	kỳ
仨	hai	哈	hai
字	chữ	字	tự
要	éo	要	yếu

固	có	固	cố
馱	người	碍	ngại
於	ở	於	ư
劍	sớm	劍	kiếm
昆	con	昆	côn
達	đặt	達	đạt
魁	tên	先	tiên
羅	là	羅	la

Sinh viên khác vừa xem bảng chữ Nôm vừa hiểu cấu trúc và ý nghĩa của từng chữ Nôm trong văn bản. Trong khi phân tích cấu trúc chữ Nôm, có một điểm hết sức quan trọng là tính phương ngữ của chữ Nôm trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Các sinh viên trong lớp đã có kiến thức cơ bản về cách đọc Hán - Việt nên họ bắt đầu cảm nhận được mối quan hệ giữa chữ Nôm và cách đọc Hán - Việt của phần biểu âm (*Sơ đồ 3*), chứ không phải cách đọc Hán - Nhật như trong *Sơ đồ 3*.

Sơ đồ 3'

(1) “Xem” [𦣻]: qua mặt chữ 𦣻, liên tưởng
chiếm âm đọc Hán - Việt “chiếm”



(2) “Xem” 見る (xem): tạo ra mối liên quan giữa cách
đọc chữ Nôm và cách đọc chữ Hán
chiếm 目 (mắt) Việt, giữa “bộ mục” và nghĩa
[âm đọc] [ý nghĩa] “xem”

Đến giai đoạn này, sinh viên bắt đầu thấy thắc mắc khi gặp một số trường hợp như chữ 𦣻 (*lặng*) trong câu “*Hỡi ai lặng lặng mà nghe*”. Cách đọc Hán - Việt của phần biểu âm 𦣻 là *lặng* nên có sự bất hợp phụ âm cuối giữa phần biểu âm và chữ Nôm. Khi mới bắt đầu tiếp xúc với văn bản thơ Nôm miền Nam, thì sự bất hợp ấy sẽ thành trở ngại đối với sinh viên Nhật Bản trong việc phân tích mối quan hệ giữa cách đọc chữ Nôm và cách đọc Hán - Việt của phần biểu âm. Tuy nhiên chính điều đó phản ánh đặc trưng ngữ âm của phương ngữ Nam Bộ tiếng Việt. Trong một số vần, phương ngữ Nam Bộ mất đi sự đối lập giữa phụ âm cuối *-n/t* và *-ng/c*. Vì vậy, đây chính là ý nghĩa trong việc dạy tiếng Việt qua tác phẩm thơ Nôm Nguyễn Đình Chiểu đối với học viên Nhật Bản. Ý nghĩa thứ nhất là sinh viên hiểu thêm về tính đa dạng của tiếng Việt tùy theo từng vùng miền. Ý nghĩa thứ hai là sinh viên hiểu sự đa dạng ấy cũng được phản ánh trong chữ Nôm của tác phẩm Nôm nói chung, tác phẩm *Lục Vân Tiên* nói riêng.

5. Hiệu quả sơ bộ dạy tiếng Việt qua thơ Nôm

Như đã nói ở phần đầu, bài viết này chỉ giới thiệu ý tưởng bước đầu của chúng tôi về phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho sinh viên Nhật Bản.

Trong hai năm áp dụng thử phương pháp này, chúng tôi cũng tìm thấy được một vài trường hợp có hiệu quả tích cực. Hiệu quả thứ nhất là mức độ sinh viên chú ý đến yếu tố gốc Hán đã tăng lên nhiều. Một hiện tượng điển hình nhất là khi gặp từ Hán - Việt, sinh viên ghi thêm chữ Hán giống như là ký hiệu phiên âm của từ vựng đó (*Ảnh 5*). Hiệu quả thứ hai là học viên bắt đầu ghi chữ Nôm bên cạnh từng từ vựng giống như trường hợp ghi chữ Hán bên cạnh từ Hán - Việt (*Ảnh 6*). Điều này chứng tỏ rằng đối với sinh viên Nhật Bản, việc ghi tiếng Việt bằng chữ Nôm có khi dễ thặng thức ý nghĩa của từ vựng đó hơn khi viết bằng chữ Quốc ngữ (điều này cần được tìm hiểu thêm từ nhiều góc độ khác nhau).

Ngoài ra, thông qua giới thiệu về đặc trưng chữ Nôm trong *Lục Vân Tiên*, sinh viên bắt đầu ý thức đến sự khác biệt giữa phương ngữ Bắc Bộ và phương ngữ Nam Bộ. Sinh viên cũng đặc biệt quan tâm đến đặc trưng ngữ âm phương ngữ Nam Bộ (chính là phương ngữ của tác giả Nguyễn Đình Chiểu). Điều này rất thú vị vì qua việc học tiếng Việt bằng hệ thống văn tự hoàn toàn khác với chữ Quốc ngữ mà sinh viên bắt đầu có sự hình dung về ngôn ngữ nói của tác giả Nguyễn Đình Chiểu.

6. Kết luận

Trong bài viết này, chúng tôi đã giới thiệu khái quát về một phương pháp giảng dạy tiếng Việt mới dành cho sinh viên Nhật Bản. Đây chỉ là một ý tưởng sơ bộ, nên chúng tôi cần phải tiếp tục đánh giá phương pháp này từ nhiều góc độ khác. Chủ trương của chúng tôi trong bài viết là phân tích tính ý nghĩa của thơ Nôm *Lục Vân Tiên* từ một góc độ hoàn toàn khác so với các cách đánh giá tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu khi thường chỉ chú trọng đến nội dung của tác phẩm. Trong quá trình giảng dạy thơ Nôm cho sinh viên Nhật Bản, chúng tôi cũng cảm nhận được sự quan tâm của các bạn sinh viên đối với nội dung và nhịp điệu đặc biệt của thơ Nôm Việt Nam, vì đặc điểm của thơ Việt Nam là hoàn toàn khác với thơ văn trong tiếng Nhật. Chúng tôi cần tiếp tục quan sát và đánh giá tính hiệu quả của phương pháp này, vì đây là phương pháp sẽ có ảnh hưởng tới cách học tiếng Việt của từng sinh viên Nhật Bản./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Florian Coulmas: *Writing Systems An introduction to their linguistic analysis*, Cambridge University Press, 2003.
- [2] Bernhard Karlgren: “Word Families in Chinese”, *Bulletin of the Museum of Far Eastern Antiquities*, N°5, p.9-120, 1993.
- [3] Nguyễn Quảng Tuân (phiên âm, khảo dị, chú giải): *Nguyễn Du Truyện Kiều bản Nôm cổ nhất 1866*, Nxb. Thời đại, Hà Nội, 2013.
- [4] E. G. Pulleyblank: “Some new hypotheses concerning word families in Chinese”, *Journal of Chinese Linguistics*, 1973, Vol. 1 (1), pp.111-125.
- [5] Shimizu Masaaki: “Giới thiệu một số tài liệu liên quan đến giáo sĩ Alexandre de Rhodes và Kinoshita Mokutaro trong lịch sử Việt ngữ học ở Nhật Bản”, *Nguyễn Tài Cẩn tư tưởng, tác phẩm và kỷ niệm*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021, tr.282-292.
- [6] 沖森卓也 (Okimori)・笹原宏之(Sasahara)編著:『日本語ライブラリー 漢字』朝倉書店, 2017.
- [7] 川本邦衛 (Kawamoto):『詳解ベトナム語辞典』大修館書店, 2011.
- [8] 五味政信 (Gomi):『五味版学習者用ベトナム語辞典』武蔵野大学出版会, 2015.
- [9] 竹内与之助 (Takeuchi)訳:『阮攸 金雲翹』講談社, 1975.
- [10] 竹内与之助 (Takeuchi)訳注:『阮廷炤 陸雲仙』大学書林, 1986.
- [11] 竹内与之助 (Takeuchi):『越日小辞典』大学書林, 1986.
- [12] 富田健次 (Tomita):『フォーの国のことば』春風社, 2013.
- [13] 長野真澄 (Nagano):「日本語漢字単語とベトナム語漢越音における音韻類似性調査」『広島大学日本語教育研究』, 2017, 27, p.35-41.
- [14] 松田真希子 (Matsuda)・タン ティ キム テュエン・ゴ ミン トウイ・金村久美・中平勝子・三上喜貴:「ベトナム語母語話者にとって漢越語知識は日本語学習にどの程度有利に働くかー日越漢字語の一致度に基づく分析ー」『世界の日本語教育』, 2008, 18, p.21-33.

PHỤ LỤC

**Bảng đối chiếu cách đọc Hán - Việt và cách đọc Hán - Nhật
(phần vận mẫu)**

[Vận mẫu]

[Ngoại chuyển] -Ø -i -u -m -n -ŋ -ŋ

			果 ^内 ・ 假	蟹	效	咸	山	宕 ^内	梗
1		開		哈 ai		覃 am			
		合		灰 ôi					
		開	歌 a	泰 ai	豪 ao	談 am	寒 an	唐 ang	
		合	戈 ₋ oa	泰 oai			桓 oan	唐 oang	
2		開		皆 ai		咸 am	山 an		耕 anh
		合		皆 oai			山 oan		耕 oanh
		開	麻 _二 a	佳 ai	肴 ao	銜 am	刪 an		庚 _二 anh
		合	麻 _二 oa	佳 oai			刪 oan		庚 _二 oanh
		開		夬 ai					
		合		夬 oai					
1, 2			歌戈麻 _二	泰哈灰 佳皆夬	豪肴	覃談銜 咸	寒桓刪 山	唐江	耕庚二
			ア	アイ	アウ	アム	アン	アウ	アウ
		k ^w	クワ	クワイ			クワン	クワウ	クワウ
3	(C ₁)	開		廢 ê		嚴 iêm	元 iên		庚 _三 inh
		合		廢 uê		凡	元		庚 _三 uynh
	(AB)	開	麻 _三 a					陽 ường	
		合						陽 uông	
		開		祭 ê	宵 iêu	鹽 iêm	仙 iên		清 inh
		合		祭 uê			仙 uyên		清 uynh
4		開		齊 ê	蕭 iêu	添 iêm	先 iên		青 inh
		合		齊 uê			先 uyên		青 uynh

3, 4		麻 B	祭廢齊	宵蕭	鹽添嚴凡	仙先元	陽	庚 B 清青
	f		アイ		アム	アン	アウ	
		イヤ	エイ	エウ	エム	エン	イヤウ 莊アウ	エイ
	k ^w		クエイ			クエン	ク キ ャ ウ 云ワウ	ケイ

Ảnh 1 (Gomi, 2015; Takeuchi, 1986; Kawamoto, 2011)

nghiêm khắc

形 [厳刻] 厳格な, 厳しい
 Bà ấy là một người rất **ng nghiêm khắc**. 彼女はとても厳格な人だ。
 Cô Hà rất **ng nghiêm khắc** với sinh viên. ハー先生は学生にとっても厳しいです。
 Từ bé tôi được bố mẹ nuôi dạy rất **ng nghiêm khắc**. 小さい時から私は両親にとっても厳しく育てられました。

ngghiêm khắc (厳刻) 厳密で苛刻(酷)
く警告する。
ngghiêm lệnh (厳令) 厳命。lệnh ng
ngghiêm mật (嚴密) 厳密な。canh p
る。
ngghiêm minh (嚴明) 嚴格で明確な。
確な規律。
ngghiêm ngặt 厳密な、嚴格な。ngghi
hành 一：嚴格に施行する。
ngghiêm nghị (嚴毅) 嚴肅で決断力の
りとした態度。
ngghiêm trang (嚴莊) ngghiêm chín
cờ 一：嚴肅な国旗掲揚式。
ngghiêm trị (嚴治) 嚴正に懲罰を加える

ngghiêm khắc 【厳刻】(規律や道義に照らして) 厳しい、厳格である。 *cảnh cáo nghiêm khắc* 厳しい警告。 *lời quở nghiêm khắc* 厳しい叱責。

ngghiêm khốc 厳しい、無情で厳格な。

ngghiêm lệnh 【厳令】 厳命、 厳しい命令。

ngghiêm mật 【厳密】 厳重に秘密にされた、 厳しい機密の。 *cảnh phòng nghiêm mật* 機密がもれないよう厳重に警戒する。

ngghiêm minh 【厳明】 厳密で明確な。 *kỷ luật nghiêm minh* 厳しく明確な規

Ảnh 2 (Takeuchi 1986)

LUC VÂN TIÊN

Nguyễn Đình Chiểu

1-10

Trước đèn xem truyện Tây minh,
 Gầm cười hai chữ nhờn tình éo le.
 Hối ai lằng lằng mà nghe,
 Dữ rần việc trước lành để thân sau.
 Trai thời trung hiếu làm đầu,
 Gái thời tiết hạnh là câu trau dồi.
 Có người ở quận Đồng-thành,
 Tu hơn tích đức sớm sanh con hiền.
 Đặt tên là Lục Văn Tiên,
 Tuổi vừa hai tám nghề chuyên học hành.

truyện Tây minh: 注 1. gắm: 熟考する, ㊸ ㊹ gắm: gắm và đồng
 義. 60 le: 危険な頃といふ意. hời ai: 呼びかける語. lảng lảng:
 靜かに. ㊺. lảnh: 囑と告. răn: 教訓にする. việc trước: 過去
 のこと. dể: 俚える. thân sau: 将来の身の振り方. làm đầu:
 第一となす. thể hành: 貞節のある行. trau mình: 身を修める.
 quân Đông thành: 注 2. tu nhơn tích đức: 注 3. sớm: 早.
 sanh: sinh và 同じ, 生む, もうける. hiền: 賢くすなふこと. ㊺
 名づける. Lục Vạn Tiên: 注 4. vửa: 方(き)な. ㊺ 近接する
 hai tam: 二八即ち十六の意. nghề chuyên: 専業とする. học
 hành: 學問を修む.

灯前で、西銘伝なる書を見ると、人情とは時に危険この上もないのかと考えるとおかしく思うことがある。だが、静かに聞

Ảnh 3 (Takeuchi, 1975, 1986)



Ảnh 4 (Okimori & Sasahara, 2017)

表 7.5 『金雲翹』の一節に含まれる字喃

文字種	字喃	表音要素 (漢字音 > 字喃読音)	表意要素
仮借字	些	ta > ta	「われわれ」
	奢	giáo > khéo	「巧みな」
	羅	la > là	「～である」
	饒	nhieu > nhau	「互い」
	沒	một > một	「一」
	仍	nhưng > những	「(複数)」
	條	điều > điều	「事」
	缶	拖 (の略体) đã > đã	「(既然)」
形声字	冪	林 lâm > trăm	百「百」
	辭	南 nam > năm	年「年」
	翹	竜 long > trong	中「中」
	埃	癸 quý > côi	土「世」
	得	碍 ngại > người	人「人」
	符	貯 trữ > chữ	字「字」
	怙	吉 cát > ghét	↑「嫌う」
	𢇛	吏 lại > trái	歴「経る」
	液	彼 bì > bể	ゝ「海」
	槐	兜 đầu > dâu	木「桑」
	𢇛	龍 long > trông	望「見る」
	𢇛	体 thể > thấy	見「見える」
	切	刀 đao > đau	↑「痛い」
	疸	旦 đán > đón	疒「痛い」
	𢇛	弄 lộng > lòng	心「心」
漢字	才	tài	「才能」
	命	mệnh	「運命」
	過	quá > qua	「過ぎる」
	局	cục > cuộc	「局面, 一生」

PHÁT TRIỂN DU LỊCH DANH NHÂN VỚI PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN, DI TÍCH NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, TỈNH BẾN TRE

TS. NGUYỄN ĐỨC THẮNG*

Tóm tắt: Đối với những người dân Việt Nam, danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu như một di sản trường tồn với thời gian. Di tích Mộ và Khu tưởng niệm ông thuộc địa bàn xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre là một di tích quốc gia đặc biệt, có giá trị lịch sử, văn hóa, văn học, giáo dục truyền thống và du lịch. Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) là đại diện tiêu biểu cho lớp sĩ phu yêu nước dùng văn thơ làm phương tiện đấu tranh với thực dân Pháp xâm lược bằng tư tưởng.

Loại hình du lịch danh nhân (hoặc du lịch gắn với các điểm di tích có các danh nhân văn hóa, lịch sử, cách mạng) ở Việt Nam cũng đã phát triển tương đối mạnh mẽ thời gian qua. Các điểm du lịch có các di tích gắn với danh nhân như Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đại thi hào Nguyễn Du..., các anh hùng dân tộc luôn là địa chỉ được du khách quan tâm và tìm đến. Do đó, du lịch danh nhân đã góp phần quan trọng cho việc phát triển du lịch tại một địa phương, một vùng hay một quốc gia như Việt Nam. Việc khai thác khu mộ và khu tưởng niệm danh nhân Nguyễn Đình Chiểu tại tỉnh Bến Tre sẽ góp phần thúc đẩy phát triển sản phẩm du lịch, tăng hàm lượng chuỗi giá trị du lịch tại địa phương. Việc xây dựng sản phẩm du lịch danh nhân gắn với cụm di tích Nguyễn Đình Chiểu nhằm bảo tồn, phát huy giá trị

* Viện Du lịch, Trường Đại học Kinh Bắc. Liên hệ: thangqlkh03@yahoo.com

di sản, nhưng cũng sẽ không dễ để thu hút, hấp dẫn du khách nếu không có một hoạch định đúng tầm vóc cho một khu di tích tiêu biểu, quan trọng của tỉnh này.

Tác giả mong muốn tiếp cận liên ngành văn hóa học, du lịch học, giữa hệ thống lý thuyết và thực tiễn du lịch, văn hóa tỉnh Bến Tre để tìm ra những giá trị đặc biệt, có tính cốt lõi của cụm di tích, qua đó góp sức hình thành một mô hình điểm về du lịch danh nhân tại tỉnh Bến Tre, đồng thời xây dựng chuỗi giá trị du lịch cho tỉnh, góp phần khai thác hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế, quảng bá du lịch và phát triển bền vững.

Từ khóa: Chuỗi giá trị; Di sản văn hóa; Du lịch danh nhân; Nguyễn Đình Chiểu; Phát huy; Sản phẩm.

DEVELOPING CULTURAL CELEBRITY TOURISM WITH PROMOTING HERITAGE AND RELIC VALUES OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, BẾN TRE PROVINCE

Abstract: For Vietnamese people, cultural celebrity Nguyễn Đình Chiểu remains in their heart. The complex of tomb and temple to Nguyễn Đình Chiểu in An Đức commune, Ba Tri district, Bến Tre province was inscribed in the list of national historical and cultural heritage, which are of historical, cultural, literary, educational, and tourism values. Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) was a typical representative of the patriotic scholars who used literature and poetry as a means of fighting against the French colonialists.

The type of celebrity tourism (or tourism associated with sites of cultural, historical and revolutionary celebrities) in Vietnam has developed for the past time. Such tourist spots associated with famous celebrities as President Hồ Chí Minh, General Võ Nguyên Giáp, great poet Nguyễn Du..., national

heroes always attract many tourists. Celebrity tourism, therefore, has played an important role in the development of tourism in a locality, a region or a country like Vietnam. The exploitation of the complex of tomb and temple to Nguyễn Đình Chiểu in Bến Tre province will help make to the development of tourism products and local tourism values. In order to attract tourists to as well as to safeguard and promote the complex of tomb and temple to Nguyễn Đình Chiểu, it is essential to provide tourists with good tourism products and to have appropriate planning policies.

Using interdisciplinary methods of cultural studies, tourism studies and experiences of tourism and culture in Bến Tre, the author wants to find out the distinctive values of the site, recommend a model of celebrity tourism in Bến Tre, build a tourism chain for the province's economic development, tourism promotion and sustainable development.

Keywords: Value chain; Cultural heritage; Celebrity tourism; Nguyễn Đình Chiểu; Promotion; Product.

Toàn văn

1. Khái quát về Di tích Mộ và Khu tưởng niệm Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre

Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu với tổng diện tích là 14.187,9m², bao gồm các hạng mục chính: nhà bia, đền thờ mới, đền thờ cũ, khu mộ.

- *Nhà bia* được xây dựng năm 2000 - 2002 bằng bê tông cốt thép, cao 12m, có hai tầng mái dán ngói, nền lát gạch men. Mặt ngoài đắp nổi hoa lá cách điệu, mặt trong đắp nổi tứ linh. Đỉnh mái đắp nổi biểu tượng bút lông. Chính giữa là tấm bia bằng đá xanh, nguyên khối, có kích thước 2,65m x 2,7m x 1,8m. Mặt trước khắc bài văn bia ca ngợi công đức của

Nguyễn Đình Chiểu, mặt sau khắc tóm tắt tiểu sử của nhà thơ. Đặc biệt, bài văn bia này đạt giải Ba (không có giải Nhất, Nhì) trong cuộc thi viết văn bia do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre tổ chức, được khắc vào năm 2003.

- *Đền thờ mới* được xây dựng vào năm 2000 - 2002, cao 21m, dựng bằng bê tông cốt thép theo hình tròn, nền lát gạch ceramic, mái đổ bê tông dán ngói âm dương màu xanh, trên các cửa ra vào trang trí đắp nổi một số hoa văn cách điệu như: hoa sen, cuốn thư, ngòi bút, hoa lá... trên trần trang trí hoa văn trống đồng đắp nổi. Đền thờ gồm hai tầng với ba tầng mái. Tầng dưới trưng bày một số hình ảnh lãnh đạo Đảng, Nhà nước, một số đoàn khách nước ngoài, nhân dân trong nước đến thăm viếng. Tầng trên đặt tượng Nguyễn Đình Chiểu bằng đồng, cao 1,6m, nặng 1,2 tấn. Trên bốn cột ở tứ trụ có 4 liên áp cột bằng gỗ chạm trổ hoa văn tinh xảo, trong đó có hai câu thơ của ông trong tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu*:

Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,

Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.

Và câu đối của Nguyễn Văn Châu, một người con của tỉnh Bến Tre viết ca ngợi công đức của Nguyễn Đình Chiểu:

Nhân nghĩa sáng ngời vằng nhật nguyệt,

Văn chương tỏ rạng ánh sao khuê.

Hai bên tượng Nguyễn Đình Chiểu là hai mảng phù điêu. Phù điêu bên trái miêu tả cảnh ông đọc bài *Văn tế sĩ dân trận vong lục tỉnh* tại Chợ Đập (Ba Tri) năm 1883. Phù điêu bên phải miêu tả trận đánh đầu tiên của người giáo làng Phan Ngọc Tông lãnh đạo nghĩa quân với vũ khí thô sơ đánh Pháp ở Giồng Gạch (An Hiệp) khi chúng hành quân lấn chiếm vùng đất Ba Tri vào đêm 17/11/1868.

- *Đền thờ cũ* được xây dựng năm 1972, với diện tích 84m², gồm hai tầng mái, lợp ngói âm dương màu nâu, tường gạch, nền lát gạch bông theo kiến trúc truyền thống. Trên nóc trang trí hoa văn rồng - mây cách điệu. Chính giữa có bàn thờ bằng bê tông dán gạch men. Hai cây cột cái đắp nổi câu thơ: “Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm/Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà” theo kiểu thư pháp được sơn màu vàng trên nền đỏ.

Nội thất trưng bày một số hình ảnh, tư liệu về các vị thủ lĩnh và phong trào kháng Pháp của nghĩa quân Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX.

- *Khu mộ* được tôn tạo năm 1958, gồm mộ cụ Đồ Chiểu, vợ ông và con gái Nguyễn Thị Ngọc Khuê (Sương Nguyệt Anh) - nữ sĩ, chủ bút báo *Nữ giới chung* - tờ báo phụ nữ đầu tiên của Việt Nam. Mộ Nguyễn Đình Chiểu trên bia có khắc chữ *Nhật* (日), mộ vợ ông trên bia có khắc chữ *Nguyệt* (月).

Hiện nay, tại di tích hiện có một phòng trưng bày một số hình ảnh lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn khách trong nước và nước ngoài, nhân dân trong và ngoài tỉnh đến thăm viếng... Phòng trưng bày còn có một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Đình Chiểu như: *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*,... bằng chữ Hán - Nôm và một số tài liệu của các nhà nghiên cứu, sưu tầm, nêu bật giá trị tư tưởng, nhân cách và nội dung các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu.

Hàng năm, chính quyền và nhân dân tỉnh Bến Tre đều tổ chức Lễ hội truyền thống văn hóa vào ngày 01 và ngày 03/7 (ngày sinh và ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu). Lễ hội được diễn ra với nhiều chương trình phong phú như: lễ dâng hương, đọc văn tế, nói thơ *Lục Vân Tiên*, thi hóa trang *Lục Vân Tiên - Kiều Nguyệt Nga*, trích đoạn cải lương *Lục Vân Tiên - Kiều Nguyệt Nga*, thi mâm xôi ngày hội, mâm cơm ngày giỗ, kéo co, nhảy bao bố, đập niêu... Lễ hội là dịp để ôn lại truyền thống yêu nước của dân tộc cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau noi theo, học tập về sự nghiệp, những giá trị tư tưởng, nhân cách, đạo đức của nhà giáo, người thầy thuốc và nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu. Đây cũng là dịp để nhân dân vui chơi, giải trí, sinh hoạt văn hóa, bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các bậc tiền nhân, đồng thời, góp phần tích cực vào việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, truyền thống văn hóa của địa phương.

Có thể khẳng định, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu là một hiện tượng văn hóa của Việt Nam thế kỷ XIX. Những tác phẩm của ông có ảnh hưởng sâu sắc và sức sống mãnh liệt trong xã hội đương thời và đến tận

hôm nay. Ông là một trong những người khai sáng dòng văn học yêu nước chống thực dân Pháp ở Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX, đồng thời, đánh dấu bước phát triển mới của văn hóa nói chung và văn học nói riêng của Nam Kỳ lục tỉnh, thể hiện lý tưởng xã hội tiến bộ và khuynh hướng thẩm mỹ - tư tưởng tích cực. Lý tưởng nhân nghĩa, đạo đức của ông là sự tiếp nối truyền thống dân chủ và nhân đạo của dân tộc trong một giai đoạn lịch sử quan trọng. Xu thế “về nguồn” trong một bộ phận của văn hóa địa phương vùng đất Nam Kỳ lục tỉnh trở nên mạnh mẽ từ sau năm 1858 và đã hòa chung với dòng văn hóa dân tộc trước hết ở tư tưởng yêu nước, khía cạnh quan trọng nhất trong nền văn hóa Việt Nam. Tư tưởng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu tiêu biểu cho ý chí độc lập của nhân dân ta ở thế kỷ XIX và cũng tiêu biểu cho truyền thống yêu nước, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc Việt Nam.

Với giá trị lịch sử, văn hóa đặc biệt, di tích Mộ và Khu tưởng niệm Nguyễn Đình Chiểu (huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre) được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 2499/QĐ-TTg, ngày 22/12/2016.

2. Phát huy giá trị di sản, phát triển loại hình du lịch danh nhân

Trong những năm gần đây, việc bảo tồn và giáo dục truyền thống văn hóa cho nhân dân, trong đó có các thế hệ trẻ được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII của Đảng đã xác định: *“Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc”* là một trong những nhiệm vụ để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc¹. *“Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc, các giá trị văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ, chữ viết và thuần phong mỹ tục của các dân tộc; tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa”*²... là góp phần vào việc *“xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng,*

1. Xem Nguyễn Trọng Phúc: *Tìm hiểu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam qua các kỳ đại hội và Hội nghị Trung ương*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2003.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.60, tr.203.

*trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội”*¹. Đặc biệt, *Luật di sản văn hóa* ra đời nhằm thể chế hóa các hoạt động và quản lý của Nhà nước, nâng cao trách nhiệm của người dân trong việc tham gia bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa ở trung ương và địa phương.

Phát huy giá trị di sản về bản chất là việc lan tỏa, phát triển thêm những giá trị văn hóa, giá trị di sản tới cộng đồng. Việc phát huy giá trị di sản là phù hợp với quy luật phát triển xã hội, cũng là cách thức để bảo tồn, gìn giữ các giá trị di sản, đồng thời góp phần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch. Vì vậy, việc phát huy loại hình du lịch danh nhân dựa trên việc phát huy giá trị di tích lịch sử Nguyễn Đình Chiểu có ý nghĩa rất quan trọng.

Truyền thống lịch sử văn hóa Việt Nam được xem như là một di sản văn hóa vô cùng giá trị, là động lực, nền tảng tinh thần, là sức mạnh nội sinh, nội lực của dân tộc ta. Lịch sử dân tộc không được phép lãng quên, trong đó có phạm trù lịch sử gắn với các anh hùng dân tộc, những nhà văn hóa, trí sĩ yêu nước mọi thời kỳ. Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu chính là biểu tượng sáng ngời của tầng lớp trí sĩ yêu nước của Việt Nam thế kỷ XIX. Chính vì vậy, hơn lúc nào hết và bất cứ ở đâu, việc bảo tồn, phát huy giá trị vốn có của các di tích lịch sử, văn hóa của cha ông để lại là một công việc cần thiết, nhằm góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội, tạo động lực để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và tỉnh Bến Tre nói riêng. Việc gìn giữ, bảo tồn các giá trị của di tích Nguyễn Đình Chiểu nhằm giúp cho người dân Bến Tre nói riêng và người dân Việt Nam nói chung thấy được truyền thống hào hùng của cha ông, đồng thời rút ra được những bài học bổ ích cho cuộc sống hôm nay và định hướng cho cả mai sau, và đặc biệt để lan tỏa, cần phát huy giá trị di sản một cách sâu sắc, gắn với du lịch, và loại hình du lịch danh nhân rất cần được áp dụng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.60, tr.202.

Du lịch danh nhân là một loại hình du lịch mà ở đó điểm di tích gắn với danh nhân là trung tâm của chương trình, sản phẩm du lịch. Du lịch danh nhân đưa du khách, công chúng đến với các điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa mà danh nhân hay anh hùng dân tộc được thờ tự, nhằm khơi dậy tinh thần yêu nước nồng nàn, đạo lý uống nước nhớ nguồn, giáo dục truyền thống tốt đẹp, giáo dục lịch sử, văn hóa, văn học,...

Loại hình du lịch danh nhân (hoặc du lịch gắn với các điểm di tích có các danh nhân văn hóa, lịch sử, cách mạng) ở Việt Nam cũng đã phát triển tương đối mạnh mẽ thời gian qua. Các điểm du lịch có các di tích gắn với danh nhân như Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đại thi hào Nguyễn Du, các anh hùng dân tộc như Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Quang Trung,... luôn là địa chỉ được du khách quan tâm và tìm đến. Do đó, du lịch danh nhân đã góp phần quan trọng cho việc phát triển du lịch tại một địa phương, một vùng hay một quốc gia như Việt Nam. Việc khai thác khu mộ và khu tưởng niệm danh nhân Nguyễn Đình Chiểu tại Bến Tre sẽ góp phần thúc đẩy phát triển sản phẩm du lịch, tăng hàm lượng chuỗi giá trị du lịch tại địa phương.

3. Xây dựng sản phẩm du lịch danh nhân Nguyễn Đình Chiểu trong chuỗi giá trị du lịch tỉnh Bến Tre

Đối với những người dân Việt Nam, danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu như một di sản tượng đài còn mãi với thời gian. Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu tưởng niệm ông thuộc địa bàn xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre là một di tích lịch sử, là di sản văn hóa đặc biệt, có giá trị lịch sử, văn hóa, văn học, giáo dục truyền thống và du lịch. Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) là đại diện tiêu biểu cho lớp sĩ phu yêu nước dùng văn thơ làm phương tiện đấu tranh với thực dân Pháp xâm lược bằng tư tưởng. Những năm gần đây, việc khai thác các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể để phát triển du lịch tại Việt Nam tương đối hiệu quả. Trong đó, du lịch gắn với các địa chỉ đỏ, các di tích lịch sử cách mạng đã thực sự phát triển, góp phần quảng bá các điểm du lịch, các tấm gương anh hùng cách

mạng, các tấm gương chí sĩ yêu nước, đồng thời khơi dậy tinh thần tự hào dân tộc, lòng yêu nước nồng nàn của người Việt Nam.

Để có được những thành tựu phát triển du lịch văn hóa nói chung và du lịch danh nhân nói riêng tại tỉnh Bến Tre, bên cạnh các yếu tố mang tính nền tảng của phát triển du lịch như môi trường ổn định, kết cấu hạ tầng phát triển, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch ngày càng chất lượng, dịch vụ du lịch ngày càng tiệm cận trình độ khu vực, sản phẩm du lịch được quảng bá mạnh mẽ, thì yếu tố cốt lõi vẫn là Bến Tre cần kết nối giá trị các tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn đặc sắc của tỉnh với cụm di tích Nguyễn Đình Chiểu, qua đó xây dựng chuỗi giá trị du lịch độc đáo, riêng có của tỉnh, tạo sức hấp dẫn với du khách thập phương.

Bên cạnh giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, văn học, những giá trị đặc biệt của *cụm di tích Nguyễn Đình Chiểu còn thể hiện giá trị ở trên những khía cạnh giáo dục truyền thống yêu nước, tự hào dân tộc và phát triển du lịch, trong đó có loại hình du lịch danh nhân*. Xét về khía cạnh giáo dục truyền thống và du lịch danh nhân, thực tế, nếu Bến Tre chỉ dựa vào cụm di tích Nguyễn Đình Chiểu để phát triển loại hình du lịch danh nhân thì sẽ không thể có được sản phẩm du lịch hấp dẫn mà cần cách tiếp cận liên vùng, liên tuyến điểm và liên kết sâu chuỗi các loại hình dịch vụ du lịch trong và ngoài tỉnh Bến Tre:

- *Tuyến điểm liên tỉnh, liên vùng*: Tour du lịch Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Cần Thơ; Tour Hà Nội - Mũi Né - Tiền Giang - Bến Tre; Tour Đà Nẵng - Tiền Giang - Tiền Giang - Bến Tre - Cần Thơ; Tour Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh - Tiền Giang - Bến Tre - Cần Thơ; Tour Cần Thơ - Bến Tre - Tiền Giang; Tour các tỉnh quanh Bến Tre kết nối với Bến Tre,... Tại các tuyến điểm này, đặc trưng quan trọng nhất là khách du lịch trong nước và quốc tế đến từ/thông qua 4 đầu mối thành phố lớn trên cả nước là Hà Nội; Đà Nẵng; Thành phố Hồ Chí Minh; Cần Thơ. Đó sẽ là những nguồn khách quan trọng để đến với Bến Tre, trong đó Bến Tre hướng du khách trong nước và quốc tế có thêm mục tiêu là khám phá loại hình du lịch danh nhân. Do đó, để phát triển du lịch, Bến Tre cần đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông kết nối liên vùng nêu trên, xây dựng hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch

(khách sạn, resort, homestay, nhà hàng ẩm thực, đơn vị vận chuyển chuyên nghiệp, cơ sở vui chơi, giải trí,...) đầy đủ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của du khách.

- *Tuyến điểm nội tỉnh Bến Tre*: Đây là mấu chốt của vấn đề. Ngành du lịch Bến Tre cần quảng bá du lịch tỉnh nhà với nòng cốt, trọng tâm là một số điểm đến/sản phẩm du lịch độc đáo như “Về miền sông nước, miệt vườn”, “Trải nghiệm độc đáo xứ Dừa”, “Từ sông Hàm Luông đến Cồn Bần”, “Quê hương Đồng Khởi”, “Khám phá vẻ đẹp truyện Lục Vân Tiên”... thay vì quảng bá ô ạt, dàn trải, thiếu trọng tâm, thiếu tính độc đáo, thiếu tính đặc trưng riêng có mà chỉ có thể đến Bến Tre mới có được. Chỉ tập trung vào 5 sản phẩm du lịch nêu trên, kết hợp với hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông nội vùng, liên vùng tốt, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch chất lượng, nguồn nhân lực chất lượng cao,... Bến Tre sẽ hấp dẫn du khách và có thể phát triển du lịch danh nhân gắn với cụm di tích Nguyễn Đình Chiểu. Nếu để độc lập, chỉ tập trung vào một điểm di tích Nguyễn Đình Chiểu thì sẽ không thành công, nhưng nếu tạo ra một chuỗi giá trị du lịch, kết nối những sản phẩm du lịch hấp dẫn nhất, lấy cụm di tích Nguyễn Đình Chiểu làm trung tâm, sông nước, miệt vườn, ẩm thực, trải nghiệm xứ Dừa làm vệ tinh để dẫn “Hữu xạ tự nhiên hương”, đem các giá trị văn hóa đặc trưng đến gần với du khách, thu hút họ đến với vùng đất xứ Dừa tươi đẹp. Chắc chắn, nếu làm tốt, bài bản, cùng với xúc tiến quảng bá mạnh mẽ, với nghệ thuật truyền thông, marketing thì chuỗi giá trị du lịch Bến Tre nêu trên sẽ tạo lợi thế cạnh tranh với các tỉnh bạn, đồng thời sẽ tạo dựng được một điểm sáng về du lịch danh nhân.

Ngoài ra, việc “thổi hồn” vào cho cụm di tích cũng là yếu tố rất quan trọng, tạo tính thiêng, độc đáo, tâm linh, yếu tố mà Bến Tre phải triển khai đồng bộ. Trong dòng chảy của lịch sử, đã có rất nhiều anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, danh nhân yêu nước được tôn vinh trong lòng nhân dân dưới nhiều hình thức. Để công tác bảo tồn, lưu giữ, phát huy giá trị của mỗi di tích lưu niệm danh nhân yêu nước như Nguyễn Đình Chiểu trong đời sống văn hóa cộng đồng, bên cạnh việc xã hội hóa bảo tồn di tích là một việc làm cần thiết nhằm nâng cao ý thức của người dân, giúp cho mọi người dân hiểu rõ giá trị lịch sử của di tích là vô cùng quan trọng, nhưng

việc sử dụng các di tích để làm nơi sinh hoạt văn hóa, giáo dục truyền thống trở thành một hoạt động bổ ích, tránh cho di tích không bị lãng quên, làm cho di tích tự nó thổi hồn vào cuộc sống của nhân dân bằng giá trị lịch sử chính nó cũng quan trọng không kém.

“*Thổi hồn*” ở đây không phải là tâm linh hóa di tích triệt để, thần thánh hóa danh nhân trong di tích, tạo sự mê tín dị đoan, mà “*thổi hồn*” cho cụm di tích Nguyễn Đình Chiểu chính là tạo sức sống cho nó, không để nó bị lãng quên. Các di sản văn hóa gắn với các anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa có lợi thế là bản thân danh nhân đó luôn được nhân dân trong vùng, cộng đồng yêu mến, kính trọng và tôn vinh. Nguyễn Đình Chiểu còn là hiện thân của tinh thần yêu nước nồng nàn, lại là một nhà văn hóa lớn gắn với một tác phẩm kinh điển *Lục Vân Tiên* đầy hoài niệm, thì không khó để thổi hồn cho di tích.

Vì vậy, vấn đề là cách làm. Mở đầu bằng các đoàn khách học sinh, sinh viên Bến Tre và vùng Nam Bộ. Hãy tạo một truyền thống văn hóa tốt đẹp như một nét nhân văn. Sau đó, với sự lan tỏa và các chương trình xúc tiến quảng bá, với việc thuyết phục các doanh nghiệp du lịch cả nước đưa cụm di tích vào tour để bán, lũ hành vào cuộc, du khách đến, yêu và nhớ vì thuyết minh viên tại điểm đã thổi hồn vào trong lòng mỗi người, họ chụp ảnh, lan tỏa, truyền miệng nói về nó như đã từng đến với Ngã ba Đồng Lộc, Khu di tích Nguyễn Du, mộ chị Võ Thị Sáu,... Nhiều đoàn, nhiều nhóm sẽ dần lan tỏa những câu chuyện mang tính thiêng liêng, tính anh hùng, tính bất tử trong con người và tâm hồn Nguyễn Đình Chiểu và chắc chắn, nếu làm tốt thì du khách sẽ tìm đến ngày càng nhiều hơn, để mỗi lần nhắc đến du lịch Bến Tre, người Việt Nam không chỉ nhắc đến dừa, miệt vườn, sông nước Hàm Luông, Đồng Khởi mà còn nhắc đến di tích Nguyễn Đình Chiểu như một lời thôi thúc hãy ghé thăm.

Du khách tìm đến với cụm di tích Nguyễn Đình Chiểu không phải vì danh hiệu Di tích quốc gia đặc biệt được Nhà nước trao tặng năm 2016, mà là tìm đến thông qua một loại hình du lịch danh nhân với giá trị của tính thiêng, giá trị của một di tích sống, chứ không phải là hình ảnh của một di tích ít được nhắc đến và dễ bị lãng quên./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Chí Bền: *Văn hóa Việt Nam - nghiên cứu và tiếp cận*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2018.
- [2] Nguyễn Trọng Phúc: *Tìm hiểu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam qua các kỳ đại hội và hội nghị Trung ương*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2003, tr.432.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1996, t.60.
- [4] Luật du lịch năm 2017.
- [5] Luật di sản văn hóa năm 2009.
- [6] *Giáo trình Quản trị marketing*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
- [7] Michael Porter: *Lợi thế cạnh tranh: Tạo lập và duy trì thành tích vượt trội trong kinh doanh*, tiếng Việt, 2009.
- [8] Nguyễn Văn Đính: “Những vấn đề về chuỗi giá trị du lịch”, Hội thảo du lịch năm 2019.

**NGHIÊN CỨU BỘ SƯU TẬP VỀ NHÀ THƠ, NHÀ VĂN HÓA
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TẠI MỘT SỐ THƯ VIỆN**

TS. NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM*

ThS. NGUYỄN THỊ THÚY LIỄU**

Tóm tắt: Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ, nhà văn hóa nổi tiếng của Việt Nam, trong hơn một thế kỷ qua, cuộc đời, sự nghiệp và tác phẩm của ông được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm. Bộ sưu tập nhân vật lịch sử về Nguyễn Đình Chiểu hiện được lưu trữ ở một số thư viện ở Việt Nam được xem là nguồn tài liệu địa chí quý báu, có giá trị tại Thư viện Quốc gia Việt Nam, Thư viện Nguyễn Đình Chiểu (tỉnh Bến Tre), Thư viện tỉnh Long An,... Bài viết tập trung nghiên cứu về tầm quan trọng của nguồn tài liệu địa chí của tác giả, nhà thơ, nhà văn hóa Nguyễn Đình Chiểu; việc tuyên truyền, giới thiệu tài liệu nhằm phát huy giá trị văn hóa bộ sưu tập này đến với cộng đồng hiện nay.

Từ khóa: Giá trị văn hóa; Khai thác, Tài liệu địa chí, Tài liệu địa chí tại thư viện.

**STUDYING COLLECTION OF POET, CULTURAL CELEBRITY
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU IN SOME LIBRARIES**

Abstract: Nguyễn Đình Chiểu is a famous Vietnamese poet and researcher in culture. For more than a century, his

* Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

** Thư viện Nguyễn Đình Chiểu tỉnh Bến Tre.

life, career and works have drawn the attention of domestic and foreign researchers. The collection of historical figures about Nguyễn Đình Chiểu, which is currently stored in libraries in Vietnam, is considered valuable treatises on geography at the National Library of Vietnam, Nguyễn Đình Chiểu Library (Ben Tre province), Long An Provincial Library, etc. The article focuses on researching the importance of geographical treatises of author, poet, and cultural researcher Nguyễn Đình Chiểu; presenting the document to promote the cultural value of this collection to the community.

Keywords: Geological documents; Exploitation; Cultural values; Geographical documents at the library.

Toàn văn

1. Đặt vấn đề

Khi nói đến Nguyễn Đình Chiểu, mọi người dân Nam Bộ dù là già hay trẻ đều gọi ông bằng cái tên thân thương và đầy tôn kính “cụ Đồ Chiểu”. Nhân cách của ông không chỉ thể hiện ở hình ảnh một người thầy giáo mà còn là người thầy thuốc, nhà thơ, nhà văn hóa, một người yêu nước sâu sắc. Mặc dù đời tư của ông trải qua nhiều thăng trầm, vất vả nhưng vượt lên tất cả là nghị lực mạnh mẽ, một nhân cách cao cả, là gương sáng cho bao thế hệ của quá khứ, hiện tại và cho cả tương lai.

Qua gần hai thế kỷ, các tác phẩm của ông luôn tồn tại và vẫn giữ nguyên giá trị qua mọi thời đại với các tác phẩm nổi tiếng như *Lục Vân Tiên*, *Ngư Tiều vấn đáp Nho y diễn ca*, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*,... Có hàng ngàn công trình nghiên cứu về cuộc đời, sự nghiệp và các tác phẩm của nhà thơ, nhà văn hóa Nguyễn Đình Chiểu. Có thể nói đây là nguồn tài liệu cần được sưu tầm, gìn giữ, khai thác nhằm phát huy giá trị quý báu này đối với cả nước nói riêng và cộng đồng quốc tế như một di sản văn hóa phi vật thể.

2. Tài liệu địa chí, ý nghĩa của tài liệu địa chí và nhiệm vụ của thư viện đối với tài liệu địa chí

a) Khái niệm “tài liệu địa chí”

Ở Anh, thuật ngữ “local studies” được hiểu là “những nghiên cứu địa phương”. Các nhà chuyên môn Anh ít quan tâm đến việc xác định khái niệm “tài liệu địa chí”. Tuy nhiên, qua một số hoạt động của “Nhóm nghiên cứu địa phương” cũng như qua những thông tin về công tác địa chí của các thư viện ở Anh trên tạp chí *Local studies librarian* có thể hiểu “local studies” là:

- Những tài liệu có nội dung viết về địa phương.
- Những tài liệu được xuất bản ở địa phương.
- Những tài liệu của những tác giả ở địa phương.

Ở Việt Nam, mặc dù công tác địa chí của các thư viện tỉnh, thành phố mới được thực hiện từ năm 1954 ở miền Bắc và từ năm 1975 ở miền Nam, nhưng đến nay các nhà thư viện học - thư mục học, các cán bộ thư viện Việt Nam cũng đã đưa ra một số định nghĩa khái niệm “tài liệu địa chí”.

Trước hết trong Hội nghị địa chí được tổ chức ở Thư viện Quốc gia tháng 5/1976 đã đưa ra định nghĩa của nhà thư mục học nổi tiếng của Nga, N.V. Zdobnov: “Tài liệu địa chí bao gồm mọi loại hình tài liệu có liên quan đến địa phương về mặt nội dung, không kể nơi xuất bản và ngôn ngữ”.

Năm 1992, trong *Công tác địa chí của thư viện tỉnh*, Bùi Văn Vượng đã đưa ra định nghĩa về “tư liệu địa chí” là “tư liệu có nội dung đề cập lịch sử, hiện trình thuộc mọi lĩnh vực của địa phương, các nhân vật lỗi lạc của địa phương và những triển vọng phát triển của nó”.

Sau đó, trong *Bảng phân loại tài liệu địa chí* xuất bản năm 1993, Lê Gia Hội và Nguyễn Hữu Viêm đã định nghĩa: “Tài liệu địa chí là những tài liệu có nội dung liên quan đến địa phương trên bất cứ lĩnh vực nào của đời sống xã hội, không kể ai là tác giả được in ra ở nơi nào, bằng thứ ngôn ngữ gì và vào thời kỳ nào của lịch sử địa phương”.

Trong *Cẩm nang nghề thư viện* xuất bản năm 2000, TS. Lê Văn Viết đã định nghĩa: “Tài liệu địa chí là tất cả các ấn phẩm, các tài liệu không công bố (viết tay, đánh máy, đồ họa), các tài liệu nghe nhìn, các vật mang tin đọc máy (băng từ, đĩa compact,...) hoàn toàn nói về vùng đó hoặc có nhiều tin tức (theo khối lượng hoặc giá trị) về nó không phụ thuộc vào loại hình và phương pháp in ấn (sản xuất), số lượng bản, ngôn ngữ, nội dung xuất bản hay chế tạo, xu hướng chính trị hoặc tư tưởng”.

Gần đây nhất, trong *Thông báo kết quả Hội nghị toàn quốc “Công tác địa chí thư viện tỉnh, thành phố trong thời kỳ đổi mới”*, tổ chức tại Thư viện tỉnh Phú Yên tháng 6/2001, đã đưa ra định nghĩa “tài liệu địa chí” là “tài liệu viết về đất nước, con người của địa phương được xuất bản trên bất cứ vật mang tin nào, bằng bất cứ ngôn ngữ gì, được công bố ở bất cứ đâu trong nước và trên thế giới”.

Tóm lại, có rất nhiều định nghĩa về khái niệm “tài liệu địa chí” của các nhà nghiên cứu thuộc các lĩnh vực chuyên môn khác nhau, nhưng nhìn chung trong hầu hết các định nghĩa đều xác định dấu hiệu chủ yếu, dấu hiệu phân biệt giữa tài liệu địa chí với các tài liệu khác vẫn là dấu hiệu nội dung của tài liệu, mặc dù cách trình bày định nghĩa có thể dài ngắn khác nhau, khái quát hoặc chi tiết,...

Những định nghĩa trên đây của các nhà thư viện học - thư mục học ở trong và ngoài nước giúp cho các cán bộ thư viện - thông tin xác định diện mạo của tài liệu địa chí, phân biệt giữa tài liệu địa chí với các loại tài liệu và có thể thu thập chính xác đối tượng tài liệu địa chí cho công tác của mình. Theo đó, có thể tổng kết những đặc điểm của tài liệu địa chí:

- Tài liệu địa chí có nội dung đề cập một vùng lãnh thổ nhất định (làng, xã, huyện, tỉnh,...).

- Tài liệu địa chí có thể phản ánh nhiều mặt, nhiều vấn đề của một vùng lãnh thổ và cũng có thể phản ánh chỉ một mặt, một vấn đề của vùng lãnh thổ đó.

- Tài liệu địa chí có thể được viết bằng nhiều loại ngôn ngữ khác nhau, có thể được xuất bản ở những địa điểm khác nhau trong những thời

kỳ lịch sử khác nhau và dưới những hình thức xuất bản khác nhau (sách, báo, tạp chí, truyền đơn, biểu ngữ, bản đồ, bản nhạc, luận án,...).

- Tài liệu địa chí cũng như bất kỳ những tài liệu khác là thông tin được ghi lại trên bất kỳ một loại vật liệu nào (đá, tre, vải, giấy, đĩa từ, đĩa quang,...) và có thể được công bố hoặc không công bố.

Tất cả những tài liệu có đặc điểm trên đây đều là đối tượng của công tác địa chí nói chung và hoạt động thông tin địa chí nói riêng.

b) Ý nghĩa của tài liệu địa chí

Tài liệu địa chí là loại tài liệu chứa đựng những thông tin đa dạng về địa phương, do đó tài liệu địa chí có nhiều ý nghĩa khác nhau, có thể sử dụng tài liệu địa chí trong nhiều lĩnh vực khác nhau và cho nhiều mục đích khác nhau.

Trong bất kỳ thời đại nào, với bất kỳ chế độ xã hội nào, muốn quản lý địa phương, muốn xây dựng và phát triển địa phương đều phải có sự hiểu biết sâu sắc và toàn diện về địa phương.

Có thể có nhiều nguồn để nghiên cứu, tìm hiểu về địa phương như các kết quả của khảo cổ học, các di tích văn hoá, các mẫu thực vật và động vật, các sản phẩm công, nông nghiệp,... ở địa phương; nhưng nguồn ghi chép bằng ngôn ngữ, nguồn tài liệu địa chí vẫn là nguồn chủ yếu và quan trọng, đôi khi là nguồn duy nhất để tìm hiểu, nghiên cứu về địa phương.

Ở Việt Nam, từ thế kỷ XV, vua Lê Thái Tông đã ra lệnh cho Nguyễn Trãi viết *Dư địa chí*. Đây là sách ghi chép về các địa phương để phục vụ cho việc quản lý, tổ chức và xây dựng các địa phương.

Trong những giai đoạn đất nước ta bị xâm lược, giặc ngoại xâm nào cũng có tham vọng hiểu biết đầy đủ về đất nước con người Việt Nam, về các vùng đất khác nhau, các địa phương khác nhau của Việt Nam để có thể đặt nền móng cho sự thống trị lâu dài ở Việt Nam. Do đó, họ cũng đã để lại không ít những công trình nghiên cứu về địa phương. Ví dụ: Trong giai đoạn thuộc Pháp có *Chuyên khảo về tỉnh Vĩnh Yên* của Lotret, *Hà Đông tỉnh địa dư chí* của J. Rouan,...

Trong giai đoạn 1954 - 1975, ở miền Nam có *Địa phương chí tỉnh Quảng Tín, Địa phương chí tỉnh Long Khánh*,...

Như vậy, tài liệu địa chí là tài liệu có ý nghĩa quan trọng đối với mọi ngành, mọi giới trong xã hội.

Trước hết, đối với bạn đọc rộng rãi ở trong và ngoài địa phương, tài liệu địa chí cung cấp những thông tin chủ yếu về địa phương trong quá khứ cũng như hiện tại, toàn diện hoặc chuyên sâu giúp người đọc có được những kiến thức nhất định về những địa phương khác nhau, mở rộng tầm hiểu biết của mình về tự nhiên và xã hội, về đất nước và con người Việt Nam nói chung và về từng vùng nói riêng.

Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp thuộc các ban, ngành khác nhau ở địa phương, tài liệu địa chí giúp họ hiểu biết về lĩnh vực mà họ lãnh đạo, quản lý. Cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước có thể coi tài liệu địa chí là cơ sở khoa học để xây dựng phương hướng phát triển địa phương, đưa ra những chính sách hợp lý đối với địa phương nói chung. Riêng với cán bộ lãnh đạo, quản lý về kinh tế, tài liệu địa chí giúp họ nắm được những điều kiện tự nhiên, tài nguyên, khoáng sản, lực lượng lao động sản xuất của địa phương, nắm được tiềm năng kinh tế, những nghề truyền thống, cây trồng, vật nuôi,... của địa phương. Tài liệu địa chí còn giúp họ hiểu biết sâu sắc và toàn diện về thế mạnh, hạn chế của từng ngành nghề ở địa phương. Trên cơ sở những hiểu biết đó, cán bộ lãnh đạo, quản lý về kinh tế xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế địa phương ngắn hạn, dài hạn một cách đúng đắn, có tính khả thi. Trong thực tế cũng đã chứng minh việc thiếu thông tin về địa phương trong quá trình ra quyết định đã gây lãng phí nghiêm trọng. Ví dụ như đã xây dựng nhà máy đường ở tỉnh này nhưng không đủ nguyên liệu để sản xuất đường phải di dời nhà máy sang tỉnh khác.

Tài liệu địa chí một mặt chính là sản phẩm văn hóa, là di sản văn hóa thành văn, mặt khác tài liệu địa chí ghi chép, khắc họa diện mạo văn hóa, sắc thái văn hóa của một địa phương bao gồm văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể, danh nhân văn hóa. Do đó, tài liệu địa chí giúp cán bộ lãnh đạo, quản lý về văn hóa biết được “diện mạo văn hóa” của địa

phương mình, biết được các di sản văn hóa trong quá khứ và trong hiện tại để có chính sách bảo vệ, kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa của địa phương; trao đổi, giao lưu văn hóa với các địa phương khác. Trên cơ sở hiểu biết về các di sản văn hóa địa phương, cán bộ lãnh đạo, quản lý về văn hóa lập kế hoạch sưu tầm, phát hiện các di sản văn hóa kịp thời, phù hợp.

Các nhà khoa học, nhà nghiên cứu theo khía cạnh lãnh thổ, địa phương vừa là người tạo ra tài liệu địa chí, vừa là người sử dụng tài liệu địa chí nhiều nhất. Tài liệu địa chí là nguồn thông tin quan trọng, là công cụ tra cứu, tham khảo trong suốt quá trình nghiên cứu của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu. Do đó, tài liệu địa chí giúp các nhà khoa học, nhà nghiên cứu có cơ sở để nghiên cứu và thuận lợi hơn trong nghiên cứu; kế thừa và phát triển các thành tựu nghiên cứu về địa phương.

Đối với những người làm công tác tuyên truyền, giáo dục ở địa phương như các cán bộ văn hóa, các thầy, cô giáo, các cán bộ phụ trách Đoàn, Đội..., tài liệu địa chí trước hết cung cấp cho họ những kiến thức cần thiết về địa phương như lịch sử, địa lý của địa phương, truyền thống văn hóa của địa phương, danh nhân địa phương,... để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục về địa phương. Mặt khác, tài liệu địa chí còn là phương tiện để tuyên truyền, giáo dục về địa phương nên những người làm công tác tuyên truyền, giáo dục có thể sử dụng chính tài liệu địa chí làm tài liệu tuyên truyền, giới thiệu về địa phương.

Nói tóm lại, tài liệu địa chí là loại tài liệu có giá trị lớn về nhiều mặt cả ở khía cạnh khoa học lẫn khía cạnh thực tiễn, vừa là sản phẩm của quá trình nghiên cứu về địa phương nhưng đồng thời lại vừa là phương tiện, là cơ sở để nghiên cứu về địa phương. Quốc gia là sự hợp thành của những địa phương riêng lẻ. Việc xây dựng và phát triển đất nước, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn liền với việc xây dựng và phát triển địa phương, không thể tách rời công nghiệp hóa, hiện đại hóa từng địa phương cụ thể. Do đó, nhiệm vụ sưu tầm, thu thập đầy đủ tài liệu địa chí, bảo quản tốt và khai thác triệt để tài liệu địa chí là nhiệm vụ quan trọng của mỗi địa phương.

c) Nhiệm vụ của thư viện đối với tài liệu địa chí

Theo Luật thư viện Việt Nam năm 2019, tại Điều 4, Thư viện có chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Xây dựng, xử lý, lưu giữ, bảo quản, kết nối và phát triển tài nguyên thông tin phù hợp với người sử dụng thư viện.

- Tổ chức sử dụng chung tài nguyên thông tin, sản phẩm thông tin và dịch vụ thư viện; truyền bá tri thức, giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại; phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, giải trí; góp phần hình thành và phát triển kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực của người sử dụng thư viện.

- Ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, hiện đại hóa thư viện.

- Phát triển văn hóa đọc và góp phần tạo môi trường học tập suốt đời cho nhân dân, xây dựng xã hội học tập, nâng cao dân trí, xây dựng con người Việt Nam toàn diện.

Đối với thư viện công cộng tại Điều 11 còn có thêm chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Thư viện công cộng là thư viện có tài nguyên thông tin tổng hợp phục vụ nhân dân.

- Thư viện cấp tỉnh là thư viện trung tâm của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 4 của Luật này và các chức năng, nhiệm vụ sau đây:

- + Thu thập tài liệu cổ, quý hiếm; tài nguyên thông tin về tiếng nói, chữ viết của người dân tộc thiểu số; tài nguyên thông tin của địa phương và về địa phương;

- + Xây dựng cơ sở dữ liệu, thư viện số về địa phương; phổ biến tài nguyên thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương;

- + Tổ chức thư viện lưu động, luân chuyển tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện;

- + Tổ chức triển lãm và hoạt động khác nhằm phát triển văn hóa đọc;

- + Thực hiện liên thông với thư viện trong nước và nước ngoài...

Như vậy có thể nói, thư viện nói chung và thư viện công cộng nói riêng có nhiệm vụ sưu tầm, lưu giữ bảo quản, khai thác tài liệu địa chí đến tất cả người dân trong và ngoài nước.

3. Tuyên truyền, giới thiệu các công trình nghiên cứu về nhà thơ, nhà văn hóa Nguyễn Đình Chiểu tại các thư viện

Như trên đã nói, tài liệu địa chí là nguồn tài liệu quý giá trong đó tài liệu về nhân vật lịch sử có giá trị quý giá đối với địa phương nói riêng và quốc gia nói chung. Bộ sưu tập tài liệu về nhân vật lịch sử cần được tuyên truyền, giới thiệu rộng rãi đến với người dân địa phương được biết và thêm tự hào, yêu quê hương nơi họ sinh ra và lớn lên.

Bộ sưu tập các công trình nghiên cứu về nhà thơ, nhà văn hóa Nguyễn Đình Chiểu được xem là tài liệu địa chí đối với tỉnh Bến Tre nói chung và Thư viện tỉnh Bến Tre nói riêng.

Theo kết quả khảo sát của nhóm đề tài khoa học cấp tỉnh “*Sưu tầm số hóa các công trình nghiên cứu về nhà thơ, nhà văn hóa Nguyễn Đình Chiểu*” do Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị chủ trì và GS.TS. Nguyễn Chí Bền chủ nhiệm đề tài, nhóm khảo sát đã sưu tầm các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, các công trình nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu.

Các công trình hiện được lưu trữ tại các thư viện như Thư viện Quốc gia Việt Nam, Thư viện tỉnh Long An, Thư viện Nguyễn Đình Chiểu tỉnh Bến Tre, thư viện các trường đại học ở Hà Nội, khoa Văn học tại các trường đại học ở Hà Nội, thư viện các trường đại học ở Trung Quốc,... Hiện có 1.117 tài liệu nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu trong đó tài liệu được xuất bản trước năm 1975 có 636 tài liệu, 481 tài liệu được xuất bản sau năm 1975.

Các tài liệu được lưu trữ và phục vụ cho người sử dụng của thư viện khi có nhu cầu. Công cụ tra cứu tài liệu này chủ yếu theo hệ thống mục lục và tra cứu trực tuyến như Thư viện Quốc gia Việt Nam, Thư viện tỉnh Long An, Thư viện Nguyễn Đình Chiểu tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, hệ

thống tra cứu của các thư viện chưa đa dạng, phong phú, do đó hạn chế việc khai thác cho người sử dụng thư viện. Các thư viện chưa xây dựng thư mục về Nguyễn Đình Chiểu theo chuẩn mô tả thư mục của thư viện. Các tài liệu này vẫn còn nằm rải rác, chưa tập trung tại Thư viện Nguyễn Đình Chiểu tỉnh Bến Tre. Do đó, khó khăn trong việc xây dựng thư mục về các công trình nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu.

Công tác tuyên truyền, giới thiệu tài liệu về Nguyễn Đình Chiểu tại các thư viện chưa được tổ chức thường xuyên, rộng rãi tại các thư viện đang lưu trữ tài liệu này. Thư viện Nguyễn Đình Chiểu, hằng năm tổ chức trưng bày, giới thiệu tài liệu về nhân vật lịch sử tỉnh Bến Tre như Nguyễn Đình Chiểu, Võ Trường Toản, Phan Văn Trị, Trương Vĩnh Ký, Phan Thanh Giản, Nguyễn Thị Định.... nhân Ngày Sách và văn hóa đọc Việt Nam (ngày 21/4). Thư viện phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh Bến Tre tổ chức cuộc thi “Viết cảm nhận sách về Bến Tre”, người dự thi có thể chọn sách viết về Nguyễn Đình Chiểu và các tác phẩm của ông. Tổ chức sinh hoạt chuyên đề do TS. Phạm Văn Luân trình bày với nội dung “Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm *Lục Vân Tiên*”.

Các hoạt động truyền truyền, giới thiệu tài liệu về nhân vật lịch sử Bến Tre Nguyễn Đình Chiểu cơ bản được Thư viện Nguyễn Đình Chiểu tỉnh Bến Tre quan tâm thực hiện định kỳ hằng năm. Đây cũng là một nhiệm vụ của Thư viện Nguyễn Đình Chiểu tỉnh Bến Tre cần được tổ chức thực hiện thường xuyên các hoạt động đa dạng và phong phú. Tuy nhiên hiện nay, các hoạt động này chỉ ở phạm vi trong tỉnh và trong nước, cần được tuyên truyền giới thiệu bộ sưu tập cho cộng đồng nước ngoài được biết và hiểu hơn về nhân vật nhà thơ, nhà văn hóa Nguyễn Đình Chiểu.

3. Lời tạm kết

Nhà thơ, nhà văn hóa Nguyễn Đình Chiểu là nhân vật lịch sử của tỉnh Bến Tre. Một con người với tâm trong sáng, trao chữ, chữa bệnh cứu người, thể hiện lòng yêu nước và tạo nên nhiều tác phẩm sâu sắc và

đầy nhân văn. Các tác phẩm của cụ được nhiều nhà khoa học nghiên cứu và công bố. Các tài liệu nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu được lưu trữ tại một số thư viện được tuyên truyền, giới thiệu đến người sử dụng. Mặc dù việc tuyên truyền, giới thiệu tài liệu về Nguyễn Đình Chiểu tại các thư viện được tổ chức nhưng chưa nhiều và phong phú. Hy vọng trong thời gian tới, các thư viện cần tổ chức tuyên truyền, giới thiệu rộng rãi đến các trường học tại tỉnh Bến Tre với nhiều hình thức phong phú hơn như sân khấu hóa, thi kể chuyện theo sách về Nguyễn Đình Chiểu, số hóa tài liệu để phổ biến đến cộng đồng người sử dụng nước ngoài được nhanh chóng hơn./.

**MỘT SỐ BÀN LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH
GẮN VỚI CÁC DI TÍCH DANH NHÂN VĂN HÓA, LỊCH SỬ
TẠI VIỆT NAM**

PGS.TS. LÊ ANH TUẤN*

Tóm tắt: Với những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, Việt Nam có tiềm năng rất lớn trong phát triển sản phẩm du lịch văn hóa, đặc biệt, có nhiều di tích gắn với các danh nhân văn hóa, lịch sử đang được quan tâm phát huy giá trị để phục vụ du lịch. Trên cơ sở lý luận về phát triển sản phẩm du lịch, thực trạng phát triển sản phẩm du lịch gắn với các di tích danh nhân văn hóa tại Việt Nam, bài viết này đánh giá những thuận lợi, hạn chế và đưa ra các gợi ý chính sách đối với phát triển sản phẩm du lịch gắn với di tích danh nhân văn hóa trong thời gian tới.

Từ khóa: Danh nhân văn hóa lịch sử; Di tích lịch sử; Phát triển sản phẩm du lịch; Văn hóa.

**SOME DISCUSSIONS ON DEVELOPING TOURIST
PRODUCTS IN COMBINATION WITH RELIC SITES OF
CULTURAL AND HISTORICAL CELEBRITIES IN VIETNAM,
SPECIAL NATIONAL RELIC VALUE OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
IN ORIENTATING HERITAGE TOURISM DEVELOPMENT
IN BẾN TRE PROVINCE**

Abstract: Owning unique traditional cultural values, Vietnam has great potential in developing cultural tourism

* Vụ Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Liên hệ: letuanhv@yahoo.com

products, especially, there are sites associated with cultural and historical celebrities, which are given priority to promote their values for tourism. On the basis of the theory of tourism product development, the current situation of tourism product development associated with the sites of cultural celebrities in Vietnam, this paper evaluates the advantages, limitations of the situation and gives policy recommendations for the development of tourism products associated with cultural sites in the coming years.

Keywords: Cultural and historical celebrity; Cultural and historical site; Develop tourism product.

Toàn văn

1. Đặt vấn đề

Trên thực tế, ngành Du lịch rất được quan tâm phát triển trên thế giới và Việt Nam. Tại Việt Nam trong thời gian qua, hệ thống chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đã dần được kiện toàn, với việc ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị *Về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*, việc ban hành Luật du lịch năm 2017 thay thế Luật du lịch năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã làm nền tảng cho ngành Du lịch phát triển. Theo Tổng cục Du lịch, du lịch Việt Nam đã có những phát triển nhanh chóng cả về số lượng khách và tổng doanh thu, cụ thể năm 2019 trước đại dịch Covid-19, lượng khách quốc tế đạt trên 18 triệu lượt, khách du lịch nội địa đạt trên 85 triệu lượt, tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 720.000 tỷ đồng, đóng góp 9,2% vào GDP cả nước. Các lĩnh vực đều có các chỉ tiêu tăng trưởng, bộ mặt của ngành Du lịch có những thay đổi vượt bậc.

Việt Nam có nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa đa dạng, phong phú, phân bố đều khắp các vùng miền với nhiều giá trị nổi trội phù hợp với phát triển du lịch. Trong quá trình phát triển sản phẩm,

doanh nghiệp du lịch khai thác, phát huy các giá trị văn hóa để phát triển sản phẩm, chương trình du lịch. Đặc biệt, Việt Nam có nhiều danh nhân văn hóa, lịch sử đã để lại nhiều di sản có giá trị, nhiều công trình, di tích lịch sử văn hóa gắn với các danh nhân văn hóa, lịch sử được xây dựng, bảo tồn và phát huy các giá trị để giáo dục cho thế hệ trẻ, bên cạnh đó còn phục vụ phát triển sản phẩm du lịch đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu và học tập của khách du lịch.

Thực tiễn thời gian qua, các sản phẩm du lịch đã có sự hiện diện của những yếu tố văn hóa, lịch sử gắn với các giá trị văn hóa, danh nhân văn hóa lịch sử, đã và đang làm phong phú thêm hệ thống sản phẩm du lịch của Việt Nam. Các giá trị liên quan đến nhiều danh nhân văn hóa lịch sử được phát huy và đã đem lại nhiều kết quả khả quan và có ý nghĩa. Tuy nhiên, trên thực tế cho thấy vẫn còn nhiều nội dung cần được quan tâm trong thời gian tới.

2. Một số vấn đề lý luận về phát triển sản phẩm du lịch

a) Dịch vụ và sản phẩm du lịch

Dịch vụ là một quá trình, được thực hiện, tương tác bởi người cung cấp dịch vụ và người tiêu dùng dịch vụ. “Các dịch vụ du lịch ở đây bao gồm dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, dịch vụ lễ hành, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ vui chơi giải trí, dịch vụ thông tin hướng dẫn và các dịch vụ khác liên quan...”¹. Hay nói cách khác, dịch vụ du lịch gồm các dịch vụ đơn lẻ như vận chuyển, lưu trú, ăn uống, hướng dẫn tham quan, bảo hiểm, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp... Các dịch vụ này nhằm mục đích làm thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của khách trong quá trình tham quan du lịch.

Trong đó, theo quan điểm của người kinh doanh lễ hành, dịch vụ được chia thành hai nhóm, gồm: “Các dịch vụ cơ bản: là những dịch vụ

1. Lê Văn Minh: “Phát triển sản phẩm du lịch cạnh tranh, đảm bảo cho du lịch Việt Nam phát triển bền vững”, itdr.org.vn/ngghien-cuu/phot-trien-san-pham-du-lich-canhh-tranh-dam-bao-cho-du-lich-viet-nam-phat-trien-ben-vung, ngày 20/10/2021.

thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của khách du lịch, bao gồm các dịch vụ vận chuyển, lưu trú, ăn uống. Các dịch vụ bổ sung: là những dịch vụ thỏa mãn nhu cầu đa dạng của khách du lịch, bao gồm các dịch vụ bảo hiểm, vui chơi giải trí, tư vấn, các dịch vụ khác”¹.

Tại khoản 5, Điều 3 Luật du lịch, quy định: “Sản phẩm du lịch là tập hợp các dịch vụ trên cơ sở khai thác giá trị tài nguyên du lịch để thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch”.

Theo đó, sản phẩm du lịch là tập hợp các dịch vụ du lịch hoặc là các dịch vụ du lịch đơn lẻ được các đơn vị cung ứng và các doanh nghiệp trung gian như doanh nghiệp lưu trú, doanh nghiệp vận chuyển, các nhà hàng, đội ngũ hướng dẫn, các doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ khác cho khách du lịch trong quá trình thực hiện chuyến du lịch của mình. Như vậy, sản phẩm du lịch có thể tồn tại dưới hai hình thức: đơn lẻ và tổng hợp. Dạng đơn lẻ là các dịch vụ du lịch như lưu trú, ăn uống, vận chuyển... Dạng tổng hợp là dạng được cấu thành bởi tất cả các dịch vụ đơn lẻ ở trên nhằm phục vụ khách đầy đủ, hay nói cách khác, du khách được sử dụng một dịch vụ trọn gói.

Xét về đặc điểm, cũng như các dịch vụ du lịch, sản phẩm du lịch cũng không có hình thái cụ thể. Sản phẩm du lịch không được sản xuất hàng loạt, người tiêu dùng sản phẩm phải tham gia vào quá trình chuyển giao dịch vụ và tiêu dùng từng phần trong lịch trình du lịch theo chương trình. Mặt khác, các dịch vụ trong sản phẩm du lịch không tập trung tại một nơi, do đó khi tiêu dùng, khách du lịch phải di chuyển địa điểm và có những không gian, thời gian khác nhau trong suốt chuyến đi.

Sản phẩm du lịch không được sản xuất hàng loạt, không được lưu kho cất trữ. Ở những dịch vụ như ăn uống, sản phẩm ăn uống được chế biến theo yêu cầu của khách hàng, việc chế biến hàng loạt sau đó cất giữ trong kho là việc không thể thực hiện được. Như vậy, sản

1. Nguyễn Văn Đính (Chủ biên): *Giáo trình Nghiệp vụ lữ hành*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2007, tr.54.

phẩm du lịch cũng không thể lưu kho cất trữ được cũng do các đặc điểm này quy định.

b) Phát triển sản phẩm du lịch

Phát triển sản phẩm du lịch bắt đầu từ việc nghiên cứu khảo sát, phát hiện các giá trị tài nguyên tự nhiên và văn hóa có khả năng hấp dẫn, thu hút khách du lịch tham quan, trải nghiệm, tìm hiểu.

Phát triển các dịch vụ cơ bản, dịch vụ hỗ trợ thông qua các hoạt động đầu tư, phát triển các dịch vụ, cụ thể là phát triển các doanh nghiệp đóng vai trò là nhà cung cấp dịch vụ như doanh nghiệp vận chuyển, doanh nghiệp lưu trú, các doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng ăn uống, các điểm vui chơi giải trí, thể dục thể thao, trung tâm dịch vụ làm đẹp... Với mỗi dịch vụ đơn lẻ, hay sản phẩm du lịch đơn lẻ, các nhà cung cấp phát triển theo tiêu chuẩn đặt ra, cung cấp trực tiếp cho khách du lịch, hoặc gián tiếp thông qua hoạt động chào bán đối với các doanh nghiệp trung gian để bán cho khách du lịch.

Đối với sản phẩm tổng hợp (trọn gói), thông thường do các doanh nghiệp trung gian là các đại lý du lịch, các doanh nghiệp lữ hành trên cơ sở nghiên cứu thị trường, nhu cầu khách du lịch, thực tiễn cung cấp các dịch vụ đơn lẻ của các nhà cung cấp, các điểm tham quan, lựa chọn sắp xếp các dịch vụ theo ý tưởng riêng có của các doanh nghiệp để phát triển sản phẩm du lịch.

Mỗi doanh nghiệp sẽ có cách tiếp cận khác nhau đối với các dịch vụ đơn lẻ, các điểm tham quan, do vậy việc sắp xếp lịch trình các điểm tham quan, lựa chọn các dịch vụ, sự phối trộn các dịch vụ đơn lẻ, điểm tham quan để phát triển sản phẩm du lịch với dạng thức, nội dung, hình thức khác nhau có vai trò quan trọng. Bên cạnh đó, với các đối tượng khách du lịch, nhu cầu khác nhau, do vậy có những yêu cầu khác nhau đối với các doanh nghiệp du lịch trong cung cấp các sản phẩm du lịch cho họ. Trong thực tiễn, nhiều trường hợp, các sản phẩm du lịch còn được xây dựng và phát triển theo yêu cầu của khách du lịch.

c) Tài nguyên du lịch văn hóa và mối quan hệ với danh nhân văn hóa

Khoản 2, Điều 15 Luật du lịch quy định: “Tài nguyên du lịch văn hóa bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, di tích cách mạng, khảo cổ, kiến

trúc; giá trị văn hóa truyền thống, lễ hội, văn nghệ dân gian và các giá trị văn hóa khác; công trình lao động sáng tạo của con người có thể được sử dụng cho mục đích du lịch”.

Trong tổng thể những yếu tố cấu thành tài nguyên du lịch văn hóa, di tích lịch sử gắn với danh nhân văn hóa lịch sử của Việt Nam rất đa dạng và phong phú. Việt Nam đã vinh dự có 6 danh nhân văn hóa thế giới được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) vinh danh, gồm Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất (được vinh danh năm 1990), Đại thi hào dân tộc Nguyễn Du (được vinh danh năm 2015), Anh hùng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất Nguyễn Trãi (được vinh danh năm 1980), Nhà giáo Chu Văn An (được vinh danh năm 2019); nhà văn hóa, nhà thơ lớn Nguyễn Đình Chiểu và thi sĩ Hồ Xuân Hương (cùng được vinh danh năm 2021)¹.

Ngoài ra, hàng ngàn danh nhân văn hóa, lịch sử có đóng góp, công lao lớn đối với sự nghiệp cách mạng, chấn hưng và phát triển văn hóa của dân tộc ta được tôn vinh, lập nhà lưu niệm, nơi thờ tự tưởng nhớ công lao tại các địa phương với mục đích giáo dục cho thế hệ trẻ.

Ở Việt Nam, hầu như địa phương nào cũng xây dựng những di tích gắn với thân thế, sự nghiệp của các danh nhân văn hóa, lịch sử, nơi sinh ra và lớn lên hoặc nơi đã có những hoạt động phát triển sự nghiệp trong quá trình hoạt động, do vậy, có nhiều danh nhân văn hóa, lịch sử tiêu biểu thường được nhiều địa phương xây dựng những khu lưu niệm, đền thờ, khu tưởng niệm để người dân tham quan, tưởng niệm.

Chẳng hạn, tỉnh Nghệ An có Khu di tích Kim Liên gắn với thân thế, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Khu di tích cụ Phan Bội Châu, Nhà bia tưởng niệm nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương - Danh nhân văn hóa thế giới; thành phố Hà Nội có Khu di tích Phủ Chủ tịch; tỉnh Hà Tĩnh có Khu lưu niệm Đại thi hào Nguyễn Du - Danh nhân văn hóa

1. Quang Dũng: “UNESCO vinh danh hai danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Xuân Hương”, <http://vov.vn/the-gioi/unesco-vinh-danh-2-danh-nhan-van-hoa-nguyen-dinh-chieu-ho-xuan-huong-906995.vov>, ngày 23/11/2021.

thế giới, Khu mộ Tổng Bí thư Trần Phú, Khu lưu niệm Tổng Bí thư Hà Huy Tập, Khu di tích Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác; tỉnh Bến Tre có khu di tích gắn với thân thế, sự nghiệp của danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Đình Chiểu; Hải Dương nổi tiếng với khu đền thờ danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Trãi, khu đền thờ nhà giáo, danh nhân văn hóa thế giới Chu Văn An; Thành phố Hồ Chí Minh với Khu di tích lịch sử Bến Nhà Rồng; tỉnh Cao Bằng với Khu di tích lịch sử Pác Bó gắn với sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chủ Minh; tỉnh Bình Định nổi tiếng với khu di tích gắn với thân thế, sự nghiệp của Hoàng đế Quang Trung - Nguyễn Huệ...

Có thể nói, những công trình đền thờ tự và khu lưu niệm các danh nhân văn hóa, lịch sử, đã và đang đóng góp không nhỏ trong tổng thể các yếu tố cấu thành tài nguyên du lịch văn hóa của Việt Nam.

d) Hoạt động khai thác các giá trị lịch sử, công trình kiến trúc gắn với các danh nhân văn hóa nhằm phục vụ phát triển du lịch

- Các địa phương trên cả nước rất quan tâm và coi trọng việc phát triển hoạt động du lịch gắn liền với danh nhân văn hóa, lịch sử

Đối với các di tích lịch sử, các di tích, khu nhà lưu niệm gắn với thân thế và sự nghiệp của các danh nhân văn hóa, lịch sử đều được các địa phương coi trọng, quan tâm xây dựng và phát triển. Mục tiêu của hoạt động xây dựng, bảo tồn các giá trị văn hóa, lịch sử gắn với các danh nhân văn hóa, lịch sử, nhằm tôn vinh các bậc danh nhân, trí sĩ yêu nước, cách mạng trong cộng đồng, đồng thời khơi dậy tinh thần đoàn kết, yêu nước, học tập noi gương các bậc tiền nhân cho thế hệ trẻ của địa phương; tổ chức đưa các di tích gắn với các danh nhân văn hóa, lịch sử trở thành những nơi tham quan, học tập của các trường phổ thông trên địa bàn, cũng như là nơi tham quan, học tập của nhiều thế hệ học sinh, sinh viên trên cả nước.

Chính vì vậy, nhiều hoạt động tham quan, học tập được tổ chức vào những dịp lễ lớn, kỷ niệm ngày sinh của các vị danh nhân để người dân địa phương và du khách tham quan, tưởng niệm. Bên cạnh đó, Hội Người cao tuổi, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, các cơ sở giáo dục và đào tạo

cũng tổ chức những chuyến tham quan cho hội viên và học sinh, sinh viên các cấp học trên địa bàn và địa phương khác.

- Việc khai thác các giá trị văn hóa, lịch sử, kiến trúc, tâm linh phát triển sản phẩm dưới góc độ doanh nghiệp:

Trong thời gian qua, các doanh nghiệp du lịch, cụ thể là các doanh nghiệp lữ hành đã tập trung khai thác giá trị văn hóa, lịch sử, kiến trúc, tâm linh liên quan đến thân thế và sự nghiệp của các danh nhân văn hóa, lịch sử để phát triển sản phẩm du lịch phục vụ nhu cầu của khách du lịch.

Yếu tố gắn với các danh nhân văn hóa, lịch sử thường được khai thác theo dạng thức Chương trình du lịch chuyên đề học tập (Study tour) theo đó, mục đích chủ yếu của chương trình là tham quan, học tập, tìm hiểu về thân thế, sự nghiệp, những đóng góp của các danh nhân văn hóa, lịch sử đối với sự nghiệp phát triển cách mạng, sự nghiệp phát triển văn hóa của đất nước, qua đó giúp cho việc giáo dục về tư tưởng, đạo đức, niềm tin, niềm tự hào dân tộc cho khách du lịch, đặc biệt là thế hệ trẻ. Đối tượng khách du lịch của sản phẩm du lịch này chủ yếu là các cơ sở giáo dục và đào tạo phục vụ học sinh, sinh viên, các tổ chức chính trị - xã hội, ít khách du lịch quốc tế tham gia mua các sản phẩm du lịch này.

Dạng thức là một yếu tố cấu thành sản phẩm du lịch, việc tham quan chiêm bái các di tích lịch sử gắn với các danh nhân văn hóa lịch sử. Theo đó, các giá trị văn hóa, lịch sử, tâm linh gắn với các danh nhân văn hóa, lịch sử được khai thác để phát triển sản phẩm du lịch như một nội dung cấu thành lên sản phẩm du lịch. Trong chương trình du lịch có nội dung tham quan, chiêm bái, tìm hiểu về thân thế, sự nghiệp của các bậc tiền nhân. Đây là một dạng thức sản phẩm du lịch phổ biến có khai thác yếu tố gắn với các danh nhân văn hóa, lịch sử trên địa bàn cả nước. Đối tượng khách du lịch của sản phẩm này khá đa dạng, bao gồm khách du lịch nội địa, khách du lịch quốc tế.

Dưới góc độ loại hình sản phẩm du lịch, đây là những sản phẩm du lịch văn hóa, hoặc là những sản phẩm du lịch tổng hợp kết hợp các yếu tố văn hóa và thiên nhiên. Trong đó, dưới góc độ khai thác các giá trị văn

hóa, lịch sử, kiến trúc liên quan đến các danh nhân văn hóa, lịch sử thì loại hình du lịch kết hợp các yếu tố văn hóa và thiên nhiên chiếm vai trò chủ đạo hiện nay.

đ) Một số thuận lợi và những vấn đề đặt ra đối với phát triển sản phẩm du lịch gắn với danh nhân văn hóa, lịch sử tại Việt Nam

** Thuận lợi:*

- Đảng và Nhà nước đã ban hành các chủ trương, chính sách và quy định pháp luật trong việc tôn vinh các danh nhân văn hóa, lịch sử, người có đóng góp cho sự nghiệp cách mạng, phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, thông qua các quy định về bảo tồn, xếp hạng di tích lịch sử, văn hóa gắn với các danh nhân văn hóa, lịch sử. Nhiều di tích lịch sử, văn hóa, gắn với các danh nhân đã được hỗ trợ trùng tu, bảo tồn từ các nguồn ngân sách nhà nước và nguồn xã hội hóa.

- Với tinh thần “Uống nước nhớ nguồn”, đã hầu hết các địa phương trên cả nước đã nhận thức đúng đắn về việc bảo tồn, phát huy các giá trị di tích, giá trị tư tưởng, truyền thống văn hóa của các danh nhân văn hóa, lịch sử. Các bậc tiền nhân đã dành nhiều tâm huyết, công sức, nguồn nhân lực, vật lực, kêu gọi tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn, phục dựng, tổ chức bảo vệ, tham quan, chiêm bái tại các điểm di tích để phục vụ nhu cầu của người dân địa phương và khách du lịch.

- Các doanh nghiệp du lịch cũng đã xác định, phân loại và lựa chọn nhiều di tích lịch sử, văn hóa gắn với các danh nhân văn hóa, lịch sử nổi tiếng để đưa vào xây dựng, phát triển sản phẩm phục vụ nhu cầu của khách du lịch nội địa và quốc tế. Các di tích lịch sử, các giá trị truyền thống nhân văn... đã góp phần làm phong phú thêm tài nguyên du lịch văn hóa, sản phẩm du lịch văn hóa của các địa phương và cả nước nói chung.

** Một số vấn đề đặt ra đối với phát triển sản phẩm du lịch văn hóa gắn với các danh nhân văn hóa, lịch sử:*

- Hiện nay, nhận thức của không ít người dân còn chưa thật sự phù hợp, vẫn còn hiện tượng xâm hại di tích ở một số nơi, dẫn đến việc giảm giá trị của di tích, bên cạnh đó một số di tích chưa được quan tâm bảo tồn, phục dựng và giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử.

- Việc đầu tư cho hoạt động bảo tồn, phục dựng hoặc hoạt động thu thập, trưng bày hiện vật liên quan đến các danh nhân văn hóa, lịch sử chưa được quan tâm đúng mức. Việc thu thập, phục hồi các hiện vật liên quan đến cuộc đời, sự nghiệp và những đóng góp của các danh nhân văn hóa còn hạn chế; bên cạnh đó, chưa có những địa điểm phù hợp tại di tích để trưng bày hiện vật, và tổ chức thuyết minh, hướng dẫn, giới thiệu cho khách tham quan, thậm chí nhiều nơi chỉ tập trung làm nơi chiêm bái theo hướng tâm linh.

- Các sản phẩm du lịch hiện nay liên quan đến các danh nhân văn hóa, lịch sử đã có nhiều doanh nghiệp mở hành khai thác, phát triển sản phẩm du lịch. Tuy nhiên, thời lượng (thời gian) tham quan du lịch còn hạn chế, nhiều chương trình du lịch chỉ kéo dài một ngày; hầu hết các sản phẩm du lịch chỉ lấy các điểm di tích lịch sử là một trong chuỗi các điểm đến được đưa vào chương trình du lịch, có ít chương trình du lịch chuyên đề gắn với các di tích liên quan đến danh nhân văn hóa, lịch sử; nhiều nơi chỉ thuần túy là hoạt động chiêm bái, cúng lễ theo giác độ du lịch văn hóa tâm linh, còn thiếu nội dung liên quan đến giá trị văn hóa, lịch sử mà các danh nhân đã để lại. Bên cạnh đó, còn tồn tại những điểm bất cập về thời gian tham quan và nội dung tham quan, chiêm bái, hành lễ tại các di tích; trong quá trình tham quan du khách chỉ được nghe các hướng dẫn viên tại điểm thuyết minh hướng dẫn mà không có các nhân viên, phương tiện hỗ trợ khác để làm phong phú thêm chương trình tham quan.

- Hiện nay, việc khai thác phát huy giá trị của các di tích gắn với danh nhân văn hóa, lịch sử hiện chỉ tập trung đối với các danh nhân văn hóa, lịch sử tiêu biểu, còn nhiều danh nhân văn hóa, lịch sử tại các địa phương vẫn chưa được quan tâm khai thác phát huy các giá trị để phục vụ hoạt động du lịch cũng như lượng khách, người tham quan chưa nhiều. Ngoài khu di tích tại Phủ Chủ tịch có lượng khách du lịch quốc tế tương đối lớn, thì những di tích lịch sử, văn hóa khác, kể cả gắn với thân thế và sự nghiệp của các danh nhân văn hóa thế giới của Việt Nam thì lượng khách du lịch quốc tế cũng không nhiều.

- Hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch liên quan đến các di tích lịch sử, văn hóa gắn với các danh nhân văn hóa, lịch sử đã được quan tâm, tuy nhiên, chưa đủ để thu hút khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế; chưa khai thác được tổng hòa các yếu tố để thông tin, tuyên truyền, quảng bá sâu rộng về di tích.

- Sự phối hợp giữa các bên liên quan chưa nhuần nhuyễn, chưa phù hợp, cụ thể như sự phối hợp giữa chính quyền địa phương, các ban quản lý di tích, cộng đồng người dân, doanh nghiệp du lịch và các tổ chức chính trị - xã hội chưa thực sự như mong muốn dẫn đến việc phát huy giá trị để phát triển các sản phẩm du lịch còn có những hạn chế nhất định.

e) Định hướng giải pháp phát triển sản phẩm gắn với các danh nhân văn hóa trong thời gian tới

Trong thời gian tới, để khắc phục các hạn chế, bất cập trên, nhằm tăng cường phát triển các sản phẩm du lịch gắn với các danh nhân văn hóa, lịch sử, một số giải pháp đồng bộ cần được triển khai thực hiện, cụ thể:

- Các cơ quan quản lý nhà nước cần tổ chức rà soát đánh giá hiện trạng các di tích lịch sử gắn với danh nhân văn hóa, lịch sử các địa phương; xác định hiện trạng bảo tồn, phát huy giá trị trong giáo dục, phát triển du lịch để có kế hoạch đầu tư, tu bổ, bảo tồn và phát huy các giá trị, xây dựng danh mục hoặc niên giám thống kê danh mục các di tích gắn với thân thế, sự nghiệp của các danh nhân văn hóa, lịch sử. Đồng thời, cần rà soát các chính sách, quy định pháp luật liên quan đến đầu tư, bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích, các điểm tưởng niệm, thờ tự gắn với các danh nhân văn hóa thế giới và các danh nhân văn hóa, lịch sử của Việt Nam để có hành lang pháp lý phù hợp cho việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử; tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, lòng tự hào dân tộc, phổ biến các giá trị văn hóa cho các tầng lớp người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ.

- Tập trung đầu tư các hạng mục công trình để phục vụ diễn giải, gia tăng giá trị của các di tích gắn với các danh nhân văn hóa, lịch sử theo nguồn ngân sách nhà nước và tăng cường xã hội hóa. Các công trình

phụ trợ sẽ cần được nghiên cứu xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật liên quan đến bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, tiến hành nghiên cứu, thu thập, phân loại và tổ chức trưng bày có chọn lọc; nghiên cứu áp dụng công nghệ 4.0, công nghệ thực tại ảo và trí tuệ nhân tạo (AI) trong diễn giải di tích, diễn giải thân thế và sự nghiệp của danh nhân để giới thiệu bao quát và làm nổi bật thân thế, sự nghiệp của các danh nhân và các giá trị mà danh nhân văn hóa, lịch sử đã đóng góp cho lịch sử cách mạng và nền văn hóa dân tộc.

- Nghiên cứu, phát triển các gói sản phẩm, chương trình, tour tuyến du lịch, đặc biệt là các sản phẩm du lịch chuyên đề phù hợp với từng đối tượng khách du lịch trên cơ sở kết quả của hoạt động nghiên cứu thị trường trong nước và quốc tế; gắn kết các di tích liên quan đến các danh nhân văn hóa, lịch sử của các địa phương phát triển sản phẩm du lịch văn hóa chuyên đề theo thời kỳ hoặc giai đoạn lịch sử nhằm mục đích đa dạng hóa và phát huy có hiệu quả giá trị các di sản gắn với danh nhân văn hóa, lịch sử của Việt Nam.

- Tăng cường tuyên truyền, quảng bá du lịch của ngành Du lịch cả nước, của các địa phương, đưa nội dung về giá trị văn hóa, lịch sử các di tích gắn với thân thế, sự nghiệp của danh nhân văn hóa, lịch sử, nhằm mục tiêu lan tỏa giá trị văn hóa, lịch sử, sự cống hiến đối với nền văn hóa, sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc; những đóng góp cho phát triển văn hóa, tiến bộ trên thế giới, tăng cường thu hút và định hướng nhu cầu khách du lịch văn hóa đến với các điểm du lịch có di tích lịch sử, văn hóa gắn với danh nhân bên cạnh các nội dung, sản phẩm du lịch khác. Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, quảng bá thông qua những công cụ truyền thông, trang tin điện tử, mạng xã hội, hội chợ du lịch, các doanh nghiệp du lịch... để khách du lịch tiềm năng tiếp cận được với thông tin, kích thích nhu cầu đi du lịch.

- Nâng cao nhận thức chung của toàn xã hội và tăng cường sự phối hợp của các bên liên quan trong phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử gắn với các danh nhân trong phát triển du lịch. Đây là nội dung quan trọng để thực hiện việc bảo tồn, phát huy giá trị các di tích gắn với danh nhân

văn hóa, lịch sử. Theo đó, cơ quan quản lý nhà nước các cấp, cộng đồng người dân địa phương, cơ sở giáo dục và đào tạo, doanh nghiệp du lịch, tổ chức chính trị - xã hội các cấp cần đồng hành, vào cuộc trong việc đề xuất xây dựng những chủ trương, chính sách phù hợp, có kế hoạch đầu tư, tôn tạo và phát triển, tạo nền tảng để du lịch văn hóa gắn với các danh nhân văn hóa, lịch sử phát triển bút phá; cộng đồng địa phương cần thể hiện vai trò chủ đạo trong việc bảo vệ, bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích gắn với danh nhân văn hóa, lịch sử; cơ sở giáo dục và đào tạo cần nghiên cứu điều chỉnh, thay đổi phương thức đào tạo, giáo dục những môn văn hóa, lịch sử để người học thoát khỏi khuôn mẫu giảng đường, phòng học và mà cần phải tăng cường tổ chức nhiều chuyến đi học thực tế tại các điểm di tích lịch sử, văn hóa có gắn với danh nhân. Doanh nghiệp cần nghiên cứu phát triển các sản phẩm du lịch gắn với di tích liên quan đến danh nhân văn hóa, lịch sử, tăng cường xúc tiến quảng bá sản phẩm, tiếp cận và xúc tiến mở rộng thị trường khách du lịch trong nước và quốc tế; các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp trong việc tuyên truyền, quảng bá nâng cao nhận thức cho các hội viên và cùng có tiếng nói chung cho việc bảo tồn, phát huy những giá trị của di tích gắn với danh nhân để phát triển du lịch.

3. Kết luận

Trải qua bao giai đoạn lịch sử thăng trầm của đất nước, Việt Nam đã sản sinh ra nhiều danh nhân văn hóa lịch sử đã cống hiến cả cuộc đời và sự nghiệp cho sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc; cống hiến cho sự nghiệp cách mạng, giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Với truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” đã được hình thành từ bao đời nay, người dân Việt Nam thế hệ sau đã xây dựng các khu di tích, khu tưởng niệm, khu đền thờ, khu lưu niệm tại các địa phương trên cả nước; nhiều khu, điểm di tích đã được vinh danh là các di tích cấp quốc gia đặc biệt, di tích cấp quốc gia, di tích cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trong bối cảnh phát triển du lịch, nhiều sản phẩm du lịch, trong đó có du lịch văn hóa đã khai thác các giá trị di tích gắn với các danh nhân văn hóa, lịch sử để phát triển du lịch. Nhiều di tích lịch sử, văn hóa gắn với các danh nhân văn hóa, lịch sử tiêu biểu đã được quan tâm phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa phục vụ nhu cầu tham quan, học tập của khách du lịch. Tuy nhiên, thực tiễn cũng đã cho thấy, còn có những bất cập, hạn chế cần có sự vào cuộc của các chủ thể liên quan trong xã hội, triển khai giải pháp đồng bộ từ nghiên cứu, khảo sát lập danh mục di tích gắn với danh nhân văn hóa, lịch sử, đến việc tăng cường đầu tư, nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất phục trợ, nâng cao nhận thức, tăng cường xúc tiến quảng bá du lịch và đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng thị trường du lịch.

Hy vọng với sự vào cuộc của các cấp, các ngành, các chủ thể liên quan thì công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích gắn với danh nhân văn hóa, lịch sử nhằm phát triển sản phẩm du lịch sẽ có những chuyển biến tích cực hơn trong thời gian tới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Châu Anh: “Khái niệm phát triển sản phẩm du lịch”, www.vtr.org.vn/khai-niem-phat-trien-san-pham-du-lich.html, ngày 12/9/2017.
- [2] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: “Đề án phát triển nguồn nhân lực du lịch thích ứng với tác động của đại dịch Covid-19 giai đoạn 2021 - 2030”.
- [3] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Quyết định số 2714/QĐ-BVHTTDL, ngày 03/8/2016 phê duyệt Đề án “Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
- [4] Hà Duy Biển: *1.000 nhân vật lịch sử văn hóa Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2010.
- [5] Quang Dũng: “UNESCO vinh danh 2 danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Xuân Hương”, vov.vn/the-gioi/unesco-vinh-danh-2-danh-nhan-van-hoa-nguyen-dinh-chieu-ho-xuan-huong-906995.vov, ngày 23/11/2021.

- [6] Nguyễn Văn Đính (Chủ biên): *Giáo trình Nghiệp vụ lễ hành*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2007.
- [7] Nguyễn Thị Huệ: “Di tích lịch sử văn hóa với vấn đề phát triển du lịch”, ditichhochiminhphuchutich.gov.vn/chi-doan-khu-di-tich-phu-chu-tich-phoi-hop-to-chuc-le-tuyen-duong-bi-thu-chi-doan-tieu-bieu-bo-van-hoa-the-thao-du-lich-giai-doan-2017-2022-3216, ngày 14/7/2008.
- [8] Lê Văn Minh: “Phát triển sản phẩm du lịch cạnh tranh, đảm bảo cho du lịch Việt Nam phát triển bền vững”, itdr.org.vn/ngghien_cuu/phot-trien-san-pham-du-lich-canhh-tranh-dam-bao-cho-du-lich-viet-nam-phot-trien-ben-vung, ngày 20/10/2020.
- [9] Văn phòng Quốc hội: Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH, Luật di sản văn hóa, ngày 23/07/2013.
- [10] Quốc hội: Luật số 09/2017/QH14, Luật du lịch, ngày 19/6/2017.

GIÁ TRỊ DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH DI SẢN TỈNH BẾN TRE

ThS. UÔNG THỊ CẨM VÂN*

Tóm tắt: Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu mang một giá trị văn hóa đặc biệt đối với người dân Bến Tre nói riêng và miền Nam nói chung. Đó là những giá trị về tư tưởng, nhân cách, đạo đức của một chí sĩ yêu nước, nhà giáo, nhà thơ nhân đạo - thân dân, yêu hòa bình tiêu biểu của vùng đất Nam Bộ vào nửa cuối thế kỷ XIX, thầy thuốc vượt qua nghịch cảnh để giúp ích cho nhân dân. Từ năm 1993, ngày sinh của Nguyễn Đình Chiểu (01/7) đã được chọn là Ngày truyền thống văn hóa của tỉnh Bến Tre.

Việc xác định và xây dựng thương hiệu du lịch từ di sản văn hóa đã thật sự tạo nên sự khác biệt hấp dẫn cho từng địa phương. Đối với tỉnh Bến Tre, Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu với các giá trị văn hóa vốn có, trong bối cảnh Nguyễn Đình Chiểu được vinh danh là danh nhân văn hóa thế giới đã mở ra những tiền đề quan trọng thúc đẩy khai thác nguồn tiềm năng to lớn phát triển du lịch tỉnh nhà. Tuy nhiên, việc khai thác giá trị di tích trong phát triển du lịch bền vững ở tỉnh Bến Tre vẫn còn nhiều hạn chế. Bài viết góp phần nhận diện và làm rõ những giá trị của di sản Nguyễn Đình Chiểu để phát huy, khai thác gắn với du lịch trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Bến Tre; Du lịch; Du lịch di sản; Nguyễn Đình Chiểu.

* Bảo tàng tỉnh Bến Tre. Liên hệ: uongthicamvan2811@gmail.com

VALUE OF SPECIAL NATIONAL RELIC SITE OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU IN ORIENTATING HERITAGE TOURISM DEVELOPMENT IN BẾN TRE PROVINCE

Abstract: The special national historical site of Nguyen Dinh Chieu monument has symbolized a significantly cultural value among the local residents in Ben Tre province as well as the Southern region mainly. Those are the ideological, dignity and ethical values of a teacher, a humanitarian poet as well as attentive, peace-loving representative of the Southern region in the second half of the 19th century, a doctor who overcame adversity. to help the people. Every year, Nguyen Dinh Chieu's birthday on July 1st has been chosen as the traditional cultural festival of Ben Tre province since 1993.

The identification and branding of tourism from cultural heritage have really made an attractive difference for each locality. For Ben Tre, the special historical site of nguyen dinh chieu monument with inherent cultural values, in the context that Nguyen Dinh Chieu was honored as a world cultural celebrity, opens important premise which plays a vital role in the exploitation of great tourism potential in the local. However, the exploitation of the value of relics in sustainable tourism development in Ben Tre is still limited. The article identifies and clarifies the values of Nguyen Dinh Chieu heritage to promote and exploit them in association with tourism in the current period.

Keywords: Ben Tre; Tourism; Heritage tourism; Nguyễn Đình Chiểu.

Toàn văn

Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, theo thống kê của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre, số lượng du khách và tổng thu từ hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh tăng khá. Trong đó, tổng số khách du lịch giai đoạn 2016 - 2019 tăng bình quân 17%/năm, tổng thu từ du lịch năm 2019 tăng 34% so với cùng kỳ năm 2018, tuy nhiên từ năm 2019 đến nay, do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên lượng khách và tổng doanh thu từ hoạt động du lịch giảm mạnh, hiện nay đang trong giai đoạn phục hồi). Cùng với đó, nhu cầu tìm hiểu, trải nghiệm về thiên nhiên, đất nước, con người, lịch sử, văn hóa địa phương cũng có xu hướng tăng cao. Xuất phát từ nhu cầu đó, xu hướng du lịch di sản khai thác giá trị di tích lịch sử, văn hóa đang dần được phát triển mạnh mẽ. Du lịch di sản kết hợp với loại hình du lịch sinh thái sông nước miệt vườn, du lịch tâm linh, du lịch làng nghề tạo ra tiềm năng phát triển cho ngành du lịch ở tỉnh Bến Tre rất lớn. Trong đó, các di tích quốc gia đặc biệt là nơi lưu giữ những di sản văn hóa vô giá, đóng vai trò quan trọng trong du lịch di sản, tạo nên sự khác biệt với các loại hình du lịch khác. Nếu nhìn nhận đúng giá trị và biết khai thác, phát huy chúng một cách hợp lý sẽ tạo ra những sản phẩm du lịch di sản hấp dẫn và khác biệt, vừa đa dạng hóa vừa đặc thù hóa sản phẩm du lịch cho địa phương.

Di tích là di sản, là tài sản quý báu của mỗi quốc gia, dân tộc. Bến Tre là một tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, với lịch sử phát triển trên dưới 300 năm gắn liền với công cuộc khai phá, thiết lập làng, ấp của những cư dân mới, văn hóa Bến Tre cũng chung một dòng chảy của văn hóa Nam Bộ. Là vùng đất mới nên những di tích lịch sử, văn hóa thực sự là những tài sản vô giá đối với người dân tỉnh Bến Tre và cả vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tính đến thời điểm hiện nay, tỉnh Bến Tre có 58 di tích được xếp hạng cấp tỉnh, 16 di tích được xếp hạng cấp quốc gia. Đặc biệt, phải kể đến hai di tích Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu và di tích Đồng Khởi - Bến Tre được Thủ tướng

Chính phủ ký quyết định xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt (ngày 22/12/2016, đợt 7 năm 2016), đây là cơ hội quý giá, là tiềm năng lớn để Bến Tre khai thác phát triển du lịch bền vững của tỉnh nhà. Trong bối cảnh UNESCO thông qua Nghị quyết cùng vinh danh và tham gia kỷ niệm năm sinh/năm mất của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu đã tạo nên tiền đề, bước đột phá của du lịch di sản Bến Tre. Chính vì vậy, nghiên cứu tiềm năng, thực trạng khai thác giá trị di sản và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả việc khai thác giá trị di sản Nguyễn Đình Chiểu vào phát triển du lịch tỉnh Bến Tre là việc làm cần thiết hiện nay.

2. Nhận diện giá trị, tiềm năng Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu trong phát triển du lịch tỉnh Bến Tre

a) Giá trị lịch sử, văn hóa

Nguyễn Đình Chiểu sinh ra và lớn lên trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của dân tộc. Hơn ai hết, ông hiểu nỗi thống khổ, lầm than của người dân trong cảnh nước mất, nhà tan và nhìn thấy được ý chí kiên cường, lòng yêu quý độc lập, tự do của họ. Tuy đôi mắt đã bị mù, không thể trực tiếp cầm gươm, giáo xông pha ra trận, nhưng ông đã dùng ngòi bút với cái tâm và tấm lòng của mình, sáng tác ra các tác phẩm có giá trị lớn lao, cổ vũ động viên tinh thần chiến đấu của người dân, truyền ý chí, động lực cho biết bao nhiêu lớp người cùng đứng lên giành độc lập dân tộc. Ông là nhà thơ lớn tiêu biểu của chủ nghĩa yêu nước trong khuôn khổ ý thức hệ phong kiến ở Việt Nam từ năm 1858 trở về sau. Văn chương luôn xuất phát từ cuộc sống. Có thể nói, chính đời sống của nhân dân miền Nam nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung lúc bấy giờ là chất liệu chính để ông sáng tác các tác phẩm vô cùng nổi tiếng: *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, truyện thơ *Lục Vân Tiên*, *Thơ điếu Phan Tòng*, *Thơ điếu Trương Định*, *Văn tế nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*... Yêu nước và yêu thương con người chính là tư tưởng chủ đạo xuyên suốt các tác phẩm.

Nhân cách, khí tiết của Nguyễn Đình Chiểu có ảnh hưởng rất lớn đối với dân tộc Việt Nam nói chung và nhân dân Nam Bộ nói riêng.

Nói đến Nam Bộ là phải nói đến cụ Đồ, cũng chính là nói đến truyền thống văn hóa Việt Nam mà Nguyễn Đình Chiểu là một con người tiêu biểu. Nguyễn Đình Chiểu, có thể gọi là hình mẫu đạo đức sáng ngời, là tấm gương phản chiếu, soi rọi những nét văn hóa của người dân Nam Bộ qua chính bản thân ông và những sáng tác văn chương của ông. Từ đó góp phần lưu giữ, bảo tồn, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của Nam Bộ nói riêng, của Việt Nam nói chung. Ông là người “giữ lửa” và phát triển các giá trị văn hóa ấy thâm nhập, thấm sâu, tồn tại trong đời sống nhân dân. Chính con người Nguyễn Đình Chiểu và những sáng tác của ông là tấm gương cho biết bao nhiêu thế hệ người dân Việt Nam noi theo.

Tính đến nay, ở Việt Nam có 6 danh nhân được Đại hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) ra Nghị quyết vinh danh, bao gồm Nguyễn Trãi, Hồ Chí Minh, Nguyễn Du, Chu Văn An, Nguyễn Đình Chiểu và Hồ Xuân Hương. Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu vì vậy cũng mang một giá trị văn hóa đặc biệt không nơi nào có được. Ngày 01/7 hằng năm, kỷ niệm ngày sinh của ông, đã trở thành ngày hội truyền thống văn hóa của người dân tỉnh Bến Tre để tưởng nhớ nhà thơ yêu nước bậc nhất của Nam Bộ. Phần lễ ý nghĩa với nghi thức cúng truyền thống và lễ dâng hương tưởng niệm trang nghiêm của lãnh đạo các cấp, các ngành trong địa bàn tỉnh cùng đông đảo nhân dân gần xa. Phần Hội đặc sắc với nhiều hoạt động phong phú, trong đó nổi bật là trình diễn các loại hình nghệ thuật khai thác từ tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu như nói thơ Lục Vân Tiên, thi hóa trang Lục Vân Tiên - Kiều Nguyệt Nga, trích đoạn cải lương Lục Vân Tiên - Kiều Nguyệt Nga...

b) Giá trị du lịch, kinh tế

Vai trò của việc khai thác du lịch tại Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu ngày càng rõ nét, góp phần tạo nguồn thu cho ngành du lịch tỉnh nhà, đóng góp vào nền kinh tế cả nước. Giá trị kinh tế của di tích được xác định thông qua việc khai thác các hoạt động du lịch văn hóa, là địa điểm du lịch văn hóa, du lịch về nguồn quan trọng

của tỉnh Bến Tre nói riêng và khu vực Nam Bộ nói chung trong các tuyến du lịch nội tỉnh, liên tỉnh, liên vùng.

Tại Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu mỗi năm đón tiếp trung bình khoảng 40.000 lượt khách tham quan. Khách du lịch đến tham quan Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu sẽ được trải nghiệm theo một chương trình hoặc một hành trình du lịch trên cơ sở liên kết các tuyến điểm du lịch trong toàn tỉnh. Do đó, khi lượng khách du lịch về tham quan di tích tăng cũng có nghĩa lượng khách đến các điểm di tích, du lịch khác và các cơ sở lưu trú, ăn uống, sử dụng dịch vụ cũng tăng theo, sẽ góp phần tăng thu cho ngành Du lịch nói riêng và kinh tế của tỉnh Bến Tre nói chung.

Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu được khai thác trong các tuyến du lịch trọng điểm của tỉnh Bến Tre. Ngoài các tuyến du lịch chính, điểm di tích có thể kết nối với các điểm du lịch khác, tạo thành nhiều tuyến du lịch lũy hành hoặc từ Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu đến những di tích, làng nghề truyền thống trong khu vực để hình thành thêm các tour du lịch khác. Bởi huyện Ba Tri có nhiều di tích văn hóa, lịch sử nổi tiếng gần kề như: đền thờ và mộ nhà giáo Võ Trường Toản, đền thờ Tiến sĩ Nam Kỳ lục tỉnh Phan Thanh Giản, đền thờ Lê Quang Quan, đình Phú Lễ... Ba Tri còn là vùng đất biển giàu tài nguyên sinh thái rừng, đặc sản biển nên có thể kết nối di tích phát triển du lịch đường sông ven biển (tuyến Thạnh Phú - Ba Tri - Bình Đại; tuyến du lịch đường sông với các tỉnh trong khu vực) và gắn kết phát triển loại hình du lịch sinh thái rừng ngập mặn ven biển theo Kế hoạch số 3686/KH-UBND, ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển Bến Tre về hướng Đông giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Hoặc gắn kết phát triển tuyến du lịch tâm linh: Ba Tri, Bình Đại, Thạnh Phú, Giồng Trôm theo Kế hoạch số 3706/KH-UBND, ngày 01/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre thực hiện Đề án số 02-ĐA/TU, ngày 29/01/2021 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Bến Tre đến năm 2030.

Việc khai thác du lịch tại các di tích cũng đồng thời góp phần gìn giữ và lưu truyền những giá trị văn hóa của dân tộc. Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu mang một giá trị văn hóa đặc biệt đối với người dân Bến Tre và miền Nam nói chung. Nơi đây chứa đựng tư tưởng, nhân cách, đạo đức của một nhà giáo, thầy thuốc, nhà thơ yêu nước tiêu biểu của vùng đất Nam Bộ vào nửa cuối thế kỷ XIX, mà bao trùm lên tất cả là tấm lòng yêu nước thương dân, xót xa trước cảnh lầm than, cơ cực của nhân dân dưới ách thống trị của thực dân Pháp. Việc khai thác du lịch tại đây đồng thời góp phần bảo tồn loại hình nói thơ Lục Vân Tiên, một nét văn hóa rất riêng của tỉnh Bến Tre.

c) Giá trị xã hội

Khai thác du lịch từ Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu góp phần nâng cao ý thức của người dân trong vấn đề bảo tồn giá trị văn hóa - lịch sử, cơ sở vật chất và cảnh quan di tích. Cùng với đó, việc bảo tồn các giá trị của di tích sẽ là cơ sở để chúng ta có thể tự hào giới thiệu với du khách trong và ngoài tỉnh về vùng đất, văn hóa và con người Bến Tre. Khai thác du lịch gắn với Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu góp phần cải thiện thu nhập cho người dân địa phương. Đặc biệt, góp phần để cộng đồng được hưởng lợi từ việc phát triển kết cấu hạ tầng, dịch vụ như giao thông, điện, nước, bưu chính viễn thông, dịch vụ ăn uống, cơ sở lưu trú..., tạo cơ hội việc làm cho người dân, đồng thời, góp phần làm thay đổi cơ cấu, nâng cao trình độ lao động tại khu vực có di tích. Từ đó, hạn chế được việc di cư của người dân từ khu vực nông thôn ra thành thị, giúp ổn định xã hội, bảo đảm cho sự phát triển bền vững của tỉnh nhà.

Bên cạnh đó, trên cơ sở khai thác du lịch tại di tích quốc gia đặc biệt sẽ tạo điều kiện đẩy mạnh phát triển giao lưu văn hóa và giao lưu kinh tế giữa các tỉnh hay khu vực. Với những thuận lợi như vậy, việc đẩy mạnh các hoạt động du lịch trên cơ sở Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu sẽ có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển bền vững ở Bến Tre trong giai đoạn hiện nay.

Nguyễn Đình Chiểu, một nhà trí thức đáng kính, một hiện tượng văn hóa của Việt Nam trong nửa cuối thế kỷ XIX. Mặc dù bị mù, lại sống trong cảnh nghèo khó nhưng ông vẫn luôn giữ gìn khí tiết của nhà nho, thể hiện qua việc kiên quyết không hợp tác và không nhận lợi ích từ tay giặc. Ông đã vượt lên hoàn cảnh, kiên định dùng ngòi bút của mình để chống đạo và trừ gian. Mặt khác, trên văn đàn dân tộc, ông cũng đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị về văn học và tư tưởng, như: *Lục Vân Tiên*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Dương Từ - Hà Mậu*... Hơn một phần tư thế kỷ, sống trên đất Bến Tre, Nguyễn Đình Chiểu đã để lại cho nhân dân ở đây một ảnh hưởng to lớn và một di sản văn hóa, tinh thần vô cùng quý báu, nhất là trên hai phương diện: Nguyễn Đình Chiểu - nhà thơ nhân đạo - thân dân, yêu hòa bình; Nguyễn Đình Chiểu - thầy giáo, thầy thuốc vượt qua nghịch cảnh để giúp ích cho nhân dân. Tư tưởng, phẩm chất, khí tiết của ông là tấm gương sáng, góp phần tạo nên truyền thống kiên cường, bất khuất của một vùng đất anh hùng. Thơ văn của ông đã thấm sâu vào tâm hồn của nhiều thế hệ con người Bến Tre, từ đó biến thành sức mạnh tinh thần giúp họ chiến thắng mọi gian nguy, thử thách cam go và khốc liệt nhất.

d) Giá trị giáo dục

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà văn hóa, nhà thơ lớn của dân tộc Việt Nam, tấm gương sáng về nghị lực và nhân cách vượt lên những khó khăn của cuộc sống và theo đuổi lý tưởng học tập suốt đời của UNESCO. Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là chuỗi những đau khổ, éo le mà hiếm có tác giả nào trong nền văn học Việt Nam phải chịu đựng. Giấc mộng công danh không thành, lại trở thành người tàn phế, tình duyên trắc trở, tương lai tưởng như chấm hết. Nếu là một người bình thường thì sẽ khó có thể vượt qua. Thế nhưng, bằng ý chí và nghị lực phi thường, ông đã biến đau thương thành sức mạnh, vươn lên làm chủ số phận của mình. Khi Nguyễn Đình Chiểu về nhà để tang mẹ, lúc đôi mắt đã mù lòa, ngoài việc đèn sách, ông còn gánh vác việc gia đình, dạy dỗ các em học hành. Nguyễn Đình Chiểu nghiên cứu thêm về y học và kê đơn, chữa bệnh cho nhân dân.

Là một nhà giáo, trọn đời thầy Đồ Chiểu chăm lo dạy dỗ môn sinh, truyền thụ cho thế hệ tương lai những điều cốt lõi của văn hóa Việt Nam về đạo lý truyền thống của dân tộc và nhân cách của một kẻ sĩ. Ông không màng danh lợi, suốt đời chăm lo đào tạo thế hệ học trò có chí, có tài, coi trọng đạo lý làm người. Là ông đồ dạy học không biết mệt mỏi vì sự nghiệp giữ gìn bản sắc Việt Nam trong đời sống văn hóa của nhân dân giữa thời loạn ly, Nguyễn Đình Chiểu còn hành nghề đông y để chữa bệnh cứu người. Là một thầy thuốc giỏi, một lương y thông hiểu sâu sắc y lý phương Đông và y lý Việt Nam cả về y thuật và y đức, mà y đức của ông chính là đạo cứu người trong nghĩa vụ cứu dân, cứu nước. Ông luôn đề cao lương tâm của những người thầy thuốc, việc cứu chữa cho những người nghèo khổ về thuốc men, giúp đỡ họ với sự tận tình từ tấm lòng người thầy thuốc và không có sự phân biệt đối xử hay bất cứ giai cấp, tầng lớp nào trong xã hội. Đặc biệt hơn, đó chính là người thầy thuốc chân chính sẵn sàng quên đi mọi quyền lợi riêng tư cá nhân bởi khái niệm “nhân” không thể nào tách rời “nghĩa”. Tác phẩm lớn cuối đời của Nguyễn Đình Chiểu là quyển *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, một quyển sách dạy về đạo làm người và đạo làm thầy thuốc cứu người. Tư tưởng nhân đạo cao quý, tinh thần trách nhiệm và sự tận tụy trong nghề nghiệp của người thầy thuốc Nguyễn Đình Chiểu rất đáng ngợi ca và còn nguyên vẹn ý nghĩa, đặc biệt được phát huy trong thời đại ngày nay khi mà đạo đức của một bộ phận người làm nghề y bị xói mòn, tha hóa bởi những cám dỗ trong cuộc sống. Thơ văn của ông đậm tính nhân văn, khích lệ lòng yêu nước, ca ngợi những con người sẵn sàng làm việc nghĩa, vì lợi ích cộng đồng, chứa đựng nhiều ý nghĩa về đạo lý, truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Ngoài giáo dục trong nhà trường, Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu là nơi giáo dục thực tiễn. Đền thờ chính là nơi học sinh, sinh viên và đông đảo người dân đến nghiên cứu, học tập, tham quan, đồng thời bày tỏ lòng tôn kính với Nguyễn Đình Chiểu, từ đây khơi gợi nguồn cảm xúc, trân quý giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của dân tộc. Các hình ảnh, hiện vật, câu chuyện, sự kiện

được lưu giữ tại di tích đã giáo dục truyền thống cho các tầng lớp nhân dân hôm nay và mai sau về tinh thần yêu nước nồng nàn, sự đấu tranh kiên cường, bất khuất, quả cảm, lòng tự hào về truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam cũng như sự hy sinh của các bậc tiền nhân trong quá trình dựng nước và giữ nước. Qua đó, giúp cho du khách có thể tiếp cận và hiểu văn hóa, con người, các giá trị tinh thần của Bến Tre nói riêng và của cả miền Nam nói chung một cách nhanh nhất, đơn giản nhất.

Hàng năm, tỉnh Bến Tre đều tổ chức lễ hội truyền thống văn hóa diễn ra vào ngày 01/7 hằng năm tại Di tích quốc gia đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu. Lễ hội là dịp để ôn lại truyền thống yêu nước của dân tộc cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau, học tập về thân thế, sự nghiệp, những giá trị tư tưởng, nhân cách, đạo đức của nhà giáo, người thầy thuốc và nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu, góp phần tích cực vào việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, truyền thống văn hóa của địa phương. Bên cạnh đó, Di tích quốc gia đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu nhiều năm qua gắn kết với địa phương, các trường học tổ chức những tiết học thực tế gắn với các di tích lịch sử của địa phương, chương trình văn hóa học đường... là một hình thức giáo dục hiệu quả, gắn lý thuyết với thực tiễn, tạo hiệu ứng tốt cho học sinh chủ động tìm hiểu lịch sử, văn hóa của địa phương. Từ đó, các em biết trân trọng những giá trị truyền thống, góp phần gìn giữ, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa một cách hiệu quả, thiết thực hơn.

Với những giá trị cốt lõi nêu trên, Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu có điều kiện để xây dựng các tuyến điểm du lịch, mang đến những trải nghiệm lịch sử - văn hóa đặc thù cho du khách. Việc xây dựng những hành trình du lịch di sản, khám phá Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu gắn kết với nguồn tài nguyên văn hóa phong phú của vùng đất Bến Tre và khu vực Nam Bộ sẽ mang đến trải nghiệm thú vị, dấu ấn khó quên cho du khách. Như vậy, Di sản Nguyễn Đình Chiểu là tiềm năng vô cùng to lớn cho việc khai thác và phát triển du lịch bền vững của tỉnh Bến Tre.

3. Giải pháp phát triển du lịch di sản từ việc khai thác giá trị Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu

Đối với Bến Tre, việc khai thác giá trị Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu phục vụ phát triển du lịch của địa phương cần phải đạt được các mục tiêu sau đây:

Một là, giáo dục truyền thống lịch sử địa phương và lòng tự hào, yêu quê hương đất nước; giới thiệu cho khách du lịch trong nước và quốc tế về những đóng góp to lớn của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu; hạn chế thấp nhất những tác động xấu từ hoạt động du lịch đối với di sản văn hóa. Du lịch di sản tại di tích phát triển thì hoạt động của các di tích vệ tinh, làng nghề truyền thống, các dịch vụ đi kèm ở địa phương sẽ sôi nổi hơn, nhiều lao động sẽ có việc làm ổn định, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội và làm phong phú thêm các loại hình du lịch của tỉnh Bến Tre.

Hai là, hoạt động du lịch có tính cạnh tranh rất cao, động cơ và nhu cầu của khách du lịch luôn thay đổi, điều này đòi hỏi phải khai thác các sản phẩm du lịch hấp dẫn để thu hút du khách. Do đó phải thường xuyên điều tra, nghiên cứu thị trường để lựa chọn những đối tượng di tích phù hợp tạo nguyên liệu cho các sản phẩm du lịch, thu hút được nhiều nguồn khách, đem lại lợi ích cao. Để nâng cao lợi ích kinh tế của việc khai thác các di tích, cần phải phát huy cao nhất những tiềm năng, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư, thường xuyên trùng tu, sửa chữa để kéo dài thời gian sử dụng di tích và cơ sở vật chất kỹ thuật tại các di tích.

Ba là, việc khai thác các di tích phải làm nổi bật được những giá trị đặc sắc của di tích, đó chính là việc tạo ra sức thu hút đối với khách tham quan, khách du lịch và cũng là linh hồn của hoạt động du lịch. Chú trọng nhấn mạnh các giá trị di sản riêng có của Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu. Bến Tre vinh dự, tự hào có Nguyễn Đình Chiểu. Bằng cuộc đời và sự nghiệp của mình, Nguyễn Đình Chiểu đã góp phần xứng đáng cho đời sống văn hóa dân tộc trải qua thử thách nghiệt ngã được bảo tồn và phát triển. Sống trong tình thương và sự kính

trọng của nhân dân, những người làm nên lịch sử và sáng tạo văn hóa, Nguyễn Đình Chiểu mãi mãi là một nhân cách lớn, một nhà văn hóa chân chính của nhân dân, không nơi nào có được.

Bốn là, việc khai thác di tích trên thực tế là sự khai thác tổng hợp đối với nơi khách du lịch đến: một mặt cần khai thác các sản phẩm khác để bổ sung, tạo sự liên hoàn trong chương trình du lịch; mặt khác, phải xem xét nhu cầu của du khách về đi lại, ăn, ở, hướng dẫn tham quan, mua sắm, vui chơi giải trí... Cần thực hiện sự phối hợp đồng bộ nhịp nhàng giữa các tổ chức liên quan đến phục vụ khách du lịch, bảo đảm chất lượng, đem lại danh tiếng và uy tín cho di tích, cũng như cho địa phương và quốc gia.

Bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch là một hướng đi đúng đắn của tỉnh Bến Tre trong giai đoạn hiện nay, nhất là sau khi danh nhân Nguyễn Đình Chiểu được UNESCO cùng vinh danh kỷ niệm ngày sinh/ngày mất tạo hiệu ứng vô cùng to lớn nhằm khai thác giá trị di sản góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời đưa du lịch di sản trở thành một sản phẩm du lịch đặc thù của tỉnh Bến Tre. Nhưng mặt khác phải thấy rằng bảo tồn di sản văn hóa và phát triển du lịch có những yêu cầu hoàn toàn khác nhau. Yêu cầu cao nhất đối với việc bảo tồn di sản văn hóa là phải giữ được giá trị nguyên gốc. Đối với các di tích lịch sử văn hóa quốc gia đặc biệt, việc bảo tồn, tôn tạo phải giữ được nguyên trạng. Để phát huy giá trị Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu gắn với phát triển du lịch di sản tỉnh Bến Tre trong thời gian tới, các cấp, các ngành cần quan tâm đẩy mạnh thực hiện các giải pháp cụ thể như sau:

Một là, tăng tính hấp dẫn của Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu đối với khách du lịch. Công nghệ phát triển, cùng sự phát triển của xã hội, việc tham quan một cách thụ động dường như không còn phù hợp và thiếu lôi cuốn khách du lịch. Đổi mới là yêu cầu mang tính chất “sống còn” với các điểm đến nói chung, trong đó có các điểm đến văn hóa. Vấn đề quan trọng nhất là làm thế nào để đưa khách tham quan trở thành trung tâm trong mọi chuyến tham quan?

Làm thế nào để hấp dẫn được du khách? Đối với các điểm đến chứa đựng các giá trị văn hóa, nghệ thuật, các di sản văn hóa thì điều đầu tiên có lẽ là cần phải làm mới những giá trị cũ để khiến cho chuyến tham quan trở thành một hành trình khám phá thực sự.

Đa dạng hóa nội dung, hình thức trưng bày và trong hoạt động giáo dục trải nghiệm là việc làm cần thiết. Cần đầu tư xây dựng các chương trình du lịch tại khu di tích, hướng đến sự trải nghiệm, cảm nhận thực tế của chính du khách. Các hoạt động trải nghiệm, các chương trình biểu diễn như trình diễn trích đoạn *Lục Vân Tiên*, nói thơ Lục Vân Tiên, hát sắc bùa Phú Lễ, tái hiện cảnh dạy học, kê đơn chữa bệnh của Nguyễn Đình Chiểu, trồng và chăm sóc vườn thuốc Nam tại khu di tích... nhằm tạo ra luồng sinh khí mới, thu hút du khách khi đến đây. Riêng hoạt động giáo dục trải nghiệm nên gắn với lớp thế hệ trẻ. Bởi không đơn thuần chỉ là việc giới thiệu các giá trị văn hóa, giá trị di sản của dân tộc tới thế hệ trẻ, việc đưa các em đến với các giá trị văn hóa, các khu di sản cũng là cách nuôi dưỡng tâm hồn, tình yêu đối với di sản văn hóa của dân tộc, với cội nguồn. Là một trong nhiều giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản, hoạt động giáo dục tại các bảo tàng, di tích đang ngày càng đa dạng với những mô hình hấp dẫn giới trẻ. Thông qua một số hoạt động trải nghiệm, các em được “học mà chơi, chơi mà học”, chủ động khám phá, tìm hiểu di sản thông qua hoạt động tương tác, trải nghiệm, từ đó góp phần rèn luyện kỹ năng quan sát, sưu tầm, thuyết trình, làm việc nhóm... Cơ quan quản lý Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu cần liên kết với các ngành có liên quan và cơ sở dịch vụ du lịch thường xuyên tổ chức hoạt động trải nghiệm ở Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm nhằm quảng bá, thu hút khách tham quan.

Cần tổ chức đa dạng các hội thi gắn với từng đối tượng như: hội thi thuyết minh viên di tích, thi ảnh đẹp về các hoạt động tại Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu; hội thi tìm hiểu về Nguyễn Đình Chiểu và những vấn đề liên quan đến ông như các sáng tác văn chương, loại hình nghệ thuật chuyển tải nội dung tác phẩm của ông,

cuộc thi viết về cảm xúc khi đến khu di tích... Hoặc tổ chức các hoạt động văn hóa đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của công chúng. Gắn hoạt động tham quan thuần túy với các hoạt động khác như tìm hiểu văn phong của Nguyễn Đình Chiểu, tìm hiểu quá trình kê đơn thuốc chữa bệnh cứu dân của ông. Đề xuất xây dựng các khu lưu trú, thư phòng theo phong cách truyền thống để du khách có thể cảm nhận không khí Nho giáo trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp sôi sục tại đồng bằng sông Cửu Long thời bấy giờ.

Hai là, huy động mọi nguồn lực đầu tư cho công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di tích và phát triển du lịch: đẩy mạnh công tác xã hội hóa, tranh thủ nguồn vốn đầu tư từ ngân sách của Trung ương, tỉnh và địa phương nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng khu Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu và kết cấu hạ tầng cho các tuyến du lịch, điểm du lịch cùng chung tuyến hành trình khai thác với di tích. Tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng du lịch đồng bộ, cơ sở vật chất - kỹ thuật và xây dựng các sản phẩm du lịch có chất lượng cao, tạo sự bứt phá với các tỉnh khác trong khu vực, hướng đến mục tiêu đưa Bến Tre trở thành trung tâm du lịch của cả vùng. Với tư cách là sản phẩm du lịch, phải làm sao mang lại cho du khách thập phương nhiều trải nghiệm dịch vụ tiện ích khi đến tham quan nhất. Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông thông suốt và hệ thống bảng chỉ dẫn đến các khu, điểm du lịch, hệ thống xử lý nước thải, rác thải, nhà vệ sinh đạt chuẩn, cấp điện, cấp nước, hạ tầng thông tin và truyền thông đảm bảo phủ sóng tới 100% khu dân cư. Đối với kết cấu hạ tầng giao thông, đây là một yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bến Tre nói chung và của du lịch nói riêng. Chính vì thế, phải chú trọng đến việc đầu tư vào hạ tầng giao thông để rút ngắn khoảng thời gian và lộ trình của du khách khi đến tuyến hành trình này phải có những điểm tiện ích, ăn uống, nghỉ ngơi tiện nghi. Trong khi điều kiện của tỉnh còn nhiều khó khăn, cần sự chung tay góp sức của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và cộng đồng người dân. Bên cạnh đó, đầu tư xây dựng có trọng tâm, trọng điểm theo lộ trình và thời gian, tránh đầu tư

dàn trải, kéo dài dự án. Kêu gọi doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư vốn xây dựng các công trình dịch vụ du lịch, các sản phẩm du lịch, trong đó tỉnh nên có cơ chế tạo điều kiện hỗ trợ một phần kinh phí.

Ba là, định vị, phát triển thương hiệu du lịch tỉnh Bến Tre là du lịch di sản gắn với hình ảnh, giá trị Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu, hướng tới ngành du lịch xanh, bền vững. Bên cạnh những tour, tuyến du lịch kết nối với Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu hiện nay, cần mở rộng để hình thành các sản phẩm du lịch độc đáo, mới lạ, riêng có của địa phương (thế mạnh từ tài nguyên văn hóa bản địa) cũng như những giá trị đặc sắc riêng có tạo nên thương hiệu, tính đặc trưng của di sản Nguyễn Đình Chiểu đồng thời tạo sự hứng thú cho du khách. Đa dạng các chương trình du lịch, tuyến du lịch hấp dẫn kết nối nội tỉnh, liên tỉnh, liên vùng. Cần khai thác hết khía cạnh nhận thức, nhân bản và thẩm mỹ trong các giá trị lịch sử - văn hóa; đồng thời, khéo léo liên kết với các sự kiện lịch sử “người thật việc thật”, với đất nước - con người tại chỗ (với các giá trị lịch sử - văn hóa khác...) để tạo thành những sản phẩm du lịch tốt. Xu thế chính của du lịch thế giới hiện nay là du khách ngày càng có nhu cầu được tham gia “sống” trong/với sản phẩm, thay vì chỉ đứng xem/tham quan sản phẩm du lịch. Vì vậy rất cần chương trình tham quan được xây dựng phù hợp với các đối tượng du khách khác nhau, tạo cơ hội để du khách tự mình trải nghiệm, cảm nhận những thông điệp mà di tích thể hiện.

Đối với những nhóm tham quan là học sinh, sinh viên, chương trình cần lồng ghép với các trò chơi trí tuệ, hoạt động tập thể để tạo hứng thú tìm hiểu về lịch sử dân tộc; đối với các đoàn cựu chiến binh, các nhóm du lịch gia đình, tập thể, chương trình tăng cường kết hợp du lịch về nguồn và nghỉ dưỡng, du lịch về nguồn và sinh thái..., tạo sự đa dạng cho sản phẩm du lịch đáp ứng các nhu cầu của du khách. Cần xây dựng những chương trình tổng hợp, toàn diện phục vụ cho những khách có nhu cầu tìm hiểu chuyên sâu về di sản Nguyễn Đình Chiểu cũng như di sản văn hóa của tỉnh Bến Tre. Kêu gọi đầu tư tổ chức các hoạt động ẩm thực, giải khát, bán quà lưu niệm, dịch vụ văn hóa phục vụ yêu cầu nghiên cứu,

giáo dục, tham quan, vui chơi, giải trí; tiếp nhận, hỗ trợ, trao đổi thông tin và kinh nghiệm trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, hàng lưu niệm để tăng sức hấp dẫn đối với du khách. Việc tạo ra các món quà lưu niệm tại di tích là thực sự cần thiết. Quà lưu niệm tượng trưng cho những dấu ấn lịch sử của di tích, từ đó góp phần quảng bá cho di tích.

Bốn là, tăng cường các hoạt động truyền thông quảng bá Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu. Phải xem đây là nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới. Kênh thông tin quảng bá phải đến được từng phân đoạn thị trường. Muốn khách tham quan đến với di tích, phải đưa hình ảnh di tích đến với du khách, kích thích lòng hiếu kỳ và sự mong muốn khám phá của họ. Hiện nay, ở tỉnh Bến Tre vẫn còn tồn tại quan niệm phủ nhận sự tồn tại của thị trường trong hoạt động của di tích nói riêng, di sản văn hóa nói chung, cho rằng đây là lĩnh vực hoạt động văn hóa tinh thần, giáo dục truyền thống, do đó không phải là hoạt động hàng hóa, thương mại; hoạt động này phải là miễn phí, phi lợi nhuận cho mọi đối tượng. Chính cách hiểu này đã trở thành rào cản lớn về mặt chính sách đối với sự phát triển của Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu. Vì vậy, cần có sự thay đổi nhận thức về văn hóa. Văn hóa không chỉ phục vụ nhu cầu tinh thần của con người, mà trong thời đại hiện nay, văn hóa còn mang lại những giá trị kinh tế, thúc đẩy sự phát triển của địa phương nơi lưu giữ, bảo tồn. Giống như các ngành kinh tế khác, để sản phẩm đến được với công chúng, di tích cần có công cụ, phương pháp marketing hiệu quả trong đó có đặt vấn đề tiếp thị qua mạng xã hội, quan hệ công chúng, quản trị truyền thông và tổ chức các ấn phẩm có tính quảng bá, các giải pháp truyền thông marketing để thu hút khách tham quan. Chú trọng đầu tư, quảng bá sâu rộng giá trị nổi bật toàn cầu của di sản Nguyễn Đình Chiểu ở trong và ngoài nước, thu hút khách du lịch tới tham quan, nghiên cứu. Các nhà quản lý cần phải có chiến lược truyền thông và triển khai tăng cường các hoạt động quảng bá hình ảnh các hoạt động di tích:

- Tăng cường công tác truyền thông quảng bá bằng các hình thức như: website, sản xuất và phát hành các ấn phẩm, các tài liệu tuyên truyền, quảng bá du lịch, in sách, tờ rơi, tờ gấp, bản đồ du lịch, bưu ảnh, phim ảnh về Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu. Có thể phát ấn phẩm, tuyên truyền ở các địa điểm thu hút khách tham quan, du lịch để du khách hiểu rõ những giá trị tiềm ẩn trong di tích. Viết bài đăng trên các báo, tạp chí giới thiệu giá trị của di tích với đông đảo bạn đọc.

- Giới thiệu các sản phẩm du lịch của huyện Ba Tri và các địa điểm lân cận kết nối với Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu, giới thiệu sản phẩm ẩm thực đặc trưng của địa phương, làng nghề truyền thống, văn hóa bản địa đặc sắc... thông qua hoạt động tham gia các hội chợ, triển lãm, sự kiện. Tổ chức các chương trình tọa đàm với sự tham gia của các hãng lữ hành nhằm bắt kịp thị hiếu của khách để xây dựng những sản phẩm du lịch phù hợp.

- Đặc biệt, cần xây dựng một website riêng của khu di tích, thường xuyên giới thiệu giá trị và toàn bộ hoạt động của di tích. Hiện nay, thông tin về Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu được đưa lên một số trang thông tin điện tử của tỉnh như bentre.gov.vn, baodongkhoi.com.vn, nguyendinhchieu.vn... nhưng nội dung còn sơ lược, mang tính giới thiệu khái quát. Một số trang web của các công ty du lịch cũng giới thiệu về Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu nhưng chủ yếu quảng bá thương hiệu, phục vụ hoạt động kinh doanh của mình.

Cần có cơ chế phối hợp giữa các ngành, đoàn thể và cơ quan quản lý Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu cần thực hiện tốt chức năng tham mưu thực hiện; đưa công tác truyền thông vào hoạt động định kỳ, mang tính thường xuyên và bắt buộc. Hằng năm, cơ quan quản lý Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu và các cơ quan truyền thông nên ký kết biên bản ghi nhớ tăng cường công tác truyền thông, quảng bá thu hút khách du lịch, tránh tình trạng mạnh ai nấy làm, khai thác, hỗ trợ thế mạnh

của mỗi đơn vị, hạn chế những điểm còn yếu kém khi thực hiện đơn lẻ. Các đơn vị phối hợp trên các nội dung: Tổ chức các hoạt động truyền thông, quảng bá; phối hợp tổ chức quảng bá, giới thiệu những sự kiện chung của các bên hướng tới phục vụ công chúng vào các dịp kỷ niệm lớn của đất nước, dịp nghỉ lễ truyền thống; ngày Di sản văn hóa Việt Nam 23/11 hằng năm; ngày lễ truyền thống văn hóa 01/7 tại Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu; phối hợp trong các hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu nhu cầu khách tham quan để xây dựng các hoạt động phù hợp; hợp tác với các trường phổ thông, trường đại học, cao đẳng để xây dựng chương trình và lộ trình tham quan phù hợp cho học sinh, sinh viên đến với khu di tích; trao đổi với các công ty du lịch, lữ hành phối hợp xây dựng các chương trình riêng biệt phục vụ khách du lịch trong nước và quốc tế; phối hợp đào tạo, tập huấn, trao đổi nghiệp vụ truyền thông, marketing nhằm nâng cao nhận thức, năng lực cho cán bộ làm công tác truyền thông; phối hợp, hỗ trợ chủ thể văn hóa, cộng đồng kết nối hoạt động, quảng bá liên thông giữa các bên; xây dựng các ấn phẩm chung theo vùng hoặc theo nhóm nhằm giới thiệu, quảng bá hoạt động của các bên; xây dựng chuyên trang, chuyên mục về nội dung hoạt động của các bên trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng; truyền thông trên trang thông tin điện tử (website) của các bên: Kết nối đường dẫn giữa các trang web; chia sẻ tài nguyên số (tin bài, hình ảnh, nội dung); chia sẻ các video giới thiệu nội dung. Hoạt động phối hợp giữa các đơn vị được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, đồng thuận; tuân thủ quy định của pháp luật; tôn trọng tính đặc thù, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị. Công việc này đòi hỏi nhà quản lý phải thực hiện thường xuyên, chủ động, nhanh chóng. Những người được giao nhiệm vụ thực hiện công việc phải có hiểu biết sâu sắc về giá trị văn hóa của di tích, của vùng đất Bến Tre để có thể thực hiện một cách sinh động, linh hoạt việc truyền thông quảng cáo đạt hiệu quả cao nhất.

Bên cạnh đó, cần đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên tại điểm để thực hiện công tác truyền thông, giới thiệu, quảng bá giá trị của các di tích

đến khách tham quan trong và ngoài nước. Bởi vì, bên cạnh những yếu tố như sự đầu tư về cơ sở vật chất, trưng bày... thì thuyết minh viên cũng là một yếu tố góp phần quan trọng trong việc phát triển du lịch tỉnh nhà. Không chỉ truyền tải bức tranh thông điệp về nét đẹp truyền thống lịch sử, văn hóa của di tích đến khách tham quan, du lịch mà đội ngũ thuyết minh viên còn là người “thổi hồn” vào các di tích, hiện vật..., làm sống dậy từng điểm du lịch, các di tích, thu hút khách du lịch thập phương. Qua đó, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người địa phương đến du khách gần xa.

Năm là, tăng cường nguồn nhân lực trong việc bảo tồn giá trị di tích đồng thời gắn kết phát triển du lịch. Tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực du lịch. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cả về quản lý nhà nước, quản trị doanh nghiệp và lao động du lịch. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ (nhất là về quản lý quy hoạch, thẩm định dự án du lịch, quản lý di sản, quản lý và bảo vệ môi trường, xúc tiến quảng bá du lịch...), trình độ ngoại ngữ, đạo đức nghề nghiệp đối với cán bộ quản lý nhà nước. Với tư cách là một di tích quốc gia đặc biệt, hơn bao giờ hết, Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu cần được quan tâm chú trọng gìn giữ bảo tồn. Do đó, yêu cầu đặt ra là cần có những con người có trình độ, năng lực thật sự, có tư duy khoa học, khả năng nghiên cứu, am hiểu các văn bản chính sách, pháp luật của Nhà nước và chuyên môn về di tích mới đủ khả năng để nghiên cứu bảo vệ, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa một cách tốt nhất. Vì vậy, rất quan trọng là cần phải nâng cao năng lực, đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn sâu cho cán bộ quản lý, bởi phải hiểu di tích mới quản lý được di tích. Nếu làm công tác di sản mà không hiểu về di sản thì khó có thể bảo vệ di sản. Xuất phát từ thực trạng những hạn chế thuộc đội ngũ cán bộ quản lý di tích tỉnh Bến Tre hiện nay, về nguồn nhân lực chuyên môn nghiệp vụ hiện tại của cơ quan quản lý trực tiếp di tích; cán bộ Phòng Văn hóa và Thông tin huyện, công chức văn hóa xã, có thể thấy đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý di tích về cơ bản còn thiếu nguồn nhân lực có chất lượng cao, thiếu những chuyên gia giỏi.

Với định hướng phát triển xây dựng di tích thành sản phẩm du lịch di sản, cần bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch cho viên chức quản lý di tích cũng như đội ngũ thuyết minh viên tại di tích này cũng phải vững nghiệp vụ du lịch. Sản phẩm du lịch về bản chất là sản phẩm dịch vụ, chất lượng sản phẩm du lịch chính là điều du khách cảm nhận được trong quá trình đi du lịch. Chất lượng sản phẩm du lịch chịu tác động của hai yếu tố quyết định đó là con người và giá trị tài nguyên, vì chúng tạo nên cảm nhận của du khách. Do đó, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên tại Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu và các điểm di tích lịch sử - văn hóa vệ tinh xung quanh, cũng như cả đội ngũ nhân lực trong tour tuyến khai thác, bảo đảm về tiêu chuẩn trình độ nghiệp vụ, ngoại ngữ, đạo đức, tác phong để đáp ứng nhu cầu của khách tham quan du lịch. Vấn đề con người là vấn đề có tầm chiến lược, chiếm vị trí trung tâm trong hệ thống quản lý nhà nước, quyết định hiệu quả của hoạt động này.

Sáu là, ứng dụng khoa học công nghệ trong bảo tồn di sản và phát triển du lịch. Ứng dụng công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ số đang ngày càng chứng tỏ tính ưu việt trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản, góp phần tăng sức hút cho điểm đến. Thiết kế nhiều chương trình ứng dụng công nghệ đa chiều, nhiều tương tác trong trưng bày tại Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu, áp dụng phần mềm hướng dẫn tham quan trên điện thoại di động, vận dụng công nghệ thực tế ảo, tăng cường hiệu quả truyền tải những thông điệp, ý nghĩa của vật trưng bày đến người xem, tạo ra môi trường khám phá, thưởng thức các giá trị văn hóa, lịch sử hấp dẫn, cuốn hút công chúng hơn. Công nghệ ngày càng là một phần không thể thiếu trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản. Để làm tốt hơn điều này, việc “số hóa” di sản là bước đi quan trọng vừa góp phần lưu giữ hình ảnh, tư liệu, vừa mang di sản đến gần hơn với công chúng. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ đồng thời sẽ đưa du lịch tỉnh

Bến Tre phát triển theo cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và phát triển theo hướng nền kinh tế dựa vào tri thức, bên cạnh đó sử dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào công tác quản lý và kinh doanh du lịch để nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của các sản phẩm dịch vụ du lịch của tỉnh. Hướng đến mục tiêu nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền quảng bá cho các hoạt động, sự kiện du lịch gắn với Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu, với du lịch tỉnh Bến Tre. Với ứng dụng công nghệ thông tin, các doanh nghiệp du lịch có thể tiếp cận tới nhiều khách hàng hơn, chăm sóc khách hàng tốt hơn, giảm chi phí và tăng hiệu quả kinh doanh. Từ đó đòi hỏi, cần đầu tư các nền tảng công nghệ lõi mang tính cơ bản để doanh nghiệp, xã hội, địa phương có thể dựa trên đó hoàn thiện, đồng bộ và phát triển kết cấu hạ tầng công nghệ; đa dạng hóa nguồn vốn, tạo điều kiện xã hội hóa nguồn tài chính cho phát triển công nghệ. Song song đó, đầu tư phát triển nguồn lực con người cũng là yếu tố then chốt. Bên cạnh một đội ngũ có trình độ chuyên môn về di sản, cần đào tạo một đội ngũ nhân lực công nghệ riêng, có khả năng nắm bắt, thực hành các thành tựu, xu hướng mới của công nghệ hiện đại.

Kết luận

Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu là niềm tự hào của người dân tỉnh Bến Tre nói riêng, người dân Nam Bộ Việt Nam nói chung, và là bộ phận quan trọng cấu thành di sản văn hóa tỉnh Bến Tre. Do vậy, việc khai thác, phát huy giá trị của di tích này trong hoạt động du lịch di sản của địa phương là điều cần thiết. Thời gian qua, chính quyền và nhân dân tỉnh Bến Tre đã không ngừng nỗ lực, thực hiện nhiều việc làm thiết thực, cụ thể để bảo tồn, phát huy giá trị của di tích. Tuy nhiên, việc khai thác du lịch hiện nay chưa tương xứng với tiềm năng di tích.

Xuất phát từ thực trạng khai thác giá trị Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu trong phát triển du lịch hiện nay,

và những tiềm năng, cơ hội to lớn khi danh nhân Nguyễn Đình Chiểu vinh dự được UNESCO cùng vinh danh và tham gia kỷ niệm năm sinh, năm mất. Đồng thời với những trăn trở cũng như mong muốn đóng góp nhằm phát huy giá trị di tích, tác giả đã đề xuất các giải pháp nhằm bảo tồn, đồng thời phát huy giá trị di tích gắn bó hài hòa với hoạt động du lịch trong thời gian tới, góp phần nâng tầm Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu xứng với giá trị, tiềm năng di tích. Trong xu hướng lượng du khách đến tỉnh Bến Tre ngày càng gia tăng mỗi năm, việc đầu tư khai thác du lịch tại Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu sẽ đặt ra kỳ vọng góp phần tăng vượt bậc khách du lịch đến tỉnh Bến Tre, đóng góp thêm nguồn doanh thu cho tỉnh nhà, và quan trọng là góp phần nâng cao truyền thống văn hóa - lịch sử của dân tộc, khơi dậy niềm tự hào và tăng cường nhận thức cho thế hệ trẻ về tinh thần “uống nước nhớ nguồn”, góp phần quảng bá vùng đất Bến Tre đến bạn bè trong và ngoài nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Chí Bền: *Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), nhà thơ lớn, nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2020.
- [2] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài nguyên và Môi trường: *Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT Hướng dẫn bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích*, Hà Nội, 2013.
- [3] Nguyễn Thu Hiền: “Khai thác giá trị di sản văn hóa trong phát triển du lịch”, <https://nhandan.vn/dong-chay/khai-thac-gia-tri-di-san-van-hoa-trong-phat-trien-du-lich-287520>, ngày 12/3/2017.
- [4] Ngô Minh Hùng: *Bảo tồn môi trường di sản*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2014.

- [5] Nguyễn Thế Hùng (chủ nhiệm): *Bảo vệ di sản văn hóa trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2013.
- [6] Đặng Huỳnh: “Sức sống thơ văn Đồ Chiểu trong đời sống dân gian Nam Bộ”, tài liệu trực tuyến: <https://baocantho.com.vn/suc-song-tho-van-do-chieu-trong-doi-song-dan-gian-nam-bo-a21031.html>, ngày 05/7/2015.
- [7] Lê Hồng Lý - Dương Văn Sáu - Đặng Hoài Thu: *Quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
- [8] Nhiều tác giả: *Quản lý và khai thác di sản văn hóa trong thời kỳ hội nhập*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2017.
- [9] Thạch Phương (Chủ biên), Văn Đình Hy, Huỳnh Ngọc Trảng, Trần Thị Tuyết Hoa, Vũ Văn Ngọc, Nguyễn Văn Kim: *Nguyễn Đình Chiểu trong cuộc đời*, Ty Văn hóa và Thông tin Bến Tre, 1982.
- [10] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre: Báo cáo số 2391/BC-SVHTTDL, ngày 03/11/2021 về kết quả 4 năm thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU, ngày 20/7/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, Bến Tre, 2021.
- [11] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre: “*Các dự án nhỏ của Ngân hàng Thế giới và góc nhìn về sản phẩm du lịch đặc thù tỉnh Bến Tre*”, Hội thảo Xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù tỉnh Bến Tre, Bến Tre, 2017.
- [12] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre: *Hồ sơ xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu*, Bến Tre, 2016.
- [13] Tạp chí Ban Tuyên giáo trung ương: “Phát huy giá trị di sản văn hóa, tạo cơ hội phát triển du lịch”, <https://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/van-hoa/phan-huy-gia-tri-di-san-van-hoa-tao-co-hoi-phat-trien-du-lich-125393>, ngày 29/7/2021.

- [14] Tỉnh ủy Bến Tre: *Đề án phát triển du lịch tỉnh Bến Tre đến năm 2030*, 2021.
- [15] Trung tâm Tư vấn và Đào tạo Du lịch: “Khai thác và quản lý giá trị di sản thích ứng trong xu hướng phát triển du lịch mới”, http://itdr.org.vn/ngghien_cuu/khai-thac-va-quan-ly-gia-tri-di-san-thich-ung-trong-xu-huong-phat-trien-du-lich-moi, ngày 29/7/2021.
- [16] Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre: Báo cáo số 169/BC-UBND, ngày 07/5/2019 về việc tổng kết thực hiện đề án Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Bến Tre đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2022.
- [17] Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre: Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND, ngày 04/9/2014 về việc phân cấp quản lý di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh Bến Tre, Bến Tre.
- [18] Lê Trí Viễn: *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao càng nhìn càng sáng*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1982.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC THƠ VĂN NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG HIỆN NAY

(Khảo sát trường hợp tỉnh Bến Tre)

PGS.TS. PHẠM THU YẾN*

NGUYỄN HỒNG LAN**

Tóm tắt: Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ lớn tiêu biểu của văn học Việt Nam cuối thế kỷ XIX. Cuộc đời và sự nghiệp thơ văn Nguyễn Đình Chiểu có ý nghĩa và giá trị rất lớn lao song cũng có ý kiến cho rằng việc dạy, học văn chương của tác giả đối với học sinh ngày nay không phải việc đơn giản vì yếu tố thời đại và ngôn ngữ. Chúng tôi sẽ tiến hành khảo sát khoảng 20 giáo viên và 300 học sinh một số trường trung học phổ thông ở địa bàn tỉnh Bến Tre bằng phương pháp định lượng và định tính để tìm hiểu thực trạng, cách đổi mới phương pháp dạy, học của các thầy cô và học sinh khi tiếp cận tác phẩm văn chương và nhân cách Nguyễn Đình Chiểu ngay trên mảnh đất gắn bó với cuộc đời tác giả. Từ đó, đề xuất một số ý kiến đổi mới phương pháp dạy và học tác phẩm văn chương Nguyễn Đình Chiểu theo tinh thần đổi mới giáo dục năng lực nhận thức, năng lực thẩm mỹ cho học sinh hiện nay. Bài viết có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, đặc biệt đối với công tác giáo dục, một lĩnh vực đang được xã hội quan tâm hiện nay.

Từ khóa: Đề xuất; Đổi mới; Khảo sát; Phương pháp dạy học; Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Liên hệ: phamthuyen001@gmail.com

** Trường Trung học phổ thông Đoàn Thị Điểm, tỉnh Bến Tre.

RENOVATING TEACHING AND LEARNING POETRY- PROSE OF NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU IN EXISTING SECONDARY SCHOOLS

(Survey of cases in Bến Tre province)

Abstract: The life and poetry of Nguyễn Đình Chiểu have great meaning and value, but there are also opinions that the teaching and learning of author's literature for students today is not a simple matter because of the times. and language. We conducted a survey of about 30 teachers and 300 students of some high schools in Bến Tre province by quantitative and qualitative methods to find out the current situation and how to innovate teaching and learning methods of teachers and students. When students approach literary works and Nguyễn Đình Chiểu's personality right on the land attached to the author's life. Proposing some ideas to innovate methods of teaching and learning Nguyễn Đình Chiểu's literary works in the spirit of reforming education of cognitive and aesthetic abilities for students today. The project implemented will have scientific and practical significance, especially for education work, a field that is being concerned by society today.

Keywords: Proposal; Innovation; Survey; Teaching methods; Nguyễn Đình Chiểu's literature.

Toàn văn

Mở đầu

Cuộc đời và sự nghiệp thơ văn Nguyễn Đình Chiểu có giá trị tư tưởng - văn hóa, nhân văn lớn lao, là tấm gương sáng đẹp về nhân cách, tài năng, nghị lực sống mà mỗi người trong chúng ta nếu càng

tìm hiểu, suy ngẫm sẽ càng thấm thía nhiều bài học vô cùng quý giá. Nguyễn Đình Chiểu là niềm tự hào của người dân Nam Bộ nói riêng, của người Việt Nam có nhân cách, trọng nghĩa khí nói chung không chỉ trước đây mà cả hôm nay và mai sau. Văn chương của Nguyễn Đình Chiểu được mã hóa dưới lớp vỏ ngôn từ mang vẻ mộc mạc thuần phác, dân dã. “Một vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng”¹.

Đã có nhiều bài báo, chuyên luận, luận án, luận văn công bố các nghiên cứu có giá trị về cuộc đời, sự nghiệp thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Trong các trường phổ thông mấy chục năm qua, không bao giờ thiếu vắng chương trình giảng dạy về tác gia, tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu (chương trình hiện hành lớp 9 với các đoạn trích trong truyện thơ *Lục Vân Tiên*, lớp 11 với tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*). Quả thật, những bài học, những áng văn thơ được tiếp nhận từ tuổi hoa niên luôn thấm sâu trong nhận thức và tâm hồn người học. Tuy nhiên, từ ý tưởng, chương trình học đến phương pháp truyền thụ và tiếp nhận luôn có khoảng cách. Việc giảng dạy thơ văn Nguyễn Đình Chiểu vẫn còn là vấn đề cần khảo sát, đúc kết kinh nghiệm, đổi mới phương pháp để những giá trị cao đẹp về cuộc đời và văn chương của ông được tỏa sáng đích thực. Trong một số cuộc khảo sát với giáo viên và học sinh ở các địa phương, các vùng miền, bên cạnh rất nhiều giờ dạy học thành công cũng có không ít giáo viên chia sẻ rằng việc truyền thụ để học sinh thấu hiểu, yêu quý thơ văn Nguyễn Đình Chiểu không phải là vấn đề đơn giản vì lý do thời đại, ngôn ngữ, cách dạy, thời lượng học,...

Trong phạm vi bài viết sẽ trình bày bước đầu kết quả khảo sát thực trạng dạy và học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu của giáo viên, học sinh ở địa bàn tỉnh Bến Tre, mảnh đất gắn bó sâu sắc với cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu, từ đó đề xuất một số ý kiến đổi mới phương pháp dạy và học thơ văn cụ Đồ Chiểu trong nhà trường phổ thông nói chung và ở tỉnh Bến Tre

1. Phạm Văn Đồng: “Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc”, in trong *Sách giáo khoa Ngữ văn 12*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006, t.1.

nói riêng. Bài viết dựa trên cơ sở lý luận là *lý thuyết tâm lý tiếp nhận* và *vấn đề nghiên cứu, giảng dạy văn hóa, văn học trong bối cảnh* theo hướng tiếp cận liên ngành

1. Đối tượng, phương pháp và kết quả khảo sát

a) Đối tượng, phương pháp khảo sát

Chúng tôi chọn mẫu khảo sát là 20 giáo viên gồm các giáo viên trực tiếp giảng dạy, tổ trưởng chuyên môn, chuyên viên tại các phòng, sở ở Bến Tre và 300 mẫu học sinh tại các điểm trường phổ thông tại tỉnh Bến Tre.

Phương pháp khảo sát bằng phương pháp định lượng, định tính, thống kê, phân tích tổng hợp, so sánh.

b) Kết quả khảo sát

Về mức độ yêu thích đối với tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, kết quả điều tra khảo sát cho thấy một điều đáng chú ý là hầu hết học sinh (255/300 phiếu đánh giá) đều thích tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Có đến 153/300 ý kiến thích bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. Đây là những thuận lợi lớn cho giáo viên tỉnh Bến Tre trong việc truyền những cảm hứng về thơ văn Nguyễn Đình Chiểu cho người học bắt đầu bằng tình yêu văn học của họ. Tuy nhiên trên thực tế, rất nhiều học sinh không cảm thụ được hết cái hay, cái đẹp của tác phẩm. Mặc dù đa số học sinh nhận xét thơ văn Nguyễn Đình Chiểu rất hay nhưng các em vẫn chưa có thể hiểu sâu xa về tác phẩm nên các em cũng không rung động sâu sắc với tác phẩm được.

Khi được hỏi về những khó khăn mà các em học sinh gặp phải khi học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu thì có 35/300 em nêu ý kiến khó khăn về ngôn ngữ và khoảng cách thời đại, có 175/300 em gặp khó khăn về đọc hiểu tác phẩm, có 155 ý kiến gặp khó khăn khi kết nối tác phẩm với cuộc sống hiện tại. Học sinh các lớp chuyên văn ít gặp các khó khăn trên, tuy nhiên đa số các em cũng cho rằng khó có thể kết nối được tác phẩm với cuộc sống hiện tại nên các em cũng không hiểu sâu về tác phẩm. Về phía giáo viên, một số giáo viên cho rằng việc dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu

cũng đem lại hứng thú cho học sinh. Tuy nhiên còn rất nhiều ý kiến của các giáo viên cho rằng họ rất khó tìm một phương pháp tiếp cận nào để có thể giúp học sinh hiểu sâu và truyền được hứng thú, cảm xúc cho học sinh, đặc biệt là bài văn tế.

Về phương pháp tổ chức giảng dạy thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, kết quả điều tra khảo sát cho thấy: Đa số các giáo viên chủ yếu dạy tác phẩm theo hướng tái hiện nội dung kiến thức, có kết hợp dạy nội dung và mở rộng thêm kiến thức về văn hóa, lịch sử, thời đại, một số ít giáo viên chú trọng về nhận thức, cảm hứng của học sinh nhưng không thường xuyên. Khảo sát mẫu phiếu phỏng vấn chuyên sâu về tổ chức giảng dạy các giáo viên cho biết do các tác phẩm thơ văn Nguyễn Đình Chiểu khó lại thêm áp lực chương trình và phải dạy học để thi nên các giáo viên không thể dành nhiều thời gian hơn để tổ chức các hoạt động nhằm tạo hứng thú cho học sinh do bị giới hạn số tiết và tác phẩm ít được cho thi trong chương trình. Theo các giáo viên và ý kiến của ban giám hiệu thì tại các trường ở tỉnh Bến Tre có tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoại khóa như tham gia các hội thi thuyết trình giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, hội thi hát Văn Tiên, sân khấu hóa tác phẩm *Lục Vân Tiên*... Tuy nhiên các hoạt động trải nghiệm này không diễn ra thường xuyên và chỉ có một nhóm nhỏ học sinh tham gia nên cũng chưa tạo được tính lan tỏa.

Khảo sát qua mẫu phiếu phỏng vấn sâu đối với các chuyên viên ngữ văn của các phòng và sở giáo dục tại Bến Tre, các chuyên viên cho biết: các giáo viên phải truyền tải được mục tiêu nội dung cần đạt của bài học theo chương trình với đúng số tiết quy định để tập trung vào luyện đề cho các kỳ thi. Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu nói riêng, văn học dân gian và thơ văn trung đại nói chung không có trong nội dung thi tốt nghiệp phổ thông nên học sinh học tập có phần lơ là. Tuy nhiên trong phạm vi số tiết cho phép, giáo viên vẫn có thể chọn lựa những nội dung trọng tâm và tìm cách tổ chức tiết học sinh động, hấp dẫn để truyền tải kiến thức mà vẫn có thể thu hút được học sinh. Còn đối với việc thi cử thì giáo viên có thể đưa kiến thức thơ văn Nguyễn Đình Chiểu vào kiểm tra đánh giá thường

xuyên qua các sản phẩm học tập, đánh giá điểm quá trình để lôi cuốn, thu hút học sinh vào hoạt động học tập. Và theo các chuyên viên, giáo viên nên hướng học sinh có nhận thức đúng đắn rằng học văn không phải chỉ để thi cử hình thức mà còn học để bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách làm người. Từ đó đặt ra yêu cầu với các thầy cô giáo phải có cách tổ chức nội dung, các hình thức hoạt động sáng tạo, mới mẻ thì mới thu hút học sinh, nhất là đối với thơ văn Đỗ Chiểu là văn học trung đại không phải dễ truyền đạt.

Khi được hỏi về *mong muốn của các em được hiểu sâu về cái hay của thơ văn Đỗ Chiểu nhằm mục đích gì?* Kết quả khảo sát cho thấy có 200/300 phiếu chọn mục đích để học tốt môn Ngữ văn, có 255/300 phiếu chọn cả hai phương án, vừa học tốt môn Ngữ văn và đặc biệt các em đều chọn mong muốn học thơ văn Đỗ Chiểu để bồi dưỡng tâm hồn.

2. Một số hạn chế trong phương pháp dạy và học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu

Thứ nhất, việc dạy học theo cách áp đặt kiến thức có sẵn làm cho học sinh hiểu đó là “cái duy nhất đúng”, điều này đã thủ tiêu cơ hội sáng tạo của học sinh. Và là nguyên nhân khiến cho giáo viên không thể dành thời gian để khám phá thêm nhiều nội dung mới mẻ, mở ra nhiều cách hiểu thú vị để kích thích hứng thú học hỏi của học sinh. Từ đó, các em học sinh cảm thấy mình không cần tìm hiểu gì thêm.

Thứ hai, các giáo viên trong nhà trường tỉnh Bến Tre chưa thực sự chú trọng dạy học tác phẩm thơ văn Đỗ Chiểu theo thể loại (do tình hình chung của chương trình hiện hành còn dạy theo đơn vị tác phẩm) nên giáo viên chưa cung cấp cho học sinh được kiến thức nền về thể loại để học sinh có thể tự mình đọc, hiểu tác phẩm. Việc cung cấp các kiến thức nền về thể loại sẽ giúp học sinh tự đọc hiểu và nghiên cứu sâu hơn về tác phẩm. Đồng thời, việc dạy đặt tác phẩm vào hệ thống thể loại giáo viên tìm ra những đóng góp mới mẻ về tư tưởng của nhà văn vượt ra ngoài phạm vi thể loại.

Thứ ba, khi dạy thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, đa số giáo viên tại các trường phổ thông tỉnh Bến Tre còn áp dụng cứng nhắc vào câu chữ trong mục tiêu cần đạt và bài giảng từ sách giáo viên cung cấp theo quan điểm học chỉ để thi, “học gì thi nấy”. Đây là nguyên nhân khiến cho giáo viên không chủ động dành thời gian khám phá thêm nhiều nội dung mới mẻ của bài học để kích thích hứng thú của học sinh. Điều này đã khiến giáo viên đã đánh mất đi cơ hội được tiếp cận những tư tưởng đa chiều, những tư tưởng văn hóa, nhân văn sâu sắc từ tác phẩm. Việc giáo viên dạy học bằng những “thế bản” và việc học sinh phải đọc nhanh, đọc lướt văn bản kể cả đọc sách học tốt, văn mẫu để trả lời câu hỏi theo mong muốn của giáo viên, vô tình đã thủ tiêu hứng thú được thưởng thức tác phẩm văn học đúng nghĩa của học sinh. Lớp vỏ ngôn từ chứa đựng biết bao nhiêu tầng nghĩa sâu kín, biết bao nhiêu tâm tình mà nhà văn muốn gửi đến người đọc chứ không chỉ giới hạn một vài cách hiểu phiến diện, áp đặt về tác phẩm. Tại sao cụ Đồ đọc xong *Văn tế nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh* rồi lại vật ra ngất xỉu há lẽ nào chỉ mong muốn kêu gọi dân đứng lên chống giặc trả thù cho người đã chết mà không có một nỗi đau đớn, quần quai nào về số phận con người bị hủy diệt tàn nhẫn trong chiến tranh sao? M.B. Khrapchenko xem tác phẩm như một máy thu có nhiều dải sóng mà người nhận là kẻ chĩnh sóng để dò bắt được đúng cái “chương trình” mà mình mong đợi. Nếu các thầy, cô giáo không gọi ra được hết những cái hay, giá trị tư tưởng nhân văn lớn lao thì làm sao ta biết là học sinh không hứng thú về tác phẩm.

Thứ tư, người đọc là thế hệ học sinh rất thông minh. Các em có nhiều kiến thức và kỹ năng của công dân toàn cầu, hoàn toàn có khả năng nắm bắt rất nhanh những cái hay, cái mới. Giáo viên chỉ cần cung cấp cho học sinh các kiến thức nền cần thiết và truyền được cảm hứng rung động về tác phẩm là đã mở hướng quan trọng để các em tự mình khám phá và làm phong phú thêm kiến thức cho mình.

Thứ năm, chương trình Ngữ văn năm 2018 theo Thông tư số 32/2008/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông, trên cơ sở đó sẽ triển khai dạy

học theo hướng mở phân loại chủ đề và thể loại chứ không đưa những đơn vị kiến thức cụ thể và sách giáo khoa chỉ mang tính chất tham khảo. Như vậy, chương trình đã mở ra nhiều hướng tiếp cận để người giáo viên được tự do khai thác những tầng lớp sâu kín của tác phẩm. Từ đó đặt ra yêu cầu trong thời gian tới đối với đội ngũ giáo viên là việc tham khảo các nguồn tài liệu, các lý thuyết hiện đại để gợi ra nhiều cách hiểu phong phú, hấp dẫn cho người học, miễn là phù hợp với khung chương trình quy định và những giá trị văn hóa nhân văn của thời đại.

Từ đó đề xuất hướng tiếp cận thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đặt vào các lý thuyết hiện đại, đặt tác phẩm trong hệ thống thể loại, cảm hứng nhân văn của tác phẩm. Các hướng tiếp cận này sẽ giúp giáo viên phát hiện thêm nhiều nội dung tư tưởng mới mẻ, thú vị phù hợp với năng lực nhận thức, năng lực thẩm mỹ của người học và phù hợp với xu hướng nhân văn tiến bộ của văn học dân tộc và nhân loại.

3. Đề xuất đổi mới phương pháp dạy và học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu theo tinh thần giáo dục năng lực nhận thức, năng lực thẩm mỹ cho học sinh

a) Đặt tác phẩm vào hệ thống thể loại

Hướng tiếp cận thi pháp học và phương pháp dạy học tác phẩm văn chương theo đặc trưng thể loại là đặt tác phẩm trong hệ thống thể loại để thấy đặc điểm chung mang tính loại hình của hình thức nghệ thuật, nội dung phản ánh và nhất là chức năng mà thể loại đảm nhận. Ví dụ, khi dạy tác phẩm *Lục Vân Tiên* cần đặt trong hệ thống thể loại truyện thơ dân tộc với chức năng phản ánh những số phận cá nhân con người, nêu bài học về đạo lý. Dạy truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên* phải đặt vào văn hóa bối cảnh. Tác phẩm đã đi vào đời sống sinh hoạt thực hành diễn xướng của dân gian để thấy hết những giá trị như tư tưởng đạo đức nhân nghĩa¹, tính giáo dục, tính nhân văn của tác phẩm.

Hay khi dạy tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* cần đặt tác phẩm trong chức năng thực hành nghi lễ, trong bối cảnh lịch sử cụ thể, tác giả

1. Xem Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Ngữ văn lớp 9*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021, t.1, tr.139.

bày tỏ nỗi xót đau, thương cảm, tôn vinh,... Tác phẩm không chỉ thể hiện vẻ đẹp bi tráng đậm chất sử thi của người nông dân nghĩa sĩ¹ mà còn là nỗi đau số phận con người, khát vọng giải phóng con người thì mới thấy được những giá trị nhân văn sâu sắc của tác phẩm.

b) Cần khai thác sâu cảm hứng nhân văn trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu

Cảm hứng nhân văn trong văn học khám phá con người ở những vẻ đẹp phẩm chất, những giá trị chung của con người, với “tất cả khổ đau và bất hạnh, niềm vui sướng và sự hạnh phúc”. Khơi dậy ở con người “khát khao được bảo vệ, tôn vinh các giá trị, phẩm giá của con người, các quyền cơ bản và vĩnh cửu của con người; sự đấu tranh chống lại mọi ách áp bức bóc lột, những cái phi nhân trong xã hội”².

Cảm hứng nhân văn trong thơ Đồ Chiểu tác động vào tình cảm, nhận thức thẩm mỹ của người đọc, khơi dậy ở họ sự tự ý thức sâu sắc về đạo đức, phẩm cách, hạnh phúc và khổ đau của con người. Đó không phải là vấn đề của một con người mà là của mọi kiếp người trong cuộc đời.

Nguyễn Đình Chiểu đã viết một áng thơ, văn về nét đẹp trong sáng của tâm hồn con người qua lối sống, suy nghĩ, hành động. Những con người miền Nam ngay thẳng, yêu ghét dứt khoát, rõ ràng. Khi thấy Bùi Kiệm, Trịnh Hâm dốt nát, bất tài không làm được thơ, ông Quán liền chê thẳng thừng: “*Võ tay xuống chiếu một khi cười dằn*”. Hoặc, những người nghĩa sĩ nông dân Nam Bộ chửi thẳng kẻ thù xâm lược và bọn tay sai bán nước cầu vinh: “*Tấc đất ngọn rau ơn chúa, tài bồi cho nước nhà ta/Bát cơm manh áo ở đời, mắc mớ chi ông cha nó?*” (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*). Con người Nam Bộ đã nói là làm, suy nghĩ luôn đi với hành động. Hành động dứt khoát táo bạo của Hớn Minh khi gặp cái ác: “*Tôi bèn nổi giận một khi/Vật chàng xuống đó bẻ đi một giờ*”.

1. Xem Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Ngữ văn lớp 11*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021, t.1, tr.56.

2. Nguyễn Đăng Hai: “Khái niệm chủ nghĩa nhân văn và chủ nghĩa nhân đạo trong khoa nghiên cứu văn học ở Việt Nam từ 1945 đến nay”, tạp chí *Khoa học*, Trường Đại học Cần Thơ, tháng 8/2015, tr.89.

*Nguyễn Đình Chiểu đã viết nên áng văn chương tôn vinh những niềm vui sướng, hạnh phúc của người bình dân bằng chính ngôn ngữ của dân gian. Và người Nam Bộ đã vui sướng đón nhận *Lục Vân Tiên* như nói về chính tâm sự, khát vọng của mình. Chưa bao giờ người ta thấy tác phẩm lại gắn bó với hình thức diễn xướng dân gian nhiều như thế. Người dân hát, kể *Vân Tiên* trong mọi lúc, mọi nơi, trong lúc sinh hoạt, lao động, trong giai đoạn thăng trầm của cuộc đời, khi vui, khi buồn, khi đau xót trước cảnh nhiều nhương của nước nhà dưới áp bức của quân xâm lược. Người dân Nam Bộ rất yêu sân khấu tuồng. Người miền Nam hát *Vân Tiên* một cách say sưa ở ngoài cuộc đời như một nghệ sĩ tuồng. Đó là khúc hát của một người nghệ sĩ tự do, phóng khoáng, yêu đời, yêu người, yêu tự do, yêu công bằng bay lên giữa đất trời, sông nước Nam Bộ Việt Nam.*

*Tác phẩm *Lục Vân Tiên* đã tác động mạnh mẽ đến tâm hồn con người, nuôi dưỡng tâm hồn con người². *Lục Vân Tiên* là nếp nhà, đạo làm người mà người dân dùng để răn dạy con cháu. Đọc truyện thơ *Lục Vân Tiên*, người Nam Bộ tự nhận thức về chính mình, tự sửa mình, răn mình để biến mình thành những *Lục Vân Tiên* của đời thực. Nhân vật *Lục Vân Tiên* có cốt cách kẻ sĩ, một nhà nho nhưng tính cách rõ ràng là của con người miền Nam Việt Nam, đặc sệt từ trong cách suy nghĩ, cách nói, cách hành động để bảo vệ con người, bảo vệ cuộc sống tự do, hạnh phúc. Chính *Lục Vân Tiên* là người anh hùng Nam Bộ Việt Nam đã xuất hiện trong bất kỳ giai đoạn nào của lịch sử dân tộc Việt Nam từ thời chống Pháp, chống Mỹ, đến những “hiệp sĩ đường phố” trong thời hiện đại. Và ở một khía cạnh nào đó, *Lục Vân Tiên* như là chốn an ủi ấm áp của tâm hồn. Mỗi khi số phận đau khổ, bơ vơ, lạc lõng, tủi phận của kiếp tha nhân người ta lại hát *Vân Tiên*.*

*Khát vọng được giải phóng con người. Người ta đã đọc văn tế bằng tình yêu đối với những con người vô tội đã chết! Người ta đã ngâm văn tế bằng nỗi đau khi thấy cách mà người nông dân nhỏ bé đã sống, đã yêu và chiến đấu! Người người ngâm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* và những bài văn tế khác của Nguyễn Đình Chiểu như một tiếng khóc hòa chung nỗi*

đau số phận con người. Chưa bao giờ các bài văn tế của Nguyễn Đình Chiểu được người đọc, người ngâm trong nỗi đau thống thiết như thế. Cách mà những người nông dân hành động đã tác động sâu xa đến con người, thức tỉnh lương tâm và tình yêu con người, thúc giục họ phải đứng lên giành lấy sự sống, giải phóng con người. Đó là khát vọng của trái tim Đồ Chiểu đã truyền đến tâm hồn dân tộc qua hình tượng văn học đẹp, sinh động và náo nùng qua những bài văn tế. “Súng giặc đất rền, lòng dân trời tỏ/Côi cút làm ăn, toan lo nghèo khó/Sống cũng đánh giặc, thác cũng đánh giặc... muôn kiếp nguyện trả thù kia...”.

Trái tim của Nguyễn Đình Chiểu đã bao lần nức nở qua những bài văn tế thống thiết, bi thương làm lay động bao trái tim độc giả. Trái tim của một con người luôn nâng niu cái đẹp của sự sống, nuôi dưỡng và tôn vinh những giá trị phẩm chất con người trong *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*. Trái tim của con người luôn vượt lên trên số phận chồng chất bất hạnh, đau thương để sống và chiến đấu cho số phận. Trái tim ấy làm sao không quặn quai đau thương khi cuộc sống con người bị hủy hoại! Như vậy, sự đóng góp lớn lao về tư tưởng nhân văn của Nguyễn Đình Chiểu đã vượt ra ngoài phạm vi của thể loại văn tế. Từ đó, yêu cầu giáo viên cần giúp học sinh thấy được vẻ đẹp nhân văn về số phận con người qua bức tượng đài bi tráng đẹp đến náo nùng. Và đến đây giáo viên sẽ chỉ cho học sinh thấy được ngôn ngữ trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu không khó hiểu mà giàu tính biểu tượng, giàu sức gợi mở vượt ra ngoài câu chữ của bài văn tế. Đến lúc này thì một vài từ ngữ điển tích cổ, một vài thổ ngữ địa phương sẽ không bao giờ có thể gây khó khăn được cho người đọc. Như vậy, giáo viên chỉ cần khơi gợi sự rung động với tác phẩm thì những yếu tố như khoảng cách thời đại, ngôn ngữ sẽ được học sinh giải mã dễ dàng.

c) Giáo viên cần thực sự đổi mới phương pháp dạy học phát huy năng lực nhận thức, năng lực thẩm mỹ cho học sinh

Về việc tổ chức dạy học phát huy năng lực đọc - hiểu, phát triển năng lực toàn diện cho học sinh qua các khâu tìm kiếm thông tin, thảo

luận nhóm, giáo viên cần tránh diễn giảng đơn điệu mà cần kết hợp khơi gợi và tổng kết một cách logic, cập nhật và đầy cảm hứng.

- Phần truyền cảm hứng của giáo viên mời gọi học sinh tìm hiểu tác phẩm bằng các hình ảnh, phim, video,... về tác giả, tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu.

- Phần đọc - hiểu, giáo viên cần giúp cho học sinh khám phá con người với vẻ đẹp toàn diện về triết học, đạo đức, văn hóa, nhân văn: con người đạo đức nhân nghĩa, con người với nét đẹp văn hóa, tôn vinh vẻ đẹp con người sử thi, số phận con người, khát vọng giải phóng con người, tôn vinh giá trị con người. Bên cạnh đọc nội dung, giáo viên cần tổ chức cho học sinh đọc - hiểu qua câu chữ, cô đọng và giàu sức gợi cảm vượt ra ngoài câu chữ của thể loại văn bản, đặc biệt là bài văn tế. Ví dụ như từ “côi cút” đã gợi biết bao nhiêu lớp nghĩa sâu kín về hoàn cảnh, thân phận, xót xa về số phận con người.

- Tổ chức cho các nhóm thảo luận báo cáo tranh luận. Giáo viên giao bài tập cho các nhóm. Học sinh có cùng lựa chọn sẽ về cùng nhóm: con người đạo đức, con người sử thi, số phận con người, tôn vinh các giá trị con người, con người nhân văn. Đại diện các nhóm thuyết trình, theo dõi tranh luận, phản biện, bổ sung.

- Giáo viên có thể hát hoặc cho học sinh xem video nghệ nhân hát Văn Tiên, bài đọc văn tế trong nghi lễ.

- Tổ chức cho học sinh viết cảm nhận về những nội dung các hoạt động thảo luận, đóng vai. Ví dụ:

+ Hãy viết đoạn văn cảm nhận về hình ảnh con người trong đoạn trích?

+ Hãy viết đoạn văn cảm nhận về sự khác biệt giữa hình thức diễn xướng *Lục Vân Tiên* và văn bản đọc sách giáo khoa?

- Tổ chức cho học sinh các nhóm thi hát Văn Tiên và các nhóm khác theo dõi đánh giá, nhận xét.

- Tổ chức chuyên đề hội thảo cấp trường về giới thiệu cuộc đời và những tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, sân khấu hóa về tác phẩm *Lục Vân Tiên*, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. Khuyến khích học sinh thuyết trình về truyện Nôm *Lục Vân Tiên*, *Văn tế Trương Định*, *Văn tế nghĩa sĩ*

trận vong lục tỉnh. Các sản phẩm hoạt động có thể mời học sinh toàn trường tham dự. Hình ảnh về các hoạt động của chuyên đề cần được quay lại và đăng trên trang fanpage của trường cho học sinh toàn trường xem để tạo tính lan tỏa.

d) Xây dựng bộ tư liệu dạy học có tính chất hệ thống về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn Nguyễn Đình Chiểu

Trong thời gian tới cần xây dựng bộ tư liệu về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn Nguyễn Đình Chiểu để giáo viên và học sinh các trường phổ thông tỉnh Bến Tre nói riêng, học sinh các trường phổ thông trên cả nước nói chung được tiếp cận, khai thác một cách dễ dàng, học tập hiệu quả. Những tư liệu quý được lưu trữ ở bảo tàng về Nguyễn Đình Chiểu ở huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, kết quả hữu ích qua các hội thảo cấp quốc gia, hội thảo quốc tế, video các nghệ nhân hát nói, ngâm, kể, diễn mang đậm chất diễn xướng dân gian là những tư liệu rất quý giá để phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy văn chương Nguyễn Đình Chiểu.

Kết luận

Thay vì dạy học tái hiện về nội dung kiến thức một cách áp đặt, đối với việc dạy - học văn chương Nguyễn Đình Chiểu, giáo viên cần phải triệt để tổ chức dạy - học theo nhu cầu nhận thức, hứng thú của học sinh. Việc dạy - học dựa trên thể loại và cảm hứng nhân văn cũng mở ra nhiều tư tưởng nhân văn tiến bộ gắn với con người thời hiện đại. Việc cung cấp cho học sinh những kiến thức nền về thể loại và các khái niệm cần thiết là chìa khóa để học sinh tự mở cánh cửa nghệ thuật của tác phẩm. Qua các hoạt động thuyết trình, thảo luận nhóm, đối thoại, tranh biện, đóng vai, học sinh được rèn luyện năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp, năng lực cảm thụ văn học, năng lực thẩm mỹ từ các hoạt động đọc viết, nói, nghe. Học sinh được tiếp nhận tác phẩm dựa vào sự hứng thú thì tác phẩm sẽ dễ đi vào và thấm sâu trong tâm hồn của học sinh. Nếu học sinh trở thành chủ thể tiếp nhận tác phẩm thì sẽ lan tỏa hết những giá trị và vẻ đẹp văn chương Nguyễn Đình Chiểu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Văn Đồng: “Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc”, in trong *Sách giáo khoa Ngữ văn 12*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006, t.1.
- [2] Nguyễn Đăng Hai: “Khái niệm chủ nghĩa nhân văn và chủ nghĩa nhân đạo trong khoa nghiên cứu văn học ở Việt Nam từ 1945 đến nay”, tạp chí *Khoa học*, Trường Đại học Cần Thơ, tháng 8/2015.

**DANH SÁCH CÁC THAM LUẬN
KHÔNG IN TRONG KỶ YẾU HỘI THẢO**

1

**TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
VÀ Ý NGHĨA TRONG GIÁO DỤC CON NGƯỜI
VIỆT NAM HIỆN NAY**

TS. MAI ĐIỀU ANH

2

**ĐẠO LÀM NGƯỜI TRONG TRUYỆN THƠ NÔM *LỤC VÂN TIÊN*
VÀ *NGƯ TIỂU Y THUẬT VẤN ĐÁP* CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
NHÌN TỪ MỐI QUAN HỆ VỚI VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG**

TS. HÀ MINH CHÂU

3

**TIẾP NHẬN THÊM ÁNH SÁNG
TỪ NGÔI SAO NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**

TS. VÕ PHÚC CHÂU

4

**GIÁ TRỊ VĂN HÓA VÀ TẦM ẢNH HƯỞNG
CÁC TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
ĐỐI VỚI ĐƯƠNG THỜI VÀ HÔM NAY**

NGUYỄN ĐÌNH CHÚC



**“ĐẠO” TRONG CÁC TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
(1822 - 1888)**

NGUYỄN CÔNG DANH



**TÌM HIỂU PHẬT GIÁO TRONG CUỘC ĐỜI
VÀ SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**

TS. ĐẶNG THỊ ĐÔNG (THÍCH NỮ VIÊN GIÁC)



**PHÁT TRIỂN DU DỊCH DANH NHÂN Ở BẾN TRE
QUA TRƯỜNG HỢP NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**

DƯƠNG TẤN GIÀU



**NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU VÀ SỰ MANH NHA
TRONG HÌNH DUNG VỀ DÂN TỘC**

ĐẶNG THỊ THÁI HÀ



**GIÁ TRỊ HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN TRUYỆN *LỤC VÂN TIÊN*
LƯU TRỮ TẠI VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM**

TS. PHAN THỊ THU HIỀN

10

**NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU VÀ THIÊN CHÚA GIÁO HAY SỰ ĐỐI MẶT
CỦA VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG VÀ PHƯƠNG TÂY Ở VIỆT NAM
CUỐI THẾ KỶ XIX**

TS. ĐỖ THU HIỀN

11

**CON NGƯỜI HÀNH ĐỘNG TRONG THƠ VĂN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
VÀ KIỀU NGUYỆT NGÀ ÂN TÌNH TRONG *LỤC VÂN TIÊN***

TS. LÊ TỪ HIỀN

12

NHÂN CÁCH VĂN HÓA CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

NCS. TÔN NỮ MINH HỒNG

13

**BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH DANH NHÂN
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU GẮN KẾT PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở BẾN TRE**

TS. ĐÀO VĨNH HỢP

14

**VỀ HIỆN TƯỢNG PHẬT GIÁO TRONG THƠ VĂN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
(TRƯỜNG HỢP *LỤC VÂN TIÊN* VÀ *DƯƠNG TỬ - HÀ MẬU*)**

TRẦN PHÚC KHANG

15

**TƯ TƯỞNG VÀ GIÁ TRỊ VỀ CON NGƯỜI
TRONG SỰ NGHIỆP CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**

TS. LÊ TRUNG KIÊN

16

**NHẬN DIỆN VÀ BẢO TỒN, PHÁT HUY DI TÍCH LIÊN QUAN
ĐẾN DANH NHÂN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
TRÊN ĐỊA BÀN THỪA THIÊN HUẾ**

NGUYỄN ĐỨC LỘC
ĐỖ MINH ĐIỀN

17

**NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU: NGUỒN LỰC ĐỂ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA**

ThS. LÊ VIỆT LIÊN

18

**NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU: NHÀ VĂN, NGƯỜI CHIẾN SĨ
TRÊN MẶT TRẬN VĂN HÓA TƯ TƯỞNG**

ThS. LÊ THỊ LÝ

19

**NHỮNG YẾU TỐ GÓP PHẦN HÌNH THÀNH GIÁ TRỊ NHÂN ĐẠO
VÀ LÒNG YÊU NƯỚC TRONG THƠ CA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**

ThS. NCS. NGÔ THỊ CẨM LIÊN

20

**KHAI THÁC MỘT SỐ DI SẢN LIÊN QUAN
ĐẾN NHÀ THƠ NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU ĐỂ PHÁT TRIỂN
DU LỊCH VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE**

ThS. NGUYỄN THỊ VIỆT NGÀ

21

**BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU VẤN ĐỀ TIẾP NHẬN TRUYỆN THƠ *LỤC VÂN TIÊN*
CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRÊN SÂN KHẤU CẢI LƯƠNG VIỆT NAM**

TS. ĐẶNG NGỌC NGÂN
NGUYỄN PHÚC HẬU

22

**THẾ TRẬN LÒNG DÂN TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA TRƯỞNG ĐỊNH
QUA VĂN TẾ VÀ THƠ ĐIẾU TRƯỞNG ĐỊNH CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**

TS. NGUYỄN PHÚC NGHIỆP

23

**NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ LỰA CHỌN NƠI Ở CUỐI ĐỜI
CỦA DANH NHÂN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TẠI VÙNG ĐẤT BA TRI**

ThS. NCS. ĐỖ CAO PHÚC

24

**LÝ TƯỞNG NHÂN NGHĨA TRONG MỘT SỐ TÁC PHẨM
CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**

ThS. BÙI THỊ HOÀNG PHÚC

25

**THƠ ĐIẾU, VĂN TẾ CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
NHÌN TỪ MỐI QUAN HỆ VĂN CHƯƠNG VÀ THỜI CUỘC**

LƯƠNG TRUNG PHƯƠNG

26

DI TÍCH CỦA LÒNG DÂN

THU THẢO

27

**TỔ HƯƠNG THỪA THIÊN HUẾ,
NƠI GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**

NGUYỄN THẾ

28

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU NHÌN TỪ CÁC KHÔNG GIAN ĐỊA LÝ

THIỆU QUANG THỊNH

29

**BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ QUẦN THỂ CÁC DI TÍCH
MỘ NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, MỘ ĐẠI THẦN PHAN THANH GIẢN
VÀ MỘ XỬ SĨ VÕ TRƯỜNG TOẢN GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

LƯƠNG CHÁNH TÔNG

30

**TÁC GIẢ, TÁC PHẨM VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA, NHÂN VĂN
TRONG THƠ CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**

(Dưới góc nhìn Ngôn ngữ học)

TS. TRẦN THỊ KIM TUYẾN

31

**DI SẢN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH
DANH NHÂN Ở BẾN TRE**

TS. NGUYỄN QUANG VINH

32

**“VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC” CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA**

ĐẶNG VĂN VŨ

33

VẤN ĐỀ NHÂN NGHĨA TRONG LỤC VÂN TIÊN

TRẦN THANH XUÂN

MỤC LỤC

	Trang
Lời Nhà xuất bản	5
Phần thứ tư	
NHÀ VĂN HÓA ĐƯỢC UNESCO GHI DANH	7
• Quan điểm thiện - ác trong tác phẩm <i>Lục Vân Tiên</i> của Nguyễn Đình Chiểu - nhìn từ thuyết lựa chọn duy lý	9
TS. LÊ THÚY AN	
• Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ phổ truyền đạo lý	22
ThS. Bảo pháp LỮ MINH CHÂU	
• Địa chí tỉnh và danh nhân văn hóa	34
PGS.TS. NGUYỄN THẾ DŨNG	
• Nhân cách sống Nguyễn Đình Chiểu với việc xây dựng nhân cách con người Việt Nam hiện nay	42
TS. CHỦ THỊ THU HÀ	
• Đối sánh hình tượng Lục Vân Tiên dưới nhãn quan của Nguyễn Đình Chiểu và “hiệp sĩ đường phố” ở Việt Nam với văn hóa phương Tây	67
PGS.TS. ĐÌNH HỒNG HẢI	
TS. PHẠM THỊ THỦY CHUNG	
• Lục Vân Tiên trong chính sách văn hóa của người Pháp ở Nam Bộ	80
TS. TRẦN ĐÌNH HẰNG	
• Quan niệm y đức trong <i>Ngư Tiều y thuật vấn đáp</i> của Nguyễn Đình Chiểu	97
PGS.TS. CAO THỊ HỒNG	
• Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu trong đời sống văn hóa dân tộc Việt Nam xưa và nay	112
PGS.TS. NGUYỄN XUÂN HỒNG	
ThS. NGUYỄN HỒ PHONG	

-
- Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) và đạo nhà: tiếp cận ý thức về bản sắc từ góc nhìn quy chiếu

TS. NGUYỄN VĂN HIỆU

125
 - Nhân luận Nguyễn Đình Chiểu qua nhân bản *Lục Vân Tiên* và nhân vị *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*

GS.TS. LÊ HỮU KHÓA

135
 - Vai trò của các tác phẩm Nôm của Nguyễn Đình Chiểu trong tìm hiểu quá trình hình thành phương ngữ Nam Bộ

TS. KONDO MIKA

143
 - Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu và những đóng góp cho sự phát triển của văn hóa dân tộc

GS.TS. TỪ THỊ LOAN

151
 - Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu trong tâm thức người dân Nam Bộ và vấn đề phát huy vai trò của Khu Di tích quốc gia đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu trong đời sống xã hội

PGS.TS. LÂM NHÂN

173
 - Tư tưởng Nho giáo trong truyện *Lục Vân Tiên* của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu

ThS. LÊ THỊ VƯƠNG NGUYỆT

189
 - Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), tiếp cận từ văn hóa học

PGS.TS. PHẠM LAN OANH

200
 - Sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu và những dấu ấn của đa tôn giáo thế kỷ XIX

TS. NGUYỄN THỊ MAI QUYÊN

214
 - Nguyễn Đình Chiểu: Nguồn cảm hứng sáng tạo nghệ thuật

PGS.TS. KIỀU TRUNG SƠN

229
 - Những tư tưởng thẩm mỹ của Nho giáo trong truyện *Lục Vân Tiên*

PGS.TS. SUNJIN (TÔN TIẾN)

249
 - Nguyễn Đình Chiểu và sự vận động của tư tưởng nhân nghĩa yêu nước

PGS.TS. VŨ THANH

257
 - Tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu - Dòng chung, dòng riêng trong dòng chảy tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

TS. BÙI THỊ THỦY

271

- Phát huy giá trị triết lý nhân sinh trong truyện thơ *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu 285
PGS.TS. LÊ THỊ BÍCH THỦY
- Quan điểm y đức của Nguyễn Đình Chiểu trong tác phẩm *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* 302
TS. NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG
- Truyện *Lục Vân Tiên* góp phần hoàn thiện bản sắc văn hóa người Việt ở Nam Bộ và những vấn đề đặt ra gắn với việc vinh danh nhà văn hóa Nguyễn Đình Chiểu ở tầm thế giới 313
ThS. ĐẶNG VĂN TUẤN
- Lịch sử tiếp nhận nhà văn hóa Nguyễn Đình Chiểu qua các lần tổ chức kỷ niệm vinh danh ở Việt Nam 329
ThS. TRẦN THÀNH TRUNG
- Nguyễn Đình Chiểu - Tác gia bách khoa thư Việt Nam giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX 347
TS. TRẦN VĂN TRỌNG
- Hình tượng Lục Vân Tiên và lối sống Nam Bộ trong cộng đồng Ấn kiều tại Việt Nam và người Ấn gốc Việt ở Ấn Độ 360
GS.TS. VENKAT REDDY KONATHAM
ThS.NCS. VÕ THÀNH TÂM
- Triết lý giáo dục dân gian trong Nói thơ Lục Vân Tiên 387
VÕ QUỐC VIỆT
- Một vài ý kiến góp phần phát huy tư tưởng, nhân cách của Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Đình Chiểu trong bối cảnh hội nhập quốc tế của Việt Nam trong Cộng đồng ASEAN 408
PGS.TS. PHAN THỊ HỒNG XUÂN

Phần thứ năm

BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY DI SẢN

CỦA DANH NHÂN VĂN HÓA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU 423

- Cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trong sách giáo khoa Quốc văn trung học ở miền Nam giai đoạn 1954 -1975 425
PGS.TS. TRẦN HOÀI ANH
- Ứng dụng công nghệ số trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu về Nguyễn Đình Chiểu 443
ThS. VĨNH QUỐC BẢO
ThS. NGUYỄN VĂN CƯ

-
- Ứng dụng các di sản của Nguyễn Đình Chiểu vào mô hình du lịch di sản sinh thái 451
GS. CHUNG HOÀNG CHƯƠNG
 - Bảo tồn, phát huy và kết nối hệ thống di sản liên quan đến Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu từ Cố đô Huế đến Bến Tre 465
TS. PHAN THANH HẢI
TS. TRẦN VĂN DŨNG
 - Sức sống thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn ở trường phổ thông trải qua các thời kỳ lịch sử 479
TS. NGUYỄN PHƯỚC HOÀNG
 - Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu với vùng đất Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định 495
ThS. PHẠM DƯƠNG MỸ THU HUYỀN
 - Giá trị văn hóa và hướng tiếp cận dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường phổ thông hiện nay 508
TS. VÕ THỊ NGỌC KIỀU
 - Truyền dạy Nói thơ Vân Tiên và tiềm năng đưa vào hoạt động ngoại khóa trong các trường quốc tế của Hàn Quốc tại Việt Nam 521
TS. KIMKYU
 - Du lịch văn học nghệ thuật gắn với bảo tồn và phát huy di sản Nguyễn Đình Chiểu: kinh nghiệm thế giới và gợi mở cho tỉnh Bến Tre 532
ThS.NCS. NGÔ HOÀNG ĐẠI LONG
TS. PHẠM MẠNH HÙNG
ThS. HUỲNH NHƯ AN
 - Chú trọng phát triển hơn nữa loại hình du lịch học tập danh nhân (Nghiên cứu trường hợp Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu) 545
TS. NGUYỄN VĂN LƯU
 - Bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa Nguyễn Đình Chiểu từ truyền dạy Nói thơ Vân Tiên 573
TS. PHẠM VĂN LUÂN
 - Ứng dụng truyền dạy Nói thơ Lục Vân Tiên trong dạy học tiếng Anh cho người Việt Nam và tiếng Việt cho người nước ngoài 596
ThS. JACK VICTOR GILBEY
PHẠM NGUYỄN KHÔI NGUYỄN
TRẦN ĐÔNG PHÚ

- Dấu ấn Nguyễn Đình Chiểu trong giảng dạy tiếng Việt tại miền Đông Bắc Thái Lan: thực trạng và giải pháp 613

ThS.NCS. PHATCHARAPHONG PHUBETPEERAWAT
ThS.NCS. JIRAYOOT SEEMUNG
ThS.NCS. NGUYỄN LƯU BÍCH TRÂM
- Dạy tiếng Việt qua truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu ở Đại học Osaka, Nhật Bản 633

GS.TS. SHIMIZU MASAOKI
- Phát triển du lịch danh nhân với phát huy giá trị di sản, di tích Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre 651

TS. NGUYỄN ĐỨC THẮNG
- Nghiên cứu bộ sưu tập về nhà thơ, nhà văn hóa Nguyễn Đình Chiểu tại một số thư viện 663

TS. NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM
ThS. NGUYỄN THỊ THÚY LIỄU
- Một số bàn luận về phát triển sản phẩm du lịch gắn với các di tích danh nhân văn hóa, lịch sử tại Việt Nam 674

PGS.TS. LÊ ANH TUẤN
- Giá trị Di tích quốc gia đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu trong định hướng phát triển du lịch di sản tỉnh Bến Tre 689

ThS. UÔNG THỊ CẨM VÂN
- Đổi mới phương pháp dạy và học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường phổ thông hiện nay (Khảo sát trường hợp tỉnh Bến Tre) 713

PGS.TS. PHẠM THU YẾN
NGUYỄN HỒNG LAN
- Danh sách các tham luận không in trong Kỷ yếu Hội thảo 727

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222, Email: suthat@nxbctqg.vn
Website: www.nxbctqg.org.vn, Sách điện tử: www.stbook.vn, www.thuviencoso.vn

Danh nhân
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ

II



MÃ ĐỊNH DANH
CUỐN SÁCH



SÁCH KHÔNG BÁN